LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

ĐẠI Ý TÁM GIÁO CỦA THIÊN THAI

SỐ 1930

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1930

ĐẠI Ý TÁM GIÁO CỦA THIÊN THAI

Sa-môn Quán Đảnh tông Thiên Thai Đời Tùy soạn.

Trước Phật, sau Phật, tự hành hóa người, rốt ráo ý chỉ ấy, đều là sự mầu nhiệm của tri kiến Phật, nhưng cơ duyên có nhiều phẩm khác nhau, ứng vật hiện hình, vì quyền thực thi, cho nên chia làm tám. Đốn tiệm, bí mật không nhất định về nghi thức giáo hóa, thí như phương thuốc, Tạng pháp giáo hóa của Thông giáo, Biệt giáo và Viên giáo thí như vị thuốc.

Nói đốn: Theo bộ mà có tên tức là Hoa Nghiêm Phật để lại dấu vết giáo hóa trần kiếp không thể lường được nhân quả thọ mạng gấp bội, cũng đâu thể ví dụ. Lại từ ngày nay một lúc giáng sinh gá vào Ma-Da, chủ bạn đều giúp cho Đại pháp. Thí như mặt trời mọc trước chiếu trên đỉnh núi cao, vì cơ không có trải qua nên gọi là đốn. Theo thứ lớp của ví dụ cho thí dụ đầu là vị sữa, cho nên kinh Niết-bàn chép: Phật xuất thế có mười hai bộ kinh, thí như bò sinh ra sữa.

Lại căn cơ Nhị thừa sinh nhưng chưa được sự giáo hóa lớn lao. Tuy lại ngồi tòa mà như điếc như mù. Lợi ích của hội đầu tiên đều không thấy nghe cũng gọi là sữa cho nên Ca-diếp lãnh hội giải rằng: Tức sai người bên cạnh mau đuổi bắt đem về, mê muội té xuống đất tức là thời thứ nhất. Kế từ vườn Nai cho đến Bát-nhã gọi là Tiệm giáo. Hàng Nhị thừa hoàn toàn sản sinh thuốc hay mà trị không tốt, chín hội bất động thoát diệu đắm thô, xuyên mặt trời, gá vào năm ấm nhận vợ sinh con, thị hiện thành đạo xoay bánh xe pháp Tứ đế sinh diệt ở vườn Nai, Tiểu thừa sinh niềm tin trước độ năm người, y cứ theo thứ lớp của ví dụ gọi là vị lạc cho nên Ca-diếp lãnh hội giải thích: Thầm sai hai người phương

tiện đến gần. Cho nên kinh Niết-bàn chép: Từ mười hai bộ kinh phát sinh tu-đa-la. Thí như từ sữa mà sinh lạc, tức là thời thứ hai. Kế nói Đại thừa Phương Đẳng, Bảo Tích Tịnh Danh, ủng hộ Viên giáo, khen ngợi Đại thừa, chê Tiểu thừa trách nghiêng về lòng từ của mình, làm bại muôn thứ, y theo thứ tự của ví dụ gọi là vị của bơ sống, cho nên kinh Niết-bàn nói: Từ Tu-Đa-la là phát sinh Phương Đẳng, thí dụ từ lạc mà sinh ra bơ sống. Bởi thế, Ca-diếp lãnh hội giải: Quá là tâm sau tướng thể tin ra vào không khó, những điều ấy chỉ còn ở bổn xứ, tức là vị thứ ba.

Kế nói các bộ Bát-nhã chuyển giáo phó tài, tuy đào thải chung, y theo thứ lớp của thí dụ gọi là vị bơ chín. Cho nên Ca-diếp lãnh hội giải: Trưởng giả tự biết mình không bao lâu nữa sẽ chết tức là vị thứ tư.

Bốn vị này đối đốn mà gọi là tiệm Pháp Hoa và Niết-bàn không nhiếp đốn tiệm, trước quy về lãnh hội Phật thừa, y theo thứ tự ví dụ gọi là vị đề hồ, cho nên kinh Niết-bàn chép: Từ Ma-ha Bát-nhã sinh ra Đại Niết-bàn hợp với Pháp Hoa, thí dụ từ bơ chín sinh ra vị đề hồ, cho nên Ca-diếp lãnh giải. Lúc sắp qua đời liền bảo những người con của mình tức là vị thứ năm.

Còn sáu giáo ở trong tiệm đốn, nghe giống nghe khác đều không biết nhau nên gọi là Bí mật giáo, nghe giống nghe khác cả hai biết nhau gọi là Bất định giáo. Bí mật, bất định gọi là pháp hạ, chỉ là chứa Thông giáo, Biệt giáo và Viên giáo hợp cơ với thời Phật. Một âm mà hiểu khác, theo hóa nghi đại phán lại được hai tên gọi. Lược nói nghĩa bốn giáo của hoá nghi, kế nói chứa bốn giáo của Thông giáo, Biệt giáo; Thông giáo, cũng ở trong hai vị đốn tiệm. Viên giáo của Hoa Nghiêm đốn đều khác. Mười hai năm đầu nói giới, định, tuệ đều thuộc tiểu, chỉ cho Ba tạng giáo. Mười hai năm sau Đại Tập, Bảo Tích, Lăng-già. Tư-Ích, Tịnh Danh, Kim Quang Minh trước Bát-nhã, trừ Bát-nhã ra đều thuộc Phương Đẳng, đối Bán nói Mãn có bốn giáo, các bộ Bát-nhã, dính Bán nói Mãn có Thông giáo, Biệt giáo và Viên giáo nhưng không có Ba tạng giáo.

Pháp Hoa cuối cùng, không có ba, chỉ có một Viên giáo, Niết-bàn sau cuối, thường nói bốn giáo đồng thời biết lý viên mãn, cho nên hai kinh đều là vị đề hồ.

- Thứ nhất: Nói Ba tạng giáo: Nhưng đối với Pháp Hoa và luận Đại Trí Độ nói, đối chiếu phân tích Tiểu thừa mà được tên gọi này.

Luận rằng: Ca-chiên-diên Tử vì thông minh lợi căn, nói nghĩa Ba Tạng trong Bà-sa. Không độc diễn kinh, chẳng phải là Đại Bồ-tát, phá rộng sáu Độ ba kỳ, nghĩa quyền kiến lập diễn môn, quán hạnh của

ba Đại thừa về Biệt giáo, Thông giáo và Viên giáo, cho là bốn A-hàm là tạng tu-đa-la, Câu-xá, Bà-sa tức là A-tỳ-đàm tạng, năm bộ Tỳ-ni tức là giới tạng. Ba Tạng này người Ba thừa cần phải ngăn ngừa thân miệng. Kinh thường nói về định, luận thì nghiêng về tuệ. Người Thanh văn quán Tứ đế, Duyên giác quán mười hai nhân duyên, Bồ-tát tu sáu Độ, Nhị thừa thì tự điều phục, tự độ, Bồ-tát dùng hoằng thệ và nhổ cái nhân tuy nhỏ mà đều phân tách thật ấm mà trở về đãn không, giai vị của Thanh văn đối với bảy hiền, bảy Thánh khác nhau, trồng phước đến ba đời sáu mươi kiếp.

- Kế nói về Chi-phật:

Chi-phật, Hán dịch là Duyên giác. Nếu sinh vào đời không có Phật, thấy hoa rơi lá rụng liền đốn ngộ. Chi-phật gọi là Độc giác sinh vào đời Phật nghe nói mười hai nhân duyên đốn ngộ Chi-phật, gọi là Duyên giác.

Đồng thời phước dầy, căn lợi, nghĩa là bốn đời một trăm kiếp tu nhân.

- Ba nói về Bồ-tát thừa:

Từ lúc mới phát tâm duyên Tứ đế sinh diệt, phát bốn thệ nguyện rộng lớn.

1) Người chưa độ giúp cho họ được độ, tức là chúng sinh vô biên thệ nguyện độ, nghĩa là độ ma trời ngoại đạo, chúng sinh trong sáu đường có ái kiến. Đây là duyên với cảnh khổ đế mà phát tâm.

2) Người chưa tỏ ngộ giúp cho họ tỏ ngộ, tức là phiền não vô tận thệ nguyện dứt, chúng sinh trong sáu đường, ái kiến, hai mươi lăm hữu, kiến hoặc tư hoặc làm cho giải thoát, tức là duyên vào tập đế mà phát tâm.

3) Người chưa an làm cho được an: Nghĩa là pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Nghĩa là làm cho chúng sinh ái kiến trong sáu đường biết ba mươi bảy phẩm trợ đạo để tự an. Đây là duyên theo Đạo đế để phát tâm.

4) Người chưa đắc Niết-bàn làm cho họ được Niết-bàn: Tức là Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Đây là làm cho chúng sinh ái kiến trong sáu đường diệt hai mươi lăm hữu nhân quả, chứng lý diệt đế. Đây là y theo cảnh diệt đế mà phát tâm. Đã phát tâm tu hành nguyện hạnh chân chánh, tức là ba kỳ, trăm kiếp tu sáu Độ. Từ lúc gặp Phật Thích-ca đến Kế-na-thi-khí gọi là sơ tăng-kỳ, từ đây thường lìa thân người nữ, cũng không tự biết mình sẽ thành Phật, tức là giai vị ngoại phàm năm dừng tâm, niệm xứ chung riêng. Từ Phật Thi-khí đến Phật

Nhiên Đăng, dâng bảy cành sen cúng dường, được Phật Nhiên Đăng thọ ký sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca. Bấy giờ, tự biết mình sẽ thành Phật nhưng chưa nói cho người biết gọi là hai tăng-kỳ. Đây là pháp noãn tu sáu Độ, kế từ Phật Nhiên Đăng đến Phật Tỳ-bà-sa là ba tăng-kỳ, cũng biết mình sẽ thành Phật và cũng nói cho người biết, đây là giai vị Đảnh pháp, tu sáu Độ. Nếu quá ba kỳ trăm kiếp, trồng cội phước, ba mươi hai tướng, trăm phước thành một tướng. Phước là nhân tướng nghĩa của phước rất rộng, khó phán định được. Đối với thân nam ở Nam châu lúc Phật ra đời, vì duyên với thân tướng được Phật cho nên được trồng cội phước là: Luân vương ở bốn Thiên hạ tự tại là một phước.

Có chỗ nói như Đế-thích ở hai thiên hạ tự tại là một phước.

Có chỗ nói: Đại thiên người mù trị sai là một phước, có chỗ nói: Tất cả mọi người phá giới có thể nói pháp để cho bỏ cấm giới là một phước.

Lại nói: Không thể thí dụ chỉ có Phật mới biết được, vào ba tăng-kỳ vì tu hành đại hạnh cho nên phước khó lường.

Hỏi: Trồng ba mươi hai nhân tướng trong bao lâu?

Đáp: Chậm nhất là một trăm kiếp, nhanh nhất là chín mươi mốt kiếp, cho nên Phật Phất-sa xem thấy đệ tử của Đức Thích-ca căn cơ thuần thục nên phải độ trước, trong hang báu phát ra ánh sáng chiếu xa. Bồ-tát tìm ánh sáng đến chỗ Phật Phất-sa, bảy ngày bảy đêm nhất tâm quán Phật, mắt không tạm rời, khen ngợi khổ hạnh, nên chứng trước Di-lặc chín kiếp, tu hành sáu Độ, đều có lúc mãn, hễ có bố thí thì không ngăn ngại. Như vua Thi-tỳ thay chim bồ câu là đàn viên Mãn, như vua Tu-đà-ma bỏ nước được kệ hộ trì lời không dối ấy là Thi-la viên Mãn. Như vị tiên Sằn-đề bị vua Ca-lợi chặt tay chân ra từng khúc mà không sân hận, thân thể bình phục ấy là nhẫn nhục viên mãn. Như Thái tử Đại Thí giúp cho các chúng sinh ra biển tìm châu, khi được châu, thần biển nhìn thấy Thái tử nằm ngủ liền giấu viên ngọc. Lúc Thái tử thức dậy, thệ nguyện đem thân này làm cho biển cạn, Thiên Đế đều thấy, các vị trời trợ giúp nên nước biển cạn hết phân nửa, cho đến đừng một chân trong bảy ngày dùng kệ khen ngợi Phật Phất-Sa là tinh tấn viên mãn. Còn như vị tiên Xà-lê nhập định chim đến làm tổ trên tóc, đợi chim kia bay đi mới xuất định, ấy gọi là Thiền Mãn như Đại Thần Cù-tần chia Diêm-phù-đề làm bảy phần, dứt cựu thù tranh đấu của nước gọi là Bát-nhã viên mãn. Đây là xong trăm kiếp trước đồng giai vị hạ nhẫn.

Kế nhập bổ xứ sinh Đâu-suất: Gá thai mẹ, sinh ra, xuất gia hàng phục các ma oán, quân ma thối tán rồi, an tọa trụ thiền tức là thành tựu

Trung nhẫn. Kế một sát-na nhập thượng nhẫn, kế một sát-na nhập thế đệ nhất. Kế một sát-na phát chân vô lậu, ba mươi bốn tâm dứt hoặc chứng quả, mười lực vô úy đều thành tựu gọi là Phật, xoay bánh xe pháp duyên hết nhập diệt, Xá-lợi trụ thế mở rộng ruộng phước cho trời người, đây là tướng Ba tạng Ba thừa.

Hỏi: Vì sao Nhị thừa ngay đời này dứt kết sử, Bồ-tát từ khi mới phát tâm cho đến hàng phục quân ma vẫn chưa dứt kết sử ư ?

Đáp: Nhị thừa nhàm chán sinh tử, vì tự cầu Niết-bàn cho nên trước dứt kết sử. Bồ-tát dùng Từ bi trước vì người, sau vì mình, dù cho nhân lúc dứt tư hoặc chưa được vô lậu, lực yếu, từ nguyên ý ấy cũng gọi là chưa đoạn.

Hỏi: Ba thừa tu hành đầy đủ mấy pháp ?

Đáp: Đại thừa soạn luận đều dùng mười pháp môn để thông. Có bốn tùy theo đó mà nhập đều như vậy. Nay theo hữu môn nói sơ lược mười nghĩa.

1. Cảnh sở quán: Biết nhân duyên vô minh sinh ra tất cả pháp.

Cho nên Đại luận chép: Sắc hoặc thô hoặc tế đều quán chung. Vô thường, vô ngã là điên đảo như A-tỳ-đàm có nói, không giống với ngoại đạo, tính tánh thế vi trần cho đến tự nhiên.

2. Phát tâm chân chánh:

Đã biết vô minh cho đến già chết chính là cầu Niết-bàn phát tâm ba thừa, ra khỏi ái kiến không cần danh lợi, chỉ có chí chẳng khác.

3. Vâng theo định tuệ:

Đã thệ cầu ra khỏi khổ, nương vào giới, trụ tu đạo, nhưng con đường chướng ngại đều được chế phục, là tu bốn Niệm xứ, học năm dừng tâm, phá năm loại chướng gọi là Đình, quán sự gọi là định, niệm xứ gọi là tuệ. Tuệ và định đều dừng nên gọi là an nhẫn.

4. Phá pháp biến:

Làm cho thấy có đắc đạo, dùng các tuệ biến như vô thường để phá kiến ái.

5. Biết thông bít:

Tuy thấy biết là lỗi nhưng chưa thấy đức ấy, lỗi tức là bít, đức là thông. Thông là đạo diệt, vô minh diệt và sáu Độ bít tức là tập nhân duyên sinh, cho đến sáu tệ phải xem xét là thông cần phải hộ, bít thì phải phá.

6. Đạo phẩm điều thích:

Đã biết thông bít, tiến tu đạo phẩm, nghĩa là quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã, siêng tu niệm

xứ gọi là bốn Chánh cần, tu trong tâm định gọi là bốn Như ý túc, gốc lành sinh gọi là năm căn, căn thêm vững chắc gọi là năm lực, định tuệ điều đình gọi là bảy Giác chi, thực hành an ổn trong đạo gọi là tám Chánh đạo. Nếu một đình làm ba mươi bảy phẩm, còn đình tâm cũng giống như thế. Ba mươi bảy phẩm này là pháp hành đạo, sẽ vào thành vô lậu có ba cửa, nghĩa là không, vô tướng, vô tác. Khổ đến hai hành không vô ngã là không môn, diệt xuống có bốn là môn, là vô tướng. Nên biết Ba thừa đều nương vào đế.

7. Tu đối trị:

Nếu người lợi căn thì nhập, hạ căn không vào, cần phải tu trợ đạo cho nên luận chép: Tâm tham dục khởi lên phải tu bất tịnh và bối xả làm trợ đạo, quán vô thường quy chân làm chánh.

8. Biết thứ vị:

Tuy tu các pháp chánh trợ rõ biết, chân giống như bậc thang khác nhau làm cho không còn thượng mạn.

9. Khéo tu an nhẫn:

Tu bốn Niệm xứ vào pháp Noãn, giống như khói đạo sinh. Nếu không an nhẫn thì không đưa đến vị noãn đảnh. Pháp đảnh thối là năm tội nghịch, noãn thối là nhất-xiển-đề, sau nhẫn thế đệ nhất là nhập chân vô lậu, vì an nhẫn được các chướng trong ngoài.

10. Vô pháp ái:

Là thượng an nhẫn tiến nhanh ngoại phàm nhập vào nội phàm, làm cho không có một pháp ái nào nhanh chóng vào địa vị nội phàm và nhập kiến đế, dứt kiến hoặc, hoặc siêu việt, hoặc thứ lớp đắc thành Vô học.

Người lợi căn nhanh chóng được nhập, kẻ độn căn phải đầy đủ đến mười pháp này.

Trong A-tỳ-đàm nói tuy rộng nhưng không ngoài mười ý này, gọi là mười pháp thành thừa. Hữu môn đã vậy, không môn vừa hữu vừa không môn, phi hữu phi không môn cũng như thế, như Đại Bổn Ba Tạng giáo có nói rộng. Kế nói về thông giáo.

Thông: Là đồng.

Ba thừa giáo này nhân quả đại đồng nên gọi là Thông giáo. Bởi vậy kinh nói: Muốn đắc Ba thừa phải học Bát-nhã.

Luận chép: Thanh văn và Duyên giác giải thoát Niết-bàn đều từ Bát-nhã.

Ba người cùng thực hành Thập địa, ba người đồng dứt kiến hoặc và tư hoặc gọi là trước không có bảy hiền, sau không có Đẳng giác,

Diệu giác. Sở chứng tuy đồng Ba tạng nhưng pháp quán vụng khéo có khác. Thể ấm của Thông giáo chân nên gọi là xảo, Ba tạng tách ấm mới chân gọi vụng tức là xảo vụng giới nội đối nhau. Đối nhau tuy như vậy, nhưng ở đây bỏ ba giáo đều thuộc về Đại thừa. Đại tên tuy đồng hoặc địa hoặc hạnh, danh số nhiều ít, sâu cạn có khác nhau.

1. Sơ Càn tuệ địa là ngoại phàm, thể ấm giới nhập như huyễn như hóa, đều hàng phục kiến ái tám đạo gọi là bốn niệm quán. Trụ là trong quán tu bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm căn, năm lực, bảy Giác chi, tám thánh đạo. Tuy chưa đắc pháp Noãn, tương tợ nước lý. Tổng tướng trí tuệ sâu lợi nên gọi là Càn tuệ địa.

2. Tánh địa: Đắc pháp Noãn tâm thấm nhuần nước lý, tăng tiến Đảnh, Nhẫn và Thế đệ nhất, thấy tánh vô lậu đều gọi là Tánh địa, tức là nội phàm.

3. Bát Nhân địa.

4. Kiến địa:

Hai địa này không quán ra vào, cùng dứt kiến hoặc, phát chân vô lậu, thấy lý của đế tức là Sơ quả.

Tám nhân: Là tám nhẫn, tức là mười sáu tâm vô lậu, cũng gọi là tám trí. Trí thiếu một phần văn lược, theo nhân nên nói là tám nhân.

5. Bạc Địa. Thể phá sáu phẩm tư hoặc cõi dục nên gọi là Bạc. Tức là quả Tư-đà-hàm.

6. Lìa dục dứt chín phẩm Dục không đến cõi Dục: Tức là quả a-na-hàm, nên nói là lìa dục.

7. Dĩ Biện địa:

Ba thừa tiến dứt bảy mươi hai phẩm tư hoặc ở cõi dục và cõi vô sắc tức là quả La-hán, gọi là dĩ biện (làm xong), Thanh văn thực hành cùng tột.

8. Chí Phật địa:

Tuy cùng dứt kiến hoặc tư hoặc, phước dầy căn lợi, dứt trừ tập khí.

9. Bồ-tát Địa:

Từ mới phát tâm duyên với tứ đế vô sinh, phát tâm Bồ-đề đến địa thứ sáu, thứ bảy, từ không vào giả, giả là hóa đạo. Không là quán không. Đạo và quán đều giúp thệ nguyện, giúp tập khí sinh lại trong ba cõi, dùng trì đạo chủng, thần thông du hý thanh tịnh cõi nước Phật, hoặc thành tựu chúng sinh, căn cơ ba thừa thuần thục, tức ngồi đạo tràng, dùng một niệm tương ưng với trí tuệ, dứt trừ tập khí và vô minh giới nội, đắc trí nhất thiết chủng gọi là Phật địa thứ mười, xoay bánh xe pháp tứ

đế vô sinh, hoá độ chúng sinh nhập Niết-bàn vô dư như củi hết lửa tắt không còn tro than, voi đầu đàn qua sông đến cuối bờ, nên kinh chép: Tánh tướng chân thật của các pháp người ba thừa đắc mà không gọi là Phật. Ba thừa quán hạnh cũng có bốn môn. Nay y cứ bốn môn nói mười pháp thành thừa.

1. Nói về quán cảnh:

Là ấm, nhập trong sáu đường, năng quán và sở quán như huyễn như hóa.

2. Phát tâm Nhị thừa Duyên giác, tự hành chân chánh:

Bồ-tát thể huyễn đem niềm vui đến và dứt khổ cho chúng sinh thí như bóng trong gương.

3. An tâm định tuệ:

Tuy chỉ quán đều không như hư không mà an trụ vào hai pháp.

4. Phá pháp biến dùng tuệ huyễn hóa:

Phá huyễn hóa kiến hoặc và tư hoặc.

5. Biết thông bít:

Tuy biết khổ tập mười hai duyên sinh và sáu Độ, so sánh cặn kẽ đều như huyễn như hóa.

6. Đạo phẩm đều thích:

Dùng tâm không thật có tu ba mươi bảy phẩm.

7. Đối trị:

Thể Ba tạng pháp vô thường, khổ, không như huyễn mà trị.

8. Biết thứ vị:

Hiểu rõ Càn tuệ địa đồng với nhân quả Thập địa. Ba người khác đường mà không sai lầm.

9. Làm cho an nhẫn Càn tuệ, các chướng nội phàm ngoại phàm mà vào Tánh địa.

10. Làm cho tánh địa nội phàm không mê đắm tương tợ pháp ái mà nhập bất nhân, kiến địa chứng chân, ngoài ra ba môn cũng thế, mở rộng như Đại bổn Thông giáo xong.

3) Nói về Biệt giáo:

Đây y cứ vào giới ngoại chỉ cho pháp của Bồ-tát. Giáo lý trí đoạn hành vị nhân quả khác với hai giáo trước, khác với Viên giáo sau cho nên gọi là Biệt.

Kinh Niết-bàn chép: Tứ đế nhân duyên có vô lượng tướng, người Thanh văn không thể biết được. Các kinh Đại thừa nói rộng về Bồ-tát trải qua nhiều kiếp tu hành, hạnh vị thứ lớp nhiếp nhau hay không nhiếp đều là giáo này. Kinh Hoa Nghiêm nói Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi

hướng là Hiền, Thập địa là Thánh, Diệu giác là Phật. Kinh Anh Lạc nói rõ năm mươi hai vị thêm Thập tín ở trước. Kinh Nhân Vương không luận là Đẳng giác, chỉ năm mươi hai vị.

Kinh Kim Quang Minh chỉ nêu Thập địa, thập quả. Kinh Thắng Thiên Vương chỉ nói Thập địa.

Kinh Niết-bàn nói năm hạnh mười công đức đã là hạnh vị Bồ-tát giới ngoại, tùy theo căn cơ mà được lợi ích, há được nói nhất định.

Nay theo kinh Anh Lạc nói chung bảy vị.

1. Thập tín.
2. Thập trụ.
3. Thập Hạnh.
4. Thập hồi hướng.
5. Thập địa.
6. Đẳng giác.
7. Diệu giác.

1. Thập tín:

Trong mười tâm lấy tín làm gốc nên nói là Thập tín.

Mười tâm gồm:

1. Tín.
2. Niệm.
3. Tinh tấn.
4. Tuệ.
5. Định.
6. Bất thoái.
7. Hồi hướng.
8. Hộ pháp.
9. Giới.
10. Nguyện.

Tức là giai vị phục nhẫn ngoại phàm. Trụ hạnh hồi hướng là giai vị nhu thuận nhẫn nội phàm.

2. Thập trụ:

Tức là tập chủng tánh. Từ Tín nhập vào Trụ, từ giả nhập không, dứt kiến tư hoặc giới nội cho nên nói là Tập chủng. Thập trụ gồm:

1. Phát tâm.
2. Trì địa.
3. Tu hành.
4. Sinh quý.

5. Phương tiện cụ túc.
6. Chánh tâm.
7. Bất thoái.
8. Đồng chân.
9. Pháp vương tử.
10. Quán đảnh.

3. Thập hạnh:

Là tánh chủng tánh. Từ Thập trụ không tánh nhập vào Thập hạnh giả tánh gọi là Tánh chủng tánh.

Thập hạnh gồm:

1. Hoan hỷ.
2. Nhiêu ích.
3. Vô sân hận.
4. Vô tận.
5. Ly si loạn.
6. Thiện hiện.
7. Vô Trước.
8. Tôn Trọng.
9. Thiện Pháp.
10. Chân thật.

4. Thập hồi hướng:

Là đạo chủng tánh tu Trung đạo quán hàng phục hoặc giới ngoại nên gọi là Đạo chủng.

Thập hồi hướng gồm:

1. Cứu hộ chúng sinh.
2. Bất hoại.
3. Đẳng nhất thiết chư Phật.
4. Biến chí nhất thiết xứ.
5. Vô tận công đức tạng.
6. Tùy thuận nhất thiết kiên cố Bình Đẳng thiện căn.
7. Đẳng quán nhất thiết chúng sinh.
8. Chân như tướng.
9. Vô phược vô trước giải thoát.
10. Nhập pháp giới vô lượng.

5. Thập địa:

Là thánh chủng tánh, chứng Trung đạo quán nên gọi là Thánh Thập địa gồm:

1. Hoan hỷ.
2. Ly cấu.
3. Minh địa.
4. Diệm địa.
5. Nan Thắng.
6. Hiện Tiền.
7. Viễn Hành.
8. Bất Động.
9. Thiện tuệ.
10. Pháp Vân.

Mười địa này phá mười phẩm vô minh giới ngoại. Lại phá một phẩm nhập vào Đẳng giác. Lại phá một phẩm nhập vào Diệu giác. Từ đầu đến cuối chỉ phá mười hai phẩm vô minh mới đồng với hạnh thứ hai của Viên giáo. Lấy nhân của ta làm quả của ông, quyền vị của giáo cao, thí như phương bên cạnh chưa vắng lặng. Địa vị cao cốt yếu định chức tước, nói về công thì quan ấy thấp. Giáo này duyên với Tứ đế vô lượng phát tâm Bồ-đề. Khổ tập diệt đạo, đều có vô lượng tướng. Nếu nói về tự hành tùy theo một môn thẳng nhập hóa tha, cuối cùng phá ngang nên Thập trụ tự hành, từ giả vào không. Dùng sinh vô sinh quán sáu cõi không, thập hạnh vào giả, tập hợp rộng mười sáu môn, biết mười giới giả, hồi hướng hậu tâm diệt, chín cõi giả, chứng địa tiền trong cõi Phật.

Duyên tu hai quán trải qua vô lượng kiếp làm phương tiện Trung đạo chứng địa Tam quán hiện tiền, không hai không khác với sơ trụ của Viên giáo, gọi là Chứng đạo.

Nếu có thích hợp nghe địa thượng trải qua sự khác nhau cũng là một địa, không biết nói hai địa cho nên được các kinh Đại thừa hoặc nếu bảy thức bảy địa còn ở trong giai vị phương tiện.

Đây chính là hoàn toàn y cứ vào giáo khác nhau. Duyên tu địa, trước đối chiếu địa nên gọi là Giáo đạo. Lại y cứ hữu môn trong bốn môn tự hành tu mười pháp thành quán.

1. Trước nêu cảnh: Duyên với cảnh diệu hữu Trung đạo Đăng địa nhưng bị hạn cục sinh ra biểu không, hữu.

2. Phát tâm:

Duyên với diệu hữu này mà khởi bốn thệ nguyện rộng lớn.

Nên kinh Hoa Nghiêm chép: Bồ-tát không phải vì một người, một

nước, một cõi người đông như bụi cát, mà là vì chúng sinh khắp pháp giới mà phát tâm Bồ-đề.

3. An tâm: Đã phát tâm rồi, an tâm tiến hành, tu các định tuệ, định thích tuệ sách tấn.

4. Phá pháp biến: Dùng tuệ diệu hữu khắp phá không và hữu.

5. Biết thông bít: Ba quán thứ lớp là thông, kiến tư hoặc, trần sa, vô minh là bít, truyền truyền xem xét là bít làm cho thông.

6. Đạo phẩm đều thích:

Ba mươi bảy phẩm là ngọn đuốc Đà-la-ni báu của Bồ-tát. Niệm xứ phá đảo, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc có thể sinh ra năm căn, năm lực nhất định thêm lớn bảy Giác chi và tám Chánh đạo. Định tuệ đều bình đẳng nhập vào môn ba giải thoát, chứng trung vô lậu.

7. Đối trị giúp khai:

Dùng tạng thông ở trước giúp khai diệu hữu thật tướng Trung đạo.

8. Biết thứ lớp:

Khéo léo đạt đến bảy vị không thể cho ta là thượng thánh.

9. An nhẫn:

Sách tấn Thập tín vị, nhân nhập vào Thập trụ để xa lìa hai giặc thuận nghịch, mạnh yếu.

10. Vô pháp ái:

Sách tấn ba mươi tâm làm cho nhập vào Thập địa. Nếu pháp ái tương tợ gọi là Đảnh đoạ, ba môn còn lại cũng như thế.

Rộng như Đại Bổn, Biệt giáo đã xong. Kế nói sơ lược về Viên giáo:

Viên là viên diệu.

Pháp giới của Hoa Nghiêm rộng lớn, Tịnh Danh nhập pháp môn không hai. Bát-nhã tối thượng thừa, Niết-bàn một tâm năm hạnh, v.v... đều là pháp viên diệu. Đây là một lý của viên diệu không có khác, gồm cả bán mãn. Quyền che lấp thật, chỉ thú còn ẩn. Nay từ ý Phật gom quyền về thật, hiển bày cương yếu của viên thì dùng phẩm cuối Phân biệt công đức của kinh Pháp Hoa, nói rõ bổn tích lưu thông sau khi Như Lai diệt độ. Năm phẩm văn kinh chuyển nói khởi quán hạnh thành, cho là đầu tiên đặt tâm ở phàm địa.

Kinh nói: Sau khi Như Lai diệt độ nếu có người nghe kinh này mà không hủy báng, mà khởi tâm tùy hỷ, theo sự lãnh hội mà ra khỏi xóm làng thôn ấp tùy sức giảng nói cho cha mẹ tôn thân. Như thế dần dần đến người thứ năm mươi nghe mà tùy hỷ. Phước ấy hợp bốn trăm muôn

ức na-do-tha Hằng ha sa chúng sinh làm cho đắc quả La-hán, trăm ngàn ức phần không bằng một phần của họ. Chính là phẩm sơ Tùy hỷ.

Kinh nói: Huống là người thọ trì, đọc tụng, tức là phẩm thứ hai.

Kinh chép: Nếu có người nào thọ trì, đọc tụng và giảng nói cho người nghe tức là phẩm thứ ba. Kinh nói: Huống lại có người thọ trì kinh này gồm bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ và thực hành sáu Độ tức là phẩm thứ tư.

Kinh nói: Nếu người đọc tụng và nói cho người khác biết, lại trì giới nhẫn nhục, không tức giận, tinh tấn mạnh mẽ, được các định trí tuệ rất sâu.

Hỏi đáp chính là thực hành đủ sáu Độ là phẩm thứ năm.

Phẩm đầu mới so sánh không thể lường. Còn bốn phẩm phàm phu thấp kém không biết được. Lược như văn kinh không thể nói đủ. Trước nói về tùy hỷ: Tùy hỷ là pháp mầu. Pháp: Là tâm pháp và sinh Phật pháp.

Pháp này là tâm, tâm này là pháp, cả ba không khác nhau. Phàm Thánh như một, tức là thật tướng. Thật tướng trùm khắp trăm cõi Tam thiên, trăm cõi Tam thiên đều là thật tướng. Cho nên kinh nói: Thật tướng các pháp tức là chỉ pháp quyền thật của chư Phật. Cái gọi là tánh, tướng, thể, lực như vậy tức là trăm cõi Tam thiên.

Thể của diệu tâm đầy đủ không ngoài tâm, giống như thể của kim loại đầy đủ các khí cụ không ngoài kim loại. Cho nên gọi cụ tâm là diệu, Diệu tâm là cảnh, diệu trí là quán. Quán và cảnh không hai, hay chiếu hay ngăn, nói cảnh là đủ ba đế.

Cụ tâm là cảnh không chân đế. Cụ tâm là cảnh giả tục đế. Cụ tâm là trung, trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Biết chân tức không quán, biết tục là giả quán. Biết trung là trung quán. Cảnh thường vô tướng, thường trí vô duyên. Vô duyên mà duyên đều là ba quán vô tướng mà tướng là ba quán rõ ràng.

Sơ tâm biết mình vui người vui, gọi là tùy hỷ, tức là người thứ năm mươi.

Mới nghe nói tức là đầu của năm phẩm, quán tâm không xen hở cho nên có khác.

Trong mỗi phẩm vì lấy năm hối làm gốc, Di-lặc nhân lúc không tu khổ hạnh chỉ tu năm hối, ngày đêm sáu thời không bỏ, chốc lát thành Đẳng Chánh giác.

Kế dùng viên giải quán tâm tu hành năm hối. Lại đọc tụng, khéo nói diệu nghĩa, tương hội với tâm như dầu giúp lửa. Bấy giờ tâm quán

càng rõ gọi là phẩm thứ hai.

Kế dùng tăng phẩm thắng tâm tu hành năm hối. Lại nói pháp dần dần hiểu được bên trong, dẫn dắt làm lợi ích cho người trước. Vì cứu giúp rộng khắp, công giáo hóa quy về mình, tâm gấp bội hơn trước gọi là phẩm thứ ba.

Kế tăng tiến tâm tu hành năm hối.

Bên cạnh thực hạnh sáu Độ nhờ năng lực phước đức cho nên trợ gấp bội quán tâm lại một lớp, tiến sâu gọi là phẩm thứ tư.

Kế là dùng tâm viên tu hành năm hối thực hạnh sáu Độ chân chánh. Tự hành hóa tha, sự lý đầy đủ, tâm quán vô ngại, dần dần hơn trước không thể tỷ dụ, gọi là phẩm thứ năm.

Năm phẩm này đều là năm phẩm giả danh, giai vị ngoại phàm, đã rõ dần, bỗng nhiên nhập vào văn tuệ, thông đạt không dính mắc, tin sâu khó lay động tức là nhập vào giai vị nội phàm sáu căn thanh tịnh của Thập tín.

Kiến tư hoặc nhậm vận đã dứt, như đúc sắt làm đồ dùng trước phải loại bỏ thứ thô cấu, cho nên kinh Nhân Vương Bát-nhã chép: Bồ-tát Thập Thiện phát đại tâm vượt qua biển khổ ba cõi, đồng với giai vị quả Phật thông giáo của Ba Tạng, đồng với Thập hồi hướng của Biệt giáo.

Tên gọi Tín tuy đồng với Biệt giáo, người thực hành sâu cạn khác hẳn nhau, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng Thập địa cũng vậy, nói giai vị Viên hiền đã xong kế nói thánh vị, bốn mươi hai phẩm đều phá vô minh sâu kín giới ngoại, sơ nhập Thập trụ phá mười phẩm vô minh, chứng Phật tánh viên mãn, khai tri kiến Phật.

Bởi vậy, kinh Hoa Nghiêm chép: Lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác. Tánh chân thật không ngộ từ người khác là ý này. Chứng sơ nhất vị thì sẽ phân thân trăm thế giới, hiện khắp sắc thân ở mười cõi. Tùy cơ giáo hóa, hai trụ đã qua. Mười vị cho đến cảnh Diệu giác không thể nói, gốc cao vết thấp, hiện khắp tam-muội.

Kế nhập thập hạnh lại phá mười phẩm chỉ bày tri kiến Phật. Kế nhập Thập hồi hướng lại phá mười phẩm, ngộ tri kiến Phật, kế nhập Thập địa phá mười phẩm nhập tri kiến Phật. Nói theo chiều dọc tuy vậy, nhưng nói theo chiều ngang thì mỗi pháp đều đủ khai thị ngộ nhập tri kiến Phật.

Kế phá một phẩm nhập Đẳng giác. Sau đó phá một phẩm nhập Diệu giác. Diệu Giác vô thượng, không thể luận bàn, hoàn toàn lý đồng nên gọi là Viên. Y cứ vào sự dẫn khác mà chia các vị. Thí như tánh ướt, của nước và nước không khác, băng tan thành nước, trước sau rõ

ràng, phải nói rõ sáu tức mới hiển Thánh lý, tánh viên hằng khắp, Phật và chúng sinh đều như, lý tức là Phật tánh như lý mà biết, danh tự Phật tánh như biết tu quán trong sát-na không xen hở, quán hạnh Phật tánh được thanh tịnh sáu căn, tương tợ Phật tánh phá hoặc giới ngoại, chứng chân sơ trụ cho đến bốn mươi mốt vị Đẳng giác. Phân chứng Phật tánh Diệu giác một vị, trí đoạn đều quên, rốt ráo Phật tánh lý đồng, cho nên tức. Sự khác cho nên sáu, vì thế nói là phá sáu tức. Như các đại giáo có tên gọi Tức. Sinh tử tức Niết-bàn, phiền não tức Bồ-đề, v...v... đều chia sáu tức mới khỏi lầm sai.

Hỏi: kinh Hoa Nghiêm chép: Sơ phát tâm trụ liền thành Chánh giác, đâu cần nhờ các giai vị khác ?

Đáp: Chánh giác chia thành gọi là thành Chánh giác, chẳng phải ngay nơi phát tâm mà thành rốt ráo Chánh giác.

Thí như ngôi nhà tối tăm chia làm bốn mươi hai phần, một ngọn đèn thắp lên thì liền gọi là ngôi nhà sáng, có thể đồng với hai mươi ba cho đến bốn mươi hai ngọn đèn. Nếu rõ ví dụ này thì một thành tất cả, thành ra không mất. Trước sau sáng tối rõ ràng, nên biết người viên dung bốn môn nhưng giai vị mười pháp sâu cạn có khác. Nay lại nói chung danh tướng của mười pháp, một quán không thể nghĩ bàn.

Cảnh: Quán một niệm tâm có đủ, tức là tứ đế vô tác, đạt đến tâm đầy đủ này tất cả đều là chúng sinh. Phật và chúng sinh như một, Niết-bàn không hai, tức là khổ diệt đế không thể nghĩ bàn tướng trí mê hoặc tức nhân quả đâu khác, mỗi pháp là không trong giả. Cảnh tức không cho nên phương tiện tịnh, tức giả cho nên viên tịnh. Tịnh trong một tâm được gọi là Đại Niết-bàn, cho nên Tịnh Danh chép: Tất cả chúng sinh tức Đại Niết-bàn gọi là cảnh không thể nghĩ bàn. Cảnh pháp chẳng phải một cho nên nói rộng, vì đều là thật tướng nên nói cao, vì vậy kinh Pháp Hoa nói xe ấy cao rộng. Thứ hai: Pháp chân chánh Bồ-đề tâm. Nghĩa là duyên cảnh thật mà khởi bốn thệ nguyện rộng lớn, duyên cảnh như trước mà thệ độ chúng sinh, cho nên kinh Pháp Hoa chép: Người chưa được độ khiến cho độ. Duyên cảnh tập đế ở trước thệ dứt phiền não, cho nên kinh Pháp Hoa chép: Người chưa hiểu giúp cho hiểu. Thông đạt mê hoặc tức trí thì pháp môn vô tận thệ nguyện phải biết, cho nên kinh Pháp Hoa chép: Người chưa được an khiến cho an, sinh tử tức Niết-bàn thì Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành, cho nên kinh Pháp Hoa chép: Người chưa được Niết-bàn khiến cho được Niết-bàn. Tứ đế là cảnh sở duyên, bốn hoằng là thệ năng phát. Thệ nếu không có cảnh gọi là cuồng nguyện. Cảnh không phát thệ gọi là ngoan đế. Nương đế

phát tâm lìa lỗi tà ngụy, như vậy gọi là chân chánh, cho nên kinh Pháp Hoa chép: Lại như trên đó lập các lọng báu v.v... Ba khéo léo an ổn chỉ quán, thể cảnh pháp giới, vắng lặng pháp giới gọi là chỉ. Chỉ tức là định, vắng lặng thường chiếu gọi là Quán. Quán tức là tuệ. Đây nói chung về an tâm. Nếu chia chỉ quán thành bốn thì bao nhiêu gọi là biệt an. Hoặc chung hoặc riêng đều viên quán nên gọi là khéo léo, cho nên kinh Pháp Hoa chép: An trí chỗ nghĩ tức là xe nội. Bốn phá pháp biến, do viên ba quán phá khắp ba hoặc. Hoặc trì đều viên trong nhất tâm phá gọi là phá pháp biến, cho nên kinh Pháp Hoa chép: Việc đó nhanh như gió năm thức chung nguy hiểm, khổ, tập, vô minh kiến tư, trần sa là nguy hiểm. Đạo diệt vô minh. Diệt tức không, tức giả, tức trung, gọi là Thông. Như vậy thông tức phải giữ gìn, có nguy hiểm cần phải phá. Đối với thông mà khởi nguy hiểm thì cũng giống như vậy, liên tục xem xét gọi là thức thông nguy hiểm, tức xe ngoại chẩm, phẩm lục đạo đều thích nghĩa là không làm bảy khoa, mỗi khoa đều thử tùy nghi mà vào. Bốn niệm là gốc, cả hai không khô héo, không tốt tươi. Những phẩm khác thí dụ của nó đều như Trung đạo gọi là đạo phẩm điều thích, cho nên kinh Pháp Hoa chép: Có trâu trắng lớn v.v... bảy đối trị giúp khai mở: Nếu chánh đạo có nhiều chướng ngại, viên lý không khai mở, cần tu việc, giúp việc tức là năm dừng tâm và ba tạng sáu Độ, việc thành thì lý được hiển bày. Sự lý đều như, gọi là hàm hành, cho nên kinh Pháp Hoa chép: Lại nhiều tôi tớ, tám biết vị thứ khiến không có thượng mạn, chín có thể an nhẫn nhanh tiến ngũ phẩm mà nhập Thập tín. Mười không có pháp ái, nhanh đến Thập tín, chứng nhập Sơ trụ, cho nên kinh gọi chung giống như nương vào xe báu mà đi khắp bốn phương, cho đến thẳng đến đạo tràng, vì vậy mà cho nên biết trung hạ phải quán mười pháp, phải cần bao gồm thể cảnh của bậc Thượng căn, hoặc một hoặc hai hoặc ba không nhất định. Trong ngoài làm nhân đều bao gồm. Nơi xe lớn không hạn lượng há không có gì thiết lập. Dùng đối pháp giống như ra từ một nhà, chỗ quy về bổn tích viên lý không hai, không riêng mà riêng. Mỗi địa vị thêm lớn, nói rộng như văn khác, chẳng phải ở đây có thể đủ, phải nương vào văn để phán xét nghĩa. Hoặc bốn hoặc tám đạo ở trước mắt. Lại dẫn kinh Niết-bàn chứng thành lý này, cho nên phần thứ sáu chép: "Phàm phu như sữa, Tu-đà-hoàn như lạc, Tư-đà-hàm như bơ sống, A-na-hàm như bơ chín, A-la-hán, Bích-chi-phật, Phật như đề hồ.

Đại luận chép: Trong kinh Thanh văn gọi A-la-hán là Phật địa, cho nên ba người đều là đề hồ. Đây ví cho năm vị của Ba tạng giáo, phần ba mươi hai của kinh Niết-bàn chép: Chúng sinh như máu sữa lẫn

lộn. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm như sữa thanh tịnh. A-na-hàm như bơ, A-la-hán như bơ sống. Bích-chi-phật như bơ chín, Phật như đề hồ, ở đây dụ cho năm vị Thông giáo, Bích-chi-phật quan tập khí tiểu thắng Thanh văn cho nên cùng Bồ-tát đồng là bơ chín, Phật chánh tập đều hết nên gọi là đề hồ, phần chín Niết-bàn chép: Chúng sinh như trâu mới đẻ, máu sữa chưa phân biệt được. Thanh văn như sữa, Duyên giác như bơ, Bồ-tát như bơ sống bơ chín, Phật như đề hồ. Đây dụ cho năm vị Biệt giáo. Thập tín như sợi lông nhẹ, Bồ-tát như máu sữa lẫn lộn, Cửu Trụ đã nói trước, dứt thông kiến tư gọi là sữa, so sánh với Thanh văn. Thập trụ rất nhỏ, cho nên so sánh với Bích-chi-phật như bơ, Thập hạnh Thập Hướng như bơ sống, bơ chín. Sơ Thập địa đã gọi là Phật, cho nên như đề hồ, phần hai mươi bảy kinh Niết-bàn chép: Tuyết sơn có loại cỏ tên là Nhẫn nhục, nếu trâu ăn thì thành đề hồ, cỏ dụ cho tám Chánh đạo, tu tám Chánh đạo thì thấy Phật tánh, ở đây ví như Viên giáo không hơn bốn vị, liền thành đề hồ. Lại phần hai mươi bảy kinh Niết-bàn chép: Để sữa độc vào khắp nơi năm vị đều có thể giết người, thì như đối với bí mật và bất định giáo. Độc với như Phật tánh rõ nhân hạt giống. Năm vị giống như thọ báo năm đường. Giết người giống như gặp Phật nghe pháp dứt hoặc, không rõ các lời dạy của kinh thì không thể thông. Không có kinh kia giống như giáo làm sao hiển bày được.

Hỏi: đủ năm vị riêng cũng đủ bốn giáo, có khác gì với Phương Đẳng, Niết-bàn, bốn giáo?

Đáp: Niết-bàn, bốn giáo đều biết thường trụ, Phương Đẳng bốn giáo các biệt không cách biệt, đủ bốn giáo, pháp bốn người. Nghĩa là Bồ-tát biết bốn thứ pháp. Tuy bốn khác nhau mà khéo tu được ý, cho nên biết bẩm thụ giáo tự hành hoá địa. Mê mờ đối với tám giáo yếu chỉ quay về hạnh giải, khó mà thông hội, vì thật thì quyền ấy ở nơi thật. Nhận lấy quyền quy thật ý ở nơi quyền. Quyền thật tuy khác, không thể nghĩ bàn thì một. Bổn tích xa gần, diệu lý thường đồng. Phật hoá mười phương không có khác. Giới, định, trí tuệ mọi người đều đủ. Việc làm của các ông là đạo Bồ-tát. Năm thiên đâu gì hạn cuộc, tự độ tâm tu. Không hai không ba bàn luận phương tiện như vậy không quy về thật. Được ý Pháp Hoa băng tan mây tiêu, người xưa nay mất ý đều dụ vời đánh gõ, chấp thật phỉ báng quyền, mất đi hạnh an lạc. Chấp quyền phỉ báng thật, tội lỗi vượt hơn bảy tội nghịch ư ? Kính xét Thiên Thai nhất tông lược chỉ thú của luận. Xét tìm đầu mối của nó rộng tìm ở văn khác có thể gọi là chương đầu của tập nghĩa quán, rõ ràng diệu tuệ Thiên Viên, suốt ngày kết lưỡi tụng khắp các kinh, tám âm che đậy quạt mát,

thường nghe âm hưởng thanh tịnh. Linh Sơn thân chứng, lời nói chẳng phải không thực hành, phát Đà-la-ni ngôn có thể xem xét, nghiêng về nhân mà thích việc thẳng viết sách này. Dù cho có nghe đều giúp cho công đức chủng trí tư lợi lợi tha, mong mỏi ắt do ở pháp giới. Oán thân đều thấm nhuần nguyện sâu. Thiên Thai giải thích rõ ghi chép tại chùa Tam Đồng.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

THIÊN THAI TỨ GIÁO NGHI

SỐ 1931

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1931

TỨ GIÁO TỤNG

Bảy giai vị bảy hiền bao gồm một, hai giai vị trong giai vị của Thông giáo, sơ cơ đồng với Biệt tín. Đồng thời năm phẩm vị của Viên giáo thì kiến hoặc và tự hoặc hàng phục vẫn còn. Phàm ở quả vị Tu-đà-hoàn, dự vào dòng Thánh, đồng với địa thứ ba, thứ tư của Thông giáo lại thông với Biệt trụ. Sơ tín của viên giáo tám mươi tám kết sử và tập khí mới dứt. Bảy tạng của Tín trụ và Biệt trụ của Viên giáo thông đến quả Phật đều đồng cung cấp, đồng trừ bốn trụ, chứng thiên chân, trong ngoài trần sa phân đoạn, hàng phục hai hoặc của Thập tín, không giả thành tục, lý đủ mới thông. Biệt trụ ở trước, ba vị sau nói tiếp giai vị Hạnh và Hồi hướng tương đồng biệt địa hoàn toàn đồng. Trụ của Viên giáo là hàng phục được vô minh phần đoạn, chứng chân, nhân đồng diệu nhất giác, hai hạnh đầu tiến văn, ba vị không biết tên.

DUYÊN KHỞI NGHI TỨ GIÁO.

Tu Tăng Sử Tăng đời Tống Thống Tán Ninh Thông Tuệ ghi rằng: Cuối đời Đường vua Tiễn Trung Y nước ngô Việt trị nước, lúc nhàn rỗi vua thường để tâm vào nội điển. Nhân xem Vĩnh Gia Tập có cùng trừ bốn trụ, chỗ này là đồng. Nếu hàng phục vô minh Ba tạng thì kém cỏi, câu cú không rõ. Hỏi quốc sư Vân Cư Vận, bèn nói: Chùa Quốc Thanh Thiên Thai có Quốc sư Tiệh khéo hoằng giáo pháp, chắc rõ lời này.

Vua vời sư đến hỏi. Sư trả lời: Đại sư Thiên thai Trí giả này văn rất huyền diệu. Bấy giờ, quân Tào An binh bại liền hội xướng đốt bỏ giáo tạng Trung quốc. Nay chỉ có Cao Ly Hải Đông mở mang đạo giáo mới thạnh. Toàn thư ở nước kia. Vua nghe vậy vui mừng liền sai Quốc Thư Chí Tệ đến Cao-ly tìm lấy một nhà chương sớ, vua nước Cao-ly bèn ban sắc cho vị Tăng rằng: Đế Quán đáp lời đem bộ Thiên Thai giáo trở lại cho ta. Quán đã đến liền bẩm học với Tịch Công ở Loa Khê, đại giáo đâu có đến. Ấy là lời xướng lại.

Quán hay tìm tòi Đại Bổn chép ra văn của Tứ giáo nghi thành hai quyển. Quyển thượng nói về một nhà phán giáo lập nghĩa. Quyển hạ nói về các sư Nam Bắc tông có đường lối khác. Sau đó đến Pháp sư Cô Sơn đính chính khắc bản. Nhưng chỉ lưu hành văn của quyển thượng ngày nay.

Bởi vì câu từ đơn giản, nghĩa chỉ dễ rõ, người học đọc rất dễ hiểu. Đại Cương một đề giáo hoá đâu nói là bổ sung ít?

Quyển hạ thì phá văn nghĩa rườm rà của các sư Nam Bắc xưa, cho nên phải chậm trễ.

Như cuối văn này chỉ nói từ dưới nói sơ lược nghi thức của các nhà phán giáo, nên lại có thể thấy đại lược ở quyển sau.

Vua xây chùa ở Loa Khê cho Tịch Sư.

Vua nói: Viện Định Tuệ tiến hiệu Tịnh Quang Đại Sư, truy tìm Cửu tổ, đồng thời Hải Đông trả lại Giáo tạng đều phó cho Sư. Trong giáo môn hưng khởi nền tảng chân thật ở đây. Mà Vận công đồng họ với Trí Giả. Lại Tông thừa Tỳ Tán lại ở gần chỗ tháp Phật, mọi người đều nghi điều đó là thân sau của Trì giả.

Pháp sư Tứ Minh Thảo Am nói nhân giáo uyển, để lại sự việc rằng: Thiền Sư Trí giả lập ao phóng sinh. Ở trên bờ ao ấy phóng sinh trao ba quy y, năm giới cấm, nói pháp, sau đó phóng sinh.

Sau khi Trí Giả mất, cuối đời Đường, pháp Thiên Thai vắng bóng ở Trung Quốc. Nhưng các nước Hải Đông, Cao-ly, Tân-la hoằng truyền giáo này thịnh hành, giúp cho Tông phái kế thừa. Pháp Sư Trung nói: Duyên ở xứ này mà giáo phô bày ở Hải Đông.

Điều này nhất định trong ao phóng sinh các loài cá nghe giáo lãnh thọ giới pháp được thoát nghiệp báo. Như vậy, người nghe nói thế chê bai cho là luống dối, thật không biết giáo lý có nương cậy. Mười ngàn vị thiên tử nơi dòng nước liền thoát thân cá đâu có ngoài điều này?

Sa-môn Trì Giác ở Tịnh Nghiệp Đường khắc bản vào niên hiệu Vạn lịch thứ chín, đời Minh.

KHẮC THIÊN THAI TỨ GIÁO NGHI DẪN

Một năm trước đào vườn cho nên thành tên giảng đường là Tịnh Nghiệp, thuộc về nơi dưỡng bệnh. Một hôm, nhân theo ba bốn người bạn đóng cửa kiết hạ. Trong thất ba thời lễ khóa cầu sinh tịnh độ, an toạ, đốt hương nghiên cứu tinh thông tạng điển. Chuông khánh vừa khởi, Mây trắng vừa lưu lại chim bay, mà người thân và cỏ dại thì mọc đầy đường, để lại cánh cửa cao vời, dứt ý của Hán Âm (tên huyện) vui mừng

rất thích. Đã là một vị tăng Chân giác từ Vũ Lâm đến học Thiên Thai với ta. Ta lúc đầu bằng lòng, cần gì ở lại mười ngày mổ xẻ đại chỉ của giáo quán. Nếu Ta có ngộ nhập thì chắp tay trước Phật đời đời mở mang Tông Thiên Thai, thanh 0tịnh cõi nước Phật. Bởi vì các bạn cùng thời phát tâm mãi mãi làm chủ bạn cội nguồn giáo nghĩa Thiên Thai nói rõ Tứ Minh Khánh công soạn, Phật tổ gom hợp. Nhưng Tứ giáo nghi thì sa-môn Đế Quán ở Cao-ly thọ lãnh huyền văn của Pháp Hoa mà người ghi ra sách gồm có hai quyển. Quyển thượng nói về nghĩa của một nhà phán giáo. Quyển hạ nói các Sư Nam Bắc Tông có đường lối khác. Tính đến nay việc truyền thừa chính là quyển thượng. Lời nói gãy gọn nghĩa lý bao gồm thật là then chốt của giáo nghĩa Thiên Thai. Người học rõ điều này chính là đại cương của một đời giáo hoá, suy nghĩ hơn một nửa.

Sa-môn Mông Nhuận người ở Trung Thiên-trúc có thu tập ghi chú ba quyển, cũng gộp lại chú thích. Gần đây, Ngô Trung có khắc bản, đóng cửa hai tháng đã ra thì lại lạm cương yếu thế tục, bèn không thể bảo tồn tịnh giới , ăn thịt uống rượu, gần vợ con như ngày xưa. Khách có người ấu trĩ mê nơi tha phương. Một hôm người nói: Nhà ông ở đâu, cha anh dòng tộc, mộ phần ruộng vườn muôn thứ phải nhớ. Người này tức là lưu trệ không thể biết quay về há làm kẻ tha phương. Mùa Xuân năm nay, tôi lại bỏ mạng đến núi xanh sẽ có ngày thành công. Nhân đuổi theo trí trước, bỏ tiền khắc Giáo nghi một quyển, lại khoa văn lưu hành ở đời. Những người cùng chí mới cầm chìa khóa mở toang cánh cửa để đến hải tạng, làm cho một nhà giáo quán như vầng mặt trời giữa trưa, dòng sông chảy đến ao, ta ở lại nơi quê người có thể mượn để sám hối, mong hãy cố gắng.

Cư sĩ Phùng Mộng Trinh soạn vào ngày Phật hoan hỷ, mùa Xuân năm Nhâm Ngọ.

SỐ 1931

THIÊN THAI TỨ GIÁO NGHI

Sa-môn Đế Quán ở Cao-ly ghi chép.

Đại Sư Thiên Thai Trí Giả dùng năm thời tám giáo, phán thích một đời Thánh giáo truyền về Phương Đông thật vô tận.

Năm thời gồm:

1. Thời Hoa Nghiêm

2. Thời Lộc Uyển (nói bốn A-hàm)

3. Thời Phương Đẳng (nói các kinh Duy-ma, Tư-Ích, Lăng-già, Lăng-nghiêm, Tam-muội, Kim Quang Minh, Thắng-man)

4. Thời Bát-nhã (nói các kinh Ma-ha Bát-nhã, Quang Tán Bát-nhã, Kim Cương Bát-nhã, Đại Phẩm Bát-nhã)

5. Thời Pháp Hoa Niết-bàn: Năm thời này cũng gọi là năm vị.

Tám giáo gồm: Đốn, tiệm, bí mật, bất định, Tạng giáo, thông giáo, Biệt giáo, Viên giáo, ấy là tám giáo.

Bốn giáo như: Đốn, tiệm, bí mật, bất định là hóa nghi như phương thuốc ở đời.

Tạng, Thông, Biệt, Viên giáo là hóa pháp, như nói vị thuốc. Những nghi này rải rác các nơi.

Nay theo Đại Bổn lược ghi cương yếu.

Trước nói về năm thời, năm vị và hóa nghi bốn giáo. Sau đó nêu ra Tạng, Thông, Biệt, Viên giáo.

1- Đốn giáo: Là kinh Hoa Nghiêm, theo bộ thời vị được gọi là Đốn, cho nên Như Lai mới thành đạo, ở đạo tràng tịch diệt, bốn mươi mốt vị Đại sĩ Pháp thân và tám bộ trời rồng do kiếp trước căn cơ thuần thục một lúc vây quanh, như mây vây quanh mặt trăng. Bấy giờ, Như Lai hiện thân Lô-Xá-na nói tu-đa-la đầy đủ, nên nói là Đốn giáo. Nếu nói về cơ, nói về giáo, chưa khỏi kim quyền, nghĩa là văn lúc phát tâm liền thành Chánh giác, là nói Viên giáo cho người căn tròn đầy, các kinh nói hành bố thứ tự chính là vì quyền cơ mà nói Biệt giáo, cho nên nói theo bộ thì đốn, cảnh, pháp chẳng phải một cho nên nói là Quảng,

đều là thật tướng nên gọi là Cao.

Kinh Niết-bàn chép: Giống như sữa xuất xứ từ bò, đây từ Phật nói ra mười hai bộ kinh (một là vị sữa). Phẩm Tín Giải của kinh pháp Hoa chép: Liền sai bàng nhân nhanh chóng tìm đem về, cùng tử kinh sợ kêu oan khóc to, đây là nghĩa gì ?

Đáp: Các Thanh văn ngồi trên tòa như điếc như câm.

Thứ hai là Tiệm giáo (từ đây trở xuống ba thời tam-muội gọi chung là Tiệm). Kế là căn tánh Ba thừa vì đối với Đốn vô ích. Bất động tịch tràng dạo chơi Lộc Uyển, cởi bỏ y phục hoàng tộc, mặc vào y phục trượng lục tệ cấu. Bảo cho biết từ trời Đâu-suất giáng xuống gá vào thai Hoàng hậu Ma-da. Trụ thai, xuất thai ở trong sinh tử, sau sáu năm xuất gia khổ hạnh, dưới cây Bồ-đề lấy cỏ làm tòa, thành thân liệt ứng. Đầu tiên tại vườn Nai nói pháp Tứ Đế, thập nhị nhân duyên năm người nghe, sáu Độ cho nếu theo thời thì mặt trời chiếu đến thung lũng tối tăm (thời thứ hai). Nếu theo vị thì từ vú cho ra sữa. Đây từ mười hai bộ kinh mà ra chín bộ Tu-Đa-la (hai là vị lạc). Phẩm Tín Giải chép: Nếu dùng phương tiện thầm sai hai người (Thanh văn, Duyên giác) hình sắc tiều tụy không có oai đức rằng ngươi hãy đến chỗ kia từ từ nói với cùng tử thuê ông hót phân. Đây là nghĩa gì ?

Đáp: Kế sau độn là nói Ba tạng giáo. Trong mười hai năm thường sai hốt phân tức là nghĩa phá kiến, tư, phiền não. Kế là nói bộ Phương Đẳng, kinh Tịnh Danh phê bình nghiêng lệch bẽ gãy Tiểu thừa, khen ngợi Đại thừa bao bọc Viên giáo. Bốn giáo đều nói: Tạng là giáo Bán tự, nếu theo thời là thời ăn (thời thứ ba). Nếu theo vị thì từ lạc ra bơ. Đây từ chín bộ mà sinh ra Phương Đẳng (ba là vị bơ sống) phẩm Tín Giải chép: Lỗi là sau tâm tướng thể tin ra vào không khó. Nhưng chỗ của nó vẫn ở tại chỗ cũ. Đây là nghĩa gì?

Đáp: Nói sau Phương Đẳng kế đến nói Bát-nhã. Quán trí tuệ của Bát-nhã tức là gia nghiệp. Không sinh, Thân tử nhận sắc lệnh chuyển giáo, tức là lãnh hội hiểu biết, ba vị trên đối với Hoa Nghiêm Đốn giáo gọi chung là Tiệm. Thứ ba là Bí mật giáo. Như trong bốn thời trước vì Như Lai ba lần xoay bánh xe pháp không thể nghĩ bàn, hoặc vì người này mà nói Đốn, hoặc vì người kia mà nói Tiệm. Kia đây không biết nhau có thể khiến lợi ích cho nên nói giáo bí mật. Từ Bất định giáo cũng vì trong bốn vị trước. Phật dùng một âm thanh nói pháp chúng sinh tùy theo mỗi loại mà được hiểu. Đấy là năng lực không thể nghĩ bàn của Như Lai có thể khiến cho chúng sinh ở nơi Tiệm nói Đốn được lợi ích, đối với Đốn mà nói Tiệm được lợi ích. Như vậy được lợi ích không

giống nhau, cho nên nói Bất Định giáo. Nhưng hai giáo bí mật và bất định, dưới nghĩa lý của giáo chỉ là Tạng, Thông, Biệt, Viên. Hóa Nghi Tứ giáo, tế ngang đây. Kế là nói Pháp Hoa trước khai mở đốn tiệm, hội nhập phi đốn phi tiệm. Cho nên nói khai quyền bày thật. Lại nói pháp quyền lập thật. Lại nói hội ba quy về một. Nói quyền thật là gọi chung nay và xưa. Ý nghĩa không giống, nghĩa là Pháp Hoa quyền thật không giống. Đại tiểu dung nhau. Như thời Hoa Nghiêm nhất quyền nhất thật (Viên, Thật, Biệt, Quyền) mỗi cái không tức nhau, vì đại không nạp tiểu.

Tiểu tuy ở chỗ ngồi mà như điếc như câm, cho nên pháp môn nói ra tuy rộng lớn viên mãn, thâu nhiếp căn cơ bất tận, không thông suốt bổn hoài xuất thế của Như Lai là vì sao? Đầu tiên, Đốn bộ có một thô (Biệt giáo) một diệu (Viên giáo) một diệu tức không hai không khác với Pháp Hoa. Nếu là một thô tu thì phải đợi Pháp Hoa khai hội phế bỏ, mới được gọi là Diệu, kế đến vườn Nai chỉ là thô không diệu (Tạng giáo) kế đến ba thô Phương đẳng (Tạng, Thông, Biệt) một diệu (Viên giáo) kế là hai thô của Bát-nhã (Thông, Biệt) một diệu (Viên giáo) cho đến trong hội Pháp Hoa tổng khai hội phế bỏ bốn vị thô trước. Khiến thành nhất thừa vi diệu. Các vị Viên giáo không cần khai nữa. Vốn tự viên dung không đợi khai. Nhưng nội bộ đều chỉ là đối đãi. Cho nên không bằng Pháp Hoa thuần nhất không tạp, được gọi là Diệu thật có y cứ. Cho nên văn chép: Trong cõi Phật mười phương chỉ có một thừa pháp, không hai cũng không ba (Nhất giáo). Chánh bỏ ngay phương tiện. Chỉ nói đạo vô thượng (nhất hành) chỉ làm Bồ-tát, không làm Tiểu thừa (Nhất thừa), tướng thế gian thường trụ (nhất lý) lúc con người chưa được yếu chỉ mầu nhiệm của kinh pháp Hoa chỉ thấy nội bộ có ba xe, thí như cùng tử hóa thành, cho đến nói không bằng kinh khác. Vì không biết đưa ra bến thời quan trọng ở trước quyền, độc, hiển, đại xa. Nhưng dựa vào gia nghiệp chỉ đến đảo châu báu cho nên dẫn đến lỗi phỉ báng. Theo thời thì mặt trời quay vào lúc ngọ, rỗng không chẳng có hình bên cạnh (thời thứ năm) theo vị thì thời thuộc bơ sinh ra đề hồ. Đây từ Ma-ha Bát-nhã sinh ra Pháp Hoa (năm vị đề hồ). Phẩm Tín Giải chép: Tụ hội thân tộc tức là tuyên ngôn. Đây thật là con ta, ta thật là cha nó. Nay những gì ta có đều thuộc về con ta, giao phó gia nghiệp. Cùng tử vui mừng được điều chưa từng có. Đây là nghĩa gì?

Đáp: Tức sau Bát-nhã, kế nói về Pháp Hoa. Trước đã lãnh biết kho tàng các vật, đến lúc qua đời đều giao phó gia nghiệp mà thôi. Thí như trước chuyển giáo đều biết pháp môn. Lúc nói Pháp Hoa khai thị

ngộ nhập tri kiến Phật, thọ ký thành Phật mà thôi. Kế là nói Đại Bát-nhã có hai nghĩa: Một là vị thục, lại nói bốn giáo bàn luận tánh thật đầy đủ, khiến đầy đủ chân thường nhập Đại Bát-nhã, cho nên gọi là lượm nhặt, thu thập giáo. Hai là mạt đại độn căn đối với Phật pháp, sinh ra kiến chấp đoạn diệt, tai vạ thương tổn tuệ mạng, đánh mất Pháp thân. lập ra ba loại quyền, phò nhất viên thật, cho nên gọi là nâng đỡ giới luật, bàn về pháp thường. Nhưng nếu bàn luận thời vị đồng với Pháp Hoa, nói về nội bộ đều tạp có một ít khác, cho nên văn chép: Từ Ma-ha Bát-nhã có ra Đại Bát-nhã. Trước hội pháp Hoa, kinh này là thời thứ năm. hỏi rằng: kinh này đầy đủ bốn giáo cho bộ Phương Đẳng đều nói bốn giáo là đồng hay khác?

Đáp: Tên đồng nghĩa khác. Trong phần thứ tư của Phương Đẳng viên thì đầu và sau đều biết thường. Biệt thì đầu biết, sau không biết. Tạng Thông tức đầu và sau đều không biết. Trong phần thứ tư của kinh Niết-bàn đầu và sau đều biết.

Hỏi: Đem năm vị đối với năm thời giáo, ý việc đó như thế nào?

Đáp: Có hai, một chỉ lấy lần lượt sinh nhau, nghĩa là nói con bò dụ cho Phật. Năm vị dụ cho giáo. Sữa từ bò mà có, lạc từ sữa mà có, hai thứ bơ, đề hồ lần lượt không lẫn lộn cho nên hiển rõ năm thời lần lượt sinh nhau. Hai là lấy đậm nhạt của nó. Đây tức là lấy một lần căn tánh thấp kém, cho nên nói căn tánh Nhị thừa. Tại tòa Hoa Nghiêm, phàm tình không tin không hiểu, không thay đổi, cho nên ví cho sữa, kế là nghe Ba tạng giáo ở vườn Nai. Căn tánh Nhị thừa nương giáo tu hành, chuyển phàm thành thánh, cho nên ví như chuyển sữa thành lạc. Kế đến nghe Phương Đẳng bác bỏ Thanh văn kính mến Đại thừa, chê bai Tiểu thừa được lợi ích Thông giáo, như chuyển lạc thành bơ sống. Kế là Bát-nhã nêu ra sắc lệnh chuyển giáo. Tâm dần dần thông thái, được lợi ích Biệt giáo như chuyển bơ sống thành bơi chín. Kế là nghe ba lần nói pháp, kinh Pháp Hoa được thọ ký thành Phật, như chuyển bơ chín thành Đề Hồ. Theo căn đốn này, kinh có đủ năm vị, kế đó là hoặc một, hai, ba, bốn. Trên kia đạt được căn tánh, mỗi vị được nhập vào pháp giới thật tướng, đâu cần phải đợi Pháp Hoa khai hội. Trước kia đã ghi lại năm vị năm thời thay đổi thông thái Tứ giáo, đại cương như thế. Từ đây trở xuống nói thay đổi pháp Tứ giáo. Thứ nhất là Ba tạng giáo, một là tạng Tu-đa-la (kinh tứ A-hàm) Hai tạng A-tỳ-đàm (luận Câu-xá, bà-sa) Ba là tạng Tỳ-Ni (năm bộ luật). Ba Tạng này gọi chung Đại thừa và Tiểu thừa. Nay lấy Ba tạng Tiểu thừa. Luận Đại Trí Độ chép: Ca-Chiên-diên tử tự cho mình căn tánh thông minh lanh lợi, đối với Bà-Sa nói

nghĩa Ba tạng không đọc giảng kinh chẳng phải là Đại Bồ-tát. Lại nữa, Pháp Hoa chép: Học giả mê đắm Ba tạng tiểu thừa vì nương vào văn này, Đại sư gọi Tiểu thừa là Ba tạng giáo. Đây có căn tánh ba thừa. Đầu tiên Thanh văn giáo điển Tứ đế sinh diệt. Nói bốn đế: một là khổ đế, hai mươi lăm hữu nương vào chánh báo và y báo. Nói hai mươi lăm hữu là bốn châu, bốn đường ác, sáu dục, tịnh phạm thiên, Bốn thiền, Bốn không xứ, Na-hàm vô tưởng (Bốn châu, bốn đường ác thành tám, sáu dục và tịnh phạm vương thành mười lăm, bốn thiền bốn không xứ thành hai mươi ba, trời Vô Tưởng và Na-hàm thành hai mươi lăm) Riêng thì hai mươi lăm hữu mà chung thì sáu đường sinh tử, một đường địa ngục, tiếng phạm là Nại-lạc-ca, còn gọi là Nê-lê, Hán dịch là đầy đủ các sự khổ, mà nói địa ngục. Chỗ này ở dưới đất nên gọi là địa ngục, nghĩa là ngục lớn có tám lạnh tám nóng, mỗi ngục có quyền thuộc loại của nó nhiều vô số. Người ở trong đó chịu khổ, tùy theo nghiệp của họ mà mỗi người có nặng có nhẹ. Trải qua rất lâu, chỗ này càng nặng, mỗi ngày trong đó sống chết tám mươi bốn ngàn lần. Trải qua vô số kiếp gây ra năm tội nghịch, mười ác, thượng phẩm chiêu cảm thân dường này. Hai đường súc sinh cũng gọi là bàng sinh. Đường nào cùng khắp các xứ, mang lông đội sừng, mai, vẩy, lông cánh, bốn chân, nhiều chân, có chân không chân, dưới đất trên không, nhai nuốt lẫn nhau, chịu khổ vô cùng. Ngu si tham dục do năm tội nghịch, mười điều ác cảm thân này. Ba là đường ngạ quỷ, tiếng phạm gọi là Xà-Lê-Sỉ. Đường này cũng biến khắp các đường, có phước đức làm thần miếu, mồ mả ở núi rừng. Không có phước đức thì ở chỗ bất tịnh, không được ăn uống, thường bị đánh đập, mang vác lấp sông lấp biển, chịu khổ vô lượng, tâm ý nịnh nót lừa bịp làm năm tội nghịch, mười điều ác hạ phẩm chiêu cảm thân đường này. Bốn là đường A-tu-la, Hán dịch là Vô tửu, vô đoan chánh, phi trời. Hoặc ở bờ biển, đáy biển, cung điện nghiêm sức. Thường ưa chiến tranh sợ hãi cùng cực, ở lúc gieo nhân có tâm ganh ghét. Tuy thực hành Năm điều thường mà muốn hơn người khác, làm mười thiện ở phẩm dưới cảm được thân đường này. Bốn châu khác nhau. Nghĩa là châu Phất-Bà-đề ở phía Đông (thọ 550 tuổi) Nam Diêm-phù-đề (thọ 100 tuổi) Cù-Na-Di (thọ 500 tuổi) Bắc Uất-đơn-việt (thọ 1000 tuổi) mạng vô trung thiên, bậc thánh không ở trong đó, tức là một trong tám nạn) đều giữa tướng khổ và vui, lúc tạo nhân thực hành năm thường năm giới. Năm thường nghĩa là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Năm giới là không sát sinh, không trộm cướp không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Thực hành mười điều lành thuộc phẩm trung, cảm được thân đường này. Sáu đường trời

hai mươi tám cõi trời không giống nhau (sáu tầng trời cõi dục, mười tám tầng trời ở cõi sắc, bốn tầng trời cõi vô sắc). Đầu tiên, sáu tầng trời cõi dục, một là trời Tứ Thiên Vương (ở núi Tu-di), hai là trời Đao-lợi (ở chóp núi Tu-di, tự có ba mươi ba cõi trời hai cõi trời trên tu thiền thượng phẩm, mười điều thiện được sinh về đó), ba là trời Dạ-ma, bốn là trời Đâu-suất, năm là trời Hóa Lạc, sáu là trời Tha Hóa Tự Tại (bốn cõi trời trên ở giữa hư không, tu thập thiện thượng phẩm và tọa vị chí định được sinh về đó). Kế là mười tám tầng trời thuộc cõi sắc, chia làm bốn thiền. Sơ thiền Tam thiên (Phạm chúng, Phạm phụ Đại phạm), nhị thiền, Tam thiên (Thiểu quang, Vô lượng quang, Quang âm), tam thiền tam thiên (Thiểu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh), Tứ thiền cửu thiên (Vô vân, Phước sinh, Quảng quả). Tam Thiên trên là trụ xứ của phàm phu tu thượng phẩm, thập thiện, ngồi thiền được sinh về đó, chỗ cư trú của trời Vô Tưởng, ngoại đạo, thượng phẩm năm trời thượng phẩm trên ở quả thứ ba. Chín cõi trời trên li dục, thô tán chưa ra khỏi sự ràng buộc của Sắc nên gọi là cõi sắc, ngồi được thiền định cho nên gọi là định) Ba là tứ thiền ở cõi vô sắc (Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, bốn cõi trời trên chỉ có âm mà vô sắc uẩn nên được gọi như vậy. Từ trên đến đây là giải thích từ địa ngục cho đến trời Phi phi tưởng, tuy nhiên khổ vui khác nhau, chưa thoát sinh mà đã chết, chết rồi lại sinh, nên gọi là Sinh tử. Đây là Tạng giáo thật có khổ đế, hai là tập đế tức là kiến tư hoặc lại nói kiến tu, lại nói từ tánh, lại nói nhiễm ô vô tri, lại nói thủ tướng cảm, lại nói chi mạt vô minh, lại nói thông cảm, lại nói giới nội cảm. Tên gọi khác nhau, chỉ là thấy biết, suy nghĩ. Đầu tiên là giải thích kiến hoặc, có tám mươi tám sử, gọi là tám mươi tám gồm: một là thân kiến, hai là biên kiến, ba là kiến thủ, bốn là giới thủ, năm là tà kiến (những thứ trên là lợi sử), sáu là tham, bảy là sân, tám là si, chín là mạn, mười là nghi (những thứ trên là độn sử), mười sử nầy trải qua ba giới bốn đế dưới thêm lớn khác nhau thành ra tám mươi tám. Nghĩa là khổ ở cõi dục mười sử đều đủ. Tập, diệt mỗi thứ có bảy sử, trừ thân kiến, biên kiến. Bốn đế dưới gộp thành ba mươi hai. Hai giới trên bốn đế dưới những thứ khác như cõi dục, chỉ mỗi đế dưới trừ sân, cho nên mỗi giới thứ có hai mươi tám. Hai giới hợp thành năm mươi sáu thêm ba mươi hai trước cộng thành tám mươi tám sử. Hai là nói tư hoặc có tám mươi mốt phẩm. Nghĩa là ba giới chia làm chín địa. Cõi Dục chia làm một địa, Tứ thiền, Tứ định là tám, cộng lại chín địa. Trong một địa ở cõi dục có chín phẩm tham, sân, si, mạn. Nói chín phẩm là thượng thượng, thượng trung, thượng hạ, Trung thượng, trung trung, trung hạ, hạ

thượng, hạ trung, và hạ hạ. Tám địa trên mỗi địa có chín phẩm, trừ sân cho nên thành tám mươi mốt. Từ trên đến đây kiến tư khác nhau. Gom chung là Tạng giáo thật có Tập đế. Ba là diệt đế, Diệt khổ tập ở trước, hiển bày phía chân lý, nhờ diệt mà hội chân, diệt phi chân lý. Bốn đạo đế lược thì giới, định, tuệ rộng thì ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ba mươi bảy phẩm trợ đạo ở đây chia làm bảy khoa.

I. Bốn Niệm xứ gồm: Quán thân bất tịnh (sắc uẩn), quán thọ là khổ (thọ uẩn), quán tâm vô thường (thức uẩn), quán pháp vô ngã (tưởng hành uẩn).

II. Bốn Chánh cần: một chưa sinh ác đừng để sinh, hai là đã sinh ác thì làm cho diệt, ba là điều lành chưa sinh làm cho sinh, bốn là điều lành đã sinh làm cho phát triển nhiều.

III. Bốn Như ý túc(dục, niệm, tấn, tuệ)

IV. Năm căn (tín, tấn, niệm định, tuệ)

V. Năm lực (giống trên nhưng gọi là lực)

VI. Bảy Giác chi (niệm, trạch pháp, tấn, hỷ, khinh an, định, xả)

VII. Tám Chánh đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh tinh tấn, chánh định, chánh niệm, chánh mạng) bảy khoa trên đã xong tức là Tạng giáo sinh ra diệt đế, đạo đế. Như vậy trước đưa ra Tứ đế gọi là số chung với Ba giáo dưới nhưng tùy theo giáo rộng, hẹp, hơn, kém. Sinh diệt, vô sinh, vô lượng, vô tác khác nhau, cho nên hướng về dưới gọi là số càng không bày ra, nhưng trong bốn đế chia ra thế và xuất thế. Hai đế trước là nhân quả thế gian (diệt là quả, đạo là nhân), hai thứ sau là nhân quả xuất thế gian.

Hỏi: Vì sao thế và xuất thế quả trước nhân sau?

Đáp: Thanh văn căn độn biết khổ đoạn tập, kính mến quả mà tu nhân cho nên như vậy. Lược nói ngôi vị Tạng giáo của người tu hành. Đầu tiên nói ngôi vị Thanh văn chia làm hai. Một là phàm, hai là Thánh. Phàm lại chia làm hai ngoại phàm và nội phàm. Giải thích ngoại phàm tự chia làm ba. Đầu tiên là năm pháp quán dừng tâm. Một là quán chúng sinh bất tịnh để dẹp trừ tâm ham muốn. Hai là quán Từ bi đối trị đa sân, ba là quán sổ tức để đối trị tán loạn, bốn là quán nhân duyên để đối trị ngu si, năm là quán niệm Phật để đối trị đa chướng. Hai là biệt tướng niệm xứ (Bốn Niệm xứ như trước), ba là tổng tướng niệm xứ. Một là quán thân bất tịnh; Thọ, Tâm, pháp đều bất tịnh, cho đến quán pháp vô ngã. Thân, Thọ, Tâm cũng vô ngã, trung gian lệ tri (ba khoa trên gọi là ngoại phàm, cũng gọi là tư liệu vị). Hai là nói nội phàm có bốn. Nghĩa là Noãn, Đảnh, Nhẫn Thế đệ nhất (bốn vị này là nội phàm, cũng gọi là Gia

hạnh vị). Từ trên đến đây nội phàm và ngoại phàm gọi chung là Phàm vị, cũng gọi là Thất phương tiện vị. Kế là nói Thánh vị cũng chia làm ba: Một là kiến đạo (Sơ quả) hai là tu đạo (Nhị, Tam quả) ba là vô học đạo (Tứ quả). Một là Tu-đà-hoàn Hán dịch là Đảnh Lưu. Vị này dứt ba cõi tám mươi tám sử kiến hoặc, thấy chân đế cho nên gọi là Kiến đạo. Lại gọi là thánh vị. Hai là Tư-đà-hàm. Hán dịch là Nhất lai, địa vị này dứt dục còn sót Tư, tiến đến dứt tám địa tư trên. Bốn là A-la-hán, Hán dịch là Vô học lại dịch là Vô sinh, lại dịch là sát tặc, lại dịch là Ứng cúng. Địa vị này dứt kiến tư đều hết. Mầm phược đã dứt thì quả phược do đâu mà còn? Gọi là Niết-bàn hữu dư. Nếu thân tàn trí diệt gọi là Niết-bàn vô dư lại gọi là cô điều giải thoát. Lược nói địa vị rốt ráo của Thanh văn, kế là nói Duyên giác, cũng gọi là độc giác. Gặp Phật ra đời theo giáo pháp mười hai nhân duyên. Một là vô minh (phiền não chướng, phiền não đạo), hai là hành (nghiệp chướng, nghiệp đạo, hai chi này thuộc quá khứ), ba là thức (dựa vào thai và một phần khí đức), bốn là danh sắc (danh là tâm, sắc là chất), năm là sáu nhập (sáu căn thành trong bào thai), sáu là xúc (xuất thai), bảy là thọ (lãnh nạp cảnh tốt xấu trước mắt từ thức đến Thọ gọi là năm quả hiện tại) tám là ái (ưa sắc nam nữ vàng bạc, tài vật) chín là thủ, hễ thấy tất cả cảnh đều sinh tâm mê đắm, hai nhân vị lai này đều thuộc phiền não, như vô minh quá khứ), mười là hữu (Nghiệp đã thành tựu là nhân vị lai, thuộc nghiệp đạo như việc làm của quá khứ), mười một là sinh (thọ sinh vị lai), mười hai là già chết. Đây là cảnh sở diệt của bốn đế trước, là khai hội khác. Nói khai hội nghĩa là vô minh, hành, ái, thủ, hữu. Năm chi này hợp thành tập đế, bảy chi khác hợp thành khổ đế. Đã tên khác nghĩa đồng, vì sao nói là trọng? Vì có mấy trường hợp không giống, Duyên giác, các vị trời quán tập đế nên gọi là vô minh duyên hành, hành duyên thức, cho đến sinh duyên già chết. Đây là sinh khởi, nếu hành giả quán diệt thì hết vô minh tức hết hành, cho đến hết sinh thì hết già chết. Nhờ quán mười hai nhân duyên mà biết lý chân đế, cho nên nói Duyên giác. Nói độc giác nghĩa là ra đời không gặp Phật, một mình ở trên núi cao quán sự thay đổi của vật tự mình biết Vô sinh, nên gọi là Độc giác. Hai tên gọi chẳng giống nhau mà hạnh vị chẳng khác. Người này dứt kiến tư ba cõi đồng với Thanh văn, lại xâm nhập tập khí cho nên ở trên Thanh văn. Kế là nói địa vị của Bồ-tát. Từ sơ phát tâm duyên cảnh Tứ đế, phát bốn thệ nguyện rộng lớn, tu hạnh sáu Độ. Một người chưa được độ khiến được độ, tức chúng sinh vô biên thệ nguyện độ. Đây là duyên cảnh khổ đế, hai là người chưa hiểu khiến cho họ hiểu. Tức là phiền não vô tận thệ

nguyện dứt. Đây là duyên cảnh tập đế. Ba là người chưa được an giúp cho được an, tức pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Đây là duyên cảnh đạo đế. Bốn là người chưa được Niết-bàn thì giúp cho được Niết-bàn. Tức là Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Đây là duyên theo cảnh diệt đế. Đã phát tâm rồi tu hành hạnh nguyện. Đối với ba A-tăng-kỳ kiếp tu hạnh sáu Độ, trăm kiếp gieo giống tốt. Nói ba A-tăng-kỳ kiếp vả lại, theo Đức Thích-ca lúc tu đạo Bồ-tát. Luận phân hạn từ xưa Phật Thích-ca cho đến Thi-khí trải qua bảy muôn năm trăm Phật gọi là sơ A-tăng-kỳ, từ đây thường lìa thân nữ và từ đường ác, thường tu sáu Độ, nhưng tự mình không biết đang thành Phật. Nếu đối với địa vị Thanh văn tức là năm pháp quán dừng tâm, tổng biệt niệm xứ (ngoại phàm). Kế đến từ Phật Thi-khí cho đến Phật Nhiên Đăng đến bảy muôn sáu ngàn Phật, gọi là đệ nhị. Thời này dâng bảy hoa sen cúng dường, trải tóc đắp bùn được thọ ký riêng, hiệu là Thích-ca. Bấy giờ, tự biết thành Phật. Miệng chưa thể nói. Nếu đối với địa vị Thanh văn tức Noãn vị. Kế là từ Phật Nhiên Đăng cho đến Phật Tỳ-bà-thi trải qua bảy muôn bảy ngàn Phật, gọi là A-tăng-kỳ thứ ba mãn. Thời này tự biết cũng hướng về người nói sẽ thành Phật, tự người khác không nghi. Nếu đối với địa vị Thanh văn tức Đảnh vị. Qua thời gian như lời hứa xong lại trụ trăm kiếp, gieo nhân tướng tu trăm phước thành một tướng. Phước nghĩa nhiều đường, khó có thể phán định, có thuyết nói ngàn người mù trị khác nhau mà làm một việc phước. Tu hành sáu Độ mỗi độ có lúc đầy đủ. Như vua Thi-tỳ thay chim bồ câu mà Đàn Mãn, mọi người đều nói vua bỏ nước Thi-Mãn. Tiên nhân Sằn-Đề bị vua Ca-lợi cắt đứt tay chân từng đoạn mà vẫn được vô sinh nhẫn. Thái tử mở hội đại thí nhiều như số giọt nước biển, suốt bảy ngày khen ngợi Phật Hà sa. Còn Xà-lê ngồi thiền chim thước làm tổ trên đầu. Đại thần Cù-tần chia Diêm-phù-đề ra làm bảy phần dứt tịnh trí mãn. Đối với địa vị sơ Thanh văn là hạ nhẫn vị. Kế đến là nhập bổ xứ sinh lên cõi trời Đâu-suất, vào thai xuất thai, xuất gia hàng ma, an tọa bất động, lìa trung nhẫn vị, kế đến là một sát-na nhập thượng nhẫn vị. Lại một sát-na nhập thế đệ nhất vị, phát chân vô lậu, ba mươi bốn tâm, đốn đoạn tập khí kiến tư. Ngồi dưới gốc cây Bồ-đề, trải cỏ làm tòa, thành thân Phật liệt ứng trượng lục. Nhận lời thỉnh của Phạm Vương ba lần xoay bánh xe pháp, độ ba căn tánh, trụ thế tám, mươi năm, hiện tướng Tỳ-Kheo già, như củi hết lửa tắt, nhập vào Niết-bàn vô dư tức là Ba tạng quả Phật. từ trên đến đây giải thích ba hạng của người tu hành. Chứng quả tuy không giống nhưng đồng dứt kiến tư, đồng vượt ra ba cõi, đồng chứng thiên chân, chỉ đi ba trăm do-

tuần mà vào được hóa thành. Lược nói Tạng giáo đã xong, kế là nói Thông giáo, Thông tạng giáo trước, Thông, Biệt, Viên sau nên gọi là Thông giáo. Lại từ đương giáo mà được gọi tên. Nghĩa là ba người dùng đạo vô ngôn để nói. Thể sắc nhập không, nên gọi là Thông giáo. Nương theo kinh Đại Phẩm, Thập địa, Càn tuệ tức giáo này là địa vị kế. Một Càn tuệ địa, chưa có lý nước cho nên được tên đó. Tức là địa vị ngoại phàm cho Tạng giáo, năm pháp dừng tâm, tổng biệt ba địa vị đồng nhau. Hai là tánh địa tương tợ được pháp tánh nước, hàng phục kiến tư hoặc, tức địa vị nội phàm cho Tạng giáo từ gốc lành bằng nhau. Ba là nhân địa, bốn là kiến địa, hai địa vị này nhập vào tam-muội Vô gián dứt hết tám mươi tám kết sử trong ba cõi. Phát chân vô lậu thấy lý chân đế, cho Sơ quả Tạng giáo bằng nhau. Năm là bạc địa, dứt chín phẩm Tư cõi dục và sáu phẩm trước, cho hai quả Tạng giáo bằng nhau. Sáu là li dục địa, dứt chín phẩm tư ở cõi dục, cho ba quả Tạng giáo bằng nhau. Bảy là dị biện địa, dứt hết kiến tư hoặc, chỉ dứt chánh sử, không thể xâm tập, như đốt củi thành than, cho bốn quả Tạng giáo bằng nhau. Địa vị Thanh văn bằng ở đây. Tám là Bích-chi-phật địa, càng xâm nhập tập khí như đốt than thành tro. Chín là Bồ-tát địa, chánh sử dứt hết, cho hai thừa giống nhau. Nhờ vào tập khí nhuận sinh đạo quán đều lưu, du hý thần thông thanh tịnh cõi Phật. Mười là Phật địa, cơ duyên thuần thục, dùng một niệm tương ưng liền dứt các tập khí còn sót lại, ngồi dưới tòa Bồ-đề bảy báu lấy thiên y làm tòa, hiện mang liệt thắng ứng thân thành Phật. Vì căn tánh Ba thừa mà xoay bánh xe pháp tứ đế vô sinh, duyên đã hết, nhập vào Niết-bàn, chánh tập đều dứt như than tro đều dứt. Kinh nói: Ba con thú qua sông là voi, ngựa và thỏ. Ví dụ dứt hoặc không giống. Lại nữa kinh nói: Thật tướng các pháp Ba thừa đều được, cũng không gọi là Phật, chính là giáo này. Ba thừa giáo này nhân đồng quả khác. Chứng quả tuy khác nhưng đồng dứt kiến tư, đồng nêu ra phân đoạn, đồng chứng thiên chân. Nhưng đối với Bồ-tát trong đó có hai loại, đó là lợi, độn. Độn là chỉ thấy không mà không thấy chẳng không, chỉ thành quả đương giáo đầu Phật, hành nhân tuy khác mà quả và Tạng giáo đều đồng, cho nên nói thông trước . Nếu Bồ-tát lợi căn chẳng phải chỉ thấy không mà thấy cả bất không thì bất không tức là trung đạo chia làm hai loại là chỉ và không chỉ. Nếu thấy chỉ thì Biệt giáo đến tiếp. Nếu thấy không chỉ thì Viên giáo đến tiếp, cho nên nói chung với sau.

Hỏi: Địa vị nào được tiếp? Tiến nhập vào địa vị nào?

Đáp: Tiếp người ba căn khác nhau. Như Tam địa từ địa bị tiếp ở thượng căn, người Ngũ địa, Lục địa ở trung căn và người Thất địa,

Bát địa ở hạ căn chỗ tiếp chân giáo dường như không giống nhau. Nếu giống địa vị được tiếp thì riêng Thập hồi hướng tròn đầy địa vị Thập tín. Nếu địa vị chân thọ tiếp thì riêng Sơ địa tròn đầy Sơ trụ.

Hỏi: Tạng này chung với hai giáo, đồng là Ba thừa, đồng dứt Tứ trụ chỉ nêu ra ba cõi đồng chứng thiên chân, đồng qua ba trăm do-tuần, đồng vào hóa thành vì sao chia làm hai?

Đáp: Thật như chỗ hỏi, nhưng đồng mà khác, Đại tiểu khéo vụng khác hẳn nhau. Hai giáo này là giới nội giáo, tạng là giới nội, hơi vụng về. Không chung với Đại nên gọi là Tiểu, bỏ sắc nhập không nên gọi là vụng. Ba người của giáo này tuy thuộc giáo nội nhưng có thượng trung hạ khác nhau. Đối với về ba người này nhất thể độn căn cho nên phải phân tích phá bỏ. Thông giáo thì giới nội rất khéo léo. Đại nghĩa là Đại thừa sơ môn. Xảo là thể sắc nhập vào không môn. Tuy ba người trong giáo thượng, trung, hạ khác nhau nhưng đối với Tạng giáo thì một mặt là thuần lợi. Hỏi: giáo đã là Đại thừa vì sao có người Nhị thừa.

Đáp: Trong Cửa châu Tước ngại gì mà không có người dân ra vào? Cho nên người tuy có Tiểu giáo định là đại. Đại thừa và Tiểu thừa dần dần dẫn vào thật, há không phải thông minh lanh lợi hay sao? Bộ nội Bát-nhã, Phương Đẳng cùng Bát-nhã tức là giáo này. Lược nói Thông giáo đã xong.

Kế là nói Biệt giáo. Giáo này nói riêng pháp của Bồ-tát thuộc giới ngoại. Trí giáo lý đoạn nhân quả hành vị, riêng trước là hai giáo, riêng sau là Viên giáo, nên gọi là Biệt giáo. Kinh Niết-bàn chép: Tứ đế nhân duyên có vô lượng tướng, Thanh văn, Duyên giác chẳng thể biết. Các kinh Đại thừa nói Bồ-tát trải qua nhiều kiếp tu hành hạnh vị, thứ lớp đều không nhiếp nhau. Đây đều là tướng của Biệt giáo. Hoa Nghiêm nói Thập trụ, Thập Hạnh, Thập hồi hướng đều là Hiền. Thập địa là Thánh, Diệu giáo là Phật, Anh Lạc là địa vị thứ năm mươi hai Kim Quang Minh, chỉ nêu ra Thập địa quả Phật. Thắng Thiên Vương nói là Thập địa, Niết-bàn nói là năm hạnh. Như vậy các kinh xê xích khác nhau. Bồ-tát giới ngoại tùy căn cơ lợi ích đâu thể nói nhất định. Nhưng vị thứ đều đủ không vượt quá kinh Anh Lạc, cho nên nay nương kia nói lược lịch tiếp của Bồ-tát dứt tướng chứng được năm mươi hai địa vị, gom làm bảy khoa, là Tín, Trụ, Hạnh, Hướng, Địa, Đẳng, Diệu, lại hợp bảy khoa làm hai: Một là phàm, hai là thánh, phàm lại chia làm hai: Tín là ngoại phàm, Trụ, Hạnh, Hướng là nội phàm, cũng gọi là Hiền. Theo Thánh cũng có hai: Thập địa, Đẳng giác là nhân, Diệu giác là quả. Phần lớn chia như thế. Từ đây trở xuống là giải thích chi

tiết. Đầu tiên nói về Thập tín. Một là tín, hai niệm, ba tinh tấn, bốn Tuệ, năm định, sáu Bất thoái, bảy Hồi hướng, tám Hộ pháp, chín Giới, mười Nguyện. Mười địa vị này hàng phục phiền não kiến tư ở ba cõi giới cho nên gọi là Phục nhẫn vị (ngoại phàm) của Tạng giáo, Thất hiền vị Thông giáo, Càn tuệ, tánh địa ngang nhau. Kế là nói Thập trụ. Một là Phát tâm trụ (dứt kiến tư ba cõi, cho Tạng giáo Sơ quả Thông giáo Bát nhân kiến địa ngang nhau). Hai là Trị địa, ba là Tu hành, bốn Sinh quí, năm Cụ túc phương tiện, sáu Chánh tâm, bảy Bất thoái (sáu trụ trên dứt tư hoặc ba cõi được địa vị Bất thoái, kiến tư giống với kiến tư). Tám Đồng chân, Chín Pháp vương tử, mười Quán đảnh (ba trụ trên dứt trần sa nội giới, hàng phục trần sa ngoại giới, hai thứ trước không biết tên mục) cũng gọi là Tập chủng tánh, dùng bốn giả nhập không quán, thấy lý chân đế, khai tuệ nhãn, thành Nhất thiết trí, trải qua ba trăm do-tuần. Kế là nói Thập Hạnh: Một là Hoan hỷ, hai là Nhiêu ích, ba là vô vi nghịch, bốn vô khuất nạo, năm Vô si loạn, sáu Thiện hiện, bảy Vô trước, tám Nạn đắc, chín Thiện pháp, mười Chân thật (dứt hoặc trần sa giới ngoại) cũng nói là tánh chủng tánh, từ không nhập giả quán, thấy tục đế, khai pháp nhẫn, thành Đạo chủng trí. Kế là nói Thập hồi hướng: Một là Cứu hộ chúng sinh lìa tướng chúng sinh, Hai Bất hoại, ba Đẳng nhất thiết chư Phật, bốn Chí nhất thiết xứ, năm Vô tận công đức tạng, sáu Nhập nhất thiết bình đẳng thiện căn, bảy Đẳng tùy thuận nhất thiết chúng sinh, tám Chân như tướng, chín Vô phược vô trước giải thoát, mười Nhập pháp giới vô lượng (hàng phục tập khí vô minh trung quán) cũng gọi là Đạo chủng tánh, trải qua bốn trăm do-tuần, ở cõi phương tiện hữu dư (ba mươi địa vị trên là Tam hiền, cũng gọi là Nội phàm, từ Bát trụ đến đây là hành vị bất thoái). Kế là nói Thập địa: một là Hoan hỷ (từ đây dùng trong đạo quán, phá một phần vô minh, hiển một phần ba đức, cho đến Đẳng giác, đều gọi là Thánh chủng tánh). Đây là địa vị kiến đạo, lại địa vị vô công dụng thành Phật ở trăm cõi, tám tướng thành đạo, lợi ích chúng sinh, trải qua năm trăm do-tuần, đầu tiên nhập vào cõi thật báo vô chướng ngại. Một là nhập bảo sở, hai Ly cấu địa, ba Phát quang địa, bốn Diêm Tuệ địa, năm Ly Thắng địa, sáu Hiện tiền địa, bảy Viễn Hành địa, tám Bất động địa, chín Thiện Tuệ địa, mười Pháp Vân địa (chín địa trên mỗi địa dứt một phẩm vô minh, chứng một phần Trung đạo). Lại dứt một phẩm vào địa vị Đẳng giác, cũng gọi là Kim Cương tâm, cũng gọi là Nhất sinh bổ xứ, cũng gọi là Hữu thượng Sở, lại phá một phẩm vô minh, nhập địa vị Diệu giác, ngồi lên tòa Đại Bảo hoa vương dưới cây Bồ-đề bảy báu ở thế giới Liên hoa tạng, hiện

báo thân viên mãn làm chúng Bồ-tát độn căn, xoay bánh xe pháp Tứ đế vô lượng, tức là Phật. Có kinh luận nói: Thất địa ở trước gọi là hữu công dụng đạo, Bát địa trở lên gọi là Vô công dụng đạo. Địa vị Diệu giác chỉ phá một phần vô minh, gọi chung là theo thuyết đạo giáo. Có chỗ nói: Sơ địa dứt kiến, từ Nhị địa đến Lục địa dứt tư, ngang với A-la-hán. Ở đây do mượn địa vị Biệt giáo mà được tên gọi, gọi là địa vị Thông giáo. Có thuyết nói: Ba hiền mười thánh trụ ở quả báo. Chỉ có Phật là người ở tịnh độ. Đây là mượn Biệt giáo mà đặt tên, gọi là địa vị Viên giáo. Như đây mà chia ra nhiều chúng. Phải hiểu rõ địa vị đoạn chứng của giáo ấy đến địa vị nào mới dứt, cảm chứng cái nào và lý ra sao. Đến phán quyết các lời dạy các địa vị đều thông đạt. Lược nói Biệt giáo đã xong. Kế là nói Viên giáo. Viên là viên diệu, viên mãn, viên túc, viên đốn nên gọi là Viên giáo. Cho nên gọi là Viên phục, viên tín, viên đoạn, viên hành, viên vị, viên tự tại trang nghiêm, viên kiến lập chúng sinh. Các kinh luận Đại thừa nói cảnh giới Phật không chung với vị thứ của Ba thừa đều thuộc về giáo này. Bốn chữ khai thị ngộ nhập trong kinh Pháp Hoa. Đối với Viên giáo Trụ, Hạnh, Hướng, Địa, bốn mươi địa vị này Hoa Nghiêm nói lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác, tất cả tuệ thân không từ người khác mà ngộ. Pháp thân thanh tịnh diệu vắng lặng, thích ứng tất cả. Ở đây nói viên bốn mươi hai vị. Kinh Duy-ma chép: Trong rừng hoa Đảm-bặc không có mùi hôi, chỉ có hương thơm. Người vào trong thất này chỉ nghe mùi hương công đức của chư Phật. Lại nói: Nhập pháp môn bất nhị. Bát-nhã nói Tối thượng thừa, Niết-bàn nói một tâm năm hành. Lại nữa, kinh nói: Có người xuống biển tắm dùng nước của tất cả sông, lại rộng Sa-già-la làm mưa chỉ có biển lớn mới thọ nhận hết, các địa khác không kham nổi. Lại, giã hương vạn chung vo thành viên, như đốt một trần đầy đủ các khí. Các loại như vậy đều thuộc Viên giáo. Nay nương theo Pháp Hoa, Anh Lạc lược nói vị thứ có tám. Một địa vị Ngũ phẩm đệ tử (ngoại phàm có ra kinh Pháp Hoa) Hai là địa vị Thập tín (nội phàm) ba là địa vị Thập trụ (sơ thánh) bốn là Thập hạnh, năm là Thập hồi hướng, sáu là Thập địa, bảy là Đẳng giác (là nhân của mạt vị) tám là Diệu giác (là quả). Sơ địa vị ngũ phẩm một phẩm tùy hỷ. Kinh nói : Như nghe kinh không chê bai, khởi tâm tùy hỷ.

Hỏi: Tùy hỷ là pháp gì?

Đáp: Diệu pháp, Diệu pháp là tâm này. Diệu tâm thể cụ, như như ý tâm chân; Tâm, Phật và chúng sinh ba pháp không khác nhau. Tâm này tức không, tức giả, tức trung, thường cảnh vô tướng, thường trí vô duyên. Không duyên mà duyên, đều là ba quán, vô tướng mà tướng,

ba đế không khác. Cái biết sơ tâm này là mừng cho mình, mừng cho người, nên gọi là tùy hỷ. Trong dùng ba quán quán cảnh ba đế. Ngoài dùng năm hối càng thêm tinh tiến, giúp thành lý giải. Nói năm hối có hai, một là lý, hai là sự. Lý là sám hối. Nếu muốn sám hối phải ngồi thẳng nhớ nghĩ thật tướng, các tội như sương móc, mặt trời trí tuệ lên sẽ tan biến, tức là nghĩa này. Nói sự hối nghĩa là ngày đêm sáu thời ba nghiệp thanh tịnh. Đối với các bậc tôn tượng trình bày tội lỗi. Từ vô thỉ cho đến thọ thân này gây ra tất cả nghiệp như giết cha, giết mẹ, phá hòa hợp tăng, giết A-la-hán, làm thân phật chảy máu, tà dâm, trộm cắp, nói dối, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, ác khẩu, tham, sân, si. Như vậy năm tội nghịch, mười điều ác và tất cả nghiệp khác tùy ý phát lộ không che giấu, tội lỗi dứt hết, cho nên không gây ra nghiệp mới. Như vậy ngoại chướng dần dần tiêu trừ, nội quán được sáng tỏ. Như thuận theo dòng mà thuyền, tăng thêm mái chèo, há không nhanh chóng đến chỗ dừng ư? Hành giả tu viên hạnh cũng giống như vậy. Chỉ quán viên lý, sự hành giúp nhau, há không nhanh chóng đến bờ diệu giác? Chớ thấy đây mà cho là Tiệm hạnh. Nghĩa là viên đốn không có hạnh như vậy thì thật là sai lầm. Nếu chỗ nào thiên nhiên Di-lặc, tự nhiện Thích-ca, nếu vừa nghe sinh tử tức Niết-bàn, phiền não tức Bồ-đề, tức tâm là Phật, bất động liền đến, không gia công tu tập liền thành Chánh giác, các thế giới mười phương đều là tịnh độ, xúc hướng đối diện đều biết. Nay tuy là Phật, đây là lý tức, cũng là cầu Pháp thân, không có Pháp thân trang nghiêm làm sao vào cửa tu chứng. Chúng ta là bọn ngu muội, vừa nghe nói không liền phát tâm tu hành, không biết nguyên do của nó, chuột thì chiu dưới hang, chim thì bay trong hư không, có nói rộng trong kinh luật. Tâm tức là hai khuyến thỉnh, khuyến thỉnh các Đức như lại mười phương lưu thân cửu trụ, cứu độ hàm thức. Ba là tùy hỷ, tùy hỷ khen ngợi các gốc lành. Bốn là hồi hướng, tất cả xưng tán là thiện, đều hồi hướng Bồ-đề. Năm là phát nguyện, nếu không phát tâm thì muôn việc không thành, cho nên phát tâm tu để dẫn dắt bốn thứ trước là năm hối. Từ nay trở xuống các vị thẳng đến Đẳng Giác, gồm dụng năm hối, lại không tái sinh ví dụ này có thể biết. Hai là phẩm đọc tụng, kinh chép: huống gì đọc tụng, thọ trì, nghĩa là nội dùng viên quán lại thêm đọc tụng như dầu giúp lửa. Ba là phẩm Thuyết pháp, kinh chép: Nếu có thọ trì, đọc tụng nói cho người khác nghe, trong hiểu rõ chuyển thắng đạo lợi ích cho người, đổi công quy về tâm mình, gấp bội trước kia, kiêm hạnh sáu Độ. Kinh nói: Huống lại có người trì kinh, thực hành bố thí nhờ phước đức đó cho nên quán tâm gấp bội phần. Năm là chánh hạnh

sáu Độ. Kinh chép: Nếu người đọc tụng, nói cho người nghe, lại có thể trì giới, nghĩa là tự thực hành giáo hóa người, sự lý đều đủ. Quán tâm vô ngại, càng thêm lên đối với trước, không thể ví dụ. Ngũ phẩm vị này viên phục năm trụ phiền não, ngoại phàm vị, cho riêng đồng với Thập tín vị. Kế là tiến vào địa vị sáu căn thanh tịnh, tức là Thập tín. Sơ tín dứt kiến hoặc, hiển chân lý, ngang với sơ quả của Tạng giáo, Bát nhân kiến địa của Thông giáo sơ trụ của biệt giáo, chứng địa vị bất thoái. Kế đến từ Nhị tín cho đến Thất tín dứt hết tư hoặc, ngang với nhị Phật của tạng thông thất trụ của biệt giáo. Ba giới khổ tập dứt hết, không còn gì khác, cho nên Nhị Vương nói: Bồ-tát Thập thiện phát đại tâm, giã biệt hẳn biển khổ ba cõi. Giải thích rằng: Thập thiện nghĩa là mỗi pháp đủ mười thiện. Nếu riêng mười Tín tức hàng phục mà không dứt, cho nên định thuộc Viên tín. Nhưng Viên nhân vốn hẹn không dứt kiến tư trần sa. Ý là nhập trụ dứt vô minh, thấy Phật tánh. Nhưng giống như đúc sắt, phần thô cấu trước được bỏ đi, chẳng phải vật đáng ưa. Ý ở nơi thành khí, khí chưa thành tự nhiên bỏ cái trước. Tuy thấy cái trước được bỏ đi nhưng người này trong tâm không có một niệm vui mừng. Vì sao? Vì chưa được chỗ mong mõi. Hành nhân Viên giáo cũng giống như vậy, tuy chẳng phải điều mong cầu tự nhiên bỏ cái trước. Đại Sư Vĩnh Gia nói đồng dứt bốn trụ chỗ này ngang nhau. Nếu hàng phục vô minh, Ba tạng là khác, tức địa vị này. Giải thích rằng: Bốn trụ chỉ là kiến tư, nghĩa là kiến là một. Gọi kiến là Tất cả xứ trụ địa. Tư hoặc chia làm ba: Một là dục ái trụ địa, chín phẩm tư ở cõi dục. Hai là Sắc ái trụ địa. Tứ địa cõi Vô sắc mỗi cái có chín phẩm tư. Từ trụ này Ba tạng Phật cùng sáu căn thanh tịnh mọi người đều dứt cho nên đồng trừ bốn Trụ. Nói nếu hàng phục vô minh ba tạng thì xếp vào vô minh, tức giới ngoại chướng biệt cảm của Trung đạo. Ba tạng giáo chỉ nói về nội giới thông cảm. Vô minh gọi tên còn không thể biết, huống chi là phục đoạn, cho nên nói Ba tạng tắc liệt. Kế là từ địa vị Bát tín đến địa vị Thập tín dứt hết giới nội ngoại, trần sa hoặc. Nếu quán hiện tiền thấy lý trụ đế, khai pháp nhãn, thành đạo chủng trí, đi bốn trăm do-tuần, ngang với bát cửu Thập trụ và địa vị Hạnh, Hướng của Biệt giáo. Hạnh không lui sụt, kế là nhập sơ trụ, dứt một phẩm vô minh, chứng một phần ba đức. Nghĩa là giải thoát Pháp thân Bát-nhã. Ba đức này không ngang không dọc, như ba điểm của chữ y, ba mắt của thiên chủ, hiện thân ở trăm cõi, tám tướng thành đạo, rộng độ chúng sinh.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác, trí tuệ do tự mình có, không do người khác ngộ, Pháp thân thanh tịnh

mầu nhiệm sáng suốt, ứng với tất cả. Giải rằng Sơ phát tâm là tên Sơ trụ, liền thành Chánh giác tức là thành Phật tám tướng. Đây phân chứng quả, tức nhân giáo chân ở đây, nghĩa là thành Diệu giác thật là sai lầm. Nếu như vậy thì Nhị trụ đã bỏ, các địa vị không lập. Nếu nghiêng nặng về lời nói thì Phật có lỗi rất nhiều. Nói có địa vị, mỗi địa vị thâu nhiếp tất cả địa vị. Lại nói, phát tâm rốt ráo hai pháp, không khác nhau. Phải biết nhiếp yếu chỉ tế thức chẳng phải hai. Long Nữ liền thành Chánh giác, các Thanh văn, người được thọ ký đời sau thành Phật đều là tướng địa vị thành Phật. Tuệ thân là đức Bát-nhã, liễu nhân tánh được khai phát. Diệu Pháp thân là đức Pháp thân. Chánh nhân tánh khai phát, ứng nhất thiết là đức giải thoát, tức là nhờ nhân tánh được khai phát. Như ba thân nầy phát được bổn hữu, cho nên nói không từ người khác mà ngộ. Trung quán hiện tiền, khai Phật nhãn thành trí nhất thiết chủng, đi năm trăm do-tuần, đến được đẩo châu bái, đầu tiên ở cõi thật báo không chướng ngại, niệm không rời địa vị. Kế là từ Nhất trụ cho đến Thập trụ, mỗi trụ dứt một phẩm vô minh, thêm một phần Trung đạo, ngang với Thập địa của Biệt giáo. Kế là nhập sơ hạnh dứt một phần vô minh, ngang với biệt giáo và đẳng giác. Kế là nhập vào nhị hạnh, ngang với diệu giác của Biệt giáo. Từ tam hạnh trở đi người của Biệt giáo còn không biết danh tự, huống chi hàng phục và dứt. Vì Biệt giáo chỉ phá mười hai phẩm vô minh cho nên lấy chân nhân của ta làm cực quả của ngươi. Chỉ duyên giáo càng quyền thì địa vị càng cao, giáo càng thật thì địa vị càng thấp. Giống như biên phương chưa yên tĩnh thì việc canh giữ càng cao. Huân tước càng lớn thì địa vị càng thấp. Cho nên quyền giáo tuy xưng Diệu giác chỉ là hạnh thứ hai trong Thật giáo. Kế là từ Tam hạnh trở đi cho đến Thập địa mỗi pháp dứt một phẩm vô minh, tăng thêm một phẩm Trung đạo, tức dứt bốn mươi phẩm hoặc. Lại phá một phẩm vô minh, nhập địa vị Đẳng giác, đây là Nhất sinh bổ xứ. Tiến đến phá một phẩm vô minh sâu kín, nhập vào địa vị Diệu giác. Vĩnh biệt cha mẹ vô minh, chứng Niết-bàn rốt ráo. Các pháp không bất sinh, Bát-nhã bất sinh, bất sinh bất sinh gọi là đại Niết-bàn. Lấy hư không làm nhà, thành Pháp thân thanh tịnh, ở cõi Thường tịch Quang tức là tướng của Phật viên giáo. Như vị thứ của Viên giáo, nếu không dùng sáu để phán xét việc thì chỉ lạm dụng cõi trên. Cho nên tu sáu tức phán xét địa vị. Nghĩa là tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, có Phật không Phật, tánh tướng vẫn thường trụ.

Lại nói: Một sắc một hương đều là lời nói Trung đạo, đều là lý tức. Kế là từ thiện tri thức và từ kinh điển, nghe thấy điều này là danh tự tức. Y giáo tu hành là quán hành tức (Năm phẩm vị). Tương tợ giải

thoát tức tương tợ tức (Thập tín). Phần phá phần kiến là phần chứng tức (từ Sơ trụ cho đến Đẳng giác). Trí dứt viên mãn là Cứu cánh tức(địa vị Diệu giác). Theo địa vị tu hành từ thấp đến cao, nên gọi là Sáu. Theo chỗ hiển bày lý thể mỗi vị không hai nên gọi là Tức. Cho nên sau chữ thức sâu không sinh tâm thượng mạn, kế là nói chữ Minh bất sinh tự khuất, có thể quay về có thể nương tựa để chọn lựa tư. Lược nói địa vị Viên giáo đã xong. Nhưng lúc nương vào Bốn giáo trên mà tu hành mỗi pháp có phương tiện chánh tu. Nghĩa là năm mươi hai phương tiện quán pháp Thập thừa. Nếu các giáo mỗi giáo tự rõ ràng thì văn nó khá rườm rà. Ý nghĩa tuy khác mà danh số không khác, cho nên nay gọi chung là minh, có thể dùng ý mà biết. Nói hai mươi lăm phương tiện gom thành năm khoa. Một là đủ năm duyên, hai là trách năm dục, ba là năm cái, bốn là điều phục năm việc, năm là thực hành năm pháp. Đầu tiên nói năm duyên.

1. Trì giới thanh tịnh. Như trong kinh nói nhờ giới này mà sinh ra các thiền định và trí tuệ diệt khổ nên gọi là Tỳ-Kheo. Nên giữ giới thanh tịnh tại gia, xuất gia, Đại thừa, Tiểu thừa không giống nhau. Hai là y thực đầy đủ. Y có ba:

1- Như Đại sĩ ở trong núi tuyết được áo xấu là đủ, không giống như người nhân gian do năng lực kham nhẫn mà thành.

2- Như Ca-diếp chỉ có ba y phẩn tảo không chứa y dư.

3- Ở xứ lạnh, Như Lai cũng cho ngoài ba y còn có một trăm lẻ một dụng cụ. Thức ăn cũng có ba.

1- Bậc thượng căn Đại sĩ ở trong núi sâu cắt đứt với người đời, dùng cây cỏ nuôi thân.

2- Thường xin thức ăn.

3- Nhờ đàn việt cúng dường. Ở trong tăng thanh tịnh mà ăn. Ba là nhàn cư tịnh xứ, không làm các việc gọi là nhàn, không ở chỗ ồn náo gọi là Tịnh. Xứ có ba. Theo y và thực rất dễ biết. Bốn là dứt các việc duyên. Nghĩa là dứt sinh hoạt, dứt việc người, dứt kỹ thuật khéo léo. Năm là gần thiện tri thức, có ba.

1- Thiện tri thức ngoại hộ.

2- Thiện tri thức đồng hành.

3- Thiện tri thức giáo thọ.

Phần thứ hai là quở mắng năm dục:

Một- là quở trách sắc. Nghĩa là tướng mạo trang nghiêm của nam nữ, sửa mắt, nâng mày, son phấn, cạo môi, răng và các vật báu thế gian, treo các vật có nhiều mầu sắc.

Hai- là quở trách âm thanh: Nghĩa là âm thanh của đàn sáo hoàn bội và âm thanh ca vịnh của nam, nữ.

Ba- là quở trách hương: Nghĩa là hương nam, nữ và hương thức ăn uống ở thế gian.

Bốn- là quở trách vị: Nghĩa là các loại thức ăn ngon ngọt.

Năm- là quở trách xúc: Nghĩa là thân nam, nữ mềm mại trơn láng, lúc lạnh thân cần ấm, lúc nóng cần mát và các xúc chạm ưa thích.

Phần thứ ba bỏ năm cái. Nghĩa là tham dục, sân nhuế, ngủ nghỉ, trạo hối, si.

Phần thứ tư là điều phục năm việc. Nghĩa là điều phục tâm không chìm không nổi. Điều thân không chậm không mau. Điều phục hơi thở không rít không trơn. Điều phục ngủ nghỉ không bó buộc, không buông thả. Điều phục ăn uống không đói không no.

Phần thứ năm là thực hành năm pháp:

Một- là Dục. Nghĩa là dục lìa tất cả vọng tưởng điên đảo ở thế gian. Dục được tất cả các pháp môn thiền định, trí tuệ.

Hai- là Tinh tấn: giữ gìn giới cấm, lìa bỏ năm cái. Đầu hôm, nửa đêm, gần sáng phải cần tinh tấn.

Ba- là Niệm niệm thế gian dối trá đáng khinh, đáng rẻ. Thiền định trí tuệ đáng trọng, đáng quí.

Bốn- là Trí tuệ bén nhạy. So sinh sự ưa thích của thế gian và ưa thích thiền định trí tuệ được mất, nặng nhẹ.

Năm- là Nhất tâm. Niệm tuệ rõ ràng. Thấy rõ thế gian đáng lo đáng chán. Công đức thiền định trí tuệ của tri thức đáng tôn, đáng quí, hai mươi lăm pháp này là bốn phương tiện giáo trước, cho nên cần phải đầy đủ. Nếu không có phương tiện này thì thiền định thế gian còn không thể được, huống chi là lý vi diệu xuất thế gian? Nhưng trước nói giáo tiệm đốn không giống nhau, phương tiện cũng khác thì nương cái gì để tu hạnh giáo? Đến lúc phải xét.

Kế là nói chánh tu quán pháp Thập Thừa, cũng tên đồng nghĩa khác của Bốn giáo. Nay nói Viên giáo, các giáo khác cũng như vậy. Một là quán cảnh không thể nghĩ bàn: Nghĩa là quán một niệm tâm đủ ba ngàn tánh tướng, trăm cõi ngàn như, cảnh trong đây tức không, tức giả, lại không có trước sau, rộng lớn viên mãn, ngang dọc tự tại. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: Xe này cao rộng (thượng căn chánh kiến). Hai là chân chánh phát tâm Bồ-đề. Nghĩa là nương vào cảnh mầu nhiệm, phát bốn thệ nguyện sâu rộng vô tác. Thương mình thương người, trên cầu Phật đạo, dưới hóa chúng sinh. Cho nên kinh chép: Lại ở trên đó lập

bày ra sự che chở. Ba thiện xảo an tâm chỉ quán, nghĩa là thể nhận được lý vi diệu. Ở trước thường hằng vắng lặng gọi là Định. Tịch mà thường chiếu gọi là Tuệ, cho nên kinh chép: An trí chỗ nghỉ, Bốn là phá pháp biến. Nghĩa là dùng ba quán phá ba hoặc ba quán nhất tâm, vô hoặc bất phá, cho nên kinh chép: Nhanh như gió. Năm thức thông với chỗ nguy hiểm nghĩa là khổ tập, mười hai nhân duyên, sáu chỗ ngăn che, trần sa, vô minh là nguy hiểm. Đạo diệt là nhân duyên trí diệt. Sáu Độ, một tâm ba quán là chung. Nếu thông cần ủng hộ thì có nguy hiểm cần phá. Đối với chung khởi nguy hiểm có thể phá như chỗ phá liên tiếp xem xét gọi là Thức thông nguy hiểm. Kinh chép: An trí chỗ nghỉ (xe ngoại). Lục đạo phẩm điều thích, nghĩa là phẩm đạo vô tác. Mỗi pháp đều dừng tùy nghi mà nhập. Kinh nói có trâu trắng (thượng, trung căn). Bảy là đối trị giúp khai mở, nghĩa là chánh đạo nhiều chướng ngại, viên lý không khai, cần việc trợ giúp. Nghĩa là năm pháp dừng tâm và sáu Độ. Kinh chép: Có nhiều tôi tớ (đây là hạ vị, hạ căn). Tám là biết vị thứ, nghĩa là người tu hành thoát tăng thượng mạn. Chín là được an nhẫn. Nghĩa là thuận hay nghịch vẫn an nhiên bất động, sách tiến năm phẩm nhập vào sáu căn. Mười là không có pháp ái, nghĩa là không mê đắm đạo Thập tín tương tợ. Cần nhập lý sơ trụ chân thật. Kinh chép: Thừa là xe báu, đi khắp bốn phương (vượt qua bốn mươi giai vị) thẳng đến đạo tràng (địa vị Diệu giác) xét theo quảng bổn của Thai giáo, ghi chép năm thời tám giáo, lược biết như thế. Nếu phải làm rõ ràng thì phải xem quyển Diệu Pháp huyền nghi, xem chư Phật mười phương ba đời nói pháp oai nghi, giống như gương sáng và Tịnh Danh Huyền Nghĩa bốn quyển, toàn bộ phân biệt giáo tướng. Từ đây trở xuống lược nói các nhà phân biệt nghi thức giáo.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

KIM CANG TY

SỐ 1932

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1932

KIM CANG TY

Sa-môn Trạm Nhiên tông Thiên thai đời Đường soạn.

Tự thấm nhuần kinh điển, tóm lại có được mấy năm, không lúc nào không hoài nhớ Phật tánh nghĩa kinh, e rằng không hiểu rõ nghĩa học làm khổ hạnh. Đại giáo chia ra lập công ở đây; muôn phái chung một đường, các dòng quy về một hướng. Các pháp ý chỉ sâu rộng, lập hạnh đã có kỳ hạn, nếu như thế mà suy lường, nương vào đómà quán xét, thì phám thánh như một, sắc hương đều thanh tịnh; ở địa ngục A-tỳ tự tâm y theo chánh, nơi nào không thánh thiện, Pháp thân, Phật thân sinh cõi nào, nhất tâm không vượt qua phàm phu, từng ở trong đêm dài vắng lặng mà suy tư nghĩ tưởng chưa thôi, huống chi là như ngủ. Trong giấc ngủ nói vô tình hữu tánh, vẫn ở trong giấc mộng bỗng thấy có người nói: Kẻ hèn này quê mùa, dung mạo tục tần tới lui bất thường, cố đứng thẳng về phía trước, và hỏi tôi rằng: “Vừa rồi chợt nghe vô tình hữu tánh, do nhân giả nói có phải chăng? Tôi nói: đúng như vậy.

Khách nói: Kẻ hèn này tìm tòi cứu xét một chút về nguồn gốc của giáo pháp Phật, truyền rộng tông này há phải qua song thọ cuối cùng ra sức bàn xướng về cho rốt ráo, mà nói Phật tánh không nói vô tình, vì sao Phật chỉ nói có vô tình ư?

Tôi nói: người xưa còn nói không có nhất-xiển-đề, không có vô tình, chưa đủ để sợ hãi sao, mà còn đem giáo pháp chia ra Đại, Tiểu, thì lời nói ấy quá trái ngược. Nếu nói vô tình thì không nên nói hữu tánh, nếu nói hữu tánh thì không nên nói vô tình

Khách nói: Sao trong đại bộ Niết-bàn, nói nó đi đôi với nhau?

Tôi nói: vì ông không quan tâm đến Phật tánh làm sao có giáo bộ quyền thật, nên khiến đồng với người tầm thường mà sinh ra nghi ngờ.

Nay lại được ông dẫn ra văn kinh, khiến cho người đời sau thích dẫn văn kinh này chứng Phật tánh bỏ vô tình, khéo đắc ý chỉ của kinh không mê mờ lý tánh. Biết tôi đã khéo lập phù hợp với tông kinh, nay lập khắp các thể chánh nhân của chúng sinh, văn kinh cũng lấy hư không làm ví dụ, nên phẩm cao quý-diếp thứ ba mươi mốt chép: Phật tánh chúng sinh giống như hư không, chẳng ở trong ở ngoài. Nếu là trong ngoài, vì sao được gọi là Nhất thiết xứ hữu, xin xét về một chữ "Hữu" thôi, thì nó cũng thuộc về hư không, nên biết văn kinh không chấp nhận, chỉ ở trong chuyênở ngoài, nên nói chẳng ở trong ở ngoài v.v.... và nói như hư không. Đã nói Phật tánh chúng sinh, sao chẳng nói về chánh nhân lý tánh. Kế đến ngài Ca-diếp hỏi rằng: Vì sao gọi là giống như hư không? Đức Phật bèn lấy quả địa vô ngại để trả lời Ca-diếp, há chánh nhân và nhân quả chẳng phải là một hay sao? do Phật nói về "quả", nên Ca-diếp mới đem quyền trí, đoạn quả, quả thượng duyên để rỏ tất cả đều là có. Cái khó ở đây là Phật dụ "không" và "pháp" chẳng ngang nhau. Nên ngài Ca-diếp nói: Phật tánh, Niết-bàn của Như Lai là có, hư không đáng lẽ cũng là không. Đức phật trước thuận theo câu hỏi trả lời, kế là nói về Tông không.

Trước là thuận theo câu hỏi nói: Vì phi Niết-bàn nói là Niết-bàn, phi Niết-bàn nghĩa là còn phiền não. Vì phi Như Lai nói là Như Lai, phi Như Lai nghĩa là còn Xiển-đề, Nhị thừa. Vì phi phật tánh nói là Phật tánh, Phật tánh nghĩa là tường vách gạch, ngói. Nay hỏi, nếu là sỏi đá mãi mãi là phi, người Nhị thừa phiền não cũng là phi ư? Nên biết, văn kinh phương tiện dạy nói ba pháp đối trị, tạm nói ba hữu, để gạt bỏ ba "phi". Nên văn này về sau lại nói chung là tất cả thế gian. Vô phi hư không đối với hư không, ý Phật sánh ngang sỏi đá với ba phi. Vì cho rằng đã đối nên nói đối với hư không, thế thì tất cả vô phi Như Lai bằng ba. Ngài Ca-diếp lại cho bốn đại đều như nhau, khiến "không" thành "Hữu", nên Ca-diếp nói: "Thế gian cũng vô phi bốn đại đối với bốn đại, vậy có hư không vô đối, sao chẳng gọi là có? Ý Ca-diếp nhờ có hư không vô đối, nên có bốn đại. Đức Phật đối với đều này sao xả bỏ ví dụ theo pháp, nói rộng Niết-bàn không giống với hư không. Nếu Niết-bàn chẳng đồng với hư không, thì hai thứ còn lại cũng khác. Nên biết, kinh lấy chánh nhân đúc kết lại nói rằng: "tất cả thế gian cái gì không thâu nhiếp, đâu ngăn cách được phiền não và Nhị thừa ư? Nói hư không cái gì chẳng bao gồm, làm sao vứt bỏ tường vách, sỏi đá được?

Sao Đức Phật lại nói "không" và "Niết-bàn", tuy đều chẳng phải thuộc về thế gian, Niết-bàn Như Lai có chứng có thấy, hư không thường

là vậy, cho nên không chứng không thấy, há chi chánh không đồng với duyên hay sao?

Kế là, Đức Phật hiển bày tông không phi hữu, vì sợ người thế gian đem tà chấp để ví dụ hư không là Phật tánh, nên lại dùng thêm mười tà chấp nữa để ngăn chặn lỗi này.

Đầu tiên nói: người thế gian nói hư không là Vô sắc vô đối không thể thấy. Đức phật nói đây tức là tâm sở thuộc về ba đời, nói nó tợ như tâm sở, nên Phật phá bỏ. Người thế gian nói nó trong thân, thì có khác gì tâm sở. Lại nữa, người ngoại đạo nói: hư không kia chính là ánh sáng. Phật nói hư không cũng là sắc pháp. Người thế gian nói là trong thân, có khác gì sắc pháp. Có người nói trú xứ, người đời nói trong thân, đâu phải là trú xứ. Có người nói thứ lớp, người đời nói trong thân, đâu phải là trú xứ. Có người nói thứ đệ, người đời nói trong thân chắc chắn phải phụ thuộc vào thân khi sát-na vận chuyển. Có người nói không lìa ba pháp: 1. Không; 2. Thật; 3. không thật. Phật nói: Nếu nói " Không" là có nơi chốn thì chẳng đúng; nếu " thật" là "không xứ" thì chẳng đúng; Nếu nói " không" và "thật" là hai xứ thì không đúng, người thế gian nói trong thân vẫn thiếu ngoài chấp không và cả hai thứ. Có người nói tác pháp, như bỏ nhà đi.

Người thế gian nói thân đã chết tương ứng với chân, thì đồng với tác pháp. Có người nói: Không có nơi vô ngại, Phật nói: có phân chia, có đầy đủ, còn nơi khác thì không đúng. Người thế gian nói trong thân, còn nơi khác thì không. Có người nói: đều hợp với có, Đức Phật nói hợp có ba thứ:

Như con chim đậu trên cây
Như hai con dê húc nhau
Như các ngón tay mình khép lại.

Người thế gian nói trong thân, như hai ngón tay khép lại. Có người nói như cái bình rỗng. Người thế gian nói trong thân, có khác gì trong cái bình. Có người nói nó thuộc về ngón tay. Phật nói nó có phương diện, người thế gian nói nó ở trong thân, chẳng lẽ chẳng có phương diện. Đức Phật đúc kết lại nói: Nó từ nhân duyên sinh đều là vô thường, cho nên mười tà chấp này để. Ví dụ: hư không chẳng phải Phật tánh, mà là vô thường, thuộc về ba đời. Hư không khác với những thứ kia trùm khắp mọi nơi, ở đây trái với lời Ca-diếp hỏi, lại hợp với tông Không, lấy làm ví dụ cho chánh nhân.

Vì sao người thế gian bỏ chánh giáo của Phật, kết đẳng với tà không? Vì sao cho rằng Trí đoạn quả thượng duyên hiểu rõ được Phật

tánh, cho nên gạn hỏi về chánh nhân? Như Lai là Trí quả, Niết-bàn là đoạn quả, nên Trí đoạn quả trên, có duyên hiểu rõ tánh. Do đó, ngài Ca-diếp bất bẻ rằng: Như Lai, "Phật tánh, Niết-bàn là có" người thế gian phần nhiều đem Niết-bàn ra gạn hỏi, nên dẫn rộng ra để lấn áp các luận khác. Ông không hiểu văn Niết-bàn nói, ngoặt nghèo phải học hỏi người thế gian, phòng ngại sỏi đá, liễu duyên khó chánh, rất không tương ứng, đây chính là điều ông không biết gì về Phật tánh, huống chi là lấy " không" để dụ cho chánh duyên liễu rõ vẫn hạn cục. Nhưng Ca-diếp đã dẫn ra ba thứ là có, đây là Niết-bàn, mang thuyết của quyền môn, nên Đức Phật thuận theo ba thứ của Ca-diếp nói đều là có. Nếu đốn giáo thật nói vốn có ba thứ, ba lý vốn khắp, tu thành tựu đạt tánh, tu ba cũng khắp, muốn dạy bảo chúng sinh vốn có chánh tánh, lại nói chánh biến giống như hư không, nên đến cuối đời thuận theo Tôn giả Ca-diếp, há chẳng phải Ca-diếp biết thời cơ mà bày ra điều nghi ngờ hay sao? Nên Đức Phật che giấu sự thật, trình bày duyên tạm thời. Ông đây không biết quyền thật của Phật dạy. Cho nên, Phật tánh trong kinh Niết-bàn nói, không chỉ có một thứ, như phẩm Ca-diếp nói: Phật tánh gồm có: mười lực vô ý, bất cộng đại Bi, ba niệm, ba mươi hai hướng, tám mươi vẻ đẹp, sao ông không dẫn văn này ra, khi tất cả chúng sinh cũng không, đâu riêng gì sỏi đá. Nếu nói đây là quả đức, thì chúng sinh có quả tánh. Quả tánh này thân sinh cõi nào không thấm nhuần sõi đá ư? Lại nếu chấp nhận có nhân thì có quả tánh, thế gian đâu chỉ nói chư Phật mười phương đồng với Nhất Pháp thân lực vô úy, v.v... mà còn không nói chúng sinh và Phật cũng đồng ý với Pháp thân lực vô úy, v.v...., khiến một mảy trần một tâm không gì là chủng tánh của ba thân ba đức. Nếu nói chỉ có quả địa Pháp thân tánh thì vì sao kinh nói mười lực vô uy cho đến tướng tốt. lại nữa trong kinh nói những người xiển-đề bốn câu nói về tánh. Ông nói chúng sinh có tánh, vì sao chúng sinh có những tánh ấy, sõi đá hay không có bốn câu, lại là tướng thứ sáu, thứ chín, cho đến tướng ba mươi hai, đều lấy năm giai đoạn máu mủ lẫn lộn để đối với phàm phù ba thừa và Phật, vì sao Phật tánh ở mỗi người khác nhau không đồng. Lại ở tướng thứ hai mươi nói: "Nếu tu tám Chánh đạo thì thấy Phật tánh". Luận Bà-sa và Câu-xá-đều có nói về tám chánh, thậm chí các kinh đều có phẩm đạo. Vì để tu tám chánh nào thấy Phật tánh gì, nên ông không biết Phật tánh.

Khách nói: Vì sao quyền giáo không nói liễu duyên hai nhân trùm khắp.

Tôi đáp: Vì chúng sinh từ vô thỉ chấp ngã, ngã sở, theo cái đã chấp

hiển bày sai khác, nói năng lung tung. Trong kinh Niết-bàn dùng quyền biến thiết thực, nên lấy “không” dụ cho “chánh”, chưa ví dụ về duyên, nếu giáo pháp xưa nay quyền biến thì ba nhân đều là phạm trù. Như riêng người sơ tâm nghe chánh cũng là một việc, tạng tánh lý tánh tất cả đều như vậy. Cho nên người phàm phu thấp hèn nghe vô tịnh không, theo cái mê mà hiển bày cái mê, cho rằng có khả năng làm vậy là đúng, nương quyền lập tánh cho rằng như vậy là làm sai. Lại nữa, một đời đã hiển đốn nhiều, như trong kinh Hoa Nghiêm chỉ theo chánh, ngoài ra không theo cái gì nữa. Phổ Hiền, Phổ Nhãn ba thứ không khác nhau, Đại Tập nói nhiễm tịnh tất cả dung thông, đều gọi là không thể nghĩ bàn, thí như lỗ chân không gì chẳng dung nạp, Tư ích, võng minh đều cho là Pháp giới; Niết-bàn các pháp lẫn lộn đồng là một, Pháp Hoa xưa nay thật tướng đều như vậy; Niết-bàn chỉ ngại hình tượng rồi chấp sai lầm, chia ra chánh duyên liễu, chỉ riêng cho góc cạnh. Nếu chấp thật mê quyền vẫn còn lỗi ở thật, chấp quyền mê thật thì quyền thật đều mê. Nghiệm thấy tâm ông còn mê muội đối với Tiểu thừa, nên tâm mờ mịt, đại giáo nói ngoài tâm không cảnh.

Khách nói: Niết-bàn há mang ra nói cả sao?

Tôi nói: Theo Bộ Thông nói: tất cả đều đem ra nói. Trong phẩm Bộ Trung nói vừa quyền vừa thật. Như chính Tôn giả Ca-diếp nói: vì một căn cơ riêng cuối đời mà thôi, thì quyền thật đều rõ. Nếu xưa nay “quyền”, như bảy loài chúng sinh trong Hằng sa cõi. Nếu xưa nay “thật”, như ba điểm, hai con chim, ba từ, mười đức, còn những thứ khác đều y theo đó mà biết, ở đây không trình bày đầy đủ.

Thế nào là sắc thường, sắc lẽ nào không thâu nhiếp tất cả mọi thứ quy về chánh, vì sao ngăn cách hư không để hạn chế? Vì người thế gian không biết quyền thật của giáo pháp, như người Nhị thừa cho đau cũng là to lớn. Cho đến Pháp Hoa mới tin là tánh của mình. Vậy há chẳng phải ông không biết tánh của cha hay sao? Nghe khai phương tiện tạm thời rồi, mới nói sinh có phần. Nên trong kinh Niết-bàn còn e sợ rằng nhất phần hữu tình ở vị lai, không tin thân mình có tánh Như Lai và nói Xiển-đề ở đời vị lai không còn. Chỉ bày để biết là có và không dứt. Nay tìm kiếm kiến lập hiện tại, vị lai viên dung, không bại hoại tánh vô, nhưng khốn khó thay lý vùi lấp nên cũng đồng với Pháp thân, lực, vô úy v.v...., khiến một mảy trần một tâm chẳng có gì là chủng tánh của ba thân ba đức. Nếu nói chỉ có quả đất Pháp thân tánh, vì sao kinh nói mười lực vô úy cho đến tướng tốt. Lại nữa, trong kinh nói:những người Xiển-đề bốn câu nói về tánh. Ông nói chúng sinh có tánh, vì sao chúng

sinh có những tánh ấy, sỏi đá hay không có bốn câu? Lại là tướng thứ sáu, thứ chín, cho đến tướng thứ ba mươi hai, đều lấy năm vị máu mủ lẫn lộn để đối với phàm phu ba thừa và Phật, vì sao Phật tánh ở mỗi người khác nhau không đồng. Lại ở tướng hai mươi bảy nói: “Nếu tu tám Chánh đạo thì thấy phật tánh”. Luận Bà-sa và Câu-xá-đều có nói về tám chánh, thậm chí các kinh đều có phẩm đạo. Vì để tu tám chánh nào thấy Phật tánh gì, nên ông không biết Phật tánh.

Vì sao gọi là điểm thị?

1. Hiển bày tánh mê vốn từ tánh biến.

2. Hiển bày tánh để mình chuyển mê thành ngộ.

Thế nên lại nói vô tình hữu tánh. Nếu chia ra Đại tiểu, thì tùy duyên bất biến nói nó trích ra từ Đại giáo, nói gỗ đá không tâm, sinh ở tiểu tông. Ông chấp cho rằng nó là con đường nhỏ mà được ẩn náu ở con đường lớn, thông cả bốn mặt tám hướng thì nó giống như con bọ hung, bọ ngựa, có khác gì con ếch ở đáy giếng. Nên ông phải biết: Muôn pháp là chân như; do bất biến, nên chân như là muôn pháp; do tùy duyên, nên ông tin vô tình không phật tánh; há chẳng phải muôn pháp không phải chân như hay sao? Nên nói muôn pháp làm sao ngăn cách được hạt bụi nhỏ, thể chân như đâu chỉ nói về bỉ ngã, thế thì nước không hề có việc không có sóng, không hề có việc sóng mà không ướt. Ngay trong ướt nên chia ra bóng trong, trở thành sóng nên tự chia ra trong đục. Tuy có trong đục, mà cùng một tánh chẳng khác. dẫu tạo chánh lập y, theo lý rốt cục không theo vết gì khác. Nếu chấp nhận tùy duyên bất biến, lại nói vô tình hũu vô, há chẳng phải tự mình nói trái ngược hay sao? Nên biết, quả địa theo chánh mà dung thông, đều dựa vào chúng sinh lý sẵn như vậy.Đây mới chính là sự lý đối nhau để nói. Nếu chỉ theo lý, thì chỉ có thể nói nước vốn không có sóng, không bao giờ được nói trong sóng không có nước. Như mê đông cho là tây, mà chỉ có thể nói phương Đông không có Tây, cuối cung không được nói phương Tây không có Đông. Nếu chỉ nói theo mê thì sóng không có nước, mất Tây gọi là Đông. Tình tánh gồm cả hai nghĩa, suy ra rất dễ hiểu n, vô tình hữu vôlấy đó có thể thấy.

Vì lẽ ấy người khách rừng hết lòng cung kính lui ra quỳ mà hỏi rằng: Ví dụ sóng nước lý này thật đúng, kẻ hèn này có nghe người dẫn luận Đại Trí Độ chép: chân như ở trong vô tình chỉ gọi là pháp tánh, ở trong hữu tình mới gọi là Phật tánh, vì sao Nhân giả đặt tên là Phật tánh? Tôi đáp: Tôi từng đích thân đọc, quán xét tỉ mỉ văn luận đều không có ghi vấn đề này, hoặc sợ sai nên nói dẫn từ chương sớ để mọi

người tin truyền nhau, nên nói rộng cho thông sự. Đây mới gọi là mê mà không biết nghĩa, pháp gọi là bất giác, Phật gọi là giác. Chúng sinh tuy vốn có lý bất giác, mà chưa từng có trí giác, bất giác. Nên lại chia ra để có giác bất giác, há giác bất giác bất giác vẫn là bất giác hay sao? Trái lại, xa lìa cái gọi là giác có thể là giác hay sao?

Khách hỏi: Nếu vậy chỉ có Phật mới biết ư? Phàm phu xa lìa là trái ngược cái gì?

Tôi đáp: ông là người học Phật, là học phàm phu, lý ấy vốn chẳng khác. Phàm phu cho đó là xa lìa, nên Phật dạy bảo chúng sinh để giác và bất giác; vì giác và bất giác tự hội như một. Nên biết, giác mà không bất giác thì không gọi là Phật tánh; bất giác mà không giác thì không thể trở thành Pháp tánh; giác mà không bất giác thì đâu lập được Phật tánh. Vậy thì không có pháp tánh của Phật tánh dung chứa ở Tiểu Tông thì Phật tánh của pháp tánh, mới gọi là Đại giáo. Nên nay hỏi ông: trong các kinh luận; thật tế pháp giới, chân tánh thật tướng v.v... vì đồng pháp tánh ở trong vô tình, nên đồng với chân như chia làm hai phái. Nếu đồng với chân như, thì các giáo không thấy pháp giới vô tình và thật tế v.v... Nếu ở vô tình, chỉ gọi nó là pháp tánh, chẳng phải Phật tánh. Tại sao phẩm kệ khen ngợi đảnh núi Tu-di của kinh Hoa Nghiêm nói: "Rõ biết tất cả pháp, tự tánh không thật có". Nếu hiểu được như vậy, thì thấy Lô-Xá-na, há chẳng phải các pháp vốn có tánh Xá-na hay sao? Lại nói: pháp tánh vốn vắng lặng, không cầm nắm được, cũng không thấy được, tánh Không tức là Phật, không thể nghĩ lường được. Lại tinh tấn nói rằng: pháp tánh vốn thanh tịnh, như hư không chẳng có tướng, đây cũng không phải chổ tu, sẽ thấy đại Mâu-ni, sao đối với vô tình lại nói không tu sẽ quán thấy Như Lai. Lại chân thật nói rằng: tất cả pháp vô tướng, thì là thể Phật chân, đã là thể Phật chân thì đối với tất cả pháp, xin ông nghĩ cho, sẽ tránh việc dạy lầm lẫn cho đến lẫm lẫn Phật tánh, phải không? cho nên chân như tùy duyên tức là Phật tánh tùy duyên. Một chử Phật cũng là pháp Phật, nên pháp Phật đông danh vói thể chân như. Luận Phật Tánh đệ nhất nói: Phật tánh, tức là người, pháp hai không đã hiển bày chân như, nên biết chân như khác tên với Phật tánh.

Kinh Hoa Nghiêm chép: chúng sinh phi chung sinh, cả hai đều không, chẳng thật có. Như vậy các pháp tánh, đều chẳng có nghĩa thật, nói chúng sinh và phi chúng sinh, há chẳng phải nói tình và vô tình hay sao? cả hai tùy duyên đều bất biến, cả hai đều chẳng thật có. Cho nên thật tế của pháp giói đều như vậy. Vì biết tên gọi pháp tánh không chỉ có một chân như trong vô tình, do đó người thế gian cùng nhau mê mờ

pháp tướng, danh khác mà thể đồng, tuy nhiên thể đồng nhưng cũng có chút ít khác nhau. Hễ cái gì có tên gọi thì phần nhiều ở phàm phu và lý.

Như thế nói Phật tánh, lý tánh, chân tánh, tàng tánh, thật tánh v.v...? Cái gì không có tên gọi phần nhiều thông suốt cả nhân quả sự lý của phàm thánh.

Như nói pháp giới và thật tướngv.v...? Như tam muội, Đà-la-ni, Ba- la-mật v.v..., thì chỉ ngay ở“quả”, cho nên nhân được gọi là Phật tánh v.v... là chúng sinh thực chưa thành Phật mà đắc lý chứng chân khai tạng, cho phiền não sinh tử là tánh Phật v.v.... Dạy bảo để tu tập gọi là tánh Phật đẳng, mà trong các giáo pháp các tên gọi thay nhau lập. Trong kinh Niết-bàn có nói nhiều về Phật tánh: Phật là quả nhân, nói tất cả chúng sinh đều có tánh quả nhân, nên chỉ nói về quả. Người thế gian mê hoặc như vậy mà không theo quả, nói chúng sinh có nên mất đi thể cùng khắp. Lại nói cùng khắp là: vì phiền não thể tâm tánh cùng khắp, nên nói Phật tánh cùng khắp. Cho nên biết, không nói Phật tánh cùng khắp, là do không biết tánh phiền não cùng khắp. Nói duy tâm thì đâu chỉ có chân tâm. Nếu ông vẫn không biết tâm phiền não cùng khắp, thì làm sao có thể biết được sắc sinh tử biến. Sắc vì sao cho là cùng khắp? vì sắc chính là tâm, vì sao? vì y báo là cộng tạo chánh báo là biệt tạo, sao lại tin cộng biến mà không tin biệt biến ư? vì năng tạo sở tạo đã là duy tâm. Vì thể của tâm không thể hạn cuộc nơi chốn, cho nên cõi Phật mười phương đều có chúng sinh lý tánh chủng tâm. Lấy tánh dụ cho không, đều như mười thứ của kinh Niết-bàn. Nên biết, không hiểu giáo môn của Đại Tiểu thừa gọi là thể đồng khác, đây là đại hoạn của người học giáo pháp Như Lai, nên Thân Tử nói: chúng ta đồng nhập vào pháp tánh, và được giải thoát. Ban đầu, ông không thấu rõ nghĩa chỉ của tôi, nên nghe đến sinh lòng sợ hãi, vì để cho ông yên tâm tôi bày tỏ cho hợp lý vậy thôi. Ông nên biết, người thế gian hạn cuộc ngã quá nhiều, do trong ấm chất, mà nói thẳng các pháp là vô tình, thì có hai thứ không giống như của ngoại đạo, hàng ngoại đạo còn nói rằng: ngã lớn sắc nhỏ ngã cùng khắp hư không. Lại ngoại đạo còn cho ngãdo các trần tạo thành, cũng không nói thẳng nó là vô tình mà thôi. Lại có hai thứ không như Tiểu Thừa. Tiểu Thừa còn nói ngã do gây ra nghiệp lực khắp trong ba cõi, lại người tiểu thừa còn biết các pháp là vô thường, cũng không nói thẳng nó là vô tình mà thôi. Lại có hai thứ không như cộng thừa, cộng thừa còn biết ngã do tâm tạo hóa hiển khắp trong ba cõi, lại biết thể tánh các pháp là chân. Nếu các thừa thứ lớp như vậy, chẳng còn chỗ

nghĩ định. Ông nghe như vậy rồi, hợp với sự hiểu biết cạn cợt của ông về quyền thật Phật tánh của giáo pháp phải không?

Khách nói: Nhân giả khéo phân biệt thế nào là thật, hoại lại nghi, tin tất cả pháp đều là tánh chánh nhân, mà nói ba nhân chủng biến, tu biến, quả biến trong chánh. Lại nói: một mảy trần một tâm, tất cả đều là tâm tánh của Phật và chúng sinh, khi tình (sự việc) vẫn chưa nhất quyết.

Tôi nói: Vì từ xưa ông không khéo nắm vững nhân quả, đối với y chánh của mình, của người, quán xét tâm mình, tâm Phật, tâm chúng sinh, cũng do không suy xét đại ý chỉ của các giáo, không hiểu ý Phật nói về công đức quả thành tựu, do không thấu suốt điều Phật hiển bày tương dung với nhau. Với cảm tình đó tôi muốn khai đạo cho ông, sẽ dùng bốn mươi sáu câu hỏi mà hỏi ông, nếu ông hiểu được một câu của tôi, thì các sự vướng mắc tự tan biến, pháp giới dung thông, ông yên lòng nơi đại quán, thấy suốt pháp giới y chánh của Phật và chúng sinh, một niệm đầy đủ thì một mảy trần cũng không thiếu.

Bốn mươi sáu câu hỏi gồm:

Hỏi:

Tên gọi Phật tánh có được từ nhân hay là từ quả? Nếu từ nhân thì đó chẳng phải là Phật, còn từ quả thì không gọi là Tánh.

Tên gọi Phật tánh là thường hay vô thường? Nếu vô thường thì chẳng phải Tánh, còn thường thì không biến đổi.

Tên gọi Phật tánh tên chung hay tên riêng? Nếu riêng thì không gọi là Tánh, còn chung thì không thể phân chia ra.

Tên gọi Phật tánh là đại giáo hay tiểu giáo? Nếu là tiểu giáo thì không có tên gọi, còn là đại thì không có vô tình.

Tên gọi Phật tánh có quyền thật hay không? đối với thể cho là khác, còn tướng của nó ra sao?

Tên gọi vô tình là đại giáo hay Tiểu giáo? Nếu Đại giáo thì phận lớn có quyền thật.

Vô tình vô là không tình cho là sắc hay phi sắc? hay đều cho là cả hai?

Sắc v.v.... vô tình Phật thấy như hế ư? Là sinh thấy hay cộng thấy?

Vô tình bại hoại nên không có tánh, vậy ấm cũng bại hoại sao lại có tánh?

Vô tình là sắc, pháp giới sắc xứ cũng lại là không, sao lại cho là có?

Thuyết duy tâm ông đã có nghe, chỉ là tâm, còn cái khác không gọi là duy phải không?

Nói duy tâm là nói về tâm phàm thánh, nếu là thánh phàm thì cả hai đều có lỗi ư?

Duy tâm gọi là tâm tạo, vậy không có tâm thì đâu có tạo ra duy? Cả hai đều có lỗi.

Duy tâm là duy, tà tâm cũng là duy sắc? Nếu không là duy sắc thì sắc chẳng phải tâm ư?

Duy tâm đã tạo y và chánh, vậy y chánh năng sở giống nhau hay khác nhau?

Chúng sinh có vô lượng khác nhau, do đó tánh cũng theo đó mà khác phải chăng? Vì nếu không như vậy thì không gọi là Tánh.

Chúng sinh tâm mê hoặc, tánh biến đổi. Nếu không biến đổi với thần ngã bốn câu, thì giống nhau hay khác nhau?

Chúng sinh có tánh, mà đó chỉ là thân tánh cũng cho là pháp tánh, báo tánh ư?

Chúng sinh vốn mê muội, là mê cái ngộ của Phật phải không? Phật đã ngộ rồi là ngộ cái mê của chúng sinh phải không?

Mỗi thân của chúng sinh có mấy Phật tánh? Trong mỗi thân Phật có bao nhiên tánh chúng sinh?

Cõi nước Phật thân Phật, cho là nguồn gốc ban đầu, nguồn gốc ban đầu đồng, sao lại cho là khác?

Cõi Phật, thân Phật tất cả đều khác nhau, lại không có năng sở, nếu khác thì đồng với phàm phu rồi.

Cõi Phật giới phần sinh cũng là ở, sao cho tất cả thuộc về chổ cư trú còn Phật không có cõi riêng?

Cõi Phật đã nhiếp là bao xa, đất và sự giống nhau, khác nhau, chung và riêng ra sao?

Phật và thể cõi Phật giống nhau hay khác? Chốn Ta-bà là chung hay riêng?

Khi Phật thành đạo cõi Phật cũng thành, thành rộng hay hẹp ư? Nếu nói cõi Phật không thành thì có lỗi chăng?

Phật thành đạo, thấy tánh và nơi sinh kiến giống hay khác nhau? Nếu lìa cả hai thì không có tự thể.

Khi Phật thành đạo thì cõi Phật thành

Phật thành là cõi Phật thành, cùng với Phật kia thành thì cõi kia thành, Phật kia thành mà cõi kia không thành, cho là tất cả đều khác nhau ư?

Phật thành ba thân, cùng với Phật kia thành ba thân kia là quả và Phật thành ba thân kia là sinh, vậy tất cả đều khác nhau ư?

Phật thành, thân cõi Phật thành, cái gì là nhãn trí, thấy cảnh của mình của người từ đấu đến cuối như thế nào?

Chân như đã tạo ra thâu nhiếp lẫn nhau, nếu không thâu nhiếp lẫn nhau thì cả hai như thế nào?

Thể chân như thông suốt với tu tánh; tu tánh thân, cõi như nhau hay không như nhau?

Chân như tùy duyên mà biến đổi, cho là vô tình, cho là không bao giờ có, sao cho là có ơn?

Chân như tùy duyên, tùy duyên rồi cùng chân cho là đồng hay khác nhau? Hay mãi mãi tùy duyên?

Chân như vốn có là thần, ở chung với mê hoặc, đồng khác nhau như thế nào?

Sóng và nước giống nhau hay khác nhau, trước được sau mất. Chân, vọng giống nhau hay khác nhau, pháp thí dụ như thế nào?

Mắt bệnh hoa mắt thí thấy hoa đốm trong hư khống; giống, khác, còn, mất pháp thí dụ như thế nào?

Bóng trong tấm gương sáng so với hình thể nó giống hay khác nhau; trước, sau, còn, mất pháp thí dụ như thế nào?

Lưới báu ở cung trời Đế-Thích được ví như “ duy” như “ quả”, cũng được ví như “ nhân”, vậy quả không có nhân hay sao?

Thân như ngọc như ý, thân có cõi, chỉ ở quả, quả thông suốt với nhân như thế nào?

Hành giả quán tâm, tâm tức là cảnh, tên năng sở có được giống nhau, khác nhau như thế nào?

Hành giả quán tâm, một tâm hay nhiều, một hay nhiều tâm cảnh giống nhau khác nhau như thế nào?

Hành giả quán tâm, cho rằng chỉ có quán tâm cũng cho là quán thân, quán cõi ư?

Hành giả quán tâm, ngay trong mê hoặc khổ, vậy là quán trong, ngoài, khác nhau hay giống nhau?

Hành giả quán tâm, tâm Phật, tâm chúng sinh, nhân quả, thân cõi nước, pháp tướng dung nhiếp tất cả đều giống nhau phải không?

Dẫu biết rằng đặt câu hỏi như vậy là không thể cùng tận, vì để dứt trừ cái nghi của ông nên mới hiển bày như vậy.

Khách nói: Tại sao không nhiều hơn, không ít hơn chỉ có bốn mươi sáu?

Tôi nói: nó phá mê, phá nghi, công hạnh, công lý, thông giáo thông nghĩa, thông mình thông người, nên chỉ một câu hỏi cũng đủ rồi. Vì đối với hàng độn căn nên nói bốn mươi sáu, và đối với sáu tức bốn mươi mốt vị thuộc về lìa phần chứng, vừa trước vừa sau tổng cộng là bốn mươi sáu. nên biết chỉ một câu hỏi thôi cũng đều có công năng thâu nhiếp bốn mươi lăm câu còn lại. Còn mỗi vị vẫn phải đầy đủ bốn mươi sáu. hỏi cho đến vô lượng cũng lại như vậy sao?

Khách nói: Nhân giả lập nghĩa rõ ràng như vậy, khác gì kẻ hèn này khi xưa đã có nghe: ban đầu kẻ hèn nghe vậy, bèn bảo rằng: một cọng cỏ, một cây, một viên sỏi, một mảy trần, mỗi pháp có một Phật tánh, một nhân quả đầy đủ duyên. Nếu nó không như vậy thì kẻ hèn này không chấp nhận, vì sao? Vìcỏ cây có sinh thì có diệt, bụi trần sỏi đá tùy kiếpmà có không. Chẳng lẽ không tu nhân mà có quả được, cũng lại là Phật tánh có diệt thì có sinh, thế gian cho đây là vô tình, nên nói vô tình lẽ ra không có tánh. Kẻ hèn mới lầm lẫn cho những điều thề gian nói là sai lầm, nay Nhân giả bày tỏ thật là chí lý, thật quá sai lầm lỗi ấy chẳng gì lớn hơn.

Tôi nói: Ông vì sao vẫn còn gọi là vô tình.

Khách nói: Bởi kẻ hèn trình bày nặng về kiến giải mê muội ban đầu, nay Nhân giả lập nghĩa cũng chỉ hiểu biết thô sơ, cũng lại là mỗi hữu tình tâm biến tánh biến, tâm đủ tánh đủ cũng như hư không, tâm tánh kia vô ngại thì tâm tánh mãi mãi biến hiện, thân cõi, nhân quả không có sự têhm bớt, nên kinh Pháp Hoa nói tướng thế gian vô thường, thế gian thâu nhiếp tất cả phàm thánh, nhân quả, y chánh.

Tôi nói: Xem xét qua sự hiểu biết của ông, tợ nhu biết đại ý chỉ, sao không trả lời một câu hỏi xem sao?

Khách đáp: Như lời Nhân giả vừa nói: nếu suy nghĩ một câu hỏi-mà các vướng mắctự tiêu tan, nếu kẻ hèn này đáp thì chẳng khác nào dùng một câu trả lời cho khắp các câu còn lại, đâu chỉ có một câu ư?

Tôi nói: Xin ông hãy trình bày ý chỉ của mình.

Khách nói: Kẻ hèn này còn xem xét lại ý của các câu hỏi, nếu tiêu tan các vướng mắc thìgọi là đáp rồi, đâu phải vay mượn xoay vần trình bày mỗi câu hỏi ư? những câu hõi nào nói do tôi này không chấp nhận vô tình vô tánh, nay tôi chấp nhận vô tình vô tánh đó chính là đáp rồi.

Tôi nói: Tuy đại khái như vậy, nhưng chưa hiểu được tình ý của ông?

Khách nói: những gì Nhân giả lập nghĩa đều có liên quan đến đại

giáo, khó có thể trình bày được, tôi chỉ xin nói sơ lược những điều đã được nghe qua, há chẳng phải hiểu tột cùng câu hỏi có ba không sai khác; tức là biết tâm mình, tâm người, tâm chúng sinh, mỗi sát-na đều bị phiền não che lấp quả đức thân tâm y chánh? Mình người dung nhiếp lẫn nhau đồng vào như nhau, ta và chúng sinh đều có tánh này nên gọi là Phật tánh. Tánh ấy tạo khắp, trùm khắp, thâu khắp, người thế gian không liễu rõ thể đại giáo, mà chỉ nói vô tình không nói hữu tánh, cho nên phải nói là vô tình hữu tánh. Rõ biết được tánh trùm khắp rồi thì biết quả Phật có đầy đủ nhân tánh của mình và người, tâm ta có đầy đủ quả đức của chư Phật, nếu quả trên dùng Phật nhãn, Phật trí quán xét thì chỉ là Phật vô sinh. Trong nhân nếu tuệ chân, nhãn chân kết hợp sâu kín như thế nào, thì cũng toàn là chúng sinh là Phật không riêng gì quả Phật, nên ngoài chúng sinh ra không có Phật. Chúng sinh vì ngã chấp mà chấp không có Phật chỉ có chúng sinh, còn người sơ tâm có thể kính tin giáo lý, cũng lại không có chúng sinh, chỉ có Phật, còn kẻ sáng suốt cho nhân quả rõ rệt. Nên biết chúng sinh dựa vào lý đắc sự của chư Phật. Vậy thì chúng sinh chỉ có lý trong mê, chư Phật có đủ lý trong ngộ, mê ngộ tuy khác, sự lý một thể. Cho nên, khi một Đức Phật thành đạo thì pháp giới y chánh vào Đức Phật đó. Một Đức Phật đã như vậy thì các đức Phật khác cũng đều như vậy. Y chánh chúng sinh ở nơi Đức Phật, mà khỏi thấy khổ vui, nổi chím khác nhau, mỗi thứ đều chấp cho thân, cõi là của mình, tịnh uế tựa nhau, đây là nguyên nhân dẫn đến thành tựu bại hoại, ý của nhân giả đã hỏi, há không ngắn gọn như vậy.

Tôi nói: Hay thay, hay thay! ông mau chóng lĩnh hội được ý chỉ này, thật có thể biết thâu tóm về các câu hỏi giềng mối khuôn phép, thế thì đã trả lời trăm ngàn muôn câu hỏi rồi, đâu chỉ riêng gì bốn mươi sáu câu hỏi?

Khách nói: may mà không gặp Nhân giả đời này thật luống uổng, phải nương vào đây để thấy quả cao quý.

Tôi nói: muốn tu tập giáo pháp này thì chưa chu toàn, nếu không khéo tôi sẽ trở thành tội đồ, chổ ấy chưa đáng tin cậy cứu xét môn hạnh xưa nay, làm sao có thể bao gồm khắp giáo hạnh, sự lý hoặc trí nhân quả tâm pháp y chánh, mà dùng làm đầu, phàm phu sơ tâm quán xét, nhưng những điều ông lĩnh hội sự tình ấy dường như hư không, xem ra ông quán đạo vẫn còn hình bóng mê vọng.

Khách hỏi: quán đạo là gì, thầy của Nhân giả là ai, nương theo pháp nào?

Tôi đáp: ông há không nghe, Đại Tô Điệu Ngộ Nhân Thừa Đại

Sư Linh Sơn Tông Thiên Thai là thầy tôi, còn pháp đã kế thừa là Ma-ha chỉ quán, dùng mười lăm pháp làm mười phương tiện, cứ mười pháp làm một thừa mà quán đối với mười cảnh. Mười cảnh khi quán phân bố xen kẽ lẫn nhau phải không, đây mới là thể chung của việc quán đạo, các câu hỏi quả lại còn cho biết về cảnh diệu dụng ban đầu của mười thừa mà thôi, còn các cảnh của thừa khác không rảnh bàn đến.

Khách nói: hay thay! Tôi rất kính mến Nhân giả, xin lấy đây làm chổ nương tựa suốt đời.

Khách lại nói: tôi thường nghe giảng nói rằng: Các Sư Đại thừa còn cho vô tình Phật tánh là một kiến giải riêng hay sao?

Tôi nói: Thế là có lý do, đối với những tên gọi vô tình ở đây ta từng thấy trong Tiểu thừa, lại cũng thất ở Phật tánh Đại thừa nói, quên bàn những điều thường dung thông, mà dụ bỏ Niết-bàn luống uổng. Tu không thông đạt tánh lìa hợp ba nhân, không nghĩ tưởng ý chỉ về chúng sinh và Phật không khác nhau. Lầm lẫn đua đòi theo thói vô tình, trái lại cho tông mình dạy bảo duy tâm; nói chuyên dẫn Niết-bàn khó chứng, ý không lường thời cuộc thịnh suy. Nếu phước đức mà ông có, thân mạng không thọ, già yếu chết đi trở về cảnh nào thì vẫn còn gốc mê; như thọ địa vị quyền quý mà không biết tổ tông, cũng như người chết mà đeo anh lạc. Cái dụng ở đây là trang nghiêm bằng phước đức hay bằng anh lạc, pháp tướng lại không bỏ hoàn toàn bởi do gốc mê. Khi nào gặp những trường hợp như thế này nên dẫn kinh điển Đại Tiểu thừa ra như các ý trước mà hỏi, còn lỗi của Tiểu thừa như trước đã nói.

Khách nói: lỗi này là do chúng lý của ho, tôi nghe Nhân giả đã giải thích nghĩa về bốn giáo của tông, có thể như vậy sao?

Tôi nói: nghĩa của bốn giáo được giải thích ở đây có quan hệ mật thiết với năm thời tám giáo, mười phương ba đời pháp Đại Tiểu thừa đều thâu nhiếp trong đó, đâu có thể dẫn ra bàn về nguồn gốc của nó ư?

Khách nói: Nếu như vậy, thì có thể dùng bốn giáo này, lược nói về Phật tánh, vô tình, hữu vô, tâm tạo, tâm biến có đầy đủ không?

Tôi đáp: lược nói trong hạn cục ấy cũng đủ rồi, đâu cần phải nói từ tạng trước của kinh Pháp Hoa chung ba thừa đều chưa: rõ tánh, người Nhị thừa sở giáo, còn Bồ-tát thì không thực hành, chỉ riêng người sơ tâm giáo quyền lý thật. Vì giáo quyền nên tánh chưa rõ hoàn toàn. Cho nên bảy hạng người này có thể nói vô tình không được nói hữu tình. Đối với người viên dung hiểu biết lý từ đầu đến cuối không hai. Ngoài tâm không có cảnh mà chỉ có tình và vô tình. Trong hội Pháp Hoa, tất

cả chúng đều không ngăn cách, cây cỏ và đất đai đâu có gì khác. giở chân cất bước đều hướng về bảy báu, chấp tay trong cái bùng ngón tay đều thành nhân Phật, cùng với một lời hứa ba lần không trái với ý chí ban đầu, há đến ngày nay nói vô tình lại không nói tâm tạo tâm biến, đều xuất phát từ đại tông ư? Người Tiểu thừa có nói đến mà không có lý này. Nhưng trong các tông, các tên gọi ấy nghĩa tuy đồng nhưng cũng có chút khác nhau. Có cộng tạo y báo mỗi mỗi tạo chánh báo, có cộng tạo chánh báo mỗi mỗi tạo y báo, chúng sinh mê muội nên mới cho là tự nhiên tạo, như trời Phạm Thiên, tạo rồi cho là tình và vô tình. Vì tên tạo vẫn chung, nên nói là tâm biến, tâm biến cũng lại là chung, nên nói thể đầy đủ. Vì xưa nay thể của tâm vốn biến, nên thể của Phật cũng biến do sinh tánh biến. Biến có hai thứ:1/. Biến rộng; 2/. Biến hẹp, cho nên nó tạo chung cho cả bốn. Nghĩa biên có hai: nghĩa là đầy đủ chỉ có viên và riêng là hậu nghị. Nên trong tạng tạo chung thành sáu, riêng viên tạo thành mười. Sáu và mười ở đây bao gồm hết cả giáo pháp Đại Tiểu thừa, do sự quán xét hiểu khác nhau nên sáu và mười mỗi mỗi pháp thành hai thứ khác nhau. Ở trong tạng thật ra thấy có sáu, thấy chung thì không sinh, thấy riêng thì trước sau sinh diệt (tức người thấy nó là mười), thấy viên sự lý một niệm đầy đủ. Luận khởi hai giáo tợ như nhau, rõ ràng đây đủ, chỉ có giáo là không rõ ràng; chủng loại đầy đủ nghĩa lý như nhau, ở đây không thể trình bày ra. Nên Phật tánh riêng diệt thấy cả chín phương, người viên dung thì thấu đạt chín cõi ba đường, nghĩa là thấy ba đức kia tròn đầy, thể tánh cùng khắp.

Khách nói: làm sao thâu nhiếp được y chánh, nhân quả?

Tôi đáp: với một nhà đã lập luận cảnh ấy khó nghĩ bàn, lý ở trong một niệm đầy đủ ba ngàn. Nên nói trong một niệm có đầy đủ nhân quả, phàm thánh, đại tiểu, y chánh, mình và người. Vì những chỗ đã biến hiện đều có ba ngàn, mà tánh của ba ngàn này trong đó có lý, chẳng phải hữu vô, hữu vô là tự nhiên, vì sao? Vì đều là thật tướng, pháp thật tướng tự nhiên đầy đủ các pháp, các pháp tánh pháp tự nhiên vốn vô sinh. Nên tuy có ba ngàn mà không có, hợp mà không lẫn lộn, lìa mà không phân chia, tuy cùng khắp mọi nơi cũng không nơi chốn.

Khách hỏi: lý ấy phải như vậy, kẻ hèn này hết sức kính phục ông, nên cho là nương giáo là thông y cứ các bộ, và cho là chuyên chú ở một kinh sao?

Tôi đáp: câu hỏi này rất hay, có thể khiến cho lý ấy mãi mãi bền vững, tuy thông suốt y cứ tất cả đại bộ, và đích chỉ cảnh mầu nhiệm xuất phát từ kinh Pháp Hoa. Nên đâu phẩm Phương tiện. Đức Phật khen ngợi

chư Phật mười phương ba đời đã được pháp mầu nhiệm. Cho nên thật tướng các pháp bình đẳng như vậy, biết tướng bình đẳng tức là chuyển sang giải thích thật tướng các pháp. Vì có các pháp nên có tướng bình đẳng, vì thật tướng nên tướng bình đẳng đều như vậy; thật tướng, vô tướng tướng bình đẳng cũng đều như vậy.

Khách hỏi: vì sao nói có ba ngàn?

Tôi đáp: Thật tướng phải là các pháp, các phấp phải hẳn là mười như, mười như phải là mười cõi, mười cõi hẳn là thân cõi. Lại theo đại kinh cho đến đại luận, mà lập ba thế giới nên có ba ngàn, đầy đủ như trong chỉ quán và Quảng Ký. Nên biết nhân quả phàm thánh thường đầy đủ ba ngàn. Cho nên khen ngợi rằng: chỉ có Phật và Phật mới hiểu thấu nhau, các thế giới ở mười phương như lúa mạ, người Nhị thừa như cát sông Hằng, Bồ-tát bất thôi hoàn toàn không thể hiểu chút nào về nghĩa này, đây chính là chỉ có bảy hạng người ở trước. Cho nên ông đích thân ba lần hết lòng thưa thỉnh, chư Phật mười phương ba đời mở bày, Đức Thích-ca cũng đồng như vậy không có hướng nào khác. Cổ xe lớn được thí dụ như thế, việc đời trước hiểu bày như thế, thọ mạng dài lâu vô lượng, vốn do đây mà chứng được, nguyên nhân bại hoại cũng theo đây mà ghi nhớ, các Bồ-tát dứt bỏ nghi ngờ, đạo pháp thêm lớn, khởi đầu mới phát tâm kết thúc xong Bổ xứ, đâu có con đường nào khác ma chẳng nương tựa vào đây. Do bốn thời trước kiêm luôn những bộ đối đáp chưa rốt ráo, nên suy ra công Pháp Hoa, Niết-bàn gồm cả quyền ý như ở trước đã nói, nên biết Nhất thừa thập quán tức là chánh thể của tam-muội Pháp Hoa. Chánh nhân Phật tánh do đó mà quả dụng, liễu duyên hành tánh do đó mà hiển bày, liễu duyên tánh đức từ đó cũng được mở mang. Niết-bàn chân thật y theo đây mà dẫn dụ, cỗ xe lớn của Pháp Hoa cũng từ đó mà ra, ý các Đại thừa y theo sự trình tự rất dễ biết. Ông nghe được điều đó, có thể cho mình siêng năng gieo trồng từ lâu nên quen với nó không để cho tàn lụi, cầu mong ông gặp được chư Phật ở đời vị lai.

Vì thế khách buồn vui lẫn lộn nói: dù bỏ thân mạng xương tan thịt nát, cũng nguyện xin báo đền, chỉ vì nghĩa này tùy phương chuyển nói, để báo đền công ơn ấy phải làm như thế nào?

Tôi nói: Đức Phật có dạy bảo do đó có thể lấy đó làm khuôn phép, trong kinh nói: nếu chỉ khen ngợi Phật thừa bỏ mặc chúng sinh chìm trong bể khổ, ta thà không nói pháp, sớm vào Niết-bàn. Suy tư tìm tòi phương tiện trước cho Tiểu thừa, sau cho Đại thừa, đây chính là dùng Thiên hỗ trợ Viên mới cho là nói. Lại nói: vì người xấu ác ở đời vị lai

hủy pháp mà đọa đường ác, chí cầu Phật đạo, rộng khen ngợi đạo nhất thừa, đây là người tốt mới cho là nói. Nhưng cuối cùng lại không biết căn cơ giáo hóa, cũng có thể như trong hạnh an lạc chỉ lấy cái đại đa số để đáp, cũng có thể như không biết tự trọng gốc lành mà tăng thêm mầm độc hại. Nên trong kinh Thủ-lăng-nghiêm người nghe phỉ báng rồi mới được lợi ích, như người ngã xuống đất rồi từ đất đứng dậy, nên đem tâm đại Bi không phiền não đối với người khác nói, ông nên theo thời quán xét dáng dấp được không? Sẽ hộ được ý kia và thuận theo hoài bão của Phật. Nếu có chúng sinh não chưa rõ quyền giáo, đến chỗ ông thì trước ông nên nói rằng: mình từ vô thỉ đến nay chỉ có phiền não nghiệp khổ mà thôi, thì đây hoàn toàn là lý tánh ba nhân, do chưa phát tâm chưa từng gia hạnh, nên liễu tánh duyên đồng tên chánh nhân, và nói chúng sinh đều có chánh tánh. Đã tin vào tâm có tánh này rồi, kế đến hiển bày tánh này không ở trong, không ở ngoài, cùng khắp hư không, ngang bằng với pháp giới của chư Phật. Cho nên, tánh cùng khắp này đầy đủ các thân của chư Phật, một thân là tất cả thân, như cảm vời cõi của chư Phật nào, cảm một cõi tức vời tất cả các cõi khác. Tướng thân cõi tức la` nói đến thân đến cõi, ở trong pháp Đại, Tiểu thừa phần nhiều cũng giống như vậy. Vì có tánh kia nên gọi là có tánh, như người thế gian nói: chúng sinh chỉ có tánh thanh tịnh, gia tu muôn hạnh là công dụng thể, nên khi đạt được quả mới có đại dụng, đây mới chính là Phật có tánh chúng sinh, không gọi là chúng sinh có tánh Phật.

Ba không khác nhau, đây là lời nói có chứng cứ, dựa vào lời của người nói chớ theo giáo này. Nếu nói chúng sinh có tánh chánh nhân và Pháp thân v.v...., thì không cho là báo hóa thân v.v...., còn đã trở thành chúng sinh cho là chúng sinh. Loài nào nếu ngoại trừ báo thân hóa thân vẫn là chúng sinh. Lại nói Pháp thân bằng với có báo thân hóa thân, nếu Pháp thân chẳng ngoài báo hóa, thì nương theo lời nói ấy cần hết tất cả. Nay hiển bày đây có là hiển bày chủng tánh, hiển bày cùng khắp là hiển bày thể lượng, hiển bày đầy đủ là hiển bày thể đức. Đả hiển bày ba thứ rồi, kế đến khiến duyên đối với mỗi thể Tam bảo phát bốn thệ nguyện rộng lớn, kế là thọ luật nghi thanh tịnh của Bồ-tát, mỗi duyên hướng về lý tánh ba nhân, tu hành thệ nguyện. Như hướng về chỗ nghe mỗi pháp đều nối nhau, đời đời sinh ra ở chỗ nào đều làm thân trời người, gặp Phật nghe pháp mà được giải thoát. Nếu ai đã rõ phương tiện giáo rồi, hoặc nghe hoặc hành, hoặc hàng phục, hoặc dứt trừ, tùy theo chỗ đắc mà hiển bày thể đầy đủ, nên kinh nói: Chổ các ông đã hành là đạo Bồ-tát, nên năm chương trong kinh Pháp Hoa khai quyền, mỗi kiểu

nói pháp này đều là một Phật, chúng sinh nghe xong đều được chủng trí, phân tâm giải thích cho họ hiểu, tùy nghi giáo hóa. Một lần quán tâm, là từ tâm hiển, nếu người sợ giáo khởi tranh chấp, phải nên nói rằng: Nghe rồi thành hạt giống không dám khinh ông, các ông thành đạo đều sẽ thành Phật. Nên Đại sư dạy bảo ngọn nguồn rằng: Phật pháp không thể nghĩ bàn, chỉ có tướng giáo nhiệm mầu, hành Nhị thừa và Bồ-tát còn chưa thể suy lường được, huống chi là phàm phu, muốn phám đóan được việc này, thí như người mù phân biệt tướng mặt trời. Muốn phán đoán được cõi hư không, tất cả các hình sắc, mà cho mình liễu đạt được, thì rốt ráo không có việc ấy. Cho nên người có trí, thường sinh tâm hổ thẹn, tự trách mình vô minh ám chướng, xả bỏ mọi lý luận tranh chấp. Đại sư đích thân chứng phán rồi tự khiêm nhường cho dẫn dụ các hậu bối. Nay tôi chỉ nương theo nhà tập tông đồ này, hướng dẫn cho ông, chẳng phải bậc thầy mà mình đã gặp, ông cũng thuận theo giáo lưu hành như vậy.

Cho nên khách vui mừng cung kính lãnh thọ, từ đó về sau suốt đời ông luôn vâng giữ lời dạy này, ở đâu ông cũng tuyên dương rông rãi không trái lời dạy, sửa sang y phục, khoan thai lễ bái rồi lui ra, bỗng nhiên thức giấc, người hỏi người đáp, những đều hỏi đáp ấy, đều không có sỡ đắc.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

VĂN THỆ NGUYỆN CỦA THIỀN SƯ NAM NHẠC TƯ ĐẠI

SỐ 1933

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1933

VĂN THỆ NGUYỆN CỦA THIỀN SƯ NAM NHẠC TƯ ĐẠI

Tôi nghe như vầy, trong kinh Bổn Khởi phẩm Thích-ca Mâu-ni Phật Bi Môn Tam Quán Chúng Sinh chép: Phật nhập khai từ ngày mùng bảy tháng bảy năm Quý Sửu, đến ngày mùng tám tháng tư năm Giáp Dần thì hạ sinh, đến ngày mùng tám tháng hai năm Nhâm Thân thì ngài mười chín tuổi xuất gia, ngày mùng tám tháng chạp thành đạo, ngày mười lăm tháng hai phương tiện nhập Niết-bàn.

Chánh pháp trong khoảng thời gian từ năm Giáp Tuất đến năm Giáp Tý chỉ trụ trọn vẹn 500 năm. Tượng pháp trong khoảng thời gian tứ năm Giáp Ngọ đến năm Quý Dậu chỉ trụ trọn vẹn một ngàn năm. Mạt pháp trong khoảng thời gian từ năm Giáp Tuất đến năm Quý Sửu chỉ trụ trọn vẹn một muôn năm. Vào thời Mạt pháp trải qua 9800 năm sau, Bồ-tát Nguyệt Quang đến mười chân Đan nói pháp Độ các chúng sinh, mãi 52 năm sau nhập vào Niết-bàn, đến kinh Thủ-lăng-nghiêm Bàn chu Tam-muội diệt đầu tiên không còn, rồi các kinh khác thứ lớp diệt, kinh Vô Lượng Thọ về sau trụ được một trăm năm, Độ các chúng sinh sau đó diệt đến đời cực ác. Nay ta thề nguyện thọ trì khiến cho không bị diệt, giáo hóa chúng sinh cho đến lúc Phật Di-lặc ra đời. Đức Phật sau khi nhập Niết-bàn từ năm Quý Dậu, đến đầu kiếp ở vị lai Hiền, khi Di-lặc thành Phật năm trăm mười sáu ức muôn năm, ta ở đời mạt pháp mới bắt đầu lập thệ nguyện rộng lớn, tu tập khổ hạnh. Như thế trải qua năm trăm mười sáu ức muôn năm, nguyện ấy chắc chắn đầy đủ công đức Phật đạo gặp Phật Di-lặc. Như trong nguyện nói lý do nhập đạo đều vì hạnh nguyện, sớm tu thiền nghiệp ít huấn tập rộng kinh, trong khoảng

đó có nhiều chướng duyên ách nạn. Lược đi bổn nguyện vừa phát thệ nguyện và soạn hai bộ kinh điển bằng chữ vàng.

Cúi đầu đảnh lễ chư Phật mười phương

Cúi đầu đảnh lễ mười hai bộ kinh.

Cúi đầu đảnh lễ các đại Bồ-tát, bốn mươi hai bậc các Hiền Thánh Tăng.

Cúi đầu đảnh lễ tất cả Duyên giác, Thanh văn, chúng Hữu học, Vô học.

Lại nữa, cúi đầu đảnh lễ Trời Phạm Vương, Đế Thích, Bốn vị Thiên Vương, tám bộ trời rồng, Minh Không Thiện Thần, Hộ Pháp đại Tướng. Tuệ Tư tự nghĩ, vốn có thần thức này từ vô thỉ đến nay, không gieo trồng gốc lành vô lậu, cho nên thường bị ái kiến lôi kéo, vô minh che lấp làm cho luống dối, sinh tử khổ não mỗi ngày thêm nhiều, trôi lăn chưa từng ngừng nghỉ, qua lại trong năm đường, khiến sáu thức luân hồi trong sáu đường, cho đến không gặp Phật Thích-ca ra đời, sau lại chưa hề trông mong gặp Di-lặc ba hổi, sống từ đầu đến cuối trong các nạn, lại nương nhờ chút oai lực gốc lành xưa. Đức Thích-ca về sau được thân tướng tốt, nương nhờ thánh giáo các Phật quá khứ đã giảng nói. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni trụ thế nói pháp hơn tám mươi năm, dẫn dắt làm lợi lạc chúng sinh, hóa duyên xong bèn diệt độ. Sau khi ngài diệt độ, chánh pháp trụ thế khoảng 500 năm, chánh pháp diệt rồi tượng pháp trụ thế khoảng 1000 năm, tượng pháp diệt rồi mạt pháp trụ thế khoảng một vạn năm, Tuệ Tư ta chính là năm 812 đời mạt pháp.

Tôi sinh vào ngày 11 tháng 11 năm Ất Mùi, niên hiệu Thái Tuế, ở huyện Võ Tân, quận Nhữ Dương, châu Nam Dự, đến năm mười lăm tuổi xuất gia tu học, tụng kinh Pháp Hoa và các kinh Đại thừa, tinh tấn tu khổ hạnh. Đến năm hai mươi tuổi thấy chúng sinh sinh già bệnh chết vô thường, liền tự nghĩ rằng: Thân này vô thường, khổ, không, không có ngã, thường không được tự tại, sinh diệt bại hoại, các khổ không ngừng, thật đáng kinh sợ. Pháp luật thế gian có lại khó tin, người chấp ái kia thì bị phiền não lửa dữ thiêu đốt, còn người nào xả bò thì đến được Niết-bàn, vô vi vui mừng, tất cả chúng sinh do mê muội đánh mất chánh đạo, tâm mãi bị lu mờ. Ta vì chúng sinh và vì thân ta mà cầu giải thoát, nên phát tâm bồ-đề mà lập thệ nguyện rộng lớn, mong cầu đạt được tất cả thần thông của Như Lai, nếu không tự mình chứng thì làm sao độ được người. Trước học rồi chứng sau đó thực hành, tự cầu đạo quả là độ vô lượng chúng sinh mười phương, vì đoạn các phiền não của tất cả chúng sinh mười phương, nên khiến vô lượng chúng sinh mười phương thông

đạt tất cả các pháp môn. Vì muốn thành tựu đạo bồ-đề của vô lượng tất cả chúng sinh mười phương, nên cầu đạo vô thượng, thực hành Thủ-lăng-nghiêm trải qua khắp các nước, học các đại Thiền sư và Đại thừa, ngài thường ở nơi núi rừng hoang vắng ngồi thiền, kinh hành. Năm ngài ba mươi bốn tuổi, luận bàn nghĩa Đại thứa ở châu Duyện, Hà Nam, bị các Tỳ-kheo xấu lấy thuốc độc cho Tuệ Tư ăn, toàn thân bại hoại, lục phủ ngũ tạng như thiêu đốt, giữa lúc sắp chết mà ngài không chết được. Ý ban đầu muốn qua sông tham vấn khắp các Thiền sư, nhưng giữa đường gặp nạn thuốc độc này, lại biết có người muốn hại, ngài liền giả trang một người khác trở về Tín châu không qua sông nữa, nhất tâm chuyên niệm vào trong rừng sâu. Giữa lúc muốn bỏ đi thì khi ấy Thứ Sử Tín châu, cùng các cận vệ muốn dừng bớt cái khổ, lập ra Thiền trai, nói nghĩa Đại thừa, trải qua ba mươi năm chua từng ngừng nghĩ. Về sau, Hứa Xương Lương Châu lại đến thỉnh ngài, Thứ Sử Tín châu lại cũng muốn mở cửa đưa tiễn ngài đi. Khi sắp về đến quận Nghiệp, Tuệ Tư ý nhất quyết không muốn về phương Bắc, trong lòng muốn đi về phương Nam, ngài liền lìa chúng mà đi, hướng về Hoài Nam rồi, dừng nghỉ trong núi. Từ năm hai mươi đến năm ngài ba mươi tám tuổi, luôn ở Hà Nam học tập Đại thừa, gần gũi cúng dường các Đại Thiền sư, du hành các châu, lưu trú nhiều chổ. Lúc bấy giờ, nhà vua ban sắc kêu gọi tất cả các Thiền sư trong nước vào cung cúng dường. Tuệ Tự nghĩ tự lượng mình ngu muội không đức độ, không chịu vâng sắc phương tiện lánh đi, qua Hoài Nam vào trong núi. Đến năm ngài ba mươi chín tuổi là năm 120 thời mạt pháp. Thứ Sử Vĩnh Châu Hoài Nam và Lưu Hoài Bảo cùng dạo trong núi Vĩnh Châu mời ngài ra giảng về nghĩa Đại thừa. Khi ấy, lấy nghĩa ra mà đối đáp với nhau, nên có một số Pháp sư rất tức giận. Trong số đó có năm luận sư ác lấy Sinh Kim Dược để vào thức ăn cho Tuệ Tư ăn. Nên chỉ có một ngày đã có đến ba người ăn Sinh Kim Dược chết, riêng Tuệ Tư bấy giờ thân thể rất khốn đốn, và cầm cự được đến ngày thứ bảy thì hơi thở cũng cạn dần, bên bờ sắp chết ngài nhất tâm chắp tay hướng về chư Phật mười phương sám hối, niệm Bát- nhã-Ba-la-mật-đa và nói rằng: Nếu không được Tha tâm trì thì không nói pháp. Cứ niện như vậy, lúc bấy giờ thuốc độc Sinh Kim, liền được tiêu trừ, bình phục lại như cũ, từ đó về sau bị rất nhiều lần như vậy. Đến năm ngài bốn mươi tuổi tức là năm 121 thời mạt pháp, ngài đến trụ chùa Khai Nhạc ở Quang Châu, bà con của 500 ngôi nhà và Thứ sử Quang Châu, thỉnh ngài giảng một bài kinh Đại thừa Bát-nhã-ba-la-mật-Đa. Đến năm ngài bốn mươi mốt tuổi tức năm 122 đời mạt pháp, ngài trụ trong núi Đại Tô

ở Quang Châu, giảng một bài về nghĩa Đại thừa. Đến năm ngài bốn mươi hai tuổi tức là năm 123 đời mạt pháp, ngài đến trụ chùa Quán Ấp ở phía tây Thành Quang Châu, lại giảng một bài về nghĩa Đại thừa. Khi ấy có nhiều luận sư xấu ác, sinh tâm ghen ghét tranh nhau đến quấy nhiễu, họ đều muốn giết hại ngài và hủy hoại nghĩa Bát- nhã- Ba- la-Mật. Lúc đó, ta khởi tâm đại Bi nghĩ về các luận sư xấu ác liền phát thệ nguyện mà nói như vầy: Thệ nguyện tạo kinh Ma- ha- Bát- nhã và các kinh Đại thừa bằng chử vàng, chất đầy trong hòm báu lưu ly, hiện vô lượng thân ở các cõi nước mười phương giảng nói kinh này, khiến cho các luận sư xấu ác, đều có được lòng tin, trụ không lui sụt.

Đến năm Tuệ Tư bốn mươi ba tuổi tức là năm 124 đời mạt pháp, ngài ở Châu Nam Đinh, Thứ sử châu này thỉnh giảng một bài về nghĩa Đại thừa. Lúc bấy giờ, có rất nhiều chúng luận sư xấu ác, khởi tâm ác độc, tranh nhau đến làm đại não loạn. Lại còn bày biện các thứ phương tiện ác độc, ngăn cản các đàn việt không cho cúng dường thức ăn. Trải qua năm mươi ngày ngài chỉ sai đệ tử đi hóa duyên để nuôi thân. Khi ấy, ngài phát nguyện rằng: Ta làm những việc này là vì tất cả chúng sinh, nguyện bộ Đại thừa Bát- nhã- ba- là- Mật, dùng bảy báu lưu ly thanh tịnh đựng kinh, làm các tòa báu cao và bảy báu cờ phướn, long báu, màn che kết nối nhau giăng, hương hoa anh lạc mỗi thứ đều đầy đủ, cúng dường Bát- nhã-Ba-la-Mật. Sau đó, ta hiện khắp vô lượng sắc thân trong mười phương sáu đường, không kể kiếp số cho đến khi thành bồ đề. Sẽ vì tất cả chúng sinh trong mươi phương, giảng nói kinh Bát-nhã-Ba-la-Mật. Cho nên, trong khoảng thời gian đó nếu làm Pháp sư thì như mây không cùng tận, nếu làm đệ tử cầu pháp thì như Tát- đà-ba-luân, sau khi phát nguyện các Tỳ kheo ác đều lui ra. Ngài phát nguyện này xong thì lại giáo hóa và nói như vầy: kinh Ma- ha-bát- nhã-ba-la-mật bằng chữ vàng là do ta làm.

Đến năm Tuệ Tự bốn mươi bốn tuổi tức là năm 125 đời mạt pháp, cũng là năm Mậu Dần niên hiệu Thái Tế, ngài về trụ núi Đại Tô ở Quang Châu và nói với khắp nơi, ta muốn soạn kinh Ma- ha- Bát-nhã-ba-la-mật bằng chữ vàng, này cần tựa đề kinh ai có thể soạn được. Bấy giớ, có một Tỳ kheo tên là Tăng Hợp bỗng nhiên đến, nói rằng: Tôi có thể tạo đề tên kinh Bát-nhã chữ vàng. Sau có được tựa đề kinh, ngài liền giáo hóa khắp các châu, Thứ Sử và dân chúng tăng tục ở Quang Châu, mang tiền của mính có được mua vàng tạo kinh dùng.

Từ ngày 15 tháng 1 ngài giáo hóa đến ngày 11 tháng 11, trụ chùa Tề Quang ở huyện Quang Thành, Thành đô ở phía Nam Quang châu.

Mới được tự thân báo đáp thành tựu tâm nguyện trước. Phụng tạo đề mục kinh Ma-ha-Bát-nhã-Ba-la-mật chữ vàng, và tạo hòm báu lưu ly để đựng. Lúc bấy giờ phát thệ nguyện rộng lớn: Nguyện kinh Ma-ha-Bát-nhã-ba-la-mật chữ vàng và hòm bảy báu này, nhờ đại nguyện, nên tất cả các ma, các tai nạn duyên ác không thể hủy hoại. Nguyện vào đời vị lai Phật Di-lặc Thế Tôn xuất hiện ở đời, phổ biến cho tất cả vô lượng chúng sinh. Khi ấy, nói kinh Bát-nhã-ba-la-mật này:

Nay ta thệ nguyện
Oai lực chữ vàng
Nên khiến Di-lặc
Trang nghiêm thế giới
Sáu thứ rung chuyển
Đại chúng sinh nghi
Cúi đầu hỏi Phật
Có nhân duyên gì
Mặt đất rung chuyển?
Cúi mong Thế Tôn
Mở bày nói cho.
Bấy giờ, Di-lặc
Bảo các đệ tử
Các ông phải nên
Nhất tâm chắp tay
Lắng nghe cho kỹ
Quá khứ có Phật
Hiệu là Thích-ca
Xuất hiện ở đời
Nói kinh Bát-nhã
Ba-la-mật này
Rộng độ chúng sinh
Phật, Thế Tôn kia
Sau khi diệt độ
Chánh pháp, tượng pháp
Điều đã qua đi,
Pháp còn ở đời,
Chỉ là mạt pháp
Bấy giờ đời ác
Năm trược lẫy lừng
Mạng người ngắn ngủi

Không trọn trăm năm.
Gây mười nghiệp ác
Giết hại lẫn nhau.
Khi ấy, Bát- nhã
Ba-la mật kinh,
Hưng thạnh ở đời.
Lại có Tỳ-kheo
Tên là Tuệ Tư
Tạo kinh Ma- ha
Ba-la mật này
Chữ bằng vàng ròng
Hòm báu lưu-ly
Đựng kinh điển này
Phát thệ nguyện rông
Ta sẽ độ thoát
Vô lượng chúng sinh,
Kiếp Hiền vị lai
Di-lặc ra đời,
Nói kinh Ma-ha
Bát-nhã-ba-la.
Kinh Ba-la-mật
Ta dùng thệ nguyện,
Kinh vàng hòm báu.
Nhờ oai thần lực
Nên khiến Di-lặc
Thới giới bảy báu
Rungchuyển sáu cách
Đại chúng sinh nghi
Cúi đầu hỏi Phật
Nguyện xin nói cho
Vì sao đất rung?
Bấy giờ, Thế Tôn
Bảo các đại chúng
Các ông nên biết
Do Tỳ-kheo kia
Nguyện lực nhân duyên
Kinh vàng hôm báu
Nay muốn hiển bày.

Đại chúng bạch Phật
Cúi xin Thế Tôn
Dùng sức thần thông
Cho con được thấy
Kinh vàng hòm báu.
Phật bảo các ông
Phải nên nhất tâm
Lễ Phật quá khứ
Thích-ca Mâu-ni,
Cũng nên nhất tâm
Chuyện niệm Bát-nhã
Kinh Ba-La-mật
Phật nói vậy rồi
Khắp mặt đất lại
Rung chuyển sáu cách
Phát ra rực rỡ
Chiếu khắp mười phương
Vô lượng thế giới
Hương thơm mầu nhiệm
Hơn cả chiên đàn
Trăm ngàn muôn lần
Chúng sinh ngửi hương
Phát tâm Bồ-đề
Hòm báu lưu ly
Hiện trước đại chúng
Chỉ bằng mắt thấy
Không thể khai mở
Bấy giờ, đại chúng
Hớn hở vui mừng
Đều bạch Phật rằng:
Nguyện xin Thế Tôn
Làm sao thấy được
Văn kinh Bát-nhã.

Phật Di-lặc nói:

Người tạo kinh kia
Có thệ nguyện lớn
Các ông phải nên
Nhất tâm niệm ngài

Xưng danh hiệu Ngài
Thì sẽ thấy được.
Khi nói lời ấy
Tất cả đại chúng
Xưng danh hiệu ta,
Nam mô Tuệ Tư.
Khi ấy, bốn phương
Từ đạt vọt lên
Khắp cả hư không
Thân mầu vàng ròng
Ba mươi hai tướng
Vô lượng ánh sáng
Đều từ xa xưa.
Người tạo kinh này
Dùng thần lực Phật
Hòm báu tự mở
Phát âm thanh lớn
Rung chuyển mười phương
Tất cả thế giới.
Khi ấy, kinh vàng
Phát sáng rực rỡ
Vô lượng sắc mầu.
Như đám mây lớn
Lan khắp mười phương
Tất cả thế giới.
Mỗi mỗi âm thanh
Cáo khắp chúng sinh,
Lại có hương thơm
Tâm chúng ưa thích.
Khi ấy, chúng sinh
Nhờ thần lực ta
Thấy được đất rung
Lại thấy ánh sáng
Nghe tiếng hương bảo
Được chưa từng có.
Thân tâm vui thích.
Thứ như Tỳ-kheo
Nhập đệ Tam thiền

Ngay trong khi đó
Đều được đầy đủ
Ba thừa thánh đạo,
Cho đến đầy đủ
Trí nhất thiết chủng
Nguyện này không tròn
Không thành Diệu Giác.
Lại nguyện mười phương
Chư Phật, Thế Tôn
Nói hội Bát-nhã
Ba-la-mật này
Tất cả đều như
Đại hội Di-lặc.
Nếu khiến mười phương
Vô lương chư Phật
Cùng lúc nói pháp,
Cũng nguyện kinh này
Một lúc đều được.
Hiện khắp trước mặt
Mỗi một tướng tốt
Đại hội chư Phật
Đẳng độ chúng sinh
Mỗi Đức Thế Tôn
Đều xưng Thích-ca
Và tên của ta.
Cũng như Di-lặc
Đại hội vô lượng
Nếu không như vậy
Không thành Diệu Giác.
Lại nguyện vị lai,
Cõi nước mười phương
Hòm và kinh quyển
Vô lượng tên gọi
Tùy theo cõi nước
Lượng người lớn nhỏ:
Đối thân người lớn
Hòm và kinh quyển
Văn tự cũng lớn,

Đối thân người nhỏ
Hòm và kinh quyển
Văn tự cũng nhỏ.
Tùy cõi nước ấy
Các báu tinh anh.
Người nào quý nó
Với sức Niết-bàn
Hòm và kinh quyển
Văn tự biến thành
Châu báu quý giá
Mãi không thường làm
Lưu ly chữ vàng.
Giấy của sách kinh
Làm toàn Kim cương
Không thể hư hoại.
Đến đời vị lai
Vô lượng kiếp số
Không thể nghĩ bàn,
Thế giới mười phương
Có Phật ra đời
Nói kinh Bát-nhã.
Ba-la-mật này,
Cũng giống như vậy
Nếu không như thế
Không thành Diệu Giác.
Nguyện ở vị lai
Cõi nước mười phương
Chư Phật các cõi
Đều xưng danh hiệu
Thích-ca Như Lai
Kinh vàng hòm báu
Và tên của con.
Cho nên âm thanh
Khắp đến mười phương
Tất cả thế giới
Chúng sinh đều nghe
Đều được vào đạo.
Nếu có chúng sinh

Không thể vào đạo
Bằng mọi phương tiện
Thần túc biến hóa
Mà điều phục được
Thì sẽ đắc đạo,
Nếu không như vậy
Không thành Diệu Giác
Lại nữa phát nguyện
Nay con vào núi
Sám hối tất cả
Chướng đạo tội nặng
Ngồi thiền kinh hành
Nếu được thành tựu
Năm thông thần tiên
Và sáu thần thông
Thầm tụng Như Lai.
Mười hai bộ kinh
Và tụng ba tạng
Tất cả sách ngoài
Tụng nghĩa Phật pháp
Phân thân vô lượng
Bay trong hư không
Vượt sắc rốt ráo
Đến Phi phi tưởng
Nghe các vị trời
Nói cho pháp môn
Ta cũng ở đó
Nói cho các trời
Chổ trì kinh Phật.
Trở về Diêm-phù
Vì người nói rộng,
Lại vào ba đường
Đến mé Kim cương
Nói cách trì pháp.
Biến khắp ba ngàn
Thế giới đại thiên
Cõi nước mười phương.
Cũng giống như vậy

Cúng dường chư Phật
Hóa độ chúng sinh
Biến hóa tự tại
Một lúc đều hành
Nếu không như vậy
Không thành Diệu giác.
Chiên đàn thượng diệu làm tòa cao
Các tia sắc mầu để trang nghiêm,
Bảy báu quý giá để giăng che
Các báu trang nghiêm phát ánh sáng
Vàng phù-đề đàn làm chữ kinh
Lưu ly thủy tinh làm hòm kinh.
Kính chư Phật pháp xong cúng dường
Rồi sau nói pháp độ chúng sinh
Không trước, không sau, không khoảng giữa
Một niệm trong tâm một lúc hành.
Nay ta vào núi học là thế
Chẳng vì huyễn hoặc dối chúng sinh.
Thành tâm sám hối
Từ vô thỉ kiếp
Đến thân ngày nay,
Gây nhiều tội lỗi
Nhân duyên não người
Thấy người làm lành
Gây sự trở ngại.
Hoại việc lành người
Không tự hay biết
Tự trì chủng tánh
Nhiều năm buông lung
Cậy thế lấn người
Không nghĩ đạo lý
Tin chấp tà đảo
Thờ thầy ngoại đạo.
Đối với Tam bảo
Gây nhiều khó dễ
Tội chứa lâu ngày
Nghiệp báo thân này.
Cho nên cúi đầu

Thành tâm sám hối
Chư Phật mười phương
Tất cả hiền thánh
Phạm, Thích, tứ vương,
Tám bộ trời rồng
Hộ pháp thiện thần,
Minh không u hiển,
Xin chứng minh cho:
Trừ tội chướng đạo
Thân tâm thanh tịnh
Từ nay về sau
Việc làm tốt lành
Không có chướng ngại.
Nguyện ở núi sâu
Suy nghĩ Phật đạo.
Nguyện được sâu xa
Các thiền giải thoát,
Được sức thần thông
Báo ân chư Phật,
Thệ với thân này
Được trí bất thoái,
Nếu không như vậy
Thệ không thành Phật.

Lại nguyện tất cả mười phương cõi nước, nếu có bốn chúng Tỳ kheo và các bậc trí khác, thọ trì, đọc tụng kinh Ma-ha-Bát-nhã-ba-la-mật. Như ở nơi núi rừng đồng vắng yên tĩnh, thành ấp xóm làng, vì các đại chúng mở bày giảng nói, lại có các chúng ma tranh nhau đến não loạn, phá hoại kinh Bát-nhã-ba-la-mật, người ấy nhất tâm chắp tay xưng danh hiệu con, thì được vô lượng thần thông. Bấy giờ con cũng hóa làm người trong chúng ấy, hiện làm quyến thuộc, xưng là đệ tử của vị ấy, hàng phục các chúng ma, phá các ngoại đạo, khiến cho bậc trí kia được nổi tiếng. Khi ấy, con lại hóa thành bốn chúng, núi rừng xóm làng nơi nơi đều hiện làm hộ vệ, hoặc làm Đại Lực Quỷ Thần Vương, hoặc làm Sa-môn, hoặc làm Cư sĩ, hoặc làm vua chúa, Đại thần, Tể tướng, sắc ban trong nước trị phạt tất cả người ác phá giới. Nếu có người ngang bướng tâm không sửa đổi, hoặc khiến họ hiện vào địa ngục A-tỳ, chịu mọi thứ bức bách để sửa đổi tâm, trở về quy phục rồi nói pháp cho họ nghe, đến khi họ cúi đầu cầu xin làm đệ tử thì mới buông tha, khiến các

việc ác biến thành tốt đẹp, nếu không như vậy, thì không thành Diệu giác. Con từ lúc phát tâm có bao nhiêu phước nghiệp đều ban bố hết cho chúng sinh, đến đời vị lai khi Phật Di-lặc ra đời, đầy đủ mười địa nhập Vô Cấu vị. Ở trong số người thọ ký, con là người thứ nhất, ở đời vị lai trải qua bao kiếp số khi thành Phật đạo, không thể nghĩ bàn, Tam thiên đại thiên thế giới làm một cõi Phật, vượt hơn mười phương thế giới thanh tịnh. Ngoài các cõi này ra còn có một cõi uế, nhờ nguyện lực của con khiến các chúng sinh tuy trụ ở một chỗ thấy mỗi mỗi khác nhau, điều phục kẻ ác phát tâm Bồ-đề. Lại phát tâm rồi thấy các uế ác tất cả đều thanh tịnh, bảy báu hoa quả khác. Đã trụ cõi nước thuộc trời, người thì cùng một mầu vàng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đầy đủ sáu món thần thông giống như Phật, trừ những vị Phật trí tuệ thì không thể biết được, nếu không như vậy thì không thành Diệu Giác.

Nếu con được thành Phật, tất cả chúng sinh mười phương phát nguyện sinh về nước con, tất cả đầy đủ đạo Phổ Hiền, tùy theo bổn nguyện của mọi người ngắn dài đều tự tại, sắc thân tướng tốt, trí tuệ thần thông, giáo hóa chúng sinh v.v... không có sự khác nhau, ăn uống y phục nghĩ đến liền hóa hiện không cần tạo tác, nếu không như vậy thì không thành Diệu Giác.

Nếu con được thành Phật, chúng sinh mười phương nghe tên con, trì giới tinh tấn, tu hành sáu Độ, thọ trì nguyện con, xưng danh hiệu con, nguyện thấy thân con, tu hành trong bảy ngày, cho đến hai mươi mốt ngày, liền được thấy con và tất cả các nguyện lành đầy đủ, nếu không như vậy thì không thành Diệu Giác.

Nếu con được thành Phật, các thế giới mười phương nếu có chúng sinh, đầy đủ năm tội nghịch đáng đọa địa ngục, khi sắp qua đời gặp được thiện tri thức dạy xưng danh hiệu con, người mắc tội ấy nghe rồi, chắp tay xưng từng câu từng câu không dứt, trải qua khoảnh khắc mười niệm, khi sắp qua đời, liền được thấy con, và con nói cho họ nghe pháp Đại thừa, người ấy nghe pháp rồi đắc pháp nhẫn Vô sinh, không bao giờ lui sụt, nếu không như vậy thì không thành Diệu giác.

Nếu con được thành Phật, thế giới thanh tịnh không có ba đường ác cũng không có người nữ, tất cả chúng sinh đều hóa sinh, ba mươi hai tướng bay đi tự tại, ánh sang chiếu khắp không có mặt trời, mặt trăng, bảy báu cõi nước không có uế ác, nếu không như vậy thì không thành Diệu giác.

Nếu có chúng sinh ở địa ngục lớn, nghe danh hiệu con liền được giải thoát, nếu không như vậy thì không thành Diệu giác.

Nếu có chúng sinh đọa vào loài ngạ quỷ, trăm ngàn muôn kiếp cho đến không nghe nói cơm nước, luôn bị đói khát, lửa hừng hực đốt, chịu khổ não, dữ dội, nghe danh hiệu con liền được no đủ, đắc lực chánh niệm, bỏ thân ngạ quỷ sinh lên cõi trời, cõi người, phát tâm Bồ-đề đến chỗ không lui sụt, nếu không như vậy thì không thành Diệu giác.

Nếu có chúng sinh vì nghiệp ác, nên đọa vào loài súc sinh, chịu các thứ khổ, nghe đến tên con thì các khổ không còn, liền được thân xinh đẹp trời người, lại nghe chánh pháp, đầy đủ thánh đạo, nếu không như vậy thì không thành Diệu giác.

Nếu có chúng sinh lao ngục giam cầm roi vọt đánh đạp đau đớn, xưng danh hiệu con, phát tâm Bồ đề, mà được giải thoát, các thương cũng hết, do đó phát tâm trụ không lui sụt, nếu không như vậy thì không thành Diệu giác.

Nếu có chúng sinh bị trói buộc, gặp tai họa, nếu có tội hoặc không có tội, khi sắp hành hình mà xưng gọi tên con, thì những thứ dao gậy xiềng xích gông cùm khóa kia, đều gãy vụn liền được giải thoát, rồi phát tâm Bồ-đề trụ không lui sụt, nếu không như vậy thì không thành Diệu giác.

Tất cả vô lượng chúng sinh, ở mười phương trăm ngàn bệnh khổ cho đến nghiệp chướng các căn không đủ, xưng danh hiệu con chấp trì không quên, chánh niệm suy nghĩ, bệnh khổ liền hết, các căn đầy đủ đều được binh phục, nếu không như vậy thì không thành Diệu giác.

Nếu có Tỳ-kheo ở trong núi rừng, đọc tụng kinh Bát-nhã và các kinh Đại thừa, tu học thiền định và năng lực thần thông, vì tội chướng xưa nên tu không được, trong mỗi ngày đêm nên ba thời xưng danh hiệu Phật mười phương và danh hiệu con, thì tâm người ấy nguyện cầu những gì đều được đầy đủ, nếu không như vậy thì không thành Diệu giác.

Nếu con được thành Phật, sáu đường chúng sinh ở các thế giới nghe mười phương tên con, liền phát tâm Vô thượng Bồ-đề, trụ không lui sụt, nếu không như nguyện thì con không thành Diệu giác.

Khi con được thành Phật, vô lượng ánh sáng thường chiếu tất cả, nếu trong bốn chúng có người nào cầu Phật đạo, nghe tên con, tu hành hạnh nguyện của con, khi ấy liền đắc Thập địa, đầy đủ trí tuệ, vào hàng Như Lai. Nếu không như nguyện thì con không thành Diệu giác.

Nếu con được thành Phật, các thế giới ở mười phương tất cả chư Phật đều xưng dương, nói bổn nguyện của con và công đức của chư Phật. Chúng sinh nào nghe được bổn nguyện và công đức ấy liền được thọ ký, nguyện này không viên mãn con thì không thành Diệu giác.

Khi con ở đời vị lai thành Phật, vì đại chúng nói Bát-nhã-ba-la-mật, các thế giới ở mười phương rung chuyển, kinh vàng hòm báu hiện ra trước mặt. Con vì đại chúng nói nhân duyên bổn nguyện, giống như chư Phật trong hội không khác, nếu không như nguyện thì con không thành Diệu giác.

Như các lời nguyện cầu Phật đạo của con vừa nêu trên không thể kể số siêng tu phương tiện, học tập mọi thứ pháp môn mầu nhiệm, vì chúng sinh nên khởi tâm đại Bi thường không mệt mỏi, công đức trí tuệ thảy đều đầy đủ. Như các nguyện trên chắc chắn như vậy, không luống dối, nếu không như nguyện thì con không thành Diệu giác.

Con thệ ở đời này được sáu món thần thông của bậc Đại tiên, mỗi mỗi biến hóa sắc thân, hiện khắp trong sáu đường ở mười phương cùng lúc nói pháp, chúng sinh nào nghe đều được không lui sụt, mau chóng thành Bồ-đề. Nếu không như nguyện thì con không thành Diệu giác.

Theo sau nguyện kinh chữ vàng hòm báu lưu ly là nói về bảy thứ báu: cờ phướn, long báu, vàng, bạc, chuông, lưới, tòa báu, và tất cả các dụng cụ cúng dường. Nếu có người xấu ác khi ấy tâm đau đớn buồn bực mãi không thôi, hoặc lại nói lời điên cuồng và tội của mình. Với tâm xấu dùng tay chạm vào vật đó thì tay liền bị gãy; với đôi mắt xấu ác nhìn thì hai mắt liền bị mù; với lời hung ác hủy báng thì liền khiến miệng người ác ấy bị câm không nói được; nếu với tâm ác đến muốn làm não loạn vào gây ra các điều chướng ngại, thì hai chân liền gãy; hoặc lại bệnh hủi, hoặc đọa vào địa ngục A-tỳ, phát ra tiếng cực ác truyền khắp bốn phương, để cho các người ác đều thấy việc này, khiến cho pháp tồn tại lâu dài mà hộ trì chánh pháp, hóa độ chúng sinh, nên mới phát nguyện như vậy. Con không có tâm xấu ác, cũng không có lòng ganh ghét, Hiền Thánh mười phương tự sẽ chứng biết, vì muôn nói lại ý nguyện, nên nói kệ rằng:

Nguyện chứng được thân tâm
Bát-nhã-ba-la-mật
Đầy đủ vô lượng nghĩa
Nói rộng chúng sinh nghe.
Nguyện chứng đắc thân tâm
Bát-nhã-ba-la-mật
Kiếp Hiền vị lai
Được gặp Phật Di-lặc.
Trong số người thọ ký
Danh hiệu cao tột nhất

Đầy đủ các thiền định
Thần thông Ba-la-mật
Nguyện con từ đó sinh
Tu tất cả khổ hạnh.
Vì muốn cầu Phật đạo,
Nên quên cả thân mình,
Qua năm mươi ức muôn
Trong số kiếp như vậy.
Vì tu đạo khổ hạnh
Lại qua sáu ức muôn
Rồi mới đến kiếp Hiền
Được gặp Phật Di-lặc
Đủ tất cả chủng trí
Thọ ký cao tột nhất.
Quyết thệ kiếp Hiền sau
Đủ sáu Ba-la-mật
Sức thần thông tự tai
Ngang bằng Phật mười phương.
Thệ ở đầu kiếp Hiền
Nói pháp độ chúng sinh
Đem sức thệ nguyện này
Xoay bánh xe vô thượng
Trụ thọ vô lượng kiếp
Thường trụ không Niết-bàn
Ứng hóa khắp mười phương
Chịu khổ vì chúng sinh.
Thế giới đều thanh tịnh
Chúng sinh đều hóa sinh
Không có ba đường ác
Cũng không có người nữ,
Trời, người đồng một loài
Tướng tốt như Thế Tôn
Đều đủ như ý thông
Trí tuệ cũng đồng vậy.
Sinh ra liền bay được
Cũng đầy đủ các thiền
Ngang bằng Phật, Bồ-tát
Không Thanh văn, Nhị thừa.

Trong thế giới mười phương
Các cõi uế bất tịnh
Ba chướng chúng sinh ác
Không nghe tên Tam Bảo
Đem sức thệ nguyện lớn
Từ bi bình đẳng độ
Chuyển uế thành tịnh độ
Chúng sinh cũng ngang bằng
Trời, người đều như nhau
Bay đi phát ánh sáng
Người Nữ biến thành nam
Dứt tên ba đường ác.
Địa ngục lớn mười phương
Con đều đi trong đó
Giáo hóa các người tội
Khiến đều sinh trời, người,
Liền bằng bậc Bồ-tát
Không làm người Nhị thừa
Súc sinh và ngạ quỷ
Chuyển báo cũng như vậy
Trong thế giới mười phương
Nếu có một cõi nước
Chúng sinh không như thế
Thệ không thành Chánh Giác.
Trong thế giới mười phương
Nếu có cõi nước ác
Chúng sinh đều tà kiến
Ngang bướng, tâm bất thiện
Con dùng sức thệ nguyện
Thần thông hàng phục họ
Mọi thứ khổ ép ngặt
Khiến quy về Tam bảo.
Hoặc trước đồng việc họ
Dùng phương tiện dẫn dắt
Rồi làm họ vui lòng
Quay về nhập Phật đạo.
Trong thế giới mười phương
Chúng sinh ác ương ngạnh,

Ba đường và tám nạn,
Điều nghe được tên con
Dễ độ và hết khổ
Ắt hẳn nhập Phật đạo.
Hoặc trước thuận ý họ
Sau khiến dứt phiền não.
Trong thế giới mười phương
Nếu có nạn binh đao
Các nước giết hại nhau
Nhân dân đều mất mùa.
Hoặc hiện làm tướng mạnh
Hàng phục khiến an hòa
Ngũ cốc đều đầy đủ,
Lòng muôn dân an ổn.
Hoặc lại phương tiện độ
Làm trời, rồng, quỷ, thần,
Phương tiện trị vua ác
Và dân ác của vua.
Trải khắp cõi nước ác
Tùy bổn nguyện con hành
Hàng phục Nhất - Xiển - Đề
Đều phát tâm Bồ đề.
Trong thế giới mười phương
Tịnh độ các Như Lai
Đều ở trong đại chúng
Khan ngợi danh hiệu con
Nơi các Phật, Thế Tôn
Con đều đến nơi đó
Cúng dường và vâng giữ
Không trước, sau, khỏang giữa.
Ở trong một niệm tâm
Hiện tất cả sắc thân
Dâng tất cả cúng dường.
Cúng dường các Thế Tôn
Thọ trì tạng Phật pháp
Và hóa độ chúng sinh,
Cúng dường các Bồ-tát
Và cúng dường Thanh văn

Nhờ sức phương tiện này
Nguyện mau thành Bồ-đề
Đầu kiếp Hiền vị lai
Gặp Di-lặc Thế Tôn.
Thệ nguyện trong kiếp hiền
Đủ ba mươi bảy phẩm
Được sức thần thông lớn
Ở trong số kiếp hiền
Con từ mới phát tâm
Cho đến đắc Bồ-đề
Ở trong khoảng giữa ấy
Vì đạo học khổ hạnh
Bỏ tiếng tăm lợi dưỡng
Lìa tất cả quyến thuộc
Thường ở trong núi sâu
Sám hối tội chướng đạo
Nếu đắc sức thần thông
Báo ân Phật mười phương
Nguyện trì pháp Như Lai
Thường trụ không diệt tận
Đến Di-lặc ra đời
Độ chúng sinh không dứt
Thệ sinh là ở đây
Tiên sống lâu năm thông
Tu tập các thiền định
Học thần thông thứ sáu
Đầy đủ các pháp môn
Thành tựu bậc Đẳng giác
Diệu Giác thường sáng sủa
Dùng đó độ chúng sinh
Chư Phật không hơn kém
Hành chỉ theo bổn nguyện
Tùy chư Phật phương tiện
Thị hiện các tên gọi.

Nay con vào núi tu tập khổ hạnh, sám hối tội nặng phá giới chướng đạo, sám hối tất cả tội thân này và thân trước, nguyện các vị Hiền Thánh giúp đỡ con, được thuốc hay và Đan sa linh nghiệm, điều trị bệnh chúng sinh dứt đói khát, thường được kinh hành tu tập các thiền. Con

nguyện ở trong núi sâu vắng vẻ, đầy đủ thuốc Đan sa mới tu nguyện này, ngoài mượn oai lực Đan sa, trong tu luyện Đan sa. Vì muốn an ổn chúng sinh nên trứơc tự an ổn mình, thân mình còn trói buộc thì làm sao mở trói buộc cho người, nếu mở là điều vô lý.

Nhờ sức thệ nguyện cầu đạo này
Làm tiên sống lâu gặp Di-lặc
Không tham thân mạng phát nguyện này
Đã là phàm phu chưa đắc đạo
Đêm rằng xả thân sinh đường khác
Luân hồi sáu nẻo chướng đạo tu
Tánh tướng các pháp tuy vắng lặng,
Hành nghiệp thiện ác có quả báo.
Thệ nguyệnvào núi học thần tiên
Đắc lực trường thọ, cầu Phật đạo
Nếu đắc nguyện này nhập Long Cung
Thọ trì kinh bảy Phật Thế Tôn
Quá khứ, vị lai, chư Phật nay
Tất cả kinh tạng con đều trị
Trong tất cả thế giới mười phương
Nếu chỗ có Phật pháp sắp diệt
Con nguyện trì tụng khiến không diệt
Vì người cõi nước kia nói rộng.
Tỳ kheo ác thế giới mười phương
Cho đến người tục ác tà kiến
Thấy người hành pháp ganh quấy nhiễu
Con sẽ giúp đỡ hàng phục họ
Khiến người nói pháp được an ổn,
Hàng phục người ác độ chúng sinh
Cúi lạy Phật mười phương hiện tại
Bồ-tát, Duyên giác và Thanh văn
Phạm Vương, Đế-thích, Bốn Thiên Vương
Hộ pháp Đại Tướng và Kim cương,
Tiên Năm thần Thông và thần đất
Lục Trai Sứ Giả và Minh quan
Tất cả Hộ pháp các Thiện thần.
Nay con sám hối tội chướng đạo
Xin chứng minh cho dứt lỗi lầm
Vì cầu đạo nên sớm thành tiên

Tuyên dương nói rộng pháp Thích-ca
Không kể kiếp số báo ân Phật
Vì giữ chánh pháp phát nguyện này
Nên tạo kinh Bát-nhã chữ vàng
Vì Đại thừa nên vào núi sâu
Nguyện mau thành tựu Đại Tin Nhân
Mạng thọ dài lâu đủ thần thông
Cúng dường các Thế Tôn mười phương
Kiếp Hiền vị lai Phật Di-lặc
Nói kinh Bát-nhã cho chúng nghe,
Nhờ sức thần thông thệ nguyện con
Kinh vàng hòm báu hiện trước chúng
Từ đất vọt lên trụ hư không
Mặt đất rung chuyển phát ánh sáng,
Chiếu khắp các thế giới mười phương
Mọi thứ diệu âm bảo chúng sinh
Xưng dương, khen ngợi pháp Thích-ca
Ba đường, tám nạn đều giải thoát
Hội Di-lặc trước hiện việc này
Phật mười phương trước cũng như vậy.
Nguyện các Thế Tôn nói nguyện con
Dùng nhân duyên này độ chúng sinh
Phát thệ nguyện lớn tu hạnh này.
Nguyện mau thành tựu Nhân Đại Tiên
Vì giữ chánh pháp cầu nguyện này.
Xin Phật thương xót giúp mau thành
Chư Phật, Thế Tôn đồng chứng biết,
Phạm, Thích, Tứ Vương chứng minh cho
Mặt trời, trăng sao và tinh tú
Kim cương Đại sĩ và Thần tiên
Năm núi, bốn biển và danh Sơn
Các Đại Thánh vương cũng chứng minh
Nguyện dùng Từ bi ủng hộ con
Để nguyện này sớm được thành tựu.

Nên thường niệm bổn nguyện xả bỏ các việc hữu vi, danh vọng, lợi dưỡng, đệ tử ác trong ngoài đều phải xả bỏ. Chuyên cầu bốn Như Ý, tám thứ: tự tại ngã, năm nhãn (mắt thịt, mắt trời, mắt trí tuệ, mắt pháp, mắt Phật) và chủng trí. Vì Nhất thiết trí Phật nên khởi đại tinh tấn, đầy

đủ năng lực thần thông, có khả năng hóa độ chúng sinh. Lại nên niệm biển trí tuệ của Phật và các Đại sĩ mười phương. Tất cả thế gian có đạo tục ân cần thỉnh giảng cúng dường, cho đến nài thỉnh khiến người giảng kinh. Hàng đạo tục này chẳng phải là thiện tri thức mà là ác trí thức. Vì sao? vì đều do ác ma đã khiến, ban đầu giả làm kẻ có lòng tốt ân cần giúp đỡ, sau đó lại khởi phẫn nộ. Hai ma thiện ác chẳng phải là kẻ tốt để tôn thờ, từ nay về sau không nên tin vào đó nữa, chỗ có học sĩ cũng giống như vậy, đều không đáng tin, như kẻ thù giả làm thân thuộc. Khổ thay! Khổ thay, không thể nghĩ bàn, ở các nơi vua Sát-lợi cũng đều như vậy, không biết phân biệt chọn lựa sao đây?

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

QUỐC THANH BÁCH LỤC

SỐ 1934
(QUYỂN 1 → 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1934

LỜI TỰA QUỐC THANH BÁCH LỤC

Sa-môn Quán Đảnh Đời Tùy soạn

Tiên sư từ năm Ất Mùi niên hiệu Thái Kiến năm thứ bảy đời Trần, ban đầu ẩn cư ở Thiên Thai, núi nơi dừng trụ xưa gọi là Phật Lũng. Hỏi thăm tìm hiểu người địa phương nói: Người đi lại vùng núi đó phần nhiều thấy hình dáng Phật, cho nên truyền nhau, từ đó mà thành tên gọi. Đến năm Mậu Tuất, niên hiệu Thái Kiến năm thứ mười, Trần Tuyên Đế ban sắc chỉ gọi là chùa Tu Thiền, Lại bộ thượng thư Mao Hỷ viết bảng triện chuyển giao đặt ở cổng chùa. Đến năm Mậu Ngọ niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười tám đời Tùy, Thái Úy Tấn Vương ở phía dưới núi, vì Tiên sư sáng lập chùa, y cứ vào núi để đặt tên là Thiên Thai. Vua lên ngôi Hoàng đế, vào năm Ất Sửu niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ nhất, sắc chỉ cho các danh tăng vùng Giang Châu, Dương Châu rằng: "Trước đây vì Trí Giả sáng lập chùa, tạm thời y cứ theo núi để gọi tên, nay phải đặt tên gọi. Trong kinh luận có phần mục nào tốt đẹp, hãy thuật rõ tất cả lòng dạ của trẫm, trẫm sẽ tự mình chọn lựa kỹ càng". Chư tăng tâu trình hai tên gọi, một là Thiền Môn, hai là Ngũ Tịnh Cư. Biểu đó chưa tấu trình, mà Tăng sứ Trí Tảo khải trình điềm báo về Quốc Thanh. Sắc chỉ rằng: "Đây là điềm báo linh nghiệm của Tiên sư ta, lập tức sử dụng!". Sắc chỉ chọn lấy tấm biển điện Đại Nha ở cung Giang Đô, điền vào dùng thư hoàng, viết bằng đại triện, phái Kiêm nội sử thông sự xá nhân Lư Chính Lực chuyển giao lấp vào cổng chùa. Tên gọi Quốc Thanh bắt đầu từ đó. Tiên sư khi sinh ra có ánh sáng thần, ngồi kiết già mà diệt độ, chứng ngộ diệu pháp, vượt ra làm thầy Đế vương. Đầy đủ thì chữ cung pháp luận tra cứu Trí Quả, Quốc Thanh, Quán Đảnh đều là ba tryện ký vốn có đăng tải. Còn Sa-môn Trí Tịch, biên tập về Tiên Sư sai đón rước

tín mạng, tìm tòi hỏi thăm chưa hoàn bị nhưng vì Trí Tịch là người trách nhiệm, công phu bút mực và trạng thái tinh thần đều bỏ đi, tôi xem bản thảo đó, tiếp tục thay đổi soạn thành thứ lớp phương pháp các kinh hợp lại được một trăm điều, gọi là Quốc Thanh Bách Lục, để chỉ lại cho con cháu sau này, biết đây là do công đức to lớn.

LỜI TỰA QUỐC THANH BÁCH LỤC

Sa-môn Hữu Nghiêm ở Đan Khâu soạn

Rằng việc không có to lớn hay nhỏ bé, chỉ có bổ sung đối với thấy nghe, khiến cho người nhạy cảm thức tỉnh mà hướng tới thiện đạo, thì không thể, bởi vì không ghi chép mà để lại cho các đời sau. Xưa kia, Thiền sư Trí Giả tổ của tôi, vốn là một người của Thánh chúng Linh Sơn, xuất hiện ở thế gian vào đời Trần- Tùy, thay Phật truyền đi bí mật làm tai mắt của trời người, chỉ thẳng tâm người cho hơn sáu mươi châu, có đủ tri kiến Phật thêm vào tu hạnh viên mãn, thì diệu quả không xa. Lại còn ngoài giáo pháp vốn bàn luận do việc khác chứa nhóm lại, Tôn giả Chương An toát yếu lại những gì đáng ghi chép gồm một trăm điều, Quốc Thanh làm mục lục. Trong niên hiệu Thiên Thánh, dựa theo thánh triều sắp xếp vào Đại tạng, đã niêm phong vào hộp kẹp sách bằng vải, cho nên người đời ít khi được thấy. Thiền sư từ khi nhập diệt vào năm Đinh Tỵ, niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy, đến niên hiệu Thiệu Thánh năm thứ tư là đủ năm trăm năm. Mùa Xuân sang năm, Tứ Minh sắp đặt tôn chỉ đã thất lạc, bắt đầu tìm cách khắc bản ấn hành kết quả, ngay ngắn đàng hoàng nên pháp- tục nhờ đó được lấy đọc. Vì thế mà biết Thiền sư là người đức hạnh tài giỏi trong Thích bộ, tuy không được nhìn thấy diện mạo, nhưng đọc văn đó cũng thấy được tâm của Thiền Sư. Nhìn thấy tâm tốt hơn nhìn thấy diện mạo. Vâng mạng soạn lời tựa đặt ở đầu.

SỐ 1934

QUỐC THANH BÁCH LỤC

QUYỂN 1

Sa-môn Quán Đảnh đời Tùy soạn

1. LẬP CHẾ PHÁP (và lời tựa).

Áo mới không rách không thể dùng chỉ vá, vốn xưa gieo trồng thuần thiện thì không thể thêm vào để phạt. Tôi lúc đầu còn trôi nổi sống ở Kim Lăng. Trước khi đến Thiên Thai, các pháp đồ đến đều nhóm họp, dạo nghiệp tôn sùng không cần phải nói lời mềm mỏng khuyến khích tiến lên, huống chi sau khi lập pháp nghiêm túc. Đến Thiên Thai xem xét người vãn học, như vượn như ngựa mới, nếu chẳng khống chế kềm tỏa, ngày tháng càng tăng thêm, bởi vì thành tựu, mất hai trị một, roi cỏ bồ chỉ ra hổ thẹn chẳng làm cho tôi đau khổ. Nay khuyên răn những người học, nên nêu ra sơ lược mười điều, về sau nếu phương hại xảy ra tùy đó cần phải thêm bớt, chúng cùng nhau chọn lọc sắp xếp.

Điều thứ nhất- căn tánh khác nhau, hoặc độc hành mà đắc đạo, hoặc dựa vào chúng mà giải thoát. Nếu người nương vào chúng nên tu tập ba hạnh: 1- Dựa vào nhà chính để ngồi thiền, 2- Tách biệt nơi khác sám hối, 3- Biết công việc của tăng. Người thực hành ba hạnh này, ba ý sáu đồ vật dụng cụ tu đạo đầy đủ, hễ có bất cứ một hạnh nào thì sẽ dung nạp. Nếu y vật có gì thiếu hụt, hoàn toàn không có một hạnh thì không cùng nhau dừng lại.

Điều thứ hai- Tăng nương vào nhà chính, căn bản theo bốn thời ngồi thiền, sáu thời lễ Phật, đây là việc thường xuyên. Ngồi thiền và lễ Phật mười thời không thể thiếu một. Tăng thực hành riêng điều đó khi hành pháp hoàn tất, ngoài ba ngày lập tức phải theo mười thời của

chúng. Nếu lễ Phật không đạt tới một thời thì phạt ba lạy đối trước chúng sám hối. Nếu hoàn toàn mất một thời thì phạt mười lạy đối trước chúng sám hối. Nếu hoàn toàn mất đi sáu thời thì phạt một lần duy-na. Bốn thời ngồi thiền cũng vậy, trừ khi tật bệnh trở ngại, trước đó trình bày với tri sự tăng thì không phạt.

Điều thứ ba- Sáu thời lễ Phật, Đại Tăng phải khoác vào y phục của chúng, y không có điều, hoặc mạn y đều không được. Sau ba tiếng chuông sớm nhóm hợp bày đồ ngồi, cầm lư hương, cùng nhau quỳ, chưa xướng tụng thì không được tụng, không được tùy ý tản ra chuyện trò, rập đầu búng ngón tay, giẫm chân lôi kéo giày dép, cao thấp không đều, tất cả phạt mười lạy đối trước chúng sám hối.

Điều thứ tư- Ý thực hành riêng, vì ở tại chúng làm chậm lại, cho nên tinh tiến siêng năng tu tập bốn thứ tam-muội, mà mượn cớ đạo tràng không xứng hợp với ý thực hành riêng, xem xét đính chính được sự thật thì phạt một duy-na.

Điều thứ năm- Tăng biết công việc của mình, vốn là làm cho yên ổn tồn tại lợi ích, làm ngược lại hao tổn thì bỏ điều lành, chúng có lợi ích cho bản thân tự mình tùy ý ân tình, nếu trái lý xâm nhập một mảy may, tuy là chúng sử dụng mà không trình bày thông suốt, xem xét đính chính được thực tế thì không cho dừng lại.

Điều thứ sáu- Vào hai buổi ăn, nếu không bị bệnh, bệnh thì không nen nằm ngay, bệnh mình khỏi hẳn đều phải ra nhà chính, không được đề nghị ăn phù hợp đối với chúng, đồ dùng để ăn tùy ý sử dụng sắt, gốm, hai đồ dùng lò nung du như chén- bát, thìa- đũa đều không được dùng, xương- sừng, trúc- gỗ, võ bầu, sơn đen, da thú, ngọc trai, đều không được đi lên nhà chính. Lại nữa, không được đường đột va chạm bát của mình, những âm thanh hút- uống chứa đựng thức ăn chuyện trò, tự mình vì cầu tìm riêng tư mang dưa muối xì dầu, một mình ăn giữa chúng. Phạm những điều ấy thì phạt ba lạy đối trước chúng sám hối.

Điều thứ bảy- Về Đại Đẳng tiểu giới, đi xa, đi gần trong chùa- ngoài chùa, đều không được trộm ăn cá- thịt, ngũ tân, bia rượu; Không phải lúc mà ăn, điều tra được thực tế thì không được cùng nhau cư trú, ngoại trừ bệnh tật nguy nan đốc thúc xem bệnh, sử dụng theo lời thầy thuốc, ra bên ngoài chùa tìm đến chữa trị thì không phạt.

Điều thứ tám- Tăng gọi là hòa hợp. Mềm mỏng nhẫn nại cho nên hòa, nghĩa tình nhường nhịn do đó hợp, không được tranh cãi tính toán lớn tiếng lời nói xấu xa, sắc mặt giận giữ. Hai bên cạnh tranh nhau đều phạt ba mươi lạy, đối trước chúng sám hối, không thuận theo người đối

diện thì không phạt, có bản lĩnh thì tiến hành lẫn nhau, bất luận nặng nhẹ đều không cùng nhau cư trú. Người không bắt tay vào thì không phạt.

Điều thứ chín- Nếu người trái phạm nghiêm trọng thì dựa theo luật mà trừng trị; nếu hung bạo vu khống lẫn nhau, người bị vu khống thì không phạt, người thực hiện vu khống không cho cư trú. Nếu lúc học hành chưa gia nhập chúng, vượt qua chúng, mà người chịu trách nhiệm không chịu, thì sẽ chúng học không thâu nhiếp. Người kia tự nói là Tỳ-kheo cho nên gia nhập chúng, xảy ra vi phạm nghiêm trọng và vu khống người khác, thì trừng trị xử phạt như trước.

Điều thứ mười- y theo kinh lập ra phương pháp khác bệnh cho thuôc. Chẳng phải ở phương pháp nói ra thuốc đó có ích lợi gì chăng? Nếu chín điều chế định trên đây người nào nghe theo để sám hối, nhiều lần sám hối mà không có tâm hổ thẹn thì không thể tự mình đổi mới. Đây là người nói ra thuốc nên khiến cho ra khỏi chúng. Nếu có thể cải cách sau đó cũng xem xét cho trở về. Nếu trái phạm các điều chế định bảo vệ không chịu sám hối, đây là người không đúng phương pháp, không thuận theo cương phép của chúng thì không cho cư trú.

2. PHÉP KÍNH LỄ (và lời tựa).

Pháp này đích thực dựa theo Tỳ-Bà-Sa của Long Thọ, thấm nhuần ý các kinh. Trong một ngày một đêm lược thích hợp thời, sáng- trưa lược bớt kinh lễ, do đó mà thành ba, giờ Thân (từ ba đến năm giờ chiều) sử dụng kính lễ lược bớt mà thành, đầu hôm sử dụng hoàn toàn, giờ Ngọ (từ mười một giờ đến mười ba giờ) mười vị Phật thay cho nửa đêm, gần sáng lễ tất cả.

Nhất Tâm kính lễ thường trụ Tam Bảo, trang nghiêm cầm giữ hương hoa đúng như Pháp cúng dường, nguyện mây hương hoa này, tỏa khắp mười phương, mỗi cõi nước chư Phật, trang nghiêm vô lượng hương hoa, đầy đủ các đạo Bồ-tát, thành tựu hương Như Lai. Cúng dường xong rồi, đúng như pháp hành đạo, hành đạo hoàn tất, kính lễ thường trụ Tam Bảo khen ngợi Phật chú nguyện, chú nguyện rằng: Sắc mầu như vàng Diêm-Phù, khuôn mặt hơn trăng tròn sáng, thân sáng ngời trí tuệ, chiếu soi vô biên ranh giới, dẹp tan ma chúng oán thù, khéo cảm hóa các trời người, cưỡi thuyền tám Chánh đạo, thường độ người khó độ, nghe tên gọi được không lui sụt, cho nên cúi đầu lễ lạy, khen ngợi công của Phật, có trời rồng ba cõi, hoàng quốc bảy miếu, Sư Tăng cha mẹ, đàn xây dựng chùa, tất cả oán thân..., lĩnh hội chân như cùng thành của Phật, tòa

cao đang dùng trí lực tự tai nói ra.

Kính lễ thường tịch quang độ Tỳ-lô-giá-na khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Liên Hoa tạng hải, Lô-Xá-Na khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Ta-bà thế giới Thích-ca Mâu-ni khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Đông phương Vô Ưu thế giới, Thiện Đức Như Lai khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Nam phương Hoan hỷ thế giới, Thiên Đàn Đức Phật khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Tây phương Danh Thiện thế giới, Vô Lượng Minh khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Bắc phương Vô Động thế giới, Tướng Đức khắp Như Lai pháp giới chư Phật.

Kính lễ Đông Nam phương Nguyệt Minh thế giới, Vô ưu Đức Phật khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Tây Nam phương Chúng Tướng thế giới, Bảo Thí Như Lai khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Tây Bắc phương Chúng Âm thế giới, Hoa Đức Như Lai khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Đông Bắc phương An Ẩn thế giới, Tam Thừa Hạnh Phật khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Hạ phương Quảng đại thế giới, Minh Đức Như Lai khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Thượng phương Chúng Nguyệt thế giới Quảng Chúng Đức Phật khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Vô Ưu Đạo Thọ hạ Tỳ-bà-thi Phật khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Phân-đà-lợi thọ hạ, Thi-khí Như Lai khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Thi-lợi-sa đạo thọ hạ, Tỳ-thủ-thi Phật khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Thi-lợi-sa thọ hạ, Ca-cầu-thôn-Đà Phật, khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Câu-lâu-đà thọ hạ, Ca-diếp Như Lai khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Ưu-đàn-bát thọ hạ Ca-năng lực-hàm Mâu-Niết-bàn Phật khắp pháp giới chư Phật.

Kính lễ Na-ca-đạo thọ hạ, Di-lặc Như Lai khắp pháp giới chư

Phật.

Kính lễ Xá lợi, hình tượng chi-đề bảo tháp.

Kính lễ Mười hai bộ kinh thanh tịnh diệu pháp.

Kính lễ Ba thừa đắc đạo, tất cả Hiền Thánh Tăng.

Vì Phạm Thích, Tứ Thiên Vương, tám bộ cung thuộc trì quốc hộ pháp các thiện thần...

Nguyện uy quyền tự tại hiển dương Phật sự, cung kính lễ lạy thường trụ chư Phật.

Vì các Long Vương... nguyện gió mưa thuận thời hàm sinh được lợi ích, cung kính lễ lạy thường trụ chư Phật.

Vì Thiên Thai Sơn Vương, vua và quyến thuộc, đỉnh ngọn chân núi rừng hoang, tất cả u kỳ; nguyện thầm phù hộ cho già-lam làm nên lợi ích rộng lớn, cung kính lễ lạy thường trụ chư Phật.

Vì Vũ Nguyên Hoàng đế, Nguyên Minh Hoàng thái hậu, Thánh linh bảy miếu, nguyện thần thông đi lại cõi nước thanh tịnh địa vị hội nhập Pháp vân, cung kính lễ lạy thường trụ chư Phật.

Vì Thánh ngự chí tôn; nguyện Bảo lịch dài lâu, phước trời mãi mãi, yêu thương đến muôn nước cứu giúp bốn loại chúng sinh, cung kính lễ lạy thường trụ chư Phật.

Vì thể tôn quý của Hoàng hậu; nguyện trăm phước trang nghiêm ngàn Thánh ủng hộ cung kính lễ lạy thường trụ chư Phật.

Vì Hoàng Thái tử điện hạ; nguyện bảo vệ đất nước, yên lòng nhân dân, phước vua dài lâu muôn đời, cung kính lễ lạy thường trụ chư Phật.

Vì các quan đại triều, trăm ty năm bậc; nguyện giúp đỡ phụ tá Hoàng gia tất cả sự việc thành tựu khí tiết, cung kính lễ lạy thường trụ chư Phật.

Vì trải qua cuộc đời cha mẹ, bao kiếp Sư Tăng, bốn thế hệ đàn việt, hai ân tài pháp; nguyện sớm vượt qua biển khổ, ra khỏi hẳn sông ái, cung kính lễ lạy thường trụ chư Phật.

Vì cơ nghiệp thí chủ, số mạng vượt qua đàn việt hướng về Chư Tăng cảm hóa ..., nguyện sáu Độ chóng trọn vẹn, bảy thánh tài được đầy đủ, cung kính lễ lạy thường trú chư Phật.

Vì Châu mục sứ quân sáu cơ quan tham gia phò tà, tướng trấn giữ huyện này và trai gái năm xã; nguyện gió lành mưa thuận, tất cả cảnh giới dồi dào yên ổn, cung kính lễ lạy thường trụ chư Phật.

Vì từ khi lập chùa đến nay khai mở quản lý, cày cuốc đốn chặt, ruộng vườn bếp núc, đi đường vận động, tất cả bị xâm hại tổn thương; nguyện tính mạng đi qua quay về chân thật trong tương lai không còn

đối phó, cung kính lễ lạy thường trụ chư Phật.

Vì pháp giới oán thân- thức tánh bình đẳng, dứt trừ ba chướng, thức tâm ăn năn lỗi lầm, dốc kòng sám hối: Vô lượng cõi mười phương Phật vốn biết không gì không cùng tận, nay con ở trước Phật phát lộ các tội ác đen tối, ba lần ba hợp thành chín loại, từ ba phiền não phát sinh ra, thân bây giờ giống như thân trước đây, là tội lỗi thảy đều sám hối, ở trong ba đường ác nếu phải nhận chịu nghiệp báo. Nguyện đối với thân này đền bù, không rơi vào đường ác, sám hối rồi lễ lạy chư Phật.

Dốc lòng khuyến thỉnh tất cả chư Phật mười phương hiện tại được đắc đạo, nay nguyện cầu xoay bánh xe pháp an lạc cho mọi húng sinh. Tất cả chư Phật ở mười phương, nếu muốn xả bỏ thọ mạng, nay con đầu mặt cúi lạy, khuyến thỉnh an trụ mãi mãi. Khuyến thỉnh xong rồi lễ lạy chư Phật.

Dốc lòng hồi hướng tất cả các phước đức con vốn có đều hòa hợp giúp đỡ cho các chúng sinh, đích thực hồi hướng Phật đạo, tội lỗi phải sám hối như vậy, khuyến thỉnh tùy hỷ phước hồi hướng quay về bồ-đề. Hồi hướng xong rồi lễ lạy chư Phật.

Dốc lòng phát nguyện, nguyện cho các loại chúng sinh, đều phát tâm bồ-đề, gắn bó tâm tư thường nghĩ nhớ tất cả chư Phật mười phương. Lại nguyện cho các chúng sinh mãi mãi phá tan các phiền não, thấy rõ được Phật tánh, giống như các diệu đức. Phát nguyện xong rồi quy mạng lễ lạy chư Phật.

Tất cả đều cùng tụng, tụng xong nên xướng, xướng rồi sám hối, sám hối xong rồi lễ lạy chư Phật cung kính.

Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sinh, thể nhập đại đạo, phát tâm vô thượng.

Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sinh, đi sâu kinh tạng, trí tuệ như biển.

Tự quy y tăng, xin nguyện chúng sinh, quản lý đại chúng, hòa hợp không ngại.

Nguyện cho các chúng sinh, ba nghiệp được thanh tịnh, vâng giữ giáo pháp tôn quý. Cúi đầu kính lạy Phật- Pháp- Hiền Thánh Tăng.

Tiếp theo dựa vào thời lễ nói kệ, xong xướng to tùy ý.

3. PHÁP LỄ KHẮP (cung kính chú nguyện đều hoàn toàn như trước).

Lễ khắp tất cả mười phương ba đời chư Phật, Tịch diệt đạo tràng thượng Lô-Xá-Na Phật.

Lễ khắp tất cả mười phương ba đời chư Phật, Phổ quang pháp đường thượng Lô-Xá-Na Phật.

Lễ khắp tất cả mười phương ba đời chư Phật, Viêm ma thiên thượng Lô-xá-na Phật.

Lễ khắp tất cả mười phương ba đời chư Phật Đâu-suất-đà thiên thượng Lô-xá-na Phật.

Lễ khắp tất cả mười phương ba đời chư Phật Tha Hóa Tự Tại thiên thượng Lô-xá-na Phật.

Lễ khắp tất cả mười phương ba đời chư Phật, Trùng hội Phổ quang Pháp đường thượng Lô-xá-na Phật.

Lễ khắp tất cả mười phương ba đời chư Phật, Kỳ-hoàn lâm gian Thiện tài đồng tử Lô-xá-na Phật.

Lễ khắp tất cả mười phương ba đời chư Phật, bảy xứ chín hội viên mãn đốn giáo Lô-xá-na Phật.

Lễ khắp tất cả mười phương ba đời chư Phật, hư không bất động giới tạng Lô-xá-na Phật.

Lễ khắp tất cả mười phương ba đời chư Phật, hư không bất động định tạng Lô-xá-na Phật.

Lễ khắp tất cả mười phương ba đời chư Phật, hư không bất động tuệ tạng Lô-xá-na Phật.

Lễ khắp tất cả mười phương ba đời chư Phật, đắc bồ-đề thiện tâm thường bất thoái Lô-xá-na Phật.

Lễ khắp tất cả mười phương ba đời chư Phật, quy y Pháp tát-bà-nhã nhập đại tổng trì môn Lô-xá-na Phật.

Lễ khắp tất cả mười phương ba đời chư Phật, quy y Tăng dứt tranh cãi, nhập đại hòa hợp hải Lô-xá-na Phật.

Nguyện cho các chúng sinh, ba nghiệp được thanh tịnh, vâng giữ giáo pháp tôn quý. Cúi đầu kính lạy Phật, Pháp, Hiền Thánh Tăng.

4. PHÁP THỈNH QUÁN THẾ ÂM SÁM HỐI.

(Ghi thẳng việc đó, quán sát tuệ phân biệt, nêu ra ở văn khác).

Kinh nói: "Hai mươi mốt ngày hoặc bốn mươi chín ngày, toàn bộ phải vào sáu ngày trai, lập ra đầu tiên nên bày biện đạo tràng trang nghiêm, hương liệu nhão như bùn thoa dầu, treo các phướn lọng, an trí tượng Phật phía Nam nhìn về tượng Quán Thế Âm, phân biệt phía Đông nhìn về mặt trời, ngoài ra còn có cành dương và nước sạch, đốt hương rải hoa. Hành giả mười vị, đã trở vào hướng về phía Tây nhìn xuống chiếu trải dưới đất, nếu nền đất ẩm thấp thì bố trí chiếc giường thấp

chân, trước mắt cởi y bạch, vào ra trái phải, tắm gội xong mặt áo sạch sẽ, nên ra sức cúng dường hằng ngày. Nếu không thể lo liệu được, ngày đầu tiên chẳng thể không thi hành sắp xếp hoàn toàn, mọi người bưng lư hương nhất tâm nhất ý, nhìn về phía Tây năm vóc lạy rạp sát đất, sai khiến người có âm thanh rõ ràng xướng rằng:

Nhất tâm đảnh lễ Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn.

Nhất tâm đảnh lễ Tây phương Vô Lượng Thọ Thế Tôn.

Nhất tâm đảnh lễ Thất Phật Thế Tôn.

Nhất tâm đảnh lễ Thập phương nhất thiết chư Phật Thế Tôn.

Nhất tâm đảnh lễ Tiêu phục độc hại Đà-là-Niết-bàn, phá ác nghiệp chướng Đà-la-niết-bàn, Lục tự chương cú Đà-la-ni.

Nhất tâm đảnh lễ Thập phương nhất thiết Tôn Pháp.

Nhất tâm đảnh lễ Quán Thế Âm Bồ-tát Ma-ha-tát.

Nhất tâm đảnh lễ Đại Thế Chí Bồ-tát Ma-ha-tát.

Nhất tâm đảnh lễ Thập phương nhất thiết chư Bồ-tát Ma-ha-tát.

Nhất tâm đảnh lễ Thanh văn, Duyên giác Hiền Thánh Tăng.

Lễ lạy xong đốt hương rải hoa mà nói như vậy: Này các chúng đẳng tất cả cùng quỳ, nghiêm trang bưng hương hoa đúng như pháp cúng dường, cúng dường mười phương pháp giới Tam bảo. Niệm tưởng xong miệng phát ra lời thành thật rằng: Nguyện mây hương hoa này, xông đầy cõi mười phương, cúng dường tất cả chư Phật, Tôn Pháp các Bồ-tát, vô lượng chúng Thanh văn, phát khởi đài ánh sáng, vượt vô biên thế giới, trong vô biên cõi Phật, thọ dụng hiện Phật sự, xông ngát khắp chúng sinh, đều phát tâm bồ-đề. Cúng dường xong nên hướng về phía Tây, ngồi xếp chân kiết-già gắn liền vào niệm sổ tức, khiến cho tâm không còn tán loạn. Đừng đếm nhanh làm hơi thở hổn hển, vì các chúng sinh, qua khoảng mười niệm trở thành mười niệm rồi, kế là niệm Phật mười phương và bảy Đức Phật Thế Tôn, sắc thân thật tướng và diệu thông giống như hư không. Lại nên yêu thương nhớ nghĩ tất cả chúng sinh, lúc thực hiện niệm này giống như đồng nhất đạt đến thiền. Vận dụng lâu ý niệm này rồi thì khoan thai chầm chậm tỉnh giác. Một người bày ra hương đèn, tất cả đều cùng nhau quỳ triệu thỉnh:

Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Văn Phật (phụng thỉnh ba lần trước khi lễ lạy Tam Bảo).

Triệu thỉnh xong, nói: Nay con đã có đủ cành dương, nước sạch, chỉ nguyện cầu Đại Bi xót thương nhiếp thọ (nói ba lần).

Kế là ba lần xưng danh hiệu Tam Bảo, danh hiệu Quán Thế Âm, kế đến chấp tay nói kệ: Nguyện cứu khổ ách cho con chấm dứt không

còn, sau kệ là bốn đoạn văn xuôi của văn kinh, tiếp theo tụng bài thần chú tiêu phục độc hại, sau khi nói thần chú là bảy hàng văn kinh (hoặc ba lần, hoặc bảy lần). Kế đến lại xưng danh hiệu Tam Bảo, tụng bài chú Phá nghiệp ác chướng Đà-la-ni. Kế đến lại xưng danh hiệu Tam Bảo, tụng câu Lục tự chương cú xong, tự dùng trí lực tác bạch bày tỏ sám hối, phá phạm hạnh của người và gây ra mười nghiệp ác, trừ diệt hết phẩn uế, lại được thanh tịnh, kế là nêu phát nguyện sám hối xong, nhất tâm thực hành lễ lạy. Lễ lạy nói trên vốn là thỉnh Tam Bảo, lễ xong đáng như pháp hành đạo. Hoặc ba vòng, hoặc bảy vòng xong, đến ba tự quy y. Tự quy y xong khiến một người khác bước lên tòa cao, xướng tụng kinh Thỉnh Quán Âm. Buổi sáng và đầu hôm thì thực hành phương pháp trên đây, những thời còn lại ngồi thiền, lễ Phật dựa vào cách thức thông thường. Đây là khuôn phép của một ngày một đêm, đến ngày thứ hai cho đến ngày bốn mươi chín, cũng lại như vậy.

5. PHÁP SÁM HỐI THEO KINH KIM QUANG MINH.

(Ghi thẳng việc đó, quán sát tuệ phân biệt, nêu ra ở văn khác).

Trang nghiêm đạo tràng, ngoài ra sắp đặt tòa để xướng kinh, bày biện các thứ phướn lọng, hương hoa như phương pháp trên. Sắp xếp tòa Công Đức Thiên ở bên trái tòa Phật. Đạo tràng nếu rộng rãi lại bố trí tòa Đại Biện, tòa Tứ Thiên Vương ở bên phải. Các tòa đều đốt hương rải hoa, ra sức kiếm trái cây, thức ăn. Ngoài ra lại bày biện một mâm trái cây, thức ăn xen lẫn, đặt ra phân tán tung rải các phương, nên hằng ngày tắm gội mặc áo mới sạch. Kinh nói: "Bảy ngày bảy đêm phải sử dụng sáu thứ chay tịnh, lập ra đầu tiên vào ngày thứ nhất giờ Ngọ, tất cả bưng lư hương, một người xướng rằng:

Tất cả cung kính.

Nhất tâm đảnh lễ thập phương thường trú nhất thiết Tam Bảo. Này các chúng đẳng! tất cả cùng nhau quỳ, kính dâng hương hoa đúng như pháp cúng dường. Tâm lặng lẽ cúng dường xong, miệng nói lời này: Nguyện mây hương hoa này, xông khắp cõi mười phương, như phương pháp trên, thực hiện nói như vậy xong, nên triệu thỉnh.

Nhất tâm phụng thỉnh Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Nhất tâm phụng thỉnh Đông phương A-súc Phật.

Nhất tâm phụng thỉnh Nam Phương Bảo Tướng Phật.

Nhất tâm phụng thỉnh Tây phương Vô lượng Thọ Phật.

Nhất tâm phụng thỉnh Bắc phương Vi Diệu Thanh Phật.

Nhất tâm phụng thỉnh Bảo Hoa Lưu Ly Thế Tôn.

Nhất tâm phụng thỉnh Bảo Thắng Phật.

Nhất tâm phụng thỉnh Vô Cấu Xí Bảo Quang Minh Vương Tướng Phật.

Nhất tâm phụng thỉnh Kim Viêm Quang Minh Phật.

Nhất tâm phụng thỉnh Kim Bách Quang Minh Chiếu Tạng Phật.

Nhất tâm phụng thỉnh Kim Sơn Bảo Cái Phật.

Nhất tâm phụng thỉnh Kim Hoa Viêm Quang Tướng Phật.

Nhất tâm phụng thỉnh Đại Cự Phật.

Nhất tâm phụng thỉnh Bảo Tướng Phật.

Nhất tâm phụng thỉnh Kim Quang Minh kinh trung vào Thập phương tam thế nhất thiết chư Phật.

Nhất tâm phụng thỉnh Đại thừa Kim Quang Minh hải thập nhị bộ kinh.

Nhất tâm phụng thỉnh Tín Tướng Bồ-tát Ma-ha-tát.

Nhất tâm phụng thỉnh Kim Quang Minh Bồ-tát Ma-ha-tát.

Nhất tâm phụng thỉnh Kim Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát.

Nhất tâm phụng thỉnh Thường Bi Bồ-tát Ma-ha-tát.

Nhất tâm phụng thỉnh Pháp Thượng Bồ-tát Ma-ha-tát.

Nhất tâm phụng thỉnh Kim Quang Minh kinh nội vào thập phương tam thế nhất thiết Bồ-tát Ma-ha-tát.

Nhất tâm phụng thỉnh Xá-lợi-phất, tất cả Thanh văn, Duyên giác, Hiền Thánh Tăng.

Nhất tâm phụng thỉnh Đại Phạm Tôn Thiên tam thập Thiên hộ thế Tứ vương Kim cương Mật Tích Tán Chi Đại Biện Công Đức Ha-lợi-Đế Nam quỷ tử mẫu cùng năm trăm đồ đảng. Tất cả đều là Đại Bồ-tát, cũng thỉnh cầu quỷ thần địa phận xưa này (Thỉnh ba lần).

Lại nói rõ ý của tâm lập ra sám pháp, tùy theo trí lực mà bày ra nói tự nhiên. Nói xong ba lần xưng danh hiệu Bảo Hoa Lưu Ly Thế Tôn, kinh Kim Quang Minh, Công Đức Thiên. Ba lần xưng niệm xong, lấy mâm thức ăn trộm lẫn tung vãi các phương. Nên nói Ba-lợi Phú-lâu-na, từ trước đến này, sở cầu của tôi đều được may mắn tốt lành. Nếu xong xướng lên tất cả cung kính trở về mỗi mỗi lễ lạy. Trên đây đã thỉnh cầu Tam Bảo lễ lạy xong, ba lần vòng quanh, xong đến ba tự quy y, tự quy y xong mới cùng nhau ngồi ăn. Đây là phương pháp buổi sáng, lúc khác như thường lệ, chỉ riêng xướng tụng kinh Kim cương Minh.

6. PHÁP SÁM HỐI (Sơ lược nêu ra năm ý, quán sát tuệ xuất xứ từ văn khác).

- Thứ nhất khuyến khích tu tập. Kinh chép: "Sau khi ta diệt độ, kinh điển Phương Đẳng này, ở tại Diêm-phù-đề, giống như mặt trời, mặt trăng chiếu sáng thế gian, chúng sinh gặp ân được thấy bốn phương". Nói là Diêm-phù-đề là khu vực vô minh. Nghe kinh Phương Đẳng nhận thức sâu sắc về nhân quả, như thấy mặt trăng, mặt trời soi sáng nhìn thấy bốn phương. Vì thế biết pháp mầu rất sâu của kinh, có thể chỉ bày tướng thế gian, đó là chỉ ra là đạo chẳng phải đạo, chẳng phải đạo tức là khổ tập thế gian, đạo chính là đạo - diệt xuất thế. Bốn pháp như vậy, đều do Phương Đẳng soi sáng rõ ràng. Kinh lại nói: "kinh Phương Đẳng này thế lực vô lượng, có khả năng làm cho tất cả trời, người, Tu la, Địa ngục, ngạ quỷ đều đến đạo tràng. Chương cú như vậy rất ít có, khả năng diệt hết tất cả nghiệp báo tội lỗi rộng lớn, há chẳng phải chỉ ra nhân quả thế gian hay sao?". Vì sao như vậy? vì đã nêu ra năm đường tức công khai về khổ. Lại nói: Diệt hết nghiệp và tội lỗi há chẳng phải là Tập ư? kinh lại nói: "Nếu tu hành được toàn phần Bảo, nhưng có thể đọc tụng được trung phần Bảo, hoa hương cúng dường được hạ phần Bảo, cho đến Nhị thừa thọ ký thành Phật, há chẳng phải chỉ ra nhân quả xuất thế hay sao? "Giải thích thông suốt sự lý bốn đế rõ ràng đã nói như trên, hành chuyển ba chương nay sẽ nói. Kinh nói: "Nếu trái phạm tự quy, cho đến sáu trọng Bồ-tát và hai mươi bốn giới của các giới Sadi, Sadini, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, phải dốc lòng sám hối, nếu không trả lại sinh thì không có chốn này". Nên biết rằng Phương Đẳng công năng dứt trừ tất cả nghiệp ác tội chướng, chắc chắn không ngăn ngại. Lại nói: Địa ngục, ngạ quỷ là nơi ác báo tận cùng, nhờ uy lực của kinh nghe liền ngộ đạo, thay đổi hình hài xấu xí. Lại nói: Thân bị bệnh hủi nhất tâm sám hối, nếu không được khỏi cũng không có việc ấy. Nên biết kinh này có thể chuyển đổi tất cả báo chướng xấu ác sâu nặng. Lời chân thành từ miệng vàng chắc chắn không luống dối. Nếu thực hành pháp chân thật này, ban đầu hoa quy tụ, Quán Thế Âm đến, kế đó Phật Bảo Vương Thích-ca Phật đến, cho đến ngày thứ bảy chư Phật và đại chúng đều đến. Lường căn nói pháp, phát tâm bồ-đề, mà không còn lui sụt. Nên biết kinh này có công năng phá tan phiền não chướng, văn sáng tỏ ở chỗ này, người nào không tin? Vì thế cho nên hành giả dùng sự vắng lặng, thực hành sáu Ba-la-mật, không có ta trong cái sở cầu, cho nên cầu thật pháp của Phật, tùy ý vãng sinh thế giới Diệu Lạc và ở trước chư Phật, phá trừ các phiền não, thoát ra vỏ cứng vô minh, lớn lên tách biệt với khổ, đầy đủ Thánh đạo tiến lên địa vị Bồ-tát, độ thoát tất cả chúng sinh, rộng ra vì ba cõi mà làm cha mẹ họ. Nếu chẳng phải từ lực của Phương Đẳng

thì không biết do đâu, ví như mặt trời, mặt trăng muốn xua tan bóng tối, nuôi lớn muôn vật, kinh này cũng giống như vậy, có công năng dứt trừ các trái đạo, biểu hiện rõ ràng con đường chân chánh, là thuốc hay của bậc Đại Pháp Vương, là châu báu vô giá dồi dào của cõi nước vui sướng. Nếu nghe kinh này như người tù nghe lênh ân xá, như bệnh được chữa trị, như nghèo hèn được vật báu, như đi đến nhà, vui mừng hớn hở lên cũng giống như vậy. Vì pháp nên còn cho cả mạng sống, không hề tiếc nuối thân thể, huống là những điều còn lại. Nếu nghe kinh này nên biết không từ công đức nhỏ bé mà đến. Ai nghe pháp như vậy mà không phát tâm bồ-đề, ngoại trừ hạng kia không giống người ngu si nhắm mắt không có trí tuệ. Cho nên nói: Biện giải như Văn-thù trong một kiếp, giáo hóa tất cả khiến cho lên đến quy cách bổ xứ thì công đức đó không bằng người ở hạ phần Bảo, huống chi thượng phần ư? Lại nữa, tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật, Thập tín Bổ xứ như Hằng sa, cùng đi sâu vào thiền tư duy, công đức không bằng một phần. Còn vật báu trong bốn đại châu, dâng cúng Như Lai, không bằng có người giúp cho người trì kinh này một bữa ăn để giữ gìn thân thể. Đâu chỉ nghi ngờ xem xét như vậy chăng? Bảy Đức Phật chính là hiện tại chứng thật sự không luống dối, ba đời Như Lai, đều từ pháp này mà được thành tựu Phật đạo.

- Thứ hai là phương tiện, Hành giả nghe Phương Đẳng có thế lực rộng lớn, khiến cho mình tăng thêm thuổi thọ tâm sinh trong pháp, giống như chết rồi sống lại, cũng có thể làm mẹ, há không phát tâm lập ra ý mạnh mẽ, đau thương cho bản thân, hôn trầm từ vô lượng đời kiếp đến nay, không tu tập vượt ra nhưng phải hổ thẹn ân hận quở trách. Nếu phạm vào hình phạt nghiêm khắc thì nhất tâm run rẩy sợ hãi, như đi vào hang lạnh. Nghĩ đến mũi tên độc này thì phải mau chóng rút ra, bệnh nặng do phiền não chịu khó tiến hành cứu chữa. Nếu thường dốc lòng thì sự việc không có gì khó khăn. Nghĩ đến việc này rồi quay về nương tựa mười hai vị Mộng Vương, cầu xin mộng thấy điềm lành. Nếu không cảm ứng thì chỉ thực hành vô ích. Thành khẩn gấp bội đến ăn uống cũng không quên, tùy đó thấy một vị vua tức là nghe theo thừa nhận. Thấy việc này rồi lo liệu các đồ dùng cúng dường, đã không thể tan xương bán thân, cũng phải bỏ tâm keo kiệt. Nếu trước đó có đạo tràng, lại cần phải sáng sủa sạch sẽ. Nếu không có đạo tràng đó thì trước mắt phải tìm kiếm lập nên, tiện lợi cho các nơi đun nấu thuốc thang tắm gội, đều làm cho ổn định, thuận tiện, lo liệu đốt hương hoa dầu đèn, quả trái thức ăn, không hạn định rộng hẹp. Nếu không thể hằng ngày thì đầu cuối chẳng được không có, tự học không thể được thì nên cầu sự giúp đỡ bên ngoài.

Chứa góp để lo liệu cần phải có một kiện y phục mới và sạch sẽ, không có mới thì giặt sạch. Dựa vào một Luật sư giải thích rõ ràng trong ngoài để phát lộ lãnh thọ hai mươi bốn giới, thọ chú chuẩn bị tụng trì, khiến tụng danh hiệu mười vị Phật, mười vị Pháp vương tử, mười hai vị Mộng vương, nhớ giữ gìn đừng quên, xả bỏ tất cả các loại sắc, thanh, hương, vị, xúc, rất sinh tâm chán ghét xấu ác, biết sắc giống như vàng nóng, thanh giống như trống độc, hương giống như gió ác, vị giống như mật sôi, xúc giống như rắn độc, đều không đáng mê đắm, mê đắm thì làm tổn thương. Lại dứt trừ tất cả nguyên cớ sự việc thế gian, sinh hoạt phải trái, kỹ năng thực hiện làm ra, đừng để cho trải qua hoài niệm, tất cả nguồn gốc đó không làm cho não loạn. Lại bỏ tham, sân, si ... và quán xét hiểu ra những điều không tốt, không có ý niệm suy nghĩ mong cầu phước lạc thế gian, chỉ riêng chí hướng vô lượng thanh tịnh bồ-đề, từng tâm từng tâm, nối nhau liên tục đi vào cảnh giới lành.

- Thứ ba là phương pháp: Các phương tiện trước đây tìm cách khiến cho thuần thục, khát khao kính mến vô cùng không hề tiếc rẻ thân mạng, hạn định ngày giờ chặt chẽ ở đạo tràng thực hành pháp. Tháng mới lúc đầu đi vào có hai ngày, bạn đạo nhiều ít mười vị trở xuống, hương nhão thoa nền phân tán ra làm cho viên mãn đàn tràng, mầu sắc tranh vẽ trang nghiêm mô phỏng từ Tịnh độ, đốt hương rải hoa treo phướn lọng năm mầu, thỉnh hai mươi bốn bức tượng, bày biện thức ăn trăm món. Một ngày ba lần tắm gội, mặc y phục mới, tay bưng lư hương, chuyên tâm chú ý tản ra lễ một lạy, cùng nhau quỳ thẳng, vận chuyển ý niệm, tưởng vầng mây hương này, che phủ khắp cả mười phương rưới mưa rộng ra tất cả, tất cả món ăn, áo quần, đồ nằm quý báu lầu gác điện phòng dây đàn phát ra âm thanh của pháp, trên cúng dường các vị Thánh, dưới bố thí chúng sinh, nhờ thần lực Phật mở rộng thực hành Phật sự, lợi ích cho tất cả, đều đi vào Phật đạo, đồng với hư không pháp giới, thực hiện ý niệm này rồi hướng về phụng thỉnh Tam Bảo, khiến cho từng câu từng câu chuyển vận ý niệm, rơi lệ trên má như về chỗ chết cầu xin Đại lực.

Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Bảo Vương Phật.

(Cho đến mười vị Phật vốn có xuất xứ từ văn kinh)

Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Ma-ha Đản Trì Đà-la-ni Phương Đẳng phụ mẫu.

Nhất tâm phụng thỉnh Thập Pháp Vương Tử Hoa Tụ Lôi Âm.

Nhất tâm phụng thỉnh Xá-lợi-phất đẳng nhất thiết Thanh văn, Duyên giác.

Nhất tâm phụng thỉnh Phạm Thích Thập Nhị Mộng Vương.

(Tất cả đều triệu thỉnh ba lần).

Kế đến khen ngợi Phật.

Trí tuệ Thế Tôn như hư không, thấy tướng khứ lai của chúng sinh, tất cả mười phương đều thấy nghe, con hướng cúi đầu lạy Pháp Vương.

Kế là mỗi mỗi lễ lạy mười vị Phật, mười vị vương tử v.v... xong, cùng quỳ xuống phát lộ tác bạch, kể ra đau thương rơi lệ, thú tội hối hận trước Tam Bảo, có đầy đủ chân thật chí thành không nịnh hót, không dối trá, không đến mức che giấu, tùy theo trí lực của hành giả mà tự nhiên nói ra. Kế đến phát nguyện, nguyện cùng kẻ oán người thân trong pháp giới, cải cách giặt rửa huân tu thanh tịnh. Kế là đi vòng quanh một trăm hai mươi vòng, tụng một trăm hai mươi biến thần chú, mỗi vòng một thần chú, tiếng không to không nhỏ nhanh chậm thích đáng. Vòng quanh tụng xong hướng về lễ lạy mười vị Phật, mười vị Vương Tử. Lại sơ lược tác bạch phát nguyện, sau đó lùi lại ngồi suy nghĩ, quán nhất thật tướng, phương pháp quán xem trong văn khác. Suy nghĩ xong đứng lê sửa sang y phục, lễ Phật một lạy, lại đi vòng quanh một trăm hai mươi vòng, tụng một trăm hai mươi biến thần chú. Tụng chú vòng quanh xong, lễ lạy Tam Bảo, tự nói ra tội lỗi sai lầm, trở về ngồi suy nghĩ. Thực hiện như vậy rồi, hết một vòng thì bắt đầu lại từ đầu. Chỉ riêng ngày thứ hai lược bớt không còn triệu thỉnh, những việc còn lại trọn vẹn suốt trong bảy ngày.

- Thứ tư là tâm thuận nghịch, bốn tội trọng, năm tội nghịch là xác chết trong biển Phật. Theo kinh Tiểu thừa, giống như chặt đứt cây Đa-la không bao giờ sống lại, không có việc sám hối tội này. Theo kinh Đại thừa, xem xét đồng ý tẩy rửa, như chú nguyện cây khô sinh ra quả, như người chết sống lại. Tuy có pháp này nhưng phải dốc lòng, chỉ lý không nghịch thuận mà sự có xa cách thuận theo. Ngay nơi điều ác mà luận, xa cách đối với Niết-bàn, thuận theo hướng về sinh tử, sơ lược mười loại: 1/. Vô minh làm cho mê hoặc, tiếp xúc cảnh sinh ra mê đắm. 2/. Nội tâm đã mê muội, bên ngoài bị bạn bè xấu ác làm cho mê hoặc, say đắm tối tăm theo phi pháp nên tâm ác chuyển biến hừng hực. 3/. Duyên trong duyên ngoài có đủ, tự phá điều lành của mình mà cũng phá điều lành của người, đối với các việc lành tâm không hề tùy hỷ. 4/. Đã không tu tập nghiệp lành, chỉ có nghiệp ác là thuận theo, buông thả ba nghiệp không điều ác nào không làm. 5/. Việc ác đã làm tuy chưa nhiều, mà tâm ác trải ra khắp nơi, muốn giành lấy tất cả vui sướng lại cho là tất cả khổ đau. 6/. Ý niệm ác tiếp nối liên tục, nàgy đêm không ngừng, tâm hoàn toàn là niệm ác, không hề dừng lại. 7/. Che đậy dấu vết, giấu

giếm lỗi lầm, trong lòng gian trá, ngoài mặt dối hiện hiền thiện. 8/. Tà vạy hơn mức bình thường, bảo vệ thường tăng thêm tiến lên tạo tội, không sợ đường ác. 9/. Lỗ mãng như dê đực, đường đột không có tâm hổ thẹn, không biết nhục nhã. 10/. Bài bác không có nhân quả, không tin thiện ác, cắt đứt các pháp lành làm nhất-xiển-đề. Mười tâm như vậy vô minh là gốc rễ, tăng thêm đạt đến cực điểm cũng tận xiển-đề, thuận theo đi vào sinh tử, từ tối tăm đi vào tối tăm, dệt làm kết nghiệp không có kỳ hạn giải thoát, đây là sinh tử trái thuận.

Đã biết vô minh từ trước đến sau, nay muốn sám hối tu thiện cải ác, thì phải xa cách sinh tử, thuận theo niết-bàn, chuyển vận mười loại tâm để làm đối trị: 1/ Chánh tín nhân quả, làm điều lành được quả lành, làm điều ác gặp quả ác, tuy không có quả báo hiện đời, nhưng quả báo tương lai không mất, tuy từng niệm từng niệm diệt, mà nghiệp thiện ác cuối cùng không mất. Niềm tin là mẹ sinh ra công đức, niềm tin là cổng đầu tiên đi vào Đạo, thuận hướng về Niết-bàn, vượt qua phá nhào tâm xiển đề bất tín. 2/ Nên hổ thẹn, tội lỗi này của mình không tham dự vào dòng người, hổ thẹn tội lỗi này của mình không được trời thần che chở, hổ thẹn ăn năn lầm lỗi, đây là bạch pháp, cũng là bạch pháp Ba thừa hành xuất thế, đây là hổ thẹn vượt qua hắc pháp, không biết xấu hổ. 3/ Sợ hãi vô thường, mạng giống như nước trên núi chảy xuống, cũng giống như mượn danh nghĩa, một hơi thở ra không trở vào lại, trôi lăn theo nghiệp, âm u tối tăm một mình hướng tới, ai tìm hiểu pháp trái? Chỉ dựa vào phước lành làm tư lương thoát hiểm, nên cạnh tranh với bọt nước, ăn thở không có thời gian rỗi? Đây là quán xét đối với vô thường, vượt qua bảo vệ, thường còn không sợ đường ác. 4/ Phát lộ sám hối tội lỗi lập liền tiêu diệt, như giọt sương tàn lụi ở cành lá gốc cây, đây là phát lộ tội che đậy giếu giếm. 5/ Cắt đứt tâm liên tục nối nhau, rốt cuộc xả bỏ điều ác, quả quyết mạnh mẽ hùng dũng, giống như dao cứng vô cùng, đây là quyết định vượt qua liên tục nối nhau. 6/ Phát tâm bồ đề rộng khắp, cho tất cả niềm vui, nguyện cứu giúp tất cả nỗi khổ đau. 7/ Tu công đức bù lại lỗi lầm, chăm chỉ thúc giục ba nghiệp tinh tiến không ngừng, đây là tu đạo công phu phá sạch ba nghiệp, không việc gì làm ác. 8/ Giữ gìn bảo vệ chánh pháp, không để cho ngoại đạo, ác ma hủy hoại Phật pháp, thề mong muốn làm rạng rỡ, đây là giữ gìn, phá diệt tất cả việc lành. 9/ Nhớ nghĩ vô lượng công đức thần thông trí tuệ của chư Phật mười phương, nguyện che chở cho mình, đó là niệm Phật, vượt qua sang bằng tâm nhớ nghĩ bạn ác. 10/ Quán sát tánh tội vốn không, tội lỗi từ tâm sinh ra, nếu tâm đạt được thì tội lỗi chẳng thể

không có, tâm mình tự nhiên không thì tội lỗi làm sao nói là có, tội phước không có chủ, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, cũng không ở giữa, không thường xuyên tự nhiên có mà chỉ có tên gọi, tâm của tên gọi là tội phước. Tên gọi chính là không, trở về nguồn cội, suy cho cùng là thanh tịnh, đó là quán sát tội lỗi tánh vốn không, vượt qua san bằng vô minh điên đảo chấp trước. vô minh diệt cho nên các hành diệt, các hành diệt vì thế sinh tử diệt, đại thụ mười hai nhân duyên chết đi, cũng gọi là nhân quả xuất thế, rõ ràng thấy được bốn phương, nói là ở chỗ này.

- Thứ năm là biểu hiện cho pháp: hành giả đã biết mười nghịch thuận, dùng tâm chánh quán trải qua nhiều việc, trong mỗi duyên điều biểu hiện pháp cao siêu, từng tâm từng tâm liên tiếp nối nhau quán sát đạo không xen hỡ, đi vào cửa ngỏ không hai. Nói phương đẳng thần chú ấy là quán sát lý thật tướng, lý không thể nói ra, mà chẳng thể không nói ra. Đi đến bốn cơ duyên làm ra bốn phương pháp, nói về thật tướng nên gọi là Phương, tuy thực hiện nói ra như vậy nhưng nói tức là không nói, không nói tức là không, không cho nên chẳng thấy nói và không nói, không bên cạnh không ở giữa gọi là Đẳng. Lại nữa, làm cho cơ có nói ra, nói về chú này, chú đối với ba chướng, pháp năng chú đã không thể nói ra, tội của sở chú cũng không thể nói ra. Không có tội cho nên không sinh tử, không có chú cho nên không Niết-bàn, chung quy thanh tịnh nên gọi là Phương Đẳng Chú. Hương nhão thoa nền mẫu sắc tranh vẽ trang nghiêm: Nền đất biểu hiện cho pháp tánh, hương biểu hiện cho phước đức, tranh vẽ biểu hiện cho trí tuệ, hai loại phước tuệ trang nghiêm Pháp thân. Lọng cái năm mầu: Biểu hiện cho năm ấm, không chính là Phật tánh không lìa Phật tánh, phát khởi tâm từ vô duyên che phủ rộng khắp tất cả. Hai mươi bốn hình tượng: Biểu hiện cho quán sát mười hai nhân duyên nghịch thuận. Tất cả hai mươi bốn chi, quán sát thuận mười hai giác ngộ, ba Phật tánh, quán sát nghịch mười giác ngộ ba Phật tánh. Nghĩa là Vô minh, Ái, Thủ là Liễu nhân Phật tánh, Hành - Hữu là duyên nhân Phật tánh, Thức, Danh sắc... là Chánh nhân Phật tánh, giác ngộ hai mươi bốn chi, tức là hai mươi bốn vị Phật. Thức ăn trăm món: Biểu hiện trong tất cả các Pháp đều có ý vị thiền duyệt, pháp hỷ, trung đạo. Một ngày ba lần tấm gội: Làm cho dứt sạch vô minh, trần sa, suy nghĩ về các biểu hiện Pháp thân thanh tịnh. Mặc y phục mới: Biểu hiện chho vắng lặng nhẫn nại bao phủ hai bên xấu xí. Nhiễu quanh một trăm hai mươi vòng: Chính là biểu hiện cho mười hai nhân duyên, tất cả mười loại quán sát có một trăm hai

mươi chi. Tóm lại chỉ là ba đạo: Ái và Thủ là phiền não đạo, Hành Hữu là nghiệp đạo, Thức và Danh sắc... là khổ đạo, tuần hoàn ba đạo thường là quán sát cảnh, cho nên nhiễu quanh một trăm hai mươi vòng. Một chú hướng về phá vỡ một chi, tức là san bằng ba đạo, ba đạo sang bằng tức là ba chướng san bằng. Kinh nói: "Phát tâm Bồ-đề, mà được luống dối lui sụt tức là chứng minh phá đổ phiền não chướng. Nếu trái phạm các giới, mà không sinh trở lại thì không có việc này, là bằng chứng phá đổ nghiệp chướng, bạch lại trừ diệt, tức là bằng chứng phá trừ báo chướng".

Quán sát từng câu từng câu tụng chú không thật có, như tiếng vang trong hang trống không có Ngã, quán sát đi nhiễu vòng quanh chân, chân không thật có, như mây như bóng, không đến không đi. Nếu ngồi suy nghĩ, suy nghĩ tâm của một niệm, không từ ý căn sinh khởi, chẳng phải ngoại trần hợp lại mà sinh khởi, chẳng phải rời xa mà sinh khởi. Lại nữa, chẳng phải niệm trước sinh khởi, cho nên sinh khởi, cũng chẳng phải niệm trước diệt đi cho nên sinh khởi, cũng chẳng phải niệm trước sinh diệt hợp lại cùng sinh khởi, cũng chẳng phải niệm trước chẳng sinh, chẳng diệt mà sinh khởi. Lại nữa, chẳng phải sinh mà sinh khởi, cũng chẳng phải sinh mà không sinh mà sinh khởi, cũng chẳng phải sinh và không sinh cùng nhau sinh khởi, cũng chẳng phải không sinh và không sinh mà sinh khởi. Suy cho cùng không có một niệm, không biết từ đâu sinh khởi, chỉ có tên gọi của Sinh. Tên gọi chẳng phải trong, ngoài, ở giữa, danh và không danh, cho nên quán sát tâm đã như vậy, từ tâm mà sinh khởi, tất cả các pháp cũng giống như vậy, quán sát tất cả các pháp đều hợp với tu-đa-la. Như vậy lúc quán sát cái gì là mình, mình làm việc gì, cái gì là tội lỗi, cái gì là phước đức? Vì năng lực quán sát cho nên hoát nhiên khai ngộ. Không tuệ trong sáng như tánh lạnh của nước, người uống mới biết được, chỉ một mình hiểu rõ, người khác không thấy. Cồng đức thiền định trí tuệ đạt được, đều không thể nói ra, như lúc ngộ này tự biết che chắn chướng ngại, không đợi phân biệt. Nếu địa vị này không đẳng cấp, chỉ được công đức của việc làm, phải bảo hộ miệng, đừng nói với người. Nếu người trình bày, có thể là tội lỗi ngăn đạo, bệnh mù bẩm sinh, phung hủi, ngu ngốc si mê. Lại nữa, hành giả vốn thệ nguyện, bảy ngày mà giữa đường lơi lỏng lui sụt cũng có thể là tội lỗi ngăn đạo. Vì sao? Vì lừa dối tâm ban đầu, lừa dối chư Phật, lừa dối tất cả chúng sinh, rất phải cẩn thận, trong thời gian đó các tướng không thể nào tự hiểu rõ, nên hướng về các sư Phương Đẳng quyết định cho.

7. LỜI DẠY BẢO VỊ TRI SỰ:

Ta thời trẻ một chút chịu khó, chịu khổ đề phòng cửa ải gian nan, đi lại học hỏi ở kinh-Dương, Ung-Dự, chỉ mặc một Nạp y hơn ba mươi năm, Đông-Hạ không rời thân thể, trên đến vua chúa, dưới đến sĩ dân, tuy có thọ nhận những đồ giúp cho mà không riêng tư, một trái cây, một mái nhà, sau khi nhập chúng còn không mong mỏi nhớ nghĩ, huống chi cố ý xâm phạm hay sao? Vì sao? Ví chúng quý báu đáng tôn trọng, nếu tăng thêm thì gọi là vườn Cam lộ, nếu có giảm bớt, tức là vườn tật lê, tự ăn no tự tổn thương, nhân sụp đổ nhân khởi lên, ý sẽ đạt được, đâu đợi phải nhiều lời. Nói về người phát tâm tùy đó có những cái thực hiện, là đọc tụng, lắng nghe học hỏi, giảng thuyết, kinh hành, sám hối, cúng dường, chưa có đầu đuôi, cẩn thận đừng dừng giữa chừng, giữa chừng dừng lại là làm trái với tâm ban đầu. Nếu tiếp tục có những cái thực hiện, đến nơi dừng lại trước kia gây khó dễ, tức là phát khởi tu nghiệp không thành tựu, đời này hiện rõ chướng ngại về sau càng ngăn cách với đạo. Người thực hành này rất kiêng kị, thuận theo, phải ra sức bắt đầu tốt khiến cho trọn vẹn, nghiệp đã ngay thẳng như vậy, báo cũng tròn đầy, đây cũng là vừa ý đạt được. Xưa có một chùa mấy trăm thầy trò, ngày đêm thiền giảng thời gian không thể bỏ qua uổng phí, có người thanh tịnh trộm nghe nói pháp, nghe xong dụng tâm, cứ mỗi lần rê thóc sàn sảy rửa bỏ, ý niệm cố gắng giữ gìn luyện tập, gọi là dùng tâm thanh tịnh dâng lên hốt sạch những gì bất thiện, dùng nước sạch thiền định rửa bỏ những gì bất tịnh, tùy theo đó có những việc làm dụng tâm trong từng niệm từng niệm, một thời giữ bếp coi lửa đốt củi, từng niệm từng niệm hết sạch, vô thường qua đi. Bấy giờ nhanh chóng, ngồi xổm trước bếp, vắng lặng đi vào định nên lửa tắt cháo lạnh, vị Duy Na sợ bỏ dở nồi cháo của chúng, bèn nói với vị Thượng tọa, Thượng tọa nói đây là việc tốt đẹp, chúng nên hẫn nại, cẩn thận đừng làm kinh động hay va chạm, để mặc đến khi tự đứng dậy. Mấy ngày mới xuất định, tới chỗ vị Thượng tọa, kể rõ đầy đủ những chứng đạt của mình. Nói pháp càng trở nên sâu sắc, Thượng tọa ngăn lại rằng: Như thế hướng về điều mà ông nói đều là cảnh giới của mình, nhưng nay đã nói phải, chẳng phải cái biết của mình thì chớ nói tiếp. Vì vậy mà quay đầu lại hỏi: Biết nhiều về túc mạng hay không? Đáp rằng: Biết chút ít. Lại hỏi: Tội gì là hèn hạ, phước nào dễ nhận ra? Đáp rằng: Thân này hèn hạ, thời gian đời trước chính là bậc thầy của đồ chúng cả ngày nay, cũng là Tổ Sư của người trẻ, cái học của đồ chúng đều là những lời dạy bảo ngày xưa, lúc bấy giờ có nhiều khách bạn riêng tư, thường ngày chế ước không

dám tiếp cận với chúng, bỗng nhiên có khách bạn khẩn cấp thì lấy tạm chút ít thức ăn, quên không tiếp đãi đầy đủ. Vì việc này mà bị khiển trách, nay làm tôi tớ cho chúng mà thói quen trước đây chưa quên, ít tu dễ dàng nhận ra túc mạng tội phước. Việc đó như vậy, cả chúng nghe việc này đau buồn không thể kể xiết. Gương soi như vậy đâu thể không cẩn thận hay sao? Bạn cùng học là Thiền Sư Chiếu, ở trong chúng Nam Nhạc, khổ hạnh thiền định đứng đầu, sử dụng của chúng một nhúm muối ăn làm thức uống chay tịnh, vốn xâm phạm không mấy, chẳng thể cho là sự việc, về sau thực hành Phương Đẳng bỗng nhiên thấy tướng phát khởi, tính trong ba năm tăng lên tới mấy mười hộc, vội làm chay bồi thường đầy đủ, nhiều lần bán y để mua muối ăn đền bù cho chúng. Việc này chẳng phải lâu xa, cũng chẳng phải nghe tin đồn, nên lấy làm quy định, đừng để cho hối hận. Tôi tuy ít đức hạnh mà xa gần nhiều khi truy tim lẫn nhau, nhưng cách trở Diệm Lĩnh thật là khó đi bộ. Già bệnh ra vào thường lấy con lừa của chúng để đón rước. Đây là khách ta riêng tư tính toán việc lớn, thực hiện thẳng thắn, khiến cho đôi bên không sai lầm. Ta là người chịu trách nhiệm với chúng, con lừa cũng là ta được phép. Cũng bỏ nhập chúng thì chẳng trở lại ta có, ta sử dụng không thích hợp. Chẳng phải ta nói gì, nêu lên một điều này, còn lại nhiều việc như thế.

8. TRẦN TUYÊN ĐẾ SẮC CHỈ Ở LẠI, không cho phép vào Thiên Thai.

Tam Tạng ở kinh đô tuy lớn nhưng đều là một đường nghiên về Hiển, người kiêm đủ rất ít, trẫm nghe Ngõa Quan đông đúc, hết sức có ít an ủi lòng dạ, xong xuôi nên dạy bảo người khác, lẽ nào nhàn rỗi một mình tốt đẹp hay sao? Tào nghĩa đạt khẩu đôi chút, có đạt ý trẫm. Ngày mồng một, tháng tư, niên hiệu Cảnh Lịch.

9. NIÊN HIỆU THÁI KIẾN NĂM THỨ CHÍN, Tuyên đế sắc chỉ giúp cho đồ vật.

thiền Sư Trí Khải, là bậc lão luyện của tông phái lúc Phật pháp hùng mạnh, hướng về đất nước dạy bảo gồm cõi đạo tục. Nên cắt bỏ bắt đầu từ Phong huyện, điều hòa để đảm nhiệm phí tổn của chúng, miễn trừ hai hộ dân, sử dụng cung cấp củi nước, người chịu trách nhiệm thi hành, ngày mồng sáu tháng hai niên hiệu Cảnh Lịch đời trần.

10. NIÊN HIỆU THÁI KIẾN NĂM THỨ MƯỜI, Vua Tuyên Đề

sắc chỉ cho tên chùa.

Vốn có Tả bộc xạ Từ Lăng khải tấu, thiền Sư Trí Khải, sáng lập Thiên Thai an nhàn ngồi trên ngọn núi nổi tiếng, nên tên gọi là chùa Tu Thiền. Ngày mồng một tháng năm niên hiệu Cảnh Lịch đời trần.

11. NIÊN HIỆU CHÍ ĐỨC NĂM THỨ BA ĐỜI TRẦN, Thiếu Chủ sắc chỉ đón rước.

(Gồm năm sắc chỉ).

Mùa xuân lạnh lẽo mà đạo thể như thế nào? An nhàn ngồi yên kinh hành phải chăng là để kiếm chác? Pháp sự ở Đô Hạ thường ngày phát động mong mỏi tương trợ nói rõ làm cho lớn mạnh. Này sai tuyên truyền Tả hữu Triệu Quân Khanh, đón rước muộn có thể lập tức đưa ra. Ngày mười một tháng giêng, Thần Trưng Thần viết. Quân Khanh nói miệng đầy đủ đôi chút, thận tiện nhằm về gặp mặt nhau đang thúc giục.

Sắc chỉ thứ hai của Thiếu chủ. Được người sứ Triệu Quân Khanh khải tấu, lại thấy tờ biểu trả lời, chí hướng còn lại nơi rừng núi, thôn dã gồm có tật bệnh, nguyện dừng nơi chùa núi không muốn đưa ra Đô. Không đầy đủ đôi chút, mỏm núi khe suối cao sâu quả là tiết tháo của người u nhã. Phật pháp thị hiện không hẳn như vậy, vả lại chốn kinh đô có nhiều thầy thuốc và thuốc thang. Đang bệnh như vậy quả là vốn thích hợp, cho nên phát thư chủ định trước đây là Chu Trụ đón rước, nghĩ rằng thuận tiện tùy lẫn nhau đưa ra Đô, chỉ muộn mà dòng pháp không đình trệ, tụ hội nói đang tiếp cận. Ngày mồng tám tháng hai Thần Trưng Thần viết, Chu Trụ trình bày miệng đôi chút.

Sắc chỉ thứ ba của Thiếu chủ. Trước đây tuy phái hai sứ đặc biệt chưa phó thác toàn bộ, ý bảo lưu Tam Bảo cho nên có đón rước nhau. Nay lại phái Đạo Thăng ở chùa Long Cung, cùng kiến cho đối diện kể rõ đôi chút. Ngày hai mươi tám tháng hai- thần trưng.

Thiếu chủ sắc chỉ. Thứ sử Vĩnh Dương ở Đông Dương châu, nghe vua ở tại châu đón rước thiền Sư Trí Khải mở rộng pháp sự, rất hiểu ý trẫm. Nay đón rước đưa ra Đô, Vương nên thành khẩn nói cho biết rõ ý trẫm, ngày mồng mười tháng giêng, thần trưng.

Lộ trình tiếp đến là đón rước ở Lăng Châu. Sắc chỉ ghi chép chờ đón tiếp đãi. Gần đây được Vĩnh Dương Vương khải tấu, biết Thiền sư Như Y có thể khuất đức thuận theo trẫm khiến cho đưa ra Đô. vui mừng rất muộn nên hơi thiếu thân mật, lộ trình trải qua đường xá nguy hiểm khác nào đáng để làm phiền. Này phái sắc chỉ Tả hữu Hoàng Cát Bảo

chờ đợi đón rước, nhưng không biết muốn sắp xếp dừng lại chùa nào? Nghĩ rằng nêu ra cho người sứ y theo mệnh lệnh trở về trước, lập tức ghìm lại lý do, sắp xếp phòng nhà. Muộn tiếp cận có thể nói điều này chưa giao phó tất cả. Ngày hai mươi bốn tháng ba,Thần Trưng.

12. ĐẾN CỔNG KHAI DƯƠNG, xá nhân Trần Kiến Tông cùng truyền đi sắc chỉ bằng miệng của Thiếu chủ (gồm mười hai sắc chỉ).

Thiền sư Châu Chử lâu ngày vốn có công lao đạo đức bền chắc, nay phái người chịu trách nhiệm viết thư là Trần Kiến Tông cho kiệu đến, chắc chắn mong đến chùa Chí Kính, ngày hai mươi sáu tháng ba.

Tại Chí Kính, tuyên đọc sắc chỉ bằng miệng, kính mong kéo dài bỏ bớt trở thành vất vả, động chạm nhưng thiền tịnh chắc chắn dựa vào thời gian rãnh rỗi hiện nay, lợp lại mái chùa Linh Diệu, tạm thời đảm nhiệm sự an nhàn khi ngồi. Sắc chỉ người chịu trách nhiệm ghi chép là La Xiển cùng chuyển giao. Tháng tư.

Tại chùa Linh Diệu tuyên đọc sắc chỉ miệng, sức giữ nước chẳng năng lực nào vượt qua, nhiều lần giảng nói, kinh mong khuất phục hướng về điện Thái Cực, khai mở đề mục luận Đại Trí Độ, trở lại chùa bắt đầu giảng giải. Nay phái xá nhân Thi Văn Khánh đến, luận bàn cùng nhau khai bày pháp thí.

Tại chùa Linh Diệu, người chịu trách nhiệm ghi chép là La Xiển tuyên đọc sắc chỉ miệng, tặng tượng bằng vàng ròng một bức (ánh sáng giảm xuống năm mươi), Thích luận một bộ, khám bảo lũ lệnh án một cái, bờm sơn dương đuôi hươu một cái (cùng hộp), lư hương mặt hổ một cái (cùng hộp), ruộng ở phía đông hai thửa.

La Xiển lại tuyên đọc sắc chỉ miệng, không cho phép nhượng lại thửa ruộng, tạm thời để lại trong núi, sai bảo đừng chuyển vận vất vả. La Xiển tuyên đọc sắc chỉ miệng chuyển giao, Phù Nguyệt cúng một kiện áo quần mùa Hạ, chuối nhỏ năm nải, vải lụa đều mười xấp, bông tơ mười cân, hoàng tiết hai đấu, gạo trắng Phù Nguyệt năm thạch, tiền ba ngàn đồng, rau quả giao cho tùy ý. Tự Phù Nguyệt tiễn đưa ba người học sĩ và ba mươi người đệ tử, mỗi người đều cấp cho áo quần mùa Hạ, Phù Nguyệt cúng theo cách thức đã từng có.

La Xiển tuyên đọc sắc chỉ miệng, không được phép nhượng lại đồ của Phù Nguyệt cúng, hay xem thường Phù Nguyệt, một chút cũng không dẫn đến nhượng lại, thọ nhận rồi xả ra bố thí, tâm càng lĩnh hội công đức.

La Xiển tuyên đọc sắc chỉ miệng, không được phép nhượng lại

y vật bố thí, pháp thí không cùng tận, tài sản đồ vật có lúc cạn kiệt, chuyển tặng không nhiều, quên đi thu nhận giúp đỡ. Ngày hai mươi bốn tháng chín.

La Xiển tuyên đọc sắc chỉ miệng, giúp cho hai ngàn cây cau, một trăm cây tre, một chiếc chiếu. La Xiển tuyên đọc sắc chỉ miệng, thỉnh giảng, quốc qia một năm trước đây có hai tập Nhân Vương, kính mong khuất phục nhằm về điện Thái Cực bắt đầu giảng giải, cách thức chuẩn mực sắp xếp độc nhất, nghe theo người chỉ huy. Nay phái người chịu trách nhiệm ghi chép là La Xiển chọn lấy ý.

Sắc chỉ miệng, ở chùa Quang Trạch giảng kinh Nhân Vương, nay muốn xả bỏ thân mạng ở chùa, Tăng chúng được giúp đỡ to lớn, cung kính khuất phục giảng kinh Nhân Vương, hằng ngày tự mình mong muốn nghe thấy, may sai hậu cáp xá nhân Lý Thiện Khánh, hướng về biết thông đạt đối chút.

Sắc chỉ miệng, nghiên cứu chùa Quang Trạch, Quang Trạch là vùng long tiềm của Lương Vũ, không sửa sang giải quyết nhiều, nay sắc chỉ Thiện Lương đi theo đã có công lao đôi chút. La Xiển chọn lấy mục đích đến.

■

QUỐC THANH BÁCH LỤC

QUYỂN 2

13. THIẾU CHỦ HẬU THẨM TỰ TAY VIẾT LỆNH

Kính lạy đấng Diệu Giác, nay sai nội sư hướng về Đại Phạm, cúi đầu lễ bái xin truyền lửa hương, nguyện ban cho tên gọi Bồ-tát, ngõ hầu nhờ sự huân tu để làm quyến thuộc Bồ-đề, kính cẩn lễ lạy báo đáp ân ban cho tên gọi Bồ-tát Hải Tuệ.

Thẩm Hậu Phù Nguyệt cúng: Huân lục, trầm đàn, mỗi thứ mười cân, hoàng tiết một đấu (một đấu = mười thăng), tế chỉ năm trăm tờ, đuốc mười cây, xích tùng- giản mễ năm thạch (một thạch = một trăm lít), tiền một ngàn đồng.

Ngày mười hai tháng ba - Bên phải là công văn hằng tháng cúng dường chùa Quang Trạch.

14. SỚ THỈNH GIỚI CỦA THIẾU CHỦ HOÀNG THÁI TỬ

Dốc lòng lễ bái, kính mong hóa độ vô phương, tùy cô tế vật, bảo vệ nước non, dắt dẫn trời, người. Rõ ràng tiếp xúc ánh sáng rực rỡ, nhờ vào dấu vết bạn bè thiết tha, Tỳ-kheo vào mộng cảnh tượng phù hợp sáng rỡ rất lâu, Hòa-thượng đi đến ân đức cao vời rạng ngời đến thế. Vì vậy, tâm Thất tịnh ngóng trông khát khao kính mến bốn y, ngõ hầu sẽ phát khởi ba tự quy y, mãi mãi giữ chắc năm giới cấm. Thầm tìm tòi hai giáo trong ngoại, hai thừa Đại - Tiểu, trọng đạo tôn sư, từ bấy đến nay vẫn thường như vậy. Cúi đầu mong mỏi thuận theo lời thỉnh, đời đời kết duyên thỏa mãn tâm nguyện, để cho ngày càng thêm nhiều. Ngày mười lăm tháng này tại điện Sùng Chánh, bày ra pháp hội mời ngàn vị tăng, phụng thỉnh làm giới Sư Bồ-tát, kính cẩn phái Lưu Tuyền chấp bút, chân thành khẩn khoản trình bày sơ lược, những điều khác chưa thể nào nói hết. Đệ tử thiết tha bái lạy! Ngày mười ba tháng giêng.

Hoàng Thái tử Phù Nguyệt cúng: Huân lục hương một đấu, đàn hương ba mươi cân, trung đằng chỉ một xấp, bơ sữa một đấu, tiền hai ngàn đồng.

Bên phải là công văn hằng tháng cúng dường chùa Quang Trạch.

15. THƯ DO TRẦN VĨNH DƯƠNG TỰ TAY VIẾT

(Gồm ba bức)

Mùa thu khí trời lạnh lẽo, nguyện an lạc hạnh, vậy mà đệ tử kém cỏi vô vị, không có khả năng chấn chỉnh đạo pháp, nguyện được tán tụ hợp lý mới nhờ đó để chỉ bày dẫn dắt. Này cử tùy tùng là Trần Văn cố gắng đi đến, để biết được đôi điều. Đệ tử Trần Bá Trí kính lạy, ngày mười tháng tám.

Bức thư thứ hai - Đệ tử khi nhỏ vâng theo điều chân chánh, lớn lên lại càng dốc lòng. Khi tròn châu quận có hiềm khích thì có thể dụng tâm, chỉ đến khi dừng nghỉ đến nay quả thật có tâm khâm phục sâu sắc. Thư trước mong cầu Tôn Sư hạ sơn giảng nói, nhưng chưa nhận được tin tức trả lời, vì thế tùy ý u uất, đợi chờ tin tức không quên, tiếp tục phái người mang thư này nhất định chóng trở về. Bao nhiêu người cầu học cùng mong mỏi sự dẫn dắt, cho nên trước đây có nói người cố ý tìm tòi đi thuyền đến đợi để đón về, biết rằng lời nói đang còn ngắn ngủi, đệ tử Trần Bá Trí xin kính lễ.

Bức thư thứ ba - Khiến cho bao người quay đầu kính mến và ôm lòng mong đợi, châu quận quả thật không được như vậy thì càng hối hận vô cùng. Vốn biết rằng được tánh ngao du , vì vật quên tình, lại càng phải yên lòng nhẫn chịu, nay sai người đợi chờ đón rước sự quang lâm. Đệ tử Trần Ba Trí kính lễ. Những thứ đưa đi như rong biển, nhân sâm Cao Ly, là vật nhỏ bé chẳng đáng gì.

16. SỚ GIẢNG GIẢI CỦA VĨNH DƯƠNG VƯƠNG

Đệ tử Bồ-tát giới Trần Tĩnh Trí cúi đầu đảnh lễ, mười phương thường trụ Tam Bảo cùng hiện tiền phàm thánh u hiển minh không. Cúi mong pháp lực của đấng Pháp Vương, thương xót hạng ngu dốt trong ba cõi khai bày kinh điển mầu nhiệm vô lậu vô vi của nhất thừa, tông chỉ sâu xa tuyệt vời cùng cực, nương theo hoa sen để đặt tên, thật trí khó nghĩ suy nhờ vào bảo châu mà dụ lý. Ân cần tiếp nhận mà mở mang, bắt đầu là việc nhân duyên lớn chỉ tay nói rõ, cuối cùng khiến cho người Tiểu thừa tỉnh ngộ rõ ràng. Thay thế Tu-di chuyển dời thế giới, chưa hẳn là khó; mở bày bí mật dắt dẫn chúng sinh, lại không phải dễ. Xà-lê Thiên Thai Trí Khải, dạo chơi khắp mọi pháp môn, thông suốt tất cả Thuyền uyển, xa lìa hết sử hữu vi, hiện tiền pháp Vô sinh nhẫn, ngẩng lên cúi xuống phong thái điềm nhiên, diễn xướng giảng nói giáo pháp cùng cực, hiên cao vòi vọi điện xếp mấy tầng, mở mang rộng rãi cung quán trai nghi, Thánh chúng đều quy tu, tiên nhân cùng hướng về,

chung lòng sùng kính, ánh sáng truyền đăng, góp sức giữ gìn dòng chảy như thác, pháp hữu vui mừng hớn hở, thần linh phấn chấn rộn ràng. Đệ tử trôi nổi theo gió nghiệp bồng bềnh, nước ái dục tuy vẫn vây quanh mà niềm pháp lạc không hề gạt bỏ, tâm tư mong muội chỉ khát khao Thuyền duyệt, chung quy lòng dạ vẫn lo nghĩ bộn bề. Nhưng vầng mặt trời vút nhanh mà dây cương ánh sáng không giữ lại, bóng mặt trăng trôi qua mà hình ảnh Hằng Nga khó hiện hữu, vừa mở hòm vàng liền đóng ống ngọc, bánh xe pháp dừng nghỉ mà sự giảng nói ở Thứu Lĩnh đâu kỳ hạn, thanh phạm không còn mà lời tuyên dương ở Ngư Sơn vừa kết thúc, có ly tán, có tụ hội, than thở biết nói làm sao, dòng nước ái kính, chánh pháp chảy mãi không ngừng, kính cẩn mong ngày mười ba tháng này trần thiết pháp hội để giảng bày công đức, độ người xuất gia. Lại còn Pháp thân Đại sĩ Bồ-tát Quán Âm, cứu giúp tai ách họa hoạn làm lợi ích cho trời người, vâng lênh tạo tác nghi lễ thiêng liêng, ngay trong ngày ấy sẽ đổ khuôn, nhờ phước lành đó dâng lên giúp đỡ cho các Thánh linh đời Thanh. Lại vâng lệnh ngay trong ngày tôn nghiêm ấy, nguyện ngự thiện được thường an, Đức cung Thái hậu Bồ-tát vui vẻ bình yên, Hoàng Thái tử được nhiều phước đức, các Vương thần cung chủ đều được tốt lành, cuối cùng đến tự thân đệ tử và gia đình con cái, cùng tất cả quyến thuộc trong ngoài, tất cả nhân duyên, tuổi thọ lâu dài, thân tâm thanh thản, chí nguyện mở mang Tam Bảo, thông đạt năm thừa, giới hạnh cùng sáng tỏ như trăng mùa thu, thiền định sẽ khế hợp như hồ mùa Xuân, đời đời kiếp kiếp hòa hợp với xà-lê và giảng chúng, thấy nghe hiểu biết thương kết làm bạn lành, thường cứu độ cho nhau cùng trở lại chứa nhóm trí tuệ. Tôn sùng trí đức cao siêu của Như Lai thì tựa như Dược Vương quán xét hạt giống giác ngộ của Lôi Âm, hoặc thấy sinh về thế giới An Lạc, hoặc ở cõi trời Đâu-suất, cùng dạo chơi trong hạnh Ba Thừa, cùng hướng về đạo Nhất thừa, vô số Bồ-tát làm bạn lành, vô số cõi nước làm Phật sự, đạt được pháp tự tại, đạt được tâm tự tại, cùng tu tập bảy Giác chi, cùng hướng về ba cõi Bồ-đề. Hư không dù có giới hạn nhưng tâm nguyện này không hề cùng tận. Kính mong các vị u hiển chứng minh, pháp giới oán thân cùng hòa vào biển nguyện, hồi hướng Tát-Vân-Nhã, là Vô Sở Đắc.

17. VĨNH DƯƠNG VƯƠNG TỰ TAY VIẾT THƯ ỦY THÁC CHO HAI PHÁP SƯ CHÂN QUÁN VÀ TUỆ BÙI.

Tĩnh Tuệ kính lạy. Tuyết càng rơi khí trời càng lạnh, nguyện lễ sám không mệt mỏi, đệ tử bàng hoàng vô lý, pháp sư Chân Quán không

được nhập sơn để được vắng lặng trong niềm vui thiền định, nay đem thư đó kính trình lên Bùi công. Lại đang gói gém hành trang đợi hơi quang đãng thì sẽ lên đường. Nhưng Quan công không chỉ hiểu rõ nghĩa lý, lại tụng Pháp Hoa, đèn tuệ đã sáng tỏ mới lắng trong nước định, kính mong xà-lê đức ngang bằng Đạo An, Tuệ Viễn mà đạo vượt xa Ấn Quang, xa gần đều kính mến chống tích trượng gom mây, tiếp nối tượng pháp vào lúc sắp hủy hoại, để cứu giúp buổi hôn mê mông muội, hiển bày ánh sáng còn lại của mặt trời tuệ giác nhờ đó nhờ đó giúp đỡ cho người phàm tục khắc bạc. Bao gồm Sơn Âm họ Khổng, xả bỏ ruộng đất tốt tươi để cùng nhau canh tác; Bảo Nữ họ Diêu xả bỏ của cải thanh tịnh để giúp đỡ rau dưa, thiền đường đi lại tu tập, lương thực không lo thiếu hụt, không có các nhân duyên lành, cũng đều tùy hỷ đệ tử. Vật mọn chân thành cúng dường, nguyện đừng vì sự giúp đỡ đối đãi mà tiếp nối ý đồ chúng để thêm ưu phiền, nhờ vào phược nghiệp ấy ngõ hầu ngăn chặn những phiền muộn buồn lo; dựa theo sự huân tu này mong muốn chịu ơn phù hộ ngầm kính! Đệ tử Trần Tĩnh Tuệ kính lạy.

Vương đưa ra kinh tượng vào Thiên Thai: Một pho tượng ngồi bằng đồng dát vàng, một bộ kinh Niết-bàn, một trăm cây nến (chúc), hai mươi tấm phướn lớn, một trăm xấp lụa mộc (quyên), tịnh nhân Bạch Thạch và tịnh nhân A Cam.

(Hữu điệp).

18. SỚ THỈNH CỦA TRẦN NGHĨA ĐỒNG CÔNG THẨM QUÂN LÝ.

Đệ tử Bồ-tát giới Ngô Hưng Thẩm Quân Lý kính lạy: Thầm nghe Đại thừa ấy là thừa của bậc Đại sĩ, cao rộng vận dụng khắp nơi thẳng tiến đến đạo tràng, lại làm thành bốn y chu toàn sáu đường, kính mong đức dầy lĩnh hội văn kinh sâu sắc, đối với năm thệ, đầu tiên thỉnh cầu khai mở đề kinh Pháp Hoa, trong một hạ vẫn cứ trình giảng giải, đạo-tục đều chiêm ngưỡng, xa gần đứng đợi ngợi khen, Từ bi lợi ích không trái với bổn nguyện, kính cẩn lễ lạy.

19. THƯ CỦA TẢ BỘC XẠ TỪ LĂNG ĐỜI TRẦN.

(Thư của Từ Lăng rất nhiều, môn nhân tranh nhau giữ, đi tìm khắp nơi chỉ còn được ba bức và nguyện thư).

Từ Lăng kính lạy. Trước kia cùng pháp tịch với Thẩm Nghi, thét gào đòi ăn cam lộ vô úy, tất cả đều quy phục, thắp lên ngọn đuốc chánh pháp, soi sáng những người chưa ngộ, tự mừng hơn năm nay được gặp thuyết mầu, tìm tòi sự việc mưu hỏi triển khai tâm này không nói rõ,

kính cẫn lễ lạy.

Từ Lăng kính lạy, tâm khát khao kính ngưỡng khó có thể phơi bày đầy đủ. Ngày đến gặp được ý chỉ vào ngày hai mươi tháng ba, vì vậy yên lòng tích lũy tháng năm quyết tâm làm thế nào trong thể chất được vắng lặng, nguyện một ngày bình an thanh thản, vui cùng xuân hạ trong chốn núi rừng không còn chướng nạn phiền não vây quanh mà thôi, dần dà khôi phục lại ý chỉ đang còn. Đệ tử hai ba năm nay, bỗng nhiên già cõi, mắt mờ tai điếc, tâm mê khí bít, cho nên chẳng còn là con người, cùng lúc năm ngoái đứa con thứ sáu bị chết non, đau đớn sinh bệnh do đó không chữa khỏi, nào ngờ giữa tháng này lại có chuyện buồn, nhiều năm như vậy suy nghĩ rất nhiều trở thành sâu sắc, tự nghĩ cuối đời không thể khôi phục lại đôi chút khả năng, không biết từ đâu tiếp cận lễ bái để gắn bó nương nhờ, phải nói làm sao? Kính trọng Tảo Công nay còn muốn viết rõ không theo thứ lớp, đệ tử Từ Lăng kính lạy.

Từ Lăng kính lạy, nghe phóng sinh, phóng đăng, đoàn thể rất tùy hỷ với việc này, vậy trích ra của công chuẩn bị cẩn thận không cần bàn bạc chi nhiều, chỉ chầm chậm trích cho của công để kéo dài ra, mấy trăm dặm sông nước hoàn toàn là mạng căn đó. Công đức như vậy không tính toán hết được, tùy hỷ vô lượng, điều này không thể hỏi han đích xác, đệ tử Từ Lăng kính lạy.

Dâng lên thiền sư Trí Giả năm nguyện của Trần Từ Lăng. Từ Lăng kính lạy. Đệ tử suy nghĩ ra khỏi cảnh cá chậu chim lồng không vì chuyện sống chết, gốc lành đã ít ỏi non kém, hy vọng vào nguyện lực để trang nghiêm: Một là Nguyện lúc khi qua đời chánh niệm được thành tựu. Hai là Nguyện không trải qua địa ngục trong ba đường. Ba là Nguyện liền trở lại trong loài người, sinh vào nơi chốn không cao không thấp. Bốn- Nguyện được đồng chân xuất gia, đúng như pháp thọ giới. Năm là Nguyện không rơi vào hạng Tăng sĩ hủ hóa. Nhờ vào tâm thệ nguyện này để sách tấn sinh về Tây phương, nay viết rõ lòng son mong cầu minh chứng! Từ Lăng kính lạy.

20. THƯ CỦA TRẦN SỬ BỘ THƯỢNG THƯ MAO HỶ

(Gồm năm bức).

Hết năm này đến năm khác kính mong gắn bó không dễ dàng có thể nói được, nay nhờ được mùa Hạ hành đạo ở Thạch Tượng, yêu thích và ao ước vô cùng. Lại nghe muốn ở Thiên Thai mưu lập đạo tràng, trước mắt ở hết mùa hạ mà thôi. Hộc trò xa gần quy y, lẽ ra nên chuyển thành nhiều, an tâm nơi rừng núi thôn dã để tự vui với pháp hỷ, giảng giải về

Thiền không hề ngừng nghỉ, Bốn mươi hai chữ khiến cho gần kế, tuy ở lại nhiều thời gian nhưng đọc xong không thể hiểu được, không biết hỏi hang từ đâu, vì thế tiếc nuối ngày càng thêm. Lúc đó, Nam Nhạc cũng có thiền sư Tín Chiếu ở Nhạc Lĩnh, đồ chúng không khác gì lúc Đại Sư còn tại thế, Thiện Công ở núi giảng giải về Thích luận, nơi kia cũng áy náy dần dà hướng về, còn giềng nối đại pháp, không thể quy tụ nhiều đỉnh thành núi, thì cũng là nơi dừng lại của tâm, cần gì phải đi đến phương xa vào nơi đạo tràng hy vọng đừng quên. Kinh đô biên địa lẽ nào biết hồi hướng khuynh sắc nên hướng về Đông mà khóc lóc buồn bã, kính đức tín nhân nay trái lại viết rõ ràng chẳng đầy đủ. Đệ tử Mao Hỷ kính lạy.

Đệ tử cùng các em và con cái, đều được bình an. Thứ hai nhận chức ở quận Bà Dương. Thứ ba làm Dư Chương Vương Ty Mã. Thứ tư Đại Diên Khanh. Thứ năm vào nội ác làm chức Độ Chi Lang. Vì con lớn đang là người nhà của Trung Thư ở Đông cung, kính mong được rũ lòng chiếu cố, để cho đại thiện tri thức, đại đồng học, thường được hỏi han xa gần.

Bức thư tiếp theo của Mao Hỷ, cảnh sắc mùa Thu hãy còn nồng nàn mà đạo thể như thế nào? Thiền lễ phải chẳng tổn hại đến phước đức? Trạng thái bệnh già của đệ tử vẫn thuốc thang vô hiệu, cùng lúc không thể tự nhàn nhã, nên chuyển thành có sự khốn đốn như vậy, kính mong chuyển đến Phật Lũng. Mãi mãi sợ rằng không được tiếp cận nhan sắc, đau buồn than thở tột cùng, chỉ mong bây giờ lấy việc cứu tế rộng rãi làm sự nghiệp, giữ lấy núi không, lại sợ rằng trái với ý chỉ trùm khắp của Bồ-tát. Gần gũi với Từ Đan Vương và các thiện tri thức cùng nhau bàn bạc kỹ càng, đều là một núi, chung một đỉnh Thiên Thai cũng chẳng có gì phân biệt, tất nhiên hy vọng cố gắng suy nghĩ nhiều hơn, không vướng mắc vào bỉ- ngã. Kinh đô càng đáng nói Sư nương nhờ đôi chút, trích cho một phần trong số tài vật của Sư, nguyện kính trọng đạo đức, đệ tử Mao Hỷ kính lạy.

Bức thư tiếp theo của Mao Hỷ, đúng lúc nhận tin của Mao Nhạc, sơn chúng đều bình an, đệ tử có trả lời và thuật lại đầy đủ tất cả. Sau tin đến sẽ có lời từ bên ngoài. Nay dâng biếu thay tấm Tiên hương, hai cân huân lục hương, ba trăm quả cau. Không thể nhiều được mà bày tỏ tâm tư xin đừng trách mắng! Đệ tử Mao Hỷ kính lạy.

Mao Hỷ lại viết. Chúc mừng sự thương lượng, nay mong cơm ăn trình bày đầy đủ, nhằm để dạy bảo rộng rãi, đạo tục than thở ý vị, Bát-nhã chiếu rõ ràng, lẽ nào là từ ngữ vụng về xưng thuật sở năng? Đệ tử Mao Hỷ kính lạy.

21. VĂN BIA PHÓNG SINH CỦA THIỀN SƯ TRÍ KHẢI TẠI CHÙA TU THIỀN NÚI THIÊN THAI.

Trần thông trực tán kị thường thị quốc tử tế tửu Đông hải Từ Hiếu Khắc biên soạn.

Thái dịch vô thể, vì vậy chủng loại đều bình đẳng; Thái nhất vô danh, đến con người liền đó thiết giáo, nương vào quán phủ pháp xa thì giữ lấy mà bên cạnh thì tìm cầu, gồm đủ cả ba bởi vì tài cán, thổi phồng muôn loại giữ gìn nội dung. Xây dựng cung Đài Huyễn thì Nhạc làm nơi trấn giữ, phân rõ ngay thẳng trăm mục cho nên Tứ Độc phân chia phẩm loại, cung Tịnh Y ngắm Bát Hoành, cửa Tạc Long chứa Cửu Trạch, nhân bát quyết tập hiểm để lợi ích cho dân, cây tượng sinh bốc lạc để quân vương lớn thêm quẻ khảm, thời dụng to lớn như vậy! Hoàng Đế ta, tác Thánh ngưng thần nhân ý đồ ngự lục, vô vi vô dục, đạo khế hợp với Phần Dương, thùy củng thùy y đức sâu đậm, cùng chí trị, thần tượng trinh minh, quản khôi hợp tự, phương ngoài không đấn đo, hải nội có ngăn chặn, phủ trùm phong ngã cho hoa to lớn, nồng đượm ung hi đối với thời trước, vòi vọi thay khó có thể xưng gọi! Đến như Quang Khải, Pháp Thức phô bày cây đạo tươi tốt, làm cho sáng tỏ mười điều lành, cứu giúp tất cả bốn sinh, thiền sư Trí Khải chùa Tu Thiền núi Thiên Thai, chọn rau lá tự mình thực hành tiết hạnh gian khổ, Vâng mạng giương cao hoàng phong Tổng Trì tượng quí, Thiền sư, người họ Trần ở quận Dĩnh Xuyên, là con cháu của Hữu Quy. Tứ hữu kính nể ngài xa nghe đa mỹ lục kỳ, xếp vào hàng ngôi tước Thế tải, Hiền tổ đó giải thích về thế gian từ lâu, khởi Tổ Lương sử trì tiết tán kỵ thường thị ích dương huyện khai quốc hầu. Thiền sư đồng chân xuất gia, thông minh lanh lợi dễ giác ngộ, sống ở kinh Hạp, du hóa ở U Tinh, từ Bắc đến Nam, gồm cả hai hạnh Thiền Trí, Vũ Huyệt được tìm đến Đài Sơn bói thử quả là. Đường Bạch Kê lộ rõ núi Thanh Tủy mở ra, quế kéo lại kết thành chữ vắng lặng nghỉ ngơi, rừng cùng Ngũ Liễu đã sực nức hương chiên đàn, tháp hiện ba tầng cao vút treo lên sắc màu thủy tinh, núi cao vút tầng mây nhạc trời không gảy mà tự kêu, hình hài sáng ngời trong thạch thất yên bình không hình tướng mà còn lưu bóng ảnh, đỉnh núi đẹp đẽ cao chót vót sóng nước dập dềnh mênh mông, sóng lớn phản chiếu ánh sáng hắt lên tỏa xa bao bọc lấy không gian, suối lớn có cây tùng cao tận mây, che khuất mặt trời, tập trung bay lượn vòng quanh chứa nhóm nuôi dưỡng vật quý vô cùng. Trong lòng đất cất giữ ngọc quý xem gậy chống uốn khúc mà dể dàng phân biệt, dưới vực sâu châu ngọc, chìm xuống thấy trọn vẹn dòng chảy nên có thể khác nhau, thần thông mở bày trí

thức, như ý bày cửa quê nhà, chống tích trượng chú nguyện suối vọt lên hư không múa hát, nhận lãnh tiên đan hình dung tràn trề, nước chảy xiết mạnh nơi thời đến, tránh khỏi cung điện chân nhân, thừa dịp gió trở lại mà về đến, quyết thổ hoằng trần, linh sấm tư tại, Thiền sư phước tuệ tư cơ trong sạch lợi ích. Chả trách tướng quân mạnh mẽ vào trong biển cả lịch sử suy nghĩ hãy còn giáp trụ công lao của con trai, thế gian hiển bày phương thuật bán thuốc lên cõi tiên, nghe từ Hán ngày xưa, phân biệt phù tiết để vâng theo, tức là thời Minh, thỉnh cầu xoay bánh xe pháp, giải thích kinh Kim Quang Minh, trước đó Vân Kỵ tướng quân Lâm Hải nội sử Trần Tư Triển, cho đến vẫn còn con, đó là Trần Yếu Khanh, chính là người ở đây. Nhung chương y tú tốt đẹp thứ lớp gia đình nước non, Thiền sư Phụng Khuất tiếp theo giảng kinh Pháp Hoa, ngà trắng quạt tròn đầu tiên mở ra cửa ngỏ Luật tạng, ngọc khớp với phần còn lại của cõi trần, kề sát suy diễn kệ của kinh vương, hệ châu bắt đầu khuyên răn bạn thân từ bỏ say sưa, mộng đánh sắp vang thì Phạm-Ma nghi ngờ sai khiến, do đó bèn cùng trình bày, chân thành khuyến khích giải thích rộng rãi về tai ương phước quả. Còn con vẫn cứ khen ngợi bảo cho chủ ấp nghiêm khắc tiếp nối Tổ Dương Công chúc mừng sánh với bậc hiền nhân. Tất cả một trăm người quân tử tin tưởng thề thốt lập nên điều ấy. Lòng son thành thật vâng theo, thường xuyên giải thích hài hòa về bạch nghiệp, than thở như đã qua cây đường lê, liên tục khen ngợi duyên sau này của điếu bộc đều xả bỏ nghiệp ác và các (chỗ đơm cá) gồm có sáu mươi ba nơi, hai duyên thọ hạ xướng lớn lên rằng lành thay! Năm tuần trên tòa từ xa nghe tiếng búng ngón tay, biển cả vô bờ trong phút giây vắng lặng, vô biên chúng sinh cùng chịu ơn an lành vui sướng, tay giơ cao thế giới chưa vượt quá nan tư, tay nắm giữ hư không chẳng gọi là ít có. Điện hạ Quế Dương Vương là người cao quý của hoàng tộc, suy tư tốt đẹp tỉa bớt bình thường tình cảm kính trọng, thông suốt giải thích, nói ra ý chỉ của Huyền Hà gõ nhịp chứng minh, hiển bày hình hài của bán nguyệt, tâm rất tùy hỷ, năm hầu ba kiệt không hề ngăn cách, hoàng phát thanh khâm thảy đều hăng hái, chứa nhóm các triện tố thanh biên lạc giản, cây lấy trinh bài tiếng thơm chẳng dứt, mượn lệnh núi dừng biển chuyển động, tuệ thí đẹp đẽ vẫn còn truyền bá, quy các thệ hung công lao siêng năng, không phá hủy Hiếu Khắc mới xấu hổ vô cùng. Sự học rơi rụng hơn ba xuân góp lại thu săn bắn, từ lâu dứt bỏ vấy nhiễm dừng ngăn, viết dải áo quan vẽ vời mặt đất đã từng mưu toan miêu tả điều gì? Tuy lại bày ra ao hồ, và lẽ nào bí mật làm phỏng theo ngôn từ mầu nhiệm? Nhìn đá khắc vỏn vẹn không có thể rơi lệ, mong cầu

thượng thiện huân tâm! Âm thanh trong trẻo của sơn thủy càng cao ước, chí nhỏ đôi lời bộc bạch bén làm bài minh rằng:

Thiết lập vị thế quán tượng, phân tích bày rõ tự nhiên, mênh mông phẳng lặng to lớn, xanh ngắt đó dùng tôn quý, sông chảy dòng lệ buồn đau, mạch đất liền với nguồn sông, dẫn thông bàn bạc Vũ vương. Vì lấy giữ cao hiên, than ôi gờ đất công đức, vô cùng thay hỡi khôn nguyên, thuần phong nay ở nơi Lạc độ, vua đến ngắm xem gởi gắm, rõ ràng hiếu thuận bình yên. Đẹp lòng Thánh chủ nghiêm cung, đương kim đạo cao đức trọng, công đức cao như người xưa, chúc mừng hiệp lực điềm lành, đẹp tươi đều muốn vỗ về, nhờ nhân đức lay động, cây, ao đầm và hiên nhà xa, Thích chủng dòng họ cao quý, tư chất thân thể bầu mướp, không phải thích phận ngọc khuê, quy tâm cảm nhiễm phục tùng, từ khước duyên buồn lo kia, lời nói ban cho u cốc, chí nhờ thông tùng tre trúc, hình tùy theo cây gỗ khô, bảy Giác chi khó dẫn dụ, năm cảnh thiền trong suốt yên, không xa nào mà chẳng đến, chẳng suy nghĩ nào không hợp, tướng quân đứng đầu đất nước, ấn mang vai tiêu trời tội lỗi, thục nữ sánh cùng lương phu, dân nghiệp coi trọng của cải, không mở lớn về mười minh, lẽ nào đuổi theo trăm bội? Không nhìn thấy những ham muốn, quên lòng không đợi chờ, đều xả bỏ các nguồn hàng, cùng thành tựu trong biển Phật. Quyết chí mông muội tối tăm, ngước nhìn xa chỉ hư không, bảo vệ sư đưa tiễn mưa, các con giương cao ngọn gió, vẩy cá côn từ phương Bắc, ngoài cùng cực của phương Đông xa xăm nuốt mặt trời, sống đã từng dạt cỏ bồng, giống như ở trên mặt đất, tối tăm như ở dưới núi, sông kinh trong, sông Vị đục, hướng theo tông chỉ sẽ đồng, Thiên Thai tiếp giữ tiết tháo, Lâm Tuyền khuấy động mạt vụn, đỉnh bày ra ba thần cách, ngọn nguy hiểm có chín triết, thác nước trên cao rót xuống, hình dáng thần kỳ thanh bạch, tiếng vang như sấm lao nhanh, trắng trong như tuyết sáng ngời, mùa Đông rét đậm không ngưng, nắng nóng không hề khô cạn, cầu đá xa tít mịt mờ, ánh mặt trời soi chiếu suốt thông, ngữa lên bầu trời trong xanh, cúi đầu gần đến hang đỏ, đường chim bay mây thông tỏa, con đường người lại bặt lối, vũng bể khó mà giới hạn, hàm tình ngược dòng mang theo, gào khóc nguy hiểm vô cùng, muôn muôn lại đến ngàn ngàn, gõ mang cá gỗ lắc đuôi, cùng hướng về nhau tự nhiên, mạng tường đá không treo mắc, tùy ý móc vào không dất, tiếng ca mệt mỏi lặng yên, âm vang tiếng thớt hết tanh, làm xong sự nghiệp to lớn, hoằng sinh là điều thứ nhất, bỏ cây đích xác quy định, che rào nhắc nhở điều ấy, nuốt vào chim hạc linh thiêng, thần thái an không tôn kính, tùy đó cảm ngọc sáng, vào kỳ hạn mái hiên che,

biết tán thưởng biểu hiện tín, kín đáo bốc lên dựa vào, ôi qua đi vực lo lắng, sóng lớn dễ dàng chuyển biến, bờ cao cùng với hang sâu, bồng hải lại hoặc ruộng dâu, đá còn lại mấy rũ vung, rau cải hết vào năm nào, mặt đất sắp hồi rơi xuống, Tu-di cứ vậy thông suốt, gió lay đổ ranh giới vàng, ngọn lửa đến cõi Sơ thiền, tốt đẹp thay tánh nước, báo thân chuyển biến thường duyên.

22. SẮC THƯ CỦA HOÀNG ĐẾ CAO TỔ VĂN ĐỜI TÙY.

Hoàng đế cung kính xin hỏi Thiền sư Trí Nghỉ chùa Quang Trạch. Trẫm đối với Phật giáo thường nặng tình kính tín, xưa kia vào lúc Chu Vũ hủy hoại Phật pháp, phát tâm lập nguyện chắc chắn cho phép độ trì, cho đến nhận lãnh mạng phần ở cõi trời, vẫn cứ lập tức hưng sùng khôi phục lại, kính mong dựa vào thần lực bánh xe pháp tiếp tục chuyển, chúng sinh mười phương đều được lợi ích. Ví như vì có trình bày về sự ngược loạn tàn bạo, bách tánh khắp đông nam làm lao dịch không thể nào kể xiết sự khổ nhọc đó, cho nên lệnh cho tướng quân rời kinh đô trừ hại do dân, chốn Ngô Việt giờ đây được thanh bình vô cùng, đạo- tục lại an lành rất xứng hợp ý trẫm. Trẫm tôn sùng chánh pháp cứu giúp cho muôn dân, mong muốn khiến cho ruộng phước tồn tại mãi mãi, mọi chốn cầu bến không giới hạn. Sư đã rời xa lưới võng thế gian tu thân hóa độ mọi người, nhất định mong mỏi phần thưởng tiến vào hàng tăng, kiên quyết giữ lấy giới cấm, khiến cho người thấy khâm phục và nghe liền phát sinh điều lành, mới phù hợp với tâm đại đạo, đó là sự nghiệp xuất gia. Nếu thân đi theo đạo phục tùng, tâm nhiễm tục trần, chẳng phải loài hàm sinh không nơi quy y, ngửa lên sợ hãi cánh cổng pháp mầu lại sẽ phỉ báng, nên khuyên nhủ khích lệ nhau để giống với tâm của Trẫm, ngày xuân dần dần ấm áp mà đạo thể như thích hợp. Ngày mười sáu tháng Giêng niên hiệu khai Hoàng thứ mười, nội sử lệnh cho An Bình công thần Lý Đức Lâm, truyền cho nội sử Thị Lang Vũ An tử thần Lý Nguyên Thao, vâng mạng nội sử Xá Nhân Bùi Cử Hành.

23. THƯ CỦA TẦN HIẾU VƯƠNG (Gồm hai bức).

Chiều mùa Đông lạnh giá mà đạo thể thế nào? Pháp vụ gian nan vất vả, có vì thế mà phiền nhọc hay không? Chùa Phương Đẳng ở An Châu vâng lệnh Hoàng đế mà xây dựng sửa sang, Pháp sư Khuất hướng về đó để hành đạo, thật không đáng nói. Đã lệnh cho ty sở đó phân phát cung cấp, nguyện đem sự huân tu để làm sự hoài mong, không ngại vượt qua lợi nhuận. Đạo sâu xa kính trọng đức phân phát không cũng chẳng

đủ. Đệ tử Dương Tuấn kính lạy. Ngày mười bảy tháng mười hai.

Bức thư tiếp theo- Nghiêng mình ngửa mong ngày càng sâu sắc thật nồng nàn. Đạo thể của Thiền sư thế nào, tu tập không đến nỗi nhọc nhằn tâm tư chứ? Không vì có mở rộng mong chờ kết hợp, nguyện rất sâu, đức rất quý nên phân phát hết cũng không đầy đủ. Đệ tử Dương Tuấn kính lạy, ngày mười chín tháng năm. Kính dâng các thứ trầm hương như lúc khác, đến rồi nguyện xin xem xét tiếp nhận!

Trầm hương mười cân, tiên hương mười cân, huân lục một ít.

Văn điệp hèn mọn cung kính cúng dường.

24. THƯ ĐÓN RƯỚC LẦN ĐẦU CỦA TẤN VƯƠNG

Kim phong ngự tiết, ngọc lộ điều thời. Đạo thể tốt lành hài hòa với an lạc hạnh không, Pháp sư ẩn giấu chí ở lầu tâm danh sơn, pháp môn định tuệ, yên tĩnh vui sướng trong giới hạnh, sự huân tu rất nhờ, kế hoạch tốt đẹp đã lâu nhận được tin tức đức độ, làn gió kính trọng đã chứa nhóm hứng thú, vì vất vả nên mong muốn nhờ cậy vào tàu thuyền, vì vậy tách mây mù ra, cho nên phái người đi sứ, hướng đến Diên Khuất kia, hy vọng có thể tùy tiện hành động để tưới dội vào vạt áo khiêm tốn, đứng lặng hồi lâu hướng về hình dáng không trái với ý nhớ nhung. Đệ tử Dương Quảng kính lạy.

25. THƯ NÓI VỀ CHÙA THIỀN CHÚNG CỦA VƯƠNG TRỊ

Sâu sắc có đủ ý chỉ của sự khiêm tốn, nhưng cao nhân đi lại giao thiệp tiếp xúc ở chốn an lành. Như vậy, mưa pháp tăng phường cần phải hết mực nghiêm túc chính đáng. Trong kinh dạy bốn thứ cúng dường, không thể thiếu một, đã bắt buộc quan lại sửa chữa, tu bổ, nguyện xin quên đi lòng dạ để nhận sự giúp đỡ! Đệ tử là Dương Quảng kính lạy.

26. SỚ VỀ VUA THỌ GIỚI BỒ TÁT.

Sứ trì tiết thượng thụ quốc thái úy Dương châu tổng quản chư quân sự Dương Châu thứ sử Tấn Vương, đệ tử Dương Quảng cúi đầu lễ lạy. Phụng thỉnh chư Phật mười phương ba đời, Bổn Sư Thích-ca Như Lai, Bổ xứ Di-lặc sẽ giáng sinh cõi này, hết thảy tôn kinh vô lượng pháp bảo, sơ tâm trở lên, Kim cương trở xuống, Chư tôn đại quyền Ma-ha Tát-đỏa, Bích Chi, Duyên giác, Độc Thoát, Minh Ngộ, hai mươi bảy vị Hiền Thánh, tha tâm đạo nhãn cho đến cao nhất trong ba cõi, mười tám Phạm Vương, Thiên TỬ sáu cõi rời dục, Đế-thích thiên chủ, Bốn đại Thiên vương, Thiên Tiên rồng thần bay vút lên cao, ẩn khuất hiển

hiện, tùy ý nắm giữ, thế giới làm nên, lợi ích rộng lớn, Vệ pháp giữ gìn tháp mộ phòng thân hộ mạng, vô lượng thiện thần bảo vệ tịnh giới, thảy đều nguyện trong khoảng một niệm, kế thừa thần lực của Phật cùng tụ hội đến đạo tràng, chứng minh cho thệ nguyện của đệ tử, nhiếp thọ cho công đức của đệ tử, thầm dùng tâm thức tối tăm, nảy sinh dấy lên chính là tánh Như Lai, vô minh cúi đầu rơi rụng, vốn chưa rõ ràng, lý số quy về đây, vật cùng cực thì trái lại. Muốn hiển bày quả đang là chắc chắn tích góp ở thân, là đấng Điều Ngự Đại Hùng thế gian trải qua đầy đủ sinh tử, cỏ cây làm thẻ không sao tính hết được, cát sông Hằng nhóm họp lại để bắt đầu, cố nhiên khó nghĩ bàn, hết sức ô nhiễm trong trần lao mới chán bỏ được. Pháp Vương bắt đầu chuyển vận vốn là hóa thân Bồ-tát, giống như mặt trời xuất hiện thì trước tiên soi chiếu núi cao, tùy theo căn cơ hòa hợp nên tạm thời làm phương tiện như những dòng chảy kia đều là họ hàng của biển lớn, đệ tử căn bản kế thừa sự nghiệp chứa nhóm duyên lành mà sinh ở chốn Hoàng gia, nhà dạy bảo sớm hướng về để lại dần dần giáo pháp vốn có, phước lý nơi chung chén thì diệu cơ phải ngộ, hổ thẹn gập gềnh ở con đường nhỏ hẹp, mong mỏi nhàn tản đối với Đại thừa, cười nhạo dừng lại ở chốn hóa thành, thề làm thuyền bè nơi bến bờ kia, nhưng muôn hạnh của người trước bắt đầu từ giới thiện, Bồ-tát nhập thọ, chuyên chú giữ gìn là trên hết, ví dụ tạo nên cung điện nhà cửa chắc chắn nhờ nơi nền móng căn bản, chỉ có gác giữa hư không thì cuối cùng chẳng thành tựu được, chẳng đo đạc làm sao biết được. Hoặc lại nghe Khổng, Lão, Thích môn, đều giúp đở, đúc nóng không có khuôn. Ta đem an bình chân thành kính mong, khôi phục lại th Năng Nhân chính là Hòa-thượng, Văn-thù-sư-lợi sâu xa làm xà-lê, nhưng nhất định mượn người thầy (nhân sư) truyền thụ rõ ràng. Thánh trao cho cái xa tự nơi gần gũi, cảm nên liền thông suốt. Tát-đà-ba-lôn hết thảy cốt tủy ở nơi cô kiệt, Đồng tử Thiện Tài quên đi thân mình cho pháp giới. Kinh có văn rõ ràng đâu dám trở thành nói phỏng? Tin sâu sắc lời Phật dạy, bèn theo sự dẫn dắt rõ ràng. Thiền sư Thiên Thai Trí Khải là bậc long tượng trong Phật pháp, đồng chân xuất gia, giới hạnh sáng ngời, tròn vẹn thanh tịnh, tuổi gần nhĩ thuận theo nước định lắng sâu trong vắt, nhờ vào vắng lặng mà phát tuệ an ổn, không trở ngại biện giải, trước là vật, sau là bản thân khiêm nhượng dẫn dắt, danh tiếng khắp nơi, mọi người đều quen biết, vì vậy đệ tử kính thành chú ý từ xa, giấu mạng xa xôi trì hoãn, mỗi khi duyên sợ hãi khác nhau gặp các điều làm cho khó dễ, cũng đã đến nơi dừng lại thì con đường tâm rộng mở, vạch mây mù liền dứt trừ phiền não. Kính cẩn từ nay

ngày hai mươi ba tháng mười một niên hiệu Khai Hoàng thứ mười một, tổng quản trong thành thết đãi cơm rau mời ngàn vị tăng, kính thỉnh thiền sư Khuất truyền Bồ-tát giới, tên giới là Hiếu, cũng gọi là Chế chỉ, phương tiện trí độ trở về thân thuộc, hết lòng nuôi dưỡng. Đem phước nghiệp thù thắng này giúp đỡ Hoàng Hậu chí tôn, thực hành đại trang nghiên giống như Như Lai thương yêu rộng khắp, chư Phật yêu thương bình đẳng xem bốn loài chúng sinh giống như con một, đệ tử ngay hôm nay gieo trồng nghiệp La-hầu, đời đời kiếp kiếp sinh vào nhà Phật, như tám vị vương tử của Nhật Nguyệt Đăng Minh, như mười sáu vị sa di của Đại Thông Trí Thắng, nhân duyên quyến thuộc với bạn bè trong pháp thành, đều xuất hiện có dòng chảy đến chốn vô vi, bình quân sáu Độ, điềm tĩnh hài hòa với bốn hạnh chúng sinh. Chúng sinh vô tận cứu độ giải thoát không cùng tận, kết tăng-già đâu phải tâm ban đầu, cuối cùng đại Bi để đi cứu nguy nhân thế, lớn lao xa rộng như pháp giới, kết quả cuối cùng như hư không, thành tựu đầy đủ đều tràn trề biển nguyện. Dương Quảng kính lạy!

Vương dâng biếu các thứ y vật lên giới sư, duyên Thánh chủng nạp cà-sa, hoàng văn xá lặc, ba mươi đồn miên (bông tơ) miên (bông tơ), cà-xa vải uất nê-nam, hoàng đi bố miệt một cụ, lụa mộc bốn mươi tấm, một cái uất-nê-ti bố đản, một chiếc hoàng trừu ngọa nhục, một đôi hài tử diên, tiền năm mươi xâu, một chiếc uất nên vân long lăng bị, một chiếc long tu tịch, mười cây lạp chúc, một chiếc uất-nê-la đầu mạo, một chiếc mền Tu-di, một cái nghiễn, đồng một ghế ngồi cao, một đôi ô bì lữ, hai thỏi mực, một chiếc hoàng ti bố bối đang, một cây nam lưu chấm, một hộp hòa hương, thiếu tích trượng một cây (thấy vẫn còn), một ống tượng nha quản, một ống trần vĩ, một cái bát sắt đen (và túi đựng), hai ống ban trúc bút, một cái cân đồng, một chiếc tê giác như ý (và hộp), một cây bạch đàn khúc kỉ, ba chiếc đồng trọng uyển, một chiếc luân thạch hương lư liêm, một giường sơn thủy thắng, đồng tao lao một chiếc, một chiếc đồng hương hỏa bảy cân, một cây bạch đàn chi giáp, một chiếc đồng tháo quán, một cây nam luận giáp tất, một cây đào trúc dăng phất, thiết tiển đao một chiếc, bồ di văn mộc án tịnh nhục, một chiếc tê trang trảo đao, một chiếc thiết thế đao, một cây hoàng ti bố ẩn tương, một cái tử đàn cân tương, một cái thiết nhiếp tử, một chiếc bạch ngõa thóa hồ (và khăn bịt) một cây thị tâm bút cách, đồng chút kình một cái, một cái luân thạch trang thị tâm kinh cách, một chiếc tê trang thư đao, một chiếc bạch đoàn phiến, sư nghiêm giáo tôn (bên phải bốn chữ Trảo), hỷ xả cúng dường (bên phải bốn chữ Long), tạp não dư khí

(bên phải bốn chữ Thông Châm), Duyên giác xâm đoạn (bên phải bốn chữ thùy lộ), hàm đăng thường lạc (bên phải bốn chữ Phi Bạch), khởi như Bồ-tát (bên phải bốn chữ Đảo giới), năng thí sở thọ (bên phải bốn chữ Ngư), Thanh văn thị chứng (bên phải bốn chữ Khoa Đẩu), giới định tuệ mãn (bên phải bốn chữ Triện), khổ tập diệt đạo (bên phải bốn chữ Đại Triện), một chiếc cốc bì bình phong (viết các chữ Trảo,Triện, Long, Ngư, Khoa, Đẩu, Phi, Bạch, Thùy, Lộ, Đảo, Giới), tịnh nhân thiện tâm năm thứ mười một.

Hữu điệp, ngày hai mươi ba tháng mười một niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười một. (Vương vâng lãnh tên gọi trong giới là Tổng Trì Bồ-tát, trong thư-sớ bắt đầu sử dụng pháp húy đệ tử, Tổng Trì kính lạy).

27. THƯ VUA TẠ ƠN.

Liễu cố ngôn hoàn phụng chỉ, rũ lòng nên tỏ sáu thứ xả, thí và gìn giữ thọ dụng, đệ tử một ngày cung kính bố thí, vẫn còn vì sơ sài đạm bạc không xứng với tâm vốn có, ý chỉ đến đã đem truyền thí, công đức càng trở thành tăng thượng, ruộng phước bi kính rất là bình đẳng, cố nhiên chẳng phải che đậy kiến thức, sở năng đều thấy, mỗi sự việc kính mong nương vào những gì lưu lại đó. Đã lấy nguyện không nhiều bình thường giữ lại sự thọ nhận, vì thế cho nên cắt cử đền đáp hỏi han. Kính cẩn bái lạy.

28. THƯ VUA THAM KHẢO.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Thực hiện giới dài lâu ở giữa cõi tục đều chúc mừng khuất phục, ấy là chỉ có nhã ra, đưa vào thiền tuệ, cùng lúc vui vẽ hoà thuận. Đệ tử vâng lệnh lãnh thọ đến nay, thô thiển yên lặng thâu nhiếp, phái người tham thừa. Kính cẩn bái lạy.

29. THƯ VUA THỈNH Ở LẠI.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy, đến nay dạy bảo thì phải hướng về kinh Sở, thoái thác đến mức đầu đuôi, kính mong đầy đủ hoài niệm cao vời, nhưng chỉ vâng lãnh tịnh giới thì sự thành tựu vừa mới như thế. Xưa vốn ngưng trệ không phải là nhàn hạn mưu hỏi quyết định. Xà lê, Hòa-thượng trong kinh gọi là ruộng tốt, hạt giống khi gieo xuống có mầm non tươi tốt nhưng chưa có rễ, mới dùng tâm hình mãi mãi duỗi ra cúng dường, ngõ hầu nhờ vào nghiệp lành dẫn dắt, tẩy sạch trần lao. Hễ mất đi cộng duyên thì nương vào nhờ cậy có chốn, đó cũng là tàu thuyền, bao gồm chuyển vận, lợi ích rộng lớn và nhiều. Như Lai hóa thân dẫn

dắt, việc gì phải trở về Thiên-trúc? Bồ-tát ứng hiện biến hóa vốn không quy định phương nào, nguyện sâu xa thản nhiên dùng cái rỗng không để thọ nhận vật, chầm chậm kéo dài ra lễ nghi trực tiếp hướng về mưu hỏi sự sút kém. Kính cẩn bái lạy.

Khai phủ Liễu Cố nói: "Tuyên truyền khẩu giáo rằng: Trí Giả là vị sẽ đi lâu lại có thời hạn trở về". Ý đệ tử không muốn đi xa cách biệt, nếu tức thời trở về không dám lưu lại. Xuống nơi thị trấn gần núi thì tùy đó mà cư trú vui vẻ, chỉ muốn vâng giữ, lại phải tiếp đãi, ngày mười tám tháng hai cùng qua thị trấn Diên Lăng, vẫn cùng đến nghỉ lại, đợi khi trong sáng mới thực hiện, tống biệt với người kia.

30. THƯ VUA GIỮ LẠI.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy, tôn chỉ đến thì phải giữ lấy để trình bày, hai ngày sắp cách biệt, mà sự tu tập lại chưa hoàn bị, thì rất đau lòng nức nở. Đệ tử cả đêm hôm trước càng thêm quen thuộc, chỉ nghỉ về Trí Giả. Từ khi dừng lại đến nay chưa trải qua một mùa Hạ, gồm cả an cư nơi đường xa ở kinh Đàm, gần kề sông nước mênh mông cuồn cuộn, hành trình khó có hạn kỳ. Đã đến chốn này, lại đến nửa chặng đường ở chốn trước, kết thúc mùa Hạ tìm lại cũng khó, lại dựa theo kinh luật, cúng dường tăng an cư trong một mùa Hạ, ruộng phước thật vô lượng, huống chi là vực của sư-đạo và đại chúng ư ? Phàm phu cạn cợt bé nhỏ vốn nhờ duyên tốt giúp đỡ, Bồ-tát đại Bi phải thọ nhận sự ứng cúng, cuối xuân hành đạo, chống đối đầu hạ hướng về đạt đến, chín tuần đừng làm trái mà bốn thứ, cần dùng rỗng không vứt bỏ, tu tâm và lý ở chỗ tình, không phải là an ổn. Nay muốn nương nhờ lưu lại qua mùa Hạ, nên sinh ra cất cử, hy vọng không phải giữa đường sương gió tung bay mà được nghi ngờ. Dưới huyện thành ồn ào thấp trũng phải dựa vào góc rừng để an cư, mượn núi non cũng nghĩ là tiện lợi, nếu tuổi pháp sắc đầy đủ, trước nên ghìm lại Tưởng Châu sắp xếp thuyền bè, phía lộ Nam rõ đá, phía Tây nổi đầy vật lạ. Đã nhân thời tiết trong sáng, nhờ đó có thể thuận gió, đi hay dừng lại thích hợp thì sự lý đều thông hiểu. Nơi này chốn kia, mong rằng tùy đó chọn một, ý không thể tận cùng thì từ ngữ đâu cần nói ra nhiều. Cung kính bái lạy, ngày mồng một tháng ba.

31. THƯ VƯƠNG ĐỒNG Ý ĐI.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy, đến bây giờ ý định muốn thỏa mãn với tâm trước đây, công đức nhân duyên đâu dám ngang bướng làm trái? Kính vâng tuân theo túc nghiệp, lập tức lệnh cho địa phương sở tại triển

khai phân phát từng ngày, cách sáng sớm ngửa mong tùy ý nói rõ sự chọn lựa, Ngõ hầu giải Hạ chẳng xa xôi, nước hồ thu thừa lưu chuyển, ban cho lời đáp thỉnh cầu hạn kỳ, chắc chắn sẽ không dễ chịu, dùng sự vui mừng này, để dứt trừ sự đau thương nức nở, cung kính bái lạy.

32. THƯ CHƯ TĂNG Ở TƯỞNG CHÂU NÓI VỀ HỦY CHÙA.

Tuệ Văn chùa Phụng Thành, Pháp Lệnh chùa Long Quang, Trí Thắng chùa Quang Trạch... cúi đầu chấp tay kính lễ. Dựa vào mắt thấy sai người đem phù tiết làm hỏng các chùa hoang vắng, nếu chính mắt thấy được toàn bộ cùng với sự phá hoại, cho đến có tăng, không có Tăng, phá hủy dứt bỏ rất nhiều. Hàng phục chỉ có Bồ-tát Đại vương, gieo trồng gốc tín sáng suốt lớn lao khởi công xây dựng Tam Tôn, từ hòa nhân đức cảm hóa mọi vật lữ nào không mở rộng hộ trì Phật pháp, để tâm đến chùa tháp hay sao? Nhưng tăng đồ ở vùng này, chớ thấy hủy hoại hoang phế mà tất cả có tâm buồn lo sợ hãi. Đại vương tuy soi chiếu giống như mặt trời buổi sáng, mà Thánh đức cao xa muôn loài đều dốc lòng kính mến, không nguyên nhân gì mà dễ dàng thấu suốt. Hàng phục chỉ có thiền sư Trí Giả, đạo tục quy y chỉ có những lời khuyến khích, toàn bộ thiện là trước tiên, các văn không đo lường bình thường hay sâu xa, hướng về kính báo, tất nhiên nguyện cầu chuyển vận đại Từ bi, rũ lòng vì trình thưa biểu đạt, đặt biệt chùa chưa bị hủy hoại, mới được an toàn, dám nhờ hộ trì, thì đây là sự kính mong cầu khẩn, cung kính bái lạy. Ngày mồng tám tháng hai niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười hai.

33. THƯ NÓI VỀ CHƯ TĂNG Ở TƯỞNG CHÂU.

Nay được thư của Luật sư Tuệ Văn chùa Phụng Thành ở Tưởng Châu, kính cẩn trình lên để phân tích, kính mong chỉ có giúp đỡ giữ gìn Tam Bảo thực hành tâm từ của Bồ-tát. Mấy năm qua giặc cướp đồng thời hoành hành, đốt cháy chùa tháp, nhờ kế thừa nên ra sức xây dựng, bảo dưỡng ngay ngắn, tức thì khiến cho Phật pháp an toàn, đạo tục được nhờ cậy. Thu dọn kinh tượng lưu thông khắp nơi, khen ngợi công đức đầy mọi ngả đường, ngậm ân sủng khắp mọi nơi chốn. Xưa ở quân đội đang trong trận mạc vẫn còn có thể mưu đồ, huống chi ngừng võ hưng văn, mới bằng lòng hiện bày ánh sáng hay sao? Đến nỗi như Tuệ Văn đã nói rõ, loại bỏ chốn già-lam chắc chắn do người ở cung sở phần nhiều sinh ra hiểu biết kỳ quái, đến mức khiến cho tăng bên ngoài lo sợ nghi ngờ buồn rầu, kinh hãi không yên. Bần đạo thường nghĩ không

thể sai lầm là tri thức. Nếu nói về yêu quí thân mạng hình hài thì lẽ nào dám nói trái với cửa công? Đặt biệt là liên quan với Phật pháp, cũng do chuyện hương hỏa mà làm nên những đại ý, chỉ lo về đạo lý sâu xa, thà rằng quên mất thân mạng hôm nay, chắc chắn còn lại sự luận bàn về sau. Nếu không kể rõ ngu tâm thì uổng phí với sự, lại trái với ba mùa hương hỏa quen thuộc, vậy là người nào ? Ở nơi cung điện, ty sở chỉ sợ hãi việc trừng trị, đâu suy nghĩ đến nhân tương lai thiện ác ra sao. Nên nguyện Thánh đức tôn nghiêm, dấn bước trên con đường an ổ, phước lộc cao trọng mà không hiểm nguy, tu hạnh Bồ-tát làm rường cột Phật pháp, tường hào bảo vệ Tam Bảo, đầm sâu phù hợp bốn biển, phong cách thơm lừng muôn đời. Nếu cho rằng chùa nhiều châu ít thì đất nước hoặc là không xem xét phán quyết, phương tiện khéo léo, kính mong nghe theo mà an lập. Nếu phải đảm nhiệm tạo lập lo liệu mềm mại thành hoàng, quê hương tre gỗ là Giang Nam, đẳn tre lấy gỗ càng dễ dàng. Kính mong kế thừa làm cho lớn mạnh, cất nhắc những gì sắp chìm đắm. Vì nếu chùa còn lại thì phước mới tạo càng thêm lâu dài, mong mỏi được thương tiếc cho phép u hiển thấm nhuần ân huệ. Pháp sự cầu mong truy tìm sâu xa, sợ sệt và hổ thẹn. Sa-môn tôi cung kính trình bày. Ngày mười một tháng ba.

34. VƯƠNG TRẢ LỜI VIỆC Ở TƯỞNG CHÂU.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy, liền đến ý chỉ cao vời bốc lên từ tăng ở Tưởng Châu mà đến. Trộm cho rằng tăng ở các nơi hướng về chùa Phật, ăn chỉ là phần bảo vệ, tịnh xá đã lập nên vốn dựa vào làng mạc, mấy năm qua vâng theo chiếu chỉ chuyên môn chinh chiến, cứu người dân trừ bạo ngược, Gia Đông trộn lẫn, đất liền lại yên ổn, tướng tháp an ổn vững chắc, thị thành không thay đổi công việc. Ấy cũng là cái thấy sáng suốt chu đáo của Trí giả, mà mất ân cần chơi đùa với dân, không thể dần dần hoài niệm. Trái lại khiến cho chùa tháp bị thiêu đốt. Nếu như gần đây nhà cửa trôi lăn tản xa, chuông chùa ngừng vang, gà chó không nghe kêu, phế bỏ chùa viên giống như nhà lữa, cầm bát hơi thành tựu trở lại trống rỗng, Tăng chúng không chỗ nương nhờ, thật đáng đau thương than thở! Nơi kia hết phước mới trở thành gò hoang, những nhà tháp còn lại vốn không bị hủy hoại hỏng nát, nơi đó có tăng xuất hiện cũng cho phép trú ở phòng ốc, chỉ có điều là hành lang trống rỗng, mái hiên nhà có thể sẽ sụp đè, cho nên chuyển đến nhà ở trong chùa Hoàng Sung, bên ngoài có ván rui tạm thời mượn để xây dựng tường thành. Nếu chùa trống rỗng, hành lang chật hẹp, người có hoàn toàn cũng vây

mượn làm công sở, phải trong một hai năm triển khai để an ủi sức dân. Tức là ở trên sông kết bè để thực hiện cái mới, vốn ghìm lại để ty sở có đủ trật tự thông suốt hạng mục. Không suy nghĩ cẩn thận tỉ mỉ, sợ rằng xa xôi tăng không thể thấy điều ngoắt ngoéo. Sắp xếp sử dụng nương vào xằng bậy, phải đưa ra lời nguyện ngầm giấu các bàn tay đó, thấp hèn kéo dài đầy đủ, tính toán lưu luyến nghiêng về rất sâu sắc, kính cẩn bái lạy.

35. THƯ NÓI VỀ CHÙA KHUÔNG SƠN.

Chùa Đông Lâm thuộc Khuông Sơn ở Giang châu, là nơi Tuệ Pháp Viễn sư đã sáng lập nhạn môn vào đời Đông Tấn. Tuệ Viễn là bậc cao túc của Di Thiên Thích Đạo An. Đạo An là đệ tử của Đại-Hòa-thượng Phật Đồ Trừng. Ba đức cùng kế thừa giống như mặt trời, mặt trăng, các sao, thật sự là rường cột của Phật pháp mà mọi người đều không thể nghĩ bàn. Nhưng Tuệ Viễn trong thì an nhàn không hoàn toàn hài lòng mà ngoài thì quen thuộc ba huyền, đức phân rãi khắp phương xa, danh tiếng cao vút trời xanh. Đầu tiên đến chân núi nương dựa một khu rừng, cùng thiền sư Da-Xá hành hạnh đầu-đà ở đó. Hoặc nói, hoặc im lặng, tu tập quán Tây Phương, cuối cùng bên phải khu rừng xây dựng nên ngôi già-lam, do đó lấy tên gọi là chùa Đông Lâm. Tuệ Viễn từ lúc sáng lập hai đài Bát-nhã, Phật ảnh, cảm tạ linh thiêng chuyển vận xuyên thủng, dòng chảy vào hồ ba nơi, Lương Hiếu Nguyên cấu tạo có lầu gác, chùa viện nghiêm trang ngay hôm ấy đã sừng sững. Chùa Phong Đỉnh là do Thiền sư Trai Tuệ Cảnh, người cảm sơn mời đến, vì dừng lại đỉnh đó. Tiếp theo Lương Tuệ Quy về sau lên nghỉ, mới xây dựng già-lam. Đỉnh có suối nước bỗng nhiên khô cạn, Tuệ Quy đốt hương chú nguyện thì dòng nước trong vắt lại tràn đầy, trời tưới xuống cam lộ vào ngày nê-hoàn. Ấy là vì đức người trước nổi tiếng khắp nơi, lưu truyền thơm tho không dứt. Ráng thông trong suốt khoáng đạt, nơi tiếp xúc tiêu điều, công và tư qua lại chẳng ai không hướng về. Từ lúc đại hóa bên trái sông lớn, bần đạo noi theo lối cũ đến núi kia, dừng lại nghỉ ở Đông Lâm, thời gian dạo chơi Phong Đỉnh lấy năm làm ngày, ao nước ngắm nhìn quên vất vả. Nhưng già-lam dưới núi lại gần trạm dịch đường đi, người đi đường về rất nhiều thành ra lẫn lộn, nay kính đề nghị làm đàn việt của hai chùa, ngõ hầu nhờ vào ảnh hưởng mà tâm chúng được an ổn, lễ tụng thành kính dùng ý báo đáp đầm lớn, đồng thời cầu xin ghìm lại lý do kia, mãi mãi ngăn cấm công và tư neo đậu. Sa-môn tôi cung kính trình bày.

36. THƯ TRẢ LỜI CHO KHUÔNG SƠN CỦA VƯƠNG.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Rũ lòng chỉ dạy nói rõ về chùa Đông Lâm và chùa Phong Đỉnh ở Lô Sơn, Tầm Dương thuộc Giang Châu, cần phải ra lệnh cho đệ tử cùng làm chủ đàn việt, sơn lĩnh vòng vèo thanh tú phía dưới thuộc về giang Hồ, hương lư lớp lớp đỉnh ngọn phía trên thiếu mất mây trời, nơi người tiên chấm dứt tội lỗi, ẩn giấu thứ lớp ở chỗ này không quay về; huống chi pháp sư Tuệ Viễn kết cấu thắng ư, cảm tạ khách Lương Nguyên chọc thủng hồ làm lại lầu gác, sư Tuệ Cảnh ngừng tâm trí tinh thần, thuận theo Phong Đỉnh, Trí Giả nghỉ ngơi nhiều lần nối gót bậc hiền tài đời trước, sự đạo hạnh tôn nghiêm, thật sự rất tùy hỷ, hối hận vì mình hèn mọn nhạt nhẽo, chẳng ích gì với tương lai, ngõ hầu nhờ sự huân tu mới chứng được thường lạc, kể rõ cả hai chùa lại gần trạm dịch đường đi, người đi đường qua lại rất nhiều thành ra lârn lộn, cần phải kìm lại châu kia để ban lệnh cho công tư, sứ mạng không được nngừng lại, lập tức giao cho ty sở kia, theo sự việc ban hành, kính cẩn bái lạy. Ngày mồng một tháng ba.

37. THƯ VƯƠNG GỞI CHO BA CHÙA Ở KHUÔNG SƠN.

Tiết trời rất ấm áp mà đạo thể của Pháp sư thế nào, trong chúng đều thích hợp không? pháp sư Tuệ Viễn ở Nhạn Môn bậc tứ y Bồ-tát, bay vượt qua đồng hoàng phía Bắc, nghỉ lại chốn núi phía Nam, từ đó về sau danh đức nối tiếp không ngừng. Trí giả trông thấy khiến làm đàn việt cho chùa. Nhưng tu tập ít ỏi và hèn mọn không dám đảm đương, khen ngợi dẫn dắt khiến cho tùy hỷ rất sâu sắc. Tôn kính đức độ dựa vào đây được hỏi. Dương Quảng kính lạy. Ngày hai mươi mốt tháng ba.

Thư gởi cho chùa Thiền Các, mùa xuân thứ lớp sắp qua đi mà đạo thể của Sư thế nào? Tăng chúng yên tịnh tốt lành, chùa Phật Khuông Sơn sáng lập từ thời pháp sư Tuệ Viễn. Thầy của Pháp sư là Di Thiên Thích Đạo An, thầy của Đạo An là Phật Đồ Trừng, diệu đức cùng nối tiếp nhau không điều gì là bậc nhất. Rồng ẩn ở Giang Đông, toàn bộ vốn là Nhạn môn, thượng nhân ở Vạn môn mở đầu dấu vết Lư tạo. Từ Lương đến Tấn chỉ có Đông Lâm, sau Trần không thuần phác, đôn hậu chia lìa, sinh ra Thiền Các, Tăng đồ ưa thích khác nhau đâu xứng với hòa hợp? Trí Giả liền dừng lại trở về, cần phải hợp nhất, nghĩ rằng đều là biển nguyện lại không khác mùi vị, người đi đường sắp tiễn đưa có chỉ ra cho nhau biết nghe thấy lời này. Dương Quảng kính lạy, ngày hai mươi mốt tháng ba.

38. THƯ VƯƠNG CẢM TẠ PHÁP MÔN.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Vâng theo ý chỉ hôm nay trai tiết hoàn tất, trước cảnh vật được nhìn thấy liền lên thuyền trở ngại còn xa xôi, càng đem hết lòng nức nở đoái thương chỉ bày pháp tướng. Tuy văn của ý chỉ sâu xa ẩn kín mà nguồn gốc vốn khó tìm, nhưng giáo môn phương tiện khai ngộ dễ dàng lợi ích. Cung kính được nhờ điều lành khuyên bảo nên mãi mãi theo đó thọ trì, ngõ hầu nhờ tàu thuyền bến đổ mà được không còn lui sụt. Từ lúc ghi tạc đạo lý vào lòng, mỗi khi đến có thể hộ trì lớn mạnh, đem việc vâng theo con đường lại rưới xuống thuốc hay, tắm gội được yêu thương làm cho khuất phục, do đó đau thương buồn bã đội ơn. Kính cẩn lễ lạy.

39. THƯ VƯƠNG SAI SỨ ĐẾN KHUÔNG SƠN YẾT KIẾN.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Tự tin rằng truyền lệnh gọi nửa chừng sẽ trở về đông đúc. Đến mồng một tháng trước tuyên bố, vì vậy an ủi kéo dài, kết hợp với nóng nực vẫn còn hừng hực, nguyện cầu đạo thể hòa hoãn tốt lành. Kính mong được trải qua sự bảo dưỡng sơn tự một lòng trọn vẹn, chùa tháp yên ổn tốt lành đồ chúng hài hòa nghiêm túc, vẫn để lại hai mươi vị tăng tạm dừng để khai điều lành, vào đến Khuông ngục kiết hạ an cư, Đông Lâm - Thiền Các trở về thành một chùa, Phong Đỉnh, Tịnh Xá lại đều tùy hỷ, kính duyên khuyến phát được sự huân tu này, vì vậy giấy cỏ ở thân mới chuyển mưua pháp, phước Kim Quang Minh vui mừng đội ơn càng sâu sắc, đệ tử ngày mười bốn tháng trước, bắt đầu qua Chu Phương phong thổ đặt biệt thích hợp, đang đến Lưu Kim bảo dưỡng sức khỏe phần nhiều không điều hòa thích hợp. Mỗi khi có kém hơn nhưng đến ngày hai mươi chín, Thạch Đầu đá đã hơi bình phục trở lại, từ Giang Phố trái với lòng mình rong ruổi tình cảm đến Bành Ngao, lấy ngày làm năm, không lúc nào tạm quên, nguyện trước khi chưa giải hạ, dự định sắp xếp gọn gàng hành lý nếu tuổi pháp đầy đủ, trước cảnh vật được nhìn thấy sẽ vượt quá về Tây. Trong đó thì nguyện cốt phải làm cho còn kề cận, không những đệ tử che lấp kiến thức mongmỏi bao che, tất cả ở đâu cũng đều rất sợ. Học trò học thiền tuệ đều nghĩ đi sâu vào khâm phục, không trách ni cô đang bày tỏ tập trung khen ngợi tự vệ, dù cho Quy- Khuất tỏ ý quanh co nhưng tình hình chẳng phải vì bản thân. Nay nêu chủ Bạc Vương Quán hướng về cung kính nối theo, cùng dâng lên văn bản khác, dùng quên để lại tỉnh ngộ, dám lược bớt từ ngữ rườm rà. Kính cẩn lễ lạy. Ngày mồng một tháng bảy.

Sáu chiếc Pháp y, một trăm hộc muối ăn, một trăm hộc gạo.

Gạo muối trong văn kiện bên phải tất cả xuất từ nhà kho chính của Giang Châu, Vương Quán Tề Hợp Ngư bắt đầu đưa đi.

40. THƯ VƯƠNG TIẾP TỤC PHÁI ĐẾN KHUÔNG SƠN YẾT KIẾN.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Chùa núi Đông Lâm khiến đến, vào ngày mồng tám tháng tám chỉ dạy, dùng sự an ủi hướng về kết hợp, kính mong kế thừa, đã đến Hành Sơn, đến gánh vác khá lâu, pháp duyên nếu hoàn tất thì nguyện liền men theo dòng, hy vọng ở tuổi xế chiều cần phải kỳ hạn triển khai lễ bái. Đệ tử vượt sông trở về, tháng qua lần đầu dời vô nơi ở mới, phần nhiều có vội vàng, chưa dễ dàng an lập. Y chỉ đến gắng sức vì pháp sự, thực sự dùng vào thì hổ thẹn sợ hãi, mới ở ngoại viện mình cư ngụ, kiến lập đạo tràng Tuệ Nhật, sắp xếp thiền sư Từ Chiếu trở xuống, pháp luận sư ở Giang Lăng cũng đã từ xa đến tiếp viện bên trong, kiến lập đạo tràng Pháp Vân, sắp xếp thiền sư Từ Giác ở Đàm Châu trở về sau, chính là xây dựng điều lành sâu sắc thì vì thế mưu hỏi để biết. Kính mong kế thừa tiếp tục thay nhau để đảm nhiệm, công đức sâu xa gánh vác giúp đỡ, khó sử dụng bày tỏ xa xôi, nhưng phát khởi đến Giang Châu này thì sau thỉnh làm nguyên liệu cho tăng, vì sao có thể được giúp đỡ lẫn nhau? Trước đây giúp đỡ gạo muối, gạo đó trở về nhập vào Đông Lâm, muối vì trên đường đi ngoài số tăng thêm thừa ra, chính là không đáng kể vào công đức. Nay sơn tăng đi trở lại con đường, do đó kính mong báo đáp tìm kiếm, đừng cử người đón rước mời mọc, nguyện chỉnh đốn sắp sẵn trước kế hoạch quay về, giang sơn bao la đâu hết mực thành thật uốn khúc? Kính cẩn lễ lạy, ngày mồng mười tháng mười.

41. THƯ VƯƠNG SAI SỨ ĐÀM CHÂU ĐÓN RƯỚC.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy, Rằng đã cuối năm trời rất lạnh, thiền duyệt kinh hành nguyện cầu thường được an vui. Đệ tử khoảnh khắc này mỗi khi bị nhiều bệnh tật làm phiền, chỉ rời xa gần gũi hơi lâu, vâng dùng hết sức kết thúc, kính mong dự kiến công đức đảm nhiệm đã xác đáng rốt ráo. Nay phái Phục Đạt là người thân tín bên cạnh vâng mệnh đón rước, nguyện sự việc tiện lợi men theo dòng trì hoãn chầm chậm để hỏi han đầy đủ. Kính cẩn lễ lạy. Ngày mười lăm tháng mười một.

42. THƯ VƯƠNG SAI SỨ KINH CHÂU ĐÓN RƯỚC.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Ấm áp hài hòa đạo thể được an nhàn, kính mong pháp sự ở Hành Ngục lâu ngày viên mãn? Công đức ở Gia Lăng lại sẽ thành tựu, tùy hỷ hết mực, khó dùng lời bày tỏ được. Đệ tử nay vào triều kiến, đi tiếp đến Thiểm Châu, rong ruổi thành thật kính mong tích lũy với thời gian, cho nên phái người đi sứ đón rước chờ đợi, hy vọng tiến đạo thuận lợi. Hạ tuần tháng tới chỉ chầm chậm đón rước, lộ trình đầu tiên chợt thúc đẩy há lại đích thực thích nghi? Kính cẩn lễ lạy. Ngày hai mươi hai tháng hai.

43. THƯ VƯƠNG VÀO TRIỀU SAI SỨ YẾT KIẾN.

(Gồm sáu bức thư)

Đệ tử Tổng Trì kính lạy, kính mong làm trái năm tháng chuyển dời thành thật rong ruổi chở đầy gian lao, gồm cả việc vào triều càng tăng thêm quyến thuộc kéo dài. Vũ quan tuy trở ngại mà kinh Châu gần kề nơi Ngô, vì vậy tạm thời dừng lại ở Thiểm Châu, sai sứ nối theo đón rước người đi đường về chỉ bày, chuẩn bị vâng mạng kể lại tỉ mỉ. Không chỉ tuổi cao bệnh tật đã khỏi, lại dùng lý sự kết hạ an cư, cùng từ chối kiên quyết, cần phải đình chỉ. Đệ tử trở lại thị trấn không lâu, nếu thuận tiện thì nguyện sẽ men theo dòng chảy kính mong hội tụ ở Giang Đô, ngõ hầu thuận theo sớm chiều bảo dưỡng quả thánh đức, cũng khôi phục lại căn cơ khác nhau, nhân duyên phức tạp đề nghị không làm phiền suy nghĩ. Kính cẩn lễ lạy. Ngày mồng mười tháng hai.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Tăng cất cử Trí Thúy đến vâng lệnh dạy bảo ngày mồng hai tháng năm. Dùng sự an ủi truyền đi kết hợp, nương nhờ trông đợi công đức của Hành Ngũ được viên mãn. Tiện việc tập trung ở kinh Vu dấn bước trải qua Khuy Hòa, đi sâu vào quá đỗi sợ hãi. Đệ tử ở Giang Đô vào triều, đến Thiểm Quan hoa mắt rối loạn dừng lại Kỳ Dương, trong bụng lại không điều hòa thích hợp, cuối tháng trước trở về kinh Liên, như muốn nối theo nhau vẫn còn tự mình gầy còm yếu đuối, cuối cùng chính là chỉ có triều bái, nhìn mây vương dài nguyện cầu coi trọng thâu nạp, người đi nay trở lại cáo từ, há không trách có đủ hay sao? Kính cẩn lễ lạy.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Vâng lệnh ý chỉ ở kinh Châu, huyện Đang Dương. Ngọc Tuyền sơn thùy, để xây dựng già-lam dẫn đến đưa ra sự hành đạo. Kế hoạch mô tả địa hình vốn có thể ban tặng bày rõ. Cúi đầu thừa nhận vì trải vàng khắp mặt đất, mua vườn để xây dựng, kính thờ thiết trí Tam tôn, mãi mãi lưu truyền muôn đời, xướng tụng

nhưng không thể nào khen ngợi, toán số mà không thể nào suy lường nổi, ý người nào nhẹ nhàng thì lập tức được sáng tạo. Khôi phục như củ lại thì ý chỉ thẫn thờ lúng túng, sự việc đã rời khỏi thần tâm, lý sinh khởi nhầm về biểu lộ, bất luận quang cảnh trạng thái chp61ng đối không vâng, nếu thực hiện hình tích tức là nước Tần chuẩn bị nghe, tên hiệu tốt đẹp chính là Đàm, danh tiếng phù hợ bậc nhất thiên hạ, tiếng đạo tràng đầy khắp Hằng sa thế giới, phước báo nương nhờ, quay về khiêm nhường từ chối khó vượt qua, kính cẩn lễ lạy.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Truyền ý chỉ xuống lệnh soạn thảo văn kia Thiền sư Hành Nhạc. Quách có đạo lý mà không có chối từ hổ thẹn, cao đức vượt hơn đây. Lục sĩ hành mở văn nghỉ đến tính chất. Đệ tử phần lớn hổ thẹn, đã được ngợi khen thành ra không gì không phàn nàn khích lệ. Hàm Đan tuyệt diệu thật sợ hãi công khó, trở về thị trấn khỏi bệnh, ngõ hầu hoặc là gắng gỏi, vâng theo xem ngắm hành trạng sử dụng khó nghĩ bàn, Phật Đồ trừng, Đạo An lẽ nào lại hơn? Kính cẩn lễ lạy.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Rũ lòng ban tặng một bộ cà sa vỏ cây vạn xuân, kể rõ vào thời Lương Vũ Đế, nước ngoài chỉ dâng tặng bốn bộ, nay còn lại một, mà là lần đầu xây dựng do Pháp sư Ô Huỳnh mặc. Cẩn thận tìm kiếm người xứng với giới Bồ-tát, cà-sa đã mang vào đều nhiễm ô làm cho hoại sắc, huống chi lại tự nhiên khen ngợi dựng nên, vẻ đẹp lạ kì đạt được từ trời đất, lời nói tương ứng, không vất vả mượn từ bên ngoài, vạn xuân biểu thị xứng hợp với trường sinh, hai cánh hợp lại là từ ngữ khéo léo ví dụ, mãi mãi gánh vác vòng quanh rộng khắp, bền lòng đảm nhiệm Bồ-tát thường sự, nữa tháng đâu chỉ là ngày chủ yếu, khoác áo Như Lai, hết sức đội ơn thương yêu khen ngợi. Kính cẩn lễ lạy.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Thẳng thắng thi hành văn bản khác, phướn gấm năm mầu, lư hương- đàn hương đều mười loại, bày tỏ biểu hiện thành thật sâu xa, hèn mọn trình thưa, ban tặng ít vật sơ sài, trong tâm tìm sợ hãi. Kính cẩn lễ dạy.

Hai lá phướn năm màu bốn mươi chín thước, hai tấm khăn kinh ba-la nãm mầu, lụa năm mươi xấp, gầm mười bức lư hương, mười bức đà hương, hai cân huân lục hương, mười cái dao thế phát, chí nạp cà-sa một chiếc, mười cái bát du thuyết, bảy cân hùng hoàng, năm chiếc nỉ mầu xanh Tu-di.

(hữu điệp).

44.THƯ SẮC CHỈ CẤP CHO CHÙA NGỌC TUYỀN Ở KINH CHÂU BỨC HOÀNH PHI CỦA VĂN HOÀNG ĐẾ.

Hoàng đế cung kính được hỏi: Thiền sư Trí Khải chùa Tu Thiền, giảm bớt thư chuẩn bị đến, ý là Mạnh Thu trờ nóng nực mà đạo thể thế nào? Huân tu thiền duyệt có vì thế mà vui vẻ yên lòng hay không? Cần bức hoành phi tên chùa nay theo đón đến đề nghị, sư Trí Thúy còn hướng về nói ra ý trước kia. Ngày hai mươi ba tháng bảy niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười ba. Gồm đủ nội sử lệnh cho Thục Vương Thần Tú truyền đi, nội sử Thị lang Vũ An Tử Thần Lý Nguyên Thảm, vâng lệnh nội sử xá nhân Trường thản Nam Thần Trịnh Tử Long thực hiện.

45. THƯ VUA Ở TẠI KINH ĐÔ PHÁI NGƯỜI.

(Gồm hai bức)

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Nhờ vào xa cách đã lâu, rong ruổi trói buộc thật sự sâu sắc, dâng hiến năm tháng chẳng phải xa xôi, nghiêng về chầm chậm cung kính lễ lạy, cuối Xuân đến tiết sẽ phái cử người nuuôi dưỡng thăm hỏi. Kính cẩn lễ lạy. Ngày hai mươi bốn tháng chín.

Vương ở kinh thành, tiếp tục phái người, đệ tử Tổng Trì kính lạy. Vừa đến gần ý chỉ dùng quan úy lan truyền tình cảm, mùa xuân ấm áp nguyện cầu đạo thể được khỏe mạnh, Ngọc Tuyền sáng lập đạo tràng nghiêm túc, ngay ngắn, thiền chúng quay về tụ hội yên tĩnh, cạnh mặt trời trí tuệ mới, vô cùng tùy hỷ, khó dùng từ để nói được. Đệ tử mới uống xong ba thạch thuốc bột, điều hòa nghỉ ngơi tâm tư vất vả, giữa Thu trở về tươi tốt. Thỉnh cầu hạ hoàn tất tiếp tục về sau tùy ý thăm hỏi ra mắt. Công việc trước mắt không phải là quá đáng với công đức quý trọng trong đó, nay phái thống quân Lỗ Tử Dự, hướng về chỉ có kế thừa. Kính cẩn lễ lạy.

46. THƯ VUA TỪ ĐÔNG NHẠC Ở TRÊN ĐƯỜNG PHÁI NGƯỜI (Gồm hai bức).

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Giữa Thu chuyển sang lạnh lẽo, kính mong chỉ đạo riêng để an khang. Đệ tử ngay trong ngày mới xuất đáng đi, không vì cung kính lễ bái nhưng đã từng tăng thêm vươn dài kết hợp, nguyện coi trọng ân đức, cung kính phái tu bổ kế thừa. Kính cẩn lễ lạy.

Ở trên đường tiếp tục viết thư, Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Hơi lạnh dần dần buốt giá, kính mong chỉ có an khang vui vẻ, náo động hay lặng yên thì tinh thần dễ chịu, có thể cư trú nơi an ổn vui sướng. Đệ tử đi cùng

hầu hạ loan giá nơi tạm dừng chân dọc đường, hầu hạ giỏi thì xa dựa vào năng lực cao siêu, đi về được an ổn, ngước lên nói năng chỉ có bái kiến ngõ hầu có lẽ không phải là xa. Nguyện trân trọng điều này không nói ra đầy đủ. Kính cẩn lễ lạy, ngày mười chín tháng mười.

47. THƯ NÓI VUA TRỞ VỀ THỊ TRẤN, PHÁI NGƯỜI ĐÓN RƯỚC.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy, dâng hiến tuổi xuân rõ ràng nương nhờ chỉ có đạo thể được vui mừng thiền duyệt pháp hỷ. Mọi người đều nhóm hợp làm việc, công lao quy về có tồn tại, toàn bộ do sự dẫn dắt sáng suốt, cung kính nhớ lại Giang Đô, tạm thời mong muốn về Tây, trước tiên đến Hành Nhạc để báo đền ân đức Sư, tiếp đó hướng về Chữ Cung để đền đáp nơi chốn sinh trưởng. Thành kính nhận ý chỉ này bảo vệ chuyển giao. Sông lớn Dương tử sắp trôi chảy, chuẩn bị trình thưa đến thỉnh mời, chính là được tiến hành cho phép trở về đến nơi xem xét sóng lớn, những năm gần đây tuổi hướng về lạnh nóng nhiều lần biến đổi, cung kính nghe công đức viên mãn xa xôi khó bề khen ngợi kể rõ. Đệ tử rất may mắn được sinh trong nhà Phật, đến nhà vốn nghe không chỉ là thật sự thi từ lễ nghi, vâng mệnh Chuyển Luân đây đích xác chỉ có ngày gần cuối. Nay là đi tiếp theo sau loan giá, phát khởi từ kinh đô nói dừng lại ở Lạc Dương, còn dừng lại trải qua về sau, lễ nghi của họ Sài hướng về vốn tự nơi Ngư thư, danh tiếng của đội tuần lớn rộng ở nơi cơ điển, hiến chương chí tôn, trước tiên cổ xưa cho phép hòa vào nhau, loài người và thần tiên phong thái như nhau, hướng về Nam kính cẩn lễ bái Đông Đại (tức là núi Thái Sơn), để ngày mười một tháng này là ngày tốt, việc tổ tông đã hoàn tất, vào lúc trời đát mở rộng, nhật nguyệt thêm phần sáng sủa, không khí trong lành, ánh sáng thần kỳ đuốc gần chiếu khắp xa xôi, linh chi đua nhau nở ra trong hang núi, ngay cả cây cối cùng trổ hoa cung đàn, người câm đui điếc què quặt, không chữa trị màtự khỏi bệnh, bạn dìu người già dắt trẻ nhỏ, không bàn bạc mà cùng đến. Bề tôi nhìn thấy hết mọi việc không phải là giả dối điểm tô. Một vật đạt được vốn là ngàn dặm đây thích ứng, thầy dạy rất quan trọng dám không nghe đôi chút hay sao? Nhưng không thận trọng nghe theo thì sinh sôi nảy nở chính là đã chào Từ biệt ra đi. Bến đổ thuyền chung sắp cuối, phải đến Dương Châu, nay sai phái vâng mạng đón rước thì nguyện men theo sau, xuân còn chưa hết chắc chắn mong mỏi bái kiến thăm hỏi, trong thời gian đó coi trọng ân đức nối tiếp trở lại chỉ có kế thừa. Kính cẩn lễ lạy, ngày hai mươi tháng giêng.

48. THƯ VUA CẢM TẠ THIÊN QUAN ĐỒNG THỜI THỈNH NGHĨA.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Trước đây suy đoán chừng như Bồ-tát thiên quan khinh xuất lễ nghi, rất nghi ngờ là không tinh tế, chính vì vậy trình lên lựa chọn, liền đến nay hạn định suy nghĩ đưa ra vạt áo thần kỳ, bản vẽ ví như từng mục nối liền, lạ kì hơn thợ giỏi ở kinh đô nước Sở, bắt đầu tầng lớp trí thức về năm minh chuyên nhất điều đó dừng lại ở nơi này. Chủng trí Kim cương ấy làm sao nêu lên muôn phần, quả là trí nhân địa hóa vật không thể nghĩ bàn, dắt dẫn tùy phương làm sao không đạt tận cùng? Mũ cao trên thân, đoan nghiêm xứng với đầu nên quỳ để nhận đội lên đầu, ngắm nhìn vào gương lưỡng lự vì có tô điểm cho dung mạo xấu kém, thêm sáng sủa để thay đổi bộ mặt. Đệ tử nhiều may mắn lầm lẫn vâng chịu thầy dạy, vô lượng kiếp sau đều nhờ vào khai ngộ, sắc tâm vô tác tiếp xúc nương nhờ duyên tốt, tàu thuyền độ thoát vì sao lo lắng không kết quả, nhưng giới là nền móng căn bản, tín và thực sự tiến hành làm đầu, giữ gìn hiểu rõ Ty-ni, năm xưa cung kính lãnh thọ, thân tuy sai sót nhưng tâm gặt hái được ngọc quý, mà định phẩm, thiền chi vứt bỏ loại trừ trở về vắng lặng, thấp hèn vì phàm tục khinh bạc, gánh vác quốc gia, trấn giữ ngoại tộc, vì con cái, vì bề tôi khó thiệt thòi, khó lười biếng, lẽ nào nhờ bốn duyên mà có thể đi vào tam muội? Đây chẳng phải là đoán định theo chủ quan, thực sự gánh vác thành thật mà nói hay sao? Kinh chép: “Không thiền chẳng có trí, không trí chẳng có thiền, định và giải giúp nhau, sẽ chứng được vô lậu”. Nhưng ánh sáng điện quyết định kết thúc, ví dụ đó rất nhiều, tuệ giải tuột khỏi người thì bạn bè của nó rất nhiều, ngay trong ngày muốn ghi tạc trí đoạn vào lòng, trước tiên gọi là Giáo, mãi mãi tràn đầy pháp lưu gồm đủ cùng với trợ quốc. Không biết cuối cũng ngưng trệ có thể khai hóa hay chăng? Sự nghiêm khắc, đạo tôn quý có thể thuần thục ý hay không? Căn đời trước nông cạn có thể nẩy mầm hay không? Bồ tát ứng cơ có thể hợp thời hay không? Nếu không thể hóa độ đầy đủ thì tạm thời ngừng duyên, nếu có thể là tàu thuyền bến dỗ thì khai mở bí tạng. Thư chép: Dân sinh coi như một trong ba việc, huống chi kinh Phật sâu xa mà lại không nghe theo thầy? Nay thõa mãn nói hoàn toàn nhỏ giọt xưa nay chân thành, thành tựu sự nghiệp quan trọng, đề nghị bỏ đi từ ngữ tô điểm. Kính cẩn lễ lạy, ngày hai mươi mốt tháng sáu.

49. THƯ KHIÊM NHƯỜNG THƯA HỎI NGHĨA.

Đáp rằng liền đến chứa nhóm văn tự ân cần rất là đúng Pháp.

Hạng nhất phu thực hành điều lành chỉ độ được một thân, Nhân vương mở rộng đạo lý thì hàm sinh đội ơn nhờ cậy. Bởi bước lên địa bồ tát thì thuận theo đó sạch trong chốn Đại giác, cho nên phát tâm hưng long đại đạo, làm sao đo lượng được? Ai có thể sánh cùng? Bần đạo là sơn tăng vốn hoài niệm đến sớm, từ Thiên thai nơi ở cũ, nói năng nhớ nghĩ không xả bỏ, ngõ hầu nhờ vào cảnh đời an vui, lại được gởi thân nơi chốn rừng núi vắng vẻ, kính mong vì hành đạo, chẳng phải chỉ có thành thị, xóm làng. Gần năm sai lầm nối theo người khác trôi nổi, làm phỏng theo dấu vết thầy dạy, chú ý cái này khai thông che lấp, hình như chẳng phải thời gian cho phép, huống chi đầm Thánh mặt trời in đậm, lại lưu truyền mệnh lệnh này, tỉnh ngộ rất nhiều, đâu được xem thường, càng không phải là khắc phục chịu đựng. Bần đạo vâng chịu kế thừa thầy chỉ dạy, giữ gìn tương đối thiền tuệ mà tai rời bỏ mắt trôi đi như hoa trên mặt nước. Sưu tập lắng nghe kinh luận công phu đó đã ít ỏi, dựa vào gánh vác Thiền môn y cứ theo định để tu tập, ví như quay về chuyên môn học hỏi Số luận phân chia, lý mới có thể không làm trái nghiệp thừa dịp đến chín muồi. Tự chẳng phải thấu suốt rõ ràng chủng trí Như Lai, có sở trường về vật liệu cao xa tròn vẹn rất có thể không một ai bằng lòng chấp hai tay vái chào, huống chi cách Thánh càng xa thì sự hiểu ngộ rất bé nhỏ, chỉ muốn thừa ân sợ rằng trái hết sức với sự nương nhờ. Có gây ra tội lỗi thầm kín, bao gồm thiếu đi Thánh đức, chỉ nguyện lại trở về suy nghĩ tinh thần, ngoài ra chỉ có thắng hiền, quả tốt đẹp nhân thơm ngát, khiến cho không bị dứt mất, kinh nói một câu nhiễm vào tinh thần trải qua đời kiếp không mục nát. Biển trí tuệ lớn tin tưởng là vào được, cố nhiên biết rằng hiểu sâu sắc về Đại thừa, Phật pháp ở lâu thì công đức dễ dàng đầy đủ. Trí tuệ cao nhất vâng theo mộc mạc, ôm ấp ngu dại, kính mong lắng nghe xem xét chỉ có nói rõ bình thường quê mùa, chung quy không tự mình nói ra. Sa-môn tôi trình bày.

50. THƯ VUA CẠI THỰA HỎI VỀ NGHĨA.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Kính mong ý chỉ đáp lại đến nơi, vẫn noi theo khiêm tốn kính trọng. Vâng theo khôi phục lại từ lâu mà dường như tự nhiên đánh mất. Thiết thực vì thầy, sự việc mở rộng người khác luận bàn, trải qua cầu tìm pháp duyên, để tâm tồn tại. Nếu luyện tập Tỳ-đàm thì ngưng trệ mê đắm vào hữu tình, nếu tu theo Tam luận, lại đi vào không, thành thật quá đáng. Tuy là bao gồm tất cả, nhưng vẫn còn kèm cập Tiểu thừa. Thích luận địa nắm giữ nhưng thông suốt ý chỉ của một kinh, như khiến cho theo thứ lớp tu tất cả, hàng tăng sĩ vẫn còn

khó đầy đủ hết, huống chi ở thế tục mà mong gồm đủ thiện ư? Trước mắt Pháp sư Pháp số luận không vượt qua nơi này, chỉ tiếc là không nhờ vào Thiền mà phát khởi, phần lớn bắt đầu từ tâm tranh cãi, người thông đạt không làm trái, cầu sáng ở kệ nào? Kính mong chỉ coi trọng luyện tập gốc lành, chẳng phải một đời mà được. Đầu tiên chính là y cứ vào học tập trong phúc chốc gặp được Thánh Cảnh. Thiền sư Nam Nhạc tự mình đã ghi chép lại "nói pháp bậc nhất" không thể nương nhờ hơn được. Thiền sư chiếu nay chuẩn bị nói rõ việc này, vào lúc tâm vui mừng đã là khu vực của sự chân thành bé nhỏ. Trí Giả xưa kia vào đời Trần, nước đó rõ ràng cách thức nhóm hợp cả cung ngói, mọi người nổi lên bàn luận dữ dội, vinh công miệng mồm ưu việt, trước tiên che đậy quanh co vai diễn, hai viên ngọc đẹp kế rụ biện pháp mới giành được khu vực yên ổn. Nhẫn sư khen ngợi chỉ nói là ít có. Đệ tử nương nhờ trì quảng bắt đầu thuận tiện cho sự việc được nhóm họp, đến khi bước lên vô úy thích nạn như trôi điều lành, tự mình đã lắng nghe, mọi người đều chiêm ngưỡng. Vừa nối theo tiến về kinh sở phía trước, giảng kinh Pháp Hoa, danh tăng cựu học chẳng ai không quy phục. Cho nên biết không Thiền chẳng có trí, nghiệm xét so với kim khẩu, ví như nghe danh tăng đã nói, thì Trí Giả dung hội tất cả, có thềm bậc khác nhau. Ví như mọi dòng nước chảy về với biển lớn, bao gồm tất cả cái này mới đạt được ý Phật, đệ tử ngay trong ngày nếu không nghe theo thỉnh cầu, thí dụ như ngài Di-lặc kia nay sẽ hỏi ai? Chỉ nguyện cầu chưa đạt được khiến cho đạt được, chưa vượt qua khiến cho vượt qua, lạc thuyết vô cùng, pháp thí vô tận, lại khiến cho chú ý mà nói, cúi đầu cung kính bái lạy. Kính cẩn lễ lạy, ngày hai mươi lăm tháng sáu.

■

QUỐC THANH BÁCH LỤC

QUYỂN 3

51. THƯ VUA CẢM TẠ NGHĨA SỚ.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy, Ý chỉ đến chuyển giao nghĩa sớ quyển đầu tiên, quỳ nhận pháp bảo, xem sơ qua cương tông, tất-đàn trong ngoài tai chưa từng nghe, cho nên biết rằng Long Thọ thay Phật không thể nghĩ bàn, hiện tại các tác phẩm của ngài nhục nhãn chưa thể nhìn thấy sáng tối, cẩn thận lại nghiên cứu tìm hiểu chầm chậm bái kiến tiếp thụ điều này. Kính cẩn lễ lạy.

52. THƯ MA NÓ VỀ CÁC CHÙA Ở KINH CHÂU.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Hai chùa Ngọc Tuyền và Thập trụ ở kinh Châu gần đây đã ban lệnh xem xét đính chính, nay nhờ đợi thư đến tổng quản Giang Lăng, trước mắt nghi lại những lý do cuối cùng nghe Tăng sai bảo. Thúc đẩy quá đáng, đệ tử kính mong nhờ được tịnh giới, nhân duyên đời trước rất mong mỏi nghĩa lý, trí Ba-la-mật liền buông xuống mở bày thừa nhận, bắt đầu soạn nghĩa sớ, mới dựa vào đó dẫn dắt tưới gội hướng vào tuệ môn. Năm xưa nương nhờ thỉnh cầu mây mầu lúc đã qua dừng lại, xem xét hành chính là gắn bó gần gũi, sáng phát khởi thì chiều đến nên phải hỏi han quyết định, không khác gì ở nơi thôn ấp. Hành đạo vốn quý trọng ở chỗ an ổn, lẽ nào vất vả quá ư xa xôi? Con đường của Thiên Thai may mắn nguyện cầu ngừng lại tình cảm, khuất phục bản thân vì người ấy là Bồ-tát có ban tặng, đối với chuyên môn khế hợp không dám làm trái. Trước đây, không biết người thanh tịnh, tâm lành rơi vào tăng số, tế độ không cách trở chỉ có sử dụng tùy hỷ. Kính cẩn lễ lạy, ngày hai mươi bảy tháng bảy.

53. THƯ KỂ LẠI VIỆC TRỞ VỀ THIÊN THAI.

Trước kia đã hỏi han về việc ở núi Thiên Thai, vốn nghe thời gian sau liền đến trả lời bày tỏ, nếu không thì chí hướng vốn có như

áng mây lững lờ, chính là nói gang tấc mà chẳng liên quan đến tâm bổn thệ. Thiên Thai đã là nơi gửi gắm cuối cùng, cho nên thường suy nghĩ đến quả thành công, mỗi khi dặn dò đệ tử, sợ rằng mạng không chờ đợi hạn kỳ, một khi thân vô thường thọ báo loài chim muông, thiêu đốt còn lại xương cốt đưa đến Thiên Thai, nghiệp được tiếp tục sinh lại ở trong hang núi, sự nghiệp tu tập thành tự xong xuôi mới làm lợi ích cho người, chỉ kính mong đi đến Nghĩa môn, phần nhiều hổ thẹn vì cạn cợt quê mùa, phát tâm đã sâu nặng thì thời gian há lại sâu xa? Cứ theo từ ân ngõ hầu không vội vàng, chính nói Thiên Thai quản lý vốn nghĩa theo mười phương, an lập tăng đồ không phải chỉ vì bản thân. Năm xưa tu tập nguyện lập già-lam, hình dạng có thể tùy duyên mà hương đèn khó không dứt, cho nên muốn cắt cử tu tập hy vọng dựa vào phương tiện, cùng con đường đính chính đầy đủ, người thanh tịnh sẽ gặp được hành động tốt đẹp, cùng thỉnh cầu một ý chỉ sự việc và hỏi han trước đây, mới cầu xin tên gọi của chùa làm cho khuất phục đàn việt, sợ rằng nhiều phiền toái chồng chất không dám đồng thời, khắp nơi kết duyên công đức càng lớn, Ngọc Tuyền và Thập trú đồng ý ban ân xuống cho, chỉ chờ đợi ý chỉ dạy bảo thì lập tức phái tăng đi sứ, hy vọng nhờ vào uy lực rạng rỡ của ba chùa gánh vác xa xôi, già-lam chưa sửa sang mà công đức đã tràn đầy. Kính mong ầm ĩ nhiều lần nhàm chán, nói sao có thể chối từ. Sa-môn tôi trình bày, ngày hai mươi tháng ba.

54. THƯ TRẢ LỜI CỦA VƯƠNG.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Lại ban xuống ý chỉ dạy dỗ càng đầy đủ tâm nhân từ, lòng dạ rỗng rang của bậc khai sĩ theo đó mà cảm, chắc chắn ứng với sức mạnh của thệ nguyện vốn có, lo gì không kết quả. Chính là nói thích ứng với đạo, từng ngày nông cạn không thể làm trái, dựa vào sự hộ niệm khai thị ngộ nhập sâu sắc, Ngọc Tuyền và Thập trụ vốn ở Thiên Thai, kính mong nhờ vào công lao tốt đẹp mà được xây dựng nên, mới cần đến ảnh hưởng lâu dài đến độ kim cương. Thư từ Giang Lăng đến nhóm hợp, cúi đầu được chỉ dạy, đồng thời ghìm lại những sự phát khởi sai phái theo lúc của ty sở. Kính cẩn lễ lạy, ngày hai mươi chín tháng bảy.

55. THƯ VUA GỞI CHO THƯỢNG TRỤ QUỐC KÌ QUẬN CÔNG KINH CHÂU TỔNG QUẢN ĐẠT HỀ NHO.

Thiền sư Trí Giả đức tôn quý, danh tiếng lớn, những năm gần đối với Đạo thường trao truyền tịnh giới, hiện nay tu bổ sửa sang chùa Thập

trú ở châu đó, xây dựng chùa Ngọc Tuyền đến phương Tây, đồng thời được mời làm đàn việt. Lại nghe các ông phần lớn kết làm thắng duyên, Đại thừa chuyển vận thông suốt thật vô cùng tùy hỷ. Hiện nay sư phái tăng sứ là hai vị Chí Quả và Pháp Tài, trở về chính là Pháp sư Pháp Sáng và Đạo Tuệ chùa Ngọc Tuyền, Pháp sư Đạo Trăn chùa Thập trụ, kinh lý muốn gia tâm tác động đến, khen ngợi thành tựu sự nghiệp tốt đẹp, công và tư phước báo sâu xa u hiển cùng nương cậy, Pháp sự bày tỏ xa xôi, không trở lại ồn ào chán nản. Dương Quảng cung kính trình lên. Ngày mồng hai tháng tám.

56. THƯ TRẢ LỜI VỀ VIỆC ĐỘ NGƯỜI XUẤT GIA.

Thiết thực vì tháng này ngày giờ tốt đẹp, Bồ-tát ứng hiện ở thế gian vâng lệnh làm bậc Chí tôn Hoàng hậu, báo ân công đức dung tả linh lượng, độ người xuất gia, nhân duyên phước nghiệp hiện tại thật vô lượng, khiến cho năm vị sa di làm đệ tử, thì nên cung kính ý chỉ, vì vị thầy thuyết giới. Tuổi còn nhỏ phải có Hòa-thượng, tất nhiên lựa chọn bậc danh đức để y chỉ, đồng thời ban tặng pháp y, tức là ở trước mọi người vui mừng đón nhận khoác mang. Sa-môn tôi cung kính trình bày. Ngày mười chín tháng bảy.

57. THƯ TRẢ LỜI VỀ VIỆC THẢ TỘI TÙ.

Khai phủ học sĩ Liễu Cố nói: "Tuyên truyền giáo pháp Kim Quang Minh thực hành pháp rốt ráo, giống như trăng đêm rằm sáng ngời tròn đầy, ân tha cho kẻ tội tù thương xót thoát khỏi roi vọt trừng phạt". Trên khai phủ là Phan Tuệ Đạt, Nghi Đồng Tứ Nương... gồm bốn mươi lăm người, ban lệnh cân nhắc xem xét, xin lập tức y theo việc hỏi han kĩ càng thiết thực, vì một người xuất thế thì nhiều người lợi ích, thuần phát tốt đẹp, cai quản thế tục nương nhờ thuộc về Luân Vương. Dựa theo kinh này nói: "Nếu phạm vào pháp vua thì gong xiềng trói buộc, những điều khổ não điều giúp cho thoát khỏi". Còn trong kinh Quán Đảnh chép: "Nhà vua nên tha bổng cho người oan uổng khốn ách, cởi bỏ gông xiềng tù tội, nhà vua được phước ấy, trăm họ thái bình mưa thấm theo thời, người dân an ổn vui sướng". Giáo chỉ phù hợp ứng với văn kinh, lẽ nào không phải phước đức gieo trồng từ lâu vốn là khả năng của cội rễ từ thiện hay sao? Sai lầm vì nhiều may mắn không xứng đáng với đại duyên này, dẫn dắt khích lệ tăng chúng tẩy rửa sạch sẽ, Long Vương rưới mưa ngọt làm thấm ướt khắp nơi, cửa ngục liền mở rộng, xiềng xích đứt rã, tù nhân được tha thứ không ai không nhảy múa vui mừng,

cung điện nhà cửa xứng hợp ân đức cảm động khôi phục hơn lên, đưa tiễn lấy cờ phướn đẹp đẽ nhưng vẫn treo cao trên tháp báu, lên cao rải hoa đốt hương, đèn đuốc sáng rực, hoàn toàn để lại dâng cúng, lập đàn nói pháp khai thị, đều khiến cho hướng về điều lành, tăng pháp đó vận dụng bình đẳng, tuy khoác mặc pháp y mà không thể tu tâm, thân phạm vào pháp nước giữ lấy vết xấu đạo lưu, suy nghĩ chính là khởi đầu run rẩy, về sau vô cùng hổ thẹn, trình bày với đại chúng lưu lại bảy ngày, sáng tối khuyên răn ban cho tạm thời dựa theo đó gạt bỏ ra, khiến cho hổ thẹn cảnh báo khen ngợi mà thôi. Sa-môn tôi cung kính trình bày, ngày mười sáu tháng mười.

58. THƯ TRẢ LỜI VỀ VIỆC BỐ THÍ TÀI.

Khai phủ Liễu Cố nói: "Tuyên giáo theo tuổi pháp tròn đầy", liền hạ xuống vất vả tra hỏi, đồng thời giúp cho một bộ lư hương đầy đủ mới làm ra mầu vàng, một kiện pháp y, một trăm xấp lụa mềm, ba mươi cây đuốc nến, hai ngàn tờ giấy, cùng thức ăn và trái cây trên nhà bếp, sát na không dừng lại từng sự việc thứ lớp thúc đẩy nhau, già chết đến dễ đau thương mà quán xét tâm khó tỉ mỉ, may mắn nhờ vào xây dựng mở rộng chánh pháp, nhận ra không có giới tuệ, thật sự sợ hãi khó giải dứt. Từ đỉnh lư hương hoa sen rực rỡ, nhẫn nhục lìa bỏ cõi trần, yên tâm thực hiện dẫn bước theo đuổi. Kinh xưng là "thọ dụng vô tức hằng trụ", nến đợi đêm mới đốt, giấy mưu làm Tịnh danh, đương cơ yêu cầu giúp đỡ mà Pháp sư quên cảm tạ, trái cây thức ăn, tơ lụa đẹp đẽ, đạo tràng cùng được hưởng, quy về phước có tồn tại mà từ ngữ sơ lược ngoài lời nói. Sa-môn tôi cung kính trình bày. Ngày mười lăm tháng bảy.

59. THƯ VUA ĐÓN RƯỚC VÀO THÀNH VÌ TRỜI MƯA NGĂN NGẠI NÊN DỜI SANG NGÀY KHÁC.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy, mới nài xin mong trì hoãn lại, mưa quả là tạm thời trở ngại, trong ngày mai nếu quang tạnh, xin đừng nên sai người đưa tin tức. Kính cẩn lễ lạy, ngày hai mươi sáu tháng bảy.

60. THƯ VUA ĐÓN RƯỚC VÀO THÀNH.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy, Sương lạnh mà đạo thể được khỏe mạnh chăng? Đệ tử trở về đến vừa mới như vậy, không rảnh rỗi đĩa tiếp lâu dài, chân thành nghĩ đã sâu sắc, nay phái chờ đón rước khác nào gần gũi, chỉ có bái kiến. Kính cẩn lễ lạy, Ngày mười sáu tháng chín.

61. THƯ VUA SAI SỨ ĐẾN THIÊN THAI YẾT KIẾN.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Mạch tự khí thanh đạo thể hài hòa thích hợp, phước tuệ trang nghiêm cùng lúc cao rộng tốt đẹp. Đệ tử đến nay không lâu, thô kệch lại có thể thực hiện, tiếp cận nhiều lần gởi xuống hai bức thư, liền rũ lòng chỉ bày công đức, huyền nghĩa lược bớt, văn cú đi vào bậc thấp, cái cũ xưa đó bảo toàn cái mới, từ thô thiển đến vi diệu, phải mở ra nhận lấy mới rõ ràng khói mây. Xuân luật đã cảm tạ Hạ tọa mới kết thúc, dám làm trái kinh giáo trải qua nắng nóng, ra ngoài đón rước. Bạch lộ tròn đêm gió mùa thu lá rơi rụng, chắc chắn sắp sẵn thuyền bè đón rước bái kiến Giang Vương. Như vậy kính mong vất vả biên soạn đã trải qua số trước đây, Bát-nhã nhiều ngăn cách, tiếp cận mong được thành công. Mỗi ngày đều có thành tích, mỗi tháng đều có tiến bộ, ngõ hầu mới bắt đầu tốt tươi. Thẳng thắng dâng lên văn bản phân tách bày tỏ thành kính, ở chỗ cung kính không có văn tự, kính mong suy xét làm cho bừng sáng lớn mạnh, trong thời gian đó coi trọng ân đức tiếp nối sự nghiệp âm ngữ, kính cẩn lễ lạy.

Dâng tặng mười chiếc cà-sa, hai chiếc long tu, hai chiếc nỉ tu-di, ba lọ bơ miêu ngưu, một hộp huân lục hương.

62. THƯ VUA SAI SỨ ĐẾN THIÊN THAI ĐÓN RƯỚC.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy. Khí trời sương giá đã càng đậm, muỗi sốt loại bỏ lâu rồi, còn sợ hang động rét buốt sắp sẵn trước, đưa đến điều hòa thích hợp. Nay sai người vâng lệnh đón rước chỉ có lễ nghi, chẳng phải quá đáng. Kính cẩn lễ lạy. Ngày hai mươi hai tháng chín.

63. THƯ VUA THĂM HỎI BỆNH TÌNH.

Đệ tử Tổng Trì kính lạy, Nương nhờ đến Thiên Thai, đã lần lượt đến chùa Thạch Thành, cảm thấy lo lắng không nguôi, Bồ-tát thị hiện bị bệnh, bệnh cũng khỏi hẳn, nhưng đối với long chân thành cao vút, đồng thời vì sợ lửa thiêu. Nay phái thầy thuốc Lý Ưng tới để chữa trị, ít lâu sẽ được khỏe mạnh, giảm nguyện chầm chậm tiến vào lộ trình muộn màng lễ bái yết kiến không xa. Kính cẩn lễ lạy.

64. SỚ VĂN PHÁT NGUYỆN.

Hai tượng Ca-diếp, ở Duy Vệ thuộc huyện Ngô nguyện thay đổi tụ hợp sửa chữa phục hồi huyện Mậu; tháp chùa A-dục Vương sụt lở hư hỏng, nguyện tiếp tục tu sửa chữa; tượng Di-lặc bằng đá cao mười trượng ở huyện Diệm, mầu vàng bong tróc hư hoại, xin trang nghiêm

trờ lại, công đức giúp đỡ ba nơi cầu xin sửa chữa. Sa-môn tôi cung kính trình bày.

Cúi đầu kính lạy chư Phật ba đời, lại vì: Pháp thân không hình tượng, tùy cơ hiện rõ tịng-độ, không làm hỏng con người thấy thiêu đốt Hỗ Độc, nổi lên linh pháp đất bằng vọt lên núi nhọn, nhạc trời suốt mộng lục địa tất cả ba nơi, nghi dung tôn quý bày tỏ thay thế năng lực gốc lành ba đời, lợi ích cho cõi ấy, nhưng năm sâu xa tuổi xưa kia, dấu vết Thánh hiền chầm chậm lên cao, hình bóng chư Phật dường như chìm đắm, gốc lành chúng sinh không nơi nương nhờ. Đời trước tôi có may mắn, thẹn thùng tham dự pháp môn, đức hạnh nhỏ bé nên công lao và sự nghiệp không đạt được, cái biết sai lầm về đạo- tục, nhìn thân cảm thấy nhục tự mình không thể tự giải quyết. Trên hổ thẹn với Tam Bảo vì không có khả năng giúp cho hưng thanh, dưới hổ thẹn với chúng sinh, vì thiếu năng lực cất nhắc, khắc cốt ghi tâm lấy gì bù đắp, may mắn gặp được lúc sáng tỏ, rường cột mặt trời Phật, nguyện dựa vào hoàng phong và được nhờ chúng lực, đem khuyến khích người có duyên tu bổ sửa chữa ba nơi, trước để mỡ mang Phật pháp ba đời, sau nữa để ủng hộ lãnh thổ quốc gia Đại Tùy, dưới nữa vì tất cả chúng sinh trong pháp giới. Nếu tháp tượng trang nghiêm thì tiếp nối thịnh vượng không dứt, do đó đền đáp ân đức của Phật. Nếu khắp nơi biên giới quốc gia sáng sủa đổi mới, tự nhiên đặc biệt đẹp đẽ lạ kì, thì đền đáp ơn tuệ vô cùng cao quý của đất nước. Nếu thấy người nghe phát tâm bồ-đề, thì lợi ích tất cả chủng nghiệp xuất thế. Nhưng cương vực lâu xa tâm này bị duyên ngăn cách chưa có kết quả, thời gian này đi đến kỳ hạn về Tây, lộ rõ trạng thái bệnh tật thâm xúc động, chất độc hại làm hỏng bình lọ, cố nhiên không nên giữ gìn tiếc nuối, trước dùng thân mạng hầu hạ giao cho Tam Bảo, kính xin nghe theo uy thần. Nếu hình hài tính mạng lưu lại có thể phát sinh điều lành cho người khác, không làm bẩn Phật pháp, cúi đầu thừa nhận nghe theo, khiến cho cầu xin sớm dứt bỏ sai lầm, hạnh nguyện mau chóng tròn vẹn. Nếu mạng số tuy chưa hết, còn nhiều ma chướng, làm hại gốc lành của người, vẩn đục hỗn loạn Phật pháp, lẽ nào phải dừng ở thế gian hay sao? Mong sớm dập tắt lửa tro! Sau khi mất rồi dùng các thệ nguyện phó chúc cho người đời sau, khiến lo liệu việc sửa sang, xây dựng. Cầu xin Tam Bảo che chỡ xây dựng mau chóng được viên mãn. Trước đây tại đạo tràng Kim Quang Minh ở Phật Lũng đã phát nguyện này, nay tiếp tục hướng về tượng đá tôn quý sẽ nói rõ sự ngu dốt thành thật. Cúi đầu nguyện xin: Thánh phàm lại rủ lòng nhiếp thọ. Kính cẩn trình thưa. Ngày hai mươi mốt tháng mười

một, niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy.

65. THƯ ĐỂ LẠI CHO TẤN VƯƠNG.

Bần đạo lúc mới gặp được duyên tốt, bắt đầu phát tâm, trên cầu mong pháp nhẫn vô sinh, dưới cầu xin sáu căn thanh tịnh, ba nghiệp ân cầu chu đáo, một đời trông mong đạt được. Không ngờ tội lỗi tai ương vốn có sâu dày, gây ra những điều làm khó dễ. Trong không có đức hạnh thật sự, ngoài chiêu vời dự giả dối, học trò miễn cưỡng nhóm họp, đàn việt tự nhiên hướng về, đã không thể cắt đứt cương vực để tránh xa, mà lại dựa vào trái ngược thuận theo, đó là tự chuốc lấy phiền muộn, hỗn loạn. Đạo giảm sút hạnh thiếu sót, thuận theo đó được hay không được, buồn rầu ân hận đâu bù đắp được, trên phụ ân Tam Bảo, dưới hổ thẹn với bổn tâm, đây là điều hối hận độc nhất. Nhưng, Thánh pháp đã không khớp, tự mình xem xét không yên lòng, muốn trao truyền thiền tuệ của Tiên sư cho người học, cho nên ở lại Trần đô tám năm, hoằng pháp cho người đến học, hoặc dễ dàng hiểu ra mà lại sớm qua đời, hoặc tùy theo thành phần mà tự nhiên ích lợi, không bao gồm tài năng của người, uổng công kéo dài sự giáo hóa, kế sách trở thành cắt đứt giòng giống. Tự hành trước kia đã thiếu hụt mà lợi vật tiếp sau lại trống rỗng, lại phụ ân tiên sư gởi gắm cho bách kim, đây là điều đáng tiếc thứ hai. Nhưng năm tháng đã về chiều, chếch về Tây thường ngày luyến tiếc diệu đạo, suy nghĩ gặp được lúc sáng suốt, nguyện được sự hộ trì bên ngoài, ban đầu được bốn thứ cần dùng đã khích lệ tuổi tác cổ hủ, thầy và học trò bốn mươi người, còn lại tăng chừng ba trăm vị, từng ngày ở tại Giang Đô hành đạo, lại cũng cởi mở đợi người đến hỏi. Nếu gặp người dễ dàng hiểu ra, vì vậy đền đáp ân trạch của nhà vua, nhưng không thấy một người nào cầu thiền cầu tuệ, chẳng có duyên với người, tạm dừng đến nỗi như vậy, sai lầm cho rằng tín thí hóa đạo không có công gì, đây là điều đáng tiếc thứ ba. Lại khởi lên ý niệm rằng: Chốn này không có duyên, nơi còn lại hoặc có nhân đời trước. nguyện của kinh Đàm là nguyện báo đền ân đức đất đai, Đại vương mở rộng yêu thương, mưa to tự nhiên trút xuống khen ngợi, đối với Tương Đàm công đức hơi trưng bày tâm gửi gắm, tuy người kết duyên nhiều nhưng người nào có thể ủy thác sự nghiệp? Ban đầu cho rằng người có duyên không đến, nay thì đến cầu không được, suy đoán đã sai lầm, đây là điều đáng tiếc thứ tư. Pháp tụ hội ở kinh châu, thính chúng hơn một ngàn vị tăng, theo học thiền ba trăm vị, quan quản lý châu sợ hãi lo lắng cho rằng trái với cách thức quốc gia, lẽ nào có thể nhóm hợp nhiều người, vì thế làm

phiền lòng quan ư? Do đó buổi sáng giống như mây hợp lại, buổi chiều tựa như mưa tỏa ra, dù cho có mầm mà không được lớn lên, đây chính là cuộc đời điều hòa không kham nổi, không thể hài hòa được mọi cái, đây là điều hối hận thứ năm. Đã tiếp tục vân du Giang Đô, thánh tâm trọng pháp ra lệnh soạn chú giải Tịnh Danh. Không suy đoán kiến thức lờ mờ, nhất định là kể rõ nghiêng về lòng dạ, Huyền Nghĩa mới hoàn tất chỉ huy lẫn át vào yết kiến, lại cho phép tăng trở về Đông nhưng tụ hội ở Ngô, tất cả vui mừng nghe theo học hỏi. Trong núi hoang vắng, thiếu hụt, không thể tụ hội đông người, giữ tâm chờ đợi, ra ngoài tìm hiểu cầu kiếm pháp môn, tuổi già suy yếu có lẽ đang khai hóa, nay kì hạn đưa ra đã quyết định mà pháp duyên cũng dứt bặt, đây là điều đáng tiếc thứ sáu. Ở trong núi hai mùa Hạ chuyên nghiên cứu Huyền Nghĩa, tiến tới giải thích văn kinh đến phẩm Phật Đạo, gồm ba mươi mốt quyển, đem thân không cẩn thận tức thì lay động nhiệt tình khát khao, hơn một trăm ngày cạnh tranh với bệnh tật nghiên cứu sửa đổi, nhân mùa Hạ này cuối cùng nghĩ rằng có truy tìm gọi người đến, chỉnh lý hành trang chờ đến kỳ hạn. Ngày mười bảy tháng trước sai người đến núi, chỉ ở lại một đêm vội vàng, ví như ánh sáng con đom đóm, sáng sớm mong mỏi lên đường đi qua Diệm Lĩnh, kế đó đến Thạch Thành tác phong mạnh mẽ gồm đủ thật thà, không thể tiếp tục nghĩa sơ này như trước kia, trao truyền bằng miệng, trích từ bản gốc một lượt từ khi nghiên cứu, đều chưa tìm tòi chọn lựa, kinh luận ít thấy sai lầm vẫn còn nhiều, không thể truyền bá khắp nơi, đã vì nhà vua soạn ra, lẽ nào hổ thẹn với sự kém cõi đó ư? Dặn dò đệ tử sao chép bản sau, xin hãy chọn lựa. Trước đây Huyền Nghĩa đi vào văn đã chuyển giao ấy, xin giao cho đệ tử đốt hết, trí sáng suốt nhìn thấy được trời sao xa xôi, nguyện xin mở ra xem một lượt, xem xét đại ý đó, còn lại không thể xem. Bần đạo buồn chán thất vọng tuy nhận lỗi, nhưng nguyện lưu tâm đến Phật pháp, hỏi han tìm hiểu về ân đức cao quý, khiến cho Nghĩa môn không thể phế bỏ, đi sâu vào cùng tận Phật giáo, nghiên cứu đạo lý càng sáng tỏ; hành khắp nơi, học khắp nơi là hạnh Bồ-tát, Như Lai diệt độ pháp giao cho Quốc Vương, bần đạo là ai mà tuệ môn dựa vào phó thức? Vui vẻ đã hết, không có hưng thịnh nào khác, chỉ trước thuật kéo dài tuổi, văn nghĩa khác nhau, buồn bã tự hổ thẹn, sinh ra đã như vậy cho nên kẻ khổ tâm trắc trở, đều vì Phật pháp, vì lãnh thổ quốc gia, vì tất cả chúng sinh. Nay được pháp môn xin nương nhờ cả ba để đầy đủ sáu căn lìa bỏ. sau khi phần mạng đã hết, nếu có thần lực, thề sẽ ẩn nấp bảo vệ khu vực lãnh thổ của nhà vua, khiến cho nguyện vọng giáo pháp truyền bá phát triển, để đền đáp

ân sủng của nhà vua, dùng chí hướng vốn có phù hợp, Bồ-tát thệ nguyện thành Phật mà không lừa dối, nghĩa hương hỏa sâu sắc lẽ nào biết ngửa mặt chối từ? Nguyện quán xét bóng nước hư ảo, biết rõ pháp hữu vi, tất cả vô thường nhóm họp mà không xa rời, rốt cuộc không thể đạt được, chỉ nên chăm chỉ giới, thí, tuệ để chống đỡ với bốn núi, sớm cầu phải vượt ra, lẽ nào phải làm tổn hại pháp phiền lao đến lòng dạ Thánh hiền ư? Hoa sen, tê giác, như ý, là của nhà vua đã giúp cho, nay vì lúc ly biệt, nguyện cầu đức hương tỏa ngát dài lâu xa xôi, mãi mãi gìn giữ như ý. Đại sư Nam Nhạc sau khi diệt độ, chưa có bia ca tụng, trước được chỉ dạy cho phép tự thảo ra, nguyện không quên ý chỉ này. Đại sư Nam Nhạc ở Đàm châu xây dựng chùa Đại Minh, Di Thiên Thích Đạo An ở kinh Châu xây chùa Thượng Minh, trước được chỉ dạy ẩn kín bảo vệ nguyện tô điểm làm rạng rỡ đức hạnh tổ tiên, cho làm đàn việt chính yếu. Bần đạo ở tại thế gian sáu mươi năm, chưa hề làm công đức hữu vi, tuổi cuối đời sức yếu thường dụng tâm thiếu sót. Lại còn hương hỏa thí trọng, gần kề ở kinh Châu, xin được giúp đỡ làm nên chùa Ngọc Tuyền, tu bổ sửa sang chùa Thập trụ, đồng thời được chỉ dạy dặn dò, tổng quản Kì Quận Công Đạt Hề Nho kia, tăng đưa cho giáo thư mang đến Hạ Khẩu, nhưng Kì Công qua đời, thư chưa kịp giao phó, từ ân đã đủ, nguyện vì Ngọc Tuyền làm đàn việt chính. Hiện nay chùa trên đỉnh Thiên Thai lều tranh khá ngay ngắn, một nơi phía dưới núi tốt đẹp vô cùng, lại tiếp tục mong mỏi xin giúp đỡ, lập nên một chốn già-lam, bắt đầu phát dọn cây cối, nơi nền tảng chỉ dạy đệ tử phụ trách xây dựng. Không thấy chùa thành tựu mắt nhìn man mác vì ân hận, Thiên Thai chưa có hoành phi công bố, nguyện xin một tên gọi, chuyển đến chùa Ngọc Tuyền ở kinh Châu, xuyên qua mười vị tăng cư trú chùa Thiên Thai, xin bỏ dở ruộng chùa làm cơ nghiệp Thiên Thai. Bức vẽ chùa và tượng đá, phát nguyện sớ đều giữ lại, kính mong chọn lựa, thời đại bậc Thánh thái bình, hoàng phong chỉnh tề nghiêm túc, Bồ-tát Tịnh-độ không thể nghĩ bàn. Thiết thực thấy các châu thay nhau chuyển giao gạo, nộp tô thuế, xe chở đều dăm ba lần, đối với của công gom lại không nhiều mà hao phí của riêng, vì coi trọng pháp lệnh qui chế, giải quyết phân biệt có quy định sâu sắc. Bần đạo không nhàn rỗi sợ ý nói về cách thức của quốc gia, liền cho rằng châu không có gạo, vận chuyển đương nhiên như vậy, châu có gạo vàng đó lần lượt chuyển giao, thì không có sự hao phí của riêng. Tầm mắt hạn hẹp không thấy, lý ra nếu đối với cách thức có gì gây trở ngại thỉnh cầu không cần phải luận bàn, đối với sự việc có ích lợi nguyện rằng vì thế mà bàn hỏi tâu trình, khiến

cho muôn dân vui mừng nương tựa. Nhưng quốc gia là quốc gia của vua, dân chúng là dân chúng của vua, tu tập từ tâm thêm nữa để trở về chăm sóc dân đen, chó ngựa biết nuôi giữ mà con người lẽ nào quên ân nghĩa ư? Xưa, nghe Tề Cao Thị, thấy binh lính vác than gỗ thân thể tiều tụy, thương xót sự vất vả cực nhọc của họ nên tha tội và cho xuất gia, chỉ có một người vui mừng ra đi, Tề Vương than rằng: Con người đều có cái ái đối với vợ con, ai bằng lòng cảnh phòng không hiu quạnh, trợn mắt nhìn bốn bức tường? Tự tiếp cận núi rừng, dùng điều này quán sát, thì xuất gia khó có được. Hiện nay thiên hạ khoáng đạt rộng lớn, thuế má thu gom thư thái bình thường, người xuất gia ít, tăng lớn tuổi điêu tàn ngày cứ giảm bớt. Lúc trước xuyên qua cái màn, hoặc tùy duyên lắng nghe học hỏi, hoặc tu đạo ở chốn núi rừng không bằng tên ghi bức trướng, tay là dụng tâm mà lòng dạ thường buồn lo sợ hãi. Đây là trường hợp không nhiều điều có hành nghiệp, nguyện cho phép người đứng đầu đó xuyên qua tức là độ người, xuất gia tăng thêm thì tăng chúng bừng lên mạnh mẽ, Phật pháp được vô lượng công đức. Xưa thế chân vạc ở ba phía, dùng vũ lực luyến tiếc người; nay thái bình một biện pháp tu văn, tu phước, chính là thích hợp điều đó. Lại nữa thời Mạt pháp, chúng tăng phần nhiều thực hành không phù hợp với tên gọi, còn không ép buộc ý muốn của người, huống chi phò tá kinh luật hay sao? Nhà vua nắm giữ quốc pháp bao gồm giúp đỡ Phật pháp, nghiêm trị người có tội, kính trọng người vô tội, khởi tâm bình đẳng không thể nghĩ bàn, thì công đức vô lượng. Những việc như vậy vốn là muốn trực tiếp bàn bạc, không gặp được cơ hội bỗng nhiên trở thành di chúc, cũng là vì Phật pháp, vì lãnh thổ quốc gia, vì tất cả chúng sinh. Nếu lưu tâm đến công đức thì mong được báo đền, đứng trước phần mạng chỉ dạy truyền miệng lời đã hết, sức đã cạn, mong mỏi tiếp cận lưu luyến nhiều tri thức phúc đáp, trình bày đại thiện tri thức, bồ đề là kì hạn. Tôi Sa-môn mỗi tháng mười một niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười bảy.

66. VĂN VUA TRẢ LỜI DI CHỈ.

Đệ tử thọ giới Bồ-tát Tổng Trì kính lạy, trên sư Thiên Thai Trí Giả nội đệ tử Quán Đảnh Phổ Minh đến vâng lệnh đón nhận. Ngày hai mươi mốt tháng mười một năm thứ mười bảy thư để lại bảy tờ, bút tích bốn mươi sáu chữ, và Tịnh Danh Nghĩa Sớ bốn mươi mốt quyển, các loại tê giác, như ý, hoa sen, lư hương. Quỳ trước đọc tôi tớ, sửa chữa diệt hết làm rung động quay về tâm, xã-lợi trang nghiêm đức âm vốn có đầy đủ. Ca-diếp theo dấu sói lang thân chứng được từ xa, truy tìm ánh

sáng mây dày, Thiên Thai làm cho yên, thiền định tiếp cận theo đuổi thành thật khôi phục, Như Lai chốn song lâm bốn phương điều khiển khóc lóc thảm thiết, mà trước lúc Niết-bàn để lại giáo pháp càng ân cần sâu nặng, huống chi năm trăm năm sau, bốn y cứu vớt chìm đắm, ra sức thuận theo ý chỉ của Phật, ở thế gian cùng phàm phu hy vọng nhập vào nê-hoàn, hiện rõ sự việc ít có, Ngũ phẩm Thập tín đã tự nhiên sáng suốt, Di-đà, Quán Âm cùng đến tiếp dẫn. Ân đức trước nay mãi mãi cùng thêm sự xót thương luyến tiếc, truy tìm hiểu ra đời này còn chúc mừng vốn có thừa bẩm, điều ân hận là Tịnh Danh kinh sớ, không tiếp tục tự mình kế thừa, do đó hy vọng tìm tòi suy xét, vì vậy bù đắp hối hận về sai lầm của mình. Truy tìm chỉ có điều là, chướng ngại buồn bực cơ hiện tại chưa phát, nghe xa xôi nghe trước đây cũng có thành tựu, chẳng những hiểu ra có cạn sâu, cúi xin còn thời gian hoặc là sớm tối, sau khi Đức Phật diệt độ có thể có nhiều vị Thánh lớn, đạo lý chiếu soi phương khác âm thầm đến nói cho biết. Lại tiếp tục suy nghĩ ngay đời kiếp này bỗng nhiên vâng lệnh Đại sư, bởi lẽ duyên vốn có tích lũy, đã từng gần gũi, yêu quý sâu sắc phần mạng tương lai chắc chắn lưu truyền ảnh hưởng, không xả bỏ bổn thệ, bút tích cùng giữ lại, là dùng để quay về thành thật, dựa vào linh giới thỉnh cầu. Quỳ nhận lãnh kinh sớ, như ý, lư hương, cung kính lễ lạy Tây Phương tâm miệng cùng thệ nguyện, tay đưa ra quyển trục, rốt ráo ân cần, cho dù vào ngày mười tám tháng này, vẫn cảm thấy giấc mộng may mắn thuận lợi, cho nên tế độ đã hạ xuống tàu thuyền, chỉ nguyện ngay hôm ấy ở tại bảo trì, từ xa hoa sen nở ra. Nay ở biên cương cõi tịnh, tiếp cận rửa sạch tâm nhiễm ô đời đời kiếp kiếp, thầy dạy không thiếu sót thay đổi phàm bước lên Thánh, cung cấp hầu hạ không cùng tận, nhưng nghĩa công phủ mưa móc sâu xa mà văn lại sâu rộng, tuy thêm vào nhưng trước sau đều là vậy mà thôi, đặt biệt hy vọng tưới rót, vì đề hồ như sinh ra sữa thơm, chiếu rọi để giếng sâu tăm tối lập tức hiện bày vàng ròng, sáu đó xin nhờ vào thân thông, cúi xuống vỗ về tinh lực, đồng hỏi han danh tăng, vâng lệnh truyền ba pháp vị, phôt biến cùng chúng sinh làm lợi ích to lớn. Đó tức là không làm trái nêu ra khen ngợi cùng nhau bước lên bờ kia, quý giá nhất, cao vời nhất chính nơi ấy. Quán đảnh đã chuyển giao Tịnh Danh Nghĩa sớ ba mươi mốt quyển cuối cùng, đến phẩm Phật Đạo trịnh trọng lập tức sắp xếp nghiên cứu, sửa chữa ghi chép, luyện tập đọc xem ý chỉ, như thế Huyền Nghĩa trước đây và giải thích vào văn, giao cho đệ tử đốt hết, tức là giao cho trở về sai bảo cất cử đối diện đốt sạch. Tê giác, như ý, hoa sen, lư hương, xa vì truyền bá nơi khác, nhất định là sẽ không chán bỏ

mà phục tùng, mãi mãi đảm nhiệm pháp sự. Nay vâng lệnh giúp đỡ cho ngói sứ, lư hương cúng dường khám thờ, di chỉ lấy dưới núi Thiên Thai, gặp được một nơi tốt đẹp vô cùng, rũ lòng để tạo lập chùa, mới được tiến hành phát dọn cây rừng, nơi vị trí bậc thềm nền móng. Nay phái Tư Mã Vương mở rộng sáng lập già-lam, tất cả vâng theo dựa vào toàn bộ, chùa cần hoành phi, công bố cần lập nên tên gọi tốt đẹp, cũng không làm trái ý chỉ. Phật Lũng đầu-đà cùng tất cả vẫn cứ làm cho di chuyển đến Ngọc Tuyền ở kinh Châu, mười vị tăng trông coi Thiên Thai, nay là chúng hiện tiền trong núi, phần nhiều là người của Chữ cung, đã đều quy ước bắt buộc không làm cho mở rộng phân tán, lẽ nào cứ như mười vị tăng mà thôi ư? Điều mà họ cầu xin là bỏ ruộng nước của chùa để đảm nhiệm cơ nghiệp, cũng bắt buộc nhà vua mở rộng giúp cho ruộng mầu mỡ, đất phì nhiêu, rất được ủng hộ. Năm ấy, ngoài ra giúp đỡ cho lưu hành, chuyển giao một tạng kinh, theo pháp vì tiên sư ngoài ra cúng dường đầy đủ các thứ như chuông, phướn, hương, còn giúp cho tiền bạc không ngừng và đảm nhiệm phí tổn mỗi ngày. Khung cảnh linh tháp man mác, tượng đá đời Ngô, tượng Di-lặc ở huyện Diệm, dáng dấp tôn quý, cùng sai bảo sắp xếp điểm tô lại cũng không mông gì khác. Chùa Ngọc Tuyền ở kinh Châu đã là nơi sắp xếp tạo ra, sẽ khác với đạo tràng còn lại, chùa Đại Minh ở Đàm Châu, các chùa Thập trụ, Thượng Minh ở kinh Châu, trước vì cung kính đồng ý làm đàn việt, không cho phép trở lại làm trái. Nay dạy bảo khiến cho thảo ra bia văn đại sư Nam Nhạc, lập tức chỉ thị khai phủ học sĩ Liễu Cố Ngôn soạn lời tựa, tự soạn thuật bài minh khen ngợi để nhắc nhở, Tăng có tội thì trừng trị, vô tội thì bình đẳng. Thiết thực làm Niết-bàn yết-ma, kinh có văn đích xác, chánh luận trị nước, kinh Kim Quang Minh, trụ trì Tam Bảo không dám để rơi mất. Lại khiến cho tiến hành tu từ tâm, vỗ về nuôi sóc dân đen, chó ngựa biết nuôi giữ, con người lẽ nào quên ân nghĩa? Bởi nghe ngoại thư vì dạy bảo nhân đức còn tha thứ cho người khác, nội điển ở tông chỉ đại Từ làm đầu, văn tuy khác nhau mà chí lý thực sự như nhau, không có quân tử tài năng đó giúp đỡ quốc gia, không có Bồ-tát thì cứu giúp chúng sinh được không? Lại vì tăng chưa xuyên suốt sách vở, thừa nhận tự thú sai lầm của họ, thích hợp vâng lệnh chiếu thư, âm thầm phù hợp đi đến và thấy cơ hội mà làm. Nghĩa là ngày kia nếu nhận được thời cơ, vận chuyển quyên tặng lương thực vô cùng liên quan đến quân đội quốc gia, trước đã bày tỏ nghe nơi ty sở không báo cáo, cuối cùng sẽ phương tiện chắc chắn hạn kỳ thảo luận kết quả, và được nhờ gởi gấm dặn dò thì lại có thể hiểu rõ tâm người, tương lai mong được báo đáp, không làm trái

với ý chỉ, ngõ hầu dựa vào phước huân tu để giúp đỡ quốc gia. Quán Đảnh, Phổ Minh trực tiếp dẫn lối hỏi han tìm hiểu thật đầy đủ hình hài để an tọa, chẳng khác thường ngày, lại tiếc vì bỏ mất thời cơ, không thể trở lại, ý nghĩa thú vị mong suy đoán ra định luật như Tu-di sừng sững, pháp lạp rằng đã hoàn tất, thiết thực nguyện xin kiệu xe đón rước một lần đến Giang Dương trở về, đi vào Thiền chúng, đạo- tục tiếp cận đầy đủ, người và thần đảnh lễ thì sẽ vâng lệnh tiễn đưa. Trở lại khám thờ ở núi kia ngõ hầu nhờ vào sự chiêm ngưỡng, có thể mở mang ý nghĩa sâu sắc, nguyện đạo lực không lẻ loi, sự thỉnh cầu tuy là ân sâu dầy trình báo, đầy đủ ở nguyện văn mà quả thực nên che chỡ hộ trì, quả thực phải nương nhờ báo đáp. Hai vị tăng nay trở về nhẹ nhàng dâng lên thư trả lời, xa bái lạy nghi dung linh thiêng mà tâm đầy nức nở nghẹn ngào. Kính cẩn lễ lạy. Ngày hai mươi tháng giêng niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười tám.

67. NGUYỆN VĂN VUA SAI SỨ ĐẾN THIÊN THAI LẬP CÔNG ĐỨC.

Đệ tử thọ giới Bồ-tát Tổng Trì kính lạy. Chư Phật mười phương ba đời, tất cả tôn pháp cùng Thánh chúng Ba thừa, thiên tiên rồng thần ở cõi trên cao, thân tâm đạo nhãn che chỡ ứng hiện, giới tắc hư không vô lượng u hiểm. Thiết thực nghe chư Phật và Bồ-tát không xả bỏ bổn thệ, làm thầy trời người, cứu giúp nâng đỡ hàm thức, lần lượt khiến cho Hòa-thượng, xà-lê thay thế làm bậc thầy gương mẫu, dẫn dắt tiếp nhận thế hệ tương lai không khác với Phật, giúp tiếp tục kính trọng có đủ ở kinh luật, không có sự dẫn dắt sáng tỏ làm sao cứu thoát biển khổ? Không phải đền đáp ân đức sâu nặng lẽ nào thâu nhận ruộng phước? Hạnh để lại có thể theo đuổi, trịnh trọng y theo lời Phật dạy, Thiên Thai Trí Giả là tiên sư truyền trao giời Bồ-tát, vượt qua Diệm Lĩnh chuyển dời thay đổi Thạch Thành, đầu tiên nghe tin tức đến tình cảm đau xót gắng gỏi đè nén, cung kính chỉ có thắng hạnh cùng thỏa mãn sáng suốt nối liền, Phật cho lúc qua đời tự nói rõ sở đắc, nay mở ra thư của thị giả, có tướng kì lạ rất lớn, cho tôi là đệ tử địa vị ở Ngũ phẩm, sự việc ở Pháp Hoa, Thập trụ Tín tâm quả thật văn có đủ anh lạc, thế là tiếng hư không vàng lại khác nhau, đầy khắp vùng núi, yên lặng khoác đại y nói Quán Âm đến rồi. Nghiệm xét biết rằng chắc chắn đi vào hội, trực tiếp nhìn thấy Di-đà, yên tĩnh thâu nhiếp chuyển dời thần thái an tọa thân chứng, và làm thay đổi từ tối đến sáng hôm sau, dung mạo hình tướng trang nghiêm, ấy là bởi lẽ từ vô lượng kiếp đến nay đàn tuệ đầy

đủ, hết sức hộ trì Phật pháp phát động chúng sinh, không phải lộ ra dạy dỗ ẩn hiện, điều đó ai có khả năng ở nơi này? Người có trước có sau, đó chỉ là bậc Thánh ư? Dù cho dùng biện tài đem ngàn muôn ức bài kệ, khen ngợi phước tuệ của Sư rốt cuộc không thể hết được. Đầu mùa Hạ đưa tin tức đến núi mong chờ pháp, hết năm đón nhận tặng lạp đã đầy đủ, hãy còn nghi ngờ khe núi hiểm trở độc địa, ý giữ lấy không khí làm bạn với sương tuyết. Cốc chén vượt qua mặt gương của nước đến lúc đang nhọn sắc, dù cho nối theo bệnh nằm chẳng lẽ nói để mặc tiếp tục ư? Thần lực vượt qua cõi tịnh thì không được thấy lại dung mạo và tiếng nói. Nếu cứ bàn bạc về pháp vị, thì Duy-ma Nghĩa Sớ tiềm tàng mà không nói ra, bởi vì chướng ngại vốn có gốc rễ sâu xa khiến cho trái với tâm khế hợp đã dạy, ở trước phải bổ sung cho sau, gần nơi châu này thiền chúng cư ngụ đã lâu, mong mỏi giúp đỡ tìm cách gặp mặt, đồng thời đến vùng phác họa chỉ ra của Thiên Thai, bắt đầu xây dựng chùa tháp, nhưng ở nơi đầu-đà của núi kia, chưa được huân tu, nay xem xét ngắm nhìn, kèm theo thư dặn dò gửi gắm, sự nghiệp Phật pháp không thể nghĩ bàn, cảm xúc than thở thành thật khắc ghi tiếc rẻ không dứt. Nay phái người hướng về Phật Lũng, Phong Đảnh, nhóm hợp chúng kết trai, nguyện nhờ năng lực Tam Bảo, nhanh chóng đến Tây Phương. Trí Giả chứng biết Tịnh Độ ký biệt, đời đời kiếp kiếp sinh ra làm đệ tử Đại sư, khi chưa thành Phật tiến lên sớm độ thoát lẫn nhau, không bỏ duyên cảm động làm cho lớn mạnh đến bồ-đề, và cầu xin năng lực của đại chúng sám hối cho đệ tử, từ lúc vô minh trú địa đến nay, còn như Hằng sa hoặc chướng bây giờ, phiền não mê muội mơ màng năm cái mười triền, luân hồi giới nội tám muôn bốn ngàn, trần lao tăng thêm, nguyện dựa vào chứa góp vui mừng đạt đến công ấy, tội lỗi như sương mù được mặt trời trí tuệ làm cho tiêu tan, mọi điều lành rộng khắp đều tụ hội để mưa pháp tưới nhuần tràn trề, thần thông đạo lực chiếu sáng khắp nơi Hoàng gia, phước báu linh trường sâu xa, che phủ ức triệu. Ngày hai mươi chín tháng giêng niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười tám.

68. VĂN VUA THĂM HỎI ĐẠI CHÚNG.

Ngày hai mươi chín tháng giêng, Tổng Trì kính lạy trình bày. Các hành vô thường là pháp sinh diệt, chư Phật và người Duyên giác còn xả bỏ thân vô thường, Đại sư Trí Giả chuyển đổi tùy theo tinh thần biến chuyển, kìm nén đau thương sinh ra phiền muộn, không thể nào kể hết được ý nghĩ đang thay đổi, kính mến truy tìm đau thương quá đỗi khó nén chịu, ôi mãi làm sao, nên khôi phục thế nào? Hai vị thị giả là Quán

Đảnh, Phổ Minh, đưa cho thư tiễn biệt, luận Quán Tâm, Tịnh Danh sớ, tê giác, như ý, hoa sen, lư hương, và pháp sư Trí Việt cùng cả chúng mở đường, thấy phù hợp càng thêm nghẹn ngào, đạo đức và tiếng nói dường như còn giữ lại, lập tức phái thứ lớp truyền đi làm thay đổi dấu vết thần linh, điềm lành sáng sủa gắn liền tự nói rõ ràng, xá lợi toàn thân giờ đây an tọa, chẳng chứng tiểu quả Thanh văn chắc chắn đi vào địa vị Bồ-tát. Xưa nay nghe đạt được tam-muội Pháp Hoa, mới xét đúng là pháp luân bất thoái, tạm mặt thấy Di-đà, Quán Âm, Đại Thế Chí. Dùng trí túc mạng phản chiếu cõi này, bốn chúng đệ tử há không gắng sức? Tự suy đoán ít ỏi hạn hẹp không thể trình thưa báo đáp, chỉ có điều là hướng về cung kính nghe theo lời dặn dò gửi gắm, không dám quên mất, thuận theo xây dựng già lam trong khu vực phác họa chỉ ra, cần phải thông hiểu dẫn dắt nối tiếp, cõi trời liền thuận theo đến ranh giới kim cương, đã có đạo lý quan trọng, thích hợp kiến lập, tu bổ tạo ra, một bề vâng theo ý định sẵn có. Xưa Tuyên Ni qua đời, đệ tử trong coi phần mộ ba năm, học trò của Tử Cống thậm chí đến sáu năm, huống chi phải lập tịnh xạ, cây lâu dài nền móng phước đức hiện bày nơi ấy, Tăng trước kia cẩn thận đừng mở rộng phân tán. Nhưng dù cho mưu cầu đạo lý sao lại lo lắng không có cơm ăn? Mong mỏi kiếp sau được về Tây Phương chẳng phải xa xôi, tất nhiên nếu lơi lỏng thì rời khỏi hồ báu rất xa. Nay phái người đi sứ, vào Phật Lũng ở Phong Đảnh, thành kính sám hối lễ lạy, tu phước kiến trai đầy đủ như nguyện văn. Sơ lược trình thưa ý kiến ngu hèn, hai vị Tăng nay trở về, do đây viết thư an ủi. Dương Quảng trình bày. Ngày mồng năm tháng mười một.

69. ĐẠI CHÚNG Ở NÚI THIÊN THAI CẢM ƠN DẪN DẮT.

Sa-môn Trí Việt Thiên Thai cùng cả chúng kính khải. Tư Mã Vương vô cùng lớn lao, tăng phái Quán Đảnh và Phổ Minh trở về vâng mạng ngày hai mươi chín tháng giêng. Ban dạy rũ lòng thăm hỏi cùng truyền đi khẩu giáo, đặt biệt tìm hiểu ân cần cẩn thận đối với cửa khám thờ, đốt hương quỳ đọc lời lẽ nghĩa lý đau xót thiết tha, đớn đau cùng tận tâm hồn, di chúc nhiều lần thuận theo mất còn gánh vác, ngày Sư còn tại thế thường có lời dạy rằng: Nay có được nề tảng chùa viện là nhờ nhà vua sáng lập xây dựng, không phải là tiểu Tăng ấy xây dựng, ngoài ra có người thế lực to lớn, về sau mới thanh tựu. Tiếc là mính không thấy ngôi chùa thành tựu, bấy giờ không lường trước được nguyên do, nay được tu bổ tạo dựng mới tỉnh ngộ nhớ lại trước đây, sâu xa phù hợp nhau không thể nghĩ bàn, kinh tạng pháp bảo là tàu thuyền xuất thế, thầy của

chư Phật dẫn dắt bến đậu cho chúng sinh, mãi mãi trấn giữ Phật Lũng y chỉ thọ trì, chuông- phướn- hoa... giúp cho yên tâm cúng dường, pháp cổ cảnh ngộ lợi ích cho người và thần, pháp hội ngàn vị tăng công đức viên mãn. Cúi đầu nghĩ rằng u linh Từ bi xa xôi xem xét, trịnh trọng vào ngày trai mở ra đọc nguyên văn, pháp tịch sợ hãi tâm cầu đi vào biển nguyện, được ban thưởng trai lương ân cấp cho ruộng đất, cơ nghiệp vô tận thi mạng vô cùng, có nán lại quả thật là phiền đến long ân, khó đền đáp giáo chỉ, chỉ có điều là hiện tiền tăng này, không làm cho mở rộng phân tán. Cúi đầu thừa nhận suy nghĩ: Sự nghiệp làm cho lớn mạnh và bảo vệ là quan trọng- tinh xá sắp hoàn lành, môn nhân đồng học mới dựa vào y chỉ, khám thất trang nghiêm tâm nào rời xa? Huống chi ban xuống nghiêm giáo càng sợ hãi, lòng son thành thật. Trịnh trọng hướng về hạn định, nghiêm khắc tăng thêm tâm lực, nhưng một chút mất đi sự che chở mãi mãi của từ nguyện, truy tìm chúc mừng duyên vốn có trở về được che chở bảo vệ, buồn vui đến đồng thời, sắp sửa kể bày thì rơi nước mắt xin bắt đầu. Ngày mười lăm tháng hai niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười tám.

70. THƯ VUA SAI SỨ VÀO THIÊN THAI LẬP NGÀY GIỖ TRÒN NĂM TIÊN SƯ.

Năm lần lượt chuyển dời ngày tháng như qua đi, Trí Giả qua đời đã sắp một năm, truy tìm sâu xa đau lòng tình cảm không thể ngừng dứt. Ý nghĩ kính mến cảm động thiết tha đâu thể tự nhiên dứt được? Nay phái Điểm Thiên, Ngô Cảnh Hiền hướng về, họ thiết trai dâng lên vào ngày Đại sự mất để được phước đức, biết muộn đôi chút. Dương Quảng kính lạy. Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười tám.

71. CHÚNG Ở NÚI THIÊN THAI KHẢI TẤU CẢM TẠ CÔNG ĐỨC.

Sa-môn Trí Việt ở Thiên thai ả chúng kính khải. Điển Thiêm, Ngô Cảnh Hiền đến, vâng lệnh chỉ dạy vì ngày mất của Tiên sư mà thiết trai, tăng chúng năm trăm người cùng lúc tập trung, nẻo hữu tình minh tuy cách ngại nhưng đường cảm ứng thông suốt, Việt tôi và mọi người không thể dập tắt tro muội, bỗng chốc đến ngày húy truy tìm kính mến từ nhan, đau xót nghẹn ngào, rập đầu lạy rơi nước mắt nuốt cơm, không thể nào gánh vác nổi. Tôn kính xin bày tỏ có lời cảm tạ, xin kính cáo.

72. CHÚNG Ở THIÊN THAI CHÚC MỪNG.

Chùa Thiên Thai đệ tử của Trí Giả là Sa-môn Trí Việt cùng cả chúng kính khải, cúi đầu thừa nhận chỉ riêng, điện hạ đức hạnh tự nhiên như trời, kính mến đảm đương xứng với tên gọi, muôn dân vui mừng nương cây vạn quốc vui sướng yên ổn, tất cả đạo tục chẳng ai không vỗ tay nhảy múa, huống chi là Việt tôi và mọi người sớm được che chở bảo vệ, cúi đầu kính nhận ân tuệ yêu thương, quả thật không mặc ý vui sướng, xin phái Tăng sứ là Quán Đảnh, Trí Tảo ... vâng mạng tấu khải để nghe. Xin kính cáo.

73. CHÚNG Ở THIÊN THAI CẢM TẠ XÂY DỰNG CHÙA XONG .

Ngày mồng ba tháng mười niên hiệu Nhân Thọ năm dầu, Sa-môn Trí Việt cùng chúng đệ tử của Trí Giả chùa Thiên Thai. Cúi đầu lắng nghe, Long Thọ qua đời, Thiên Trụ giúp ngài xây dựng già-lam. Trong Bảo Trí chép: Nước Lương mất nên ra sức tu bổ khai bày điều lành bởi vì bổn thệ của Bồ-tát biểu hiện khai phát lẫn nhau, hễ là Thanh văn chỉ biết khen ngợi giúp đỡ. Cúi đầu thừa nhận ý chỉ riêng, Hòa-thượng đã tạ thế, vốn có đức hạnh khó nghĩ, làm bậc thầy trời người, an thiền vào Niết-bàn nêu ra việc ít có, mở ra đối chiếu kinh luật, ngàn năm cùng nghe, diệu đức rõ ràng phát khởi ở tại Thánh thế. Cúi đầu thừa nhận ý chỉ riêng: Tôn sư trọng đạo, liền đó tu bổ già-lam, nơi xây dựng tạo lập rất được tư thế của núi. Tiên sư thường nói: Vùng đó nhất định chờ đợi duyên lành. Truy tìm lại lời ghi nhớ này càng hiểu rõ hôm nay, chính là chùa trong năm núi, chen lẫn dòng chảy của hai con suối, nhà cửa điện thờ sáng sủa giản dị, phòng ốc mái hiên kín đáo chặt chẽ, mới là Tịnh Độ, vì vậy qui tụ thần tiên. Từ khi thành tựu đến nay tiên sư thường để lại bóng dáng dấu vết, cảnh thánh tuy xa xôi nhưng có cảm thì ứng, đã sáng lập tháp miếu nên hiện rõ sự linh thiêng khác lạ, liền đó bày tỏ chư Phật đều cùng nhau nhiếp thọ. Việt tôi và mọi người tầm thường kém cỏi sai lầm nói về môn đồ, ngửa xin hổ thẹn với ngôi nhà cúi xuống khích lệ tâm lực, thường ở trong chùa nơi nhóm họp trai sám, thường ngày chuyên chú lý thiền, ngõ hầu nhờ sự huân tu, hầu hạ báo đền ân trạch bậc Thánh, không thể tùy ý ưa thích gánh vác. Xin phái Tăng sứ Quán Đảnh, Trí Tảo vâng mạng khải tấu cảm tạ để nghe. Xin kính cáo.

74. TĂNG SỨ HỎI-ĐÁP VỚI HOÀNG THÁI TỬ

Ngày mồng ba tháng mười một niên hiệu Nhân Thọ năm đầu. Tôn sùng mến chuộng Thứ tử Trương Hoành truyền đi lệnh tăng, khiến cho Quán Đảnh - Trí Tảo và nội trai lệnh chỉ, tự hỏi tiên sư sau khi mất có gì linh nghiêm, kì lạ chăng? Trả lời rằng: Tiên sư ngày hai mươi bốn tháng mười một niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy, ngồi kiết già di thần nhập diệt, đến ngày mười sáu tháng tư năm thứ mười tám, chúng vào đầu hôm đều tụ quanh giường dây, đang muốn nhiếp niệm vị tăng tên Đạo Tu, thấy tiên sư mặc áo quần vốn có, tay nắm gậy trúc từ cửa phía Tây đi vào, tựa lưng hướng về một lát và theo cửa phía Đông đi ra. Đạo Tu kinh hãi đứng dậy kính cẩn bái lạy, bái lạy xong thì hình bóng biến mất, tất cả mọi người hỏi Đạo Tu là ý gì, Đạo Tu gãi đầu rối rắm nói đầy đủ nhân duyên, mọi người cùng nhau xót xa than thở. Lệnh chỉ chép: Rất kì lạ, rất kì lạ, lại có gì không? Trả lời rằng: Đến năm thứ mười tám, vào giờ Ngọ ngày mồng hai tháng mười một, có Tu Nhân ở huyện Mộc Dương thuộc Hải Châu, quân nhân phòng Bá Nô người cùng quê ở Nghĩa Toàn; quân nhân Vệ Bá Sinh người làng Đông Chiêu xã Mâu Lăng huyện Chiêu thuộc Từ Châu, cả hai người này ở bậc thềm phòng trước đây của tiên sư sửa sang nền đất, cửa phòng này có bức mành buông, hai người nghi là thần dị, tiến vào phòng tìm kiếm khắp mà lại không thấy, kinh hãi báo cho tăng, biết sự việc như trên. Lệnh chỉ rằng: Rất kì lạ, rất kì lạ, lại có gì không? Trả lời rằng: Đến ngày mồng tám tháng đó người huyện Liên Thủy thuộc Hải Châu là Vu Khâu Bưu ở đỉnh núi cưa gỗ, sớm chiều bái lạy khám thờ cầu xin được bình an, rằng ngày như vậy, cứ đến giờ Hợi thì muốn nằm nghỉ, bỗng nhiên thấy một vị tăng cầm gậy đẩy cửa đi vào. Bưu định đứng dậy thì vị tăng đã đến trước giường, nói rằng: Nên cố gắng sẽ được bình an. Bưu thuận theo như vậy mà còn tập trung bái lạy, bái lạy đứng lên thấy vị tăng đi ra cửa, vòng quanh chùa Tu Thiền một vòng, mặt hướng về điện Phật giơ gậy lên chỉ huy, chỉ huy xong ra ngoài cổng đi hai mươi bước thì biến mất không thấy trở lại. Bưu đi theo sau quả thật nhìn thấy tất cả rõ ràng, sáng sớm đến nói cho tăng biết, tăng hỏi khoác trên vai áo gì, trả lời là khoác y trí nạp của tăng, dẫn vào hương sàng chỉ rõ bổn nạp thuở bình sinh, Bưu nói: Màu sắc, hình dáng đúng như vậy. lệnh chỉ rằng: Rất kì lạ, lại có gì không? Trả lời rằng: Đến ngày hai mươi sáu tháng mười một năm thứ mười chín, người địa phương là Trương Tạo bái lạy khám thờ rằng: Vốn có được hương hỏa, nguyện đời đời độ thoát. Tức thì nghe bật ngón tay mà nhìn quanh bốn phía không có người, tiếp tục chú

nguyện quả nhiên là linh nghiệm, nguyện lại búng ngón tay lập tức tiếp tục nghe lại, Tạo chuẩn bị hướng về kể lại thứ lớp điềm này. Lệnh chỉ rằng: Rất kì lạ, lại có gì không? Trả lời rằng: Đến nay ngày mười chín tháng ba năm đầu, vị tăngtên là Giảo Sinh ở huyện Vĩnh Gia nghe danh tiếng đức hạnh mà không nghe chuyện linh thiêng kì lạ, cho nên đến sám hối ở khám thờ, nhiễu quanh khám thờ ngàn vòng vẫn lễ ngàn lạy, vào giờ Hợi cửa ngoài của khám thờ tự mở ra rộng rãi thoáng đãng, ánh sáng từ khám thờ phát ra, soi chiếu khắp nơi mọi bề rừng cây hang núi sáng ngời rõ ràng, cành lá cây cối nhìn thấy tỏ tường, cả chúng không biết ánh sáng gì, tranh nhau ra mở của kiếm tìm, Giảo Sinh cũng chạy nhanh trở về, báo cho chúng biết, cùng nhau vui mừng đảnh lễ, ánh sáng rất lâu mới tắt, mọi người nhín thấy nhau. Lệnh chỉ rằng: Rất kì lạ, đệ tử muốn mở phần mộ khám thờ, kinh luận có phương pháp khai mở không? Trả lời rằng: Quán Đảnh tối tăm, hạn hẹp chưa biết rõ kinh luận khác, cúi đầu thừa nhận nghe kinh Pháp Hoa chép: “Thích-ca Như Lai tự dùng tay phải mở tháp Đa Bảo, tám bộ trời rồng nhìn thấy toàn thân”, lệnh chỉ muốn mở phần mộ khám thờ, rất hiểu rõ kinh giáo, học trò xa cách đã lâu, lại nhìn thấy điếm may mắn thuận lợi lạ lùng, đây chính là việc lớn lao như đói như khát, nếu được mở bày lộ rõ lại bái lạy tôn linh, tận số nào ân hận, rơi nước mắt nghẹn ngào nức nở. Lệnh chỉ rằng: Có thể cùng với người đi sứ trở về núi, thiết trai mở khám hoàn, tất thì hai sư trở lại, trải qua từ trước đến nay chớ chối từ vất vả cực nhọc. Trả lời rằng: Đúng vậy, niên hiệu Khai Hoàng năm thứ hai mươi mốt đổi thành Nhân Thọ năm đầu, vì Tấn Vương được làm Hoàng Thái tử.

75. VĂN HOÀNG THÁI TỬ CUNG KÍNH LINH KHÁM.

Năm Tân Dậu niên hiệu Nhân Thọ năm đầu, đời Tùy ngày Bính Dần mười bảy tháng mười hai, bồ tát giới đệ tử Hoàng Thái tử Tổng Trì kính lạy. Cung kính bày tỏ trước tòa linh khám xá lợi toàn thân của tiên sư Trí Giả chùa núi Thiên Thai rằng: Thầm nghe, Dân sinh quyết định bởi ba việc như một điều giúp đỡ quy phạm bậc Thánh, có thể toại nguyện công lao người Hiền, Nhan Hồi không gặp Tuyên Ni, há láng giềng hầu như đông đúc ư? Duẫn Hỷ không gặp Lão Thị, lẽ nào đến mức tăng thêm tuổi thọ? Huống chi đáp thuyền Bát-nhã, nhằm về bờ bồ đề, không có sự dẫn dắt sáng suốt, há đến được đảo châu báu ư? Lại dựa vào niềm tin khiến cho tất cả lần lượt tiến vào pháp thành. Đó gọi là tự lợi lợi tha, người và mình cùng lợi ích, sư và đệ tử đầy đủ trí-đoạn. Nhưng còn nghe rằng: Xem thường truyền thụ cáo lão, Thái tử

tặng theo vàng ròng, Hoàn sư chối từ trả lại, gia đình bày ra tang phục. Đó hoàn toàn là công dụng ít ỏi trong pháp hữu vi, báo ân đâu đạt đến? Bày tỏ hư không chẳng ranh giới, ra sức báo đáp năng lực của sư, đệ tử vốn gieo trồng cội đức, sớm kế thừa đạo giáo, thân giới tâm tuệ được hạt ngọc sáng ngời, củ ấu lạnh sớm đơm bông tất cả dựa vào cam lộ, tuy khôi phục dòng thời gian mà tuổi tác mãi mãi sinh diệt không tìm lại được. Đi đứng nằm ngồi cúi đầu nhận chịu như đang giữ, bèn dùng cảnh trí mơ hồ sai lầm, nhắc đến con người lương thiện, chủ yếu giữ lấy đức độ, chẳng phải tài năng lên cao xa rời lắm sợ hãi, vâng mạng công khai dạy bảo kinh xưa, làm ra vẽ đứng dầu, tạm thời ngưng nghỉ đứng trước an ủi trở về nhận ra phương hướng sâu hút, nhìn về phương xa Thiên Thai như có địa Võng, tăng sứ nối tiếp đến điềm báo khám thờ chồng lên từng lớp, diệu pháp Đa Bảo phân thân như ý, kim quang ngọc hào phân đêm phá tối, ứng nghiệm búng ngón tay từ phòng trống lên tiếng, có một điều như vậy đã gọi là hiển ứng, bốn điều khó song song, há chẳng phải ít có hay sao? Từ sau khi Đàm Quang ngồi mà thị tịch, Đạo Du thân chứng đến nay, hưng công phi tích vốn không thể xứng hợp. Vận dụng linh nghiệm ở núi không có việc này, ôi long trọng quá! Chính là đền đáp năm tháng của lương điền ta. Thờ rằng: Không lời nói nào không thực hiện, không ân đức nào không báo đáp, kính lạy nhớ ân báo ân, tất cả chư Phật đều như vậy. Những năm gần đây tuy vâng theo sự khuyên nhủ ước hẹn mà tu bổ cấu thành Kỳ Hoàn nhưng lắm hổ thẹn với trải vàng mua đất, chỉ có nương nhờ không gian núi non ngõ hầu đồng tâm ở tịnh vức, cõi cao quý trang nghiêm may mắn tăng chúng không thiệt thòi, huân tu luyện tập không ngưng bỏ, năng lực sâu xa hết sức giúp đỡ, người công lao nhiều hổ thẹn. Nay phái Viên ngoại tán kị thị lang kiêm Thông sự xá nhân Trương Càn uy đưa các vị tăng sứ như Quán Đảnh... trở về núi, ở tại chùa thiết hội cúi đầu sát chân. Thập phương tam thế nhất thiết Tam Bảo, vô lượng u hiển, hiện tiền đại chúng đem công đức này, kính mong giúp đỡ tiên sư Trí Giả sớm chứng được chánh giác. Vốn có như qua đời chứng minh hiện rõ đã sinh về cõi An Dưỡng, khoảnh khắc đến để lại điềm báo, lâu dài nhìn thấy Di-đà, nối gót Quán Âm, gắn liền nhận định Đại Thế, mắt quay lại phía Đông coi xét không rời bỏ Ta-bà, chuyển sang liếc nhìn Nam Diên, càng thương yêu Chấn Đán, biển lớn xanh thẩm mịt mù vẫn còn không làm cho hướng về trôi theo dòng nước nhỏ, núi cao lớn sáng sủa trang nghiêm vô cùng lẽ nào tùy tiện loại bỏ đối với gò đất bé nhỏ ư? Dám bày ra ít ỏi dâng cúng, nguyện dũ lòng nhiếp thọ, hướng về khiến cho

vô biên Pháp thân tất cả được nhờ cam lộ, vô lượng hóa ảnh đều tiến vào đề hồ, cơm Niết Bàn ăn không thể cùng tận, mùi vị Bát-nhã dùng nhưng không cạn kiệt. Niệm lực ta vâng theo đạo thầy ta, dứt trừ phiền não cho tà mạng, thỏa mãn thệ nguyện của ta, hiện tại- vị lai tăng thêm ân tuệ đề bạt, gia đình đất nước cùng toàn quyến thuộc đi vào Đại thừa, bí mật kín đáo đến thường truyền bá ảnh hưởng, trần lao chướng liên tục tiêu trừ, ngấm ngầm gút chặc, cuối cùng đều như hư không, viên mãn dường như pháp giới, ấy tức là năng lực cao quý của Đại sư, chư Phật gánh vác đảm đương- đệ tử giữ tình yêu thương trong lòng, đưa ra Như Lai tạng, không xa rời văn tự, vì cầu giải thoát, tánh của văn tự tức là giải thoát. Không mê đắm thế gian như hoa sen, thường dễ dàng đi vào chỗ vắng lặng, thấu đạt các pháp tướng chẳng thể quái ngại, cúi đầu như hư không chẳng chốn nương nhờ.

76. NGUYỆN VĂN HOÀNG THÁI TỬ THIẾT TRAI Ở TẠI THIÊN THAI.

Đệ tử thọ giới Bồ-tát là Hoàng Thái tử Tổng Trì-xin cúi đầu kính lạy. Pháp Phật- Báo Phật- Ứng Phật, Pháp thân- Ứng thân, hóa thân ba đời ở khắp mười phương. Thầy của chư Phật gọi là Pháp, vì pháp thường cho nên chư Phật cũng thường, Phật thường, pháp thường, tỳ kheo tăng thường. Thế gian đều là không mà thật sự chẳng phải không, chư Phật diệu Hữu mà thực sự không thể Hữu, không thể Hữu ma Hữu, chẳng phải không mà không. Vô cùng yên lặng điềm nhiên, mới gọi là vô cùng an lạc. Hạng phàm tình sai lầm nên quả báo đều sinh nơi vô cùng đau khổ, người mê muội thì sinh ra mù lòa đầu bạc, người đạt được thì không bắt chước châu ngọc đen huyền. Đệ tử may mắn dựa vào tốt duyên, nhân sâu xa gieo trồng kiếp trước phương tiện trí độ, sinh vào nhà Phật, Hoàng Hậu chí tôn yêu thương nhân ái mang thai dạy dỗ, có ân đối với tám vị Vương tử của Nhật Nguyệt Đăng Minh, sự cố gắng Đại Thông Trí Thắng của mười sáu vị sát na-di, hơn nữa xưa kia đến chỗ Hoài Hải kính trọng tôn sùng cửa Phật, nên tiên sư Thiên Thai Khải Thiền sư, nhận thỉnh cầu Giang Đô truyền giới Bồ-tát, từ đó bắt đầu hiểu ra trở về nương tựa có tham gia, nhưng mộng thấy cây cột, nhờ vậy đọc Lương Mộc Tiên Đồi, chắp tay an thiền ngồi nghiêm trang thị tịch, giờ đây mấy năm y hệt như suy nghĩ, vừa hiện rõ nghi dung hình dáng nối tiếp hướng về ánh sáng, tiếng bật ngón tay rung chuyển ở chỗ khám thất, tăng sứ trả lời kể rõ nhảy lên đứng thẳng, đều từ uy lực của Phật pháp tăng, cảm ứng Trương quan cất nhắc hàm linh, cho nên hiện rõ

điềm báo ấy, cung kính vâng lệnh chiếu thư rõ ràng, tạm thời dừng nghỉ giám sát quốc gia tuần du an ủi vùng Hoài Hải, ngậm hờn than thở giúp thêm dân chúng, nhớ báo đáp ân Phật đền một chút nghĩa đạo của sư. Đến nay ngày mười bảy tháng mười hai năm Tân Dậu, niên hiệu Nhân Thọ năm đầu đời Đại Tùy, trịnh trọng phái Viên ngoại tán kị thị lang thông xá nhân Trương Càn Uy, đến chùa Thiên Thai cung kính thiết đãi cơm rau, tuy điều hòa tám thứ nước nhưng lấm hổ thẹn với trăm mùi vị, ngõ hầu giống như lần cúng dường sau cuối của Thuần-đà, giống như sự thỉnh cầu từ xa của Tịnh Danh, sắc hương tế nhuyễn đầy khắp mười phương, ưa thích cơm ngon ngọt lẽ nào chỉ có trăm ức? Trờ tiên rồng thần đều mong mỏi mây trời rải ra tùy ý sắp xếp thế giới toàn bộ hướng về dày đặc, vì phân thân của Trí Giả, tiếp thu sự nhiệp thọ của thầy dạy, kinh dạy kính tin là vào được, trí có thể độ thoát, nguyện dứt bỏ cam lộ, tất cả cứu giúp biển khổ, ứng biến cõi uế, thông suốt với cõi tịnh, trời che đất chở, tăng lên chuyển thành kimluân, sáu tông bảy miếu mãi mãi an ổn nơi tòa ngọc, gốc ngọn trăm đời tiếp nối thịnh vượng muôn năm, nam nữ đạo tục đều cảm nhiễm Đại thừa, thủy lục không hành đều biết Phật tánh; nhét núi Tu-di vào trong hạt cải, chưa đủ để trở thành khó, ăn trong khoảnh khắc giống như đại kiếp, vì sao cho là quái lạ, đồng thời ếch nhái không biết sông biển, con muỗi ở lông mi lẽ nào biết cánh chim bằng? Vì vậy nay ta sám hối và cầu xin tiêu trừ sạch sẽ, để hôm nay ta đích xác đều đi vào biển nguyện, phát tâm bồ đề ở khắp cả mọi vật. Tâm bồ đề ấy chính là tâm Phật, dưới cứu độ chúng sinh, trên mong cầu quả Phật, không thể lấy thân đạt được, không thể dùng tâm đạt được, vì vô sở đắc tức là tâm bồ-đề, vô sở đắc tức là đắc vô sở đắc. Cúi đầu quy mạng Tam Bảo mười phương.

77. HÒANG THÁI TỬ LỆNH THƯ CHO CHÚNG Ở NÚI THIÊN THAI.

Tăng sứ là Quán Đảnh, Trí Tảo đến, xem thư ngày mồng ba tháng mười một, và kể rõ việc linh khám ứng theo dấu vết hiện rõ hình dáng, phát ra ánh sáng, búng ngón tay, truyền đi tiếng nói thuận theo ý niệm truyền thụ tiếng vang. Đây quả thực là lực không thể nghĩ bàn, biến hóa nhiều cách để cảm động thức tỉnh người có duyên, tỏ rõ việc ít có, chung quy cẩn thận tuy tìm xa xăm, cảm xúc mà than thở sâu sắc. Tại song lâm xưa chỉ rõ diệt mà chẳng diệt, chỉ có tháp Đa Bảo đợi lúc xuất hiện, liền ở tại dấu vết lời sói lang mà Ca-diếp phân thân, cả đến núi Linh Thứu nơi Phật Thích-ca để lại bóng hình. Giữa hia đầu chân mày

phát ra vẻ đẹp chỉ thẳng về chấn thất, lẽ nào không phải Tượng giáo có thể cứu độ vô biên, là nhân duyên to lớn nghe thấy thiện tri thức, mãi mãi chỉ có xưa kia lâu xa được kế thừa bậc thầy quy phạm, đức hạnh và tiếng nói đầy đủ trong tai, thần lực và ánh sáng đang còn trước mắt, mới dựa vào điềm báo linh thiêng gắn liền với gót chân bồ đề, cung kính nối theo điềm báo linh thiêng khơi lòng an ủi thuyết phục phương Nam, sơn chúng pháp đồ cùng chì hướng làm bạn bè, có thể trở thành những người bạn mới cùng chung tàu thuyền, cuối năm giá lạnh ý nghĩ đều là đạo cao quý, Thiên Thai gọi là ngục mà bờ biển vốn tôn sùng, tu tạo xây dựng rừng lớn quả thật hổ thẹn với lầu gác quan trọng, ba thời thiết cúng, bốn sự không chi cấp, muốn thiền duyệt ngon ngọt vì giống như pháp hỷ, trong đó cung kính đức độ tin rằng lần lượt cùng nghe. Nay phái Viên Ngoại Tán kị thị lang Trương Càn Uy, đưa Tăng sứ trở về núi, ở tại nơi trước đây thiết cúng ngõ hầu cùng chung cam lộ, có thể làm thay đổi sự thô rút, cũng nhờ vào hương tích chứng đạo hòa hợp, thư viết thừa không hết lời, trái lại không kể hết việc này. Dương Quảng kính lạy. Tăng sứ Quán Đảnh chờ đợi lãnh nhận. Nay giúp cho vật dụng trước mắt, trình bày ngày mười bảy tháng mười hai năm Nhân Thọ nguyên niên: một chiếc lư hương bằng đá (cùng ba tấm hương hợp), một cái chuông đồng lớn, một chiếc trí nạp cà-sa, hai chiếc trí nạp thiên đản, bảy bức phướn mỗi bức bốn mươi chín thước, quần vây vải hoàng lăng một tấm, chăn dạ hai trăm chiếc, hai tấm vải tơ-kì chi, phướn nhỏ một trăm bức, hai hộp hoàn hương, một hòm đồ hào, ba trăm phần quần áo và các đồ dùng hằng ngày, một hộp nài sao, một hộp muối hạt, sáu bình bơ.

78. CHÚNG Ở THIÊN THAI CẢM TẠ.

Sa-môn Trí Việt cùng toàn chúng đệ tử của Trí Giả ở chùa Thiên Thai kính khải. Người đi sứ cùng thông sự xá nhân Trương Càn Uy đến, xin tiếp nhận các đồ vật trước đây, tất cả đều còn nguyên, sạch sẽ, vẫn lập tức bày biện ra trước khám thờ xá-lợi Tiên sư, truyền đi đầy đủ lệnh đến, cùng xướng đọc đồ vật giúp cho, lại thiết pháp trai cho ngàn vị tăng. Cúi đầu thừa nhận nghĩ rằng: Bảo vệ to lớn ân cần, ân tuệ yêu thương đến tất cả. Lư hương tế nhị, thợ trời trang nghiêm, chuông lớn hòa nhã, rung chuyển phàm thánh tụ hội, cờ phướn đẹp đẽ thư thái rũ xuống, ngờ rằng nhấc cao phạm công, bơ táo muối đào thỉnh mời giống như Hương tích, pháp y sạch sẽ điểm tô lìa xa bụi bặm không dính mắc, chăn dạ vật dụng dồi dào hơn nhiều, lóa mắt kinh sợ nhìn và nghe, ngàn

vị tăng nhóm họp phân bố tràn ngập sân núi, liền giáng xuống vương nhân, ánh sáng hiện rõ rừng núi hang động. Tôn kính đối trước linh khám, chắc chắn thần thông nhiếp thọ, nêu lên muốn làm chúng Thánh, mong muốn nguyện hải trang nghiêm, Việt tôi và mọi người phàm tục nhỏ bé sai lầm được ân nhuần gội, yêu thương tưới nhuần trùng lập liên miên, khó có thể khắc phục gánh vác được. Tất cả chúng chí thành cung kính, như đi trên băng mỏng, không mặc ý đến sự mang vác. Xin kính cáo cảm tạ để nghe. Xin kính cáo, ngày mồng sáu thang Giêng năm Nhân Thọ thứ hai.

79. HOÀNG THÁI TỬ LẠI RA LỆNH.

Quán Đảnh, Trí Tảo cùng đến, uổng phí thư đến cho chúng trong chùa, tài thí là không quan trọng, pháp môn nêu lên mới là sâu nặng, Đàn Ba-la-mật Bát-nhã thành tựu cao quý, không đầy đủ hai duyên lẽ nào được giải thoát? Thí giúp thọ nhận quên cả lời nói thậm chí lý lẽ, dấu vết hướng về, lẽ nào lại chối từ là không? Dương Quảng kính lạy.

Bên phải thứ tử Vương Hoằng tuyên lệnh, giúp cho Thiên Thai hạng mục vật dụng: một trăm sáu mươi chiếc Pháp y bằng vải lĩnh rồng bay, một trăm năm mươi tấm cờ phướn, một thạch muối ăn quang minh, năm bình bơ.

80. CHÚNG Ở THIÊN THAI CẢM TẠ.

Sa-môn Trí Việt cùng toàn chúng đệ tử của Trí Giả ở của Thiên Thai kính khải. Ân tuệ yêu thương long trọng hỷ xả nhiều lần nhờ cậy, sau khi tăng xứ trở về, lại rũ lòng ban thưởng ân tuệ, cờ phướn đẹp đẽ mầu sắc xen lẫn trang nghiêm điện thờ, pháp phục lĩnh làm rạng rỡ phù hợp chúng tăng, năm bình bơ mèo sung thân trừ bệnh hoạn, một hộc quang minh vị thuốc ăn gồm đủ đậm đặc. Việc tôi cùng mọi người ở chốn núi non thôn dã mặc phẩn tảo phân chia bảo vệ, nay thì chăn đệm quần áo ấm áp sáng sủa, mùi vị món ăn quý giá ngon ngọt, không tự mình độ lượng, càng thêm run rẩy sợ hãi, không tùy ý kinh sợ, xin kính cáo lắng nghe và cảm tạ. Xin kính cáo. Ngày mười lăm tháng tư năm niên hiệu Nhân Thọ thứ hai.

81. THƯ CỦA HOÀNG THÁI TỬ TRUYỀN BÁ RỘNG TỊNH DANH SỚ.

Hữu Thứ tử Trương Hoành tuyên lệnh: Tăng ở đạo tràng Tuệ Nhật là hai sư Tuệ Trang và Pháp luận, vào Đông cung giảng kinh

Tịnh Danh, toàn bộ sử dụng sớ của Trí Giả, phân định giải thích văn kinh, một ngày mai thời tự cúi mình đến nghe. Lệnh cho phủ tổng quản Dương Châu, phái tham quân Trương Hài đến Thiên thai, có một người am hiểu đích thực nghĩa Pháp Hoa của Trí Giả, nhiều lần đưa cho sớ đi vào kinh khiến đem đến chùa, chùa sai phái Quán Đảnh đi theo sứ tiếp thu mệnh lệnh. Sớ đến giao cho ti sở sao chép, chép xong giao cho Quán Đảnh hiệu đính, hiệu đính hoàn tất vào cung thọ trì. Bên phải thứ tử Trương Hoành tuyên lệnh: Đưa đường Quán Đảnh đi vào chia tay trực tiếp nhận chỉ. Ngày mười tám tháng tám niên hiệu Nhân Thọ năm thứ hai, lệnh chỉ rằng: Đệ tử coi trọng pháp môn của Tiên sư, cho nên vất vã mệt nhọc lẫn nhau, sư cũng cần phải vì pháp, đừng cho là cáo từ. Nay phái đại đô đốc Đoàn Trí Hưng thỉnh sư trở về chùa, để kính lạy đại chúng có thể y theo pháp dụng, hàng đạo của tiên sư chớ hại đến danh tiếng phong cách. Trừ bỏ dễ dàng, vả lại có bố thí, ba trăm hai mươi chiếc pháp y bằng vải lĩnh rồng bay, hai mươi bình bơ mèo- trâu, một hộc muối ăn quang minh, Hữu Thứ tử Trương Hoành tuyên lệnh: Ngoài ra ban tặng đồ vật cho Quán Đảnh, kim lâu làm thành tượng Di-lặc, và hai tượng hầu Bồ-tát, vòng quanh Thánh tăng, năm mươi ba vị Phật thêu dệt thành bảy bức kinh đàn, thêu dệt thành cái túi để kinh hai chiếc, một trăm cân huân lục hương, một cân tô hợp hòa hương, còn lệnh thư một hồm cho chúng, lại phái Dương Châu ti công tham quân Thái khác đến, vì Trí Giả thiết trai cúng dường ngàn vị tăng.

82. NIÊN HIỆU NHÂN THỌ THỨ TƯ HOÀNG THÁI TỬ LÊN NGÔI.

Chúng ở Thiên Thai chúc mừng bậc chí tôn, Chùa Thiên Thai-Sa-môn Trí Việt cùng toàn chúng kính khải. Thầm nghe: Kim luân báu xanh, nhiều đời tương truyền, lại xa lìa thời trẻ trung, hăng hái rũ lòng, cai quản chia rõ. Cúi đầu thừa nhận suy nghĩ: Thánh nghiệp Bồ-tát của Hoàng Đế, thường xuyên thành tựu biên soạn, mô phỏng theo ngai vàng to lớn khắp bốn biển, đạo tục nhiều nước khen là hạnh phúc. Việt tôi không mặc ý vui mừng đến hớn hỡ, trịnh trọng phái tăng sứ là Trí Tảo kính vâng lắng nghe. Xin kính cáo. Ngày ba tháng mười một niên hiệu Nhân Thọ năm thứ tư. Trí Việt cùng Tăng chúng chùa Thiên Thai huyện Lâm Hải thuộc Quát Châu kính khải.

83. SẮC CHỈ CỦA BẬC CHÍ TÔN.

Hoàng Đế cung kính hỏi Sa-môn Trí Việt và các Pháp sư chùa

Thiên Thai ở Quác Châu, trời lạnh đạo thể có thích hợp hay không? Tăng sứ Trí Tảo đến nhận được thư đầy đủ ý, ngày mười ba tháng giêng niên hiệu Đại Nghiệp năm đầu, Trụ quốc nội sử lệnh cho cử quốc công thần chưa đến, Đại đô đốc kim Nội sử thị lang thần Ngu Thế Cơ, kiêm Nội sử xá nhân thần Phong Đức Vũ, xá nhân Phong Đức Vũ, truyền đi sắc chỉ Tăng sứ Trí Tảo rằng: Sư từ xa đến mà đường đi đang giá lạnh khổ nhọc như vậy, hãy tiếp tục trở về chùa nói ra ý trẫm, hướng về đại chúng dễ dàng hành đạo, đừng hại đến danh tiếng phong cách của tiên sư. Bên phải Bộc xạ họ Tô tuyên đọc sắc chỉ ban tặng chùa Thiên Thai năm trăm phần vật dụng, đến kho Dương Châu tham quân Hướng Đức Nguyên chuyển giao vật dụng về chùa.

84. CHÚNG Ở THIÊN THAI CẢM TẠ.

Sa-môn Trí Việt ở Chùa Thiên Thai cùng toàn chúng kính khải. Sai phải Trí Tảo trở về vâng mạng tuyên đọc, ngày mười ba tháng giêng sắc chỉ giúp cho năm trăm phần vật dụng, trịnh trọng lập tức tu tập chúng đến trước điện Phật, cung kính đối với người là sứ chú nguyện đúng như pháp. Việt tôi cùng mọi người may mà gặp được đời Thánh, thừa nhận được sắc chỉ mừng vui sợ hãi đã sâu sắc, lại lãnh nhận sự ban thưởng lớn ân tứ càng sâu nặng. Thầm nghĩ: Luân vương địa thủy đã giác ngộ khó mà làm cho tiêu tan, huống chi vật dụng mầu nhiệm nơi kho nhà trời lẽ nào cung kính thọ dụng ư? Ngõ hầu dựa vào sắc chỉ thương yêu, lại được nhờ Phật lực dốc hết tâm tư sức lực, lời dạy còn để lại cho người thầy chuyên tu thiền tụng, hướng lên đền tháp ân tuệ của trời, không mặc ý đến chỗ sợ hãi gánh vác. Trịnh trọng dựa theo sứ Dương Châu cung kính cảm tạ để nghe. Xin kính cáo, ngày mười bảy tháng ba niên hiệu Đại Nghiệp năm đầu.

85. XA GIÁ TUẦN DU CUNG GIANG ĐÔ, CHÚNG TRONG CHÙA YẾT KIẾN KHẢI TẤU.

Sa-môn Trí Việt ở chùa Thiên Thai cùng toàn chúng kính khải. Giữa thu giá lạnh cúi đầu thừa nhận nghĩ rằng: Hoàng đế bệ hạ sinh hoạt thường ngày trong muôn phước, Việt tôi cùng mọi người từ lâu được rũ lòng che phủ chỗ công nhận được ân tuệ thương yêu, chúng trong núi thường được yên tâm giữ nước hành đạo. Cúi xuống nghe rằng: Xa giá tuần du thăm hỏi, chúng trong chùa vùng Giang Đô vui mừng hớn hở, không tùy ý thành thật thướng về lưu luyến, trịnh trọng phái Tăng sứ là Trí Tảo vâng mạng khải tấu để nghe xin kính cáo. Ngày ba mươi tháng

tám niên hiệu Đại Nghiệp nguyên niên.

86. TĂNG SỨ ĐỐI DIỆN HỎI ĐÁP.

Ngày mười chín tháng tám Tăng sứ Trí Tảo, ở tại vườn Hoa Lâm, sở châu bày tỏ tất cả sự sinh hoạt thường ngày. Thông sự xá nhân Lý Đại Phương tuyên đọc sắc chỉ rằng: Sư từ xa tới đây, trên đường đi vất vả cực nhọc như vậy, đến Dương Châu cùng sư gặp gỡ nhau. Ngày hai mươi sáu tháng chín gồm có Tăng sứ các châu, đưa đường hướng về trước điện Đại Nha, Phi quốc công Tô Uy tuyên đọc sắc chỉ rằng: Kính lạy các sư, trời dần giá lạnh, các Sư đều có thể hành đạo, đệ tử tuần du thăm hỏi các sư cư trú trước đây, cho nên có thể đến tìm kiếm lẫn nhau, các sư hãy đi. Ngày hai mươi tháng mười một, xá nhân Lý Đại Phương dẫn vào cửa điện, sắc chỉ rằng: Sư lên chỗ ngồi, ngồi xong, Hoàng môn thị lang Trương Hoành tuyên đọc sắc chỉ rằng: Các sư là Tăng chúng ở chùa của tiên sư hòa hợp không, có can ngăn cạnh tranh phải quấy lẫn nhau không? Trí Tảo muốn đứng dậy trả lời, sắc chỉ rằng: Sư ngồi, đừng đứng dậy. Trí Tảo trả lời rằng: Học trò cùng đại chúng quét dọn sạch sẽ chùa của Tiên sư, trên dưới hòa hợp như nước với sữa, suốt một đời này giữ nước hành đạo không dám có sự cạnh tranh phải quấy, thường do thật vọng đau khổ mà run rẩy sợ hãi. Sắc chỉ rằng: Tốt. Trương Hoành lại tuyên đọc sắc chỉ rằng: Các sư đã là chúng của chùa Tiên sư, sự hành đạo cùng các nơi như nhau, hay cho là có khác? Đáp rằng: Pháp của Tiên sư có khác nhau so với các chùa hành đạo sáu thời, ngồi thiền bốn thời, nơi khác thực hành khác, đạo tràng thường lấy hành pháp tôn trọng giúp đỡ bậc Chí tôn. Sắc chỉ rằng: Rất tốt, rất tốt. Trương Hoành lại tuyên đọc sắc chỉ rằng: Các Sư đã là những người hành đạo, đừng dung nạp Tăng sĩ phương Bắc và khách Tăng châu khác, cả đến riêng tư độ người xuất gia, liều chết giúp nhau nhiều lẫn giả dối, hoàn toàn không được dung nạp. Đáp rằng: Chùa Thiên Thai tức đã che phủ nhờ trời, chùa tồn tại lệ thường không dám dung nạp khách Tăng huyện khác, thậm chí thầm lén độ người, lấy sống thay chết. Sắc chỉ rằng: Tốt. Trương Hoành lại tuyên đọc sắc chỉ rằng: Đệ tử vì Tiên sư độ bốn mươi chín người xuất gia, ở lại chùa thọ nhận sự nghiệp, tiếp nối kế thừa về sau, sư hãy xem xét đính chính, người có đạo tâm chắc chắn thì phải gắn liền nhờ cậy với người, ấy chẳng phải riêng tư mà độ. Đáp rằng: Đúng vậy. Trương Hoành lại tuyên đọc sắc chỉ rằng: Từ nay về sau lại mở khám thờ Tiên sư được không? Đáp rằng: Niên hiệu Nhân Thọ năm đầu vâng mạng sắc chỉ mở xong, từ bấy giờ về sau càng không dám

mở. Sắc chỉ rằng: Biết rõ, Trương Hoành lại tuyên đọc sắc chỉ rằng: Sư trở về chùa không tiếp tục mở khám thờ Tiên sư, chắc chắn điều ấy rất phù hợp. Đáp rằng: Đúng vậy. Sắc chỉ rằng: Đệ tử muốn tạo lập bia ký cho Tiên sư, Tiên sư có dường như hành trạng chăng? Đáp rằng: Tiên sư từ khi sinh ra đến nay, kết thúc đến vô thường, trong thời gian đó sự linh thiêng kỳ kạ chẳng phải một điều, vả lại quả là đệ tử Quán Đảnh ghi chép trở thành một quyển hành trạng, bởi đang giữ trong núi nên không dám khải tấu. Sắc chỉ rằng: Rất tốt, rất tốt. Đệ tử đang muốn tạo lập bia kí cho Tiên sư, các sư có thể sẽ thuận theo đưa ra cho người làm sứ? Đáp rằng: Như thế. Trương Hoành lại tuyên đọc sắc chỉ rằng: Hỏi sư Quán Đảnh ở đâu? Đáp rằng: Sư Quán Đảnh ở chùa, vốn đòng ý ra ngoài vâng mạng đến chào, vì mắc bệnh kiết lỵ hơn bốn mươi ngày nên không thể ở trên đường đi. Sắc chỉ rằng: Được. Trương Hoành lại tuyên đọc sắc chỉ: Các sư là Tăng sĩ, có ở lại chùa hay không? Đừng làm cho gắn liền với danh tiếng, ở tại chùa mà thân trụ ở bên ngoài. Trả lời rằng: Tiên sư còn sống có mười điều quy định, danh tiếng gắn liền với chùa, nếu thân ở nơi khác thì không cùng nhau dừng lại. Sắc chỉ rằng: Rất tốt, rất tốt. Trương Hoành lại tuyên đọc sắc chỉ rằng: Nhà cửa, chùa viện các sư có dột chảy nghiêng ngã gì không? Đáp rằng: Lúc đang xây dựng chùa đã là đầu mùa Xuân, tre gỗ hoàn toàn trái với thời tiết, đến nay đã có dột thủng, cũng được các quan ở thị trấn Lâm Hải thường xuyên xem xét sửa chữa. Sắc chỉ rằng: Tốt, nếu chưa chỉnh đốn, đệ tử lập tức lệnh cho người đi sứ xem xét tính toán. Đáp rằng: Đúng thế. Trương Hoành lại tuyên đọc sắc chỉ rằng: Giúp đồ vật cho sư đầy đủ, quần áo, tiền của giúp các Sư, đừng để chi dùng gì khác, muốn làm công đức cũng được, phải được đệ tử bằng lòng. Đệ tử thấy sư có điều đặc biệt so với người khác, cung cấp tiếp tục nối liền nhất định làm cho không dứt đoạn, đừng làm cho Tăng ở trong chùa tìm cầu nhiều ở bên ngoài, tổn hại con cháu của tiên sư, đáp rằng: Đúng vậy. Trương Hoành lại tuyên đọc sắc chỉ rằng: Đệ tử sai sứ đưa các sư trở về chùa, vì tiên sư làm công đức, độ cho người xuất gia xong có thể mở khám thờ tiên sư, chắc chắn sẽ rất kỳ lạ, sư hãy gấp rút đi và làm công đức cho hoàn tất, các sư liền thuận tiện theo người làm sứ đưa ra. Đáp rằng: Đúng thế. Trí Tảo và mọi người đứng lên cáo từ, sắc chỉ rằng: Đệ tử đã trả lời thư của đại chúng từ đầu đến cuối. Đáp rằng: Đúng vậy. Cáo từ đi ra đến chùa Thê Linh, Bí Thư tòa giám Liễu Cố Ngôn đến tuyên đọc sắc chỉ rằng: Ý tôi lệnh cho ông thảo ra bia ký cho Trí Giả, nếu chẳng phải ông thực hiện thì không thích hợp được tâm tôi, có thể nói Tăng sứ gấp rút mang

hành trạng đến tháng hai sẽ lấy bia ký thành tựu. Sắc chỉ cho Tăng ở Dương Châu gồm năm mươi người rằng: Trong kinh luận, nếu tôn quý ở họ tộc sư, tốt đẹp ở tại Trí Giả.

87. SẮC CHỈ ĐẶT TÊN CHÙA QUỐC THANH.

Còn trước đây vì Trí Giả xây dựng chùa, tạm thời y cứ theo núi mà gọi. Trong kinh luận, lại có tên gọi tốt đẹp, có thể kể rõ tất cả những gì ấp ủ trong lòng, trẫm tự mình lựa chọn kỹ càng.

88. DÂNG BIỂU VỀ CHÙA QUỐC THANH

Chư Tăng bày tỏ: Giới sư có hành giả, chùa Thánh Biểu là ngũ Tịnh cư của thiền môn. Tờ biểu đó chưa trình đâu, Tăng sứ Trí Tảo kính khải rằng: Xưa vào đời Trần có Thiền sư Định Quang, đức hạnh khó lường, sau khi chuyển dời tinh lực, Trí Giả mộng thấy linh hồn của ngài nói: “ Nay muốn xây dựng chùa chưa phải thời cơ, nếu ba quốc gia trở thành một nhà, có thế lực to lớn người ấy nhận giúp đỡ Thiền sư xây dựng chùa, nếu chùa thành tựu thì đất nước sẽ thanh bình, nhất định phải gọi là chùa Quốc Thanh”. Cúi đầu thừa nhận nghe sắc chỉ muốn đặt tên chùa, không dám im lặng, trịnh trọng kể rõ cho nghe. Xin kính cáo Thông sự xá nhân Lý Đại Phương tâu lên để nghe. Sắc chỉ rằng: Đây là điềm báo linh nghiệm của Tiên sư ta, lập tức sử dụng, có thể lựa chọn niêm yết ở điện Đại Nha, điềm vào lấy thư hoàng viết theo đại tiện, giao cho người đi sứ đặt ở cửa chùa.

■

QUỐC THANH BÁCH LỤC

QUYỂN 4

89. SẮC CHỈ ĐẶT PHÁP DANH CHO BỐN MƯƠI CHÍN NGƯỜI.

Hoàng đế sắc chỉ - Hoàng đế cung kính hỏi Sa-môn Trí Việt và các Pháp sư chùa Quốc Thanh ở Quát Châu, Tăng sứ Trí Tảo đến nhận được thư có đủ hoài mong hết sức, phước đại Thiên Thai thật sự là cảnh giới tốt đẹp, cho nên cung kính giúp đỡ Trí Giả xây dựng già-lam, pháp duyên đã sâu sác, nghĩa tôn sư sâu nặng, muốn làm cho bậc thầy để lại khuôn phép tôn kính mà không rơi rụng, Bồ-tát tịnh nghiệp lâu nên càng mới, vậy thì cách bậc Thánh lâu xa học trò sẽ suy thoái, tìm cách mưu cầu lợi dưỡng, không cắt đức tục duyên, mùi vị ngọt béo, trái phạm giới luật, đây là chính tăng thêm tội lỗi nhơ bẫn, há cho là ruộng phước ư? Các sư lìa bỏ pháp hữu vi, cầu đạo quả vô thượng, vứt đi các lậu hoặc thế tục, xem xét ở hoài bão thanh cao, bởi vậy phải khen ngợi dạy bảo người chưa học tu tịnh hạnh, khiến cho các pháp môn kia trở thành bạn, đều quay về hòa hợp, giới cấm của chư Phật chung quy vâng theo thực hành. Còn chùa này tốt đẹp thuận theo sự việc mẫu mực của Tiên giác, đó là lý do cảm ứng sâu xa, chính là tên gọi chùa Quốc Thanh, đồng thời có giúp cho đồ vật vì vậy nói tùy hỷ. Mùa Đông lần lượt rất lạnh mà đạo thể rõ ràng vui vẽ, trẫm tuần du nhận ra phong tục, liền đến Giang Đô, nhìn về núi sông xa xăm lại nghĩ về sự vất vả hết sức, cho nên phải gồm thông sự xá nhân Lư Chính Lực hướng về, chỉ ra đây không nhiều, người làm sứ là Lư Chính Lực kia đến chùa, tuyên đọc sắc chỉ ban tặng đồ vật giúp chùa. Ngày hai mươi chín tháng mười một, niên hiệu Đại Nghiệp năm, sắc chỉ độ cho bốn mươi chín người xuất gia, huân lục hương hai hộc, xây tường đất bốn phía xung quanh tạo năm gian, thiết trai ngàn vị tăng, hai ngàn phần vật dụng, gạo một ngàn hộc. Trụ quốc nội sử lệnh cho Cử quốc công thần chưa đến, Đại đô đốc kiêm nội sử thị lang thần Ngu Thế Cơ, Đại đô đốc Triêu tán phu kiêm nội sử xá nhân thần Trương Càn Uy, sắc chỉ độ cho bốn mươi chín người xuất

gia xong, Tăng xứ giúp cho Tăng thực hiện pháp danh là Quán Đảnh, vâng mạng Tăng sai khiến nghe theo sáu việc để đặt tên. Người làm sứ ghi chép tấu trình tướng trạng điềm báo cảm ứng thông suốt ứng nghiệm, ánh sáng lên cao, bên trên tám tên gọi dựa theo điềm báo Quốc Thanh, tất cả dùng chữ Linh nêu ở đầu; vắng lặng chân thật như dấu vết noi theo, tám tên gọi trên dựa theo sự việc xuất gia, tất cả dùng chữ Đạo nêu ở đầu; nhờ giới, định, tuệ mà mắt trí tuệ mở mang giác ngộ, ở trên tám chữ tên gọi dựa theo sự việc thiết trai, tất cả dùng chữ Tịnh nêu ở đầu; mạng căn năng lực biện giải tùy hỷ an trú được vui vẻ, bên trên tám tên gọi dựa theo sự việc ban tặng gạo thóc, tất cả dùng chữ Tuệ nêu ở đầu; cơ nghiệp của tông bổn nhân quả trang trọng thanh tịnh, bên trên tám tên gọi dựa theo việc tu bổ sửa sang, tất cả dùng chữ Chánh nêu ở đầu; phỏng theo nguyện Diệu Đức, vâng theo hạnh Phổ Hiền, bên trên tám tên được gọi là dựa theo việc sắc chỉ giới luật, tất cả dùng chữ Tư nêu ở đầu; một người cuối cùng gọi là Cát Tường.

90. CHÚNG CHÙA QUỐC THANH CẢM TẠ.

Sa-môn Trí Việt cùng toàn chúng chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai kính khải. Kiêm thông sự xá nhân Lư Chính Lực vâng mạng tuyên đọc: Ngày hai mươi chín tháng mười sắc chỉ rằng: “Trời yêu thương dạy bảo ban thưởng cho chùa tên gọi thuận lợi may mắn, giúp cho hai ngàn phần vật dụng, một ngàn hộc thóc gạo, hai hộc huân lộc hương, thiết pháp trai ngàn vị tăng, độ cho bốn mươi chín vị xuất gia, tu bổ sửa sang nhà cửa chùa viện”. Lập tức nhóm hợp mọi người đốt hương tuyên xướng. Kính mong suy nghĩ: Bậc thánh lo liệu đức hạnh phù hợp trời đất, người nuôi dưỡng vạn bang yên tâm, thăm hỏi bốn biển, giúp Phật giáo hóa độ thoát chúng sinh, ân đức rộng lớn quả thật không gì sánh được. Việt tôi cùng mọi người tuy khoác mặc pháp y mà hạnh không xứng so sánh, quả là hầu hạ tiên sư mà từng trái với tông phạm, ngày đêm kiềm chế quở trách, không chỗ mở đường giải quyết, Cúi đầu thừa nhận vâng mạng sắc chỉ, đảm đương thọ trì. Là kẻ tầm thường, bé nhỏ kém cỏi, không biết Bồ-tát đại trí, vào đời Trần xưa kia tự mình nghe sư nói: Ba nước trở thành một, người có thế lực to lớn sẽ giúp đỡ xây dựng chùa viện, nếu chùa tồn tại thì lãnh thổ quốc gia sẽ thanh bình, nhất định phải là chùa Quốc Thanh. Vào lúc chuyến xe thư chưa một lần không biết nói sao, từ đó đến nay ôm ấp nghi ngờ không hiểu, vâng mạng sắc chỉ ban thưởng cho chùa, tên gọi Quốc Thanh không ngờ phù hợp với điềm báo lúc đầu, Tăng trong núi, dân trong núi vừa mừng vừa

vui, mới biết các nguyện của Bồ-tát lại bắt đầu gợi mở lẫn nhau, hoặc làm Ngũ phẩm, hoặc tất cả muôn cơ, làm rạng rỡ vinh hiển Tam tôn, lợi ích cho lãnh thổ quốc gia, chúc mừng hàm tình này, may mắn nghe được điềm báo tốt lành. Ngửa mặt nhìn lên bức hoành trên chùa, trước mắt như ngộ đạo, chỉ từ ân trọng khắp bao phủ, ngày sau cùng nhau được hưởng, mà Thiên Thai một nơi lại cảm thấy ân huệ rộng lớn, y phục nổi tiếng, áo quần tốt đẹp lần lượt tiếp nhau đến, vật dụng lạ kỳ, lương thực trước sau ban xuống nhóm họp, Việt tôi và mọi người ba học chẳng công lao gì, một bữa cơm khó chịu, huống chi thóc gạo, vật dụng đầy đủ, tích lũy lâu ngày, há có thể cung kính lớn lao? Vô cùng sợ hãi không có suy nghĩ kéo dài tội lỗi, ngõ hầu nhờ sự yêu thương tha thứ, mở rộng ra hết ngu đần thực sự, vâng mạng báo đền ngôi vua cao nhất. Nhưng Thiên Thai vắng vẻ xa xôi, từ xưa đến nay chỉ thích ứng một mình lưu hành, nay thái bình đang vận dụng xây dựng chùa Quốc Thanh, bốn mươi chín người xuất gia một ngày, cắt tóc tiêu trừ chướng ngại quả thật là ít có. Hy vọng tâm lực của họ tăng tiến học hành ngày càng biến chuyển mới mẻ, niệm niệm hun đúc sự nghiệp, vâng mạng giúp đỡ nhà vua và đất nước; lại kết trai cho ngàn vị Tăng, phàm Thánh đều hội tụ, cảnh tượng từng ngày rực rỡ trong sáng, Tăng đồ vui mừng tôn kính. Cúi mong suy nghĩ: Diệu đức của Tiên sư không thể nghĩ bàn, cảm ứng thần thông chắc chắn đang xem xét buông xuống, sau buổi trưa đối với người làm sứ tiến hành mở linh khám, điềm lành thiêng liêng ít có đầy đủ, những người sứ này công tư đạo tục cùng nhau trông thấy, Việt tôi vàmọi người buồn vui lẫn lộn. Trịnh trọng đem kể rõ để biết, xin kính cáo. Ngày hai mươi bốn tháng mười một, niên hiệu Đại Nghiệp năm đầu, Sa-môn Trí Việt cùng toàn chúng chùa Quốc Thanh ở Quát Châu kính khải.

91. KHẨU SẮC BAN SẮC CHỈ TRẢ LỜI NHIỀU TY SỞ DÂNG BIỂU CHÚC MỪNG.

Người đi sứ là Lư Chính Lực trở về trình tâu, mở phần mộ khám thờ Tiên sư không thấy xá-lợi, còn một cuốn hành trạng dâng lên, nhiều ty sở chúc mừng. Sắc chỉ nói các ông rằng: Trí Giả là giới sư Bồ-tát của ta, trước kia có nhiều linh thiêng kỳ lạ, thường nói với ta rằng: “Tất nhiên nếu đắc đạo, sau khi đắc đạo, giúp đỡ bảo vệ quốc gia và làm lợi ích cho trăm họ, còn nếu niết-bàn, thì ngồi trong hang đá, dung mạo khuôn phép không thay đổi. Ta vào niên hiệu Nhân Thọ năm đầu sai Trương Càn Uy đến xem, y hệt như cũ. Hôm qua, lại lệnh cho Lư Chính

Lực đến, tự mở cửa khám thờ, bít lấp không có, nghe dấu vết tức thì không thấy, linh thể đã biến hóa rồi, đắc đạo chẳng phải giả dối, nói giúp đỡ bảo vệ và làm lợi ích chắc chắn thuận theo không sai. Nay có một quyển hành trạng, các ông đều cùng nhau xem, các châu nghiên cứu sai bảo đều viết một kiện, trở về sở bộ truyền bá khắp nơi.

92. KHẨU SẮC CÚNG DƯỜNG CỜ PHƯỚN

Tăng Trí Tảo vào ngày hai mươi bảy tháng hai năm thứ ba, dẫn lối vào trong điện cáo từ khẩu sắc: Ban tặng một ngàn không trăm hai mươi lăm lá phướn.

93. SẮC CHỈ TẠO RA VĂN BIA CHÙA QUỐC THANH

Bia văn thiền sư Thiên Thai Trí Giả chùa Quốc Thanh.

Tùy kiêm bí thư giám trực nội sử tỉnh khai phủ nghi đồng tam tư thần Liễu Cố Ngôn vâng lệnh sắc chỉ soạn.

Thần nghe: Ở cõi trời có sẵn dáng vẻ, pháp của kinh húy còn giữ lại đây; ở đất có sẳn hình dạng, đều chia ra phương hướng phỏng theo rồi. Hai lễ tiết đã như vậy nên ba tài năng sáng sủa không sai. Thượng Thánh kế thừa cao nhất minh vương, cho nên phô bày giáo pháp của bậc Tiên giác, truyền trao đạo lý phù hợp mới được lên cõi tiên. Vì thế cho nên lên xe ra đi đến Đồng trống chung quanh có cảnh vật quen thuộc. Bức tranh vận mạng nói ra sự nghiệp, khen ngợi phong cách rộng lớn. Rèn luyện bản chất giữa chín phủ, vọt lên khiêm tốn trong sáu phương, ở đây hoàn toàn tạm thời thích ứng cất nhắc, tạm thời giữ gìn tiêu dao. Cuối cùng bao phủ che lấp đối với khổ- không, xong xuôi mọi sự truân chuyên ở sinh tử, chưa đạt tới bất sinh bất diệt, không đến không đi, chẳng phải thật, chẳng phải hư, không phải như, không phải khác, thường lạc ngã tịnh, mãi miết yên lặng, thản nhiên vui vẽ, là giải thoát không thể nghĩ bàn. Bèn dường như Hoàng đế Đại Tùy của Đa pháp, húy Tổng Trì, chuyển tải lưu thông mặt trời Phật pháp điềm báo khởi sự tịnh cung, thuận lợi trông thấy Pháp vương thích ứng với chủ nhân Diêm Phù, để phủ kín rỗng không đi vào kế thừa sự nghiệp, tiếp theo cao tân lập nên ngôi vua, và có thể ngai vàng bề thế đẹp đẽ mở rộng, từ trời đến nơi cao vút, bao bọc đức lớn mà giúp đỡ tâm nhỏ, hy vọng thế gian đảm đương kỳ hạn, bên trong văn minh, bên ngoài nhu thuận, biết tinh vi biết rõ ràng, theo dõi bản thân xem xét huyền hoặc, chính là Võ, Chính là văn, tài cán ấy hoàn toàn. Từ Vĩnh Gia mất quyền cai quản đến hải nội phân chia tan rã, nương cậy hiểm nguy, tự

ý gắng gượng mỗi bên dựng nên vị vua đứng đầu, lễ nhạc chìm đắm vào nơi không hợp, ngọc rùa làm hỏng vào địa phương khác, sách vở thông thường cạnh tranh phân rẽ gần ba mươi kỷ (một kỷ là mười hai năm), Thiên tướng ân hận tổn thất quen thuộc điều ác có ngày, Hoàng thượng tỏ ý nhã nhặn Phần Dương rạng rỡ, dấu vết thay thế họ Để, địa vị bề thế phân chia hẹp hòi, tinh thần sự nghiệp đang tiềm ẩn, vào lúc miếu thờ họ cao sách lược linh nghiệm, suy nghĩ sâu sắc tóm chung tất cả, chuyên môn đánh dẹp dựa vào búa rìu. Hoàng đế nói: Đây ư, chỉ có vua, chỉ có mình biết bề tôi, biết con cái, mới có thể dương oai muôn dặm, hỏi tội chín phạt một việc mà xác định Giang Tả, lại trở lại điều khiển mà tiềm ẩn tro tàn tạm thời tranh giành tiến cống, ngoài biển có cắt đứt, tuy Cửu Tiết có đủ năm bề tôi mà Chu Đán ở mười loạn. Vốn chịu nhiều thành quả xưa kia nhiều hổ thẹn, Bàn Thạch suy xét kỹ công lao không gì phỏng theo như vậy, ba năng lực chính yếu của tông phái, chín tính mạng chỉ có dâng lên, nguồn gốc lấy nhân từ- thực hiện lấy tiếng nói chỉ dạy, hành động theo đạo lý quan trọng, thê lấy pháp vô vi, tạm thời chiếu rọi vắng lặng hãy còn muốn sâu xa ẩn kín, sóng nước xanh thẩm mạnh thêm. Suy nghĩ tàu thuyền cứu giúp cho là Năng Nhân, gieo trồng giác ngộ buông xuống nay nhẫn nại quê mùa, Tín Tướng vào đạo, tịnh giới đứng đầu, Phạm Võng có văn bản rõ ràng sâu sắc truyền ba Tát-đỏa. Quốc sư là Tăng bảo, chắc chắn gồm đủ thiền tuệ, có gặp gỡ dừng lại núi Thiên Thai, Đại thiên sư ấy sống mà tinh thần rạng rỡ soi chiếu phòng ốc, hai mắt trùng con ngươi. Thiền sư pháp húy là Trí Khải, người họ Trần, ở quận Dĩnh Xuyên. Thái Khâu Đạo Viễn Quý Bá Phong Diên, chủ trì giờ ngọ suy yếu rối loạn bỏ trốn Họa dung. Cha bắt đầu từ Lương tổ làm Trì tiết tán kinh kị Thường Thị, phong tước khai quốc hầu ở huyện Ích Dương. Thiền sư phong thái siêu ngộ, tuổi non trẻ ít thấy ai hơn, ít học thì tụng Pháp Hoa, cha cầu hôn cho, thuận tiện thỉnh cầu dừng lại, Nho môn sử quán phần nhiều biên soạn rõ ràng, dưới cột trên hào càng đạt được sâu sắc, Chữ Cung bị địch chiếm thì cho dù rau cỏ, bắt đầu tuổi đội mũ, xuất gia ở chùa Quả Nguyện vùng Trường Sa, bảo vệ giới giống như ngọc quý, tâm an ổn dường như nước lặng, nhiều lần nghe kinh luận, chỉ khiến cho một lần nghe được ở trong tâm, biểu đạt ở miệng. Vì Tương Đàm hạn chế nhỏ hẹp chưa phát khởi đại căn cơ, lướt nhẹ qua dấu vết Hoành Dương, đi bộ đến phần mộ của anh, hướng về núi Đại Tô thỉnh cầu sự nghiệp với thiền sư Tuệ Tư. Thiền sư nhìn thấy liền than rằng: Nhớ lại xưa kia ở Linh Thứu cùng nghe Pháp Hoa, khiến cho tiến vào đạo tràng Phổ Hiền của ta, nói bốn hạnh an lạc cho

nghe, ở lại mười bốn ngày tụng phẩm Dược Vương, đến câu “chư Phật đồng tán”, vắng lặng vào định trí tuệ sáng tỏ liền cùng phát, đứng lên bạch với sư, Sư nói: “Chẳng phải ông không cảm, chẳng phải ta không biết, người vốn định ấy là phương tiện tiến lên tam-muội Pháp Hoa cho đến nghe và trì Đà-la-ni. Dù cho thầy của văn tự đến ngàn loạt ức phẩm, tìm ông để biện luận thông minh cũng không thể cùng tận, trong những người nói pháp thật là bậc nhất”. Đã có ước hẹn Nhân Vương anh lạc, Long Thọ, Mã- Minh lập ra “ba quán bốn giáo”, Phật rõ bổn tông của sư và cho là then chốt Đại thừa, có thể về sau bên trong cai quản lưu thông học hỏi lớn rộng. Trí để cất giữ hướng về, chứng minh sự xây dựng chánh giáo của vua A-dục, thần để biết rõ tương lai, xem kỹ sự tiêu diệt đại pháp của Chu Vũ Vương, thế là cất bước lên cao sắp sẵn trước đất đai vòng quanh tụ tập ở Thiên Thai, nhiều lần dạo chơi núi lớn nổi tiếng, nói xây dựng Lư Ngục Tần Hiếu Vương dấy lên trấn giữ Hoài Hải, sai người mang tin tức đón rước khuất phục, đối với sứ giả nói: Tuy muốn gặp nhau nhưng cuối cùng sợ rằng duyên khác nhau, thì mấy tuần nối tiếp gió lớn yêu quái trộm cướp tranh nhau nổi lên. Trên bộ dưới nước đều ngăn giữ yên tâm, ngồi ở Khuông Tụ. Lát sau, long nhu khám nạn, vẫn thay Hiếu Vương liền đến bang vức, thành thực trong sạch mới về thuận theo gánh vác phong cách. Mấy ngày nhanh chóng cũng đến, đã gặp gỡ dừng lại, liền chắc chắn thầy dạy, cùng nương nhờ ánh sáng kỳ diệu của thiện ý. Nếu được cao tông truyền nhau thuật lại, hết lần này đến lần khác kiên quyết chối từ nhưng không thể cho phép. Vào niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười một, năm Tân Hợi, hằng tháng cùng Hoàng Chung vào ngày hai mươi ba, ở tại chùa Đại Thính thuộc Dương Châu dọn bày vô ngại địa trai, tiến lên lãnh thọ giới pháp Bồ tát, hạ thấp xuống là nuôi nấng kính trọng người bác, theo tiêu chuẩn của tiên sư, cởi áo bỏ lông cổn mà khoác mặc nhẫn phục, rồi bỏ hoàn khuê mà truyền bá giới hương, phát khởi đầy đủ sơ tâm tập trung lễ kính chư Phật, vào lúc ấy trời đất cùng yên ổn ngày tháng đầy hoa, sân nhà chuyển sang gió nhẹ yên êm dịu, hư không nổi lên luồng khí tốt lành, sáng ngời rừng hoa bảy giác, hồ trắng tinh nước tám tịnh, hóa cảm sâu sắc trong ngoài thành mọi sự đều theo nhau chuyển vận, giáo chuyển pháp luân, lý phù hợp hang sâu tối tăm quý báu.

Văn võ quan dân đều được mây hiền che chở, vẻ mặt hớn hở hơn, đông đúc hơn, nghiêm túc hơn- thong thả hơn. Kinh gọi là giới nhiếp luật nghi, giới nhiếp thiện pháp, giới nhiếp chúng sinh, biểu hiện pháp khởi ba nguyện, chân chánh mười thọ, như tất cả các sắc đều hòa nhập

giữa cõi hư không, đều ấy thì nói là pháp sự xong xuôi bảy báu cùng xả.

Rời bỏ nơi ở ra ngoài thành, thiền chúng rất nhiều mà bốn sự cúng dường, tình sâu xa vẫn còn nghi ngờ là chưa đầy đủ, cho rằng họ tộc sư lễ nghi cao nhất chắc chắn có danh tiếng tốt đẹp như Y Doãn đặt tên là A Hoành, Lữ Vọng xưng là Thượng Phụ, Kiểm Địa trì kinh Trí Giả sư mục, trịnh trọng nghe theo miệng vàng cung kính bày tỏ ngọc dụ, liền hạn định giờ lành tự mình đến đảnh lễ. Tuy bước lên có trách mắng làm bằng tre lá nhưng thích hợp với Hán văn trên sông, mới coi thường như vậy. Trí giả dùng lời dạy sâu sắc của chư Phật để bên trong thực hành, bên ngoài khen ngợi, sự thực gồm đủ tất cả tuệ phương tiện của Đại sĩ, Đế-thích đàn-na đã bao gồm tín giải, Nhân vương nhiếp thọ không đến gần mà có thể đạt được lợi ích, băn khuăn do dự cáo lui mới trở về núi cũ, ân cần đề nghị ở lại thì lại làm trái cao ý, giống như mua chuộc Tứ Hạo những phép thuật Nam Sơn, gạt bỏ vàng Đông Hải của Nhị Sơ, chấn tích trượng lìa xa bui trần mới xứng đáng gọi là xuất thế. Thân thích nói nhà Nho chưa đủ để hưng thịnh, trộm theo Tứ Minh Thiên Thai Diễn Đông Ngọc Tụ, hai câu và vân Mão, Ngân Nam ở sân vàng, rất đỗi cao lớn hướng lên trời ngửa mặt để tay lên mặt trời, vòng eo trấn giữ ở tại đất, cúi xuống soi vào gương biển cả, ráng mây hơi nước ban đêm phấp phới lướt nhẹ qua vạt áo, cầu vòng uyên loan được kế thừa phi tích, hoa quả tranh nhau sản sinh, thường làm mê muội bốn mùa, cỏ thuốc dầy đặc, người nào phân biệt được muôn loại? Đạo Du hướng tới mà chứng quả hưng thịnh, Công Phú không thể nói rõ, nền tảng của chùa thuộc về lúc mới bắt đầu dồi dào, đỉnh nổi tiếng là Phật Lũng, chủ yếu có thiền sư Định Quang, ẩn kín lộ rõ biến hiện tùy thích trước đây ở tại đỉnh này, thường nói với đệ tử rằng: Không bao lâu sẽ có thiện tri thức hơn hẳn, tướng lĩnh đồ chúng đều nhóm hợp ở núi này. Phút chốc Trí Giả vượt qua sông hồ, nhanh chống đến nhóm hội, bỗng nghe tiếng chuông khánh làm rung chuyển khe núi, liền hỏi thiền sư Định Quang nguyên cớ của tiếng vang. Đáp rằng: Đây là kiền-chùy nhóm hợp Tăng, tướng của sự có thể cư trú, tương đối nhớ lại đã từng trải qua lúc giơ tay dẫn dắt nhau không? Trí Giả liền hiểu ra lúc tuổi mười lăm, cúi trán lễ Phật bừng tỉnh sao như mộng, thấy núi cao cùng cực đối diện chỗ uốn khúc của biển lớn, có vị tăng giống như Định Quang bây giờ, giơ tay đón lấy kéo lên nói: Ông sẽ ở nơi này, ông sẽ chết chỗ này. Vái lạy nói năng buồn vui lẫn lộn nước mắt nước mũi đầm đìa, vẫn hướng về phía Nam Phật Lũng tìm đường đi đến khu vực chùa, thì thấy năm đỉnh xung

quanh núi đều già cả cao siêu, hai khe nước lại cặp chảy xiết như suối mây lụa hồng, vạch cây phỉ mở đường lợp lại nhà dùng cỏ tranh, công đức tùng lâm thường xông ấm hoa chiêm bặc, nhẫn chịu tường viện không vất vã chốt cài cửa ngõ, vượn hú chim kêu, suối chảy cuồn cuộn, tiếng vang lên hòa lẫn nhau, chim bay thú chạy nghe pháp làm cho thần phục bậc thềm cao lớn, Tấy Nam có nhánh sông Vĩnh Phong và nguồn sông Chiết, phân chia Lĩnh Đông tụ hội vào biển, thủy triều qua lại trong mấy trăm dặm, người trong thôn xóm thường sống bằng nghề bắt cá, giáo dục dần dần trở về nhầm đốt lưới bỏ xà, cày ruộng trồng quả, thay đổi trở thành giàu có, người tín hiểu sâu sắc phần nhiều làm Sa-môn, yêu thượng hóa độ vốn sâu xa đều xếp vào đây. Cho đến thiền sư Định Quang vô thường, về sau muốn sửa chữa rộng lớn, bỗng nhiên nhìn thấy một vị tăng tuổi như thiền sư Định Quang, thường nói với Trí Giả rằng: “Nếu muốn xây dựng chùa thì nay chưa phải lúc, ba nước thành một, người có thế lực to lớn có thể giúp đỡ xây dựng chùa. Nếu chùa thành tựu thì đất nước liền thanh bình, nên gọi là chùa Quốc Thanh”. Lời này xa xôi tản mạn ai sẽ tin, há đợi chờ phù hợp thích ứng sâu xa thỏa thuận với nhau bấy giờ mới quyết định ư? Đến lúc vua ta đứng trước giới hạn tuổi tác lâu dài, tánh tình hiếu thảo thuần phác, đến khi vào kinh thì được tỉnh, chốc lát bước đến Giang Đô nếu chỉ thị thuyền bè, đón đến nơi trấn giữ. Giả sử so với đến nơi kia thì trách ngiệm sắp đặt trói buộc, nói với đại chúng rằng: “Do thượng ý sâu nặng, không dám mở lời cảm tạ, nhưng hướng về mà không trở lại”. Bởi vì lần phân ly lâu dài này nói với đệ tử rằng: “Sẽ thành tựu chùa dưới Lĩnh Nam, nhà cửa điện thờ đó nền móng tất cả dựa theo bức vẽ của ta”. Thị giả đáp rằng: “Nếu không có Sư tham gia thì đâu thể thành tựu được xây dựng?”. Tiếp tục nói rằng: “Sẽ có Hoàng Thái tử thay ta xây dựng, các ông thấy mà ta không thấy”. Đi hơn trăm dặm đến chùa Thạch Thành ở Diễm Đông, chùa có tượng đá dát vàng cao trăm thước, Lương Thái Tế Nam Bình Nguyên Tương Vương điêu khắc mở đầu, tự nhiên có dấu vết linh nghiệm. Vì thế hiện rõ bệnh tật phải nằm nghiêng hông, bỗng nhiên gió mây đổi mầu, tùng quế rậm rạp đứng thẳng giống như nhạc trời, đi vào cửa phòng bắt đầu ngồi chấp tay, thần sắc sáng sủa vui vẽ, quay lại nhìn thị giả nói: “Quán Âm đến rước, không bao lâu sẽ đi”. Đệ tử là Trí Lãng thỉnh cầu rằng: “Phật cho phép Thánh Hiền lúc sắp qua đời nói ra địa vị thực hiện được, cầu xin dũ lòng nói rõ cho biết mới suy nghĩ khâm phục kính mến”. Đáp rằng: “Ta chỉ ở địa vị Ngũ phẩm đệ tử mà thôi, đối chiếu Ngũ phẩm tức là địa vị Phương tiện tiến lên tam-muội Pháp

Hoa”. Hình như với suy nghĩ của Sư thì lời xưa sâu xa nhất, vẫn cứ cầm bút sáng tác kệ, dạy truyền khẩu để lại như ngôn từ lý lẽ thiết thực trình độ, kể rõ sâu vào duyên cao quý kín đáo đến bí mật đi, thề sẽ thầm che chở, để soạn thuật bộ Tịnh Danh Nghĩa Sớ, cùng lúc đưa đi. Vẫn lấy đại y Tăng-già-lê, tự tay khoác vào, quay mình hướng về phía Tây ngồi nghiêm trang dời chuyển thần thức. Sáu mươi Xuân Thu, mười ngày lập ra trai tịnh ngồi xếp bằng đổ mồ hôi, viên ngọc tròn bên trong tóc lộ ra từng giọt giữa ngực, muốn bày tỏ các pháp vốn tự bất sinh, nay thì chẳng diệt, giường dây gánh trở về Phật Lũng, nhẹ nhàng đưa lên dường như nhẹ hơn hư không. Bấy giờ mở hương khám ra tất cả không khác gì xưa, dịch trạm khiến cho lúc đầu báo tin buồn làm rung chuyển đối với thần tâm, liền xả bỏ hết cả tài sản tùy theo nói rõ công đức, người chuyển tin truyền bá cùng nhằm bắt đầu xây dựng tháp miếu. Chùa tuy vùng này đã có mà suy nghĩ mới mẻ, nhà quỳnh phòng cam dựa vào quốc gia linh nghiệm, mà tìm kiếm được Đại Lợi, Thứu Đầu, Lang Tích, dựa vào tịch mặc mà làm đạo tràng, trở về lưu truyền bậc thầy nổi tiếng cạnh tranh nhau, dung túng đan móc dây câu, ngõ hầu con dân chỉ trong mấy ngày nữa đi đến thành tựu, thần minh giúp đỡ, bỗng nhiên cùng nhau xuất hiện đông đúc. Lưng cao thì cúi xuống tức là Học Ngục mà xây dựng điện thờ nhà cửa, nương nhờ ánh sáng mặt trời soi xuống, đối diện lòng tin lung linh mà được họa vẽ, Đa Bảo phân tòa đều nhận anh lạc, trời cao bày tỏ chùa Phật như nối liền Phạm tràng, Hòm vàng điệp ngọc thường phân tán ra giảng giải tùy ý, thiền tục luật nghi không làm trái với pháp của sư. Điều này đáng gọi là địa vị cao nhất của đầu-đà, địa phương thanh tịnh của Di-đà cùng với a-nậu mà thường đầy đủ, giống như sự kiên định vững chắc mãi mãi của Tu-di, đến như ánh sáng trùng lặp biên soạn sách vở thì có thành công ổn định chăng? Đến nay tháng chín niên hiệu Đại Nghiệp năm đầu, loan dư tuần du đến Hoài Hải, chăm chú nhìn Giang Nam thương cảm Thiên Thai-Nam Nhạc, nhóm hợp danh Tăng ở Dương Châu, tất cả hỏi rằng: “Trí Giả lập chùa tạm thời dựa theo tên núi, nên tất cả nói rõ hoài mong Trẫm nhận sẽ lực chọn kỹ càng”. Mấy ngày liên tục không trình tấu, đúng lúc vị tăng trong chùa là Trí Tảo giữ hành trạng trong lòng mà đến, có đủ thứ tự năm xưa Thiền sư Định Quang gọi là Quốc Thanh; Thái sử dựa theo lời này, thời đại chính là mồng tám đời Chu Kiến Đức, tỏ ra không giống với thế chân vạc, ở ba phương nay hơn bốn mươi năm, Thánh chứng rất cao, phù hợp với thời gian rõ ràng, chứng minh thích ứng, chiếu thư giao phó tả sử trước soạn thực hiện thư, vẫn sắc chỉ đều dùng chữ Đại triện

viết vào cửa chùa, lập tức sai xá nhân đưa Trí Tảo cùng giúp cho cơ nghiệp. Đến ngày hai mươi bốn tháng mười một, ngày giỗ Tiên sư thiết trai làm cho tăng chúng nhóm họp, quỳ mở hang đá chỉ thấy màn không giường trống rêu phủ nhện giăng, pháp lữ gào khóc, ban đầu diệt độ, công tư xiết chặc dường như không ngước nhìn nghe theo. Còn pháp hội ngàn vị tăng đều có sổ sách, tới lúc thiết trai điểm lại, chắc chắn bỗng thừa ra một người. Có ty sở lại tiếp tục xem xét vẫn đầy đủ số ngàn, cho đến đứng trước trai lễ thọ nhận lại thành ra một ngàn lẻ một, người nắm giữ trách nhiệm kinh ngạc ẩn hiện khó giải thích, há chẳng phải Tiên sư hóa thân đến thọ nhận quốc gia cúng dường ư? Vua tôi trở về chỉ thị chuẩn bị tấu trình một điều, hướng về bình phong nhuần nhã dung nạp hết sức sâu xa, dấu vết linh thiêng, trăm ty sở vái lạy chúc mừng bốn biển lan truyền danh tiếng. Ôi, vô cùng quá thời tượng pháp chưa chìm đắm, dòng giống Phật thường xuyên nối tiếp chính là cơ cảm bậc Thánh, đại sư thuận theo biến hóa khả năng mầu nhiệm khó nghĩ bàn, họa đồ thần kỳ còn mãi mãi, nền tảng tốt lành quốc gia may mắn, lộn xộn rậm rạp sáng rõ so với sự thịnh vượng này. Xưa kim long tông vương khen ngợi công đức của Phật, trưởng giả Bảo Tích dâng tặng xây cất phải nên giương cao, Phạm Ngũ Tử danh tiếng nhờ ở dân, Tang Văn Trọng lời nói lưu truyền bất hủ, huống chi cây đạo tốt đẹp là nhờ vào phước địa sư môn, mà dựng lên cao vút tận mây bày tỏ bờ cõi kim cương, đến mức chỉ thị dây tơ xanh dệt thành vật, chuyển tải ngôn từ lý lẽ. Dường như nghi lời nghi việc, sử quan đạt được thì rải hoa xâu hoa, giảng rộng pháp tạng, xin nói lại, nên làm bài tụng rằng:

Treo lên bức họa rồng, chọn lấy mầm ngũ điển, kim luân cứu chìm đắm, chỉ mở rộng mười lành, ha như Hoàng đế ta, cây công nhờ to lớn, trở về nguồn vốn tịnh, đường về nay hiện rõ, soi gương hiền triết xưa, nơm chân thú nào dễ, trời tạo ra mông muội, nhật nguyệt thì lên cao, núi cao và biển lớn, hoặc hình ảnh hoặc trong, hổ gầm gió tung lên, rồng cuộn mây xuất hiện, đến người hầu như thấm, nuôi chánh vâng theo nhận, khiêm tốn vốn đầy đủ, gương sáng tôn sùng gánh, đơn độc ai bằng lòng? Có ngước nhìn sẽ được, huân tu thiền quán tịch, như mùa Đông vắng lặng, tinh thông nghĩa suối trào, như mùa xuân băng tan, ta có thợ khắc đá, chính trực theo nối tiếp, ta có luật cứu giúp, tàu thuyền ấy dựa vào, cung kinh đến tha thiết, vui sướng được thi đua, thuận theo giúp muôn hạnh, xem lẫn thành Nhất thừa, rung chuyển bằng sáu cách, mười phương đều khen ngợi, đồng thanh sẽ tương ứng, tin mà có chứng minh, chân thành cảm thần linh, đạo hợp phù tiết thuận, sâu xa bởi Trí

Giả, sóng lớn không ranh giới, thầy vua đã tốt tươi, Thiên Thai về nghỉ ngơi, ở tại núi Đông A, vào cạnh nước của sông, biển xanh thẩm mênh mông, vách ngọn xa xa dần, mặt trời tắm phù tang, mặt trăng sâu tùng quế, đi theo sau Vụ Thái, sắp thông suốt muôn kế, thường chảy xiết té gió, thành không ráng mây kéo, nhân trí màu mỡ trốn, núi rừng thiếu che đậy, không lời không thực hiện, đã phù hợp an vang, không dức không báo đáp, có đều là cảnh tượng, đầu tiên chọn am la, cứ chân thành kính mến, hiện rõ nhận Quang sư, lâu muốn hướng về mãi, chẳng sáng như mơ hồ, đối chiếu gương như xưa, chùa gọi là Quốc Thanh, cửa linh thiêng ngầm mở, người nào nghĩ thầy ta? Vội vàng duyên An Dưỡng, lầu rồng vốn có ghi, cửa hạc không hề sai, nơi vua ở trước kia, đau xót tạo Kỳ viên, khiến cho cuối như đầu. Thầy nghiêm đạo tôn quý, đoán mặt trời mới họa, nhìn sao đúng hoàng hôn, đặc tâm điểm chân cao, gọt mãi thành bằng phẳng, núi đá thành đài sen, suối cẩn thận nguồn đào, cửa sổ Tiên hè lạnh, thần thức mùa Đông ấm, thềm ngọc thuần phục beo, chim vàng chim uyên nghỉ, gió hòa tiếng chim quý, hư không chuyển châu phướn, trăm thứa cốc nở hoa, muôn dặm rừng sum suê, cỏ linh chi thiền duyệt, cam lồ trong bình trời, chân ngọc ngà tiếp đất, khu vực tịnh kinh hồn, rải vàng đổi vườn cây, cung trời còn trang trọng, phướn của sự sáng tạo, vì sao đáng hơn gốc? Nhiều vòng càng thấu suốt, trang nghiêm cần xây dựng, sóng này hòa hợp luyện, tốt điền vào bản khắc, vẻ mặt trăng tròn vàng, lông ngọc trắng thuần khiết, phỏng theo phiên dịch qua, cung rồng mở ra xem, pháp thừa kế đông đúc, tâm đúng đắn chướng diệt, thềm Thái đã yên ổn, đạo Vương đã trong sáng, khác đường cùng bày tỏ, không suy nghĩ lo gì, vua nhớ nghĩ sâu xa, đạt sâu thẳm quên tình, có vốn là không tịnh, không thường có tất cảm, đàn giới độ sâu nặng, định tuệ thật tinh thông, chỉ đối diện gương sáng, xa cung cấp dựa đúng, đại chúng tung hương hoa, lễ cột khám điện thờ, toàn thân trên chỗ ngồi, cửa đóng kín nhện giăng, Ca-diếp nơi Phật Lũng, kiếp Hiền danh tiếng đủ, cơm tăng nhiều lần tràn, điềm báo ta thanh bình, ruộng thân mưa tưới thấm, cây tâm hoa tươi tốt, hiện tại cùng nhau trồng, tương lai chung thành tựu, giống như gương treo cao, phản chiếu kiếp sống này, giống như ngọc khuê nghiêng, đã từng không thiếu thừa, thần lực luôn tự tại, chơi đùa nơi thành thơm, bồ-đề thường đầy đủ, rõ ràng là hiển hách.

94. BIA CHÙA NGỌC TUYỀN.

Huyện lệnh huyện đương dương là Hoàng Phủ Tì soạn.

Vì nghe càn nguyên giúp đỡ bắt đầu ba thần (mặt trời- mặt trăng-sao) nổi lên dáng vẻ ở tại trời, khôn đạo giúp đỡ sinh ra muôn vật lay động hiện ra trên mặt đất. Hoàng Vương ngay sau đó xây dựng quốc gia cho nên Hiền Thánh truyền bá văn tự, chế định danh giác mà chẳng như nhau, quy định oai nghi mà có khác nhau, còn đến như họa quẻ quán hào bởi phỏng theo chọn lấy tùy thời, tổng hợp sợi dọc dệt với sợi ngang, thông suốt làm ngôn từ của công việc, đại lễ cùng hòa thuận, cùng đạo lạc, cùng tiết tháo, yên tâm tiến lên sắp đặt sửa sang, dân chúng thay đổi phong tục tập quán cũ, đây chính là tóm lược sự nghiệp lúc còn sống. Có thể nói sau khi chết hỏi biết rằng Trọng Ni không nói. Dù cho màu tuyết đỏ thẩm vay bọc hư không màu sương đen huyền lướt nhẹ qua cây, ăn kim đan mà chín chuyển, nuốt ngọc tủy mà ngàn năm cưỡi mây, điều khiển chín màu sắc mà rồng đen đi lại nơi sông Hán, khống chế ba ngọn núi nên chim hộc trắngtiêu dao trên Ngọc đài, dung mạo thân thiết giữa cung khuyết Ngọc lâm, không dòm ngó vào cửa giải thoát, chung quy cảm thấy thú vị nơi khu vực của triền cái. Chỉ riêng bậc Chánh giác hướng về sâu xa nơi chân như diệu hữu, bất sinh bất diệt, vô tướng vô ngôn, tùy duyên tiếp thu bản chất thì mượn sắc tạo thành hình, tùy loại quán xét, âm thanh thì dựa vào tiếng nói nêu ra giải thích, cho nên có thể ngàn thước của bạc trắng, thân trượng sáu của vàng ròng, Văn của tám bộ Bát-nhã, nghĩa của bốn thứ tất-đàn, thần thông tự tại, tuệ lực không cùng, nhờ dẫn dắt cảm hóa thực hiện mở ra, bày tỏ ngộ nhập, người quy y ra sức phát tâm bồ-đề hồi hướng, cùng đặt chân lên thường lạc, đều là để khỉ ma xây dựng tháp liền sinh lên cõi trời Đao-lợi, chim nhạn trời ngậm hoa lại hướng về cõi nước của Phật Di-đà, há cứ như Sa-môn Nhật Tạng đơn độc đi lại trong chánh đạo, Nguyệt Quang đồng tử một mình trông thấy Như Lai ư? Bốn loại chúng sinh nhờ vào điều ấy mà độ thoát, sáu đường khổ đau dựa vào nơi này mà tỉnh lại rõ ràng, thực sự là xe cao của nhà lửa, bè lớn giữa sông mê. Nếu quả là thời đại Chu Thất, Chu Vương, hình ảnh làm mất đi Hằng tinh (sao chức Nữ, mặt trời), thời kỳ của Hán triều Minh Đế, cảnh vật trong mộng giống như ban ngày, khiến cho rất nhanh chỗ ở phía Tây thay đổi từng bước trở thành kinh đô phía Đông, lập nên tượng thờ ở cung Nam, nói rõ tâm ở mặt Bắc, từ khi Ma-đằng đi vào Lạc Hà, La-thập giao du với Tần, danh giáo càng thêm lớn mạnh đạo phong thì rừng rực, đài kinh tượng các tháp báu hương sơn, tráng lệ tuyệt trần nham thạch gò đồi đẹp đẽ đầy khắp thành thị thôn quê, đâu đợi chờ năm của Hậu Ngụy Chân quân, năm của Hậu Chu Kiến Đức, linh miếu đã trừ bỏ

mà già lam lại hủy diệt ư? Hình dáng hủy hoại, bỏ đi văn tự, phân tán để lại, âm vang rơi vào hang gọi, danh tiếng chìm xuống chuông đạt quý báu, tu thiền già dặn trước đây, cuốn lại lưỡi mình mà không trò chuyện, bảo vệ giới luật của các bậc tiên hiền, thay đổi hình dạng đó mà mờ tối hình ảnh, thế gian hết cách đều hòa tâm tư, thời đại thiếu đường đề bạt dẫn dắt, không có bến bãi cầu thuyền của sự xuất thế, mất đi hy vọng rộng lớn của muôn dân. Hoàng đế Đại Tùy ta, nhân theo trời cai quản vũ trụ cầm gương mở bức vẽ cha yêu thương dân đen, vua đứng trước xích huyện, trời đất giống như ân dức to lớn ấy, mặt trời mặt trăng hợp lại cùng ánh sáng lớp lớp kia, tiếng vang thì dùng sấm sét, tưới nhuần thì lấy gió mưa, diệt trừ bạo loạn làm nên thái bình, mở rộng bốn phía hướng về muôn nước, công lao thành tựu định ra âm nhạc sửa trị, ổn định thảo ra lễ nghi. Chánh đạo vô vi, phân chia khu vực có ngăn dứt, mở con đường nê-hoàn làm thông suốt cổng Bát-nhã, nói ra mười hai phần kinh, truyền đi pháp bốn mươi chín năm, tinh cần kỳ cựu, lại bỏ tục về tăng, thanh tịnh ở lúc ban sơ, trẻ nhỏ giữ gìn tâm tư chủ trì giới luật, không phải cứ như pháp luân, lại tiếp tục đánh trống pháp, trả lại tiếng vang, khắp nơi ngay sau đó không còn lo lắng, muôn ức dân như nhau mà còn nhờ cậy đất nước, chứa góp tiếng tăm thừa dịp phát tiển, kính mến phong tục giáo hóa đến tận sân nhà, chim muông linh nghiệm khen ngợi tặng cho tốt lành, thuận theo sổ sách mà hội tụ ở vườn nuôi, cao to đồ sộ vậy mà chẳng phải khu vực suy nghĩ của trí, bát ngát mênh mông thay, há lời lẽ nói năng mà có thể hết ư? Chùa Ngọc Tuyền ấy là nền tảng của núi này, là nơi đã chọn ở của thiền sư Trí Khải, sắc chỉ đích thực tên gọi gắn vào hoành phi là núi ấy, cao vút như đài hoa chót vót, gập ghềnh quanh co bé nhỏ chênh vênh, đỉnh ngờ rằng ngửa ra che phủ ngọc, núi tròn tựa như thuyền lập úp, dáng vẻ của năng lực rất to lớn vô cùng khác lạ, hình dạng của sườn dốc núi lớn biến hóa kì lạ, đồi núi uốn khúc kết hợp với nhau mà thành bằng phẳng, nước vây bọc quanh co mà kết thành bầu sữa, cây phong xanh rì lung lay cành lá, chiếu rọi ráng mây mầu như vàng xa xa, cây liễu xanh biếc đung đưa cành nhánh xuống thấp đến tận ao đầm trong đẹp, vượn ngâm nga trên mây trắng, oanh hót giữa cây xanh, nhật nguyệt bị che lấp thiệt thòi, mây nước từ đó tản ra tụ vào. Đằng trước ngước nhìn vùng sông lớn quay lại hướng về kinh Sầm, bên trái kèm cặp Chiêu Khâu bên phải nối liền ba Hiệp. Thiền sư vốn họ Trần, người ở quận Dĩnh Xuyên, tuổi nhỏ bẩm sinh hiểu biết, đồng chân cạo tóc, theo sư Nam Nhạc tích góp đạo lý Thiên Thai, tiếng vang của trí sáng suốt tài lớn lao, không mãi truyền ba ở tại

Giang Nam, biết rõ căn cơ danh tiếng của sự biện luận tuyệt vời, cố nhiên cũng nghe từ Hà Sóc, Hoàng đế ngoại tử Thái úy Công tấn vương, tánh vốn hiếu từ tình chưa trắc ẩn, biết bề tôi, biết con cái, giúp nước giúp nhà, trí tích chứa căn cơ thần diệu tâm rũ xuống tràn trề yêu thương, rải ra phong cách quân tử hạ xuống rơm cỏ muôn dân, hướng về để giả sắp đặt, thu nhận kẻ phản bội chịu đựng ước thúc, hành sư thúc cho diệu chỉ, từ uy Lăng Giang Hải, liền hạn định nghiêm khắc Kim Lăng, cảm hóa yên ổn cột đồng, tam Ngô sương mù cuộn lại, bách Việt bụi bặm sạch sẽ, Sư quả là vì Vương thuận lợi vượt qua, Vương liền nhờ cậy sự thọ giới, sư đến đây mà lại đầu đà, vua nghe tâu bày mà xây dựng chùa, ngay sau đó người khách tài tình của khu vực khác, kính mến đạo ấy mà nói đến nơi tốt đẹp, vị tăng luyện hạnh ở xứ xa lạ, nếm thử phong cách đó mà tuôn mưa tụ tập, sư quả là ngôn từ tốt đẹp dẫn dắt lý lẽ dùng hết ý để thảo luận những vấn đề sâu xa khó hiểu. Lời nói chứng minh nhánh thiền, tâm tư bày ở gốc tịnh, tông chỉ sâu thẳm nghĩa lý rộng lớn giống như múc nước biển không cùng tận, câu kéo biện luận từ ngữ trong sáng tựa như thác đổ mà tự chảy xiết, bạn bè nhóm lại tuy số lượng dư thừa mà giành nhau trở về, học trò vài nơi từ tận cùng núi cao mà không ai trở lại, như vậy quả là tín tâm đàn việt chứa nhóm điều lành thông suốt mọi người, tất cả giúp cho một vật liệu đều bỏ vào một viên ngói. Dựa vào chúng lực, bấy giờ sự việc dường như thành tích thần diệu, chỉ trong mấy ngày quản lý mà trở thành trang sức rồi, trải qua thời gian thì hoàn thành, tầng đài hướng gác nhiều lớp điện thờ nối liền phòng ốc, lạnh nóng hình dạng khác nhau âm dương quy định đặc biệt, mái nhà chạm trổ thêu thùa đấu củng, núi cao mà tranh nhau, đục lỗ đá tảng điêu khắc nền móng cùng chung tảng đá nham thạch mà đều bền chắc, phong cảnh vượt ra ngoài cửa sổ đó, mây mù phát sinh từ rường cột đó, hoa chiếu rọi ở trên khay vàng, mùi thơm ngát ở tại cây ngọc, công nhân và bản vẻ thân nhau sâu đậm như núi vàng, thợ miêu tả vẻ mặt chân thật chăm chú như trăng rằm, điện xây dựng trụ ba tầng, chuông treo lên cho tự nhiên vang, nhà chính mở ra hoa ngàn cánh, hoa sen nâng tòa ngồi bay đến, ánh đèn không tắt rót vào biển càng sáng tỏ, trụ chùa đều thấp xuống nhận phướn tự nhiên giơ lên. Cỏ mềm mại trơn nhẵn bất ngờ hồn nhiên dựa vào sân nhà, hương ngược gió hòa cùng không khí ngào ngạt khắp sân viện, nghiêng xuống thông suốt hang động, không ngừng rót vào suối mãi miết, mầu sắc dường như lưu ly, mùi vị giống như cam lộ, sóng lao vào cái đỉnh lớn, sóng nước chảy xiết theo bậc thềm nhà chính, uống vào bụng tiêu trừ bệnh tật khắc nghiệt

thân thể càng thêm mạnh mẽ, hình dáng trụ đá, xà đồng soi bóng vào giữa hồ sen, hoa của rừng đào biển cúc thơm ngát nổi lên giữa vườn đẹp làm sao. Có thể nói núi tương tự kỳ-xà chùa giống như Ly-việt, tựa như Cung rồng mà lại xuất hiện, ngỡ rằng Lộc Dã bay đến. Thầm cho rằng đục tạc đỉnh thờ của vua trước, công lao chỉ nói về thể của đất nước, nay cùng nhau khắc bia ghi lại đạo mãi mãi của Bồ-đề, còn đảm nhiệm chủ quản chùa Thuộc Thành ở nơi phần núi, văn tuy viết ý mà thư chẳng hết lời, lời từ đó rằng:

Nhị nghi khai mở mênh mông, bốn khí ngào ngạt mơ màng, phương hướng gom về theo loại, sinh vật hợp lại theo đàn, thông suốt Hiền nối liền Thánh, rõ ràng Hậu sáng tỏ quân, thuận theo cơ lập ra giáo, nhìn thay đổi lưu truyền văn, nhạc chương tổ khúc đã soạn, lễ nghi hình tiết mới định, phân rõ thân sơ đây kia, dứt khoát ngờ vực điểm này, mở bản vẽ giải thích vật, là ngôn từ thí dụ rõ. Chỉ cảm hóa trong một đời, không nói về cả ba thì, miếu Huyền đô cùng thẻ ngọc, cung điện tím kinh pháp bạc, bỏ xác thân để lại cốt, uống huyết dịch nuốt tinh lực, cưỡi rồng đến suốt muôn năm, điều khiển chim hộc ngàn tuổi, chung quy chẳng phải thật tướng, vẫn còn là thuộc trần tình. Chỉ có bậc xứng Đại Hùng, sâu xa như vậy thường trú, bất sinh cũng lại bất diệt, chẳng đến mà cũng chẳng đi, diệu chỉ của ngàn pháp môn, một lời diễn bày căn dặn, độ thoát cho mọi chúng sinh, Niết-bàn ở chốn song thọ, mộng thông suốt đến Lưu Hậu, cảm ứng đến tận Cơ Vương, mặt trời che ánh trăng rằm, trong veo tỏ sáng sáng rạng, miêu tả hiện ra Đông quốc, hướng về cõi Thánh Tây phương, Từ bi thiết tha biển nguyện, Thiện thệ thể hiện bến cầu, Pháp Hiền trở về nơi Tấn, Ma-đằng đi và sông Lạc, hoa tung ra trên đài kinh, hương lưu chuyển trong gác tượng, Thính giáo chứa nhóm tung lên, cửa dâu ra sức thực hiện, sương nhỏ giọt ngọc trên phướn, gió ngâm nga chuông mõ quý. Thực sự vị vua Kiến Đức, chuyển vận ly cốc diệt đạo, chìm xuống bốn loại chúng sinh, hủy hoại trừ bỏ Tam Bảo, Hoàng đế ta mở đường Thánh, đức ngang bằng với Thương Ngô, dùng pháp mở rộng hơn nữa, tái tạo lễ nghi chân thật, dòng họ Trần bị tiếm ngôi, vua nổi lên chinh phạt này, khiến cho Ngô cuốn sương mù, Mân Việt trong vắt rộng rãi, nhờ đó gặp gỡ Trí Giả, mới đến thăm viếng nhà núi, hòn châu lạ nổi sông Hán, ngọc vượt ra vùng kinh sâu, đỉnh sáng sủa cao chót vót, động đá sâu thẳm xa xôi, mùi thơm cỏ biển ngọt ngào, tí tách suối vàng điểm nhịp, lượn vòng vượt qua như khe, che núi lớn ngỡ là thuyền, đến lễ nghi ngồi an nhàn, cảm động nơi còn vắng vẻ, biện giải tất-đàn kì diệu, sâu sắc cùng tận Bát-nhã, đạo tục cùng đến nhóm hội,

múc từ sông cuồn cuộn đó, hoặc giúp cho một vật liệu, hoặc bỏ vào một viên ngói, trải qua mới không mấy ngày, trở lại thành tựu rất nhiều, lại bắt đầu làm cung rồng, trở lại mở bày lộc Dã, núi nối liền thành ô tím, sông vây lại ôm trâu vàng, Tây đối diện khe đầy trăng, Đông tiếp cận gò sáng rõ, chiên đàn vây tròn xung quanh, lâm bích vòng quanh rộng khắp, xuân cửa lớn hạ cửa sổ, điện sông nước lầu núi non, chỗ ngồi nở đóa hoa sen, khám thờ treo cao gương đá, tướng tốt lông trắng mềm mại, tóc xanh đen biếc chiếu rọi, yến bạc bồi hồi bay lượn, vảy gấm bơi lội tung tăng, vượn chạy nhảy tâm yên ổn, bóng chim câu sợ xác định, ôi kìa Triết vương đó chăng? Lệnh cho bình phong um tùm, tự nhiên trời sinh, đức hạnh, hiếu thuận thành thật đều nắm, sáng đồ sộ chẳng bạn bè, rỗi rãi thường xuyên nào cùng, ra ngoài mãi gắn dây cương, vào điều hòa với chung đỉnh, cấu tạo chốn già-lam này, quả thực tài lực đề nghị, ma điện hoành hành nhiễu loạn, tu-di chứa nhóm ước thúc, phút chốc nhìn thấy trọn kiếp, khoảnh khắc xem đốt xong xuôi, đâu giống như bờ kia ư? Sinh tử đều vượt ra hết, đá vàng không hề mục nát, trời đất có thể kết thúc, điêu khắc núi đá nham thạch, mãi mãi lưu truyền tốt tươi.

95. THƯ CỦA HẬU LƯƠNG CHỦ TIÊU TÔNG.

Từ xa kính trọng phong thái cao vời mà chưa được bày tỏ hầu hạ, ngậm ngùi nhìn về Tây lấy ngày thay năm, tiếp theo đi khắp dừng lại Ngọc Tuyền bắt đầu xây dựng phố phường nhà cửa, danh tăng hội tụ hỏi đạo từ xa tựu về, núi rừng đẹp đẽ có vui thiền giúp đỡ, trước cảnh vật được nhìn thấy bỗng nhiễn gió mây khen ngợi lâu dài, nóng mát coi trọng, phụ thêm kế thừa tu tập, thần túc nay trở lại dám trình thưa hỏi han thăm viếng, kính tin hội mới nguyện cung kính kế thừa, tiêu Tông kính lạy.

96. THƯ CỦA TIỀN TRẦN LÃNH QUÂN THÁI TRƯNG.

Từ khi Giang Đông tách ra tan vỡ, đệ tử trước kia dự định đưa về kinh, không được cung kính lễ lạy hướng về, bấy giờ đã năm năm, tấm lòng thành thật thỉnh cầu kết hợp, há thư bút mà nói ra hết ư? Núi sống không hề có nguyên do gì mà bàn bạc thuât rõ. Thú sư vâng lệnh liền đến cung khuyết thỉnh mời, Thiên tử hạ tình xuống thấp, quân chủ đặt biệt gặp gỡ. Mới cho nên kính trọng đối đãi Nam Bắc đều một lòng hướng về, có thể nói khiến chăng, khiến chăng? Trọng Ni vì thế hứng thú ca ngợi kính tụng, nói rõ được nhờ cậy có yên lòng kéo dài sự kính trọng. Trời cao không khí trong lành, nguyện đạo thể được khỏe mạnh

hơn, dừng lại thực sự ngàn nhận (nhận bằng bảy, tám thước) yên lặng suy nghĩ đến Tứ thiền, Lương Tuệ khói mây vui sướng ăn cơm pháp hỷ, cố nhiên chẳng phải học trò thế tục có thể xưng tán ngợi khen được, Trưng tôi tuổi già suy yếu công việc ép ngặt có thể lấy ý mong cầu, em út cháu con họ hàng đúng lúc, sống trong đời thăm hỏi tiếp xúc đất đai có ích tất cả, tuổi còn lại đã đạt đến số tận cùng tất cả cũng không thường, vì sự nghèo hèn mà tự hổ thẹn, nhưng lễ bái hầu hạ thoải mái tự do thật sự tăng thêm hướng về nức nở. Cúi đầu nguyện trân trọng tiếp tục khôi phục, về sau nối theo nếu như gặp được người thực hành ban tặng tìm hiểu còn mất. Ngày mười bảy tháng chín niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười ba, Tiền Trần thị trung an hữu tướng quân trung thư lệnh lãnh quân tướng quân Nam Ung Châu đại trung chánh Tâm Phong huyện Khai quốc hầu, đệ tử Tế Dương Thái Trưng cúi đầu kính lạy.

97. THƯ CỦA THIỀN SƯ ĐÀM XIÊM Ở TRƯỜNG AN.

Ngày mười ba tháng chín niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười ba. Đàm Xiêm chùa Hưng Quốc ở kinh đô kính lễ, Thiền sư túc hạ núi Thiên Thai. Kính mong chỉ riêng danh tiếng cao xa bước chân đạo ngỡ rằng hình dáng Hòa-thượng đến, đức vang xa trú sâu sắc nghĩ là bậc Di thiên thác sinh, lời nói suy nghĩ đảnh lễ trình thưa, tiếp nhận đầy đủ cho tấm lòng chân thành. Đứng lặng hướng về Đông Sơn không quên dường như khao khát ánh sáng của nghi dung, thời khắc đến lạnh lẽo lại nguyện về hết sức cố gắng trong sinh hoạt hằng ngày, chúng sinh khó điều phục cảm hóa mở rộng làm phiền đến ý nghĩa. Kính mong kế thừa giao du chốn xa nơi kinh trấn, lợi ích cho người, làm lớn mạnh thêm nhiều. Dừng lại nghĩ suy suối xanh đủ để thông suốt hoài bão, mong mỏi đức độ hạ cố, hướng về được sử dụng để mở rộng thành thật nóng lòng trông đợi, cảm hóa dẫn dắt tất cả thực hành, được thấm nhuần lợi ích cao siêu. Nguyện coi trọng đạo đức tiếp tục kết hợp chỉ có kế thừa. Kính cẩn lễ lạy. Thành thật dâng lên đề hồ, nguyện tiếp nhận ý nghĩa nhỏ bé.

98. THƯ CỦA TUỆ NHAM CHÙA ĐẠO NHÂN CÙNG BÀY TỎ.

Thầm cho rằng lý mầu quan trọng sâu xa khó hiểu, cách ngoài lời nói phỏng theo, tùy theo căn cơ cứu giúp muôn vật, nương nhờ thảo luận về chân tục, từ chim thiên nga ẩn náu hình dáng nơi kim quan, không rõ ràng dấu vết, ngôn ngữ tinh tế nhớ cậy hướng về truyền dạy, giáo pháp bí mật nhờ mở rộng thông suốt, do đó có năm loại pháp sư, tứ y khai sĩ,

sau đó nối liền dấu chân kế tiếp dấu vết đến mấy trăm năm. Trong đó tuy khôi phục lại ánh sáng rực rỡ tiềm ẩn của bó đuốc trí tuệ, nên dòng chảy của giáo pháp tuôn trào không dứt, tiến hành suy nghĩ thông minh học hỏi rộng khắp, đồng thời nguyện dốc hết tánh, cùng tận nguồn gốc, nhưng tánh không thể cùng tận, mà cội nguồn có thể dễ dàng dốc hết. Văn hươu dê đã làm cho mê hoặc, nói thỏ ngựa hãy còn nghi ngờ, nếu không mượn dùng đại tâm thì cuối cùng mãi mãi che lấp. Kính mong chỉ có Thiền sư hạnh đầy trong suốt cao xa, mẫu mực vượt hơn nhiều đẳng cấp, đặc biệt tài năng bí mật bên trong vượt lên tâm nhân từ của người, tuy không áo gấm về quê, mà lại thấy ôm ấp châu ngọc trở lại nguồn gốc, là để trời xanh đất yên bình Vương đạo an khương phẳng lặng, bốn chúng một lòng hướng về dân chúng khâm phục mừng vui và kính mến, tất cả đều nguyện bàn bạc nhận lãnh đều suy nghĩ chọn lấy đức hạnh, hy vọng lấy vầng mây trí tuệ tưới nhuận, quên giữ kín cẩn thận và cung kính đối với điều chưa nghe, tin tức của thầy trò mở rộng tuyên truyên dâng cao đối với người khát khao kính mến, tạm thời chuyển bước của dấu vết sói lang, quyền biến mở ra cánh cửa diệt định, hạ cố nhận cho tấm lòng quần chúng xót xa, thương cảm hy vọng thỉnh cầu. Thư rằng "sớm nghe đạo chiều tối chết", pháp nói một câu nhuộm vào tinh thần chắc chắn không hết tháng này trải qua năm khác, nhiều vất vã trong nghe nhìn ngõ hầu nghe thêm một lần thật sự, nhất định sẽ mặc châu ngọc, chưa phát tâm bồ-đề đều biết hồi hướng, hiền ngu vui mừng hớn hở phàm thánh sung sướng vui vẻ, há không thể mở rộng pháp rường cột làm tàu thuyền cho chúng sinh hay sao? Bất luận ngước cổ trông chờ, kính cẩn phái pháp sư Trăn chùa Thập trụ quy y dưới tòa ngồi, thuật rõ đầy đủ tâm tư của chúng, khoanh tay đợi chờ, giúp đỡ suối tuôn ra nghiêng, chầm chậm tiếng vang của chuông lớn, nhất định là lấy cái nghe của cõi trần, đều nhớ mong, mừng vui hớn hở.

99. ĐẠO TỤC Ở KINH CHÂU THỈNH GIẢNG PHÁP HOA SỚ.

Đệ tử thọ giới Bồ-tát trụ Chùa Đạo Nhân ở Đông Nham là Trần Tử Tú cùng cúi đầu kính lạy. Thầm cho rằng pháp môn không hai lý tuyệt lời quên, thuận theo bệnh tùy căn cơ mượn danh tướng mà nói, tuy là thường ở nơi vắng lặng mà mở rộng bày tỏ oai nghi, không rời khỏi đạo tràng cúi xuống ngẩng lên tự tại, nghĩa lý thảo luận mở rộng thu hẹp dấu vết hiện bày mờ nhạt sâu sắc, khắp nơi quả là có biết bến bờ, cầu bến và tàu thuyền cho chúng sinh. Nói về sự cất nhắc đó không

có nơi nào không lấy phương tiện làm trước, nói về sự dìu dắt đó chẳng qua thí dụ là căn bản. Trẻ nhỏ trong nhà biết ba loại xe mà tranh nhau chạy ra, kẻ nghèo làm thuê biết có thể quét sạch đồ dơ bẩn. Mong chỉ có Thiền sư ở địa vị không đau buồn, tâm ấp ủ khắp nơi hòa thuận, đạo nối liền ba không, trí là bậc thềm của trăm pháp, nhất định là muốn vâng lệnh làm cho khuất phục, tuyên truyền rộng rãi bộ kinh Pháp Hoa. Thả ra chim muông khuyên nhủ người già nói rõ cho trẻ nhỏ chút công lao sâu xa, vẫn còn khôi phục công bố việc cây đường lê che mát nói ra cảnh sắc dưới cây liễu; huống chi là tự mình kế thừa ba điểm cao tu lên sáu Độ ư? Chắc chắn nguyện hạ cố nhận cho để tâm dốc hết thành thật, nghiên sâu cứu nương nhờ Hán Hoàng mà nước sạch, từ đó hưng thịnh, gió lớn nơi cây dâu, giếng nước có thể tán thưởng, không cho phép lặng lẽ quá, ngõ hầu khiến cho mọi người cao quý nghèo hèn, thượng đẳng hạ lưu, đều biết đến Nhất thừa, lá to cành nhỏ cùng được tưới nhuần yêu thương. Hy vọng nguồn cao đào giếng mau thấy được suối lớn, say nằm hôn mê còn biết vật quý ngày xưa, nhất định là nói rõ tình cảm của chúng sinh không biết sắp đặt chuẩn bị kính cẩn thỉnh cầu. Ngày mồng mười tháng tám niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười ba.

100. SỚ THỈNH CẦU CỦA BẢO CUNG CHÙA THÊ HÀ Ở TƯỞNG SƠN.

Đại chúng chùa Thê Hà và Bảo Cung cùng kính lạy. Thầm vì ngó lên kính mến đức hạnh sáng tỏ mà thất vọng hỏi đến nhiều lần chuyển biến, từ khi hoãn lại lễ bái đến nay khi nóng, khi lạnh vừa mới ngăn cách dựa vào cơm đến pháp, do đó vâng chịu giáo môn, nước định yên tĩnh mà vô bờ bến, ngọn từ cao vút mà không đỉnh điểm, đến như nghĩa của Chỉ Quán, Phương Đẳng, văn của Long Thọ, Mã Minh, không có nơi nào không hết hang dốc của lý đó, suy xét kỹ sự mâu nhiệm thì y cứ vào đó. Cung tôi tuy không thông minh, ít đi lại những buổi giảng giải, thầm ngắm nhìn Pháp sư giảng kinh luận khắp Nam Bắc hơn ba mươi năm, cầu mong ý chỉ sâu xa đó mà không hiểu ra, quán sát các pháp rộng lớn nương nhờ vào cuối đời. Vốn mong muốn dốc hết khả năng giống như vui khi no bụng, nhưng gặp Đạo An để lắng Thượng Nhân thường xưng là bắc diện, gặp Tuệ Vĩnh xa xôi thượng thủ đến khai sáng Đông Lâm, quả là biết được hầu hạ người cao quý thì phải yên ổn nơi có cảnh đẹp ấy. Cung tôi tuy sơ sài bé nhỏ thầm kính trọng hướng về người có tài đức, nhưng người ở chùa Thê Hà, đời Tống rõ ràng chứng mình chủ trương xây dựng chỗ ở nhà vua tăng kế thừa. Đục khắc núi

hiện rõ tượng, khai thông núi đá mở ra điện thờ, tựa như bay đến không hổ thẹn nhảy lên vượt ra, dường như rừng suối đó trong sáng rực rỡ, nhà cửa quanh co, núi quế mùa xuân thơm ngát, cửa sổ mây ban ngày nghỉ lại. Từ xưa bậc cao hạnh quả là sử dụng để dạo chơi ngơi nghỉ, cho nên chúng trong chùa cùng nhau thành thật thỉnh cầu vươn dài uy đức, chỉ nguyện gần gũi quan sát bậc hiền triết xưa kia giáng đến nơi nào, ở nơi kia dựa theo kinh có được để dùng chắc chắn rũ lòng, hưởng thụ nơi chốn có ruộng vườn cơ nghiệp. Đầy đủ ở tại điều khác, trịnh trọng cùng khai phủ sĩ Liễu Cố Ngôn, chứng minh thành tựu lời thề này, ngõ hầu cương vực của Kim cương ủng hộ Thứu Lĩnh mà tồn tại lâu dài, pháp bảo thì truyền bá ngang bằng Kê Sơn mà không hoại diệt. Kính cẩn dâng sớ. Ngày mồng sáu tháng tám niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười lăm. Bảo cung cùng chúng dâng sớ.

101. THƯ CỦA BÍ THƯ GIÁM LIỄU CỐ NGÔN.

Đệ tử Liễu Chánh thiện vốn có thành tưu cúi đầu kính lạy. Ấm áp hài hòa không biết tôn thể sinh hoạt thường ngày như thế nào? Cúi nguyện được hỷ duyệt của thiền pháp. Năm qua nhận được một ý chỉ đến nay còn giữ nguyên, vâng mạng tặng cho mười quyển Huyền Nghĩa, hướng về cung Nhân Thọ phục tùng đọc được tám lần, nghi ngờ lỗ mãng lược bỏ hết mà trở lại tinh tế khó dứt bỏ. Mới nghiên cứu sáu quyển, đồng thời đi vào văn tám cuốn, vì cửa hiệu nhuộm chưa hoàn tất, ít hôm sau đi sâu nghiên cứu, nay phái Đại vương người đi sứ là Tiêu Thông Quốc, tìm hiểu tiếp theo ý thư từ đó hướng về, kính mến chọn lựa, nhiều lần được Cố hỏi đến vâng mạng trả lời chắc chắc đến. Cúi đầu nguyện mùa Hạ hoàn tất sẽ đợi chờ thuyền bè, hy vọng kiếp sống tàn tạ này dốc hết tâm tư lắng nghe nhận lãnh, sám hối bao ngày qua, lơ là lười biếng mê muội rối loạn. Xin kính cáo.

102. THƯ CỦA PHÁP SƯ CÁT TẠNG (Gồm ba bức).

Cát tạng bày tỏ tôn kính. Hướng lên trên hết sức vâng mạng ý chỉ cúi đầu thừa nhận an ủi tình hình bên dưới. Gần nóng lên không biết tôn thể thế nào? Cúi đầu nguyện thư sau giấc ngủ bữa ăn được bình thường, dạy dỗ truyền trao phải chăng đến lúc giảm bớt? Cát Tạng thô hạnh được đi theo chúng lễ bái thăm hỏi, không tiếp xúc cúi đầu thừa nhận tăng thêm lưu luyến kết lại nguyện xin trân trọng. Nay phái Trí Chiếu trở lại bày tỏ, không nói ra, xin kính cáo.

Cát Tạng bày tỏ tâm kính, hướng lên trên hết sức vâng lệnh, ý chỉ

thương yếu của sư nên vô cùng sôi nổi hớn hở. Nguyện lâu cúi đầu đảm đương cam lộ tôn kính gánh vác cầu pháp. Cát Tạng tự nhìn mình là hạng đầy tớ, nói năng vụng về không chịu nổi hướng về truyền trao, nhưng mặt trời Phật sắp lặn xuống, mà mắt chúng sinh thì nhắm nghiền, nếu không phải Đại sư mở rộng nhẫn nại thì lấy gì để khắc phục hưng thịnh? Cúi đầu nguyện mở rộng phân bố vầng mây yêu thương mở đường dạy cho hàng mông muội đình trệ. Cát Tạng trịnh trọng hướng về hết lòng hầu hạ, vâng chịu dạy dỗ khuyên bảo, cùng tận tình hài thân mạng này xa đến kiếp sau. Cúi đầu nguyện đại sư bí mật rũ lòng giảng dạy hơn nữa. Mùa hạ cũng xong, lập tức hướng về lễ bái, nay sẽ phái Trí Chiếu bàn bạc thăm hỏi, xin kính cáo.

Cát Tạng bày tỏ tôn kính, thời gian hướng lên chưa đến mấy ngày thì như thế cảm ứng giấc mộng, còn tôn kính hướng lên hết thì về sau vẫn cứ lại được mộng. Trí Chiếu trình bày miệng đôi chút, tôn kính hướng lên tìm trở về, cũng nhờ cậy phó thác bàn bạc. Xin kính cáo.

103. SỚ THỈNH CẦU KINH PHÁP HOA CỦA CÁT TẠNG PHÁP SƯ.

Cát Tạng chùa Gia Tường huyện Hội Khể thuộc Ngô Châu cúi đầu kính lạy. Cúi đầu thừa nhận nghe núi tên gọi là Thôi Ngôi, Đạo An leo lên mà nói pháp, đỉnh tên là Khuông Tụ, Tuệ Viễn dừng lại để an thiền. Không dường như núi này to lớn rực rỡ tiếp cận sông Hán, nối liền ráng mây, khơi thông khe suối, lơ lửng trôi lăn ngút trời rót vào mặt nhật, thành trì đỏ, nước đỏ, chỗ ở của Tiên nơi khu vực eo sông, lư hương Phật Lũng là cõi phước của quả Thánh, lại trải qua thiên về làm cho đẹp tái sinh trao cho tên gọi là ít thấy. Trí Giả dừng lại nương tựa trên hai mươi năm, môn đồ thiền tuệ giáo hóa truyền bá xa gần. Xưa, Đồng Thọ Anh Ngạn mới hiểu rõ thông suốt kinh pháp, Tịnh Tuấn thần đích thực truyền thụ nghiệp thiền. Nếu chẳng phải Đạo Tham bổ xứ học hỏi cùng tận đức hạnh ngàng nhau, thì đâu thể kinh luận sáng tỏ sâu xa, định tuệ cùng soi chiếu? Đến như ngày nhà Chu tàn lụi, sau Khổng Khâu qua đời, Mã Minh giáo hóa xong, Long Thọ tiếp nối theo sau. Nếu trong ngoài không sụp đổ đích thực còn người làm cho lớn mạnh, ánh sáng lộ rõ Đại thừa mở bày phát triển giáo pháp bí mật. Ngàn năm cùng với năm trăm năm quả thật khôi phục quyết định ở hôm nay. Nam Ngục thánh trí sâu xa. Thiên Thai hiền triết sáng tỏ, xưa trú trì ba nghiệp, nay kế thừa gắn liền hai tôn, đâu chỉ rưới cam lồ cho Chấn Đán, cũng hướng về làm rung động phá cổ ở đại Thiên Trúc, phát sinh biết rõ, thức tỉnh lạ

kì. Từ Ngụy- Tấn đến nay điển tịch phong dao, quả thực không xếp loại với nhau, giáo chủ Thích-ca, Đồng Anh sinh ra nghi ngờ, Pháp Vương Lô-Xá, Thiện Tài cho tìm đạo, có lẽ là noi theo dấu vết phía trước chăm chú suy nghĩ tôn kính thành thật, trịnh trọng cùng thiền chúng hơn một trăm vị tăng, cung kính thỉnh cầu đại sư Trí Giả giải thích rộng rãi bộ kinh Pháp Hoa, kinh điển này là pháp sâu kín của các thánh, là then chốt của các kinh. Cúi đầu nguyện khai mở tri kiến Phật, chiếu rọi tối tăm sâu nặng này, chỉ ra đạo lý chân thật soi sáng đêm đen ấy, ngõ hầu để cho cõi nước Tam Thiên đến bẩm báo chưa nghe, trăm kiếp hậu sinh tôn kính vâng theo nghĩa lý rộng lớn, xây dựng khu vực giới tiết, cưa chặt gỗ cây đem đến, Dao Lạc sơn trang đen vàng toàn là thôn dã, mỏm núi quế, khu rừng ngọc, bờ biển cúc, hoa lá tốt tươi, càng phù hợp với tâm người Thanh văn, rất cản trở hoài bão của bậc Duyên giác. Cát Tạng kính mong cảm tạ sự đạt được trước kia, cúi xuống thẹn với tìm hỏi mong cầu, tranh nhau sợ hãi chỉ có sâu sắc, chỉ tăng thêm run rẩy sợ hãi. Kính cẩn thỉnh cầu. Ngày hai mươi mốt tháng tám niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười bảy.

104. TRÍ GIẢ ĐỂ LẠI THƯ CHO LÂM HẢI TRẤN, MONG MUỐN GIẢI TRỪ NÂNG CAO ĐẤT NƯỚC VÀ NÓI RÕ VỀ HỒ PHÓNG SINH.

Bần đạo ít hoài mong chí hướng yên ổn nguyện dứt bỏ trần lao ầm ĩ. hiểu ra đôi cút khổ, không thể thuận theo nhàn rỗi trống trải, quả là để đi về quê cũ ở Tây Thiểm, tướng lãnh môn đồ dạo chơi nghỉ lại Thiên Thai, có mười hai năm. Nhưng khe núi này tiếp cận nguồn sông nối liền vươn dài đến bờ biển, nên người đặt lờ đánh cá qua lại tứ tung, tắc nghẽn sông nước, giết hại hàng loạt đã nhiều mà nấu luộc ram nướng nhiều không tính hết, làm sinh mạng loài vật tổn hại chết non có ai hoàn toàn thương xót? Cũng là công tư đi lại liên tiếp gặp phải chìm đắm, đem số tử vong này không thể kể xiết, bần đạo chẳng những rỗng không hèn mọn, mà còn nguyện nói cứu giúp, vẫn thẳng thắn khích lệ sơn tăng áo tiền đồ vật, giúp đỡ vật dụng lặt vặt, đến Khổng Huyền Đạt là người địa phương cùng mua hết đồ nghề đánh bắt, làm hồ phóng sinh vĩnh viễn, thay đổi cầu cá, trở lại thành sông nước của dòng pháp. Do đó, Lâm Hải nội sử nghĩ rằng hãy còn con trẻ mà tâm kính pháp sâu nặng, vẫn cứ thỉnh cầu giảng nói kinh Kim Quang Minh, đến phẩm Lưu Thủy, đàn việt là Dương Công chúc mừng cùng nghe câu tuyệt diệu này, tất cả vất bỏ đồ nghề đánh bắt, gồm có năm mươi lăm chỗ, tức thì

khiến cho dưới nước trên đất được thấm nhuần, người và côn trùng nhận được ân trạch. Bởi lẽ nghe hoa rơi đầy nhà, đền đáp ân đức của trưởng giả, ngọc sáng chiếu rọi trong đêm, báo đáp đức độ của Tùy hầu, thì kiên quyết vun trồng diệu hạnh quay về hàng tu tập trước kia, truyền bá phong cách tốt đẹp đối với thời đại cuối cùng, phước không luống uổng, vứt bỏ, thiện không giả dối mất đi. Vẫn cứ lấy việc này trình bày về đời Trần trước kia, sắc chỉ rằng sông này nếu không có quạ trộm cắp hải vị quý báu, nên y theo sự thỉnh cầu làm hồ phước vĩnh viễn. Quốc tử tế tử Từ Hiếu Khắc, vốn có vun trồng cội đức thì đường đi mới gồm đủ tốt đẹp, nghe thì chứa nhóm nhiều điều thiện, thỉnh cầu dựng lên bia cao, mong muốn nền tảng to lớn này cùng với núi cao to vững chắc như nhau, nguyện sự nghiệp cao quý ấy ấy ngày tháng còn giữ trọn. Xưa, họ Trần ở Giang Đông đất đai không vượt quá mấy ngàn dặm, giống như k1inh mến điều lành này mà quên hoài bão. Nương nhờ chỉ có Hoàng đế bệ hạ, nắm giữ vòng vàng mà cai quản tám phương, cầm chắc gương báu để đối diện với bốn hạng dân, mưa gió thuận theo mùa, ngựa trâu hướng về bên trong. Tin tưởng theo đạo cao xa, nghiêu Thuấn đức hạnh cao vời sáng ngời, tiến hành khôi phục, tự mình thực hành mười điều lành, cùng con đỏ hướng về dân chúng. Từ khi chuyển vận bốn hoằng thệ cuối cùng ra đời mà cứu giúp khắp nơi, vả lại không vật. Không trứng đấm từ ngoại thư, cứu kiến cứu cá nghe trong nội điển, há có nhiều thiên hạ mà cẩn thận luyến tiếc một nguồn sông ư? Ân trạch sâu rộng dưới vòm trời mà một mình cách xa mấy trăm dặm ư? Thay đổi hồ hoa sen, dấy lên nghiệp thiêu đốt nấu luộc, làm cho quân dân buông lung tổn thương giết hại loài đó, sinh vật sống dưới nước đau xót khổ sở quẩn quanh, thân đầu chia lìa, xương thịt nát tan. Bởi vì ý bần đạo độ tâm của Hoàng đế, há như thế sao, há là như thế sao? Những Tấn Vương điện hạ đạo xuyên suốt xưa nay, đồng ý văn, đồng ý võ, hai vùng nam chưa đủ sánh với công lao đó, nhiều tài năng nhiều nghề nghiệp, dâng hiến cả hai không thể nào sánh bằng được đức hạnh đó. Mậu công lao làm rung động đối với Sơn Tây, Anh danh tiếng lan truyền ở Giang Tả, trong coi đất đai ở Hoài Hải, cảm hóa dân chúng ở Ngô Hội. Không vì bần đạo phẩm hạnh xấu xa, cúi xuống rũ lòng lễ kính nhận lấy tự mình đảm đương quy phạm thế gian, sai lầm gánh vác, thầy người chuẩn bị nói rõ nguồn gốc sự việc, liền ban xuống là bùa số mạng còn nơi kính mến kế thừa, không dám làm trái vượt qua, giả như khiến cho có người đi sứ nghiêm khắc khác, quả thật phụng mạng sắc chỉ phù hợp hủy bỏ bia đã dựng lên, khôi phục lại dân chúng với nghiệp đánh bắt ấy. Bần đạo lập

tức rung tích trượng khoác áo gánh mũ theo đuổi thực hiện, đi lại nơi xa kinh đô, xe vua đến cung khuyết dâng thư, đầu mất thân tan để bảo toàn mạng sống chúng sinh, huống chi nay ý chỉ gởi đến, Tổng sứ Giang Nam thu giữ đồ nghề đánh bắt sinh vật ở biển, mà sông suối núi nước không sinh ra cá biển, mở ra nhận thấy phù hợp vì văn và sự việc không liên quan với nhau, chỉ bởi vì tại đây tùy tiện ham muốn đúng sai, hủy hoại phóng sinh, dấy lên nghiệp làm thương tổn. Ngày nay thế gian thái bình, đường đi không nhặt của rơi, nếu buông thả quân dân, thâu nhặt chọn lấy đánh bắt, thì quả là làm mất đi tài sản hiện có của người, công khai làm việc trộm cướp. Nếu vì đấng Chí tôn muốn cho quân dân dồi dào đầy đủ, không cho phép phóng sinh, xưa bần đạo đi lại phía Tây, đường đi trải qua Nhạc Châu, Thứ sử vương Tuyên Vũ, vẫn kết hợp hương hỏa vâng chịu thọ nhận Đại thừa, mà dân chúng vùng đó không tham gia nông nghiệp, chuyên làm công việc giết hại đánh bắt, người có học là Đàm Kiện thỉnh cầu giảng giải, toại nguyện lập tức dừng lại. Một châu năm huyện đều bỏ việc đó, tổng cộng hơn một ngàn chỗ, theo việc bày tỏ lên trên, ban xuống sắc chỉ bắt đầu thừa nhận. Tất nhiên là Nhạc Châu liên tiếp giáng xuống điềm lành, khiến cho vua Tuyên Vũ treo biển khen ngợi gấp bội bình thường. Đấng trí tôn thần trí cao xa sáng ngời có cảm đều ứng, há cho phép quân dân vì khẩu vị mà đoạt lấy nghiệp lành của người? Huyện úy khởi tấu như vậy sợ rằng thành ra cái thấy kì quái, vả lại sông suối nhỏ hẹp, không bằng đất đai một cơ sở của Nhạc Châu, lại chỉ có loài hỗn tạp, vốn không có loài cá ở biển. Đấng Chí tôn vì Tấn Vương điện hạ có văn võ kỳ tài, cho nên khắp nơi làm thủ tục ủy nhiệm đảm đương các châu vùng Giang Nam, sự việc bất luận lớn nhỏ đều y cứ theo đó quyết định rõ ràng. Nay nếu không được chú thích, vua chỉ dạy không nghe ấy thì quả là, đúng sai y cứ vào huyện xem xét quyết định, không liên quan đến Tấn Vương. Nói như vậy há có thể nghe ở vua mà thôi ư? Vả lại Đại vương tự mình có phù tiết ý chỉ, bắt đầu đồng ý phóng sinh sao để cho ở chỗ công sở thầm lén thực hiện các việc ngăn chặn? Bần đạo các từ trở về khe núi u tối, có hai nhân duyên: Một là vì công đức Đại vương sửa sang tu bổ nhà cửa chùa cổ, hai vì ban hành sông suối, sửa sang quản lý phước hội. Cùng chung với các đàn việt xa xôi xây dựng bồ-đề, liền che đậy mất còn, trang nghiêm vĩnh nguyện. Nền tảng cơ sở của một người có chúc mừng bảo vệ vững chắc như bàn thạch, khiến cho mười ngàn con cá dễ chịu vui sướng cùng quên. Bần đạo đến dừng lại đã lâu nhiều lần đội ơn, ưu ái đảm đương cung cấp giúp đỡ chờ đợi đến người có công lao, ảnh

hưởng từng suy nghĩ hướng về người kia, chưa phát khởi đến giao du, xa xôi nghe cái nghe chỉ truyền ba ân huệ để cảm hóa, khu vực có ba đức đặc biệt, dân chúng ca năm ca khúc vui vẻ, ý vị bữa cơm phong cách cao hơn thành, vô cùng tùy hỷ. Nhưng nhà vua đối diện sơ qua xong xuôi trở về lại không chịu, chỉ mong mỏi bắt dầu tốt khiến cho trọn vẹn để hoàn bị danh dư đẹp đẽ, trèo lên cổ xe nằm nghỉ đến vết báng xe không hổ thẹn với thánh hiền ngày xưa. Bần đạo suy nghĩ lập đi lập lại nhiều lần nhận ra quanh quẩn một chỗ, nhân sĩ phương Bắc có phước sống lâu, há không phải là tâm yêu thương ít hại vật mà cảm được tuổi tác lạ kỳ này ư? Dân chúng Đông Hải đông đúc phần lớn chết yểu, đánh cá săn thú cho nên mạng sống ngắn ngủi, nghèo cùng cực khổ chính là thấy hiện tại ở thế gian, đáng để làm tấm gương soi mà khuyên nhủ. Nay nếu cắt đứt mạng sống của ba quy y, dưỡng nuôi thân hình của năm ấm đóa, đó tức là phế bỏ sự nghiệp sáng sủa ở Tịnh độ, dấy lên tai họa sâu nặng vô biên, sự việc đã không bình thường sợ rằng chẳng phải phương pháp dưỡng sinh. Phòng ngừa những châu trấn khác, không kề cận sông biển đã là nơi cao nguyên, khai thác đánh bắt không có chỗ chưa nghe quên thân, vùng khác mang bệnh trở về quê hương há lại tiếp tục, tất nhiên phải nhờ loài thủy tộc để cung cấp thân mạng, không ngừng khiến cho khai thác đánh bắt, còn lại chẳng thích hợp, huống chi có người hủy hoại loài khác để cung cấp rồi phóng sinh. Quân sĩ Minh phủ ở tại thị trấn trong sáng nghiêm khắc, xa gần ngợi khen ca tụng một đồng không nhận, một con nghé còn để ý nuốt vào nuôi chim hộc, binh lính được châu báu, người họ Khổng vui vẻ thả rùa cuối cùng đeo ấn vàng. Nếu đàn việt không làm trái phù tiết ý chỉ tấn vương, không trái với lời của bần đạo, thì quả là tiếp tục rưới dòng nước pháp vâng lệnh truyền đi đế đạo, có đức nhất định báo đền, không thiện không thể đền đáp. Ngọc bội đều cung, không cầu mà tự đến, ấm vàng đai tím tùy niệm liền đến. Nay phái đệ tử là Phổ Minh, tặng cho sự việc đã từng có hướng về chọn lựa, nhưng Minh Phủ bao gồm mọi việc của bang này, nắm giữ binh cơ của một trấn, có giáo lệnh thì nhất định phải thi hành, như gió thổi rạp cỏ, nguyện đem thư này của bần đạo, biểu thị công khai giữa người dân, dạy bảo quân sĩ dân chúng, khiến cho tuân theo chín lời của giáo pháp vô vi bắt đầu tổn thất, thay đổi tâm của mười điều ác, vĩnh viễn phù hợp, thuận lợi đứng đầu. Sự việc tranh nhau tin tưởng ở miệng con người, vốn có không tiếp tục vòng vo sắp đặt, Sa-môn Trí Khải trình bày.

NIÊN PHỔ VÀ SỰ TÍCH VỀ ĐẠI THIỀN SƯ TRÍ GIẢ

Năm Mậu Ngọ, niên hiệu Đại Đồng thư tư, đời vua thời Lương Vũ Đế, thiền sư một tuổi cha họ Trần, là khai quốc hầu kinh Châu, người ở Hoa Dung, mẹ là Từ Thị, mộng thấy mây thơm và nuốt chuột trắng mà mang thai. Lúc sinh ra sự ánh sáng thần diệu đầy nhà, mắt có hai con ngươi, đến năm bảy tuổi ưa thích hướng tới già-lam, Tăng dạy truyền miệng phẩm Phổ Môn một lần, văn cú còn lại của phẩm đó chưa nghe mà tự mình có thể thông suốt được, Cha mẹ sư không cho phép đến nhiều lần. Niên hiệu Thừa Thánh năm đầu đời vua Lương Nguyên Đế, mười lăm tuổi muốn xuất gia, cha mẹ không cho, thế là khắc cây đàn hương làm tượng lễ tụng một ngày, đang lúc lạy Phật, dường như mộng thấy núi đối diện biển lớn, Tăng ở phía trên vẫy tay. Niên hiệu Thiệu Thái năm đầu đời vua Lương Kính Đế, mười tám tuổi cha mẹ đều mất, kiên quyết chia tay người anh xuất gia, vẫn dựa vào tăng pháp tự chùa Quả Nguyện vùng Tưởng Châu làm thầy, páhp danh Trí Khải, tự là Đức An. Niên hiệu Vĩnh Định năm đầu thời Trần Cao Tổ, hai mươi tuổi thọ giới cụ túc, theo luật sư Tuệ Khoáng học thông luật tạng. Khi chưa thọ giới cụ túc, sư đi về phương Bắc, nương theo học Phương Đẳng. Niên hiệu Thiên Hi năm đầu đời vua Trần Văn Đế, hai mươi ba tuổi nương Thiền sư Tư ở núi Đại Tô vùng Quang Châu, sư nhận ra người cùng hội Linh Sơn, nêu ra đạo tràng Phổ Thiền, mười bốn ngày tụng kinh Pháp Hoa, vắng lặng đại ngộ. Niên hiệu Quang Đại năm đầu đời vua Trần Phế Đế, sư ba mươi tuổi, Sư từ giã thầy ra khỏai Kim Lăng, ở tại chùa Ngõa Cung tám năm, giảng về Đại luận, nói về Thứ Đệ Thiền Môn, cùng Pháp Hoa Huyền Nghĩa. Niên hiệu Thái Kiến năm thứ bảy đời vua Trần Tuyên Đế, Sư ba mươi tám tuổi đến Thiên Thai, vua Tuyên đế sắc chỉ giữ lại mà không được, đầu tiên dừng lại Thạch Kiều, sau chuyển sang Phật Lũng. Năm sau ở Hoa đỉnh hàng phục ma quỷ. Niên hiệu Thái Kiến năm thứ chín, Sư bốn mươi tuổi, vua Tuyên Đế sắc chỉ ban tặng chùa Tu Thiền. Niên hiệu Thái Kiến năm thứ mười ba, sư bốn mươi bốn tuổi, giảng kinh Kim Quang Minh, dân chài làm nghề đánh cá bắt vật bỏ đơm lồng, chài lưới, lập thành hồ phóng sinh. Năm sau Vĩnh Dương Vương thỉnh cầu sư giảng giải. Niên hiệu Chí Đức năm thứ hai đời vua Trần Thiếu Đế, sư bốn mươi tám tuổi vâng theo chiếu chỉ ra ngoài, tại điện Thái Cực ở Kim Lăng khai bày Đại luận, giảng kinh Nhân Vương. Năm sau, Thái tử thọ giới, đến niên hiệu Trinh Minh năm đầu, sư năm mươi tuổi ở tại chùa Quang Trạch vùng Kim Lăng, giảng

kinh Pháp Hoa. Chương An lúc đó hai mươi bảy tuổi, bắt đầu nghe văn kinh. Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ chín đời Tùy, năm mươi hai tuổi, kinh châu của Trần mất, cảm ứng mộng thấy dừng lại ở Khuông Sơn. Năm sau Tùy đế sắc chỉ hỏi. Năm Sư năm mươi bốn tuổi, Tấn vương thỉnh cầu đến Dương Châu, tháng mười một truyền giới cho Tấn Vương, mới có hiệu là Trí Giả. Năm năm mươi lăm tuổi, sự hướng về hai châu kinh- Tưởng, tiếp tục đến Khuông Sơn qua mùa hạ xong, trước đến Đàm Châu. Năm năm mươi sáu tuổi đến kinh châu, đền đáp ân đức đất đai, xây dựng chùa Ngọc Tuyền ở Chương an, vâng lệnh soạn Huyền Nghĩa. Năm năm mươi bảy tuổi, ở tại chùa Ngọc Tuyền giảng Ma-ha Chỉ quán. Năm năm mươi tám tuổi từ kinh Châu đến Kim Lăng, nhận Tấn Vương thỉnh cầu soạn thảo Tịnh Danh Sớ. Năm năm mươi chín tuổi vào mùa Xuân lại trở về Thiên Thai. Mùa Đông năm sau Tấn Vương phái đem thư cung kính mời về. Năm sáu mươi tuổi đi đến theo lời mời đến trước tượng đá ở Tân Xương, ngồi nghiêm trang nhập diệt, lúc ấy là giờ Mùi ngày hai mươi bốn tháng mười một niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười bảy. Từ khi nhập diệt đến năm Ất Tỵ, niên hiệu Thuần Hi năm thứ mười hai đời Tống, được năm trăm chín mươi hai năm.

ĐỀ LỜI BẠT CỦA BÁCH LỤC.

Trí Giả đạo lưu truyền ba quán, còn lại chăng sách vở của một tông phái, mà đức hạnh cảm hóa hai triều đại. Chương An ghi lại nhiều Bách Lục, xem xét đó và bắt đầu lập ra quy định pháp lý để nghiêm túc trong chúng, phần giữa đối chiếu thư sớ để làm cho có tác dụng đối với vua quan, sau cùng nói về phóng sinh để yên lòng loài côn trùng. Rõ ràng sáng suốt thay sự giáo hóa rộng lớn, tươi sáng như mặt trời và ngàn sao, đó gọi là làm rạng rỡ ngôi nhà cho thiên hạ. Chương An ghi tựa rằng: Để lại bày tỏ cho con cháu, biết còn đức độ nồng nàn nay làm cho vững chắc, rất đáng tin tưởng. Bản khắc tuy đã ấn hành, mà chưa trải qua khảo đính, nhờ đem bản cũ đối chứng còn sai lạc chẳng phải một chỗ, liền sửa chữa chứng thực, trước sau tất cả hơn mười chỗ, ngõ hầu lúc mở ra đọc xem không có ngăn lấp thiếu sót ý. Thấy lời đề này có thể phân biệt sai đúng. Sa-môn Tịnh Phạm truyền bá Thiên Thai Tổ giáo ở viện Vô Lượng Thọ thuộc Bắc thiền tại Tô Châu kính đề.

Tổ của tôi là đại thiền sư Trí Giả, thật sự là người ở Linh Sơn tiếp tục đến. Đạo truyền bá ba quán ngộ từ một tâm, rộng lớn khuếch trương loài rồng mạnh mẽ, lập ra chánh tông, sâu xa giúp đỡ Pháp Hoa bí điển, giải thích phân định lấy năm thời tám giáo, quy tụ hướng về dùng ba quán mười thừa, dù cho biện giải tuyên dương không lập ra văn tự, Chương An kết tập lại bảo lưu cho duyên sau này, điều ấy giống như người tín hiểu chứng nhập, không biết căn cơ ấy trong ngàn muôn chúng, bản khắc các bộ phân bố ở tại các phương, chỉ riêng Quốc Thanh Bách Lục, bởi trước kia bị binh lửa đốt phá mãi cho đến nay, càng trải qua năm tháng dài lâu, vốn chưa thỏa thuận thành tựu trọn vẹn. Nay làm cho người thực hành là Đàm Sầm khắp nơi mong cầu đạo tục, không ngại gian khổ vất vã tâm thành thật không luống dối liền trọn vẹn một bộ, ngõ hầu mở rộng thấy nghe, lưu truyền nhiều đến mãi mãi, thì có thể biết Tổ tôi đạo to lớn, danh sâu xa, giáo hóa vua quan dấu vết từ đầu đến cuối giống nhau. Nhìn thấy tận mắt tức thì ra sức lễ lạy vô cùng cung kính, đọc xem từ đầu đến cuối rằng như vậy. Thảo ra ngày tốt đẹp năm Ất Tỵ, niên hiệu Thuần Hi năm thứ mười hai đời Tống, thời gian cao quý, Giới Ưng trụ tại núi Bạch Liên kính nghi.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 170

PHÁP TRÍ DỊ BIÊN QUÁN TÂM NHỊ BÁCH VẤN

SỐ 1935

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1935

PHÁP TRÍ DỊ BIÊN QUÁN TÂM NHỊ BÁCH VẤN

Pháp Tôn Kế Trung biên tập.

Ngày 15 tháng 6 niên hiệu Cảnh Đức năm thứ tư, Sa-môn tỳ kheo Tri Lễ ở Tứ Minh, kính cẩn dùng tâm làm pháp, hỏi nghĩa lý với giảng chủ Chiêu thượng nhân ở Triết Dương. Ngày 26 tháng 5, chùa Quốc Ninh ở châu này chuyển đến Thượng nhân. Trả lời bằng một cuốn viết về mười nghĩa (thập nghĩa thư)...Trả lời giải thích, chưa khéo đọc văn, cho dù sự việc có cải trang thì rốt cuộc cũng sẽ trái với lý, đầu đuôi toàn thư đều là nói dối, lật tìm đều thấy toàn là dua nịnh hại người, lại còn chứa đựng ý đồ hoại pháp, nhưng cũng không nhẫn tâm bày rõ hậu nạn. Sợ rằng làm hỗn loạn văn trước, vì thế tạm thời với mười khoa lập thành hai trăm câu hỏi. Ngại rằng: Thượng nhân vẫn cứ che giấu, không bày rỏ sự sai lầm của bản thân, lại mặc ý gian ngoa nịnh hót, tiếp tục sửa đổi những câu hỏi khó trả lời, cho nên trước nêu từng mục chất vấn, sau mới nói về nạn từ. Tất nhiên mong Thượng nhân y cứ theo số chương nêu ra, xem văn mà trả lời, đừng để cho một điều nào sót mất. Mong nuốn chánh lý được rõ ràng, hy vọng không kéo dài thời gian hầu như bít lấp, kính mong.

Hỏi: Biện giải thích sai lầm rằng: “Quán có hai loại: một là lý quán, hai là sự quán. Nay văn không dựa vào Sự mà quán; nói rằng: mười pháp hoàn toàn bàn về lý quán, cho nên hai thứ pháp quán đều có thể quán cảnh mà hiển lý; đã không dựa vào Sự tướng mà quán thì chính là trực tiếp đối với ấm nhập mà quán lý”. Đây chính là y cứ theo hành mà quán lý, sao nói là Sự pháp lý quán?

Hỏi: Gọi Sự pháp lý quán nghĩa là pháp quán phải nhờ Sự, dựa vào pháp để vào ấm tâm, hiển lý mới gọi là lý quán. Nay văn đã không dựa vào Sự, nương ấm mà quán lý, hiển bày cái gì mà gọi lý quán?

Hỏi: Dựa sự hiển bày lý mới chỉ là một loại quán pháp, làm sao có thể nêu ra quán có hai loại: một là lý quán, hai là sự quán? Lẽ nào lấy việc dựa vào sự, tự cho là một (sự quán), và lý được hiển bày lại lập ra làm một (lý quán) hay sao?

Hỏi: Theo giáo, trình bày về ba pháp (đối) quán tâm, ba pháp chỉ gọi là Sự. Nay văn đã không y cứ theo ba pháp quán, làm sao gọi là hiển bày ba đế được?

Hỏi: Biện giải sai lầm rằng: Nay văn này, theo Lý quán thì mỗi Sự hoàn toàn trở thành pháp giới, mỗi tâm đều hiển bày kim quang. Đã không dựa vào Sự tướng, pháp tướng, thế là thẳng vào thể ấm nhập, tất mỗi Sự trở thành cảnh không thể nghĩ bàn, cả mười thừa mỗi tâm đều hiển bày kim quang; đã như vậy há không phải là y cứ theo Hành mà quán lý hay sao?

Hỏi: Mười pháp nếu không y cứ theo Hành mà quán lý, đâu thể lại là "Phổ Hiền đoan tọa niệm thật tướng" được?

Hỏi: Thư trả lời thắc mắc, đã nói quán pháp Phổ Hiền chứng tiền viên đàm, lý quán nêu bày nghĩa có thể tu tập. Tại sao thư giải thích vấn nạn lại nói niệm niệm nối nhau, và niệm thật tướng khiến nương vào chí quán để tu chứng?

Hỏi: Nếu không y cứ theo Hành mà quán lý thì có niệm niệm tương tục được không, có thể nhập chứng lý quả ư?

Hỏi: Thư trả lời thắc mắc nói: Huyền văn này trực tiếp hiển bày tâm tánh nên nghĩa giống như lý quán, nếu có một ít Sự pháp kèm theo thì chẳng phải trực tiếp hiển bày tâm tánh. Chỉ y cứ theo hành mà quán lý, trực tiếp quán sát ấm tâm, hiển bày tánh. Huyền văn này đã trực tiếp quan tâm bày tánh, làm sao không phải là Hành y cứ theo lý quán được?

Hỏi: Nay đã y cứ theo hành lý quán, sao không chọn ấm và mười thừa?

Hỏi: Vốn lập ra mười pháp là y cứ theo hành mà quán lý, cho nên bác bỏ việc dựa vào pháp để quán tâm ở phần sau. Y cứ theo Hành để quán đã không thành tựu, thì văn quán tâm ở sau làm thế nào bỏ đi được?

Hỏi: Ba pháp mười loại trong huyền văn này là đích thực bàn luận về quả pháp, làm sao có thể nói là trực tiếp hiển bày tâm tánh?

Hỏi: Năm chương đã dẫn ra chỉ gọi là Niết-bàn, là Phật tánh, đích thực luận bàn về quả pháp; nó bao gồm nhân Phật tánh của người, lẽ nào trực tiếp hiển bày Phật tánh của chúng sinh ư?

Hỏi: Như nói rằng, tâm cùng khắp pháp giới như hư không, thì biết cảnh giới chư Phật; đó chính là trực tiếp hiển bày tâm tánh mà bao trùm Phật pháp, chứ không thể nói trực tiếp hiển bày Phật pháp được.

Hỏi: Thư vặn hỏi đặc biệt về huyền văn này đích thực nói về Phật pháp, đâu gọi là trực tiếp hiển bày nhân của tâm tánh; sao không trả lời, vì sao hai ba nơi đính chính rằng tôi không nói trực tiếp hiển bày pháp tánh?

Hỏi: Nay đã khiên xuất mà trả lời, làm sao nói đến chỗ tâm tánh mà không nói trực tiếp hiển bày, nói trực tiếp hiển bày xứ không nói về tâm tánh? Há chẳng phải "Tứ tự toàn thư" nghĩa lý trái ngược hay sao?

Hỏi: Thư trả lời thắc mắc nói: "Huyền văn này trực tiếp hiển bày tâm tánh, nay sao đổi lại rằng người học xem xét đầy đủ mọi sự huyền diệu, thì đã biết tâm tánh khắp cả chúng sinh, khắp cả chư Phật, do đó quán sát quả pháp này thì biết được tâm tánh. Điều này há không phải là sự huyền diệu hiển bày tâm tánh hay sao? Huyền văn này không hiển bày tâm tánh, làm sao có thể nói đây là trực tiếp hiển bày tâm tánh được?

Hỏi: Tôi nói: Lương sư lấy ý giảng giải truyền trao nghĩa lý phù hợp với các văn, người nhân hậu còn không thừa nhận. Người học lập nhân, trước hiểu rõ sự huyền diệu, rồi mới tìm kiếm bộ này phát xuất từ văn nào?

Hỏi: Huyền văn này đã trực tiếp hiển bày tâm tánh, cho nên mười pháp đều dùng lý dung thông. Diệu huyền không trực tiếp hiển bày tâm tánh, do đó mười pháp không dùng lý dung thông. Người học hiểu rõ tâm tánh kia còn có thể dung thông với bộ khác, sao không tự dung thông với bộ này, mà lại dung thông với quán tâm được?

Hỏi: Huyền văn mười pháp này hiển bày rõ rằng vì chưa có trí nhãn nên y cứ theo sự tín hiểu phân biệt, sao nói rằng hoàn toàn đạt được diệu huyền, thấu rõ cùng tận con người?

Hỏi: Chỉ vì huyền văn này dựa vào mười pháp du hý của Như Lai, nêu bày rộng về tâm quán; cho nên đến văn kinh không nói về quán giải, làm sao có thể y cứ vào đó mà bác bỏ quán tâm này?

Hỏi: Huyền văn này, Đại Sư nhận được ở Nhật, là đương cơ cho nên phải tức thời nêu rõ pháp tu. Niết bàn huyền diệu là chế định riêng

cho sau khi diệt độ, chẳng phải sách tấn đương chúng quán sát. Do đó, còn thiếu như, ủy thác người giảng giải phỏng theo các bộ truyền trao cho người, sao nói là người học tự biết?

Hỏi: Diệu văn kinh sớ tuy trình bày nghiêng về Tiểu thừa, vốn là người được huân tập viên mãn, cho nên dựa vào văn để thực hành quán phần nhiều ở Viên giáo, khiến cho mỗi văn không trái với những gì tu tập. Y cứ vào văn nào mà cho biết rằng là người tu tập chỉ quán đã lâu? Lẽ nào lúc Đại sư giảng giải diệu kinh, trước đó đã nêu rõ quán tâm cho người tu chỉ quán ở chùa Ngọc Tuyền ư?

Hỏi: Y cứ vào những điều lược bỏ hay khai triển trong quán tâm thì lược bỏ văn là điều cần thiết. Vả lại việc khai triển đều có đủ trong bốn cách giải thích. Sau cuối mới lược bỏ quán tâm; nếu sự lược bỏ quán là cần thiết, vì sao không đặt lên hàng đầu? Lại nữa, văn nào cho rằng lược bỏ quán tâm là điều cần thiết?

Hỏi: Lúc Đại sư giảng nói huyền sớ, chưa nói về chỉ quán viên đốn, làm sao có thể vì người tu tập chỉ quán viên đốn lâu dài mà nêu bày sự việc về pháp quán?

Hỏi: Diệu huyền quán tâm, khiến cho vừa nghe liền tu tập không đợi đến cảnh quán, sao nói là chỉ bày cho người thực hành, phải dựa theo trong chỉ quán để tu tập?

Hỏi: Nếu bác bỏ văn quán tâm này, tại sao xưng là người tu tập lâu dài, luyện tập căn bản (cửu tu - bổn tập)?

Hỏi: Luyện tập căn bản đã là chọn cảnh để tu quán, nay văn cũng chọn lựa phù hợp với căn bản luyện tập, lẽ nào vì quá phù hợp nên cho rằng không phải hay sao?

Hỏi: Nếu phế bỏ văn quán tâm này thì sẽ lấy gì chỉ bày, khiến cho tu tập theo trong chỉ quán?

Hỏi: Chỉ quán đã chọn cảnh để tu quán, văn này lại chọn lựa nên bày sẳn, có gì trái ngược chăng?

Hỏi: Phát huy vốn y cứ theo mười pháp với nghĩa sáu tức, cho nên không quán tâm. Mười pháp huyền diệu mỗi pháp nêu rõ tận tường về sáu tức, vì sao lại cho rằng văn kia phải có quán tâm, quán đối với mười pháp ư?

Hỏi: Mười pháp huyền này được xuyên suốt bởi pháp tánh, cho nên không cần quán tâm. Mười pháp huyền diệu lẽ nào không dùng một lý để thấu suốt? Vì sao phải có quán tâm?

Hỏi: Nhân lấy ba pháp này giống như Tịnh Danh sớ, pháp không có chúng sinh đầy đủ nghĩa quán tâm. Ở kia y cứ theo tâm tu quán, giải

thích ba pháp. Ở đây bàn luận về quả chứng ba pháp, sao có đủ nghĩa của quán tâm được?

Hỏi: Nhân lập mười pháp, chỉ là tên gọi khác của ba đế cho nên có đủ nghĩa quán tâm. Đã tựa như pháp không chúng sinh, kia y cứ theo sơ quán, sở hiển, năng quán, năng hiển, năng phá, năng phá trợ đạo, chánh đạo tự hành lợi vật. Nói về ba pháp thì ở đây đã thường là đế sở hiển, lẽ nào tương tự văn kia có đầy đủ của nghĩa quán tâm ư?

Hỏi: Lại nói ba pháp này có đủ nghĩa của tu tánh, vì có đủ nghĩa của quán tâm; giải thích thành Tỳ-Da-ly, đều nói về ba đức của tu tánh, vì sao lại nêu quán tâm?

Hỏi: Mười pháp này từ ba đức đến ba đạo; nhưng giải thích về mười pháp diệu huyền, từ tâm tánh chúng sinh trong ba đạo giải thích đến cực quả, mỗi pháp đều đủ sáu tức, vì sao lại phải dùng quán tâm để quán sát? Tại sao văn này không dùng để quán sát?

Hỏi: Thâu nhiếp sự nhập ấm, dùng quán để hiển bày lý, mới gọi là nhiếp sự thành lý, vì thế năm nghĩa diệu huyền, chính trong văn quán tâm, đều nói về quán Ấm. Vì sao chỉ nói nhiếp sự quy lý, không nói nhập ấm quán lý?

Hỏi: Văn mười pháp này đã không thâu nhiếp nhập ấm tâm, lại không có quán pháp hiển lý, sao gọi là sự pháp lý quán được?

Hỏi: Giải thích hiện bày lập ra mười pháp, thuần là lý quán, pháp của sự tu chứng đồng với Phổ Hiền quán, vì sao đổi lại nói rằng chỉ có nghĩa cửa lý quán?

Hỏi: Thường ngồi tuy là quán sự cảnh trong ba đạo, đã không khởi tâm mạt sự, lại chẳng nhờ sự mà lập quán, mới chính là trực tiếp hiển bày tâm tánh, sao gọi là sự quán được?

Hỏi: Quán đối với một niệm và ba đạo, đều là trực tiếp phụ thuộc vào cảnh quán của sự, chỉ là một loại Lý quán, sao gọi là Sự Lý hai quán?

Hỏi: Thường thực hành quán tưởng tướng tốt là lập ra cảnh của sự, ba quán nương theo đó hiển bày lý mới thành tựu một loại quán pháp, sao gọi là Sự - Lý hai quán?

Hỏi: Tùy theo tự ý suy ra mạt sứ, bốn vận liền đạt được, chỉ là một loại sự quán, sao gọi là Sự - Lý hai quán?

Hỏi: Nay y cứ theo bốn tam-muội, nói về Sự - Lý hai quán giải thích sai lầm, đã nói không cần đến sự kèm cặp mà phá quán, tức là không phụ thuộc vào tướng tốt của ba đạo, phan đàn bạch tượng là các việc phát khởi ở tâm, chính là một niệm ba giới quán không, lý quán đã

như vậy, thì mười pháp sao không có một niệm giống như mười thừa?

Hỏi: Giải thích sai lầm đã lập ra mười pháp hoàn toàn nói về Lý quán, lại hỏi sao không có lý quán chọn lấy ấm trong mười thừa, nhân hậu đã không lập ra thuần là sự quán, sao trách là không hỏi về sự quán chọn lấy cảnh và mười thừa ư?

Hỏi: Đại ý và chánh tu, sự nghi và lý quán, đều có khai triển hoặc tóm lược, nêu ra bốn hạnh tất nhiên kèm theo chánh tu quán pháp, tôi cho thường ngồi là khó, đã thâu nhiếp chánh tu làm sao có thể cho rằng thường ngồi chỉ ở đại ý?

Hỏi: Tôi nói: Nếu y theo năm nghĩa lược bỏ tu hành, chứng quả, năng lợi tha ấy, một là nghe thầy lấy ý truyền trao chỉ dạy, hai là nên lược bỏ thì sẽ tu chứng, làm sao có thể tà vay, cho rằng lược năm nghĩa tự có đủ mười thừa được?

Hỏi: Nếu các kinh hoàn toàn đồng so với diệu kinh quán thể, tại vì sao Diệu Lạc nói nêu rõ quán giải này khác hẳn với kinh khác, kinh khác lẽ nào không có viên quán hay sao?

Hỏi: Lúc trước Viên giác muốn người tu quán, đã không nghe khai bày đối với người Thanh văn, làm sao có thể tự dùng lý khai bày hiển lộ để làm quán thể?

Hỏi: Nếu Viên lý của hai kinh là giống nhau, thì mười pháp diệu huyền sao không có lý nào dung thông?

Hỏi: Diệu huyền nhất tâm thành quán, đâu tương tự phương đẳng sám nghi không thành tựu quán ư?

Hỏi: Nếu chấp vương sở cùng giúp đỡ quán, thì vương chắc chắn quán sổ, vì sao dựa theo thức tâm để tu quán? Về sau lại trải qua bốn ấm quán, lúc quán đã như vậy thì lúc ngộ sao không như vậy?

Hỏi: Đã nói: Còn các cảnh quán không ngoài năm ấm. Nay những thành quách, núi non, v.v.... này đều dựa theo ấm mà thành, vì thế những thành quách, núi non dựa theo ấm đã thành cho nên lập ra tên gọi ấm, thì các cảnh hiển bày tuy không có tên gọi là Ấm, nhưng thể đều là ấm, do đó nói không ngoài năm ấm, sao y cứ vào cây này mà phân định các cảnh quán chẳng phải là ấm được?

Hỏi: Đã nói: vì trong các văn, nói thẳng về cảnh trí ấy, bởi các văn đã bất tiện đối với ấm, cho nên bỏ tên gọi Ấm mà chỉ dùng một niệm tâm, và nhân duyên sinh tâm v..v... làm cảnh, lấy ba quán làm trí, tức là nói trực tiếp về cảnh và trí. Nếu không như vậy thì có gì là quán giải, chỉ lập nên hai chữ cảnh - trí thôi ư?

Hỏi: Các văn quán một niệm tâm, và nhân sinh duyên tâm, nếu

chẳng phải ấm tâm thì gọi là vật gì? Như ý của người nhân hậu lẽ nào không cho là thanh tịnh chân như hay sao?

Hỏi: Đại ý của diệu cảnh cho rằng quán xét tâm tánh, sự pháp của các văn phần nhiều quán xét về tâm tánh, chỉ quán đã là tánh của ấm thức, các văn sao không như vậy?

Hỏi: Núi non, thành quách tuyệt vời trong quán, khiến cho sự giải thích này càng dễ dàng tu tập đúng đắn, người giảng giải còn phải phân biện điều này hay không? Nếu không phân biện điều đó thì trái với giáo pháp tôn quý, nếu phân biện đầy đủ thì người học có thể tu tập hay không?

Hỏi: Sự tuyệt vời ở núi non, thành quách trong quán, khiến cho ở đây chọn lấy cảnh và tâm. Nếu không chọn ấm thì chọn cảnh nào? Nếu không chọn cái nghĩ bàn mà giữ lấy cái không thể nghĩ bàn, thì chọn tâm nào?

Hỏi: A-nan ở trong quán tuyệt vời, khiến trình bày đầy đủ tướng quán, nếu không trình bày mà chọn lấy cảnh của mười thừa, thì làm sao gọi là trình bày đầy đủ? Lẽ nào chỉ ở trong này tường thuật đầy đủ, xem xét biết rõ tất cả ý chỉ của chỉ quán, đều khiến cho trình bày đầy đủ làm sao trái với giáo được?

Hỏi: Bà Đa ở trong sự tuyệt diệu của quán, khiến dẫn ra rộng về tam-muội, lúc người nhân hậu giải thích, còn dẫn chứng thêm hay không?

Hỏi: Ngoài núi non thành quách chỉ kết hợp nói thẳng về cảnh trí; nay văn đã lập ấm cảnh để xem xét, ấy là sai lầm, phòng ốc bên ngoài núi non thành quách cũng lập nên ấm cảnh, chẳng khác gì núi non thành quách, một muôn hai ngàn người lập mười hai nhập làm cảnh, lẽ nào cũng là người đời sau thêm vào hay sao?

Hỏi: Vì văn nay nói bỏ ba quán một, xem xét điều ấy là sai, y cứ vào giáo nào mà nói phụ pháp quán tâm, không được chọn ấm?

Hỏi: Mười hai nhập đều có ngàn như, thì đã kết thành diệu cảnh các văn chỉ nói về các ấm, chưa kết thành diệu cảnh, chính là ở đây. Cảnh nêu rõ đối với ba quán, nếu lập ba quán thì cảnh sẽ tự thành diệu, cho nên nói chỉ nhờ vào năng mà quán. Nay văn bỏ ba quán một, mói đích thực nêu rõ ấm, chưa kết thành diệu cảnh cho nên đối với cảnh này nêu rõ ba quán, hiển bày Kim quang minh lẽ nào không dựa vào năng quán ư? Đâu phải vì nêu rõ ấm liền cho là diệu cảnh, làm sao nói rằng không phải dựa vào năng quán mà quán được?

Hỏi: Hai loại quán pháp trong nghĩa lệ tuy không nói là ấm, nhưng

nói nhập nhất niệm tâm, tâm và ấm tuy là năng tạo năng phá nhưng thể đó ít khác nhau, lẽ nào khác nhau về thác sự thì quán núi non thành quách? Ấm đã khiến chọn lấy cảnh, làm sao chấp vào hai loại mà không lập ra ấm?

Hỏi: Thư trả lời thắc mắc nói: mười cảnh trong huyền văn này không đủ, đã không có tu phát thì chín cảnh xem xét biết chỉ có ấm cản, đã là mươi cảnh thì trong đó phân biện phải chọn lấy cảnh của cảnh, mà nay mười pháp thì chọn ấm cảnh là văn nào?

Hỏi: Tâm diệu huyền giống như ngọn lửa huyền hoặc, đã ở trong khoa quán tâm thì phải thực hiện cảnh quán mà nói, cho nên Thích Thiên chép: "Nay lược bỏ mỗi văn đều nhập quán môn, nhưng vẫn phải giải thích tường tận để thành tựu diệu quán, sao có thể đặt điều nói là Thông đồ pháp tướng?

Hỏi: Chỉ yếu căn bản lập ra trước tiên phải hiểu rõ các pháp đều là Diệu, nhưng muốn lập hạnh thì phải nói về nơi phát khởi của quán, là lập ra ấm thức bất biến tùy duyên làm cảnh hiển lý của quán, Thượng nhân đã từng phá bỏ, nay sao lại cố ý xuyên tạc các giải thích của tôi, tức là chỉ có vọng quán mới hiểu rõ chân?

Hỏi: Tôi y cứ vào đại ý của luận Kim Ty lập ra bất biến tùy duyên gọi tâm là cảnh sở quán, lẽ nào là "độc đầu chi vọng", sao chỉ trích đồng với ngoại đạo?

Hỏi: Tôi căn cứ theo Chỉ Quán Niệm Xứ Sám Nghi, lập ra ấm thức vọng tâm nhất niệm vô minh làm cảnh, văn các giáo này đã chỉ nhắm vào "vọng lập" mà không nói "tức chân", lẽ nào là ngoại đạo mới ư?

Hỏi: Tâm sở quán, là tạo thành từ nhiễm duyên vô minh; tâm Phật giới là thành tựu từ tịnh duyên của mười thừa, thư vặn hỏi nhất định là tâm sở quán, sao trách rằng không nói về tâm Phật giới tịnh duyên được?

Hỏi: Luận Kim Ty lập bất biến tùy duyên, gọi tâm vốn là nêu rõ vọng nhiễm, sắc tâm có quả Phật tánh, nếu tùy theo tâm Phật giới tịnh duyên, thì lẽ nào Phật giới sắc tâm có Phật tánh ư?

Hỏi: Phụ hạnh dẫn chứng tâm tạo Như Lai, vốn chứng tất cả các nhân vọng nhiễm ấm thức năng tạo, sao thuờng chấp tác tâm chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh?

Hỏi: Nếu nói "vọng tâm tức chân" cho nên lập ra tâm chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh, lẽ nào Đại Sư không biết "tức chân", sao chỉ nói ấm thức, sẽ không bằng những gì Thượng nhân đã nói ư?

Hỏi: Đại ý vốn nêu rõ chỉ quán ấm thức là tâm tùy duyên. Phụ

Hạnh chính là chỉ cho tùy duyên sở thành ấm thức năng tạo của Như Lai, đâu tạo ra bốn câu phân biệt để nói đại ý là tâm nhiễm tịnh tùy duyên, chỉ quán là không phải tâm nhiễm tịnh?

Hỏi: Chuyển kế nói "vọng tâm tức lý", cho nên nói chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh, sao chỉ có Chỉ Quán nói về "Tức" mà Đại Ý không phải là "tức"? Nếu đều là "tức" thì vì sao phân định y cứ theo câu?

Hỏi: Nếu y theo hai duyên nhiễm tịnh tạo thành tâm của mười giới thì nói về cảnh sở quán ấy, trong mười cảnh sao không có tâm Phật?

Hỏi: Thị Châu nói nhất niệm thường kinh tịnh thể, nhất niệm chân tri cùng hiển hiện, là dùng chân tánh để giải thích nhất niệm phải không?

Hỏi: Thị Châu nếu biết nhất niệm là vọng, sao không nương theo Diệu Huyền Thích Tiêm , lấy mê nhân pháp để giải thích tâm, sao nói tâm chẳng phải nhân quả, y theo lý năng tạo sự để giải thích tâm là nhân?

Hỏi: Đại Ý tuy lấy ấm cảnh ở trong văn tu quán, lựa chọn lấy điều cần thiết so với đại bộ không khác, lẽ nào thấy văn ở một nơi mà không phân chia ấm cảnh, lý cảnh, sở phá sở hiển hay sao?

Hỏi: Đại ý nói khác cho nên chia ra nhiễm - tĩnh, thể của duyên vốn không, không bất không này nói về sở hiển, năng phá tam đế ba quán, làm sao có thể dẫn chứng điều này mà vặn hỏi về tâm cảnh sở phá ư?

Hỏi: Thượng Nhân đã tự nói "trược thành vốn có", lời này nêu rõ vốn mê, nay hiểu rõ tâm mê đương thể tức lý, nhiễm - tinh không sai v.v... vả lại ấm tâm sở quán là y cứ theo bổn mê mà nói, vì căn cứ theo đó nay nói rõ hai nghĩa, nếu lẫn lộn thì tướng - giặc không phân, làm sao gọi là pháp quán được?

Hỏi: Tuy nói ba không khác nhau chính là ấm tâm thâu nhiếp chúng sinh, Phật khác, lẽ nào có thể thâu nhiếp Phật liền khiến cho tâm năng thuộc về quả ư? Nếu thuộc về quả thì vì sao Thích Tiêm nói chúng sinh, Phật ở tâm cũng chắc chắn thuộc về nhân?

Hỏi: Thượng nhân lập ra thí dụ về dùi lửa (toản hỏa), ý chấp rằng lửa chỉ là cái dùi thoát, mà không biết khi đã thoát ra thì đốt cháy cây gỗ, lại chủ động đốt cháy (năng thiêu) thì quán ấm để hiển lý, vốn muốn diệt ấm để lý hiển bày, ấm diệt thì lý chẳng phải là chủ động diệt (năng diệt) hay sao?

Hỏi: Phụ Hạnh đã dùng "khí giới quyền mưu", cho đến đem thân

dụ cho Chỉ Quán và Đế lý, ba việc này đều vận dụng mới phá vỡ ba thứ giặc, vì sao chỉ có thân lực chẳng phải là năng phá?

Hỏi: Thượng Nhân chấp rằng hiểu rõ ấm là lý vì thế mà quán, không biết đây là diệu giải. Nếu muốn lập hạnh thì phải tạm thời lập ra ấm để quán ấm hiển bày lý, lẽ nào nói quán lý để hiển bày lý, dùi lửa tạo ra lửa hay sao?

Hỏi: Giải thích sai lầm rằng: ba ngàn là vọng Pháp, nay nói là lý sở hiển thì nhờ đâu mà hiểu được?

Hỏi: Đầu tiên là bỏ ấm để trình bày đầy đủ ba ngàn, sau nương theo diệu cảnh phát thệ an tâm v.v...., lẽ nào chẳng phải diệu cảnh đối với ấm làm năng, đối với chín cảnh làm sở ư?

Hỏi: Thượng Nhân chấp rằng tâm có đủ ba ngàn, sắc chẳng có ba ngàn vả lại tâm và sắc đều là chân như tùy duyên mà tạo, lẽ nào một bên có đủ đức thì chân như tạo tâm, một bên không có đức thì chân như tạo sắc? Không như vậy thì làm sao tâm có đủ mà sắc thì không đủ?

Hỏi: Nếu sắc không có đủ ba ngàn, vì sao Diệu kinh sớ giải mười hai nhập đều có đủ ngàn như?

Hỏi: Nếu chấp nghĩa của nhập mang theo tâm, thì Diệu Lạc vì sao nói giới cũng đều có đủ như vậy?

Hỏi: Đã chấp nhận "thể bất tình biến thành thể vô tình", đã biến đủ cả sao lại không đầy khắc, lẽ nào có một phần không đủ đức là Thể đầy khắp vô tình; không như vậy sao chấp sắc không có ba ngàn?

Hỏi: Luận Kim Ty vốn lập ra "vô tình có Phật tánh", lẽ nào chỉ có tánh không đủ ba ngàn. Nếu như vậy thì không gọi là có quả, tánh của người cũng chẳng trái với tông chỉ hay sao?

Hỏi: Tâm năng tạo đã do toàn lý mà phát khởi, cho nên thường có đủ ba ngàn; sắc là tâm toàn lý mà khởi, sao không có đủ ba ngàn để sinh ra gốc rễ của cây, đã đầy đủ bốn vi sinh ra cành nhánh, lẽ nào không có đủ bốn vi hay sao?

Hỏi: Người khác căn cứ theo năng tạo mà nói về Duy thức, do đó thông có nghĩa của duy sắc; nay đã y cứ theo có đủ mà nói về Duy thức, cho nên có nghĩa của duy sắc, đã chấp nhận duy sắc thì vì sao không có ba ngàn?

Hỏi: Lẽ nào vì sắc chẳng tạo nên các tâm, do đó không thể nói sắc có đủ ba ngàn, thì không gọi là pháp giới Trung đạo, và không gọi là Duy sắc ư? Lẽ nào vì sóng nước kết tụ thành băng tạm thời không chuyển dịch mà cho là không có tánh nước hay sao?

Hỏi: Tâm có đủ nơi sắc thì sắc là diệu sắc, đã là diệu sắc thì sao

không có đủ ba ngàn được?

Hỏi: Quán ấm làm diệu cảnh,thâu nhiếp vô tình kia cùng làm Phật thừa vì hiển bày mỗi pháp đều có đủ ba ngàn, nếu vô tình không có đủ thì sao là Phật thừa được?

Hỏi: Bốn Niệm xứ trong ngoài hai quán về sau kết hợp quy về tâm, vì bỏ bên cạnh thuận theo chính giữa, bỏ khó khăn thuận theo dễ dàng, ngoại quán phá trừ chấp trước bên trong, lẽ nào hoàn toàn không quán xét bên ngoài ư?

Hỏi: Kinh Khê nói: “Bốn giáo trung viên”, đâu từng không nói “Ba xứ cụ pháp”, tà sư chấp vào đây lập ra đốn, đốn quán, lại áp chế “Bốn giác trung viên”, chỉ nói về tâm đầy đủ mà hai xứ không đầy đủ; Thượng Nhân lập ra tâm có đủ ba ngàn mà sắc chẳng có ba ngàn, không bằng cái thấy của Sư kia, vì Sư kia căn bản biết rằng tùy theo quán liền có đủ, nhưng không kết hợp mà lập ra làm đốn đốn mà thôi. Thượng Nhân hoàn toàn không biết nghĩa này, hướng về muôn lý ngàn lý của tà sư kia, sao lại phân biệt xem thường được?

Hỏi: Tôi y cứ theo văn phá trừ nội trước, ngoại trước, liền lập ra sợ rằng tâm hướng ngoại, lại vâng theo giáo lý duy thức duy sắc nói tâm đủ sắc đủ, làm sao có thể vì thế mà cách ngại cái thấy, đặc biệt tự mình hẹp hòi chê bài ư?

Hỏi: Nội tâm khắp nơi thâu nhiếp thành quán, lại nói về ngoại cảnh trải qua, giống như ở nơi nhân vị, tuy y cứ theo lý dung hợp thì lẽ nào không có sự cảnh, chỉ trải qua khắp nơi mà tùy đó thấy lý, đã nói “tùy đó” vì sao lại thấy sự “che đậy xem xét” để giải thích những điều đã trải qua?

Hỏi: Nếu sắc tâm môn nói về nội quán, vì sao môn tiếp theo mới nêu rõ hai cảnh, giải thích lần lượt từng cái một?

Hỏi: Nếu trước hiểu rõ các văn là kết thúc phần trước phát sinh phần sau, đã nói “trước hiểu rõ nhất niệm”, vô niệm ngoài sắc tâm” thì kết thúc phần trước đã tiêu tan hòa hợp tất cả, do đâu mà “nội chứng tam thiên tức không - giả - trung”? Văn phát sinh phần sự lại đối với sự tiêu tan hòa hợp là nghĩa lý gì?

Hỏi: Thị Châu dùng ngoại quán rõ ràng đồng với chân tịnh là phần vị thanh tịnh sáu căn, thì trở thành kết thúc phần trước, từ ngoại quán cho đến hết sáu căn mới chính là phát sinh phần sau khiến tu nội quán, lẽ nào gọi là hoàn toàn không có nội quán ư?

Hỏi: Nội ngoại môn lập ra hai cảnh quán, chính là nghĩa của sự gia công suy cứu tu tập, sao phù hợp với văn tùy đó tiêu tan hòa hợp

được?

Hỏi: Thượng Nhân chấp rằng môn sắc tâm nói về nội quán phù hợp với thật tướng quán, nội quán môn nói về ngoại quán phù hợp với Duy thức quán, vả lại hai quán thật tướng, duy thức trong nghĩa liệt, đã tạm thời y cứ theo nội tâm mà tu, thì hai quán đều ở môn sắc tâm, lẽ nào chẳng phải môn nội ngoại hoàn toàn không trình bày về quán pháp hay sao?

Hỏi: Bốn Niệm xứ khiến cho đắm trước bên ngoài thì tu Duy thức quán; đắm trước bên trong thì tu Duy sắc quán. Lẽ nào có thể riêng biệt làm trái giáo văn, lấy Duy thức làm ngoại quán hay sao?

Hỏi: Nay Thượng Nhân nói chỉ để phụ giúp nghĩa lý của Tiên sư, Thị châu đã phân định môn sắc tâm không nói về quán pháp, nội ngoại nên mới đối với cảnh nói về quán. Nay sao trái với kia tự mình lập ra môn sắc tâm trình bày về nội tâm chánh quán, nội ngoại môn chỉ nêu ra quán lần lượt trải qua ngoại cảnh như vậy?

Hỏi: Thị Châu phân định ngoại quán rõ ràng đồng với chân tịnh gọi là phần vị quán thành tựu sáu căn, thì ngoài đã tiêu tan tất cả. Thượng nhân sao tự mình lập ra trái ngược với kia, văn nội quán tiếp theo mới là tiêu tan tất cả?

Hỏi: Thị Châu từ ngoại cảnh nói về quán, tướng thành tựu đối với nghĩa lý không thiếu sót. Sao thượng Nhân trái nghĩa liên kết phá bỏ sự như vậy?

Hỏi: Nếu Thị Châu giải thích Môn Bất Nhị, có trái với nội dung phát huy mà phế bỏ quán tâm thì tự thất bại, vì sao lại lẫn vào địa ngục gượng gạo tranh cãi phi nghĩa như vậy?

Hỏi: Tâm, Phật, chúng sinh đã là sự dụng cho nên phân chia cao thấp rộng hẹp, sơ tâm tu quán liền có khó dễ, bỏ lấy, nếu ba loại ba ngàn xưa nay dung hợp thâu nhiếp, do đâu mà nội quán chỉ quán xét ba ngàn rồi mà không thâu nhiếp? Ba ngàn của chúng sinh, Phật ở ngoại quán chỉ quán sát ba ngàn ở nơi khác, không cùng ba ngàn của tâm mình trừ bỏ tất cả, đến lần thứ hai lại quán sát nội cảnh, mới trừ bỏ được tất cả hai bên, cái thấy cong vạy này có phù hợp với pháp quán của tông môn (nhất gia) hay không?

Hỏi: Nếu tâm, Phật, chúng sinh là sự tướng, đã khác nhau về ba nơi, lý tánh lại không giống nhau thì người đều an trụ, pháp pháp không dung hòa, y cứ vào nghĩa nào mà nói là ba không khác nhau, chỉ tự mình ngăn cách chứ từ khước cho ai?

Hỏi: Đại Ý y cứ theo ba không khác nhau nhiễm tịnh để trình bày

về Giả quán, Giả - Không - Trung này trình bày về đế ba quán, Thượng Nhân sao trái với nội quán kia không sát ba ngàn của chúng sinh và Phật, văn trái với nghĩa, thì làm sao có thể nói được?

Hỏi: Sự cảnh tạm thời không ngăn cách, cho nên Phù Tông nói: ”Sơ quán nội tâm chưa trải qua ngoại cảnh”, sao Thượng Nhân phá bỏ mà nói rằng lý cảnh vốn dung hợp, chúng sinh và Phật cùng hướng về? Nội quán lấy ý lấy bỏ như thế nào?

Hỏi: Nay chấp nội quán không sát ba ngàn của chúng sinh, Phật, vì sao Biện Ngoa lại khiến nội quán nhờ vào y, chánh của sắc tâm kìa? Lẽ nào chẳng phải lúc đó hoàn toàn không nhận thức được hai cảnh nội - ngoại hay sao?

Hỏi: Thượng Nhân ở thư trước, nhiều lần đem chỉ Quán ví dụ cho giới nhập cõi nước, và phương đẳng phướn đàn để làm ngoại quán, lẽ nào ngoại cảnh này chẳng phải là y chánh của bản thân, còn trái ngược với lời mình nói thì làm sao lãnh hội được Viên tông?

Hỏi: Nghĩa Lệ vốn nói về quán sắc tâm không hai, trước là quán nội tâm y cứ theo tâm dung hợp với sắc để trình bày về quán không hai, kế đó trải qua các sắc tùy trường hợp đều dung thông. Vốn đã không nói về ba pháp quán, vì sao đầu tiên quán sát tự tâm, kế là trải qua chúng sinh, Phật, lẽ nào chẳng phải không hiểu biết hay sao?

Hỏi: Thượng Nhân đối với thư trước, cương quyết chấp rằng hai quán nội ngoại đều tu, mới gọi là Sự - Lý không hai; nay sao đổi lại nói nội tâm lý quán? Tự nói Sự - lý không hai, kế đó trải qua các sắc tùy trường hợp đều dung thông. Vốn đã không nói về ba pháp quán, vì sao đầu tiên quán sát tự tâm, kế là trải qua chúng sinh, Phật, lẽ nào chẳng phải không hiểu biết hay sao?

Hỏi: Thượng Nhân đối với thư trước, cương quyết chấp rằng hai quán nội ngoại đều tu, mới gọi là Sự - Lý không hai, nay sao đổi lại nói nội tâm lý quán? tự ối Sự - Lý không hai, lẽ nào không phải trộm lấy nghĩa của tôi làm cái thấy của bản thân hay sao?

Hỏi: Thật tướng Duy thức, dùng quán tuy khác nhau nhưng diệu giải không khác nhau, sao nói rằng quán Duy thức là chưa có thể hiểu rõ tất cả đều do tâm, chỉ tùy theo tự ý phương tiện xem xét suy ra, nếu như vậy thì so với quán tâm bên Thông giáo có khác gì?

Hỏi: Biện Ngoa đã chọn lấy âm tạo các pháp trong cảnh liền cho là một niệm ba ngàn trong diệu cảnh, còn vì nhờ vào sắc tâm y chánh bên ngoài nên cho là cảnh của nội quán, hay là không phân biệt “Sự - Lý không hai tạo hai cảnh nội ngoại” như vậy?

Hỏi: Vấn nạn đã gặp trong thư thắc mắc, liền sửa lại nói rằng "Các pháp được tạo ra", ấy là lý đầy đủ, gọi là tạo mà thật ra chẳng phải sự tạo. Lại nói rằng ba ngàn, đời nói ấy tức là vốn đầy đủ ba ngàn gọi là tạo, thật ra chẳng phải là ngoại cảnh sự tạo, đây là tâm lừa dối chuyển thành suy nghĩ phải không?

Hỏi: Biện Ngoa chất vấn đối vớinghĩa sợ rằng tâm sẽ hướng ngoại, vì sao không sợ tâm hướng ngoại, chỉ nói dựa vào tâm tức không, tức Trung kia? Tâm kia đã là tâm của chúng sinh, Phật, lẽ nào tâm kia thì chẳng phải hướng ngoại hay sao? Lúc này còn biết hai cảnh hay không?

Hỏi: Biện Ngoa nói: Cùng quán sát cảnh của sắc tâm, lúc này còn biết ý của cảnh chọn lựa hay không?

Hỏi: Thượng Nhân nay chuyển sang nói: Quán sát lý thâu nhiếp Sự chính là cam chịu khuất phục. Tôi cho rằng: Chỉ quán sát lý đầy đủ thì tự nhiên thâu nhiếp đối với Sự tạo, không thể nào cùng đem sự tạo các pháp để quán sát cảnh đã nương tựa, trước đâu có liên tục chất vấn chưa trải qua "hai tu sự tạo"?

Hỏi: Thượng Nhân nay lại nói: Chấp lấy tất các pháp, chuyên chú quán sát tâm năng tạo; ý là dùng lời chấp lấy tất cả các pháp chính là diệu giải, thâu nhiếp tất cả cácpháp về tâm, nếu nói về tu quán thì phải đích thực chọn lấy ấm cảnh, nhưng mà quán dùng quán chấp lấy tất cả, há tránh khỏi lỗi đều quán hay sao?

Hỏi: Nghĩa Lệ trước hiểu rõ muôn pháp duy tâm mới quán sát tâm, thượng nhân trước hết dứt khoát rằng đầu tiên hiểu rõ thuộc về giả, quán tâm là hành thì này chấp lấy tất cả, vì sao chẳng phải là giải?

Hỏi: Thượng Nhân hay lại nói: Nếu hiểu rõ nhất tâm tức là thấy các pháp, ý thành lập sắc tâm nội ngoại đều là quán cảnh. Đã nói nếu hiểu rõ nhất tâm rõ ràng là đầu tiên, chỉ có quán sát tâm chữa trải qua cảnh khác; tức là thấy các pháp ấy chính là hiểu rõ nhất tâm, thâu nhiếp đầy đủ các pháp, lẽ nào dựa vào sự cảnh ấy?

Hỏi: Nếu quán nội tâm đầy đủ lý, thâu nhiếp tất cả các pháp, thì vì cảnh của sắc tâm, và quán sát pháp trong ngoại đều dựa vào sự cảnh; hoặc tu nội quán không thể được thì dùng pháp nào để hiển bày lý của cảnh quán?

Hỏi: Nếu tạm thời không chia ra ha cảnh trong ngoại, chỉ ùng lý để thâu nhiếp thì cho dù nói và quán sát, hoặc lúc dùng chân quán trải qua nhiều duyên, nào khác gì lúc chưa trải qua?

Hỏi: Thượng Nhân lập ra ngoại quán chỉ là quán sắc về tâm, thượng Nhân lập ra nội quán cũng là chấp lấy ngoại đưa về trong, hai

quán phân biệt như thế nào?

Hỏi: Nghĩa Lệ vốn là kiến giải của tà sư, sai lầm cho rằng từ “Chỉ quán thích danh” về sau, đều là Tiệm Viên mới dùng văn quán tâm của mười hai bộ kinh, lập viên đốn, đốn quán tu đạo liền đạt được. Đã cho rằng chính phương bao gồm Tiệm, cuối cùng không giữ lấy phương tiện chánh tu kia, mười cảnh mười thừa dự kiến đi vào, sự pháp tu tập trong quán. Sư này lại nói nhiều lần hỏi người về hai đốn mà ngươi không trả lời, rốt cuộc không chấp nhận bàn luận với khẩu quyết của thầy giỏi, chỉ y cứ vào cái thấy của một câu văn là “Đốn, đốn quán tu đạo tức đắc”, bèn chỉ trích là xe lừa hỏng nát. Nếu vâng theo lời thầy giữ lấy chỉ quán phương tiện kia, giải thích tận tường mười cảnh, mười thừa trở thành diệu quán, lẽ nào là văn khác như xe lừa? Hoặc có sự chỉ trích này đều tiềm ẩn sự phòng bị cho suy nghĩ này, mới có thể nói một bộ chỉ quán là diệu hạnh, đều là phòng bị đối với Đại bộ không chọn lấy, trừ bỏ tất cả liền thấy một câu là đầy đủ. Đâu ví dụ phá bỏ sự pháp quán tâm không thể tu tập, hoặc có thể hiểu biết chắc chắn thông suốt, lẽ nào cũng trở thành xe lừa hỏng nát hay sao?

Hỏi: Thượng Nhân chấp Kim Ty làm cho tốt “tông đồ” của một môn phái, mới có thể đích thực suy cứu lời nói của hạnh môn từ đầu đến cuối, nghĩa là phải đọc bộ Chỉ Quán, vả lại diệu cảnh rất sâu xa còn khai thông đối với lời ru, hoặc lại thỉnh cầu thừa khác, lẽ nào nghe nói không hiểu, mà lại chấp rằng còn phải đọc cả bộ Chỉ Quán?

Hỏi: Sám Nghi có nói: Không nhập tam-muội nên chỉ tụng trì. Nam Nhạc nói: Tán tâm tụng Pháp Hoa, không nhập thiền tam-muội, cũng thấy thân Phổ Hiền, đâu có nói vào lúc tụng thì tu mười thừa? Xin đọc kỹ các vấn nạn để trả lời từng điều một!

Hỏi: Kinh Khê tự nói: Trực tiếp truyền trao khẩu quyết chẳng phải đời sau có thể. Nay trình bày xa xôi tự mình ghi chép, chắc chắn sự pháp quán đạo có gì sai lầm phải không?

Hỏi: Diệu quán tâm vừa giải thích khiến cho tức thời nghe liền tu, làm sao lấy Thanh văn ngộ nhập trừ bỏ vấn nạn mà lại không chấp nhận đích thực trừ bỏ sự pháp khuyến khích người tu quán?

Hỏi: Đại Sư giảng nói về sáu diệu môn của Thiền môn, tiêu chỉ Quán đều đã có người tu, giảng noi các văn về sự pháp quán môn, sao chỉ đơn độc không có người nào tu?

Hỏi: Đại Sư đang còn sống nghe sự pháp quán đã có thể tu hành, sau khi diệt độ nghe điều ấy lẽ nào không thể lập tức tu tập?

Hỏi: Nếu y cứ theo lời trình bày thì đều là cơ duyên giảm sút,

lẽ nào chỉ có ngày nay là không có cơ duyên? Nhưng cũng là Ngọc Thuyền trống rỗng xứng truyền pháp bổn, khiến dẫn dụ vật, mà lại theo lúc con người lui sụt trở lại tốt lành, làm thầy phải không?

Hỏi: Phụ hạnh nói: nếu y theo năm nghĩa sơ lược tu hành chứng quả có thể lợi tha thì tất nhiên là một ngã đường. Đây là nêu rõ không hiển bày sự nghe nhiều, vì tất nhiên là một ngã đường, làm sao có thể hiển bày đồng với cảnh ngắm nhìn, một ngã đường của tâm quán xét phải không?

Hỏi: Nếu chấp phương tiện đơn thuần là Giải, chứ không có Hành, hoặc thực tập phương tiện muốn che lấp tâm sổ phát khởi, vẫn phải dùng viên quán để trách cứ xả bỏ hay không? Hoặc do tâm Từ mà ngộ lý lại đi vào phần vị phải không? Huống chi nói sơ tâm đã có thể tu tập nhưng vẫn kết thành sáu tức ư?

Hỏi: Nói về pháp môn thì phải tìm được ý đó, không thể dùng danh tướng nhiều ít, vì nói về Thích Danh thì bốn chương ba quán tuy nhiều danh tướng, nhưng ý cho rằng chúng sinh đối với sự giải thích của Chỉ Quán; pháp không có chúng sinh tuy ít danh tướng, mà ý thành tựu quán Trung đạo sinh không. Sự đạt được ý nương vào chương cú dễ dàng trừ bỏ, lẽ nào không thành tựu giải hạnh hay sao?

Hỏi: Thượng Nhân dùng văn trái nghĩa ngược, đều có mười đoạn văn vặn hỏi, người ta không tìm cầu Chỉ Quán mà tu phụ pháp. Nếu được thầy giỏi giữ lấy ý chắc chắn thông suốt thì cần gì phải tìm đọc Chỉ Quán? Đã được khuyến tiến thì sẽ không lập tức tu theo nghĩa này, đã thành tựu thì hỏi làm gì?

Hỏi: Bắt đầu từ phát huy đến thư trả lời thắc mắc, đều lấy sự bàn luận đối với diệu tánh chân lý để quán tâm, do đâu lại nói quán sáu thức vọng tâm thành ba đế chân tâm, nghĩa này do ai giải thích?

Hỏi: Bắt đầu từ phù tông quán, đối với một niệm thức tâm và trạng huống các nghĩa, đều lập ra do tâm làm cảnh, sao áp chế oan uổng rằng tôi không chấp nhận quán sát vọng tâm? Thượng Nhân nói quán vọng tâm vào lúc nào mà tôi lại không chấp nhận?

Hỏi: Thị Châu đã nói tâm chẳng phải nhân quả, vẫn còn cố ý nêu ra chân như thanh tịnh phải không?

Hỏi: Nếu chuyển sang nghĩ rằng sắc do tâm tạo, chỉ nêu ra tâm tức là diệu lý, sắc báo của chính bản thân còn do tâm tạo, chúng sinh và Phật đều có tâm năng tạo, sao không phải đều là biện lý? Vì sao dứt khoát thực hiện nhân quả để giải thích Sự?

Hỏi: Tôi lập ra ba pháp đều có hai tạo, văn nào cho rằng chúng

sinh và Phật dựa theo sắc mà nói về tạo? Lẽ nào chẳng phải ba pháp đều có hai tạo? Thị Châu hoàn toàn không có nghĩa này, Thượng Nhân muốn lật đổ làm cái thấy của mình để nói, bèn trước tiên thêm vào cái lỗi của sắc tạo, làm kế sách trộm nghĩa, liền tự y cứ theo tâm đều nói về hai tạo, tâm tặc này Thượng Nhân đã tự mình nhận ra cho là vô báo ư?

Hỏi: Văn nào của Thị Châu có nói chúng sinh và Phật dựa theo tâm mà nói về năng tạo?

Hỏi: Ba pháp đều nói về hai tạo, đều có đủ thâu nhiếp nhau mới gọi là không khác nhau, Thị Châu đối với sáu nghĩa sự tạo của tâm còn chưa hoàn bị, vì y cứ theo tâm để nói về năng tạo, năm nghĩa khác vốn chẳng thể suy nghĩ vẫn còn cam chịu khuất phục phải không?

Hỏi: Thị Châu đặt câu hỏi vốn chắc chắn trong kinh nói là ba không khác nhau, là nói theo ba người hay nói theo một người? Trong trả lời thì dựa theo tâm mê ngộ mà nói về tất cả chúng sinh, Phật, tức phân định rõ ràng rằng nêu rõ đầu đuôi nhân quả không hai, cho nên nói ba không khác nhau, lẽ nào chẳng phải là phân định chắc chắn? Ba pháp trong kinh ở nơi một người, làm sao có thể thay thế chuyển sang giúp cho hiểu mình biết người?

Hỏi: Đã không y cứ do tâm, nói về hai tạo thì không dễ dàng hiểu rõ mình, nếu ví dụ người khác cũng lấy chân tâm tạo sự thì không dễ dàng biết rõ người khác, như vậy hiểu rõ có gì ích lợi?

Hỏi: Ba pháp Diệu Huyền đều phân định thuộc về Sự, vì sao Thị Châu phân định làm một Lý hai Sự?

Hỏi: Hai cảnh quán pháp của Chỉ Quán, hoàn toàn ở trong Danh Tự, do đâu thư trả lời thắc mắc nêu ra năm lần nói về tu hai quán, đều ở trong năm phẩm vị của quán hạnh? Tình cờ một hồi nói rằng năm phẩm sơ tâm sẽ tự quy về quán hạnh, sao bây giờ lại chuyển đổi, đem năm phẩm sơ tâm trở lại làm danh tự ? Đã rõ ràng tự quy kết về quán hạnh, vì sao lại làm danh tự?

Hỏi: Tám loại quán về Chỉ Quán thành tựu hiển bày nói là sơ phẩm, do đâu thư trả lời thắc mắc năm lần nói quán thành tựu đều là Tương Tự? Hơn nữa, năm lần nói năm phẩm mới tu hai quán, lại nói sơ phẩm quán thành tựu, ai không biết có thể chẳng phải rõ ràng là lừa dối ư?

Hỏi: Môn không hai kết hợp cảnh - trí - hành, ba pháp phù hợp nhau lập ra phần vị thiếu, thừa (giảm lạm), lẽ nào chẳng phải phần vị của sáu tức chọn lấy sự quá mức của ba pháp hay sao? Hơn nữa, chứng quả khởi dụng không lìa bỏ ba pháp, Thượng Nhân làm sao áp chế cho

rằng chỉ ở phần vị phàm phu?

Hỏi: Nếu cảnh, trí, hạnh hạn chế ở phần vị trước của Sơ Trụ, do đâu diệu lạc thông suốt với quả đã nói?

Hỏi: Nếu trí hạn cuộc ở Danh tự không chung với phần vị sau, lẽ nào lúc là hạnh hoàn toàn không ở nơi mắt? Nếu phàm phu Nhị thừa không có trí thì Danh tự không có cảnh, lẽ nào chẳng phải năm Tức đều không có Phật tánh hay sao?

Hỏi: Nếu trong từng phần vị lấy chánh hạnh làm trí, đem trợ hạnh làm hạnh để trình bày về diệu trí, đã đến cực quả diệu hạnh, do đâu lại trình bày về chánh hạnh? Còn ba trí diệu lạc đã đối với Diệu giáo lẽ nào đến Đẳng giác chỉ tu trợ hạnh thôi sao?

Hỏi: Thượng Nhân chấp rằng đích thực giải thích về ba pháp hoàn toàn không có tu hai tánh một, nay sao tự chấp nhận tám loại ba pháp là tu hai tánh một?

Hỏi: Môn bất nhị vốn nói về tất cả ba pháp ly hợp, Thượng Nhân kiên quyết chấp rằng chỉ dựa theo ba nhân để nói về ly hợp, nay sao tám loại lại có ly hợp?

Hỏi: Trước quán tâm này, đầu tiên y theo ly để nói về quán Thức, kế đến dựa theo hợp để nói về pháp trải qua, lẽ nào phải chính nơi ly ở trước nói về hợp ở sau; như chính thức giải thích ba trí dựa theo Ly, kế đến giải thích ba nhân dựa theo hợp, lẽ nào nói rằng Ly tức là ba trí, Hợp tức là duyên liễu, há trí chỉ là, không chỉ là Giả hay sao?

Hỏi: Nếu hợp Giải của ba trí làm liễu, hành của ba giải thoát làm Duyên, ba tánh hiển phát làm Chánh, như vậy dựa theo khai mà nói về Hợp thì có gì sai lầm, làm sao có thể lệch lạc nói rằng khai tức là ba quán, Hợp tức là giả không?

Hỏi: Trong Diệu Huyền chép: Chúng sinh, Phật cao rộng khó quán nhưng quán tâm thì dễ. Mười thứ quả pháp của Diệu Huyền này đích thực là quá cao, sao nói bàn luận điều này thì không dùng quán tâm?

Hỏi: Sau sự pháp của các văn vốn nói về quán tâm, lẽ nào chẳng phải bỏ khó lấy dễ? Thượng Nhân bác bỏ quán tâm tự lấy quả pháp làm lý quán, lẽ nào chẳng phải bỏ dễ lấy khó ư?

Hỏi: Thập Nghĩa Thư trích dẫn Tịnh Danh Huyền Văn, y cứ theo giáo trình bày về ba thân ba giải thoát làm sự giải, sau lại dựa theo quán tâm nói về ba thân, ba giải thoát. Thượng Nhân chỉ cho rằng sự giải kia, so với ba niết-bàn, hoặc rốt ráo bất sinh, đẳng bất tề này, sao không nói đầy đủ về nghĩa của bất tề?

Hỏi: Thượng Nhân nay đã nói: Ba thân và pháp trong Tịnh Danh

Huyền Văn không có nghĩa Tề của chúng sinh phải không? Chẳng hay Dục và Sự kia giải thích về quán, giải thích nghĩa gì mà nói về Tề, bất Tề, sao không nói rõ ràng?

Hỏi: Mười pháp diệu huyền này y cứ theo quả chứng, trong đó bao gồm mê nhân, nêu rõ đầy đủ tự hành hóa tha, hoặc là trí hay hạnh làm sao có thể gọi là ở bên cạnh chư Phật, bàn luận trực tiếp về lý tánh được?

Hỏi: Diệu Huyền phát khởi năm tâm, trong đó quả là trước tiên đưa ra quán tâm, ý của một cách giải trong các cách giải thích về quán tâm đều y cứ theo ấm mà nói về quán, làm sao có thể do không cần ấm cảnh tiêu trừ đối với năm tâm phát khởi không cần đến văn của quán cảnh?

Hỏi: Thích Thiên không phải quán cảnh mới gọi là tu quán, chính là trước nêu ra ý của quán giải, thật sự chưa chính thức trình bày về quán giải, làm sao có thể vội cho là cách thức của quán tâm?

Hỏi: Nếu chuyển sang nói tự cho rằng không cần chọn lựa nói ấm cảnh, không cho rằng chẳng cần bày tỏ tất cả ấm cảnh và thích thiên, nay xóa bỏ văn, nêu rõ ấm đều đi vào quán môn, nếu không chọn ấm thì sao có thể đi vào quán môn được?

Hỏi: Văn quán tâm kia chép: Pháp trong ba cõi không khác nhau, đều do một tâm này tạo tác, đại ý của Chỉ Quán đều lấy điều này bày tỏ chọn ấm, sao diệu huyền quán tâm khác nhau không phải như thế? Vả lại, đã đối với văn quán tâm, lẽ nào dùng nguyện cảnh và sinh giải để tiêu trừ hay sao?

Hỏi: Nhân Chuyển Kế nói: Tự là hành nhân tu tập Chỉ Quán từ lâu, thâu nhiếp pháp nhập vào ba ngàn ba đế, trong tâm không cần đến huyền văn chọn lựa nêu bày cảnh ấm. Nói như vậy rất trái với thích thiên, tự khiến cho người giảng giải tiêu trừ đi vào quán môn, chính là Tông Sư giữ lấy chọn lựa nêu bày, cho nên không cần đến giáo văn Chỉ Quán, nói vừa nghe lập tức tu, sao nói người học tự mình có thể?

Hỏi: Thượng Nhân lại trả lời rằng: Chưa tu tập Chỉ Quán, vừa nghe sự pháp mới có thể biết, phải nương vào Chỉ Quán mà tu. Điều này thì đương nhiên trái với thuyết “tức văn tức tu” của diệu huyền. Đã cần đến giáo văn Chỉ quán, chọn cảnh nêu rõ diệu, lẽ nào chẳng phải trái với Thích Tiêm, không cần nói về quán cảnh hay sao?

Hỏi: Nếu không thâu nhiếp sự pháp nhập vào ấm, tâm tu quán hiển phát, sao gọi là thâu nhiếp sự thành lý được?

Hỏi: Nếu nói không cần văn của quán cảnh, thì cách thức quán

tâm ấy, dù cho nói không cần ấm cảnh, thì lẽ nào không cần tinh tiến mà tu tập hay sao?

Hỏi: Quán các sự pháp chưa rõ ràng, chọn cảnh còn phải tinh tiến mà tu, quán tâm sâu xa đã chọn làm sao không có thể tu?

Hỏi: Đã chấp nhận Môn Bất Nhị, trích lấy mười diệu làm Đại Thể của Chỉ Quán, sao không chấp nhận các ý đạt được, sự đem diệu ý của mười môn nhập vào sự Pháp làm Thể của quán?

Hỏi: Đại Sư giảng nói khai giải mười pháp này, sau đó bèn hợp lại đốc thúc mọi người quán tâm cho nên có quán pháp, Chương An chế tác, truyền nghĩa Đại kinh, đã không phù hợp với mọi lúc, lại gian nan nhưng tuyên nói giáo nghĩa nhờ vào các thế hệ sau Sư, nhằm vào các bộ khác để nêu rõ cho người, người học do sự am luyện ấy, lẽ nào tự mình tìm đến các bộ hay sao?

Hỏi: Đầu tiên thực tập quán Sự pháp của huyền sớ, mọi người giữ lấy sự giải thích thông suốt về Chỉ Quán đó, như dẫn chứng các kinh nói về Chỉ Quán tu nhập ấy, lẽ nào gọi là các kinh tu nhập hay sao?

Hỏi: Nếu đầu tiên thực tập Chỉ Quán chưa hiểu, nay trải qua Sự pháp quán môn có thể hiểu được, như dùng pháp quán Vô sinh để độ nhập vào sinh môn, lẽ nào gọi là hiểu được môn vô sinh hay sao?

Hỏi: Tôi dẫn chứng Nghĩa Lệ chỉ thấu đạt pháp tánh mà không nói là thấu suốt ấm, đã là đoan tọa mười thừa, lẽ nào không thấu đạt ấm là pháp tánh, dùng ví dụ trích lấy sự trở thành Lý, tuy không nói là nhập ấm, về sau trong quán giải đã lập ra ấm cảnh, xem xét cần phải trích lấy Sự nhập ấm quán Lý, mới gọi là trích sự thành lý. Sao Thượng Nhân lệch lạc nói rằng ý gọi là pháp tánh, không liên hệ với ba ngàn?

Hỏi: Trong thư giải đáp thắc mắc, Thượng Nhân dẫn chứng văn này: "Chánh viên đàm pháp tánh nghĩa đồng lý quán", lý quán đã không xem xét thấu suốt được ấm, lúc này Thượng Nhân không biết y theo Hành cần phải quán ấm tâm. Nếu không như vậy, thì vì sao dẫn ra "Chứng vô ấm lý quán" này được?

Hỏi: Diệu Huyền dùng ba quỹ phạm thông suốt mười pháp, huyền văn này dùng vô lượng pháp tánh sâu xa xuyên suốt mười pháp, vì sao trong đây có thể nói lấy pháp tánh dung hòa với pháp được?

Hỏi: Nếu Diệu Huyền thì còn không dùng pháp tánh dung hợp với quả tròn đầy của mười pháp, làm sao có thể dung hợp với nhân quả khác, lại làm sao có thể khai ra Nhị thừa?

Hỏi: Thư trả lời thắc mắc trình bày nói rằng huyền văn đó không dùng pháp tánh để dung hợp, cho nên dùng quán tâm để quán mười

pháp trước, nay sao lại chuyển sang nói quán ba giáo, ba quỹ phạm, và trích dẫn văn tướng?

Hỏi: Ba giáo quỹ phạm trong Diệu Huyền, đã nói là từ một khai triển thành ba, lại mỗi giới đều dùng Như Lai Tạng để thâu nhiếp, làm sao có thể trở lại dùng quán tâm mà dung hợp? Huyền văn ba giáo mười pháp này, không nói rằng từ thật tế khai triển ra chưa thành tựu trong tạng lý dung nhiếp, vì sao lại không dùng quán tâm để dung hợp?

Hỏi: Nghĩa Lệ tự chép rằng nhờ vào Sự để dẫn dắt Tình, làm sao có thể tự chọn lấy phụ pháp để quán tình?

Hỏi: Nếu nhờ vào Sự luôn luôn dẫn dắt Tình hoàn toàn không có tướng tu, vì sao trong Kỳ Sơn quán, khiến ở nơi này nói về phương tiện chánh tu?

Hỏi: Cho dù nói dựa theo Tình của ông, bỏ đi “chấp giáo quên hành”, mười pháp trong Diệu Huyền đều lấy một niệm, dùng sáu tức giải thích đến cực qua, tại sao lại dùng quán tâm nêu rõ hành? Huyền Văn này chỉ y cứ theo Tín giải để nói về pháp tướng của bốn giáo, sao có thể tự bỏ đi cái Tình “vong hành”, sao không có quán tâm nêu rõ hành?

Hỏi: Mười pháp diệu huyền dựa theo đề mục của pháp mấu, chẳng phải là lý dung hợp? Mười pháp diệu huyền này dựa theo dụ của vàng thế gian, lại có thể là lý dung hợp hay sao?

Hỏi: Chỉ quán kết hợp thành đề mục gọi là “kết văn tướng”, sự pháp quán tâm ở mọi nơi gọi là “hành lập”, khiến cho vừa nghe liền tu, lẽ nào lại là cùng loại hay sao?

Hỏi: Quán tâm trong phát tâm y theo tâm sổ của chính bản thân, chúng sinh mới hiểu rõ so với quán sát dứt trừ, đâu tự chọn làm kết thúc cho văntướng và nêu rõ hành được?

Hỏi: Thượng nhân vốn chấp rằng: Huyền Văn này nói về mười pháp, hoàn toàn là lý quán trực tiếp hiển bày tâm tánh siêu việt hơn hẳn diệu huyền, cho nên bác bỏ phụ pháp quán tâm, nay sao hoàn toàn đồng với “pháp giới thứ đệ”? Nêu ra các pháp số, lại học ba quán ấy, tự dùng quán pháp dung hợp thì thành tựu. Huyền Văn này hoàn toàn không nói đến Lý quán, hoàn toàn không hiển bày tâm tánh, mới tự phát huy, đến nay nghĩa trạng đã nói trong chốc lát bị trừ bỏ, văn quán tâm này tự trở thành chân thuyết.

Nghĩa mục ở đây hoàn toàn là ý phế lập quán xưa nay, hoặc đối với các chất vấn này không thể trả lời, vã lại nếu trả lời không tận cùng lý lẽ thì nói lên sự phá bỏ càn rỡ đối với chánh văn quán tâm, nhưng

tâm hành của Thượng Nhân vẫn còn nhiều ngôn từ không chuẩn mực, nghĩa đã hủy hoại che giấu không nói, cho văn dù trả lời cũng là phần lớn vội vàng sửa đổi, khiến cho xem xét có phần nào được mất, thảo luận không dứt xưa nay, do đó nay nêu ra những điều ở trước, mong trả lời đầy đủ và giảng giải sơ lược về nghĩa lý cho người đời sau biết. Hỏi có nguyên do nên thỉnh cầu Thượng nhân, chỉ đem những lời văn chất vấn đã nêu đích xác trong mục trước của thư, dùng những lời đã đáp rõ ràng để viết tiếp thành văn, đừng lấy nghĩa lý của mình ở thư trước giống như loại tiêu văn bất thiện, chớ n1oi khoa sau bao gồm trả lời giống như cách hiền bày thẳng tâm tánh, ngõ hầu nêu rõ tà chánh khiến cho minh bạch được thu, phải đạt đến cực lý chắc chắn thấy được sở quy. Chỉ nguyên Thượng Nhân chính trực tu tâm lưu thông giữ niệm, đừng chú ý đến danh dự trống rỗng trong tạm thời, mong giúp đỡ chân tông từ ngàn năm, khiến cho giáo quán Bất không thấy được lời nói và việc làm cùng chuyển vận, lợi hại rất lớn, tội phước không nhỏ, cần phải thủ chứng ở thần minh lẽ nào gắng gượng thực hành với sự nguyền rủa hay sao? Nếu tâm không dua nịnh ton hót lừa dối thì chắc chắn lời nói sẽ kiểm chứng mau chóng, xin suy tìm xưa để thấy so với nay, nếu lời nói đúng như kiến giải chân thật để bác bỏ giáo văn thì tội lỗi sẽ ít hơn, hoặc cho dù tâm lừa dối và hủy báng Phương Đẳng thì tai họa chắc chắn không muộn màng, thiết thực nên suy nghĩ kỹ càng đừng khinh lờn Thánh pháp, ngộ và chưa ngộ, báo đáp hay không báo đáp, mau chóng hồi âm thì mới có dẫn chứng đích xác.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

TỨ MINH THẬP NGHĨA THƯ

SỐ 1936
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1936

LỜI TỰA KHẮC LẠI TỨ MINH THẬP NGHĨA THƯ

Viên tông quán đạo sâu xa rộng lớn vô cùng, chắc chắn phải nhờ vào sự khai bày quyết định của bậc thầy trong tông môn, lại tự mình chọn lựa tinh tế mới dễ dàng thông đạt. Nếu không như vậy thì người danh cao tuổi lớn vẫn còn lạc đường mất chánh, huống chi người mới học hậu tiến không đi vào nẻo tà nguy hiểm, thì ít vi làm sao. Xưa kia, ân sư Từ Quang hai lần giảng kinh Hoa Nghiêm mà không sâu sát với bổn giáo,lạm dụng tông khác, vội vàng phân định nhất niệm làm chân, từ đó đến nay tông môn cảnh quán bị rối loạn vô cùng, rốt cuộc khiến cho Viên đàm xếp vào tánh sai lầm do trực tiếp hiển bày tâm tánh mà phế bỏ ánh sáng huyền diệu rộng lớn vốn có. Vậy là Tôn giả Tứ Minh tiếc cho chánh giáo, thương xót đời sau mông muội, nên cố gắng cùng với Phạm Thiên Chiêu Sư hỏi đáp qua lại, tất cả có đến năm lần, Thập nghĩa thư này trích lấy văn của năm lần kia mà biên tập lại thành, một khi mở sách này ra không chỉ lật qua lật lại, trước sau rõ ràng sất dễ xem thấy, cũng là phân định cảnh tu quán nhờ vào sự giúp đỡ pháp, diệu giải diệu hạnh, duy sắc suy tâm, tất cả quán đạo mơ màng, lúc ấy liền rõ ràng sáng tỏ. Than ôi! Vì tà thuyết của ngoại đạo mà chánh nghĩa quán tâm lật lại để hiển bày sự do dự đó của thế hệ Chiêu Sư nên lau chùi núi vàng quét sạch lưới giăng. May sao sách này đã từng lưu thông, đến chốn này mà còn không thể mở mang ở đời, nên người không biết đó là điều vô cùng quý báu. Cho đến khi Hòa-thượng của tôi nhiều lần diễn giảng xưng tán thì người học khắp nơi cùng hiểu biết rõ ràng về ánh sáng của quán đạo. Lúc này, nếu muốn hiểu rõ tông giáo

của Thiên Thai kinh Khê, thì chắc chắn phải nương vào chỉ nam của Tứ Minh thì trước nên tinh luyện Thập Nghĩa Chỉ Yếu. Hai chuẩn mực này không tinh tế thì đối với quán đạo của tông phái này không thể hiểu rõ được. Nhưng Nghĩa Thư hiện đang lưu hành viết sai không ít, văn tự của người chú giải lại trúc trắc nên khó thấy được bệnh của người đọc. Nay để đính chính những sai sót ở trên, hơn nữa hết lòng nêu rõ khoa mục của Sư ở trong văn từ để thay thế người học phải vất vả hợp sức viết ra. Người hậu học đọc rất kỹ sách này, chịu khó chăm chỉ thì sẽ giải thích tông giáo thông đạt quán đạo tự tại vô ngại; giống như chẻ tre, đốt đầu tiên đã chẻ toang thì các đốt còn lại đều toác ra dễ dàng. Người học đối với điều này chẳng thể không để ý.

Bấy giờ là Thượng tuần tháng Bảy năm Bính Thìn.

Đường Sơn Tỳ-kheo hiệu Nghĩa Thụy kính ghi.

LỜI TỰA THẬP NGHĨA THƯ

Nguyên do soạn ra Thập Nghĩa Thư là trước đời Tống Cảnh Đức có hai bản Quảng - Lược về Quang Minh Huyền cùng lưu hành ở đời, Tiền Đường Từ Quang Ân Sư soạn ra bài ký gọi là phát huy, chuyên giải thích về bản lược, cho rằng bản Quảng có mười pháp quán tâm chính là người đời sau tự ý thêm vào mà thôi; Thiên Thai lại giải thích văn của Đế Vương liền phê bình, cho là có bốn sai lầm: một là trái ngược với lý, hai là nghĩa còn sơ sài, ba là từ ngữ hẹp hòi, bốn là lầm lẫn về sự; bản Quảng bác bỏ như tiếp trong Di Ký. Có hai đệ tử là Tiền Đường Phụng Tiên Thanh Sư và Gia Hòa Linh Quang Mẫn Sư, cùng kết hợp nạn từ tạo ra hai mươi điều, giúp cho thành nghĩa của Sư, cùng nhau bác bỏ bản Quảng. Tiền Đường Bảo Sơn Thiện Tín pháp sư, nhận được thư thành khẩn cầu thỉnh Pháp Trí bình xét. Pháp Trí nhún mình nói: "Bình xét là bàn về điều sai, tức là gần với sự cạnh tranh, không phải là chí nguyện của tôi. Huống chi vì hai Sư có sự học vấn hiểu biết hơn người, thấu suốt mọi lẽ trước đây của tông phái tôi, làm sao có thể noi theo như thế mà cự tuyệt được?". Tín pháp sư lại thỉnh cầu rằng: "Trống Pháp đua tiếng, đâu trước đâu sau, việc nhân đức đối với Sư không nhường ai, huống chi người khác?". Bởi vì kiên quyết nhường nhịn cho nên không tránh được, do đó có sự giúp đỡ đối với tông môn và soạn ra thư giải

thích vấn nạn, chuyên cứu giúp mười loại quán tâm của bản Quảng, bao gồm chỉ trích cái sai vì không hiểu mà sinh ra sự chọn cảnh quanh co, cái mất vì quán trở thành qua từng pháp một. Tiền Đường Phạm Thiên Chiêu Sư, Cô Sơn Mã Não Viên Sư đều là học trò của Phụng Tiên, soạn Biện Ngoa xem xét cái sai của Thích Nạn, cứu lấy cái được của Phát huy. Pháp Trí còn giữ lễ tiết khiêm nhường, soạn ra Vấn Nghi Thư để vặn hỏi, Chiêu Sư không lẫn tránh mà lại có Đáp Nghi Thư. Pháp Trí lại có nêu ra Cật Nạn Thư, Chiêu Sư trả lời bằng Cấu Ngũ Nghĩa. Pháp Trí lại viết Vấn Nghi Thư bắt bẻ lại, Chiêu Sư dừng lại hơn năm. Pháp Trí lại có Thúc Vấn Thư trả lời, Chiêu Sư có Thích Nạn này, đảo lộn thành văn không được đầy đủ. Qua lại đều có năm lần liên tục, trải qua bảy năm, chứa nhóm kết hợp văn trước sau mười lần, thành Thập Nghĩa Thư này. Lại có hai trăm câu vặn hỏi, không nêu ra trước sau, năm lần rơi vào thất bại, bốn phen chuyển sang suy tính. Đầu tiên chỉ y theo giáo mà giải thích chính đáng, lại thuộc về Lý quán quán tâm. Pháp Trí chỉ trích rằng: "Dùng giáo thay cho quán, nào ngờ lại thành có quán mà không có giáo". Chuyển kế thứ hai nói: "Phải biết rằng, lý quán quán trực tiếp vào chân tâm, đương thể quang minh, lại cho là vọng pháp". Pháp Trí chỉ trích rằng: "Quán tâm đang mê, lại cho là thuộc về chân tâm, đương thể quả pháp, lại cho rằng thuộc về Vọng". Chuyển kế thứ ba cứu vãn lỗi của chân tâm, thay đổi chân tâm gọi là pháp tánh, ý cho rằng: Pháp tánh chung cho cả chân và vọng, bởi vì tùy duyên lẫn lộn, chuyển thành Sự Lý hai tạo, tâm thuộc về phi chân phi vọng, chúng sinh và Phật là chân vọng, cứu đỡ chân tâm trước đó, cũng không chuyên về chân hay về vọng. Bởi vì không chuyên về vọng cho nên chỉ trích sự chống đối của Pháp Trí. Chuyển kế thứ tư nói: "Diệu lý mười thừa là cảnh sở quán". Pháp Trí phá bỏ rằng: "Cho nên ba chướng bốn ma là quán cái năng quán ư?" Chuyển kế liền rơi vào thất bại, cùng với căn bản đầu tiên, cộng lại thành năm lần. Lại nữa, Pháp Trí dẫn ra tiếp tục trình bày vặn hỏi về Ấm cảnh, Chiêu Sư lại nói: "Chỉ quán ấm,có mất mới tìm kiếm. Trọng Ni nói: "Lời của pháp ngữ, có thể không theo hay sao? Sửa đổi thì mới quý trọng, vì thế nay sửa đổi". Pháp Trí tiến tới khen ngợi rằng: "Thượng Nhân có chút tánh linh, có thể phân biệt khoa tiết, sao không ra sức vậy? Bỏ ngắn theo dài, thấy đẹp biết xấu, nay lai ra sức quán ấm, nhờ ai mà biết?" Cảnh Đức năm thứ tư, Cô Sơn Viên Sư là người đồng môn với Chiêu Sư, Pháp Trí cử đến cư trú ở Đông Dịch Sơn Thần vốn giống như Đại Sư Chiêu, ở dưới trướng, hằng ngày hướng về Thập Nghĩa Thư và hai trăm câu hỏi, đến Tiền Đường vặn

hỏi. Gặp dịp Thập Đại Sư dừng lại, hy vọng ở cạnh giúp đỡ, cùng nhau phân biện. Cô Sơn quan sát sự biện luận của hai người, giống như trực tiếp đối địch, chắc chắn là cùng môn hạ. Tự cho rằng: Nghĩa rồng sao chịu khuất phục hươu nai, bèn nói cho Tiền Đường biết giữ gìn, trả lời để công bố chứng cứ, không để bị bắt cử. Tuy nhiên, chỉ chú trọng bàn luận, triệt hành sâu xa, cho dù ma đốt cháy kinh Phật, vả lại không thể đốt cháy cái thiện của tánh đức, cho nên giáo quyển thường trụ, làm sao dứt được. Nay có Tống Hi Ninh, cách nhau hơn tám mươi năm, trùng hưng lại văn này, lưu hành rộng rãi ở đời. Triết Hữu Học Hiệu, giảng giải luyện tập văn này đã nhiều, cho nên được nêu rõ công lao khắc chạm thành bản, thay cho sự vất vả truyền bá viết chép của người học. Trụ tại viện Pháp Minh ở Vĩnh Gia, Tôn Kế Trung đời thứ nhất, đưa ra truyền thụ cho học trò, để viết chép ấn hành hai bản, vừa đối chiếu vừa xem xét, nghĩa đó giống nhau mà pháp cú thiếu thừa, văn tự lẫn lộn sai lạc. Xưa hướng đến đình của quảng trí, mỗi khi mông muội để lắng tai đưa tay; nay y theo nghĩa mà dứt bặt văn từ, vội vàng lạm dụng bình xét phân định, hoặc có gì tốt hay không? Mong người học cùng thấy điều đó, lại là chỉ nam cho người học mà thôi.

Niên hiệu Hi Ninh năm thứ chín, ngày Ký vọng, tháng giữa Đông ghi lời tựa.

SỐ 1936

TỨ MINH THẬP NGHĨA THƯ

QUYỂN THƯỢNG

Niên hiệu Cảnh Đức năm thứ ba, ký vọng tháng Chạp, Tứ Minh Sa-môn, tỳ kheo Tri Lễ, kính cẩn dùng tâm làm pháp, hỏi nghĩa vời Triết Dương giảng chủ, Chiêu Thượng Nhân [ngồi trước]; ngày hai mươi ba tháng mười, hai người Lai - Văn nhập thất, truyền gọi đến giải thích một loạt về thư chất vấn, kết hợp nhiều lời lẽ thô kệch, muốn ngăn chặn người đến vặn hỏi, đã lập tông mà tự thất bại, chỉ có việc dẫn giáo để quy về đâu, đều là sự bàn luận vô nghĩa, tất cả là sự giảng nói, dối trá của người khác. Nếu tùy theo văn tỏ bày vặn hỏi, sợ rằng đại tiết khó rõ ràng, cho nên đối với một khoa quán tâm, lập nên mười đoạn vặn hỏi, huống hồ Thượng Nhân xưa nay rõ ràng không trốn tránh, dùng Biện Ngoa để trả lời thắc mắc, tự nói mình là Tăng sĩ hẹp hòi, sớm chứa nhóm nhiều sự khiêm cung, vì vậy cầu thỉnh hỏi han thêm nhiều vì lễ, do đó hỏi chẳng bao nhiêu, trả lời nhất định chu toàn.

Lại nữa, tạm thời nhờ năm nghĩa mà thấy chứng cứ, đã tức thời thủ thúc, nay y cứ theo mươi môn phân định vặn hỏi, không thoái thác cho nên dùng lời lẽ vùng vằng, ngừng làm việc, tra tìm văn trong nhiều bộ, qua hơn năm tiến hành suy nghĩ, nhân tiện thỉnh cầu, chân thành thẳng thắn nói ra nghĩa lý, tùy theo giải thích mau chóng hồi đáp, thật là may mắn và rất mong tin (Nghĩa lý trước sau của Thượng Nhân, đều qua hai năm. Nếu nghĩa lý minh bạch từ lâu, chung quy không kéo dài muộn màng đến thế. Bởi vì tìm kiếm khắp mọi giáo bộ, kết hợp tất cả sự thấy biết, có nhiều điều trái ngược tự tông, hoàn toàn hại đến diệu đạo, nguyện suy nghĩ để hồi báo, không nên buông lung, để tâm ton hót).

Biện Ngoa vốn lập ra, mười loại ba pháp sâu xa này, trình bày thuần về lý quán, không cần đến sự phụ giúp mà quán, v.v...

Kinh Khê nói: "Như thường ngồi chẳng hạn, hoặc chỉ là quán lý,

tùy theo tự ý từ cái vụn vặt để xử lý". Đã nói là trình bày thuần về lý quán, chính là ba thứ tam-muội, chú trọng khiến cho ở nơi thức ấm tu tập mười thừa.

Còn thư trả lời thắc mắc nói: Huyền Văn này trực tiếp hiển bày tâm tánh.

Vả lại ba loại pháp quán, đều hiển bày tâm tánh, nhưng hai quán Sự - Pháp, đã nhờ vào Sự nghĩa quán tâm, và phụ Pháp tướng quán tâm, tạm thời không trực tiếp hiển bày, chỉ y cứ theo Hành quán xét trực tiếp, đối với ấm tâm hiển bày tánh của ba ngàn, mới gọi là trực tiếp hiển bày tâm tánh. Dựa vào hai thư này, phân định chắc chắn mười loại ba pháp sâu xa này, đã là quán xét y cứ theo Hành, nên có thể bác bỏ phụ pháp quán tâm này.

Đã là Lý quán y cứ theo hành, trực tiếp hiển bày tâm tánh, mười loại ba pháp trong văn, tại vì sao không chọn lấy nêu rõ thức tâm làm cảnh, sao không có mười pháp thành thừa? Đã hoàn toàn không có nghĩa này, thì chắc chắn chẳng phải Lý quán.

Lại nữa, văn từ tự chú trọng bàn luận về quả Phật pháp tướng, chắc chắn không phải là trực tiếp hiển bày tâm tánh. Thượng Nhân vốn cho rằng vì đã là y cứ theo hành mà quán xét, cho nên có thể bác bỏ một khoa quán tâm này. Đã chẳng phải là quán theo Hành, thì văn quán tâm ở sau, lẽ nào có thể vội vàng bác bỏ ư? [cho dù muốn dựa vào các văn quán tâm, cũng chỉ trở thành nghĩa của sự pháp quán, rốt cuộc không phải lý quán, huống chi lại phụ pháp không được].

Vậy thì một khoa quán tâm này, đã không thể bác bỏ được.

Huống chi Thượng Nhân tự mình lập ra hai loại quán tâm về Sự - Pháp, chỉ có hai ý: Một là khiến cho người tu tập Chỉ Quán, thấy Sự tướng, Pháp tướng, sẽ không quên sự tu tập vốn có; nêu rõ hai loại quán tâm. Hai là người chưa tu tập Chỉ Quán, quên đi đối với sự che phủ trì trệ, khiếncho biết phát khởi hạnh, chắc chắn sẽ nương vào Chỉ Quán; nêu rõ hai loại quán tâm.

Nay văn tạm thời bỏ ba quán một, chọn ấm để tu quán,vừa xứng hợp với người tu tập vốn có, lại có thể chuẩn bị trước để nêu rõ cho người tu Chỉ Quán, cần phải biết chỗ để khởi quán. nếu cương quyết bác bỏ văn này thì không thể nào nêu rõ Chỉ Quán hạnh môn cho người chưa tu. Thế thì một khoa quán tâm sâu xa này, không thể vội vàng bác bỏ, y cứ theo Hành để quán xét thì nghĩa đã thất bại, văn của phụ pháp quán tâm lại không thể bác bỏ được, Đế Tuệ Vương sao có thể vội vàng dứt bỏ?

Sự nghị bàn đã đến đỉnh điểm, còn lại gì để luận? Chỉ vì đạt tiết của tông này, đã bị Thượng Nhân giảng giải khác đi, làm hại những người sau kia, cho nên không gặt hái được, tạm thời đối với quán tâm, sơ lược hỏi về mười nghĩa, mong mau chóng trả lời rõ ràng!

- Không hiểu về pháp năng quán.
- Không nhận biết tâm sở quán.
- Không phân biệt hai cảnh trong ngoại.
- Không giải thích hai sự tạo lý.
- Không hiểu rõ công phu quán pháp.
- Không lĩnh hội lời hỏi về tâm pháp.
- Không biết rõ địa vị của quán tâm.
- Không thông suốt ý nghĩa quán tâm.
- Không khéo tiêu văn.
- Không rảnh nghiên cứu lý.

THỨ NHẤT: KHÔNG HIỂU PHÁP NĂNG QUÁN.

Nói về bình luận Phật Pháp, chắc chắn phải hiểu nghĩa quyết định, lời nói phải đích xác, biết thắng biết bại, có thể tiến, có thể lùi, nếu tâm không có nơi hướng về thì ngôn ngữ tự nó sẽ trái nhau, đã thất bại mà lại tiến lên thì chắc chắn không thể nào bàn luận đạo lý với nhau. Đó là lời khuyên nhắc của thầy tổ tôi. Nhưng nay vì thương tiếc cho Đại giáo, cầu mong dừng lại không được, cho nên nói sơ lược về ngọn nguồn, khiến biết được đôi chút về sự được mất kia.

Vả lại trong Phát Huy Ký, lập ra bác bỏ quán tâm cho nên nói: Mười loại ba pháp sâu xa này, vì Đại Sư giúp đỡ thuận theo văn kinh, pháp tánh viên đàm, đầu tiên từ tánh đức ba đạo, cuối cùng đến quả ba nhân đức {Chánh thích và phân biệt, đều từ ba đức cho đến ba đạo, cho nên lập ra trước sau không trái ngược với những gì thấy trong văn }, mỗi ba pháp đều là diệu tánh, mỗi diệu tánh đều là chân nguyên, lẽ nào đây là thuần túy bàn luận về bên ngoài chánh pháp, lại phải lập ra quán tâm ư?

Phù Tông Ký Thích chép: “Quán tâm là chánh thức bàn luận về quán pháp, mục đích nêu rõ hạnh môn, phải đối cảnh để trình bày về quán khiến cho hoặc chướng trừ diệt và quả được thành tựu”. Lẽ nào đây là viên đàm pháp tánh thì không lập ra quán tâm hay sao? Như pháp Hoa Huyền nghĩa đã trình bày về pháp tướng, bỏ cạn cợt theo sâu xa, mỗi pháp đều đến nơi vô tác, lại dùng hai diệu phân tách, lẽ nào không phải là viên đàm pháp tánh ư? Vì sao phải lập ra quán tâm? Nếu

cương quyết bác bỏ văn này thì ngăn chặn thấu suốt con đường đến quả và cửa ngỏ nhập lý của chúng sinh, thì hoàn toàn mù tịt về mấu chốt giải hạnh của một tông phái.

Dựa vào giải thích này, sau khi trình bày rộng về mười loại ba pháp, thì phải có một khoa quán tâm, không thể vội vàng bác bỏ, nghĩa của phát huy đã thất bại ở điểm này.

Vì Thượng Nhân gặp phải vặn hỏi này, đã chỉ biết có Giáo mà không có Quán thì trái với bổn tông, mới dùng giáo thay cho Quán mà cứu vãn quanh co, cho nên soạn ra Biện Ngoa chép: "Quán có hai loại: một là lý quán, hai là sự quán," Nay nói không cần quán tâm, chính là không cần giúp đỡ sự mà quán, thế thì đâu cần bàn về mười loại ba pháp, đầu phàm sau Thánh, nêu quả gồn nhân, chẳng gì không dùng một pháp tánh để xuyên suốt, chẳng gì không dùng sáu tức vị mà thành tựu, thì khiến cho các pháp bình đẳng không khác nhau, lẫn lộn mà làm thành một, mọi sự hoàn toàn trở thành pháp giới, mọi tâm hoàn toàn hiển bày kim quang. Như vậy thì lẽ nào chẳng phải thuần túy trình bày về Lý quán ư? Cho đến nói niệm niệm viên giải, tâm tâm tương tục, lo gì không chứng quả nhập lý? Và dẫn chứng Phổ Hiền quán ngồi yên lặng nghĩ về thật tướng, mọi tội lỗi giống như sương móc, mặt trời trí tuệ có công năng tan biến để làm chứng cứ, tức là kết luận rằng: Lẽ nào chẳng phải là Lý quán ư? {Trên đây đều là văn trong Biện Ngoa}.

Đã nói đích thực giải thích về mười pháp là thuần túy trình bày Lý quán, thì chú trọng là Chỉ Quán.

Vì thế trong Vấn Nghi Thư vặn hỏi rằng: Hai quán Sự - Lý, tức là kinh Chiêm Sát, Duy thức và Thật tướng quán, bốn loại tam-muội của Chỉ Quán, không ngoài hai quán, Duy thức trải qua Sự, Thật tướng quán xét Lý. Phụ hạnh chép: "Như thường ngồi chẳng hạn, hoặc Chỉ Quán xét Lý, tùy theo tự ý, từ cái vụn vặt mà xử lý". Do đó vặn hỏi rằng: "Nếu cho mười pháp tức là Lý quán, thuận theo Huyền văn này, đã là ba tam-muội. Vì Chỉ Quán kia, chọn nêu rõ thức tâm, quán pháp ba ngàn, mười pháp thành tựu nhân đó sách tiến người thực hành, đi vào nội ngoại phàm, bước lên địa vị Sơ trụ, mới là Lý quán".

Thượng Nhân chỉ biết dùng Giáo thay cho Quán, cứu vãn sai lầm khi bác bỏ quán, mới có thể nói mười pháp thuần túy là lý quán, không ngờ lại thành có Quán mà không có Giáo.

Cho nên Vấn Nghi Thư hỏi rằng: "Nếu đây là thuần túy nói về lý quán, thì có Quán mà không có Giáo, đâu có gần bên Chánh được?"

Sau khi Thượng Nhân bị vặn hỏi, lại biết là mười pháp chẳng phải

lý quán, cho nên soạn ra Đáp Nghi Thư, ung dung sửa đổi, thế nên cho rằng: "Bởi Huyền Văn trực tiếp hiển bày tâm tánh, nghĩa đồng với lý quán". Lời nói đã không chuẩn mực thì nghĩa sẽ tự thất bại.

Như người không biết quả dưa hay quả bầu, cho nên nhận lầm dưa, dứt khoát cho là bầu, và bị người biết rõ chê bai, thì người nói sai ấy, mới cho là hình dạng giống như bầu. Đã lấy sự tương tự làm chân thật, cho nên không thể dùng lời nói của người này, dứt khoát xác nhận tướng trạng của vật đó.

Hơn nữa, vì vốn thiết lập trực tiếp hiển bày tâm tánh, nghĩa đồng với lý quán, tạm thời gọi là Tâm tánh, trong Thích Tiêm phân định ở nhân, nay đã tự chấp nhận mười loại ba pháp, quả là chứng đắc của Phật, thì toàn chẳng phải trực tiếp hiển bày tâm tánh, đã không phải trực tiếp hiển bày tâm tánh, thì tự nó không đồng với lý quán.

Và hơn nữa, cho dù Thượng nhân có ung dung sửa đổi nghĩa đồng với lý quán, và thường ngồi chẳng hạn, chú trọng thiết lập ấm tâm làm cảnh, tu quán mười thừa cho dù không hoàn toàn giống nhau, cũng phải sơ lược có cảnh quán, mười loại ba pháp, đã không nghe chọn ấm, thì lấy nghĩa nào đồng với lý quán?

Do đó trong thư vặn hỏi rằng:"Dùng mười nghĩa kiểm chứng mười pháp sâu xa này, không phải là nghĩa của lý quán, thì điều thiết lập của Đáp Nghi Thư lại thất bại về nghĩa, tuy nhiều phen thua cuộc mà tâm không chịu chấp nhận".

Lại soạn ra Ngũ Nghĩa Thư rằng: "Nghĩa của quán tâm, có ba loại, chỉ có Chỉ Quán y cứ theo hành mà quán tâm, mới lập ra các ấm làm cảnh, chọn nêu rõ thức tâm để làm sở quán. Nếu giúp đỡ pháp nhờ vào Sự thì hai loại quán tâm chỉ là trực tiếp giùp đỡ sự tướng và pháp tướng, quán thâu nhiếp Sự thành Lý, đều không lập ra ấm nhập làm cảnh. Cho nên nói: "Xin tìm kiếm trong giáo nghĩa của một tông phái, còn có quán dựa vào sự giúp đỡ pháp, lập riêng ấm nhập làm cảnh hay không? Nếu có điều đó chắc chắn mong được nêu rõ".

Hơn nữa, Thượng Nhân tự nói rằng: "Mười pháp thuần túy trình bày về lý quán, không cần giúp đỡ Sự mà quán". Đã nói thuần túy trình bày về lý quán, thì biết chú trọng về Chỉ quán y cứ theo hành mà quán tâm. Nếu có chút bao gồm Sự tướng pháp tướng, thì sao gọi là thuần túy nói về Lý quán; nếu có đôi chút về Phật pháp, chúng sinh pháp, sao gọi là trực tiếp hiển bày tâm tánh? Trong thư vặn hỏi: Vốn nêu ra trực tiếp hiển bày tâm tánh thuần túy trình bày về lý quán, làm sao có thể đem quán về Sự pháo để trả lời được?

Lẽ nào không phải Thượng nhân nghĩa cùng kế tận, khinh mạn người khác mà che giấu sai lầm? Lẽ nào không đề phòng sự xem xét rõ ràng của người trí, lẽ nào không hổ thẹn với sự soi xét tỏ tường của các bậc Thánh?

Hơn nữa, quán nhờ vào sự phụ giúp pháp, không hề chẳng dựa vào ấm nhập làm cảnh, cho nên một muôn hai ngàn người, lấy mười hai nhập làm cảnh, đều có đủ ngàn Như làm quán; mười đệ tử lấy tâm số làm cảnh, nhất thể Tam bảo làm quán. Thành Vương xá núi Kỳ-xà-quật đều lấy năm ấm làm cảnh, dùng ba đức làm quán. Do đó, trong Diệu Lạc nói: "Đích thực quán âm, đầy đủ như văn trong Chỉ Quán phần thứ năm". Lại nói: "Còn các cảnh quán, không phát sinh ra năm ấm v.v... nếu quán sát tướng của phụ pháp, cùng với dụng của diệu giải, thâu nhiếp pháp trở về tâm, mới tu quán hành, vậy tâm của sở quán, chẳng phải là ấm thì là cái gì?" Như vậy rõ ràng văn này đã hiển bày ba loại pháp quán, đều lấy ấm - nhập làm cảnh.

Vả lại Thượng Nhân cương quyết nói: "Nếu quán Sự - pháp, dùng ấm làm cảnh", tức đồng với Chỉ Quán quán sát y cứ theo Hành, sao gọi là quán sát nhờ vào sự phụ giúp pháp?

Và Diệu Lạc nói: "Đích thực quán ấm đầy đủ như văn trong Chỉ Quán phần thứ năm". Lẽ nào không phải kinh Khê dùng thác sự, nêu rõ đồng với Ước Hành, đều là quán ấm cảnh hay sao?

Thượng Nhân lập ra điều này khác nhau, người ghi chép đưa ra ví dụ khiến cho đồng, thế nghĩa khác nhau, lại thất bại. Vì thế trong Phúc Vấn Thư, dẫn chứng đầy đủ văn này để vặn hỏi, Thượng Nhân không biết hổ thẹn, chỉ biết mưu toan thay đổi, chỉ được một câu đại khái có chút tâm ý, thì liền chống đối dữ dội.

Do đó thuật lại nghĩa lý này, nói rằng:"Ngũ Nghĩa Thư lớp nói các văn Sự Pháp quán tâm, không nói về ấm chọn lựa nêu rõ thức tâm". Nay văn quán tâm, đã nói bỏ ba quán một, đem xem xét nghiệm là sai lầm.

Vả lại Ngũ Nghĩa Thư chỉ nói: "Nếu lập riêng ấm - nhập làm cảnh", thì hoàn toàn đồng với Chỉ Quán Ước Hành, sao gọi là Sự pháp quán được? Xin tra tìm, kiểm chứng giáo nghĩa của toàn bộ tông phái (nhất gia), còn có thác sự phụ pháp quán, lập riêng ấm nhập làm cảnh hay không? Nếu có điều đó, thì nhất định mong được chỉ rõ!

Còn lập riêng ấm - nhập làm cảnh, thì trong giáo văn nêu rõ, chính là sữa đổi chấp rằng:"Tôi vốn tự hỏi ở ấm chọn lấy cảnh, các văn đều không có, không hỏi đến sự lập ra tất cả ấm cảnh, đem ý muốn

này tạm thời kéo dài tà kế, vả lại các văn chọn lựa nêu rõ ấm nhập làm cảnh, tuy không hoàn toàn đồng với Chỉ Quán, nhưng văn nghĩa chẳng phải không có, nên biết rằng tu Sự pháp quán, không trở ngại gì đến chọn lựa cảnh".

Như Diệu Huyền Ngũ Nghĩa Quán Tâm nói "nhất tâm thành quán chuyển sang chỉ dẫn khác", lẽ nào chẳng phải tâm vương quán thành, trải qua các tâm sở thì tự nhiên thanh tịnh hay sao?

Nếu không chọn lấy ấm, làm sao có thể quán nhất tâm, trước tiên thành tựu, sau đó mới chỉ dẫn cho tâm khác ư? Cho nên giống như trong văn quán tâm này, tâm có thể đầy đủ văn của thọ, tưởng, hành. Lại đồng nếu như biết tâm vô tâm là ánh sáng, thì biết tưởng hành phi tưởng - hành là sáng chói, cũng là nghĩa ví dụ cho nội tâm, nếu tịnh thì dùng thanh tịnh này, trải qua tất cả các pháp, tùy ý tiêu tan hay kết hợp, đã nói nhất tâm thành quán, lẽ nào có thể không được hành quán thành lý hiển để rời bỏ hay sao?

Lại nói: "Ba cõi không pháp khác, chỉ do một tâm làm", đây đích thực là bỏ thước theo tấc, chỉ giữ lấy thức ấm, hoàn toàn không có tâm sáng suốt. Đã nói "chỉ do một tâm làm", sao có thể không chọn lấy vô minh thức ấm được? Ở đây nói bỏ ba quán một, kia cho rằng chỉ một tâm tạo tác; ở đây nói tâm là ánh sáng thì tưởng - hành là sáng suốt, kia cho rằng nhất tâm thành quán chuyển sang chỉ dẫn tâm khác; vậy thì đây kia chọn lựa nêu ra ấm cảnh, đôi bên quán thành tựu dung không tất cả, sao suy nghĩ quanh co cố tình khiền cho khác nhau? Lại nữa, các văn đã chấp nhận lập ra ấm làm cảnh, văn này đích thị nêu rõ thức tâm trong ấm, có điều gì sai lầm không?

Nay lại hỏi Thượng nhân xin thử xem xét giáo nghĩa của tất cả tông phái, còn có văn nào nhất định cho rằng:"Nếu đối với ấm chọn lựa nêu rõ thức tâm làm cảnh, thì không trở thành quán ngôn phụ pháp". Hoặc giả có điều gì đó, tất nhiên mong được chỉ rõ!

Hơn nữa, trong Diệu Lạc nói: "Đích thực quán ấm, đầy đủ như văn trong Chỉ Quán phần năm", há chẳng khiến cho người giảng giải truyền trao, thấp thỏm giữ lấy ý chọn lựa cảnh của Chỉ Quán và nghĩa lý của quán pháp? Nêu ra sơ tâm khiến cho đối với ấm chọn lấy cảnh, tu tập pháp quán của thác sự, câu văn chú giải sơ lược, người ghi chép còn khiến cho chú ý, chọn lấy ấm nêu rõ điều đó. Nay quán tâm này, đã ở nơi cảnh chọn lựa để nêu rõ, chính là phù hợp với ý của kinh Khê, kiểm chứng biết rằng sơ tâm có thể dùng để tu tập.

Vả lại, tạm thời cho dù Thượng nhân thay đổi suy nghĩ, nói rằng

quán thác sự phụ pháp, không thể lựa chọn nêu rõ thức tâm, chỉ y cứ theo hành quán, tức là phải đối với ấm lựa chọn nêu rõ thức tâm làm cảnh.

Và Thượng nhân cương quyết lập ra mười loại ba pháp thuần túy nói về lý quán, nếu chẳng phải y cứ theo hành, vậy thì quán pháp như thế nào? Huống chi chọn lựa lại ngoài phụ sự, chỉ lập ra thuần túy trình bày về lý quán, lẽ nào không phải biện giải sai lầm, chỉ giữ lấy Ước hành làm lý quán hay sao?

Đã là quán y cứ theo hành, dựa vào đâu mà hoàn toàn trở thành tự đánh đổ mình, ai khuyến khuyết rõ ràng như thế? Lỗi này đã rõ thì tông nghĩa hoàn toàn thất bại, lấy gì cứu vãn đối với Phát huy làm thuyết? Nếu biết rằng, từ cho đến nghĩa trạng bây giờ, cũng được bốn lần thay đổi suy nghĩ và năm phen rơi vào thất bại, không biết sau này suy nghĩ thất bại như thế nào, lại khiến cho Lý quán cho chẳng phải là ước hành quán? [Thượng nhân nay đã có thể biết lý quán chuyên là ước hành, cho nên bây giờ cứu vãn rằng: "Mười loại ba pháp, chính là ước quán hành của chỉ quán, lý đã hiển bày, người thực hành đã nghe lý này, thì tự mình có thể tu tập đối với lý quán". Như vậy cứu vãn đối với mười pháp, thuần túy luận bàn về lý quán, lý nào có thể được sao? Nếu nói về ước hành đã hiển bày, chính là tâm tánh ba ngàn; nếu cho là mười loại pháp, không lìa bỏ ngã tâm, dùng quán để hiển phát, tự cho là quán phụ pháp, không gọi là lý quán. Thượng Nhân tự lập ra pháp quán, lại khiến cho văn hoàn toàn không bàn nói về lý quán, lại nói đồng với "pháp giới thứ đệ", thuần túy nói về lý quán, trực tiếp hiển bày tâm tánh, hơn hẳn so với thuyết của Diệu huyền ở chỗ nào?

Nên biết rằng, mười loại ba pháp, chỉ nói về pháp tướng sở chứng của Phật, chỉ là y cứ khai giải theo pháp, huống chi văn đầu tiên tự nói:" Theo tín giải phân biệt, cho nên sau này, phải có một khoa quán tâm, hiển bày đối với viên hạnh, mới phù hợp với nghĩa gần chính xác nơi giáo quán của tất cả tông phái (nhất gia).

Thượng Nhân lập ra tông chỉ đã thất bại, lấy gì luận bàn tiếp, không thỉnh cầu chấp mê, thì mong mỏi giải ngộ, tức là chờ đợi trả lời, cho nên đóng chặt hư tâm.

THỨ HAI: KHÔNG BIẾT TÂM SỞ QUÁN

Phù Tông Ký Thích - đây là văn quán tâm, đầu tiên bỏ ba quán một, văn của hỏi đáp, là phân định về sở quán và giải thích xua tan nghi ngờ, chưa nói về tu quán.

Biện Ngoa phá bỏ, cho rằng: “Chỉ Quán bỏ thước theo tấc, văn của quán Thức, chính thức nói về tu quán, làm sao có thể với ví dụ cho nghĩa tu được?”.

Vấn Nghi Thư nêu ra rằng:”Phụ hạnh đối với cảnh của ấm nhập, văn chia ra hai đoạn, đó là trước trình bày lại ấm cảnh, tức là chỉ ra trong ba khoa, chỉ giữ lấy Thức tâm, là văn bỏ thước lấy tấc”. Tiếp theo nói về tu quán, tức là văn mười pháp thành thừa”. Đã là văn bỏ thước lấy tấc, thì nhất định là cảnh sở quán, đâu từng chính là tướng của tu quán? Lẽ nào có thể thấy trong chương Chánh Tu, thì chính là tướng của tu quán, còn phải tiếp tục chọn lựa nghĩ suy, giữ lấy điều không thể nghĩ suy, mới là quán pháp, đâu thể dùng văn xác định cảnh, liền cho rằng chính xác nói về tu quán hay sao?

Ở đây đã nói văn rõ ràng, không có mưu tính cứu vãn quanh co, do đó trong Đáp Nghi Thư, tự cam chịu hàng phục mà nói: “Thấy nêu ra văn bỏ thước lấy tấc, Phụ hạnh nêu ra là trước tiếp tục nói về cảnh ấy. Thành thực thay lời nói này! Vì tôi lâu nay có lỗi tìm tòi, đến nỗi tiếp tục tạo nên lên điều ấy, Khổng tử nói: “Lời pháp ngữ, có thể không thuận theo ư?”. Sửa đổi là đáng quý, nay tôi sửa đổi. [Trên đây đều là văn trong Đáp Nghi Thư].

Nếu nghĩa có chút tụt hậu, hoặc sai lầm khi tìm tòi, danh tướng thêm khác nhau. Thì chương Sao đều có. Vả lại xác định cảnh tu quán, chính là cương sách của bộ Chỉ Quán, là yếu tông để tiến đạo, lẽ nào phải xem xét tìm tòi, mới có thể phân biệt hay sao? Đem điều này kiểm chứng thì biết, Thượng nhân đối với cảnh quán của một tông môn, xưa nay không canh cánh bên lòng, phần trả lời giải thích, tra tìm khắp trong các văn, tạm thời thực hiện so sánh, vì thế cho nên tất cả văn đã trích dẫn, đều không hợp với lý.

Vả lại, Đại Sư nêu ra pháp quán, đều để trừ bệnh; chọn lựa xác định thức tâm, là gốc rễ của bệnh, mới sử dụng thuốc pháp của mười thừa, tích góp tinh tế để chữa trị. Nếu lấy bệnh làm thuốc, là nhận giặc làm tướng, thì bộ chỉ Quán, đều không kham nổi.

Trước khi Thượng Nhân luận bàn, tất cả được mấy lần nghe giảng, mấy lần ôn tập, mấy lần thuyết thụ, vẫn từng đối với cảnh quán này, phân chia thuốc, bệnh hay không? Nếu phân biệt được điều ấy, vì sao lấy sở quán làm năng quán? nhưng cho dù biết sửa đổi là đáng quý, tại sao tự kiến giải sai lầm đã sâu nặng, gốc rễ khó nhổ bỏ, chỉ đại khái biết phân biệt văn của cảnh quán, mà không thể nào phân biệt được nghĩa của cảnh quán?

Hơn nữa, theo nghĩa tâm tánh của Thượng nhân, thì rõ ràng lỗi về kiến giải sai lầm đó chưa dứt bỏ, vì sao trong thư vặn hỏi dẫn ra nào là Kim phi, Đại Y, Bất Biến, Tùy Duyên, Danh tâm để chứng minh cho sở quán, là tùy duyên trở thành một niệm vọng tâm? Thượng nhân vội cho rằng: "Duyên có nhiễm tịnh, tùy theo duyên nhiễm mà tạo ra tâm của chín cõi, tùy theo duyên tịnh mà tạo ra tâm của cõi Phật", thế là chỉ trích tôi không nên đem tùy duyên gán ghép vào nhiễm, và cương quyết chấp rằng tên gọi tâm tánh không thể chấp - vong.

Lại nói "Chỉ quán dẫn chứng Hoa Nghiêm cho rằng "Tâm tạo các Như Lai, là tâm chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh v.v...". Cho nên đủ thấy rằng Thượng nhân không nhận thức được tâm cảnh sở quán, khiến cho nay lập ra và phá bỏ phi lý.

Còn tên gọi tâm tánh, trong Diệu Huyền Và Thích Tiêm đã phân định, thuộc về nhân là cảnh sở quán của Sơ tâm, cho nên nói là "Phật pháp rất cao - chúng sinh rất rộng". Sơ tâm là khó, tâm - Phật và chúng sinh ba pháp không khác nhau, quán tâm thì dễ, chư Phật cũng có tâm, chúng sinh cũng có tâm. Nếu tùy theo duyên tịnh, tạo nên tâm cõi Phật, thì cao xa khó quán. Nếu tùy theo các duyên nhiễm, tạo nên tâm tất cả chúng sinh, thì rộng nhiều khó quán. Do đó liền giữ lấy một phần duyên nhiễm hun đúc để phát khởi, tự kỷ tức là tâm ấm nhập của sát-na hiện tại, nương vào đó để hiển bày tánh. Thế thì tùy duyên mà tánh bất biến, thâu nhiếp Phật, thâu nhiếp chúng sinh, vừa cao vừa rộng; tâm bất biến tùy duyên, chẳng phải Phật, chẳng phải chúng sinh, không cao không rộng, gần gũi mà lại quan trọng, vì vậy cho nên sơ tâm là nơi gần nhất có thể dựa vào để tu quán.

Thích Tiêm còn nói: "Lý vốn không khác, sai khác nhau là dựa theo sự dụng". Lẽ nào chẳng phải tâm chính là tánh, nơi nào không bao gồm, mới có thể không khác nhau? Vì tánh tức là tâm, tâm không phải là Phật, Phật không phải chúng sinh, chính là nói: "Nếu dùng Phật pháp để quán, dường như không theo kịp; nếu dùng tâm tánh để quán, dường như có thể thấy được: "Cho nên biết, nói là tâm tánh, là chú trọng đến tánh ấm thức nhất niệm của phàm phu.

Hơn nữa, Đại ý giải thích tên gọi của tâm tánh, vốn là nghĩa kết hợp quán sát đối với ấm tâm.

Trong Kim Ty giải thích về tên gọi của tâm tánh, vốn nói lên địa vị phàm phu của hữu tình và vô tình, đều là tùy duyên mà đương thể bất biến, để nói rõ là đều có Phật tánh. Sao bỗng nhiên Thượng Nhân đem tâm của cõi Phật để giải thích, thì trở thành Kim Ty nói Phật có Phật

tánh, đâu liên quan về chúng sinh và vô tình được? Lại thành ra Đại ý dùng tâm của cõi Phật làm cảnh sở quán, không trở thành quán đối với ấm tâm hiện tiền.

Vả lại, như mười cảnh của Chỉ Quán, thâu nhiếp tất cả sở quán, đâu từng đem tâm cõi Phật không thể làm cảnh, sợ rằng Đại sư nói về cảnh, có lỗi khônghiểu rõ, cho nên Thượng nhân đặc biệt giải thích?

Thượng nhân khiến tôi cẩn thận lại dùng trí tuệ sáng suốt xét kĩ tha tâm, tôi tuy không có trí tuệ thông minh, nhưng tạm đem các nghĩa lý học hỏi, chiếu soi tường tận hoài bão của Thượng nhân, lẽ nào không phải Thị Châu chỉ ra liền vội vàng đem tâm nhất niệm,trực tiếp làm thành chân tánh để giải thích hay sao?

Còn trong Đáp Nghi Thư chép: "Huyền Văn này trực tiếp hiển bày tâm tánh", đến khi bị thư vặn hỏi thì dẫn ra Kim Ty, Đại Ý các văn. Biểu lộ nói rằng tâm tánh ở nhân, nhất niệm thuộc về vọng, vô môn cứu vãn khéo léo, thế là chẳng kiêng nể gì không trả lời về vấn nạn, trực tiếp hiển bày tâm tánh, lại đối với nhiều môn khác, đầu tiên dẫn ra mà ngầm sửa đổi rằng "Huyền văn này trực tiếp hiển bày pháp tánh".

Vì Thượng nhân gặp phải sự chất vấn, mới hiểu rõ mười loại ba pháp, rõ ràng là quả Phật pháp tướng, chắc chắn chẳng phải trực tiếp hiển bày tâm tánh, sai lầm đó là rất lớn, không còn đường nào tránh khỏi, cho nên đối với vấn nạn này, đại khái không dám hạ bút, cho nên dựa vào thuyết tùy duyên bất biến, theo đó để giải thích hai duyên nhiễm - tịnh, ý là làm cho tâm tánh thông suốt quả Phật, giống như diệu Huyền Và Thích Tiêm, chuyên môn đối với Phật pháp, chúng sinh pháp, chọn lựa nêu rõ tâm tánh, đã nói chắc chắn thuộc về nhân, cho nên chẳng thể thông suốt quả mà giải thích, vả lại Đại ý Và Kim Ty chú trọng nêu rõ tánh của ấm tâm, do đó thuận theo duyên nhiễm của tâm trong chín cõi mà nói, thật ra không thông qua Phật quả và chân tánh.

Thượng nhân tuy tạm thời dựa vào nghĩa tùy duyên để giải thích, nhưng rất biết trước nói lập ra trực tiếp hiển bày tâm tánh, đã rơi vào sai lầm, do hai loại ba môn, đầu tiên vội sửa thành trực tiếp hiển bày pháp tánh. Đã tự biết lỗi lầm như vậy, tại sao không dựa theo lý mà thú nhận khuất phục, nhanh chóng dứt bỏ tà tông, cùng nhau giương cao chánh nghĩa, đâu chỉ làm cho điều che giấu lừa dối, thay văn đổi nghĩa, phát ngôn xằng bậy chống chế quyết liệt ư? Lẽ nào dùng lời thô ác, có thể bẻ gãy sự hiểu biết tròn vẹn? Lẽ nào dùng kế gian ngoa, có thể che giấu các sai lầm sâu nặng? Phải đề phòng giữa cõi không còn có Hộ Pháp chư Thiên, giữa thế gian không còn những vị Giải nghĩa sâu kín, hoặc

trách phạt, hoặc xem xét, rất có thể hổ thẹn và sợ hãi, nên suy nghĩ kỹ càng!

Lại chấp tên gọi tâm tánh thông cùng chân vọng, cho dù tùy ý Thượng nhân gian khổ tìm cách lập ra, làm sao đó chẳng phải là những gì luận bàn bây giờ, vả lại hai chữ tâm tánh này liên kết với nhau mà lập ra, lẽ nào khiến cho tâm trở lại là chân, tánh lại thành ra vọng? Điều ấy chính là công khai trái với nghĩa giải thích của Đại sư kinh Khê.

Hơn nữa, tâm cảnh sở quán, làm thế nào gọi là chân nếu như khiến cho bắt đầu thực hành; duyên ở chân tâm tu quán thực ra là sự chọn lựa của kinh Khê, duyên theo lý dứt chín cõi, nghĩa quy về Biệt giáo.

Còn chấp tâm tạo các đức Như Lai, là tâm chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh, điều này lại càng không thể.

Tạm thời như Chỉ Quán dẫn chứng kệ trong kinh kia: "Bổn chứng ấm tâm năng tạo nhất thiết". Ở đây có hai ý, một là trình bày ấm tâm vốn có đầy đủ Như Lai tánh, [lý tạo] hai là trình bày về các phiền não là hạt giống của Như Lai [Sự tạo], nên nói là "tâm tạo Như Lai". Nếu chỉ xa thì chân tâm có thể tạo thành Như Lai, đích thực sẽ là Kim Ty dựa vào sự ngăn che nghiêng lệch để chỉ cho chân như thanh tịnh là Phật tánh. Vả lại, chỉ biết chủng loại, hoàn toàn không hiểu rõ sự đối nghịch của chủng loại. Hơn nữa, không thể chấp trước nghiêng lệch, đều là do lý cụ, mới có văn của Sự dụng, bèn lập ra chân tâm, tạo ra các pháp, phải biết rằng ấm tâm tức lý, là dụng của lý.

Nếu chấp chân lý tạo thành Như Lai, thì Chỉ Quán không cần quán xét ấm để hiển bày ba ngàn tánh. Vì sao không trực tiếp lập ra chân tâm làm cảnh, mà lại lập ra mười cảnh của các ấm? Tại vì sao các văn, phần lớn lây tâm vô minh và tâm vọng để làm cảnh? Do đó nếu không thể tức là ba đạo, mà hiển bày ba đức, ấy mới chính là những gì mà giáo đạo đã nói.

Lại nữa, Thượng nhân nhiều lần chỉ trích Phù Tông chỉ lập ra thức tâm làm cảnh, dùng ba quán để quán xét, khiến cho nghĩa của tánh đức được khai phát, cho rằng không biết tâm có đủ ba ngàn. Cũng vì Thượng nhân xưa nay không am hiểu về cảnh quán thuốc bệnh, khiến cho ái thấy luôn luôn có sự vọng phá.

Tạm thời như Chỉ Quán bỏ đi thước dài, chỉ giữ lấy tấc ngắn, mới có thể ở trong sự tạo, bỏ cái sở tạo, giữ lấy cái năng tạo để làm cảnh sở quán; cho nên nói là chặt cây đúng gốc, cứu bệnh đúng huyệt, chính là bỏ đi trăm ngàn mạch chi, chỉ giữ lấy một gốc một huyệt, lập ra cảnh sở quán, cho nên nói rằng trước tiếp tục trình bày về cảnh. Cho nên Phù

tông nói: “Dùng một niệm thức tâm làm cảnh”.

Nói về tu quán, chính là đối với ấm thức năng tạo, trình bày đầy đủ ba ngàn, ba ngàn là Giả, Đại ý nói: “Tâm năng tạo này, đầy đủ các pháp”. Do đó Phụ Hạnh nói: Tâm cụ là Gia, ba ngàn của tâm này chẳng phải pháp tánh vô minh, tự - tha cũng lìa bỏ mà tạo”. Bởi vậy, theo Không - giả này, che lấp soi chiếu không nghiêng lệch gọi là Trung đạo, há chẳng phải là cảnh không thể nghĩ bàn hay sao? Nghĩa bao gồm ba quán, trong phát tâm đã hoàn toàn nương vào lý này, lẽ nào không đầy đủ ba nghĩa ư? Trong an tâm liền dùng ba chỉ ba quán, chung riêng mà an lập, đây là bỏ đi nghĩa ba quán, mỗi quán đều chuyển thành sáng tỏ. Cho nên biết rằng: mười thừa chẳng thừa nào không dùng Không, Giả, Trung để làm đại thể, cho nên nói là lấy một niệm thức tâm làm cảnh, dùng ba quán để quán xét. Nên biết rằng: Rộng ra thì mười thừa, lược đi thì ba quán, do đó nói là cảnh không thể nghĩ bàn, hướng về quán sau thì gọi là cảnh sở quán, hướng về ấm thức trước thì là diệu cảnh, và chín thừa dưới cùng là ba quán của năng quán, tức là Phụ hạnh tiếp tục nói về văn của tu quán.

Vì Thượng nhân đâu ngờ rằng cảnh nhập và cảnh không thề nghĩ bàn, phân biệt ở năng quán, sở quán, là nghĩa của sự dùng thuốc trị bệnh.

Nên biết rằng: Đối với thức ấm năng tạo, quán có đủ ba ngàn. Ba ngàn ở đây, là lửa của sự cứu bệnh, là búa cầu sự chặt cây, là pháp của sự xả bỏ gánh nặng, là tướng của sự trừ ba giặc, là ba quán của sự quán xét thức tâm, cho nên Phụ Hạnh nói: “Văn diệu quán này, quán xét khiến trở thành diệu cảnh, cảnh mới xứng lý”. Lại nói: “Nếu dùng chỉ quán để an lập, thì thế tục đế mới trở thành không thể nghĩ bàn”. Do đó chưa quán thì chưa an, hoàn toàn là ấm nhập trong mê, làm sao có thể chưa luận bàn về quán pháp, liền tự nói là đầy đủ ba ngàn được? Nếu vậy xác định cảnh liền nói ba ngàn, cho đến tu quán pháp, trải qua các luận bàn.

Lại như Phụ Hạnh bỏ đi thí dụ về thước dài tấc ngắn, trước lấy trong ba khoa, chỉ giữ lấy thức ấm để đối chiếu, sau lại nói: “Nếu suy tìm chọn lấy cảnh không thể nghĩ bàn hợp với thí dụ này thì dùng một niệm, mười giới, ba khoa làm thước tấc để giải thích”. Đã nói duy tìm chọn lấy ý không thể nghĩ bàn để đối chiếu với thí dụ, cho nên biết rằng cảnh không thể nghĩ bàn là ý của khoa tiếp theo. Lúc xác định cảnh, chưa phù hợp với chánh luận về diệu pháp ba ngàn. Nếu không như vậy, vì sao gọi là suy tìm chọn lấy sự bất tư nghị được? Vả lại, mười

cảnh không ngoài bốn chướng ma, nay xác định cảnh thì báo chướng ấm ma, do đâu chưa luận bàn về pháp phá chướng hàng ma, mà liền tự nói về ba ngàn?

Chỉ như đối với thức ấm tu tập trọn vẹn ba ngàn, y theo nghĩa nào mà nói là Giả quán? lẽ nào nói là duyên sinh giả ư? Lẽ nào nói là Giả kiến lập hay sao? Đã chẳng phải là Giả của những điều này, nhưng cần phải chính nơi ấm mà nói đầy đủ ba ngàn mới là Diệu Giả, vì thế kinh Khê nói: "Đầy đủ tức là Giả". Còn trong Diệu kinh sớ, lấy mười hai Nhập làm cảnh, đều đầy đủ ngàn Như làm quán, nếu chẳng phải là giả này, thì Không, Trung cũng nhạt nhẽo, hoàn toàn không phải viên quán.

Do đó Phù Tông nói: "Dùng một niệm thức tâm làm cảnh, dùng ba quán để quán xét, khiến cho tánh đức khai mở". Đã là Viên giác ba quán, tự sẽ phù hợp dựa theo ba ngàn mà nói về Không - Trung. Tiếp tục nói về kim quang minh khai phát tánh đức, lẽ nào không bao gồm diệu lý ba ngàn hay sao? Đâu thể dùng văn chữa tường tận, phá bỏ những lời đã giải thích được?

Nay Thượng nhân lập ra chân tâm chẳng nhiễm, chẳng tịnh làm năng tạo, các pháp nhiễm tịnh làm sở tạo, nghĩa là lấy năng tạo, sở tạo, cùng làm cảnh sở quán, thế là cho rằng đạt đước ý sâu xa của Chỉ Quán, quả là vô cùng sai lầm.

Bởi vì chỉ Quán chọn lựa bỏ đi sở tạo, chỉ giữ lấy năng tạo làm cảnh mới chính là bỏ đi trăm mạch ngàn chi, chỉ giữ lấy một gốc một huyệt để làm sở quán. Nếu đều giữ lấy thì rất trái với ý chọn cảnh.

Vả lại chỉ Quán đặc biệt lập ra tất cả tâm vô minh, một niệm thức ấm làm cảnh, Thượng nhân cố tình trái với luận kia đã nói, tự đem chân tâm chẳng nhiễm chẳng tịnh làm cảnh, có còn thuận với sự chỉ giáo của tông sư hay không? Hơn nữa, luận kia lập ra nhiễm duyên huân tập khởi lên tâm của chín giới làm cảnh, Thượng nhân đi ngược với tông môn, tự lập ra tịnh duyên tạo thành tâm của cõi Phật làm cảnh, có còn thuận với sự chỉ giáo của tông sư hay không? ThiênThai kinh Khê gánh vác mà Thượng Nhân sao phụ lòng, lại khổ vì cái thấy trái ngược để trở lại hủy diệt? Đem kiểm nghiệm điều này thì biết, thật sự không hiểu rõ về tâm của sở quán.

Nay dựa vào tà thuyết của Thượng nhân, dùng chánh nghĩa để nêu bày, hy vọng suy tìm phản tỉnh. Chân tâm chẳng nhiễm tịnh ấy là cảnh không thể nghĩ bàn, có thể thành tựu tịnh duyên là diệu quán của mười thừa; tâm của cõi Phật ấy là quả của diệu quán, là thường trụ ấm,

thường huân tập duyên nhiễm, là vô thỉ vô minh; tâm của chín cõi ấy là quả của vô minh, là sinh tử ấm. Chúng sinh, Phật tuy đều do duyên, nhưng duyên tạo nhiễm thành vì vốn có.

Cho nên kinh Khê nói: "Trong - Đục tuy chính là do duyên, nhưng trở tàhnh đục vì vốn có".

Nay muốn hiển bày diệu lý thì phải phá trừ nhân quả trong nhiễm, cho nên dùng tất cả tâm vô minh, nhất niệm thức ấm làm cảnh, phá bỏ quán của mười thừa, khiến cho diệu lý trong nhiễm được hiển hiện, trở thành ấm thường trụ của Phật giới.

Thượng Nhân sao có thể tạo tịnh duyên thành tâm của cõi Phật, và đem diệu lý đã hiển bày để làm tâm là cảnh sở quán được. Nếu lấy pháp này làm sở quán thì đem pháp nào để làm năng quán?

Chỉ quán vốn lập ra ba chướng bốn ma làm cảnh giới, Thượng nhân lại lấy diệu lý mười thừa làm sở quán. Diệu lý mười thừa, nếu làm cảnh giới sở quán, tức là phải có ba chướng bốn ma làm lý trí năng quán, mới biết rằng Thượng mhân là bổn thân của ma Ba-tuần, là giòng dõi của Lạc-ca.

Thượng nhân vốn lập ra mười loại ba pháp, vì đã thuần túy nói về lý quán, bác bỏ đối với phụ pháp quán tâm. Trong mười pháp, đã không chọn lựa nêu bày ấm thức làm cảnh sở quán, lại không rõ ràng đối với mười thừa, sao gọi là thuần túy nói về lý quán? Đã chẳng phải là lý quán, về sau văn quán tâm, làm sao có thể vội vàng bác bỏ? Tông chỉ của sự phá bỏ đã thất bại, nghĩa lý của quán tâm nào có gì tổn hại? Nếu muốn cải cách thay đổi mau chóng xin hãy cùng nhau lắng nghe!

THỨ BA: KHÔNG PHÂN BIỆT HAI CẢNH NỘI NGOẠI

Nói rằng tánh có đủ ba ngàn, tuy có y chánh, sắc tâm, kỷ tha, nhưng đều dung thông hòa hợp, đưa ra một mà thâu nhiếp tất cả, vì mê lầm từ vô thỉ nên toàn lý thành sự, nhất định chia ra trong ngoài, đây kia tranh nhau tồn tại.

Nếu hành giả nương theo thật giáo mà tu quán, thì chắc chắn phải đối với sự mà hiểu rõ lý, dùng lý thâu nhiếp sự, do đó sáng tỏ về muôn pháp duy tâm, cũng sáng tỏ được muôn pháp duy sắc, muôn pháp duy thanh, duy hương, duy vị, duy xúc, v.v....

Vì thế lúc tu nội quán, trước tiên dùng kiến giải viên mãn, nắm lấy muôn pháp, chỉ ở nội tâm của mình, sau đó chuyên chú vào nội tâm mà quán sát các phaṕ. Nếu là người thích hợp với tu ngoại quán, thì trước cũng phải thâu tóm muôn pháp chỉ ở trong một sắc, một hương

v.v... sau đó chuyên chú vào một cảnh mà quán sát các pháp. Do đó quán nội tâm thì tất cả các pháp hướng về tâm, nếu là quán ngoại sắc thì tất cả các pháp hướng về sắc, cho nên ba ngàn chỉ là một, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, tùy theo quán tuệ mà hướng trong ngoại không giống nhau.

Nếu không như vậy thì giáo lý hướng sắc, hướng thanh, làm sao hiểu được? Pháp quán duy sắc, duy tâm, làm sao tu được?

Thượng nhân tuy nói duy sắc, sắc chính là tâm, cương quyết chấp rằng quán sát ở ngoại sắc, cũng chỉ hướng về nội tâm. Còn chắc rằng: tâm có đủ thì ba ngàn, sắc chẳng đủ ba ngàn.

Nếu vậy, sẽ là ngoại sắc chẳng phải tánh vốn có, nêu ra sắc chẳng thể nào thâu nhiếp đầy đủ các pháp được. Nếu không thể thâu nhiếp đầy đủ thì sao gọi là sắc, là pháp giới được?

Nếu sắc chẳng đầy đủ ba ngàn thì văn cú Diệu kinh, vì sao mười hai nhập đều có đủ ngàn Như, làm một muôn hai ngàn pháp môn, vả lại trong mười hai Nhập, chỉ có một phần rưỡi thuộc về tâm. Mười phần rưỡi thuộc về sắc. Nếu những điều Thượng nhân đã nói hợp lại thì có một ngàn năm trăm pháp môn. Lại nữa, trong Kim Ty nói: “Chúng sinh, Phật y chánh, một niệm đầy đủ, một trần không thiếu”.

Còn trong Phụ Hành nói: “Nếu sắc tâm đối nhau, thì có sắc có tâm, nói về thể tánh thì lìa sắc chẳng có tâm, lìa tâm chẳng có sắc v.v... nếu sắc tâm tương tức, thì hai đều là hai, một đều là một. do đó nói đầy đủ về điều ấy, cũng sẽ có thể nói: Duy sắc, duy thanh, duy hương, duy vị, duy xúc v.v..., sao chỉ độc nhất có thể nói: Duy thức? Nếu hợp lại mà nói thì không có pháp nào chẳng đầy đủ pháp giới. Lại nữa, nếu nói từ đầu đến cuối thì tất cả chúng sinh có hai loại khác nhau, thượng giới phần lớn bám trước vào thức, hạ giới phần lớn bám trước vào sắc. Nếu theo Thức chỉ có Thức, thâu tóm ngoại hướng về nội, khiến cho quá nội thức, đều là một thức, Thức đã là không, thì mười giới đều không; nếu Thức là giả thì mười giới đều Giả; nếu thức là Trung thì mười giới đều là Trung, thường ở nơi nội tâm, quán sát tất cả các pháp, quán sát mười giới, tức thấy nội tâm, vì thế nên biết rằng: Nếu là sắc hay thức đều là duy sắc, hoặc là thức hay sắc đều là Duy thức, tuy nói sắc tâm, nhưng có hai tên gọi, luận bàn về pháp thể chỉ là pháp tánh” [Văn xem trong Phụ Hành].

Nay y cứ vào giáo văn này, hoặc trong hay ngoại, hoặc tâm hay sắc, hướng về quán sát một cảnh, đều đầy đủ ba ngàn. Bởi vì có đủ trong nhau, thâu nhiếp lẫn nhau, khiến cho người mê đắm ngoại sắc,

chuyên chú quán xét nội tâm, ngoại đã quy về nội thì ngoại cảnh mê đắm liền mất, người đắm trước nội tâm, khiến chú trọng quán sát ngoại sắc, nội đã hướng về ngoại thì nội tâm mê đắm mới dứt bỏ. Ngoại quán vốn là chữa trị nội trước, nếu lại thâu nhiếp ngoại quy về nội thì càng thêm nội trước, tiếp tục tăng thêm bệnh khác thật đáng xót thương.

Vả lại, thượng nhân cương quyết phá bỏ, nếu tu nội quán sợ rằng tâm sẽ hướng ngoại, nếu tu quán ngoài e rằng tâm sẽ hướng nội, vì ngoại, nội cách nhau, chẳng dung thông trọn vẹn, tức sẽ có nhiều loại rắc rối, đều là một sai lầm về Phật tánh. Ý cho rằng: Lúc tu nội quán, đã đầy đủ ba ngàn, ba ngàn lại là ngoại cảnh, thì các sự cảnh bên ngoài, nhất thời quán sát tất cả mới là quán trọn vẹn, đây đều là do thượng nhân không am tường về hai cảnh trong ngoài không phân biệt mà phân biệt, cho nên có sự phá bỏ chỉ trách xằng bậy. Phải biết rằng vì tánh dung thông thâu nhiếp, nên cảnh trong cảnh ngoài có nghĩa cùng hướng về. Vì y cứ theo sự mà chia ra trong ngoài, thì quán nội không thể nào phóng tâm với duyên bên ngoài, quán ngoài không thể phóng tâm duyên với bên trong.

Giống như tu nội quán, trước dùng diệu giải để biết rõ pháp ngoài cùng hướng về nội tâm, tức là chỉ ở nội tâm quán xét tánh đức ba ngàn.

Vì thế trong bốn Niệm xứ nói: "Chuyên chú vào nội tâm, quán sát tất cả các pháp, nếu phóng tâm duyên ra ngoài thì không gọi là chuyên chú vào nội tâm, mà tu ở ba quán". còn trong Đại Ý nói: "Tâm năng tạo này, đầy đủ các pháp, thật sự không duyên theo tất cả ngoại cảnh sở tạo của tu quán. nội quán đã như vậy, ngoại quán lẽ nào không như vậy sao?

Do đó tu ngoại quán như quán xét một trần, cũng trước cần phải dùng diệu giải, hiểu biết rõ ràng nội tâm cùng tất cả các pháp, cùng hướng vào một trần chỉ ở một trần mà quán xét tất cả các pháp.

Cho nên trong bốn Niệm xứ chép: "Quán mười giới bên ngoài, tức là nhìn thấy nội tâm", vậy thì hướng vào một trần để quán xét bên ngoài, đã có đủ mười giới, lẽ nào không thâu nhiếp đối với nội tâm hay sao? Cho nên nói "tức là nhìn thấy nội tâm; làm sao có thể bỏ đi mà cho rằng văn này thâu nhiếp ngoại về nội? Phải biết rằng: Văn này là nghĩa của nội tâm hướng về bên ngoài.

Giống như trăm ngàn muôn ngọc châu nơi lưới giăng của Đế-thích, ánh sáng và hình ảnh bên này bên kia, cùng có đủ, cùng hòa nhập trong nhau, chỉ quán sát một hạt ngọc này, thì ánh sáng và hình ảnh của

rất nhiều hạt ngọc kia, đều hướng vào hạt ngọc này, quán sát các hạt ngọc kia, cũng thâu nhiếp hình ảnh và ánh sáng của nhiều hạt ngọc.

Như chuyên chú quán sát một hạt ngọc này, tuy thấy ánh sáng và hình ảnh của nhiều hạt ngọc, mà thật ra không quán sát tất cả những hạt ngọc, bởi vì ảnh sáng và hình ảnh của những hạt ngọc, toàn bộ ở trong một hạt ngọc, đâu cần phải phóng tâm quán sát tất cả? Như vậy thì chuyên chú vào nội tâm, quán sát tất cả các pháp.

Nếu quán sát một hạt ngọc kia, tuy thấy nhiều hạt ngọc và một hạt ngọc này, thật ra không quán sát tất cả, vì ánh sáng và hình ảnh của những hạt ngọc, vốn đều đầy đủ trong một hạt ngọc kia, cho nên ở đây giống như quán mười giới, bên ngoài thì nhìn thấy nội tâm.

Người trí nhờ thí dụ mà được hiểu, cho nên không thể nhất quyết chấp trước sắc ngoài không đầy đủ ba ngàn, cũng không thể phá bỏ xằng bậy vì sợ rằng tâm sẽ hướng ngoại, v.v...

Lại nữa, Thượng nhân cương quyết dựa vào Kim Ty cho rằng tâm có đủ ba ngàn, nói về vô tình Phật tánh.

Bởi văn kia đích thực hiển bày tất cả nghĩa của Phật tánh, vì thế Phật y cứ theo hữu tình mà nói, phần lớn nói về sắc tức là ở tâm, cho nên biết rằng: nếu tin các sắc tức là tâm thì thành ra vô tình có ở nghĩa Phật tánh.

Cũng sẽ trở thành nghĩa của nội quán, tạm thời y cứ theo Duy tâm mà luận, lấy các giáo văn, đích thực che khắp chung sinh hạ giới, nên phần lớn trình bày về Duy thức.

Không phải cho rằng văn kia thường thâu nhiếp quy về một phía, như chúng sinh, Phật, Y, Chánh; văn không thiếu một trần, làm thế nào để giải thích sắc không đủ ba ngàn, làm thế nào để giải thích thường thâu nhiếp ngoại quy về nội? Lẽ nào kinh Khê cũng cho rằng: Mỗi ngọn cỏ cây, đều có Phật tánh ư? Mười hai nhập đều có đủ ngàn Như; lẽ nào cũng có cỏ cây, tự vươn lên thành Phật hay sao?

Thượng Nhân ở trong Đáp Nghi Thư, rõ ràng lấy "cùng khắp các pháp" để làm ba ngàn kia, đến nay sợ rằng Thị Châu đưa ra nghĩa thường thâu nhiếp sắc quy về tâm, cho nên chỉ lập ba ngàn của nội tâm, mà nói là ngoại sắc chẳng đầy đủ ba ngàn. Lại nữa, ngầm chuyển sang nói về ba ngàn kia, rằng ba ngàn của chư Phật kia, ba ngàn của chúng sinh kia.

Vả lại, Nghĩa Lệ vốn nói: "Sắc tâm không hai, đã trước tiên quán sát ba ngàn của nội tâm, thâu nhiếp nơi ngoại sắc, là không hai lúc đã trải qua bên ngoài, sao có thể không dựa theo Sắc đủ ba ngàn? Thâu

nhiếp các pháp vào nội tâm, là không hai ư? Đâu cần sửa đổi tự nói. Khiến cho nghĩa lý chẳng tròn vẹn.

Huống chi Thị châu thường nêu ra, thâu nhiếp Sắc quy về tâm, lập tức trái với các văn "lìa sắc chẳng có tâm, lìa tâm chẳng có sắc", hai thì cùng hai, một thì cùng một, và duy sắc duy tâm" trong Phụ Hạnh.

Nhưng, mười môn bất nhị, đều nêu rõ đại thể của pháp quán, và pháp quán của tông này, chính thực ở tại nội tâm, nương nhờ vào cảnh ngoài. Vì bỏ cái nương nhờ, giữ lấy cái chính thực, cho nên chỉ lấy nội tâm làm chung. Nếu đối với thuyết ấy, đã nói là duy sắc thì sắc lẽ nào không bao gồm các pháp hay sao?

Lại nữa, trong Phụ Hạnh nói: "Mê cho là trong ngoài, ngộ chỉ có nhất tâm". Cũng có khi nói theo chính tu nội quán, nếu dựa theo ngoại quán, lẽ nào nói ngộ chỉ có một sắc v.v... hay sao? Giáo nghĩa duy sắc, lẽ nào nói theo mê?

Còn trong Thị Châu nêu ra, cho rằng tâm chỉ ở lý, chúng sinh, Phật thuộc về sự, chỉ nói về tâm pháp, năng cụ năng tạo, chúng sinh, Phật môn thường là sở cụ sở tạo.

Thế thì đâu chỉ có sắc là không đầy đủ ba ngàn, chún g sinh – Phật cũng không đủ ba ngàn. Tôi đã có bàn luận tường tận, giải thích về pháp mầu ba nghĩa kia, lý thật sự như vậy. chẳng phải áp chế chống trái lẫn nhau. Cần phải biết cứu vãn đối với nghĩa có thể cứu vãn, bỏ ngắn theo dài, không lợi gì cho mọi người.

Thượng Nhân lại nói: "Nghĩa Lệ tịnh tâm, trải qua tất cả thì phải nói theo tu quán". Đó là thượng nhân, không lĩnh hội được cảnh quán trong ngoài, tu chứng nhiều ngõ của một tông phái, và không am tường văn nghĩa của các bộ, gây nên sự phá bỏ xằng bậy bây giờ.

Vả lại, cảnh quán trong ngoài, sơ lược lấy bốn nghĩa để luận.

Từ đó suy ra lỗi trong tâm, trước đốivới nội tâm, tu quán để hàng phục dứt trừ năm trụ, thay vì hàng phục dứt trừ tịnh tâm, trải qua các pháp sắc, thanh kia, tùy ý tự lấy mỗi pháp, có đủ ba ngàn ba đế, thì không luận bàn đến cảnh tu ngoài quán. Ở đây giống như Nghĩa Lệ chắc chắn trước phải ở nội tâm, nếu nội tâm tịnh thì dùng tịnh tâm này, trải qua tất cả các pháp, tùy ý trừ bỏ hay hòa hợp; cũng tức là chỉ Quán, quán thành tựu thức ấm, trải qua tất cả giới nhập y chánh, mỗi mỗi đều kết thành ba đế.

Từ có trong ngoài cùng tu, thì giống như Phương Đẳng sám nghi, chánh tu nội quán; nếu đối với cảnh ngoài, mới có thể dùng pháp chánh quán của nội tâm, nương theo trải qua tương dung đạo cụ, đều thành tựu

tam-muội.

Từ có cảnh quán dựa theo nội tâm, tu quán không hòa nhập, mới xả nội cảnh chuyên chú tu ngoại quán, như phá bỏ pháp sau khi cùng khắp, đã ví dụ phá cùng khắp, cũng ví dụ như mười thừa; nhưng văn ở trong phá cùng khắp nêu rõ như vậy, thế thì nếu ngoại sắc tịnh thì đem tịnh sắc này, trải qua tất cả các pháp cho đến nội tâm, tùy ý dứt bỏ hay hòa hợp.

Từ có sơ tâm thì nên tu ngoại quán, như trước tiên đạt được sắc. Định vô sắc, nếu phát tâm tu viên đốn chỉ quán, thì người này đã đắm trước nặng nề ở nội tâm, cần phải dùng ngoại quán để phá trừ, đối với các ngoại sắc, quán thành tựu thì lý mới hiển bày, trở lại đem tịnh sắc, trải qua tất cả các pháp cho đến nội tâm, tùy ý dứt bỏ hay hòa hợp. Ở đây giống như duy sắc, duy thức trong bốn Niệm xứ, hai loại quán bao gồm hai loại căn cơ.

Thượng Nhân chỉ biết dùng Nghĩa Lệ trải qua tất cả các pháp, muốn giống như Phương Đẳng biểu lộ nghĩa trải qua sự trọng trong các pháp, các văn như thế mà ý thì khác xa.

Vì sao? Vì tạm thời như Nghĩa Lệ nói thứ lớp tu quán chắc chắn trước ở nội tâm, nếu nội tâm tịnh thì dùng tịnh tâm này, trải qua tất cả các pháp. Đã nói là "nếu Tịnh", vì thế biết rằng, lúc quán chưa thành tựu thì nội tâm chưa tịnh, nếu quán thành tựu thì nội tâm thanh tịnh. Do đó nói rằng: "Nếu nội tâm tịnh, tương tự như Phương Đẳng nói thẳng rằng: "Dùng tâm chánh quán, làm sao giống nhau được".

Lại nữa, trong Phương Đẳng kia thì trải qua các sự mà tác quán, gia thêm công hạnh mà tiến công, cho nên nói: "Tâm tâm nối nhau quán đạo Vô gián, mới được nhập pháp môn bất nhị".

Nghĩa Liệt đã nói: "Tịnh tâm trải qua các pháp, tùy ý dứt bỏ hay hòa hợp" không bao giờ gia thêm công hạnh? Xem điều này thì là quán thành tựu tịnh tâm trải qua tất cả các pháp. Còn trong văn tự đưa ra tu nội quán, nên nói là nên biết: "Tất cả đều do tâm phân biệt, các pháp không hề tự cho là đồng khác". Đã suy lỗi nơi tâm, thì chỉ tu quán với nội tâm, các pháp ngoại sắc vốn không phân biệt đồng khác, thì không cần phải gia thêm công phu để tu quán pháp.

Nhưng hai quán trong ngoài, đều vì phá trừ phân biệt của nội tâm, nếu nội tâm quán thành tựu mà sự phân biệt đã diệt mất, thì lúc trải qua cảnh ngoài, tùy ý đi vào pháp môn bất nhị.

Nếu nội quán chưa thành tựu, sự phân biệt chưa dứt sạch, lúc trải qua cảnh ngoài, tâm tâm nối nhau, quán đạo không dứt mất, mới đi vào

pháp môn bất nhị.

Lại nữa, dựa vào dẫn chứng chiêm sát hai loại quan nghĩa về thật tướng và Duy thức, đã chỉ ở nơi nội tâm, thì biết rằng chẳng phải tu quán với cảnh ngoài.

Thật tướng quán lý thì nơi ấm tâm chỉ quán Lý đầy đủ ba ngàn thật tướng. Duy thức trải qua sự chuyên môn soi chiếu phát khởi từ tâm, trải qua nơi tâm năng tạo của mười giới.

Đã Từ biến đạo mà nói như vậy, thì thuộc về sự chẳng phải gọi là Sự của ngoại cảnh. Đã suy ra lỗi nơi tâm, cho nên chỉ quán sát nội tâm. Pháp quán tâm, không ngoài hai loại, nếu hai quán thành tựu thì nội tâm thanh tịnh,lúc đem tâm thanh tịnh trải qua ngoại pháp, thì mỗi mỗi pháp tự nhiên đều sẽ thanh tịnh, bất luận bàn đến ngoại cảnh tu quán.

Nếu đem Duy thức làm ngoại quán, thì quán sát Duy sắc là ở nơi nào? Bốn Niệm xứ y cứ theo duy thức, duy sắc, chia ra hai quán trong ngoài, chẳng phải không hiển nhiên. Thượng Nhân sao có thể cố tình làm trái giáo tông, cương quyết cho rằng Duy thức là quán ngoài như vậy?

Tùy theo trong tự ý, chỉ y cứ vào nội tâm, khởi lên mười giới phân biệt Phụ Hạnh phân định thuộc về Duy thức sự quán, Nghĩa Lệ nói rõ: "Sự quán thì chuyên môn soi chiếu phát khởi ở tâm". Bốn tánh không đạt được, làm sao có thể cương quyết cho rằng trải qua cảnh ngoài? đã hoàn toàn không nhận thức được quán pháp trong ngoài, làm sao có thể ngông nghênh sinh ra công kích bài bác được?

Lại nữa, phải biết rằng: Nói sự - lý không hai, người đạt được ý này, tùy đó tu một quán nhất định bao gồm hai nghĩa. Như người tu tập lý quán, tuy nói chỉ xét lý cụ, nhưng phải toàn tu ở tánh, thì khéo tu quán thật tướng. Người tu tập sự quán, tuy quán sát tâm năng tạo của mười cõi, nhưng phải biết: Toàn tánh trở thành tu, thì kheo tu Duy thức quán.

Lẽ nào khiến cho kẻ "chín tuần thượng ngồi", đều phải từ ngoài vào trong, tùy theo niệm thiện ác, bao lượt suy tìm kiểm chứng hay sao? Lẽ nào khiến cho kẻ "công tư hốt cự", đều cần phải ở nơi tịnh thất quán lý, sau đó mới gọi là sự - lý không hai hay sao?

Huống chi Thượng Nhân cương quyết chấp rằng cảnh ngoài là Duy thức, chỉ giống như "Thường ngồi", chú trọng quan sát về lý cụ, hoặc phát tâm sơ trụ và nội ngoại phàm, đã không trải qua việc ngoài, lẽ nào quán đạo chưa khai mở, thì không thể bàn về đạo hay sao?

Thượng Nhân dùng văn "trải qua tất cả" của Nghĩa Lệ, để giải

thích về tu quán, đối chọi với môn không hai và chỉ quán kiết lệ, cùng phương đẳng biểu pháp, sự sai lầm rất nhiều. Nay vì trong văn có đủ trường hợp các nghĩa đã viết, sơ lược nêu rõ những sai lầm.

Như văn kia nói: "Sắc - tâm một thể không trước sau, đều là pháp giới, thứ lớp tu quán, chắc chắn trước ở nội tâm (tức là trước quán sát thức ấm). Nếu nội tâm thanh tịnh (nghĩa là hiểu rõ một niệm có đủ ba ngàn pháp, cho nên nói là "nếu thanh tịnh". Vậy thì chỉ quán lý cảnh, cũng chính là sắc, tâm trong môn bất nhị, bao gồm trong một niệm tâm, chúng sinh, Phật...), đem tâm thanh tịnh này trải qua tất cả các pháp [cho rằng nếu hiểu rõ một niệm ba ngàn rồi, vì thế nói là"nếu thảnh tịnh", sau đó trải qua tất cả các pháp kia, không ngoài ba ngàn của Ngã, do đó nói là "trải qua tất cả các pháp", tức là chỉ quán kết thành ba đế, ý cũng chính là trong ngoài môn bất nhị. Ngoại cho là dựa vào y chánh sắc tâm kia, tức Không - Giả - Trung v.v.... đây điều là chánh tu quán, chẳng phải quán thành tựu mà trải qua tất cả. Tùy ý tiêu tan hay hòa hợp (cho rằng ba ngàn không ngoài, thâu nhiếp sự cảnh bên ngoài không thiết bất cứ điều gì, tức là chỉ quán kết thành ba đế. Văn trong mỗi văn, kết thành cảnh không thể nghĩ bàn, ý cũng giống như trong ngoài môn bất nhị trước đây, hiểu rõ sắc ngoài tâm nhất niệm vô niệm, chỉ có nội thể ba ngàn Không - Trung mà thôi, điều là ý tiêu tan hay hòa hợp. Người có thể quán sát niệm niệm như vậy, thì nếu rõ ràng minh bạch, tức là thành tựu quán hạnh, nếu phát khởi kiến giải tương tự, tức là thành tựu tương tự. Nếu ba đế hiển bày phân biệt, tức là thành tựu phần chân, nào là quán thành tựu, mới trải qua mọi nơi ư? Lẽ nào đi vào phần chân mới trải qua mọi nơi hay sao?). Lại nữa, cúng trước hiểu rõ muôn pháp Duy tâm (Liễu tức là hiểu rõ, cho rằng ba ngàn không ngoài một niệm v.v....) mới có thể quán tâm (y theo kiến giải mà quan sát ba ngàn pháp không ngoài một tâm), có thể hiểu rõ các pháp thì thấy các pháp Duy tâm duy sắc. Nên biết rằng: "Tất cả do tâm phân biệt, các pháp không hề tự cho là đồng khác. "Nên biết" trở xuống là ý chính thức nêu rõ quán tâm, các pháp đã do quán tâm phân biệt, vì thế cho nên chỉ quán tâm mà thôi, tuy nói duy sắc nhưng sắc chính là tâm. Do đó trong kinh Chiêm Sát nói: "Quán có hai loại: Một là Duy thức, hai là Thật tướng" [dẫn kinh chứng minh]. Thật tướng quán sát lý (quán sát tánh của ba ngàn chính là Không - Giả - Trung, tức là nội tâm thanh tịnh trước đây). Duy thức trải qua sự (tức đem tâm thanh tịnh trải qua mọi nơi của các pháp]. Sự lý và không hai [tức sự mà là Lý, thâu nhiếp ngoài quy về trong, ba ngàn ba đế, thâu nhiếp hoàn toàn tất cả, cho nên nói là không

hai. Không hai Môn nói: “Chỉ có nội thể ba ngàn, tức là Không - Giả - Trung”. Nên biết rằng hai quán lẽ nào có thể lìa xa nhau? Nếu cho rằng đợi khi nội quán hiển bày lý, mới trải qua ngoại sự khắp nơi, tức là sơ tâm chỉ tu tập quán thật tướng, khi quán thành tựu, cho đến phần chân mới tu tập Duy thức quán hay sao? Trái ngược và tổn hại vô cùng không thể nào trình hết được. Lại nữa, nên biết rằng: Thật tướng và Duy thức tuy thường phân biệt lợi độn, nhưng chung quy mà nói thì hai quán cùng như nhau). Quán đạo khơi bày đôi chút (cho rằng nếu hai quán có thể phù hợp với nhau, Sự, lý không hai tức là quán đạo, khai bày sơ qua có thể đi vào các địa vị của quán hạnh...), hiểu được điều này thì sẽ cùng nhau luận đạo (nên biết rằng: Người hiểu sai mà cố chấp, thì làm sao luận đạo với nhau được? kinh Khi trình bày khuyên nhắc có thể không đúng chăng?)Đây đều là do Thượng nhân đem Môn Bất Nhị và chỉ Quán mà so sánh chú thích. Lại còn dùng văn trong Phương đẳng biểu pháp, đối chiếu với Nghĩa Lệ này; dùng tâm chánh quán kia, đối chiếu với “chắc chắn trước tiên là nội tâm, nếu tịnh nội tâm”; dùng “trải qua mọi sự trong mỗi duyên đều là biểu lộ thắng pháp kia, đối chiếu với “trải qua mọi nơi các pháp”; dùng “tâm tâm tiếp nối quán đạo không xen hở, đi vào môn bất nhị” kia, đối chiếu với “ tùy ý tiêu tan hay hòa hợp”. Thượng Nhân lãnh hội và giải thích như vậy, sơ lược có năm lỗi: 1/ Không hiểu rõ nghĩa lệ. 2/ Không hiểu rõ môn bất nhị. 3/ Không hiểu rõ chỉ quán nghĩa lệ. 4/ Không hiểu rõ phương đẳng biểu pháp. 5/ Tự trái ngược với ý chỉ của Thị Châu.

Vả lại, Nghĩa Lệ đã mở rộng lỗi của phân biệt, ở nơi trong nội tâm, sự phân biệt này lẽ nào chẳng phải vô minh? Nếu chưa đoạn trừ điều phục,sao có thể trải qua mọi cảnh, tùy ý tiêu tan hay hòa hợp? Phương Đẳng Chánh Quán dựa vào khi chưa dứt trừ điều phục mà nói, cho nên lúc trải qua ngoại sự, thì phải niệm niệm nối nhau, tiến công khiến cho quán không xen hở, mới đi vào cửa ngõ không hai, đâu thể khiến cho tùy ý tiêu tan hay hòa hợp được? Vậy thì Thượng Nhân không hiểu rõ tướng thành tựu, chưa thành tựu của Nghĩa Lệ và Phương Đẳng, dẫn đến đối chiếu sai lầm như thế.

Lại nữa, Môn Bất Nhị tuy từng môn từng môn hòa nhập nhau, nhưng một môn trong ngoài, đã đối chiếu với hai diệu Trí và Hạnh thì sẽ tập trung nói về Tự hành quán pháp.

Lại nữa, như cái hiểu của Thượng nhân, phải là người tu nhiều về Chỉ Quán, mới nhờ vào Sự mà tu quán, nay vì sao tâm chánh quán, lại tu tập ở môn Sắc - Tâm? Một môn trong ngoài đích thực nói về quán

pháp, đến nay trở thành luận gần cạnh pháp, tại sao đem chánh quan trong môn Sắc Tâm, trải qua bên cạnh cảnh ngoài các pháp? Khoa quán cảnh, trong đã cùng là câu "tùy ý tiêu tan hay hòa hợp", vẫn chỉ là tướng thành tựu của quán ngoài.

Nếu cho rằng không đúng vì sao đem hai quán trong ngoài, chỉ đối chiếu với một đoạn văn "trải qua tất cả các pháp, tùy ý tiêu tan hay hòa hợp"?

Huống chi trong văn quán ngoài, đã nói xong nghĩa lý nói về quán thành tựu, do đó văn nói: "Thể sắc tâm bặt dứt chỉ có một thật tánh, và sáng sủa đồng với chân tịnh, rõ ràng như lưới giăng của Đế-thích? Nếu chưa tiêu tan hay hòa hợp thì làm sao sáng sủa đồng với chân tịnh, làm sao có thể thấy rõ ràng lưới giăng của Đế-thích? Lại đem các văn như "trước hiểu rõ sắc tâm bên ngoài", để kết thúc phần trước mở ra phần sau, lại càng nhiều chướng ngại. Vì sao? Vì nếu trước hiểu rõ mọi lời văn, là kết thúc tướng quán trước đây, đã nói là "trước hiểu rõ nhất niệm, vô niệm bên ngoài sắc tâm", thì cảnh ngoài trước đó đã tiêu tan hay hòa hợp xong xuôi, làm sao đem nội quán tiếp tục đối chiếu với tiêu tan hay hòa hợp được? Từ nội thể về sau, nếu thuộc về phát sinh phần sau, thì chắc chắn phải chính thức trình bày về nội quán, vì sao cùng chỉ thực hành quán ngoài tiêu tán hay hòa hợp? Thế thì kết thúc quán ngoài ở phần trước, đã là trải qua sự tiêu tan hay hòa hợp bên ngoài, thì rõ ràng những lời kinh Khê đã lập nên hoàn toàn chẳng có nguyên do. Lại nữa, cảnh ngoài đã thoáng đãng đồng với chân tịnh, lưới giăng Đế-thích rõ ràng sáng sủa, thì uổng công đã lập ra một khoa nội quán, thì thành ra kinh Khê nêu bày giả dối giải thích hoang đường, làm mê hoặc cho người thực hành? Môn nội ngoại, đầu tiên trình bày nêu ra hai loại cảnh quán, Thượng Nhân ngang nhiên thâu tóm lại thành một loại, dựa vào đó nêu bày về quán ngoài; trong môn Sắc tâm không bàn về quán pháp. Thượng nhân cương quyết cho rằng đích thực tu tập nội quán.

Lại nữa, môn Nội - Ngoại, đích thực luận bàn về hai loại cảnh quán, nếu đem nghĩa lý của Thượng Nhân đã lập ra để đối chiếu, thì môn này chỉ đại khái điểm qua nghĩa lý của phần chánh, dựa vào sự trải qua giúp đỡ mà thành (Vì Thượng Nhân nhiều lần nói rằng "Góc sự nương pháp" hai quán nương nhau mà thành Chỉ Quán).

Nếu y cứ theo những sự thiết lập của kinh Khê thì môn Nội Ngoại, hoàn toàn không nói về quán pháp, vì sao? Vì hai quán Thật tướng - Duy thức, chỉ y cứ theo nội tâm mà luận, Thượng Nhân đã đem môn Nội Ngoại, chỉ đối chiếu với văn "trải qua ngoại pháp tiêu tan hay hòa hợp,

lẽ nào hoàn toàn không trình bày về hai thứ pháp quán là Thật tướng - Duy thức hay sao?

Lại nữa, Thượng Nhân chỉ đem câu "nếu nội tâm thanh tịnh", đối chiếu với Lý cảnh trong Chỉ quán (hoàn toàn không dám nói quán là vì nhiều vướng mắc. Xem thường như thế làm sao có thể phê bình nhận xét về giáo?), mới đem cảnh này trải qua khắp các pháp bên ngoài, thì vô cùng trái với Chỉ quán, vì luận kia có đầy đủ Thức - Ấm, tu ở mười thừa, sau đó đem mười thừa này, trải qua sự tạo tác cảm thọ, đâu hề đơn độc đem lý cảnh trải qua Sự?

Lại nữa, trong môn Sắc tâm, mình, người, chúng sinh, Phật, cùng ở trong một niệm, Thượng nhân chỉ lấy mình, tâm, chúng sinh, Phật, làm ý của nội quán, đem chúng sinh khác, Phật khác dùng quán ngoài để trải qua. Vậy thì trong ngoài đều không trọn vẹn. Nên biết rằng: Nội tâm dựa theo lý để gồm nhiếp pháp, lẽ nào chỉ là chúng sinh, Phật của chính mình, mà chúng sinh khác, Phật khác, tâm mình đã tạo đều phải thâu nhiếp; lúc trải qua việc ngoài, lẽ nào chỉ là cảnh của chúng sinh khác, Phật khác, tâm mình đã tạo đều phải trải qua; sai sót đâu có giới hạn, lẽ nào có thể ghi chép đầy đủ? Nêu văn như vậy, còn tự tin có thể đạt đến hay không, thì không dựa vào sự biên soạn của kinh Khê?

Nếu cho rằng: Trước tiên hiểu rõ các văn kết thúc phần trước, phát sinh phần sau, lại thành ra tu quán ngoài, đến địa vị Tương tự phần chân, sau mới tu quán trong, còn bằng lòng giúp đỡ hay không? Nên biết rằng: trong ngoài không hai phần, chủ yếu trình bày về hai loại cảnh quán, tuy phần nhiều là tu quán, nhưng trước dựa vào nội tâm, không ngăn ngại cùng có mê đắm nội tâm, phát khởi đau thương lại tu quán ngoài, vì thế cho nên kinh Khê tùy theo đó nêu ra lời như vậy, lại trước giải thích về quán ngoài. Ví dụ như vậy rất nhiều không thể nào dẫn đầy đủ được.

Trong quán ngoài, tự trình bày về sắc tâm, y chánh bên ngoài là cảnh sở quán, tùy theo một cảnh mà dùng ba quán không thể nghĩ bàn, tức thì soi chiếu, tức thì diệt mất, cho nên lúc quán thành tựu, rộng mở đều đồng với chân tịnh. Một cảnh đã cùng khắp, thâu nhiếp các pháp kia thì các pháp kia đều thâu nhiếp các pháp, cho nên y chánh lưới giăng của Đế-thích, cuối cùng tự chói lọi rực rỡ [y chánh nếu không đầy đủ trong nhau không thâu nhiếp lẫn nhau thì lẽ nào giống như lưới giăng của Đế-thích?]

Kế đến giải thích về nội quán, đầu tiên trình bày Diệu giải, thâu tóm ngoại hướng vào trong, cho nên nói là "trước hiểu rõ nhất niệm vô

niệm, bên ngoài sắc tâm [Nghĩa Lệ nói "Trước hiểu rõ muôn cảnh duy tâm]; tiếp theo trình bày về diệu quán, vì chuyên chú vào nội tâm quán xét tất cả các pháp, do đó nói "chỉ có nội thể ba ngàn tức là Không - Giả - Trung (Nghĩa Lệ nói "Mới có thể quán tâm"). Nói là "Trước hiểu rõ", đã không kết thúc tướng thành tựu quán ngoài trước đó, lẽ nào có thể chỉ trích lung tung rằng: Quán ngoại chỉ do kiến giải, quán trong là do thực hành" hay sao? Vì thế biết rằng: "Trước hiểu rõ sắc tâm bên ngoài ...", chính là hiểu biết nội quán, thế thì so với văn trước hiểu rõ muôn pháp duy tâm mới quán tâm được" trong Nghĩa Lệ, đều là trừ bỏ. Thượng nhân không phải cho rằng phá bỏ tôi chính là phá bỏ kinh Khê hay sao?

Nhưng nội quán gồm có ba quán vong - chiếu và quán thành tướng, quán ngoài gồm có diệu giải và nói trước hiểu rõ muôn pháp duy sắc. Bởi vì văn bóng bẩy phản ánh lẫn nhau cho nên thiếu sót lẫn nhau. Hơn nữa, trong ngoại quán hoàn toàn không nói thâu nhiếp pháp ngoài quy về trong tâm, mà tự nói là "Đế võng y chánh", lẽ nào sắc ngoài không đủ ba ngàn, không đủ nội tâm hay sao?

Lại nữa, đặc biệt trái với Thị Châu nêu ra văn kia nói: Môn trong ngoài môn đối cảnh nói về trí, mới giải thích về quán trí, hoặc môn sắc tâm, không thể đối chiếu với ba đế, ba quán". Lại nói: "Đều có sở thuộc, không thể lẫn lộn quá mức". Do đó biết rằng: Ý chỉ của Thị Châu sâu xa, không chấp nhận trong môn Sắc tâm, nói về quán tuệ. Văn kia phân định Sơ môn chưa giải thích về đế quán, Thượng nhân đảo lại đích thực là nói về nội quán. Văn kia phân định môn tiếp theo mới trình bày về quán trí, Thượng nhân lại cho rằng nhờ vào đó nêu rõ quán ngoài. Lại nữa, ý chỉ của Thị Châu nói phân định Sắc tâm thể dứt, là tiếp tục nêu rõ tướng thành tựu của quán, lại nói rằng đây là quán thành tựu duy nhất thể tánh, lại giải thích hoát đồng chân tịnh là phần vị thanh tịnh của sáu căn. Nếu chưa tùy ý tiêu trừ hay hòa hợp, làm sao gọi là tướng quán ngoài thành tựu? Lẽ nào phần vị thanh tịnh của sáu căn, giống như sắc tâm chưa hòa hợp hay sao?

Nếu cho rằng ý chỉ của Thị Châu phân xét hai môn này không xác đáng thì hai quyển đâu đủ để có thể y cứ giải thích về môn Bất nhị? Nếu văn có trái mà phá bỏ quán tâm thì lý sẽ hoàn toàn sai lầm. Nhưng ý chỉ của Thị Châu rõ ràng không một điều gì để giữ lấy, chỉ có Thượng Nhân nay vịn cây nhìn thấy kia, thì không phù hợp mà chỉ trái ngược. Nhưng học vô thường sư, lý trường thì thành tựu, có điều gì không thể? Càn Trúc bỏ tà theo chánh, điều ấy nào giới hạn, nhưng nếu lập ra nghĩa lý

mà chẳng cao siêu thì đâu thua kém gì Sư? Đã rầy rà lại thua kém đâu cần phải đổi thay.

Lại cương quyết chấp rằng Chỉ Quán kết thúc ví dụ về y chánh các pháp, đều là văn thể hiện ba đế, là đích thực tu ngoại quán, lại càng không thể.

Văn kia chọn lựa nêu ra thức tâm, tu tập mười thừa, nay mới một quán, làm sao thay đổi các quán ở bên ngoài được? Phá bỏ các văn cuối cùng ví dụ về các ấm nhập, vẫn còn sợ rằng quá sớm, sau khi kết hợp với ấm thức mười thừa, chỉ là đã dứt bỏ thông - bít. Y cứ chung theo năm ấm mà tu quán, cho dù phá bỏ các văn cuối cùng ví dụ về các ấm nhập. Huống chi văn kia nói rõ ràng, từ đầu đến đây, chỉ dựa theo thức tâm, từ đây trở đi cho đến lìa bỏ ái, có y cứ theo năm ấm mới thành tựu tướng quán. Ý chỉ của kinh Khê rõ ràng như vậy, từ đầu đến đây, chỉ dựa theo ấm tâm mà tu quán, vì sao có thể trái ngược với Tông Tổ, cương quyết đem văn "quán thành lịch pháp" này cố chấp làm thành ngoại cảnh tu quán như vậy?

Vì thế biết rằng: nếu là người thượng căn có thể đi vào quán hạnh - chân - tự, dùng tâm thanh tịnh trải qua các pháp, tùy ý tiêu trừ hay hòa hợp. Sư giải thích không có những sai lầm, bao gồm kết hợp các văn, vì kinh Khê tự nói:" Người thượng căn vừa quán liền đi vào Sơ trú hay nội ngoại phàm"; ba phần vị này, lẽ nào không thể dùng tâm thanh tịnh trải qua các pháp tùy ý tiêu trừ hay hòa hợp ư?

Lại nữa, quán pháp tùy ý tương ứng, phải từ Sơ phẩm trở lên mới có đức này, cho nên Chỉ Quán trình bày về Sơ phẩm rằng:"Không gia thêm công lực, tùy ý rõ ràng v.v...." Nên biết rằng: Địa vị đã ở nơi một pháp ba đế, tùy ý rõ ràng, đối với pháp khác lẽ nào không rõ ràng hay sao? Địa vị này đã như vậy, địa vị sau ví dụ như thế, nhưng phân chia ba bậc quán hạnh-chân-tựa tùy ý.

Nhưng sau khi quán thành tựu, vẫn còn nói về trải qua cảnh ngoài, ấy là do trụ ở nhân vị. Nên biết rằng: Chỉ có địa vị Diệu giác mới hoàn toàn không có tướng trong ngoài.

Vì vậy trong luận Khởi Tín nói: "Pháp thân chư Phật càng không thấy kia đây sắc tướng diệt tướng", vì không có Phật khác, tức không có có chúng sinh khác, Chánh báo đã dứt bỏ, lẽ nào y báo tồn tại? Tuy ba ngàn rõ ràng như thế nhưng tướng trong ngoài bặt dứt. Nếu còn lại một phẩm vô minh, thì phải có tướng tự - tha nhỏ nhiệm, do đó trong luận Khởi Tín chép: "Do chuyển thức cho nên thấy có Phật khác", đã thấy phật khác, lẽ nào không thấy chúng sinh khác? Chánh báo vẫn còn thì

y báo lẽ nào mất đi? Đem nội quán đã thành tựu, trải qua sự cảnh bên ngoài, tùy ý dứt bỏ hay hòa hợp.

Do đó trong kinh Tịnh Danh chép: "Quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy", lẽ nào chẳng phải lấy trong để ví dụ cho ngoại hay sao? Phần chân còn thế, tương tự - quán hạnh có thể biết.

Thượng Nhân cương quyết chấp rằng: "Chỉ quán thức tánh đầy đủ ba ngàn pháp, thì ngoài ba ngàn càng không có một pháp nào", lẽ nào tồn tại riêng một sự cảnh ấm ở ngoài tâm, mà lại cần có thức ấm hiển bày lý, mới dung thông tất cả hay sao? Phải biết rằng: Nói như vậy là ý hoàn toàn không thể nào tu quán ở địa vị sơ tâm. Vì sao? Vì đã không chấp nhận quán các pháp ngoài sắc, sợ rằng tâm hướng ngoại, chỉ quán nghĩa của lý cụ trong nội tâm, thì phải là nội, hoặc là ngoại, thường quán xét cùng khắp, mới gọi là quán ở tánh có đủ ba ngàn.

Nếu vậy thì lẽ nào chỉ riêng quán thành tựu, không có pháp ngoài nào để trải qua, lúc lý chưa hiển bày ư? Nếu tu ngoại quán, cũng không có một pháp nào để làm sở quán, các pháp ngoại sắc, đã là nội quán vì tất cả quán sát xong xuôi. Vậy thì hai quán trongngoài đều không thành tựu, vì không chuyên chú vào nội quán thì không thành tựu, vì không có sự cảnh bên ngoài nên ngoại quán không thành tựu.

Nếu như giáo văn của một tông phái, đã nói về tu quán, thành tựu và không thành tựu, đều phải trải qua tất cả các pháp. Nếu tu nội quán, trước tiên diệu giải thâu nhiếp pháp ngoài, đi vào tâm chỉ quán nội tâm đầy đủ các pháp tánh, nghĩa thâu nhiếp các pháp đã thành tựu, nghĩa chuyển tâm lại thành tựu. Nếu tu quán ngoài, cũng trước dùng diệu giải thâu nhiếp các pháp và nội tâm, đi vào một pháp của sắc ngoài, tu các quán về duy sắc, nghĩa thâu nhiếp các pháp đã thành tựu, lẽ nào hai quán cùng có chung lý do hay sao?

Nếu tu Duy thức, quán thành tựu lý hiển bày, đã thấy nội tâm thâu nhiếp các pháp rồi, thì đem tâm đã chứng trải qua các pháp bên ngoài, tự nhiên thấy được các pháp đều hướng về ngoại sắc, đều hướng đến ngoại tâm. Vì vậy, Nghĩa Lệ chép: "Trước tiên hiểu rõ muôn pháp duy tâm, mới quán tâm được"; có thể hiểu rõ các pháp [Nội tâm như vậy có thể hiểu rõ các pháp, thì ngoại sắc đều hướng về tâm gọi là không hai, gọi là Nội tâm tịnh], thì thấy các pháp duy sắc duy tâm [Tất cả các pháp hướng về ngoại sắc gọi là Duy Sắc, tất cả các pháp hướng về tha tâm gọi là Duy Tâm, tâm thanh tịnh trải qua bên ngoài thì tự nhiên thấy tướng tiêu trừ hay hòa hợp]. Lại như môn nội ngoại bất nhị kết hợp trở thành không hai, nói thế thì pháp ngoài hoàn toàn là tâm tán, tâm tánh

không ngoài thâu nhiếp toàn bộ các pháp (đây là quán tâm hiển bày tánh, không hai với các pháp ngoại sắc). Chư Phật mười phương và pháp giới hữu tình, tánh thể không khác nhau, tất cả đều đầy đủ (đây là Phật pháp thâu nhiếp tất cả, và pháp chúng sinh thâu nhiếp cùng khắp, cho nên nói: “Tất cả đều cùng khắp. Chánh báo đã vậy thì y báo thâu nhiếp cùng khắp cũng như thế”. Đã nói đều cùng khắp, lẽ nào không cùng với nội tâm tiêu trừ hay hòa hợp ư?).

Vì vậy một thí dụ về lưới giăng của Đế-thích, có thể dụ cho nghĩa của bốn thứ trong ngoài, vì sao? vì lúc tu nội ngoại quán đều phải tùy theo đó nêu ra một hạt ngọc, thâu nhiếp tất cả các hạt ngọc, quán thành tựu trải qua cung khắp, lẽ nào không tùy theo đó nêu ra một hạt ngọc để thâu nhiếp các hạt ngọc hay sao?

Ý chỉ của Thị Châu giải thích về câu tâm tánh không ngoài thâu nhiếp cùng khắp tất cả”, nêu ra thí dụ này nói: “như nêu ra một hạt ngọc thâu nhiếp tất cả các hạt ngọc”, đến giải thích câu “chư Phật mười phương...” chỉ nói: “chúng sinh, Phật là một, như hư không chẳng có trong ngoài”.

Vả lại, ba pháp đều là Diệu, tất nhiên không có hơn kém, tâm pháp đã có thể là một hạt ngọc thâu nhiếp tất cả các hạt ngọc, thì chúng sinh - Phật sao không thí dụ cho một hạt ngọc thâu nhiếp tất cả các hạt ngọc? Hơn nữa, thí dụ về lưới giăng của Đế-thích vốn hiển bày y chánh, sắc tâm, trong ngoài, tự tha, nêu ra một nghĩa mà thâu nhiếp toàn bộ, vì cái thấy của mình do hiểu sai nên khiến cho thí dụ viên mãn chỉ quy về một phía.

Nên biết rằng: Nội quán thành tựu trải qua pháp ngoài, thì tùy ý nêu ra một mà thâu nhiếp tất cả. Nếu dùng tâm chánh quán trải qua sự cảnh để thực hành quán, lại cũng theo đó quán một pháp mà thâu nhiếp tất cả các pháp. Nếu tu nội quán mà không chuyển sang tu ngoại quán, thì cũng phải nêu ra một để thâu nhiếp tất cả. Như vậy mới tương xứng với thí dụ về lưới giăng của Đế-thích, mới được gọi là một sắc, một hương không gì chẳng phải Trung đạo (Trung lấy nghĩa không nghiêng lệch. Nếu đương thể hương - sắc, không đầy đủ ba ngàn, không thâu nhiếp các pháp, không là nơi hướng về các pháp, thì nghĩa đó là nghiêng lệch không thành nghĩa Trung đạo).

Nếu chỉ có nội tâm đầy đủ ba ngàn, có công năng thâu nhiếp các pháp, ngoại sắc chẳng đầy đủ ba ngàn, không thâu nhiếp các pháp, thì sao lúc thành Phật, trong chánh báo hiện bày y báo, trong y báo hiện bày chính báo? Nếu pháp tánh chẳng như thế thì lúc tu không phải như

vậy, đến quả mới như vậy, thì tất cả trở thành có tạo tác, chẳng phù hợp với tánh. Lại nữa, nếu sơ tâm tu quán, không chuyên chú vào nội tâm mà lại bao gồm cả quán sắc ngoài vậy thì nội quán đã sắc ngoài, cần gì phải tiếp tục trải qua pháp ngoài để quán?

Phải biết rằng: chỉ quán nội tâm tức là không, Giả, Trung rồi tự nhiên thấy mỗi sắc tâm bên ngoài đều là không, Giả, Trung. Do đó trong Phụ Hành chép: "Thâu tóm ngoài hướng về nội, khiến cho quán nội thức, đều là một thức, thức đã không thì mười giới đều không, Giả - Trung cũng vậy", đã quán thức không rồi mới nói mười giới đều không, Giả, Trung, vậy nên biết: Lúc tu nội quán, không phóng tâm quán xét cảnh ngoài, chính là ngoại pháp, tự nhiên hướng về nội. tâm thnah tịnh trải qua ngoại cảnh, đích thực quán sát pháp ngoài, pháp trong hướng ra cảnh ngoài, lẽ nào không đúng hay sao?

Lại nữa, nay Thượng Nhân đã cương quyết đem quán trong làm lý và pháp ngoài là sự, trong văn mười Pháp đã không chọn nêu rõ ấm nhập nội tâm làm cảnh, lại không có mười pháp thành thừa, sao gọi là thuần túy bàn về lý quán? nếu chẳng phải lý quán, làm sao phế bỏ phụ pháp quánđ ? luận về tông đã thất bại, thì muốn nói gì nữa?.

THỨ TƯ: KHÔNG NÓI VỀ HAI SỰ TẠO LÝ

Nhưng nếu hiểu được ý của hai cảnh quán trong ngoài, không phải tiếp tục nói về nghĩa của hai tạo, vẫn còn sợ rằng Thượng Nhân chấp mê khó ngộ, cho nên không gặt hái được, vì vậy lại tiếp tục nói.

Trong Phụ Hành nói: "tạo có hai nghĩa: 1. Dựa theo lý, Tạo chính là Cụ; 2. dựa theo sự, là nói về quá khứ tạo nên hiện tại, quá khhứ hiện tại tạo nên tương lai, hiện tại tạo nên hiện tại, bậc thánh biến hóa sở tạo v.v..." còn kết thúc nói: "Đều do lý cụ mới có sự dụng, nay muốn tu quán chỉ quán Lý cụ, cùng phá bỏ, cùng thiết lập, cùng là pháp giới, tùy ý thâu nhiếp có thể hiện quyền thật" (Trên đây đều là văn của Phụ Hạnh, nhưng đối với sự lấy ý mà nói về sơ lược về văn mở rộng kia).

Hai tạo ở đây, đều nói về ba ngàn, lý thì vốn đầy đủ ba ngàn và tánh thiện tánh ác; sự thì biến tạo ba ngàn, cùng tu thiện ác.

Nói về Sự tạo, chính là lấy vô minh, thức ấm làm năng tạo, mười giới - y chánh làm sở tạo. Nếu nói về Lý tạo, tạo tức là đầy đủ (Cụ), đã là năng tạo sở tạo, mỗi mỗi chính là Lý, thì mỗi mỗi tương đương thể đều đầy đủ tánh đức ba ngàn, do đó mười hai nhập đều có đủ ngàn Như.

Năng tạo sở tạo, nội cảnh ngoại cảnh, đều có thể đương xứ quán

xét Lý Cụ, nhưng chỉ Quán cái nhiều theo cái chủ chốt, bỏ cái khó giữ lấy điều dễ, bỏ cái sở tạo kia, giữ lấy năng tạo, quán đầy đủ ba ngàn. Năng tạo sở tạo, nếu chưa quán đầy đủ thì tạm thời gọi là "phàm phu thế đế cách ngăn chặng dung hợp", vì thế gạt bỏ giới nhập, chuyên giữ lấy ấm thức làm cảnh sở quán, tức là ý "trước hết tiếp tục trình bày về phần cảnh" trong Phụ Hạnh.

Còn trong mười thừa, thì sử dụng Diệu quán, quán một niệm ấm tâm năng tạo này vốn có đủ ba ngàn, đã là một niệm chính là ba ngàn, ba ngàn tức là một niệm, nói năng suy nghĩ không thấu đạt, vì thế không chuyển sang gọi là Cảnh không thể nghĩ bàn.

Nếu quán mãi không thôi, quán thành tựu thì lý hiển bày, hoặc điều phục, hoặc dứt trừ, gọi là tâm tịnh, do đó lúc chưa tịnh, gọi là vô minh thức ấm. Nếu lúc đã thanh tịnh, do vô minh chuyển đổi liền biến thành minh, năng tạo đã minh, sở tạo theo đó tự nhiên thanh tịnh (nếu nội quán thành tựu dùng Lý thâu nhiếp Sự, thì cảnh ngoài sự tạo đều hướng về nội tâm, gọi là Nội tâm tịnh. Nếu trải qua cảnh ngoài mà mỗi mỗi sự cảnh đều là nơi các pháp hướng đến, thì gọi là theo đó tiêu trừ hay hòa hợp).

Thượng Nhân không chấp nhận chỉ quán lý đầy đủ ba ngàn, mà phải chấp rằng quán nơi sự tạo, cảnh ngoài quay về tâm gọi là tu thật tướng quán, còn trải qua ngoại sự, đều quy về nội tâm, gọi là tu duy thức quán.

Tôi thật sự không dám vội vàng tin thuyết này, vì có nhiều điều sai trái, một là trái với văn hiện tại của Phụ Hạnh, hai là quán không rõ ràng, ba là nhận lầm Duy thức làm quán ngoài, bốn là hoàn toàn không hiểu được lý đầy đủ ba ngàn.

Vả lại trong Phụ Hành chép: "Đều do Lý Cụ mới có Sự dụng v.v.... nay muốn tu quán, chỉ quán lý cụ, vừa phá bỏ, vừa lập ra, vừa là phá giới, tùy ý thâu nhiếp có thể hiện quyền thật". Vì Thượng nhân không khéo dứt bỏ văn này cho nên không hiểu rõ hai tạo.

Đã nói: "Chỉ quán Lý cụ, vừa phá bỏ, vừa lập ra, vừa là phá giới", lẽ nào chẳng phải khiến người thực hành đối với tâm năng tạo, chỉ quán lý đầy đủ ba ngàn đều là Không, Giả, trung hay sao?

Nếu vậy thì lấy sở tạo ngoại sự làm cảnh, làm sao gọi là "chỉ quán Lý cụ cùng phá bỏ, v.v...?

Vì cứu bệnh được huyệt thì trăm thứ bệnh thuyên giảm, chặt cây được gốc thì ngàn cành nhánh tự khô, cho nên nói: "Tùy ý thâu nhiếp có thể hiện quyền thật". Vì "đều do Lý cụ mới có Sự dụng, chỉ quán lý

đầy đủ ba ngàn cùng là Không - Giả - Trung, cho nên sự dụng sở tạo tự nhiên đều là Không, Giả, Trung". Vì thế nói là "Tùy ý thâu nhiếp có thể hiện quyền thật nhiếp" lẽ nào cần phải chặt hết ngàn cành nhánh, giảm bớt sáu phần bệnh, mới gọi là chặt cây cứu bệnh hay sao?

Trong Phụ Hành rõ ràng trình bày trước tiên phân biệt hai tạo, đặc biệt khiến cho người thực hành chỉ quán lý tạo đều là Không, giả, Trung thượng nhân chỉ khiến quán tất cả sự tạo, đâu có việc gì áp chế giáo thuộc theo tình quá? nếu nội tâm quán lý thì duyên theo cảnh ngoài sự tạo, duy thức quán ở Pháp nào, duy sắc quán ở pháp nào? Do điều này Thượng nhân bắt đầu thuận theo lắng nghe giải thích, rồi đến làm thầy hoàn toàn không hề biết biết hai tạo Sự - Lý và hai cảnh trong ngoài, liền sai lầm đem sự tạo cảnh ngoài, cho là nội tâm lý cụ.

Vả lại trong Phụ Hành chép: "Trong tâm chúng sinh, đều có Như Lai, ngồi kiết già tĩnh tọa, lẽ nào là Sự tạo Như Lai ư?". Lại nói:"Địa vị dưới đây tuy đầy đủ nhân quả, nhưng chỉ là lý cụ". Do đó biết rằng: Lý tạo không nói về biến đổi tạo tác, cho nên tu lý quán. đã nói "Chỉ quán lý cụ", thì biết rằng: chỉ soi chiếu Bổn lý tánh đức đều là Không, giả, trung, tùy ý thâu nhiếp được sự tạo các pháp, lúc thực hành quán, thật sự không thể tùy tiện duyên theo sự tạo làm cảnh.

Do đó biện ngoa nói: "cảnh Bất tư nghị trong Chỉ quán kia, đầu tiên vốn muốn quán xét pháp y chánh của mười giới, cho nên chỉ có quán tâm, vì tâm là cội nguồn của các pháp. Chặt cây trừ gốc, cứu bệnh được huyệt, do đó liên quán niệm thức tâm, đầy đủ ba ngàn pháp". Làm sao có thể nói chẳng phải sơ tâm tác quán thì quán các pháp, sở tạo ba ngàn lẽ nào chẳng phải các pháp hay sao? Lại phá bỏ chọn sắc quán tâm, sợ rằng nghĩa của tâm hướng ra bên ngoại, nên mới dẫn chứng.

Môn nội quán bất nhị, dựa vào y chánh sắc tâm kia để vặn hỏi. Lại nói: "Chỉ Quán sơ tâm quán tất cả các pháp y chánh ba ngàn của mười giới". Trong ba ngàn lẽ nào không có sắc ư? Huống chi giải thích đầy đủ ấy là "trần pháp giới xứ xứ Giá-na". Còn đưa ra sắc hướng Trung đạo, các pháp hướng về sắc v.v.... để vặn hỏi.

Đây há chẳng phải xưa nay hoàn toàn không am tường nghĩa lý của hai cảnh Lý Cụ, Sự tạo hay sao? Cho nên cho các pháp Sở tạo, là tánh đức vốn sẵn có.

Lại đem cảnh ngoài để cật vấn nội quán, vậy thì so với cảnh quán của một tông phái, bỗng nhiên trái ngược nhau như thế.

Vì sao trong phụ hạnh, khiến chỉ quán xét lý cụ cùng là Không, giả, trung, thượng nhân tự mình quán xét sự tạo? Đại ý khiến quán xét

năng tạo đầy đủ giới như, nhưng Thượng Nhân thì đem sở tạo làm ba ngàn? Chỉ quán khiến chỉ quán xét thức tâm mà Thượng Nhân tự quán sát tất cả cảnh ngoài? Huống chi dùng sở tạo làm ba ngàn, vậy thì biến tạo mới có chẳng phải tùy ý đầy đủ. Lại phải từ tâm mà sinh, lẽ nào cùng một niệm chẳng phải trước chẳng phải sau, dụ về tám tướng của vật, sẽ chỉ là giả thuyết không hơn.

Do đó biết rằng: y theo thức ấm sở tạo làm ba ngàn diệu cảnh, thì điều đó xa vời đối với chỉ Quán.

Vì tự mình xưa nay không biết Lý cụ Sự tạo, không phân chia mà phân chia, đến khi bị Nghi Vấn Thư, chứng minh bằng hai tạo thì sự mê lầm của Thượng Nhân dường như thay đổi, đại khái biết là Lý cụ và Sự tạo y cứ theo nghĩa thì phải phân chia. Lại tình cờ gặp được chữ Tạo cùng ở nghĩa Cụ, liền rơi vào Đáp Nghi Thư, sửa văn che giấu lỗi lầm, mới cho rằng: “vấn nghi thư áp chế cái đúng, đồng tình với cái sai, xuyên tạc biện Ngoa, cho tâm cụ là cảnh ngoài. Vì vậy chỉ chú giải về sở tạo ba ngàn, nói Lý cụ gọi là Tạo, thật ra chẳng phải Sự tạo. Tiếp theo văn còn nói: “Nói sở tạo ba ngàn ấy tức là vốn có đủ ba ngàn gọi là Tạo, thật ra chẳng phải cảnh ngoài Sự tạo [Trên đây đều là văn trình bày trong Đáp Nghi Thư, thu thập chắc chắn thấy còn giữ lại].

Há chẳng phải lúc nào do vặn hỏi mà tỉnh ngộ, muốn dựa vào chánh nghĩa, chuyển suy nghĩ sự tạo đó thành Lý cụ, cho nên nói “vốn đầy đủ ba ngàn gọi là Tạo, thật ra chẳng phải là Sự tạo cảnh ngoài”.

Cho đến khi gặp thư vặn hỏi dùng văn trình bày trước sau trong Biện Ngoa, nghiệm xét điều đó từ trước không hề biết Lý Cụ ba ngàn chẳng phải là cảnh ngoài Sự tạo, thật ra không thể nào phân biệt hai cảnh Nội - Ngoại, hai tạo Lý - Sự. Vì thế bị vặn hỏi rằng: “nếu chia ra hai cảnh, tất đem y chánh bên ngoài, vặn hỏi về nội tâm quán pháp? Nếu phân ra hai tạo, tại sao đem nội tâm có đủ sắc, phá bỏ sự tạo báo sắc [Bởi vì Phù Tông nói: “Nếu không quán sắc, sợ rằng tâm hướng ngoại chính là chưa trải qua sự tạo báo sắc, chẳng phải không quán nội tâm Lý cụ diệu sắc].

Thượng Nhân đã bị thư vặn hỏi, kiểm nghiệm rõ ràng văn trước sau là xưa nay không biết nghĩa lý về hai tạo. Rõ ràng thư trước dựa vào chánh nghĩa, nói rằng Lý cụ ba ngàn thật ra chẳng phải là Sự tạo, sai lầm đó rất lớn, lại e rằng nếu thuận theo Phụ Hạnh, phân chia hai tạo; nếu thuận theo Môn Bất Nhị, chia thành hai cảnh, thì ý chỉ của Thị Châu và văn trước sau của Biện ngoa, hoàn toàn không tương xứng. Vì thế từ nay về sau lại vứt bỏ chánh nghĩa, khôi phục tà tông, vẫn cứ đem

Sự tạo, cho là Lý cụ thì không chia hai Tạo và lấy hai Cảnh chính là làm cho Sự Lý Nội ngoại lẫn lộn mà quán, phải biết rằng: Thuyết này hoàn toàn không có cho nên chỉ trái với giáo văn.

Nếu vậy Sự Lý Nội ngoại hỗn độn mà quán, vì sao trong Phụ Hành, khiến chỉ quán xét Lý cụ? Vì sao trong tứ niệm xứ, chú trọng ở nội tâm, quán xét tất cả các pháp? Vì sao trong Nghĩa Lệ y cứ theo lý mà quán tâm, chỉ thấu đạt pháp tánh, ngoài ra không còn đường nào khác? Sự quán thì chuyên soi chiếu phát khởi tâm, bốn lần mở rộng kiểm chứng; Nghĩa lệ sự quán hãy còn khiến cho chuyên chú soi chiếu phát khởi tâm, tin là chưa trải qua cảnh ngoài, quán duy sắc mới trải qua cảnh ngoài, quán Duy thức chỉ trải qua tâm năng tạo của mười giới mà thôi. Sự quán hãy còn chú trọng nội tâm, lý quán đâu lại quán cảnh ngoài? Nếu hai Tạo không chia làm chánh nghĩa, thì vì sao trong Đáp Nghi Thư, chỉ nói Lý cụ gọi là tạo mà thật ra chẳng phải sự tạo? Vì tâm không có sự hiểu biết xác thực, lúc nào cũng thay đổi, nên tà thuyết ấy phá hoại làm rối loạn bổn tông, mê hoặc người sơ học, lỗi đó chẳng lớn, nên phải đắn đo đừng tùy tiện gian trá nịnh nọt vận mạng sửa đổi.

Tại sao đem sự hiểu biết không bằng chứng này, muốn phế bỏ giác văn Quán tâm? Vì sao đem tâm tư giải dối ảo vọng này, mà muốn tu tập Chỉ Quán cho được? Hai tạo Sự - Lý đã không phân biệt được điều ấy, thì hai quán Sự - Lý, do đâu mà phát khởi? Cương quyết chấp rằng phải tìm hiểu Chỉ Quán, tìm hiểu như vậy có ích lợi gì đâu. Vì thế biết rằng: Chọn lựa nêu rõ Ấm Thức, quán xét có đủ ba ngàn đều là Không - Giả - trung, mới gọi là Lý quán. Văn này đã không có, làm sao có thể nói là thuần túy nói về lý quán? Đã không có lý quán và phụ pháp quán tâm, thì làm sao phế bỏ? Không tự tổn hại nơi chấp mê thì chắc chắn phải trừ bỏ hướng về nơi sáng sủa. Mau chóng bày tỏ báo chứng nên phải biết tiến có lên hay không?

■

TỨ MINH THẬP NGHĨA THƯ

QUYỂN HẠ

THỨ NĂM: KHÔNG HIỂU RÕ CÔNG PHU QUÁN PHÁP

Ba pháp quan ước hành - Phụ pháp - Thác sự, đều là Hành lập, đều có thể tu tạo. Nếu chỉ quán luận về giáo nghĩa mà không quán xét tâm mình, thì giống như kẻ người đếm châu báu cho kẻ khác mà mình không có được đồng nào.

Trong Diệu Huyền chép: “Giải thích về quán tâm, khiến cho vừa nghe xong liền tu tập phát khởi tâm tinh tiến”. Do đó trong Thích Tiêm giải thích rằng:

“Theo đó, hễ nghe một câu, thâu nhiếp sự thành Lý, không đợi quán sát cảnh mới gọi là tu quán”. Còn trong Tứ Đế Cảnh nói: “Nay trình bày về quán tâm là nói lên các diệu hạnh”.

Đã khiến cho vừa nghe xong liền tu tập phát khởi tâm tinh tiến, lại nói không đợi quán sát cảnh, do đó biết rằng: không cần phải chú trọng đến ước hành thiết lập đối với quán cảnh, mới gọi là tu quán mà chỉ tùy theo đó nghe về Thác sự, phụ pháp, quán tâm, thì cần phải tinh tiến tu tập. Đã nói quán tâm là hiển bày diệu hạnh, thì nếu chẳng phải tu pháp làm sao gọi là Diệu hạnh được?

Trước kia trong biện ngoai, đều tiên Thượng Nhân đem mười loại ba pháp cho là thuần túy nói về Lý quán, ý nói: Đã thuần túy nói về lý quán, thì không cần phải tiếp tục có phụ pháp quán tâm. Lấy điều này làm tông chỉ, phế bỏ cách giải thích về quán tâm của huyền văn này.

Do nhận được Nghi vấn thư và Cật nạn thư của tôi, dẫn chứng Lý quán đó phù hợp với ba loại tam-muội như Thường Tọa, v.v.... vì sao trong văn mười pháp, hoàn toàn không có tướng của cảnh quán tu chứng?

Thượng Nhân bị chất vấn như vậy cho nên tự biết rằng nghĩa lý đã thất bại, do đó nói tản mạn rằng: “Ba loại quán tâm chỉ có chỉ quán ước hạnh quán tâm, tức là có thể dựa vào đó để tu chứng, còn thác sự phụ pháp kia, sơ tâm không thể nương theo để tu chứng, vì thế cho nên các

văn có thiếu sót, có sơ lược, hoặc đầy đủ nghĩa quán tâm ấy, cũng thiếu sót một khoa quán tâm. Phá bỏ ba loại đều là hạnh môn, đều có thể tu chứng mà tôi lập ra (Ba loại quán tâm trở xuống, đều là văn trong nghĩa lý hiện tại của Thượng Nhân). Vốn vặn hỏi về văn tướng của ước hành quán không có tu chứng, làm sao có thể dùng sự pháp quân không có tu chứng để trả lời được? Lẽ nào chẳng phải tản mạn chỉ ra nghĩa khác để trả lời được? Lẽ nào không phai tản mạn chỉ ra nghĩa khác để lấp liếm sai lầm hay sao?"

Vả lại, ở trong Thích nạn Phù Tông Ký của tôi chép: "Đại Sư được điều này nói nhiều về mười loại ba pháp, ý lẽ sâu xa, chính là phải tiếp tục nêu rõ quán tâm điệu đạo, khiến cho vừa nghe liền tu tập, chẳng lẽ phải tìm hiểu chỉ Quán kia rồi mới bắt đầu tu quán hay sao? Bây giờ Thượng Nhân y cứ theo văn trái nghĩa sai đều có mười điều, phá bỏ lỗi lầm đối với điều không tìm hiểu chỉ Quán, ý nói: "Nếu không tìm tòi nghiên cứu Chỉ Quán thì không thể tu tập Sự pháp quán môn". Đó là vì Thượng nhân không suy nghĩ về thầy trao nhận - thì dứt nói làm, lãng phí hai năm góp nhặt văn nghĩa, ngông cuồng hủy báng chỉ trích lung tung.

Hơn nữa, trong Phù Tông luận nói về mười pháp đó vốn là do Đại sư lập ra, chính là nêu rõ quán tâm, khiến cho người thực hành liền tụ tập ngay. Cho nên chính xác nói về người thực hành lúc bấy giờ, ngoài ra nhân tiện đề cập đến người học sau thời kỳ diệt độ mà thôi. Lẽ nào chẳng phải Đại sư nói các huyền sớ, phần nhiều ở trước viên đốn chỉ quán hay sao? Huyền sớ đã nói chính là mở bày nơi chốn cho người thực hành hiểu rõ đầy đủ (viên giải). Vì gồm có căn cơ quán hạnh muốn tu tập pháp quán, dựa vào sự tướng của pháp tướng để lập ra quán môn, khiến cho họ vừa nghe liền tu tập, người được ích lợi đều giới hạn, lẽ nào đợi Ngọc Tuyền xưng danh, sau khi tìm kiếm mới tu tập hay sao? Hoặc đối với sự pháp quán đạo có có bít lấp, thì nhờ được trao truyền khẩu quyết mà thông suốt trọn vẹn. Do đó biết rằng: Khẩu quyết đã nêu bày, lại thành tựu quán sự pháp, đó là sự pháp thỉnh cầu khẩu quyết, thì lẽ nào có thể loại bỏ sự pháp mà tự tu y cứ vào hành hay sao?

Vì thế lúc Đại sư đang còn, hoặc cần đến khẩu quyết, hoặc không cần đến khẩu quyết, đều dùng sự pháp quán môn, tu chứng, vì sao nói là thường không thể tu?

Nếu sau khi Đại sư diệt độ, người truyền bá tu trì giáo này để làm thầy mọi người, thì phải am hiểu thấu suốt ba bộ Chỉ Quán và Huyền Sớ của một tông phái. Hoặc có người đã có học hỏi, người thầy chắc chắn

trước phải giải thích các huyền sớ và những diệu kinh cho họ nghe, để mở bày sự hiểu biết đầy đủ cho họ. Lúc lắng nghe học hỏi, trong đó học có căn cơ quán hạnh, thấy được Thác sự, Phụ phá môn ở trong văn, vui mừng muốn tu tập ngay, lẽ nào cấm đoán, cho đừng tu tập hay sao? Nếu quán đạo vẫn còn bít lấp thì người làm thầy, chắc chắn phải chọn lấy ý của Chỉ Quán để khai bày khẩu quyết cho họ. Vì thế kinh Khê nhiều lần đối với trong Ký, nhằm vào Chỉ Quán, chính là khiến cho người giảng giải truyền trao, chọn lấy văn rộng sâu kia, pháp quyết về lược quán ấy. Đã phán quyết được thông suốt, mới được bắt đầu tu tập sự pháp quán tâm. Lẽ nào phải rời bỏ sự thấy biết bàn luận này, để tự tìm kiếm Chỉ Quán hay sao? Nếu Tông sư không giải thích truyền thụ cho, lẽ nào có thể tự mình tìm kiếm mà thông suốt hiểu được để bắt đầu tự tu chứng hay sao?

Hơn nữa, huyền sớ vốn nêu rõ về quán sự pháp, người thực hành lại tự mình y cứ theo hành mà tu, sao trái với văn nghĩa đến như thế ư? kinh này vốn cho rằng “Tâm không điềm tĩnh là nạn”.

Vả lại, sau khi được phán quyết thông suốt nên thành tựu sự pháp quán, mới gọi là ngộ nhập trong sự pháp quán, không gọi là được ngộ trong ước hành quán. Như dẫn chứng các kinh thành tựu Chỉ quán bây giờ, nếu ngộ được điều ấy, thì lẽ nào gọi là các kinh ngộ nhập hay sao? Cho nên sơ tâm của người thực hành không cần phải tự tìm hiểu Chỉ Quán cũng không chờ đợi thầy giỏi chuyên môn giải thhích về Chỉ Quán, sau khi lắng nghe tìm tòi, mới tu quán hạnh. Lại nữa, vì quán đạo sâu xa mầu nhiệm, cho nên phải có các bậc tông tượng khai mở phán quyết.

Nếu cách thức sự việc trong đạo tràng, chỉ tự mình góp nhặt ở Chỉ Quán kia, thì đủ để thi thiết.

Nếu đối với sự môn trước nghe về Chỉ Quán, từng nghiên cứu tu tập đã lâu, nay thấy huyền sớ về sự pháp môn, thì dùng quán pháp đã luyện tập, đi vào sự pháp quán môn mà tu trì, hoặc do ngộ được điều ấy, mới gọi là ngộ nhập Sự pháp quán môn, chẳng phải được ngộ trong ước hành quán.

Như đem quán pháp môn vô sinh, đi vào sinh môn mà ngộ, chính là công phu ở sinh môn, chứ chẳng phải môn vô sinh.

Như vậy thì tu hai quán Sự pháp, có lỗi gì về nghiên chấp hay sao? Hai mươi đoạn văn tự theo văn, y cứ vào nghĩa (ước văn ước nghĩa) mà áp chế xuyên tạc vu khống thêm?

Còn một loại căn tánh, chỉ đối với Sự pháp quán môn, hoặc nghe

sơ lược về ước hành quán môn, tu tâm mà được ngộ, cũng không cần tìm hiểu về Chỉ Quán kia. Vì thế Tam-muội Pháp Hoa chỉ y cứ vào một niệm vọng tâm, luận bàn sơ lược về ba quán, mới có tướng chứng ngộ của ba phẩm, người thượng căn trược tiếp đi vào sơ trụ. Văn chép: "Nếu nương vào pháp này tu tập mà chưa ngộ, thì nương theo hạnh an lạc mà tu. Đã tu mà chưa ngộ, mới nương theo hạnh an lạc mà tu, cho nên biết rằng: Đại khái ngộ trong quán không cần phải tiếp tục tìm hiểu hạnh an lạc, lẽ nào chẳng phải quán sơ lược mà có người tu tập ngộ hay sao? Còn đồng ý không đi vào tam-muội nhưng do tụng thì cho nên thấy được sắc thượng diệu, huống chi sơ lược có quán pháp an tâm, làm sao có thể hoàn toàn không có sự chứng đạt ư? (Thượng Nhân khăng khăng chấp rằng trong tu tập mười thừa, ngài dựa vào tụng trì mới là sám pháp, và dẫn chứng ý cuối cùng của kinh Khê mà nói về thuyết "hai hành giúp nhau" để vặn hỏi. Đó là vì không biết tu tập lâu mau, cho nên chỉ y cứ theo sự tu tập đã lâu mà vặn hỏi. Nếu tu tập đã lâu, cho nên phải giúp đỡ lẫn nhau mà chuyển; nếu bắt đầu tu tập, hoặc bao gồm tu sơ lược về quán, hoặc chỉ chuyên chú tụng trì, cũng gọi là tu hành. Do đó văn chép: "Nếu người vốn không luyện tập tĩnh tọa, chỉ muốn tụng kinh sám hối, trong lúc đi đứng nằm ngồi, tụng văn kinh đã lâu, nếu lúc quá mệt mỏi, thì hãy tạm thời ngưng niệm, nghĩ ngơi rồi tiếp tục tụng kinh cũng không trái với hành Pháp". Bởi vậy nói không đi vào tam-muội nhưng nhờ tụng trì nên thấy được sắc thượng diệu. Theo văn ấy, thì khai mở đồng ý cho các Bồ-tát mới tu học thường tụng kinh sám hối; còn những người chưa luyện tập tĩnh tọa, làm sao có thể có nội quán của mười thừa được? Đại sư vốn chấp nhân cho người mới bắt đầu thực hành nương vào một loại quán để tu, Thượng Nhân ngang nhiên vất bỏ với người mới tu học mà tu chứng hay sao?).

Còn trong Phủ Hành chép"Nếu nương vào năm loại quán sơ lược tu hành chứng quả, có thể lời tha v.v.... và tự cho là một con đường ". Vì thế biết rằng: cũng chấp nhận là chưa nói về mười cảnh thừa nhưng không ngại gì khi có người thực hành tu tập.

Cho nên biết: Kinh Khê nhiều lần nói không thể đem hai ba câu về quán tâm để tu hành và vặn hỏi đề về xe lừa, chính là chỉ cho kiến giải nghiêng lệch của nêu Sư riêng một văn, lập nên nghĩa đốn đốn, cạnh đó nhắc nhở người sơ tâm không chịu nghe khẩu khẩu quyết của Sư [đã thông suốt giải hạnh của một tông phái, cũng có thể dùng khẩu quyết chỉ bày cho người tu học, do đó kinh Khê ở trong thất bên trái của dòng suối, bàn luận vân theo khẩu quyết. Còn trong Phụ Hành chép:

"Nếu tiếp cận nghĩa lý của thầy thì phải suy tư nghi vấn, v.v...] chuyên chú giữ chặt một câu tức là để tu hành.

Lại nữa, sáu chương đều phân định thuộc về Giải, tập trung vào phần lớn mà nói. Nếu nói tường tận thì chẳng có gì không phải là hạnh, cho nên biết: Văn quán tâm này không thể nào vội vàng phế bỏ, vì người sơ tâm, hoặc được Tông sư khai thông khẩu quyết, không dựa vào sự thảo luận tìm hiểu về chỉ quán, liền có thể nương theo tu tập để đi sâu vào; hoặc người có căn tánh không cần nghe nhiều, cũng có thể đi vào tu tập. Vì sao nói sự pháp quán tâm chỉ nhằm nêu bày người sơ tâm, khiến đối với chỉ quán mà tu hành?

Nếu chỉ nêu về tu hành, thì chỉ phù hợp với thời gian sau của giáo nghĩa, chỉ nói là quán tâm chỉ quán kia, vì sao mượn những từ ngữ bác bỏ để nêu sự pháp môn nào đó?

Nhưng sở dĩ quán lập ra Phát Huy phế bỏ Quán tâm, chỉ nói rằng Diệu Huyền giải thích về Sự pháp đã nhiều mà Lý Quán [chữ Quán trong đây có nguyên do gì, chỉ đem sự bàn luận về lý làm lý Quán]? Thì ít ỏi sơ sài, cho nên dùng quán tâm. Nay văn nói đầy đủ về Phật pháp tánh, cho nên không cần đến quán tâm.

Lẽ nào không phải Quán tâm là dùng lý kết buộc sự hay sao? Không hề nói nêu bày cho người mới học, tu hành trong Chỉ Quán? Không hề nói khiến cho người tu đã lâu, không quên mất sự tu tập vốn có? vì bị nêu vặn hỏi đề trước sau, cho nên mới khéo lập ra hai ý, tức là cần phải lập một khoa Quán Tâm?

Hơn nữa, hai ý đó: Một: là vì người tu Chỉ Quán đã lâu, không quên mất sự tu tập vốn có, cho nên lập ra các văn về Sự pháp Quán Tâm. Hai: là vì người chưa tu tập Chỉ Quán, quên đi sự mê đắm trước che phủ, làm cho biết phát khởi hạnh cần phải nương vào Chỉ Quán, cho nên trong các văn lập ra về Sự pháp Quán tâm.

Nếu hai ý này để thành tựu, thì văn của một khoa Quán Tâm này, càng không thể phế bỏ. Vì sao nay văn nếu không giải thích về một khoa Quán tâm, thì lấy gì để nêu rõ người tu tập đã lâu về Phụ Pháp quán môn, dựa vào sự tụ tập vốn có? Nếu không giải thích về một khoa Quán tâm, lấy gì để khiến người bắt đầu tu tập quên đi sự mê đắm che phủ, nêu bày sự tu hành trong Chỉ Quán? Lại nữa, người tu tập đã lâu, sự tu tập vốn có đã chọn lựa ấm cảnh để tu quán, nay văn cũng chọn lấy cảnh tu quán, vừa khéo với sự tu tập vốn có, làm sao có thể y cứ theo điều phân định sai lầm này? Lại nữa, khiến cho người học, biết tu hành ở chỉ quán, nơi đó đã chọn lấy cảnh trình bày về quán, nay văn chọn lựa

nêu rõ, và biết được điểm quan trọng, làm sao y theo điều phân giải sai lầm này cho được? Lẽ nào lấy điều rất phù hợp với sự tu tập vốn có để nêu rõ điều rất gần gũi, mà cho là sai lầm hay sao?

Lại nữa, văn cú trong Diệu kinh là quán về núi non thành quách, nhưng bao gồm cả ấm tu quán. Văn cú đã không lựa chọn điều đó, cho nên người ghi chép khiến cho người giải thích trao truyền, nêu vào Chỉ Quán chọn lấy cảnh để nêu bày, ví thế nói là "đang lúc quan sát ấm" có đủ như văn trong Chỉ Quán thư năm trở đi, văn cú chưa chọn, còn khiến cho chọn văn nay tự giảng lược, sao lại sai trái? Cho nên biết: cái tốt đẹp của tông đảng ác kiến.

Than ôi! Văn Quán tâm này, nếu trái với hai ý của Thượng Nhân, tạm thời theo đó phế bỏ, đã thoả đáng hai ý của Thượng Nhân, sao cho chỉ nói ra những điều thô thiển để huỷ bỏ pháp quán chân chính kia?

Lại nữa, nếu cho rằng nghe nói về pháp quả, tự mình hãy quay lại quán xét tâm mình, cho nên không cần phải lập Chỉ Quán riêng.

Đây là điều rất không thể, các văn về sau của giáo nghĩa, vốn có Quán Tâm, đều phải phế bỏ, vì người thực hành do nghe được giáo nghĩa, tự mình có thể tu quán.

Lại nữa, nếu tự suy nghĩ về công hạnh của mình thì sau khi nghe nói về Sự tướng - Pháp tướng tự tu quán theo hành đâu cần phải nêu bày về thác sự phụ pháp?

Lại nữa, nếu cho rằng các văn tuy nói về quả pháp, mà chưa đấy đủ ý nghĩa Quán tâm, cho nên phải có hai quán Sự - Pháp, trùm khắp các căn cơ tu tập đã lâu, hoặc mới đầu thực tập. Huyền văn về mười loại ba pháp này, tuy là quả pháp, nhưng đầy đủ ý nghĩa Quán tâm, không cần đến khoa Quán tâm.

Vả lại, Thượng Nhân chắc chắn đem lại những pháp môn nào làm ý nghĩa của Quán tâm? Nếu về thuần tuý trình bày về lý quán là ý nghĩa của quán tâm thì mười pháp đã chẳng phải là ba thứ tam-muội, đã không chọn nêu rõ ấm cảnh, đã không trình bày về quán pháp mười thừa, làm sao có thể gọi là vội vàng thuần tuý nói về Lý quán? Lẽ nào hoàn toàn không có nghĩa về Lý quán, quán tâm hay sao?

Lại nói: "Nói là sáu Tức tức là đầy đủ ý nghĩa quán tâm". Vả lại trong văn dùng sáu Tức để phân định địa vị tu tu chứng của người tu hành, chính là y cứ theo đó trình bày về pháp quả sâu xa. Lại nữa, trong Diệu Huyền về mười loại ba pháp, từng đoạn từng đoạn y cứ theo sáu Tức để phân định địa vị. Thượng Nhân lại nói: "Văn ấy gồm giải thích về quán tâm, vậy thì sao sáu tức, phải có Quán tâm, sao có thể vội vàng

phế bỏ?" Lại nói mười loại ba pháp, trực tiếp hiển bày tâm tánh cho nên đầy đủ ý nghĩa quán tâm, hơn nữa nghĩa lý bây giờ, đã chấp nhận mười loại quả pháp, đã chẳng phải hiển bày tâm tánh cho nên không trình bày đầy đủ ý nghĩa quán tâm. Lại nói về mười loại ba pháp cùng một niệm Ngã soi chiếu ngang dọc nên đầy đủ ý nghĩa quán tâm. Nếu trong văn hoàn toàn không có văn thâu nhiếp qui về một niệm, lại thiều ngôn ngữ của quán chiều, làm sao có thể nói rằng đầy đủ ý nghĩa quán tâm? Lại nói dùng một lý xuyên suốt cho nên đầy đủ nghĩa của Quán Tâm, như Diệu Huyền mười pháp kia, lẽ nào không dùng một Lý xuyên suốt hay sao? Đã cùng lập ra Quán tâm, thì xuyên suốt một lý, lại chẳng phải ý nghĩa của quán tâm ư? Còn đem ba pháp, dụ cho Tịnh Danh Sớ kia giải thích về pháp không có chúng sinh, nói rằng đầy đủ nghĩa của quán tâm. Nếu như văn kia, y cứ theo sự suy cứu về tâm pháp tác quán, trình bày về ba giải thoát cho nên đầy đủ ý nghĩa quán tâm; văn này dựa vào quả pháp để nêu rõ, hoàn toàn không có cứ vào tâm pháp, sao có thể đầy đủ ý nghĩa quán tâm? Lại nói rằng luận về ba pháp, đều thiếu quán tâm, đây càng không thể là mười loại ba pháp của Diệu Huyền, do đâu cùng có Quán tâm như vậy? Như giải thích về Tịnh Vô Cấu Xưng, y cứ theo ba giải thoát và ba thân, sau phần giải thích lại có nêu rõ về quán tâm, đến nay lại soạn ra một nghĩa rằng: "Mười loại ba pháp chỉ là tên gọi khác của ba đế, ba đế chỉ do tâm vốn đầy đủ, người tu tập đã lâu thì đem chính quán để trải qua, người chưa tu tập đã biết, mười loại ba pháp là phật Sở chứng [trực tiếp hiển bày tâm tánh ở đây là phá bỏ triệt để], chính là có thể tu hành đối với chỉ Quán kia.

Than ôi! Chỉ có đem "nghĩa đồng" và dùng "dị danh", phỏng theo đó để trình bày đầy đủ ý nghĩa Lý quán, hoặc là người tu tập đã lâu, tự mình thực hiện Quán tâm hay không, hoặc người bắt đầu tu học, tự mình ở nơi chỉ quán tu hành hay không, đều không phải cách thức của giáo văn nêu ra ở pháp quán. Như vậy nói nghĩa đầy đủ của quán tâm, càng rõ ràng không đầy đủ.

Lại nói ba pháp dứt khoát bao gồm tu hành thì đầy đủ ý nghĩa quán tâm; vả lại giải thích về thành Tỳ-Da-ly, đầy đủ thì y cứ vào tu tánh để trình bày ba đức sau, lại y cứ theo thâu nhiếp quy về một niệm, nêu rõ một phép quán hành, hơn nữa mười loại ba pháp này, tuy bao gồm tu tánh, nhưng chính là quả của người tu tập cao nhất, thể của nó sâu xa vô cùng, thấu suốt tất cả tánh đức trong ba đường, vì thế từ ba đức giải thích về ba đường, càng rõ ràng không phải nghĩa của quán pháp.

Nếu Diệu Huyền mười loại ba pháp, nói đầy đủ ý nghĩa quán tâm,

vậy thì có thể có đôi chút. Vì sao? Vì mỗi văn kia, đều căn cứ vào một niệm phàm phu vốn có đủ ba pháp, chính là dựa vào sáu tức, trải qua "chân nhân cực quả" của nội ngoại phàm để phân định, nhưng Thượng Nhân lại cho rằng văn kia không đầy đủ ý nghĩa quán tâm, Diệu Huyền mười loại ba pháp này, không hề nói theo văn, lại chẳng thuận theo nhân cho đến quả để bàn, lại nói đã đầy đủ ý nghĩa của quán tâm vì là nói suông mà bàn, hay là chánh luận về pháp nghĩa, không thể dể dàng như vậy, tha thiết mong hãy tìm hiểu kỹ hơn!

Trước sau đã theo đuổi đến cùng, Diệu Huyền mười loại ba pháp này, chưa đầy đủ ý nghĩa quán tâm, vừa mới nói Phật pháp lại là quán tâm. Những sai lầm này, đều do từ trước không hiểu rõ tâm, Phật, chúng sinh, theo lý tuy giống nhau, nhưng Sự dụng vẫn khác nhau, thế là giải thích tâm pháp nghiêng theo Lý, cho là chân tâm, khiến cho đối với pháp tướng của một tông phái và nghĩa lý của quán tâm, hoàn toàn mờ mịt.

Tôi đặc biệt dẫn chứng "bất biến thì muốn pháp đều là lý, tuỳ duyên thì muôn pháp đều là Sự" trong Kim Phi, và dẫn chứng văn "Tâm - Phật - chúng sinh ba pháp câu hạ" trong Diệu Huyền cùng ý "quán cảnh nan dị" y cứ vào đó để chất vấn Thượng Nhân cho rằng tâm chỉ là Lý; chúng sinh, Phật và các pháp chỉ là Sự, và vặn hỏi về việc xá bỏ tâm pháp giữ lấy Phật pháp để làm Lý quán. Thượng Nhân gặp phải vặn hỏi này, mới tự biết rằng từ Từ Quang Phụng Tiên, cho đến Biện Ngoa Pháp Nghi Thư v.v..., ý lập ra phế bỏ quán tâm đều hoàn toàn thất bại.

Liền khéo léo tạo ra nghĩa cứu vãn, và sửa đổi thành sai ý vặn hỏi. Vả lại, khéo léo cứu vãn điều đó, cho rằng quán sát vọng tâm cầu thức, trở thành chân tâm của ba đế, và một niệm tức chân, như giáo văn đã nói rõ ràng...

Tôi nghe nghĩa cứu vãn này vui mừng phấn khởi không tả xiết, bởi nghĩa của tôi luận bàn có lợi ích, có thể chuyển đổi tâm người, bỏ mê theo ngộ. Vì sao? Vì Thượng nhân bẩm tánh nhuần nhã, căn bản không biết quán vọng tâm thành chân tâm, và hoàn toàn mê lầm một niệm là vọng - đương thể là chân, cho nên Thị Châu chỉ thẳng lấy cái biết chân thật để giải thích nhất niệm.

Do đó văn ấy: "Nhất niệm linh thi tánh thể thường tịch", lại nói: " Nhất niệm chân tri diệu thể", lại nói: "Tịnh ngã nhất niệm thanh tịnh linh tri"... Còn trong Đáp Nghi Thư chép: "Pháp tánh vô ngoại, tức một niệm của ta", bao gồm Lý của quả chứng, cho là trực tiếp hiển bày tâm

tánh. Biện ngoa dùng nhất lý xuyên suốt, cho là Lý Quán v.v.... Những điều này há chẳng phải trực tiếp dùng lý tánh để giải thích về tâm pháp hay sao? Thật ra không hề lấy "vọng niệm tức chân" để giải thích, cũng không hề lấy "quán vọng thành chân" mà giải thích. Nếu đầu tiên biết điều ấy thì tại sao Thị Châu nêu ra câu "tâm định tại nhân" để bắt bẻ Diệu Huyền, giải thích rằng tâm chẳng phải nhân quả?

Diệu Huyền vốn hiển bày ba pháp tâm, Phật, chúng sinh đã là Lý thì cùng là Lý, Sự thì cùng là Sự. Đối với Lý thì cao thấp chẳng khác nhau, đối với sự thì phân biệt cao thấp, vì thế nói rằng: "Phật chắc chắn ở quả, chúng sinh bao gồm nhân - quả, tâm chắc chắn ở nhân". Đây là nghĩa viên mãn, được Thị Châu nêu ra cách giải thích không hoàn chỉnh, tại sao dùng văn kia cho rằng chúng sinh ra Phật thuộc về Sự, là nhân quả, tâm pháp thuộc về Lý, thật ra chẳng phải nhân chẳng phải quả. Nếu trước biết đều là sự đều là Lý, vì sao không giải thích ba pháp cùng ở Sự, sao có thể sửa đổi uốn cong Thánh giáo, kiềm chế ngay tâm mình, để giải thích là hai Sự một Lý? Nếu trước biết ba pháp đều tức Sự là Lý, tức vọng mà chân sao không giải thích ba pháp cùng là Sự cùng là Lý?

Lý đã cùng, kế đã tận, mới đem niết-bàn huyền văn không có Quán tâm để ví dụ dứt bỏ văn này. Đó cũng là không biết "thuyết thụ trước thuật thời tiết", cho nên ví dụ sai lầm như thế.

Vả lại, huyền văn Quán tâm này, chính là lời dạy bảo đại chúng tu tập khi Đại sư giảng nói, lúc bấy giờ đã nói, người ghi chép lẽ nào dám ghi sai? Hoặc huyền nghĩa của Đại kinh, là Chương An tự mình chế ra sau khi Đại Sư diệt độ, đã kết tập, huyền nghĩa của các bộ đều có một khoa quán tâm, người giảng giải đời sau, chắc chắn cũng biết rõ cho nên có thể mô phỏng sơ lược hay chăng?

Lại nữa, thời gian Chương An biên soạn, nhân sự rất khó khăn, nhưng có thể là chánh nghĩa hiển bày rõ ràng nên dựa theo đó mà nói về quán pháp, cho nên tạm thời lược bỏ, lẽ nào so với lúc Đại Sư đang còn hay sao? Pháp tức là cùng mong ngóng, cùng muốn theo lời để tu chứng, lúc này lẽ nào có thể không dựa theo mười pháp để lập ra quán tâm hay sao?

Lại nữa, kinh kia và kinh nấy, cùng nói về ba pháp trong quả đều là chân, sợ rằng Chương An theo mười pháp quán tâm này, cho nên chỉ phân biệt đối với kinh kia, lẽ nào lại dựa theo điều phân biệt kia mà phế bỏ điều đầy đủ này hay sao?

Nếu phải dựa theo Đại kinh, thì huyền nghĩa của quán tâm trong

các bộ đều phải phế bỏ. Hãy suy nghĩ kỹ càng, suy nghĩ tường tận !

Huống chi Thượng Nhân chỉ biết chê bai hai quán Sự và Pháp đó không thể tu chứng. Không suy nghĩ mà lại dùng "vô cảnh vô quán" chỉ nói về quả Phật Pháp tướng để cho là pháp tu chứng.

Vì sao? Vì đã nói mười pháp thuần tuý bàn về Lý quán, Lý quán lẽ nào chẳng phải là "Thường ngồi, v.v... y cứ hạnh thập thừa"? Làm sao có thể không phải tu hành hướng đến quả pháp? Trong văn của mười pháp đã hoàn toàn không chọn nêu rõ ấm cảnh, hoàn toàn không trình bày về tánh đức ba ngàn, hoàn toàn không có mười pháp thành thừa, lẽ nào chẳng phải dùng pháp tướng của "Vô cảnh vô Quán" để làm pháp tu chứng hay sao?

Thượng Nhân đã bị truy dồn cùng tận trước sau, biết rõ huyền văn mười pháp này không phải lý quán, thế mà nói tản mạn rằng "gác vào sự pháp, không lập ấm cảnh, không cần phải chọn nêu rõ thức tâm, không thể tu chứng"?

Vả lại, Sự - pháp quán, cho dù không ở nơi ấm cảnh để chọn cảnh, nhưng y cứ hành quán vì sao không ở nơi ấm để chọc cảnh? Hoặc là Sự - pháp quán, cho dù không thể tu chứng, nhưng y cứ hành quán vì sao không thể tu chứng?

Hơn nữa, Biện Ngoa lập ra ở mười pháp thuần tuý nói về Lý quán, thì vì sao nói về công năng của Lý quán từ nhân đến quả? Do đó nói mười loại ba pháp, trước là phàm, cuối cùng là Thánh, dùng một pháp tánh để xuyên suốt, dùng sau tức vị để thành tựu, mỗi Sự hoàn toàn trở thành pháp giới [Lẽ nào chẳng phải ấm nhập trở thành không thể nghĩ bàn hay sao?], mỗi tâm đều hiển bày quang ánh sáng, [đây chẳng phải chánh quán hiển bày lý hay sao?]. Như vậy lẽ nào không phải là thuần tuý nói về Lý quán hay sao? Cho đến nói: Người học hỏi giáo lý của "Sơn gia", ai không biết về quán tâm, là lối đi của lý hướng về quả thượng hay sao? [sao chấp nhận Quán Tâm có thể là tu chứng?] Lại nói: Nếu hiểu rõ ràng khắp tất cả mọi nơi, toàn là ý chỉ của pháp tánh Kim Quang Minh, từng niệm từng niệm hiểu biết trọn vẹn, từng tâm từng tâm liên tục theo nhau, lo gì không hướng về quả đi vào lý? Phổ Hiền Quán nói: "ngồi thẳng niệm thật tướng, các tội như sương lộ, mặt trời tuệ tiêu trừ", lẽ nào không phải thuần tuý nói về lý quán hay sao? [Từ "Do đó nói v.v.... tiêu trừ" trở xuống, ngoài văn chú thích, đều là văn của Biện Ngoa]. Đến sau mới nói: nhưng mà giáo lý của một tông phái, đích thực trình bày về quán pháp là ở Chỉ Quán, khi hiểu rõ ý chỉ này thì y theo mười thừa thừa quán pháp kia để tu tập, mới là rất tốt đẹp.

Nay tôi nhất định rằng ý lúc bấy giờ của Thượng Nhân, lẽ nào chẳng phải cho rằng tu theo huyền văn mười loại ba pháp này, cũng có thể nhập lý chứng quả, nhưng quán pháp hoàn toàn sâu kín, không glống như Chỉ Quán, cho nên nói "căn cứ theo mười thừa quán pháp kia để tu tập mới là tốt đẹp vô cùng", chỉ nói điều này chẳng phải tốt đẹp lắm, chẳng phải hoàn toàn không thể tu tập?

Đến khi gặp Vấn Nghi Thư, dẫn chứng "Ngồi thẳng niệm thật tướng" đó chính là mười thừa ba quán, quán Lý không thể nghĩ bàn, mới có thể gọi là niệm thật tướng, thì Đáp Nghi Thư giải thích rằng: "đã nói đầy đủ về Xứ, đầy đủ ý nghĩa Lý quán, cho nên nghĩa của những điều dẫn chứng, lại sai chổ nào? " Còn nói: "Nếu hiểu rõ ý chỉ về pháp tánh Quang minh, từng niệm quán sát, có điều gì không thể? Nhưng Huyền Văn này, không đủ mười cảnh [là không đủ những gì chưa biết, chỉ thiếu mấy cảnh], không giải thích về nhất quán, vì thế người tu hành, mới không nhận thức được toàn bộ tướng tu phát đối với cảnh quán chăng? "Dựa theo hai văn này, càng thấy văn "Tâm tâm nối nhau, niệm thật tướng", đích thực trình bày về "viên đàm pháp tánh", có thể tu chứng; chỉ có điều là hành pháp chu toàn sâu kín không giống như Chỉ Quán, sau nhờ kiểm tra tìm hiểu Nghĩa Lệ không để ý có thể trình bày về mười cảnh, mười thừa là câu "hoại xe lửa", liền cố ý đem câu này làm xu thế, ra sức phá bỏ quán môn Sự - pháp là không thể tu chứng, đồng thời chỉ trích lời tôi nói về Quán Tâm diệu đạo vừa nghe nói liền tu tập, cho đến Cật Nạn Thư dùng hai quán Sự - Lý, để cùng dẩn chứng, Sự - Pháp quán, lược bỏ nói về cảnh quán, vì sao có thể chứng quả nhập lý? Đem điều này kết hợp lại thì Thượng Nhân đã biết kế sách là không tránh khỏi ác báo, kiên quyết lừa dối bậc Thánh mà chuyển đổi văn trước, mới cho rằng: "Tâm tâm viên giải, Thuộc về ý nghĩa của lý quán, niệm niệm tương tục là niệm thật tướng, khiến nương theo Chỉ Quán tu hành" Vả lại Biện Ngoa trình bày rõ ràng, kết hợp câu "niệm niệm nối nhau, cần niệm thất tướng", thuộc về khả năng hoàn tất "viên đàm thập Pháp", mới nói: "Nhưng giáo lý của một tông phái, đích thực trình bày về pháp quán là ở Chỉ Quán".Đã nói đích thực trình bày, xem xét biết rằng:"Dùng Chỉ Quán kia, làm quán pháp hoàn sâu kín, nay văn Lý quán, cũng có thể tu chứng. Nhưng nếu không có Đáp Nghi Thư làm chứng cứ thì lời này thường bị Thượng Nhân sửa đổi lại, làm gì trình bày văn kìm nén trong tay, thấy ở Hiển Thuyết nói: "Chứng ở viên đàm trước đây, làm sao có thể chống đối?"Thượng Nhân đã bị thư trước chứng minh, còn chưa thất bại hổ thẹn hay sao?

Pháp sư - Pháp Tuế nói: "Quạt đã rơi xuống đất thì lấy gì để che sự lúng túng đây?"

Vả lại, cho dù văn này bị Thượng Nhân sửa đổi chuyển sang chứng minh cho Chỉ Quán kia, lại trở thành ước hành quán pháp không thể tu chứng [vì Lý quán chính là y cú hành quán]. Y cứ hành quán, đã không thể tu chứng, Sự - Pháp lại không thể tu chứng, thì tất cả chúng sinh mãi chìm đắm trong sinh tử, không có lối nào thoát ra, tại sao chúng sinh không chịu theo con đường hướng đến quả và cánh cửa đi vào Lý mà lại ngăn chặn dứt bỏ?

Tiếc thay cho Thượng Nhân, cũng là người có chút thông minh đĩnh ngộ, có thể phân chia khoa mục chương tiết, tìm tòi văn cú, biên soạn nghĩa lý, vì sao không thấy được điều hay biết rõ điều dở, xá bỏ cái ngắn, thuận theo cái dài, làm sao có thể một mực giữ lấy giáo nghĩa của tà sư, cương quyết giúp đỡ tông chỉ đã biến chất, vội vận dụng văn từ không rõ ràng, dứt khoát phế bỏ pháp quán vô cùng chân thật? Nay đã có được nguồn nước và đồng cỏ mới (thuỷ thảo) thì nên bỏ đi cái cũ kia. Nếu chưa thoả mản với ý này, tuỳ tiện cho sự cứu vãn sai lầm kia thì cho du chuyển đổi được kế sách, nhưng nay xếp ông vào chỗ không thể chuyển đổi.

THỨ SÁU: VẶN HỎI VỀ KHÔNG THỂ HỘI TÂM PHÁP

Lập ra tên gọi để trình bày về pháp, đối diện chất vấn để nói về tông chắc chắn phải như mặt trời làm tan băng tuyết, tựa mũi tên bắn trúng đích; nếu ý hỏi quanh co khúc mắc, lời đáp phân tích khác nhau, thì rõ ràng lý lẽ đã tận, của tuệ vốn bị che lấp.

Trước đây trong Cật Nạn Thư, tôi lập ra tâm - Phật - chúng sinh y chánh các pháp, tuỳ duyên thì các pháp đều là Sự, bất biến thì các pháp đều là Lý, cho nên dẫn chứng Kim Ty nói: "Chân như là muôn pháp, vì tuỳ duyên; muôn pháp là chân như, vì bất biến". Cho nên biết: Nhất định không thể nghiêng theo Lý để giải thích tâm, hay nghiêng về Sự để giải thích chúng sinh - Phật và các pháp.

Lập ra nghĩa này là vì Sự tổ Thượng Nhân trở xuống, đều cho rằng Tâm chỉ là Lý, chúng sinh - Phật và các pháp chỉ là Sự. Nhận thức sai lầm và luận bàn đối với chân tánh lại là quán tâm, thế là không thể phân biệt tâm - Phật cao hạ, cảnh quán khó dễ, mới đem chính điều dù bàn về Phật pháp để, cố ý tạo ra trực tiếp hiển bày tâm tánh, không biết rằng quả lý bao gồm tất cả, chấp rằng một niệm thâu nhiếp các loại ba pháp, và dùng văn tín hiểu quả đức, liền cho là thuần tuý bàn về ước

hành Lý quán.

Nhưng ý chỉ của Thị Châu, giải thích về ba pháp, chỉ đạt đến nghĩa của chúng sinh - Phật trong tâm pháp hoàn toàn không đạt đến chỗ chúng sinh - Phật trong tất cả chúng sinh kia, chúng sinh - Phật trong tất cả chư Phật kia, do đó giải thích rằng: "Phật gọi là chân giác, chúng sinh gọi là bất giác, tâm túc là tâm của chúng sinh và Phật, không phải lìa khỏi chúng sinh, Phật mà có tâm riêng làm cội rễ của chúng sinh - Phật". Kinh nêu rõ đầu đuôi nhân quả không hai, cho nên nói là ba pháp không khác nhau [Từ "Phật gọi là..." trở xuống là văn trong ý chỉ của Thị Châu].

Lẽ nào chẳng phải cho rằng tâm là chân tâm chẳng phải mê chẳng phải ngộ [Tâm chỉ thuộc về Lý]. Tâm này mê là chúng sinh, ngộ túc là Phật, cho nên chỉ đạt được một phần nhỏ chúng sinh - Phật trong tâm pháp của một người (Bởi vì chỉ biết tạo chúng sinh - Phật, mà không biết Lý cụ chúng sinh - Phật, hai Tạo cùng sáng tỏ mới là toàn phần), đâu biết được toàn phần pháp giới hữu tình, chư Phật mười phương, toàn phần chúng sinh - Phật, do đó than thở ý chỉ của Thị Châu, bỏ đi biển lớn mà lấy một giọt, cái đạt được thì như đất trên mòng tay, cái mất đi thì như đất trên trái đất.

Vì thế nêu ra yếu Đoạn rằng: Nghĩa của Tâm Tạo vẫn còn thiếu sót, văn của Vô Sai mãi mãi sai lầm, vì một niệm tâm pháp của mình, và tất cả chúng sinh cùng chư Phật mười phương, mỗi mỗi đều nói về Sự tạo, ai ai cũng nói về lý cụ, mà đếu vừa có đủ, vừa thâu nhiếp lẫn nhau, mới gọi là ba pháp không khác nhau. Nếu cho rằng tâm mình mê thì trở thành tất cả chúng sinh, tâm mình ngộ thì trở thành chư Phật mười phương, lẽ nào có thể một người ngộ thì khiến cho tất cả chúng sinh đều thành Phật hay sao? [Không thể nói về lý thành, nay nói về Sự thành]. Nếu như vậy thì đức Thích-ca ngộ quán tâm đã lâu, vì sao chúng ta vẫn làm phàm phu?]. Lẽ nào có thể một người mê thì khiến cho chư Phật mười phương làm chúng sinh hay sao? [Không thể nói về Quyền tác thì nay nói về Thật tác] vì chỉ có mình ta vẫn còn mê cho nên Đức Thích-ca tiếp tục làm phàm phu, điều này không thể có. Do đó biết rằng: Ý chỉ của Thị Châu giải thích về tâm pháp, vẫn còn tự mình không đầy đủ; chúng sinh,và Phật đều có hai tạo, hoàn toàn không biết, lại nữa, tâm pháp giới hạn ở lý, thật không có nghĩa tương tức của Sự - Lý.

Nếu nói như vậy thì Tông giáo Đại thừa, thật chẳng phải là Tông chỉ đạt đến.

Vì sao? Vì nếu cho rằng chế ngự tâm thuận theo lý nên thường dùng lý để giải thích Danh, khiến cho Sự - Lý không phân biệt, lại làm

cho Lý chẳng có nơi để hiển bày. Nếu cho rằng chế ngự tâm thuận theo Lý thì không thể dựa vào Sự để giải thích Danh, lẽ nào Chỉ Quán không chế ngự tâm thuận theo lý hay sao? Vì sao dùng ấm nhập để giải thích tâm? Vì sao dùng các phiền não để giải thích tâm? Vì sao bốn Niệm xứ, mỗi tiết nói về một niệm tâm vô minh? Vì sao tam-muội Pháp Hoa, dùng một niệm vọng tưởng hiện tiền để giải thích tâm? Các giáo nghĩa chân thật này, không có giáo nghĩa nào không làm sáng tỏ con người chế ngự tâm thuận theo lý chăng? Kinh Khê lập ra "vô tình hữu tánh", chính là nói lên trọn vẹn "vọng nhiễm túc Phật tánh", do đó ngăn chặn sự cố ý nhằm vào thanh tịnh chân như, ý chỉ của Thị Châu đích thực là sự ngăn chặn của Kim Ty, tại sao đem nghĩa của sự ngăn chặn làm văn của điều có thể giải thích (năng thích), như lấy gai độc làm hại Phật nhãn của chúng sinh, thất chẳng phải Kim Ty nhất định là màng mỏng mê hoặc nhãn bốn loại khác.

Nhưng e rằng Thượng Nhân thay đổi kế sách, cho nên tạm thời ngăn chặn điều ấy. Nếu nói về ý chỉ của Thị Châu thì thật ra không giải thích như vậy, văn kia đã phân định chúng sinh - Phật là sở tạo thuộc về Sự, tâm pháp là Năng tạo thuộc về Lý, cho nên nói: "Chúng sinh - Phật là nhân quả, tâm pháp chẳng phải nhân quả".

Thượng Nhân chấp vào thiên kiến này, do đó làm sự hiểu biết trọn vẹn. Bởi lẽ đạt được chút ít thì cho là đủ, chấp đá vụn làm châu ngọc nên luôn thoả mãn, chấp "nhiếp sắc quy về tâm, quán ngoại trở thành trong", khiến cho thí dụ về lưới giăng của Đế-thích chỉ có một hạt ngọc sáng ngời, làm cho văn về duy sắc không thâu nhiếp các pháp [Đã thường nhiếp sắc quy về tâm, cho nên các sắc chỉ có nghĩa Năng thú, hoàn toàn không có nghĩa Sở thú, cho nên không thể thâu nhiếp các pháp].

Thượng Nhân vì đã lâu quen theo cách giải thích này cho nên khí độc đã ăn sâu, tuy nhờ vào sự trưng dẫn vặn hỏi trước sau, có thể biết rằng phải quán ấm tâm, và biết tâm - Phật - chúng sinh vừa là Sự vừa là Lý, nhưng ý giải thích các vặn hỏi, vẫn còn nhờ đến cái cũ kỹ, đều quy về một phía, mới có thể cho rằng phải là tâm chẳng nhiểm chẳng tịnh, mới tạo tác được Như Lai, hoàn toàn không chấp nhận tâm vọng nhiễm tạo tác Như Lai. Cho nên hoàn toàn trái với nghĩa "ấm thức lý cụ Phật tánh", lại thiếu văn của các phiền não làm hạt giống Như Lai, lại trái với thuyết của tánh chỉ ba chướng, lại chỉ biết chủng loại mà hoàn toàn không nhận thức được chủng loại đối địch. Nói "phiền não tức bồ-đề" chỉ là biện pháp nổi trôi, văn của "sinh tử tức niết-bàn" chỉ là giả thiết

uổng phí.

Nay Thượng Nhân nói: "Quán vọng tâm của sáu thức thành chân tâm của ba đế", vì sao có thể không chấp nhận quán vọng tâm, tạo tác Như Lai? Lại vì sao từ xa quán về tâm chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh, tạo tác Như Lai? Phải nói rằng quán vọng tâm của sáu thức, khi chuyển thành chân tâm chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh, chân tâm này lại tuỳ theo duyên tịnh, mới có thể tạo tác Như Lai.

Phải biết rằng: Nói như vậy thật trái với nghĩa trọn vẹn, đều là bàn luận hẹp hòi, vì sao? Vì lẽ nào quán vọng tâm chuyển thành chân tâm mà vẫn còn chưa phải là Như Lai ư?

Vả lại, quán vọng thành chân là ở nơi địa vị nào? Chân tạo Như Lai lại ở địa vị nào? Chớ cho rằng thành chân tâm thì ở Sơ trú, tạo Như Lai thì ở Diệu giác?

Nếu cho rằng như vậy, thì cứ yên tâm gọi là giải thích hẹp hòi, chẳng phải là luận bàn trọn vẹn. Cần phải biết rằng: Quán vọng tâm thành chân tâm, tức là quán vọng tâm thành Như Lai. Nếu quán vọng thành quán hạnh chân thì gọi là tạo quán hạnh Như Lai. Nếu quán vọng thành tương tư chân thì gọi là Tạo tương tự Như Lai. Phần chứng, Cứu cánh, theo đó có thể biết [Lục tức Như Lai nên gọi là chư].

Lại nữa, phải hiểu rằng: Thành và tạo, vừa là Lý vừa là Sự, theo Lý thì Thành và tạo đều được giải thích bằng Tức Cụ, dựa theo Sự thì Thành và tạo cùng theo Biến để giải thích. Nếu vọng tâm có đầy đủ chân tâm tức là chân tâm, lẽ nào không đầy đủ Như Lai tức là Như Lai ư? [Lý tạo]. Nếu vọng tâm chuyển biến thành chân tâm, lẽ nào không chuyển biến làm Như Lai ư? [Sự tạo]. Chân tâm là nói theo pháp, Như Lai là nói theo người, chúng sinh vô thượng là Phật, pháp vô thượng là niết bàn, lẽ nào vọng tâm có thể trở thành pháp, chân tâm tạo ra người hay sao?

Lại quán vọng tâm của sau thức, trở thành chân tâm của ba đế, Thượng Nhân nhờ ai mà hiểu được? Nếu cho rằng được nghe từ dưới toà của Phụng Tiên, tạm thời ý chỉ của Thị Châu, hoàn toàn không giải thích theo vọng, về tâm cũng không nói quán vọng thành chân. Nếu cho rằng sự tìm tòi trong chân Chỉ Quán mà biết được, thì đó đều là nói dối. Vì sao? Vì nếu đầu tiên biết quán tâm là vọng tâm của sáu thức, cuối cùng không dùng "viên bàn pháp tánh" cho nên bỏ đi quán tâm; cuối cùng không dùng Quả lý xuyên suốt sáu tức, liền cho rằng thuần tuý trình bày về Lý quán; cuối cùng không dùng "chánh bàn quả lý", cho là trực tiếp hiển bày tâm tánh.

Trong Biện Ngoa Thượng Nhân đem nghĩa của Quả lý xuyên suốt đối với sáu tức, lập ra là thuần tuý bàn về Lý quán, do đó trong Vấn Nghi Thư, dựa vào nghĩa "Tâm Phật cao hạ, quán cảnh khó dễ" để vặn hỏi, cho nên nói: "Giáo văn trình bày ngắn gọn về Phật pháo sâu rộng sơ tâm khó quán, vì vậy khiến quán tâm pháp, vì sao lại trái với giáo, chỉ xả bỏ tâm pháp, mà giữ lấy Phật pháp làm cảnh quán?"

Thượng Nhân vì gặp phải vặn hỏi ấy, mới biết sai lầm khi đem quả pháp làm lý quán, thế là ở trong Đáp Nghi Thư, lừa dối tâm mình sửa đổi xằng bậy rằng: "Đâu hề bỏ tâm lấy Phật, nếu rõ ràng mười pháp tuy khác nhau, nhưng nhất lý vô sự ấy, vẫn còn hiểu được dụng của không hai [trước sau đều đem chữ Giải làm quán, đến nay cuối cùng không muốn cho rằng: Niệm niệm ở trọn nơi viên bàn pháp tánh. Đủ thấy là nói dối, vì sao? Vì văn này đem sự hiểu biết để soi chiếu tánh], soi chiếu tánh không hai trên cùng với tất cả như thật, dưới cùng với tất cả của chúng sinh, lẽ nào bỏ tâm lấy Phật hay sao? [Từ "Không hề, v.v..." trở xuống, trừ phần chú thích đều là văn trong Đáp Nghi Thư].

Điều này lẽ nào xưa nay không biết quan sát đối với vọng tâm, cho nên chỉ nói "soi chiếu tánh của không hai", lại là chỉ quán sát chân tâm chẳng phải nhiễm chẳng phải tịnh, chẳng khác gì nhiễm tịnh hay sao? Thượng Nhân tuy nhờ vào Cật Nạn Thư trước đây mà xem xét. Chỉ Quán, biết quán vọng tâm của sáu thức, nhưng chỉ thấy văn đó mà hoàn toán mờ mịt về nghĩa đó. Nếu biết nghĩa ấy, thì rốt cục không tiếp tục chấp rằng chân tâm tạo thành Như Lai, cuối cùng không dựa vào chân tâm để nói Duy Tâm.

Trong Kim Ty chép: "Vì nói Duy Tâm, lẽ nào lại là Duy chân tâm?" Nên biết rằng: Tâm phiền não đầy dẫy, vậy thì ở đây ngăn chặn người thế gian dựa vào chân tâm mà nói về nghĩa Duy Tâm, cho nên nói: "Nói rằng Duy Tâm lẽ nào lại là Duy chân tâm?" Nên biết rằng: Chữ Duy đúng là thuộc về vọng tâm, chính là khiến y cứ vào tâm phiền não để nói Duy tâm, không thể căn cứ theo tâm chân Như để nói về Duy tâm.

Lẽ nào chẳng phải Kim Ty vốn nêu rõ "vô tình có Phật tánh" hay sao? sắc vô tình và tâm phiền não, cả hai pháp đều nói theo nghĩa Tuỳ Duyên; ở trong Tuỳ Duyên, tâm phiền não là năng tạo, sắc sinh tử là sở tạo, năng tạo tức là lý cho nên đã cùng khắp, sở tạo tức là Lý, vì vậy lẽ nào không cùng khắp hay sao?

Do đó trong Nghĩa Lệ nói: "Các sắc - tâm hiện thời, như vàng - bạc ẩn dấu, hiện bày". Tâm hoàn toàn là vàng cho nên thâu nhiếp tất cả

mọi thứ ẩn dấu, hiện bày. Nếu nói rằng Duy tâm, thì cũng nói về Duy Sắc, vì đã vừa là Duy, vừa là Biến, cho nên đều nói là có Phật tánh".

Nói rằng có Phật tánh chính là có tánh của người ở quả (quả nhân), cho nên tâm và sắc đều phải nói thuận theo nhân thuận theo sự. Đã nói quán vọng tâm trở thành chân tâm, cho nên biết rằng: chân tâm phải nói thuận theo quả. Nếu nói về chân tâm thì phải nói theo chân sắc, đã là quả pháp thì lẽ nào lại có quả tánh riêng hay sao? Cho nên văn kia chép: "Nhân không gọi là Phật, quả không gọi là Tánh, nay muốn nêu rõ là hữu tình có Phật tánh, cho nên phải dựa vào tâm phiền não mà nói Duy tâm, muốn nêu rõ vô tình có Phật tánh, cho nên phải dựa sắc sinh tử để nói Duy Sắc".

Nếu dựa vào chân tâm như như để nói về Duy tâm, sắc chân thường để trình bày về Duy Sắc, chính là y cứ vào Giá-na có Phật tánh, Tịch Quang có Phật tánh, đâu quan hệ gì đến hữu tình và vô tình? Như vậy trong Kim Ty giải thích, thật xa cách quá!

Thượng Nhân lại giải thích, lẽ nào lại chỉ chân tâm câu ý, rằng không chỉ dựa vào chân tâm để nói về Duy Tâm, cũng không cần dựa theo vọng tâm để nói về Duy tâm. Bởi lẽ dựa theo chân - vọng hợp lại mà luận, nói về ý nghĩa Duy Tâm, muốn cứu vãn ý chí của Thị Châu chỉ dựa theo chơn tâm để nói về ý nghĩa Duy Tâm. Phải biết rằng: Ý chỉ của Thị Châu là bệnh sẽ phải chết, cho dù tiếng như Biển Thước cũng không thể nào cứu chữa, huống chi những người chẳng biết về thuốc thang mà chữa trị ư?

Vả lại, ý chỉ của Thị Châu từ đầu đến cuối, chỉ y cứ theo chân tâm thâu nhiếp nơi các pháp, đâu hề có câu nào nói về vọng tâm? Diệu huyền tâm pháp phân định ở nhân, vì vốn hiển bày chỉ ở vọng tâm, muốn thuận theo nghĩa của nghĩa, cho nên tự sữa đổi là tâm ghi nhân quả.

Lẽ nào chẳng phải chỉ biết y cứ theo chân tâm mà nói về Duy tâm, lược bỏ không hiểu về vọng tâm thâu nhiếp các pháp. Nếu sơ lược biết rằng Duy tâm có y cứ theo nghĩa vọng tâm, chung quy không thể sửa đổi Thánh giáo.

Cho nên biết rằng: Hai quán trong ngoài, đều là quán vọng bày tâm.

Nếu tu nội quán, thì quán xét vọng tâm của sáu thức, trở thành chân tâm của ba đế.

Nếu tu quán ngoài, thì phải quán vọng sắc thành chân sắc.

Nếu chúng sinh và chư Phật là cảnh ngoài, thì quán xét âm nhập

sắc tâm của chúng sinh, trở thành sắc tâm chân tịnh. Chư Phật tuy lìa bỏ ấm nhập nhưng người thực hành quán xét thì phải đem sắc tâm của Ứng thân để làm cảnh.

Do đó trong Phụ Hành chép: "Sự tạo tác biến hoá của bậc Thánh, cũng khiến cho biến tâm của chúng sinh thấy được". Văn này tuy thuộc về tâm pháp biến tạo, nhưng nay nêu ra nhân để chứng minh quả. Lại nữa, trong Bàn-Chu nói: "Dựa theo ba mươi hai tướng để làm cảnh, tu tập ba quán, hiển bày ba đế, cho nên ứng với sắc tâm của Phật". Đã trở thành sở quán của hành giả, mới chính là sự cảm ứng cùng tạo tác, do đó y cứ theo bên cảm, cũng có thể là ngoại ấm nhập pháp, lẽ nào chẳng phải là quán vọng hiển chân hay sao? Vì thế cho nên bậc Đẳng Giác còn thấy Phật khác, chỉ đến bậc Diệu Giác, mới không còn thấy sắc tướng nhìn thấy lẫn nhau.

Nên biết rằng: Hễ quán sát một cảnh nào thì cần phải ở nơi đương xứ hoàn toàn thâu nhiếp đối với các pháp, đương xứ lý cụ tam thiên, đương xứ chuyển vọng thành chân, mới gọi là quán sát viên mãn, làm sao nói: "Tâm chỉ thuộc về Lý, các pháp thuộc về Sự? Trước hết phải quán sát pháp sau khi quay về tâm, mới nói là Duy Sắc - Duy Tâm?" Vì chấp vào thiên kiến này cho nên hiểu sai về môn không hai và phá bỏ xằng bậy đối với nghĩa lý Quán tâm.

Thượng Nhân mới tạm thời thoát khỏi ngã - nhân, tìm hiểu sơ lược về pháp nghĩa hay là tăng hèn mọn trái lý, hay Thượng Nhân sai tông quy? Tăng hèn mọn vì sinh về Tịnh độ, cho nên tìm hiểu huyền nghĩa, vì thoát khỏi sinh tử cho nên giải thích truyền thụ, thật không dám đem cái dở của mình để che cái hay của người, thật không dám dùng nghĩa lý sai trái để đè nén tông quy chính đáng của người. Riêng các bậc Hiền Thánh mới có thể xem xét, mong quí vị tài đức cũng biết rõ, hy vọng Thượng Nhân suy nghĩ lại, hy vọng Thượng Nhân thuận theo lý mà thôi!

Tiếp theo là sửa đổi vòng vo ý vặn hỏi. Tôi lập ra Tâm và các pháp vừa là Sự vừa là Lý, và đưa ra rằng chúng sinh ở thế gian quán sát về Duy tâm. Vốn là vặn hỏi Thượng Nhân trực tiếp y cứ theo chân tánh để giải thích về Tâm, lại vặn hỏi không luận bàn về quán vọng thành chân, còn vặn hỏi về dùng lý sở chứng của quả Phật để làm Lý quán. Vì vặn hỏi này nên Thượng Nhân hiểu rất rõ nghĩa đã thất bại, liền vội vàng thay đổi ý vặn hỏi. Thế là ép uổng tôi không chấp nhận chỉ quán sát đối với tâm, và tự mình lập ra rằng: "Tất cả các pháp, đều cho vọng tâm phân biệt biến kế khác nhau, làm y chánh sắc tâm, nhưng

dùng ba quán, phân định vọng tâm này, tức là ba đức chân thật cùng khắp tất cả mọi nơi, thì đạt được các pháp y chánh sắc hương, không có pháp nào chẳng phải là tâm v.v....” Cho đến nói: “Tâm đã thâu nhiếp bao gồm tất cả, cho nên nói người loại ba pháp cùng một niệm với Ngã, lẽ nào không phải một niệm vọng tâm tức là ba đức chân thật hay sao? Lẽ nào không thâu nhiếp mười loại ba pháp hay sao? Vì thế cho nên Huyền văn đã luận, chính là chân Chỉ Quán ước Hành, lý đã hiển bày của Quán tâm, lại là trong văn đã bàn đến, trình bày đầy đủ nhân quả, bao gồm nêu rõ năng quán, ai sẽ nghe mà không suy nghĩ về hành động của mình? “

Theo những gì đã nói đó thì thấy rõ rằng Thượng Nhân lấy trộm nghĩa lý chính đáng của người khác để che giấu sai lầm trước đây của mình.

Vả lại, chỉ quán sát vọng tâm, nhờ vào ai mà hiểu được, là ai không chấp nhận, chỉ dường như phát huy cho đến các nghĩa trạng từ trước, văn đâu chỉ nói quán sát vọng tâm, huống chi tự đem Viên đàm pháp tánh, liền cho là quán tâm, tự cho lý của quả chứng là Lý quán, và gọi là trực tiếp hiển bày tâm tánh. Tự giải thích trần trần pháp giới xứ xứ Giá-na, thì có thể nhập lý chứng quả, còn đem ngoại cảnh y chánh, vặn hỏi về giảng sắc quán tâm. Những lời đã nói như vậy, lẽ nào niết rằng Sơ tâm chỉ quán sát vọng niệm hay sao?

Tôi đạt được giác quán của một tông phái, nhiều lần nêu dẫn vặn hỏi, ý muốn Thượng Nhân biết rằng quán tuệ soi chiếu vọng tâm.

Như hỏi: Trong Nghi Thư chép: “Giáo văn trình bày đơn giản rằng Phật pháp cao xa sơ tâm là khó mà quán tâm thì dễ, vì sao chỉ xả bỏ tâm pháp mà chú trọng giữ lấy Phật pháp để làm quán pháp?” Như thế liên tục nói rõ cho Thượng Nhân mà trong Đáp Nghi Thư vẫn còn chưa chịu quán sát đối với vọng niệm, bèn nói: “Nếu hiểu rõ mười pháp tu khác nhau, nhưng lý chỉ một mà chẳng có hai, lại dùng cách giải thích không hai, soi chiếu tánh của không hai, trên từ chư Phật, dưới đến mọi chúng sinh, lẽ nào lại xoá bỏ tâm tánh, giữ lấy Phật pháp hay sao?”

Như vậy lẽ nào chẳng phải dùng “tâm - Phật - chúng sinh” để làm giới nương tựa, chỉ trực tiếp duyên theo lý bình đẳng, không cao không thấp, vừa là Phật vừa là chúng sinh hay sao? Nếu đúng như thế, chính là lấy trực tâm làm cảnh, vừa là Phật vừa là chúng sinh, dùng điều này để kiểm nghiệm, Thượng Nhân không hề biết tâm sở quán là vọng niệm của hạng phàm, y cứ vào đây mà nghiên cứu lý tánh hay sao?

Bởi lẽ bị tôi viết thư cật vấn theo đuổi đến cùng, đã hết tính toán

so sánh, cho nên có thể sửa đổi ý vặn hỏi, cho rằng tôi không chấp nhận chỉ có quán vọng tâm. Tâm hành này thế nào, dùng thiên nhãn để soi chiếu, chỉ đem từ ngữ trước sau để so sánh, kiểm chứng, thì dối gạt rõ ràng, còn biết hổ thẹn chút nào hay không?

Huống chi trong Phù Tông Ký tôi dùng quán vọng niệm làm Tông, cho nên nói: "Một niệm thức tâm làm cảnh, dùng ba quán để quán sát, khiến cho tánh đức khai phát, dứt trừ hoặc chướng, thành tựu kết quả". Lẽ nào có thể thuần tuý bàn về pháp tánh, thì không nói về quán tâm hay sao? Lại nói: "Tuy ba đường xưa nay vốn là chân tịnh, các pháp đương xứ viên dung, nếu ba hoặc bao la, hai tử tràn đầy, khổ nhọc không thể xét tâm tác quán, làm sao thân chứng các pháp trên?"

Cho đến Cật Nạn Thư, nghiêm khắc phân định hai chữ Quán Tâm, còn chấp nhận quán vọng tâm, hay không chấp nhận quán? Như văn kia, dẫn chứng Kim Ty không biến đổi thì muôn pháp đều là Lý. Tuỳ duyên thì muôn pháp đều là Sự, không thể nói các pháp là Sự, tâm chỉ là Lý, nhưng vì chúng sinh ở thế gian phần nhiều mê đắm sắc, và phần nhiều khiến cho quán xét đối với Duy tâm, chẳng phải cho rằng Tâm chỉ là Lý, do đó biết rằng: Trong văn nếu nói thâu nhiếp pháp quy về tâm, cũng tạm thời có thể lập ra cảnh sở quán. Huống chi văn không có một câu nào lập tâm làm cảnh, cảnh còn chưa thành, thì quán chẳng có gì nói đến. Vì thế mười pháp này, quán và tâm, cả hai nghĩa đều thiếu sót, làm sao khăng khăng chấp là đầy đủ nghĩa của Quán tâm? [Từ Kim Ty trở xuống đều là văn trong Cật Nạn Thư].

Văn ý như vậy, lẽ nào không chấp nhận quán xét vọng tâm hay sao?

Đã nói rằng chẳng phải cho là Tâm chỉ là Lý ấy, bởi lẽ Thượng Nhân kế thừa thiên kiến trước kia y cứ theo sự để hiểu các pháp, chỉ theo lý thể để hiểu về tâm pháp, cho đến có thể bàn luận về lý để thực hành quán tâm, vì phá bỏ kế sách này cho nên nói chẳng phải cho rằng tâm chỉ là Lý. Nói như vậy là muốn làm cho Thượng Nhân hiểu biết rõ ràng về tâm vá các pháp đều là sự của lý tuỳ duyên. Pháp Phật, pháp chúng sinh, không giống như tâm pháp. Pháp Phật, pháp chúng sinh, đã cao lại rộng, người sơ tâm rất khó quán xét. Do đó biết rằng: Câu hỏi này chính là muốn hỏi về không sử dụng vọng tâm làm cảnh, vì sao trả lời không được, do đó chỉ ngang nhiên sửa đổi thành không chấp nhận chỉ riêng quán tâm chăng?

Lại nói: "Chúng sinh ở thế gian, phần nhiều đối với sắc ngoài, thường khiến cho quán sát đối với Duy tâm, chẳng phải cho rằng Tâm

chỉ là Lý” Bởi thầy trò họ, liền đem tâm pháp, giải thích trực tiếp theo lý, ý cho rằng chân tâm tuỳ duyên, tạo ra các pháp chúng sinh - Phật; cho nên hễ thấy luận về chân, giải thích về lý, liền cho là quán tâm. Để phá bỏ suy nghĩ này nên đưa ra văn “Bốn Niệm xứ chúng sinh hạ giới mê đắm sắc”, khiến cho biết rằng kinh luận phần nhiều vì phá trừ sự mê đắm chấp trước của chúng sinh ở thế gian, vì thế phần lớn cố tình nói về quán dựa theo tâm, vì phá trừ căn bệnh chấp trước vào sắc, nên phần nhiều nói về Quán tâm, không phải cho rằng chỉ là lý, do đó nói nhiều về quán tâm.

Còn nếu như chuyển sang chấp tâm có chân tâm, vọng tâm, tôi nói theo chân thì đâu ngại gì? Nghĩa này không đúng.

Nếu cho rằng tâm có chân - vọng, có thể thường nói theo chân, thì các sắc lẽ nào không có chân sắc, vọng sắc, sao không đầy đủ các pháp đều nói theo chân?

Cho nên biết rằng: Bất biến thì các pháp sắc tâm đều là chân, tuỳ chuyên thì các pháp sắc tâm đều là vọng. Ở trong chổ đều là vọng thì tâm là năng tạo, cho nên phàn nhiều khiến cho quán tâm. Tâm pháp gần gũi và thiết yếu, cho nên phần nhiều khiến cho quán tâm. Để phá trừ căn bệnh tầm trọng vì chấp trước vào sắc của chúng sinh ở thế gian, cho nên phần nhiều dạy quán tâm chứ thật ra chẳng phải tâm chỉ là Lý mà khiến phải quán tâm. Nếu biết được ý này, thì không chấp khi nói về chân lý thì cho là quán tâm.

Đã biết tâm pháp và Phật pháp, đều y cứ theo sự có cao có thấp, nói vềPhật pháp không phải quán tâm. Thượng Nhân vốn không biết ý này, cho nên có thể liên tục nói Phật nói Lý, do đó cho là Lý quán. Nay vì sự vặn hỏi nên đại khái biết được ý này, do đó lập tức chuyển đổi suy nghĩ, lý của quả Phật là sự hiển bày khi quán sát vọng tâm, cho nên nói Huyền văn đã luận, chính là Chỉ Quán, y theo hành quán tâm thì lý hiển bày. Thực hành thuyết này, ý là muốn cứu vãn tất cả ba pháp trong Đáp Nghi Thư, hoặc ngang hoặc dọc cùng một niệm với Ngã, bưng bít nghĩa không thể hiểu rõ được. Lại muốn cứu vãn mười loại ba pháp, thuần túy nói về lý quán, vì Thượng Nhân nay biết Lý quán đích thị là y cứ theo hành, cho nên nói những lời cứu vãn này.

Không nghĩ rằng nói như vậy sẽ chuốc lấy sai lầm rất lớn, vì sao? Vì nếu đem mười loại pháp tướng của quả Phật, nhập tâm tu quán, tự cho là nương pháp quán tâm, làm sao có thể lại nói là hiển bày căn cứ theo hành; hơn nữa Huyền văn này đích thực giải thích để dự đoán chọn lựa mười pháp, chỉ có pháp sở phụ chứ hoàn toàn không có quán năng

phụ, vẫn còn sở lược không có nghĩa của phụ pháp quán, làm sao có nghĩa của ước hành quán được?

Đến nay Thượng Nhân đã nhận ra văn đích thực để dự đoán chọn lựa mười pháp, đặc biệt không có nghĩa của hai quán Phụ pháp và ước hạnh, thế là vòng vo giả dối lập nên, làm cho hai hạng người thực hành tu tập đã lâu, hay mới học hỏi, tự thực hành hai loại quán tâm, nên nói: trong văn đã nói, bao gồm đầy đủ nhân quả, đồng thời nêu rõ năng quán, ai đang học hỏi mà lại không nghĩ về hành động của bản thân mình, cho nên tự mình tu tập hai loại quán tâm.

Vả lại, nói "Tự suy nghĩ về hành động của bản thân mình", chính là từ ngữ của sự sách tấn khích lệ, nói chung là sự giải thích nghĩa của tông sư, nếu gặp pháp hành chứng của các bậc Thánh, thì phải nhắc nhở khuyến khích khiến cho thấy sự tốt đẹp mà suy nghĩ thâu suốt, lẽ nào đem lời này để cứu vãn được sự sai trái việc sự thuần túy nói về lý quán hay sao?

Nếu nói mười pháp gồm nhân quả, vì nêu rõ năng quán thì nhất định người thực hành sẽ tự tu tập hai quán, không cần lập riêng khoa Quán tâm.

Chỉ giống như văn bốn đế, năm hạnh, cũng bao gồm nhân quả, cũng nêu rõ năng quán hay không? Vả lại, nhân quả thế gian và xuất thế gian, lẽ nào vượt qua năm hạnh? Huống chi từ chổ thiên về Tiểu thừa mà chọn lựa đến nơi tròn vẹn chân thật, lại dùng hai diệu phân định khai bày tất cả, thì rõ ràng cảnh quán viên dung với tu chứng, các pháp tướng diệu huyền này vẫn phải thâu nhiếp vào một niệm, nêu riêng một khoa Quán tâm.

Nếu Huyền văn này thuận theo quả cho đến nhân mà nói, lại tự cho là Thích-ca năng quán còn vượt hơn Bồ-tát tu chứng, lẽ nào là cảnh quán của sơ tầm, làm sao có thể mới bàn về quả pháp, phế bỏ phụ pháp quán tâm ư?

Diệu huyền về mười loại ba pháp, mỗi ba pháp đều từ một niệm phàm thân, chia đến phần chân cực quả, Thượng Nhân còn nói: "Phải lập ra một khoa Quán tâm, quán xét mười pháp ấy [Trong Đáp Nghi thư rõ ràng nói rằng: Quán sát mười pháp, không thể chuyển thành quán sát ba giáo, ba quỹ v.v....]. Mười pháp kia có bao gồm nhân quả hay không; có nêu rõ năng quán hay không? Do đâu lại phải có một khoa Quán tâm? Huyền văn về mười pháp này, do đâu phải phế bỏ khoa Quán Tâm?

Hơn nữa, hai hạng người thực hành, tự thâu nhiếp mười loại ba

pháp, nương vào tâm mà soi chiếu ngang dọc; quả thật là Thượng nhân nói dối, thay đổi lời nói trước đây.

Vì sao trong Đáp nghi thứ lớp nói: "Bởi vì Huyền Văn trực tiếp hiển bày tâm tánh, nói về tất cả ba pháp nhập tâm mà soi chiếu, mới kết luận rằng: Huyền văn này đã bàn, chẳng những pháp tướng viên dung, mà cũng là Lý quán rõ ràng". Đã nói Huyền Văn trực tiếp hiển bày, còn nói Huyền văn này để bàn, đến nay làm sao có thể là người thực hành tự hiển bày, người thực hành tự quán sát? Vả lại, thư trước nói: "Thuần tuý nói về Lý quán"[Nếu gồm cả phụ pháp thì không gọi là thuần tuý bàn về]; thư tiếp theo nói: "Chẳng những pháp tướng viên dung, mà cũng là Lý quán rõ ràng". Lẽ nào không phải chuyển thành "Chánh đấm phụ pháp" hay sao? Gồm nói về Lý quán, thì thuần tuý nói về Lý quán tự điều đó sẽ mãi mãi phá bỏ. Hơn nữa, tự lập ra thuần tuý nói Lý quán, thì chính là ước hạnh quán tâm, bị chất vấn là không có ấm cảnh mười thừa, lại nói Thác sư phụ giúp không dùng ấm nhập làm cảnh.

Nói như vậy thì ngôn từ không hề chuẩn xác, làm sao có thể bình luận về giáo quán? Thật là hạnh không tiếc thân người thì cũng tránh bị người chê cười khinh ghét, không chịu nói ra những lời điên đảo như vậy, huống chi là người truyền giáo, sao có thể đến mức đó được? Nếu muốn viết hết lỗi lầm tâm trái miệng ngoa của Thượng Nhân, quả thật là uổng phí giấy mực. Vì vậy tạm thời dừng lại. Cầu mong tỉnh ngộ bản thân cúi mình học hỏi, bỏ đường tà quay về nẻo chánh, biết lỗi lầm mà cố gắng sửa đổi, âu cũng gọi là người quân tử? Không thể lần lữa qua ngày đoạn tháng, nhất định phải hồi âm gấp rút.

THỨ BẢY: KHÔNG BIẾT RÕ GIAI VỊ QUÁN TÂM.

Chúng sinh nếu ở trong các giáo pháp mà thiện tri thức đã đạt được, tâm nghe đây đủ các pháp cùng với chữ Phật - chúng sinh không có gì khác nhau, thường biết rõ tâm và đương thể tức là lý của các pháp, cùng có thâu nhiếp lẫn nhau, đó chính là Danh tự tức, y cứ theo Lý tuy là Tức, nhưng y cứ theo Sự thì khác nhau như trời vựa, vì thế mong cầu Diệu môn, phá mê hoặc hiển bày lý, mỗi nơi địa vi Danh Tự. Dùng Diệu nắm lấy muôn pháp chỉ trong tâm thức, chuyên chú về nội tâm, sử dụng Diệu quán,quan sát tất cả pháp; hoặc ở cảnh ngoài tu quán cũng vậy, Quán đạo hoặc là khai mỏ, hoặc là hàng phục hay là dứt, hoặc nhập vào quán hành, hoặc tương tự hay chân thật, các nghĩa này hiển rõ ở Chỉ Quán và các văn khác.

Thượng nhân xưa nay hoàn toàn mê mờ về nghĩa này, cho nên

trong Đáp Nghi Thư đã nhiều lần nói: "Trong năm phẩm vị của Quán Hạnh, mới tu hai quán trong ngoài, quán thành tựu thì xếp vào địa vị Tương Tự".

Do đó Cật Nạn Thư viết: "Nếu trong năm phẩm vị mà người mới đối với hai cảnh tu quán, chỉ giống như năm phẩm do đâu vào được? Lại đến chờ đến năm phẩm người ấy mới tu quán, thì là người của Danh tự, hoàn toàn không có con đường phẩm vị. Nhưng vì Thượng Nhân khai thị làm cho biết lối đi tắt, mới nói hai quán trong ngoài cùng ở trong địa vị Danh Tự, tạo ra tu quán thành tựu, mới đi vào Quán hạnh, Tương tự, phần chân, dẫn chứng đầy đủ văn Chỉ Quán, trình bày chỉ rõ quán thành tựu mới bước lên địa vị Tuỳ hỷ, v.v...."

Đã đem văn minh hiển bày, Thượng Nhân nhờ đó mới nhận ra, tự tiếc rằng vì đã gần gũi tà mê muội vị thứ, lầm lạc chỉ ra năm phẩm mới tu hai quán.

Thì trong Đáp Nghi Thư, sai lầm này không suy tính cứu vãn quanh co, thành ra nghĩa trạng bây giờ, hoàn toàn không dám trả lời, nhưng trái lại trộm lấy chình nghĩa đã nêu rõ Cật Nạn Thư, đem làm kiến giải của mình, mới liên tiếp hiển bày, biết năm phẩm là địa vị quán hạnh thành tựu. Đem điều này để kiểm nghiệm, biết rằng Thượng Nhân che cái dở của mình và bít cái hay của người.

Chỉ như năm phẩm là địa vị Quán hạnh thành tựu, do ai mà hiểu được? Sao không cúi đầu chấp nhận ngày trước mê lầm, bỏ đường tà hướng về nẻo chánh, làm sao có thể trộm cắp nghĩa của người để lừa dối mê hoặc hoặc kẻ hâu sinh? Nếu theo dụng tâm của Thượng Nhân như vậy, thật chẳng phải là người truyền giáo; còn nhìn theo tâm của loài người thì ngàn dặm không bằng, làm sao có thể luận bàn về Phật pháp được? Thế thì biết: Chỉ nói khiến cho căn cơ đời Mạt pháp tu tập Chỉ Quán. Đã tự lập nên đến năm phẩm vị mới quán hai cảnh, thì tất cả chúng sinh không có phần tu quán. Vội vàng đem cái biết như vậy, luận bàn với người về ý phế lập giáo quán còn có thể hay không?

Vì sao không cam chịu ngăn chặn triệt để con đường đến kết quả cửa ngõ đi vào lý của chúng sinh? Xem xét một sai lầm lần này thì bảy mươi tờ văn trình bày, đều là hư cấu, nghĩa trạng trước đây cúng là cuồng ngôn, các nghĩa đã lập ra đâu cần phải tiếp tục phá bỏ, mà sẽ tự nhiên tan rã, văn trình bày trong Đáp Nghi Thư, thấy đang còn có thể tiếp tục sinh ra chống cự đến cùng hay không?

Huống chi Thượng Nhân trộm lấy chính nghĩa của người, do đó làm kiến giải của mình, trước sau không ít, chỉ như tôi đem tu hai tánh

một, trừ bỏ văn "tri tâm vô tâm", Đáp Nghi Thư vặn hỏi rằng: "Nếu trong Chánh Thích Thập Pháp, dùng vàng làm tánh, ánh sáng chói lọi là tu, thì có lẽ phân chia đối lập, vả lại Huyền nghĩa thí dụ phụ văn đương thể, không hề bàn luận đến tu hai tánh một...?"

Đã bị thư vặn hỏi, lại đưa ra văn "tu hai tánh một" trong Chánh Thích để dẫn chứng rõ ràng, văn lý trong sáng như vậy, nếu Thượng Nhân là người có tâm truyền giáo, chắc chắn sẽ theo lý ăn năn tội lỗi chê trách huỷ báng giáo pháp, sau đó mới cùng nhau mỡ mang chánh quán.

Tại sao Thượng Nhân vốn y cứ theo nghĩa của Chánh Thích không có "tu hai tánh một", kiểm chứng nghĩa "tu hai tánh một" trong văn Quán tâm là sai? Nay đã thấy rõ ràng trong Chánh Thích thường là "tu hai tánh một", thì biết văn Quán tâm đầu tiên phần hỏi đáp phù hợp với Chánh Thích, lẽ nào có thể tiếp tục huỷ báng phá bỏ hay sao?

Huống chi Thượng Nhân cố gằng trình bày về Chánh Thích Phật Pháp, hoàn toàn không có nghĩa "tu hai tánh một", còn nói Môn Bất Nhị, chỉ y cứ theo ba nhân Duyên - Liễu - Chánh, đối luận về ly hợp. Bây giờ sao có thể trở lại dựa theo ba đức, ba niết bàn là tu hai tánh một, nói đầy đủ nghĩa Quán tâm? Lẽ nào không phải vì tôi vặn hỏi trước sau? Biết được Chánh Thích có nói về nghĩa "ly - hợp", bèn trộm lấy nghĩa này đem làm kiến giải của mình, mà trái lại đem nghĩa này, lập ra mười loại ba pháp làm Lý quán.

Còn như quán vọng tâm thành chân tâm, đều là do tôi vặn hỏi mới biết, lại sử dụng điều đó để vặn hỏi, ép uổng cho tôi không chấp nhận, chỉ có quán vọng tâm. Lỗi này ở văn trước cũng đã nói, càng không nên tiếp tục nói lại, chỉ y cứ theo tâm cuồng vọng này của Thượng Nhân thì không thích hợp để tiếp tục nói về pháp nghĩa, huống chi không biết phẩm vị của Quán tâm, còn gì đáng nói đây?

THỨ TÁM: KHÔNG HIỂU Ý NGHĨA QUÁN TÂM

Diệu Huyền và Thích Tiêm phân định rằng: "pháp Tâm rất cao xa, pháp chúng sinh rất rộng lớn, Sơ tâm là khó, nhưng tâm - Phật và chúng sinh, là ba pháp không khác nhau, Quán tâm thì dễ. Lại nói: "Pháp Phật phân định ở quả, pháp chúng sinh thường thông qua nhân quả, và cò hạn cuộc ở nhân, pháp tâm chắc chắn ở nhân" Lại nói: "Nếu dùng pháp Phật để quan sát, thì tựa hồ không đến được; nếu dùng pháp tâm để quan sát, thì dường như sẽ thấy".

Do đó giáo pháp của một tông phái, y cứ vào ý này, nên mới lập

ấm tâm làm cảnh sở quán, vì vậy Chỉ Quán và các văn, đều dạy quán tâm, bởi lấy tâm gần gũi và thiết yếu để nhờ đó mà quan sát. Nếu không nhờ cậy vào ấm giới nhập cảnh, thì quán y cứ vào đâu mà tu, lý y cứ vào đâu mà hiển bày? Cho nên lìa bỏ ba chướng bốn ma thì không có cảnh giới để quan sát.

Cho dù tu ngoại quán, nương nhờ chư Phật, chúng sinh và y báo làm cảnh, cúng là pháp ấm nhập bên ngoài.

Tại sao Phật tuy lìa bỏ ấm, vì chúng sinh cho nên thị hiện cảm ứng sắc tâm, do đó từ bậc Đẳng Giác trở xuống, thấy có tha Phật. Đã là cảnh sở đối của sáu căn, không phải thuộc về giới nhập hay sao?

Vì thế trong Phụ hành chép: “Sự tạo tác biến hoá của bậc thánh, cũng khến cho biến tâm của chúng sinh thấy được”. Do vậy người tu quán, ngay nơi cảnh sắc tâm mà quán sát pháp giới.

Cho nên trong Quán Âm Sớ lấy chúng sinh, Phật làm cảnh khác, ngài kinh khê trực tiếp dùng sắc tâm làm cảnh ngoài.

Cho nên biết: Không chọn lấy pháp viên thường tự tại mà Đúc Phật đã chứng đắc, chỉ dùng sắc tâm sở đối của chúng sinh để làm sở quán, cho nên quán nương vào cảnh, không nêu ra ba khoa.

Còn trong Ban-chú tam-muội, dùng ba mươi hai tướng của ứng thân làm cảnh, y cứ vào đó mà tu ba quán. Cho nên biết: ba quán đã hiển bày tức là viên dung ba pháp.

Quán pháp của tông phái bây giờ, nơi nào khiến trực tiếp duyên theo chân lý mà tu? Văn nào khiến duyên theo ba pháp viên dung mà Đức Phật đã chứng đắc để tu quán? Vì từ trước Thượng Nhân hoàn toàn không biềt được ý nương cào cảnh để tu quán, chỉ đem kiến giải của mình ứng chùng để nói, đến khi gắp vặn hỏi thì nhìn lại sự vặn hỏi không thấu đáo, tạm thời chuyển đổi mà lập ra.

Như cho mười loại ba pháp của Huyền văn này, là thuần tuý nói về lý quán, lẽ nào không phải hoán toàn không biết lý quán là ba loại tam-muội như Thường ngồi, v.v.... hay sao? Chỉ thấy Phát Huy nói thuần tuý nói về chân tánh, liền dựa theo đây lập nên, vì thế thuần tuý nói về lý quán.

Đến khi bị Vấn Nghi Thư dẫn Phụ Hành bắt kẻ thì biết là quán phi lý bèn thay đổi suy nghĩ nói: “ Huyền văn này trực tiếp hiển bày tâm tánh”, chú trọng ước hạnh, đoan toạ mười thừa, và cùng một niệm ngã, soi chiếu dọc ngang, chính là thâu nhiếp các loại ba, hoà nhập trong một niệm tâm, trở thành viên quán, mới chính là Phụ pháp quán tâm.

Vì thế Diệu Huyền Tứ Đế, sau nhân duyên thâu nhiếp các pháp

tướng, hoà nhập trong một niệm tâm, dùng quán để soi chiếu, kết hợp với văn kia làm thành Diệu hạnh, lập riêng ý của khoa Quán Tâm.

Đã bị Cật Nạn Thư vặn hỏi rằng: “Huyền văn này đã hoàn toàn không nói về một niệm và quán chiếu, chính là vì trở thành chính nghĩa của mình, mặc ý sửa đổi vòng vo”. Thượng Nhân đã tra xét Chánh Thích và Liệu Giản, hoàn toàn không có nghĩa này, kế đã cùng lý đã hết, liền đẩy cho người thực hành, tự có thể gồm nhiếp vào một niệm, soi chiếu dọc ngang.

Nếu vậy thì vì sao chỉ riêng Huyền Văn này, người thực hành tự mình thâu nhiếp, tự mình quán chiếu? Những Diệu kinh và các Huyền sớ kia lẽ nào những người thực hành không tự mình thâu nhiếp, tự mình quán chiếu ư?Vì sao sau pháp tướng, đều lập ra khoa Quán Tâm, thân nhiếp các pháp đi vào trong tâm mới gọi là Quán Hành.

Nếu cho rằng các văn hoặc có điểm thiếu sót hay sơ lược, cũng cần phải lập ở sau thể thức, mới có thể theo trình tự mà giản lược. Như mười hai nhân duyên có lập ra pháp quán, sau Tứ đế chỉ nói Quán tâm là có thể hiểu. Đã là hai cảnh này, hợp lại có Quán tâm cho nên đối với các cảnh khác tránh sự phức tạp nhận biết sơ lược thì có thể bẩm thụ giáo pháp. Đã thấy sau Tứ đế, mười hai nhân duyên có Quán tâm, thì biết các cảnh hợp lại điều thâu nhiếp quy về tâm mình để quán chiếu.

Nay Huyền Văn này, chỉ nói về mười loại pháp tướng của quả chứng, đại khái không nêu rõ thể thức của quán tâm, thì người thực hành làm sao có thể tự mình thâu nhiếp, tự mình quán chiếu? Đây chính là vì Thượng Nhân lẫn lộn sau lời đẩy cho người thực hành. Nếu nói “trực tiếp hiển bày tâm tánh” thì làm sao tự lập ra rằng Huyền Văn này trực tiếp hiển bày tâm tánh? Vả lại, đẩy cho người thực hành, không thể được, thế là hoàn toàn không dám trả lời câu hỏi này. Nhưng vẫn ngấm ngầm sửa đổi “trực tiếp hiển bày tâm tánh”. Nếu thượng Nhân có cách nào chuyển đổi hơi đúng, chung quy sẽ không trộm cắp thay đổi văn từ, bởi vì hết cách thì sẽ đến nước này.

Cho nên biết rằng: Tâm đen tối mà sửa đổi, phân biệt thì như người mù hành động đều bị trở ngại, đều do không biết ý văn đôi bên.

Vả lại Tịnh Danh Sớ và Huyền Văn này, tuy cùng trình bày về ba pháp, nhưng cần phải biết rằng: Nghĩa lập ra thường khác nhau. Văn kia nói theo “suy xét tâm mà quán chiếu, quán thành tựu xứng hợp với lý, y theo thể để sử dụng”, cho nên đầy đủ nghĩa của Quán tâm. Văn này nói theo “lý của quả Phật mà bản thân chứng đắc” thì làm sao như nhau được.

Đã bị Cật Nạn Thư dùng Tâm - Phật cao thấp để chất vấn, rõ ràng đã sụp đổ như thế, nhưng không chịu cúi đầu thuyết phục, liền gượng gạo y cứ vào nghĩa "ba pháp không khác nhau" để cứu vãn, ý nói rằng: "Tâm - Phật đã không khác nhau như vậy, thì Phật pháp chính là tâm pháp. Lập ra nghĩa cứu vãn này, càng làm sáng tỏ vì sao Thượng Nhân không nhận thức được "ba pháp không khác nhau".

Vả lại, như trong Thích Tiêm chép: "Pháp tâm, pháp chúng sinh, ở trong tâm Phật, thì chắc chắn thuộc về quả. Pháp Phật, pháp tâm ở trong tâm chúng sinh, thì có cả nhân quả. Pháp Phật, pháp chúng sinh ở trong pháp Tâm thì chắc chắn thuộc về nhân". Lẽ nào không phải vì đều có đủ cùng tồn tại trong nhau thì không hề khác nhau ư? Sự dụng đã khác nhau, mê - ngộ rõ ràng, thì phải nói về khác nhau, lẽ nào có thể mới nghe Phật pháp bao gồm thâu nhiếp pháp tâm, liền cho là tâm pháp là quả hay sao? Do đó kinh Khê nói: "Theo lý thì không khác nhau, khác nhau là theo Sự dụng, cho nên người tu quán phải nương vào tâm pháp để làm cảnh mà tu quán. "Quán tâm tức là tánh, tánh thâu nhiếp không ngoài tất cả Phật và chúng sinh, cho nên nói: "Tâm đạo giữa pháp giới giống như hư không, thì biết được cảnh giới của chư Phật". Đã nói: "Tâm đạo giữa pháp giói thì biết, v.v...." đây là quán tâm nhập lý, lý thâu nhiếp chúng sinh, Phật, mới biết được cảnh giới của Phật. Lẽ nào có thể chỉ nói "không khác nhau thì ba pháp rối loạn" hay sao? Nếu Phật pháp chính là pháp tâm, thì tên gọi Quán tâm của tông phái bây giờ do đâu mà lập?

Do đó, trong Tịnh Danh Sớ giải thích các câu "pháp không có chúng sinh, v.v....", mỗi câu đều dùng quán Sinh không, trải qua tâm và các pháp ấm nhập khác mà quán, tuy phụ thuộc vào ba pháp tướng giải thoát, nhưng đối với ấm cảnh và lý cảnh, dùng quán để phá trừ hoặc chướng, chứng thể mà phát khởi Dụng, trong cùng lúc xóa sơ lược đầy đủ.

Đó chính là dụng quán môn Ước hạnh, tu quán ở nơi phụ pháp. Điều này đồng với Diệu Lạc khiến đem cảnh quán trong Chỉ Quán để tu quán gá sự, như vậy mới đầy đủ nghĩa của Quán tâm.

Nếu Huyền Văn về mười loại ba pháp này, đích thực nói về quả Phật sở chứng, còn vượt xa sở hành của Bồ-tát, thì cao xa rất nhiều, làm sao phàm phu thực hành được, vậy thì sẽ nương vào tu quán thực hành? Trong Kiêm Văn nêu rõ ràng: "Theo tín giải phân biệt, do đâu mà gàn bướng quanh co để giải thích về quán hành?"

Nhưng phải biết rằng: Văn kia chỉ nói về ba pháp theo tâm suy

xét, mới đầy đủ nghĩa của Quán tâm, thì không thể xem đồng nghĩa với ba pháp, cho rằng Huyền Văn này cũng đầy đủ ý nghĩa Quán tâm. Nay dẫn chứng đầy đủ hai văn giáo quán trong Tịnh Danh Huyền Nghĩa Thích Danh, cùng gọi là ba pháp, đều là viên mãn chân thật, chỉ y cứ khi chưa ước định về Tâm luân, gọi là ước định giáo thích, nếu ngay nơi tâm mà phân biệt thì gọi là ước định theo quán.

Vì thế văn kia nói: "Đời sau dịch là Tịnh Vô Cấu Xưng, này dùng tên đã địch này, để đối với ba thân, tức là làm thành hai ý: 1. Giải thích ngay nơi Sự [giác thuyên ba pháp, tuy là viên mãn chân thật, nhưng nhằm vào Lý của Quán tâm tương ứng, cho nên giáo thuộc về Sự], 2. Ước định theo quán tâm. Một là Sự, là nghĩa của Tịnh, tức là Pháp thân, tự tánh thanh tịnh, sáng trong không vết, tức là tánh tịnh Pháp thân. Hai là vô cấu, tức là Báo thân; báo trí viên minh, không có cấu nhiễm, tức là Viên tịch Báo thân. Ba là Xưng đó, tức là Ứng thân; đại bí hoá thế, tiếng tăm vang khắp, tức là Ứng thân". Do đó, Trí luận chép: "Thuỷ ngân và vàng ròng, v.v.....", lại dẫn trong kinh Phổ Hiền Quán: "Ba loại thân Phật, từ Phương Đẳng mà phát sinh, v..v..."

2. Quán Tâm nói về ba thân: Tất cả đều có tâm, tâm tức là pháp tánh, pháp tánh tức là bổn tịnh, bổn tịnh tức là Pháp thân. Quán tâm tương ứng, lúc sáng suốt không tối tăm, tức là nghĩa vô cấu. Nghĩa vô cấu đó, tức là quả Trí - Đoạn của Báo thân. Tuỳ theo lợi ích chúng sinh, phát khởi tất cả mọi việc, đều như huyễn hoá, như bóng trăng đáy nước, hính bóng trong gương, ánh sáng không nhuốm bẩn, tức là nghĩa xứng duyên của Ứng thân. Ba nghĩa như vậy không dọc không ngang, là hạt giống bồ-đề, v.v....

Xin Thượng Nhân xét hai loại ba pháp này, có gì khác nhau. Lẽ nào không phải chỉ y cứ tâm tức là pháp tánh quán tâm tương ứng mà giải thích hay sao?

Văn kế là ba pháp được gọi là Ước quán tâm thích.

Cho nên sớ kia giải thích pháp không có chúng sinh, nói về nghĩa ba giải so với Huyền Văn về mười loại ba pháp này, thật sự không có gì khác nhau. Văn kia y cứ theo quán Sinh Không, trải qua tâm và các pháp ấm nhập mà trình bày, cho nên kết luận rằng đầy đủ nghĩa của Quán tâm.

Trong đây đích thực nêu rõ pháp của quả Phật, rõ ràng y cứ theo Tín giải phân biệt, vì sao vội cho rằng đầy đủ nghĩa của Quán tâm được?

Vả lại trong Đáp Nghi Thư - Ngũ Nghĩa Thư cùng với nghĩa trạng

bây giờ, một bề chấp rằng Huyền Văn về mười loại ba pháp này, đồng với Thác sự quán trong Thỉnh Quán Âm Sớ.

Hơn nữa, Đại Lâm Tịnh Xá là sắc nhập của y báo, dùng lý trí mà thể hội, chính là đồng với Phổ Hiền Lịch Tôn Dung Đạo Cụ trong Phương Đẳng, sử dụng pháp môn để thể hội thấu suốt, đó mới là quán Thác sự. Huyền văn làm phát sinh tín hiểu, trực tiếp nêu bày mười loại pháp tướng của quả đức, đã không trải qua sắc nhập của y báo để thể hội, thì làm sao gọi là quán thác sự?

Cho đến khi Cật Nạn Thư đem trưng dẫn nghĩa này, thì Thượng Nhân đã biết, Huyền Văn về mười loại ba pháp này, hoàn toàn không có sự cảnh của y báo để nhờ cậy, tức là Sự quán không thành, thế là chuyển sang chấp thí dụ làm cảnh, đem mười loại ba pháp làm quán. Lại dùng giáo tướng năng thuyên làm cảnh, ba pháp sở thuyên làm quán. Phải biết rằng: Hai thuyết này, hoàn toàn không có giá trị. Vì sao? Vì pháp sâu xa khó hiểu mà thí dụ dễ sáng tỏ, cho nên sử dụng thí dụ để biểu thị rõ ràng về pháp sâu xa, khiến cho người bẩm thọ giáo pháp phát sinh tín hiểu, đâu hề đem năng thí, sở thí để làm năng quán - sở quán?

Nếu cho rằng vừa đem thí dụ để hiển bày pháp liền trở thành nghĩa của tu quán, điều đó chỉ giống như Diệu kinh, lẽ nào không lấy hoa sen để làm thí dụ cho mười Diệu hay sao? Nếu đã đầy đủ nghĩa của quán hành, tại sao trong mười Diệu, mỗi tiết đều trình bày về Sự pháp quán môn? Nếu dùng pháp dụ để làm cảnh quán, thật sự không có nghĩa này, về sau sự việc gấp rút nên Thượng Nhân dối trá làm ra như vậy.

Nhưng, tuy làm ra thuyết này, bản thân cũng biết là vô nghĩa, lại dựa vào giáo lý, luận về cảnh quán ấy. Vả lại, tất cả các giáo bộ, chổ nào không thể gọi là giáo thuyên đối với pháp lý? Lẽ nào có thể đều dựa theo cảnh để trình bày quán ư?

Vả lại, tạm thời cho dù giáo pháp thiên tiểu, nhưng văn không thể chính là lý, không thể đối cảnh để trình bày quán, bàn luận trọn vẹn về pháp tánh này, văn lý đã phù hợp thì có thể gọi là quán cảnh, và Diệu Huyền lẽ nào văn lý không phù hợp hay sao? Tại sao phần sau của giáo lý, tiếp tục lập nên một khoa của Quán tâm?

Hơn nữa, Thượng Nhân tự nói rằng: "Sau Đáp Diệu Huyền về mười loại ba pháp, hợp lại có một khoa Quán Tâm, quán sát mười pháp trước". Cho nên biết: Dùng giáo thiên lý, liền cho rằng y cảnh lập quán, lại là sự hiểu biết hẹp hòi, không đáng để nói. Giáo văn của một tông

phái, hoàn toàn không có thuyết này. Đây cũng là do Thượng Nhân đã hết kế sách nên tạo ra chủ thuyết dối trá này.

Trong Môn Bất Nhị chép: "Tất cả các cảnh quán không ngoài hai quán trong ngoài". Ngoại nghĩa là dựa vào sắc tâm y chánh kia, thật ra không dựa vào giáo tướng kia. Nội quán một niệm thức tâm, quả thật không nương vào giáo tướng mà quán. Sợ rằng tông sư lập ra cảnh chưa hết, nên Thượng Nhân lại lập thêm giáo tướng làm cảnh hay chăng?

Hơn nữa, còn chuyển "tức thiết vô thiết" để làm quán cảnh, càng không có ý nghĩa, chỉ giống như trong Cảnh Diệu Huyền Tứ Đế, sau khi trình bày rộng về "Thuyết - vô thuyết", lại lập ra quán giải. xem xét thì biết nghĩa "vô thuyết", chẳng phải trình bày về quán.

Sau khi đã hết lý, lại chuyển sang chấp rằng: "Các văn tuy có "Tức thuyết - vô thuyết", nhưng không có tu quán nhân quả, cho nên không có nghĩa Quán tâm. Văn này bao gồm tu tánh nhân quả, do đó đầy đủ nghỉa Quán tâm".

Vả lại, văn kia không thể hiện Tứ đế, còn là toàn tánh khởi tu hay không? Còn bao gồm nhân quả thế gian và xuất thế gian hay không? Huống chi Thượng Nhân vốn lập ra Huyền Văn về mười loại ba pháp này, thuần tuý trình bày về Lý quán trực tiếp hiển bày tâm tánh. Lý quán ấy tức là quán Thật tướng trong kinh Chiêm Sát, đích thực là từ thượng ngồi mà chọn cảnh quán lý mười thừa. Nếu thiếu đi Phụ pháp tướng, hơi nghiêng về nương gá sự tướng, thì không gọi là thuần bàn về lý quán. Đã nói: "Thuần nói về lý quán", nếu hoàn toàn đồng với phụ pháp quán trong Tịnh Danh Sớ, vậy thì lại trở thành thuần nói về Thác sự quán. Còn nói: "Trực tiếp hiển bày tâm tánh", nếu cũng có chút Thác sự phụ pháp, thì không gọi là trực tiếp hiển bày tâm tánh. Nhưng Huyền Văn về mười loại ba pháp này, tuỳ ý Thượng Nhân khéo léo cứu văn nhiều cách, rốt cuộc không thể đồng với Sự pháp quán trong Tịnh Danh và Quán Âm Sớ. Nếu trở thành Sự pháp quán, thì hoàn toàn không trở thành thuần nói về Lý quán, lại không trực tiếp hiển bày tâm tánh.

Nay tôi nêu ra để vặn hỏi Thượng Nhân phế bỏ nghĩa Quán tâm, như phá bọn giặc cướp. Thuần nói về Lý quán, trực tiếp hiển bày tâm tánh, là hai bức thư đầu tiên của Thượng Nhân, lập ra nghĩa lý tông nguyên. Nếu hai nghĩa này thất bại, thì chủ tướng trong quân giặc đã bị giết, đồng bọn còn lại đó, không đánh mà sẽ tự tan.

Lẽ nào không phải Thượng Nhân chú trọng lập nên Huyền Văn này đã thuần nói về Lý quán, vì đã trực tiếp hiển bày tâm tánh, nên có thể phế bỏ phụ pháp tướng quán ở văn sau. Nay đã tự nói: "hoàn toàn

là Sự pháp quán", thì đã thú nhận không phải là thuần nói về Lý quán, thì Phụ pháp quán môn về sau đâu thể vội phế bỏ.

Huống chi nghĩa trạng bây giờ, thường tự khiến cho người thực hành thâu nhiếp pháp quy về tâm để tu quán hạnh. Văn này rõ ràng thú nhận rằng mười loại ba pháp này không phải là Sự pháp quán, sao có thể một bề chấp rằng hoàn toàn đồng với Sự pháp quán trong Tịnh Danh và Quán Âm Sớ được? Bởi trong văn của hai sớ kia, hiển bày rõ ràng hai loại quán môn, vả lại không phải người thực hành tự mình lập ra quán pháp.

Bởi Thượng Nhân không lãnh hội được ý của Quán tâm, phá bỏ càn rỗi đối với Quán tâm chân giáo, tội lỗi đã sâu dầy, nhất định các bậc Thánh trách phạt lỗi lầm đang đến gần, liền khiến cho tâm thức mê muội để lập ra nghĩa lý trái ngược lẫn nhau. Tâm hạnh đã lộ rồi, tội lỗi càng rõ ràng, phải mau chóng ăn năn hổ thẹn sữa đổi cái cũ, thuận theo cái mới; nếu tiếp tục cố chấp giữ lấy sự tà vạy, trống rỗng, ra sức phá bỏ chánh giáo, thì lưỡi nát trong miệng, chắc chắn không chỉ một đời. Suy nghĩ kỹ càng, hãy suy nghĩ kỹ càng ! Hy vọng hồi âm mau chóng !

THỨ CHÍN: KHÔNG GIỎI VỀ TIÊU VĂN.

Diệu Huyền bảy khoa cùng giải thích, để phát khởi năm tâm, nhưng khoa Quán tâm, khiến vừa nghe liền tu để phát khởi tâm tinh tiến. Trong Thích Tiêm giải thích rằng: "Nghe bất cứ một câu nào, thâu nhiếp Sự trở thành lý, không đợi đến quán cảnh, mới gọi là quán Tâm pháp" Trong Ngũ Nghĩa Thư, Thượng Nhân cho rằng đây là dạng thức của Quán tâm, mới bỏ văn "không đợi đến quán cảnh", không cần ấm cảnh, ý cho là: Chỉ thâu nhiếp sự tướng, pháp tướng, quy về nối tiếp chân lý, thì đó là Quán tâm, không cần nhờ cậy vào âm nhập để tu quán.

Đây là do Thượng Nhân không biết, nói pháp nhờ vào tư tưởng. Rõ ràng phát khởi năm tâm, chính là đầu tiên lập nên ý của Chánh Thích, cho đến chánh văn bảy khoa trong Quán Tâm Giải Thích, chẳng hề không cần đến ấm cảnh. Quán năm dặm, hoàn toàn nương vào ấm tâm, cho nên nói tâm như huyễn hoá, nhất tâm thành quán, chuyên giáo sang tâm khác, một ấm thuộc về Sắc, bốn ấm thuộc về Tâm, ba cõi không có pháp nào khác nhau, chỉ là một tâm tạo tác, lập ra ấm cảnh, rõ ràng như vậy, sao có thể trong năm tâm phát khởi mà trừ bỏ không cần đến ấm cảnh được? Đem điều này để kiểm chứng, thì Thượng Nhân hoàn toàn không hiểu, không xem, không học, do đâu mà vội vàng

muốn nói về ý phế lập giáo quán?

Đã bị Phúc Vấn Thư nêu ra các văn Chánh Thích ấm cảnh đó để tiếp tục chất vấn, nghĩa đó đã thất bại, tưởng rằng không giỏi tiêu văn nên sai lầm văn cú về sau, trong mười sáu tháng, hằng ngày suy tính trăm phương ngàn kế, chỉ nhằm vào các cách nào có chút quanh co mà có lợi (chuyển thân đắc xứ) để khéo léo tìm đường chống cự. Vì thế nghĩa trạng bây giờ, chuyển sang thể hiện bỏ văn "không cần chọn lựa nêu rõ thức tâm".

Vả lại, vì tôi trưng dẫn chất vấn trước sau, biết tu quán phải nương vào ấm tâm, vì thế cho nên bây giờ khéo léo tạo ra hai hạng người tu lâu và mới tu, tiêu văn chép: "Tu lâu tức là đã từng nương vào Chí quán, đích thực y cứ theo thức ấm, quán ba ngàn ba đế đã xong rồi, cho nên bây giờ trải qua sự pháp mà thành quán, không cần phải tiếp tục chọn lựa thức tâm để quán, cho nên nói không cần quán cảnh. Mới tập tức là đã thấy nhiếp các sự pháp lâm quán, mới không có sai lầm về "trệ giáo trước sự", thì biết rằng ý nương vào Giải dễ phát khởi hạnh, chắc cắhn là muốn tu tập, phải nương theo Chỉ Quán v.v...." do sự cứu vãn vòng vo này, càng thấy Thượng Nhân thật sự không không giỏi văn.

Hơn nữa, trong Thích Tiêm vốn không đợi đến quán cảnh, khởi tâm tinh tiến, vừa nghe liền tu, vì sao y cứ theo tu lâu và mới tu, nhất định cần đến cảnh quán, mới gọi là Tạo tu? Cho nên trái với văn thấy trong Diệu Huyền và Thích Tiêm. Đã nói rằng tu lâu là sử dụng Chỉ Quán để chọn lựa nêu rõ ấm cảnh, hiển bày tâm của ba ngàn ba đế, mới thâu nhiếp được Sự pháp tu quán bây giờ; vậy thì phải đợi đến khi giảng giải xong về quán cảnh của Chỉ Quán, mới có thể thâu nhiếp Sự pháp tu quán này, sao gọi là không cần đến quán cảnh được?

Vả lại, tạm thời cho dù tu lâu, đã luyện tập tường tận đối với cảnh quán trong Chỉ Quán, nghe đến quán Sự pháp này, thì có khả năng dùng tâm tu tập vốn có để tu, không đợi đến Huyền Văn thường nêu bày về cảnh quán.

Vả lại, như người chưa tu tập Chỉ Quán, đã không có tâm chánh quán, thì đối với hai quán Sự - Pháp này, hoàn toàn không thể vừa nghe liền tu. Còn nói chắc chắn muốn tu tập thì phải nương vào Chỉ Quán, cho nên phải đợi đến Chỉ Quán lựa chọn nẻo ấm cảnh, phải đợi đến Chỉ Quán nêu bày ba ngàn lý cảnh mới gọi là tu quán, thì hoàn toàn trái với câu"không cần đến quán cảnh, vừa nghe liền tu", làm sao có thể lấy "phải đợi đến quán cảnh" để sử dụng bỏ đi "không cần đến quán cảnh", lẽ nào chẳng phải đối diện với tà giáo mà sửa đổi chánh thuyết

hay sao? Như vậy thì còn hiểu xem học hay không? Còn có thể bỏ văn hay không?

Nghĩa lập bày đến đây, bỗng nhiên trở lại vối tông giáo, tà thuyết hiển bày rõ ràng, có thể không bàn luận huỷ báng chính giáo thì trời trách, quỷ mắng hay sao? Vả lại, đây là chánh nghĩa của Quán tâm, hợp lại hiển bày rõ ràng bao đời, kiến cho Thượng Nhân đặc biệt dẩn giáo văn ấy, chứng minh về sự “không cần tìm kiếm quán cảnh của Chỉ Quán, vừa nghe được Sự - Pháp quán môn thì có thể tu tập ngay”.

Thượng Nhân còn nói: “Nếu không xem Chỉ Quán, thì không có kiến giải trọn vẹn để thâu nhiếp đối với Sự - Pháp, nhập ấm thức tâm, quán sát ba ngàn lý cảnh”.

Bởi lẽ, Thượng Nhân xưa nay không nghe các thiện tri thức lúc nào cũng sách tấn quan sát. Cho dù nghe giảng nói, cũng chỉ là đối với khoa nghi, mở ra đọc mà thôi. Còn đối với người tự xem, nói chung sẽ cho rằng phải tự mình xem Chỉ Quán, tức là có thể đem tâm chánh quán kia để tu sự pháp quán.

Nếu dùng cách hiểu về Chỉ Quán của Thượng Nhân, liệu còn có thể thâu nhiếp để bây giờ tu Sự pháp quán hay không? Đã không biết Lý quán là y cứ theo Hành của mười thừa như Thường ngồi, v.v...., lại xem ngồi thẳng niệm thật tướng, cho là Viên bàn pháp tánh; lại không nhận biết được ấm sở quán, liền cho rằng chân tâm chẳng phải nhiễm, chẳng phải tịnh, và nhận lầm rằng tâm tuỳ theo tịnh duyên mà thành tựu quả Phật. Lại không phân biệt được sự tạo và Lý tạo, lại không giải thích được Nội cảnh và Ngoại cảnh, lại không lảnh hội được ý nghĩa Quán tâm, nên cho rằng chỉ nói về Phật pháp, là trực tiếp hiển bày tâm tánh, lại không biểu rõ phẩm vị của Quán tâm, khiến chứng được năm phẩm, mới nương vào hai cảnh để tu quán. Nếu gặp được thầy lành bạn tốt chỉ dẫn tuyền thọ, chung quy sẽ không sai lầm như vậy.

Thượng Nhân không cho cái thấy này là tâm chánh quán hay sao? Nghĩ rằng đem tâm này trải qua Sự pháp mà tu quán ư? Nên biết rằng: những điều này thật khác với chánh giải, rất trái với Chánh quán. Xem xét tìm tòi trong Chỉ Quán như vậy, có những lợi ích như thế nào?

Phải biết rằng: Muốn thực tập giáo quán của tông này thì nên gần gũi thiện tri thức, thông suốt tất cả Huyền Sớ của một tông phái, hiểu biết sâu sắc về Chỉ Quán của ba bộ. Như lúc giải thích về Diệu Huyền đến chổ nói về quán Sự - Pháp, thì phải chú ý giữ lấy ý quán cảnh của Chỉ Quán, chỉ dẫn truyền thọ cho người thực hành, làm cho họ vừa nghe liền tu tập. Người có khả năng tu tập như vậy, lẽ nào cần đến giáo văn

của Chỉ Quán thường xuyên nêu bày Diệu cảnh, mới khiến cho người thực hành tu quán hay sao? Chỉ cần tuỳ theo sự giải thích về quán môn Sự - Pháp, đều đem ý của Chỉ Quán đã thành tựu, khiến cho người lắng nghe và tu tập, tuỳ theo đó mà nghe được một câu về Sự - pháp, liền thâu nhiếp quy về một niệm thức tâm, tu quán để hiển lý, không cần người thực hành tự mình tiềm hiểu văn Chỉ Quán, không cần thường xuyên giải thích về Chỉ Quán mới bắt đầu tu tập.

Vì thế trong Diệu Lạc sau phần giải thích về quán Sự - Pháp nói rằng: “Dưới đây nêu văn Chỉ Quán, khiến cho người giảng giải truyền thụ, dùng cái rộng để quyết định cái sơ lược”. Sao có thể vặn hỏi rằng: “Nếu không xem Chỉ Quán, làm sao biết ba ngàn Diệu cảnh được?“ Nếu tự xem Chỉ quán, thì sẽ tu quán; vì sao trong năm duyên đầy đủ, phải gần gũi thiện tri thức để được chỉ dẫn truyền thọ?

Nên biết rằng chỉ gặp được thầy lành, thật ra không cần tự tìm hiểu Chỉ Quán, quả thật không cần thường xuyên hiểu rõ cảnh quán của Chỉ Quán, chỉ tuỳ lúc nghe được một câu về Sự - Pháp quán tâm, thì sẽ nương theo đó để tu quán. Nếu không gặp được thầy lành, tự tìm hiểu về Chỉ Quán, cũng có thể tu tập; nhưng cũng không trở ngại gì đối với người có túc duyên mạnh mẽ, vừa mở văn ra đó, bỗng nhiên sáng tỏ chứng đạt sâu sắc, đâu chỉ là tu tập?

Nay y theo “không gặp được thầy lành” của Thượng Nhân, tuy tìm hiểu về Chỉ Quán mà hoàn toàn mê mờ về đại tiết, cho nên không thể dùng kiến giải ít ỏi này để tu quán. Huống chi người thực hành nghe về Sự - Pháp quán môn, nếu tiếp tục tự tìm hiểu Chỉ Quán, thì tự mình nương theo ước Hành quán pháp để tu tập, sao không chỉ ở sau Sự tướng và pháp tướng, nêu rõ rằng: Tu quán nói trong Chỉ Quán? Đâu cần phải lãng phí từ ngữ để y cứ theo Sự - pháp mà nói về Quán môn?

Vả lại, lúc Đại Sư giải thích về Diệu Huyền, tạm thời chưa nói đến Chỉ Quán, lẽ nào người thực hành lúc bấy giờ, nghe giải thích về Sự - pháp quán môn, không lập tức tu quán, mà đều phải đợi đến Ngọc Tuyền?

Nếu tiếp nhận khẩu quyết của Đại sư, cũng chỉ là khơi thông cái che lấp trong quán Sự - pháp. Đại sư đã chứng đạt sâu sắc về mười cảnh mười quán, có thể dùng khẩu quyết chỉ bày cho người. Người truyền bá chấp trì sau khi Đại Sư diệt độ, nếu sáng tỏ pháp môn Chỉ Quán, tại sao không thể chỉ bày kiến giải của mình, cho người mới tu học?

Do đó, kinh Khê nói: “Nếu cuối cùng không có thầy lành thì nên đem văn này đến chốn thiền lâm, kiểm chứng tướng thiện - ác”. Lại nói:

"Nếu gần gũi thầy lành thì phải hỏi han về những thắc mắc mà thầy lành đã chỉ bày cho người tu hành thời cận đại, lẽ nào khiến cho gần gũi Đại Sư Trí Giải hay sao? Và trong Thiện Tri Thức nói: "Hành giải đầy đủ, công đức ở đó". Nghĩa là lợi ích cho ta, chỉ ở sự hiểu biết, cho nên nêu ra "năng khuyết pháp chuyển nhân tâm". Còn trong Hỗ Phát nói: "Nếu thấu đạt ba đế, đâu chỉ làm bậc thầy Phương Đẳng cho thế gian". Do đó, những lời như vậy là vì khiến cho người tu hành gần gũi bậc sư phạm, không dạy tự mình đọc văn đó, để rồi lấy tà làm chánh.

Vì Thượng Nhân không lãnh hội được ý này, sai lầm đem "phải xem xét tìm hiểu về Chỉ Quán quán cảnh", để bỏ đi văn "không cần quán cảnh". Vả lại, chỉ thấy "thâu nhiếp sự trở thành Lý", mà không biết "thâu nhiếp sự đi vào ấm tâm để trở thành Lý quán". Cũng vì vốn không có thầy lành chỉ dẫn truyền trao, nên thường giữ lấy văn giản lược, chỉ cho rằng "thâu nhiếp Sự - pháp nhập lý" mà thôi, cũng cho rằng "nhập lý chính là quán tâm".

Bởi tiếp theo Thượng Nhân đem chân tánh để giải thích tâm, tôi tạm thời vì đề phòng kế sách này, cho nên dẫn văn "Lý quán chỉ thấu đạt pháp tánh" trong Nghĩa Lệ để bày tỏ, lẽ nào không đúng? Văn kia tuy nói "thấu đạt ấm tâm", nhưng lý quán đã thích hợp với đoan toạ mười thừa, há không thấu đạt ấm thức là pháp tánh hay sao?

Thượng Nhân cho rằng tôi dẫn ra văn này, càng thêm đáng cười. Vì sai sót nào mà cho là thật đáng cười? Lẽ nào có thể trả lời không được, chỉ cười mà thôi sao? Dẫn văn này làm bằng chứng, chẳng phải cố nhiên.

Vì Thượng nhân trong Đáp Nghi Thư, thường nêu văn này để chứng minh "Viên bàn pháp tánh" thuần là Lý quán, lẽ nào hoàn toàn không thấu đạt ấm thức là pháp tánh, chỉ giữ lấy hai chữ Pháp Tánh, liền cho là Lý quán hay sao? Hoàn toàn không hiểu cái năng đạt là mười thừa, sở đạt là ấm thức, sở hiển là pháp tánh; huống chi thấu suốt văn, còn không hiểu được ý tứ của ngôn từ, ấm thức đã giản lược, do đâu mà biết chắc? Vì sự mông muội này, nên đem quả Phật làm pháp tướng, vọng cho là Lý quán mười thừa. Xin không nên cười văn đã dẫn ra, vì cười người trước sau sẽ kêu khóc, tại sao đã đè ép "ước hành quán Pháp bất y ấm thức" kia, thì quán chẳng có nơi nào nhờ cậy, lý chẳng có nơi nào hiển bày, mới sử dụng nghĩa sai trái đó để phá bỏ Quán tâm. Đã huỷ báng Phương Đẳng Chân giáo, pháp nói là phi pháp thì đời sau chắc chắn chịu cái khổ bị cày lưỡi, hiện tại lại nhiều nỗi lo lắng nghi ngờ về giáo pháp, làm sao có thể trong cái khổ mà tự tạo ra cái vui, bao phen

vỗ tay cười gượng như vậy? Nếu y theo tà thuyết trước sau của Thượng Nhân, thì tất cả đều giỏi về văn tĩnh lược, nay tạm thời dựa vào một đôi điều tĩnh lược này để nêu rõ tội lỗi ấy.

Như trong Phụ Hành nói “Chỉ quán xét Lý đầy đủ”, cho nên Thượng Nhân lấy “không chỉ quán xét Lý đầy đủ” để lược bỏ; Trong Bốn Niệm xứ bảo phải“chú trọng quán xét nội tâm”, liền “lược bỏ không chú trọng quán xét nội tâm”; Huyền Văn này nói về “quả Phật pháp tánh”, liền dùng “thuần nói về Lý quán để lược bỏ; “đách thực nói về Phật của pháp tướng“, thế là lược bỏ“trực tiếp hiển bày tâm tánh”; “Diệu Huyền dứt bặt ba pháp”, cho nên đem lược bỏ“Sự quán cách biệt”; “Chỉ Quán vọng nhiễm ấm thức”, cho nên lược bỏ“chẳng phải nhiễm - chẳng phải tịnh”; “tất cả ba pháp ly hợp trong môn bất nhị”, liền lược bỏ“chỉ lấy ba nhân”. Như vậy, giáo quán của một tông phái, cuối cùng vì sự hiểu biết vòng vo, mà lược bỏ điên đảo, đến nỗi phá bỏ hay lập ra hoàn toàn không có nguyên nhân gì.

Do Thượng Nhân dẫn chứng văn này trong Thích Tiêm, thì làm cho nghĩa do chính mình lập nên đều bị phá đổ.

Vì sao? Vì há không phải đem văn “không cần đến quán cảnh”, muốn thành tựu quán sự - pháp không mà nương theo ấm cảnh hay sao? Văn này đã là ý của một cách giải thích trước khi nêu Quán tâm, cho đến trong phần chính thức trình bày về Quán tâm, rõ ràng phải nương vào ấm cảnh, vậy thì nghĩa không nương vào ấm cảnh tự nhi6n thất bại.

Thượng Nhân lại chuyển đổi suy nghĩ, không cần chọn lựa ấm làm cảnh, vả lại trong Quán tâm giải thích, bao gồm đầy đủ ý chọn lựa ấm, đã như trước đây không nhận biết được tâm sở quán, trong đoạn nói quanh co, nay không nói lại làm gì.

Thượng Nhân vốn nghĩ rằng hai quán Sự - Pháp, hoàn toàn không lựa chọn nêu rõ ấm tâm, vì dẫn ra văn này, lại thành hai quán có nghĩa chọn lựa ấm cảnh, có thể không phải nghĩa của chính mình tự phá hoại hay sao? Thượng Nhân vốn cho rằng Sự quán, Pháp quán là không thể tu tập, trong văn có nói “không cần phải quán ấm”, lại nói “vừa nghe liền tu để khởi tâm tinh tiến”. Nghĩa “không cần đến ấm cảnh”, đã phá bỏ hoàn toàn điều đó, phải là cảnh “không đợi đến Chỉ Quán”, thường trình bày về Diệu quán”. Đã khiến không cần đến, lại khiến lập tức tu, đích thực là “không cần đến Chỉ Quán, lập tức tu Sự quán và Pháp quán”.

Vả lại, cho dù Thượng Nhân chuyển đổi suy nghĩ, đem “không

cần lựa chọn nêu rõ ấm cảnh" để giải thích điều đó.

Thượng Nhân vốn chấp các văn về hai quán Sự - Pháp, xem xét "không chọn ấm cảnh" thì không thể tu tập; tại sao văn này, không cần đến quán cảnh, liền khiến tinh tiến tu hành? Đã nói là cách thức của Quán tâm, xem xét biết rằng: Các văn nói về hai quán Sự - Pháp, tuy không chọn lựa nêu bày ấm cảnh, nhưng đều phải tinh tiến mà tu. Có thể nào chẳng phải nghĩa của chính mình tự phá hỏng hay sao? Lại nữa, các văn không chọn lấy ấm cảnh, vẫn có thể lập tức tu, nay Huyền Văn này bỏ ba quán một, đã chọn lấy cảnh, làm sao có thể từ chối chẳng phải tu pháp?

Vả lại, cho dù người chọn cảnh đã từ lâu am tường về Chỉ Quán, lúc nghe đến Sự - Pháp quán này, không cần Huyền Văn chọn cảnh, có thể sử dụng cảnh quán từng luyện tập để tu.

Chỉ như người chưa hề luyện tập Chỉ Quán, vì sao đặc biệt khiến không cần chọn cảnh, tinh tiến mà tu vậy?

Hơn nữa, Diệu Huyền vốn là trước khai bày diệu giải, đối với người chưa luyện tập Chỉ Quán, giải thích rất nhiều, đâu thể chỉ giải thích đối với người luyện tập đã lâu được?

Đều vì Thượng Nhân không được danh sư chỉ dạy, thì nhất định là không thao giữ lấy ý của văn tỉnh lược, dẫn văn để phá hoại người khác; nay lại phá hoại nghĩa của mình, cũng là do huỷ báng tiêu diệt chánh giáo nên các bậc Hiền Thánh không tha thứ, tuy không nôn ra máu nóng, nhưng lại dạy cho đồ chúng tăng thêm điều ác rõ ràng, mong mau chóng ăn năn tội lỗi, đừng để cho sau này hối hận không kịp. Tin hay không tin, hy vọng trả lời ngay!

Nhưng còn Cật Nạn Thư, tự hỏi về thuần nói về Lý quán không nương vào ấm tâm, mới là đích thực cật vấn đề ước thành quán pháp như Thượng ngồi, v.v...., sao không phân biệt nêu rõ ấm tâm làm cảnh, sao không trình về bày mười thừa ba quán? Cho dù nghĩa này của Thượng nhân thành tựu hoàn toàn cũng đâu thể cứu vãn được ước hành vô cảnh, huống chi hoàn toàn thất bại ư?

Thượng nhân muốn lập nên mười loại ba pháp, đã là ước hành quán, cho nên không cần đến phụ pháp quán tâm. Nay xem xét các nghĩa thì hoàn toàn không phải ước hành quán. Tông chỉ năng phá Quán tâm đã thất bại, nghĩa sở phá nào tồn tại gì? Nên biết rằng: Mười khoa Quán tâm, là do Đại Sư tự nói ra, là nơi y cứ của Diệu Hạnh.

THỨ MƯỜI: KHÔNG CHỊU KHÓ NGHIÊN CỨU LÝ

Kinh Pháp Hoa sinh ra các giáo như trên, bởi nó phù hợp với tự hành sở chứng.vả lại, đào tràng sở đắc, lý chân thật tuyệt diệu, bởi căn khí chưa thuần phục cho nên không gặt hái được, nhưng bao gồm chì đối đãi mà nói, cho đến người Nhị thừa tâm dần dần thông thái, Bồ-tát có thể trừ diệt lưới nghi, thì xả bỏ các phương tiện, chỉ nói về Lý viên mãn mầu nhiệm chân thật mà thôi.

Đại Sư hiểu rất rõ ý chỉ của kinh, mới dùng mười Diệu để giải thích chỉ bày, tuy nêu ra các pháp tướng, mà tất cả đều dùng lý viên mãn chân thật của hai Diệu, để dung hoà tiết đoạn.

Vả lại, ba pháp một diệu, là quả đức của tự hành, là lý viên mãn cùng cực của sự chứng đắc, nên gọi là ba quỹ, tức là một pháp Đại thừa, mười phương đều mong cầu, càng không có thừa nào khác, cũng gọi là Đệ Nhất Nghĩa Đế, cũng gọi là Đệ Nhất Nghĩa Không, cũng gọi là Như Lai tạng. Ba quỹ này không hẳn là ba, ba nhưng nói về một, một không hẳn là một, một mà nói về ba, không thể nghĩ bàn, chẳng cùng cũng chẳng khác, "y tự thiên mục", mới đem Lý tuyệt diệu không thể nghĩ bàn của ba và một này, xuyên suốt mười loại ba pháp, mà mỗi ba pháp, đều niệm từ một niệm tâm tánh của phàm phu, y theo sáu Tức để giải thích đến Cực Quả.

Vì thượng nhân hòan toàn không nghiên cứu về lý, nên ở trong Đáp Nghi Thư đầu tiên ghi rằng: "Do Huyền Văn về mười loại ba pháp, trực tiếp hiển bày tâm tánh, đồng nghĩa với Lý quán. Nếu trực tiếp như vậy thì rõ ràng mười loại ba pháp, không dùng pháp tánh để dung hợp, thì lại lập ra khoa Quán tâm, quán xét mười quán trước. Như vậy thì Huyền Văn chỉ dùng ba quỹ, tương tự chung cả mười pháp mà thôi. Họp lại có một cách giải thích về Quán tâm, văn kia điều gì không có thì lược bỏ. Nay Huyền Văn tuy kèm theo mười loại pháp tường, điều đó giống như dùng mười pháp tánh để xuyên suốt. Pháp tánh không ngoài, tức là một niệm Ngã. Nếu nhận thức được một tâm, thì hiểu rõ các pháp, đâu chỉ trong một niệm, nhận thức được mười loại ba pháp, cho đến vô lượng ba pháp? Hoặc ngang hay dọc, bưng bít không soi chiếu hoàn toàn một niệm Ngã, lẽ nào ngoài điều này, lại có pháp tướng không dung hoà, lại phải dựa vào pháp để thực hành quán hay sao? Nên biết rằng: Huyền Văn này vốn bàn luận, chằng những pháp tướng viên dung, mà cũng là lý quán rõ ràng, dựa theo đây mà quán xét, sao cho rằng giáo quán không phân biệt hai lỗi về Giải - Hạnh?" (Từ "Bởi do..."trở xuống đều là văn trong Đáp Nghi Thư, không thêm bớt một

chữ, văn đó đang giữ trong tay”).

Không biết Thượng Nhân dựa theo nghĩa nào mà chắc chắn nói:” Diệu Huyền về mười loại ba pháp, không dùng pháp tánh để dung hợp”?

Kinh Khê nói:” Làm cho giáo văn cả một thời đại dung thông nhập diệu, pháp của người nghiêng về Tiểu thừa, vẫn còn là thông dung nhập diệu do đâu mà mười loại ba pháp của viên giáo, lại không dùng pháp tánh để dung hợp?“ Nếu Diệu Huyền không lấy pháp tánh để dung thông các pháp thì hoàn toàn là sự tướng hữu vi, vả lại hai Diệu dứt đối đãi, nơi nào có thể như vậy? Cho nên tuy nói về Diệu pháp, mà không nói về thường trụ, vì không y theo Lý để n1oi về Diệu.

Huỷ báng Diệu kinh như vậy, thì miệng đó sẽ bị xé rách, lưỡi đó sẽ bị nát vữa. Do đâu mà bênh vực che đậy tà khuyết đó, chấp chặt tà giải đó? Tâm huân tập tạo ra nghiệp chướng, một khi đến nơi này, thật đau xót thay, thảm thương thay!

Nhưng Diệu kinh và kinh này, y theo giáo bộ có dẫn dắt hay không dẫn dắt, khai bày hay không khai bày, mà giải thích về tướng dung thông hay không dung thông, là ở trong Cật Nạn Thư đó. Thượng Nhân bị vặn hỏi, biết rõ rằng nói lời huỷ báng làsai, trong tâm tuy phục mà mặt ngoài không cam chịu, cho nên tạo ra nhiều loại lý lẽ, phân chia giải thích để che giấu. Tuy lãng phí ngôn từ, nhưng điều đó làm sao phân chia giải thích ra được, chống đối che giấu không thể được? Vì sao không phải ý trong Đáp Nghi Thư nói: “Diệu Huyền mười pháp, không dùng lý để dung hợp, cho nên phải lập ra Quán Tâm để dung hợp?” Huyền Văn về mười pháp này, đã dùng Lý dung hợp thì không cần dùng Quán tâm để dung hợp, ý đích thực ở đây, cho nên không có gì che giấu.

Nghĩa trạng bây giờ lại nói vì trong khoa kia trải qua khác nhau, từ thật màkhai quyền, trình bày về ba giáo ba quỹ, và trong tương tự thông suốt, trích dẫn nhiều văn, đồng thời chẳng phải giải thích trực tiếp đối với đề kinh, nghĩ rằng người đọc quên đi quán hành đó, nên nói là hợp lại có Quán tâm.

Vả lại trong Đáp Nghi Thư, tự nói không dùng pháp tánh để dung hợp, hợp lại có Quán tâm quán xét mười pháp trước, khi nào có nói hợp lại lập nên Quán tâm quán xét ba giáo ba quỹ, không hề nói quán xét văn tướng trích dẫn? Như lời giải thích bịp bợm ấy, muốn doạ trẻ con ba tuổi, liệu có chịu tin hay không? Đây chính là công khai lừa dối nhân sĩ bốn phương, bày rõ sự bưng bít các bậc Thánh khắp hư không, còn biết

hổ thẹn chút nào hay chăng? Lại nói Diệu Huyền giản lược từ ngữ của Quán tâm ấy, nghĩa là ba pháp đích thực là một Lý sở quán, huống chi giải thích đầy đủ về tu tánh, nghĩa tương ứng với Quán tâm. Nếu dùng ba pháp xuyên suốt tất cả, nghĩa sẽ dể dàng thấy cho nên giảng lược như vậy. Cho nên Diệu Huyền về mười pháp xuyên suốt pháp tánh, do đâu mà trước đây nói không dùng pháp tánh để xuyên suốt? Lẽ nào không phải trước đây nói không dùng pháp tánh để xuyên suốt, nay lại nói chính là dùng pháp tánh để xuyên suốt? Trước đây nói phải lập nên Quán tâm, nay lại nói không cần phải lập ra Quán tâm? Trước đây nói quán sát mười pháp Viên giáo, nay lại nói quán sát ba pháp ba quỹ, và quán xét vặn tướng trích dẫn thì trước đây nói so với nay nói, rõ ràng trái nhau, rõ ràng là sụp đổ thảm hại. Nếu tâm của Thượng Nhân là quân tử, vì ý của pháp, chắc chắn sẽ cúi đầu khuất phục, bỏ dở theo hay, chung quy không đem từ ngữ vô nghĩa để chống đổi che đậy hay phân chia giải thích. Lỗi lầm huỷ báng pháp đó, đều do không chịu suy xét lý đến chỗ tinh tế. Như vậy những điều đã nói, đều vì không thạo suy xet Lý, mà lại dựa vào những lời nói trong này mà thôi.

Vả lại, ba giáo quỹ trong văn kia, đã y cứ từ Thật mà khai quyền, nhưng giải thích đều cho rằng: “vì thuộc về Như Lai Tạng thì tự nhiên không sinh ra mê đắm”.

Vì sao đã biết là từ một mà khai thanh ba, ba mà không nhất định là ba, nhưng Huyền Văn này lại trực tiếp đem ba giáo, đối chiếu với viên để luận, không nói về Quyền từ Thật mà phát sinh, làm sao tránh được cái chấp khác nhau? Vì sao văn kia lại phải dung hợp quán tâm, văn này lại không dùng Quán tâm để dung hợp?

Lại trích dẫn giản lược, huyền văn này đối chiếu trình bày về ba giáo, lẽ nào không dẫn các kinh luận như A-hàm Đại Phẩm v.v.... để trình bày về mười loại ba pháp trong ba giáo hay sao? Mười pháp Viên giáo, lẽ nào hoàn toàn do đề kinh tự nêu lên, không dẫn tử kinh luận mà lập nên hay sao? Nếu nói về chỉ số, Huyền Văn này lại quá nhiều, vì sao không dùng Quán tâm để suy xét, lại trực tiếp dựa vào đề kinh để nói về mười pháp? Vì nói rằng dùng pháp tánh để dung hợp, lẽ nào Diệu Huyền về ba pháp không dựa vào đề mục của Diệu Pháp hay sao?

Huống chi văn kia dựa vào Diệu pháp, là y cứ theo pháp mà lập nghĩa; Huyền Văn này dựa vào Kim Quang Minh, là y theo dụ mà lập thành nghĩa, do đâu mà dựa vào vàng của thế gian, lại là pháp tánh xuyên suốt, dựa vào Diêu Pháp mà không thể dùng pháp tánh để dung

hợp? Những lý lẽ điên đảo như vậy, chắn chắn là do ác quỷ nhập tâm, điên cuồng mê muội mà nói, thật sự không phù hợp vói tài nghị luận của Thượng Nhân. Đã có tâm hạnh xấu ác như vậy, nhưng rốt cuộc không chịu bẻ gãy ngọn cờ khinh mạn, cuối cùng không chịu tin theo chính nghĩa. Chỉ tiếc cho chánh giáo bị tà thuyết điên đảo làm hỗn loạn, lại vì thương cho đời sau gặp phải tà ngôn mê hoặc rối bời, vì lẽ đó nên lược dưa vào nhiều nghĩa, trình bày rõ ràng về nội dung chính ấy mà thôi.

Thượng nhân còn nói: “Mười loại pháp tướng cùng lấy Pháp tánh để xuyên suốt, Pháp tánh không ngoài, chỉ trong một niệm Ngã, cho đến vô lương ba pháp, quán chiếu ngang dọc, Chính là nói: Nên biết rằng Huyền Văn này vốn bàn luận, chẳng những pháp tánh viên dung, mà còn là Lý quán rõ ràng v.v....”.

Chánh Thích về mười loại ba pháp, chỉ dùng pháp tánh sau khi đắc đạo, bao gồm trong khi đắc đạo và trước khi đắc đạo, chính là đích thực nói về Phật pháp sâu xa, nhưng thật ra chưa nói đến tâm pháp. Vì Thượng Nhân vốn không biết Tâm - Phật cao thấp là hai pháp không giống nhau, cho nên vội nói rằng: Pháp tánh không ngoài, chỉ trong một niệm ngã, mà thâu nhiếp các pháp vào tâm, quán chiếu ngang dọc. Liền cho rằng huyền Văn này, chẳng những pháp tánh viên dung mà còn là Lý quán rõ ràng.

Vì thế trong Cật Nạn Thư hỏi:”Một niệm tâm pháp, chính là cảnh Nội quán, nhưng vẫn cần đến giáo văn tự minh lập ra, không thể thêm thắt xằng bậy, lẽ nào có thể trở thành nghĩa của mình, liền tùy ý biên soạn vòng vo hay sao? Vả lại, như mười khoa của Chánh Thích, không thấy nói sơ lược về một niệm, làm sao có thể tự dung hợp tự quán chiếu thành ra tà thuyết?”

Thượng Nhân gặp phải nạn này, mới chịu tỉnh ngộ đôi chút, mới biết là Chánh Thích và phân biệt, không hề thâu nhiếp quy về tâm, không hề dùng quán để soi chiếu, nghĩa là rõ ràng lại thất bại, thế là trong hai năm, khéo tìm đủ phương cách nêu ra hai hạng người thực hành là tu lâu và mới tu, người tu lâu thì tự mình có thể thâu nhiếp quy về tâm quán chiếu ngang dọc; người mới tu thì tự mình đối với chỉ quán mà tu tập Lý Quán. Nghĩa giải thích như vậy, sẽ giống như trò đùa của trẻ con, thì Huyền văn này khác nào văn không nói về chỉ quán đã lâu, tự mình đem giải thích dung hợp soi chiếu, thì mười pháp giống như thứ lớp của pháp giới chỉ giải thích về danh tướng Đại - Tiểu mà thôi. Huống hồ, đầu tiên trong văn về thứ bậc của pháp giới, Đại Sư nói hữu

vi thành ba quán, người học hãy y theo giới mà tu tập. Đầu tiên trong Chánh Thích của Huyền văn này, Đại Sư chỉ nói nay dùng Tin - hiểu phân biệt, người học y theo ngôn giáo mà tu quán hạnh này?

Thương Nhân vốn lập ra Huyền Văn về mươi loại ba pháp này, thuần nói về Lý quán, trực tiếp hiển bày tâm tánh, vượt hẳn Diệu Huyền về mười pháp, nay lại hoàn toàn đồng ý với thứ lớp của pháp giới và danh tướng Nhị thừa, phàm phu. Văn kia tuy có Đại thừa pháp tướng, lẽ nào người học ba quán, không dùng pháp tướng Tiểu thừa phàm phu trải qua tâm mà tu quán hay sao? Nhưng lại mở rộng nói cho hai hạng người thực hành, rõ ràng là Thượng Nhân đã nói dối, vì sao trong Đáp Nghi Tu trình bày rõ rằng: "Vì Huyền Văn trực tiếp hiển bày tâm tánh, cho nên trong một niệm tâm dung hợp các pháp tướng, để quán chiếu dọc ngang?" Lại tự nói:"Nên biết rằng Huyền Văn này vốn nói chẳng chững pháp tướng viên dung mà còn là Lý quán rõ ràng". Đã nói Huyền Văn trực tiếp hiển bày, lại nói Huyền Văn này vốn bàn luận, sao bây giờ ngang nhiên chuyển đổi, ngườ thực hành tự mình thâu nhiếp tướng quy về tâm, tư mình đối với Chỉ quán chiếu dọc ngang? Lại nữa, vốn lập ra Huyền Văn này thuần nói về Lý quán, sao lại nói đích thực nói về phụ pháp, bao gồm nói về lý quán? như vậy đem giáo pháp đến chỗ khinh mạn suông rỗng, đối với các bậc Thanh lại nói dối, thêu dệt, là vì không có quả báo đời sau hay vì không thấy quả báo? Nếu xét một đoạn tà thuyết này trong Đáp Nghi Thư, sợ rằng Đại Sư có bốn thứ biện tài, dùng hết kiếp sống để tường trần thì lỗi lầm hủy báng pháp lừa dối tâm đó cũng không thế nào hết được.

Thiết tha mong mỏi Thượng Nhân, dựa vào lý để hồi tâm, tu đạo công đức để bù đắp lỗi lầm, cùng nhau giúp cho chánh giáo, xa thì làm lợi ích chúng sinh, có thể an nhàn được hay không, hy vọng mau mau hồi đáp! Nơi nào có trả lời là kinh Vương đủ thấy tâm lừa dối, đáp lại là Dương thể càng biết rõ thay mưu, Quán - Thể của hai kinh tự mình nói trái nhau, Giáo - Văn của hai đã nhiều lần không trả lời, không thể vặn hỏi quanh co, tạm thời nói ra như trước. Mong Thượng Nhân, nghĩ đến nỗi khổ triền miên của ba quả báo, nhớ về sự biến thúc đẩy của một đời người, xả bỏ ngã kiến, thuận theo pháp môn. Đừng cho rằng Thầy tổ đã lâu giữ lấy kiến giải này, đã không gặp hiện báo, mới cùng nhau bắt chước mà tiếp tục thực hành. Tất nhiên là đương thời không nghe chánh nghĩa, quả thật ấp ủ cái thấy của mình, chắc chắn tâm không hề dua nịnh. Hoặc e rằng trước nêu rõ tà tông, muốn cho về sau rạng ngời chánh thuyết? Nay Thượng Nhân gặp chánh đạo, thì phải đổi mê tông;

nếu như trái với tự tâm, chắc chắn sẽ phải chịu ác báo. Thường vâng mạng cố gắng, bao lần hưng khởi nói năng, chỉ muốn làm rực rỡ tổ tông, sợ rằng Thượng Nhân không nghĩ đến quả báo đời sau. Lại chẳng nên kéo dài thời gian luống qua vô ích, mong mỏi mau chóng nêu bày! Thành thật đôi dòng qua loa, không thể quyết đoán trọn vẹn

Tỳ-kheo Tri Lễ ở viện Diên Khánh kính lễ.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

GHI CHÉP VỀ GIÁO VÀ HẠNH CỦA TÔN GIẢ TỨ MINH

SỐ 1937
(QUYỂN 1 → 7)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1937

GHI CHÉP VỀ GIÁO VÀ HẠNH CỦA TÔN GIẢ TỨ MINH

Sa-môn Tông Hiểu ở Thạch Chi thuộc Tứ Minh biên tập.

QUYỂN 1

LỜI TỰA

Đại sư Trí Giả thuộc tông Thiên Thai, ở giữa hai nước Trần và Tùy, Ngài ngộ Toàn Đà-la-ni của Kinh Pháp Hoa, nối pháp tông pháp tánh, dùng biện tài vô ngại mà phân chia giáo pháp của các Đức Phật trong ba đời, khai sáng Giáo quán tông, đến nay mọi người vẫn còn vậy theo. Ngoài ra Ngài còn đặt các pháp sám hối, cùng những bài văn khắc trên bia mà hai triều vua đã sắc phong, đệ tử Ngài là Thiền sư Chương An bèn tập hợp lại thành sách, đặt tên là "Quốc Thanh Bách Lục", đặc biệt được Hoàng đế Nhân Tông cho phép đưa và Đại tạng, cùng lưu hành với Kinh Phật, hầu như không còn bỏ sót. Tổ sư của chúng ta mở mang đạo pháp khắp sáu mươi châu, hưng thạnh vào đời Tùy, Đường và suy yếu vào thời Ngũ đại, nhưng pháp thì không có lúc kết thúc, người học theo thì được lợi ích, như chùa Thiên Phước ở Thạch Phổ có Pháp sư Nghĩa Thông, Ngài đến từ Cao ly. Đi về phía Nam tham vấn ngài Loa Khê, tức Pháp sư Hy Tịch ở viện Loa Khê của tông Thiên Thai, Ngài đã thông đạt đạo pháp của tông Thiên Thai, và muốn đi mở mang, Đại sư Tiền Công Duy Trị cố lưu giữ lại, và sửa nhà thành chùa lấy tên là Bảo Vân để Sư ở, từ đây đạo tràng hưng thạnh, có hai vị Đại sư có đại thần túc, một là sư Pháp Trí, húy là Trí Lễ, hai là sư Từ Vân, húy là

Tôn Thức, Đại sư Pháp Trí lập đạo trạng tại Diên Khánh, mở mang giáo pháp này, thời ấy tôn xưng là Tứ Minh Tôn giả, Đại sư Từ Vân lập đạo tràng Linh Sơn, người đời gọi là Thiên Trúc sám chủ.

Ngài Từ Vân sinh vào niên hiệu Càn Đức năm thứ hai, tịch vào niên hiệu Minh Đạo năm đầu, thọ một trăm hai mươi tuổi, người cháu năm đời thành lập Kim Viên và truyền bá ở đời.

Sư Pháp Trí sinh vào niên hiệu Kiến Long năm đầu, tịch vào niên hiệu Thiên Thánh năm thứ sáu, cách nay đã hơn một trăm bảy chục năm rồi. Những bài văn do Ngài soạn hoặc ghi chép có hơn ba mươi muôn lời, người đọc đều vâng theo, ngoài ra có một số chương cú giải thích các nghi vấn cho các nhà Nho đến thăm hỏi nhưng đã bị mất hết. Than ôi! Sư nhất tâm giảng sám giữ gìn trong bốn mươi năm, lưng không dính chiếu, những người thích hợp cơ duyên mà thấm nhuần công đức của Ngài thật không thể đếm hết, dẫu tách hết gỗ đá, biên chép trên che lụa, cũng chỉ là một trong ngàn muôn mà thôi.

Tông Hiểu tôi là kẻ hậu học không được như Sư, chỉ là học trò trường làng, trộm xem những lời dạy của Sư, tuy là một lời một chữ, mà tất cả đều là pháp của Phật, há lại để cho tùy ý lẫn lộn hoặc mai một hay sao? Thế nên dốc lòng tìm cầu, và chỉ được hơn một trăm bài, lại phân chia theo loại thành bảy quyển, lấy tên là: “Tứ Minh Tôn giả giáo hạnh lục”. Tứ Minh là tên do người tôn trọng Ngài mà gọi, bởi lúc sống Ngài đã đắc đạo và giáo hóa mọi người, cho nên gọi như vậy. Môn đồ của tông Thiên Thai ai cũng y giáo lập hạnh, dùng hạnh hiểu giáo, ngõ hầu giáo và hạnh cùng thành tựu trên đường tu. Sư thường dạy đại chúng rằng: Ta dù đi hoặc ở, hoặc nói hoặc im lặng, đều dùng ý chỉ của giáo quán làm khuôn phép. Thế nên nay dùng chữ giáo hạnh để đặt tên, đây cũng là chí của Tôn giả.

Lớn lao thay! Bản văn này đã hoàn thành, nguyện cùng với tập “Quốc Thanh Bách Lục” và “Thiên Trúc Kim Viên” đứng vững như đảnh ba chân, truyền bá đến đời sau, tiếp nối đạo Tổ. Nếu như có chỗ nào thiếu sót, mong bậc hiền triết đời sau hễ thấy nghe được gì thì thêm vào, đó là đều tốt đẹp.

Tháng 12 năm Nhâm tuất niên hiệu Gia Thái năm thứ hai, Tỳ-kheo Tông Hiểu kính ghi lời tựa.

NIÊN PHÓ VỀ TÔN GIẢ

Hoàng đế Thái Tổ đời Tống lúc mới lên ngôi đã đổi niên hiệu Hiển Đức năm thứ bảy đời Chu Thành niên hiệu Kiến Long, năm đầu

là Canh thân, tháng giêng năm này, Thái Tổ được vua nhà Chu truyền ngôi, nay xét theo bài minh trên tháp và tập "Toàn Thập Lục" của các môn đồ thì Sư thọ được sáu mươi chín tuổi, thị tịch vào năm Mậu thìn. Nếu dựa theo tập "Hạnh Nghiệp Ký" do Thành Hiến Công đời Triệu soạn thì Sư thị tịch vào niên hiệu Thiên Thánh năm thứ năm, tức là lầm. Nay đi ngược lại từ năm Giáp tý, thì đúng là sự sinh vào năm Canh thân, tức năm Thái Tổ lên ngôi, há chẳng phải là bậc chân nhân ứng vận thì hiền triết giáng sinh sao.

Sư tên húy là Trí Lễ, tự là Ước Ngôn, Hoàng đế Chân Tông ban hiệu là Pháp Trí Đại sư, thời ấy xưng là Tứ Minh Tôn giả, mang họ Kim là dòng dõi của Kim Nhật Ngạc (sách Tây Hán chép: Kim Nhật Ngạc là con của vua Hưu Đồ nước Hung Nô. Di Địch mất nước, bị bắt theo nhà Hán mà rất trung thành hiếu kính, bảy đời làm nội thị. Nhà Hán vốn cho rằng Hưu Đồ là người Kim cho nên ban họ là Kim), đời sau là người ở huyện Ngân, cha Sư tên là húy là Kinh, mẹ là họ Lý, ban đầu vì chưa có con nối dõi nên thành tâm cầu Phật. Một đêm bỗng nằm mộng thấy có vị tăng dắt đứa bé đến nói rằng: đây là La-hầu-la. Sau đó sinh ra Sư và lấy đó để đặt tên.

Năm thứ hai là năm Tân Dậu, năm thứ ba là năm Nhâm Tuất, niên hiệu Càn Đức năm đầu tức năm Quý Hợi, năm thứ hai là năm Giáp Tý, năm thứ ba là năm Ất Sửu. Năm thứ tư là năm Bính Dần, lúc này Sư được bảy tuổi bài minh trên tháp viết: năm lên bảy thì Sư mất mẹ, nghĩ đến công sinh dưỡng không dễ gì báo đáp, nên Sư khóc mãi không thôi, do đây mà nhàm chán thế gian, muốn đi xuất gia. Cha của Sư lấy làm lạ nên không ngăn cản ý chí của Sư, sau đó Sư đến chùa Thái Bình Hưng Quốc làm đệ tử vị tăng tên là Hồng Soạn. Trong bài tựa của tập Thiên Trúc Chỉ Yếu Sao chép: "Sư lúc nhỏ vừa đọc kinh liền đã suy nghĩ ý nghĩa, căn tánh đặc biệt, chẳng phải là căn tánh bậc thượng sao?"

Năm thứ năm là năm Đinh mão, năm thứ sáu là năm Mậu thìn, năm này đổi niên hiệu là Khai Bảo năm thứ nhất, năm thứ hai là năm Kỷ tỵ, năm thứ ba là năm Canh ngọ, năm thứ tư là năm Tân mùi, năm thứ năm là năm Nhâm thân, năm thứ sáu là năm Quý dậu.

Năm thứ bảy là năm Giáp tuất, bấy giờ Sư được mười lăm tuổi, bài minh trên tháp viết: năm mười lăm tuổi Sư thọ giới cụ túc, chuyên nghiên cứu về luật.

Năm thứ tám là năm Ất hợi, năm thứ chín là năm Bính tý, năm nay Hoàng đế Thái Tông mới lên ngôi, đổi niên hiệu là Thái Bình Hưng Quốc năm thứ nhất.

Năm thứ hai là năm Đinh sửu, năm thứ ba là năm Mậu dần, năm thứ tư là năm Kỷ mão, lúc này Sư đã hai mươi tuổi. Tập Hành Nghiệp Ký chép: năm hai mươi tuổi Sư rời quê hương đến Pháp sư Thông ở Bảo Vân và được truyền dạy về ý nghĩa của tông Thiên Thai, mới ba ngày vị Thủ tọa bảo Sư rằng: pháp giới thứ lớp ông phải hành trì.

Sư hỏi: thế nào là pháp giới?

Đáp: Đại tổng pháp tướng, viên dung vô ngại.

Sư nói: đã là viên dung vô ngại thì sao có thứ lớp.

Vị Thủ tọa không trả lời được, Sư ở lại đây một tháng, tự giảng Kinh Bát nhã, mọi người đều kinh ngạc và cung kính truyền tụng.

Năm thứ năm là năm Canh thìn, Tập Bảo Lục chép: Sư ở lại chùa Bảo Vân hai năm, cha Sư bỗng nhiên mộng thấy Sư quỳ trước Pháp sư Thông, Pháp sư cầm bình nước rót vào miệng và Sư liền đốn ngộ ý chỉ.

Năm thứ sáu là năm Tân tỵ, bấy giờ Sư hai mươi hai tuổi, Tập Hành Nghiệp Ký chép: Sư ở lại chùa Bảo Vân đến ba năm, thường thay thế Pháp sư Thông giảng kinh, đọc đến đâu thì hiểu nghĩa đến đó và càng mở rộng sự học của mình.

Năm thứ bảy là năm Nhâm ngọ, năm thứ tám là năm Quý mùi, năm Giáp thân thì đổi niên hiệu là Ung Hy năm thứ nhất, năm thứ hai là năm Ất dậu, năm thứ ba là năm Bính tuất, năm thứ tư là năm Đinh hợi.

Năm Mậu tý đổi niên hiệu là Đoan Củng năm thứ nhất, lúc này Sư ở chùa Bảo Vân đã mười năm, và đúng lúc Pháp sư Thông viên tịch. Thạch Tháp Ký chép: "Pháp sư Thông thọ sáu mươi hai tuổi, tịch vào niên hiệu Đoan Củng năm đầu, đệ tử là Trí Lễ và Tuân Thức cùng kính tiếc bậc cao minh".

Năm thứ hai là năm Kỷ sửu, năm thứ ba là năm Canh dần, năm này đã đổi niên hiệu là Thuần Hóa năm thứ nhất, năm thứ hai là năm Tân mão, lúc này Sư ba mươi hai tuổi và ở đây đang tuyển chọn vị trụ trì. Tập Bảo Lục chép: Năm Tân mão thuộc niên hiệu Thuần Hóa. Sư nhận lời mời và trụ chùa Càn Phù, trải qua bốn lần cúng tế, Sư trụ viện Bảo Ân.

Tập Giới Thệ Từ chép: ta ở chùa Bảo Vân đã gặp chim hạc, bắt đầu dời đến viện nhỏ Tây Thiên chùa Càn Phù (chùa Càn Phù sau đổi thành chùa Thừa Thiên, nay là chùa Năng Nhân, viện nhỏ Tây Thiên nay là viện Pháp Hoa). Ở đây có chỗ ngủ mà không có chỗ thờ, học chúng đến ở cũng không đủ chỗ cho mười người, thật không thích hợp

lâu dài, Sư bèn dời đến góc phía Nam thành Đông. Bài tựa Tập Chỉ Yếu chép: Sư ở Càn Phù giảng pháp, mọi người vui vẻ vâng theo, như các dòng nước chảy về biển.

Năm thứ ba là năm Nhâm thìn, năm thứ tư là năm Quý tỵ, năm thứ năm là năm Giáp ngọ, năm Ất mùi thì đổi niên hiệu là Chí Đạo năm thứ nhất.

Năm thứ hai là năm Bính thân. Tập Sử Thiếp chép: Tháng bảy niên hiệu Chí Đạo năm thứ hai, vị chủ viện là Lãng Hiển Thông giao phó viện Bảo Ân cho ngài Trí Lễ, từ đây làm trụ trì ngôi thường trụ, truyền bá giáo pháp tông Thiên Thai.

Tập Giới Thệ từ chép: vào mùa thu năm Bính thân thì viện đã hư hại nhiều, trải qua hơn mười năm sửa sang, đến năm Kỷ dậu thì hoàn thành, Thạch Công ghi lại sự việc khắc vào bia đá, cho đến năm Nhâm tý thì đã yên ổn cho mọi người đến học, ròng rã suốt mười bảy năm.

Năm thứ ba là năm Đinh dậu. Tập Bảo Ân Viện Ký chép: viện này xây dựng đã lâu, ngày càng hư hại nhiều. Đến niên hiện Chí Đạo thứ ba bắt đầu sửa sang, có vị tăng là Giác Viên cũng phát tâm giúp sức lo liệu. Trải qua mấy năm mới hoàn thành. Điện Phật ở phía trước, nhà Tăng ở phía sau, tất cả đều sáng sủa đẹp đẽ, bên phải có chỗ để kinh và bên trái là phương trượng, tiện lợi cho việc sinh hoạt.

Năm Mậu tuất, Hoàng đế Chân Tông lên ngôi, đổi niên hiệu là Hàm Bình năm thứ nhất.

Năm thứ hai là năm Kỷ hợi, bấy giờ Sư được bốn mươi tuổi, Tập Bảo Lục chép: Từ niên hiệu Hàm Bình năm thứ hai về sau, Sư chỉ chú trọng về sám hối, ngồi mãi không nằm, chân không bước ra ngoài, những người muốn đến thăm hỏi Sư đều không tiếp.

Năm thứ ba là năm Canh tý, năm này gặp hạn hán lớn, Sư và ngài Thiên Trúc sám chủ cầu mưa và có được cảm ứng. Tập Hành Nghiệp ký chép: năm hạn hán, Sư và ngài Tuân Thức cùng thực hành Quang Minh sám để cầu mưa trong ba ngày, nếu trời không mưa thì sẽ đốt một cánh tay để cúng Phật. Chưa hết thời hạn thì trời đã mưa lớn.

Tập Từ Vân Hành Nghiệp Ký chép: niên hiệu Hàm Bình năm thứ ba, vùng Tứ Minh gặp hạn hán, Sư phát nguyện sám hối cầu mưa trong ba ngày, nếu không mưa sẽ tự thiêu cánh tay, quả nhiên lời nguyện của Sư có cảm ứng và trời đã mưa. Thái thú quận ấy lấy làm lạ và khắc vào bia đá chuyện này.

Năm thứ tư là năm Tân sửu, năm thứ năm là năm Nhâm dần, năm thứ sáu là năm Quý mão, năm này Quốc sư nước Nhật Bổn phái tăng

đến vấn nạn. Bài tựa ghép: năm Quý mão, niên hiệu Hàm Bình năm thứ sáu, vị tăng Nhật Bản là Tịch Chiếu đến hỏi Sư về hai mươi bảy điều khác nhau trong giáo môn Thiên Thai, Sư đã dựa vào giáp pháp mà lược đáp.

Năm Giáp thìn, niên hiệu Cảnh Đức năm thứ nhất, bấy giờ Sư được bốn mươi lăm tuổi đã sáng tác tập "Thập Bất Nhị Môn Chỉ Yếu Sao". Lời tựa có chép: Ngày mùng chín tháng giêng năm Giáp thìn, niên hiệu Cảnh Đức thứ nhất.

Năm thứ hai là năm Ất tỵ, năm thứ ba là năm Bính ngọ, năm này Sư đến tham vấn ngài Thiện Công. Bài tựa chép: Tháng mười hai niên hiệu Cảnh Đức năm thứ ba, Trí Lễ cung kính với tâm vì pháp mà tham vấn Thiết Dương Thiệu thượng nhân.

Năm thứ tư là năm Đinh mùi, bài tựa chép: niên hiệu Cảnh Đức năm thứ tư, Tỳ-kheo Trí Lễ cung kính với tâm vì pháp mà hỏi nghĩa với Triết Dương Thiệu thượng nhân.

Năm Mậu thân đổi niên hiệu là Tường Phù năm thứ nhất, năm thứ hai là năm Kỷ dậu, bấy giờ Sư đã năm mươi tuổi, đã xây dựng xong và khánh thành viện Bảo Ân. Tập Giới Thệ Từ chép: Viện hoàn thành vào năm Kỷ dậu. Thạch Công ghi lại sự việc.

Năm thứ ba là năm Canh tuất, năm này vâng theo thánh chỉ mà đổi tên viện Bảo Ân thành Diên Khánh. Viện Bảo Ân xây dựng vào niên hiệu Quảng Thuận năm thứ hai đời Chu, đến niên hiệu năm thứ ba thời Hoàng Triều thì đổi tên là Diên Khánh, niên hiệu Thiệu Hưng năm thứ mười bốn đổi viện thành chùa. Tập Sử chép: Tháng bảy niên hiệu Tường Phù năm thứ ba, vị tăng là Trí Lễ dâng bản tấu xin đổi viện thành chùa, truyền bá giáp pháp Thiên Thai và đến tháng mười thì được chuẩn tấu. Năm thứ tư là năm Tân hợi, năm thứ năm là năm Nhâm Tý, năm thứ sáu là năm Quý sửu, ngày mười lăm tháng hai năm này sáng lập hội niệm Phật, truyền giới. Tháng mười niên hiệu Tường phù, Sư tự thân sáng tác sớ văn, để giáo hóa mọi người, trải qua một trăm chín mươi năm mà không bỏ phế, từ xưa đến nay số người được giáo hóa nhiều không thể biết hết.

Năm thứ bảy là năm Giáp dần, bấy giờ Sư sáng tác tập "Quán Kinh Dung Tâm Giải", cuối lời tựa có ghi rằng: Ngày mùng chín tháng chín năm Giáp dần, niên hiệu Tường Phù năm thứ bảy.

Năm thứ tám là năm Ất mão, năm thứ chín là năm Bính thìn, năm này Sư được năm mươi bảy tuổi. Tập Thập Lục chép: năm năm mươi bảy tuổi, Sư phát nguyện tu Pháp Hoa sám, ba năm viên mãn thì đốt

thân cúng dường kinh, nguyện sinh Tịnh độ.

Niên hiệu là Thiên hỷ năm này thứ nhất là năm Đinh tỵ. Bài minh trên tháp chép: niên hiệu Thiên Hỷ năm đầu năm này Sư tuổi đã cao, bèn dạy các đệ tử rằng: người xưa vì muốn nghe nửa bài kệ mà chịu mất thân, vì một câu mà gieo mình vào lửa, tâm cầu pháp của bậc thánh là như vậy, nay ta không thể biếng nhác để hai tổn thân mạng. Rồi Sư tập hợp mười vị tăng, cùng tu Pháp Hoa sám trong ba năm, khi viên mãn thì đều đốt thân. Bấy giờ, Hàn Lâm học sĩ là Dương Ức và Phò mã đô úy là Lý Tuân Cao, đều là quan võ đương triều, rất kính mến đạo hạnh của Sư và mong thấm nhuần ơn giáo hóa, bèn tâu lên vua và sự được ban cà-sa màu tía. Sau đó, Dương Công gởi thư đến tha thiết mời Sư trụ thế, do đây mà hạnh nguyện không thể thực hiện.

Năm thứ hai là năm Mậu ngọ, năm thứ ba là năm Kỷ mùi, năm thứ tư là năm Canh dần. Tập Thập Lục chép: Niên hiệu Thiên Hỷ năm thứ tư, Phò mã là Lý Tuân Cao dâng Tập Hành Thập Lục lên vua và vua ban cho Sư hiệu là Pháp Trí. Năm này các vị tăng ở kinh thành gồm hai mươi ba vị, mỗi vị làm một bài thơ tặng Sư, và sau đó viết lời tựa khắc vào bản đá, bên bài thơ ghi rằng: Ngày ba mươi tháng chín năm Canh thân.

Năm thứ năm là năm Tân dậu, bấy giờ được sáu mươi hai tuổi, năm này triều đình ban lịnh tu pháp sám hối. Tập Hành Nghiệp Ký chép: Hoàng đế Chân Tông nghe danh tiếng Sư, bèn sai Trung Quýđến chỗ Sư ở và ban lịnh tu Pháp Hoa sám, vua sẽ ban lời tựa. Lúc này có Du Tử muốn hiểu biết về chỉ thú của sám pháp nên Sư chỉ dạy, và Sư đã soạn tập Biệt Hành Huyền Sớ Ký, trên đề ghi rằng: tháng 08 niên hiệu Thiên Hỷ năm thứ năm. Và Sư cũng có soạn tập Quán Kính Diệu Tông Sao, trên đề ghi: niên hiệu Thiên Hỷ ngày mùng chín tháng chín năm thứ năm.

Niên hiệu là Càn Hưng thứ nhất là năm Nhâm tuất, năm thứ hai là năm Quý hợi, năm này Hoàng đế Nhân Tông lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Thánh năm thứ nhất, năm này Sư sáng tác tập: Quang Minh Thập Di Ký, lời tựa ghi: Ngày ba mươi tháng tư niên hiệu Thiên Thánh năm thứ nhất. Sư lại vì Phan Truân Điền mà soạn tập Mộng Ngự, lại soạn bốn mươi hai chương để để khảo thí các học trò, và trả lời mười câu hỏi Phật pháp về Thiền Tông.

Năm thứ hai là năm Giáp tý, năm thứ ba là năm Ất sửu, vào thời Hoàng đế Chân Tông niên hiệu Thiên Hỷ có ban chiếu cho dân chúng trong nước lập ao phóng sinh, Sư muốn giáo hóa rộng nên mỗi khi gặp

mọi người đều khuyến khích việc phóng sinh, và đã lập bia nói về phóng sinh, Lưu Đào soạn văn, Thái thú sai Tăng Hội khắc vào bia đá, trên ấy ghi: Ngày mười lăm tháng bảy niên hiệu Thiên Hỷ năm thứ ba.

Một đêm, Sư bỗng mộng thấy Tương Công đi vào viện, hôm sao thì con của Tăng thái thú đến và sự việc trùng hợp như trong mộng. Hoàng phu nhân nước Sở dân tài sản để cúng dường, lại viết thư xin Tăng thái thú phần đất sau vườn mãi mãi làm Đặc-già-lam, cũng vào năm này.

Năm thứ tư là năm Bính dần, năm thứ năm là năm Đinh mão, Sư sáng tác tập Quang Minh Văn Cú Ký gồm sáu quyển, trên đề rằng: Ngày mùng ba tháng mười hai niên hiệu Thiên Thánh năm thứ hai. Nhưng lúc này Sư đã gần quy tịch, nên không kịp soạn cho trọn bộ, sau đó đệ tử Sư là Pháp sư Quảng Trí tiếp tục soạn thêm một phẩm tán Phật, cho nên mới trọn bộ.

Năm thứ sáu là năm Mậu thìn, năm này Sư thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi, theo tập Thập Lục thì Sư tịch vào giờ Tuất ngày mùng năm tháng giêng niên hiệu Thiên Thánh năm thứ sáu, Sư ngồi kiết già, nói pháp cho đại chúng nghe xong, bèn xưng danh hiệu A-di-đà Phật mấy trăm tiếng rồi im lặng mà hóa. Thi thể để qua hai mươi bảy này, tóc và móng tay đều dài, mặt vẫn tươi như lúc còn sống, lại thêm bảy ngày nữa mới đem ra ngoài cửa Nam để thiêu, trước là nghe mùi hương lạ thơm phức, sau khi thiêu xong thì cái lưỡi vẫn còn nguyên và có rất nhiều xá lợi năm mầu (Xá-lợi còn giữ trong bình lưu ly và thờ tại lầu đại bi). Qua năm năm sau, vào ngày hai mươi chín tháng bảy niên hiệu Minh Đạo năm thứ hai thì thỉnh linh cốt về xây tháp ở bên trái viện Sùng Pháp.

Tông Hiểu tôi đã đọc Cao Tăng truyện cùng các sách khác, mà thấy Tổ sư chúng ta là ngài Pháp Trí dùng pháp cúng dường, hưng khởi đại giáo, xây chùa tạo tượng, gieo trồng phước đức, cho nên khi thiêu rồi mà lưỡi vẫn còn và có vô số xá-lợi, mùi hương lạ bay khắp. Còn như Ngài theo lời khuyến khích của Dương Công mà trụ thế, há cho rằng nhất thời ngăn trở đạo của Ngài sao? Huống chi Ngài có đốt ba ngón tay để cúng Phật, đây cũng là thuộc chi phái xả thân.

MỤC LỤC

NGHI THỌ GIỚI BỒ TÁT:

Gồm mười hai phần, thứ nhất cầu thầy trao pháp, thứ hai răn nhắc khuyến tin, thứ ba thỉnh thánh hiền chứng minh, thứ tư trao ba pháp quy y, thứ năm triệu thỉnh Thánh sư, thứ sáu bạch Phật xin giới, thứ bảy sám hối tội lỗi, thứ tám hỏi về già nạn, thứ chín yết-ma trao giới, thứ mười lược nói giới tướng thứ mười một phát thệ nguyện lớn, thứ mười hai kết thúc hồi hướng.

1. Cầu thầy trao pháp

Luận rằng người muốn thọ giới Bồ-tát, trước hết phải thỉnh cầu thầy răn nhắc, khai mở đối với tất cả cảnh phải khởi tâm đại bi, nếu không như vậy thì giới không nhờ đâu mà phát khởi. Nay vì đại chúng hiện tiền mà cung thỉnh vị ấy... làm giới Sư trao giới Bồ-tát Đại thừa mọi người phải nhất tâm cầu thỉnh theo tôi, đến chỗ đọc tên thì phải xưng tên mình.

Bạch Đại Đức nhất tâm niệm, nay con tên... đến chỗ Đại Đức, xin thọ tất cả tịnh giới của Bồ-tát, cúi xin Đại Đức không nề nếp nhọc, thương xót hứa khả.

2. Răn nhắc khuyến tin.

Đại chúng thanh tịnh đồng hội hiện tiền đã cùng nhau cung thỉnh muốn cầu giới pháp thì trước phải phát khởi tín tâm, nếu tín tâm thành tựu thì giới định huệ mới đầy đủ, ba thân bốn trí Phật quả mới có thể mong được, không còn nghi ngờ gì. Một là tin rằng tất cả chúng sinh đều có tánh, hai là tin rằng siêng tu hạnh cao quý mà chứng quả Bồ-đề, ba là tin chắc đều lên quả vị Phật thường, lạc, ngã, tịnh. Cho nên kinh chép: đại chúng tâm tin chắc, ngươi là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành, thường tin tưởng như vậy, giới phẩm đã đầy đủ. Kinh Hoa Nghiêm chép: lòng tin là cội nguồn của đạo, là mẹ sinh ra các công đức, nuôi lớn tất cả

các gốc lành, xé rách lưới nghi, lên khỏi sống ái, khai mở đạo Niết-bàn vô thượng. Cho nên biết nếu phát tín tâm sẽ lãnh thọ được giới, giới là bước đầu của muôn hạnh, là nền móng của pháp sáu độ, như xây dựng nhà, trước phải làm nền móng, nếu không có nền móng thì không thể thành tựu. Giới là vốn liếng của đại đạo, là thuyền bè để vượt qua biển cả, biển lớn sinh tử nếu không có giới thì không thể vượt qua, giới là chuỗi anh lạc để làm đẹp pháp thân, giới là gió mát để thổi tan phiền não nóng bức. Giới kinh chép: giới như mặt trời mặt trăng sáng, cũng như chuỗi anh lạc, hằng sa Bồ-tát đều do giới mà thành Chánh giác. Mọi người phải tin tịnh giới Bồ-tát đã thọ, chính là nguồn gốc thành đạo của các Đức Phật trong ba đời ở khắp mười phương, là khuôn phép tu hành của các đại Bồ-tát.

Bài kệ trong giới kinh chép:

Như các Phật quá khứ
Cho đến Phật vị lai
Các Phật trong hiện tại
Đều cùng tôn kính giới.

Kinh chép: Thân công đức của Như Lai ấy việc thọ giới làm gốc, việc giữ giới làm đầu. Lại nói rằng: Nếu không giữ giới, thân dã can lở loét còn không được làm, huống là pháp thân công đức.

Kinh Nguyệt Đăng Tam-muội chép: Tuy có sắc đẹp, sức khỏe và học rộng, nhưng không có tịnh giới thì cũng như cầm thú, tuy ở địa vị thấp hèn ít hiểu biết, mà giữ được tịnh giới thì gọi là người cao quý.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Giới là gốc của Vô thượng Bồ-đề, cho nên phải giữ tịnh giới đầy đủ, nếu giữ gìn được tịnh giới vững chắc thì được các Như Lai khen ngợi.

Kinh Niết-bàn chép: Muốn thấy Phật tánh, chứng đại Niết-bàn, thì phải tín tâm tu trì tịnh giới.

Kinh Phạm Võng chép: Chúng sinh thọ giới của Phật, tức bước lên địa vị Phật, nếu không thọ giới này, tức là kẻ ngoại đạo tà kiến, cũng không khác loài súc sinh hay gỗ đá. Cho nên biết người không thọ giới Bồ-đề, dẫu có học Phật pháp và siêng tu khổ hạnh trải qua ngàn muôn kiếp, cũng chỉ là chúng sinh mà không thể giả thoát sinh tử, phá trừ nghiệp chướng, thành đạo Bồ-đề, chứng quả vị Phật. Vì thế ở Tây Thiên, mỗi khi vua lên ngôi, hàng quan lại nhậm chức, trước hết đều thọ giới Bồ-tát, bởi muốn đem lợi ích cho nhân dân trong chỗ mình cai quản. Các bậc hiền nhân, thà thọ mà hủy phạm, chứ không thể không thọ, dẫu thọ mà hủy phạm, vẫn là đệ tử Phật, nếu không thọ tức là ngoại

đạo.

Kinh chép: Hoa Chiêm-bặc tuy héo, vẫn cao quý hơn tất cả hoa, các Tỳ-kheo phá giới, còn hơn tất cả ngoại đạo.

Các Phật tử ở trong đại chúng, vô lượng chúng sinh ở trong sáu đường, chịu khổ trong ba đường ác, không nghe Phật pháp. Dẫu được làm người, hoặc ở nơi biên địa, hoặc gặp đời loạn lạc, hoặc đắm say sắc dục, hoặc bị quả báo ngu si, hoặc theo tà kiến, Phật pháp khó gặp, ai chịu tin theo?

Nay mọi người cùng vui mừng, khéo biết thiện ác, biết có giới pháp để thọ, biết có Tịnh độ để sinh, có thể gọi là muôn kiếp khó gặp, nghìn đời có một mà thôi.

Kinh Pháp Hoa chép: Phật pháp khó gặp, thời kỳ cũng khó gặp, nhờ có phước đời trước sâu dày nên sinh ra gặp Phật pháp. Mọi người phải nhớ nghĩ vô thường nhanh chóng, việc sống chết khó hẹn được, một mai chết đi thì thần thức không nơi nương tựa, lúc ấy muốn thọ giới Phật thì cũng không thể được. Cho nên mỗi người phải tinh tấn, gắng sức cầu giới, dứt bỏ duyên đời, trai giới niệm Phật, khi công tu viên mãn sẽ được vãng sinh Tịnh độ, an dưỡng, sống mãi không chết, hưởng sự vui sướng cao quý.

Nhưng giới có nhiều thứ: năm giới, tám giới thì gọi là cận trụ giải thoát, nếu thọ thì gọi là biệt biệt giải thoát, nếu thọ giới này thì tùy theo từng giới đã giữ mà được giải thoát, nhưng tuy ra khỏi sông ái sinh tử, nhưng chỉ đến quả vị A-la-hán Tiểu thừa, không thể chứng đắc Phật tánh thường trụ, rộng độ chúng sinh. Nay đây ba nhóm tịnh giới của Bồ-tát, nếu thọ giới này sẽ viên mãn quả Phật, tướng tốt vô biên, ba đạt, năm nhãn, mười lực vô úy, tất cả công đức đều được đầy đủ, tức ngay nơi thân này, trong một niệm cho đến thành Phật, được đầy đủ tám thứ công đức cao quý.

Một là thẳng đến đạo tràng cao siêu, phải biết người thọ giới Bồ-tát cũng như chim đại bàng, vỗ cánh tay bay có thể hơn mười muôn chín ngàn dặm. Bồ-tát phát tâm thọ trì đại giới thì sẽ vượt qua hàng Nhị thừa và sáu đường thẳng đến vô thượng Bồ-đề, ngồi nơi đạo tràng. Hai là phát tâm cao siêu, như có người trong một niệm mà phát tâm đại bi đại trí thọ giới Bồ-tát, sẽ vượt qua cảnh giới hàng Nhị thừa. Thuở xưa, có vị Sa-di đi theo hầu vị A-la-hán, bỗng nhiên phát tâm Bồ-đề cầu thọ giới Bồ-tát. Vị A-la-hán liền sinh lòng cung kính, trả lại y bát cho vị Sa-di và nhường đi trước.

Ba là ruộng phước cao quý, nếu như có người cúng dường tất cả

đại A-la-hán trong cõi Diêm-phù-đề, phước đức ấy cũng không bằng cúng dường một người phát tâm thọ giới Bồ-tát, bởi tâm ấy rộng lớn.

Bốn là công lực cao quý, như người thọ giới Tiểu thừa, giống như ánh sáng đom đóm chỉ có thể tự chiếu mình, còn người thọ giới Bồ-tát thì như ánh sáng mặt trời giữa trưa, chiếu sáng khắp tất cả.

Năm là diệt tội cao quý: mọi người chớ nên nghĩ rằng thọ giới rồi không thể giữ gìn mà không dám thọ. Kinh chép: sau khi thọ lỡ có phá giới hay phạm giới cũng còn hơn ngoại đạo. Người không thọ giới tức là ngoại đạo tà kiến, mãi chìm đắm trong đường ác không có lúc nào, ra khỏi. Người thọ giới mà phá giới, do oai lực của giới nên dẫu đọa trong đường ác cũng chịu tội rất nhẹ, nếu đọa trong địa ngục thì làm vua địa ngục, nếu đọa làm súc sinh thì làm súc sinh đầu đàn, nếu bị đọa vào ngạ quỷ thì làm vua loài ngạ quỷ. Nếu sinh làm người thì làm vua cõi người, nếu sinh lên cõi trời thì làm vua cõi trời, bất cứ sinh chỗ nào cũng không mất ngôi vua. Kinh chép: Người có phạm cũng gọi là Bồ-tát, bởi có giới để phạm, không phạm gọi là ngoại đạo, bởi không có giới để phạm.

Sáu là thọ trai cao quý, người thọ giới nếu lúc ở trong bào thai, thường được trời, rồng và thiên thần hộ vệ.

Bảy là thần thông cao quý, người thọ giới do có năng lực giữ giới nên có thể khuấy nước sông thành đề hồ, biết đất đai thành vàng ròng, có thể ở trong một niệm mà vượt quá ngàn đời, có thể ở trong một ngày mà độ vô số chúng.

Tám là quả báo cao quý, người thọ giới tức là Bồ-tát, sẽ sinh vào cõi Liên hoa hải tạng được thân pháp tánh, chứng đắc chân thường, mãi không lui sụt, như trên đã dẫn chứng các kinh.

Tôi đã vì Phật tử mà mở bày cửa hạnh, nguyện mọi người hiện tại đều được giới pháp thanh tịnh, mãi là bến bờ tốt, làm nhân duyên gặp Phật, là nghiệp sinh về Tịnh độ.

3. Thỉnh thánh chứng minh.

Đại chúng hiện tiền, nay tôi đã vì mọi người mà nói pháp khi mở dẫn dắt, mọi người phải có tâm kính ngưỡng, nay cung thỉnh thánh chúng giáng lâm đạo tràng để chứng minh hộ niệm. Mọi người nên nhất tâm đọc theo lời tôi để cung kính. Nay là ngày...... tháng...... năm......, tại huyện...... tỉnh...... nước...... thuộc cõi Diêm-phù-đề. Ở phía Nam, hiện có số đông nam nữ phát tâm tịnh thành cùng muốn thọ tịnh giới, xin cung thỉnh Tam bảo, tất cả Thánh hiền, nguyên xin hộ trì đồng giáng lâm.

Nhất tâm phụng thỉnh tận hư không giới vi trần cõi nước, tất cả các Đức Phật chân thân ứng thân, tất cả đạo pháp Đại thừa Tiểu thừa,

Thánh hiền, ba thừa, xin nguyện nghe lời phụng thỉnh này mà giáng lâm đạo tràng, chứng minh thọ giới.

Nhất tâm phụng thỉnh hộ pháp chư Thiên, công đức đại biện, phạm thiên Đế-thích Tứ thiên vương, tám bộ trời rồng, trời đất linh thiêng, trời trăng các sao sông hồ đầm ao, núi cao non sâu, thành ấp đồng trống, xã tắc thông minh, ủng hộ trai giới, xin nguyện nghe lời phụng thỉnh này mà giáng lâm đạo tràng, che chở gia hộ.

Nhất tâm phụng thỉnh bốn sinh sáu đường trong pháp giới mười phương, chín loại chúng sinh tất cả hữu tình, hiện tiền đại chúng thọ giới trong đạo tràng, cha mẹ sinh thân, tôn thân nhiều đời, cúi mong năng lực Tam bảo, đồng đến đạo tràng, đồng thấm nhuần giới pháp.

4. Trao ba pháp quy y.

Trên đây đã triệu thỉnh Tam bảo bách linh giáng lâm đạo tràng, đồng giúp đỡ giới pháp, phải biết giới này không phân biệt người nam người nữ, thánh phàm đều được, âm dương đều thấm nhuần, cho đến loài súc sinh, chỉ cầu hiểu rõ lời Pháp sư thị được thọ giới, không như giới Tiểu thừa, người đầy đủ sáu căn mới được thọ. Từ lúc thọ giới Bồ-tát này cho nên khi thành Phật, mãi mãi không còn lui sụt. Nay lại vì đại chúng mà dẫn dắt bỏ tà về chánh, trao cho ba pháp quy y, phải biết Tam bảo chính là ruộng phước của tất cả chúng sinh, nếu chí thành cung kính quay về nương theo, thì sẽ phát sinh tất cả công đức pháp lành. Nhưng Tam bảo thì có chia ra nhiều thứ, một là trụ trì Tam bảo, hai là biệt tướng Tam bảo, ba là nhất thể Tam bảo. Trụ trì Tam bảo tức là tượng Phật tô, vẽ, đắp sơn tức là tô vẽ đắp, kinh viết trên lụa, tre là Pháp bảo, người xuất gia cạo đầu nhuộm áo là Tăng bảo. Biệt tướng Tam bảo nghĩa là bậc tu hành chứng quả diệu giác, hóa độ chúng sinh là Phật bảo, giảng nói tám mươi bốn ngàn pháp tạng và mười hai bộ kinh là Pháp bảo, từ bậc Đẳng Giác trở xuống thánh hiền của hàng Tam thừa thì gọi là Tăng bảo. Nhất thể Tam bảo nghĩa là trên từ các Đức Phật, dưới cho đến loài côn trùng nhỏ nhít đều có đầy đủ thể Tam bảo này. Các gọi là diệu thể thật tướng tuy một mà ba, gọi là Bí mật tạng, như đồ trang sức quý giá ở thế gian đều gọi chung là báu. Nay mọi người đều sẵn có giác tánh là Phật bảo, tánh này thanh tịnh không nhiễm ô là Pháp bảo, tánh này nhu hòa không tranh cãi là Pháp bảo. Vì thế tôi khuyên mọi người không nên tự khinh mình, ai ai cũng như vậy, ai ai cũng có khả năng thành Phật. Đức Như Lai do tu chứng nhất thể Tam bảo này nên có khả năng vận dụng thần thông rộng lớn, làm các Phật sự, Tam bảo này có ở trong thân mọi người, như nước đóng lại thành băng, không thể bỏ băng mà

tìm có nước. Nếu muốn làm cho băng tan thì phải có phương tiện khéo léo, muốn hướng đến quả Phật mà không tu hành thì không được. Nay đã hiểu biết thể tánh như vậy, nên hướng đến Tam bảo làm chỗ quy về nương tựa. Đệ tử tên là.................. nguyện từ hôm nay cho đến hết đời vị lai, thề quy y Phật đấng Lưỡng túc tôn, quy y pháp ly dục tôn, quy y Tăng chúng trung tôn (ba lần).

Trên đây tuy đã quy y, nhưng nếu không nói lời kết thúc thì pháp không thể viên mãn, cho nên phải nói lời kết ba lần.

Đệ tử tên là.................. quy y Phật xong, quy y pháp xong, quy y tăng xong (ba lần).

Từ nay trở đi luôn tôn Phật làm thầy, không quy y tà ma ngoại đạo, xin nguyện Tam bảo thương xót che chở (ba lần).

5. Triệu thỉnh Thánh sư.

Trên đây đã thọ xong ba pháp quy y, tôi chỉ làm người truyền giới, nay lại vì đại chúng hiện tiền mà phụng thỉnh Đức Thích-ca Thế Tôn và các vị Bồ-tát làm năm tòa Thánh sư, xin giáng lâm đạo tràng. Nay ở trước các Đức Phật, Bồ-tát cầu xin sám hối, hỏi về già nạn, mới làm thực hành pháp truyền giới được. Nhưng về pháp thỉnh Sư thì lẽ ra các vị phải tự trình bày, nhưng các vị chưa làm được, cho nên tôi hướng dẫn các vị, các vị phải nhất tâm cung kính, chớ nên xem thường.

Đệ tử tên là..................... nhất tâm phụng thỉnh Đức Thích-ca Như Lai làm Hòa thượng trao giới, con nương theo Hòa thượng mà được thọ giới Bồ-tát, xin thương xót con.

Đệ tử tên là... nhất tâm phụng thỉnh Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi làm Yết-ma A-xà-lê, con nương theo Yết-ma A-xà-lê mà được thọ giới Bồ-tát, xin thương xót con.

Đệ tử tên là..................... nhất tâm phụng thỉnh Bồ-tát Di-lặc, làm Giáo thọ A-xà-lê, con nương theo Giáo thọ A-xà-lê mà được thọ giới Bồ-tát, xin thương xót con.

Đệ tử tên là..................... nhất tâm phụng thỉnh các Đức Phật mười phương làm các vị tăng tôn chứng, con nương theo các vị tăng tôn chứng mà được thọ giới Bồ-tát, xin thương xót con.

Đệ tử tên là..................... nhất tâm phụng thỉnh các vị Đại Bồ-tát làm bạn đồng học, con nhờ nương theo các bạn đồng học mà được thọ giới Bồ-tát, xin thương xót con.

6. Bạch Phật xin giới.

Trên đây đã thỉnh năm tòa Thánh sư, là những bậc đầy đủ đại từ bi tha tâm đạo nhãn, thương xót chúng sinh mà diệt khổ ban vui, sẽ

giáng lâm đạo tràng. Nay tôi lại vì mọi người mà bạch Phật xin giới, mọi người nên chí thành hướng về Phật chấp tay lắng nghe tác bạch: Ngưỡng bạch năm tòa thành sư, mười phương tận hư không khắp pháp giới tất cả các Đức Phật, đại địa Bồ-tát tăng. Nay có đệ tử ở huyện...... thành...... nước...... thế giới Ta-bà, cầu con cung thỉnh bạch chư Phật Bồ-tát xin thọ ba nhóm tịnh giới, các đệ tử này đã là người phát tâm Bồ-tát chân thật, có thể sinh lòng tin sâu xa, thệ nguyện học và tu hành theo tịnh giới này, xin nguyện các Đức Phật, các vị đại Bồ-tát thương xót ban cho ba nhóm tịnh giới (ba lần).

7. Sám hối tội lỗi.

Trên đây cung bạch Thánh sư đã xong, sắp thọ giới pháp, tự nghĩ mọi người từ vô thỉ đến nay phiền não sâu nặng, không việc ác nào mà không làm, thân tâm bất tịnh. Giới pháp này chính là pháp bạch tịnh, nhưng thân căn thanh tịnh mới cầu thọ được, cho nên phải cầu xin sám hối, như giặt sách áo cũ mới nhuộm ăn màu. Huống gì Như Lai diệt độ đã hơn hai ngàn năm, chánh pháp ít người biết, mà gió tà lại thổi mạnh, vào lúc này cũng có số người tuy thấy Phật nghe pháp mà không sinh lòng tin theo, bởi do vô minh che lấp, tà kiến ràng buộc, nếu không sám hối lỗi trước, chừa lỗi này thì không nhờ đâu mà trở về bản tâm thanh tịnh. Vì nhân duyên ấy, nên hôm nay đạo tràng đồng ở trước Phật phát lời sám hối tội căn, mỗi người nên nhất tâm chí thành sám hối.

Đệ tử tên..................... xin dốc lòng sám hối, từ vô thỉ cho đến ngày nay, lúc chưa biết Phật, lúc chưa nghe pháp, lúc chưa gặp tăng, không tin nhân quả, chìm đắm trong sinh tử, động thân miệng ý, không việc ác nào mà không làm, gặp duyên không lành, gần gũi bạn ác, cho đến đốt chùa phá tháp, phỉ báng kinh sách Đại thừa, xâm tổn của thường trụ, nhiễm ô phạm hạnh, vu báng tăng chúng, phạm các giới cấm, hành động trái oai nghi, gây ra năm tội nghịch, mười điều ác. Thân nghiệp không lành: làm việc sát sinh, trộm cắp, tà dâm; khẩu nghiệp không lành: nói láo, nói thêu dệt, nói độc ác, nói hai chiều; Ý nghiệp không lành: khởi tham, sân, si. Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hiệp tăng, làm thân Phật chảy máu, tự mình làm và dạy người khác làm, hoặc thấy làm, nghe làm mà hùa theo, các tội như vậy vô lượng vô biên, nay giải bày phát lồ sám hối, cúi mong Tam bảo đồng thường xót, khiến cho gốc tội của chúng con một niệm tiêu sạch đều được thanh tịnh.

8. Hỏi về già nạn.

Trên đây đã vì mọi người mà thực hành pháp sám hối, bởi thân căn thanh tịnh mới được thọ tịnh giới. Theo lời kinh dạy thì lúc nào thọ

giới này nếu có bảy già nạn thì không được thọ, bởi bảy tội nghịch này làm ngăn che tịnh giới, cho nên gọi là già. Nay tôi hỏi rõ từng điều, các vị nếu có thì nói có, không thì nói không, phải trả lời đúng như thật.

- Ngươi có làm thân Phật chảy máu không?
- Ngươi có giết cha không?
- Ngươi có giết mẹ không?
- Ngươi có giết Hòa thượng đắc giới không?
- Ngươi có giết A-xà-lê không?
- Ngươi có phá Yết-ma Chuyển pháp luân tăng không?
- Ngươi có giết A-la-hán không?

9. Yết-ma trao giới.

Lành thay! Các người không có bảy thứ già nạn trên, đã là thân thanh tịnh để lãnh thọ giới, thánh chúng đồng vui, phàm tục đều thích, ngàn đời muôn kiếp được may mắn gặp. Bây giờ, là lúc Yết-ma thọ giới, phải biết giới này được các Đức Phật, Bồ-tát ba đời ở khắp mười phương nhiều kiếp huân tu, là chỗ thành tựu của vô lượng công đức, mọi người phải khởi tâm sinh ý tưởng khó gặp, sẽ khiến cho pháp này trong một niệm mà viên thành. Lúc này nên tha thiết kính ngưỡng thận trọng, như bình đựng vậy, không được sơ suất, vì nhân duyên ấy nên lắng nghe, lắng nghe.

Các Phật tử lắng nghe, các ngươi nay ở chỗ tôi mà cầu thọ tất cả tịnh giới của Bồ-tát, tất cả chỗ học của Bồ-tát, đó là giới nhiếp luật nghi, giới nhiếp thiện pháp, giới nhiêu ích hữu tình. Các tịnh giới này, các chỗ học này được tất cả Bồ-tá ở đời quá khứ đã thọ, đã học, đã hiểu, đã thực hành, đã thành tựu. Tất cả Bồ-tát trong đời vị lai sẽ thọ, sẽ học, sẽ hiểu, sẽ thực hành, sẽ thành tựu. Tất cả Bồ-tát ở hiện tại đang thọ, đang học, đang hiểu, đang thực hành, đang thành tựu, đời sau sẽ thành Phật. Các người từ nay cho đến khi thành Phật, trong thời gian ấy không được hủy phạm có thể giữ được không? (hỏi ba lần, đồng thời đáp rằng giữ được).

Phật tử các vị phải tin, lần đầu Yết-ma đã thành, giới phép diệu thiện ở các thế giới trong mười phương đều do nghiệp lực của tâm đều chấn động.

Đây là hỏi Yết-ma lần thứ hai đã thành, gới pháp diệu thiện ở các thế giới trong mười phương, giống như hư không, như mây như long, che trên đảnh các vị.

Đây là hỏi Yết-ma lần thứ ba đã thành, giới pháp này từ trên đảnh các vị chảy vào thân tâm, chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, không có

hình tướng, không hay không biết, tràn đầy chánh báo. Phải biết thân tâm các vị là nơi nhóm họp vô lượng công đức, mỗi vị ở trước Tam bảo phải sinh tâm cất vui mừng, tha thiết dốc lòng hộ trì, chớ nên hủy phạm.

***10. Lược nói về giới tướng*.**

Các Phật tử, trên đây tôi đã y theo pháp mà trao ba nhóm tinh giới cho các vị, tuy đã đắc pháp, nhưng các vị ắt là chưa hiểu rõ hình thức, phạm, nay tôi y theo mười giới trong bốn mươi tám giới khinh trong Kinh Phạm Võng, giảng nói mỗi giới, các vị nên lắng nghe.

Giới thứ nhất không được giết hại: nếu tự mình giết hoặc bảo người giết, thì không có tâm từ bi, chẳng phải là Bồ-tát, nếu có phạm thì mắt tội Ba-la-di. Các vị từ nay cho đến khi thành Phật, trong thời gian ấy, không được hủy phạm, có thể giữ được không? (Đáp rằng giữ được, ở dưới cũng lệ theo đây).

Giới thứ hai không được trộm cắp, hoặc tự mình hoặc xúi giục người khác, cho đến vật của quỷ thần, dù chỉ một cây kim, ngọn cỏ cũng không được cố lấy, nếu trộm thì phạm tội Ba-la-di, các vị có thể giữ được không?

Giới thứ ba là không được tà dâm, người nam không được tư thông với người nữ không phải vợ mình, người nữ không được tư thông với người nam không phải chồng mình, nên bố thí pháp thanh tịnh cho chúng sinh, các vị có thể giữ được không?

Giới thứ tư không được nói dối: có thì nói có, không thì nói không, không được vì lợi mà nói dối, phải nói chân thật, các vị có thể giữ được không?

Giới thứ năm không được làm hoặc bán các thứ rượu, rượu là thứ nước làm cho mê loạn và gây nên tội lỗi, uống vào thì che lấp tâm tánh, sẽ sinh ra ba mươi sáu tội lỗi, các vị có thể giữ được không?

Giới thứ sáu không được nói lỗi của người khác, cho đến thầy tổ, bạn bè, phải thường nêu cái tốt, che điều dở, các vị có thể giữ được không?

Giới thứ bảy không được khen mình chê ngoại đạo, việc xấu phải nhận về mình, việc tốt thì dành cho người, từ nay không được khen hay chê, các vị có thể giữ được không?

Giới thứ tám không được bỏn sẻn tài vật, nếu có người đến xin, hễ mình có vật gì thì tùy theo vật cho họ vật đó, từ nay không được keo kiệt, các vị có thể giữ được không?

Giới thứ chín không được sinh tâm giận dữ: một niệm sân khởi lên

đốt cháy vô lượng công đức, khi chết đọa làm loài rắn, do tức giận mà chiêu cảm, các vị có thể giữ được không?

Giới thứ mười không được hủy báng Tam bảo: bởi Tam bảo có ân đức lớn đối với tất cả chúng sinh. Tam bảo là ruộng phước, cho nên không được hủy báng, các vị có thể giữ được không?

Trên đây là lược nói tướng của mười giới trọng, còn bốn mươi tám giới khinh thì nhiều nên không thể nói lại từng giới, đại chúng hiện tiền phải nghe và thọ pháp này, sự việc không thể xem thường, cần phải hiểu rõ đời là vô thường, nên tu hành các điều lành, ngõ hầu dùng đó trang nghiêm Tịnh độ, lúc qua đời chắc chắn được vãng sinh, phải biết niệm Phật và thọ giới có công luân không thể suy nghĩ, bàn luận.

11. Phát thệ nguyện rộng lớn.

Hôm nay đại chúng hiện tiền đã được đắc giới, cần phải khởi tâm độ chúng sinh, bởi người thế gian từ xưa đến nay hễ làm việc gì đều là cho bản thân mình, chưa thể phát khởi tâm niệm lợi ích cho người, vì thế luân hồi trong sáu đường, phước huệ mỏng manh. Nay đã thọ trì đại giới, về sau cần phải phát tâm Bồ-đề, khởi bốn thệ nguyện rộng lớn, bốn thệ nguyện rộng lớn là thầy của các Đức Phật, các Đức Phật nhờ đây mà thành Chánh giác.

Bồ-đề, Hán dịch là Đạo, bởi dùng đạo làm tâm nên gọi là đạo tâm, phát đạo tâm này là nương bốn giáo mà cảnh trí khác nhau, nay y theo Viên giáo Vô tác tứ đế để phát đạo tâm, đạo tâm này, hoàn toàn không khác với tâm của các Đức Phật và tất cả chúng sinh trong mười phương. Cho nên kinh Hoa Nghiêm chép: Phật cũng giống như tâm, chúng sinh giống như Phật. Tâm, Phật và chúng sinh ba thứ không khác nhau. Nếu biết tâm này tức là tâm Phật, cũng là tâm của chúng sinh, thì sự là lý đều như nhau, chúng sinh và Phật chẳng phải hai, vi diệu vắng lặng, y nơi phát tâm này mà gọi là Chánh giác. Nếu trái với tâm này mà lập nguyện, thì nguyện không gọi là cùng khắp. Cho nên tông Thiên Thai nói: phát tâm hẹp hòi, thì muôn hạnh chỉ uổng phí. Nhưng tâm này theo lý thì đều gọi là tâm Phật. Tức về lý thì không khác nhau, nhưng về sự thì xa cách nhau một trời một vực. Cho nên phải học theo tâm từ bi như Phật mà phát thệ nguyện rộng lớn, trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh. Hoằng là rộng lớn, thệ là chế ngự. Nương theo cảnh tứ đế mà rộng chế ngự tâm ấy, trước hết y theo khổ đế mà phát nguyện lớn rằng chúng sinh vô biên thệ nguyện độ. Thứ hai nương theo cảnh tập đế mà phát nguyện rộng lớn rằng phiền não vô tận thệ nguyện dứt, thứ ba nương theo cảnh đạo đế mà phát nguyện lớn rằng pháp môn vô

lượng thệ nguyện học, thứ tư nương theo cảnh diệt đế mà phát nguyện lớn rằng Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Hiện tại mọi người ở trong một niệm tâm phàm mà dùng cảnh Phật trí Phật, khởi bốn nguyện rộng lớn này, lợi mình lợi người, công đức vô lượng, dựa vào duyên cao quý này mà cầu sinh thượng phẩm cõi Tịnh độ, mỗi người nên chí thành phát nguyện.

Đệ tử tên là..................... nay ở trước tượng Phật, Bồ-tát, chân chánh phát tâm Bồ-đề:

Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ.

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

12. Kết thúc hồi hướng.

Công đức thí giới trên đây như hư không, bằng với pháp giới, khắp vì tất cả chúng sinh trang nghiêm mé thật, thoát khỏi luân hồi, mãi chứng vô sinh thường trụ vui sướng. Sau đó dùng duyên tốt này dâng lên các vị trời hộ pháp, những vị thần thường phạt trong ba cõi, oai đức linh thông, tiên tổ nhiều đời, cha mẹ sinh thân, chủ nợ kẻ thù, nợ tiền thiếu mạng, pháp giới hữu tình, đồng thấm nhuần lợi ích. Trời đất yên ổn, phân rõ ngày đêm, cõi nước bình an, nhân dân an vui, mưa thuận gió hòa, mùa màng hưng thạnh.

Nam nữ hiện tiền nhờ giới lành này giúp đỡ thường được tốt lành, tai họa tiêu diệt, phước trí đầy đủ, hiểu đời là huyễn mộng mà siêng tu pháp lành, kính mong Tam bảo chứng minh, các trời che chở, kính bái bạch.

SỚ KẾT HỘI NIỆM PHẬT VÀ LỜI BẠT CỦA CƯ SĨ THANH SƠN LÂU:

Tịnh xả niệm Phật viện Diên Khánh đất Minh châu. Xã này phổ kết một muôn người gồm nam nữ tăng tục, cùng xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, phát tâm Bồ-đề cầu sinh Tịnh độ. Vào ngày mười lăm tháng hai hàng năm thì lập đạo tràng ở viện, cúng dường Tam bảo, dâng lễ trai tăng, phước lợi nhân dân. Pháp kiến lập hội này, đầu tiên khuyến khích hai trăm mười người, mỗi người lại tìm thêm bốn mươi tám người, cùng niệm Phật sám nguyện, mỗi ngày niệm một ngàn câu danh hiệu, sám hối tội chướng, phát nguyện Bồ-đề, vì độ chúng sinh, cầu sinh Tịnh độ. Hoặc trong hội có người nào qua đời thì thỉnh thêm cho đủ số, sau đó ghi tên họ người ấy, chín trăm chín mươi người trong

hội, mỗi người niệm một ngàn câu danh hiệu Phật để sám tội cho người chết, giúp thêm nguyện hạnh, giúp họ được sinh Tịnh độ. Đến ngày kiến lập hội, thì mọi người cùng niệm Phật cầu hương linh được vãng sinh, và lại khuyến khích người vào hội, để mong thường đủ số muôn người đồng tu tịnh nghiệp.

Luận rằng: Một niệm vốn viên dung, các pháp không ngăn ngại, qua sự huân tập mà cảm báo thành khác nhau. Cho nên nếu thuận tánh mà tu, thì hiển bày Tịnh độ các được Phật, theo vọng tình mà gây ra nghiệp, thì xoay vần trong con đường khổ. Con người ở cõi Ta-bà, thoát ra thì rất khó mà đọa lạc thì nhiều.

Kinh dạy: làm được thân người, số ít như đất dính trong móng tay, mà mất thân người thì nhiều như đất cả đại địa, cho đến khi nào tu hành công hạnh tròn đầy, mới mong thoát khỏi thọ sinh trong bốn loài, cảnh Ta-bà này phiền não dẫy đầy, tự sức mình cầu thoát ra thật là khó, nếu sinh về cõi An Dưỡng, được sống trong cõi nước trang nghiêm, thân tâm thanh tịnh, cho đến thành Phật, không còn đọa trong ba đường ác.

Kinh chép: nơi cõi ấy không có tên gọi đường ác, huống là có thật, chúng sinh sinh về cõi ấy, đều là bậc A-bệ-bạt-trí. Người muốn sinh về nước Cực Lạc, chỉ cần xưng niệm danh hiệu Phật Di-đà, tu hạnh từ bi như Phật, sẽ được Phật nhiếp thọ theo bổn nguyện của Ngài, lúc xả báo thân sẽ sinh về cõi Phật, thật đúng như lời kinh dạy, chẳng phải lời huống dối. Nay tập hợp muôn người làm thành một xã, tâm tâm chuyên nhất, ngày ngày niệm Phật, mỗi năm đến tháng hai thì tập trung một chỗ, đồng tu cúng dường, đồng nghe pháp âm, tập hợp muôn tâm làm thành một chí, khiến thành định nghiệp, thệ sinh Tịnh độ. Huống nữa thân mạng vô thường như đèn trước gió, nếu một hơi thở không trở lại, thì ba đường ác ở trước mặt, đâu thể tự lơ là mà không nghĩ đến quả báu sẽ đến. Cho nên phải y theo lời dạy của Phật, không thuận theo tình dục thế gian, dứt bỏ các duyên bên ngoài mà siêng năng niệm Phật. Cẩn sớ.

Pháp môn Tịnh độ là chắc chắn đáng tin, Đức Như Lai nhiều lần đặc biệt giảng nói, chỉ dạy rõ ràng. Nhưng người đời còn nửa tin nửa nghi, đại khái là kẻ sĩ cao minh thì nói rằng: miệng xưng danh hiệu Phật thì liền thành Phật, sao quá dễ như vậy? Đó là họ chưa hiểu thấu đáo, không biết rằng nghiệp Tịnh độ thành thì sinh về nước kia, không có cảnh giới ác, có tiến không có lùi, thẳng đến thành Phật, đâu phải mới sinh về nước kia liền thành Phật. Có người nói rằng: miệng xưng danh hiệu Phật, chắc chắn sẽ vãng sinh. Đây cũng là chưa hiểu rốt ráo, gọi là

Niệm, tức là tâm ý tinh chuyên thành khẩn, không để tâm xao lãng, đâu phải niệm nơi miệng lưỡi. Tôi tuy thiếu việc hương hoa lễ bái, nhưng mà cảm động trong tâm, niệm niệm không dứt, tuy trên giường chiếu còn loạn động, ắt cũng hướng về phía Tây, tự nghĩ rằng người đời không ai tu tịnh nghiệp như tôi.

Tứ Minh Pháp Trí đại lão mở mang đại giáo tông Thiên Thai, giúp người thấy tánh thành Phật, hơn nữa còn dùng pháp này dạy cho người, cho nên biết pháp môn sâu xa này có thể bỏ phế. Về sau Ngài còn lập hội niệm Phật, muốn noi theo người xưa tu hành, và lại nhờ tôi viết lại sự việc ấy, tôi vui mừng vô cùng, muốn từ chối mà không thể. Dám mong đại chúng đồng nguyện đồng cầu bậc cao minh giúp đỡ mà thành tựu, ngõ hầu người cao kẻ thấp, kẻ trí người ngu đều được vãng sinh. Nếu nói rằng: Cầu gì sinh về nước kia rồi mới thành Phật, thì người tại gia cũng không cần xuất gia, mà được tỉnh ngộ, mọi người cũng không cần tìm thầy học đạo. Những người chưa hiểu nên lưu ý.

Mùa hạ năm Nhâm ngọ, thuộc niên hiệu Thiệu Hưng viết tại lầu Thanh sơn.

PHÁP SƯ GIAO TRAO HUẤN TỪ

Tổ sư chúng ta là Đại sư Trí Giả, Ngài tu hành lập hạnh, giảng pháp mở mang, làm những việc chẳng phải người tầm thường và vì sinh mà làm được. Tôi hổ thẹn là người nối tiếp nghiệp lớn của Ngài, trải qua thời gian lâu xa, không hề có chút biếng nhác, các vị cũng có ngày được dự vào thiền môn. Nay tôi trao cho các vị lư hương như ý, dùng làm dụng cụ truyền pháp, muốn các vị có danh thơm về ba môn học giới định tuệ, trước là lợi ích cho mình, sau là lợi ích cho người, các vị nên cẩn thận, chớ nên xao lãng, thấy danh lợi như hạt cải, xem cường quyền yếu hèn như giặc cướp. Các vị làm được như vậy mới hợp ý ta đôi chút, cũng không trái với lời dạy và việc làm của Tổ sư, cũng thoát khỏi sự phiền não của loài hữu tình, cho nên chớ xem thường lời ta dạy bảo.

Ngày mùng hai tháng giêng, niên hiệu Thiên Thánh thứ hai.

PHÁP SƯ XÁN TRAO HUẤN TỪ

Tông Thiên Thai dùng thiên, viên một đường để chỉ dạy giáo pháp, dùng cảnh, trí không hai mà sáng tỏ ở quán, chẳng có giáo thì không do đâu mà hiểu biết, không có quán thì không có gì để thành tựu hạnh, giải và hạnh đầy đủ, sau đó mới bước lên hàng hiền thánh được. Ta thờ phụng đạo này đã lâu, không hề có chút biếng nhác, cho

nên người học khắp nơi thường tìm đến. Luận sư Văn Xán cùng bàn luận yếu nghĩa với Pháp sư Tường, mà Pháp sư Tường chuyên tâm về chí lý, tâm quên bỉ ngã, còn ông thì hiếu học, cho nên khiến ông vào thất với ta. Từ đó chăm lo về giáo quán, ngày đêm không nghỉ, trải qua thời gian lâu, lời nói đã tương ưng với việc làm. Nay Pháp sư Tường lo việc chùa tháp, kế thừa di phong của Tam bảo, cho nên việc dắt dẫn đồ chúng phó chúc cho ông ta, chúc mừng Pháp sư Tường có kiến giải xuất thế, lại quán xét thấy ông có thể làm dụng cụ truyền pháp, vì thế trao cho ông lư hương cùng y uất-đa-la-tăng, muốn ông đức hạnh được thành tựu. Như vậy thì đây xích lợi dưỡng cùng tên độc tiếng thơm làm sao tổn thương ở mình được, và địa vị hiền thánh ắt cũng có phần dự vào, ông nên hiểu và làm theo ý ta.

Ngày mùng sáu tháng mười niên hiệu Thiên Thánh năm thứ tư đời Tống. Diên Khánh tọa chủ Tri Lễ trao huấn từ.

VĂN PHÓNG SINH

Pháp sư nên trải tòa mà ngồi ở chỗ phóng sinh không gần không nếu có đồ chúng đến thì cũng đến ngồi kế bên, mỗi người đều dùng mắt từ bi mà nhìn các chúng sinh, nghĩ đến sự chìm đắm của chúng mà khởi tâm thương xót. Lại nghĩ đến Tam bảo có oai lực lớn có khả năng cứu vớt chúng sinh, nghĩ như vậy rồi Pháp sư bèn bưng chén nước tưởng niệm rằng: nhất tâm phụng thỉnh Đại Uế Tích Kim Cương thánh giả, xin giáng lâm đạo tràng gia trì vào nước này, có công huân lớn, thấm nhuần mọi loài, khiến thân tâm chúng được thanh tịnh và nghe được phép mầu. Pháp sư trì tụng mười bảy biến Uế Tích chân ngôn, lại rãy nước ba lần. Sau đó bưng lư hương bạch rằng: Ngưỡng bạch Thập phương Tam bảo, Đức Bổn sư Thích-ca Phật A-di-đà, Bảo Thắng Như Lai, Bồ-tát Quán Âm, xin nguyện từ bi chứng tri che chở, nay có các loài chúng sinh bị người đánh bắt, sắp đi vào chỗ chết, đệ tử nguyện tu hạnh Bồ-tát, phát tâm từ bi, thực hiện việc phóng sinh để gieo nhân sống lâu, nguyên mua chuộc thân mạng chúng sinh trả lại tự do. Nay thuận theo kinh điển Đại thừa mà trao cho chúng ba pháp quy y, xưng danh mười hiệu và giảng nói mười hai nhân duyên, nhưng các loài này vốn ngu si lại có nghiệp ác, nên thọ sinh các loài, sáu thứ mê muội, không thể hiểu biết pháp mầu sâu xa, kính mong Tam bảo thầm che chở, khiến các chúng sinh tâm ý được khai mở, đối với pháp mầu mau được tương ưng, chuyển báo thọ sinh, sớm được giải thoát, cúi xin thương xót.

Chúng sinh các ngươi từ vô thỉ đến nay, không nghe danh hiệu

Tam bảo, không hiểu pháp quy y, cho nên luân hồi trong ba cõi, nay đọa làm thân súc sinh mà đền trả nghiệp đời trước. Nay ta vì các ngươi mà ngưỡng cầu Tam bảo che chở, khiến các người khai mở tâm ý, hiểu được pháp mầu, ta sẽ trao cho các ngươi pháp mầu sâu xa nhất thể Tam bảo. Tam bảo ấy là: Phật là giác, Pháp là bất giác, Tăng là hòa hợp, ba thứ này tức là một, một tức là ba. Không ngang không dọc, không chung không riêng, không thể suy nghĩ bàn luận gọi là Bí mật tạng, là bậc tôn quý nhất của thế gian và xuất thế gian, gọi đó là Bảo. Nay gọi Phật, Pháp, Tăng là Bảo, tất cả muôn pháp đều quay về nên gọi là Ba quy, về lý tuy sâu xa nhưng lại rất gần với tâm tánh của các ngươi, các ngươi phải tin chắc lý này mà hướng về. Xin đại chúng đồng nhất tâm trao cho chúng sinh ba pháp quy y.

Hiện tiền tất cả chúng sinh đủ loại, nương theo nghĩa mầu sâu xa của kinh Đại thừa, và quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng (ba lần).

Quy y Phật xong, quy y Pháp xong, quy y Tăng xong (ba lần). Từ nay trở đi, tôn Phật làm thầy, không quy y theo tà ma ngoại đạo, xin nguyện Tam bảo thương xót nhiếp thọ (ba lần). Các Phật tử, nay ta lại vì các ngươi mà xưng niệm mười hiệu công đức của Bảo Thắng Như Lai, vì các ngươi mà thành kính thỉnh Đức Từ Tôn bày phương tiện cứu vớt. Đức Phật ấy có nguyện nếu có chúng sinh trong các cõi nước mười phương, khi nghe danh hiệu ta, liền được sinh về cõi trời Tam thập tam. Xưa, Trưởng giả Lưu Thủy thay thế cho mười ngàn con cá mà xưng mười hiệu này, những con cá ấy liền được sinh về cõi trời, Trưởng giả thành Phật hiệu là Thích-ca Văn, trong mười ngàn Thiên tử kia thì Oai Đức Vương là vị đứng đầu, đó là nhờ nhân duyên đời trước, ở trong hội Quang Minh được thọ ký Bồ-đề. Lúc ấy, các Thiên tử được nghe mười danh hiệu liền đốn ngộ bổn tâm, thâm chứng vô sinh và được thọ ký. Hôm nay nguyện các ngươi nghe ta xưng dương mười hiệu của Đức Bảo Thắng mà được chứng như các vị Thiên tử kia, hoàn toàn không khác nhau. Nam-mô Quá khứ Bảo Thắng Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn.

Bảo Thắng Như Lai thường trụ bất diệt, nguyện nương bổn nguyện chứng tri lời con xưng danh, khiến các chúng sinh này mau được thọ ký (ba lần).

Các Phật tử, nay ta lại vì các ngươi mà nói pháp mười hai nhân duyên sâu xa nhiệm mầu, nguyện nương năng lực Tam bảo, khiến các ngươi được hiểu rõ ràng: Mười hai pháp này thể của nói là ba đức Đại

bát Niết-bàn, mà các ngươi vì mê nên trở thành ba đường, khiến nhân quả ba đời trôi lăn không dứt. Nay ta vì các ngươi trước tiên nói về tướng sinh của mười hai nhân duyên, sau đó nói về tướng diệt của mười hai nhân duyên, nguyện các ngươi hiểu rõ pháp sinh diệt này, ngay chỗ ấy tức là bất sinh bất diệt, chỗ ấy rốt ráo, chỗ ấy thanh tịnh, chỗ ấy tự tại. Một rốt ráo, tất cả rốt ráo, một thanh tịnh, tất cả thanh tịnh, một tự tại, tất cả tự tại, đồng như các Đức Phật chứng Đại Niết-bàn.

Đại chúng cùng xướng rằng: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên già chết, lo buồn khổ não. Đây là tướng sinh của mười hai nhân duyên và kế tiếp nói về tướng diệt.

Đó là vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì già chết, lo buồn khổ não cũng diệt.

Các lại chúng sinh, nay ta đã vì các ngươi và y theo pháp mầu sâu xa của kinh điển Đại thừa mà trao ba pháp quy y, xưng danh mười hiệu và nói mười hai pháp nhân duyên đã xong. Lại nghĩ rằng các ngươi từ vô thỉ có nghiệp chướng sâu nặng nên đọa làm súc sinh, nay ta vì các ngươi đối trước Tam bảo phát lồ tội khiên, cầu ai sám hối, nguyện cho các ngươi tội chướng băng tiêu, sau được sinh lên cõi trời, gần gũi Phật và được thọ ký.

Hiện tiền các loài chúng sinh dốc lòng sám hối, từ vô thỉ đến nay vì không ngộ bổn tâm nên luân hồi trong sinh tử, ở trong các cõi, trong thì không có mắt tuệ, ngoài thì gần gũi kẻ ác, mở cửa luông lung, tạo nghiệp sinh tử, sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, nói thêu dệt, nói ác, nói lưỡi đôi chiều, tham lam, sân si, tà kiến, tự mình làm, dạy người làm, thấy người làm khen ngợi hoặc vui mừng, bốn mươi thứ ác này tương ứng từng niệm chưa từng xả bỏ, hoặc là làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp tăng, giết A-la-hán, giết hại cha mẹ, hoặc giết hai vị thầy thế gian và xuất thế gian, hủy báng kinh điển, trộm cắp tài vật của chúng tăng, tự phá tịnh giới, làm nhiễm ô phạm hạnh của người khác, cân non đong thiếu, lấy giả làm thật lừa dối kẻ khác, uống rượu hôn mê, phạm các tội lỗi, làm tổn hại chúng sinh để cung cấp thức ăn cho mình, tạo vô lượng tội, kết vô lượng oán, đến nỗi thân này luân hồi trong ba cõi, đọa làm súc sinh để đền trả nợ kiếp trước, từ khổ đi vào khổ, mà không có

thời hạn thoát ra. Nay gặp Tỳ-kheo nói pháp Đại thừa, vô biên trọng tội này xin Phật Thế Tôn chứng tri, cùng xin sám hối, nguyện tội tiêu trừ, nguyện tội tiêu diệt. Nguyện cầu sau khi phóng sinh, các ngươi không còn bị sập bẫy mắc lưới, sống cho hết số mạng, sau khi xả thâ, nương nhờ nguyện lực của Phật Bảo Thắng mà sinh lên tầng trời Đao-lợi, hưởng sự vui sướng, có các Đức Phật xuất thế nói kinh Đại thừa, thì lại ở trong pháp hội và được nghe pháp, tâm ngộ vô sinh, được Phật thọ ký, cũng như Oai Đức Xí vương bình đẳng không khác. Nguyện cầu người làm việc phóng sinh, từ nay trở đi hạnh nguyện be luôn thêm lớn, gặp Phật Di-đà và các thánh chúng, sớm chứng vô sinh, phân thân các cõi, rộng độ hữu tình, đồng thành Chánh giác.

TRUYỆN MỘNG THẤY CÁ

Pháp sư Tứ Minh ghi.

Ta đến đây nhậm chức, y theo hạnh ngài Phổ Hiền, không cho mọi người đánh bắt cá trong ao, hồ, sông, rạch. Mùa đông niên hiệu Cảnh Đức thứ tư, ta vâng chiếu quay về Kinh đô, đến đêm mùng mười tháng mười thì bỗng mộng thấy dưới sông có đến mấy vạn muôn cá, chúng đều khóc mà nói rằng: “Trưởng giả đi rồi, chúng tôi vị người ta bắt đi chiên, nấu, tiếng khóc than không thấu được trời. Nhưng mà đây là thật hay giả, là chân hay vọng, làm sao biết được người đến nhậm chức sao không như Trưởng giả, tiếng than này con người làm sao hiểu được, xin quân tử chứng giám, sao nỡ để chúng tôi bị chiên nấu”. Ta thấy buồn cho loài hữu tình, nên ghi lại lời này.

Sa-môn Tứ Môn Tri Lễ tình cờ thấy chuyện này, và có thể biết được nguyên do ấy, nếu chẳng phải kinh điển liễu nghĩa thì sao biết được nguồn cơn. Bởi tánh của cá là Phật tánh, vốn không khác với tánh của người trưởng ấp, do nơi sự việc mà chia làm hai, thật ra vốn không hai. Phật đã giác ngộ trước, lập giáo pháp để giáo hóa người, quan sát tánh của loài vật mà khởi tâm bi đồng thể, làm cho nó thoát cơn nguy hiểm và chỉ bày sự an vui cho chúng, khiến nó trở về bản tánh vốn có, cùng ngang bằng như tánh Phật, cho nên Trưởng giả Lưu Thủy cứu loài cá mà được thành Phật, cá cũng sẽ thành Phật sự ứng nghiệm không hai.

Nay những điều ta mộng thấy đâu phải là tự nhiên, chính là do Phật dạy việc phóng sinh, cá sẽ được giải thoát, người phóng sinh tăng thêm điều lành, lý là như vậy. Mong người thấy nghe gắng sức thực hành theo lời dạy, xét kỹ nơi tâm tánh, để mình được bằng với Trưởng

giả Lưu Thủy.

Ngày mười một tháng tư niên hiệu Thiên Thánh năm đầu tiên.

Vua ban bài minh khắc trên bia dựng ở ao phóng sinh trong viện Diên Khánh.

Vua đất Việt vì dân chúng trong nước dùng súc vật để tế thần, ban đầu sai làm vòng lưới để săn bắt cá, chọn dụng hợp thời tiết, bởi do thuận với sự sát phạt mà nuôi dân, cho nên bốn vật linh làm súc sinh, chim cá cầm thú chết hết, thật là đáng thương. Muôn vật như bị tan tác, cỏ cây bèn rơi rụng, và đại đạo đã ẩn mất, phong tục thuần hậu không còn trở lại, con người ham muốn không biết thỏa mãn, muôn vật hung bạo, các loài côn trùng ẩm thấp kín đáo đều bị tổn thương, bậc thánh than thở, quân tử lo lắng thương xót, trải qua nhiều đời nêu bày các việc ngăn cấm chẳng phải một, quý là ở chỗ cuối cùng mọi người cũng trở về lòng nhân, làm cho đời được thái bình thạnh trị. Thánh Tông bỗng có muôn nước, Chân Tông nối tiếp thái bình, lại như chim trĩ tung hoành lên hư không lại nuôi dưỡng tơ tằm dệt lụa mà báo gốc, song còn cất chứa những gì hay đẹp để truyền lại cho đời sau, mọi sự chìm nổi đều phế bỏ, phước trời làm giềng mối cho nguyên nhân ban đầu. Vâng chiếu chỉ ở đất Kinh hồ thuộc Chiết giang tỉnh Hoài nam có ao phóng sinh, nay sửa chữa hoàn tất tăng thêm phần mới đẹp. Chỉ có ngài Tứ Minh mới phân biệt hiểu rõ vùng đất cũ của Dương châu, các loại cá sống ở dưới nước rất nhiều, dân còn ngu si dốt nát chỉ lo lợi cho bản thân mình, các loài sâu bọ nhỏ bé không nhờ vào đâu mà sống nổi, ở ao dơ bẩn kia các lưới giăng đầy, các loài cá lớn như cá côn, cá phi có thể tránh được, còn các loài lươn trạch thì khó thoát khỏi, may mắn tăng thêm, lòng tham không phân biệt, ai cứu giúp để khỏi lỗi lầm. May có Đại sư Pháp Trí đạo phong cao vời vợi, hạnh nghiệp thuần phục, truyền tôn Thiên Thai chỉ quán, tu sám pháp Phổ Hiền, trừ được tội lỗi ban ngày không ngủ say, ba năm là kỳhạn thường thường nhớ niệm, thân này đáng ghét như giặc, chí muốn lìa bỏ, an vui nơi vắng lặng, cố nhiên để sánh với nhà xí thì rất nhàm chán, sắp có công hiệu đốt thân chân thành cúng dường. Mà đại thiện trí thức khẩn thỉnh khuyến khích trụ thế. Bọn quan phủ hạch sách đốc thúc kẻ dưới bảo toàn, thật nhanh chóng thuận theo chúng, suy tư lấy lợi tha làm đầu, huống gì gặp sự vận chuyển của thánh thần thích nghi khôi phục lai, từ bi phương tiện dùng phép tắc nhắc nhở những hạnh mê muội, nên thương xót cứu giúp trở về cõi thanh tịnh này, mà nương tựa chứa nhóm công đức lưu lại cho đời sau, thăm thẳm như vực sâu mầu nhiệm, thấu đạt điều lớn lao, thấm dần nguyện lực vô cùng

cực để độ chúng sinh đạt được lợi ích, luôn vâng mạng người dưới, công tư hòa hợp vâng theo, từ đầu đến cuối không lầm lỗi, thẳng đứng cao lớn giữ gìn khắp tất cả. Do duyên tâm giáo hóa khắp xóm làng, rộng ban bố nhiều thứ, khắp tất cả được thoát khỏi, phòng dự thi mắc lưới lại sớm có trăm phương ngàn kế, song trở về sông lớn phía Tây khiến mùa xuân niềm vui tràn đầy vận mạng của muôn vật. Lại hàng năm lấy ngày Phật đản sinh, đại chúng hòa hợp dạo chơi khắp đó đây, trên thuyền tơ gấm đủ màu kéo dài thỏa thích khắp cõi Phật, gặp duyên tốt như dòng nước chảy suốt, hiểu quả báo lành như ngậm châu trong miệng, không gì là không mạnh, giữ gìn đảm đang chủng loại đều tạo, dòng sông uốn quanh mênh mông, vui sướng thay cùng khen ngợi, mừng vui nương hoa sen mà thệ (vãng sinh), như bọt nước cỏ trôi trên mặt nước. Cố nhiên là rất vui, mong vượt qua bờ hào thành lũy và nước, dẹp bỏ rọ hư, nơi khô cạn gọi là hất không, đến nơi có lưới thì phải bẻ cần tre, sám hối tội lỗi thì nghiệp biến đổi. Than ôi! Thuần phục theo phong tục xưa, chí có nói rằng: người thú ở chung lẫn lộn không làm hại nhau, toàn ăn cỏ cây để nuôi mạng sống, bậc Thánh triết gầy dựng gieo trồng hạt giống làm giáo, vì trước đó dân đó bị xem thường, vì vậy nên hòa hiệp trăm điều vui vẻ. Rùa rồng ở ao trong cung, loại trong thai trứng không bị giết hại, tuy nơi ấm biến hóa dần, cho nên gọi là Thát tế cá (con rái cá), song sau trông mong người vào ao đầm. Lại nói: câu mà không có lưới, ruộng thì không có cá, đều lấy đức trên làm sáng tỏ, ngăn ngừa lỗi lầm dưới. Từ xưa sự trị vì của các vua chúa đều chuộng sự sống làm gốc, thường nghiêm trì giới luật khiến chuyên đè nén không tản mát, kia như dụ dẫn làm lợi cho người, mênh mông quấy động mà quên trở lại, hại đã rất sâu, pháp không thắng gian xảo, thiên tai liên tiếp liền bỏ sót lợi lộc một hạt lúa. Cho đến khi thì trời nắng cạn khô thì mưa nước tràn khắp, núi trơ trọi, ao đầm khô cạn, côn trùng bị làm hại, đường sống không trông mong vào đâu, bọn hung bạo mạnh nhóm họp làm loạn, đánh trâu giết chó bán, muốn trộm rượu đâu chỉ bỏ mất bổn nghiệp, khinh suất phần nhiều mạo phạm mắc án tử hình, chẳng cần kiềm chế, ăn uống no nê vị tanh hôi, trời tàn hại sinh mạng, muôn vật phạm vào đạo gia kiêng kỵ rõ ràng, việc ắt tốt đẹp trở lại, bỏ đi lời bàn luận tốt đẹp đời Xuân Thu, thích hợp với chỗ bại hoại ấy ư! Bậc sĩ không có từ bi, đâu bằng giác ngộ nguồn gốc. Lại nói: Phàm có khí huyết đồng một xúc thể, tất cả hằng hà xa cõi cùng một chân tánh, há lại nói lời tự do buông lung lòng ham muốn, kết nghiệp luân hồi, lý kia không hiểu, duyên tâm quán được như kinh Kim Quang Minh có luận giảng rõ ràng. Huống chi khu vực Ngô Việt đất phì nhiêu

gấp bội, lúa má mênh mông, tre gai bạt ngàn, gò đất cao thì cây cỏ tre măng ùm tùm tập hợp, nước thì có biển rong rêu rau cỏ, sẵn có đầy đủ để xoay về nơi theo, trâu quý tốt đẹp đông nhiều, cũng không cần phanh thai cho báo an lúa, nhai nhấm huyên náo cá con, sắc chất mùi vị kia là phủ tạng, mùi cỏ thơm hôi kia là xương tủy, thực khí (thức ăn mùi vị) đã hơn, thịt khô độc càng dày mà tai nạn bệnh hoạn chết yểu cũng chưa hẳn là không do đây. Xét rằng, xưa các bậc Thánh lập pháp là để kiềm chế mọi người, lớn nhỏ sang hèn không cách nhau quá xa, chỉ có vua là ăn thức ăn quý hiếm, chỉ nhân khi tế lễ mới làm thịt súc vật cúng tế để tỏ lòng tôn kính thần thánh, đâu tính liệu đời sau có đụng chạm đến sự chuộng lợi ích lo lắng biết ghi chép cùng tận, quản lý nền gốc trần thiết chạm vẽ nơi những thứ đựng đồ cúng, niêm thị trở về với Thái sơn, cho đến nuôi dưỡng khách ăn ba năm, dò xét tâm trâu một cắt, rong ruổi chạy theo sự ưa thích dục vọng xa xỉ tốt đẹp, hạng hào kiệt đều bắt chước, phong tục càng giả dối, cố nhiên tuy trống rỗng không sống gò hết sức săn bắt, thân thể để làm thành tựu công việc, cho đầy đủ nhu cầu kia, vậy nên biết nguồn gốc nhu cầu kia rất sâu xa, song sẽ có đến dần dần, căn cơ quyền biến không đủ để ngăn chống, bùa rìu ngăn chặn không đủ để dụng oai. Cho nên nói: Người tốt vì nước trăm năm, song rau có thể lấy cái mạnh hơn tàn sát nước lớn do ngã, triều đại lớn còn rộng thứ mà trị vì, do Thánh nối tiếp Thánh, gần sáu mươi năm vâng theo nhân nghĩa trên mà an ổn chúng sinh, dùng đạo lý ôn hòa mà an ủi vỗ về sự hung bạo của thế tục, kính trọng Tam bảo và Trưởng lão, làm ngoại hộ đại hùng. Đại sư hy vọng sớm được trùng phùng hưng thịnh, kết tụ kết quả nhiệm mầu. Cõi kia phúc lộc bí ẩn kính mến thương yêu giúp đỡ nhà cửa, tỏ bày sự bố thí lớn mà không có thế lực, thật sự bằng lòng cậy nhờ hàm linh, cho đó là ích lợi, thích hợp có phô bày rõ ràng cấp cho nhiều nhiều bệnh. Xưa kia tại cấm rừng, tìm kiếm rơi về nghề nghiệp, xoay về lại chịu làm quan nhỏ đợi tội trong ty. Từ khi chịu ghi chép phần nhiều mượn cớ kể đầu đuôi câu chuyện mà không biết, trong thiếu đã quá, nghiêm răn suy nghĩ không kham nỗi, trốn tránh nhún nhường lúc ban đầu, nghi ngờ mà lại rộng hun đúc dấu vết Đại sư, thu thập gởi thư hỏi thăm, đốc thúc thuật lại điều ấy, ghi chép vào văn bia để ghi nhớ mãi, vin vào xe ngựa vượt lên trên chỉ thành nhiều câu, cứu xét trình bày tạo ra dáng dấp hay ho, chung cho mọi người xem, đọc thầm đi quanh ao nước lạnh, có chia thành nhiều chương, khen ngợi đã thành văn không sánh kịp ý, tự thẹn cùng với những người tài năng, viết bài minh kia rằng:

Trời đất rộng lớn
Nhân nghĩa Thánh hiền
Vời vợi tôn nghiêm
Đời đời đức độ
Thuận đạo người xưa
Hợp với lòng dân
Điềm lành hưng thịnh
Muôn vật trang nghiêm
Dễ có lòng tin
Sách vỡ ghi đủ
Đức tin càng thêm
Thấm nhuần lan rộng
Tự tại an vui
Nếu đắm thế tục
Tàn hại càng nhiều
Lân phượng bay đi
Cá kình quậy sóng
Chỉ trời thông minh
Bèn cầu bậc thánh
Đất nước đại đồng
Cõi nước yên tịnh
Rực rỡ tổ tông
Chất chồng thêm sáng
Thấm đức đôn hậu
Dung mạo nhân ái
Phục sức theo nam
Thức ăn tươi tốt
Sửa sinh phòng bị
Muôn vật vươn chồi
Nhân tài an tịnh
Ao vàng thông suất
Dựng thành đê lớn
Luyện lắng trăm trượng
Gió thổi nước đứng
Chiếu soi cảnh tượng
Sớm chiều bố thí
Thành tâm sám hối
Chim cá dạo chơi

Quét sạch hết sóng
Thương sâu đau xót
Trung thực hết lòng
Quốc giáo sánh kịp
Kinh sợ xót thương
Đầu mối do đây
Từ xưa đến nay
Điều lành đáng kính
Hổ thẹn chẳng lành
Mà được khen thưởng
Nhờ thời đại này
Khắc chép ghi nhớ.

Ngày mười lăm tháng bảy năm Ất sửu niên hiệu Thiên Thánh năm thứ ba, vị tăng ở Tráp Khê hiệu Nhân Nhạc ghi chép.

Vâng phụng vua, Đại phu Thượng thư hình bộ lang Trung tu hợp đủ nhân hiền sửa chữa biên soạn biết rõ Minh Châu, Quân Châu bao gồm buôn bán, thuyền bè qua lại, quản lý nội hạt khuyến khích việc công nông, làm nền tảng cho nước nhà, được vua ban dãi lụa đỏ buộc cá vàng, do công lao các hiền tài chung sức dựng lập.

■

GHI CHÉP VỀ GIÁO VÀ HẠNH CỦA TÔN GIẢ TỨ MINH

QUYỂN 2

- Quán kinh dung tâm giải.
- Tu sám yếu chỉ.
- Thích phụ hành truyền hoằng quyết đề hạ chú văn.
- Chỉ quán nghĩa lệ cảnh trí hổ chiếu.
- Thiên Thai giáo và Khởi Tín luận dung hội chương.
- Thích thỉnh Quán Âm sở trung tiêu phục tam dụng.
- Đối lan nghĩa sao biện tam dụng nhất thập cửu vấn.

QUÁN KINH DUNG TÂM GIẢI VÀ LỜI TỰA

Một hôm người học cúi đầu nói rằng: mười sáu pháp quán là bến bờ tất yếu để giải thoát, nghe đã hơn năm, vụng siêng năng nghiên cứu, quán đạo chưa hiểu, tạo lập tu tập đâu có chỗ nương tựa, dám xin thỉnh cầu chỉ dạy cho được thông suốt, ngõ hầu làm khuôn phép. Tôi trải lời: Chú thích rõ ràng, ôi mê hoặc làm sao! Bỗng có chỗ ngăn che thử hỏi làm sao thông, hễ hỏi chỗ nào thì trình bày chỗ đó. Dẫn văn để chứng minh, xem qua xem lại đã nhiều lần, tôn chỉ nghĩa ý dần dần sáng tỏ, còn sợ chúng sinh đời vị lai chưa nghe hiểu biết, những người không thông suốt nhờ đây mà hiểu biết. Lúc này nhằm ngày mùng chín tháng chín năm Giáp dần niên hiệu Đại Trung Tường Phù năm thứ bảy đời Tống, tác giả tự trình bày.

Người học hỏi rằng: Mười sáu pháp quán trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, đối với ba thứ quá môn của các nhà giải thích đời nay thuộc về môn nào?

Đáp: Đã chẳng phải nhờ nơi sự nghĩa lập quán lập cảnh, thì không gọi là thác sự (mượn việc), lại chẳng tóm lược pháp tướng nhập tâm thành quán, đâu có quán hệ gần gũi pháp. Bà Vi-đề đặc biệt thỉnh Phật giảng nói pháp môn niệm Phật để thọ trì, thệ nguyện luận đàm pháp

tu chứng đến chết, tuy nương gởi vào kia mà chính đều hiểu rõ duy sắc duy tâm, dùng thân pháp giới nhập vào tầm tường, cho nên y cứ vào hành để nói.

Hỏi: Tuy là vái vào hành, mà ban đầu quán mặt trời lặn, giữa tưởng thân Phật, sau cùng luận về ba bậc, vì chỉ quán tưởng y báo, chánh báo sự cảnh mà thành quán hạnh, vì chiếu ba đế lý đó thôi ư! Mọi người nghi ngờ cúi mong giải thích rõ?

Đáp: Ý Phật tuy rõ ràng mà lời kinh khó hiểu, cần phải nhờ vào pháp tứ y chỉ bày phương pháp tu tập kia. Vì sao? Vì tôn chỉ ý nghĩa của một bộ kinh là suy tìm nơi đầu đề của kinh ấy, cho nên lời sớ nói: Pháp quán tuy có mười sáu, nhưng lời Phật dạy đã bao trùm tất cả. Đã dùng một tâm ba quán giải thích quán, một thể ba thân giải thích Phật. Thật tướng các pháp là chánh thể của kinh. Tu tâm diệu quán hiển bày bốn cõi tịnh làm tông, dứt trừ được năm tội nghịch liền sinh chín phẩm làm dụng, Phương đẳng Đại thừa Viên Đốn là giáo tướng. Năm lớp đã vậy đâu chỉ tưởng sự cảnh tiêu văn kinh ư! Ngài Kinh Khê nói: đầu đề đã vậy, cuối đề giải thích lý riêng chẳng dễ dàng gì. Lại Bất Nhị Môn nói rằng: Xem riêng là chung, văn phù hợp có thể biết, cho nên đầu và văn kinh chung riêng hiển bày lẫn nhau không thể là khác, cho nên biết mười sáu pháp quán đều viên ba quán.

Lại hỏi: Bà Vi-đề-hy bị nghịch tử giam trong cung lạnh, bèn khóc lóc thỉnh cầu Đức Thế Tôn chỉ dạy nơi không còn phiền não, cho đến Phật phát ra ánh sáng chiếu soi các cõi thâu nhiếp nơi đài vàng, mà nói không ưa cầu các cõi khác, mới dốc lòng cầu Cực lạc, huống chi sớ văn trình bày chung cõi Lạc bang toàn cõi đất đề bằng vàng báu, căn cứ các văn đây chỉ ở cõi Đồng cư là nêu rõ, cho nên chỉ y cứ vào ba quán bốn cõi mà nói ư!

Đáp: Muốn giáo pháp hưng thịnh, sao chẳng phải đối với việc gần mà vào ư! Bà Vi-đề-hy tuy muốn xả bỏ ô uế này mà cầu sinh cõi an tịnh, nhưng Phật dạy pháp quán, xả uế phải hết hiển tịnh không sót, như mặt trăng bao trùm tất cả để tránh khỏi bệnh xa lìa quả báo, thỉnh Quán Âm và đọc tụng chú mới có thể tiêu phục nguồn gốc ba độc, đầy đủ quả ngũ nhãn, các giáo hưng thịnh do kia theo lệ phần nhiều là vậy, cho nên tu nhất tâm ba quán cầu sinh Tịnh độ, tức dùng ba hoặc làm nhân cõi uế, dùng ba đế làm quả cõi tịnh, cho nên biệt hoặc hết sạch, thì tịch quang tịnh, rốt ráo ba đế. Nếu hoặc này chưa hết thì thật báo tinh phần chứng ba đế. Thông hoặc hết thì phương tiện tịnh, tương tự ba đế, hoặc này còn thì đồng cư tịnh quán, thực hành ba đế. Nếu không có đế quán

này thì đâu khiến bốn cõi đều tịnh, còn chẳng phải uế thật báo, đâu chỉ tịnh Đồng cư. Ngài Kinh Khê nói: kiến tư hoặc chưa phá, an lạc hạnh là khí hần của hạnh Đồng cư Tịnh độ. Cho nên sớ nói rằng: kinh này lấy tu tâm diệu quán làm tông, thật tướng làm thể. Nếu không như vậy, thì tông chẳng hiển tông của thể, thể chẳng hiển thể của tông gia, đây như nhà Nho dạy con về phương pháp y thực, tức khiến đọc sách cầu lộc thì sự giàu sang sẽ đến, đâu cần cày cấy buôn bán. Hiểu được ý của thí dụ này thì kinh này sẽ hiểu.

Lại hỏi rằng: Nếu có thể viên tu ba quán hiểu sâu diệu lý, sao không chỉ ở cõi Ta-bà vượt thẳng ra sinh tử, đâu cần xả bỏ cõi này cầu đến cõi kia, lại tự tu ba quán, sao gọi là hạnh Tịnh độ?

Đáp: Kinh này tuy quán lý sâu, nhưng vì y báo, chánh báo cõi Cực Lạc làm cảnh, tu ba quán thì khác với trực quán các quán trong ba đường. Cho nên người gọi là Tịnh độ. Nếu không như vậy thì bốn thứ Tam-muội làm sao phân biệt, lại vì cõi này trước nặng tu đến Thập tín mới vượt khỏi vòng khổ, cõi kia cảnh giới tốt đẹp đến được chín phẩm thảy đều không lui sụt, cho nên dạy gá vào cảnh tốt đẹp kia mà tu quán, dù lý chưa hiển bày kiến ái vẫn xả, báo sẽ sinh nơi không còn lui sụt, như đây vì sao không bỏ cõi này cầu về cõi kia! Cho nên luận Khởi Tín chép: Hàng sơ học Đại thừa tâm còn nhút nhát do ở cõi Ta-bà không thường gặp Phật, sợ rằng tín tâm còn lui sụt, nên biết Đức Như Lai có phương tiện tốt đẹp, chuyên niệm Tây phương Cực Lạc thế giới của Phật A-di-đà cầu sinh cõi kia, nếu quán pháp thân chân như của Đức Phật ấy thì chắc chắn được sinh về nước ấy, an trú nơi chánh định. Đã sợ cõi này thiếu duyên, lòng tin lui sụt nên cầu sinh về cõi kia, nên dạy quán chân như pháp thân của Đức Phật giải thích kinh, cùng với ý ngựa hý không có chút khác nhau, cho nên luận Thập Nghie nói về chánh hạnh vãng sinh, dạy quán tưởng pháp thân, báo thân của Phật Di-đà, ánh sáng tướng tốt và bảy báu trang nghiêm nhiệm mầu... ở cõi Cực Lạc, nói đầy đủ như trong Kinh Thập Lục Quán, thường thực hành Niệm Phật Tam-muội, cho nên biết chánh hạnh vãng sinh là ở ba quán tưởng ba thân kia. Nay duyên Đức Phật kia tu ba quán ấy, là thực hành sâu Tịnh độ quán lý nhiệm mầu, xả cõi này cầu cõi kia, tâm ban đầu không lui sụt, nghĩa kia đều thành.

Lại hỏi: Trong mười sáu phép quán đã không có lời suy tìm lý, sớ văn tùy giải thích, không có lời chỉ bày ba quán, vậy thì ba quán giải thích danh, bốn cõi hiển bày thể, mới gọi là khai mở viên giải, như đã đạt đến trải qua cảnh tu quán, lại chỉ tưởng nơi sự cảnh, nương gá buộc

niệm, sinh về cõi Lạc bang kia, đã được không lui sụt thì lo gì không đến cõi Thật báo Tịnh Quang, sự dựng lập của tông đâu thể vượt ngoài hai môn giải hạnh ư!

Đáp: Lý giải thích đề, sự hành tiêu quán, chưa thể được, sao lại đề nêu quán Phật, kinh nói bao gồm tất cả, chủ bạn y báo chánh báo đầy đủ có mười sáu, sợ rằng khác dấu vết, cho nên trước hết nêu lên rằng: Nêu chánh báo để đạt được y quả, nói Hóa chủ thì bao gồm đồ chúng, kinh đã nói theo chỗ quan trọng. Sở là y cứ chung mà nói, người giảng cần phải dùng chung mà quán suốt riêng, người tu vẫn phải dùng lý dung sự mới được gọi là thật tướng, xứng với tông thể không trái ngược, dù giải hạnh có sai, chung riêng trái nhau thì đề chẳng phải tên kinh này, quán chẳng phải đây thì gọi là triệu, các tác phẩm ở đời nếu cũng trái với đề thì không đúng cách thức huống chi thánh giáo ư! Nếu cho rằng không có văn thì thành vu khống, cho nên kinh dạy: "Pháp giới thân của các Đức Phật nhập vào trong tâm tưởng của chúng sinh, cho nên nói khi lâm tưởng Phật thì tâm ấy tức là ba mươi hai tướng, tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật". Sớ soạn cảm ứng đạo giao đã giải nhập tương ưng thích, nếu không có sơ thích phải quán Phật, nếu không giải thích tiếp thì chúng sinh và Phật thể khác nhau, hai lần giải thích nương nhau mà thành. Nay Quán Pháp sớ nói rằng: Phật pháp giới thể không nơi nào là không trùm khắp, niệm Phật Tam-muội giải nhập tương ưng". Cho nên nói nhập vào trong tâm tưởng, tự chẳng phải Tam-muội nhất tâm tam chỉ, đâu thể cùng với pháp giới mà luận về ứng nhập được. Tâm ấy làm Phật: nói tức tâm biến chuyển toàn tánh thành tu. Tâm ấy là Phật: Ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm. Đây là kiến cho hành giả hễ quán một cảnh nào đều biết tâm biến chuyển, toàn thể là tâm, đã toàn là tâm, tâm đâu thấy tâm, như ngón tay không tự đụng ngón tay, đao không tự làm tổn thương dao. Cho nên Kinh Bát Chu chép: sở niệm của ta là thấy tâm, tạo tâm Phật tự thấy tâm, cho đến nói rằng: Tâm ấy không biết tâm, tâm ấy không thấy tâm, tâm có tưởng thì si, không tưởng thì Niết-bàn. Chỉ quán căn cứ đây mà lập Trung quán, nếu Trung quán lập thì nhậm vận tức ba. Văn trong kinh Bát Chu này cùng kinh này rộng lược có chút khác nhau nhưng tôn chỉ thì không khác nhau, Đức Như Lai vốn sợ chấp tướng quán Phật không thành diệu tông, cho nên ở trước chân tượng chỉ bày quán thể, dạy nương pháp này mà quán thân Phật, nếu không nương pháp này thì đây thể riêng thành diệu quán, hoặc là cũng không phát sinh tướng tốt. Người có trí hiểu được tôn chỉ nhiệm mầu của kinh, như ở đầu đề có nói trước về quán thể, nay sẽ quán nhập mười

sáu môn này thì tướng tướng viên dung tâm tâm vắng lặng, cho nên thứ chín Phật tưởng, sở gọi là chân pháp thân quán, chân theo đối tượng, pháp làm sao tiêu, cùng pháp thân thanh tịnh nhiệm mầu của Pháp Hoa đầy đủ ba mươi hai tướng, vì sao mà khác ư! Phải biết pháp thân của Tiểu thừa, nghĩa đồng với sinh thân, sinh thân của Đại thừa nghĩa đồng với pháp thân, cho nên Đức Thích-ca Mâu-ni tên là Tỳ-lô-giá-na, tám muôn tướng hải đâu chẳng phải pháp thân, huống chi chẳng phải chính mắt trông thấy rõ ràng, chỉ là quán thành. Văn kinh chép: “Thân pháp giới của Phật nhập vào trong tâm tưởng của chúng sinh”. Lại nói: Tâm nếu là Phật đâu thể hạn cuộc thân của ứng thân, tưởng của hữu tưởng ư! Cho nên bà Vi-đề-hy nghe xong liền đốn nhập phần chân, các thị nữ nghe đều được tương tự, chẳng phải cảnh viên quán, chúng sinh đương cơ đâu được chứng nhập như đây, do kết quả hiệu nghiệm lợi ích, pháp quán có thể biết.

Lại hỏi: Trên là căn cứ vào tâm này là Phật, đây chính y cứ vào Phật, trong luận tại sao nói các môn giới luận về ba quán, mong nghe giải thích rõ ràng để dứt các sự nghi ngờ.

Đáp: Nếu đối với hàng sơ tâm mà đã Trung quán thì sẽ song chiếu nhậm vận thành ba, nhất quán đã thế thì các môn khác cũng vậy, bởi người Viên Giác vốn tin các pháp viên dung, nay gá vào duyên tốt tưởng nơi các tướng, liền biết các tướng bốn tánh bất sinh, pháp thể vốn không, tâm cảnh không thật có. Tuy biết không thật có mà không ngăn ngại duyên sinh, toàn tánh khởi tu, nghĩ nhớ liền thấy, khởi là do tánh khởi, không là tánh không, tánh chẳng phải hai bên, năng sở cũng bặt dứt, chỉ có tâm chỉ có sắc, đối đãi quên mất, cho nên chỉ quán chia văn Bát-chu tâm Phật không thật có, là không, việc mộng rõ ràng là giả, tâm không thấy tâm là trung, nói thì ba tướng rõ ràng, tu thì một niệm đầy đủ. Kinh chỉ bày các tướng, dạy phải quán kỹ, người của Viên giáo tu chẳng phải các tướng này thì không cứu xét, cho nên biết mười sáu pháp đều có ba quán, mà ba quán đây ở trong một niệm, nay quán y báo, chánh báo mỗi thứ đều có công năng, vì sao? Vì tâm cảnh không thật có cho nên nhiễm có thể quán tịnh, không ngại duyên sinh cho nên trưởng thành tướng khởi, duy sắc duy tâm cho nên ngay nơi ấy hiển hiện. Có người nghi ba quán ngăn tưởng y báo, chánh báo, nay nói ba quán năng hiển y bá cháh báo, ba quán dần dần làm rõ y báo chánh báo, ở trong một tâm giúp sức lẫn nhau, phát sinh lẫn nhau. Lại nữa nên biết một tâm ba quán tu có nhiều môn, nếu thẳng nơi ba đường mà hiển bày lý thì đây như một hạnh, nếu nhờ quán Phật mà hiển lý thì đây như

Bát-chu v.v... Nếu đối với sổ tức hiển lý như thỉnh Quán Âm, nếu đối với thiện ác vô ký hiển bày lý, như trải sự hiểu ý, ba quán này chẳng phải thẳng đối với ba đường hiển lý, mà là duyên Tịnh độ y báo chánh vào mà tu, tuy duyên theo sự chẳng phải tán thiện ác và vô ký, cho nên biết tuy đồng là toàn lý khởi sự nhưng phải phân chia nghịch thuận, sự trái lý chiếu soi khiến dứt bặt, sự thuận lý quán khiến thành tựu. Nay y báo, chánh báo là diệu dụng của Phật tương ưng với viên quán. Đây quán chưa thành thì tùy giả tưởng mà tiến, cho nên quán mặt trời làm băng cứng, nếu đấm trước quán này thì dùng Phật pháp làm duyên, cho nên quán đất, cây, thân Phật, nên biết dụng một tâm, ba quán thì y báo chánh báo rõ ràng, chẳng phải một tâm ba quán y báo chánh báo khó hiển bày.

Lại hỏi: Pháp giới nhập tâm, tâm này là Phật, là thể diệu quán, người hiểu không nghi ngờ, như văn kinh kia nêu quán đầu tiên, các quán dưới đây đã có thể thức, có thể tức đủ ba, các môn đây Đức Phật đã chưa chỉ bày lấy gì làm bằng cứ để tu ba quán?

Đáp: Đức Phật thường quán sát căn cơ để chỉ bày pháp, trước hết khước từ ý kia khó so lường, hiểu sâu ý kinh không như tứ y, đã dùng ba quán ba thân giải thích đề mục chung mà gọi là mười sáu, Phật nói bao trùm tất cả, hành nhân đâu thể không vâng theo lời nói này, nếu kia chưa hiểu phải tìm hiểu hỏi han cho thấu đạt, cẩn thận chớ bỏ kinh theo tình mà dùng ngu vấn nạn trí, huống gì một nhà chế lập trường hợp ấy càng nhiều, như văn Bát-chu tam quán, sám Phổ Hiền sáu căn, đều là trong định thấy thánh, bắt đầu chỉ dạy pháp môn kia. Nhưng bậc trí dạy người đều phải chuẩn bị trước rồi mới vào đạo tràng, sao không nghi ngờ mà chỉ trách ở đây, huống chi ngoài một nành chánh thọ vị thiền sáu diệu trở lên không gì là không đầy đủ đối với tưởng vô lậu, sao Đốn giáo Phương đẳng niệm Phật Tam-muội thuần quán về sự ư! Mong chớ hủy báng kinh mà vời lấy nghiệp Vô gián.

Lại hỏi: y theo văn nêu rõ ràng, nếu tu hành đúng thì đâu cần gá tâm, đã trải qua chánh y rõ ràng, hoặc đại hoặc tiểu, cảnh tướng quanh co mỗi mỗi phải quán, nếu chiếu chân như, thì phải bặt niệm, không hữu đều dứt cảnh quán đều tiêu. Vả lại quán tướng thì trái với chân, chiếu lý thì trái sự, đã khó tính liệu ắt không nơi quay về, mong chỉ bày dụng tâm lâu dài làm phương pháp tu tập?

Đáp: Tuy chia ra lý sự nhưng cùng ở trong một niệm, đã chẳng phải hai nguyên nhân thì đâu cần phải lo lắng tính liệu, cho nên biết thân và cõi không lìa chân như, có thể đối với hàng Sơ tâm không hai

mà soi chiếu, tuy là Viên đốn giáo nhưng ba thứ trước không thể, cho nên kinh Hoa Nghiêm chép: Long vương Tạ Kiệt rưới mưa xoay vòng chỉ biển mới có thể thọ nhận, ngoài ra đất chẳng thể chịu nỗi. Bát-chu Tam-muội quán bốn mươi tám tướng, hiểu biết mỗi tướng lại đối với lúc này mà tu ba quán, ngài Kinh Khê lập thân tướng làm cảnh, không v.v... làm quán. Nay hỏi: vì đợi thân tướng quán thành mới tu ba quán, hay vì trở lại cảnh quán đồng thời mà tu, nếu đợi quán thành, hoặc chín mươi ngày tướng cảnh chưa hiện thì ba quán không thực hành, đâu thành viên hành, nếu nhập đạo tràng tức tu ba quán, nghiệm biết quán tướng không ngại chiếu chân, huống lại một nhà lập viên hành này, không riêng ba quán, phải luận thập thừa. Thân chủ yếu hành thí, miệng vẫn xưng tụng, ba nghiệp đều vận dụng, chín tuần không nghỉ thì Tam-muội mới thành, các Đức Phật đồng hiện, không thể do hạn cuộc tình huống mà tự ngăn ngại, phải dùng sự thông suốt ghi nhớ tạo tu, nhưng chẳng phải viên tông của ta, người khác chẳng thể hiểu, chỉ như ba quán, thể tuy không hai, nhưng nghĩa lại trái nhau, không thì một tướng chẳng thật có, giả thì các pháp đều lập, trung thì tánh lìa hai bên. Hàng Sơ tâm Biệt giáo tuy tin trung đạo nhưng không thể quán ngay được, phải phân tích thể không quán thành, sau phải trải qua nhiều kiếp học khắc các môn, hai quán bằng nhau mới tu Trung quán. Người trong Viên giáo phát động thì trong một tâm đốn quán ba đế, cho nên kinh Nhân Vương Bát-nhã chép: Có không vốn tự hai, thí như hai sừng con trâu, soi giải kiến không ba, hai đế thường bất tức. Lại nói: Đối đế thường tự hai, đối giải thường tự một, tự chẳng trước rõ tánh, đầy đủ pháp dung diệu mà quán, hàng Sơ tâm làm sao vượt qua bậc đã chứa nhóm, công đức tu hành từ lâu xa được, nay y báo, chánh báo thể vốn khó nghĩ bàn, dùng diệu quán mà quán tự nhiên khế hợp, sao lại tưởng sự nhiều ngại là chân thật đoạn diệt mà nghi nan ư! Nên biết Thiền mà dịch là tịnh lự, tức tên khác của tịch chiếu. Đã trong tịch có chiếu, người Viên giáo tu đâu có soi chiếu cảnh tối tăm mà không chiếu ngay nơi chỗ sáng suốt nhiệm mầu. Lại pháp quán này đã giống như Bát-chu, phải luận về ba năng lực, đó là năng lực Phật, năng lực Tam-muội và năng lực công đức vốn có của hành giả, không thể dùng tình tưởng của mình mà bàn luận thánh pháp khó nghĩ.

Lại hỏi: Nếu pháp quán như thế thì ai có khả năng tu chứng! Nếu kia không tu, thì làm sao sinh được về cõi kia, vậy thì đường vãng sinh dứt hẳn, đối với chúng đương cơ đâu có lợi ích gì?

Đáp: Căn tánh của con người đều do Sư huân tập ở đời trước có

thành thục hay không, đối với năng phát, mình còn khó so lường, người khác đâu thể luận bàn, phải tin năng tu không chuyển thì dù cho Phật xuất thế cũng vẫn tối tăm, đâu riêng người đời nay, bà Vi-đề-hy thỉnh Phật giảng nói là vì chúng sinh đời vị lai, Đức Phật biết có lợi ích cho nên khiến lưu thông như vậy, tự mình buông lung không tu, chớ vu khống người năng tu. Nhưng nay luận về diệu quán là nguồn gốc tông chỉ của kinh, nên y theo hạng thượng căn có thể luận về chánh hạnh, cho nên như trên nói Tiểu thừa thực hành pháp năm giới, tám giới, hiểu thảo nuôi dưỡng cha mẹ, làm việc từ thiện thế gian, khi sắp mười ác, năm tội nghịch khi sắp qua đời niệm mười niệm cũng được vãng sinh, cho nên biết chỉ đối với kinh này tận lực tu hành, một niệm tùy hỷ, đều hướng đến biển niệm Phật, đều cùng trở về nguồn linh giác. Nhiếp vật như đây không bỏ sót, trừ tội ác đến cùng cực, đều do kinh giải thích rõ ràng lý viên quán cùng cực nguồn gốc, khiến lực dụng khó suy luận nghĩ bàn luận và bạt dứt không bờ bến, đâu đến nỗi bị mắc kẹt nơi kinh này, phải tôn trọng lời nói người trí để hiểu ý của Như Lai, từ nay về sau, niệm đây tại đây, đối với một niệm tâm hiển bày bốm Tịnh độ, vì vậy các sự nghi ngờ của người học đã đắc được tâm mình, xin hãy vâng hành và chỉ bảo cho chúng sinh đời sau.

YẾU CHỈ TU SÁM

Nhân vào trong điện vâng lệnh của vị chủ viện giảng nói phương pháp tu Pháp Hoa Tam-muội ba ngày ba đêm, vì muốn biết yếu chỉ sám pháp nên trình bày lại đây để chỉ bày cho họ.

Xét rằng các kinh Đại thừa giảng giải hành pháp căn cứ vào uy nghi của thân để phân tích, không ngoài bốn thứ, thu nhiếp tất cả hành hết sạch không gì là không cùng tận: 1) Thường ngồi, tức Tam-muội nhất hành; 2) Thường đi tức Tam-muội Bát-chu, đều lấy chín mươi ngày làm một kỳ hạn; 3) Bán hành bán tọa, tức Tam-muội Phương đẳng, lấy bảy ngày làm một kỳ hạn. Lại Tam-muội Pháp Hoa ba lần bảy ngày làm một kỳ hạn; 4) Phi hành phi tọa, tức Tam-muội thỉnh Quán Âm, bốn mươi chín ngày làm một kỳ hạn. Lại Tam-muội Đại Bi ba lần bảy ngày làm một kỳ hạn, nhưng trong các kinh nói có người không chuyên đi, ngồi và bán, tất cả hành pháp đều thâu nhiếp Tam-muội này. Nhưng hạn định số ngày ấy bởi khiến hành giả khắc phục thời mà phá chướng, mục đích là tu hành quyết định chân chánh, chọn lấy công thành, lý mới hiển hiện. Nếu muốn tu lâu, như phẩm An Lạc Hạnh trong kinh Pháp Hoa chép: Rốt đời sau người tu hành hoặc thời cơ thích hợp thúc

giục, như kinh Quán Vô Lượng Thọ chép: “Một ngày đến bảy ngày”. Hoặc như phẩm Phổ Môn chép “Nhất thời lễ bái...”. Nhưng quan trọng là dụng tâm, không nhất định ngày. Nay tu Tam-muội Pháp Hoa nếu chuyên tinh cho đến tiến công thì đâu lại không phá chướng hiển bày lý được ư! Nhưng phải biết trước chỗ nêu tâm và môn tiến hành, đó là viên thường chánh tín.

Thế nào là sinh tín? Là tin tất cả pháp chỉ do tâm vốn đầy đủ, toàn tâm phát sinh, sinh không có lý khác, đều do tâm vốn đầy đủ, đầy đủ mà không phân biệt đều là duyên sinh. Tướng thế gian là thường, duyên khởi lý chỉ một, sự lý không hai, sắc tâm dung hợp, cho nên pháp pháp trùm khắp, niệm niệm đầy đủ, mười phương ba đời không lìa sát-na, Phật và chúng sinh đều gọi là pháp giới, đương xứ đều không, toàn thể tức giả, hai bên không thật có, trung đạo không thể tồn tại, ba đế viên dung; một tâm đầy đủ, chẳng một chẳng khác, chẳng ngang chẳng dọc, không thể nói để nhập đạo. Nương đây rộng vận chuyển tâm từ bi vô duyên vô niệm, nhờ đây mà khéo an nơi định huệ, vô tác vô vi, cậy nhờ đây mà phá hết tình chấp, tình chấp nào không phá, căn cứ theo đây lại tìm sự bít lấp, không chấp không thông, trong đây thích hợp cho sự trợ giúp, nương gá, hợp thành viên vị, có thể bước lên địa vị tịch nhẫn bất động, không dính mắc tương tự, mau nhập phần chân. Cho nên ngài Thiên Thai Trí giả trước hết dạy người tu hành gần gũi thầy tốt, học chỗ sám hối, tức cảnh bất tư nghì đến chỗ lý quán.

Kế là chỉ bày pháp sám hối, có ba thứ cách: 1) Tác pháp sám: Thân lễ bái, miệng xưng lời, ý suy nghĩ, cả ba phải nhất nhất nương theo pháp độ; 2) Thủ tướng sám: nghĩa là định tâm vận tưởng tướng khởi làm kỳhạn; 3) Vô sinh sám: nghĩa là hiểu rõ tâm ta tự không, tội phước vô chủ, quán thật tướng của nghiệp, thấy nguồn gốc tội, pháp giới viên dung, chân như thanh tịnh. Pháp tuy có ba thứ nhưng hành tại nhất thời, đâu thể thiếu trước, không được sót sau, vô sinh tối yếu, thủ tướng còn chậm rãi, vì tông diệu quán là đứng đầu Đại thừa, diệt tội như lật úp mặt đất cỏ cây đều khô, hiển bày đức độ như chiếu soi, sông lắng rừng cây đều hiện. Dùng nghi thức lý quán này dẫn dắt nơi sự thì nhất lễ nhất toàn, tội nhiều kiếp như bụi thảy đều tiêu diệt, một ngọn đèn, một giọt nước, phước bằng hư không, cho nên miệng nói sám hối sáu căn, tâm còn ba thứ sám pháp, nếu tâm như vậy mới kham năng tiến hành. Pháp Hoa Tam-muội ghi chép: Hành giả mới vào đạo tràng phải có đủ mười pháp: 1) Nghiêm tịnh đạo tràng; 2) Thanh tịnh thân khí; 3) Ba nghiệp cúng dường; 4) Phụng thỉnh Tam bảo; 5) Khen ngợi Tam bảo; 6) Lễ

Phật; 7) Sám hối; 8) Hành đạo đi nhiễu quanh; 9) Tụng kinh Pháp Hoa; 10) Suy nghĩ cảnh giới nhất thật. Nói rõ trong mười thứ này chỉ có nói bố thí là phương pháp, có giáo vận chuyển tâm tác niệm, có giáo tụng văn chương, miệng tự giảng nói đầy đủ rõ ràng trong văn kia, ở đây không chép đủ, nay chỉ lược thuật dụng tâm chỉ thú mà thôi. Pháp thứ nhất nghiêm tịnh đạo tràng, thứ hai phương pháp tịnh thân, ở đây đều có thể thấy... thứ ba tu pháp ba nghiệp cúng dường, hành giả trong thời gian ba nghiệp cúng dường ấy cần phải khởi tưởng khó suy nghĩ bàn luận, xa lìa cho tâm là thật, hoặc hương hoặc hoa thể là pháp giới, năng cúng sở cúng tánh vốn chân không, lượng kia trùm khắp, xuất sinh vô tận, tánh kia thường trú thường thấu suốt không bỏ sót, đâu chỉ đến khắp cõi này phương kia, hoặc cũng khắp nhập đời quá khứ, vị lai, hiến cúng Tam bảo, bình đẳng huân tập cho chúng sinh, tuy gọi là tài thí nhưng dùng tài thông pháp đó gọi là pháp cúng chân thật. Có công năng giúp ích co pháp thân, năm quả đều thường, bốn đức đều hiển, cho nên thầm tưởng kệ hương hoa... pháp thức bốn là thỉnh Tam bảo, thứ năm là pháp khen ngợi Tam bảo, pháp thứ sáu là lễ bái Tam bảo... Vả lại khi mới lễ Phật, hiểu rõ thể Phật không lìa tâm ta, đồng một nguồn giác, viên chiếu các pháp, các Đức Phật ngộ khởi đồng thể bi, chúng sinh mê gương thọ các huyễn, bi khổ tương đối cảm ứng ở đây thành, một thân trùm khắp đến trước các Đức Phật, một lạy khắp tiêu trừ vô biên tội, cho nên thầm tưởng kệ lễ Phật. Kế đến là lúc lễ pháp, biết rõ quả đức mà các Đức Phật chứng, chúng sinh mê lý tâm, tất cả hành môn, vô biên giáo đạo, lìa nhiễm thanh tịnh, có khả năng làm khuôn phép co thánh phàm, xứng pháp môn này, ba nghiệp kính lễ, cho nên thầm tưởng kệ lễ pháp... kế đến là lễ tăng, tức Thánh hiền ba thừa, tuy là nhân vị đã đạt đến nguồn chân đồng với Phật, lòng từ vô duyên đồng với Phật, không cầu mà ứng, nay ta ba nghiệp cảm đến thánh chúng, bốn thệ nguyện huân tu diệt tội gốc của ta, sinh quả vui của ta được quả an, cho nên thầm tưởng kệ lễ tăng... Kế đến vận tâm sám khắp, dụng đạo thành tựu cứu giúp rộng khắp, nếu không như vậy thì chẳng những không thành đại đạo mà còn khó diệt các lỗi lầm, vì sao? Vì ta từ vô lượng kiếp đến nay tạo tội không bờ bến, tự thân là gốc nghiệp, chúng sinh là duyên ác, đời đời đối với kia thương ghét, mỗi nơi đối với người dâm sát, huống gì tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta, không gì là không trói buộc liên quan với nhau, đều bị phiền não che lấp. Nay vận động thể từ bi, như lý sám hối, hết sạch vọng nhiễm, thấu suốt nguồn chân tánh, hoặc đền đáp bốn ân, cứu giúp ba cõi, các loài hữu tình xứng tánh cùng

khắp, cho nên thầm tưởng v.v... pháp sám hối sáu căn thứ bảy và bốn pháp hối, xét về nguồn của sáu tội căn nguyện đều tiêu trừ, tâm tứ hối nguyện đều thành tựu. Người mới tu sám hối, cái gọi là phát lộ các tội, vì sao? Vì như gốc rễ của cỏ cây, lộ bày ra thì bị khô héo, được che phủ thì tốt tươi, cho nên gốc lành cần phải bao phủ thì các mầm lành đều sinh, gốc tội phát lộ thì các tội đều diệt. Nay đối với Tam bảo chân thật thấy biết, chiếu soi khắp bờ cõi thiện ác của ta, cùng tận bờ mé gốc ngọn của ta, cho nên từ đầu đến cuối, từ vi tế đến rõ ràng thảy đều phát lộ càng không che giấu, đó là mười tâm nghịch thuận, chung cho hai phái mê ngộ, nên mê chân tạo ác thì có mười mười tâm, nghịch dòng Niết-bàn thuận biển sinh tử, bắt đầu từ vô thỉ, vô minh khởi ái khởi kiến, cuối cùng đến tạo tội nhất-xiển-đề, bác bỏ nhân quả, do đó nên đắm chìm trong sinh tử không có lúc nào ra khỏi. Nay may mắn gặp Tam bảo là duyên tốt, hãy sinh nhất niệm chánh tín, trước người sau mình, sửa đổi lỗi đã qua, tu tập về sau, cho nên khởi mười tâm, nghịch dòng sinh tử, thuận đường Niết-bàn, ban đầu thì tin sâu Tam bảo không quên bỏ, sau thì viên ngộ tâm tánh vốn vắng lặng, mỗi mỗi trở lại phá mười tâm trên, không rõ mười tâm trước thì không biết sự gây ra tội, nếu chẳng có mười tâm sau thì không biết pháp tu sám, cho nên muốn thực hành ngũ hối trước phải vận mười tâm cho nên thầm tưởng v.v... Tưởng rồi, sẽ nói tội lỗi sáu căn, nhưng văn sám sáu căn này chẳng phải so sư soạn, chính là lời của các bậc Thánh đích thân giảng nói, là Đức Bổn sư Thích-ca nói. Đại sĩ Phổ Hiền thực hành hạnh Tam-muội chỉ bày pháp môn trừ chướng, bởi do thấy suốt nguyên nhân tướng của chúng sinh gây ra tội, lại biết các pháp xưa nay vắng lặng toàn thể linh thiêng, sáng suốt vô tướng vô vi nhiễm ô ngại, dung nhiếp lẫn nhau phát sinh lẫn nhau đều là chân như chẳng phá chẳng lập, tình mê tối tăm, gặp việc thì ngu muội, cho Bồ-đề Niết-bàn là sinh tử phiền não, do đó nên Đại sĩ chỉ dạy phương pháp sám hối mở cửa giải thoát, giúp cho chúng sinh hiểu rõ vô minh tức minh, biết trói buộc tức không trói buộc, căn cứ diệu lý ấy để sám hối lỗi lầm này, cho nên khi sám tội nhãn căn liền thấy thường sắc của các Đức Phật, tiếp thì sám hối tội nhĩ căn, tức nghe âm thanh nhiệm mầu của các Đức Phật, cho đến sám hối ý căn, tức sát-na ngộ chỗ ở của ba thân, một thể bốn đức rõ ràng, do lời tất yếu này mà tất cả tội tướng đều là thật tướng, mười điều ác, năm tội nghịch, bốn tội trọng, tám tà đều là pháp môn lý độc, đều là tánh nhiễm bổn dụng, lấy đây làm năng sám, tức đây là sở quán. Trí mê hoặc vốn như lý sự một mé, năng chướng sở chướng đều diệt, năng sám sở sám đều mất,

suốt ngày gia công, suốt ngày vô tác, đó gọi là tội tướng sám hối, cũng gọi là đại trang nghiêm sám hối, cũng gọi là tối thượng đệ nhất sám hối, do đó vô sinh lý quán là sám hối chủ, mới dùng nghi thức hữu tác về sự làm duyên sám hối. Nghi thức về sự kia tức năm vóc gieo sát đất, như núi Thái sơn sụp đổ, quở trách tâm mình, lời nói tha thiết nước mắt rơi xuống, bỏ tình dẹp ý, cúi đầu cầu khẩn, thành tâm sám hối, sự hành như vậy đã siêng năng lý quán càng tăng tiến, đúng như pháp rửa sạch, chỉ sạch tại nước trong, nếu không thêm tro thì cấu nhơ khó trừ, cho nên chánh trợ hiệp lại hành, như mắt chân nương cậy vào nhau, đâu chỉ diệt tội mà còn chứng được chân, cho nên nếu sáu căn sám hối thành tựu thì sẽ đạt được sáu căn thanh tịnh, nếu không dùng viên quán làm chủ thì không gọi là Đại thừa sám pháp, dù có thể diệt tội cũng chỉ thoát khỏi ba đường, dù được điều lành cũng không vượt ngoài ba cõi, trước hết biết ý này nhưng tụng văn kia, giúp cho hành giả được thanh tịnh lợi ích lớn...

Kế đến là pháp tứ sám, đó là khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng, phát nguyện. Sở dĩ đều gọi là sám là bởi đều có thể tiêu diệt tội, khuyến thỉnh thì diệt tội của ma Ba-tuần thỉnh Phật nhập diệt, tùy hỷ thì diệt lỗi lầm ganh ghét người khác tu điều lành, hồi hướng thì diệt tâm điên đảo cầu ba cõi, phát nguyện thì diệt lỗi tu hành thối chí. Trước hết tu khuyến thỉnh: Hành giả trước biết hiện nay sát-na mười phương thế giới có cõi số Phật nhiều như bụi nhỏ không thể tính kể mới ngồi dưới gốc cây chưa quay bánh xe pháp, nay ta xứng lý vận tưởng, ở trước mỗi Đức Phật thỉnh Phật nói pháp nhiệm mầu, tức mười phương sát-na đây có cả Đức Phật như số bụi nhỏ ở trên, tuyên bố nhập Niết-bàn, ta đều đến trước thỉnh Phật trụ lại thế gian lâu dài, vận dụng niệm này không ngừng, diệt trừ ác ma. Lại thành tựu được pháp thí, công đức ấy rất lớn, tha thiết dụng tâm, trước vận tâm này, tỏ bày ngôn ngữ kia... đế đến tu tùy hỷ, thì hễ người khác tu điều lành, vui theo, họ thì đắc thành, ấy phàm phu sáu đường, Hiền thánh Nhị thừa, tất cả Bồ-tát, Như Lai ba đời, gốc lành hữu vi vô lậu, công đức thượng cầu hạ hóa đều vui mừng khen ngợi, thuận theo tu hành. Xét rằng điều lành là nhân của sự an vui, nay tùy hỷ trợ giúp thành tựu thì cùng tất cả chúng sinh hưởng quả an vui, phải dùng ý này mà niệm niệm tu hành... kế đến tu hồi hướng: Đó là hồi sự hướng lý, hồi tự hướng tha, hồi nhân hướng quả. Trước hết là hồi sự hướng lý: Nguyên do lý đầy đủ mới có sự dụng, tất cả sự tu chứng không ra ngoài lý tánh, chúng sinh gượng chấp trước là hữu vi, này hồi chuyển tâm này hướng về mé thật. Hồi tự hướng tha: Xưa mê lý cùng

khắp, tất cả những điều lành đã tu trang nghiêm tự thân và quyến thuộc của mình, nay thuận theo bổn tánh hồi hướng đến cho chúng sinh. Hồi nhân hướng quả: Một mảy hạt giống lành ba nghiệp huân tu không thú hướng Nhị thừa, đâu dính mắc ba cõi, tu đã thuận tánh thì thành duyên nhân liễu nhân, nhân ắt hiển bày chân, đồng quy về ba đức rốt ráo, đó gọi là hồi nhân hướng quả. Ba thứ hồi hướng này tất cả Bồ-tát đều tu, vì vậy cho nên người tu hành phải y pháp hồi hướng này mà thực hành v.v... kế đến tu phát nguyện: Là yếu chỉ thệ nguyện mục đích của hành giả. Tất cả Bồ-tát có bốn thệ nguyện chung: Đó là người chưa độ khổ khiến được độ, chưa giải tập khiến được giải, chưa an đạo khiến được an, chưa chứng diệt khiến được chứng, ở đây thì nêu chung chí nguyện của hàng Bồ-tát, đã đầy đủ ở môn trước. (Xưa vốn không, đây thi hai câu dưới, nay y theo khoa trước phụ kiến cho phần này).

Nay thì nêu riêng tâm kia, chuyên cầu Tịnh độ, bởi cõi Kham nhẫn này không thường gặp Phật, nhiều các duyên ác, địa vị cao vẫn còn lui sụt, như cõi An dưỡng kia thường được thấy Phật, chỉ có duyên tốt, hàng sơ tâm liền được không lui sụt, lại nguyện lực của Đức Phật kia thâu nhiếp khắp loài hữu tình, nếu năng nguyện cầu thì chắc chắn được sinh về cõi kia, huống chi quá khứ, hiện tại chứa nhóm nghiệp duyên thiện ác, thường đến trọn đời đều phải trả báo, khi sắp qua đời niệm ác tăng thịnh thì các ác thành công, lôi kéo chúng sinh vào đường ác, khi sắp qua đời niệm lành tăng thì các điều lành đều thành, dẫn dắt chúng sinh vào đường lành. Nay đã cầu sinh cõi An dưỡng thì tịnh nghiệp phải trang nghiêm, nếu không có nguyện lực mạnh dắt dẫn thì lúc sắp qua đời đâu thể chánh niệm, cho nên thành tâm phát nguyện quyết chí cầu mong, đã muốn vãng sinh thì phải chuyên tâm tha thiết.

Thứ tám là pháp hành đạo, thứ chín là pháp tụng kinh v.v... Nhưng muốn biết sơ lược yếu chỉ của pháp quán chỉ tưởng thân nhiễu Phật, tiếng tụng kinh đều là pháp giới, mỗi mỗi trùm khắp hư không. Tất cả chúng sinh nghe câu kệ này, mười phương ba đời nhận ra nhiễu quanh, mà không có năng triền sở triền, dứt hẳn năng tụng sở tụng, triền thì mỗi bước không dấu vết, tụng thì mỗi tiếng bặt dứt nghe, cho nên nói giở chân lên, đặt chân xuống đều là đạo tràng. Lại nói: Người nói pháp kia không nói không dạy, công trì tụng như thế chớ cho là ti lớn. Thứ mười là pháp ngồi thiền chánh quán thật tướng: Các pháp quán tưởng trên tuy đều không cậy chấp, công không từ bỏ, như ở trước đã lập bày, nay thiền pháp chính là chánh tu, hoàn toàn dùng lý quán, nay trước hết nêu rõ tướng ngồi mới chỉ bày quán môn. Về tướng ngồi, phải ở trong nhà

riêng, thân ngồi kiết già trên giường dây, đặt chân trái lên chân phải gọi là bán già, lại đặt chân phải lên chân trái, kéo tới cho thân ngay ngắn, cả hai bắp về, gọi là toàn già. Người như vậy là tốt để phát sinh thiền định, nếu không thể toàn già thì bán già cũng được. Kế đến là sửa sang y phục, không được quá rộng, rộng thì thừa một bên vai, không được thở quá gấp thở gấp thì khí bị tắc nghẽn. Kế đến phải sửa thân ngay thẳng không được cong lưng hay dựa kề, cổ lưng thẳng hàng, đầu không quá cúi thấp hay ngưỡng lên mà phải ngay thẳng không nghiêng bên nào, để cho tự nhiên đừng dùng sức chế phục, mắt nhắm lại khiến ngăn bớt ánh sáng bên ngoài, miệng ngậm để ngăn gió vào, kế đến khiến cho hơi thở điều hòa, tâm lìa hôn trầm hay tán loạn. Cho nên Chỉ Quán chép: Điều hòa thân thì không chậm chạp, không gấp gáp, điều hơi thở thì không rít, điều hòa tâm thì không chìm không nổi, ba nghiệp nếu điều hòa thì thiền định sẽ phát sinh. Kế đến chỉ bày quán môn: Có chỗ bỏ ngoài theo trong, bỏ sắc chọn tâm, không nhờ pháp khác làm cảnh, chỉ quán đương niệm sát-na hiện tại rất gập, rất vi tế, vừa gần vừa quan trọng, đâu cần phải xả bỏ vọng niệm này riêng tưởng đến chân như. Đương quán nhất niệm, biết tâm đức vô lượng vô biên, thể tánh thường trú, các Đức Phật mười phương tất cả chúng sinh quá khứ, hiện tại, vô lượng, hư không cõi nước thâu nhiếp tất cả không ngoài, đều đến trong đó, như một hạt châu trong lưới võng cũa trời Đế Thích, tợ như một hòn bọt sóng trong biển lớn, sóng không có thể riêng mà do toàn nước tạo thành, nước đã vô biên sóng cũng vô bờ, một hạt châu tuy nhỏ nhưng bóng hiện khắp các hạt châu, bóng các hạt châu đều vào trong một hạt châu, các hạt châu chẳng nhiều, một hạt châu chẳng ít, nhất niệm hiện tiền cũng giống như vậy. Tánh thấu triệt ba đời, thể trùm khắp mười phương, gồm nhiếp không sót, xuất sinh vô tận, chín cõi Phật tạo, Phật địa quyền lập bày, không lìa tức nay, sát-na năng cùng tận tác dụng của quá khứ Chuyển luân thánh vương, nhưng phải biết tánh tất cả, cho nên năng nhiếp năng sinh, chớ cho rằng bản giác lẻ loi tùy vọng duyên mới có. Không rõ biết tánh đầy đủ ấy thì pháp thành hữu tác, quán chẳng phải vô duyên, nay quán các pháp tức nhất tâm, nhất tâm tức các pháp, chẳng phải nhất tâm sinh các pháp, chẳng phải nhất tâm bao gồm các pháp, chẳng trước chẳng sau, vô năng vô sở, tuy luận các pháp tánh tướng vốn không, tuy tức nhất tâm thánh phàm rõ ràng, ngay nơi phá là lập luận, chẳng phải tâm có thể tư duy, cho nên gương chỉ dạy pháp quán nhiệm mầu bất khả tư nghì. Quán này có công năng trừ diệt bờ bến tội, năng hiển nguồn gốc lý, gọi là Thủ-lăng-nghiêm thiền, là tam-muội Pháp Hoa, cũng gọi

là Vương Tam-muội, thống nhiếp tất cả tam-muội, cũng gọi là chủ tổng trì xuất sinh tất cả tổng trì, công đức sâu xa xưng tán chẳng hết. Trên đây đã nói về sự nghi lý quán phần nhiều có sơ sót, nêu tìm xem chỗ khác, ở đây không phiền trích dẫn, nếu muốn biết rộng, nên tìm Ma-ha Chỉ Quán xem, phải biết bộ Chỉ Quán tức là giềng lưới của tam-muội Pháp Hoa, Nhất thừa thập quán là chánh thể của tam-muội Pháp Hoa, viên đốn Đại thừa rốt ráo ở đây.

GIẢI THÍCH PHỤ HÀNH TRUYỀN HOẰNG QUYẾT ĐỀ HẠ CHÚ VĂN

Người chú văn này có nhiều thuyết khác nhau, nay nhân giảng giải tiếp cho nên cũng ghi chép, tạm thời nêu lên cho chúng sinh dùng mà dứt bỏ mê hoặc. Mười câu đầu nêu rõ bốn chữ “Phụ hành truyền hoằng”, mười câu kế tiếp nói rõ một chữ “Quyết”, bốn câu sau tổng kết nêu bày. Trong phần đầu, tám câu trước là nói rõ ý lập bốn chữ, hai câu sau tổng kết dụng công chúng giáo. Ban đầu lập ý Phụ Hành rằng: Cứu giúp giáo hạnh có tông, tin giáo gánh vác phụ hành. Giải thích rằng: Ngài Kinh Khê làm bến bờ cứu giúp người hành Chỉ Quán, ghi chép các giáo trong kinh luận, mà giáo kia vốn tự có tông, đương phần thì thành đối với giáo mình tu chứng, vượt qua tiết thì đều thành nhân quả Pháp Hoa, giáo vốn là do tông thiết lập, tin biết các giáo có khả năng dùng phụ hành thành chỉ quán. Kế đến ý truyền hoằng rằng: Hiển giáo hạnh hợp lý, xét hành có thể truyền hoằng rộng rãi, giải thích rằng: Người trí là ánh sáng hiển bày giáo lý của Như Lai, nên nói hạnh chỉ quán, mà hạnh này sâu xa phù hợp với lý. Đã là hành khế hợp lý, xét biết nhất định hoằng truyền làm lợi lạc chúng sinh. Tiếp đến nêu bày giải thích truyền hoằng nói rằng: Hành hoằng nơi nào, chẳng phải các giáo không lập! Giải thích rằng: Câu trên nêu bày hạnh chỉ quán, vậy thì pháp hoằng nơi nào ư! Câu dưới giải thích chẳng dùng giáp mở bày, không thể an lập chỉ quán diệu hạnh ở thế gian. Kế đến nêu giải thích phụ hành nói rằng: Giáo phụ nơi nào? Chẳng phải diệu hạnh thì chớ giải thích. Giải thích rằng: Câu trên nêu kinh luận các giáo, dùng pháp gì làm chỗ phụ ư! Câu dưới giải thích nếu chẳng phải diệu hạnh Nhất thừa thí chẳng giải thích các giáo, vậy thì sở phụ sở hoằng tức là chỉ quán, năng phụ năng hoằng không vượt ngoài các giáo, vẫn còn hiền thần đã dùng lục kinh để phụ thành đế đạo (đạo vua), lại dùng lục kinh rộng tuyên bày đế đức (đức của vua), tuy rõ ràng ba dụng đều nương vào lục kinh (sáu kinh), ngài Kinh Khê cũng vậy, hoằng phụ chỉ quán

đều nương các giáo. Cho nên hai câu dưới tổng kết dụng công của các giáo rằng: Trước hết dùng ba phen nghe toàn bộ giáo hạnh một dấu vết. Giải thích rằng: Hết tận, vì là dụng. Ba phen nghe nói vượt ngoài phó pháp tạng. Kia nói: Ba phen nói đều có thể thọ trì, cho nên mới gọi là chuyên chở ba phen nghe chương cú của các giáo. Bởi ngài Kinh Khê nói: Thường nghe thầy đàm luận các giáo, luôn xem kinh Phật chỉ dạy giải thích. Cho nên mới tận dụng điều nghe này mà hoằng phụ chỉ quán, muốn cho mình và người y giáo tu hành thành hạnh, do hạnh hiển giáo, giáo hạnh thầm hợp thành một dấu vết.

Mười câu kế là giải thích một chữ "Quyết": Trên dùng giáo hoằng phụ, tuy cũng có khả năng như ngài Kinh Khê, nhưng suy tìm công phu nơi giáo, nay chữ Quyết này là vâng lệnh tâm yếu của thầy, dùng trí của mình mà khai thông chỉ quán, hoặc nghe hoặc thực hành. Miệng thưa bẩm quyết định là do thầy, suy xét lý v.v... phần nhiều từ nơi mình hiểu, nhưng tu tập giáo quán nơi phát sinh đều chẳng phải sự luận bàn trong lòng có nói đủ ở văn dưới, người đọc tự thấy. Sau là tổng kết nêu bày, ý kia lại càng rõ ràng, đâu cần giải thích quanh co.

Hỏi: Hai chữ Phụ hành đã dùng giáo làm năng phụ, chỉ quán làm sở phụ, hai chữ truyền hoằng vì sao dùng chỉ quán làm năng truyền hoằng, giáo làm sở truyền hoằng, có chỗ ngăn ngại mà không giải thích như vậy.

Đáp: Sự ngại kia tóm lược có bốn: 1/ Sợ ngăn ngại đại thể vốn là truyền hoằng chỉ quán, đặt ra ký văn này, đâu thể lập đề trở lại để tự truyền giáo; 2/ Sơ ngăn ngại văn tự trong đề, hoặc ghi chép chú ý dùng giáo làm sở hoằng, sao không gọi phụ hành hoằng giáo quyết, nhân đâu mà năng hoằng còn hai chữ ấy, mà đặc biệt không chỉ bày thể sở hoằng, nghiệm xét sở truyền, sở hoằng chỉ là hạnh sở phụ; 3/ Sợ ngăn ngại văn nêu bày giải thích, giải thích rằng: Chẳng phải các giáo không lập, đã dùng các giáo làm năng nhập thì phải dùng chỉ quán làm sở lập, sở hoằng cho nên được lập. Hỏi: Về ngôn từ tuy là chưa phân, nhưng lời đáp chẳng phải không rõ ràng, nghĩa lệ cầu đáp ý để lập bày câu hỏi. Nghĩa là đây vậy; 4/ Sợ ngăn ngại văn tổng kết, kết rằng: Nắm bắt các yếu chỉ này để làm đầu đề, tam-muội nêu rõ chỗ truyền không bỏ sót sự thấy biết trước, tin lập đề các yếu chỉ dùng chỉ quán làm sở truyền rõ ràng, đâu dám sửa đổi sở truyền thành năng truyền, năng truyền thành sở truyền, muốn tránh khỏi lỗi lầm này như trên giải thích, nếu cho rằng chưa đầy đủ, xin lại thưa hỏi.

CẢNH TRÍ SOI CHIẾU LẪN NHAU CỦA NGHĨA LỆ

Nghĩa Lệ hỏi rằng: Văn Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói: Cảnh năng chiếu trí, tuy dẫn đương chứng, lý cũng khó sáng tỏ! Đáp: Thuận phương tiện giáo, lý cũng không thể hợp, nếu nói cho cùng thì lý dễ dung hợp, lấy tâm làm cảnh, tâm cũng năng chiếu, năng sở đều là tâm, tâm thể đều khắp, tâm tâm soi chiếu lẫn nhau đối với lý rất rõ ràng, cho nên ban đầu nói cảnh bất khả tư nghì, cảnh bất khả tư nghì tức là quán, do đó mà phân biệt được bốn câu: Cảnh chiếu nơi cảnh, cảnh chiếu nơi trí, trí chiếu nơi cảnh và trí chiếu nơi trí, chiếu ấy mới chiếu, chẳng thể nói hết được, chiếu thì nên nói, chẳng có chiếu để rõ biết, người nói mới nói, chẳng có chiếu để cùng tận, người nói nên chiếu, chẳng thể nói để rõ biết (do người học có hỏi về tám câu chiếu dưới nêu bình luận). Nay liền bình luận ý văn này, bởi do trên dùng bốn câu chiếu nhau rõ cảnh trí bất tư nghì. Sợ người nghi rằng: Hễ lập bất tư nghì ấy thì Đường Tâm hành bặt, nẻo ngôn ngữ dứt, mà lại lập bốn câu phân biệt, mỗi câu đều bao gồm nói là chiếu há chẳng phải câu tức là nói chiếu, tức là tư duy, sau gọi là cảnh trí bất tư nghì ư! Cho nên lại lập tám câu để chiếu đối thuyết, quyết định phải trái, ý nói: Vong tình thì chiếu mới chiếu, lìa văn tự nói mới là nói, chiếu như thế thì nên nói, nói như thế thì nên chiếu, vậy thì vong tình cho nên chiếu, thời viên dung mới có thể tự tại mà nói, lìa văn tự nên nói, tức tự tại mới có thể viên dung mà chiếu, do đó bốn câu đều nêu rõ sự đắc kia, trọn ngày nói và chiếu, bặt đường suy nghĩ nói năng, đó gọi là sự nói năng của bậc thánh, sự im lặng của bậc thánh, hoặc ngưng tình mà chiếu, chấp lời mà nói thì hoặc nói hoặc chiếu chẳng cùng chẳng rõ. Vì sao? Vì dính mắc tình cho nên chiếu, chiếu thì thành thiên chấp lời mà nói, nói thì có ngăn ngại, đâu thể như bốn câu trên dung hòa lẫn nhau ư! Cho nên bốn câu thiên chấp khờ dại đều bị bác bỏ, bèn gọi là bất tư nghì. Trong văn dùng các pháp xen nhau dường như khó thấy, nếu dùng ý này để quyết định thì thuyết chứng đạo tụ rõ ràng, tên gọi bất tư nghì lại hiển bày, còn sợ trình bày chung chưa hiểu lại đem ý này chú thích.

Chiếu thì mới chiếu (Viên dung chiếu mới gọi là chiếu) chẳng phải nói có thể cùng tận (chấp tự mà nói thì không thể cùng tận, đây dùng thật chứng mà bác bỏ nói suông).

Chiếu thì nên nói (chiếu như trên hợp với nói tự tại) chẳng có chiếu để rõ biết (chỉ có năng chiếu thì thành ngầm chứng, đây dùng hai thứ tốt đẹp để bác bỏ người chỉ biết làm tốt đẹp cho riêng mình).

Nói thì mới nói (nói tự tại mới gọi là nói) chẳng phải chiếu có thể cùng tận (dính mắc mà chiếu thì không thể cùng tận, đây dùng hai thứ

tốt đẹp để bác bỏ ngầm chứng).

Nói thì nên chiếu (như trên nói hợp với viên dung chiếu) chẳng có nói để hiểu rõ (chỉ có năng thuyết mới thành hủy báng pháp) lại dùng song luân mà bác bỏ hai sự giúp đỡ.

CHƯƠNG THIÊN THAI VÀ LUẬN KHỞI TÍN DUNG HỢP

Có người khách chợt hỏi tôi rằng: Luận Khởi tín đối với bồn giáo của Thiên thai thì thuộc giáo nào? Tôi tình cớ đáp rằng: Luận Khởi tín do Pháp sư Pháp Tạng đời Đường chú sớ trình bày thông suốt, Thiên thai không thấy có văn tự giải thích, đây là do mỗi nhà chú sớ nên khó có thể hòa hợp. Khách bèn nhíu mày hỏi: Nghe tông Thiên thai rất có thể dung hợp, như nói dùng năm thời tám giáo phê phán giải thích một đại thời giáo ở Đông lưu trống rỗng không gì là không cùng tận, lời này như thế nào? Tôi bèn lập lý đáp rằng: Chỉ sợ không cho Thiên thai dung hợp, nếu tin Thiên thai nhiếp thuộc có lý ấy, thì Khởi Tín nhiếp thuộc giáo nào đâu có khó gì, cùng bèn tự thấy các nhà nghiên cứu khác nhau, nay thử làm trước dùng giáo nhiếp luận, kế là dùng giáo hợp sớ. Lại xét luận tông này có bách lạc xoa kinh mà đầu đề là Đại thừa thì lý hợp chung cho diễn môn tam giáo, cho nên Thiên Thai Tịnh Danh Huyền Nghĩa chép: Phật tánh Duy thức v.v... luận thông suốt về tam giáo của Đại thừa, Duy thức còn đủ tam giáo, thì Khởi Tín làm sao không đủ tam giáo, huống chi cùng với Phật tánh phần lớn là đồng, chỉ khác chút ít, nay đối với luận từ đầu đến sau tóm lược giáo văn để đối tam giáo. Luận dùng nhất tâm làm tông, bèn nói răng thâu nhiếp chung pháp thế gian và xuất thế gian, đây thì chính tại viên môn, cũng bao gồm hai thứ còn lại, chân như môn có nghĩa ly ngôn, y ngôn, không, bất không thì lỳ tam giáo rõ ràng. Sinh diệt môn nói sơ phát tâm trụ có thể thấy một chút phần pháp thân, tám tướng thành đạo. (Kinh Niết-bàn nói: Thập trú thấy chút phần pháp thân, thấy không rõ ràng, Thiên thai phàn là viên vị. Diệu Lạc nói: Hoa Nghiêm, Khởi Tín nêu rõ tám tướng sơ trú rất rõ ràng), há chẳng phải viên vị ư!

Theo thứ lớp tranh luận chín tướng, há chẳng phải biệt vị ư! Bát địa đắc vô công dụng đạo, há chẳng phải bị tiếp vị của Thông giáo lược dẫn văn này tất cả điều lệ theo như đây.

Khách hỏi: Pháp Tạng soạn sớ phân biệt như thế nào?

Đáp: Hiền Thủ lập nghĩa y cứ vào Thiên thai, đó là thuyết chung của Biệt giáo, chưa gọi thông phương biệt giáo, vì sao? Vì biệt cógiáo đạo và chứng đạo, kia thì chỉ luận về giáo đạo, biệt có bốn môn phù hợp

căn cơ, kia mới chỉ luận về hai, Biệt có tự tha ngang dọc, kia mới chỉ luận về tự hành dọc nhập, biệt có nhiều nghĩa, kia thì không nói, chưa gọi biệt giáo thông phương bởi vì là thuyết chung.

Khách liền hỏi rằng: Sớ kia lấy tùy duyên bất biến làm tông, Thiên thai cũng lấy tùy duyên bất biến để chứng ba nhân thể khắp, đó là ý viên, đâu thể nói biệt ư! Tôi đáp: Pháp tạng tuy dụng viên danh mà thành biệt nghĩa, vì sao? Vì kia nói: Chân như tùy duyên tạo ra tất cả pháp, mà chân như thể tánh thường bất biến, lại lầm dẫn thích luận rằng: Vô tình chỉ có pháp tánh mà không có Phật tánh, đây thì tên gọi tuy là viên mà nghĩa thành biệt. Khách hỏi: Biệt nói bất động là lý, nay dùng tùy duyên chân như mà thành biệt lý, ở đây căn cứ vào văn nào? Tôi đáp ngược lại: Biệt lý tùy duyên văn kia hơi rõ, bất động là lý, rút ra từ văn nào! Khách nói: Tông này người giảng đều có nói như vậy, mà không thấy trong văn sớ nêu ra. Tôi nói: Chịu đem tùy duyên để bất động hai lý, phân biệt với nơi hai tông tánh tướng, đây mới rút ra từ ngài Hiền Thủ, Thiên Thai chưa thấy văn này, theo lý thì tùy duyên chưa gọi là viên cực, tông kia còn tự phê phán Chung giáo, chưa đề cập đến Viên, há Viên Thiên Thai đồng với Chung kia ư! Nên biết, hoặc bất động hoặc tùy duyên, chỉ căn cứ theo bên nghĩa phương tiện đều thuộc Biệt giáo. Khách hỏi: Thiên Thai lập biệt lý tùy duyên căn cứ văn như thế nào? Tôi đáp: Chỉ Quán lập Biệt giáo, Phát tâm cảnh chép: Chỉ Quán căn trần nhất niệm là mê, sách giải thích ghi chép biệt Như Lai tạng làm nhân lành, không lành. Diệu Lạc nói: Biệt giáo từ vô trú vốn lập tất cả pháp, bèn nói vô minh che lấp lý, năng che lấp, sở che lấp đều gọi là vô trú. Lại nói chân như ở tại mê thì sinh ra tất cả pháp. Lại nói vô minh làm nhân sinh ra tất cả pháp. Lại nói vô minh làm nhân sinh ra chín cõi, cần có pháp tánh làm duyên, văn chứng như đây đủ có thể làm bằng chứng nương tựa. Khách nói: Sớ nghĩa ở tại biệt, đây thì đã rõ, luận đủ ba giáo lại phân tích rõ ràng. Tôi nói: Nếu có chút ngăn ngại đều mong trình bày. Khách nói: Chân như môn thuộc về lý, đủ ba giáo rõ ràng. Sinh diệt môn luận về địa trú tu chứng, cần phải nương vào một dấu vết, Biệt thì từ đầu đến cuối đều biệt, viên thì từ đầu đến cuối đều viên, địa vị thứ lớp của ba giáo trình bày như thế nào? Đáp: Luận về tông kinh này phần nhiều nói về lý, vì vậy nên chẳng phải một lý, đã không phải một, y vào địa vị tu chứng sao lại một đường. Như kinh Hoa Nghiêm chép: Sơ trú của Viên giáo, bèn nói khi mới phát tâm liền thành Chánh giác, sau nói về địa vị, từ chối rằng hàng Bát địa đắc vô công dụng đạo. Lại, trong một bài kệ của Nhân Vương nói tam hiền

Thập Thán htrú quả báo tại Viên, thập tứ Bát-nhã là Biệt, ngũ nhẫn thuộc về Thông. Hai kinh này nói rõ địa vị còn như vậy, huống chi luận tông này có bách lạc-xoa kinh, đâu thể chỉ có một lần trở lại địa vị trong văn thiếu tam tạng vị, đã dùng tiêu đề Đại thừa chỉ có thể diễn giảng giáo lý rõ ràng. Khách nói: Lại như Hiền Thủ học thông về tánh tướng, địa vị nối tiếp tứ y, nhân đâu giải thích nghĩa, hoàn toàn thuộc dưới Thiên Thai! Tôi nói: Bồ-tát mở mang truyền bá giáo pháp đều phù hợp, thích nghi căn cơ, bởi vì một hạng căn cơ nghe nói thuyết một đường, do đó trình bày thông suốt điều này, chưa hẳn tứ y chỗ không rõ ràng. Khách hỏi: Đã nói mỗi duyên một sự tốt đẹp đều phù hợp thích nghi căn cơ thì đâu cần đây kia lệ thuộc nhau. Đáp: Đã biết hai tông đều phù hợp căn cơ thì đâu cần phải hỏi, đã khiến nhiếp thuộc, thế nên như trên, nếu luận về căn cơ thì không cần hòa hợp, khách liền vâng dạ mà lui ra.

GIẢI THÍCH THỈNH QUÁN ÂM SỚ TRUNG TIÊU PHỤC TAM DỤNG VÀ LỜI TỰA

Thần chú Tiêu phục, đạo cốt yếu tu hành, công dụng khó suy nghĩ bàn luận, tổ tiên của ta phát huy, người đời sau này thọ nhận ân tuệ ấy, sớ văn đã phân biệt, người đọc phần nhiều mê muội, chỉ thâu nhiếp một kinh, thật tiêu phục ba dụng, hoặc giải thích không đúng, người tu hành nương tựa vào đâu! Nay phụ giúp bổn tôn lược bình luận nghĩa này, dám nói lợi ích muôn vật tạm theo tự tâm mình.

Ngày 16 tháng 10 năm Đinh tỵ niên hiệu Thiên Gia năm thứ nhất đời Tống.

Lời sớ chép: Dụng chia làm ba: 1/ Sự; 2/ Hạnh; 3/ Lý. Sự: Loài cọp sói hung ác và đao kiếm, v.v... Hạnh là Ngũ trú phiền não. Lý la: Pháp giới vô ngại vô nhiễm, nhiễm từ là sự độc hại của lý tánh.

Giải thích rằng: Dụng chia làm ba là nêu lên ba dụng. Sự v.v... là bày tỏ ba dụng. Trung đạo phá chung mười thứ hành pháp, tu khác nhau mới thành dụng của ba thứ tiêu dụng, pháp Quán Âm phần chứng trùm khắp trong tâm của tất cả chúng sinh, tùy theo công hạnh thân sơ đến nỗi khiến cho lực dụng khác nhau, như luận Khởi Tín nói về lực dụng của Phật và Bồ-tát, đều căn cứ vào sự thức, nghiệp thức của chúng sinh mà phân biệt rõ, dùng lương y diệu dược cho cuồng tử uống mới hiển rõ công dụng. Nên biết ba thứ độc hại, bỏ tà theo chánh, được gọi tên khác nhau, như Phổ Môn Biệt Hành Sớ phân biệt các tướng về nạn lửa, v.v... quả báo lửa đến Sơ thiền, đâu phải như dưới đây có những trường hợp hoàn toàn không có nghiệp hoặc, bởi khổ báo là chánh. Nghiệp lửa đến

Hữu đảnh đâu như ba cõi không có hoặc báo, lấy nghiệp làm chánh. Lửa phiền não chung cho bốn giáo, đây như người ba thừa hoàn toàn không có nghiệp báo, lấy phiền não làm chánh. Nay sự độc tại nơi cõi Dục, đây căn cứ vào quả báo cho nên được gọi là Sự. Hạnh độc từ cõi Sắc, cùng tận Biệt giáo dạy đạo dùng lý bất tức, gọi riêng là hạnh, lý độc tuy là viên để đàm luận về lý tức, bởi trong phiền não phân chia tức, bất tức khác nhau, cho nên gọi hạnh gọi lý khác nhau. Nếu phân biệt tướng từ chánh thọ danh khác với kia, sơ tiêu độc hại đã vậy thì năng tiêu dụng có thể biết. Giải thích trong sự ấy trình bày sự tiêu phục dụng. Cọp sói, đao kiếm v.v... là độc hại bị tiêu phục, bởi quả báo người tu hành vì tránh khỏi nạn đao kiếm cọp sói trong hiện tại, thường tán tâm trì danh tụng chú, tu nhân giữ giới tốt cũng có thể tránh khỏi các nạn cọp sói, đao kiếm cho đời vị lai. Căn cứ vào những người này nói về năng tiêu, sở tiêu đều thuộc về sự. Hành giả thực hành tiêu phục dụng. Ngũ trụ phiền não là độc hại bị tiêu phục, vì không vượt ngoài tướng năng tiêu nên dùng tướng sở tiêu hiển bày, ngũ trụ phiền não chẳng phải ba quán không tiêu, nhưng ba quán này thâu nhiếp cả hai Nhị thừa vá Tam Bồ-tát, người tu nhân thiền định cũng tiêu phục ái Bát địa. Các hành nhân này tuy hàng phục, dứt trừ được phiền não mà đều là bất tức pháp tánh, như Biệt giáo đạo dù biết tâm thể năng tạo là Phật tánh mà cho là vô minh tự trụ, do không nghe bổn tánh đầy đủ pháp môn ác, cho nên chẳng phải hoặc tức lý, người Biệt giáo còn như vậy thì các giáo trước có thể biết, cho nên những người này độc hại sở tiêu đã phải tự trụ quán năng tiêu hoàn toàn là biệt tu, vậy thì tứ đế đều chẳng phải vô tác, cho nên năng tiêu, sở tiêu đều gọi là hành. Về Lý là trình bày lý tiêu phục dụng, Pháp giới vô ngại vô nhiễm mà nhiễm tức là chất độc của lý tánh, là sở tiêu phục, vì không vượt ngoài tướng năng tiêu nên dùng tướng sở tiêu để hiển bày. Vả lại nêu rõ tướng sở tiêu, pháp giới là lý sở mê, vô ngại là đức thọ huân, sở mê vốn tịnh cho nên không nhiễm, thọ huân biến tạo cho nên bị nhiễm, đầy đủ ba đức mà thành ba chướng cho nên nói tức chất độc của lý tánh, nhưng đàm tức lý khó mà được tự tại, phải dùng cụ, bất cụ phân biệt rõ mới thấy được sự khác nhau giữa tức và bất tức, vì sao? Vì nếu pháp giới sở mê không đủ ba chướng nhiễm thì có ba chướng, dẫu nói nhất tánh tùy duyên cũng chính là hoặc nhiễm tự trụ độc hại có tạo tác, vì khi trở lại gốc thì ba chướng phải phá, nghĩa tức không thành thì không gọi là chất độc của lý tánh, thuộc biệt giáo, ở trước đều gọi là hành độc. Nếu pháp tánh sở mê vốn đủ ba chướng nhiễm thì hiện ra ba chương, ở đây hoặc nhiễm

nương vào người khác, độc hại vô tác, để trở lại gốc thì nhiễm độc rõ ràng mới thành nghĩa tức, vì vậy cho nên gọi là chất độc của lý tánh, đích thực thuộc Viên giáo. Cho nên ngài Kinh Khê giải thích nghĩa vô minh y tha rằng: Đồng thể y tha này mà lại tức, cho nên biết thể có ba chướng, khởi dụng ba chướng, dụng lại nương thể, cùng với thể không hai, nương đây mới tức, đều do lý đầy đủ, mới có sự dụng, đây là viên thừa, nếu không đàm cụ mới gọi là Biệt giáo, cho nên biết do tác ác nên mới luận về độc của tức lý. Năng tiêu phục dụng cũng do độc của sở tiêu tức là lý tánh, dụng năng tiêu đâu không tức lý, đây là lý tuệ lý định làm năng tiêu, năng phục. Lại nên biết rõ lý tiêu phục dụng, thể nó là tánh ác mới được sơ tâm liền tu trung quán, cho nên ngài Kinh Khê nói: Bỗng chưa nghe tên gọi tánh ác, đâu thể tin có hạnh tánh đức, tánh đức chẳng phải lý ư! Hành chẳng tiêu phục dụng ư! Muốn nói về dụng lý tiêu thì phải biết công của tánh ác vì sao? Vì do người sơ tâm đều dùng kiến tư hoặc, tâm vương, tâm sở làm mở đầu để phát sinh quán, ba giáo trước không luận về tánh ác, tâm vương tâm sở này không thể tức tánh, đã không tức tánh cho nên phải đối với hai lý trong chân của biệt duyên mà phá tâm vương, tâm sở này, đã có năng duyên, sở duyên, năng phá, sở phá cho nên độc hại tiêu phục đều được gọi là hành. Nếu Viên đốn giáo đã giải bày tánh ác thì hoặc kiến tư, tâm vương tâm sở là độc của tức tánh, độc đã tức tánh cho nên chỉ dùng độc này làm năng tiêu phục, đã dùng làm năng tiêu phục thì đương xứ bặt dứt sử đối đãi, ai nói năng phá sở phá có gì là năng duyên, sở duyên. Độc hại tức trung, các pháp hướng về độc, ngăn chiếu tương tức, nói năng suy nghĩ. Độc hại tức trung, các pháp hướng về độc, ngăn chiếu tương tức, nói năng suy nghĩ chẳng cùng tận, cho nên ngài Kinh Khê nói: Chẳng những sở quán vô minh, pháp tánh thể tánh không hai, mà quán được quán trí tực là vô minh. Nếu chẳng phải lý độc thì đâu tức năng quán, cho nên nhất tâm ba quán viên đốn thập thừa, chẳng còn phải biệttu đều là lý tiêu phục, nên biết ba dụng được trước trước, không được sau, nếu được sau sau thì được trước trước, lại y cứ vào tụng chú để phân biệt. Nếu tán tâm tụng, chưa tu thiền tuệ thì chỉ đắc sự không, gọi là hành lý, nếu người của Tam giáo như Ưu-ba-tư-na nghe sáu chữ rồi, chỉ quán tâm mạch và mé thật của bốn đại, đắc A-la-hán, đây là chỉ tu tiêu phục quán hạnh, đã bao gồm miệng tụng thì riêng gọi là hành, hoặc có người không xả miệng tụng mà tu quán pháp ba giáo, đây là tụng hoàn toàn thành quán, tuy bao gồm sự dụng mà phải theo cái tốt đều gọi là hành tiêu phục, nhưng không gọi là lý. Nếu người Viên giáo, như nhân địa Đức Thích-

ca nghe chương cú này liền đếm hơi thở trú Thủ-lăng-nghiêm, thì chuyên về lý dụng. Hoặc nói quá khứ được nghe câu này trung ấm đọc tụng thì bao gồm sự dụng; nếu quán cây chuối huyễn hóa dùng làm trợ đạo thì bao gồm hành dụng, tuy bao gồm sự hành, đã y cứ vào viên tu thì không gì là không tức tánh, phải theo sự thù thắng đều gọi là lý tiêu phục, lại dụng ba dụng này tiêu phục không nhất định, tự dùng sự tiêu diệt hoặc, tụ dùng hành tiêu diệt báo, có tu sự hành mà ngộ được lý, có tu lý dụng chỉ tiêu được nghiệp báo, trong văn chỉ nêu ra ba thứ độc sở tiêu, không giải thích ba thứ dụng năng tiêu, bởi có ý đối tiêu, hỗ tiêu, không thể đầy đủ, đây khiến người nói căn cứ nghĩa chỉ bày, huống gì không chỉ có các văn trong đây đều giản lược, nếu quên ý chỉ sâu xa của giáo quán sơn gia thì sớ này trình bày thật không phải dễ, nay giải thích văn này, phần nhiều có sơ sót mong người thông đạt khắc cho đúng.

ĐỐI XIỂN NGHĨA SAO GIẢNG GIẢI BA DỤNG MƯỜI CHÍN CÂU HỎI VÀ LỜI TỰA

Tựa

Pháp sư Cô Sơn là bậc tiên giác của tông ta có soạn xiển nghĩa sao giải thỉnh Quán Âm Sớ, trong đó minh nghĩa tiêu phục tam dụng cũng rất rõ ràng. Nhưng đối với tôn chỉ giáo quán của nhà thì còn sai lầm, vì thế tôi quê mùa ít học khẩn thiết lập ra mười chín câu hỏi, để thưa hỏi xem có đúng không? Khiến cho những người học đối với pháp nghĩa này không bị dị đoan làm mê hoặc.

Ngày 01 tháng 10 Thiên Hy kỷ nguyên, Tứ Minh Tri Lễ soạn.

Câu hỏi 1: Căn cứ vào sự và hạnh hai thứ độc hại, vì lý tánh vốn đầy đủ, tùy duyên mà phát hiện ư! Vì lý vốn vô nhân do mê mới có ư! Nhân mê mới có, chẳng phải nay đã đầy đủ nghĩa, vốn có nghĩa tùy duyên nhưng thể năng duyên chẳng phải tánh ác ư!

Câu hỏi 2: Căn cứ vào đâu mà hiển bày, y cứ vào liễu nghĩa nào; lý tánh độc hại chẳng phải tánh ác ư!

Câu hỏi 3: Lý tánh độc hại là vô minh ư! Hay chẳng phải vô minh ư! Nếu cho là đúng thì hoàn toàn giống như y cứ vào hành, nếu cho là sai thì lại chẳng phải tánh ác, ngoài vũ trụ có thể tánh riêng ư?

Câu hỏi 4: Hành độc lý độc nếu không có tướng riêng thì cớ sao nhà chú sớ đặc biệt chia ra ba dụng.

Câu hỏi 5: Lời sao nói: Tu nhất tâm ba quán phá ngũ trú hoặc, tức y cứ vào hành tiêu phục độc hại, cho đến giải thích lý độc, cớ sao lại

nói: Nay quán các pháp duy tâm, thể ô nhiễm thảy đều thanh tịnh, tức thần chú trị độc của lý tánh, hai điều này giải thích năng trị sở trị, y cứ vào hành, y cứ vào lý, tại tu tại tánh, tướng khác nhau như thế nào?

Câu hỏi 6: Lời sao giải thích vô ngại vô nhiễm mà bị nhiễm, rằng: Pháp tánh cùng vô minh tạo khắp các pháp, gọi là nhiễm, nhiễm cho nên tức có độc trong sự và độc trong y cứ vào hành. Đây giải thích nhiễm, vô nhiễm hoàn toàn thuộc sự hành, độc hại rõ ràng, tại sao giải thích lý tánh độc hại lại chỉ cho đây ư! Lý nếu không có độc hại thì pháp môn tánh ác đến quả thì dứt hẳn ư! Ba độc hóa sự tác ý mới có ư!

Câu hỏi 7: Trong lời sao đặc biệt trình bày lý độc chẳng phải tánh ác, vì hiển bày tư nghì hay bất tư nghì ư! Nếu cho rằng tư nghì thì chẳng phải điều ở đây nói nếu bất tư nghì một thể ba dụng thì tại sao chợt khác hẳn, nghĩa của độc chỉ thuộc sự hành lý tánh vốn không ư!

Câu hỏi 8: Sớ sao giải thích lý độc, vì sao lại không trình bày tướng của lý, mà liền nói rằng: Nay quán các pháp duy tâm thể ô nhiễm thảy đều thanh tịnh, tức thần chú trị lý độc, lời nói này là giải thích lý tánh sở tiêu phục ư! Hay giải thích lý tánh năng tiêu phục? Nếu giải thích sở tiêu lý độc là chỉ cho thể ô nhiễm ư! Hay chỉ cho dụng ô nhiễm? Nếu chỉ dụng ô nhiễm thì ngũ trú tự thuộc về y cứ vào hành, nếu chỉ cho thể ô nhiễm thì lại chẳng phải tánh ác, pháp môn tánh ác mà một nhà bàn luận là chỉ cho vật nào ư?

Câu hỏi 9: Lời sao nói: Có chỗ cho rằng tánh ác là lý độc, nghĩa độc tuy thành, nhưng nghĩa tiêu hoàn toàn thiếu. Nếu không có nghĩa tiêu thì đâu xứng với dụng ư! Hỏi vặn rằng: Một nhà Viên giáo đàm luận, nếu cho rằng lý độc tức là nghĩa của tánh ác thì vì sao lại nói nghĩa tiêu hoàn toàn thiếu, nếu vậy, tại sao ngài Kinh Khê nói: Chợt chưa nghe tên gọi tánh ác, đâu thể tin hành có tánh đức ư! Nhưng không biết lý độc tức tánh ác, vì sao lúc khác đều không nghe ư! Dù cho lý độc là tánh ác, mình tại sao lại trách rằng: Nghĩa tiêu hoàn toàn thiếu, đây là chính tuy nghe mà không hiểu, vả lại ý của ngài Kinh Khê chỉ sợ không nghe tánh ác thì hạnh không có tánh đức, nay vì sao trở lại như vậy ư! Soạn thuật như thế chẳng thành hủy hoại tông đồ của mình ư? Chẳng thành người mù mắt ư! Nếu cho rằng không như vậy thì cung thỉnh ba lần văn này, nghiên cứu nghĩa lý sâu xa tôn chỉ Đại thừa để giải đáp.

Câu hỏi 10: Lời sao chỉ y cứ vào hạnh, là y cứ vào trí đoạn, đoạn tức sở đoạn, chỗ ngũ trú đoạn gọi là tiêu hành độc, cho rằng khác với lý độc nên hỏi văn rằng: Trí tức năng đoạn, đoạn tức sở đoạn, không còn có tự thể riêng tức chỉ cho ngũ trú, đối với trí năng đoạn gọi là hành tiêu

ư! Nếu đoạn không có tự thể thì đây tức là đoạn diệt không, vì sở đoạn này tự có thể thường, chỉ tu tức tánh, là hoặc sở đoạn gọi là hành tiêu ư! Nếu đoạn không có tự thể thì đây tức là đoạn diệt, đâu có khác gì với Tiểu thừa, nếu đoạn có tự thể thì hành độc tiêu xứ, trở lại đầy đủ độc lý tánh chăng? Nếu chẳng phải lý độc, thì chỉ do đâu làm thể mà luận về viên đoạn ư! Lẽ ra chỉ cho biệt thanh tịnh chân như ư! Chúng sinh nhân tâm chỉ có tu ác không có tánh ác ư!

Câu hỏi 11: Lý tánh nếu không có nghĩa tiêu phục, y cứ vào lý giáo hạnh giải thích riêng đề này, giáo hạnh gọi là kinh, có nghĩa tiêu phục, y cứ vào lý gọi là kinh ắt có thể hoàn toàn phế bỏ ư! Vì sao lại gọi biệt, giải thích trong đề lý của kinh ư! Nếu không thể phế bỏ sao lại chợt phân biệt rằng nghĩa độc tuy thành, nghĩa tiêu hoàn toàn thiếu ư!

Câu hỏi 12: Lý tánh tiêu phục là nói về tu hay phân biệt về tánh! Nếu nói về tu thì không ngoài y cứ vào hạnh tiêu phục, nếu y cứ về lý tánh thì lý tự tiêu phục, tại sao nói nay quán các pháp tuy tâm nhiễm thể v.v.. ư! Nay nói quán tu hay tánh ư!

Câu hỏi 13: Về lý tiêu phục, lời sao tự phân biệt rằng: Vậy thì hoặc tánh tướng đợi, chẳng phải thiếu đoạn trí. Nay hỏi vặn rằng lý tiêu phục nghĩa đã nói chẳng liên quan đến ước hạnh trí đoạn, hay chỉ lý cảnh không liên quan đến trí đoạn ư! Là y cứ vào mê sự chẳng quan hệ đến trí đoạn ư! Hay căn cứ hạnh tánh đức chẳng quan hệ đến trí đoạn ư! Hay đều y cứ vào bốn nghĩa chẳng quan hệ đến trí đoạn ư!

Câu hỏi 14: Lý tánh nếu không có nghĩa tiêu phục, y cứ vào hạnh tiêu phục đều chẳng phải tánh khởi ư! Nếu vậy, tại sao Đại sư nói rằng, nay vốn là hạt giống tánh đức, nếu tâm từ bi trí tuệ trang nghiêm hiển xuất chân thân đều lấy liễu nhân làm hạt giống, nếu tâm từ phước đức trang nghiêm hiển xuất ứng thân đều lấy duyên nhân hạt giống. Văn này y cứ vào hạnh tiêu nghĩa chẳng phải bi trí trang nghiêm, y cứ vào hạnh phục nghĩa chẳng phải từ phước trang nghiêm ư! Nếu không có hạt giống bổn tánh làm sao hiển bày được ước hạnh viên tu!

Câu hỏi 15: Lời sao nói: Hoặc tánh đối đãi nhau chẳng liên quan đến trí đoạn gọi là tiêu lý độc, vì y cứ vào bổn tịnh không nhiễm ngũ trú gọi là lý tiêu ư! Hay dùng quán trí chiếu lý quên hoặc gọi là lý tiêu ư! Nếu nói vốn tịnh không nhiễm đều không phải trải qua tu, tại sao nay quán các pháp duy tâm nhiễm thể đều gọi là trị lý độc ư! Nếu nói hoặc tánh đối đãi nhau, suy hoặc tức tánh gọi là tiêu lý độc, đây tức ước vào hạnh suy xét nhập không hiển hiện tu thành, sao lại cho là y cứ vào lý! Tại sao ngài Kinh Khê nói lý thì tánh đức duyên liễu! Tại sao vốn tự hai

không tức nghĩa tánh đức ư!

Câu hỏi 16: Nếu nói nghĩa độc tuy thành, nghĩa tiêu hoàn toàn thiếu, thì nay lẽ ra không phù hợp nên nói vốn là nhân quả căn bản, tức là tánh đức duyên liễu, tánh đức này vốn tự có chẳng thích hợp với ở đây, tánh đức liễu nhân chẳng phải lý tiêu nghĩa ư! Tánh đức duyên nhân chẳng phục nghĩa ư!

Câu hỏi 17: Nếu nói hoặc tánh đối đãi nhau chẳng liên quan đến trí đoạn hạnh tiêu nghĩa, thì đây khác với lý tu tánh, trí đoạn thể ràng buộc, tại sao Đại sư nói bắt đầu thì khởi từ liễu nhân, sau cùng thì Bồ-đề đại trí, mới thì khởi từ duyên nhân, sau cùng thí Niết-bàn đoạn đức, vì sao đặc biệt trình bày hoặc tánh đối đãi nhau gọi là lý tiêu độc chẳng liên quan đến nghĩa ước hạnh trí đoạn ư! Tánh ước liễu nhân chẳng phải trí thể ư! Tánh đức duyên nhân chẳng phải đoạn thể ư!

Câu hỏi 18: Lời sao nói: hoặc tánh đối đãi nhau gọi là tiêu lý độc, ở đây là đối với hoặc tánh gọi là cảnh tu đức ư! Hay cảnh tánh đức ư! Nếu nói tu cảnh thì căn cứ khảo sát cùng tận thành nghĩa tiêu phục cũng chỉ thuộc về tu, y cứ vào hạnh mà nói. Nếu nói tánh cảnh, pháp tánh tự như vậy chẳng phải do tạo thành, tánh đây đối hoặc gọi là tiêu lý độc, năng đối tánh đã nói nghĩa tiêu hoàn toàn thiếu, nên lựa chọn chỉ ở trong lý làm năng đối tánh ư! Nên chọn thanh tịnh chân như làm năng đối tánh ư!

Câu hỏi 19: Lời sao nói: Hoặc cho rằng tánh ác là lý độc, nghĩa độc tuy thành, nghĩa tiêu hoàn toàn thiếu, nếu có nên phá tánh ác hỏi văn rằng: Nếu vậy tại sao Phụ Hành nói: Lại lý này chuyển thành tu đủ, mỗi mỗi tu đầy đủ, không lý nào không đủ, khiến thức tu đủ, toàn là lý đủ, là đạt lý đủ, tức không tức trung, lý đầy đủ này tức không tức trung, cũng chẳng phá pháp môn tánh ác ư!

Đại sư nói: Tướng mạo tu đức ở trong tánh đức, đây cũng dứt bỏ tánh ác ư! Lý đầy đủ trong không, nêu tướng mạo tu đức, đâu chẳng phải nay y cứ vào lý tiêu phục nghĩa ư!

Tôi cho rằng nếu dựa vào lời Sao, một nhà tuyên bày về pháp môn tánh đức đều thành vô dụng, viên tu trí hạnh đều thành hữu tác, vì sao? Vì nếu cho rằng lý đầy đủ các hạnh thì lẽ ra phá pháp môn tánh ác, nếu nói tánh ác lý độc nghĩa tiêu hoàn toàn thiếu thì hiển hiện đồng duyên liễu mới có, vì sao tu đức mà chẳng viên dung ư! Xét rằng như vậy thì thuyết tánh nghiêng đổ, đạo viên đốn phế bỏ, truyền thuật và sáng tác giúp ích tông thừa, tại sao bỗng nhiên trái với đại nghĩa.

GHI CHÉP VỀ GIÁO VÀ HẠNH CỦA TÔN GIẢ TỨ MINH

QUYỂN 3

- Biệt lý tùy duyên hai mươi câu hỏi.
- Quang minh huyền đương thể chương hỏi đáp
- Ráng vi hỏi đáp ba mươi chương
- Khai vi Thí vấn bốn mươi hai chương
- Giáo môn tạp hỏi đáp bảy chương
- Bốn loại tứ đế hỏi đáp.

BIỆT LÝ TÙY DUYÊN HAI MƯƠI CÂU HỎI VÀ LỜI TỰA

Có học giả của đương tông hỏi tôi rằng: cái nhân đối với chỉ yếu trong lời sao, lập biệt giáo chân như có nghĩa tùy duyên ư!

Tôi đáp: Đúng vậy.

Khách hỏi: Lại như ngài Pháp Tạng biên soạn Sở thích Khởi Tín luận, chuyên lập chân như có hai nghĩa bất biến và tùy duyên, ông nói bất biến tức tùy duyên tùy duyên tức bất biến, bởi vì đối với trong năm giáo kia nó thuộc về Chung giáo cũng bao gồm đốn giáo mà đối phá Duy thức tông đàm luận về lý chân như chỉ luận về bất biến, không nói đến tùy duyên, xét kỹ Duy thức chính là nay Biệt giáo, Chung giáo và Đốn giáo nêu rõ bất biến và tùy duyên chính là lý Viên giáo ngày nay. Vì sao biệt lý tùy duyên ư!

Tôi nói rằng: Ngài Pháp Tạng y cứ vào nghĩa nào. Mà phê phán Duy thức đàm luận chân như không tùy duyên ư!

Khách nói: Sơ Khởi Tín nói: Tông Duy thức chỉ dùng nghiệp tướng làm gốc sinh khởi các pháp, chân như kia vô giác vô tri, bất động bất biến, không bị tùy duyên, chỉ nói tám thức sinh diệt dù chuyển thành bốn trí cũng chỉ là hữu vi, không được tức lý, cho nên giải thích giới hạn của pháp chỉ ngang bằng nghiệp thức.

Tôi nói: Nếu nói cho nên tánh có giác biết, thì có thể huân biến

mới nói tùy duyên, đã ngang bướng mới không được huân, đã không được huân thì đâu tùy duyên tạo khắp các pháp, nhân đó mà vặn hỏi; Biệt giáo chân như không giác biết ư?

Nếu không giác biết cớ sao được gọi là Phật tánh, cho nên Phụ Hành nói: Giáo môn này nói rõ Trung đạo chỉ có hai nghĩa: 1/ Lìa đoạn thường, thuộc hai giáo trước; 2/ Phật tánh, thuộc hai giáo sau. Biệt giáo Trung đạo đã gọi là Phật tánh thì Phật chẳng phải nghĩa giác ư! Nếu đối với lý ngang bướng, vốn không giáo biết sao gọi là tánh của bậc đại giác quả, huống chi dùng tánh không thay đổi làm nghĩa, nếu nhân không có nghĩa giác đến quả mới có thì đây biến chuyển, sao gọi là tánh ư! Lại nữa Diệu Lạc nói: Phàm trong Biệt giáo lập Phật quả có ba ý: 1/ Lấy lý tánh làm cõi Phật; 2/ Dùng quả ban đầu làm cõi Phật; 3/ Dùng sơ địa cách phần làm cõi Phật. Biệt giáo đã lập cõi Phật đâu có Phật ngang bướng, tạng sớ đã y cứ vào chân như vô giác biết cho nên bất động, bất động cho nên không tùy duyên, biệt lý đã có giác biết, xét thật chẳng phải bất động, đã chẳng phải bất động tại sao không tùy duyên ư? Khách bỗng nhiên sợ hãi lúng túng. Tôi liền nói rằng: Ông đã không biết chỗ ấy đâu được vọng có phá lập, tôi đã thương xót sự vô tri kia mới lập vài mươi câu để hỏi, trưng dẫn sự lầm lẫn kia để phá lập, khiến cho biết chút ít biệt lý có nghĩa tùy duyên.

Khách thưa: Xin lắng nghe.

Câu hỏi 1: Tạng sớ chép: Tông Duy thức ngang bằng với nghiệp tướng để làm sốc sinh khởi các pháp, cho nên chân như kia không nói tùy duyên, ngài Kinh Khê đã lập Biệt giáo chân như ở nơi mê thì sinh ra chín cõi, lấy chân như làm gốc sinh ra các pháp, là khác hẳn với nghiệp tướng làm gốc sinh ra các pháp, sao nói biệt lý không tùy duyên ư!

Câu hỏi 2: Tạng sớ lại chép rằng: Tông Duy thức chưa nói về nghiệp tướng v.v... cùng với chân như đồng lấy nhất tâm làm nguồn gốc, cho nên nói chân như vô giác tri, bất động, bất biến, không chịu tùy duyên, ngài Kinh Khê đã giải thích Biệt giáo căn trần nhất niệm là mê, nên giải thích rằng, lý tánh Như Lai là gốc của thiện ác, đâu chẳng phải nghiệp tướng v.v... cùng chân như đồng lấy nhất tâm làm gốc sinh ra các pháp ư! Đã vậy, sao nói biệt lý không tùy duyên ư!

Câu hỏi 3: Tạng sớ chép: Tông Duy thức nói tám thức sinh diệt tự do chuyển thành bốn trí cũng chỉ là hữu vi, không được tức lý, ngài Kinh Khê đã lập biệt lý gọi là Phật tánh, sao lại chuyển tám thức thành bốn trí ư! Biệt lý đã là Phật tánh tức tùy tịnh duyên thành tựu quả Phật, sao nói không tùy duyên ư!

Câu hỏi 4: Tạng sớ ngũ giáo không lập lý đầy đủ tam thiên, chỉ căn cứ bất biến tùy duyên, lập ba giáo Chung, Đốn, Viên, xin Ngài trình bày rõ lý ba giáo và tướng tùy duyên, nếu không có tướng khác thì đâu lập ba giáo, nếu có tướng khác xin nói kỹ.

Câu hỏi 5: Tạng sớ Viên giáo chưa bàn luận lý tánh vốn đủ các pháp, cùng với Viên giáo của các nhà có thể sánh ngang nhau không? Viên kia vọng trông vào Viên này, còn tự khác nhau xa, đâu thể đàm lý chung giáo hợp với Viên này...

Câu hỏi 6: Tạng sớ không bàn luận lý đủ các pháp, là biết mà không đàm luận, hay là không biết? Nếu biết mà không bàn luận thì mắc lỗi che giấu nghĩa sâu xa, nếu vốn không biết thì không khéo đàm luận viên thì đâu được đồng với Viên này, viên kia còn không đồng với viên này huống chi Chung giáo ư!

Câu hỏi 7: Tạng sớ chưa bàn luận về lý đủ các pháp, vậy thì một lý tùy duyên biến tạo các pháp thì chẳng phải vô tác, nếu không thành vô tác, đâu được đồng với viên này.

Câu hỏi 8: Tạng sớ Viên giáo bàn luận về sự sự vô ngại lớp lớp, dường như trong sắc hương này các pháp trung đạo hướng đến nghĩa sắc v.v... tham gia mà luận bàn dường như Viên giáo này Chung giáo kia bất biến tùy duyên, có được lập thuyết này không? Nếu nói sự sự vô ngại chính là viên kia thì chẳng phải Chung giáo, nếu chưa được như vậy còn trông mong vào viên kia, thì đâu bằng Viên này ư!

Câu hỏi 9: Chung giáo kia bất biến tùy duyên, cùng với bài vàng nói về bất biến tùy duyên là đồng hay khác? Nếu khác thì chẳng phải viên này, nếu đồng thì bài vàng chân như là muôn pháp là do tùy duyên, muôn pháp là chân như là do bất biến. Căn cứ vào hai nghĩa này lập loài vô tình có Phật tánh. Chung giáo tuy lập tùy duyên bất biến nhưng lại nói tại hữu tình được gọi là Phật tánh, tại vô tình chỉ gọi pháp tánh, không gọi Phật tánh, đã chia hai phái, không nói bất biến chính là biến vậy. Đã trái với bài vàng làm sao gọi là viên lý, nên biết quyền giáo có danh vô nghĩa, vì nói có Phật tánh là nói theo giải, nói theo lý, y cứ vào giải và lý còn chưa nói khắp, chẳng phải quyền thì là gì?

Câu hỏi 10: Bài vàng chép: Khách nói: Vì sao quyền giáo không nói duyên liễu hai nhân khắp ư! Tôi nói: Chúng sinh từ vô thỉ chấp ngã, ngã sở, theo chỗ chấp mà chỉ bày, chưa nên nói khắp, trong kinh Niết-bàn mang quyền mà nói thật, cho nên được dùng "không" để dụ cho chánh, chưa vì dụ duyên liễu, nếu giáo hướng về quyền thì ba nhân đều hạn cuộc, như hàng sơ tâm Biệt giáo nghe chánh cũng hạn cuộc, tạng

tánh lý tánh tất cả đều như vậy, cho nên hàng bạt địa nghe vô tình là vô, nương mê mà bày mê, cho rằng năng tạo là đúng, gá quyền lập tánh, cho rằng sở tạo là sai (trên dều là bài vàng nói không bỏ sót một chữ) hai nhân không khắp, còn nói mang quyền, chính hạn cuộc hữu tình, đích xác thuộc biệt giáo, Chung giáo đã vậy sao chấp là Viên ư!

Câu hỏi 11: Tạng sớ nói rõ A-lại-da là gốc sinh ra các pháp cho nên gọi là Phần giáo hiển bày chân như là gốc sinh ra các pháp gọi là Chung giáo, nay ông đã tin biệt lý vô trú năng tạo các pháp, nếu không tùy duyên thì đâu thể tạo ra pháp ư!

Câu hỏi 12: Các tông khác đều không nói vô trú, nay ông giải thích chỗ pháp tánh sở y có thể che chở làm vô trú dù ông có lời giải thích này chỉ như Chung giáo chân thật tùy vọng chuyển tạo lập ra các pháp, điều ấy có nghĩa là bao phủ hay không? Nếu không thể bao phủ, chỗ tạo các pháp được gọi một nhiều, tướng nhập sự sự vô ngại không? Nếu vậy, thì sao lại khác với Viên kia. Nếu không vậy, thì chẳng bao phủ được gì, đâu phải chân như lý tánh không tự tại ư! Phải biết Chung giáo chỉ có lý là vô trụ, không thể chấp tánh cõi Phật là vọng động ngăn cản trói buộc thành chín cõi, đáng lẽ có thể che lấp nghĩa, bẩm thọ giáo pháp kia, tuy tin chân như khắp tạo các pháp chưa biết sự sự đương xứ viên dung, vì giáo này chưa giải thích lý tánh đốn đầy đủ các pháp, nếu bẩm thọ Viên giáo này thì biết tánh đức vốn đủ các pháp, tuy tùy vô minh khắp tạo, là tác mà vô tác, vì vốn đầy đủ, sự đã tức lý pháp pháp viên mãn, thường thâu nhiếp khắp các pháp, không gì chẳng phải pháp giới. Chung giáo giải thích rõ đã không như kia đâu được ngang bằng với Viên giáo này ư!

Câu hỏi 13: Chung giáo nói chân như là bản giáo, Biệt giáo nói chân như là Phật tánh, tánh chẳng phải bổn ư! Phật chẳng giác ư! Danh nghĩa đã ngang bằng thì đâu được không đồng.

Câu hỏi 14: Tông Duy thức nói: Chân như vô giác tri cho nên không thể mê, Chung giáo bàn về chân như có giác tri cho nên bị mê, vì bị mê cho nên có khả năng ngộ, vì thế lập ra tùy duyên. Biệt lý đã có giác tri sao không thể như vậy? Nếu có khả năng sao không tùy duyên?

Câu hỏi 15: Ông nói biệt lý vô trụ năng tạo các pháp, chỉ là lý năng tạo sự, lả nghĩa thiên về một, đâu chẳng phải chỉ có nghĩa tùy duyên không có nghĩa bất biến, ông vốn không biết bất biến thì Chung giáo phân giáo đồng giải thích rõ, tùy duyên thì riêng tại Chung giáo, cho nên nói bất biến chưa hẳn tùy duyên, nếu nói tùy duyên thì có bất

biến, do đó tánh chân như tùy duyên, nếu khi tùy duyên thì biến đổi không có danh tánh.

Câu hỏi 16: Ông nói Biệt giáo nói bất tức, Chung giáo nói tức, là khác nhau bởi người mê danh hoàn toàn không trá xét lý, do kia không bàn luận tánh đủ chín cõi, nhưng chỉ lý tùy duyên tạo thành chín cõi, nếu dứt bỏ vô minh chín cõi phải hủy bỏ, nếu chín cõi tức là lý chân như (Đại ý cùng chỉ quán đều dùng nghĩa ấy giải thích, tức như nói sơ tâm là hậu tâm...) đâu cần trừ chín cõi, há chẳng phải chín cõi nhất định làm ngăn chướng lý ư! Nếu cho rằng không như vậy thì Chung giáo lại nói chín cõi là pháp giới, mỗi mỗi thâu nhiếp khắp chăng? Nếu nói cùng viên kia sao lại biệt? Nếu không nói thì đâu xứng với tức ư! Huống chi viên kia đã chưa bàn luận tánh đủ ba ngàn (3.000), tuy nói mỗi mỗi thâu nhiếp khắp nhưng còn có chỗ chưa thâu nhiếp khắp, nếu so sánh Viên giáo này thì không thành nghĩa tức, huống chi Chung giáo ư!

Câu hỏi 17: Ông nói tánh đầy đủ chín cõi không được nói khác nhau bởi vì chưa biết trong lý tụ có lập nghĩa tất cả pháp, cho nên Diệu Lạc nói: Lý thì tánh đức duyên liễu, v.v... lại nếu cho rằng tánh đủ các pháp không gọi khác nhau, vì sao Diệu Kinh Sớ nói: Nếu biết đất có đào có lý, tức biết trong thật có quyền, giải vô sai biệt tức là sai biệt, nếu biết đào lý tướng thẳng, tức biết trong quyền có thật, giải sai biệt tức vô sai biệt, đã do đất có đủ đào lý là quyền, quyền này gọi là sai biệt, đây chẳng phải tánh đầy đủ chín cõi được gọi là sai biệt ư!

Câu hỏi 18: Chỉ quán của Biệt giáo cho một niệm tâm là mê để giải thích bổn, dẫn Kinh Lăng-nghiêm nói về lý tánh Như Lai tạng làm nhân lành, không lành, ý ông cho rằng: Câu này nếu chứng được Chung giáo thì đó là nghĩa tùy duyên; nếu chứng được Biệt giáo thì chẳng phải nghĩa tùy duyên. Vả lại nay dẫn văn tóm lược, kinh kia nói đầy đủ bảy thức không trôi lăn, không tạo nhân khổ vui (thể của vô minh) là không), Như Lai tạng là nhân lành, không lành, hoặc sinh hoặc diệt, chịu khổ vui, đi chung với nhân (chân như thành sự) đã năng làm nhân lại tức sinh diệt, văn này làm sao không tùy duyên mà hiểu! Nếu cho rằng không dẫn các văn như sinh diệt v.v... thì chẳng tùy duyên, hơn nữa đối với tông Duy thức có thể nói chân như là nhân thiện ác hay không? Lại văn kế là dùng Đại luận ao nước để ví dụ, đây làm sao thông, cho nên nói: Như ao nước lớn voi xuống thì nước đục, bỏ viên ngọc xuống thì nước trong. Nên biết ao nước là nguồn gốc của sự đục trong, hạt ngọc và voi là duyên không đục, trong. Nay hỏi: Ao nước lại tùy hai duyên này làm trong đục hay không? Nếu tùy thì làm sao tạo

bất tùy duyên giải ư!

Câu hỏi 19: Phụ hành giải thích Biệt giáo phát tâm chép: Trong phiền não có Như Lai tạng, chúng sinh phàm phu mù tối thường đi chung với tạng, không có sự thấy biết, cho nên trôi lăn sinh tử, trở lại làm tàng hại, vả lại Bồ-tát Biệt giáo đã thấy chúng sinh như vậy cho nên phát tâm, đâu thể nói rằng chân như không tùy duyên ư!

Câu hỏi 20: Ông nói rằng: Mục đích là phá những câu hỏi, đặc biệt lập ra biệt lý tùy duyên, vì người không hiểu ý hỏi của An Quốc Sư nên mới nói lầm, như kia hỏi rằng: Biệt giáo chân như không tùy duyên, Khởi Tín chân như năng tùy duyên, chưa xét kỹ Khởi Tín là biệt hay viên! Nếu là biệt thì văn càng trái nhau, nếu viên thì trái với tạng sớ kia, hơn nữa ban đầu nói tùy duyên không tùy duyên, bởi vì người học vọng cho rằng Biệt giáo không bàn luận tùy duyên, Khởi Tín vẫn nói tùy duyên. Thuận theo thường tình mà hỏi đầu mối đã cùng biết Khởi Tín bàn luận ở chân như như tùy duyên, cho nên Định Chi nói: Chưa xét kỹ nghĩa tùy duyên là Biệt hay Viên, bởi người học không biết chân như tùy duyên chung cho hai giáo. Về sau hỏi vặn rằng: Nếu nói khởi tín là biệt thì càng trái với văn luận, vì văn luận nhất tâm thuộc pháp thế gian, xuất thế gian và tướng đại, nói đủ vô lượng tánh công đức, là vốn đủ một ngàn (1.000) như. Lại tám tướng của hàng Thập Trụ Viên giáo phần chân nhậm vận thùy ứng là viên vị, nếu quyết định xếp vào biệt thì trái với tạng sớ, vì sớ không y cứ vào tâm, đủ trăm cõi là nhiếp pháp thế gian, xuất thế gian, và vô lượng tánh công đức không căn cứ vào tánh thiện, tánh ác để giải thích lại tám tướng của Thập trụ không nói phần chân để phân biệt mà nói là hàng phục kiến tư hoặc trú nguyện lực thần thông mà tạo tác. Nếu xế vào Viên thì trái với các văn trong sớ này, nay nếu ông chấp theo An Quốc Sư xếp Chung giáo là nay Viên, thì ví sao nạn vấn rằng: Nếu viên trái với tạng sở mà tạng sớ chính là tụng Chung giáo giải thích đối với khởi tín, nếu Chung giáo là Viên thì Viên thuyết vừa thuận hợp tạng sớ, sao nói nếu viên trái với tạng sớ kia ư!

CHƯƠNG QUANG MINH HUYỀN ĐƯƠNG THỂ HỎI ĐÁP

Từ Vân sám chủ hỏi, Pháp sư Tứ Minh đáp.

Tuân Thức cúi đầu trước Diên Khánh pháp chủ, trộm nghe gần đây mọi người đều tuyên dương kinh Kim Quang Minh pháp môn sâu xa, tự nghĩ vô duyên dưới tòa, hơn nữa kinh này nghĩa lý sâu xa chỉ bày được gọi đương thể thứ năm, ý này soi xét, sớm chiều suy nghĩ không

hiểu, cẩn thận thành câu kệ, vâng lệnh để hỏi han, mong nói để truyền trao cho mọi người, nhất là để khai thông quyết đoán, đời sau báo ân rộng lớn.

Thế nào là pháp tánh?
Tự thể Kim Quang Minh
Là phải từ nghĩa lập
Là đúng chất cũng thành
Pháp tánh vốn chẳng chất
Màu vàng từ đâu sinh
Nếu từ nghĩa mà lập
Thì là tên gọi giả
Toàn vàng làm pháp giới
Bụi trần đều bình đẳng
Sám hối diệt chỗ nào
Khen ngợi vinh chỗ nào
Tội phước đã không hai
Không dẫn dắt tiếng rỗng
Không tạng không không hiện
Đất Địa tạng khó nghiêng
Tại sao đây đồng khác?
Mong giải tâm nghi tôi
Hoa sen là lúa gạo
Đương thể như thế nào
Sánh đồng tất cả pháp
Đàn sư tử xin thảy.

Trí lễ cúi đầu kính lễ trước Linh Sơn sám chủ, tứ bắt chước nhăn mặt cấm túc, liên tiếp mạnh dạn giảng giải khoa, tuy đạo chưa thâm sâu, lại giới hạn lời nói có nơi, nay bị vấn nạn mạnh dạn sinh khởi đại bi khiến tôi suy tìm, giúp người hiểu ngộ, việc nhân duyên bận rộn, lâu ngày mất sự báo đền, nay xin báo đáp, mong xem xét kỹ.

Pháp tánh đủ các sắc
Gọi là sắc nhiệm mầu.
Pháp tánh đủ các nghĩa
Gọi là nghĩa bậc nhất
Nghĩa ấy và sắc này
Đâu thể chia làm hai
Tánh lửa tức chân không
Lăng-nghiêm bày ý ấy

Sắc tánh tức trí tánh
Khởi tín nói nghĩa ấy
Ngàn như tướng chẳng tướng
Sát-na đáng nương tựa
Một lý không bất không
Tỳ-lư mới trùm khắp
Cùng tận sắc gần không
Tức là bản lai địa
Xét tâm chí sát-na
Tức là trí chân như
Mũi ngửi hương Phật Ca-diếp
Lưỡi nếm vị pháp mầu
Tướng thế gian được thường
Bởi do trú pháp vị
Pháp thân trôi năm đường
Do vì có quyền trí
Tâm cuồng vàng đá lấp
Sắc bệnh niệm tưởng say
Tâm, sắc lý không khác
Chất, nghĩa đâu từng sai
Chúng sinh mê nguồn gốc
Chắc chắn phân tình khí
Nương không hành sám khen
Thể pháp giới đầy đủ
Ánh sáng chiếu thế giới
Vàng ròng các pháp quý
Thể rốt ráo chân thật
Chiếu soi khắp tất cả
Khởi pháp sự vi diệu
Đủ phước trí trang nghiêm
Ta lấy đây so tính
Mong nghiên cứu kỹ lưỡng.

Tuân Thức lại một lần nữa dùng Già-đà hỏi Diên Khánh pháp huynh, xin hãy mở ra xem, còn đợi báo âm.

Niết-bàn bốn vô thuyết
Nhân duyên nên lập chữ
Lại nói nghĩa bậc nhất.
Có nói có thật nghĩa.

Có không và chân tục
Làm sao phân giống khác
Các pháp tức chân như
Không danh, không văn tự
Chân như tức các pháp
Tùy duyên có khác nhau
Khởi ắt tánh ba ngàn
Vì sao không danh nghĩa
Tánh nước lửa chân không
Không sao chia một khác
Theo nghiệp mà phát hiện
Từ ngọn đến tận cùng
Hoàn toàn đều sai khác
Kiến lập đều do tục
Cớ sao không danh nghĩa
Sắc tánh tức trí tánh
Bởi do thể không hai
Không hai, không phải quấy
Thảy đều bản lai địa
Khước từ tận gần không
Làm sao mới hiển trí
Vốn là một tinh minh
Chia làm sáu thứ nghĩa
Phương tiện có nhiều cửa
Về nguồn tánh không hai
Không hai tức như như
Làm sao có hương vị
Thuốc, bệnh tánh tương ưng
Phương tiện trị sắc tâm
Nước lửa tự lên xuống
Lập tức thành trái bỏ
Duyên khởi chỉ theo tánh
Làm sao bày không hai?
Các pháp như huyễn mộng
Một nhiếu nương gởi nhau
Thể huyễn tức là chân
Nhọc gì cùng lìa xa
Tận cùng các vi trần

Thảy đều quên sát-na
Đâu có ý còn mất
Quán tâm sơ bất nhẫn
Nay sao nhẫn ý này
Thủ xả tuy do ta
Nếu kia còn do dự
Đại đạo sư trời người
Vì sao không quyết trí
Quán tâm, cũng quán sắc
Duy chỉ quán tâm địa
Sắc không gọi quán tâm
Tâm bao gồm các nghĩa
Đồng khác cùng nhiếp nhau
Làm sao được ý nghĩa
Quán tâm chỉ một niệm
Một niệm đủ ba ngàn
Ba ngàn gồm thân, cõi
Quên mất nghĩa quán sắc
Ba ngàn kịp ngoại cảnh
Làm sao được ngang bằng?

Tri Lễ tự khiêm nhường cung kính vâng theo hoài bão lại lần nữa đáp lời của Linh Sơn sám chủ, mong hãy chọn lựa xem.

Niết-bàn nhất thật đế
Ngăn hiển chẳng khác nhau
Nương lời và lìa lời
Đều là nghĩa chân như
Tục này kịp chân này
Phi tình là tùy trí
Hai đế đều gọi chân
Chân này có tên gọi
Nếu rõ tánh ba ngàn
Đây là nghĩa viên thành
Pháp pháp đều chân thường
Danh thật đều tôn quý
Nương pháp biến kế này
Làm sao giống được đây
Thể kia như không hoa
Đâu thật phải gọi tên

Thể sắc, tâm không hai
Trong tình chấp chặt khác
Muốn phá tình chấp chặt
Phải tìm đến bờ mé
Nếu biết nương lý tạng
Pháp pháp không bỏ sót
Nương đây hiển viên thường
Không hề mong lìa bỏ
Tuy là một tinh minh
Thể đủ nghĩa ba ngàn
Y chánh lý chứa trong
Căn cảnh đủ trong tánh
Duy tâm tức duy sắc
Duy hương cũng duy vị
Duy xúc duy âm này
Lý này khó nghĩ bàn
Sức nước lửa chống nhau
Sáng tối có thể trị
Ngay trong chống trái này
Thấy khắp tướng tùy ý
Trái nhau rõ đủ đức
Theo nhau biểu không hai
Bậc trí khéo nghĩ lường
Gốc ngọn không hế khác
Quán tâm lý thú sâu
Nghĩa dường như trái nhau
Xuất tự toàn tổng trì
Ai lại không do dự
Lạm làm người lưu thông
Tự xét ở vị nào
Lời nói khó tránh ngục
Lại suy nghĩ mới được
Chín cõi buộc tu tâm
Ba đường nhờ tâm trị
Đây quán từ ngoại cảnh
Ngoài phá trong mới làm
Nương lý tuy hợp nhau
Do mê lại chia hai

Biết rốt ráo nguyên nhân
Dám an trí tâm lực
Ba pháp đều nhiệm mầu
Duy tâm mầu nhiệm hơn
Nương tâm thấy pháp giới
Phật, chúng sinh bình đẳng
Mình mê theo vật khác.
Đích thực lập tình khí
Thấy sắc liền thấy tâm
Sáng tỏ toàn tánh khởi.

RÁNG VI HỎI ĐÁP BA MƯƠI CHƯƠNG

Pháp sư Tứ Minh hỏi, Pháp sư Tịnh Giác đáp.

Ngày mùng 4 tháng 2 mùa xuân thay đổi niên hiệu Thiên Hy. Diên Khánh Tọa chủ cho ra đời giáo nghĩa sơn gia gồm ba mươi điều tóm tắt trong lời Ráng Vi hỏi các đệ tử, lời văn chỉ lược yếu nhưng ý chỉ rất cao sâu, khiến không ai là không hưng khởi công lao truyền bá giáo pháp, khiến người không thông minh lanh lợi có chí gắng sức học, môn nhân (Nhân Nhạc) theo đây mà đối đáp văn vẻ rõ ràng, chẳng cầu mong một tiếng khen của nước Lỗ, hoặc cầu thỉnh lời răn dạy mạnh dạn thầm nhuần khắp nơi, đã có ghi chép trao truyền, cho nên nay nêu ra rằng:

Câu hỏi 1: Trong ba tạng, sơ quả khổ nhẫn chân thật sáng suốt, cớ sao lại nói diệt chẳng phải chân đế, tứ đều xứng đế, vì đế là chân như! Hay đế là tục ư!

Đáp: Vốn xét về lý ba tạng chỉ nhất chân quán có lý bốn đế nhân quán hiển bày, cho nên gọi là khổ nhân chân minh, lý hiển thì quán mất, cho nên nói diệt chẳng phải chân đế, vì sao? Vì do diệt chân không lìa lục huyễn, tuy biết khổ đoạn tập, tu nhân, chứng quả đều là sự hành sinh diệt, chẳng phải lý thể vắng lặng, nghiên cứu luận về pháp tánh đâu có chỗ mê ngộ. Cho nên Đại sư nói: Ba tạng pháp tánh tự nhiên nhiên, tập không thể làm ô nhiễm, khổ không thể làm buồn bực, đạo không thể làm không suốt, diệt không thể làm thanh tịnh, nhưng do khổ nhẫn mới hiểu rõ chân như, phân tích cùng tận sắc xứ mới thấy rõ không, tùy năng tích sở tích đều chẳng phải là không, mà thấy không ấy là do phân tích nơi sắc. Cho nên biết khổ nhẫn chân minh diệt chẳng phải nghĩa chân đế không trái nhau, lại ở trên nói ắt ở dưới hiển bày, đế tục thì đế chân, há trước sau khác nhau ư!

Câu hỏi 2: Nhân duyên đình tâm cùng Bích-chi-phật chánh quán vì sao lại sai khác nhau?

Đáp: Nhân duyên dừng tâm, là hàng sơ tâm phần nhiều tâm còn ngu si nên khởi kiến chấp đoạn thường do đó dạy họ quán nhân duyên ba đời để đối trị, cho nên ngài Kinh Khê nói ba đời nối nhau nên không dứt, ba đời lần lượt đổi thay cho nên không thường, đây chỉ lược biết nhân duyên sinh tướng, chưa biết nhân duyên Bích-chi-phật chánh quán, chẳng phải chỉ quán ba đời mà thôi, cho đến năng quán trăm ngàn muôn đời, lại biết sinh và biết diệt, bao gồm đế tục và đế chân, hai quán có khác chút ít, không thể xen lẫn nhau.

Câu hỏi 3: Các văn đều nói: Bích-chi-phật quán nhân duyên dứt hoặc, tướng quán như thế nào?

Đáp: Các văn nói khác nhau, nay thử trình bày sơ lược, như nói về A-na-hàm, hàng trung thừa quán tướng nhân duyên có nghịch có thuận, từ vô minh đến già, chết gọi là thuận, từ già chết đến vô minh gọi là nghịch, sinh diệt đều như vậy, đây là nói đại lược. Nếu như bốn niệm xứ xác thật rõ suy tìm tướng quán phá, hoặc dùng chi ái làm đầu, hoặc lấy chi thủ làm đầu, cũng có nghịch thuận, lại như chi ái làm đầu, tức suy tìn nhân tham ái do đâu mà sinh, liền biết tham này do ái mà sinh khởi, cho đến hành do vô minh, vô minh do tất cả phiền não trong quá khứ, lại suy tìm thuận thì ái này sinh ra từ thủ, thủ sinh từ hữu, hữu sinh từ hai mươi lăm hữu sinh tử trong đời vị lai... Nếu quán phá thì quán ái tức năm ấm tánh niệm xứ ô uế trong hiện tại, cho đến quán vô minh tức năm ấm tánh niệm xứ ô uế trong quá khứ; lại nếu quán nơi hữu tức thiện, bất thiện năm ấm tánh niệm xứ, cho đến quán sinh tử vị lai, tức quả báo sinh tử vô ký tánh niệm xứ, đó gọi là quán sát nghịch thuận phá bốn điên đảo, điên đảo diệt thì vô minh diệt, cho đến già chết diệt (trên đều lược nghĩa chọn văn nghĩa bốn niệm xứ). Chi thủ đứng đầu, tức người mê chấp kiến hoặc. Nghịch thuận suy tìm phá theo chẳng hạn như chi ái, lại như chỉ quán nói trong cảnh giới thiền, nhờ tu mới phát sinh, lấy chi hữu làm đầu lại giải thích rõ bốn giáo quán nhân duyên đều từ ái sinh khởi, như đây các thuyết khác nhau, do vì căn tánh có khác nhau nên tu nhập khác nhau, nay căn cứ bộ Phụ Hành phê phán nhân duyên quán, gồm có hai thứ: 1/ Suy tìm quả biết nhân; 2/ Suy tìm nhân biết quả. Nếu niệm xứ và chỉ quán tức suy tìm nhân biết quả, giải thích rõ ràng tức suy tìm quả biết nhân. Nhưng nghĩa của hai thứ này ứng dụng niệm xứ làm chánh do chánh năng thuận nghĩa nhân duyên. Nhân duyên đã lấy vô minh làm đầu, nay quán ái thủ tức là vô minh,

cho nên Đại sư rộng chỉ bày tu tướng là do đây.

Câu hỏi 4: A-hàm đã chỉ nói ba tạng, vì sao tám muôn vị trời liền phát đại đạo?

Đáp: Bởi do pháp môn tiệm đốn thể vốn không hai, Tiểu thừa Đại thừa căn tánh lý vốn không khác nhau, vì sự ngộ huân khác nhau cho nên được giải thoát có khác nhau, nay các vị trời ngộ đại đạo, đâu có gì hồ nghi ư! Xét ứng tích xưa, từng dùng Tiểu thừa đế cảnh tu Đại thừa quán trí, nay nghe cảnh cũ liền phát sinh hạt giống xưa, thí như trước bỏ thuốc độc vào trong sữa này lại uống sữa tức là có công năng giết người, nhưng do Đức Như Lai biết căn cơ, biết thời, tùy buộc tùy mở, cho nên chỉ dụng sinh diệt tứ đế mà đi đến hai duyên Đại Tiểu, đây tức nói lâu bất định giáo. Hỏi: Tại thời Nai còn nói các vị trời đắc pháp nhãn tịnh, đến hội Bát-nhã mới chỉ nói đạt được Vô sinh nhẫn, vậy thì chúng Thanh văn không biết các vị trời liền phát đại đạo, theo đây thì chẳng thành giáo nghĩa bí mật ư! Đáp: So thấy người học phần nhiều nói như vậy, chất vấn kỹ càng thì lời nói không nơi xuất phát, hơn nữa giáo bí mật ấy mới đầy đủ luận bàn về giáo tiệm đốn... mỗi giáo đối với các căn cơ Đại tiểu xen lẫn không nghe lẫn nhau mới gọi là bí mật, chẳng cho là ích lợi nhỏ không biết lợi ích lớn là bí mật. Nếu trong vườn Nai có tướng bí mật như Đại luận nói thì các vì Bồ-tát thấy vô lượng A-tăng-kỳ người chứng đắc Nhị thừa, vô lượng A-tăng-kỳ người đắc Vô sinh nhẫn. Nay tám muôn vị trời chỉ là nói số nhỏ, cùng các hàng Thanh văn đồng thầy đồng nghe có gì bí mật ư! Huống chi Đại sư đích thân làm hiển lộ bất định, đâu không tin ư!

Câu hỏi 5: Thông giáo sau khi được dắt dẫn thì hợp thành hai giáo sau, thứ lớp tu chứng, văn kinh Đại Phẩm vì sao chỉ dùng địa thứ mười làm quả ư!

Đáp: Đây do Đại Phẩm Thập Địa bao gồm giảng nói nghĩa môn ba giáo đó thôi. Như Bồ-tát Sơ địa gọi là phục nhẫn, Nhị địa, Tam địa gọi nhu thuận nhẫn, tứ địa trở lên gọi là Vô sinh nhẫn, cho đến du hý thần thông thanh tịnh cõi nước Phật, v.v... đều chung cho ba giáo, cho nên trong Phụ hành giải thích Thập địa là như Phật, nếu được dắt dẫn đến đây thì đã phá một phẩm vô minh, cũng có tám tướng, cho nên nói như Phật, đâu chẳng phải Thập địa danh nghĩa chung cho ba giáo ư! Nếu vậy tại sao Phụ Hành nêu rõ được dắt dẫn, cho rằng dùng giáo trước có thỉ vô chung, đã dùng 7-8, không đến 9-10, tức dùng giáo sau có chung vô thỉ, chỉ dùng Hướng Địa (Thập hồi hướng, Thập địa) không dụng Trụ hạnh (Thập trụ, Thập hạnh) ở giữa tiếp tục dắt dẫn cho nên

được gọi là dắt dẫn đây đâu chẳng phải sau khi được dắt dẫn là nương thứ lớp hậu giáo ư! Đáp: Nếu căn cứ văn kinh thì không có biệt vị, nhưng Đại sư được ý chỉ sâu xa của kinh, tự cho là Thập địa chung cho ba giáo, cho nên ngài Kinh Khê căn cứ vào địa vị thứ lớp của hai giáo dẫn ra mà trình bày rõ, muốn khiến cho nghĩa được dắt dẫn phân chia khác nhau, dẫn rộng để giải quyết tóm lược, mới là ý tác giả.

Câu hỏi 6: Bồ-tát Thông giáo căn cứ vào nghĩa nào để lại tập nhuận sinh?

Đáp: Để lại nghĩa là để lại, chẳng phải sức quán chưa đầy đủ không thể tiến lên dứt bỏ, vì sao lấy đây dạy Bồ-tát đã đạt được tánh địa và trong hàng Bát địa phục kết thuận theo lý, vì các chúng sinh thực hành khắp sáu độ, đối với tất cả việc là phước tuệ đều khiến rốt ráo, như Bồ-tát Tam Tạng nhẫn ở bên trong, hành trong ba tăng-kỳ, hành đến cùng cực thì tự hợp với chân lý, ắt hiển bày chánh tập đều trừ như ba mươi bốn tâm có gì không thể, chỉ do tâm độ sinh rộng lớn thì tác dụng càng thêm tăng trưởng, bèn dùng thệ nguyện từ bi lưu lại nhuận hóa vật. Sở dĩ cần phải lưu tập là vì không có tự thể chân thật ứng hợp mầu nhiệm, dụng làm gốc của thọ thân, cho nên Diệu Huyền nói: Thông giáo cũng có đắc có ứng, chỉ là tác ý thần thông, nguội thân bặt trí, không có gốc thường trụ, căn cứ vào đâu mà khởi ứng, đây là thật chứng.

Câu hỏi 7: Luận Câu-xá dùng trần sa làm thói quen thì làm sao lưu nhuận sinh ư!

Đáp: Đại sư nêu rõ thói quen của Thông giáo gồm có hai thứ: Nghĩa là thói quen phiền não chướng pháp chướng pháp chướng tức giới nội trần sa. Nếu lưu tập nhuận sinh thì đây chính là thói quen phiền não, do phiền não là nhiễm ô vô tri, vô minh là thể, năng chiêu cảm sinh tử, trần sa là bất nhiễm ô vô tri, trí tuệ thấp kém làm thể, không chiêu cảm sinh tử, nên nói Bồ-tát là nhuận sinh, phải lưu lại thói quen phiền não để hóa vật, phải phá thói quen trần sa thì biết hai thói quen kia thể có khác nhau chút ít.

Câu hỏi 8: Phương Đẳng đã có bốn giáo vì mỗi văn đều phải bốn lần giải thích, vì mỗi mỗi đều có văn giải thích phải không?

Đáp: Hoặc đều phải bốn lần giải, hoặc mỗi mỗi đều có văn giải thích, phù hợp nhiều đường, không thể chỉ một đường như Đại sư giảng kinh thỉ Quán Âm, bắt đầu từ bệnh tướng cho đến buộc niệm quán sổ tức nghe thần chú được lợi ích, đều y cứ vào mười thứ hành nhân mà nói, tức đều phải bốn phen giải thích, như kinh Thập Lục Quán giải thích chính là đốn cơ, không chung cho tiệm nhập, tức mỗi mỗi đều có

văn giải thích. Hoặc một kinh nói đủ bốn giáo, đều có văn giải thích như kinh Tịnh Danh, sở dĩ phải bốn phen giải thích vì bộ giáo đều kèm theo (kinh Thỉnh Quán Âm), mỗi mỗi đều có giải thích, là vì bộ kèm theo, giáo không kèm theo (kinh Thập Lục Quán) cho nên biết Phương Đẳng giáo tướng khó rõ, không thể đại khái được.

Câu hỏi 9: Bát-nhã chỉ giảng môn tam giáo vì sao kinh Nhân Vương nói bốn bài hệ vô thường?

Đáp: Nay bắt đầu dùng tạng để trợ giúp giảng rộng, hơn nữa Kinh kia nói Phổ Minh Vương nương pháp của bảy Đức Phật quá khứ thỉnh trăm pháp sư, một ngày hai thời giảng Bát-nhã ba-la-mật tám ngàn ức bài kệ xong, Pháp sư thứ nhất nọi kệ cho vua nghe tức bài kệ thứ tư vô thường, đâu chẳng phải chánh tuyên Bát-nhã, bên cạnh giảng vô thường. Sở dĩ như vậy là do Phổ Minh đã vì mọi người giảng giải một phần nhỏ, phó thác cái chết cho kia, sợ vua luyến đắm thân mạng, cõi nước, vì vậy cho nên ý kệ đều khuyên xả thân và cõi nước, v.v... Đến khi nghe kệ xong các vua đều chứng tam môn không định, lại giảng môn được sự lợi ích, cho nên nay nói rõ ba giáo như Thông giáo, v.v... đều dùng tạng giáo mà làm trợ đạo tức ý này.

Câu hỏi 10: Thông giáo hàng Tam thừa cùng hành, tại sao nói Bồ-tát cách xa bên ngoài (viễn biên)?

Đáp: Ba thừa đồng quán huyễn hữu, đều chấp đãn không, từ Đại thừa phân thuyết cho nên nói cùng hành, Bồ-tát chẳng phải chỉ chấp thiên không, gồm biết trung thật từ lợi căn thuyết cho nên được viễn biên, cho nên biết nếu nói cộng giáo thì Bồ-tát phải ở đương phần, chỉ đắc cận biên (bên gần) là có chướng ngại hạn cuộc nhất định, nếu nói Thông giáo thì Bồ-tát hoặc được hậu dắt dẫn tức được viễn biên, nên có vẻ đẹp thung dung, một mà khéo lập danh nghĩa, như thế ấy.

Câu hỏi 11: Biệt giáo chỉ có pháp Bồ-tát, tại sao nói Bồ-tát cận biên?

Đáp: Lại như Thông giáo không gọi là cộng giáo, bởi có nghĩa Bồ-tát viễn biên, nay cũng lệ theo như vậy, Biệt giáo sở lập không gọi bất cộng giáo, vì có nghĩa Nhị thừa cận biên, chỉ do Biệt giáo Nhị thừa cùng nghe trong Phương Đẳng Bát-nhã là nghĩa cận biên đó thôi! Vì Đại luận căn cứ hàng Bồ-tát và Nhị thừa không cùng nghe nên lập bất cộng Bát-nhã, nay Biệt giáo đã có cùng nghe thì chẳng phải không cùng nghe, cho nên y cứ vào nghĩa này mà nói là cận biên.

Câu hỏi 12: Biệt giáo không đàm luận tức lý, vì sao tâm năng tạo là Phật tánh?

Đáp: Giáo này chân như ở tại mê thì sinh ra chín cõi, tuy không tức lý nhưng chân như đâu lìa nơi tâm, như Diệu Lạc nói: Pháp giới của Biệt giáo không ra ngoài tâm, nay nói lý tức, bất tức thí như một nguồn nước (Phật giới chân như) chia làm chín phái (tùy duyên chín cõi), chín phái tuy khác một nguồn (sự bất tức lý), nhưng lòng nước đâu khác nguồn nước (tâm là Phật tánh), vậy thì tâm năng tạo trọn ngày bất tức, trọn ngày là tánh. Nếu vậy thì đâu khác nghĩa bất tức bất ly của Viên giáo ư! Đáp: Tánh Viên giáo đủ chín cõi khởi tu chín cõi, toàn tu là tánh cho nên nói bất ly. Chỉ do mê tu đều tự cho là thật nên nói bất ly. Trong chân của Biệt giáo không có chín, phải đoạn chín quy về chân cho nên không đàm tức lý, trong chín có chân, nương chân sinh chín, cho nên năng tạo là Phật tánh, người đời nay thấy thuyết sự lý bất tức, phải dùng nhiều cách khác nhau để giải thích, năng tạo là tánh, ở đây làm sao thông, cho nên tùy duyên không thể nói là không được.

Câu hỏi 13: Biệt giáo lý tánh đã có ba nhân, cớ sao biệt tu duyên liễu!

Đáp: Lý tánh có ba nhân, đều chỉ đức trong đó. Biệt tu duyên liễu, đều là hạnh hai bên. Bên đã chẳng phải giữa thì tu thành biệt, là sao ư! Trước do Thanh văn không tâm, dứt bỏ kiến ái, tiếp đến co Bồ-tát nhờ trí mà dứt bỏ trần xa, đây mới từ không biên mà nhập hữu biên, dùng biệt hoặc mà nhập thông hoặc, như hai bên này duyên liễu đầy đủ, mới là trung đạo phương tiện ngăn chiếu, phải đăng Sơ địa mới chính thức hiển bày đãn trung tức ba nhân theo chiều ngang trong cõi Phật, cho nên Diệu Lạc nói: Biệt giáo tuy có nói ba đức, cả ba đều tại tánh mà không dung hòa nhau cho nên thành biệt nghĩa, nếu cả ba đều tu, trước sau được đạo lý thành dọc; cho nên biết trong tánh duyên liễu không phải trong tu duyên liễu, đâu đồng với Viên giáo chánh nhân duyên liễu hoàn toàn là tam thiên không, giả, trung tu đức duyên liễu, tức tánh đức duyên liễu, không thể bừng cháy mà lạm Viên được.

Câu hỏi 14: Người Sơ tâm của Biệt giáo vì sao không tu trung quán?

Đáp: Bởi trong biên tiêu biểu như trăng ở ngoài mây, dụng tuy hoàn toàn ở sự ngăn chiếu, nhưng là thể thanh tịnh chân như không có kiến hoặc, tư hoặc, đâu thể đối khởi pháp giới, huống gì xưa nay mê muội đã lâu nên đốn ngộ rất khó, tâm chấp có mạnh mẽ thì sức trong duyên càng yếu, cho nên khiến bắt đầu thực hành thì trước quán thiên chân.

Câu hỏi 15: Nay dùng tức ly phân chia Biệt và Viên, đã phân tích

Hoa Nghiêm đủ hai giáo đây, vì sao văn trong kinh kia luận về tức, luận về ly ư!

Đáp: Ngài Kinh Khê nói rằng: Ý trong kinh Hoa Nghiêm bao gồm nghĩa khó phân tích, Tổ còn nói điều này, nay đâu dám bình luận, nhưng tìm theo Đại sư trích dẫn kinh kia để chứng minh Viên, Biệt cũng có thể dùng ý hiểu lại như chỉ quán trích dẫn, tâm như người thợ vẽ tạo các thứ năm ấm... để chứng minh cho Viên giáo, huyền nghĩa cũng dẫn văn này để chứng minh Biệt giáo, cho nên biết đàm tức bất đàm, thì khó được hiển văn, nhưng do được ý bất đắc nên chia ra hai giáo, vì sao? Vì người Viên giáo cho rằng tâm đủ mà tạo thì các pháp vô sinh, tức ở trong kia người Biệt giáo cho rằng tâm không có mà tạo thì các pháp tự trụ, lìa ở trong đó. Như các vị hành tướng hoặc một nhiều tức nhau, hoặc thứ lớp riêng trình bày, ngài Kinh Khê đã nêu đủ các văn, ở đây không ghi chép nhiều.

Câu hỏi 16: Kinh Hoa Nghiêm nói tâm tạo ra tất cả, để lập diệu cảnh ngàn như, vậy thì kinh kia đã nêu rõ khai hiển, vì sao nói khai quyền hạn cuộc ở đây?

Đáp: Chính do Pháp Hoa năng khai Hoa Nghiêm, được đem văn tâm tạo lập ra cảnh ngàn như, như ngài Kinh Khê nói Phật tuệ trong Pháp Hoa, phải phát sinh bốn vị bao gồm đại tiểu, sao không dùng vị sữa bao gồm quyền giáo, hoàn toàn đồng với đề hồ giải thích rõ nhất thật, lại như Đại sư phân tích Hoa Nghiêm là cành lá, Pháp Hoa là gốc rễ, phải hợp nhánh biệt nhập vào gốc viên. Nay dẫn dụng từ hội nhập sau thuyết.

Câu hỏi 17: Đã nói Pháp Hoa là đề hộ, vì sao Đại kinh nói Ma-ha Bát-nhã lưu xuất ra Niết-bàn ư!

Đáp: Hai kinh được phân tích đều là đề hồ, bởi có hai phen, thứ lớp thục thoát. Nếu nói Pháp Hoa là đề hồ tức phen đầu thục thoát tám ngàn vị Thanh văn vô lượng tổn sinh Bồ-tát... Nếu nói Bát-nhã lưu xuất Niết-bàn, nghĩa là hạng độn căn đối với kinh Pháp Hoa không thể thâm nhập, lại dùng Bát-nhã đào thải Phương chí, Niết-bàn tức phen sau thục thoát, năm ngàn vị tăng thượng mạn đứng dậy bỏ đi, trời người bị dời... duy có hai phen, phen đầu là chính, cho nên ngài Kinh Khê nói: Pháp Hoa đã khai mở, công chẳng phải kia được, trận lớn đã phá, dư đảng còn sót lại không khó gì.

Câu hỏi 18: Kinh chép: Tôi nghe cớ sao phải dùng bốn giáo để giải thích?

Đáp: Nếu giải thích các kinh trước kinh Pháp Hoa, bởi nói bộ giáo

bao gồm các cô duyên riêng biệt đại tiểu khác nhau. Nếu giải thích Pháp Hoa, ý tại khai thiên đều cho hợp với thật, lại nữa nên dùng Tạng, Thông, Biệt, Viên để nhập đốn, tiệm Bí mật bất định, chọn lựa bốn vị, tôi nghe khác nhau hiển ra Pháp Hoa, tôi nghe cũng khác, thì pháp đã nghe thể siêu vượt tám giáo, cho nên Diệu Lạc nói: Nếu tiêu các kinh, chỉ dùng Tạng, v.v... văn kia hơi thông, nếu giải thích Pháp Hoa thì không có tám giáo đốn..., cử chỉ sai lầm. Hỏi: Pháp Hoa đã vậy, Niết-bàn thì sao? Đáp: Diệu Lạc giải thích tôi nghe rằng: Đại kinh hiển viên, nay mới khai nghĩa, cho nên biết hai kinh khác nhau chút ít.

Câu hỏi 19: Giải thích đề phẩm Phương Tiện nói: Khéo đạt được phương, tức là chân bí, đã khai hiển rồi thì đâu gọi là bí được.

Đáp: Quán xét lời chân bí khác với nghĩa ẩn bí, nếu vì thật thí quyền, quyền gọi là ẩn thật, thì tên gọi phương tiện chính sẽ là ẩn bí, nếu khai quyền hiển thật, ngoài thật không có quyền thì tên gọi phương tiện tức là chân bí, bởi chỉ cho bí của quyền phương tức là chân của thật tướng, cho nên nói chân bí. Lại mười cõi, mười cõi tức không tức trung, lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng tâm duyên, cho nên gọi chân bí.

Câu hỏi 20: Thường quán ba đức, năng sở đều có bốn, thử trình bày hình tướng!

Đáp: Diệu Lạc này nói quán tâm bốn: 1. Văn dùng ba đức đối lý giáo hạnh, hòa hợp ba pháp thành giả danh, nhân tức quán hạnh Như Lai, v.v... mà nói năng sở đều bốn, bởi do hiển bày cảnh quán không hai; sao sở quán có bốn, nghĩa là trong mê thì ba đường, tức vốn có ba đức, chúng sinh vọng ngã tức lý tánh Như Lai; năng quán có bốn, nghĩa là kiến hoặc, tư hoặc, tâm vương, tâm sở, tu không giả trung, như vậy ba quán cũng hoàn toàn ba đức, lại dùng vọng ngã làm quán hành Như Lai, vậy thì có hai lớp bốn, một, đều ngay nơi chướng là đức, nêu vọng toàn chân, năng quán sở quán chỉ một bốn, một, cho nên biết cảnh tự chiếu cảnh, tâm không biết, tri kiến của Phật ở đây ngộ nhập.

Câu hỏi 21: Giải thích thể một chiếc xe lớn và đủ các độ, đều từ quả đức, vì sao lấy đó làm thập thừa quán pháp ư!

Đáp: Bản tâm chúng sinh vốn có đức Phật quả, tuy mê nên trôi lăn trong ba đường, nhưng thể bao trùm Thập thừa, cho nên Phụ Hành nói lý tánh thể của chiếc xe lớn được các đọ giúp thành, xe trâu trắng quán chiếu tại một niệm tâm phải biết lý thừa hoàn toàn là xe chở Phật thừa, nhân đức đâu thẹn nơi quả đức: cái gọi là bất động mà vận chuyển, không đi mà đến, thiện ác không lìa nơi thể của xe, cho nên nói không còn thừa nào khác, lý quả chủ yếu ở nơi hành môn, mới gọi

bình đẳng ban cho các con. Diệu Lạc nói: Nhân duyên thiện ác cùng đồng với pháp giới, cho nên xe quả của cha là xe lý của con, chỉ khai mở tâm kia giả gọi là bình đẳng tâm kia giả gọi là bình đẳng ban cho, tức là nghĩa ấy.

Câu hỏi 22: Đại thông ứng Phật chỉ ở cõi Đồng cư vì sao nói là kết duyên ở cõi này?

Đáp: Nếu chỉ bàn về quyền giáo, có thể nói ứng Phật chỉ ở cõi công đức, nay đã nói Viên thừa, tức là pháp thân mà nương cõi này như trong Pháp Hoa Long Nữ khen ngợi, chỉ cho Đức Thích-ca làm thân Giá-na, kiếp lửa đốt cháy, lấy cõi Ta-bà làm cõi Tịch quang, đại thông thân cõi đâu không như vậy ư!

Câu hỏi 23: Pháp của Thanh văn y cứ vào nghĩa nào mà khai làm kinh vương?

Đáp: Mục đích căn cứ vào lý thiên chân, khai thành lý thật tướng, cái gọi là Tam thiên tam đế thống nhiếp tụ tại cho nên gọi là vương. Trong Thích Tiêm chép, ba thừa đã chứng quyền lý, dùng lý khai lý dễ hiểu rõ ràng, nay các pháp vào đây.

Câu hỏi 24: Hàng phàm phu bạc địa ở nơi sự, sao gọi lý tức!

Đáp: Chỉ duyên ở sự cho nên nói lý tức, bởi chỉ cho sự của ba chướng tức lý của ba đức, cho nên Diệu Lạc nói: Lý không tồn tại, ở khắp trong sự, cũng có thể nói: Lý tức phân biệt với nghĩa của năm sự tức ở sau, từ danh tự cho đến cứu cánh, đâu chẳng phải cái việc như giải hạnh, nhân quả v.v... ư! Như Diệu Huyền nói: Bậc Thánh đắc sự, phàm phu đắc lý. Ký thích chép: Bậc thánh đắc sự đối với nhân quả hóa tha cảm ứng, chúng sinh chỉ đắc lý chẳng nhân chẳng quả trong mê, cho nên biết lý tức là để phân biệt với chẳng phải sự tức, đó là nghĩa bác bỏ.

Câu hỏi 25: Hạnh tánh đức vì sao phải nghe tánh ác?

Đáp: Không nghe tánh ác thì không có hạnh tánh ác, vì sao? Vì chúng sinh xưa nay không hề lìa ác, nên tánh mê đầy đủ, phải nhờ biệt tu, cho nên trước không sau giả, duyên lý mà dứt chín cõi, nếu như hiểu rõ ác là tánh, từ tánh lập hạnh, không cũng là tánh hạnh, phải nghe tánh ác ư! Vả lại, như người Viên giáo nương tâm vương, tâm sở thứ sáu làm đầu để phát sinh quán, đã biết tâm vương, tâm sở chánh là tánh ác, dùng dây phát quán, đâu chẳng phải tánh hạnh, vậy thì tánh ác là nghĩa trí chiếu không giảm, bỗng nhiên hành khởi chân lưu nghĩa vô tác rõ ràng. Kinh dạy: Không dứt si ái phát khởi minh thoát là nghĩa này.

Câu hỏi 26: Viên giáo tứ đế căn cứ vào nghĩa nào mà được gọi là

vô tác?

Đáp: Chỉ căn cứ vào khổ tập đầy đủ lý thì biết đạo diệt rỗng không, vì lý không thể trừ, công cũng chỗ tạo tác, vì từ gốc mê nên toàn thể Bồ-đề Niết-bàn là sinh tử phiền não, đối với nay ngộ thì toàn thể phiền não sinh tử là Bồ-đề Niết-bàn, bốn thứ không khuynh loát nhau, mỗi mỗi bặt dứt đối đãi đều do Tứ đế vốn là một lý. Đại Kinh Huyền Nghĩa chép: Chẳng phải khổ, chẳng phải nhân khổ, chẳng phải hết, chẳng phải khổ đối, mà là nhất thật bình đẳng, chẳng lẽ lý nhất thật mà có tạo tác ư!

Câu hỏi 27: Rốt ráo không quán, mảy bụi không lập, vì sao không trung đủ tất cả pháp?

Đáp: Ba đế đều không mới gọi là rốt ráo, tất cả pháp đều ở trong đó, lại như chân đế không hữu đầy đủ pháp của thế giới Nhị thừa, tục đế không hữu đầy đủ pháp của thế giới Bồ-tát, trung đạo cả hai đều ngăn, không có hai bên, đầy đủ pháp của thế giới Phật, trung đạo cả hai chiếu, không có thế giới Phật, đủ pháp của chín cõi, không trước không sau, chẳng phải một, chẳng phải ba, ba đế đốn mất, tức mảy bụi dứt, trăm cõi viên mãn đầy đủ, tức các pháp rõ ràng, phải biết tam thiên (3.000) đều không, không hề chẳng đủ, tam thiền đều giả, chẳng hề bất không, đây chỉ một nhà đàm luận, người khác chẳng thể sánh bằng.

Câu hỏi 28: Đồng thể tại sao nói tướng quyền của chín cõi.

Đáp: Nếu nói theo đồng thể thì trăm cõi một niệm không thể phân biệt, nay nói tướng quyền của chín cõi, vì Phật giới chín giới không phân mà phân, thì chẳng quyền chẳng thật mà quyền mà thật. Vì sao? Vì tuy chín cõi quyền đều là thật mà mỗi tướng rõ ràng, tịnh cùng với uế mà không lẫn lộn, hơn nữa như thế giới địa ngục tuy đủ mười cõi, đâu phải tánh tướng địa ngục lại đồng với tánh tướng súc sinh ư! Cho nên biết chín quyền là chút phần của ba ngàn, chẳng ngăn phòng, chẳng hạn cuộc mà hạn cuộc, không khác nhau mà khác nhau nhất thật là toàn phần của tam thiên, cho nên chẳng khắp mà khắp khác mà không khác, chỉ do nhất thật không ra khỏi chín quyền, chút phần không lìa toàn phần, cho nên nói là đồng thể, hoặc lý hoặc quả đều như vậy, như ngài Kinh Khê nói: Vật lý xưa nay tánh đủ quyền thật, đầu đồng với tông khác cho rằng lý không có chín cõi, quả chỉ có nhân chân, đồng thể quyền tướng do đâu có thể nói

Câu hỏi 29: Tất cả y báo, chánh báo, hoặc nói nghiệp cảm chúng sinh, hoặc nói các Đức Phật biến hiện, là hai sao gọi là định ư!

Đáp: Hai nghĩa tướng không thể xếp riêng, nếu y báo, chánh báo

kia có ngàn thứ, khổ vui có muôn loại chính nghiệp cảm của chúng sinh. Như nói khổ vui do chúng sinh chẳng phải do Phật làm ra, nhưng nghiệp cảm này lại do các Đức Phật diệu ứng, tùy tâm chúng sinh mà biến hiện ra, vì chiết phục nhiếp thọ khiến thành thục được giải thoát, như nói khổ vui do Phật không quan hệ đến chúng sinh, tuy trong các văn tùy duyên riêng trình bày, xét luận về hai nghĩa không thể tạm thiếu sót, bởi do ba ngàn tâm địa chúng sinh cùng ba ngàn tâm địa Phật không khác nhau, đắc nhiếp tịnh thông nhau, cảm ứng không sai lầm, vì chúng sinh mê nên đối với y báo, chánh báo Phật mà chấp khác nhau, vì các Đức Phật ngộ nên đối với y báo chánh báo của chúng sinh được tự tại, phải biết trong quả thì thắng dụng không khác ba đường trôi lăn. Lại như bậc Thánh biến hóa tạo tác không ra ngoài sự biến tạo của chúng sinh ba đời. Cho nên nói cũng khiến chúng sinh biến tâm sở kiến.

Câu hỏi 30: Người có sinh tử, vật có điều tàn biến hoại, vì sao kinh nói tướng thế gian thường trụ?

Đáp: Nếu biết thể thường trụ đầy đủ ba ngàn thì sinh tử điêu tàn biến hoại đều là tướng cờ nêu của thường trụ, từ xưa đã vậy chẳng phải nay mới như vậy, đã biết sinh là tánh sinh cho đến biến là tánh biến, tánh vốn bất động, tướng há chẳng thường, chỉ hạn cuộc tình chưa quên thì sinh tử trái nhau, hoặc duy tân sở kiến thì điêu tàn biến hoại đều như, tự luận bàn chẳng phải tánh đầy đủ, đâu chỉ hợp với ý chỉ của tướng thường, tuy Tạng sớ cho rằng bất biến, Triệu luận cho rằng bất đi, nếu nay trông mong vào người khác thì đều là hữu ngôn mà vô nghĩa. Ngài Kinh Khê nói: Khác hẳn các thuyết. Lương Túc nói: Chống đối trăm nhà, đâu phải lời hư dối, mà có nguyên do.

KHAI VĨ THÍ VẤN BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG

Các đệ tử siêng năng học tập, nhưng đối với một nhà giáo quán thấm nhuần điều quan trọng là làm sao lãnh hội, do đo kính noi theo các bộ văn nghĩa gồm bốn mươi hai điều. "Khai vĩ thí vấn" may mắn nêu văn nói nghĩa đáp từng câu hỏi một, ngõ hầu khai phát cho đời sau. Ngày 16 tháng 5 năm Giáp tý, thuộc niên hiệu Thiên Thánh. Tọa chủ Diên Khánh nói:

Câu hỏi 1: Đối đãi thô nêu rõ diệu, riêng khen kinh Pháp Hoa, hợp đối bốn thời, ba giáo đều gọi là thô, trong văn vì sao đồng với các kinh, trước đối đãi vườn Nai mà gọi là thô ư!

Câu hỏi 2: Kim cương tạng nói trí Phật sâu xa nhiệm mầu, lời khác mà ý đồng, không hữu chẳng hai chẳng khác, chẳng cùng tận, ý nêu rõ

ba đế đều là thể của kinh, vì sao ngài Kinh Khê lại đặc biệt nói không giả tức trung mới là thể của kinh?

Câu hỏi 4: Nhân quả tông thành mới được chọn thể, hợp với trước nói về tông mới phân biệt thể, căn cứ vào nghĩa nào mà thể trước tông sau?

Câu hỏi 5: Dứt quyền nghi, cận nghi? Sinh thật tín, viễn tín là dụng của kinh này và lại đoạn nghi sinh tín tự là trí tuệ tài năng của hành giả, sao gọi là lực dụng của kinh?

Câu hỏi 6: Bốn chương như Danh, v.v... lớp lớp đã y cứ vào bốn giáo năm thời mà phán sau mới luận khai, cớ sao đệ ngũ nói về giáo tướng?

Câu hỏi 7: Sinh diệt tứ đế đều thuộc về sự, nếu chỉ có đế sự thì làm sao nhập vào chân?

Câu hỏi 8: Vô sinh nhân duyên mười hai pháp đều không sinh diệt, tức mỗi mỗi đều thường trụ, sao nói giáo này ban đầu là không biết thường?

Câu hỏi 9: Tứ đế của Biệt giáo nương nghĩa gì mà được gọi là vô lượng?

Câu hỏi 10: Khổ tập diệt đạo nhân quả mê ngộ, chính là pháp tu đắc, Viên giáo vì sao gọi là vô tác!

Câu hỏi 11: Tam tạng giáo thuyết thật có là tục, tích diệt quy về chân, làm sao chiết phục khiến cho thật có diệt, xin trình bày hành tướng?

Câu hỏi 12: Hai giáo của nội giới đều có ba thừa, tạng giáo vì sao lại 3 nhân khác hẳn vì sao Thông giáo ba nhân giống nhau?

Câu hỏi 13: Trong Tam tạng giáo tự có Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, Pháp Hoa vì sao đều cho tam tạng là người học của Tiểu thừa.

Câu hỏi 14: Bài vàng dẫn Đại Kinh quyển mười chép: Lại nữa ngăn tà chấp không chẳng phải Phật tánh dụ, lìa ngoài mười không, chỉ cho cái không nào là dụ Phật tánh ư?

Câu hỏi 15: Theo nghĩa chỉ định cảnh bất tư nghì gồm có bốn ý, ban đầu đối cảnh vô tình lập Phật thừa, đây gọi là sắc cụ ư! Hay tâm cụ ư! Nếu nói sắc cụ thì chỉ quán nói: Bởi có tâm như thế nên tam thiên đầy đủ; nếu là tâm cụ sao nói vô tình Phật thừa ư!

Câu hỏi 16: Người trí tự đối trước đạo tràng Phổ Hiền, thấy việc đời trước, chứng tam-muội Pháp Hoa vì sao từ chối rằng Nam Nhạc trao lý viên đốn cho Thiên thai?

Câu hỏi 17: Quán sát duyên sinh, duyên sinh tức không, không giả

không hai, gọi là ba quán. Ngài Kinh Khê nói: Nói như vậy còn chưa thành thông, là đây quán ba quán bên ngoài của Thông giáo, tướng kia thế nào?

Câu hỏi 18: Pháp viên lý đã đầy đủ hoặc nghiệp và tánh ác, là đồng hay là khác? Thể tướng của hoặc nhiễm trong tánh như thế nào? Nếu khác thì quả lý rốt ráo là hiển bày có tu ác ư!

Câu hỏi 19: Vì giúp cho chúng sinh khai tri kiến Phật, y cứ vào tâm phân biệt rõ tướng, quy về nơi nào?

Câu hỏi 20: Diệu Huyền dùng ngũ trùng huyền nghĩa riêng đối với bốn tất-đàn có ý sâu gì?

Câu hỏi 21: Trăm cõi ngàn như, trăm như ngàn cõi, phân biệt rõ danh số lẫn nhau, diệu chỉ như thế nào?

Câu hỏi 22: Viên giáo nhị đế căn cứ vào giáo hạnh chứng minh tùy theo tình trí, tướng kia như thế nào?

Câu hỏi 23: Bốn niệm xứ chép: Trong một niệm đầy đủ mười giới khổ hoặc, gọi là vô tác khổ tập, Phật giới biện rõ tướng tu tánh như thế nào?

Câu hỏi 24: Tam giáo tôi nghe đều y cứ vào nhĩ căn, giáo của Viên giáo tức là văn, biện tướng hòa hợp chỉ thú như thế nào?

Câu hỏi 25: Đại kinh tám giáo đủ tám biệt ư! Nếu đủ vì sao cho rằng biết thường, nếu không đủ làm sao luận biệt?

Câu hỏi 26: Đại kinh bốn giáo là biết thường, cho nên được tương tức, đã khác Phương Đẳng, thì đồng với Pháp Hoa. Nếu đồng thì Pháp Hoa khai phế là bình đẳng ư! Nếu khác thì bốn giáo làm sao tương tức?

Câu hỏi 27: Hóa nghi hóa pháp hai thứ bốn giáo, phân tích giải thích Phật pháp đều cùng tận, vì sao Diệu Lạc nói Pháp Hoa vượt ngoài tám giáo?

Câu hỏi 28: Kinh xưa kinh này bàn về Viên thông đàm về Biệt, ngài Kinh Khê vì sao khước từ rằng: Bắt đầu từ Hoa Nghiêm cuối cùng đến Bát-nhã, chỉ thứ lớp thuộc về ba đế.

Câu hỏi 29: Nương Pháp Hoa, y cứ vào tu y cứ vào chứng nói về ba tuệ, giới hạn như thế nào?

Câu hỏi 30: Người học Phật thừa rộng suy tìm giáo quán, tiến tu hạnh mình, rốt ráo mục đích, vì sao văn khai phát tín giải, xin trình bày tướng trạng?

Câu hỏi 31: Pháp Hoa bổn môn thọ ký số gấp bội các kinh, tại sao chỉ đối với sự thành viễn báo, chứng nhập như thế nào?

Câu hỏi 32: Đại thừa chân thật, dụ bất tư nghì, tại sao khước từ rằng một chấm ở trên?

Câu hỏi 33: Đại kinh nói năm việc đối với năm Phật tánh, y cứ vào văn suy rộng nghĩa, ý chỉ sâu xa như thế nào?

Câu hỏi 34: Tâm yếu của người khác trí chỉ có một bài kệ rằng: Tâm chân thật buộc cảnh chân thật, bình đẳng với chỉ quán là đồng hay khác? Nếu đồng thì chẳng có tâm yếu riêng, nếu khác thì gọi là hoại xe lửa!

Câu hỏi 35: Nếu gặp người khác cầu yếu đạo an tâm thì chỉ dạy pháp môn nào cho dễ hiểu?

Câu hỏi 36: Như người học diệu thừa, ban đầu tu văn tuệ, thực hành như thế nào?

Câu hỏi 37: Chúng sinh và Phật đều đủ ba ngàn, đồng khác như thế nào? Xin nghiên cứu tôn chỉ kia

Câu hỏi 38: Bài vàng chép: Gồ đá vô tâm, ngôn ngữ xuất ra từ tiểu tông, tùy duyên bất biến, lợi sinh nơi Đại giáo, đây y cứ vào nghĩa nào mà chia ra đại tiểu ư! Nếu nói bán mãn thì Thông không tùy duyên bất biến, riêng có tên gọi là gỗ đá vô tâm. Nếu nói trong chân là riêng ngăn đồng với trước, nếu nói thiên viên là Thông Biệt nhất định chẳng phải tiểu tông sự chướng kia càng sâu.

Câu hỏi 39: Danh giải thích ba pháp, giáo phân rõ bốn chương, vì sao Diệu Tông nói: Ngũ trùng huyền nghĩa vốn là pháp quán mà trong kinh giải thích.

Câu hỏi 40: Cõi Tịch quang đã có sự khác nhau giữa bùn cát vàng báu, sao kinh nói chỉ có một mình Đức Phật ở cõi Tịnh độ ư!

Câu hỏi 41: Hàng sơ tâm của Viên giáo dùng quả địa ba đức làm quán thể, lý do vì sao?

Câu hỏi 42: Chỉ quán nói: Dùng quán quán chỗ tối, ngay nơi tối là sáng, dùng chỉ dừng tán tức ngay nơi mà tịch, ngài Kinh Khê giải thích hai câu này rằng chiếu soi thể tối tăm này, một quán mà ba tên, ngay nơi mà sáng. Tịch cái thể tán này, ba chỉ mà một tên ngay nơi tán mà tịch, lại một quán tối tăm ư! Hay ba chỉ tán ư? Hay ba quán sáng suốt ư! Một chỉ là tịch ư? Không phải như vậy, vì sao dùng sự giải thích rằng ngay nơi tối là sáng, ngay nơi tán mà tịch ư!

GIÁO MÔN TẠP HỎI ĐÁP BẢY CHƯƠNG

Pháp sư Tứ Minh hỏi Học trò Tự Nhân đáp.

Vào niên hiệu Đại Trung Tường Phù năm thứ bảy, giảng trao thứ

lớp, chưa biết người học hiểu sâu cạn, nhân đó nêu ra một số câu hỏi, xin đáp từng câu.

Câu hỏi 1: Ngài Kinh Khê nói: Bỗng chưa nghe tên gọi tánh ác, đâu thể tin có tánh hạnh đức, nhưng do tánh ác mà tu tánh hạnh, nói nghe lâu ngày mục đích là luận bàn ý chỉ, chẳng hay như thế nào?

Đáp: Ngài Kinh Khê lập ý hai câu này là nói lên hạnh vô tác của Viên tông, bởi do người Viên giáo tâm bắt đầu tu quán đều dùng kiến tư, tâm vương, tâm sở làm đầu mối phát sinh quán, nếu người của ba giáo trước dùng giáo không luận đàm về tánh đủ chín cõi, thì kiến tư, tâm vương, tâm sở không tức là tánh ác, đã chẳng phải tánh ác, thì nhất định là năng chướng, cho nên phải tu quán trí riêng để phá tâm mê hoặc này, mới hiển bày thể thường trụ vốn có, từ đó đưa đến hoặc trí đối đãi cảnh quán không quên, hạnh thành có sự tạo tác, nay thật trong Viên giáo đã giảng rõ tánh đủ chín cõi thì kiến tư, tâm vương, tâm sở tức là tánh ác, mê hoặc đã tức tánh, chỉ dùng hoặc này mà làm năng quán, hoặc đã là năng quán thì cái gì làm sở quán, năng sở như một, cảnh quán không hai. Phụ hành cho rằng chẳng những sở quán vô minh, pháp tánh thể tánh không hai, hoặc là cũng năng quán quán trí tức vô minh, do nghĩa này mới biết hàng sơ tâm tu quán tạo cảnh tức trung, không gì là không chân thật, công do tánh ác dung thông hành vô tác, ở đây mà thành.

Câu hỏi 2: Pháp Hoa đã hiểu biết nhất thật, vì sao Huyền nghĩa giải thích đề mà nói về hai thứ vi diệu?

Đáp: Pháp Hoa là giáo khai quyền hiển thật, làm chỗ quy hướng một đời, đề xướng cùng cực năm thời, nếu không dùng hai thứ diệu để phân biệt thì Nhất thừa hiển bày nghĩa thật nhiệm mầu khó bày tỏ, lại tướng ban đầu đối đãi bàn luận phân chia thô diệu, kia đây hiện rõ lẫn nhau gọi là tướng, vì người khác nhìn mình là đối đãi, do đối đãi với cái thô của bốn thời bảy giáo trước mới hiển bày các diệu Nhất thừa của Pháp Hoa, bởi do ngày xưa các kinh sơ duyên chưa thuần thục, bộ vị giáo quán bao gồm chỉ đối đáp, không như Pháp Hoa thuần viên tuyệt diệu, vì vậy gọi là thô, cho nên kinh dạy: Chánh bỏ ngay phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng, nay sẽ nói kinh Pháp Hoa này là bậc nhất, vì vậy kinh này thuần nhất không xen lẫn, riêng được gọi là diệu. Vì lý do đó, kế là bặt đãi luận, khai thô hiển diệu, bất các thô trước ở trước không thể hình đãi dùng diệu hữu Pháp Hoa bặt dứt công thô khiến cho cái thô của bốn thời bảy giáo ngày xưa bộ kinh Pháp Hoa khai hiển, dùng một diệu thừa quán suốt mà dứt bặt, thô tức là diệu, ngoài diệu không có

thô, quyền tức là thật, ngoài thật không có quyền, thí như thần tiên chín phen chuyển đan sa, chỗ sắt thành vàng, một khi đã thành vàng ròng thì không còn trở lại sắt, cho nên kinh nói: Quyết hiểu rõ pháp Thanh văn là vua của các kinh, chỗ ông thật hành là đạo Bồ-tát, khai môn phương tiện, chỉ bày tướng chân thật, một phen khai mở không chỗ nào xen hở, không tiểu không đại, đều quy về cõi Phật, tất cả các pháp đều là Phật pháp, không còn có thừa nào khác, thẳng hiển bày nhất thật, đó gọi là tuyệt đãi luận diệu, nhưng hai diệu này không đối đãi nhau để phân biệt thì không hiển rõ, Pháp Hoa siêu vượt các thuyết, nếu chẳng tuyệt đãi để khai bày thì không biết, Pháp Hoa vi diệu hơn tất cả các pháp, giải thích một đề trình bày hai diệu này, đây gọi là chống đối trăm nhà, siêu vượt các thuyết. Đó là Tổ của chúng ta.

Câu hỏi 3: Trong hạnh diệu đã luận về tuệ thánh hạnh, cùng với trí diệu ở trên tại sao chọn lựa khác nhau?

Đáp: Tuệ hạnh trí diệu kia thất khác nhau, bởi do trí diệu là thông luận sư giải thích kia, Thích Tiêm cho rằng giải tức là trí. Nếu tuệ hạnh thì tuệ là diệu quán, chiếu soi diệu lý, không nhờ vào trợ duyên mà gọi là tuệ hành, vậy thì trí diệu nương lý mà sinh giải. Tuệ hạnh là hạnh chiếu lý, hạnh giải đã phân có thể biết là khác, nhưng trí là gốc của hạnh thì hạnh nhờ trí mà sinh, hạnh năng thành trí thì trí nhờ hạnh mà thành, hạnh giải nương tựa vào nhau không thể thiếu một được.

Câu hỏi 4: Tất cả các kinh luận Đại thừa đều bàn luận rằng tất cả chúng sinh bản tánh thanh tịnh, tông Thiên thai nói rõ tánh đủ mười cõi, sáu đã là uế tại sao hợp với các kinh luận ư!

Đáp: Mười pháp giới có sáu uế bốn tịnh, tông Thiên thai đã nói tánh đầy đủ, tức là pháp môn tánh ác, đâu được không thanh tịnh! Ở đây nêu rõ nên đủ hai nghĩa: 1/ Căn cứ vào tình trí mà nói; 2/ Căn cứ vào mê ngộ mà phân. Tình trí, như nói dùng tình phân biệt các pháp đều là tà, lìa tình phân biệt các pháp đều là chánh, nay hàng Viên giáo ứng dụng chủng trí Phật nhãn để thấu đạt nhất niệm nhiễm tình thể đủ mười cõi dung hợp lẫn nhau tự tại thì tất cả các pháp thảy đều thanh tịnh, ngài Kinh Khê nói cho nên biết sát-na nhiễm thể đều là tịnh. Y cứ vào mê ngộ mà chia, phải biết mê thì mười cõi tịnh uế đều là nhiễm, ngộ thì mười cõi tịnh uế đều là tịnh. Tống Thiên thai nói mười cõi tánh ác pháp môn thảy đều thanh tịnh, chính là y cứ vào sự giải ngộ nói một bên vậy. Cho nên ngài Kinh Khê nói: Tam thiên tại lý, đồng gọi là vô minh, há chẳng phải mê cho nên Tam thiên đều mê. Tam thiên không thay đổi nên vô minh tức minh, há chẳng phải ngộ cho nên tam thiên

đều ngộ ư! Nhưng hai nghĩa này cũng là đối tu môn thuyết, nếu thẳng y cứ vào pháp giới bình đẳng mà nói thì chẳng tu chẳng tánh chẳng mê chẳng ngộ, chẳng tịnh chẳng tuế, tất cả chúng sinh không nhọc công tạo tác, bảo tánh linh thiêng sáng suốt đầy đủ mười cõi, không bị các cấu uế. Cho nên kinh dạy: Năm đường thanh tịnh không thọ sắc, có học điều này thì thành đại đạo đâu chẳng phải tất cả chúng sinh trong pháp giới vốn thanh tịnh ư!

Câu hỏi 5: Tất cả y báo, chánh báo, hoặc nói nghiệp lực chúng sinh, hoặc nói các Đức Phật biến hiện, nghiên cứu luận bàn, làm sao quyết định ư! (Ráng vĩ cũng có hỏi điều này, văn đáp phần lớn là đồng, chỉ có khác chút ít, cho nên ở đây ghi chép lại).

Đáp: Không thể chỉ chấp cần phải hai nghĩa nương nhau. Phải biết các Đức Phật biến hóa y báo, chánh báo các thứ khác nhau, ý là chiết phục chúng sinh khiến cho họ đoạn ác tu thiện, vượt phàm lên thánh, cho nên nói khổ vui do Phật không liên quan đến chúng sinh, nếu chúng sinh nghiệp lực do chúng sinh tự tạo nghiệp kia mà chiêu cảm quả báo y báo, chánh báo khác nhau, cho nên nói ngói đá bảy báu do chúng sinh chắc chắn, chẳng phải Phật làm ra. Nếu nhất định chấp nghiệp lực chúng sinh chiêu cảm chẳng phải Phật biến hiện, thì hiển bày công phu các Đức Phật không độ sinh, nếu nhất định chấp các Đức Phật biến hiện, chẳng phải nghiệp lực chúng sinh, thì bị rơi vào luận vô nhân quả của ngoại đạo, do ví nghĩa này nên các Đức Phật biến hiện do nghiệp lực chúng sinh, nghiệp lực chúng sinh toàn là do các Đức Phật biến hiện, hai nghĩa nương nhau, y báo chánh báo mới thành lập.

Câu hỏi 6: Tông Thiên thai nói: Một không tất cả không, lại nói: Trong không đầy đủ tất cả pháp, tướng kia như thế nào ư!

Đáp: Nói Không, hẳn là đạo không giả trung, nhất tâm tam quán, đạo này bắt đầu từ miệng vàng của Đức Phật nói, chính ngài Long Thọ soạn luận, về sau đời Bắc Tề Tổ Thiên Thai truyền thừa nối tiếp, vậy thì tuy nói Phật Tổ tuyên dương, kỳ thật là thân tâm bản thể của tất cả chúng sinh. NÓi không quán, là tất cả pháp đều không, không giả, không, trung và không không, không đây là pháp diệu quán rộng lớn. Vế Giả quán, tất cả các pháp đều là giả vô trung, vô không bất giả, Giả này là pháp diệu quán lập pháp. Về trung quán thì tất cả pháp dều trung, vô không, vô giả và bất trung, trung này là pháp diệu quán tuyệt đãi, ba này là ba một một ba, đây không dựa vào đế quán, tên khác mà thể đồng, diệu thể, thiên nhiên không nhọc công tạo tác, trọn ngày khoáng đãng mà pháp pháp viên thành, trọn ngày lập pháp mà pháp

pháp lìa tướng, trọn ngày tuyệt đãi mà hai bên rõ ràng, nay người Viên giáo đã hiểu rõ ba quán thể tánh tương tức thì thấu đạt không quán, trung quán, không có mảy trần mà các pháp đầy đủ.

Câu hỏi 7: Trong phá pháp biến của chỉ quán, trước căn cứ bốn câu phá kiến tư giả, kế là y cứ vào thuốc và bệnh để phá trần sa hoặc, sau cùng căn cứ chân duyên phá vô minh hoặc, thứ lớp như vậy tại gọi là nhất tâm ba quán phá pháp biến ư!

Đáp: Nói không nhanh chậm văn dường như thứ lớp, văn tuy có thứ lớp ý thật viên dung. Văn dường như thứ lớp là đối phá ba hoặc, trước không kế giả, sau trung. Ý thật viên dung là do hành nhân tu, mới nêu bày một tức ba, chẳng trước chẳng sau, cho nên nói: Khi nói chẳng phải khi hành tức là ý này.

BỐN THỨ TỨ ĐẾ HỎI ĐÁP

Pháp sư Tứ Minh hỏi. Học trò Tự Nhân đáp.

Bốn loại Tứ đế đều xuất xứ từ trong Đại Kinh, tổ răn bảo đầy đủ, chỉ dạy những việc bình thường, còn sợ người nghe hiểu sơ lược trong gần gũi làm mờ tối văn nghĩa, nay nhân giải thích tức mệnh đề này, mong các hình thức ngôn ngữ được giải thích rộng. Tọa chủ Diên Khánh hỏi:

Đáp: Vì sao Tứ đế mà không giảm xuống ba, lại không tăng lên năm, là do thuốc và bệnh tương đối, nghĩa nhân quả đầy đủ mà tông Thiên thai dùng để đối bốn giáo, đều thâu nhiếp thiên viên, bao gồm hai lý, một kỳ hạn hóa đạo, từ đầu đến cuối đầy đủ, Tạng Thông thì giải thích nội giới chân đế, Biệt Viên thì giải thích ngoại giới trung đạo. Lại lý tuy hai thứ mà giáo chia làm bốn thứ khác nhau, Tạng Thông là xảo chuyết giới nội, Biệt Viên là xảo chuyết giới ngoại. Lại hai thứ trước giải thích về chân, chân lý không khác nhau, Biệt Viên giải thích về trung, trong chia ra đãn, bất đãn. Tạng Thông đã có các pháp đều do nghiệp hoặc cấu tạo, Biệt Viên đã có các pháp đều do Phật tánh biến tạo. Thông gọi là đế, đế là xét thật làm nghĩa, lại là xét rõ làm nghĩa, đây là chỉ bày chung, sau là trình bày riêng.

1. Sinh diệt tứ đế của Tạng giáo: Khổ tập diệt đạo đều là pháp sinh diệt, muốn hiểu rõ ý chỉ kia thí trước hết nêu bày bốn tướng, cái gọi là nhiều lớp chồng chất bức bách trói buộc... là tướng khổ, kiến ái phiền não có công năng chiêu cảm quả đời sau, là tướng tập, giới định tuệ, vô thường khổ không có công năng trừ gốc khổ là tướng đạo, hai mươi lăm hữu tử quả đều đoạn là tướng diệt. Như Chỉ Quán nói: Khổ thì ba tướng

biến đổi, tập thì bốn tâm lưu trú, đạo thì đối trị dễ đoạt, diệt thì diệt hữu trở lại vô. Kế đến xét kỹ về ý chỉ kia, nghĩa là sinh diệt. Sở hóa của giáo này là ba thừa, là độn căn giới nội, quán trí đã vụng về mà không thể hiểu rõ pháp giới sáu phàm đương thể tức không, bèn thứ lớp phân tích cùng tận mới thấy không, vì vậy cho nên sáu phàm ở trong cảnh sinh diệt tùy sự mà biện rõ, thì các pháp niệm niệm dời đổi, như đèn sáng rực, như nước nhiễu từng giọt cho nên gọi là sinh diệt tứ đế. Nếu luận về chân đế thì pháp tánh tự thiên nhiên, chẳng sinh chẳng diệt.

Hỏi: Đã nói nhân diệt hợp nhân, diệt chẳng phải chân đế, vì sao đạo diệt là chân, khổ tập là tục? Đáp: Luận Bà-sa nói tục nghĩa là khổ tập, đệ nhất nghĩa là đạo diệt, ngài Kinh Khê giải thích điều này, nghĩa là hợp bốn thành hai. Lại khổ tập mê chân, đạo diệt thuận, đây chính là đối phần mê ngộ. Lại có khổ tập thì không có đạo diệt, có đạo diệt thì không có khổ tập, đây là nghĩa thuốc và bệnh đối trị. Lại có chân đế thì không có Tứ đế, có tứ đế thì không có chân đế, bộ Phụ Hành nói lại khuynh loát lẫn nhau. Nếu luận ba thừa tiến tu thì sơ môn khác nhau hàng Thanh văn thì dùng khổ đế làm sơ môn, Duyên giác thì dùng tập đế làm sơ môn, Bồ-tát thì dùng đạo đế làm sơ môn. Huống chi Đại Kinh nói: Phàm phu có khổ mà không có đế, Nhị thừa có khổ mà có đế, nên biết hàng Nhất thừa đã biết khổ, dứt tập, chuộng quả, tu nhân, cho nên nói có khổ có đế, hàng phàm phu thì không như vậy. Các nghĩa trên đây đều không ra ngoài sinh diệt cảnh quán, cho nên khảo xét tường tận điều này, còn người chỉ duyên theo tạng giáo mê chân nặng thì y cứ vào việc nội giới để lập tên này

2. Vô sinh tứ đế của Thông giáo: Danh tướng tứ đế đồng với tam tạng, nếu luận về giáo chỉ thì khác, cho nên nói khổ chẳng có tướng bức bách, tập chẳng có tướng hòa hợp, đạo không có hai tướng, diệt không có tướng diệt, Phụ Hành nói quán tâm sở sinh không khác với trước, năng quán quán trí tức không là khác. Tức không là khác: Tạng là quán trí sinh diệt, Thông là quán trí vô sinh. Trung Luận nói: Các pháp không tự sinh, cũng không từ nơi khác sinh, không công không phải vô nhân, cho nên nói vô sinh, cũng là Thông giáo luận về tứ tánh vô sinh huyễn, cho nên nói vô sinh. Như Đại Phẩm nói: Nếu có một pháp vượt hơn Niết-bàn thì ta cũng nói như huyễn v.v... chẳng phải nghĩa kia ư? Lại kinh Tịnh Danh chép: Pháp vốn bất sinh nhân này bất sinh, nay cũng không diệt, quả này không sinh. Nhân quả đã bất sinh cho nên nói vô sinh. Song như thế bởi giáo này giải thích căn tánh ba thừa quán trí khéo léo của hàng ba thừa, thì năng thể hiểu rõ huyễn pháp của sáu

phàm đương xứ tức không, đã tức chân không thì không còn một pháp nào có thể dùng đương tình, cho nên nói chân không nhất tịch Niết-bàn. Lại nữa, nên biết Thông giáo tuy có tên là tức không nhưng nếu dùng viên mà nhìn thì có người nói không thật, vì sao? Vì giáo chỉ của Thông giáo chẳng phải toàn thể khởi dụng, toàn lý thành sự, nói tức chính là đó. Toàn thể là dụng, toàn dụng là thể, thể dụng không hai, mới là cái mà Viên giáo bàn luận. Biệt giáo tuy giải rõ lý trung thật, lý ở ngoài sự còn chẳng phải tức nghĩa, huống chi Thông giáo ư! Nên biết Thông giáo chỉ có tức danh mà không có tức nghĩa rõ ràng, nên giết giáo này có thể nên chân bị xem nhẹ, theo lý nội giới mà đặt tên vô sinh.

3. Vô lượng tứ đế của Biệt giáo: Giáo này giải thích biệt pháp của Bồ-tát, trải qua nhiều số kiếp tu hành huân tập hằng sa Phật pháp cho nên gọi là vô lượng, nhưng chỗ tu tuy gọi vô lượng nếu chỉ điều cốt yếu kia thì không ngoài bốn thứ thuốc và bệnh cho nên nói khổ có vô lượng tướng. Vì mười cõi quả báo khác nhau, tập có vô lượng tướng, trần sa phiền não khác nhau, đạo có vô lượng tướng, hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng thể biết được, diệt có vô lượng tướng, các pháp Ba-la-mật khác nhau đã có bệnh khổ tập thì có thuốc đạo diệt, các thứ thuốc bệnh đối trị khác nhau ấy là do giáo lý Như Lai tạng này bị trần sa phiền não che lấp, tu pháp môn trần sa mà đối trị, cho nên Phụ Hành chép: Chiếu soi biết nhất tâm, khởi vô lượng tâm, vì tâm vô lượng nên mê giải vô lượng, mê thì mười cõi khổ tập, ngộ thì mười cõi đạo diệt, tức là ý này. Nhưng giáo này luận về lý thì đó là ngoại giới trung đạo Phật tánh, tánh này là chỗ nương của tất cả pháp, nhưng thể kia không luận tánh đủ, chỉ luận tánh khởi, khiến cho các pháp đương thể bất tức. Ngài Kinh Khê nói từ chi phái lưu xuất ra thì không gọi là lý, cho nên biết đó là biệt.

Hỏi: Viên giáo giải thích đầy đủ pháp trung đạo, tùy duyên khởi dụng ba ngàn, vì sao không có vô lượng tên gọi?

Đáp: Viên kia theo lý thật tướng nên gọi là vô tác, giáo này đã là phụ quyền lập tánh, nói sở tạo là sai đâu được đồng với viên.

Phải biết Biệt giáo sở dĩ khác với Viên là do ngoại giới độn căn mê lý, chê bái vô lượng tứ đế.

4. Vô tác tứ đế của Viên giáo: Bốn đế này đặt tên vô tác là chỉ thẳng điều cốt yếu kia, không nêu ra dùng tánh đoạt tu, vì vậy cho nên các hành vô tác, nay mở rộng ý này nên có ba thứ: 1/ Thuốc bệnh tức nhau: Như Diệu Huyền nói: Do mê lý nên Bồ-đề phiền não gọi là tập đế, Niết-bàn sinh tử gọi là khổ đế, do năng giải nên phiền não tức Bồ-đề, gọi là đạo đế, sinh tử tức Niết-bàn gọi là diệt đế. Phải biết một

chữ tức là cửa của các điều nhiệm mầu, phiền não sinh tử là bệnh của chúng sinh, nay dùng lý nhất thật quán thể dẫn dắt họ, bệnh tức thuốc, thuốc tức bệnh, thuộc bệnh như một, không còn tạo tác, cho nên nói vô tác, ngoài nhất thật không còn thừa. Chỉ Quán nói: Ấm nhập giới như, không có khổ để xả, trần lao vốn thanh tịnh, không có tập để diệt, biên tà đều trung chánh, không có đạo để tu, sinh tử tức Niết-bàn, không diệt để chứng. Mà như đây là cho Viên giáo đã giải thích không nêu ra nhất thật, ngoài nhất thật không còn có pháp nào khác. Ngài Long Thọ nói trừ thật tướng các pháp, ngoài ra đều rơi vào việc ma, thật tướng vô tướng trùm khắp tất cả pháp, không có tướng sinh tử, không có tướng Niết-bàn, tất cả các tướng, tướng tướng chân thật, vì vậy cho nên tứ đế đều gọi là vô tác. Tức giáo nghĩa chép: Y cứ vào nhất thật để nói tứ thật đế, bốn đế này rốt ráo không thật có, tức là nhất thật đế, đó gọi là vô tác tứ thật đế, chẳng phải nghĩa kia ư! Ba tánh ác dung thông trong Viên thật giáo, tất cả khổ tập tức là tánh ác, đạo diệt tức là tánh thiện; nay nói về hạnh của tánh đức, nếu toàn tánh khởi tu thì mỗi hạnh nghiệp đều là vô tác, nếu toàn tu tại tánh thì dù cho có niệm cũng đều viên thành, cho nên biết tánh tuy vốn có không đổi, nhưng không ngại toàn tánh đủ ba ngàn, khởi làm tu đức ba ngàn, tu tuy tu trị tạo tác mà không ngại toàn tu đức ba ngàn tức là tánh đủ ba ngàn, như vậy thì ngoài tánh không có tu, ngoài tu không có tánh, tu tánh như một, thể dụng tương tức, cho nên Huyền Tiêm nói: Ở tại tánh thì toàn tu thành tánh, khởi tu thì toàn tánh thành tu, tánh không đổi dời, tu thường rõ ràng. Lành thay! Viên thừa đối với tu, đối với tánh đã không thêm bớt, nghĩa vô tác nơi đây lại càng rõ ràng, tông khác không rõ tánh cụ, muôn pháp đều thuộc hữu vi, thành thật không thể cùng đồng mặt trời mà nói, viên luận về ba nghĩa đều hiển bày vô tác, chỉ duyên giáo này trong lúc mê bị xem thường, theo lý ngoại giới để đặt tên gọi này.

Dùng nghĩa tứ thánh đế trên cẩn thận suy xét giáo quán của Sơn gia, lược thuật đại khái như vậy, Tự Nhân dùng lời lẽ mạnh mẽ phóng khoáng học vấn sơ cạn, cúi mong Hòa thượng không từ bỏ nơi hoang vu, chịu ban lòng từ soi xét, rất là may mắn. Học trò Tự Nhân kính đáp.

■

GHI CHÉP VỀ GIÁO VÀ HẠNH CỦA TÔN GIẢ TỨ MINH

QUYỂN 4

- Đáp hai mươi bảy câu của Nhật Bổn Quốc sư
- Thảo am lục kỷ Nhật Bổn Quốc sư hỏi việc
- Lại đáp câu hỏi của Nhật Bổn Quốc sư
- Đáp Thái Thiền sư Phật pháp mười câu hỏi
- Lại đáp ba câu hỏi của Thiền sư Thái
- Bức thư thứ nhất Thiền sư Thiên Đồng Ngưng dâng lên Pháp sư Tứ Minh
- Bức thư thứ nhất Pháp sư Tứ Minh đáp lời Thiền sư Thiên Đồng Ngưng
- Thiên Đồng lại dâng ngài Tứ Minh bức thư thứ hai
- Tứ Minh lại trả lời Thiên Đồng bức thư thứ hai
- Thiên Đồng lại dâng ngài Tứ Minh bức thư thứ ba
- Pháp sư Thiên Đồng Tứ Minh trả lời thư và lời hậu tự
- Thảo am lục kỷ Thiên Đồng Tứ Minh trả lời thư.

ĐÁP HAI MƯƠI BẢYCÂU HỎI CỦA QUỐC SƯ NHẬT BỔN

(Bài tựa y cứ vào bia Hành nghiệp thì nói hai mươi câu hỏi, nếu tất cả các bản truyện ghi chép thì đều là hai mươi bảy câu hỏi, sợ tiếp nối lời hỏi đáp sau xen nhập lẫn văn trước, nay y theo hai mươi bảy câu hỏi mà ghi chép).

Quốc sư Nhật Bổn hỏi. Pháp sư Tứ Minh đáp.

Năm Quý mão niên hiệu Hàm Bình năm thứ sáu đời Tống có vị tăng tên Tịch Chiếu ở nước Nhật Bổn đến núi Thiên thai, Thiền sư Nguyên Tín đối với giáo môn Thiên thai chống trái nên đặt ra hai mươi bảy câu hỏi, ngài Tứ Minh truyền giáo Sa-môn Tri Lễ nương giáo lược đáp tùy theo lời hỏi mà viết thư trả lời.

Bậc thầy đạo đức khắp các phương một khi giở sách ra xem không tiếc lời cân nhắc nói hai mươi bảy điều thắc mắc đối với tông Thiên

thai, kính cẩn bỏ vào trong hòm, chịu gần gũi thương mến giúp đỡ mỗi mỗi giải thích rộng thật là may mắn.

Pháp Kiều thượng sĩ vị ở viện Lăng-nghiêm thuộc núi Thiên thai, nước Nhật Bổn. Nội cung phụng mười vị đại Thiền sư, ngài Nguyên Tín đứng đầu.

Câu hỏi 1: Pháp Hoa Tam châu thọ ký thành Phật v.v... thời gần đây có người nghi rằng: Vì đó là Phật sơ trú hay là Phật Diệu Giác; nếu Phật Diệu Giác thì Đại sư thường nói tám tướng Phật của sơ trú; nếu sơ trú thì viên đốn nhanh chóng trải qua một hai đời còn có thể rốt ráo, huống chi trải qua vô số kiếp ư!

Đáp: Tam châu đã thọ chính là tam tướng Ứng thân ký, tám tướng này bắt đầu từ sơ trú phần hiển pháp thân, cuối cùng đến pháp thân Diệu giác rốt ráo, đều có thể hiện tướng này làm lợi ích muôn vật. Tam châu được nhập không hạn cuộc hàng Sơ trụ, như sớ nói: Ngài Thân Tử đã là thượng căn lợi trí thì phải siêu nhập, nhưng phần nhiều nói Sơ trụ ấy chỉ chọ vị ấy làm đầu. Lại đều nói trải qua vô số kiếp kết duyên với vật kết duyên làm nhân thanh tịnh cõi nước Phật, nếu không có chúng nhiều là các căn cơ thọ hóa thì đâu có hiện thân nói pháp. Nếu luận về nguồn gốc pháp thân thì ngay trên tòa mà chứng đắc, đâu đợi phải trải qua vô số kiếp ư! Nếu luận về nguồn gốc pháp thân thì ngay trên tòa mà chứng đắc đâu đợi phải trải qua vô số kiếp ư!

Câu hỏi 2: Phẩm Thí Dụ ghi rằng: Ngài Thân Tử ở tâm thứ sáu trong thập trú lui sụt sơ các kiến tư hoặc trước đây đã đoạn, đến tâm thứ sáu thì kiến còn chưa hết, lục tâm còn lui sụt. Gần đây có người nghi rằng: Sơ Trụ của Biệt giáo nội giới kiến hoặc đều đã dứt hết, đâu phải để lục trú kiến hoặc lại không khởi các tội nặng, huống chi kiến hoặc danh số tuy nhiều, là một vị đốn đoạn, tư hoặc phải trải qua các địa vị mới dứt hết, đây thường bàn luận phân tích về Biệt giáo. Nay ký chủ thấy Thân Tử đã ở Lục trụ còn lui sụt lại sinh khởi tội nặng liền dùng nghĩa cầu mong, sợ có giáo môn kiến tư hoặc đều dứt, đến tâm thứ sáu tư hoặc còn chưa hết, kiến hoặc cũng còn sót, cho nên có công năng lôi kéo vào đường ác, đây là ký chủ y cứ vào nghĩa châm chước không thể đem Biệt giáo hiện hành mà vấn nạn. Nếu căn cứ Khởi Tín thì chỉ bất thối mới thành tựu, người của Viên giáo có khả năng phân biệt, nếu luận chỉ bày dấu vết cũng phải chỉ bày giai vị kia y cứ vào hoặc để phân biệt mới có nghĩa lui sụt.

Câu hỏi 3: Lời sớ của phẩm Hóa Thành Dụ chép.

Hỏi: Số vi bụi như trên thường cho phép thời tiết, nay mới đắc A-

la-hán, phải biết vô sinh pháp nhẫn đâu dễ gì được bước lên. Đáp: Đại Thánh khéo léo nương bốn tất-đàn mà nói như vậy, là để đối trị hạng người nhàm chán đạo lâu dài mà nói ngắn, người đối với đạo sinh ý tưởng là dễ mà nói dài, phải biết nói như vậy qua nhiều kiếp nay mới đắc La-hán, đây là Đức Như Lai dùng quyền thực hành bốn tất-đàn dẫn dắt chúng sinh thực hành, khiến cho họ nhập đạo đó thôi! Gần đây, có người nghi rằng: Rộng nói Phật đạo dài ngắn, hoặc có thể gọi là khéo léo bốn tất-đàn nhưng đại khái klà nêu sô kiếp nhiều như bụi nhỏ là chỉ cho sự thật, nếu không như vậy thì đâu nhọc công xoay vần qua nhiều, luống uổng ngôn từ ư! Việc ấy nếu chẳng thật thì bao nhiêu ngôn thuyết quyền thật khó rõ ràng, thêm lời sớ quyền thứ nhất nói lâu xa là hạt giống trong quá khứ, còn đời gần đây là giải thoát, ghi chép phân tích là bản quyến thuộc, đây vì sao nói mới đắc A-la-hán ấy là dùng quyền thực hành bốn tất-đàn ư!

Đáp: Thật như đã hỏi nhưng có nguyên do, vì sao? Vì nêu tìm kiếm nhân cha con, mé sâu xa kín đáo cùng cực, chủng tử thuần thục, các kinh chưa bàn luận đầu mối kia, phẩm này cũng chưa đề cập đến, phải y phẩm Thọ Lượng mới tận lực thần thông, nếu chỉ vì suy tìm hạt giống lâu xa nhất định chỉ thời gian dài thì chúng sinh không khởi tâm trạng, không gượng tự lực, nay sớ ghi chép lại giải thích tất-đàn muốn giúp cho lập hạnh thêm công thì yếu chỉ của Kinh mới rộng rãi, cho nên tuy một sinh, mười địa, ba đời sáu căn, nếu không nhờ huân tập hạt giống đời trước thì đâu có lợi căn tự phát. Lại nếu phẩm này chỉ luận về quyền, chỉ bày tuổi thọ mạng lâu xa, cũng là hư nói suông. Vả lại, sao khác hẳn với các kinh, sao lại dùng để nêu rõ nguồn gốc nhiệm mầu, tuy nói hàng Sơ tâm nương vào giáo, trở lại phải dùng nghĩa tự suy xét. Lại thêm lời sớ nêu lên một điều rằng, biết chẳng phải nhất định phê phán ghi chép bác bỏ nguyên nhân chung quanh, tin đó lời răn nhắc, nếu căn cứ vào văn đây thì chẳng trái với giáo.

Câu hỏi 4: Phẩm Bảo Tháp chép: Nương bổn nguyện của Đức đa Bảo phân thân đều nhóm họp. Có người nghi rằng: Trong Đại luận nói rõ Đức Thích-ca phân thân các cõi, nói là thế giới bạc trắng, toàn Bích-chi-phật, thế giới vàng ròng thì toàn các bậc La-hán, cõi kia các Đức Phật đều có đến không? Nếu đến, thì ánh sáng của Phật chiếu phân thân cõi nước, đều dùng pha-lê làm đất, không phải bạc trắng, vàng ròng. Lại cõi phân thân có các hàng Bồ-tát, khi phân thân đến đều dẫn theo một vị Bồ-tát, nhưng hai thế giới kia không nói có Bồ-tát. Nếu nói không đến thì trái với nguyện tất nhóm họp một chỗ, lại trái với văn

đều đã đến nhóm họp. Có người vặn hỏi rằng: Y cứ vào phần nhiều nói tất cả nhóm họp đều đến, hoặc nói pha lê làm đất, có các Bồ-tát như để chung đậu xanh, đậu đen vào trong một chỗ, lấy ít theo nhiều gọi là nhóm đậu đen, lại hỏi văn rằng: Nếu y cứ vào phần nhiều lại chiêu cảm sự trở ngại lớn, cõi Phật ở mười phương kia chỉ có văn Nhất thừa, nói Thanh văn, Bồ-tát đều thành Phật đạo cũng ứng theo nhiều, nếu vậy tức là đồng ý với tông ngũ tính ư!

Đáp: Kinh luận trái nhau, những trường hợp ấy không ít, không cần hòa hợp, nay nếu gượng hợp thì kinh này tuy nói đều dùng pha-lê làm đất đâu có trở ngại rừng cây cung điện, hoặc toàn vàng ròng bạc trắng, cũng được nói là thế giới vàng ròng bạc trắng. Lại cõi nước ấy tuy không có Bồ-tát, khi muốn đến nhóm hội là đồng với các Đức Phật, sẽ hóa hiện Bồ-tát đến làm thị giả nên không có chướng ngại. Lại các cõi chỉ nói Bồ-tát đây khắp, vì y cứ vào kinh này khai hiển mà nói, thì chỉ có hóa Bồ-tát, không phải Nhị thừa, mới thẳng dùng Nhị thừa làm Bồ-tát thì có gì mà không được.

Câu hỏi 5: Phẩm Đề-bà giải thích long nữ cung rồng dưới biển đến có ba nghĩa: Nghĩa thứ hai kia nói biển thì rung chuyển mà cung rồng bất động, rồng thì bất động mà chỗ ở đã biến đổi, từ biến mà chỗ đến bất biến thì có gì mà không được. Có người nghi rằng: Trong đây chỉ cho nơi nào gọi là chỗ ở, nếu là cung rồng thì ở trên nói bất động, dưới sao lại chợt nói đã biến, nếu là biển lớn thì ở trên nói cung rồng bất động, không nói biển lớn bất động, nay sao bỗng y cứ vào biển lớn nói rồng là bất động ư! Lại biến mà bất biến, ý ấy như thế nào? Gần đây người học đều chấp khác nhau, thử nêu ra một quyết định!

Đáp: Kinh dạy: Dời các trời người. Lời Ký chép: Các biển chuyển động. Kinh dạy: Thế giới Ta-bà liền biến đất thành lưu ly, đến nơi không có sông ngòi, biển lớn, chứng thật là dời loài hữu tình biến thành vô tình. Trong loài hữu tình, các rồng Ta-kiệt-la vì có duyên nên không bị dời đi, rồng đã không bị dời chỗ ở cung điện đâu thể nương nơi đất báu tức phải ở trong biển lớn. Cho nên biết chúng trong hội này nhờ thần lực của Phật biến hóa cho nên đều thấy cõi báu, các rồng tự thấy được cung điện dưới biển, nay Văn-thù tùy loại kia mà thấy, cho nên kinh dạy: Từ dưới biển lớn, Ta-kiệt-la Long vương tự nhiên lên, Biến mà bất biến, tư duy có thể biết.

Câu hỏi 6: Thọ Lượng Phẩm chép: Hoa Nghiêm tịch chiếu, đạo tràng Đại Kinh, siêu việt chín kiếp trước đều thành phương tiện. Có người nghi rằng: Đại kinh chỉ có Tuyết Sơn Đồng tử siêu việt mười hai

kiếp, trong đây vì sao nói vượt chín kiếp ư!

Đáp: Hoặc người ghi chép lầm, hoặc người ghi chép bị đặt, huống chi không có hại lớn, đâu đáng thắc mắc.

Câu hỏi 7: Phân Biệt Công Đức Phẩm Sớ chép: Hoặc có thể mỗi người có tám lần tăng, hoặc có thể một đời, hoặc tám đời, hoặc vô lượng đời, hoặc một niệm, hoặc tám niệm, hoặc vô lượng niệm v.v... Có người nghi rằng: Lời sớ quyển tư chép: Tam châu Thanh văn chưa dứt vô minh, có ba căn lợi độn. Nếu chân thật tu thì thể hiển bày, không bị lầm lẫn, hàng Sơ trụ trở lên lại khởi duyên tu, không còn thắng thua, chân thật tu hành để dung thông, đâu được có khác ư! Nay tại sao có một niệm, tám niệm, cho đến vô lượng đời khác nhau ư! Nếu vậy, tại sao luận về thân do cha mẹ sinh chứng Diệu giác ư! Nếu hứa chứng thì kinh cho long nữ là chứng mau chóng, nhưng Đại sư xếp vào tám tướng sơ trụ. Đã có mau chóng chứng lý vì sao long nữ không chứng Diệu giác ư! Huống gì Khởi Tín hòa hợp các kinh dài ngắn hai thuyết, chỉ dùng ba tăng-kỳ làm chứng lý, Thiên thai không thể trái với ngài Mã Minh. Nếu không hứa thì đã có một niệm tám phen tăng giảm, sao không hứa một đời bốn mươi hai phen ư! Đại viên đốn nhanh chóng đều phải trải qua bao nhiêu kiếp ư!

Đáp: Sớ quyển bốn chép: Ba căn nhập Sơ trụ còn có lợi độn không? Lời Ký chép: Ngay nơi ba căn này từ khi nhập trụ về sau vẫn gọi là ba hay không? Nay căn cứ vào ký chủ nêu ra ý hỏi, sau khi nhập trụ Thân Tử v.v... là bậc thượng căn, Ẩm Quang, Mãn Từ Tử... vẫn là trung căn, hạ căn ư! Sớ đáp: Chân tu thể hiển thì không có sai khác, ở đây đáp ý sau khi ba căn chứng lý, dù khởi duyên tu cũng không bao giờ theo hạng thượng căn trước, vẫn là thượng trung căn trở lại bậc trung. Cho nên biết vì hành căn tánh cầu định cho nên nói chân tu không sai khác, nếu tự phân biệt pháp thân tăng đạo tổn sinh thì đâu không có nhanh chậm ư! Cho nên có một niệm, tám niệm, ba đời, tám đời v.v... sai khác! Lại hỏi một đời Diệu giác, lời sớ đã có một niệm tám phen, trong kinh Kim Quang Minh lại có sinh thân Thập địa, lấy đây mà nghiệm thì ngay nơi thân chứng Diệu giác chẳng phải một bề là không, chỉ vì trong kinh Hoa Nghiêm nói người mới phát tâm liền thành Chánh giác chính là tám tướng của Sơ trụ người đời phần nhiều cho rằng Diệu giác pháp thân thì hoàn toàn mất bốn mươi mốt vị tu chứng, cho nên các nhà chú thích hiện nay chia ra gồm tám tướng, phần nhiều ở trong giai vị vô sinh. Vả lại, văn nói Long nữ tu chứng và lấy tướng nam phương thành Phật khó có thể phân chia cao thấp, vì phát tâm rốt ráo cả hai không khác nhau, như các chỗ khác đã nói. Lúc mới

bước lên địa trụ thì ba nhân khai phát, đã đắc vô sinh, nhậm vận chứng đắc hậu vị, hơn nữa Long nữ là loài súc sinh mà cón chứng địa vị này, tức có đủ tám tướng làm lợi ích muôn vật, đủ hiển bày chứng nhanh chóng, nếu căn cứ Khởi Tín đã rộng giảng bày tam giáo, trong văn định nói kiếp số, e là nghĩa giáo đạo của Biệt giáo. Nếu nói Mã Minh Thiên Thai không thể trái nhau, như Thiên Thai xếp bổn môn ký biệt thì một bề không dùng luận này của Thiên thân, luận này còn tự lấy bỏ, huống chi thông suốt luận ư!

Câu hỏi 8: Phẩm Tùy Hỷ thứ năm nói: Mười người xoay vần nghe kinh Pháp Hoa, một niệm tùy hỷ được công đức vô lượng vô biên, sớ xếp vào phẩm tùy hỷ đầu, gồm có năm mươi công đức. Lại phẩm Khuyến Phát chép: Thành tựu bốn pháp có thể được kinh này. Sớ nói: Xưa nói thật hành được bốn pháp sẽ tận tay được kinh này, ở đây nói không phải như vậy. Văn trên nói nghĩa thật tướng của các pháp đã nói cho các ông nghe. Lại nói: Vì muốn chúng sinh khai thị nhập tri kiến Phật, bởi toàn thể Pháp Hoa năng hành bốn pháp sẽ hiểu được điều này. Có người nghi rằng: Kinh Đại Bát-nhã chép: Hạng người gốc lành chưa thuần thục phước đức mỏng còn không nghe được tên gọi, huống chi tay được cầm kinh này. Nếu tay được cầm kinh thì mau ngồi tòa Bồ-đề. Lại nói: Chỉ nói một kinh kia nếu gốc lành mạnh mẽ thì chắc chắn đắc Vô thượng Bồ-đề, tức biết không đủ năm mươi công đức, không hiểu được thật tướng, chỉ nghe danh tự tay cầm quyển kinh đều là công đức vô lượng, thật không thể thiên chấp ở đây!

Đáp: Giải thích kinh sâu cạn đều có chỗ cùng cực, nay kinh tùy hỷ có hai thứ: Nghĩa là trong giải ngoài sự, ngoài sự bao dung có thể giải thích cạn, trong giải phải làm sáng tỏ sâu xa, nếu phẩm khuyến Phát đã là Phổ Hiền tiền từ xa xưa đến nay lại thỉnh nói kinh. Đức Như Lai nhân đây lược giảng bốn pháp, nếu chẳng khai thị ngộ nhập tổng quát một kinh thì làm sao có thể đáp lại lời thỉnh, giai vị năng thỉnh đã cao, kinh sở đắc đâu thể cạn, cho nên không thể chỉ tay được quyển kinh mà còn phải hiểu biết. Kinh Bát-nhã kia nói tay được cầm kinh, tai nghe kinh thì đã thành hạt giống Bồ-đề, nếu không có gốc lành thì làm sao mà may mắn gặp được ư! Nếu thành hạt giống bất hoại tức có kỳ hạn ra khỏi cho nên có chỗ nói mau ngồi tòa Bồ-đề thì nhất định được, huống chi tay cầm kinh, tai được nghe thì đâu thể một bề làm việc nông cạn mà còn phải hiểu biết hơn nữa mở mang kinh điển vốn là sinh điều lành, nếu không dùng lý hạnh răn nhắc thì kia có thể được đắc ư!

Câu hỏi 9: Phẩm Pháp Sư Công Đức Sớ chép: Phạm vương báo

tin đắc thiên nhãn, ở cõi mình thấy khắp đại thiên, ngoài đại thiên có phong luân, do mắt bị che chướng không thể thấy ngoài xa nếu ở cõi khác thì không thể thấy khắp Đại thiên, chẳng phải nơi thống lãnh. Đại La-hán thấy Đại thiên, Bích-chi-phật thấy trăm thế giới Phật không bị phong luân làm chướng ngại, cũng không bị cõi mình hay cõi người ngăn cách. Có người nghĩ rằng: Đại luận quyển chép: Đại La-hán ít dụng tâm thấy hai ngàn cõi, dụng tâm Nhị thừa thấy cõi Đại thiên, Bích-chi-phật cũng giống như vậy. Lại Đại Luận quyển 14 chép: Hàng Thanh văn phần lớn thấy Tiểu thiên, thượng hạ cũng thấy khắp. Hỏi: Đại Phạm vương cũng có thể thấy ngàn thế giới thì có gì đồng khác? Đáp: đại phạm tự ở trong ngàn thế giới, đứng thì thấy khắp, nếu đứng ở một bên thì không thấy các nơi khác, hàng Thanh văn không phải như vậy, tại chỗ ở thường thấy ngàn thế giới, hàng Bích-chi-phật thấy trăm ngàn thế giới. Theo ý luận nói: Nương vào nhậm vận dụng tâm, đại tiểu đều khác nhau, sự thấy biết của hàng Nhị thừa đều khác nhau, nhưng ngàn thế giới mà Phạm vương thấy chỉ là một tiểu thiên, trăm ngàn thế giới mà Bích-chi-phật thấy chỉ là trăm tiểu thiên. Lại nữa, luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa chép: Hàng Nhị thừa thần thông không vượt qua đại thiên. Nay vì sao nói Phạm vương thấy Đại thiên, Bích-chi-phật thấy trăm thế giới Phật ư? (Trăm thế giới Phật ý của luận văn phải là trăm ngàn thế giới, cho nên bốn niệm xứ, bốn giáo nghĩa đều nói: Bích-chi-phật phát sinh thiên nhãn, vượt quá Tam thiên thấy thế giới khác) các sự tướng như vậy khác nhau, chủ yếu phải có luận thuyết nhất định.

Đáp: Lời nói của tổng trì Bồ-tát phải xứng pháp tướng vì đã từng đích thân giảng Trí luận cho nên không luốn uổng, mới là khéo hiểu luận văn, được ý sâu sắc kia vì sao? Vì như luận trình bày rộng nghĩa của hai giáo, trong văn hề nêu Nhị thừa tức bao gồm Tạng thông chỉ như sự trích dẫn, đâu phải một đường, ban đầu nói người dụng tâm nhiều thì thấy Đại thiên, kế đến nói rất nhiều người thấy Tiểu thiên, hàng Thanh văn đã có nhiều thứ, Bích-chi-phật không thể có một tiêu chuẩn nhất định đã quen phân chia xâm nhập hiệp lại chỗ thấy càng rộng. Trong văn đã nói thấy trăm ngàn thế giới đâu thể nhất định là Tiểu thiên ư! Chỉ là tiểu Bích-chi cùng Thanh văn không khác, nói Bích-chi-phật cũng giống như vậy. Phạm vương các giáo công dụng cũng nhiều, chỉ là hàng Nhị thừa kia khiến cho yếu kém hơn một bậc, nhưng là người đứng đầu Đại thiên, đâu muốn thấy cõi mình không trọn vẹn cùng khắp, nguyện đem nghĩa pháp định văn, chứ không để cho có văn mà mất nghĩa.

Câu hỏi 10: Phẩm Bất Khinh chép: Nhờ thực hành hạnh bất khinh,

mau được thành Phật v.v... Có người nghi rằng: Việc bất khinh này là mong cửu viễn thật thành, là trước hay sau, nếu trước thì trái với Thọ Lượng Kinh Sớ chép: Thường bất khinh lại nói gần, nếu sau thì ai tin do Bất khinh tu hành thành Phật nhanh chóng.

Đáp: Nếu ở trước tức là thật nhân! Nếu sau tức là nhân thanh tịnh cõi nước Phật, cho nên biết nương ý kinh này riêng chỉ bày chánh nhân thực hành hạnh bất khinh tức nhanh chóng nhiếp lấy cõi mà được thành Phật, cho nên nói thọ trì kinh này, giảng nói cho người khác nghe mau được thành Phật.

Câu hỏi 11: Chúc Lụy Phẩm Sớ chép: Đức Phật dùng một tay quyền trí khéo léo xoa trên đỉnh thật trí của các Bồ-tát trong ba ngàn ba trăm na-do-tha cõi nước che lấp hư không. Có người khác nghi rằng: Chỉ cho những quốc độ nào mà gọi là ba ngàn ba trăm na-do-tha ư? Có chỗ nói cghỉ cho cõi Tịnh độ ba phen biến hóa, tám phương đều lại biến thành hai trăm muôn ức na-do-tha cõi nước, nếu nương nghĩa này thì có thể nói ba ngàn ba trăm, thuyết này có đúng không?

Đáp: Y theo lý thì phải chỉ cho Tịnh độ ba phen biến hóa trong đây lẽ ra chẳng phải đại thiên là một cõi nước, sợ chỉ cho một tứ thiên hạ là một cõi nước, Ta-bà đã gọi là đại thiên thì có thể đủ thành ba ngàn ba trăm, nhưng đại thiên cũng dường như chưa sánh bằng một trăm muôn ức na-do-tha tứ thiên hạ, sợ y cứ vào số lớn tăng đến đại thiên, vì sao? Vì số nhỉ thì mười lần mười thành trăm, trăm lần trăm thành ngàn, ngàn lần ngàn thành muôn.

Câu hỏi 12: Chúc Lụy Phẩm Ký rút ra chánh Pháp Hoa, lầm nói rằng: Bồ-tát Bảo Chướng ly khai thành hai, lại thêm Báo Ấn Thủ, chưởng đã là tay, lại thêm đứng đầu, phân ly thành hai người. Có người nghi rằng: Kinh kia có Bồ-tát Bảo Chướng, Bồ-tát Ấn Thủ, Bồ-tát Vô Bảo Ấn Thủ, nay nói thêm Bảo Ấn Thủ, ý lại nói gì, huống chi trong các kinh khác cũng có ba vị Bồ-tát này, cần gì phải nhọc phá?

Đáp: Do sự truyền chép phần nhiều sai lầm, còn mất khó thấy, người chép đương thời bản mà họ xem chắc chắn có tên ba vị Bồ-tát, hoàn toàn chẳng vọng bác bỏ, các kinh khác tuy có danh hiệu của ba vị thánh này, văn đã không dịch lại thì chẳng phải trường hợp này đáng vấn nạn.

Câu hỏi 13: Phổ Môn Phẩm Sớ chép: Tự có nhiều khổ làm khổ một người, nhiều người chịu một khổ, một người chịu nhiều khổ, một người chịu một khổ. Có người nghi rằng: Câu thứ ba có thể nói nhiều người chịu nhiều khổ, nếu không như vậy, thì tự câu ấy đồng với câu thứ

nhất, vì sao cú pháp luống thiết lập

Đáp: Căn cứ vào câu pháp mà suy tìm ý nghĩa, câu thứ ba sẽ như đã sửa đổi, ở đây vì ngày xưa ghi chép thấy ở câu thứ tư một người chịu ít khổ, muốn đối với câu này bèn vọng sửa câu thứ ba, là một người chịu nhiều khổ mà không nghĩ đồng với ý nghĩa câu thứ nhất.

Câu hỏi 14: Phẩm Khuyến Phát chép: Hàng Thập địa chỉ dứt hết mười hai phẩm, chẳng dứt phục cực, biết chẳng phải nghĩa Phổ Hiền. Có người nghi rằng: Hàng Thập địa chỉ dứt mười phẩm, vì sao lại nói mười hai ư! Nếu dứt mười hai phẩm, thì còn hơn ngài Phổ Hiền, vì sao nói chẳng dứt phục cực, cũng không thể nói là ý của Biệt giáo, do đó mà Phổ Hiền chỉ y cứ vào Viên vị!

Đáp: Văn ghi chép của nước kia lầm lẫn. Y cứ theo bản đời Tống chép: Hàng Thập địa chỉ dứt hết bốn mươi phẩm, chẳng dứt phục cực.

Câu hỏi 15: Diệu Ký quyển thứ nhất quyết định giải thích lúc đầu chưa có tôn giáo, Phật dạy: Cuối cùng có một Đức Phật, lúc đầu chưa có sự giáo hóa... có người nghi rằng: Nghĩa vẫn chưa rõ, nếu cho rằng: không có Phật giáo hóa thì rời vào lỗi vô nhân, nếu nói vâng lãnh sự giáo hóa thì rơi vào lỗi vô cùng, mong người xem xét lại!

Đáp: Ban đầu một Đức Phật tuy không có nhân lãnh nhận giáo pháp mà có nhân bên trong huân tập tự ngộ, trong ký trình bày rất rõ, sao nói rơi vào vô nhân?

Câu hỏi 16: Ngài Nam Nhạc trong Pháp Hoa Sám Pháp nói: Đời quá khứ có hai muôn ức Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, đời vị lai có đủ muôn quang tướng trang nghiêm Phật. Có người nghi hỏi rằng: Trong kinh không có chữ ức, không có chữ trang nghiêm, vì sao ngài Nam nhạc lại thêm ư!

Đáp: Trong Kinh tuy không có, nhưng ngài Nam Nhạc là người ở giai vị tương tự dùng tam đạt ngũ nhãn chiếu soi, hiệp có ba chữ cho nên thêm vào đời sau cho là khó nên cắt bỏ.

Câu hỏi 17: Diệu Huyền quyển thứ sáu nói cõi nước khổ vui có hai cách giải thích: 1/ Do chúng sinh, chứng pháp Phật tạo tác. 2/ Do Phật, không quan hệ đến chúng sinh v.v... có người nghi rằng: Bản nguyện của Đức Thích Tôn nói rằng: Đời vị lai ta xuất hiện ở cõi nước uế ác làm lợi ích Tịnh độ mười phương, tẫn uất chúng sinh ác nghiệp, cho nên biết nơi có việc khổ chỉ là do chúng sinh nghiệp ác chiêu cảm, sao nói do Phật không quan hệ đến chúng sinh? Nếu Phật tạo tác, chẳng phải chúng sinh ác nghiệp không, không có quả báo ư! Há Đức Như Lai trái ngược với phương tiện đại bi khiến các chúng sinh chịu ba đường khổ

ư! Thế thì hạnh mà Bất Khinh thực hành, các chúng được ngài Văn-thù giáo hóa đều là phương tiện thi thiết khéo léo khiến tăng trưởng điều thiện, dứt bớt điều ác, chuyển tội nặng thành nhẹ, cố nhiên chẳng phải thiết lập nhân duyên khổ não!

Đáp: Nếu nói về gây nhân thiện ác chiêu cảm quá khổ vui chính do chúng sinh chẳng liên quan đến Phật, nếu nói về dụng việc khổ vui nhiếp phục chúng sinh, chính do Phật hiện không liên quan đến chúng sinh. Bởi thích dụng khổ trị mới được giáo hóa, các Đức Phật liền tạo, như tiên vương đặt ra hình phạt, đâu muốn để khổ thêm cho bách tính, và rất nhân đức, các Đức Phật cũng vậy, vì việc chiết phục mà gượng hiện. Lại nữa, chúng sinh ở nước khổ vui nên không được tự tại, các Đức Phật do đó mà năng chuyển biến, cho nên nói do Phật. Lại, Phật là Phật trong nhà chúng sinh, chúng sinh là chúng sinh trong nhà Phật, cho nên nói các Đức Phật trong tâm chúng sinh niệm niệm chứng chân, chúng sinh trong tâm các Đức Phật thường gây ra nghiệp mới cho nên biết, luận về chúng sinh thì nhất thời thuộc về chúng sinh, nếu Phật thì nhất thời thuộc về Phật, do vì nghĩa ấy cho nên kinh dạy nay ba cõi này đều có ta và có chúng sinh ở trong đó đều là đệ tử của ta.

Câu hỏi 18: Bộ Diệu Huyền quyển thứ chín (Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Huyền Nghĩa) giải thích Bổn môn được lợi ích rằng: Khiến cho Bồ-tát pháp thân được lợi ích lớn, nghiền mười muôn na-do-tha nước khác thành số bụi làm tăng trưởng đạo Bồ-tát không thể để mất. Gần đây có người nghi rằng: Phẩm Phân Biệt Công Đức chỉ nêu số bụi nhỏ Đại thiên giới, trung thiên giới, Tứ thiên hạ v.v... vẫn chưa nói đến trăm ngàn, sao lại nói mười muôn na-do-tha ư!

Đáp: Đối các phương diện đều gọi na-do-tha, các cõi nước nhỏ mới gọi là Đại thiên. Kinh chép: Số bụi nhỏ của đại thiên đâu không bao gồm cả mười muôn, như một hạt bụi nhỏ còn có mười phương phần huống chi Đại thiên ư! Nếu nói khắp mười phương cõi đều nghiền thành bụi nhỏ thì mới trái với văn kinh.

Câu hỏi 19: Quyển thứ sáu giải thích Tam-muội Bất Động rằng: Quả báo ba hoặc thành ba bất động, động thì bao gồm nghiệp, đế chỉ có ba nghiệp và kiến hoặc, tư hoặc đồng bị tục đế sở phá. Gần đây có người nghi rằng; ngoài tam-muội và các nơi đều dùng kiến tư hoặc làm chân đế sở phá, trong đây vì sao nói tục đế sở pháp ư!

Đáp: Trong đây chính do nghiệp và kiến tư đồng nhập sinh tử tục đế, chính là bị chân đế sở phá, thành ra chân đế tam-muội, văn khác dùng nghiệp đồng trần sa phá thì thành tục đế tam-muội đều có nguyên

nhân. Vì sao? Vì như trước trong các văn vô cấu v.v... chính dùng tán thiện để phá nghiệp ác, tán thiện thì thành giả quán. Trong đó, dùng định thiện để phá tán thiền thì thành không quán, cho nên có Bối xả hàng phục kiến, tư hoặc... người ghi rất cùng cực sâu kín cho nên có đối này.

Câu hỏi 20: Chỉ Quán quyển thứ nhất nói Tam tạng giáo Phật thần thông nói rằng: Nhất tâm thành một, không được quá nhiều. Hoằng Quyết chép: Khi hóa chủ nói, hóa sự liền nói, khi hóa chủ im lặng thì hóa sự im lặng. Nói năng, im lặng đã như vậy các nghĩa còn lại cũng vậy, cho nên chẳng phải nhậm vận chân hóa. Gần đây có người nghi rằng: Luận Câu-xá 27 chép: Thần thông của hàng Thanh văn nhất tâm chỉ là một, thần thông của Như Lai nhất tâm là vô lượng. Như bài tụng kia nói: Một khi hóa chủ rồi, các sở hóa đều nói, khi hóa chủ im lặng, các sở hóa cũng thế hóa thân và hóa chủ, nói đều chẳng phải Phật, nay Chỉ Quán làm sao trái với kia ư! Lại nữa Đại luận quyển thứ 9 nêu rõ nghĩa Phật trong luận Tỳ-đàm, cùng với lời ghi ở đây văn cũng trái nhau thể trịch dẫn nhiều.

Đáp: Dù cho hóa chủ hóa sự hiện trong một lúc, một không nói năng, im lặng một lượt vì nhất tâm nói một lời, nhất tâm thì im lặng, cho nên nói nhất tâm tác, đâu có so sánh luận xét an thiền chắp tay, dùng ngàn muôn bài kệ tán tụng các Pháp vương, bất động mà ứng hóa, hóa vô phương. Ngoài ra trái lại thì có thể dùng ý hội ắt không có chướng ngăn lớn.

Câu hỏi 21: Chỉ Quán quyển ba nói người Biệt tiếp Thông rằng: Ban đầu tu hai quán không giả, phá chân tục, hoặc trên hết, mới nghe Trung đạo, vẫn phải tu quán phá vô minh mới đủ tám tướng thành Phật, ý nói: Tức thân chứng Thập địa. Gần đây có người nghi rằng: Hàng Biệt giáo còn không có nhục thân chứng Thập địa, vì sao từ giáo thấp kém mà có thể siêu đăng ư!

Đáp: Y cứ vào hai quán kia, cộng thành hai đế, hoặc hết, vẫn tu trung quán hàng phục vô minh, ắt hợp với kinh chúng sinh trải qua nhiều kiếp, chưa biết nơi nào định nói tức thân, lỗi ứng hiện trong lúc nghe mới có thể tức thế, nói tu quán không hẳn một đời, huống chi sau khi nghe không hạn cuộc nay chứng, phải trở về hậu giáo (giáo sau).

Câu hỏi 22: Chỉ Quán quyển thứ sáu chép: Nếu siêu vượt đoạn đến ngũ phẩm (thứ năm) gọi là Gia gia. Gần đây có người nghi rằng: Bộ Hoằng Quyết nói: Điều Đại sư sử dụng đều căn cứ vào luận Tỳ-bà-sa, nếu muốn biết lại xem xét văn kia. Nay xét Tỳ-bà-sa, người dứt ba bốn phẩm sinh hai ba đời ấy gọi là Gia gia, không vượt thứ lớp, Biệt cũng

không phải dứt ngũ phẩm gọi là Gia gia, tái sao nói vượt dứt năm phẩm gọi là Gia gia ư! Tuy Hoằng Quyết giải thích cũng không ngoài nghĩa này. Chỉ Quán lại chép gọi là Nhất Vãng Lai, vả lại Tư-đà-hàm Hán dịch là Nhất Vãng Lai, vì sao dùng một tên phân biệt siêu vượt phân biệt siêu việt thứ lớp khác nhau ư! Chỉ Quán lại chép: Tiếp đến đoạn bảy phẩm đến tám phẩm gọi là A-na-hàm hướng, siêu đoạn phẩm thứ tám gọi là nhất chủng tử, ở đây cũng y theo luận kia nói đoạn, ở đây nghĩa siêu vượt đều không biết từ nơi nào.

Đáp: Luận Tỳ-bà-sa tân dịch hay cựu dịch chưa tiện tra xét.

Câu hỏi 23: Chỉ Quán v.v... ý nói rằng: Từ vô thỉ tạng tâm đầy đủ pháp mười giới, mười như thị, cho đến quả Phật cũng giống như vậy. Bộ Hoằng Quyết chép: Hạng xiển-đề dứt hết việc tu điều lành, chỉ có tánh thiện, Đức Như Lai dứt hết làm điều ác, chỉ còn tánh ác. Gần đây có người nghi rằng: Luận Khởi Tín, môn đối trị tà chấp chép: Nghe Tu-đa-la nói pháp nhiễm sinh tử của tất cả thế gian đều nương Như Lai tạng mà có tất cả các pháp không lìa chân như, vì không hiểu nên cho rằng tự thể Như Lai tạng đầy đủ tất cả các pháp sinh tử thế gian, làm sao đối trị! Hỏi: Do Như Lai tạng từ trước đến nay chỉ các công đức thanh tịnh vượt hơn sông Hằng, không lìa không đoạn, không khác nghĩa chân như, do pháp nhiễm phiền não vượt hơn sông Hằng chỉ là vọng có, tự tánh vốn không, từ vô thỉ đến nay không hề tương ưng với Như Lai tạng. Nếu Như Lai tạng tự thể có vọng pháp mà khiến chứng đắc dứt hẳn vọng thì không có điều ấy ư! Đáp: Luận cho rằng tánh tự vốn không, sau cùng với tánh cụ mà Thiên thai chủ trương là trái nhau ư!

Đáp: Trăm cõi ngàn như tánh thiện tánh ác đều là thể đầy đủ, pháp môn mầu nhiệm, công đức thanh tịnh, tức Khởi Tín nói hơn hằng hà sa các công đức thanh tịnh không lìa không đoạn, đều là chân như, nếu tất cả pháp vọng nhiễm sinh tử phiền não của thế gian đều là tu ác thì tuy hoàn toàn là tánh khởi mà trái với tánh cho nên diệt hẳn, nếu xứng lý mà tu muôn hạnh công đức đều là tu thiện, cũng toàn tánh khởi mà thuận với tánh, đức đồng với thường trú, cho nên nói: Giống như thật cho nên xứng lý bản hữu hư không, cho nên mê chuyển thành tánh, liền khiến chứng hiểu thời tu ác tuy hết nhưng tánh ác thường còn nghĩa cảm ứng mà các nhà nói vì không biết pháp môn tánh ác, cho nên quả sau đưa đến thân trong đường ác đều phải dùng năng lực thần thông biến hiện, cho nên các nhà sớ kinh ngày nay bác bỏ là đồng thần biến của ngoại đạo. Cho nên nói: Chứng bổn chân nguyên, trở lại mặc chúng sinh chuyển thức hiện khởi, nếu không luận bàn thể đủ mười cõi cũng

là nghĩa Biệt giáo, nếu hiểu được ý này thì giáo chỉ một nhà như nhìn trong lòng bàn tay không chút khác nhau với các kinh luận.

Câu hỏi 24: Tứ giáo nghĩa quyển thứ nhất có giải thích tiệm đốn v.v... các giáo sai khác rằng: Văn của lộc Giả Hạc Lâm, giáo bảy chỗ tám hội đâu chẳng phải không có sự khác nhau giữa đốn tiệm, bí mật bất định, có người nghi rằng: Trong đây nên nói há chẳng phải có, sao nói vô tự ư!

Đáp: Nếu y cứ vào bổn địa này mà nói chẳng có sự khác nhau giữa đốn tiệm, nay dùng nghĩa để tìm, biết hai nơi vốn đều là lầm, đối với kia vốn là phi tự dưới, phải trừ vô tự. Địa bổn này phải đối với phi tự trên thêm một chữ há, thì văn nghĩa kia đây (hai bên) thành.

Câu hỏi 25: Tứ giáo nghĩa quyển ba chép: Bồ-tát Tam Tạng hành đạo Bồ-tát, trải qua hai mươi hai A-tăng-kỳ kiếp là giai vị Noãn pháp, ba A-tăng-kỳ là giai vị Đảnh pháp... gần đây có người nghi rằng: Luận Tỳ-bà-sa nói hậu thân Bồ-tát ngồi dưới gốc cây bắt đầu tu bốn gốc lành, ngay tại chỗ ngồi thành Chánh giác, giáo nghĩa tam tạng phần nhiều nương luận Bà-sa, trái với văn này là vì sao?

Đáp: Bồ-tát Tam Tạng hai ba tăng-kỳ tuy dùng pháp quán Noan, Đảnh chính là vì hàng phục hoặc, hành các sự hành, cho đến ngồi dưới gốc cây, thực hành là chân. Lại dùng bốn pháp làm doạn hoặc gia hạnh, như ba tăng-kỳ hàng phục tư hoặc lâu dài trong ba cõi, nhưng ở dưới gốc cây vẫn dùng ba mươi bốn tâm, lấy đây suy xét thì biết chẳng khác nhau lắm.

Câu hỏi 26: Luận đề đoạn cuối trong Ngũ Bách vấn nói Đại sư Diệu Lạc soạn. Có người nghi rằng: Luận này phần nhiều dường như sai lầm, vả lại nêu lên một hai, như nói A-la-hán vân, trong luận không nêu số cúng dường Phật và phá sư (thầy) khác giải thích chủng tánh... nghĩa của Thất địa, Mười địa như tự hoan hỷ v.v... Nếu là Đại sư soạn thì không thể không thông.

Đáp: Luận này đời tông thiếu bản, ở đây không thể bình luận.

GHI CHÉP VIỆC QUỐC SƯ NHẬT BỔN HỎI TẠI THAO AM

Quốc sư Nhật Bổn đã từng đi bộ vượt biển ngàn dặm để đến hỏi ngài Pháp Trí hai mươi việc, Pháp Trí lý rất sâu xa, về sau ngài Quảng Trí nối pháp. Ngài lại sai hai đệ tử là Thiệu Lượng, v.v...mang kinh Pháp Hoa chữ vàng đến lễ bái ra mắt, do đó buồn khóc lóc rất cung kính, xin được học hỏi, ba phen thì đạo kia thành tựu, trong nước lại lớn mạnh môn học Thiên Thai, có nói đủ về tháp của Lỗ Công.

LẠI ĐÁP MƯỜI CÂU HỎI CỦA QUỐC SƯ NHẬT BỔN

(Mười câu hỏi này không biết vì sao sư nước kia đặt ra, tương truyền chỉ nói: Sư nước Nhật Bổn hỏi, Tứ Minh Pháp sư đáp).

Câu hỏi 1: Nghi định tánh Thanh văn thành Phật hay không thành Phật! Kinh Giải Thâm Mật chép: Thành tựu đệ nhất thú Thanh văn, tất cả các Đức Phật ra sức giáo hóa, không thể khiến hàng Thanh văn kia ngồi đạo tràng chứng Vô thượng Bồ-đề, ta nói gọi là tịch diệt Thanh văn. Luận Duy Thức chép: Định tánh Thanh văn nhập Niết-bàn vô dư, thân trí đều diệt, giống như hư không, chẳng phải số chúng sinh lại không phát tâm, hơn nữa nếu kinh luận như vậy mà tông Thiên thai vì sao giải thích văn Thâm Mật, Duy thức hiển lý tánh Thanh văn thành Phật đạo như thế nào.

Đáp: Kinh Thâm Mật, luận Duy thức là giáo nói lên thi thiết quyền, Thanh văn thú hướng vắng lặng chỉ còn thiên chân, nương lý phát tâm, chỉ thành nguội đoạn, chẳng biết thật lý rốt ráo chân thường, muốn hướng đến Bồ-đề không bao giờ được và đến trong hội Pháp Hoa ở núi Linh thứu, khai quyền hiển thật, chánh thức bỏ thẳng phương tiện, chỉ nói đạo Vô thượng, tam châu thọ ký Thanh văn thành Phật không thể còn chấp kinh luận ngày xưa Thanh văn không thể thành Phật nữa.

Câu hỏi 2: Vế nghi xiển-đề thành Phật hay không thành Phật! Kinh Thiện giới chép: Nếu người không có tánh Bồ-tát thì tuy phát tâm siêng tu tinh tấn nhưng không bao giờ đắc A-nậu Bồ-đề. Luận Du-già chép: Không có chủng tánh mà tụng trì Du-già, do không có chủng tánh nên tuy có phát tâm và tu gia hạnh nhưng không kham nỗi Vô thượng Bồ-đề viên mãn, như vậy kinh luận hiển đủ nghĩa xiển-đề không thành Phật, nay tông Thiên thai đối với kinh luận kia làm sao dung hợp.

Đáp: Dẫn luận Du-già, kinh Thiện Giới, phát tâm tu chứng gọi là xiển-đề vô tánh, đó là Tạng giáo, phát tâm đồng với hàng Nhị thừa ở trước, chưa hiểu rõ tánh trung thực chân thường chẳng phải là hàng xiển-đề. Hạng xiển-đề kia không có tín tâm không thể phát tâm, nghĩa là không có duyên nhân và liễu nhân, cho nên nói không thành Phật, cho nên kinh Niết-bàn chép: Hoặc có người xiển-đề có Phật tánh người có gốc lành thì không (nghĩa là hàng xiển-đề có cảnh giới tánh ác), hoặc người có gốc lành Phật tánh người xiển-đề thì không (nghĩa là người có nhân duyên thiện tánh) hoặc có người cả hai tánh ấy đều không (nghĩa là hai tánh đều vô duyên), vì hàng cả hai tánh đều vô duyên trên nên nói nghĩa xiển-đề không Phật tánh. Lại nữa, kinh chép: Hoặc có người cả hai tánh đều có (Nghĩa là có chánh nhân Phật tánh), y cứ vào chánh nhân

này nghĩa là hạng xiển-đề cực ác cũng có Phật tánh, do đó kinh Niết-bàn cuối cùng hiển bày tánh luận thường, không phân biệt xiển-đề cực ác, đều đồng chánh tánh, đều được thành Phật, huống chi hàng Nhị thừa ư!

Câu hỏi 3: Nghi loài cỏ cây vô tình thành Phật hay không thành Phật! Kinh Niết-bàn chép: Nếu cây câu-đà có tâm sẽ thọ ký cho thành Phật, do cây kia vô tâm nên không được thọ ký. Luận Pháp Tướng chép: Chân như có khả năng làm chỗ nương cho tất cả các pháp, cỏ cây vô tâm tuy không biến hiện chỉ có lý tánh không có hạnh tánh, nên không thể thành Phật... Nay tông Thiên thai vì sao giải thích kinh luận kiến lập loài cỏ cây vô tình thành Phật ư!

Đáp: Kinh Niết-bàn luận Pháp tướng nói cỏ cây vô tâm, chỉ có ý tánh, không có hạnh tánh, đây là quyền giáo cho nên phân biệt với vô tình, vì khởi chân tu mà phải tiến hành mới được thành Phật, duyên tu chính là vô thường, tức là nghĩa xưa không nay có. Muốn hiển lộ chân chân tu phải nương lý tánh, lý không có xưa nay, không phân biệt sắc tâm, một thành tất cả đều thành, cho nên nói vô tình thành Phật. Lại y duyên tu thuyết, vô tình thành Phật, tướng hết tình quên thì vô tình thảy đều thành Phật.

Câu hỏi 4: Nghi trong kinh Pháp Hoa Phẩm Chúc Lụy nói: An tiền an hậu, nay giải La-thập dịch đắc Phẩm Chúc Lụy, sau phẩm Thần Lực, nhưng tông pháp tướng lập mười kty tám trái nhau, phải dời phần cuối kinh, nếu vậy, tại sao thông mười tám nạn vấn kia, phải nương sự sắp đặt của ngài La-thập?

Đáp: Phẩm Chúc Lụy, ngài Từ Ân An Quốc đều dời đặt sau Khuyến Phát, nếu ở trước có tám tướng trái mười thì không được, ý của tông Thiên thai là phải y theo ngài La-thập kế là phẩm Thần Lực. Ngài Kinh Khê thì chung riêng đều phá, cũng tám không thể mười trái nhau, hơn nữa sau khi tháp hiện lên rồi thì sau đó nói gồm về Đa Bảo đều nói trong tháp không nói thấy Phật, nếu dời ở sau, không có nơi ra khỏi tháp là một điều không thể. Phân thân tán sau gồm có chỗ trình bày chỉ nói về tháp Phật, không liên quan đến phân thân, nếu dời ở sau thì Phật không có tán loạn là điều thứ hai không thể. Trong văn phẩm Chúc Lụy Phật khen cõi uế, văn kinh ở dưới nói không liên quan đến tịnh, nếu dời ở sau không còn chỗ uế là điều thứ ba không thể. Hợp với chỗ bổn địa, nhân tháp bay lên hư không Phật tán ra khỏi tháp, văn sau tại địa, nếu dời ở sau không trở lại nơi địa (đất) là điều thứ tư không thể. Sau phẩm Chúc Lụy Kinh đã chưa chỉ trình bày hết các điều vui không nói mà đi lui, nếu chuyển đổi ở sau phải thêm mà lui là điều thứ năm không thể.

Sau phẩm Khuyến Phát không còn các văn khác kinh đã kết thúc thì nói mà lui, nếu dời ở sau phải từ biệt mà lui, là điều thứ sáu không thể. Việc bổn tích đã xong, phải có chỗ giao phó là có Chúc Lụy, nếu dời ở sau là pháp không nơi nương tựa, là điều thứ bảy không thể. Chúc Lụy sau cùng nêu rõ việc người nương xe cần phải chúc lụy, nếu dời ở sau thầy trò lẫn lộn, là điều thứ tám không thể, mười thứ kia trái nhau mỗi mỗi trình bày phá đủ ghi chép trong Diệu Lạc ký.

Câu hỏi 5: Nghi xưa nay nhất thừa là đồng hay khác! Kinh Pháp Hoa chép: Trong mười phương cõi Phật chỉ có pháp Nhất thừa, bởi ngày xưa là ba hay là hai, kinh này chỉ khai một thôi! Nếu vậy vì sao kinh Thắng-man chép: Thanh văn Duyên giác đồng nhập Đại thừa. Đại thừa tức là Phật thừa, vì vậy cho nên ba thừa tức là Nhất thừa, đây nói Nhất thừa cùng Nhất thừa của kinh Pháp Hoa này là đồng hay khác! Đồng thì có ý ngăn trở một đời giáo hóa, khác thì khác tướng như thế nào?

Đáp: Kinh luận đồng khác tất nhiên rất nhiều rất nhiều cần phải dùng nghĩa quyết định thì mới có thể, vả lại bộ kinh Thắng-man ở thời giáo Phương Đẳng thứ ba, Nhị thừa tại tòa chính đang thời quở trách chuyển tiểu nhập đại. Thiên Thai giáo có nói: Nếu đến Phương Đẳng thì đến Pháp Hoa, bởi sau khi thọ đàn dần dần chứng nhập, mà kinh kia cho rằng Nhị thừa nhập Nhất thừa. 1/ Trong bộ kinh Phương Đẳng này dự liệu bày tỏ văn trên kinh kia nói sẽ đắc Vô thượng Bồ-đề, vì sao? Vì hàng Thanh văn, Duyên giác đồng nhập Đại thừa, xin xét lời sẽ được tự thấy nơi quay về. 2/ Nếu căn cứ Phương Đẳng tự luận thì Nhị thừa bị quở trách, chuyển Tạng thành Thông, Thông là Ma-ha-diễn môn, cũng được gọi là Nhị thừa nhập Đại thừa, trong hai điều giải thích nghĩa ban đầu là chính.

Câu hỏi 6: Nghi Văn-thù không đi mà đến, vả lại phần tựa của kinh này nói Văn-thù đứng đấu trong số chúng, lại vì Di-lặc dẫn chứng chuyện xưa quyết đáp đến trong ba vòng (tam chu), đồng thời không có văn nói Văn-thù xuống biển, làm sao đạt được nhiều phẩm bỗng nhiên Long vương Ta-kiệt-la từ dưới biển lớn vọt hiện lên ư!

Đáp: Văn-thù không xuống biển, y cứ theo sau khi Phật thành đạo bốn mươi hai năm ngài ở núi Linh thức nói kinh Pháp Hoa, từ đầu đến cuối tám năm thời gian đã lâu dài, hoặc có văn nói Văn-thù xuống biển, văn kinh truyền dịch về cõi này thì tóm lược, cho nên không nói vậy. Đây do y cứ vào giải thích như vậy, nếu y cứ lý trí suy rộng ra thì kinh này nói Đức Như Lai thường ở dưới biển tuyên dương chánh pháp, Văn-thù thật trí cùng khắp đâu phải ngăn cách núi Linh thứu nghe thọ,

lý đã không còn, đâu hạn cuộc phương hướng cảm ứng mà nơi nơi đều là Thích-ca, tùy duyên mà thân thân diệu đức.

Câu hỏi 7: Nghi Long nữ thành Phật là quyền hay thật, lúc long nữ tám tuổi chỉ trong sát-na đã phát tâm Bồ-đề, cho đến nói rằng: Tức đến thế giới vô cấu phương nam ngồi tòa sen báu thành Đẳng Chánh Giác. Lại tông tam luận, tông pháp tướng nạn vấn rằng: Long vương Ta-kiệt-la kia đã đến địa vị sâu xa quyền hiện thân rồng, đâu phải Long nữ kia thành Phật là thật chứng.

Đáp: Tông khác nói quyến bậc thánh ở giai vị cao tột làm phép tắc cho hạ phàm cho nên chỉ bày gần thành. Nếu Thiên Thai nói thật chính là hiển bày diệu lực quyền xảo của Phật thừa, khai mở tánh hải chân thường bất tư nghị, một niệm phát tâm liền thành Chánh giác, cho nên Sớ dẫn kinh rằng: Pháp tánh như biển lớn, không nói có đúng sai (thị phi), hàng phàm phu Hiền thánh bình đẳng không cao thấp, do tâm cấu tịnh, thủ chứng như trở bàn tay. Xá-lợi-phất nêu lên năm chướng của người nữ để làm nghi, Trí Tích nêu rõ trải qua nhiều kiếp chứa nhóm các hạnh là việc rất khó làm, long nữ dâng hạt ngọc sáng cúng dường Phật làm dứt tâm nghi của đại chúng, sao đến ngày nay lại còn do dự ư!

Câu hỏi 8: Nghi long nữ ngồi tòa sen thành Phật là Biệt hay Viên? Dù cho long nữ thành Phật nếu là Viên thừa thì phải dùng hư không làm tòa, cớ sao lại là tòa hoa sen như là toà riêng của Phật ư! Lại ba phen được thọ ký đều là thành Phật vị lai, cớ sao Long nữ hiện thân thành Phật mà không thành kiếp Phật, tên nước là sao?

Đáp: Long nữ là pháp thân trong Viên đốn giáo thành Phật đốn hiển, một thành tất cả thành, một thân tất cả thân, một cõi tất cả cõi, quả báo trí tuệ sáng suốt liền ở trong thế giới Liên Hoa tạng, thân cõi không chướng ngại nhau, sắc tâm bị ngăn ngại, tuy ngồi hoa sen báu nhưng thể tức là tánh hư không, là bất tư nghị viên dung giải thoát đại dụng, nếu vậy thì làm gì có Biệt ư! Ba phen được thọ ký đời vị lai thành Phật đều là hàng Thanh văn độn căn chưa từng tu hạnh Bồ-tát, cho nên lại phải trải qua số kiếp như bụi nhỏ để tu sửa, Long nữ chính là người thừa gấp giới chậm cho nên một phen siêu thẳng nhập, kia nếu không nói thời kiếp, tên nước phải dùng Thông ký, Biệt ký ghi chép suy rộng, Thông thì không nói, Biệt thì có nói.

Câu hỏi 9: Nghi Thân Tử xưa nay đồng hay khác! Trong hội Hoa Nghiêm có Xá-lợi-phất, cùng với Thân Tử trong kinh Pháp Hoa có gì sai khác đâu. Vả lại Thân Tử trong Hoa Nghiêm là từ ngoại đạo đến,

nghe A-bệ nói kệ liền chứng Sơ quả, kế đến chỗ Phật chứng tứ quả thì chẳng phải Thân Tử của Pháp Hoa, nếu khác thì chẳng lẽ Đức Thích-ca một sự giáo hóa mà có Thân Tử ư!

Đáp: Hoa Nghiêm luận bàn về Biệt Viên, không nói đến Tạng Thông, hàng Nhị thừa tại tòa như câm, như điếc, đã không nhập vào hàng Nhị thừa thì không thể đổi phàm thành thánh, chỉ hoàn toàn còn sống như sữa, liền du hóa trong vườn nai thi thiết tiệm quyền, do đó đạt được lợi ích, chuyển đổi tà chấp ngoại đạo, chứng Niết-bàn vô lậu, kế đến là trong sự chê trách thiên của Phương Đẳng thì Bát-nhã đào thải, cho đến Pháp Hoa hiển bày nhất thật, đây là Thanh văn Pháp Hoa. Vậy thì không hai mà hai, Thân Tử xưa nay khác nhau, hai mà không hai, chỉ là một thân vốn không có hai người.

Câu hỏi 10: Nghi quả Bất hoàn sinh lên năm tầng trời Tịnh cư! Tiểu thừa nói quả Bất hoàn trùm khắp thánh vị thượng lưu kia, ở các tầng trời vô sân, Phước sinh, Quảng quả. Sinh lên năm tầng trời Tịnh cư ấy là quả Bất hoàn thân không tạo tác nghiệp thọ sinh, vì sao ở ba tầng trời dưới mà được sinh năm tầng trời Tịnh cư ư! Nếu nói phàm phu thì dị thục nghiệp làm sao nghiệp mà sinh nghiệp của năm tầng trời Tịnh cư ư?

Đáp: Tiểu thừa nhập kiến đạo vị, dứt kiến hoặc, tức chướng lý hoặc, người mới chứng nhân không, đắc tướng vô ngã, mới không phát nghiệp, lìa bốn đường ác dị thục sinh chướng, quả thứ hai kia năm đường ở lẫn lộn của cõi Dục, chín phẩm giới hế nhuận sinh hoặc, tức bảy lần sinh lên cõi trời cõi người, quả Bất lai kia thuộc sắc giới vô sắc giới hệ, trong bốn quả trừ hai còn tám, chín, bảy, mười, hai phẩm nhuận sinh hoặc, ở trong hai cõi định nghiệp thọ sinh, vì sao nghi kia sinh lên năm tầng trời Tịnh cư ư! Chỉ đến quả thứ tư mới dứt hẳn sự ràng buộc của ba cõi không còn thọ sinh nữa.

ĐÁP MƯỜI CÂU HỎI VỀ PHẬT PHÁP CỦA THIỀN SƯ THÁI VÀ LỜI TỰA

Thiền sư của Thiền tông hỏi Pháp sư Tứ minh đáp.

Thanh Thái lạm ở trong cửa thiền, mang ôn chúng lớn như biển, trộm thấy các phương, đắn đo lược chỗ nghi, liền trình bày mười câu thắc mắc đặc biệt thưa hỏi, cúi mong kim bài ở trong tay, gương báu mãi còn bóng mong được phát huy, mãi làm người dẫn đường tốt thì được muôn lần may mắn.

Ngày 01 tháng 03 niên hiệu Thiên Thánh, Thanh Thái thưa hỏi

Hòa thượng Diên Khánh Pháp Trí đại Đạo sư.

Câu hỏi 1: Vô minh và pháp tánh là có trước sau hay không có trước sau? Nếu nói có trước sau thì vì sao nói pháp tánh không có ban đầu, vô minh cũng không có ban đầu. Lại nói vô minh tức là Phật tánh ư! Nếu nói không trước sau thì vì sao trong quả vị Phật lại dứt hết vô minh mới thành Phật quả. Đã nói dứt hết thì lẽ ra dứt bỏ pháp tánh ư!

Đáp: Nếu nói về bản cụ thì bình đẳng một tánh chẳng phải chân chẳng phải vọng, mà không nói có không, nói về pháp tánh cũng không luận có thỉ có chung, nhưng chúng sinh từ vô thỉ chợt bất giác mê lý mà sinh vô minh, vô minh có dụng huân chân, pháp tánh có khả năng theo vọng, chân vọng hòa hợp gọi là duyên khởi. Cho nên Kim Bài chép: Không có nước nào mà không có sóng, không có sóng nào không ướt, tánh ướt đâu có xen lẫn lộn tạp hay lắng trong, vì sóng tự phân chia khác nhau. Cái gọi là sóng trong đục là có hai dụng chân vọng, trong đục tánh ướt một thể không khác nhau, vô minh pháp tánh đồng thể nên sinh khởi không có trước sau. Cho nên luận Khởi Tín chép: Như Lai tạng không có mé trước tướng vô minh cũng không có ban đầu, nếu giác ngộ thì thấu đạt vọng tức chân, rõ vô minh tức là pháp tánh, y cứ vào tu môn mà nói, nghĩa là phải dứt vọng, tuy nói dứt vọng mà thể của vọng vốn chân thì vọng dứt chỗ nào, cho nên nói vô minh cũng không có chung. Lại nếu xét về khi đang mê cũng như người trong mộng mà không biết là mình đang mộng, bỗng nhiên thức giấc, mê vọng tự dứt, vậy thì gió ngừng nước trong, vọng tiêu chân tự hiển bày, suy xét kỹ không đợi phải nói nhiều.

Câu hỏi 2: Tất cả chúng sinh xưa nay đồng một pháp tánh, pháp tánh xưa nay thanh tịnh vì nhân duyên gì mà chợt mê, chỉ như lúc mới mê là nhất thời mê hay là trước sau mê. Nếu nói nhất thời mê thì khi ngộ cũng nên nhất thời khai ngộ, chứng đắc quả Phật, vì sao hiện có chúng sinh chưa ngộ ư! Nếu trước ngộ đã đồng một pháp tánh, vì nhân duyên gì mà đưa đến trước sdau đều mê ư!

Đáp: Cụ đức viên thường chánh tánh chân không diệu hữu gặp duyên mà phát, pháp vốn như vậy không nhọc công tạo tác. Lại mê vọng duyên khởi, như người chợt ngủ, lửa linh ngầm sinh, mắt thấy cuồng giác bỗng khởi, tất cả chúng sinh mê chân như, năng mê bất giác, chân vọng hòa hiệp cả hai không có hai tướng, nhưng Phật tánh chỉ một, mê ngộ tuy đồng, sáu đường bốn sinh gặp duyên huân tập thân sơ khác nhau, căn tánh lợi độn có khác, cho nên giác có trước sau, nhưng không có thật, vì vô minh pháp tánh là một, nên căn tánh đều đồng. Phải biết

tất cả chúng sinh mê không có trước sau, giác có trước sau, thí như giữa đêm nhiều người đồng ngủ, ngủ tuy đồng nhưng không ngại dậy trước dậy sau, khéo hiểu được ví dụ này, thì câu hỏi tự tiêu

Câu hỏi 3: Tất cả chúng sinh đã mê bản tánh mình vì sao bỗng nhiên năng khai ngộ ư! Nếu nói nhờ giáo pháp của thiện tri thức duyên huân mà được khai ngộ, chỉ như một Đức Phật ban đầu, lại từ người nào mà đắc pháp, tin hiểu khai ngộ ư!

Đáp: Chúng sinh được ngộ, duyên huân khác nhau, hoặc có người không nhờ thầy mà tự ngộ, nương bản trí tự nhiên mà chứng, bởi do gốc vẫn linh thiêng sáng suốt có thể tự suy tìm lý mà được hiểu ngộ. Cho nên Tổ sư nói: Trong thể vắng lặng, trí vô sự tự nhiên năng trí, đã biết tự tánh thì liền thành Phật. Sau khi một người thành Phật lần lần nói pháp giáo hóa chúng sinh mê lầm, chúng sinh vâng giữ giáo pháp tu hành vì vậy nên theo thứ lớp thành Phật. Tại sao nghi ban đầu một Đức Phật không từ đâu mà khai ngộ ư!

Câu hỏi 4: Kính nghe trong quả của các Đức Phật, hễ pháp sở chứng tất cả chúng sinh đều có đầy đủ, nay lại y cứ vào loài người để nói về trong nhân, làm sao phân biệt được dụng cơ của ba minh, tám giải, sáu thông, cho đến lỗ chân lông nuốt cả nước biển lớn, hạt cải thâu nạp núi Tu-di... ư! Nếu nói đến quả Phật mới đắc thì nghĩa vốn có làm sao trình bày?

Đáp: Các Đức Phật, chúng sinh duyên khởi tuy khác nhau nhưng biển giác vốn đồng, cả Đức Phật ngộ lý tánh tướng không chướng ngại, chúng sinh mê vọng sự lý cách xa nhau, cho nên Kim Bài chép: Chúng sinh có sứ lý trong mê, các Đức Phật có đủ sự lý trong ngộ, mê ngộ tuy khác nhưng sự lý thể đồng nhất, một Đức Phật thành đạo cả pháp giới đều là y báo, chánh báo của Đức Phật này chúng sinh tự đối với y báo, chánh báo này mà sinh khổ vui lên xuống, đã tạo lên xuống thì không có kỳ hạn giải thoát, nay sách dạy huân tu khế viên thật lý bắt chước sự tu của Bồ-tát, tu không tạo tác, đồng sở chứng với các Đức Phật, chứng các bổn cụ, cho nên nhất niệm đốn viên tất cả, tất cả đều thuộc về một trần, ba minh tám giải sử dụng hàng ngày không thiếu, năm nhãn sáu thông thảy đều đầy đủ. Cho nên ngài Kinh Khê nói: Phàm thánh như một, sắc hương dứt tịnh. Y báo, chánh báo A-tỳ hoàn toàn ở trong tự tâm của bậc cực thánh, thân cõi Tỳ-lô không hơn một niệm hạ phàm. Chôn lông nuốt nước biển cả, hạt cải thâu nạp núi Tu-di, ấy là đại dụng của ngài Tịnh Danh bất tư nghị giải thoát, vả lại phàm phu tâm một niệm tạo ác còn trùm khắp mười phương ba đời, sao là đại dụng bất tư nghị

bất tức bao gồm thâu nạp, nếu không tin tâm phàm phu lý vốn sáng suốt công dụng này thì y báo, chánh báo trong quả của Đức Phật dung thông thảy đều không thành.

Câu hỏi 5: Hai pháp chân vọng là đồng hay khác. Nếu nói đồng thì vọng vốn là chân, người xưa không nên nói lầm lẫn trí thế gian là trí Phật, như cho mắt cá làm hạt ngọc sáng. Nếu nói khác thì lìa vọng có chân, người xưa không nên nói bỏ sóng tìm nước, bỏ nhẫn tìm vàng, nếu chân vọng cả hai đều lập lại cả hai không tồn tại làm sao phân chia suy diễn rộng ư!

Đáp: Có chân có vọng ấy là đối mê mà nói giác, bặt chân dứt vọng là diệt cái nơm lìa tướng, xác thật tôn chỉ kia của luận, chân là chân của toàn vọng, vọng là vọng của toàn thân, cả hai không có hai thể. Đức Phật là bậc đại thánh nói chân nói vọng là muốn cho người mến chân mà phá bỏ các vọng, khiến cho vọng không sinh khởi được, người đời đối với điều này không hiểu, gượng chấp hiện tiền một niệm vọng tâm đều đã là Phật, chính là bị rơi vào lời nói vọng nhận của người xưa. Nếu lại bỏ vọng niệm này mà tìm chân như riêng thì đồng chỗ tu của Thiên giáo, cũng như bỏ sóng tìm nước, bỏ nhẫn tìm vàng, hai thứ này lầm lỗi còn không bằng, chủ yếu phải bất tức bất ly, vi diệu ở trong đó. Lại có ý hỏi: Vọng và chân là đồng hay khác! Nay đáp: Trong chẳng đồng khác giả lập đồng khác. Chẳng đồng khác, là chân vọng đồng nguồn, buộc thoát không hai, giả lập đồng khác. Chẳng đồng khác, là chân vọng đồng nguồn, buộc thoát không hai, giả lập đồng khác, mê ngộ khác nhau, tình trí có khác, suy xét như đây tự nhiên xa hợp các văn, đừng nhọc công theo luận.

Câu hỏi 6: Xét rằng nói vô tình nói pháp, đó gọi là pháp tánh vốn thanh tịnh, nói pháp cho vô tình nghe. Đó là chỉ cỏ cây ngói gạch là vô tình nói pháp. Nếu pháp tánh vốn thanh tịnh là vô tình nói pháp, tánh đây ngang dọc cùng khắp, chúng sinh và Phật bình đẳng, không nên nói thuyết pháp, dù có nói thuyết thì ai là người nghe. Nếu chỉ cỏ cây gạch ngói là vô tình nói pháp thì giáo tướng làm sao phân biệt ư!

Đáp: Nói vô tình nói pháp, mục đích là nói về yếu chỉ, khó được ý chỉ, ông hỏi thanh tịnh pháp tánh cỏ cây gạch cỏ cây gạch ngói lập hai pháp, phải biết ngoài pháp tánh ra không riêng có ngói gỗ, ngoài ngói gỗ ra không có pháp tánh riêng, hai chẳng phải hai. Cho nên kinh Hoa Nghiêm chép: Pháp tánh trùm khắp tất cả mọi nơi, tất cả sông núi và cõi nước, ba đời đều có mặt, không có dư thừa, không có hình tướng để đắc, đạo này nếu luận về hữu tướng thì lấp đầy thái hư, bao trùm pháp

giới, nếu nói về vô tướng thì một pháp cũng không lưu lại, thấy nghe không trú trước, tự do tự tại, thể bày uy nghiêm. Ngày xưa, Nam Dương Trung Quốc sư đáp học giả dùng tường vách, ngói gạch làm cổ Phật tâm không khác ý chỉ này. Nếu luận về nói pháp thì mạnh mẽ thường nói, xưa nay không xen hở. Trong Hoa Nghiêm thì bụi nói, cõi nói, Phật nói, chúng sinh nói, ba đời tất cả đều nói. Nếu luận về nghe thì mười phương đều nói, mười phương đều nghe ba đời đều nói, ba đời đều nghe. Người xưa nói: Hư không hỏi muôn tượng, muôn tượng đáp hư không thì ai đích thân được nghe, mộc xoa rõ giác đồng. Lại nói rằng: Khí chân thật nói pháp thì âm thanh không hiện, chánh trực uy nghiêm ẩn mất thân chốn; người học lại hỏi quốc sư: Vô tình nói pháp ai là người được nghe? Sư đáp: Các Đức Phật được nghe. Hỏi: Chúng sinh vô phần sao! Đáp: Ta vì chúng sinh mà nói. Hỏi: Tôi đui điếc không nghe, sư lẽ ra được nghe! Sư nói: Ta cũng không nghe. Hỏi: Sư đã không nghe làm sao biết vô tình nói pháp. Sư nói: Nếu ta được nghe tức đồng với các Đức Phật, ông tức không nghe pháp ta nói. Hỏi: Chúng sinh rốt ráo được nghe không? Sư đáp: Chúng sinh nếu nghe tức chẳng phải chúng sinh, Quốc sư đáp có lý sâu xa, hành thức giả nên suy tư để biết.

Câu hỏi 7: Thế gian hữu tình biến thành vô tình như người đá, cóc đá, cua đá... Vô tình biến thành hữu tình như lúa đại mạch, cỏ mục nát hóa thành bướm bay đom đóm... các loài chúng sinh này do nhân duyên gì mà biến đổi ư!

Đáp: Chỉ có một Như Lai tạng tánh, chúng sinh tùy theo nghiệp phát hiện khác nhau cho nên núi sông đất đai kiến lập, thai noãn thấp hóa thành hình, như kinh Phật Đảnh nói: Tánh biển giác vắng lặng, vắng lặng vốn nguyên diệu vốn sáng, chiều thì sinh sở, sở lập thì tánh chiếu mất, mê vọng có hư không, nương hư không lập thế giới, tưởng lắng thành cõi nước, tri giác là chúng sinh. Lại vô tình hóa hữu tình, là thần thức nương thời mà đến, nương cỏ nhờ cây. Hữu tình hóa thành vô tình, là thần thức gặp khí hơi nên chuyển biến, nên biết ngàn biến không lìa một niệm, muôn hóa khó trốn khỏi tạng thức, thế gian lại có chuột lửa, trùng nước sôi, tằm băng, chim đá, tình khí khó lường, nghiệp báo làm sao đo lường, Phật và chúng sinh đều bất tư nghì đối với sự hiểu biết này.

Câu hỏi 8: Thế gian có người, thân này chưa chết đã sinh đến chỗ kia, như viện chủ họ Vương v.v... đây là do nhân duyên gì! Nếu nói chúng sinh nghiệp dụng tự tại thì tất cả chúng sinh đều có nghiệp dụng, vì sao theo lệ không có việc này ư!

Đáp: Tông Thiên thai nương ba thứ diệu pháp của Nam Nhạc: 1/ Pháp chúng sinh; 2/ Phật pháp; 3/ Tâm pháp. Ba thứ pháp mầu này không thể dùng mắt trâu dê mà thấy được, cũng không thể dùng mắt phàm tình trí thế gian so sánh mà biết được, chỉ có mắt trí của Như Lai mới so sánh đo lường được, bởi do thể tánh bất tư nghị mỗi mỗi cao rộng, Hoa Nghiêm có chép: Phật cũng như tâm vậy, chúng sinh cũng như Phật, tâm Phật và chúng sinh, ba thứ không khác nhau, cho nên có thể đối một thân hóa thành trăm ngàn ức thân, đối một pháp giảng nói vô lượng các pháp, sáu căn ba nghiệp, đại dụng pháp giới không có cùng tận, chỗ chúng sinh mê tuy không thể như vậy, không do tánh đức vốn đầy đủ thể dụng này, chỉ nơi thân nghiệp báo cũng có chút phần biến hiện, như vua Thuấn phân thân để ứng thuận hai Vương phi, cô gái xinh đẹp lìa bồn mà hợp thành một chất, trình bày khiến đêm ngủ, thức hóa thành cá, cho đến có hai người còn kê đầu trên gối, hai hồn đều chịu tai ương địa ngục, các việc như vậy không thể nêu hết, đều là những việc nghiệp báo khó suy nghĩ bàn luận trong cõi chúng sinh phải biết không chỉ riêng mình viện chủ họ Vương mà thôi, sao lại khổ nhọc dựng lên nghi nạn này ư!

Câu hỏi 9: Hữu tình, vô tình đã đồng một chân tánh vì sao chặt đốn cây gỗ, không bị oán đối, không khiến người đọa vào địa ngục, vừa tổn hoại hữu tình liền bị oán đối, khiến người đọa khổ chịu báo là vì sao ư! Lại nữa, y báo, chánh báo đồng một pháp tánh vì sao hữu tình có giác biết, còn vô tình không có giác tri?

Đáp: Pháp giới thể tánh lìa các vọng niệm, tướng đồng hư không, không chỗ nào mà không trùm khắp, trùm khắp y báo chánh báo, khắp căn khắp trần, cho đến một hạt bụi nhỏ đều là khắp toàn thể pháp giới, than ôi chúng sinh, gông cùm thể này, vọng là tình khí, tình là bốn sinh, sáu đường thủy lục không hành, khí thì núi cao sông ngòi, cây cỏ lùm rừng. Ở trong phần tình vọng chấp ngã nhân, tri kiến, cho nên không có lỗi lầm nghiệp lụy đền bồi. Những sự khác nhau như vậy đều là cảnh giới luống dối, phân biệt của chúng sinh, xét luận về pháp giới thể tánh có gì khác nhau, cho nên ngài Kinh Khê nói: Dù cho tạo ra y báo, chánh báo nhưng lý không bao giờ khác dấu vết, là nói điều đó.

Câu hỏi 10: Tất cả chúng sinh đã đồng một giác tánh, cớ sao đánh đập người khác không biết đau khổ, lại vui sướng, mỗi người không biết nhau tại sao biện luận là giác tánh bình đẳng?

Đáp: Thanh tịnh bổn nhiên, không có một pháp, mới đúng với tình, huống chi nói sự đánh đập đau khổ, như một nguồn nước từ dòng

nhánh riêng, đục trong động tịnh biển mặn sông lạt, cho nên đối với ngã nhân cạnh tranh sinh khởi, ưa ác hưng thịnh, lấy mạnh hiếp yếu, công kích không dừng, nay ông dù hỏi chính là việc cân lường trong sự mê vọng, chỉ có bỏ vọng về chân, bỏ trần hiệp giác thì hiểu rõ tất cả chúng sinh mười phương ba đời đồng một pháp thân, một thân trí tuệ năng lực vô úy cũng giống như vậy, khi giác tánh đến đây thì nhất chứng bình đẳng, không còn có kia sắc tướng đây, lần lượt thay đổi, sao lại luận sự đánh đạp thắng thua của thế gian ư!

LẠI ĐÁP BA CÂU HỎI CỦA THIỀN SƯ THÁI

Thiền sư Thái của Thiền tông hỏi Pháp sư Tứ Minh đáp.

Thanh Thái không về sự thấp kém ngu muội nên có mười điều thắc mắc cầu mong sự chỉ dạy ban ân đáp lại những điều nghi này, ba phen đáp lại cảm động vui sướng như được vật báu, như mặt trời, mặt trăng chiếu sáng cùng khắp, người không hiểu biết tự mình lầm lỗi, đó còn ba chỗ chưa hiểu, không tránh khỏi lại một lần nữa bộc lộ sự vụng về, quả thật mong một lần nữa được chỉ dạy, trong lòng vô cùng cảm kích được sự may mắn (Thanh Thái) thượng bạch Diên Khánh giáo chủ Pháp Trí Đại pháp sư.

Câu hỏi 1: Trong phần đáp thứ nhất nói: Bỗng nhiên bất giác, mê lý mà sinh vô minh, chỉ như bất giác nương vào đâu mà sinh, lấy gì làm thể, do nhân duyên gì mà bỗng nhiên sinh ư!

Đáp: Nguồn tạng tánh sâu xa chẳng chân chẳng vọng, tánh này tùy duyên mà chân mà vọng, cho nên luận Phật tánh chép: Riêng chân không sinh, riêng vọng khó thành, chân vọng hòa hợp với sở hữu, cho nên giáo môn dạy chân có nghĩa tùy duyên bất biến, vọng có công năng thể không thành sự, bởi do nguồn vô trụ, tùy vọng mà sinh, gượng giác đã mê bỗng nhiên mà khởi, nhưng đây nói khởi vọng lại nên hiểu biết ý kia. Nếu nói chúng sinh tánh bản giác tròn sáng đây là chỉ thẳng vô thỉ vô minh mà thành pháp tánh, do vô minh và pháp tánh là một thể. Nếu nói bỗng nhiên bất giác mà sinh vô minh, đây là y cứ vào tu để nói, đối tánh luận khởi, từ thể bản giác mà có bất giác, không như vậy thì không thể là người hiển bày tiến tu ở đây lại trở về đạo hoàn nguyên, hễ là các kinh luận thì phần nhiều nói từ chân khởi vọng, kỳ thật tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay chỉ có mê vọng bất giác mà thôi! Cho nên luận Khởi Tín chép: Tất cả chúng sinh không gọi là giác, do từ xưa đến nay không hề lìa niệm nên nói vô thỉ vô minh. Ông hỏi bất giác do đâu mà sinh, nếu hiểu ý trên thì không cần hỏi như vậy, như trong kinh Thủ-

lăng-nghiêm ngài Mãn Nguyện Tử (Phú-lâu-na) thường nghi việc này, Đức Phật lại trách rằng: Đã gọi là vọng thì làm sao có nhân. Lại kinh Viên Giác Kim Cương Tạng cũng nên thắc mắc này, Phật bác bỏ là hỏi chẳng đúng, quán kỹ hai nơi, ý Phật thật không muốn khởi lên thắc mắc này, vì vọng của chúng sinh từ vô thỉ đã có.

Câu hỏi 2: Trong đệ nhị rằng: Tất cả chúng sinh mê không trước sau, giác có trước sau, thì như giữa đêm nhiều người cùng ngủ, khi ngủ tuy là cùng mà khi dậy thì có trước sau. Nếu dần dần giác ngộ thành Phật như thế thì lẽ ra thế giới chúng sinh có kỳ hạn cùng tận, nếu vậy trong kinh luận vì sao đều nói chúng sinh là vô biên?

Đáp: Tất cả chúng sinh từ vô thỉ che lấp chân tánh hòa hiệp mà sinh khởi các tướng, tuy nguồn chân không hai mà nơi chiếu có khác nhau như đạo đức xưa loài hàm sinh tùy nghiệp hiện ba cõi khác nhau vì thân, như bọt nước nương vào nước mà khởi, nương không ngại chìm nổi, người mê tuy không hai mà huân phát có hiền có ngu (Thánh, phàm), trước hỏi chúng sinh thành Phật nên thế giới chúng sinh cùng tận, như nước kia nổi bọt, bọt nước tùy trước sau diệt, nhưng không thể nói nước theo. Cho nên kinh Phật Tạng chép: Trong một ngày có trăm ngàn muôn ức chúng sinh cùng một lúc thành Phật, cõi chúng sinh không bớt, cõi Phật cũng không thêm, vì sao? Vì Như Lai tạng vô tận. Lại Đại sư Trường Sa khen ngợi Nam Tuyền rằng: Nam Tuyền uy nghiêm, nguồn gốc ba đời, kim cương thường trụ, vô tận mười phương. Phải khéo tư duy, cẩn thận chớ đối với trong cảnh giới khó nghĩ bàn của chúng sinh mà khởi kiến chấp đoạn diệt.

Câu hỏi 3: Trong lời đáp câu thứ sáu về vô tình nói pháp rằng: Mười phương đều nói, mười phương đều nghe, mười phương đều giảng, mười phương đều nghe. Đã đều nói lại vì sao đều nghe? Đã đều giảng vì sao đều nghe, huống gì các bậc thánh lại vì sao nghu ư!

Đáp: Ông nghi đều nói, đều nghe đều giảng, đều nghe, phải biết mỗi cõi, mỗi hạt bụi đều nói đều nghe nói nghe đồng thời, rõ ràng không khác, nhiệm mầu thay cảnh này, không thể dùng lời nói mong cầu, không thể dùng phàm tính so sánh, đó là đại tổng tướng pháp môn, tịch mà thường chiếu, cảnh pháp thân sâu xa tụ nhiên. Cho nên ngài Kinh Khê nói: Nguyện ngày giải thoát, y báo chánh báo thường giảng kinh mầu, một cõi một hạt bụi đều lợi ích muôn vật. Lại hỏi các thánh tại sao dụng nghe, đã nói pháp thân sâu xa tự nhiên tất cả đều nói, sao không thể tất cả đều nghe, như vậy thì lời nói không quan hệ đến lưỡi. Ngàn thánh đều nghe, chiếu cho nên thường nói, ngăn cho nên thường

nghe, chúng sinh vừa nghe thì đồng với các Đức Phật, trước Phật sau Phật, chỉ là một đường, nếu lại lập riêng đường đi, thì chẳng phải Thánh ở Tây phương, hướng đến một con đường Niết-bàn.

THIỀN SƯ THIÊN ĐỒNG NGƯNG DÂNG THƯ CHO PHÁP SƯ TỨ MINH LẦN THỨ NHẤT

Ngày 18 tháng giêng trụ trì Cảnh Đức thiền Tự ở núi Thiên đồng truyền pháp cho bí sô Tử Ngưng. Kính cẩn tấm gội xông hương quyết định viết thư dâng Diên Khánh đường Thượng giáo chủ Pháp Trí Đại sư (giả của Tử Ngưng): Thường nghe người trí lo ngàn điều thì hoặc có một điều lỗi, kẻ ngu lo ngàn điều chỉ được một điều, đây thường là cách ngôn của bậc hiền triết, chẳng phải do thuyết của phàm phu, Tử Ngưng ngu muội không thấu hiểu ý chỉ của người xưa, liền nói lời ngu muội, mong làm phiền Ngài chỉ dạy cho nghe điều hay phải để được thông suốt, giải bày chút sự ngông cuồng, bởi vì lúc rảnh rỗi kính cẩn xem xét giải thích yếu chỉ của Thập bất nhị môn, nghĩa vô cùng cao siêu chẳng sơ sót, có thể bước lên được, biển giáo mênh mông làm sao Sư nghe hiểu rộng có thể cùng tận được! Thật đáng trân trọng, bên trong có chứng dẫn. Môn hạ của Đạt-ma, ba người đắc pháp có cạn sâu, Ni Tổng Trì nói: Dứt phiền não chứng Bồ-đề. Sư nói: Được phần da của ta. Đạo Dục nói: Mê tức phiền não, ngộ tức Bồ-đề. Sư nói: Đượcphận thịt của ta. Tuệ Khả nói: Vốn không phiền não, vốn là Bồ-đề. Sư nói: Được phần tủy của ta. Chỉ là truyền văn cho nên không thật chứng, chưa biết lời nói đây đắc từ người nào, tất cả khai vật chỉ mê phải y cứ vào văn để hiển rõ, đâu thể dùng đường nghe đường nói mà cho là chánh giải. Kinh Lễ chép: Lời ghi nhớ không đáng làm thầy người, đây cũng lo không xét những lời vô căn cứ để làm chánh thuyết, đâu có thể chỉ nai cho là ngựa, sự loại càng cao khiến dân run sợ rõ ràng đồng với tể ngã, nay căn cứ Tổ đường và Truyền Đăng Lục chỉ nói: Hai vị Tổ lễ ba lạy nương bổn vị mà đứng, chưa thuận theo tông kia thì làm sao hiểu. Nay hoặc có sư nói: Đạo của Đạt-ma chỉ dất dẫn hạ căn, chưa chung cho bậc thượng trí. Lại nói: Ngộ lý tức tâm, mê pháp ở ngoài tâm, đây đều là dùng ống nhìn trời, bệnh do không hiểu biết, không có sự khuyên răn, đeo mang danh tướng, đối với câu lời chẳng lễ giáo không thể làm tâm sáng tỏ, còn thuốc chẳng thể chữa bệnh ư! Bởi chữa trị lâu dài càng tăng thêm bệnh nhiều, lời nói làm mê hoặc tánh, do đó Tổ sư từ Tây Vực đến chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật, cũng là một con đường phương tiện mà thôi! Có người còn nói: Chỉ cho tức tâm, chưa nhập Phật tuệ,

như kinh Bát-nhã nói chín loại chúng sinh đều trụ Niết-bàn vô vi, kinh Hoa Nghiêm nói một niệm thấy khắp vô lượng kiếp, chưa biết ở đây nói cùng với đạo Tổ sư là đồng hay khác ư! Than ôi kẻ tiểu trí tự khinh rẻ người quí ta, thấu hiểu người quán xét rõ là điều không thể không thể, ngày xưa các bậc hiền nhân nói tín ngũ đế tùy theo mà hòa thuận cả ngăn người. Vì ngoài biển từng có thay hôi thối, đâu phải đạo điền ba có thể thắng đạo tam hoàng ngũ đế. Giáo chủ Đại sư lâu ngày chứa nhóm tịnh hạnh làm giềng mối giáo hóa cùng khắp, trước không có người xưa sau không thể nối tiếp tự sẽ nương kinh giải nghĩa thừa kế phong cách chân chánh của người trí, đâu cần chọn lời nói quê kịch thô bỉ chỉ bày dắt dẫn! Mong tước đoạt truyền nghe (người nağ nghe truyền lại cho người khác) tự giữ gìn bổn giáo không để đắm vào danh tướng mà bắt chước, rất may mắn không tuyên truyền.

Trụ trì Cảnh Đức Thiền Tự núi Thiên đồng truyền pháp Tỳ-kheo Tử Ngưng cúi đầu sát đất tác bạch.

PHÁP SƯ TỨ MINH TRẢ LỜI THIỀN SƯ THIÊN ĐỒNG NGƯNG LẦN THỨ NHẤT

Ngày 24 tháng giêng, trú trì viện Diên Khánh truyền Thiên thai giáo quán Tỳ-kheo Cảnh Đức đường đầu Thiền sư (thị giả). Ngày 18 tháng nay tăng sai mang đến một phong thư, văn lý cao siêu dồi dào làm người đọc quên sự mỏi mệt càng thêm yêu quí, chỉ vì sám hối nghiệp đời trước, hoàn toàn ít hiểu về văn học, vả lại lo toan tụng biếu và đáp lại dự liệu, có tâm hỗ thẹn, nhưng xét về văn từ chải chuốt thâu nhiếp đầy đủ ý chỉ thanh nhã, bởi vì (thi lễ) đã sớm hiểu rõ bổn tôn mười môn bất nhị liền trình bày rõ chỉ yếu biên soạn văn ghi chép công việc, tạm nhờ học chúng tìm tòi nghiên cứu, nghĩa thô cạn lời sơ sài, cúi mong Tông sư giúp đỡ xem xét lại chỉ dẫn trong đó. Ba vị học trò của Đạt-ma đắc pháp sâu cạn khác nhau. Ni Tổng Trì nói: dứt phiền não chứng Bồ-đề. Sư nói: Được phần da của ta. Đạo Dục nói: Mê tức phiền não, ngộ tức Bồ-đề. Sư nói: Được phần thịt của ta. Tuệ Khả nói: Vốn không phiền não, vốn là Bồ-đề. Sư nói: Được phần tủy của ta. Lại sách nói: Lời nói này không khế hợp với Tổ đường và Truyền Đăng Lục, cho là lời nói của người đi đường quê mùa thấp hèn nói không đáng tin cậy, mà không biết lời này rút ra từ trong tập sau của ngài Khuê Phong. Tướng quốc Bùi Hưu hỏi Thiền sư nguồn gốc tông đồ sâu cạn! Thiền sư Tông Mật nhân đó đáp lời giải thích trình bày rộng về các tông, thẳng dựa truyện nêu ra nguồn đồng phái khác. Thủ nói: Đạt-ma nêu thẳng Tuệ

Khả, bên cạnh truyền Đạo Dục và Ni Tổng Trì, mới nêu ra kiến giải sâu cạn của ba vị cho nên có lời này, tập sau này ấn bản thấy còn truyền bá lưu hành khắp Nam Bắc không dừng, điểm gặp gỡ nhân trao truyền là được nghe, huống chi có Thiền sư Khuê Phong đời Đường để Đế vương hỏi đạo, Tướng quốc đích thân gánh vác, hòa hợp các tông, tập thành thiền tạng, soạn Thiền Nguyên Đô Tập Tự hai quyển được đời sau quí trọng, sao luận đàm về sự quê hèn, đâu phải lời nói của kẻ đi đường vô giá trị, đây chính là thiền môn tự sinh mâu thuẫn, cố nhiên chẳng giảng giải, dám quở trách đây, chỉ như Tổ đường cũng là thầy người, thâu góp lại mà ghi chép, ai đúng ai sai nói sao cho dễ dàng. Xét rằng pháp vốn vô thuyết,, thuyết phải phù hợp căn cơ, căn cơ phát sinh tại duyên, duyên có khách và chủ, cho nên các bậc thánh kiềm chế kia, tán dương kia, phải một trái nhiều, Bổ xứ Dật-đa còn chịu khuất phục Duy-ma-cật, Thượng Thủ Thi-lợi cam chịu khuất phục Am-đề-già, đâu phải Bổ xứ thâu nạp ngôn ngữ, Thượng Thủ am hiểu lý, vì biết duyên không tại nơi mình, do đó công nhường cho người, nhẫn đến trong thời chánh pháp, tượng pháp, tông chủ Trung Hoa, Thiên trúc không còn phá nữa, tánh tướng sai trái, người tu thiền thường bài bác tìm kiếm văn, người truyền giáo hoặc chê bai ám chứng, đều vì tiến lên đối với người sơ học muốn cho họ hiểu sâu về tông mình. Trí Luận lập Tất-đàn phù hợp căn cơ, thiền kinh dùng bốn tùy làm lợi ích chúng sinh, thiết lập pháp giáo hóa đại khái phù hợp, chỉ dùng giả danh dẫn dắt khiến nhập thật, không được ý kia, đâu tránh khỏi sinh nghi. Sách gửi đến lại nói: Nay hoặc có sư nói: Đạo của Đạt-ma chỉ dắt dẫn hạng hạ căn, chưa chung cho bậc thượng trí. Lại nói: Ngộ lý tức tâm, mê thì pháp ngoài tâm, chưa xét kỹ lời nói này làm sao văn chuyên chở, đích thân nghe từ nơi nào, không tìm tiếng ở ngõ hẻm mà lời nói xúi giục, vu khống, đường nghe đường nói, việc có chỗ nương (qui về). Hơn nữa xét về pháp tín hạnh, pháp hạnh, mỗi pháp có lợi căn độn căn, duy sắc duy tâm đâu có phân chia nội pháp ngoại pháp, sát-na trải qua chín đời, một niệm đến Tam thiên, lý sự đều dung thông, luôn làm sáng tỏ yếu chỉ, đã được đoái hoài hợp với nguồn gốc, mong giữ gìn tâm vì pháp rộng mở đao lợi người, khiến họ tin pháp căn tánh tùy theo nói năng hay im lặng mà khai giải rõ ràng, không khiến con cháu của Đạt-ma riêng có thể phá lập, người trí truyền thừa tông phái hoàn toàn phế bỏ sự khen chê thì chúng đương cơ kia có con đường hướng đến chân thật, khiến cho tông này người học sau không có cửa vào lý, Thiền sư ngộ suốt nhất tâm, phân giải siêu vượt ngàn xưa, làm đệ tử Phật tổ, làm thầy dẫn dắt cõi trời người hy vọng mở

rộng lòng cứu giúp, chớ thiên chấp tình riêng, lúc giảng giải sám hối vội kính vâng báo đáp may mắn không dùng lời quê mùa thật thà mà bị quở trách, không giảng nói. Trú trì viện Diên Khánh truyền Thiên thai giáo quán Tỳ-kheo Tri Lễ chấp tay đáp lời.

THIÊN ĐỒNG LẠI GỬI THƯ CHO TỨ MINH LẦN THỨ HAI

Ngày 28 tháng giêng trú trì ở Thiên Đồng Cảnh Đức thiền tự Tỳ-kheo truyền pháp là Tử Ngưng lại lần nữa trả lời thư phụng bạch giáo chủ Diên Khánh Pháp trí Đại sư (Tử Ngưng) nghe, luận rằng ý cạn thấp thì ngôn ngữ sơ sài, tư duy sâu sắc thì ngôn ngữ thận trọng. Trước hết hiến dâng lời nói, lại muốn Đại sư trước bỏ truyền văn tự phò giúp bổn giáo, lại chỉ bày trích dẫn nguồn gốc luống biết xuất xứ từ ngài Khuê Phong, hỏi nhờ tướng quốc phần rõ sự khác nhau của ba tông, chưa hiểu tận sở trường, rất không biết rõ hiểu biết tông đồ Tổ sư xưa ghi chép, y theo kia nói rộng, đâu có hẹp thông hiểu. Thuyền Nguyên Thuyên kia chép: Tổ Đạt-ma chín năm xoay mặt vào vách, bởi vì bặt dứt duyên do đó Tổ sư độc đoán nói rằng biết một chữ là cửa của các điều nhiệm mầu, nay Đạt-ma truyền chỉ có linh tri (tinh thần sáng suốt) mà thôi, còn như đối với sự suy tìm sâu xa, Hà Trạch coi thường Ngưu Đầu lời nói mâu thuẫn dương dương tự đắc đối với bên ngoài. Đã nói là từng gặp điểm trao, hợp đủ thư hoàng, đâu khác gì chọn lời quê mùa, giúp môi miệng giải thích, hơn nữa xét về nhị Tổ sư đắc pháp của Đạt-ma cũng còn là người có trí của Tứ Đại. Làm phép tắc cho người, sáng suốt ngàn xưa, nếu ngôn giáo của người trí mà thành sai thì con cháu Đạt-ma cũng lầm, há cho ngậm miệng im lặng, cần phải bàn luận theo thầy truyền dạy, sai thì báng nhân báng duyên là không, vời lấy sự suy bại, phải thì chính người chính mình kính tin điều hòa, đâu phải nói Tướng quốc tự thân thừa lệnh đế vương hỏi đạo. Bắc Tông Thần Tú Đế Quốc sư nương nhờ thế lực, cậy ỷ quyền hành, gió kia tự ngừng. Sách lại nói: Bổ xứ Dật-đa còn chịu khuất phục Duy-ma-cật, Thượng Thủ Thi-lợi cam chịu phụ thuộc Am-đề-già, vì biết duyên không tại mình, do đó công lao nhường cho người khác, nếu như vậy thì tuy hiểu biết khen chê thật tế không cùng tận. Nếu nói công lao nhường người thì chưa dụ được sự nhún nhường chứa trong lòng. Lại nói: Nghiệp thiền thường bác bỏ việc tìm tòi văn, người truyền giáo hoặc mấy người khác ngầm chứng, khến cho căn tánh tin pháp tuy nói rằng im lặng đều thông suốt rõ ràng, không khiến con cháu Đạt-ma có thể phá lập riêng, tông phái của người trí hoàn toàn phế bỏ sự khen chê, suy tư kỹ điều này thì ai có

lỗi ư! Gượng nói phá lập, do có lỗi với người, sao không nói một niệm tam thiên, sát-na chín đời. Ý của Thiền giáo, lý nào không chứa? Kinh Tư Ích chép: Nói pháp có hai thứ: Hoặc nói pháp như bậc thánh, hoặc im lặng như bậc thánh, đâu cần có bói năng, đắm trong ngôn ngữ, không nói thì trái với ý chỉ thật thì không hai, chẳng thiên chấp tình, người xưa cắt tai hại thân, kéo ruột chặt tay là có nguyên do, không như thế thì thừa lòng dũng cảm, cậy chết không trở lại, người ở núi rừng thường một lần trải qua tâm như mang vác gai nhọn, mong Đại sư của ta ra sức giúp đỡ vận mệnh đời tượng pháp, quán sát kỹ nguồn gốc, không để cho chánh pháp bị khinh rẽ, nhân tình (lòng người) tốt đẹp thuận hòa, chỉ tôn kính khuôn mẫu cao quý, chân hưng phong tục thuần hậu, biết việc sám hối không được luống qua ngày, lại tỏ vẻ giữ gìn khiêm tốn, chuyên dò ngóng quở trách, không nói hết. Trú trì Cảnh Đức thiền tự núi Thiên đồng truyền pháp Tỳ-kheo Tử Ngưng cúi đầu bạch lên.

TỨ MINH LẠI TRẢ LỜI CHO THIÊN ĐỒNG LẦN THỨ HAI

Ngày mồng 7 tháng hai trú trì viện Diên Khánh truyền Thiên thai giáo quán Tỳ-kheo (tri lễ) lại trả lời thư của Thiên Đồng Đường Thượng Đại thiền sư (trượng thất), so sánh tiếp tục sự im lặng, dung nhau tỏ rõ ý sâu sắc. Thư trước nói: Chỉ cốt yếu dẫn dắt ba người đắc pháp, hoàn toàn không y cứ vào. Đây là đường nghe đường nói, lựa chọn luận đàm những lời quê mùa thô bỉ, do vì không hiểu văn đây rút ra từ tập sau của ngài Khuê Phong, chỉ do tự thấy hiểu chẳng phải người kia nói, cho nên dùng thơ dài trách không thật chứng, nay biết chỗ xuất xứ, ngậm miệng thẹn với lòng ít được nghe, lại sao từ chối bài bác điều mà ngài Khuê Phong dẫn chứng ư! Than ôi! Lồi không sửa chữa lại càng thêm lỗi lầm. Hơn nữa như chỉ yếu trích dẫn, chẳng phải không có lý do, bởi người trí lập Pháp Hoa bặt sự đối đãi, thập diệu chỉ quán, viên đốn thập thừa, lấy hai câu phiền não tức Bồ-đề, sinh tử tức Niết-bàn mà làm phương thức cương yếu, thật chẳng phải hai pháp hợp nhau gọi là Tức, cho nên không thể dùng sự độc đoán chứng minh, cũng chẳng phải một pháp chuyển đổi gọi là tức, cho nên không thể dùng sự mê ngộ để chỉ bày, phiền não chẳng nhất định, vốn không, Bồ-đề chẳng nhất định vốn có, cho nên dụng phiền não tức Bồ-đề... bặt dứt ngôn ngữ, vắng lặng suy nghĩ, khiến cho diệu giải viên minh, diệu hạnh âm thầm khế hợp, chân lý vi diệu lập tức hiển bày, sao dùng giáo pháp tông Thiên thai lăng trì trong đó ư! Khuê Phong hậu tập lưu hành đến đời Ngô, học trò giảng giải phần nhiều chuộng về tông mình, đều nói: Đạt-ma ấn chứng

cho Nhị Tổ: Vốn không phiền não, vốn là Bồ-đề mới gọi là được phần tủy. Người trí nói đã đồng với kiến giải của Đao Dục, mới thành được lời nói đắc phần thịt, lời nói khiêm tốn nối tiếp tông Thiên thai, không còn bị xót xa đau đớn, huống chi nghe điểm trao truyền, thấy tạng về phần thô, liền đối với yếu chỉ trong văn xưng tán làm sao tiện cho việc khen tặng mà thả lỏng có chỗ chê bai. Hơn nữa, luận về phân tông thọ pháp, truyền trao dẫn dắt người, người y cứ vào ngài Khuê Phong nạn vấn đối với bổn giáo, đâu không y giáo mà trở lại phá, đây đều là phò giúp cho bổn tôn khuyến mới học mau chứng ngộ, kia đây đâu có tồn tại, trước có chỗ nói thiết lập pháp giáo hóa đại thể là phù hợp, tất-đàn hợ căn cơ, bốn tùy là lợi ích chúng sinh, không đắc ý kia thì lòng tin có sự nghi ngờ, kịp quán tâm tổn hại thân, chặt cánh tay, như phụ thêm lời châm chích, năm trăm năm sau có thể có được bao nhiêu người tự xét mình phò trợ tông, đã có thể như đây thì đối với người hộ pháp khác đâu được ngăn cản, may mắn giúp đỡ Thiền sư hiểu rộng bổn tông, khéo khen ngợi đạo tổ, không được ngăn cản người khác, giải thích nạn vấn liền thành, công phu thiết lập giáo hóa của ta, mong nhờ nguyện vọng báo đáp âm thầm, đâu thể im lặng không tuyên diễn. Trú trì viện Diên Khánh truyền Thiên thai giáo quán Tỳ-kheo Tri lễ cúi đầu lại bạch.

THIÊN ĐỒNG LẠI GỬI THƯ CHO TỨ MINH LẦN THỨ BA

Ngày 24 tháng 2 trú trì Cảnh Đức thiền tự núi Thiên đồng, truyền pháp Tỳ-kheo Tử Ngưng cẩn trọng gởi thư cho Diên Khánh đường Thượng giáo chủ Pháp Trí Đại sư: Dưới tòa Tử Ngưng trộm nghe: Trong số người giết chóc bảo vệ giữ gìn ắt có người khác biệt, trong sự giải hòa ăn năn sám hối làm sao không thông hiểu, đâu cần phải nhọc công qua lại bày tỏ từ đầu đến cuối mà Đại sư chỉ cốt yếu chạm văn khắc nghĩa, chỉ nói là truyền nhau, ba vị học trò của Đạt-ma đắc pháp có cạn sâu (ngu tôi) đã bàn luận, đâu thể trách ngài Khuê Phong để tìm tình thật, nghĩa là nghe đồn phong phanh mà có thể cho là truyền nhau, quả thật có thư sau chỉ là y cứ việc nhỏ mọn mà vọng sinh xuyên tạc, hợp với sự hiểu biết không che giấu. Hoặc Đạt-ma trao truyền cho Nhị Tổ, có thuyết vốn không, Đạo Dục, Ni Tổng Trì có nói dứt phiền não thì ngài Khuê Phong nói, mà Đại sư suy nghĩ đây cũng có thể. Đã vốn không có thuyết này thì so sánh, giũa gọt người nào@đâu thể liền buông thả theo dòng danh tiếng lừng lẫy mà ngăn cấm tiếng vang lại. Trước nói: Thiết lập giáo hóa đại khái phù hợp, đây chưa thể được, tất cả dẫn chứng xưa nay xem xét làm sao thuận theo, tông kia cố chấp đáng bị bác bỏ mới

gọi là khen chê bày tỏ nghĩa lý. Nếu người hoằng giáo trích dẫn kinh Phật không đúng cũng phải tước đoạt chức vị, được như vậy thì xứng làm người thầy có khả năng làm Giáo chủ, chúng sinh đời sau không thể vượt qua khuôn phép tông chỉ của ngàn xưa. Có chỗ nói học mà không suy nghĩ, truyền mà không huân tập, đây là điều hổ thẹn, thẹn làm sao nghe được điều tốt đẹp. Thư lại chép: Tông Thiên thai giáo, bờ mé lăng trì, Khuê Phong Tập lưu hành đến đời Ngô. Do ngài Khuê Phong nạn vấn đối với Thiên thai giáo sao không y giáo mà trở lại phá, đó đều là trợ giúp bổn tông, khuyến khích người mới học đó thôi! Thử luận bàn xem, vốn luận về bậc thánh lập giáo khai thị chỗ mê, tình đồng như con chó bằng rơm, trí tuệ hạn chế như bình nước đá, tinh thần phù hợp vời hoài bão thì đạo không gì mà không tồn tại, đâu đồng vối hạng quê hèn có xen lẫn đường lối, thường lo lắng theo thầy học Phật, chưa thể quên nơm lìa tướng. Tôi luận bàn với Đại sư bởi vì Đại sư tồn tại mãi mãi dù cho tín nhiệm ngài Khuê Phong là đúng, cần phải biết nhìn lại, Tổ đường không nói, chưa rơi vào bổn tôn, còn cần phải luyện tập thân thể khổ sở có thể thấu đạt đạo, chứ đâu đồng với ngoại đạo, phi lý nhảy vào lửa, gieo mình xuống sườn núi là thích hợp với các vọc mới không sáng sủa, nương chỉ quán thập thừa, Pháp Hoa thập diệu, Bồ-đề phiền não tin vốn không sai lầm, nói giềng mối cách thức, đâu cho phân tích rắc rối, cái gọi là có lỗi mà không sửa đổi, đây có nơi qui về, không tuyên diễn. Núi Thiên Đồng trú trì Cảnh Đức thiền tự truyền pháp Tỳ-kheo (Tử Ngưng) cúi đầu bạch lên.

PHÁP SƯ THIÊN ĐỒNG VÀ TỨ MINH GỬI THƯ QUA LẠI VÀ LỜI BẠT SAU

Tổ Pháp Trí Tôn giả của ta, bắt đầu nhân đời Tiền Đường vâng lệnh Tiên Thanh Sư mà chế tạo ra ngọc, chỉ giải thích mười hai môn bất nhị, gồm ở trong văn nhất niệm làm chân tâm, chia riêng sắc tâm làm tục đế, thay đổi môn sắc tâm, tạo tác cho thể dụng là tạo, nghĩa là thể đồng sữa đổi nội môn ngoại môn, tam thiên tức không tức giả tức trung, là tức không tức trung, đổi tất cả hai mươi chữ. Thiền sư Dục thuộc Thiên thai Sư chú giải môn bất nhị, lập duy quán bất tư nghì, tiêu nhất niệm tam thiên, duy sắc duy tâm làm chân đế, Pháp Trí thương xót cứu giúp, bởi vậy chỉ yếu làm nguyên nhân tạo tác. Cho nên bài tựa chép: Hoặc chỉ bày, hoặc chú giải soạn thuật v.v... là ở đây. Thanh Sư lại lập chúng sinh và Phật tam thiên làm sự tạo, tâm pháp tam thiên làm lý tạo, mà không biết ba pháp đều đầy đủ sự lý. Như chỉ yếu phá

nói: Y cứ vào sự giải thích của người khác thì tâm pháp là lý, chỉ có luận là đầy đủ năng tạo, chúng sinh và Phật là sự, chỉ có đầy đủ sở tạo, thì nghĩa tâm tạo còn thiếu sót, văn không sai lầm mãi sai lầm. Lại lời tựa chép: Sự lý chưa rõ ràng, giải hạnh không nơi nương tựa, đây đều là phá lời của Thanh. Nhưng trong chỉ yếu chính là nói về quán tâm, là đạo đạt vọng, tránh thuyết Sơn Ngoại, quán lỗi của chân, văn dẫn hai câu phiền não tức Bồ-đề, sinh tử tức Niết-bàn làm nguồn gốc phát tâm lập hạnh, nhân đây chọn lựa chỉ bảo ba vị đệ tử ngài Đạt-ma đắc đạo sâu cạn, có thể Đại sư nói: Vốn không phiền não, vốn là Bồ-đề. Đạt-ma nói: Được phần tủy của ta, Pháp Trí bình luận rằng, thấy ý của Tuệ Khả buông thả dần dần tiến lên đây nói năng chưa đầy đủ. Thiền sư Ngưng cho rằng điều mà chỉ yếu trích dẫn là sai lầm, thuận theo mà biện rõ mới y cứ theo Tổ đường và Truyền Đăng Lục, đương thời có thể sư chỉ Lễ ba lạy, đứng ngay tại chỗ, không hế có nói vốn không phiền não v.v... Tử Ngưng nâng đỡ cứu giúp như thế hủy báng bác bỏ Pháp Trí rằng là nghe đồn phong phanh chẳng phải là chánh luận, thật không biết, Pháp Trí căn cứ vào hậu tập của ngài Khuê Phong mà chỉ bày, đến đây Tử Ngưng tự phgải làm thinh nghe theo, làm sao sau ghi chép cứng cỏi không thôi, nay lại căn cứ sách kia biện rõ, nếu đem vô ngôn của Tuệ Khả mà đứng y chỗ cũ thì đó là nói lên viên đốn. Lại Thân Tử nói: Ta nghe trong sự giải thoát không có ngôn thuyết. Đại phẩm nói: Nếu có một pháp nào hơn Niết-bàn ta cũng nói như huyễn. Lại có Đồng tử Vô Ngôn Tịnh Danh lấp miệng v.v... Nay hỏi: Các vô ngôn này cùng vô ngôn của Tuệ Khả là đồng hay khác, xin chỉ bày nguyên nhân, thận trọng chớ xem thường. Lại như ngoại đạo A-hàm hỏi Phật! Bất luận là hựu ngôn vô ngôn, Như Lai ngồi tòa, ngoại đạo khen ngợi rằng: “Thế Tôn là đấng Đại từ vẹt đám mây mê hoặc cho chúng tôi”, liền lễ Phật ba lạy rồi lui. Tôn giả A-nan hỏi Phật: Ngoại đạo đắc pháp gì mà lui! Phật dạy: Như ngựa chạy nhanh do thấy bóng roi quất liền chú ý vào đường chính. Tổ đường dẫn dắt đến viên đốn bậc nhất thì ngộ, Thiên Thai phê phán chia viên đốn này thành Tiểu thừa tam tạng, nếu trông mong viên đốn cũng như trời và đất, cho nên biết không thể vừa mới thấy vô ngôn liền cho rằng chứng chân thật. Đương thời quan Thái thú là Xứ Tứ Minh là Trực các lâm công thấy hai sư tranh luận không dứt, nhân đó thỉnh Pháp Trí đối với chỉ yếu dung hòa, Pháp Trí không thể từ chối liền sửa đổi yếu chỉ của văn cũ chép: Ở đây lại nói về thuyết siêu vượt được phần tủy, thấy ý của sư Tuệ Khả buông thả dần tiến, lời nói này vẫn chưa viên mãn. Hỏi: Nay nói về Viên giáo, đâu không luận dứt

hoặc chứng lý và bỏ mê về ngộ ư! Nếu luận thì đâu khác với Tổng Trì, Đạo Dục giải thích, đáp chỉ như ngài Tuệ Khả, đâu không dứt hoặc bỏ mê, há cũng đồng với hai vị trước ư! Cho nên biết hễ chia ra tiệm đốn do đó nên luận về năng dứt, năng bỏ. Chỉ yếu mới sửa đổi rằng: Nhưng lời ông trích dẫn Đạt-ma ấn chứng. Tuệ hả vốn không phiền não, vốn là Bồ-đề... đây chính là ngài Khuê Phong nói khác, khiến cho người đời sau lấy làm cực điểm liền bỏ ba đường chỉ quán chân tâm. Nếu y cứ Tổ đường, tự nói: Nhị tổ lễ ba lạy, đứng y chỗ cũ đâu nói phiền não Bồ-đề một không một có ư! Cho nên không thể dùng dị thuyết của ngài Khuê Phong mà biến đổi luận bàn) huống chi Đạt-ma từ Tây trúc đến trao kinh Lăng-già bốn quyển cho Đại sư Tuệ Khả. Lại nói nhờ giáo mà ngộ tông. Nhân quả nương đây tu hành sẽ tự được ngộ. Kinh Khê từng phê phán Lăng-già nương tựa Thiên thai Biệt giáo, do kinh nói tất cả chúng sinh tự tâm hiện dòng. Bồ-tát Đại Tuệ hỏi là đốn hay tiệm! Phật đáp là tiệm. Đã nói là tiệm thì đâu được chỉ là đốn ư! Y theo đây thì Pháp Trí xét định tín không vu khống, nay cẩn thận ghi chép đương thời uận chép năm lần, chẳng những giúp cho con cháu đời sau thấy rõ chỉ yếu của hai văn cũ mới, mà còn hiểu nhân biện luận đời trước.

Giữa mùa xuân, niên hiệu Hy Ning năm thứ ba, Vĩnh Gia Pháp Minh viện truyền giáo pháp tông (Kế Trung) kính ghi.

THẢO AM GHI CHÉP THƯ TRẢ LỜI CỦA NGÀI THIÊN ĐỒNG Ở TỨ MINH

Pháp Trí học hạnh cao siêu nhiệm mầu, các tác phẩm của Ngài đều lập tông chỉ bác bỏ tà lệch, khai mở nhân tâm, đạt đến chỗ chân thật, trong chỉ yếu sao dẫn hậu tập của ngài Khuê Phong so sánh khai mở điều sâu kín mà Thiền sư Thiên Đồng Ngưng một phen thấy sinh tâm vui mừng chỉ nói những điều trích dẫn kia ít có lầm lẫn, muốn Pháp Trí sửa đổi mà thôi! Ghi ghép chọn đi chọn lại qua lần, cuối cùng đến nỗi có người nói ngàn kẻ sĩ vâng dạ không bằng một kẻ sĩ nói lời ngay thẳng, khiến cho đại pháp lưu thông trăm đời không có tỳ vết. Tôi trước kia địch thân thấy ghi chép trên lụa nét chữ viết rõ như Chung Dao, ngôn ngữ như Hàn Thối Chi thật đáng quí. Có chỗ Pháp Trí lấy đây tạm làm sửa đổi. Lại nghe chỉ yếu đã nêu ra Thiền sư Tuyết Đậu Trọng Hiển đặc biệt xuống núi hiến dâng thức ăn chay, làm lễ chúc mừng, vẫn có treo bảng đãi trà, đủ những việc tốt đẹp, tôi chưa từng thấy việc ấy, chỉ thường thấy Quảng Trí sơ chủ lúc ở pháp tích tại Nam hồ. Hiển Công tuy đã già cũng treo bảng đãi trà tiễn chân người, chỉ nhớ cây

gai cao bằng đầu người. Chữ ấy nhỏ xưa, do đây mà biết thời Pháp Trí không luống dối, tại thuở xưa Thiền giáo nhất thể khí vị chuộng nhau mới có như thế.

Tông Hiểu tiếp tục trả lời cho Thiên Đồng Tứ Minh chỉ được năm lần. Căn cứ Thảo Am đã nói gồm hai mươi lần chọn, quả thật bị vùi lấp không ít việc ấy nói lên Thiền sư kia treo bảng đãi trà, đồng thời không nghe, hễ ai xem thư này hoặc có người được may mắn thấy thì rất trông mong.

■

GHI CHÉP VỀ GIÁO VÀ HẠNH CỦA TÔN GIẢ TỨ MINH

QUYỂN 5

Chân Tông Hoàng Đế ban chỉ dụ lưu Tứ Minh trú lại thế gian.

Dương Văn Công đáp thư chúc mừng Pháp Trí sống lâu.

Đại sư Pháp Trí gởi thư cám ơn Dương Văn Công.

Thư Dương Văn Công thỉnh Pháp Trí trụ lại thế gian.

Thư Pháp Trí trả lời Dương Văn Công.

Thư Dương Văn Công đáp nghĩa tạ ơn Pháp Trí.

Dương Văn Công ba lần hỏi và Pháp Trí đáp.

Thư Dương Văn Công tạ ơn Pháp Trí hỏi đáp.

Pháp Trí lại gởi thư cho Dương Văn Công.

Dương Văn Công lại gởi thư thỉnh Pháp Trí trụ lại thế gian.

Thư Dương Văn Công dâng thư lên Thái Thủ Lý Di Canh, đồng thỉnh Pháp Trí trụ lại thế gian.

Thư Dương Văn Công khải bạch sám chủ chùa Thiên Trúc.

Lại thỉnh Pháp Trí trú lại thế gian

Dương Văn Công lại gởi thư lưu Pháp Trí trụ lại thế gian.

Pháp Trí lại đáp thư Dương Văn Công.

Thư Pháp Trí tạ ơn Lý Phụ Mã thỉnh trụ lại thế gian

Thư Pháp Trí chúc mừng Dương Văn Công được tăng chức Hàn Lâm.

Thư Dương Văn Công cám ơn Pháp Trí chúc mừng.

Thư Lý Phụ Mã dâng tặng danh hiệu Pháp Trí.

Thư Pháp Trí tạ ơn Lý Phụ Mã.

Thư qua lại giữa Pháp sư Tuệ Chiếu và Bạt Tiền.

Pháp sư Thảo Am ghi chép sự việc qua lại trong thư.

Thư Chiêu giảng chủ gởi Pháp sư Tứ Minh.

Thư tạ ơn Pháp sư Thánh Quả (Thánh Quả tức Thiên Trúc sám chủ là tên gọi trước kia).

Tứ Minh gởi Cự pháp sư mười bức thư.

Thư gởi cho Cự pháp sư (mười thư)

Thư di chúc để lại cho Bân Xà-lê.

Thư gởi Đại Lôi Am Trường (hai thư)

Thư Sám chủ chùa Thiên Trúc gởi cho Pháp sư Tứ Minh (hai thư và lời bạt của Thảo Am).

Thư gởi Pháp sư Thần Chiếu (và lời bạt của Nguyệt Đường).

Thư gởi Pháp sư Diệu Quả (và lời bạt của Nguyệt Đường).

Thư gởi ngài Vĩnh An sơn chủ (ba thư và lời bạt của bốn nhà).

Thư Tứ Minh gởi cho môn nhân là Tông pháp sư.

HOÀNG ĐẾ CHÂN TÔNG BAN CHỈ DỤ LƯU TỨ MINH TRỤ LẠI THẾ GIAN

Tứ Minh Giáo chủ lễ công là bậc cao hạnh trong Thích môn, nhóm họp đồ chúng rất đông mà chuyên lấy pháp môn Tịnh độ khuyên mọi người tu tập. Vào niên hiệu Thiên Hy, ban đầu kết nạp mười vị tăng thực hành sám pháp, đủ kỳ hạn ba năm thì thiêu thân, trong số đó có Hàn Dương Đại Niên kính mến Ngài nên viết thứ thỉnh trú lại thế gian thư nói rằng: Ức tôi kính nghe tu sám ngàn ngày, đốt thân bốn đại, kết nạp mười vị tăng tu tịnh hạnh được vãng sinh chín phẩm Lạc bang. Trộm nghĩ thường thỉ đầy đủ, mong thuận theo tình ý của mọi người, xin trú lại thế gian để làm kỳ hạn, mong truyền trì làm hưng thịnh Phật pháp, lợi ích chúng sinh, nguyện rủ lòng thương hứa khả, ngõ hầu chiêm ngưỡng phong cách. Cuối cùng ngài Tri Lễ không bằng lòng, Đại Niên lại đưa thư kính lễ sư Thiên Trúc cúi mình đến để lưu giữ, thư nói: Hôm qua đến Minh Châu lễ tọa chủ, tâm phát nguyện rộng lớn chuyên tu, sám pháp kỳ hạn ba năm đều hướng về lửa mà thiêu thân, huống chi tăng ở đây truyền trì đại giáo, làm thầy thế gian, dẫn dắt chúng sinh được trú thế lâu dài lợi ích rất nhiều, thật là cảnh tượng đáng ghi nhớ tôn kính, trộm muốn khuyến khích lưu lại nghiêm chỉnh trình bày, có thể thành công, liền cúi mình khẩn thiết thỉnh cầu được kia báo ân, đích thật không cần phải cân nhắc, thầm biết Sám dũ đồng bẩm thọ, đồng thời hóa độ phương Đông nam, có thể đi đến Triết Giang, tạo cõi Tịnh cư ở Ngân Thủy, khéo nói lời can ngăn nên trụ thế lâu dài. Năm ấy vào ngày lễ Phật đản, Ức tôi cầu xin lễ Công, tiến cử thuận theo mà mọi người mến chuộng. Đến cuối niên hiệu Thiên Hy, có quan Khu Mật Sử Mã là Tri Tiết thỉnh ngài Đại Niên soạn bia Thần Đạo để đáp ơn nhuận

bút, tất cả đều không thọ, chỉ cầu dâng tiến danh hiệu Tứ Minh pháp sư, Tri Tiết nhân đó tâu lên.

Chân Tông nói: Thần thỉnh Dương Ức vì tiên phụ soạn bia "Thần Đạo", không nhận nhuận bút, huống chi danh từ "thần thọ" đã thường làm phép tắc tặng thế gian, cầu xin giáng chỉ để thọ nhận, vua Triệu Đại Niên đến hỏi, Ức liền tâu về việc di thân của Tứ Minh, vua nghe lấy làm vui vẻ khen ngợi. Một lần nữa ban chỉ dụ bảo Đại Niên rằng: Chỉ truyền y của trẫm thỉnh trú lại thế gian lâu dài, như danh hiệu sư trẫm sẽ ban tặng, tiền nhuận bút khanh phải thọ nhận kinh nghiệm nhún nhường, do đó vua Đại Bồ-tát phong tặng hiệu Pháp Trí Đại Sư, sư cũng do đó mà trú thế nhiều năm, sau mới nhập diệt. Một hôm tôi đến thành phía Nam chiêm bái tháp thờ sư, nhân sợ người đời sau quên mất những điều kỳ diệu việc thấy nghe về sư từ trước nên cầm bút ghi chép lại. Giữa mùa Đông năm Bính tý niên hiệu Cảnh Hựu, Hy Bạch kính đề.

DƯƠNG VĂN CÔNG ĐÁP THƯ CHÚC MỪNG NGÀI PHÁP TRÍ SỐNG LÂU

Khởi phục Hàn lâm Học sĩ quan lục đại phu hành thượng thư công bộ thị lang tri chế cáo lễ nghi viện phán bí các nhị Trụ Quốc là Dương Ức dâng lên.

Ức viết thư nói rằng: Vốn có tình bạn trong sáng, nhân quen biết cao danh, nghe truyền giáo nơi thành lớn, lãnh đồ nơi Ngân thủy, thông đạt ý chỉ khế kinh, phù hợp với kia trùng tuyên, chuyên tu sám quy đạt đến bốn tịnh, cơ duyên thích ứng, chân tục đều nương theo, phút chốc lại may mắn gặp sự thành tựu trang nghiêm, thường kính tiếp và hay giúp đỡ, cầu luận tiến dâng kính trọng tán dương, chống lát bị bệnh trở về ruộng vườn, hoặc hiểu biết quá nhanh mà đi đến lầm lẫn trải qua nhiều năm, mất hết hy vọng báo ân, nóng chiếu chưa kinh hoàng, thư nhanh chóng đến, trước nói có thể thực hành, riêng nguyện tùy thuận hòa hợp thích ứng, sự tuy cầu mong gần gũi đạo càng sáng nơi xuất thế, đã có Đại sư ban y, lệnh vua sai khiến đối với châu này có sự thay đổi, thay nhau nương gá bên trong, ắt sắp gần lãnh thọ, kính cẩn vâng theo tình hình, bàn bạc bao gồm trình bày rộng sự chúc mừng, cúi mong chiếu xét, kính dâng.

ĐẠI SƯ PHÁP TRÍ GỬI THƯ TẠ ƠN DƯƠNG VĂN CÔNG

Tri Lễ suy nghĩ thân già ở nơi yên tịnh giữ gìn hương hỏa, ngửa nhìn mặt trăng từ xa chiếu soi ta, trông mây trắng mà cao dời đế hương,

xoay theo mặt trời không có hiệu nghiệm, nhân hổ thẹn không gì được, chịu suy nghĩ bí mật xem xét kết quả thực hành trau dồi đức hạnh, tự thành thật mà hiểu biết làm gỗ quý cho các mùa hè, làm cái mõ cho chín châu, làm cho hưng thịnh sự nghiệp đế vương, cầm bút ghi chép nơi hàn lâm viện xưa, làm yên ổn giúp cho thời cuộc, sáng rực thành sự nghiệp lớn đối với người trước ấy sao xe ngựa thông suốt, cung kính thứ lớp chiêm ngưỡng đầy đủ, kính mến bấy lâu, khâm phục môn giáo, tuy nơi xa xôi mà biết lễ nghĩa, lòng lạnh như tro tàn phó mặc cho đời, chỉ biết dùi mài thật hành theo kinh mong gấp thay đổi hương vị, khiêm nhượng nối theo dòng dõi tông Thiên thai, lạm thừa hưởng phong tục người xưa, để lại thịnh vượng đầy đủ, đâu có thời gian lầm lẫn luống theo hư danh, xa đến ở nơi kín đáo, đến nỗi phục tùng theo các mệnh lệnh, cho dùng lời tốt đẹp tấu sớ dâng vua, cảm động đến thịt xương. Tuy lo nghĩ nơm nớp, còn sợ tổn hại đến thân, nhớ nghĩ lại điều cần thiết, ở này làm sao sánh bằng, trở lại âm thầm xét kỹ điều tốt đẹp của Bùi Công, đại khái đây còn nhẹ hơn, nên tiếp tục giảng giải ở núi sâu, làm người đứng đầu hội liên xã, nhìn kỹ lại thân thể, thọ nhận sự ban hơn không xứng đáng ư! Ngỡ rằng Đại giáo càng sáng chói có từ trước đến nay, làm lan đài mà đưa thư chẳng thỏa lòng tâm sự, ở trong hang đá để quán tâm, hy vọng sự ủng hộ bên ngoài mãi mãi lâu dài, kính cẩn vâng theo, cúi mong thấu hiểu.

THƯ DƯƠNG VĂN CÔNG THỈNH NGÀI PHÁP TRÍ TRỤ LẠI THẾ GIAN

Ức viết thư, gần đây trộm nghĩ, Đại sư hy vọng kết nạp mười vị tăng ở hội liên xã, ước hẹn ba năm nhập sám, nhưng đến tam-muội hỏa quang thì quyết chọn Tịnh độ vãng sinh, chấp thân đốn không, nguyện lực càng mạnh, đăng tuyệt phẩm hoa sen, nghe âm thanh cùng cực của cây pháp, việc này chẳng luống dối, Đức Phật đã chứng, nhưng đối với ý niệm về thế tục phải chứa nhóm tâm nguyện, thật do Đại sư thông suốt chỉ qui của ba quán, được bốn chúng cung kính chiêm ngưỡng, nối tiếp tuệ mạng cao vời vợi, chỉ bày siêu việt các môn, dùng mười điều lành dẫn dắt người, tranh tu đối với bạch nghiệp, một âm thanh phò trợ giáo lý rộng giảng bày lời vàng ngọc, an lành đều khắp, phẩm chất đạo đức xứng hợp chỉ có cõi Cực lạc. Bởi Giác hoàng chỉ bày quyền mà thân bị đại hoạn chẳng phải điều mà người trí ưa muốn, nếu còn ưa thích chán ghét tức khởi tâm yêu ghét, tức manh tâm lấy bỏ cho đến thấy có năng sở, cố chấp chỉ có mình thông ngộ. Sớm nghiệm xét chân thường,

hoặc thuận theo hàng sơ cơ, đốc thúc phát tâm tịnh hạnh, lại trông mong nhân nương ân dạy bảo, rộng tạo ruộng phước cùng khắp, hy vọng tuổi thọ thêm lâu dài, trú lại thế gian có khả năng mở mang chánh pháp, hóa duyên hưng thạnh, vẫn mong thực hành xong kỳ hạn sám hối. Lược trái pháp để theo nhau, may mắn Thuần-đà, cung kính dâng lên thức ăn cuối cùng, nguyện đồng phước đức, mau có tâm lìa bỏ trần thế xót thương cho chúng sinh mê muội không hiểu biết, chưa hướng về cõi tịch diệt, tha thiết hy vọng lắng nghe báo ân rộng lớn, cẩn trọng vâng mệnh thưa hỏi.

THƯ NGÀI PHÁP TRÍ TRẢ LỜI DƯƠNG VĂN CÔNG

Tri Lễ lúc rảnh rỗi kính cẩn giảng sám y theo giáo quán của bổn tôn, ghi chép kính đáp, xem xét đại đàn việt, Tri Lễ vâng lệnh đến Hàn Lâm viện trùng tuyên lại, khiến cho Tri Lễ hoàn tất kỳ hạn sám này, lại lưu lại giảng huấn, ngưỡng thừa tôn chỉ sửa đổi phù hợp với chân người trước, chỉ duyên tâm chân thật, hướng pháp môn này. Ý chí thấp kém chẳng dễ thay đổi, huống chi lúc tốt khó gặp, việc tốt dễ qua, cho nên càng muốn giúp đỡ, sẵn có tâm nên rất cung kính trang nghiêm vâng theo mạng lệnh. Có chỗ nói. Tri Lễ thông suốt chỉ quy của ba quán là nói thái quá. Lại nói rằng Cực lạc vốn do nêu bày quyền, tu đạo cần phải quên vui buồn, chân thật thay lời nói ấy. Nhưng Tri Lễ nay ưa thích cõi Tịnh độ, đặc biệt nhàm chán thân bệnh hoạn, cũng có nguyên do kia, sẽ trình bày ở sau, nếu kia một tam ba quán, tuy chẳng thông suốt có lẽ không nương tựa. Tri Lễ hơn bốn mươi năm, tím kiếm cái nơm kia, bắt chước kia đi tới, thần căn đã ám độn, chứng nhập không có nguyên nhân, mà phòng ngừa nơi cửa sổ, thực hành đúng thời tiết, trải qua nhiều chỗ cũng hiểu biết sơ qua. Nay người chịu tìm tòi báo ân cho nên khó bịt miệng, trình bày sơ lược hy vọng, ban bố chẳng dấu che.

Ba quán: Một niệm tức không, tức giả, tức trung, nêu cao chí khí lanh lợi của mình bởi Như Lai, chứng ngộ vi diệu, gần gũi suy tìm nới người trí, hoàn toàn do tánh phát, thật chẳng phải do tu mà thành, cho nên đối với một tâm rõ ràng có ba dụng. Có chỗ nói không là tất cả đều không, tức ba quán đều hiện rõ dụng phá tướng. Giả là tất cả đều giả, tức ba quán đều rõ rệt công phu lập phá. Trung thì tất cả đều trung, tức ba quán thảy đều là thể bặt dứt sự đối đãi. Cho nên cả ngày phá tướng mà các pháp đều thành, cả ngày lập pháp mà bụi trần ắt hết, cả ngày bặt sự đối đãi mà nhị đế bừng rỡ, cho nên Bát-nhã bàn luận về không mà tám mươi pháp môn được hiển bày. Duy-ma lập pháp mà kiến ái

trong ba cõi đều mất, Pháp Hoa nhất tâm, tướng thế gian thường trụ, đều do ba quán tức nhau, đến nỗi khiến cho các pháp không thiếu sót, cho nên ba tức chẳng ba, một tức chẳng phải một, chẳng phải thứ lớp mà vào, chẳng phải đều riêng mà quán, không thể dùng hữu mà cầu, không thể dùng trung biên mà chấp thủ, cho nên nói không đều, không biệt, chẳng ngang, chẳng dọc, vì ba và một viên dung, tu tánh sâu kín đâu thể dùng tâm thức mà đo lường được, làm sao có thể giải bày ngôn thuyết cho nên gượng nêu lên rằng: Diệu quán bất tư nghị, nói tức chẳng nói, chẳng nói mà nói biết được như vậy rồi thì đối với tất cả cảnh, dùng đây quán chiếu rõ ràng, lập tất cả hạnh, dùng quán này dẫn dắt thông suốt, biện rõ tất cả việc, dùng quán này thành tựu tất cả, thiết lập tất cả giáo, mở mang quán này rộng rãi. Người tu quán này năng sở đều quên, lấy bỏ đều dứt, cho nên chân như vô niệm, hướng về thì tâm bắt dứt, cả ngày nói bày mà chẳng khác gì không nói, xả bỏ điều này thì chắc đồng với chúng ma, lìa điều này thì chưa vượt qua các ngoại đạo. Cho nên ngài Long Thọ nói: Trừ thật tướng các pháp, còn ngoài ra thảy đều là việc ma. Ngài Ca-diếp nói: Chưa nghe Đại Niết-bàn, trước đó đều là tà kiến. Lớn lao thay diệu tông của một tam ba quán, cho nên Tri Lễ cầu sinh cõi An Dưỡng, muốn lửa tàn mà chết, nương ba quán này bỏ sót trăm phi kia. Nói cõi Cực lạc bởi các Giác hoàng chỉ bày kinh luận, dùng Tịnh độ giáo làm phương tiện thù thắng, nghiệm biết là do Đức Như Lai khéo léo quyền dùng, nhưng quyền danh không hạn cuộc thật lý thông suốt, là soi xét phân biệt mới chọn hay bỏ, quyền ngoài thể cần phải phá, phương tiện trong thể cần phải tu, phá lìa sự thì thô, thật là phương tiện vi diệu của quyền, cho nên Tiểu thừa không nói Phật khác. Đại giáo có nói về sát hải, vì tâm tánh trùm khắp, pháp giới không ngoài, lý cùng cực cho nên khiến sự rộng lớn, vì hoa lớn cho nên xét ao sâu, cõi như hạt châu trong lưới trời Đế Thích xuất hiện lớp lớp vô tận mới hiển bày cõi Tịch quang, thân thể chủng loại trời tỏ ý cảm kích, cảm báo kia kia khác nhau, mới bày tỏ tánh Giá-na, đâu thích ứng cõi Cực lạc không can dự đến duy tâm, cho nên trong Như Lai tạng đầy đủ Niết-bàn, tùy duyên phát hiện, ứng lượng mà biết, đã có thể phơi bày địa ngục thiên cung, đâu không tạo uế bang tịnh quốc, bổn tánh tuy đầy đủ, do tâm phát minh, Di-đà dùng vô duyên từ chọn cõi Cực lạc, Đức Thích-ca dùng biện luận lạc thuyết mà chỉ bày pháp môn vãng sinh, đây đều là quyền phương tiện khéo léo, thâu nhiếp phẩm loại kia chìm đắm trong biển khổ khiến người sợ lui sụt, dạy người quán bất thiện hãy quán Tịnh độ, quyền tướng thêm nhiều. Nay lại nói sơ lược về hai thứ

này, cho nên luận Khởi Tín chép: Mới học Đại thừa chánh tín, cho rằng ở cõi này không thường gặp Phật, sợ rằng tín tâm ý muốn lui sụt. Nên biết Như Lai có phương tiện tốt nhiễp giữ tín tâm, nhưng phải chuyên niệm thế giới Cực lạc pháp thân chân như của Đức A-di-đà cuối cũng được vãng sinh, trú trong chánh định, cho nên chuyên niệm chân như thực hành, đâu khác Đại thừa chánh tín, nương Đức Phật kia làm cảnh, cho nên có thể dẫn dắt chúng sinh về Tịnh độ, đây là phương tiện khéo léo của Như Lai. Lại, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật chép: Phàm phu tâm tưởng yếu đuối, chưa đắc thiên nhãn, không thể quán sâu, các Đức Phật Như Lai có phương tiện đặc biệt, giúp chúng sinh kia được thấy, đây là do thần lực của Đức Thích-ca, tâm nguyện của Phật Di-đà. Nếu có người quán kỹ sẽ nhìn thấy, đây cũng là phương tiện đặc biệt của Giác hoàng. Đã y cứ Viên đề luận bàn thì đồng với phương tiện vi diệu của Pháp Hoa, không hai không khác, các trời chúng ta người, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát sự độ, Đại sĩ tiệm tu đầy khắp thế gian số nhiều như cát sông Hằng, tư duy đo lường cùng tận cũng không thể hiểu biết rõ, chỉ có Phật và Phật mới thấu hiểu cùng tận. Viên tín Viên giải mới có thể tu tạo, Tri Lễ tuy là độn căn thấm lạm Viên giáo, không lìa đương niệm mong thấu đạt đến cõi kia, may mắn lập tức hạ phàm liền dần dần đến quả không lui sụt. Lại nghe đời Đức Phật Đại Thông hàng đệ tử kết duyên đã trải qua số kiếp như bụi nhỏ còn trú trong địa vị Thanh văn, đều do lui sụt Đại thừa, cho nên trải qua thời gian dài Thân tử đã chứng lục tâm, còn lui sụt rơi vào trong năm đường, huống chi học Phật lâu dài. Bởi do ở cõi này gặp nhiều duyên lui sụt, cho nên nói: Bồ-tát mới phát tâm, trong ba việc nhân tác nhân thì nhiều kết quả thì ít. Nếu cầu sinh An dưỡng tức ở nơi bạc địa, nhờ vào duyên tốt mới mới đạt được quả vãng sinh, không bao giờ còn lui sụt, nghe lợi ích này không được cầu vui, liền dụng một tâm ba quán làm thuyền bè, lại dùng sáu thời năm pháp sám hối làm mái chéo cầu vãng sinh Tịnh độ duy tâm, nguyện thấy bổn tánh Di-đà, sau đó vận đồng thể đại bi độ hàm thức khắp pháp giới, thuận theo quyền xảo của Phật cầu sinh Lạc bang, ý kia sơ lược như vậy. Nếu có tâm ưa thích hay buồn chán liễu sinh thương ghét, đã khởi tâm lấy bỏ liền sinh kiến chấp năng sở, khởi tướng lỗi lầm, thật như đã nói, nhân duyên lập đức ở đây sẽ nói lược. Bởi vì vui buồn lấy bỏ, khéo léo làm cho lỗi lầm thành công đức, cho nên ngài Mã Minh lập làm nền tảng thỉ giác, người trí gọi là tiệm của Tịnh độ, Duy-ma dùng kiến ái làm thị giả, Văn-thù dùng tham nhuế làm công năng, đây đều do người dụng có pháp thừa. Hơn nữa chúng sinh trải qua

nhiều kiếp trù cõi Ta-bà, tham thanh sắc thô tế, chấp đắm nơi y báo chánh báo thấp kém, đã không có niệm lìa chán chỉ thêm duyên trói buộc, dù có huân tu nhưng ít có thành công, do ở cõi này nhiều pháp chướng ngại, đến nỗi khiến đạo hạnh khó thành. Cho nên kinh Niết-bàn chép: Được thân người như đất dính trên móng tay, mất thân người như đất trong đại địa vì vậy cho nên các Đức Phật thương xót chúng sinh đây, dùng công hạnh nguyện chọn cõi Tịnh độ, khiến cho chúng sinh khởi tâm kính mến, tạo nhân thọ sinh, dùng lời tha thiết nói tướng nhơ uế, khiến cho chúng sinh nhờm gớm, thành tâm xuất ly, nếu không có tâm này thì không thành hạnh ban đầu, cho nên chẳng nhàm lìa, bỏ thì đây không có nguyên do, không khởi tâm cầu an vui thì không có phần vãng sinh cõi kia, bởi pháp thọ sinh lấy ái làm duyên. Bắt đầu từ sơ tâm, cuối cùng đến Đẳng giác, biến dịch chưa hết, ưa chán không thể quên, huống chi hạnh ban đầu ư! May cầu Tịnh độ, không cầu thân thọ các sự vui, tâm nhiễm bụi trần, vì muốn nương nhờ tịnh duyên kia mau nuôi lớn đạo tâm, do cõi kia tuổi thọ vô tận, y báo tự nhiên, không có người nữ và người thiếu căn, tuy thánh phàm ở chung mà không có tên đường ác, tuy Thanh văn vô biên, lại lìa chấp thật, Đức diệt độ làm thầy dẫn dắt, Quán Âm làm bạn lành, bậc Nhất sinh bổ xứ rất nhiều, bậc thánh Thập địa vô số, tiếng gió phát ra âm thanh kỳ diệu cây trái hoa lá bằng báu, sóng động sông vàng đều phát ra âm thanh hay ho, giải thích cùng tận chỗ chí lý, đã không trái thuận mà lại dứt hẳn tham sân, hễ có thấy nghe điều gì đều nhờ tịch chiếu, đều trú chánh định. Nay các vườn này cần phải cầu dự, cõi báu kia sao không nguyện sinh! Chỉ biết Tịnh độ duy tâm, cõi uế tức tánh, ngay nơi nhàm chán là không nhàm chán, ngay nơi ưa thích là không ưa thích, vậy thì chánh trợ hợp tu, giải hạnh đều vận, thuận theo chánh giáo của Phật, chẳng vì bản thân mình, huống chi Quán Kinh nói nhân sinh thượng phẩm là phải có diệu giải Đại thừa. Cho nên Tri Lễ dùng ba quán kích tâm, năm pháp sáu giúp đạo, lại sợ tịnh nhân chưa đủ cho nên dùng vận mạng cuối cùng mong cầu sự may mắn nương tựa Dự sau rốt mạnh mẽ để làm định nghiệp vãng sinh, nhưng lại nếu không đốt thân, cánh tay, ngón tay thì chẳng phải Bồ-tát xuất gia, kinh Phạm Võng có dạy rõ, nhưng xả bỏ tài vật, thân mạng là pháp cúng dường chân thật văn có nói rõ trong kinh Pháp Hoa, kinh Lăng-nghiêm nói đốt hương thắp đèn nợ đời trước đều phải trả, luân vương khoét thân thắp sáng ngàn ngọn đèn quả mầu mới được như vậy, cho nên hàng sơ tâm hậu vị, thượng thánh hạ phàm đều có thể tiến tu, đồng thời hiện rõ chí giáo, chỉ thực hành chánh giải, tự tránh tà tu, vì

biết tánh hỏa chân không, đâu có tướng năng thiêu, thỉ sở thiêu tự mất. Lại viết thể của Phật là viên mãn nhiệm mầu, đâu có người sở cung thì năng cung cũng vắng lặng, năng sở hai lớp đã dứt tất cả công đức đây thành, đó gọi là pháp môn khổ hạnh. Có chỗ gọi là hỏa quang tam-muội, cảnh của bốn cõi tịnh lập tức hiểu biết, đây là tâm chư Phật đạo tràng đều ảnh hiện nơi đây, chỉ tùy theo sở nguyện sẽ liền vãng sinh. Cho nên ngài Trí Giả nói: Lúc sắp qua đời mà ở trong định thì đó tức là Tịnh độ. Như đây xả bỏ thân uế độ thì tận mé cấu uế, thì lý gì lại không rõ ràng, chọn lựa cõi Tịnh độ như thế thì cùng tột nguồn thanh tịnh, hoặc nghiệp nào mà không bỏ, do đó Vi-đề vui nơi nghiệp báo thanh tịnh, liền chứng vô sinh. Tát-đỏa xả thân tật bệnh ghẻ lở cầu cõi thường an vui, lấy bỏ ở đây cùng với không lấy bọ tự thể không hai thứ, dụng cũng đồng thời, được gọi là ba thứ pháp môn, đó là pháp môn thủ, pháp môn xả, pháp môn bất thủ bất xả, cũng là pháp môn ba độc. Đầy đủ tất cả pháp, cho kinh Vô Hành chép: Tham dục tức là đạo, nhuế si cũng giống như vậy, trong ba pháp này đầy đủ tất cả công đức. Ngài Văn-thù nói: Ta là tam dục thi-lợi, ta là sân nhuế thi-lợi, ta là ngu si thi-lợi. Hiểu sâu được ý này tức một tâm ba quán dẫn dắt tất cả hành, phân biệt rõ tất cả sự, vì dùng tất cả pháp nên xả uế sẽ hết, tất cả pháp giả, lấy tịnh không sót, đối với tất cả pháp không lấy không bỏ, ba pháp này tất cả Như Lai đồng chứng, tất cả Bồ-tát cùng tu, cho nên Tri Lễ nay xả thân cõi uế, ưa cầu Tịnh độ, hết lòng cố gắng. Nhưng tu tâm muôn hạnh, nhập đạo nhiều môn, tùy thích tùy nghi, tùy tu tùy ngộ, dám đem ống mà nhìn hư không, chỉ vì Tri Lễ còn ít tuổi đã thúc giục ý chí, nay đã già yếu trải qua nhiều sự duyên. Tâm này thường tự hiện tiền đối cảnh càng thêm tăng tiến. Tin do nguyện đời trước, dám không cung kính, đến năm sau kiến lập đạo tràng mọi người tin cùng dâng cúng dường đầy đủ. Ba phen trợ duyên của Tổ tiên, đầy đủ nhiều hạnh nguyện của tăng, nên tình cờ đồng với đây, gặp gỡ bí mật xem xét, biết rõ họ tên quan sát kia từ đầu đến cuối, mới dám thỉnh làm đàn việt, vận sức xoay bánh xe pháp khiến cho có thành tựu chút điều lành, khiến nguyện sinh Tịnh độ sẽ thành công. Sau đó giúp cho tông giáo của ta được lưu hành rộng, để cho người chưa nghe được nghe, người chưa ngộ được ngộ, về sau càng giúp đỡ trị giúp thành công, hy vọng đều đáp đầy đủ, tùy nguyện cầu sinh thế giới Cực lạc, mong được đồng hợp một chỗ, đồng bày tỏ nhân xưa, đồng giáo hóa các loài chúng sinh, đồng lên Đại giác. Tri lễ hiện tại không có văn tự vốn là tăng quê mùa phát ra lời thô lỗ rỗng không, hiển lý sơ sót, do vâng lệnh đọc thư trước rằng: Tinh tu sám quy, đến được bổn

tịnh, thư kế nói: Có thể cùng nguồn, lại biết cõi tịnh vốn là tức lý, vì muốn Tri Lễ rộng dẫn chứng Thừa giáo, chỉ bày người chưa nghe là bạo dạn phụ thêm cho bổn tôn, trình bày chút ít ý kiến của mình, khi nghe có nhàm chán có ưa thích mà không lo sợ, không tuyên bày.

THƯ DƯƠNG VĂN CÔNG ĐÁP NGHĨA NGÀI PHÁP TRÍ

Ức viết rằng : Gần đây thư gởi qua bưu điện nên đức hạnh được bay cao, nương nhờ pháp đầy đủ để tăng thêm sự cao quý, hưởng cõi Tịnh độ an vui không bờ bến, cảnh tượng tôn kính rất sâu mầu. Lòng vô cùng cảm động trình bày đâu hết ý, do phụ thuộc hạn chế nơi công cuộc, xa xôi cách trở gợi nhớ chuyện cũ, rong ruổi nơi đây, tuyên dương phô bày, kính tu cảm tạ.

DƯƠNG VĂN CÔNG BA LẦN HỎI VÀ NGÀI PHÁP TRÍ ĐÁP

Ức viết thư rằng: Xa gởi ý bày tỏ trong thư mong đáp lại, nhiều lần đáp lại, chỉ tôn kính chỗ sâu kín. Học theo thế tục nông cạn làm sao đáp đền, liền chuyên đến ý, bền chí đến hỏi ba lần, chia giấy đầy đủ, mong ban cho ý kiến! Nếu khế hợp với tâm thấp kém, thì đáp riêng cho biết, nhưng hy vọng chứng lấy Niết-bàn, cũng giúp đỡ chuyên tu đến cùng. Ức xin bài bạch!

Thừa Sư có nói: Tịnh độ Tây phương gió thổi ngân nga, hoa lá bảy báu, sóng động sông vàng, đây là cảnh giới bậc nào?

Đáp: Ngay nơi sự thấy nghe này càng không có đạo lý, đã hiển rõ giáo nghĩa đâu tránh khỏi bảy tỏ chí hướng. Xét rằng y báo, chánh báo cõi Tịnh độ đều giảng nói pháp nhiệm mầu, người nghe hợp hiểu, căn trần bắt dứt dấu tích, vật ngã như một, đâu chấp có người đối với cảnh giới khác, đây là người tu hành viên đốn, dùng căn đối trần, khi khởi thức liền hiểu rõ, dùng Phật giáo đối pháp giới, khởi pháp giới, thật chẳng phải cảnh ngoài tâm, tâm ngoài cảnh, tâm tự biết tâm, cảnh tự thấy cảnh, cảnh đâu thấy cảnh, tâm đâu biết tâm, thấy biết đã quên nói năng giải thích cũng bặt dứt, cho nên gượng gọi là cảnh quán bất tư nghị, địa vị phàm phu tu còn như vậy, địa vị của bậc thánh chứng làm sao nói được. Lại nếu nói về cảnh sở lìa tướng khác nhau thì thô trong thô là cảnh giới của phàm phu, tế trong tế là cảnh giới của Phật, đây là do giáo đạo phân biệt. Nếu nay nói đầy đủ thì không mà lìa hàng sơ tâm lìa được sở lìa cửa Phật vì một tâm ba quán tức Phật trí, cho nên thư trước nói: Đối tất cả cảnh dùng đây quán chiếu rõ, nghĩa là ở đây.

Thừa Sư có nói: Đốt thân đốt tay chân mới là Bồ-tát xuất gia, xả

bỏ thân mạng, tài vật mới gọi là pháp cúng dường chân thật, lời này rút ra trong hai kinh Phạm Võng và Pháp Hoa nhưng đều là lời nói của ma vương, chẳng phải chánh giáo.

Đáp: Phật và ma cách nhau bao nhiêu, tà cùng với chánh có thiếu thừa chỗ nào, bởi do bổn lý đầy đủ tánh ma và Phật, không hai mà một, hai mà không hai, tùy duyên phát hiện, thành Phật thành ma, tánh đã vốn dung tu, đâu thể khác nhau cho nên Viên thật giáo xưng tánh mà luận, ma giới như, Phật giới như, nhất như, vô nhị như, cho nên nói ngoài ma không có Phật, ngoài Phật không có ma, cũng là một ma tất cả ma, một Phật tất cả Phật, đều xứng với Pháp giới, đều là một thể trùm khắp tất cả, cho nên đều được gọi là vua, đều sớm hiểu biết các pháp. Nếu đối với ma và Phật mà khởi tâm hơn thua thì tự là tà tư, chẳng phải chánh quán, nhưng pháp ma vốn vi diệu, như trong nhà giàu đầy đủ bảy báu, nhưng chúng sinh phàm phu bị mù bẩm sinh không hiểu biết, chuyển động thành trở ngại, bị báu làm tổn thương, hàng Nhị thừa quen lo lắng, thấy quỉ hổ, rồng rắn sợ hãi cho nên trốn tránh, hàng Bồ-tát tiệm tu cũng như nhìn ban đêm không thấy rõ ràng. Chỉ có hành giả của Viên đốn từ lúc ban đầu quyết định thấy được bảy báu mà dùng tự tại, chỉ có Phật không ngăn ngại. Ma là pháp giới ma, là pháp vương bạc địa, chỉ có lý tánh, là sơ học chỉ danh tự, là năm phẩm quán hạnh, là Thập tín vị tương tự, là Bồ-tát pháp thân phần chứng, đó chỉ là Diệu giác Như Lai rốt ráo, cho nên ở địa vị này mới cùng nguồn tột gốc sự lý ma pháp, đầy đủ khả năng đối với ma giới, gồm nhiếp tự tại thì thành tựu nghĩa ma vương. Nên biết Ba-tuần xưng ma vương là có danh mà không có thực, do có khả năng thống nhiếp tự tại, cho nên kinh Niết-bàn chép: Thế đế chỉ có danh mà không có thật nghĩa, đệ nhất nghĩa đế vừa có danh vừa có thật nghĩa. Nếu vậy thì kinh Phạm Võng, kinh Pháp Hoa là thật do ma nói đâu còn gì nghi ngờ, vì ma vương cùng một thể với giác mà khác tên, như Đế Thích một thân có đủ ngàn đức nên có ngàn tên, sao Nhân-đà-la nói khác với Kiều-thi-ca nói ư! Nay cho là ma vương nói chẳng phải riêng không khác với Phật nói mà có thể hiển bày viên tông, vì sao? Vì viên không tự viên, là các pháp thiên tà, mỗi khác đều là viên. Pháp Hoa xoá bỏ pháp Thanh văn, là vua của các kinh, sao không xóa bỏ ma vương là vua ư! Chỉ vì ngoại ma dễ khai, vì vậy Đại thừa nói Thanh văn khó khai cho nên Pháp Hoa tùy theo khó mà chỉ bày riêng đó thôi. Như Hoa Nghiêm nói Bà-la-môn thắng thục nhảy vào lửa hóa độ người thì hoàn toàn là dụng hạnh của ngoại đạo, cô gái Hòa-tu-mật-đà nhiễm dục, để nhiếp sinh thì hoàn toàn là dụng pháp của Ma-la.

Nếu chẳng trú sâu trong pháp giới của ngoại ma thì đâu thể khiến cho vô lượng người chứng được tam-muội, mới gọi là thực hành phi đạo mà thông đạt Phật đạo, huống gì nay thiêu đốt thân, đốt tay chân chánh trợ hiệp hành, xả bỏ thân mạng tài vật, gồm cứu giúp cả tài thí, pháp thí, tất cả pháp thú hướng khổ hạnh gọi là pháp giới. Giáo chủ đã cùng ma Phật, thể một pháp môn, thì tà chánh vốn dung hòa mới gọi là cụ túc thi-la, cái gọi là phương tiện trong thể là ý của ma nói, há không như vậy ư! Như vậy nghe ma không sợ, đối Phật lìa chấp, mới là nghiên cứu thô về công phuba quán. Thư trước nói: Lập tất cả hạnh dùng quán này, là dẫn dắt có nguyên nhân.

Thừa Sư có nói: Hòa quang tam-muội là pháp môn khổ hạnh, đương lúc kiếp hỏa thì Đại thiên đều bị thiêu họai cháy chết, vậy người nào thọ sinh ở cõi Cực lạc?

Đáp: Đến khi đốt thân đâu định có người thọ sinh cõi Cực lạc, khi kiếp hỏa thiêu đâu nhất định không có người thọ sinh cõi Cực lạc, cho nên kinh Tịnh Danh nói: Tuy nghiệp thiện ác không mất mà người tạo ác nhẫn chịu vốn không. Kinh Pháp Hoa chép: Khi kiếp thỏa thiêu cõi ta đây an ổn hàng trời người thường đầy dẫy, trang nghiêm an vui, vì người khổ hạnh tức người khác xưa nay lìa tướng có không, người xưa nay tức người khổ hạnh, nên chẳng phải pháp sinh diệt, toàn tu tại tánh, toàn tánh thành tu, lúc đây lúc kia, không thêm không bớt, thật bất khả tư nghị, chánh thọ này thể là nhân pháp vô thượng, xuyên suốt ba đời, trùm khắp mười phương, thường trụ hoại không không thể biến chất, thủy hỏa phong tai chưa bắt đầu lìa dụng, dùng toàn vàng làm nhẫn, lìa nước không có sóng, đâu chỉ một lý bao gồm thông suốt, hoặc cũng thâu nhiếp hết đương niệm, cho nên mười phương sát hải, chín cõi qua lại đồng hướng nhất tâm, gọi là diệu tam-muội mà dùng khổ hạnh làm chủ vốn trị việc ác, giúp mở lý tu, lấy dụng tâm làm tối hậu mong cho tịnh nghiệp thêm lớn, chánh trợ đã hợp vận liền tu tánh nhất như, không lìa tâm này mà đến Cực lạc. Thư trước nói: Thực hành tất cả việc do đó quán thành, kia là ở đây vậy.

DƯƠNG VĂN CÔNG TẠ ƠN PHÁP TRÍ ĐÁP BA CÂU HỎI

Ức nói rằng: Gần đến hỏi nguyên nhân, xa vâng lời đáp, kính nghe liễu nghĩa, đặc biệt trừ sạch tối tăm, bởi long tượng cùng cực luận bàn, nối tiếp anh hùng gặp vận, tạo nên sự nghiệp, y đó mà hiểu rõ, phụng mạng để vâng theo thực hành, đủ chiếu soi rõ nơi sắc không, mới hòa đồng với tâm cảnh tùy nguyện vãng sinh, phước trí đều trang nghiêm,

được Phật xoa đầu thọ ký, có gì là xa xôi, đắc chánh vị pháp nhũ, nhưng mà người ít học nghe kịp, làm thinh chẳng cho, có nghi phải thưa hỏi, không liên quan đến ngã nhân, nhìn thấy tướng mạo rõ ràng, hy vọng thấu đạt ngưng giây lát, như tiếng vang trong hang núi tùy âm thanh chuyển động đáp ứng rõ ràng, gương soi lửa sáng lập chiếu thuận theo hiện rõ hình dáng. Như lý mà nói là tiêu biểu cho phát điểm quan trọng, y kinh để giải thích, vị cặn bã để nghiên cứu sâu, kia như câu "lìa bốn dứt trăm phi" cuối cùng xa tít mờ mịt, mất lời, quên lo, chẳng theo phan duyên, chỉ là tông phong của thiếu thất vốn là nụ cười mỉm ở Linh sơn, vừa thấy liền khởi niệm đã lần đến Tây thiên, ngây ngất như vậy mà quên tình, chính ngồi trong hang núi có tu có chứng, lo khoét để thành vết thương, dùng tâm truyền tâm, bèn giơ ngón tay để chỉ mặt trăng, mình và người tuyệt đường, chúng sinh và Phật đạo ngang nhau, ngay đó đảm đương, đến đời vị lai mà táng mất, cho nên ngài Hoàng Bá dùng gậy đánh Lâm Tế đau đến ba phen thì Lâm Tế tự biết. Ngài Thuyền Tử chèo thuyền mà ngộ nơi ngài Giáp Sơn, một sát-na mà đốn ngộ, hoặc hoàn toàn không kích phát làm cho dứt mất tông phong, nhưng cơ phong thiếu thất là cầu khế hợp đạo, cung kính thừa sự chỉ dụ, nhưng chứa dồn lòng tôn kính, tin tưởng sức lãnh chúng, đáng đạt được thiền lạc sâu xa, chưa hy vọng chiêm bái, nhưng chứa dồn nương tựa, kính cẩn phụng mạng chắc hẳn sinh tâm cảm tạ.

PHÁP TRÍ LẠI GỬI THƯ CHO DƯƠNG VĂN CÔNG

Tri Lễ kính cẩn tắm gội sạch sẽ đốt hương mài mực viết thư xem xét kỹ rồi gởi lên đàn việt. Tri Lễ tự suy nghĩ, ở nơi vùng biển ngăn cách xa xôi thăm thẳm, thường tư duy oai nghi của Duy-ma-cật, luôn dùng phương tiện phá thiền-na. Cúi mong xem xét đại đàn việt, sớm gần gũi tiên Phật, chứng sâu vô sinh, dùng bổ nguyện mà huân tâm, tác đại thần mà hộ pháp, cho nên được thông suốt Nho Thích, cho đến hạnh giải, thực hành thiền định, truyền pháp mở mang giáo pháp khởi tưởng bạn chí thân, tha thiết vì pháp, chuyên nghiên cứu cùng tận về lý, giữa thời đại bây giờ chỉ có một người như vậy mà thôi. Nhưng Tri Lễ tôi trí tuệ chẳng chứng hiểu sâu, hành chưa vượt hơn thường tình, gặp được bạn tăng thấu đạt điều phải trái, liền ban tặng sự tốt đẹp đáng quí, đặc biệt phân phát ân đức, tiến cử để sai khiến, nương ở tiêu biểu giải thích về nghiệp, tuy bổn tâm chẳng ham muốn nhưng đối với đại giáo có rực rỡ vẻ vang vẫn là tự tâm diệu chứng, đặc biệt dù có tư duy nạn vấn cũng có thể phát minh ý chí suy xét mầu nhiệm, giúp cho mọi người ngộ giải

Viên tông. Đã được sự kích thích đâu dám không đối đáp, thật cho rằng đem vàng đổi mì, đặc biệt chẳng như tiếng dội, lời đáp đâu có kỳ hạn, chịu khó bày tỏ thư dài, từ xa yên tâm gởi đi, tin chắc ý chỉ văn từ trùng lặp vượt qua sự tô điểm, thấy suốt rõ chân phong thiếu thất, ngẩng cao thể mật chỉ tinh sơn như thế là siêu ngộ, thật cho rằng đáng vượt ngoài đồng loại, lại thương xót nhân từ sâu nặng, thành khẩn khuyến khích khiến sám đủ ba năm, lại lưu thân bốn đại, thương nhớ nơi đàn việt cho rằng ắt có ích, như sự hóa độ của vị tăng thấp kém biết bỏ mới thành, bởi do dùng giáo chiếu soi tâm trải qua sự nghiệm xét thực hành. Tuy tu ba quán mà chưa phá được bốn ma, tuy vận từ bi mà dần dần sinh ái kiến, không có thuyền cứu vớt thì bị chìm đắm, mắc bệnh xứng với thuộc, đã không có công cứu giúp thì trị liệu đâu có ích, mong muốn chân thật hóa độ phải nói đến cõi Tịnh, cho nên y theo Đại thừa chuyên tu diệu sám, nương nhờ tịnh cảnh đạo tràng, nhiều duyên lẫn lộn, thay đổi việc đời, năm pháp sám hối rửa sạch tâm, một phen nghe giảng huân vào hạt giống, trợ giúp pháp quán vô danh, hy vọng tâm sáng suốt đầy đủ đức độ. Lại vì nương thúc chưa suy ắt đối với tuệ mạng có thể sách lệ kính cẩn đền đáp nguyện xưa, quyết định vãng sinh, vì suy nghĩ bị quả báo hiện tại mạnh lôi kéo, lại lo lắng tai họa đời trước mà ai đoạt mất, bèn nương khổ hạnh mong tạo duyên lành, dụng công hiểu biết mỏng manh, dẫn dắt niệm lúc sắp qua đời thì không diệt mà diệt, đợi đến sau cùng thân thể tiêu hoại thì không sinh mà sinh, thấu triệt nguồn gốc mà chọn lấy cõi nước, bốn mươi năm nêu ý, hy vọng đây có thể báo đáp, thọ thân trăm ngàn kiếp, lược xét đều là trống rỗng, giúp nguyện đầy đủ cho hạng thất phu, khó vâng theo lời nói của bậc đại sĩ, cõi này thấy mặt tuy trái, cõi kia thấy mặt ắt thỏa lòng, mong mỏi năng lực ngoại hộ, dùng thời gian xứng với bổn tâm. Vẫn nghĩ nhớ tạo nghiệp giáo thừa, mong nương nhờ ân Thiên thai che bóng, khiến cho thừa thừa tiến lên không ngừng, khiến cho mọi nơi đều nghe, chỉ có việc này gấp trông mong sự thấy được thỏa lòng; Thư Tri Lễ không thành chữ, lời không thành văn, mong tiêu biểu tất lòng thành, chẳng đáng nhờ tay, lấy đây nói lên tình cảm, một, hai trong ngàn muôn, cúi mong lòng từ của Thiên thai ban ơn, nhớ nghĩ. Không tuyên diễn.

DƯƠNG VĂN CÔNG LẠI GỬI THƯ THỈNH NGÀI PHÁP TRÍ TRỤ LẠI THẾ GIAN

Ức lại hỏi thăm, bỗng chốc tỏ bày cung kính thành thật nguyện tuổi thọ trụ lại thế gian lâu dài, chịu thuận theo âm thanh báo đáp, mong

ý chí bền chắc, như vậy để trở lại Thiên thai giáo làm mở mang bờ cõi của mình mà bắt đầu xướng, nhờ cậy Hương Tượng phụ giúp, đồng hoa ưu-đàm một phen khai mở; hoặc lựa chọn chứng cõi lạc bang, sao có thể phò trợ pháp vận, Đức Thích-ca nhớ thuyết quá khứ, không hướng đến Niết-bàn, lưu trú lâu dài, dự liệu chứa nhóm phép tắc xưa, hy vọng quán sát thời gian dài, thật là may mắn lắm.

THƯ DƯƠNG VĂN CÔNG GỬI THÁI THỦ LÝ DI CANH, ĐỒNG THỈNH PHÁP TRÍ TRỤ LẠI THẾ GIAN

Ức viết thư rằng từ xưa đến nay thuận theo điều nhất định, làm sao đến cùng, liền nghe nói rằng: Không tránh khỏi sự phiền nhiễu, thuận theo tôn quí giáo chủ Thiên thai, lễ bái Đại sư tinh tu sám nghi, trước hết tất cả năm ghi chép sẽ xu hướng hỏa hóa dể diệt thân, bởi ức vốn nghe phong tụcx kia liền khuyến khích thông suốt bí điển trong thành lớn chỉ bày vượt qua cửa sông Thiết giang, vừa truyền diệu cơ chỉ quán, bằng lòng nối dõi tuệ mạng của Đức Phật Thích-ca, thật là xứng đáng long hổ của kinh luận, làm đèn sáng trong bóng tối, nếu trụ thế lâu dài tất nhiên lợi lạc chúng sinh, dần dần rộng lớn, văn thư chồng chất, chí nguyện vững chắc, phù hợp với bốn chúng, tra hỏi không ngừng, vượt qua sự trở ngại của sông, nhanh chóng nối tiếp theo kịp đạt đến âm kia, rất giống thuận theo, còn lo giữ gìn nguyện đời trước. Hoặc chẳng nhìn lại thân huyễn hóa, tâm trông mong đôn đốc sự giúp đỡ bên ngoài, cùng vận mạng trụ thế lâu dài, phù hợp giảng nói đại giáo, có thể gây dựng nhân thù thắng từ xa khấn nguyện nơi đây, vì vậy mà kể lại nhiều ở đây tinh chuyên thâu nhiếp là thích hợp.

THƯ DƯƠNG VĂN CÔNG GỬI SÁM CHỦ CHÙA THIÊN TRÚC

Ức viết rằng: Từ xa kính ngưỡng phong cách khác thường, giảng nói rộng chỉ giáo, nối triếp tuệ mạng của Thiên thai, phù hợp với căn cơ bậc thượng ở Triết giang, làm thịnh vượng nơi bụi trần phiền muộn, cách ngăn dặm đường, tự thân lo lắng nói năng dịu dàng, chẳng thấu rõ ứng nghiệm năng thuyên, bạn từ xa đến đáng được kính trọng, đồng gởi thư đến Hán Thượng, người trí biện giải khó tri lời, kết bạn ở Hương Sơn, tâm nguyện còn chứa nhóm kính vâng thừa mệnh đạo lý quen thuộc. Bên trong chứa nhóm biểu lộ vẻ mặt thẹn thùng, bên ngoài bộc lộ sự kích trọng làm việc thêm hơn, không giảng nói.

LẠI GỬI THƯ THỈNH NGÀI PHÁP TRÍ TRỤ LẠI THẾ GIAN

Hôm qua, nhân nghe chùa Diên Khánh ở Minh châu lễ bái Tọa chủ kết nhóm tăng nhập sám kỳ hạn ba năm đều xu hướng theo hỏa hóa, huống chi nay tăng truyền trì đại giáo đồ chúng đều nhóm họp về, làm thấy dẫn dắt thế gian, khai mở tuệ nhãn cho người trụ thế lâu dài làm lợi rất nhiều, liền mở thư rộng khuyến khích người khác, có trả lời thư trình bày đầy đủ chính xác ý muốn. Nay đã mời được đệ tử Trí Hoàn đến, đây là đệ tử trì giới của Đại sư Tổng Ấn Trừng Công, hiện muốn chuyên xét lựa thư từ đồng như nước mùa xuân kia, thỉnh sư Trí Hoàn một lần trình bày khuyến thỉnh. Trộm nghĩ thầy ta cũng đồng vãng sinh và giáo hóa ở phương Đông nam, phải nương cậy lời nói thật của pháp hữu, chịu lưu lại Đại sĩ trú lại thế gian cùng nhau thứ lớp phân chia kỳ hạn, giúp đỡ xem xét thư từ, trước hết dẫn dắt những người có hoài bão như đây.

DƯƠNG VĂN CÔNG LẠI GỬI THƯ LƯU PHÁP TRÍ TRỤ LẠI THẾ GIAN

Ức viết thư rằng: Gần đây chuyên theo khuynh hướng nương cậy đã thông, nghe phụ thuộc vào tang lễ, ban đầu cố nhiên trình bày những điều trong lòng còn chưa thực hiện xong, hoặc là kính cẩn trình bày khuyến thỉnh kính mong trụ lại thế gian lâu dài, người tại gia xuất gia đồng kính thành, thầm hợp nguyện của trời rồng thuận theo lời vàng xa an ủi, trong lòng rối bong, chỉ bí mật giảng giải Thiên thai giáo, trách sai lầm đường dứt bặt, nhưng tuệ mạng Linh sơn có thể rộng truyền đăng (thắp sáng), xã hội bạn bè cùng nhau vui vẻ. Không ai thay nhau báo đáp. Còn lo lắng Đại sư chưa quên niệm cũ, còn chấp lời thề bên ngoài, tuy thuận theo sư thỉnh cầu giải thích, bên trong ý chí còn xác thực, huống chi nghĩa thiên mới hiển bày, hóa độ cõi có nhiều chúng sinh nương ở, cầu đảo số kiếp tăng thêm tuổi thọ, dẫn dụ căn cơ dần dàn thuần thục, làm lợi tha rộng rãi, báo đáp ân sâu của Phật, kính thành phát lộ tấc lòng, may mắn giúp cho mọi người kính ngưỡng, cẩn thận tu tập trong mọi hành động thưa hỏi cúi mong quan sát cẩn trọng.

PHÁP TRÍ LẠI TRẢ LỜI DƯƠNG VĂN CÔNG

Tri Lễ suy nghĩ, mây tại quê hương của vua, báo dừng lại khi núi bị sương mù, tuy phân chia rõ ràng mà nói năng im lặng cách xa nhau, đạo nối tiếp tinh thần giao cảm, sớm tối tự gần đâu cho rằng từ tâm thấy rõ, ngọc khuê được đánh dấu nối nhau đem đến, ngồi cao sợ hãi dung mạo nghiêm trang, mở phong thư trình bày nơi giấy chữ viết đời

xưa tươi đẹp rực rỡ thể chất kết thành một thứ mây trắng, hạng người kia chèo chống ngược sóng, văn chương vượt bực, phô bày bóng bẩy, khinh miệt người khác, chạm ngọc đặc biệt tìm tòi ý chỉ cao nhã, nghi ngờ lo sợ không giữ lời hứa, cần kíp nói theo Tri Lễ, sở học thông suốt, tình thường biện giải phân rõ kỹ càng, thông thạo việc khó, bờ cõi rộng lớn không cùng cực, muốn dạo chơi xem xét nơi quê hương bằng phẳng rộng rãi, nhờ đây mà kính ngưỡng, chỉ ao sen mà muốn rong ruổi, nhóm họp răn bảo để nói, cuối cùng tránh khởi sự dừng ứ hội họp ở Đốc thành, dần dần xem xét mình, dời đổi chí khí hăng hái, đã thông suốt thương yêu muôn vật, lời nói sai lầm đâu thể trở lại, bởi do bí mật xem xét quan Thị lang, tô vẽ giáo môn, trang hoàng nhà từ, chỉ sợ thay đổi tốt đẹp sáng suốt, tinh tường nghe tông viên đốn, thân tỏ hiên ngang, trên giúp đỡ nhân chủ, dùng đạo vắng lặng chiếu soi, có thể giúp Đức Phật, muốn tiến lên sau bậc hiền, đặc biệt gần làm khuôn phép chỉ nhận biết hành động suy nghĩ thông suốt điều này, đâu đồng với sách ghi chép dẫn dắt, như người khách dừng chân khóc lóc, dòng châu tuôn chảy, chưa đủ để tưởng nhớ, phong tặng bảo vệ người báo điều lành, chỉ hiểu biết phép tắc ngôn ngữ, tiếp nối trao truyền thông suốt, mong báo đáp sự khuyến khích. Tri Lễ kính dâng tôn từ hữu tình không tùy ý.

THƯ PHÁP TRÍ TẠ ƠN LÝ PHỤ MÃ TRỤ LẠI THẾ GIAN

(Phu Mã sách bị thất truyền).

Tri Lễ kính nghĩ xưa cầu tạng bí mật, nhân tự xét tài hèn, nước chảy đá mòn, không mua bán danh lợi, kết cuộc nhìn kỹ trở lại nghèo, chỉ theo thói quen mong muốn vui vẻ, tính toán cân nhắc, từ bỏ thân như huyễn mới mong mau thấu đạt trí tuệ vô sinh. Há cho rằng khác xa vốn thường, liên quan đến nhau, từ xa chỉ bày âm thanh nhiệm mầu, lời văn khúc chiết, làm kích động khiến cản trở lối trở về chân chánh, chọn lựa chữ vàng ngọc như luyện đơn trong nhà, sáng suốt như cành vàng lá ngọc mãi mãi trong sáng, ngàn quân chưa nặng, ba quán sao nhàm chán, trở lại lo yếu đuối, dám nói những điều hơn người nhưng do Phụ Mã Đô úy là người đáng kính ngưỡng, làm phép tắc nước nhà, thần tình soi sáng phẩm cách khác xa, cảnh mới kham tướng ác, âm thanh trong trẻo phấn chấn tuyên truyền chưa thể cùng đi, vì tôn trọng đạo, quý người có hành động tôn kính khiêm nhường, đã có nhiều hình thức khuyến khích, sao bằng lòng đem lời ban cho, đó có lẽ là hết sức già yếu, hết sức ngu dốt, lại giảng lại nói may mắn nương nhờ lợi ích lớn, tôn kính cảm tạ hồng ân.

THƯ PHÁP TRÍ CHÚC MỪNG DƯƠNG VĂN CÔNG ĐƯỢC TĂNG CHỨC HÀN LÂM

Tri Lễ thầm xét vinh dự được kính thờ tôn tượng, đứng đầu nhà ngọc, vỗ tay vui vẻ, cùng cực yên nghỉ, không phụ thuộc theo, kính mong chúc mừng an ủi cung kính, quan Thị lang hàn lâm cao cả, do chứa nhóm công hạnh nhân đức, có đạo đức phụ giúp không lấy sắc đẹp hình dáng làm mê hoặc người đời, tính toán xoay vần có thể kém hơn Tử Phòng, ngay thẳng như người đời trước chưa mặc ý hướng về, cộng thêm ý chí mạnh mẽ cao vời, bảo dưỡng tình cảm như sách xưa chép, kết thúc văn thiếu sót trăm đời, soạn nghĩa xét bộ, thử dò xét ngàn phen âm thanh còn sót lại, khảo cứu văn từ đến thứ bậc, chịu chứa nhóm, chuyển biến ghi chép các nguyên nhân đầu mối, bao trùm hình tượng bên trong của bác cực, cho nên đắc địa vị với Tam phụ, giúp tâm thận trọng con ngươi, đâu phải xem cỏ mà cho là cao cả hơn rừng hoa, ắt có thể chịu ăn canh mà ngồi lầu gác. Tri Lễ thẹn cho mình chẳng tài trí hơn người, chịu ân ghi nhớ, thành rộng lớn tông nhiệm mầu, sao đắm chìm ở đương thời, Bạch liên tịnh xã sáng chói thịnh vượng nơi rừng xưa, huống chi Thiên mạch mà xa hiểu tâm đầu ý hợp, nhưng còn trở ngại từ phía Tây vọng nhìn cửa nhà trọ, sơn tình không tin tưởng, sáng suốt đến chân thật.

THƯ DƯƠNG VĂN CÔNG TẠ ƠN PHÁP TRÍ CHÚC MỪNG

Ức viết thư rằng: Gần đây khởi sự lợp nhà, nhặt nhiều sợi tơ xe lại bện thành hai lớp, lại nêu rõ dấu vết bên trong, vẫn đứng đầu, gần ngôi thứ, phụ thuộc gầy dựng hết sức to lớn, cố nhiên tính chất rất khô cạn, thường nối nhau ghi chép phân biệt rõ ràng, không thể trốn tránh từ chối mà không gắng sức để làm việc, càng tăng thêm sự chia lìa, nhận lấy lời chê trách. Giáo chủ Đại sư hướng khuyên răn đạo lý thân thuộc, sao tốn công gởi thư chúc mừng, ngẫng đầu trộm nhìn kín đáo siêng năng đầy đủ, chỉ biết tha thiết cảm động, giữ sự hổ thẹn, cẩn thận tu sửa bày tỏ sự cảm ơn.

LÝ PHỤ MÃ DÂNG TĂNG DANH HIỆU PHÁP TRÍ , ĐÀM CHÂU GIỮ GÌN TIẾN CỬ PHỤ MÃ LÊN CHỨC ĐÔ ÚY LÝ HUÂN TÚC

Tuân Húc viết thư rằng: Dấu chân trẻ con, thứ bậc quan chức, như vậy thuần thục đạo đức phong cách, xa ghi nhớ tên thành ngân thủy, sớm mở mang Mật giáo Thiên thai, hai chữ bán mãn ý nghĩa sâu xa

thuần túy, ngày đêm sáu thời siêng năng tu đạo không biếng nhác, tôn kính sự tu tập sùng bái, chỉ bảo cho mọi người hòa nhã vui vẻ xu hướng vào nhau, sáng sủa rực rỡ tinh tường, đáng làm đảo châu báu, thường thông thạo âm thanh, nhờ cậy khăn bát, gần đây gặp ngày giờ tốt liền cầu danh hiệu Trí giả, cung kính bày tỏ công ơn ban thưởng, xem xét cõi trần phiền nhiễu để không thuận theo mà làm hưng thịnh tông giáo, biên tập đạo thượng thức mà khuyến khích cùng khắp, tuổi pháp được an trụ, thọ mạng kéo dài, hộ trì bên trong phát huy thêm rộng, may mắn chỉ quán xét tâm từ bi của đạo, cúi đầu khẩn thiết thuận theo kết duyên, dương cờ dựng xây sự tình khéo yên ổn, bí mật trông ngóng ca ngợi như đá mài dao sắc bén, vì sao đã răn bảo kia ghi chép một đường, lần lượt truyền đạt thêm, thận trọng mọi hành động bày tỏ chúc mừng, bao gồm sự tra xét.

LỜI BẠT CỦA PHÁP SƯ TUỆ CHIẾU TRẢ LỜI THƯ QUA LẠI

Có người chết nặng như núi Thái, có người chết nhẹ như lông ngỗng, bởi lẽ ấy nên phải suy cứu nghĩa thích hợp. Tỷ Can ở dưới thời nhà Thương, Ngũ Viên vào thời Ngu, Kỷ Tín thời Hán, cảm động lòng yêu nước cứu chúa nên những bậc trung thần này chết nhẹ như lông ngỗng. Quản Trọng thì cố chấp, Tăng Tử thì tránh giặc cướp, Tử Phòng thì ẩn núp, cố chấp trí sâu chí cả, cho nên chết nặng như núi Thái. Tiên sư Tuyên Ni có chế ra khuôn phép: Nói thì chắc chắn phải tin, hành thì chắc chắn đạt kết quả. Kiến thức hạn hẹp là tiểu nhân ư? Tổ ta thệ nguyện lúc bỏ thân trên mong Thiên Tứ biết thưởng thức, kế nữa tướng các châu biết giữ gìn. Khi chết thì hao tổn rất nhiều, khi sống thì làm nhiều lợi ích. Muôn một không rảnh rỗi để quan tâm điều này, âm thầm thiêu để vào hang sâu, thì cũng tin chắc là kẻ thất phu. Hệ phái của người trí, có thể làm hưng thạnh hay chăng? Ngày 19 đầu hạ niên hiệu Kiến Viêm năm thứ hai, pháp tôn truyền giáo của Đại sư Tuệ Chiếu soạn lời bạt.

THẢO AM GIÁO UYỂN GHI LẠI NHỮNG VIỆC CHỈ DẠY QUA LẠI KHI TRẢ LỞI THƯ

Pháp Trí đã kết hội Liên xã, thiêu thân nguyện sinh về Tây phương. Nội Hàn Dương Công Đại Niên nghe phong thái này sợ lụy đến thân nên khuyên thỉnh, nên gắng đến hỏi mấy lần. Có người hỏi Tịnh độ là cảnh giới của người nào? Có người hỏi Pháp Hoa, Phạm Võng đều nói cho Ma vương. Dương Công này dùng lý trình bày việc. Nhưng hỏi

điều này Pháp Trí dùng sự tức là lý, nên đáp tất rằng: Việc thấy nghe này không có đạo lý. Lại nói: Phật và ma cách nhau bao nhiêu? Sau này Dương Công cám ơn đáp: Cung kính nghe liễu nghĩa, dứt sạch những điều hôn mê, vì đây là các bậc long tượng luận bàn, tiếp nối vận hùng như mây sấm, đây hoàn toàn là những lời tất: Có nghi chắc chắn có tranh luận, không quan hệ đến nhân ngã. Đối mặt nhau chỉ bày, đạt được cội nguồn kia. Chỉ nói tông phong Thiếu Thất, nhìn cười bày đường xưa, cho đến Hoàng Bá ăn gậy đau đớn khôn xiết của họ Lâm Tế, Thuyền Tử chào Giáp Sơn. Dương Công này dùng thiền đoạt giáo. Nhưng Pháp Trí lại khải phát, đặc biệt không lãnh hội điều này. Vốn khi xưa Thiền giáo giúp nhau, nếu không được như vậy, thì biết thủ đoạn của đại Tông Sư phải tự có chỗ thể hội.

Thư của Tiền Đường Chiêu Giảng Chủ dâng lên Pháp sư Tứ Minh. Tỳ-kheo Khánh Chiêu pháp môn Tiền Đường đem thơ đến, Tứ Minh giảng chủ lễ thượng nhân. Đạo của Thiên thai, tổ Long Thọ, y cứ theo Nam Nhạc từ đời Trần, Tùy đến Hoàng Triều, hơn bốn trăm năm. Long Thọ đến Kinh Khê chín đời, Kinh Khê đến chúng ta mười đời, trong thời gian đó, những vị tài giỏi xuất hiện, giảng nói tướng vọng, các bậc hiền xuất hiện rất nhiều, người học rất nhiều, người đạt được pháp môn này rất ít. Năm xưa có nghe, Túc Hạ thông hiểu đại thể bốn giáo, xây dựng cội nguồn Tam giáo. Thật đúng như lời dạy tu hành, chỉ có ngày nay không xứng đáng nên nói đạt được pháp môn này, nghiên cứu đến nay cũng không thêm, chỉ tiếc một điều là không gặp được một ngày. Đến khi thấy Túc Hạ quán tâm về ba trạng thái nghĩa, quả nhiên thấy người hiểu sâu, nhưng lý sâu xa học hiểu rộng mà ý chí sâu sắc, có lẽ văn từ mạch lạc, tài hoa bộc phát, tìm cầu và có tài năng, lại khó làm được, những chỗ nghĩa kết cấu này, tuy chẳng đồng với ngu, nhưng mỗi lời đều hiểu được. Nói lên sự kế thừa này, thì đâu có hại gì? Từng tĩnh lặng suy tư điều này, nếu người biết nói ngu cùng Túc Hạ, khổ tâm hết lòng vì pháp. Nếu người không biết cho rằng: Tranh giành cầu lợi, lại có những điều không biểu hiện thì có ẩn mất hay chăng? Nhưng có người ngậm miệng không nói, lúc này mới như vậy, đời sau nếu có người biết, điều này làm thế nào? Từ trước, biết Túc Hạ làm ra sao chép yếu chỉ, hiểu được mười điều trong pháp môn không hai, vì một lý sâu rộng, phân biệt sự được mất của hai nhà, hai năm trước tuy có hứa chỉ dạy, nhưng chưa thấy được văn này, tha thiết kính mong như đói khát. Nếu không ăn mà nói, thì chắc chắn có giản tuệ đến nói tôi hiểu biết rộng, theo sự hành viên mãn của tôi, đâu chỉ là tôi may mắn mà cũng là sự

may mắn của môn đồ. Lại thấy Túc Hạ tôi dạy người không biết mỏi mệt, chẳng nói . Tỳ-kheo Khánh Chiêu pháp môn Tiền Đường.

PHÁP SƯ TẠ THÁNH QUẢ SOẠN TỰA YẾU CHỈ

Tỳ-kheo Tri Lễ pháp môn Tứ Minh, Xà-lê Thánh Quả Thượng thủ, mảy trần tiêu hết, cõi vui mừng thật xa xôi, yêu mến sự nói cười, đâu chỉ đói khát. Thầm nghĩ chỉ vì sự hưng thạnh nên thi hành không ngừng khảo xét kỹ, chắc chắn dùng điều này độ sinh không mỏi mệt, may tông ta không bị mai một. Ngày xưa chỗ ở rảnh rỗi do đó nghiên cứu giáo môn, tánh linh thuần thục, suy ngẫm hiểu được sự chỉ dạy, suy nghĩ Tứ trạch của Chu Lăng đã hổ thẹn, phân biệt lời dạy của Kinh Khê càng thêm xem thường, sao không luận bàn thêm các sách của các nhà Hiền triết, xuất bản lưu hành, kềm chế không ngừng, cho nên từ sở thích đó dám nghĩ đến các bậc anh tài, cũng được ban thưởng ngợi khen, thật là oai hổ nép mình dưới chồn, đến khi người trở về, cõi gốc nhục vinh y theo đây tiến cử, càng thấy tâm yếu sâu xa, đủ lãnh nhận khế hợp thành vô nghĩa, ngóng nhìn cảnh giác. Không thể nói được. Tỳ-kheo Tri Lễ pháp môn Tứ Minh ghi, Xà-lê Bạch Thánh Quả.

THƯ CỦA TỨ MINH GỬI CHO PHÁP SƯ CỰ

Khoảng niêm hiệu Nguyên Phong ở phương trên Diệm khê có người giảng thông suốt, ông đến Tam cù ra mắt Pháp sư Trường Thọ Thủy, thấy trên bức vách của gia tộc đều của Tôn giả Tứ Minh trao thư cho môn nhân Cự Công. Ngôn từ, văn chương giản dị nghĩa đạo tin phục hơn, nghiêm nghị như phong độ người xưa, đều ghi chép theo thể lệ chung, từ đây truyền bá. Sau đó, Tứ Minh trung hưng Đạo tổ đồ chúng lãnh đạo pháp nhiều vô số, chỉ có sở đắc của ông vượt hơn tất cả, chỉ có mình ông chiếm lấy bầu trời riêng, mới ở trong đó xoay chuyển thiên hạ, ngồi trên pháp tịch nghiêm chỉnh, thỉnh giảng hai lần. Tứ Minh nghe nói điều này ngạc nhiên, sau này tôi mới chấp nhận. Buổi đầu ra giáo hóa lãnh chùa Bản nghiệp ở Tam cù, Tứ Minh trao cho cây gãi như ý, đủ thấy hết lòng ấn khả cho người. Về sau đến kinh đô, chân sư nghe tiếng mời Ngài đến giảng kinh Tứ Thập Nhị Chương, nhân đó ban mệnh phục. Ngài trở về quê hương trụ trì chùa Phù Thạch. Núi này trước kia là Thiền sát. Trưởng lão Nguyên Huân nghe sư giảng đạo liền hỏi nghĩa "Từ chân khởi vọng" vừa nghe giảng đã khế hợp. Ngài lễ Sư xin nhận làm thầy và bỏ viện này mãi mãi theo Sư tu học. Sư vừa khai giảng pháp đồ chúng nhóm họp rất đông. Sư mở rộng pháp đường, mở mang

lời giáo hóa của Phật. Đến nay, đi đến Thai đạo Tam cù đều do sứ Sư, biết được sự ổn thỏa này rất là quý tiếc. Lại lời bạt và sở đắc này ở sau, không bao lâu Ngư Lỗ cảm hóa được, cho nên tôi bỏ trông nom quản lý, sửa lại như trước. Sau này mới có người chấp nhận, từ đây mới biết được văn trước. Ngày mồng một, sau tết Trung thu, niên hiệu Gia Thái năm thứ hai kính ghi.

THƯ TỨ MINH GỬI CHO MÔN NHÂN LÀ PHÁP SƯ CỰ

(gồm mười bức).

Bức thứ nhất:

Gần mùa hạ Tông Cự nhận được thư ông năm lần, sư nhận thỉnh của chùa Đông thiền ở Hoàng nham thuộc Đài châu, nghe cả Tăng lẫn tục hai ba lần đã động lòng mọi người và hưng thạnh giáo của ta, được vậy không mừng hay sao? Lần trước Hải Tạng Chủ đem thư từ Đông Sơn đến cũng có đề cập việc này, chưa biết bao giờ đến khai giảng ở đó. Ông đã nhận lời thỉnh ở đó thì phải nghe lời tôi! Hễ lập thân hành đạo việc lớn ở đời, mặc dù Nho Thích khác đường, nhưng đâu thể có khác nhau. Trước phải lập thân, kế nữa mới tính hành đạo, khiêm nhường hành đức. Các ông phải nắm vững điều này, khiến thân từ đây lập đạo, từ đây thực hành. Ta thấy người học trọng danh lợi, đều không thể nhóm họp đồ chúng lại giảng giáo. Các ông phải nhìn những thứ này như dối trá, thân sợ như lang sói. Điều này trước phải răn chừa. Sau đó mới tiến tu và siêng giảng, đâu cần nói nữa. Ngoài ra phải xem những quyển văn của nhà Nho, nghiên cứu rộng năm kinh Nhã ngữ nhằm chữa lại lời văn, không rơi vào những lời thô bỉ. Lòng ta trái với lời học này, thì thường hối hận. Ông còn nhỏ không nên giữ chặt những điều vụng về, mà phải học theo Xà-lê Viên để thực hành. Ta dặn kỹ nếu gặp Nguyên Thúc hãy trình bày rõ với ông ấy. Phật sự chấp chặt, thì nhân tình rối rắm. Xuân đến dần náo nhiệt phải bớt ngủ ăn ít làm chính yếu, còn những việc khác thì không nên nói, chẳng có Tọa Chủ nên giao cho Xà-lê Sùng Cự.

Bức thứ hai:

Hành giả Phù Thạch nhận được là biết thư ông. Trụ trì vô sự không có Tăng chúng, giảng nói liên tục, quan viên đều đến cúng dường rất dồi dào. Nhưng điều này tuy là việc ngoài, nhưng cũng là duyên cần thiết. Lại biết chuyên dùng Tịnh độ để nhất tâm, niệm Phật không ngừng, ta nghe điều này rất vui, như đói được ăn. Mong ông hãy tu hành thêm, mở mang truyền bá giáo pháp lợi sinh không nên cạnh tranh với người khác. Mình phải hạ mình tôn trọng người làm đầu, nếu ông làm được như vậy

thì Thai giáo Tam cù xây dựng trung hưng. Việc trụ trì này, tăng Hàng Châu đến nói. Ông đã nói và hành đều giữ, cần phải lập chưa muộn, Nhân Nhạc có can ngăn viết cho tôi, ông có nhận được chăng? Than ôi! Tiểu tử ngông cuồng, chẳng biết nguyên nhân xác định điều này, mới không muốn đáp. Lại lo ngại người học sau bị y làm mê loạn, trong lúc bệnh viết ba mươi đến hai mươi bức thư để giải thích những lời phỉ báng này, khiến y biết con đường tất giáo quán, sao chép chưa xong, thư sau sẽ thêm vào. Mùa hạ quá nóng, nên nghỉ thích hợp hơn, tâm siêng năng vì pháp tu và làm Phật sự, đó là điều cần thiết không bao giờ đủ.

Bức thứ ba:

Ta gởi gắm cho Sùng Cự, gần đây nhận được thư biết ông bình an. Ông nhận được viện Phù Thạch, tôi bớt âu lo không sao nói được. Hơn nữa nghe người Tiền Đường nói có nhiều điều tốt. Nay thấy bức sớ này ý văn rất chu toàn trong lòng rất vui. Hằng ngày ông để tâm vào giáo quán có sự cảm ngộ. Mong bậc trí viên tông giáo hóa rộng ở vùng ấy giáo hóa chúng sinh. Nếu người đạt được thì đạo này hưng thạnh, người không đạt được thì đạo này diệt mất. Truyền bá rộng ở Tam Cù đều trông cậy ở ông. Ông hãy cẩn thận chớ buông lung, tâm khiêm cung độ sinh làm mô phạm, nếu được như vậy, thì phó thỉnh chủ dụng tâm của học sĩ mới là báo đáp bản ý của Huân Công, cần phải sớm tối suy nghĩ kỹ mới thành tựu được lợi ích lớn. Tà phân biệt cho Tiểu Tử (Nhân Nhạc) cuồng khởi nghĩ không chân chánh, chấp trái là phải, lấy ngụy làm chân, sợ người đời gặp y sinh phỉ báng, làm rối ren Thánh đạo, cho nên ta cố gắng viết hai mươi lá thư này để giải thích, để y biết sơ về được mất, chỉ vì y giảng giải. Tuy từ lâu theo chữ nghĩa, ghi chép để tranh luận tháo gỡ đầu mối để trang nghiêm cái thấy của ta, hoàn toàn không hỏi kỹ đại thể, chỉ tăng thêm hủy báng tông môn. Nay nhờ ông ta sửa thư này và trình sơ về tông nghĩa mầu của ta. Nay dùng một bản thảo nghiên cứu kỹ với ông để thưởng thức. Ông muốn ta trao cho một cách ngoằn ngoèo. Nay văn trí viết chưa xong, dạy y giữ gìn ba nghiệp để mình và người được lợi ích. Người bỏ hết ra ngoài không có chỗ nào là Đạo. Nhờ pháp được an thân là điều không đáng.

Bức thứ tư.

Ngày mồng năm tháng sáu niên hiệu Sùng Cự. Ban đầu thấy hành giả Linh Diệu tháng hai đem thơ đến ông, biết quan liêu đích thân thỉnh, gọi là tăng được mời ở. Kẻ tăng người tục đều hướng về, cung cấp các duyên tài chánh, mong ông cố gắng sức được, cũng là thực hành đạo của ta. Lại phải siêng năng tinh tấn làm cho việc càng mở rộng, nhưng

trong tâm đừng nên chấp trước, thì truyền đạt Phật pháp mới thành công, phải kiên cố dựng lập, giữ vững mười phương, mãi mãi truyền viện giáo quán Thiên Thai. Đã có Hạ Xá Nhân ban sắc lệnh thỉnh, châu phủ thuận theo sắc lệnh để thi hành, mọi việc đều kết thúc trong văn từ, khắc vào trong đã mãi mãi thành thể thức mới nghiên cứu được. Thấy văn chương mạch lạc đều do kia, cần phải sáng sủa, y lại là người học có khả năng thành bậc pháp khí. Ngoài ra còn phải điều thân an ổn thì tự nhiên mở mang đạo hưng thạnh, còn lại những điều khác phải đầy đủ.

Bức thứ năm

Sùng Cự lần lượt nhận thêm thư của ta, chắc chắn lãnh hội được, tạo dựng xong chẳng ngại người bao nhiêu, không cần giảng nói, đối với giáo tỏ được công phu không chấp giữ văn nghĩa, nhưng lấy sự tiến tu làm sự nghiệp, giữ giới làm đầu, người được như ông thì ít, chỉ mong ông truyền bá chân đạo, nếu buông lung thì hỏng mất. Ta đối với những việc khác chẳng âu lo, chỉ lo cho giáo quán không có người truyền bá bị mai một, ông phải nghĩ đến điều này, phải biết ý chí của ta. Đầu mùa hạ tu phương tiện, mong ông thầm nguyện chư Phật giúp đỡ, lúc đó đem bản thân nói cũng chẳng được.

Bức thứ sáu

Sùng Cự ở Chương An gần đây thế nào? Trong hạ có bỏ giảng hay không? Tự lợi lợi tha lợi ích chăng? Người thấu rõ được đạo ta chẳng mấy ai, mong ông hãy truyền bá để đạo được rộng khắp. Sau cùng không nên làm dứt mất hạt giống Phật. Thời gian ta sám hối gần đủ, gởi lại đời không còn tiêu dao. Qua năm này, ta muốn dứt các duyên, quyết tâm nghiên cứu lý và nhất tâm sám hối tu hành, cho nên dẹp tất cả chỉ cầu dưỡng tinh thần, ở mãi trong dụng. Ông hãy đến nơi kia mong ông truyền đạo, trong mỗi lời cùng với môn đồ ta để mỗi người ưa thích thực hành. Từ đây ta vừa về không cần tiễn đưa về Tây, mong ông tinh tấn giáo quán. Hành giả siêng năng phát triển, trang nghiêm Tịnh độ, mong đời sau được túc nhân chứng được nhiệm mầu, việc này ở chỗ điều phục tâm, nhưng ông tự biết ý chí ta không cần nói lại. Hai ông ra đi, tạm viết ý này để truyền bá, không cần phải biết, không thể nói hết.

Bức thứ bảy

Xà-lê Sùng Cự từ lâu không nhận được thư, gần đây thế nào? có nghe đã đến Bản Nghiệp Cảnh Đức giảng nói, Tăng tục đều đến nghe rất đông. Phải biết Thành Hoàng không bằng huyện nhà, lại là chỗ của Thọ Nghiệp, trên dưới khó giáo hóa, phải hàng phục ý để độ sinh, nói

lời ái ngữ luận bàn điều chân làm cho người nghe đều vui mừng và được lợi ích. Trí biện luận của ông đủ để dạy chúng, nhưng sợ chúng trong chùa có người thấy hành động cử chỉ của ông không được thanh liêm, hơn nữa sợ đàn tín thấy điều quen, lại sinh tâm phỉ báng thì dạy không được lan rộng, càng phải hộ trì, thì đạt đến chỗ tốt đẹp. Ta sám hối sắp mãn nguyện chưa xong, các chướng ngại lẫy lừng, ta không thể bó được, nhưng vì giáo tạng chưa viên mãn, sợ sau này đồ chúng của Sư dạy học khó khăn, cho nên nhẫn hết sức cố gắng cũng thành công. Nay bảo người học đến nước ấy, hóa duyên và in Pháp Hoa kinh ký, tha thiết khuyến khích môn đồ kết duyên nhiều hay ít để cho tâm chí ta được mãn nguyện. Ngoài những việc này ra thì nên thư giãn thân tâm, không nên để sinh bệnh, *chức mừng ông, chúc mừng ông, chẳng thể nói hết.*

Bức thứ tám

Sùng Cự gần đây nhận được thư ông, biết ông ban đêm giảng Quang Minh, ban ngày luận bàn Chỉ quán, vì đạo đã siêng năng nghe giảng tôi rất mừng, lại còn biết ông xây dựng tăng đường, chắc chắn là tôi an tâm đến Tây Khê. Đã nói người bất an thì phải thường uống thuốc, lễ tụng cầu nguyện cầu Phật thầm che chở. Tuệ Nam đã an bày ở giảng đường, chỉ vì theo chúng học tập, lại còn ngại gì lãnh hội ư? Đã luận bàn về sự bao dung tâm giải thoát, nay còn trả lời thêm hai ba câu sau, thâu nhận trong ba đời, chắc chắn không trái nhau, đâu không chỉ nói văn ba đời ngại nhau, đâu cần vặn hỏi nhiều, có thể nói tấc nước trượng sóng chính là tâm này. Phải tiêu hết đi mới truyền đạo thông được. Bởi mượn việc để răn ông, hàng trăm cử chỉ thi vi đều phải làm y theo đây. Giáo quán của Sơn gia đều nhờ ông mở mang truyền bá che chở, ông phải nghỉ ngơi mới được, nhiều lần thân an đạo hưng thạnh, ngoài ra không còn gì để dặn dò, không thể nói hết.

Bức thứ chín

Luận sư Sùng Cự chưa gặp mặt ông, chỉ mười sáu năm không nhận được thư ông cũng là mười năm vậy. Hôm qua, nghe ông từ Tây đến Kinh đô, vội vàng kêu gọi thuyết giảng và ban mạng y, thật là một điều tốt đẹp cho môn đồ ta. Gần đây biết ông về Thiên trúc giảng, rất hợp với tâm tôi, lần này thư đến cởi mở tâm niệm của tôi. Điều quan trọng thường dùng lòng từ để độ sinh, nhưng phải dùng hương hỏa làm duyên, dùng chỉ quán làm sự nghiệp. Không thực hành mà chỉ nói là tôi rất buồn. Nếu vì pháp phải thực hành lợi ích. Ngoài những điều này ra không nên thích nghi với ông ta, phải khéo điều thân, còn lại không cần kể kỹ, không thể nói hết.

Bức thứ mười:

Ta gởi thư cho Sùng Cự ở Phù thạch, hơn bốn mươi năm ta truyền bá giáo quán, đã nói vui ở trong đó, bất chợt già đến, gần đây bệnh liên miên, cơ thể đều đau nhức, chỉ có không mầu sâu xa thấu suốt được tướng sinh tử. Tướng cũng chẳng phải tướng, đến đi thường chân, đây là yếu chỉ nhất tâm ba quán. Ta ở đó nắm được dạy người, ta nguyện làm nền tảng gặp Phật, ông sớm đạt được văn tự, sớm dự vào hàng truyền bá, phải cố gắng lại truyền cho người sau. Ngọn đèn tổ chiếu khắp, hạt giống Phật không mất, nếu người nương vào đây thì thật là môn đồ của ta, bỏ điều này làm ngược lại thì còn điều gì để nói? Sắp đi nên viết điều này không biết được, phải thầm thể nhận quán sát, không thể nói hết.

ĐƯA THƯ CHO XÀ LÊ BÂN

Giao cho Xà-lê Nguyện Bân, xưa ta có duyên pháp được kế thừa truyền bá hơn bốn mươi năm, đạo đức chưa được vang sâu xa cho nên hổ thẹn ông sớm mở mang truyền bá giáo pháp làm chí lớn, từ lâu ở hàng hạ tọa đã truyền xướng lợi người, hơi được khen ngợi. Nay ta già bệnh gần kề, không thể luận bàn với các ông, các ông phải cố gắng làm hưng thạnh thời Tượng pháp, Mạt pháp, không nên chất chứa danh lợi. Tự nghĩ gần ra đi không thể viết xong, tạm tiêu khiển điều tốt này tự nuôi dưỡng mến tiếc, không thể nói hết. Chủ tọa Diên Khánh trao cho Xà-lê Nguyện Bân.

THƯ CỦA THƯỢNG ĐẠI LÔI AM TRƯỜNG (gồm hai bức):

Bức thứ nhất:

Cao Nhân Phùng Bạch Am Trường, pho tượng khác nhan sắc, chốc lát biến thành tinh sương, luống nhọc thêm ngôn ngữ, ý niệm, hơn nữa không lễ vật đề chữ trên phong bì, điều quan trọng là vâng theo cử chỉ hành động, thì được an lành. Sắp đến an cư, lại hy vọng vâng theo lý, chỉ yếu nhiễm sau, từng có thêm vào, tuy sửa chữa rất nhiều, hơn nữa cân nhắc nặng nhẹ có y cứ, mong lúc rảnh sang cùng nghiên cứu sở. Thời nay ít người thông minh, đâu chỉ dựa vào đây thưa hỏi mà không nói. Tỳ-kheo Tri Lễ kính bạch Đại Lôi Âm Trường.

Bức thứ hai:

Trong khi sám hối, chợt nương vào bậc hiền phát sinh năng lực. Trưởng lão Am Quy Chân Tịch kinh ngạc xót xa từ lâu chưa hề biết được chính mình. Thì đạo nhân đi đứng là điều bình thường, chỉ vì từ

lâu thấm nhuần lòng từ bi, gặp nạn thì xót thương bình đẳng, tuy sớm đã thuần thục giới, định, còn phải nhiều lần tụng niệm làm tư lương. Ngài Trí Giả còn bảo đệ tử thường lễ sám. Tư lương là nơi sinh ra ta, ở trong am thường rỗng sáng đâu cần nói thêm. Tăng sám pháp là dứt chúc mừng thăm hỏi, tình cảnh không xen vào, cho nên phá nghệ thuật chế tác đơn giản. Hỏi nhau bảo người đưa hai cây nến, đốt một hai cây hương, hy vọng may mắn được cúng dường. Tỳ-kheo Diên Khánh Tri Lễ kính bạch.

THƯ GỬI CHO PHÁP SƯ THẦN CHIẾU

Tam Thuật ít tu, nổi tiếng đến triều Ngạn, Tầm Mông, Đế Trạch đều được ban y tía, hổ thẹn không được vinh hiển, nhọc gì đến chúc mừng. Ông phải tu sâu và thực hành, ẩn tích mai danh không rơi vào hàng tăng Hiền thánh như ta. Diên Khánh trao cho Pháp sư Đông Dịch Như.

Hữu Pháp Trí, Pháp Thiếp viên tịch cách đây hai trăm năm, khi đọc lại còn sợ hãi càng cung kính. Mấy lời đưa người học đến mảnh đất an vui, cũng đủ thấy dụng tâm của các bậc kỳ túc. Vào Mãnh hạ Đinh dậu Pháp Tôn Diên Khánh Huệ Tuân kính viết.

TRAO THƯ CHO PHÁP SƯ DIỆU QUẢ

Luận sư giảng chủ Diệu Quả Văn Xướng thời gian qua mau nến pháp lại tăng, năng lực giác ngộ của đồ chúng kém, chưa chứng quả được. Tôi thường nghĩ việc thay đổi báo thân dựa vào người thù thắng. Ngày hẹn đã đến ta sẽ ra đi, ông phải cố gắng tiến tu, vì pháp chu toàn, hai Lợi đều thực hành, ba Không không trái nhau, phải đạt được quả mầu ngay đời này. Dù ta sức quán chưa đầy đủ nhưng tâm có chỗ đạt đến. Xuất xứ nói và làm dám lìa chỗ an nhàn của Trí giả. Thường lo văn Sớ mười sáu pháp quán, người giảng lý sâu xa cho người học rất cạn, rất gần gũi. Pháp đã không xứng đáng, giống lại không mạnh, cho nên dẫn đến chỗ lo buồn. Nên phải sao chép riêng, ông đã dụng tâm giống với tôi, cho nên viết thêm hai quyển. Nghiên cứu nếu có được tư lương, hoặc có chỗ nào khác ghi thêm gởi đến, ngoài những điều này còn phải điều trị thân tâm để trở thành hạnh nguyện, còn lại thuật thế nào? Lão tăng Đạt Xướng Công lãnh nhận.

Tôn giả Hựu Pháp Trí được ban thưởng quả mầu Vĩnh gia. Pháp sư Thỉ Tổ Xương Công, giảng chủ Chân Tích Giai Công thâu thập báu tạng chứa được nhiều năm. Xoay sở tiến đến hội ngộ, được chiêm bái

kính lễ, nhiều lần nghĩ đến lòng từ chỉ dạy nước mắt rơi mãi. Phàm báu của Hàn Mặc chắc chắn có thần che chở; cục đá chiếu sáng đều có sở nguyện. Giữa mùa xuân Đinh Dậu niên hiệu Thuần Hy, Tỳ-kheo Pháp Tôn trụ trì chùa Diên Khánh kính cẩn ghi.

THƯ GỬI CHO VĨNH AN TRÌ SƠN CHỦ

Bức thứ nhất.

Sơn chủ Trí Điệt hôm qua đến thăm, mời nhau mãi từ mùa hạ đến mùa thu, tin chắc rằng thân an đạo còn mãi. Nay biết bùn lấp đầy hiên nhà, không dễ gì chỉ huy được. Trong khoảng này những vị tăng hành khất phải ở nhờ mong được tiếp nhận, và hy vọng được khuyến khích. Bốn chúng quanh năm bỏ phiền não càng hết sợ hãi, đã là pháp thuộc, không tránh nghi ngờ chê bai, thích hợp khéo nhiếp hộ, tương lai có nhiều việc tốt. Không nói nữa, Pháp quyến Đạt Vĩnh An Sơn chủ.

Bức thứ hai.

Điệt Trì Công Viện Tể của tôi, đến mùa thu vui mừng, khỏe mạnh tu tinh tiến thành gương mẫu, hôm qua đều ngủ nhờ danh lam, đợi dần dần gặp nhau, nhưng mắc bệnh ngu dốt, lại uổng nhọc kế thừa. Thấy tình cảnh pháp thuộc, cảm thông việc chia ra mùa lạnh, nay hai vị tăng lại đi xem xét, lại muốn ấm áp, hoặc đàn việt đăng môn cũng mong được khuyến phát, người trước mình sau là dụng tâm của bậc Đại sĩ. Ngoài ra đều khéo che chở hành và tàng, siêng năng thu thập, trụ trì hưng thạnh, giáo quán được truyền bá, không cần dặn dò gì khác, không nói nữa. Tỳ-kheo Hành ngu pháp Quyến sơn chủ Đạt Vĩnh An.

Bức thứ ba.

Sơn chủ Pháp Điệt thêm tuổi đạo, lợi ích cho đạo, nắm vững lý kinh, tin chắc là thành tựu. Hai ông ở viện chấp trước công phu, đến đây không nhọc lo lắng. Khất sĩ phải ở nhờ, hy vọng được chu toàn. Mùa thu vẫn còn nắng, điều quan trọng phải biết điều hòa, để có ngày thành tựu hạnh hai Lợi, hoặc vào quận thành, hy vọng gặp nhau ở viện, không nói nữa. Lão Thúc Thành Ngung Đạt Thượng cháu tôi là Sơn chủ Vĩnh An.

Đại sư Hữu Tứ Minh Pháp Trí môn nhân là Như khải tiếp thỉnh tôi làm lời bạt. Ông không nghe những hàng siêu việt hay sao? Tôi xa nước đã lâu, gặp người giống người nên vui, cũng không cảm thấy xa lắm, chiều sâu của Tư Nhân đối với Đại sư Hỷ Khứ, tiếng tăm Đại sư Tư vang khắp từ lâu nhưng nay mới thấy được bút tích. Rõ ràng bình sinh chẳng khác nào người giống người vui mừng khôn xiết. Năm Ất Dậu,

niên hiệu Càn Đạo ngoài môn nhân là Đạo Nhân kính ghi lời bạt.

Tiếng nói của tâm là chữ viết của tâm, Diên Khánh đến đây được lễ Tôn giả Pháp Trí Chân Tích Như. Nước không gió tự nổi sóng, chợt có người nước Tấn đưa ra lời người xưa: Phong Vận Lão Thư rất hay, mà mây đời khác người học kế thừa. Kính đề quyển cuối, cải đán giữa mùa hạ năm Canh Tý, niên hiệu Thuần Hy.

Pháp Trí cùng người cháu viết lời trước: Hai ông chấp trước vào công phu, ngày sau thực hành hai Lợi, đối với người thường nhớ, đối với đạo không quên, bởi còn sót lại giới thệ nguyện, trăm đời của sư. Ngày mồng tám tháng tư, niên hiệu Càn Đạo, La Nguyệt Đàm Oánh kính ghi.

Tôn giả Tứ Minh, cội nguồn đạo đức chắc chắn không lường biết được, nhưng người học đều kính ngưỡng cao phong, dù một một chữ, người đạt được như lượm được ngọc báu, cho đến có hải đường ngọt không bị hư hoại, sự ổn thỏa này lưu lạc vào nhân gian, người đời ít ai thấy, nhưng Giai Công đạt được điều này không dám thất lạc, nhờ tìm lời bạt ở hai ba tông tướng, mượn dùng bất hủ. Than ôi bài minh ngày càng mới, tức chẳng phải mâm thuốc, thì chẳng biết bài minh của ngài Tư Đại thì chẳng trù tính trước được, cho nên không biết được huyền diệu tâm truyền của thầy trò, thì cũng nghĩ ra được điều này. Đời khác gặp nhau gần như sáng tối, nhưng cũng là điều nhiệm mầu trong Thánh giáo. Thần kỳ nhưng sáng tỏ vẫn tồn tại người này, hơn nữa đâu chỉ thần vật hộ trì thôi. Thuật Trai Triết Trừng Thanh Khanh kính ghi lời bạt, ngày mồng năm tháng tư năm Nhâm Tý, niên hiệu Thiệu Hy.

Pháp sư Thượng Tứ Minh Sám chủ Thiên Trúc viết hai lá thư Tông chủ kính lễ Tứ Minh, ngô Huynh ngưng thần đạo thể an khang, nhưng biết tu sám khai giảng thuyết, nói hạnh hai môn lợi mình lợi người, một ngày cùng vận chưa có hai. Đã được giáo thừa, cung cấp một đời, kết giao tình thâm không ngừng, cũng nói đến hạnh truyền thành tựu của ta. Huyền nghĩa xiết bàn, để chấp nhận đổi thành một khối, nay lại nhóm họp tăng thêm đông, được hai trăm bảy mươi vị thông thạo và tiến cử thêm bốn trăm vị. Hai trăm và bốn trăm đủ tạo thêm danh nhân không thể thay đổi được. Nay hy vọng nương tựa để tăng thêm người viết. Lại nghe huynh nói bỏ hai câu chết đương danh, đổi Khưu Công làm bản viện cho Tăng chúng rất tốt. Nhưng Khưu Công đối với bản huyền nghĩa này chỉ bỏ câu đương khắc tạo, không cần nói là mộ duyên khác với bản sớ kia, phải để mộ duyên thì phù hợp với Ngô Huynh. Nói hai chỗ giảng viện đều mở mang truyền bá kinh điển này đó là để người

sau tiến tu. Như văn đã định, lại tính cắt bớt thì không được rõ ràng, đều làm theo sở trường. Luân Công sợ mười chín điều này đưa ra, chỉ còn một bản nêu ra luận bàn nghĩa, cũng tính theo tình ý của y. Nay chỉ bảo giữ nguyên bản Phạm, nếu hy vọng để khuyến khích y thì về núi không nói, xin kính lễ.

Bức thứ hai.

Đại sư Diễn Bạch Pháp Trí, ngô huynh gần đây được tuệ thư và tân ký, đốt hương đem ra đọc, đến đoạn bình phẩm vui mừng được an ủi, đủ biết được điều này. Liệt đệ từ Hạ đến Thu, bệnh lao nằm mãi không tụ giữ gìn được. Nay ở trong bụng tụ thành khối, giống như gánh cục đá, trăm thầy ngàn thuốc bệnh cũng không bớt, mới biết nghiệp duyên quá khứ, nay phải gánh chịu. Nhưng đến khi chết không còn gì để nói để ân hận. Quả thật chỉ tốt một mặt nhưng sau chịu ly biệt. Kính mong ngô huynh là người thông minh mà còn ít người tu tập nghe giảng. Nguyện được an ổn mãi để mở mang truyền bá đạo này. Nay đối với lời dạy của sơn gia trong biển tộc giáo chỉ có một mình huynh thôi, chẳng phải lời hoang đường. Tiểu đệ đã hợp sức xây dựng ở đất này đạo tràng Thiên trúc, để sự truyền đạo thông đạt. Từ Pháp sư Chân Quán về sau tất cả mấy mười đời trụ trì đều là bậc tăng Hiền thánh chỉ dạy. Quán sư sớm kế thừa Thiền sư Thiên Thai tức là Bách Lục Trần Bách Trí là tiến cử hai Pháp sư Chân Quán Tuệ Bội. Nay làm đạo tràng Trí Giả chẳng phải tình cờ đến, bởi kế thừa dư thừa này. Nghi tượng Cửu Tổ làm ranh giới cho thiên hạ, muôn quyển giáo kinh đã có thí chủ lo, thay nhau nhiễm ấn, nhà cửa tăng ở vật dụng đầy đủ, nhưng chưa có lan can chánh điện. Nếu khu vực hình thành nhiều thắng cảnh thì khách sẽ vãng lai. Nói về thiên hạ chăng họ đã quý những người ở đây. Nay muốn thỉnh người hiền trụ trì. Hôm qua, nhân lúc bệnh nặng gọi họ đến để gặp, những người đàn việt của chùa một lòng đồng nguyện, trong ngoài đều vui mừng, cũng là duyên xưa, đã nhận sớ tiểu thỉnh của ông, là y cứ khăng khăng mà nói, chưa biết rõ bản giảng của Tứ Minh, không còn chỗ nào từ chối. Nay thấy cầm đại sớ bản châu, nên đến kính thỉnh. Đầu mùa đông trước sang thưa hỏi Tứ Minh, huống chi Sư huynh ta hằng ngày lấy sự giảng kinh làm bản tâm, thêm đấng miệng. Thúc giục y bước ra phiền phức khắp hội, diễn giảng đại giáo, cũng là phát huy sáng rỡ nhà ta. Việc này hoàn toàn không phải chuyện riêng tư, không bàn riêng về họ và nói lỗi của họ. Đông Sơn chắc chắn bảo Tổ vận đến kia giảng, cũng giống lượng tài. Nếu được mấy chỗ giảng hương thơm không dứt, chết cũng đâu tiếc. Liệt đệ mùa đông này ra đi, mong nương năng lực

Tịnh độ của Sư huynh ta để ta được dự vào mạt phẩm, thì sẽ có lúc gặp nhau. Nhưng nay bó tay đợi đến, gần mở được bài minh của Hà Tháp và dặn đệ tử, trình thêm bản đá cho Tống Ai. Nhưng bản vai Tống Ai tuy là đường nhỏ, dùng đó để răn dạy người học dường như có chỗ bổ ích, rất may được xem qua và xem đến quyển Tân Ký thứ ba, mong được thêm vào, trước khi chết thấy được, thì sự ra đi này e có được ít tin tức tốt. Tạm biệt, tạm biệt xin bái bạch.

Pháp môn của hai Đạo sư Pháp Trí và Từ Vân sát cánh bên nhau, cho nên nói trí tuệ thông đạt, khéo biết đường hiểm mở thông cản trở, nhưng cung thương nói với nhau, vàng ngọc hài hòa đều khen ngợi giúp đỡ tông Thiên Thai, là người có sức, từ đó mọi người biết bỏ ác biết làm lành, đến nay Đông Nam gọi là dễ trị. Môn nhân viết điều này là muốn khắc vào đá, thỉnh tôi soạn lời bạt, nhưng Trí, Xuyên Đan đều về Đông, dùng sức để viết, ôm hết bóng nước ánh cảnh thôn dã xuất quán mà đọc, tưởng tượng hình dung cử chỉ, cảm kích trong lòng, hứng thú nên viết. Tháng giêng năm Bính Tuất, niên hiệu Càn Đạo, môn nhân kính ghi lời bạt.

TỨ MINH GIAO BẢN VIẾT CHO MÔN NHÂN LÀ PHÁP SƯ TÔNG

Luận sư Giám Tông ở quê nhà thân tâm có an vui chăng? Tình cảm bà con có quyến luyến chăng? Có xa cách danh văn lợi dưỡng hay chăng? Đã học Sơn gia thì phải khác người thường, lý sự phải tu và thực hành tự lợi lợi tha, như vậy mới là con cháu của Đại sư Trí Giả. Năm nay ta đã xong việc, chỉ nghĩ về Tây, các duyên để lại. Quả thật nếu chưa có ý chí này, nhưng kế hoạch truyền giáo đạt được cao siêu, thật đáng âu lo. Nay sai hai vị tăng đi, câu đương nhiễm trong bản kia mong ông soạn sớ, trở thành lời dặn dò quan trọng, không thể nói hết.

■

GHI CHÉP VỀ GIÁO VÀ HẠNH CỦA TÔN GIẢ TỨ MINH

QUYỂN 6

Hai Sư ở chùa Diên Khánh lập mười phương trụ trì truyền giáo quán tông Thiên Thai, giới thệ.

Từ Sử Thiếp ở chùa Diên Khánh.

Hoàng Tống Minh Châu Tân Tu Báo Ân Viện Ký và Sử Văn Tuệ Vương ghi lời bạt.

Thượng Tằng thái thú khất thân tấu hậu viên địa thư và Thảo Am Pháp sư đề lời bạt

Khất Thánh chỉ thân Lễ bộ Công Cứ.

Tam Tỉnh đồng phụng Thánh chỉ.

Thánh chỉ bản châu xuất cấp Công Cứ.

Tứ Minh Đồ kinh ghi lai dấu vết chùa Diên Khánh.

Tăng Lỗ Quốc Tuyên Tĩnh Công Từ Đường Ký.

Tứ Minh Đồ Kinh Ký Tuyên Tịnh Công Từ.

Tằng tướng công phủ chùa Diên Khánh trí trang điền thiếp và hai Tri phủ Lục, Tiết soạn lời bạt.

Triệu đãi chế tác kỷ tặng Đại sư Pháp Trí thi đề lời tựa.

Đông kinh tăng chức ký tăng Pháp Trí hai mươi ba bài.

Pháp sư Tứ Minh tuổi thọ phục môn nhân thần chiếu tác trí ngữ.

Tôn giả Trí Minh truyền trì thành hai mươi chín đời Tổ Sư.

Tôn giả Trí Minh sai vị tăng Nhật Bản đi tìm kinh Nhân Vương Sớ Pháp sư Thần Chiếu ngộ kinh vương tụng.

Môn nhân của Tứ Minh là Pháp sư Linh Xuyên Tịnh Giác.

Pháp sư Diệu Ngộ Phổ Tứ Minh Túc Bình Báng Thư.

Am tranh giáo uyển di sự ký pháp trí giảng quán.

Ghi đệ tử của Tứ Minh trở xuống tính thành mười loại.

HAI SƯ LẬP CHÙA DIÊN KHÁNH MƯỜI PHƯƠNG TRỤ TRÌ TRUYỀN GIÁO QUÁN GIỚI THIÊN THAI

LỜI THỆ

Tháng bảy mùa thu năm Bính Thân kế thừa viện cũ trải qua mười năm mời trùng tu được đến năm Kỷ dậu mới xong. Thạch Công và Lặc Thạch ghi đến năm Nhâm Tý là mười bảy năm, thì đều đến học được. Hai Sư đồng tâm cầu Phật, khi mạng sống hết mới thôi, chiếu sáng giáo môn sơn gia đã nói lại, sợ tuổi thọ ta không được, bèn dặn dò viện cho các bậc hiền sau, chỉ có người khéo kế thừa ở, truyền nhau mãi mãi, chẳng phải con cháu, liền làm bài giới thệ để không trái lời dạy, nguyện đưa tay cứu giúp đệ tử. (Lập thành Huyền bản Từ bản, thường chuộng các bậc Đại đức có tài như Đàm Tuệ, Đàm Giác, Bản Thuần) làm giới thệ. Do đó, chúng ta là tiểu tử, đều lễ bái thọ mạng, tháng hai khắc vào đá, vẫn còn. Nhị sư là Tri Lễ, Thứ sư là Dị Văn.

GIỚI TỪ

Ta chỉ hổ thẹn với đức, làm thầy các ông không quên Tam bảo, đều kế thừa lời chỉ dạy. Ngày xưa ta thọ giáo quán của Đại sư Trí Giả với môn sư Bảo Vân, chẳng muốn nhận với người, vì không làm ích lợi cho mình tức là còn ở dưới vòng Tiên sư. Đã có người thích học nhóm họp xung quanh ta, danh suông thật mất buồn bã mãi. Đã gặp rừng hạc, mới dời về chốn cũ chùa Càn Phù ở Tiểu viện Tây Thiên, có chỗ ngủ nhưng không có chùa, học chúng biết ở đâu. Nhiều quá không nơi dung chứa, lại thấy chợ gần sát, thật là không thích hợp ở lâu dài, liền tìm cách đến ngụ Đông nam thành này. Chợ hoặc rừng vắng sung túc thì ở. Đã nếm đủ mùi gian nan, nhờ yêu cầu chu cấp, chỉ nghĩ đến truyền pháp, không hề có tâm niệm khác, gần đây có tu bổ lại được rộng rãi và xứng với tài năng giã gạo. Tự bản thân thông suốt, thích hợp với truyền trì. Sắp đến tuổi già không bổ ích được, đến đâu được gì? Đều do đức mỏng tôn vinh giai vị sức ít bảo trọng. Năm tháng dần qua, bít lấp tâm ta. Diệu tông của Sơn gia, hoàn toàn không biết gởi vào đâu. Than ôi! Ta hận, sống không duyên để hiểu được chết, luận bàn trái với vật, xe lớn cùng vận chuyển mới tiếp đãi người. Chúng ta phải giữ chốn giảng này và biên tập giáo văn, ngưỡng vọng cung cấp cho bậc hiền sau dùng đây giáo hóa mãi, ngọn đèn pháp thắp mãi soi sáng không cùng, âm mầu trống pháp vang xa rồi có dứt. Pháp Hoa hoặc ruộng hoặc làng, Niết-bàn hoặc cây hoặc đá, Phạm Võng bảo dựng lập, Đại Tập nói thông hay. Ta mượn duyên nhiệm mầu này, bổ túc một ít vào sự truyền hóa. Ông đã là môn đồ của ta hãy vâng lời ta, không cần

phải âu lo hoài, hãy nhận lời chỉ dạy này. Huống chi Đại sư ta là bậc Năng nhân đưa ra những điều này. Nghe ba tháng thay chỗ ở, không ở tám chỗ nhơ uế, con cháu thầy trò, chẳng nên dung tục như thế. Bốn thứ cần dùng chung cấp cho ai? Nếu biết gánh vác giới kinh, sư nghiêm vâng giữ theo đạo, thì ở vị lai không cùng ông rơi vào thiêu đốt. Hay là ta buổi đầu dùng tâm theo mười phương, nhận trụ xứ này, đợi đến khi sửa sang khang trang thành nhà, vốn là nơi nhóm họp tu học, đâu dám nghĩ đến chuyện riêng ư? Trẻ con còn biết điều này, từ xưa không sai. Nay ta bảo ông không nên khởi niệm nhơ vì tự mình xấu hổ. Từ ta về sau, ông không nên nhìn lại chỗ ở này mà phải nghĩ đến mình, huống chi là chỗ sáng tối? Ta làm chủ mọi việc, đã cấp cho mười phương, còn không chia cho Ta, huống chi của người khác ư? Nhưng Đại đức của tông ta, đủ năm điều không chọn gần xa, ta sẽ trao chỗ ở này, sau này mưu tính phải đúng: 1. Những người học lâu ở Thiên Thai, việc gì cũng đều giảng; 2. Nghiên cứu kỹ nghĩ sâu, lánh xa sự luống dối phù phiếm; 3. Giới đức vang xa, mình luôn tiếp đãi người đúng; 4. Lánh xa vinh dự không nên khuất phục đạo ta; 5. Văn chương luận bàn hay, hướng dẫn thông minh. Vì sao đều giảng là phản bội lời giảng của ta? Vì phù ngụy thì truyền sai, giới đức thì giáo hóa đạo sáng ngời, xa vinh dự thì chắc chắn đưa đến sự nghiệp, nhưng sau đó dùng nghĩa luận biện, dẫn dắt được người. Năm điều đâu thể tăng thêm, dù cho không luận bàn đến được. Than ôi! Ông đối với các nhà hiền triết, có người đủ đức này. Giới ư? Cũng không ở lại, sẽ cưỡng ép những điều nghi này phản lại lời dạy của ta. Nhớ trước kia điều tài này, về sau cũng làm cho ông nhớ nghĩ đến con cháu làm ngăn ngại đường Thánh hiền của ta. Nếu không như vậy cũng làm người sau nhận em ta. Ở đây là chung cuộc hay chăng? Ở đây là chung cuộc hay chăng? Tiểu Tử hay suy nghĩ điều này. Ông là do ta, cũng từ Hiền thánh. Ông không sợ lời ta, cũng không sợ lời Hiền thánh. Hiền thánh không nói chăng? Nhưng tiếc đạo Vô thượng, hoàn toàn không yêu mến thân mạng. Mất thân còn pháp mới ở thân ông. Cho nên ta thẹn dặn dò tỷ mỉ, chẳng phải từ việc lớn này. Ta nói chính là ông nói. Nếu không sợ lời ta, thì ta có thệ nguyện, sáng chiếu khắp, lành dữ chẳng thể thay nhau, ông nên ngăn giữ điều này?

LỜI THỆ

Sa-môn nhất tâm nhất ý, khác miệng nhưng đồng âm kính bạch: mười phương thường trụ Thích-ca Thế Tôn, Di-lặc đương lai Chánh biến tri, Bồ-tát Long Thọ, Thiền sư Nam Nhạc, Thiên thai Trí Giả, các Tổ sơn môn mỗi vị đều chứng được chân thật. Đạo nhân vô ngại Phạm

vương, Đao-lợi, bốn vị Thiên vương trấn nhậm, tám bộ Trời Rồng, chư thiện phạt ác bảo hộ chùa tháp, Ngũ nhạc bốn sông, quỷ thần chánh trực, chỉ mong mọi người giữ bản nguyện hộ pháp đồng phủ phục chứng minh, nhờ duyên xưa xông lòng từ, may gặp Thiên thai Trí Giả nói pháp môn chứng đắc, nhớ nghĩ báo đáp duyên xưa, chỉ dạy dứt hết ngu muội. Trải qua năm tháng, thời gian qua mau, canh cánh bên lòng sở truyền này. Chợt dứt hạt giống, nay mỗi năm càng biết được mạng sống, ngày chết gần kề, việc và nguyện trái nhau, rỗng rang bùi ngùi càng thêm hận, cắt thịt khoét xương, đâu thể đều bù được những điều trái trước. Nay đưa tay độ đệ tử (lập thành Huyền bản, Từ bản, thường chuộng bậc tài đức Đàm Tuệ, Đàm Giác, Bản Thuần) cho đến trói buộc quê quán xuất gia, nhóm họp quyến thuộc, giữ gìn chỗ ở giảng viện và chỗ biên tập văn giáo, mong cho tương lai Bồ-tát truyền giáo mười phương, đã cầu nguyện cho sau này truyền trao mãi mãi để đạt đến chỗ cùng cực, thành thật khai triển sơ, không cô phụ lời di chúc. Thầm nghĩ, hình tượng Như Lai từ lâu gởi núi Linh, phải đạt được nguồn tâm. Trước tiên qua rừng cây Kỳ-đà, cung Phạm vương đều cung phụng, nhưng thỉnh nói thì Tịnh Danh nằm trong thất. Để luận bàn, cho đến chánh pháp trụ trì, đều dặn dò chùa tháp, bốn y kế thừa khuôn phép, đều bày ra chỗ ở, đã mượn pháp nói người, cho nên người phải nương chỗ ở. Chỗ này tuy ở xóm làng, hoặc núi rừng, phía Tây bóng nước hồ ánh lên, phía Đông nối liền cảnh thôn dã, mà kéo dài đến hướng Nam Bắc. Thô sơ nhưng ở được. Sau khi Phật diệt độ, xây dựng giảng đường, đời ác trược mở mang chánh pháp, đến ngày tịch gọi là Như Lai hết du hóa, Pháp Hoa gọi là thọ dụng của Phật. Nay nhà nhỏ hẹp nói kinh thông, kính mong chư Phật dũ lòng từ quan tâm, thương xót thọ nhận bốn y, ngõ hầu khiến cho phàm phu trang nghiêm mãi mãi sáng ngời vị lai an xứ, đạo hưng thạnh nội viện giáo hóa rộng hương thành, thường gặp thầy tài đức, bậc hiền ở xa nhóm hội về học. Làm sao phân đuốc pháp, chiếu khắp mười phương, truyền bá tông thừa, kéo dài mãi trong ba đời, thường thọ dụng không ngừng, hạt giống tuệ thấm nhuần. Nếu có hung đồ bạn ác, tương lai xâm chiếm, cậy thế nương quyền, dọc ngang khinh khi cướp đoạt, bỏ sự truyền thừa Bát-nhã, làm chướng ngại hành đạo. Ta sẽ đến nơi này, kính thờ trên Tam bảo, mong cho truyền giữ. Người này còn cố chiếm, khinh khi cướp đoạt chỗ thọ dụng của Phật cũng phá hoại chỗ xoay bánh xe pháp, cũng là làm chia rẽ hòa hợp Tăng. Người này phá diệt Tam bảo không học Bát-nhã tội rất nặng. Huống chi vào thời mạt pháp làm hộ pháp là khó. Kinh Pháp Hoa nói mắng Phật tội còn nhẹ, không

ủng hộ truyền bá việc này là tội nặng. Nguyện nếu con theo bè đảng cho đến người khác muốn chiếm cứ chỗ truyền pháp của con, vừa động tâm thì bị cuồng mê, động miệng thì tắt tiếng không nói được, động thân tay hoặc trúng gió, hoặc gặp lửa cháy đỏ rực, rắn độc bò cạp, tất cả đều xâm hại bọn ác bị ung nhọt máu mủ chảy, đui điếc câm ngọng, đều sẽ bị tổn thương, lao ngục kẻ thù, gông cùm dao gậy đánh đập, ác quỷ sấm sét, thuốc độc tai ương, tất cả các nạn hung dữ họ đều phải chịu. Tất cả quyến thuộc, đau khổ tranh tụng nhau, đều chia lìa ly tan. Con ở chỗ này, tâm thường bồn chồn, như ở trên bồn lửa. Mắt thấy cảnh độc ác, tai nghe tiếng độc ác, thường ngửi mùi hôi và khi chạm vào đều thành độc hại, chạm vào đều không an ổn, đến khi chết đọa vào địa ngục, thành hoại thay đổi, mãi mãi không có ngày ra, vị lại những tai ương khác gấp đôi đời trước. Đâu hoại được thân ta, đâu dứt được mạng sống của ta, đâu hoại được mắt ta. Nếu hoại được mắt, thân hình của ta, thì cuối cùng không chú nguyện được khiến cho người này lãnh chịu các quả khổ. Nếu phá hoại được chỗ ở của ta, tức là dứt được mạng sống của ta và tất cả chủng tánh Bát-nhã căn lành Bồ-đề, cũng dứt luôn tuổi thọ giáo quán của Đại sư Trí Giả, cũng diệt, mất thế lực giáo hóa của Như Lai. Tóm lại, tức là hoại diệt chánh pháp nhãn, tuổi thọ của Tam bảo ba đời mười phương, mở ba đường ác cho tất cả chúng sinh, đóng tất cả đường Niết-bàn trời, người, tội ác người này không thể nghĩ bàn được. Kính mong chư Phật, Bồ-tát, các Trời, Rồng thần ủng hộ người này, không để họ khởi lên một tâm niệm ác, huống chi là hủy hoại. Lại nguyện quốc chủ, hoàng đế, các vua, phụ tướng, chức quyền, chủ nhiệm châu mục, huyện quan những người có thế lực lớn đồng hộ vệ, khiến cho nơi này mãi truyền pháp không dứt. Nếu con bè đảng và các Tỳ-kheo ác khác hoặc xâm phạm, cho đến hủy diệt chỗ truyền pháp này, nguyện y theo kinh Niết-bàn vua mười sáu nước lớn thệ nguyện ủng hộ, để nghiêm nghị trừng phạt, cho đến tất cả đều khiến về nhà, cũng mong được như văn kinh kia. Xưa có vị vua dùng thân mạng ủng hộ chánh pháp. Khi sống không động đến nước Phật, làm đệ tử của Bồ-tát thượng thủ của Phật kia, xem trọng việc hộ pháp, quả báo cao quý không cùng. Sau này làm quyến thuộc tri thức của ta, thấy nghe đều tùy hỷ, nhưng hay khen ngợi giúp đỡ, hiển bày ánh sáng chỗ truyền pháp này. Nguyện chúng trời ở khắp nơi, thường làm Thánh chúng, chư Thiên, Bồ-tát, chư Phật, đã thấy là có niệm ưa thích, ngày đêm ủng hộ giữ gìn. Như người ác kia đã chịu tội báo, con được phước vui, lại đến ở kia, tội hữu lậu kia sẽ hết, phước của con là vô vi đồng với tánh hư không, trang nghiêm tất

cả pháp giới hữu tình, đồng thể nhận được Bồ-đề và Niết-bàn.

Lời răn dạy của Tổ sư, chí nguyện cao sâu, bia đá còn tiêu mất, nhưng văn từ vẫn còn như xưa. Tỳ-kheo ở phủ Đâu-suất đệ tử Quách mua đá và mướn thợ khắc. Dùng thấy nghe chỉ dạy cùng thấm nhuần lợi ích, nhằm ngày tốt tháng mười năm Kỷ mão niên hiệu Thiệu Hưng thứ năm. Đại sư trừng Giác Pháp Tôn trụ trì giáo quán Thiên Thai, là Giác Tiên lập lại.

SỬ THIẾP CHÙA DIÊN KHÁNH

Theo trụ trì bản viện, Sa-môn truyền Thiên Thai giáo trước trạng gọi là Tiên Khứ, nhằm tháng bảy niên hiệu Chí Đạo năm thứ hai. Tăng viện chủ hai lần trước bỏviện này cùng (Trí Lễ Dị Văn) trụ trì Thập phương Vĩnh Tác truyền diễn giáo pháp của Đại sư Thiên thai Trí Giả, chúng Tăng an ổn tu đạo, từ tướng này chủ trì việc viện, hội tu đồ chúng giảng nói giáo pháp Thiên Thai trải qua một trăm mười sáu năm. Hôm qua nhà bị hư làm ngăn ngại việc chúng Tăng, liền thỉnh tăng Giác Viên viện Văn Tạng Kim Sơn Thiên Thai đi hóa duyên sửa sang lại, nay đã hoàn thành nhưng vẫn còn khóa, nhà một trăm hai mươi gian đã được ban bản ngạch chùa, Tăng chúng năm mươi vị, giảng dạy tu học sám hối tu tập. Trên báo đáp ân nước, duyên của viện này vốn bỏ cùng (Trí Lễ) trụ trì Thập phương Vĩnh Tác, tức là không giới hạn kế thừa đồ đệ, phải là tăng có danh đức thay nhau thuyết giảng. Không bỏ sám hối tu tập trong chúng, muốn nương theo thể thức sơn môn theo đường Giang Nam, Hồ Nam. Trụ trì mười phương Vĩnh Túc (Tri lễ dị văn) hay người thay thế trọn đời, Tăng chúng ở trong viện và đàn việt, chúng tu học trong bản viện, thỉnh nói giải thích giáo thừa của Đại sư Trí Giả, hay nhóm họp đồ chúng từ phương xa đến tu học. Tăng phải có đức hạnh kế thừa trụ trì truyền giáo, hoặc bản viện không có người có đức tức là ở chùa khác và quận khác, thỉnh tăng có đủ hạnh giải truyền trao giáo pháp Thiên Thai, truyền giáo trụ trì và tuyển chọn Tăng từng đến viện nghe giáo và học pháp làm chủ sự. Đã muốn chúng Tăng luôn an ổn, sám hối tu thiền định thuyết giảng, cầu nguyện cho Phật pháp còn mãi. Thầm lo lắng hàng môn đệ tương lai, không hiểu biết bỏ viện ở nhờ trụ trì, nói dối là có sự liên quan, và sợ bản viện tương lai và những vị tăng bên ngoài giảng đạo không thông suốt, nhưng vì danh lợi truyền giáo Thiên Thai, nhân sự dặn dò cậy vào quyền thế, tìm cầu trụ trì, hạnh khất sĩ không có, thay nhau đời đời tu tập giáo thừa của Đại sư Thiên thai Trí Giả. Thật có chúng học giới hạnh, người đều nguyện trụ

trì viện này kế thừa thuyết giảng đã mong mỏi người có đức, truyền bá giáo pháp mầu nhiệm, trên là bậc tài trí nước nhà, dưới làm phước cho dân. Vào tháng bảy niên hiệu Đại Trung Trường Phù thứ ba kinh sử Ngô Trần Trạng xin đủ nhân y lục tâu lên vua nghe xin được ban sắc chỉ chấp nhận trụ trì Thập phương Vĩnh Tác giảng nói giáo pháp Thiên Thai, mong Sử Ngô trình bày tâu lên, huống chi Tăng đồ đệ bản viện (lập thành huyền bản, Tuệ Bản chuộng tài đức. Trước trạng gọi là Phục Đô Sư Chủ (Tri lễ dị căn), kinh châu Trần Trạng đến bản viện trụ trì Thập phương Vĩnh Tác giảng nói giáo pháp Thiên Thai, tức chẳng phải giới hạn kế thừa trong đồ đệ (lập thành) cũng nguyện đem viện này để cho mười phương trụ trì, thay nhau thỉnh giảng giáo thừa của ngài Trí Giả, hay nhóm họp Tăng chúng bốn phương, tăng có đức hạnh để trụ trì truyền giáo, thường chọn thỉnh tăng đến viện nghe học làm chủ sự, mỗi người đều có bản viện, lại không can dự vào. Thầm lo lắng, tương lai có đồ đệ khác không biết từng bỏ viện cũ đi nương nhờ trụ trì, dối chiếm làm sở hữu, tình trạng xin đủ sách, người trú xứ trình bày tâu, mong Sử Ngô có duyên từ thể lượng trình bày tâu vào tháng 10 năm ấy y theo tập sớ trong văn kiện vâng theo Thánh chỉ, nên ra lệnh cho bản viện chỉ huy theo lệ cũ, tìm Sứ giả đem thư mời xuống tăng chánh ty, thông báo gấp Thánh chỉ trong tập sớ văn kiện, phân giải mau, theo lệ cũ liên kết trình bày chung, xưng hô theo tăng ty trình bày, kiểm tra hội ở Bản châu và chùa Cảnh Đức núi Thiên Đồng, hai trụ xứ viện Đại Mai và Sơn Tiên cũng là mười phương trụ trì, tức là nương vào thể thức thượng hạng sơn môn Giang Nam Hồ Nam, như xem xét hai trụ xứ hội Thiên Đồng và Đại Mai không phải là chỗ trụ trì của mười phương thì người đó phải chịu tội nặng, mong Sứ đưa giấy mời xuống bản viện, mong nương vào Thánh chỉ trong tập sớ văn kiện và Tăng Ty đến hai chỗ Thiên Đồng, Đại Mai để phân tích thi hành theo thể lệ. Nay muốn truyền viết Thánh chỉ và lần lượt đưa thư mời khắc trên bia đá cách thức trụ trì truyền giáo mười phương, trình bày xong đưa xuống ty, người chỉ huygiúp đầy đủ như trước. Nay thâu nhặt những điều xưa để trụ trì chủa Diên Khánh, Sa-môn (tri lễ, dị văn) truyền trình bày giáo nghĩa Thiên Thai xin y theo thể thức đường sơn môn Giang Nam, Hồ Nam đem viện này để cho mười phương trụ trì và trình bày rõ sáu vị Tăng môn đồ, cũng xin đem viện này để cho mười phương đến Trụ trì đời đời thường giảng nói giáo thừa của ngài Thiên thai Trí Giả phải là tăng có đức kế thừa trụ trì truyền giáo. Châu Ty nhằm vào ngày 11 tháng 08 niên hiệu Tường Phù năm thứ ba, trình bày đầy đủ tâu lên xin ban sắc lệnh, chỉ huy nhằm vào

ngày 18 tháng 10 năm ấy y theo tập sớ văn kiện, vâng theo Thánh chỉ, phải ra lệnh cho người chỉ huy theo lệ của bản viện, liền ghi giấy mời cho viện Diên Khánh, mong y theo Thánh chỉ trong tập sớ văn kiện, chỉ huy xong vào tháng ba niên hiệu Đại Trung Tường Phù năm thứ tư. Lại y cứ theo kinh (Tri Lễ), kinh châu trình bày rõ. Suy nghĩ thích hợp, tương lai có đồ đệ khác không biết nguyên nhân việc này, nên nói với đồ đệ kế thừa viện khác, thể lệ vọng sinh tranh chấp làm cản trở các bậc danh tăng trụ trì truyền giáo, xin nương vào nguyên nhân này lại tâu lên vua, xin xem xét ban sắc lệnh xuống bản viện là người mười phương trụ trì giảng giáo pháp Thiên Thai? Châu Ty có trình bày lên tâu vua, minh xét y theo Thánh chỉ chỉ huy xong, liền trình bày đầy đủ như trong thư mời. Tăng Chánh Ty báo gấp Thánh chỉ trong tập sớ văn kiện, mau phân tích, đúc kết đầy đủ theo thể lệ xưa, văn trình bày chung, tiếp tục trình bày lên tăng ty, nay lấy lại chùa Cảnh đức ở núi Thiên đồng thuộc Bản châu và hai viện Đại mai, Sơn tiên cư cũng là để cho mười phương trụ trì, cũng dựa theo thể lệ thượng hạng Giang nam, Hồ nam. Nếu xem xét lại hai chỗ hội Thiên Đồng và Đại Mai không phải của mười phương trụ trì tức lả người ấy chịu tội nặng. Nay ngày 24 tháng 02 giấy mời bản viện, gấp báo mới rồi ban Thánh chỉ và đến đây tăng Chánh Ty phân tích đến hai chỗ Thiên Đồng và Đại Mai thi hành theo thể lệ cũ đã xong. Nay có Sa-môn kể rõ muốn viết lại đủ Thánh chỉ và lần lượt đem thư mời, đúc vào bia đá theo cách thức mười phương trụ trì truyền giáo, xin ban chỉ huy... mọi việc phải có giấy mời chùa Diên Hựu, gấp báo Thánh chỉ và lần lượt thư mời chỉ huy, đều đầy đủ tăng chỉ huy, phân tích theo thể lệ, tùy tiện thi hành, không thể để cho thiếu. Giấy mời ngày 17 tháng 07 niên hiệu Đại Trung Tường Phù.

Quán sát chung quan quận Đại thường phó sĩ Thông Xan Quân châu sự thành.

Thái Thường Phó Sĩ Tri Quân Châu Tăng đồ đệ sự khang, câu Đương Thọ lập.

Ngày mồng một tháng 12 Bính Tý niên hiệu Thiệu Hưng năm thứ hai mươi sáu, Trụ trì truyền giáo quán Thiên Đồng Đại sư Giác Vân được ban y tía trùng lập lại.

SỬA CHỮA LẠI VIỆN BÁO ÂN , MINH CHÂU HOÀNG TỐNG GHI

Tướng Sĩ Lang Thư Đại Thường Phó Sĩ Thông Xan Quân Châu cùng Đồng Lãm Thị Bá Quản Nội Khuyến Ký Đô Úy Tích Bài Thạch.

Đợi hỏi mới soạn viết.

Nếu sinh thật có sinh, bắt đầu từ vô thỉ là thỉ, nhân duyên vọng tưởng vùi lấp chân như, qua lại trong đất nước gió lửa hợp tan trong mộng huyễn bọt bóng. Sông ái mênh mông, thông khắp ba cõi. Lưới trần rộng lớn trùm khắp đại thiên, hoặc tiệm tu nhiều kiếp đốn ngộ trong khoảnh khắc, vượt khỏi đường này đến bờ bên kia. Biến thành ba mươi hai tướng, hóa ngàn thân nhiệm mầu, khắp làm tất cả tâm, trình bày rộng tất cả pháp. Mây từ giăng khắp nhà lửa, quét sạch lửa nóng thành mát mẻ. Vén mặt trời tuệ trong màn vô minh, xua đi màn đêm dài, chỉ có bậc đại hùng thôi chăng? Khi xưa Châu Lỗ Nhị Trang dạy ta hiển bày đợi đến sau này Tấn Minh mới rõ, đạo ta càng được tôn trọng đều là pháp pháp truyền nhau, tâm tâm kế thừa. Người đời không thẹn đức, thay nhau có nhân từ. Do đó. Quán điều này thì tượng giáo hưng thạnh, Ngài đến đây từ lâu, xây dựng chùa Phạm dung thông thiếu ư? Viện Báo Ân Minh Châu tức là Sa-môn tọa chủ bỏ cũ làm lại mới. Tọa chủ họ Kim ở Đô giang, xuất gia năm bảy tuổi tại chùa Hưng Quốc ở Ư châu, thọ giới Cụ túc với Pháp sư Bảo Vân Thông, học giáo với Đại sư Thiên thai Trí Giả. Giáo này rộng lớn đầy đủ, sâu xa mầ nhiệm, chu toàn luôn sáu Độ, bao trùm hết ý nghĩa của năm thời. Nghĩa không u huyền thì không hiển bày. Lý không ẩn thì không lộ rõ. Người tu giáo này, chỉ là niệm. Niệm không xen hở, cho nên thành tựu sức định, sau đó phiền não dứt sạch. Học quán nhưng rỗng rang, rỗng không nhưng chẳng ngăn ngại, đó gọi là phát sinh tuệ giải, sau đó chứng Bồ-đề. Do đó, phải siêng năng thực hành. Hành giả ứng hiện vào đường ác, tội nghiệp liền tiêu, vẫn giữ nhưng không mất. Người gieo trồng gốc lành, công đức không thể nghĩ bàn. Tọa chủ ghi nhớ hai điều này nhất chí ở trong đây nghiên cứu nghĩa lý sâu xa cùng lý tận tánh, không thể gọi là bậc tinh tấn mạnh mẽ hay sao? Dùng sự học rộng Tam thừa để thấu suốt bốn Đế, sáu trần không nhiễm, năm uẩn đều không, mới gọi là loa pháp lớn để thức tỉnh chúng sinh mê muội. Đánh trống pháp lớn để dệt hết sai lầm, cho nên được dự vào hàng tăng lữ, lớn nhỏ đều kính mến là hàng tín sĩ tài cao. Loài có vảy thuộc dòng họ rồng, loài có lông thuộc dòng họ phụng. Xưa kia viện này truyền thừa nhiều năm, nay ngày càng suy đồi, người có tài năng thì từ đây được làm cho hưng thạnh. Mọi người bàn luận chỗ trở về, thỉnh được người là điều mai. Dùng chí đạo kế thừa Tam bảo mới cùng với Sư Hàng Tố cùng chí hướng dứt tâm dự nghe, kêu gọi trở về hợp lực thành một mối. Một hai năm tạm làm kinh doanh để cứu giúp người nghèo khổ. Ba bốn năm mới bắt đầu hưng thạnh pháp

hội, cùng kết hợp với đàn na. Năm sáu năm đích thân viết văn sớ chỉ dạy giải thích nghĩa sâu xa, thêm vào đó bất luận ngày đêm hoặc giảng dạy hoặc sám hối. Do đó, sửa chữa lại những điều sai, không rãnh để mưu tính thi thố tài năng. Ngày tiếp ngày, mới luận bàn sửa đổi việc làm. Gặp được Tỳ-kheo Giác Viên ở Lệ nghiệp, Đan Khâu Thọ Xương cũng muốn phát tâm hợp sức. Tọa chủ truyền miệng sơ về phương thức, chỉ dạy khuôn phép. Luận bàn về thọ Đề-già, dùng nhân quá khứ, nói y Bồ-tát dùng quả vị lai, làm cho sự suy nghĩ tâm tham lam, keo kiệt thay đổi. Kết duyên lành dứt bỏ ham muốn như trước, hỷ xả khích lệ tinh tấn. Thí tịnh tài nhưng chỉ sợ về sau. Một phương vừa hưởng ứng, thì ngàn dặm đều vui theo. Ngọc trắng châu kim không chân mà đến được. Cây thị không gọi mà tự vào. Công Thâu xóa mực không ngừng, Tượng Thạch kéo cân không ngớt. Trải qua ba năm như vậy mới thành công, thấy được nền nhà rộng lớn, cây đất đẹp lộng lẫy, vàng ngọc óng ánh lồng như, mảy ngọc càng thêm sáng. Điện Phật trước và sau Tăng đường, chiếu sáng như thế, tạng giáo bên phải phương trượng bên trái, mọi việc đầu tiên, tiết kiệm tịnh thí. Ở góc của các cột đều có chạm khắc, hai bên là cầu vòng cong xuống, uyên ương liệng bên mái ngói, đường nét lăn tăn nối liền lên tận nóc nhà, rộng lớn phân chia che bóng mặt trời, lan can dài dãi nhà rộng, hang sâu thăm thẳm cũng có gió luồn vào, người dạo lầm tưởng là ở trong hóa thành, người đứng trong đó nghi là nhà huyễn. Hưng thạnh thay nhau, không cùng gò cao. Lại nước này khác với chúng sinh khác. Như những ngọn núi trên thành, đứng ở trước mái nhà, nước luồn vào vừa tràn khắp lan lan. Khu đất ở hình thù rất đẹp, trời giúp thêm kỳ ảo, cửa mở nhưng trăm màu tía xen nhau, đường vắng nhưng bụi hồng không đến, ngoài sân ngồi lặng lẽ như mây ngàn, xây nhà trên đài từng giờ nằm nghe chim hót vắng. Như thế, cũng đâu cần nâng ly hỏi đạo, chống tích trượng đi du phương, lội suối trèo đèo hỏi đạo các bậc kỳ túc, vén áo qua sông ao A-nậu-đạt ư? Đợi hỏi thông cầm cành trúc Hàn Tân Tùng Bính, hội được toàn thể thù thắng này, báo cáo đã thành công, nương vào các sở thấy để lại, liền đưa mảy tơ thì biết, không dám giải thích chi tiết để được thấy nghe. Ngõ hầu ngày khác phát huy gốc Liên xã, lập vào ngày 06 tháng 04 năm Kỷ dậu, niên hiệu Đại Trung Tường Phù năm thứ hai.

Khi xưa có Pháp sư Thông, bậc tài giỏi hiểu biết rộng, từ Tam Hàn đến cầu đại pháp ở Trung Hoa. Do đó, Ngài thông suốt hết chỉ quán của tông Thiên Thai làm đệ tử đắc pháp.

Tôn giả Pháp Trí Tứ Minh và Pháp sư Vân Thiên Trúc. Hai ông

như bầu trời xanh băng cứng, có tài năng truyền đạo của thầy này, làm hưng thạnh tông Thiên Thai cùng ngài Trí Giả lái thuyền rong ruổi, một bậc nổi tiếng một thời. Như Dương Vân Công, Vương Dực Công, Tằng Lỗ Công làm thầy bạn với nhau rất hưng thạnh. Chỉ có mình chủ Pháp Trí Viện Bảo Từ về sau nổi tiếng là Diên Khánh mới thỉnh về triều đình và truyền rộng giáo Thiên Thai đã được ban sắc văn, ghi ở viện Bảo Ân khắc vào đá từ lâu, vừa rồi bị binh lửa thiêu sạch, nay trụ trì Giác Vân Liên Công đạo hạnh cao xa, ít lưu lại mô phạm xưa, ra sức nghiên cứu bản cũ, đạt được điều này cốt để ngăn ngừa học chúng. Khắc lại trên đá làm xong xin để lại mấy lời để đời sau tin. Tôi khen điều này có thể không mất dấu vết người xưa, nên thỉnh người. Sơ kết tháng hai năm Bính Tý, niên hiệu Thiệu Hưng, cư sĩ Chân Ẩn soạn lời bạt.

THƯỢNG TẰNG THÁI THÚ XIN TRÌNH TẤU THƯ ĐẤT VƯỜN

Khải bạch Quỹ nhật Đảo Thánh, rửa sạch nghiên mực đốt mảy lông viết thành ý, Học sĩ tri phủ tâu lên vua. Thầm nghĩ, duyên xưa huân tập bản tánh. Ưa nói pháp môn của Đại sư Thiên thai Trí Giả, cho nên nghiên cứu ý này, giảng nói văn này, như giải thích tu hành, nắng mưa không xen hở, chịu khổ quên khó nhọc, nay đã bốn mươi năm. Bởi biết được giáo này, giải hạnh viên dung, quán lý sự hợp thành một, mà tiến đến cửa giải thoát, bảo nhậm được. Điều quan trọng là thấy chỗ truyền tâm này, giảng dạy, hội tụ chúng, mới hợp sức hóa duyên. Xây dựng viện này, mới được hoàn thành để cho mười phương trụ trì truyền nói giáo pháp Thiên Thai. Việc này tuy toại nguyện hơn nữa còn thiếu vườn rau, bèn nhờ Tục Phụ Kinh Công truyền giao đất nhà mấy trăm trượng cho chùa trồng rau, cũng trong ngày ấy cúng chúng Tăng để khỏi xin người khác. Nhưng vẫn lo sợ, sợ có những người sau này không biết, chợt có người kiện tụng bảo đền lại. Kính xin học sĩ dùng tâm thông thái làm chỉ Thiền giáo, truyền bá nhiều gian nan, chấp nhận tâu lên Thiên đình giáo cho phủ Đạt Tướng, nhưng không có người nhận và xả thí lại, cũng không mua ruộng vườn. Do đó, Tục phụ giao cho con trai, thì không trái điều chế và xin ban sắc lệnh để ruộng đất này mãi mãi là của già-lam. Lễ tượng trì kinh, tâm cầu nguyện khấn, chỉ vì làm vườn lâu năm, quả là gặp lúc học sĩ do xuân đoái hoài rủ lòng chiếu cố chỗ khác, chắc chắn có kỳ hạn, mé này phù hợp với tâm nguyện, rất mong tâm vui vẻ khổ hạnh quên thân vì pháp chỉ bố thí sức vĩ đại kết thành duyên cao quý này, thì một ngày tâm cũng toại nguyện, chết muôn lần cũng không lo. Viết chưa thành chữ, lời không thành văn, mục đích viết để

cầu khẩn chí thành, không tránh khỏi hoang đường vụng về, phạm vào giả mạo uy trọng, không khỏi lo sợ. Khải bạch Thượng Hoàng, ngày 15 tháng 08 niên hiệu Thiên Thánh năm thứ ba.

Khi xưa Đại sư Pháp Trí viết thư này xin đám ruộng vườn phía sau làm nền xây thiền viện, lời này thật chí thành, thư này cần cù, vì mến mộ chốn hưng long nên mở rộng hình dáng cao quý này. Có năm thu cất để nhớ lại dấu tích này sợ không thấy nghe được mới khắc vào đá cứng, vào lúc ngày rằm nhuần tháng sáu năm Nhâm ngọ, niên hiệu Sùng Ninh năm đầu, Tỳ-kheo Đạo Nhân xây dựng.

BẢN CHÂU XIN THÁNH CHỈ TRÌNH BÀY LỄ BỘ CÔNG CHỨNG NHẬN

Minh Châu y theo phù hợp Thượng Thư Lễ Bộ, Phù tỉnh phê chuẩn đưa xuống. Phu văn các học sĩ Tả triều thỉnh Lang Tri Minh Quân Châu Sự đề cử học sự Mạt Tướng. Thầm nghe chùa Diên Khánh Bản Châu là truyền giáo pháp Thiên Thai. Niên hiệu Chí đạo năm thứ hai xây dựng cho mười phương, chùa rất hoành tráng, học chúng kéo về rất đông, truyền giảng không ngừng. Hoàng đế Chân Tông thường sai sứ đến chùa ra lệnh cho chúng Tăng tu thiền, sám pháp, Thái tử Thiếu Bảo đến ghi hạnh nghiệp, chép đủ việc này. Sau khi trải qua binh hóa, may thay chùa này vẫn còn. Mấy năm gần đây, hầu hết đều để cho quan ở và chiếm giữ đánh bạc, làm chỗ ở, lấy làm vật của mình, mùa bán với nhau, không cho Tăng chúng ở. Tượng Phật bị hư hỏng, để lẫn lộn với đất bụi không còn là nơi phước điền và chùa Báo Ân, viện Quảng Tuệ ở châu này khi xưa là Thiền lâm. Trong châu thành chỉ có hai chỗ thiền viện và chùa là nơi huân tu Thánh chúc về sau, mở ra thành chỗ cầu cúng, đạo tràng Thánh tiết, và ở viện Quảng Tuệ từ khi binh lửa về sau tuy còn lại mấy gian nhà nhỏ, nhưng cũng bị chiếm lấy, Tăng chúng không dám xây dựng. Từ đó có ý định xây dựng thành nhà và dùng hết hai chùa làm nhà ở, sau thay đổi ra lệnh cho chùa này sửa lại chánh điện, góp công góp của, nhờ sức của nhiều người dần dần thành tựu, Tăng chúng càng đông đảo dạy thiền. Kính mong sự giúp đỡ của Hoàng Đồ, chúng Thánh vạn thọ. Ngoài ra chùa Báo Ân đã có Thánh chí chỉ huy xuống không cho người dân chiếm giữ. Ngoài các trụ sở chùa Diên Thọ, viện Quảng Tuệ cúi mong điếu Từ đắc ân tâu đủ, ban xuống chiếu chỉ không cho các người chiếm giữ để ở, sau này làm danh lam thắng cảnh di tích xưa, không để rơi vào tình trạng hư hoại, mãi mãi làm nơi phước điền, kính cẩn trình bày đủ Thượng thư tỉnh, phục hầu điếu chỉ. Phê sau ngày 24 tháng 03,

Tống Lễ Bộ Hành đưa xuống bản châu, một bề sắp đặt thi hành. Người chú Minh Châu dựa vào Đê Tỉnh Phê rõ ràng, chỉ huy thi hành phải đến đuổi đi.

Hữu xuất cấp công chứng nhận giao cho chùa Diên Khánh, mong nhận làm chiếu hội, cấp vào tháng tư, niên hiệu Thiệu Hưng năm thứ 14.

Tả Văn Lâm Lang quan sát Thôi Quan Lưu:

Tả Nho Lâm Lang Tiết Độ Thôi Quan Lưu.

Hữu Triều Phụng Lang Kiểm Thư Tiết Độ Phán Quan Sảnh Công Sự giá.

Hữu Triều thỉnh Đại Phù Thông Phán Quân Châu Chủ Quản Bọc Sự Tiền.

Hữu Trung Tán Đại Phu Thông Phán Quân Châu Chủ Quản Học Sự Bằng.

Phu Văn các học sĩ Tả Triệu Thỉnh Lang Tri Quân Châu Sự đề cử học sự mạc.

BA TỈNH ĐỀU VÂNG THEO THÁNH CHỈ

Thi hành ở Lễ bộ Thượng Thư, y theo sắc lệnh ngày 24 tháng 03 niên hiệu Long Hưng năm thứ 14. Môn hạ Trung Thư Tỉnh Thượng Thư Tỉnh đưa đến tập sớ cho Mạc Tướng coi sóc Minh châu, thầm thấy chùa Diên Khánh ở châu này sau khi trải qua cuộc binh hỏa, may mắn thay chùa này vẫn còn. Mấy năm gần đây tất cả bị làm nhà ở nhờ và chiếm lấy làm nơi đánh bạc, thi đấu làm chỗ ở, không cho Tăng chúng ở tượng Phật hư hỏng bị bụi bám đầy và viện Quảng Tuệ ở châu này xưa là nơi chúc Thánh huân tu, về sau làm chỗ cầu cúng. Đạo tràng Thánh Tiết cũng bị chiếm lấy, tất cả chùa Diên Khánh viện Quảng Tuệ cúi xin chỉ huy xuống không cho các người chiếm ở, ngõ hầu làm danh làm thắng cảnh di tích không để rơi vào tình trạng hoang phế, mà mãi làm chốn phước điền. Ban chỉ huy ngày 24 tháng 03 vâng theo Thánh chỉ, phụng theo sắc lệnh như sau: Công văn đến thực hành, phê trước giờ thìn tháng ba giao cho Lễ bộ thi hành, tùy theo quan hợp thuộc ở hay đi. Đã có thẻ tín quan bản châu thi hành rồi, thầm nghĩ, thẻ tin trước kia chưa đến phải thi hành lại, thể tín ban xuống Minh châu, người chủ đến nói rõ điều này và đến khi đưa thể tín rồi sự lý đều theo sắc lệnh, chỉ huy thi hành y theo quan hợp thuộc ở hay đi. Thẻ tín đến vâng hành, tháng tư niên hiệu Thiệu Hưng năm thứ mười bốn.

Thú Đương quan cung ra lệnh cho Sử Diêm Chủ Sự Triệu Lãm

Thượng Thư Lục Bộ Môn kiêm quyền Ty Bộ Lang Trung.

BẢN THÁNH CHỈ NÊU RA XUẤT CẤP CÔNG CHỨNG NHẬN TỨ MINH ĐỒ KÍNH GHI SỰ TÍCH CHÙA DIÊN KHÁNH

Giáo tự Diên Khánh ở huyện Nam Tam Lý, khi xưa là viện Báo Ân được xây vào niên hiệu Quảng Thuận năm thứ hai đời Tấn (khắc tên đá không phải niên hiệu Quảng Thuận đời Tấn), điều này là sai, vào niên hiệu Quảng Thuận năm thứ hai đến niên hiệu Đại Trung Tường Phù năm thứ ba đổi thành chùa Diên Khánh, niên hiệu Thiệu Hưng năm thứ mười bốn đổi lại thành tên chùa này. Chùa có mười sáu quán đường, điều này thấy ghi ở viện Tịnh độ. Tăng Tri Lễ tự là Ước Ngôn, họ Kim. Buổi đầu khi cha mẹ chưa có con nối dõi tông đường họ cùng nhau đi chùa cầu con, đến khi sinh ra Sư đặt tên La-hầu-la, cốt cách phi phàm, thuở nhỏ không giống như trẻ bình thường. Năm lên bảy tuổi mẹ mất, sư nguyện xuất gia để báo đáp ơn cao cả, cha chấp nhận theo chí hướng của sư. Sư thờ ngài Hưng Quốc (chùa Hưng Quốc) làm thầy, mười lăm tuổi thọ giới cụ túc, nghiên cứu luật, hai mươi tuổi theo sư Bảo Vân học giáo pháp Thiên Thai. Sư lập chí kiên quyết lưng không dính chiếu. Người học bốn phương nghe danh sư cùng nhau kéo đến đứng ngoài cửa rất đông. Quốc sư Nhật Bản cũng đem đồ chúng của mình thưa hỏi pháp yếu. Lễ Tiên Trụ Thừa Thiên, chí đạo trung di, ở Diên Khánh hơn bốn mươi năm. Hoàng đế Chân Tông từng sai sứ đến tặng quà lạ. Niên hiệu Thiên Hy năm thứ hai, Ngài nói đồ chúng: Nửa bài kệ quên thân, một câu ném vào lửa. Tâm bậc Thánh vì pháp như thế, huống chi thời này cách Phật pháp quá xa, nhiều người xem thường đạo pháp, ta không thể quên thân để sách tấn họ, thì chẳng có người nào xứng đáng để nói điều này. Do đó, nhóm họp mười vị Tăng, tu tập sám hối, hẹn ba năm sau cùng nhau thiêu thân, trong lúc ấy có Hàm Dương Đô Úy Lý, Tố Văn Công, Đạo Giá, Vọng Phong Thôi Ấp, được vua mời đến ban y tía và ban hiệu Đại sư Pháp Trí đều là do sức của hai ông tiến cử. Và nghe vẫn còn thân Dương Công sai đem thơ tấp nập và mới thỉnh trụ thế, Thái Thú Lý cầu khẩn thỉnh rất tha thiết, bất đắc dĩ phải ở lại, cho nên đến khi mất có Thức Sư làm thơ thương xót (truy điệu): Trên trời không hai vầng nguyệt, nhân gian chỉ có mình Ngài. Ngài là một bậc hiền được quý trọng như thế. Ngày mồng năm tháng giêng niên hiệu Thiên Thánh năm thứ sáu, sư ngồi kiết già thị tịch. Trải qua thời gian lâu sau mở tháp ra vẫn tươi tỉnh như còn sống, thiêu được vô số xá-lợi năm màu, nhiều vị nối pháp. Vì kính lễ hành nghiệp Ngài, Tường Kiến Hồ làm bài minh

thờ trên tháp.

GHI VỀ ĐỀN THỜ TẰNG LỖ QUỐC TUYÊN TỊNH CÔNG

Thiên Thánh Trung Cao Tổ Sớ Công, trấn thủ ở Tứ Minh. Tằng Đại Phụ Tằng Tuyên Tịnh Công, Hạ Nhân Sớ Đức Thị chưa biết điều này, thường muốn đến chùa Diên Khánh. Trước đêm ấy, vị Tăng chủ nằm mộng thấy vị Thần mách bảo: Tướng quốc đến phải đón rước. Đến sáng cho người ra canh cổng. Sau đó Lỗ Công đến. Tri Lễ rùng mình kinh ngạc kể lại giấc mộng và nói sau này quý mến không quên. Thái phu nhân nghe điều này vui mừng nói: Tôi tin điều này phải biết điềm báo trước và bái phục thi hành lời nói ban đầu đã mua ruộng làm nhà, lại thỉnh những người trong triều, ngay năm ấy độ đồ chúng ở đây. Do đó, Diên Khánh là vọng sát và vẽ tượng Lỗ Công, lập đền thờ kính cẩn. Than ôi cũng đã lạ thường rồi. Nghe điều này, Đại nhân vương công lúc hành đạo, làm lợi ích cho thiên hạ và nổi tiếng đến đời sau, đều vượt khỏi ý chỉ chân thừa, chứng được quả vị. Dùng nguyện lực ứng hiện thế gian, thân tể quan, tùy theo chỗ đến mà gặp. Năm sinh ra Lỗ Công, Thái phu nhân nằm mộng, thấy vị Tăng già khoác tấm màn vào phòng ngủ rồi sinh ra ngài. Niên hiệu Khánh Lịch năm thứ tám, được Tri chế ban cho Hàm Tuất rồi về quê, có vị Tăng chèo thuyền đến Tiền đường, nghe ở Thiên Trúc đẹp, bà bèn đến chiêm lễ. Trên đường đi bà thấy có một người mặc áo trắng từ cửa chùa đến gần, bèn hỏi: Thượng tọa từ Tằng Sá Nhân đến phải chăng? Sá Nhân năm mươi bảy tuổi vào Trung Thư. Thượng tọa năm ấy cũng được sư đặt tên, vừa mới từ biệt đã không gặp lại. Sau khi nói điều này, Đoan Minh Sát Công đang bảo vệ Tiền đường vào triều tâu vua điều binh dị này, ban hiệu là Quán Âm Linh Cảm. Các trực học sĩ Lý Công có ghi điều này. Bởi vì trời sinh ra người hiền, chắc chắn dùng đạo đức hoàn hảo và tài ba hơn người này, sau này giao lại. Thánh chủ cùng nhau bàn tính đều chấp nhận, để trồng phước vững mạnh cho tông xã, thật là có một người tướng hiểu đạo, thần đã mách bảo, lý tự ứng hiện điều này, nhưng trải qua ba triều đại, quyết định kế hoạch, đạt được thành tích, vì một đời tông công, mà ánh sáng mênh mông, không thể sánh bằng, đâu phải tình cờ? Chí nguyện xưa kia đã truyền được, nhưng các việc nhỏ không đáng nói. Tôi đâu giống được người phải tựa vào đức người đời để dùng làm thuyền, chỉ lạy dưới đền thờ, chu toàn thăng giáng, kính cẩn những điều nghe được, mà xưa kia chưa từng ghi, vì lo sợ bị mai một, thu thập sự thật này khắc vào đá để lại cho người sau. Ngày 26 tháng 04 niên hiệu Thiệu Hưng

năm thứ ba mươi hai, Tăng Tôn Hữu Triều Tán Lang đề cử.

TỨ MINH ĐỒ KINH KÝ TUYÊN TỊNH CÔNG TỪ

Hoàng Triều Cố Thừa Tướng Lỗ Quốc Tằng Tuyên Tịnh Công từ đường ở huyện Nam ba dặm rưỡi chùa Diên Khánh. Theo Thiên Thánh Trung Sớ Quốc Công trấn giữ Minh Châu hầu Thừa tướng Phương Dục Đức. Một hôm đến chùa Diên Khánh, nhưng Tăng chủ Đại sư Pháp Trí đêm nằm mộng thấy vị thần trong chùa báo: Ngày mai Tướng công đến phải ra đón rước. Tri Lễ cho là điều lạ bảo người canh cổng. Sau đó có người vào báo, Tướng Lỗ Công đến. Ngài Tri Lễ kể lại điềm mộng. Lỗ Công nói: Có việc này ư? Ngài thầm nhớ trong vuông tấc, ngài đến lễ bái và cho điềm mộng của Tri Lễ là đúng. Do đó, thỉnh về triều, mua ruộng đất cất nhà, mở rộng pháp tịch đặt tên là Diên Khánh. Vị Tăng trong chùa vẽ hình tượng ngài để thờ, khắc vào bia đá hiện nay vẫn còn.

GIẤY MỜI MUA ĐIỀN TRONG CHÙA DIÊN KHÁNH PHỦ TẰNG TƯỚNG CÔNG

Đại sư Pháp Trí chùa Diên Khánh ở phủ Khế, Khám Bản, phủ Tằng Tướng Công ban đêm nằm mộng thấy vị Thần báo rằng: Ngày mai Tướng công vào viện, phải ra cổng đón rước. Hôm sau cho người ra cổng đứng đón, báo với tôi có người đến, do đây kể lại giấc mộng, khi trở về tâu lên gia mẫu, hôm sau cùng đến yết kiến Pháp Trí, tiếp rước rất cung kính, quả nhiên ứng với điềm mộng này, phải bảo đàn tín đem đến cúng viện này. Từ khi Thánh Triều Ngự dùng Tể chấp, gia mẫu không vui với nguyện vọng này, nên mua ruộng vườn ở huyện Minh Châu, huyện Ngân làm quê hương thanh đạo. Hoặc khi còn sống làm nơi Bảo Khánh Bình An, hoặc mất đi thì làm nơi cúng húy kỵ. Thường hay hổ thẹn, mỗi năm không phế bỏ. Gia mẫu có di chúc: Sở đất mua không nhiều để lại cho con cháu thì xa xôi, nên lần lượt mua thêm để vào cho chùa và cúng cho chúng Tăng, kẻ còn người mất đều được lợi ích. Nay gốc trồng sâu tươi tốt, nguồn xa nên chảy mãi. Nay lại nghĩ đến điều này, gốc lập thân, không phải xem trọng hạnh hiếu. Hiếu không xem trọng còn sống nuôi dưỡng chết tiễn đưa, kính cẩn truy điệu, cho nên nương vào chủ viện Diên Khánh. Thể nhận được ý gốc này, hổ thẹn không dám trái. Đã thuê hai chỗ, còn tạo thêm bản phủ nạp vào. Chiếu theo giới hạn nạp vào quan ty, không cho thiếu chút thước, tấc, thăng, hợp. Quý trọng ruộng này cung kính này, nên khi giao con cháu

đều biết. Cấp vào tháng ba, niên hiệu Thiên Thánh năm thứ ba.

Năm Mậu Tuất niên hiệu Chính Hòa, Phó Tiên Đại Phu Tứ Minh lúc này còn nhỏ. Một hôm, theo hầu thầy đến Diên Khánh, thấy đồ chúng rất đông ngồi nghiêm trang lắng nghe pháp, bưng bát lên, trong giảng đường có mấy ngàn cái như vậy. Lúc ấy tâm nghĩ rằng: Ở trong đây nếu không có bậc Đại đạo sư truyền bá và giữ gìn giáo quán, bên ngoài Đại thí chủ cúng dường, thì không dễ gì được hưng thịnh như vậy. Lui ra sau gặp Tăng chủ mới biết Tôn giả Pháp Trí. Có điều lạ là vị Thần cảm mộng điều này, do đó Đại Thừa Tướng Tuyên Tịnh Tằng Công bỏ trang thiếp văn, cúi xuống đọc kinh ngạc khen ngợi, cho nên thấy trường dạy học Diên Khánh đứng đầu hai tỉnh Triết giang. Từ đó về sau kinh trong chùa bị giặc đốt phá cháy hết; lần lượt trải qua ba đời trụ trì không thể giảng dạy hưng thạnh, cũng từ đây bị bỏ phế. Về sau, có Tôn giả Viên Biệt, thường đem tông chỉ Pháp Trí hướng dẫn người học ở Tư Phước Vĩnh Gia. Tiên Đại phu do đây nhờ đệ tử của Ngài hợp sức vào việc này ở Tương Châu để cứu vãn lại. Chẳng bao lâu xây dựng giảng đường khang trang, lầu các lớn nhỏ quét màu đỏ tím hoàn toàn mới mẻ; bốn chúng khắp nơi kéo đến vén áo thờ Ngài làm thầy, như mây kéo sương mù giăng, giảng đường đổi lại giáo quán như ngày xưa. Điều này không chỉ biết được nguồn lực sâu xa của ngài Pháp Trí mà còn thấy được phước sâu dày của Lỗ Công. Nay giảng chủ Diên Khánh Thân Công đích thật nối pháp ngài Viên Biện, quán, hạnh đều tu, tông, thuyết đều đạt đến. Một hôm vừa xem qua và nói: Chùa xưa bỏ ruộng vườn, công văn xưa còn khắc bia đá, nay không còn nữa. Muốn lấy sở đắc kia tái bản lại khắc vào đá để lâu dài, và muốn viết truyền bá cho người sau. Nếu gốc lập thân không trọng ở hiếu đây là lời phó chúc của Lỗ Quốc Công. Hai thuế đã thâu không còn sợ mất, đây là lời dạy của Lỗ Quốc Công. Hễ học thì chúng ta phải giữ gìn, đến nỗi ông Khánh còn không cầu lấy phước Tây Càn. Mới biết nay xếp bộ Thượng Thư trung dung thành nhân Thánh trí, dùng huân nghiệp để ngợi khen, điều động cả tám tòa, cùng lúc vẻ vang. Thì biết, gốc sâu cánh xem xê, nguồn thẳm chảy mãi. Di huấn của Đại Thừa Tướng Lỗ Quốc Công đến đây nếu phù hợp, thì đúng với điều Ngài viết. Hữu Triều Tán lung Tân Quyền Tri Thơ Châu Quân Châu Sư kính ghi lời bạt.

Có nghe: Như Lai hoặc hiện thân Tể Quan nói pháp. Phật pháp đều giao cho vua chúa, đại thần, hai điều này là một. Nếu không có người này, thì đạo không thực hành, khiến cho vua chúa, đại thần không có túc căn với Phật, ai chịu ra sức chủ trương. Đại Thừa Tướng Tuyên

Tịnh Lỗ Công, nhờ ngài Pháp Trí nằm mộng có ứng hiện, bỏ ruộng vườn vào chùa làm lợi ích không cùng. Thầm cho rằng nhân duyên lớn này, chỉ có Phật biết được Phật, rồi dùng tâm ấn tâm. Đại Thừa Tướng và ngài Pháp Trí chẳng phải hai người. Mộng này giác này như gương soi hình, ban đầu không có vọng tưởng, ruộng này cung kính này. Như người mua nhà, không thể một mình thành công. Nay Phán Bộ Thượng Thư là cháu của Đại Thừa Tướng, gánh trách nhiệm nặng nước nhà bàn bạc với nhau, tất cả đều muốn dân giàu sung túc dùng điều độ phải thích hợp, một gốc hiền từ nhân hậu, còn mảy may không thuận tiện đối với người, phải ra sức làm kinh tế, ở trong Phật pháp làm phương tiện Tam-muội lợi tha, mới được Thừa tướng truyền tâm pháp. Hàng thức giả không được đại dụng hằng ngày. Lỗ Công tái sinh mà ngài Pháp Trí vẫn còn, nay giảng chủ Thân Công Diên Khánh phải tự đảm đương, ngõ hầu, Đại thần và Đạo sư trong ngoài hợp nhau. Do đó, đèn sáng kế thừa. Hữu thừa Nghị Lang Tan Sai Quyền Phát Di Hưng Hóa Quân Chủ Quản Học Sự Tiết kính ghi lời bạt.

HOÃNG SÁNG TÁC BÀI TỰA THƠ GHI TẶNG ĐẠI SƯ PHÁP TRÍ

Nay môn đồ của Giáo quán Thiên thai gọi Tôn giả Tứ Minh ngang với người xưa. Lời nói này là bậc pháp khí trong nước có thể nói làm hưng thạnh tông môn. Người nói lời này từ phương Bắc đến nghe thấy lạ tìm hiểu tên họ, mới biết đó là Pháp Trí Lễ Công đó chăng? Sợ hãi khen rằng: Cao Tổ Văn Nguyên Công ta và Dương Văn Công đã xứng với người ư? Ta tuy không biết học môn của Thiên Thai, chưa hề đọc sách của Pháp Trí, nhưng chắc chắn đạt được bản ý của người này. Pháp Trí là cháu đời thứ ba của Minh Trí Lập Công. Xem hai mươi ba bài thơ viết tặng cho Cao Tăng rằng: Pháp Trí Ngô Tổ rất nổi tiếng xưa nay, bởi sẵn có thiên tánh. Lúc ấy, chủ nhân Hàng Lâm Hoàng Công Dương Công đã để lại văn này và truyền bá, ngài là người nổi tiếng trong những người ấy, văn chương hay, phải làm sao? Nhưng thơ này của Pháp Trí Ngô Tổ. Buổi đầu không có sẵn, khi rơi vào Hàng Châu Thức Công, không biết trải qua mấy năm và truyền được cho những người nào, nhưng về lại ngôi nhà xưa của Pháp Trí, cũng là đáng khen. Đã được khắc vào đá, thầm cho rằng, nguyện được bài tựa. Pháp Trí đã ra đi nhưng thân vẫn còn ở sườn núi Đông hải và tiếng tăm vang dội kinh đô hưng thạnh mãi. Tụng đức Từ Hàng này, dù bị tản mác nhưng nối lại được, cũng khuyên người tu đức được. Về sau có người nhận được đã cảm được lời cao quý

này chăng? Than ôi! Đạo Phong thời Tường Phù Cảnh Đức, điều này đâu có nao núng? Ngày mười ba tháng mười một năm Canh Thân, niên hiệu Chánh Hòa năm đầu, triều thỉnh Lang Lam Minh Châu Thuyền tràng phi kỳ úy ban đãi túi cá vàng Hoãng soạn lời tựa.

Ngồi trên đá đốt hương
Nhân nhớ thu Nhạc tự
Cao nhân dưới song thọ
Nghiệp tịnh tu mấy đời.
Bát báu chim trên cành
Bình đồng nòng nọc ngủ
Thân yên tịnh khinh an
Nhận Tạ công ở lại.

Thô bốn mươi chữ tặng Đạo sư Tri Lễ Tứ Minh. Nhà dịch kinh chứng nghĩa đồng soạn chú thích, viết dâng lên cho Đại sư Quán Tuệ.

Hành Triệu.

Các duyên còn trụ thế
Mừng thấy thân mấy đời
Tòa nêu cao vàng, đá
Thần quỷ đứng trước sân.
Thời gian như bóng nai
Thẳng thiền chẳng biết xuân
Người truyền đèn trên sông
Ai kế thừa đời sau.

Kính làm thơ Đường luật giữ Pháp sư Tri Lễ Tứ Minh. Chú giải dâng lên Đại sư Tuệ Chiếu.

Hy Bạch.

Đời này đã hẹn lão Vân Sơn
Phong cách yên tĩnh tuyết, trăng thanh
Nửa sông lặng ấm, ngâm cỏ nhỏ
Nhà trống mới tạnh giảng Hoa kinh.
Mây khắp rừng đốt hương trầm
Suối chảy vách mát xen tiếng khánh
Nhiều lần nghĩ tham quan về muộn
Vịnh thơ trước giữ tên trong xã.

Giữ bài thơ ngũ ngôn cho đạo nhân Lễ Công Diên Khánh.

Đại sư Tịnh Tuệ Tuệ Sùng.
Tứ Minh nhìn tự tại
Sắc lặng bày nhiều tầng vách núi

Rồng làm người nghe kinh
Thần làm khách thí trai.
Gió thông gọi gậy sắt
Sương mù phủ đá ướt giầy cọ
Nhờ già bệnh vô tướng
Thẹn nhiều lần thưa thỉnh sai.

Kính cẩn ngâm bài thơ bốn mươi chữ giáo chủ Lễ Sư. Dịch kinh chứng nghĩa đồng soạn, sửa chú giải, dâng lên vua ban y tía.

Nghĩa Hiền

Thành nhiều lớp dao động
Đông nhìn xa khôn cùng
Khe tín năm tới dứt
Tâm núi đêm chưa qua.
Suy tư lặng trăng soi
Thấy xa sương phủ dày
Sớm tối thấy được nhau
Cơ mất đạo liền đồng.

Giữ bài thơ bốn mươi chữ tặng sư Tri Lễ giáo chủ Tứ Minh, may thay mong người xem qua.

Tuyết Uyển Tả Nhai giảng kinh luận chế tác văn chương, chú giải dâng lên vua ban y tía.

Giám Huy.

Chùa đảo sóng vây quanh
Chân tu xưa cũng ít
Sáng sớm chim nhìn bát
Tối giảng trăng soi y.
Tỉnh tu khói chiên-đàn
Xa khám thờ ánh đèn
Lúc hoa nổi thuyền trôi
Trên sông cùng quên duyên.

Kính cẩn ngâm thơ ngôn gửi Pháp chủ Tri Lễ Tứ Minh. Thượng Đô chế tác, chú giải dâng lên vua ban y tía.

Thiện Thăng.

Ý Phật mầu khó bày
Chỉ sư giảng càng rõ
Giảng cao như mặt trời trên biển
Tiếng vang đến Thiên đô.
Rửa bát đầm thu trong

Khai thiền biết khánh riêng
Nhiều lần hướng bên ngoài
Mộng lạnh qua hồ sâu.

Kính cẩn ngâm bài thơ Đường luật thất ngôn tứ vận tặng giáo chủ Tri Lễ Tứ Minh, không bỏ văn hoa, cúi xin xem kỹ.

Thượng Đô Tả Nhai Ứng Thiệu chú giải, dâng lên vua ban y tía.

Ngộ Xương.

Mưa tạnh từ xa, khi cây rơi
Hết nguy nhìn về Nam quyến luyến
Bạch Liên xã cũ người xa lâu
Vào quán đêm trăng bạc ngàn sông.
Đan thiếu nhiều năm thơ ít sang
Trong rừng thì có Lư ta ở
Gió tu thông lay đèn heo hút
Thưa hỏi cả tuần trên biển về.

Kính cẩn ngâm bài thơ Đường luật gửi giáo chủ Tri Lễ Tứ Minh. Tuyết Uyển giảng luật ban y tía.

Tịnh Xã nương Vân Đậu
Nên nghe đến chân lâu
Linh Vân giảng hạ dài
Nghĩa mầu người nào hiểu?
Trăng biển hiện ngâm đêm
Hoa núi rơi biết xuân
Xa xa ta ứng niệm
Áo đầy bụi sáu đường.

Kính cẩn ngâm bài thơ bốn mươi chữ gửi tặng Tri Lễ giảng chủ Tứ Minh. Đông kinh tả nhai giảng luật văn chương ứng chế.

Chùa xây gần núi biển
Cảnh tịnh bỏ phù dung
Đạo theo mình vang xa
Năm tháng theo tiêu dung.
Bên cửa sổ bình sớ
Đến bờ phóng sinh nhiễu
Bao lần động khinh suất
Thân nhau mộng đi xa.

Tặng thơ Đạo sư Tri Lễ Công Diên Khánh Tứ Minh.

Thượng độ Ứng Chiêu chú giải, sau này tăng sưu tập. Hy Nhã.

Đóng cửa tiếng vang xa

Sóng lớn ngăn tìm nhau
Thôi giảng chỉ lắng niệm
Cô phong chỉ tâm này.
Cầm thú, khói yên tịnh
Đêm núi nhà vắng vẻ
Đều ngước nhìn sông Ngân
Cảnh thanh vắng rừng đạo.

Thơ gửi Pháp sư Tri Lễ Tứ Minh, cúi mong thể nhận.

Đông kinh giảng kinh luật, văn chương ứng chế, sa môn chú giải biên tập. Vô Tượng.

Nửa đời ở Giang thành
Chúng mê nghi bản chất
Hành sâu đồng kiếp luyện
Dốc lòng nguyện lưu thân.
Nắm tê giác gió nổi
Đài sư tử xuống chậm
Cung ngao đến nhiều lần
Giữ làm thầy trong giáo.

Kính ngâm bài thơ Đường luật gửi tặng pháp chủ Tri Lễ Tứ Minh, Thượng Đô Ứng Chế chú giải, Sa-môn biên tập.

Hiển Trung.

Chùa biển giảng nhiều năm
Tùy duyên đạo càng thuần
Lắng tâm sâu nhờ quán
Muốn quên thân vì pháp.
Vận tùng thu lạnh sâu
Núi trong mới tạnh mưa
Bao lần nghĩ cảnh tịnh
Sớm chiều bên thân nhau.

Kính thơ ngũ ngôn đạo nhân Tri Lễ Tứ Minh. Đông Kinh Tả Nhai giảng kinh, văn chương ứng chế, chú thích dâng lên vua ban y tía.

Thượng Năng.

Năm xưa thẹn không biết
Nay khâm phục rất nhiều
Soạn sớ truyền xứ khác
Người nhóm luận bàn không.
Ánh đèn đối bóng tối
Cây bách không mùa xuân

Già nghĩ núi làm gì
Gặp nhau biết nhân duyên.

Kính cẩn ngâm bài thơ ngũ ngôn gửi Đại sư Tri Lễ Tứ Minh. Trong điện ban y tía, Sa-môn chú thích biên tập giảng pháp.

Phổ Cứu.

Thấy nói quên cơ lâu
Gặp người muốn luận đạo
Cây đỗ trước sân lớn
Mắt nhắm, râu như tuyết.
Đuôi tùng tận mây xanh
Suối cát trăng sáng soi
Sông Ngân cuối đợi đi
Mùa thu ngắm núi cao.

Kính cẩn làm bài thơ tứ vận, ngũ ngôn tặng đại Pháp sư Tri Lễ Tứ Minh.

Tứ Minh không mùa xuân
Gió cao tự gần nhau
Khách tham thiền Lãnh nam
Người Đông hải truyền giáo.
Già nhớ ẩn núi xanh
Nhàn quên cả ban ngày
Lúc nào cùng xem tuyết
Tùng lửa đêm thân nhau.

Kính cẩn ngâm bài thơ gửi tặng pháp chủ Tri Lễ Tứ Minh.

Chủ giải biên tập được ban y tía.

Sớ xưa truyền ý sâu
Dòng sông soi thân gầy.
Bốn phương tới hỏi đạo.
Nữa đời không xa núi.
Nuôi hạc thương trong sạch.
Nhìn mây thảy cùng nhàn.
Nên nghe thiêu thân huyễn.
Sở thích khác người đời.

Ngâm bài thơ ngũ ngôn kính tặng Pháp sư Tri Lễ Tứ Minh. Thượng Đô ứng chế chú giải, vua viết ban y tía.

Dẫn tê nương Trí giả
Chất đá kế Sinh Công
Dưới cửa an giấc mộng

Giữa rừng tự liễu được không.
Trời thi nghĩ đến khách xã
Đêm nhìn động cung ma
Dựa lầu nguy ca vịnh
U hoài tận Dũng Đông.

Kính cẩn ngâm bài thơ gửi tặng Tri Lễ giáo chủ Tứ Minh, cúi xin xem rõ. Thượng Đô ứng chế chú giải, Sa-môn biên tập.

Thanh Viễn.

Quán sâu biết thân chứng
Nhiều năm khép kín cửa
Đạo ngoài một mình hóa
Từ lâu bỏ phế cơ
Tiếng sóng giảng pháp tịch
Cây, sắc lạnh áo thiền.
Huống chi làm tông chủ
Luận cao như Nhị Oai.

Tặng thượng sĩ Tri Lễ Tứ Minh một bài thơ, Thượng Đô ứng Thiệu chú giải, Tăng viết Văn Kỷ.

Sông Ngân mình sư đi
Xa kính ngưỡng cao ngất
Ôm nghi như lớp mây
Ngưng thực thể giác nhẹ.
Giảng cao tiếng vang khắp
Hành khổ hạnh râu bạc
Thay Thánh sửa sử tăng
Để lại tiếng muôn xưa.

Kính tặng pháp chủ Tri Lễ Tứ Minh bài thơ ngũ ngôn, Ứng Chế chú giải, Tăng biên tập Kế Hưng.

Tu chân nương Tịnh Xã
Đến sâu dứt mảy trần
Ngồi cả ngày tâm sâu
Người học các nơi đến.
Sam, tùng vây nghe giảng
Vượn chim đứng trên đài
Lại nhớ chốn tìm lại
Thuyền nhỏ chở trăng về.

Kính tặng Pháp sư Tri Lễ Tứ Minh bài thơ ngũ ngôn, Tăng giảng ở Tô đài, Tử Khang.

Sắc thu gợi vọng Thiền
Lạnh buốt ngâm nghĩ xa
Đi khắp nơi lầm cực phố
Lá rơi đầy rừng vắng.
Tuyết Đậu nhiều lần ôm mộng
Trăng sáng khắp sông Ngân
Từ lâu nghe Liên xã
Giảng chúc mừng vua Nghiêu.

Ngâm bài thơ ngu ngôn tặng giáo chủ Tri Lễ Tứ Minh. Tăng Tuyết Uyển (Trạch Gián).

Chùa gối đầu trên biển cả
Cửa lớn khép tịch liêu
Hoa về lậu hoặc hết
Giảng thấu thú khói tiêu.
Vào cửa suối thì thầm
Thẳng cửa núi xa sắc
Khi nào biết trùng tịch
Nhìn về Nam đường xa xôi.
Thiên tài khắp nơi thông suốt thác
Năm ấy một mình giải nghĩa khoa
Kẻ sĩ nghe kinh ít mộng thu
Sông tăng giáo hóa nhiều đêm thiền.
Ngàn rưỡi Thiền tăng truyền sao mới
Nhiều đời tông sư hiểu sai xưa
Chỉ sợ Ngô Hoàng lệnh đồng xe
Kỷ nữ không nơi dâng ca hát.

TỨ MINH TRUYỀN TRÌ CHÁNH PHÁP LÀM TỔ SƯ ĐỜI THỨ HAI MƯƠI CHÍN

Đức Phật Thích-ca diệt độ ở rừng hạc. Trong hàng Thanh văn chỉ truyền pháp cho ngài Ca-diếp, các Bồ-tát chỉ có ngài Văn-thù, lãnh nhận lời dạy của Phật chỉ có A-nan. Đã có ba vị đâu thiếu một ai. Sau ngài Ca-diếp truyền hai mươi bốn đời cho đến Tỳ-kheo Sư Tử. Ca-diếp truyền đến đời thứ mười ba là Đại sĩ Long Thọ. Ngài soạn đại luận, dịch truyền đến Trung Hoa vào thời Bắc Tề. Thiền sư Tuệ Văn vừa xem qua liền chứng nhập, đem truyền cho Thiền sư Tuệ Tư ở Nam Nhạc. Mười ngày cũng được chứng nhập rồi truyền cho Đại sư Trí Khải ở núi Thiên Thai mười bốn ngày được chứng nhập. Từ đó, có sáu Độ

dung thông muôn pháp. Định nhưng có ba Chỉ, tuệ nhưng có ba Quán, đây là bản chấp của tông. Một là nói đầy đủ, hai là nói về pháp tánh. Lìa sớ mà có ba ngàn, tức là kinh chỉ chuyên quán tâm, tông của kinh gọi là Pháp Hoa, thì Hoa Nghiêm, A-hàm. Phương Đẳng Bát-nhã đều là Pháp Hoa. Kinh này là Ca-diếp, Văn-thù, A-nan đều là Tổ Sư của ta. Thiên thai thật truyền Chương An Quán Đảnh đời Đường, Chương An truyền cho Tấn Vân Trí oai, Tấn Vân truyền cho Đông Dương Tuệ oai, Đông Dương truyền cho Tả Khê Huyền Lãng, Tả Khê truyền cho Kinh Khê Trạm Nhiên, đến Kinh Khê về sau gọi là Trí Giả đều chép vào sách. Lời của Trí Giả đều đúng, ngài soạn thành một thời giáo lớn không thể thêm vào được. Kinh Khê truyền cho Thiên Thai Hành Mãn, Mãn truyền cho Quảng Tu, Tu truyền cho Vật ngoại. Ngoại truyền cho Lương Nguyên Tú. Tú truyền cho Chu Thanh Tủng, Tủng truyền cho Hữu Tông Hy Tịch, từ Hy Tịch trở lên đều thuộc tông Thiên Thai. Về sau truyền cho Tứ Minh Nghĩa Thông, Thông truyền cho Tri Lễ. Gọi là Tôn giả Trí Minh, cũng gọi là Pháp Trí Tứ minh. Bẩm sinh biết được thượng tánh, suy tư nghĩa trong lúc còn nhỏ. Ngài đối với giáo môn Thiên Thai cũng giống như Kinh Khê. Tứ Minh truyền cho Quảng Trí Thượng Hiền, Quảng Trí ban đầu đạt được ở Tịnh Danh, cuối cùng đối với tánh tướng và hiểu sâu Phật pháp. Vì trí truyền điều này, thần trí xem văn chương thần trí phá vỡ tất cả. Dùng nó lặng biển pháp trí, đốt đuốc trí tuệ, dùng nó kế thừa sự sáng ngời của Quảng trí. Nếu ghi lại được sự nhiệm mầu của ba trí có thể truyền mãi, cón nỗi lo kế thừa Vĩnh Gia, đó là thần trí của Sư. Nhưng tư lương của người trung, gọi là lập trong trí sáng ngời (thấy ghi trong tháp của Pháp sư Minh Trí Thỉ Hoãng tạo ra thuyết này).

TÔN GIẢ TỨ MINH SAI TĂNG ĐẾN NHẬT BẢN TÌM NHÂN VƯƠNG KINH SỚ

Đầu đời Tống, Thiên Thai giáo truyền theo đường biển đi vào Ngô, Việt. Đời nay đã truyền ba bộ lớn, nhưng vẫn còn để lại chưa đến, mà đến thì không đủ bộ gốc. Nhân Vương Kinh Sớ, xưa kia đưa đến hai bản mọi người nói là luống dối. Khi xưa, Thiền sư Pháp Trí nhận tóc của vị Bích-chi-phật do Thiền sư Tín người Nhật Bản gởi và trả lời hai mươi ý nghĩa của câu hỏi để cầu Nhân Vương Kinh Sớ. Tín đưa huyền đi đường biển, nhưng không biết sao giữa dòng gió to sóng lớn. Người chèo thuyền nghĩ vì không nghỉ nên rồng giận, bèn ném hết Sớ kinh này. Dùng lời an ủi, Pháp Trí xin ký giả hai vị tăng đến cho Tín học

thuộc lòng rồi trở về thuật lại, nhưng chẳng may hai vị tăng mất trên đất Nhật.

PHÁP SƯ THẦN CHIẾU GHI LẠI BÀI TỤNG NGỘ KINH VƯƠNG

Sư húy là Bản Như, khi xưa ở trong chúng Pháp Trí Diên Khánh. Một hôm lên phương trượng thưa hỏi ý chỉ Kinh Vương. Pháp Trí nói với Sư: Ta ba năm làm giám viện, ta nói với ông điều này. Thần chiếu theo lời dạy của Sư quả nhiên ba năm biết đường trở về. Thần chiếu đem sở ngộ lên thưa hỏi, chợt bị Pháp Trí hét một viết vang trời. Sư hoát nhiên khai ngộ tụng kệ: Khắp nơi gặp đường về, luôn luôn về cố hương. Xưa nay việc trước mắt, đâu cần đợi suy nghĩ. Sư nối pháp Tứ Minh, từ đây về sau mở pháp hội ở Đài Thành núi Đông Dịch, làm Tổ Bạch Liên.

PHÁP SƯ TỊNH GIÁC MÔN HẠ CỦA TỨ MINH

Sư húy là Nhân Khưu, người đất Xuyên. Thuở nhỏ, sư nghe ngài Pháp Trí mở mang giáo quán Thiên Thai hưng thạnh ở Tứ Minh, cho nên Sư đến đó. Khi lội qua sông cầu nguyện, sư ném cái nón mà hái cọng sen nói: Sở học của ta chưa đạt đến thì không qua được cầu này. Pháp Trí nghe điều này thấy lạ, quan tâm và hậu đãi sư và cho ở nhà phía Đông pháp trượng. Sư ngày, đêm đóng hết cửa lại, mượn cỏ lan tươi tốt để tìm đầu mối, cho nên nhà vách cột kèo đều đen như mực. Đến khi thư nhà gởi đến sư không đọc ném vào gác. Một hôm, khất thực cho đại chúng, đang ngồi chèo thuyền vừa duỗi chân ra sư chợt tỉnh, rỗng rang như hư không, nhưng cột buồm bị gãy. Ở đó được một năm, thì sư được một cái bát rất thích hợp, nôm lưới đều đưa ra. Mỗi khi có điều gì nghi lấy guốc gỗ lên xem rồi khó lại. Đến khi lên thưa hỏi, có người thấy sư còn yếu. Bấy giờ Tiền đường có Pháp sư Khánh Chiêu khai mở huyền nghĩa sáng ngời, sơ lược về văn quán tâm. Sư giúp Tứ Minh soạn Quán Nghi để trình bày điều này. Tứ Minh soạn Diệu Tông, Nhuận Công soạn Chỉ Hà Phi Chi, sư chọn điểm chính để giải thích điều này. Tứ Minh xây dựng Tiêu phục ba dụng, Nhuận cũng ký kết nhưng nghi ngờ xem thường điều này. Sư soạn Chỉ Nghi để dừng điều này. Tứ Minh soạn chỉ yếu, luận bàn lý khác nhau của tùy duyên hoặc giả cấu nan, sư soạn Thập Môn Tiết Nan để phân biệt rõ điều này. Về sau, sư cùng Quảng Trí phân biệt về quán tâm, quán Phật, nhờ Tứ Minh xét định. Tứ Minh cho là đúng quán tâm quán Phật để chứng minh tâm tánh. Kia quán nương vào chánh, thâu nhận cả hai nhà, sư nghe điều

này không vui. Sau này Tứ Minh khai trương Thân Lượng Đại Nghĩa, sư soạn Thập giản để phân biệt điều này. Tứ Minh bất đắc dĩ sáng tác giải báng để giải thích thành một nhà. Sư khăn gói về Tây, lại lên Tuyết Báng của Tứ Minh soạn những quyển Tam Thân Thọ Lượng Nghĩa Tam Thiên v.v... Lời này theo Tứ Minh đều không đồng, tôi có nghe ngài Vĩnh Gia nói: Giáo viên đốn không nhân tình, có nghi không nên tranh nhau giải quyết, không phải sơn tăng bàn về nhân ngã, tu hành sợ rơi vào hố đoạn, thường. Luận xuyên của Tứ Minh e là đúng, về sau bậc hiền sẽ hiểu điều này.

Pháp sư Diệu Ngộ giúp Tứ Minh sáng tác sách bình Báng Xuyên xoay lưng với Tứ Minh tự lập thành một nhà. Về sau lên Tuyết Báng, dùng điều sai lầm lượng Thân Tuyết thêm bớt Nhị Báng. Trong lúc ấy, cảnh chiếu khó chịu Tứ Minh bị bệnh bảo môn nhân thôi đọc. Về sau, Tứ Minh tịch, sách này không trả lại. Lúc này Xuyên ở Linh Chi mà nói dối rằng! Chỉ vì khó giết được sư Tứ Minh, ai dám mở miệng với Linh Chi. Lời nói này xuất phát từ truyền miệng, hoàn toàn làm sao Tứ Minh nói lời này. Nếu luận bàn về Thân Lượng Nhất Gia, ba Song sáu Cú, đây là tiết lớn không thể nhổ được. Đã thấy quyển sách Diệu Tông Liệu giản giải báng, Tuyết Báng đem đến, càng rõ ràng mất đi chuyển kế tuy nhiên kia có văn nghĩa, tiếp theo lại có Pháp sư Diệu Ngộ bình phẩm và phân tích chia chẻ sách này. Diệu Ngộ từng ở chỗ Thắng Quả Tú Châu hạnh giải sâu xa mầu nhiệm, hơn nữa còn có sự linh dị, đủ thấy được ghi trên tháp Cung ích nhu. Sư là Pháp tử của Quảng Từ Lôi Phong, ông là cháu đích tôn của Tứ Minh. Bấy giờ Xuyên nghe điều này không dễ gì đối đáp được, nhưng sư trình bày lại điều này có thể thấy được. Lược sơ sách rằng, ít nhất là phải kính cẩn sửa lại, lễ bái giảng chủ Sùng phước, dù ở trong thời gian ngắn, nhưng thưa hỏi rất chu đáo và chăm chỉ hơn, không lo sợ lợi dưỡng. Gần đây thấy hình thành sách Tuyết Báng, gọi là cứu sinh pháp nhị thân và Tuyết thêm bớt lưỡng báng, thường xem sách này, lại nghiên cứu thấy có mất, giải báng tuy rõ ràng, Tuyết Báng vẫn còn chấp cứng, nay y cứ vào phong cách ngôn ngữ của Ngô Tổ để bình luận thuyết sai lầm của Xà-lê. Nhưng sách này tuy có truyền bản viết tay, mà chưa từng khắc nhiễm. Hễ nói là nghĩa học, người muốn thấu rõ trước sau sự xây dựng đạo này của Sơn môn thì phải nghiên cứu kỹ.

THẢO AM GIÁO UYỂN GHI LẠI NHỮNG ĐIỀU GIẢNG CỦA PHÁP TRÍ

Toàn bộ ba học là những điều cao siêu của môn hạ Pháp Trí, ghi

lại hạnh nghiệp của ngài Pháp Trí. Trong đó nói về suốt bốn mươi năm Pháp Trí truyền thừa bảo nhậm, lời văn sâu xa huyền diệu. Giảng bảy, tám biến. Ma-ha Chỉ Quán năm biến, còn lại Tiểu bộ, hoặc giảng mười biến, đến nỗi không thể ghi hết số ấy. Người bấy giờ nói rằng: Pháp Trí giảng kinh, Minh Giác tụng, Từ Vân luận bàn, Phạm Tài làm thơ, Pháp Trí giảng kinh chân thật như vậy. Gần đây, người ta cho rằng người giảng thời nay một bộ giảng mười năm chưa xong, đâu thể bảy, tám cho đến không thể ghi được. Có người nói với tôi rằng: Xưa và nay khác nhau. Người thời nay còn mở rộng giảng giải, vào thời điểm nào đó tôi sẽ đáp rằng: Phần lớn học đạo phải tìm xét sâu xa về nguồn gốc của người xưa. Hoặc làng xóm có nhiều con gái nặng về trang điểm, vào thời điểm này, người si này đâu xứng đáng nói với họ.

MÔN HẠ TỨ MINH GHI THÀNH MƯỜI ĐIỀU LỆ

Biên tập điều lệ hưng thạnh, bởi nhiều học giả đọc được cương yếu này. Ban đầu nghe từ Thủ tọa, nhờ nghe Pháp Trí giảng đưa ra rất nhiều, ghi lại thành văn này gồm có năm điều, kế đến Xuyên Khâu Công là môn hạ Pháp Trí, học rộng nhớ hay thành bảy điều. Về sau sư Tiên Đô Thông sao chép thành mười. Lại nữa, Phật Tuệ Tài cộng, sửa lại thêm vào, lại có cát công chọn lọc lại. Đối với câu huyền diệu chỉ quán nghiên cứu ba bộ lớn ghi sớ Tịnh Danh Quang Minh, cùng nhau ghi chép, bớt những điều rườm rà, lược lại bổ sung thêm những điều còn thiếu. Trước sau năm sư chỉnh sửa thành bản hoàn thiện. Khi xưa Pháp sư Quảng Trí có dạy chúng: Thực hành loại tập được mất phân nửa. Được là người học nghiên cứu biết được yếu chỉ này. Quên là quên văn nghĩa bản này hết đời sinh khởi. Ngoài văn phải nghiên cứu điều này, không thể chỉ nói điều này, huống chi ngày nay khắp nơi nói lung tung, phần nhiều đọc một chút văn này há không mất gốc chỉ cầu cành nhánh ư? Nhưng giáo điển không có nơi chốn, hoặc đạt được ở đó, ngõ hầu ôn lại những điều củ để biết điều mới không uổng trên đường học vấn. Quả là do đây mà biết được đại yếu, chắc chắn không nên dùng sự xoay vần chậm chạp làm quý.

■

GHI CHÉP VỀ GIÁO VÀ HẠNH CỦA TÔN GIẢ TỨ MINH

QUYỂN 7

Bia hạnh nghiệp của Đại sư Pháp Trí ở chùa Diên Khánh, Minh Châu đời Tống.

Bài minh trên tháp thờ Đại sư Pháp Trí truyền giáo quán Thiên Thai.

Thật Lục của Tôn giả Pháp Trí ở Tứ Minh.

Thập Bất Nhị Môn Chỉ Yếu Sao Tựa, Thiên Trúc, Tuân Thức.

Văn Tế Đại Sư Pháp Trí Tứ Minh, Thiên Trúc, Tuân Thức.

Thơ Truy Điệu Đại Sư Pháp sư Tứ Minh, Thiên Trúc, Tuân Thức.

Tán Tôn giả Pháp Trí Tứ Minh, môn nhân Tăng Giang.

Chân Tán Đại Sư Pháp Trí Diên Khánh Minh Châu đời Tống, Ngự sử.

Tán Họa Tượng Đại Sư Pháp Trí Thỉ Tổ Diên Khánh, Thái sư Sử Hạo.

Tán Đại Sư Pháp Trí Tứ Minh, Tuyết khê, Hy Nhan.

Sớ Trai Kỵ Tổ Sư Pháp Trí Diên Khánh, Thiên Dụ.

Sớ ngày húy kỵ Đại sư Pháp Trí Tứ Minh, Tuyết Khê.

Sớ Kỵ Đại Sư Pháp TríThí Tổ Diên Khánh, Thử sơn, Khả Thọ.

Bài Minh ghi ở tượng Tôn giả Pháp Trí trùng tu lại, Bá đình, Thiện Nguyệt.

BIA HẠNH NGHIỆP CỦA ĐẠI SƯ PHÁP TRÍ CHÙA DIÊN KHÁNH MINH CHÂU ĐỜI TỐNG

Công thần Thôi Thành Bảo Đức Tư Chánh Điện Đại Học Sĩ bảo vệ Thái Tử Thiếu Bảo.

Chí Sĩ Thượng tọa Quốc Nam Dương Quận khai quốc công ăn bổng lộc hai ngàn năm trăm (2500) hộ, được phong thêm bổng lộc sáu trăm hộ được ban túi thiêu con cá bằng vàng triệu soạn.

Đại sư Pháp Trí tên Tri Lễ, tự ước Ngôn họ Kim. Lúc chưa xuất gia rất thông minh, tướng phạm cao lớn. Tánh tình rộng lượng nhưng điềm đạm. Buổi đầu cha mẹ đi cầu Phật, đêm đến nằm mộng thấy Thần tăng dẫn đứa trẻ trao tận tay nói: Đây là La-hầu-la con của Đức Phật". Nên khi sinh ra cũng đặc tên như vậy. Xuất gia từ thuở nhỏ, năm mười lăm tuổi thọ giới Cụ túc, hai mươi lăm tuổi theo Pháp sư Bảo Vân ở tại quận nhà thọ giáo quán Thiên Thai, mới ba ngày vị Tăng thủ tọa nói: "Pháp giới vốn có thứ lớp, cần phải phụng trì". Sư thưa: "Thế nào là pháp giới". Tăng đáp: "Đó là pháp tướng chung viên dung không ngăn ngại". Sư nói: "Đã viên dung không ngăn ngại, vì sao nói có thứ lớp?" Tăng không đáp được, chừng khoảng một tháng, sư đã giảng Tâm kinh, mọi người đều đến nghe và ngạc nhiên về sự truyền giảng của Sư, nói giáo pháp có y cứ. Ở được ba năm, sư thường thay thầy giảng chung, đọc văn thông nghĩa, càng mở rộng sở học của mình. Về sau trụ ở Thừa thiên rồi đến Diên khánh, đức của sư lan truyền xa, đạo pháp càng hưng thạnh, người học thông đạt sâu xa. Sư Nhật Bản sai đệ tử đến thưa hỏi và cầu pháp yếu, sư đáp thấu đạt nghĩa sâu xa. Giáo Thiên Thai không hưng thạnh vào thời này, Chân tông Hoàng đế nghe tiếng quý nhân, bèn đến chỗ sư ra lệnh tu pháp, đối xử rất hậu. Gặp năm ấy bị hạn hán, sư cùng hai Pháp sư Tôn Thức và Dị Văn cùng tu sám Kim Quang Minh cầu mưa ba ngày, nhưng trời không mưa. Do đó, Ngài quỳ mãi dưới đất tự nguyện với trời: Hội Phật sự này nếu không mưa thì mỗi người đều đốt cánh tay cúng dường Phật. Phật sự chưa xong thì mưa rất lớn. Có lần, sư cùng Tiền Đường Phụng Nhân Phạm Thiên Cô Sơn sai môn nhân là Đại sư Thần Chiếu cùng luận bàn về thuyết này, cuối cùng sư đạt được. Sư từng viết Chỉ Yếu Diệu Tông Nhị Sao Đại Bi Sám Nghi Biệt Hành Sớ Ký và Quang Minh Nhị Ký. Từng cùng mười vị Tăng tu Diệu sám ba năm và hẹn sám pháp xong cùng nhau thiêu thân này, ngõ hầu để khuyến khích kẻ biếng nhác khiến cho tinh tấn. Hàn lâm học sĩ Dương công Phò mã Đô úy Lý Tuân Úc tiến cử sư và phục hiệu cho, tâm sư rất quý trọng. Biết Ngài có ý thiêu thân, viết thư đến khuyên hãy đừng nên

theo. Thư đến Thiên trúc Từ Vân Tuân Thức khiến cho Từ Hàng Chí Minh ra mặt nói ý nghĩa này, nhưng sư cũng không nghe. Quần thư trực sử Quan lý công thần Bảo Lăng Xã thường dò xét Sư, không dễ gì lén thiêu được, chí nguyện sư không thành. Sư lại tập họp mười vị Tăng tu Đại Bi Sám ba năm, lại tu Quang Minh sám trong bảy ngày và đúng vào kỳ hẹn mới năm ngày thì sư ngồi kiết già thị tịch, nhằm ngày mồng năm tháng giêng niên hiệu Thiên Thánh thứ sáu hưởng thọ sáu mươi chín tuổi, hạ lạp năm mươi bốn năm. Trải qua một tháng, mở khám thì nhan sắc sư vẫn tươi tỉnh như còn sống, móng tay và tóc đều dài. Khi trà-tỳ lưỡi không cháy, xá-lợi nhiều vô số. Chủ giảng ba pháp hội, chỉ giảng pháp sám. Hơn bốn mươi năm lưng không dính chiếu. Người bấy giờ, những người theo Sư giáo hóa cả ngàn người truyền trao giáo cho họ và mở mang đạo pháp thời ấy hơn ba mươi hội giảng. Các môn đồ như: Tắc Toàn, Giác Tông, Bản Như, Sùng Cự, Thượng Hiền, Nhân Nhạc, Tuệ Tài, Phần Trăn đều là những người nghe giảng thời ấy. Nay giữa Triết giang, người giảng pháp thạnh hành đều truyền giáo của sư. Sư có công khai thị cho người cũng rất lớn. Tháng 10 mùa Đông niên hiệu Nguyên Phong năm thứ ba, sư ra đi một năm từ Cù đến Ôn có Giảng sư Trung ở viện Pháp minh, hạnh giải cao xa, chợt đến đất Cù, không theo thứ lớp tiếp độ mọi người. Một hôm, sư nghiêm nghị nói rằng: Đối với sư Pháp Trí chỉ thuộc hàng cháu trong Phật pháp, đáng tiếc sư thị tịch sáu mươi ba năm đã tạo nhiều công lớn kỳ đặc và đem lại số học cho người. Sư chắc chắn là chiếc mõ của họ Thích? Từ xưa Đạt Quan Văn Sĩ, người đời sau rất tin lời sư, nhưng không nói lại, đồ chúng sư thầm hổ thẹn. Sau này có người trình bày hạnh của sư, thỉnh tôi soạn bia để truyền mãi về sau, tôi khen rằng: Buổi ban đầu của con người thênh thang nhưng lặng tĩnh, vốn không có phàm và Thánh. Đến khi cảnh vật giao chiến nhau, rồi không thể trở lại được. Ở đây chư Phật bất đắc dĩ đến Trung Quốc nhọc dùng danh tướng này để giáo hóa, há như vậy ư? Nếu dùng pháp mà thực hành được chỉ dạy điều này dùng giới mà không phạm. Như mắt bị hoa đốm người khác không thấy được, như tai nghe tiếng, người khác không nghe được. Muốn hàng phục tâm mà cầu đạt được Sơ địa, để sau này làm hướng đạo sư kế thừa hưng thạnh, mở rộng trí tuệ biện tài, luận bàn diệu nghĩa chân thật, khiến người không lìa niệm ngay đó vượt đến Nhất thừa viên đốn; không lìa văn tự, chỉ dạy giải thoát các tướng, hoàn toàn đạt được yếu chỉ, thì không một pháp nào nói được, không dạy một chữ nào cho người, sư Pháp Trí đã đạt được điều này, thì đâu cần mượn lời truyền dạy đời sau ư? Tuy nhiên khẩn cầu siêng năng

là trái, nhưng tạm xem chỗ ghi này đều cùng nhau nghe, vì lượm nhặt nội dung chính mà làm thực lục, bèn khen ngợi và nói kệ:

Đại hùng giác ngộ nói lời hay
Bàng bạc gió trăng và đất trời
Bậc trí biện tài khéo giáo hóa
Bấy giờ giảng nói khai thị người
Tổng kết tám muôn như cát sông
Đều xếp vào Chỉ quán Thiên thai
Pháp Trí siêu việt truyền tiếng tăm
Du hý Tam-muội vượt quần mê
Chí vững mạnh, khí độ ôn hòa
Tuổi thơ thông minh càng ngộ sâu
Để lại ý chỉ quan trọng sâu
Văn tiêu giải thích nghĩa rực rỡ
Văn từ thuần hậu lý đơn giản
Hoặc sám hoặc giảng quên sớm trưa
Học chúng phương xa cùng kéo về
Thành Đẳng chánh giác tiêu Ba tuần
Khiến đạo Phật Tổ càng hưng thạnh
Như dòng đã trong hòa nguồn này
Như lá xanh tươi bồi thêm gốc
Hạnh cao danh trọng vang trong nước
Thiên tử sai sứ đến ngay cổng
Bậc hiền phi thường họ hàng vui
Ban y phục, lệnh về Thiên Ân
Biết thân biến diệt như mây nổi
Nguyện dùng dũng khí để thiêu thân
Vốn nguyện không toại nên huân tu
Chúng sinh ưa thích theo tham sân
Trôi lăn ba đường như cao luân
Bốn ngộ là nhân đền tín thí
Tội phước khổ vui đường phân chia
Nói vốn không nói người là ai
Tâm sư kính cẩn lại nghiêm túc
Nói phá vọng há chẳng phải chân
Thân tuy nói mất nay vẫn còn
Sông Triết giang con cháu đầy nhà
Gọi ức muôn đời xem văn này.

ĐẠI SƯ PHÁP TRÍ TRUYỀN GIÁO QUÁN THIÊN THAI Ở CHÙA DIÊN KHÁNH MINH CHÂU

Bài Minh trên Tháp và lời tựa

Ôn Châu Quân Sự Phán Quan Tướng Sĩ Lang Thức Bí Thư Tỉnh Giảo Thư Lang Tiền Lam Xương Quốc Đông Lam Hồ Phưởng soạn.

Trời muốn đạo này trụ đời lâu nên phải sinh người tài nay trên đời. Như Đế Đức đi, Vi Di Công Khổng Tử thì không dùng hưng thạnh thường hành trăm đời. Phật đạo suy chẳng phải nghĩ sư Trí Giả, cho nên không văn rỗng rang đã nói năm thời. Sau Khổng Tử là các bậc tài giỏi của nhà Nho, đâu từng không có người? Trí Giả không làm Sư biểu cho pháp môn, cho nên sinh ra đức. Đại sư húy là Tri Lễ, tự là Ước Ngôn, họ Kim, người ở Tứ Minh. Buổi đầu khi chưa sinh ra cha mẹ cầu nguyện tha thiết, mẹ họ Lý, cùng đi cầu Phật từ đó có thai và đến khi sinh ra sư đặt tên La-hầu-la. Tánh tình điềm đạm, cốt cách phi thường. Thuở nhỏ siêu vượt khác thường, bảy tuổi mẹ mất, nghĩ ân cù lao khó báo đáp, khóc mãi không thôi, từ đó chán đời muốn xuất gia, cha nuôi nấng thấy con khác thường, cũng không cản chí nguyện của sư. Buổi đầu, sư thờ ngài Hồng Soạn chùa Thái Bình Hưng Quốc làm thầy, mười lăm tuổi thọ giới Cụ túc và chuyên nghiên cứu luật, hai mươi tuổi học giáo pháp Thiên Thai với Pháp sư Bảo Vân, giữ gìn tâm châu vững như vàng đúc. Sự hiểu biết như nước rót từ bình này sang bình kia, rõ ràng như ban ngày. Từ đó siêng năng tinh tấn có trí tuệ rộng lớn, an nhiên như lộ địa, sáng ngời như trời dâng. Tiếp độ người phải gọi như rồng lên phân tích các nghĩa, phải gọi là nai đều phục, cho nên đạo không cầu mà vẫn lan truyền bốn phương đều nghe, chúng không kêu gọi mà ba ngàn dặm đều đến. Tháng bảy mùa thu năm Bính Thân, niên hiệu Chí Đạo, từ đạo tràng Thừa Thiên về pháp tịch Diên Khánh, nhưng một lòng giảng sám pháp suốt qua hơn bốn mươi năm lúc nào cũng sám hối, cũng không hề một đêm biết nằm nệm êm, đó là hạnh tinh tấn của người. Trăm sông tranh nhau chảy mãi không ngừng, luôn làm lợi ích cho người. Ngài như mặt trời trên hư không soi sáng khắp nơi. Trên thì Hoàng đế chân tông sai sứ đến tặng phẩm vật khác thường, xa thì có Sư nước Nhật Bản bảo đồ chúng đến thưa hỏi pháp yếu còn những người khác đều kính mến, cho nên đều biết. Niên hiệu Thiên Hy năm đầu, về già sư bảo đồ chúng rằng: Nửa câu kệ quên thân, một câu vào lửa, tâm bậc Thánh vì pháp như thế, huống chi chúng ta cách Phật đã xa, người xem thường đạo thì nhiều, ta không thể bỏ thân mạng để cảnh tỉnh biếng nhác, phải nên tinh tấn mãnh mẽ, đâu đáng nói. Do đó cùng nhau nhóm họp mười vị

Tăng để sám hối trong ba năm, rồi cùng nhau thiêu thân. Bấy giờ, Hàn lâm học sĩ Dương công Phò mã Đô úy Lý Công đều là bậc văn hùng xuất cách, công trạng lớn đương triều, mỗi người đều được thông ngộ ở sư, nghe theo trở về. Năm ấy sư được ban y tía ban hiệu Pháp Trí, đều được tiến cử của hai công luận, nghe sư nguyện cúng dường chân pháp, thường nghĩ về cõi an dưỡng, Dương Công siêng năng thỉnh sư trụ thế. Lại có ý nhàm chán và có điều nghi ngờ gạn hỏi cho nên Sư đáp: Trọn đời phá tướng, mà đều thành tựu các pháp. Cả ngày lập pháp mà mảy trần đều hết. Dương Công biết không thể cũng nghĩa để thuyết phục cũng không thể dùng lời để giữ lại mới giao cho châu tương đến các Tào Sử để cho mọi nhà bảo hộ cho an ổn, thường mến mộ giữ gìn. Vào thời Thái thú Chủ khách viên ngoại lạng sử Quán Lý Công Di Canh cùng quận ấp liêu thuộc đều hết lòng tin, chí thành thỉnh cầu cùng nhau tinh tấn. Lại ở Tiền Đường có Pháp sư Tuân Thức nổi tiếng đương thời, đạo siêu xuất hơn mọi người, trước kia kết giao với sư rất tâm đắc về Phật pháp, Dương Công cũng gởi thư cho Tuân Thức, thỉnh Sư Thức đích thân đến Đại Giang, cùng đến trượng thất. Từ đó hạnh nguyện của Đại sư bất đắc dĩ ở lại và đến khi Đại sư mất, Thức làm thơ để truy điệu Sư: Trên đời không có hai vầng nguyện, người đời chỉ có một mình Sư. Người luận bàn không ai vượt hơn lời của Thức, nhưng đạo của Sư rõ ràng, thì đạo đức của Đại sư, thành tín của Đại sư, vì đạo của Ngài đồng với bậc hiền, yêu mến kính trọng như vậy. Mùa Đông niên hiệu Thiên Khánh năm thứ năm thân bị bệnh, Sư càng hành đạo tinh tấn. Môn nhân thỉnh Sư nghỉ, nhưng sức khỏe Sư bình phục lại. Ngày mùng năm tháng giêng năm thứ sáu, sư ngồi kiết già tư thái an lành thị tịch. Trải qua thời gian khá lâu mở khám ra vẫn tươi tỉnh như còn sống, hưởng thọ sáu mươi chín tuổi, năm mươi bốn tuổi hạ. Ngày 04 tháng 12 năm ấy, Xà Duy ở ngoài Nam môn bản quận, chất gỗ chiên-đàn đem đến thiêu, nhưng lại bát ngát mùi hương chiêm-bặt trước đó đã nghe thơm ngát, xá-lợi năm màu nhiều vô kể, cả tăng lẫn tục đều đến xin không biết bao nhiêu. Ngày mồng 9 đến 12 tháng 7 niên hiệu Minh Đạo thứ hai, vâng lệnh đem linh cốt an táng ở bên trái viện Sùng Pháp. Đại sư thiên bẩm chiếu sáng, thần giúp đỡ tinh lực, thông suốt đại kinh, tinh tấn Tam-muội, khi xưa Sư chưa từng am hiểu, nay sở học có những điều chưa rõ sư đều thông sáng và đã ghi lại giải thích, đến bậc tài trí khó thực hiện được, con cháu đời sau khó kế thừa. Sư xác định rõ ràng và tiến đến, cũng như một mình trên muôn nhẫn, nên người đều kính ngưỡng đức cao vời, nhưng không thể bước lên đỉnh cao ấy. Trăm hang đều ở dưới,

mọi người đều nhìn chiều rộng, nhưng không thể lường được chiều sâu của nó. Cho nên người viết lại sự truyền thừa của Đại sư, hơn bốn mươi năm, Đại sư thăng đường hơn cả ngàn người, trong số đó đều là những bậc uyên thâm là người lãnh hội kế thừa hưng thạnh. Như chùa Khai Nguyên ở Đương châu; chùa Viên Trí ở Việt châu; Tắc Toàn, Giác Tông ở Thái châu; Đông Dịch Sơn Bản Như ở Cù châu; Sùng Cự ở viện Phù Thạch nối pháp viện trụ trì ,Đại sư đều chuộng bậc hiền. Hơn nữa hai mươi hai người đều là bậc tài giỏi, thể hội tất cả, tâm ngộ siêu việt, vững vàng bẻ gãy các mũi nhọn, lợi ích tất cả, căn tánh thượng, trung hạ đều thấm nhuần. Từ một đám mây tản mác khắp mấy trăm ngàn, vốn chiếu từ một ngọn đuốc. Thì đạo của Đại sư hưng thạnh ở đời lợi ích tất cả, sáng ngời mãi mãi. Lại có thể đạt được và biết được, toàn hành trạng của sư đều sáng tác trong thực lục ở đây chỉ ghi sơ lược. Giáo chủ Hiền Công ra lệnh ghi đạo hạnh của sư vào tháp, nhưng ghi mất những điều hay. Than ôi! Đại sư giáo hóa đâu không nói chăng? Người đạt được không dùng pháp Kỳ Viên thuộc về nhiêu lý mà sư thì vịn vào cây mà đi ư? Giáo môn núi Thiên Thai phải truyền bá rộng mà ánh sáng của sư rộng lớn chăng? Ngoài cửa có xe, Chư Tử không đi, nhưng sư làm cho họ đi. Trong áo có châu người say không biết, mà sư làm cho họ biết chăng? Biến ra hóa thành ở trong đường hiểm chăng? Phao trôi nổi trong biển cả ư? Báo đáp ân chư Phật? Làm Sứ giả Như Lai ư? Không như thế thì làm sao được chuyên tâm hướng về đạo, quên thân vì người, như vậy là quá lắm ư? Khi xưa, Lương Bổ Quyết nói: Thiên Thai Đẳng giác ư? Diệu giác ư? Không nên hiểu như vậy. Tướng quốc Bùi Hưu nói: Khuê Phong là người thiên hạ nương tựa, ngài là bậc Thập địa ư? Thì nay người bàn về Đại sư đâu thể dùng lời của Lương Bùi mà khen ngợi chăng? Phòng vì không được thông minh, thì đâu dám chống lại lời dạy. Đốt hương đảnh lễ kính cẩn viết kệ rằng:

Hành đạo ở đời
Lâu ở cõi này
Dạy giáo bậc thánh
Biết giúp hiền này.
Hoàng là Chân giác
Thỉ là hóa duyên
Khai hiển một tánh
Truyền khắp đại thiên.
Tài giỏi ở đời
Tông phong thay giảng

Trí giả rộng lớn
Diệu đạt kim tiên.
Mở rộng chân thừa
Đuốc pháp chói sáng
Ngân giang tiếp nối
Chiếu sáng bốn biển.
Vua ban vật lạ
Mọi nơi cung kính
Ba quán riêng chiếu
Muôn hạnh vững vàng.
Tánh ngọc vốn sáng
Hình châu tự tròn
Bước vững đất giác
Quên thân giảng mãi.
Ngộ không còn ngã
Khéo hẹn chúng Tiên
Gặp ông còn biếng nhác
Thân ta còn tổn sức.
Mong người tỉnh ngộ
Vâng theo lời dạy
Luôn nhớ bậc hiền
Bạn đạo giữ chắc.
Đều nhớ mến mộ
Không cho tự thiêu
Lợi ích càng nhiều
Tâm ngài càng chuyên.
Giáo hóa đều đạt
Dạy giáo đều thông
Báo linh mượn đời
Mặt trời tuệ sâu.
Đạo của sư tỏ
Không đắc mà nói
Hóa tích của sư
Đều được ghi khắc
Bài minh trên tháp
Hương thơm truyền mãi.

THẬT LỤC VỀ TÔN GIẢ PHÁP TRÍ Ở TỨ MINH

Môn nhân viện Khai Nguyên Tam học biên tập.

Đại sư húy Tri Lễ, tự Ước Ngôn, họ Kim, cháu của Kim Nhật Đan đời Tiền Hán, con cháu đời sau là những người thông minh. Cha họ Kinh, mẹ họ Lý. Bảy tuổi sư mồ côi mẹ, vì muốn báo ơn nuôi dưỡng nên sư xuất gia, và theo tăng tài đức ở chùa Thái Bình Hưng Quốc ở quê nhà thờ làm thầy. Năm mười lăm tuổi xuất gia thọ giới Cụ túc, hai mươi tuổi theo Pháp sư Bảo Vân Thông học giáo quán Thiên Thai. Được hai năm, một hôm sư nằm mộng quỳ trước ngài Bảo Vân Thông, Thông cầm bình nước rót vào miệng sư, từ đó về sau sư thông hiểu ý chỉ viên đốn. Vừa nhận liền hiểu, từ đó thay ngài Bảo Vân Thông giảng dạy. Chỉ trong mấy năm ngài Bảo Vân Thông viên tịch, sư nhớ lại giấc mộng xưa và thông suốt như ban đầu, mặc vào tay trái rồi đi, liền tự hiểu rằng: Chẳng lẽ đem sơ biểu để nhận sự học lưu thông, thứ biểu để nắm giữ chủng trí ban đầu hành hóa ở đời. Đến năm Tân Mão niên hiệu Thuần Hóa, sư nhận chùa Càn Phù kéo dài đến Tứ Tự, Chư Tử đều vui theo. Giảng đường chật hẹp sư dời về viện Báo Ân. Từ niên hiệu Hàm Thông năm thứ hai, sư chuyên giảng sám, thường ngồi không nằm, không giao thiệp với bên ngoài, đuổi hết những người nghiên cứu, yết kiến. Sư lần lượt giảng Pháp Hoa Huyền Nghĩa bảy biến, Pháp Hoa Văn Cú tám biến, Ma-ha Chỉ Quán tám biến, Đại Bát-niết-bàn Kinh Sớ một biến, Tịnh Danh Kinh Sớ hai biến, Kim Quang Minh Kinh Huyền Sớ mười biến, Quan Âm Biệt Hành Huyền Sớ bảy biến, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ bảy biến, Kim Cương Bia, Chỉ Quán Nghĩa Lệ, Chỉ Quán Đại Ý, Thập Bất Nhị Môn, tất cả các tâm yếu giảng nói nhiều không kể hết. Soạn thuật Quang minh Huyền Tục Di Ký ba quyển, Kim Quang Minh Văn Cú Ký sáu quyển, Quang Kinh Diệu Tông Sao ba quyển, Thập Bất Nhị Môn Chỉ Yếu Sao hai quyển, Quán Minh Dung Tâm Giải một quyển, Phụ Hành Truyền Hoằng Quyết Đề Hạ Chú Văn một quyển, Nghĩa Liệt Cảnh Quán Hộ Chiếu một quyển, Thiên Thai Giáo và Khởi Tín Luận Dung Hội Chương một quyển. Hai mươi câu hỏi Biệt Lý Tùy Duyên một quyển, Thích Thỉnh Quán Âm Sớ Tiêu Phục Tam Dụng một quyển, Đáp 119 Câu Hỏi Xiển Nghĩa Sao Biện Tam Dụng một quyển, Quang Minh Huyền Đương Thể Chương Hỏi Đáp Kệ một quyển, Thích Nan Phù Tông Ký hai quyển, Hai Trăm Câu Hỏi Quán Tâm một quyển, Thập Nghĩa Thư ba quyển. Giải Báng Thư ba quyển, Trả Lời 27 Câu Hỏi của Thiền sư Nguyên Tín người Nhật một quyển, Trả Lời Ba Câu Hỏi của Dương Văn Công và Một Lá Thư Ba Mươi

Câu Hỏi của Giáng Hàn một quyển, Khai Thị Cho Hàn Thức Hỏi Bốn Mươi Hai Chương Kim Quang Minh Tam-muội Nghi một quyển, Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Tâm Chú Hành Pháp một quyển. Trao Bồ-tát Giới Nghi một quyển, Văn Phóng Sinh một quyển, Làm Dụ Điện Đầu Tác Tu Sám Yếu Chỉ một quyển, Làm Văn Ty Pháp Chúc Thản Phát Nguyện một quyển, Tu Pháp Hoa Sám Pháp ba mươi ngày đêm năm biến, Kim Quang Minh Sám Pháp mười một ngày đêm hai mươi bốn biến, Di-đà Sám Pháp mười bảy ngày đêm năm mươi biến, Thỉnh Quán Âm Sám Pháp bốn mươi chín ngày đêm tám biến, Đại Bi Sám Pháp ba mươi bảy ngày đêm mười một biến. Mỗi năm như vậy có đến năm mươi bảy vị, cùng đồng chí hướng một trăm mười người phát nguyện tu sám pháp. Đủ ba năm nguyện cùng nhau thiêu thân, cúng dường diệu kinh, cầu vãng sinh Tây phương, thực hành pháp viên mãn không biết làm sao? Nổi tiếng đến triều Ngạn, Hàn lâm học sĩ Dương Công Ức liền viết thư thỉnh Sư trụ thế. Đô thư trực sử Quan Lý Di Canh cùng Phó chúng Quan liêu càng cầu thỉnh đều xin Sư ở lại thế gian nói pháp lợi sinh. Do đó, chí nguyện không thi hành được. Lại hội tu thập tăng tu Sám Đại Bi làm Phật sự ba năm cho ý chí vững vàng, kể từ khi ba mươi hai tuổi Sư ra trụ trì giáo hóa nhất tâm giảng sám pháp tổng cộng ba mươi tám năm, từng đốt ba ngón tay để cúng dường Phật xây thiền viện, một cơ sở lớn nhỏ ba trăm gian, đáp tượng Di-đà, Quan Âm, Thế Chí tổng cộng một trăm mười hai pho. Một tượng Bồ-tát Phổ Hiền, một tượng Bồ-tát Quán Âm, sáu tượng Tổ sư Thiên Thai và viết về Giáo Thừa Thiên Thai một vạn quyển. Niên hiệu Thiên Hy năm đầu, Hàn lâm Dương Ức tâu lên vua, vua ban y tía. Niên hiệu Thiên Hy năm thứ tư, Phò mã Lý Tuân Úc tấu lên vua Chân tông ban hiệu cho Sư là Đại sư Pháp Trí. Đến mùa đông niên hiệu Thiên Khánh năm thứ năm, sư bị bệnh nằm tại chỗ phải nhờ bác sĩ trị bệnh, nhưng Sư cũng không nghĩ nói pháp. Vào giờ Mậu ngày mồng năm tháng giêng năm thứ sáu, sư ngồi kiết già gọi đại chúng nhóm họp nói pháp. Cuối cùng Sư nói: Ta tận tâm ra sức xây dựng đạo tràng này. Thệ nguyện xây dựng giáo quán Thiên Thai, các ông phải khéo gánh vác, không để đời sau mất hạt giống Phật. Ngô Tổ dạy cặn kẻ các ông nên ghi nhớ. Hễ có sinh thì phải có chết vì vẫn còn sớm tối, nhưng các ông phải thường tinh tấn tu đạo không nên xen hỡ, thì đời đời kiếp kiếp thường gặp nhau. Sư nói xong đột nhiên niệm danh hiệu Phật A-di-đà rồi tịch. Thân an trí trong khám, qua hai mươi bảy ngày móng chân, móng tay và tóc đều dài như thường, nhan sắc vẫn tươi tỉnh như còn sống. Trải qua một tuần đưa về Nam môn giao ngoại,

đến lúc Xà-duy nghe mùi hương thơm lạ, sau đó hỏa táng, nhưng lưỡi không cháy, xá-lợi óng ánh năm màu nhiều vô số, và nhiều vị quan, sĩ thứ trong cung được xá-lợi. Năm năm sau, đến ngày 29 tháng 07 năm Quý dậu niên hiệu Minh Đạo năm thứ hai, đệ tử đem linh cốt chôn ở bên trái viện. Sùng pháp lập tháp để người sau biết được. Sư hưởng thọ sáu mươi chín tuổi, năm mươi bốn tuổi hạ. Môn đồ học Pháp sư được lãnh hội ba mươi người như: Tấc Toàn Giác Tông, Bản Như Sùng Cự, Thượng Hiền Phạm Trân, Nhân Khâu Tuệ Tài. Những vị được vào thất có bốn trăm bảy mươi tám người. Mỗi năm vào giữa mùa xuân, sư mở hội Bồ-tát giới người được sư giáo hóa thường đầy đủ năm ngàn người, còn lại người mật hạnh ẩn đức khó gặp được. Nhưng điều ghi chép trên mọi người đều hay biết, và để lại sau này các bậc hiền kính mến đức của người. Ngày 18 cuối thu niên hiệu Minh Đạo, môn nhân là Tấc Toàn kính ghi.

TỰA CHỈ YẾU SAO

Đại giáo hưng thạnh an lạc là do người này, các Tổ đã ra đi sự giáo hóa mầu nhiệm sắp diệt mất.

Đại giáo: Ở đây không phải thể của giáo môn chia chẻ thiên, viên, đối với nghĩa phân chia lớn nhỏ. Y theo trong ngoài của hai tông này để luận bàn. Như Thích Thiên Giải Chương An Đại Pháp Đông Tiệm nói: Thông ý chí Phật pháp là đại pháp. Văn Tuyển nói: Đạo có hưng thạnh an vui. Chú rằng: Long là thanh, Di là bình, hưng thạnh an bình cũng là nghĩa ao thấp. Chu dịch: Thần là để nói về điều này. Vẫn còn ở người này. Chư Tổ: Là các sư Kinh Khê về sau. Thái Huyền Kinh nói: Ở xa thấy có màu đen nên gọi là huyền. Từ nay dùng ý chỉ tông Thiên Thai sâu xa mầu nhiệm gọi là huyễn hóa. Âm cơ, văn la soạn thành âm này cũng gần. Thời gian không thể lâu dài. Tâm thì có bậc siêu xuất người đời. Tứ Minh truyền giáo Đạo sư Lễ Công, thật là bậc vĩ đại trong giáo môn. Thuở nhỏ đã học kinh, thì có khả năng suy tư về nghĩa, thiên cơ phẩm phát đặc biệt, không thể nói bậc mới sinh mà biết được tính cao thượng.

Nhĩ Nhã nói: Thế là phế. Thế gian: Là những người có danh đức sống trên đời. Mạnh Tử nói: Bỉ là nhất thời, thử cũng là nhất thời, năm trăm năm có một bậc minh quân làm hưng thịnh đất nước, trong đó có bậc vĩ nhân xuất hiện. Tứ Minh là ngọn núi nổi tiếng ở phía Nam phủ Khánh Nguyên. Lục Quy Mông nói: Đó là ngọn núi cao nhất, trên núi có bốn hang, nếu hôm nào trời trong từ xa nhìn như cửa sổ, tương truyền

rằng đây là cửa sổ đá, tức là chỗ ở của Thần tiên nhìn về Tứ Minh, thấy được Đồ Kinh của Tứ Minh. Lễ Ký: Mười tuổi là ấu học, hai mươi tuổi là Nhược Quan. Nói đồng tử là từ mười đến hai mươi tuổi, giữa Nhược Quan và Thái Hòa vị tán đều gọi là Đồng tử. Sư bảy tuổi xuất chính là lúc còn đồng tử. Thiên Cơ Trang Tử nói: Sự ưa thích sâu xa, cạn hơn đại cơ. Ngữ nói: Chưa học mà biết đó là bậc thượng, học mà biết là bậc thứ.

Đến khi thọ giới Cụ túc theo học với ngài Bảo Vân Thông. Buổi đầu mới vào pháp hội học, sư đã nằm mộng thấy mình quỳ trước sư Vân Thông, thông cầm bình nước rót vào miệng, nước chảy xuống như suối, sư lãnh thọ như hang. Từ đó ý chỉ viên đốn của tông Thiên Thai, vừa học liền hiểu, không cần nghe lại. Thái Thông nói rằng: Lời nói của ta ông đều thông suốt hết, ta không cần giúp đỡ ông.

Theo bài Minh trên tháp, năm mười lăm tuổi, sư xuất gia thọ giới Cụ túc, hai mươi tuổi theo học với sư Vân Thông. Tứ Minh họ Kim, Húy Kinh. Sư nằm mộng thấy nước chảy như suối, dụ cho giáo quán nối nhau không ngừng. Mạnh Tử nói: Cội nguồn lẫn lộn ngày đêm không ngừng đầy cả phòng sau đó ra ngoài tận bốn biển, người đạt được gốc là như thế. Nhĩ nhã: Nước chảy từ khe gọi là hang ông đối với lời dạy của ta: Luận ngữ Phu Tử nói: Hồi không cần sự giúp đỡ của ta, đối với lời dạy của ta không lời nào ông chẳng nói được. Sớ giải nói: Vẻ mặt Phu Tử im lặng mà biết được, tức là không phát khởi thêm điều gì nữa, cho nên nói là phi trợ ngã.

Đến khi Vân Thông tịch, sư nhớ lại giấc mộng, choàng tay qua đầu Vân Thông, tay trái dắt đi. Chao ôi! Chẳng phải đạt được sơ biểu là học tập. Như A-nan rót nước từ bình này sang bình khác chẳng khác, hậu biểu là truyền giữ được chủng trí của thầy mà hành hóa.

Vân Thông tịch vào năm đổi niên hiệu là Đoan Củng đời vua Chân Tông. Quán nghĩa là quán xuyên. Hoàn âm là hoạn, xuất phát từ Tả truyện. Kia gọi là mặc áo giáp cầm binh, Hoàn giáp còn gọi là Đới giác. Luận bàn về tướng trạng của giấc mộng: Tay phải của Tứ Minh choàng qua đầu sư Vân Thông, tay phải dắt Thông đi, điều này chắc chắn là giấc mộng lạ, đây là tiếng than thở. Đại Kinh nói: A-nan hầu Phật nhớ mười hai bộ kinh, như rót nước từ bình này sang bình khác. Hai chữ Chủng Trí nói theo ý dồi dào gọi là Nhất thiết chủng trí, Đạo chủng trí, Nhất thiết trí, đây là một tâm ba trí, xuất phát từ kinh Ma-ha Bát-nhã. Đại Luận giải thích trong quyển mười ba. Khi xưa Bắc Tề nương vào đây để tu tâm quán, truyền miệng cho Nam Nhạc, Nam

Nhạc truyền cho Thiên Thai. Thiên Thai về sau truyền mười ba đời, đến Tứ Minh, bởi một nhà truyền tông pháp yếu, chỉ là điều này.

Đầu niên hiệu Thuần Hóa, chùa Càn Phù quận nhà, buổi đầu tiên thỉnh giảng, mọi người đều vui. Như các dòng về biển cả, vì nhà chật hẹp môn đồ càng đông, chẳng bao lâu sư dời về Báo Ân. Các bộ Pháp Hoa, Chỉ Quán, Kim Quang Minh đều giảng thông suốt, không để ngày tháng qua suông.

Chùa Càn Phù ở giữa trung tâm chợ nên đổi về Thừa Thiên. Nay là chùa Thừa Thiên là chỗ ở của sư, tức là viện Phù Dung Pháp Hoa, Bảo Ân nay là Diên Khánh, Duyệt Tùy, Chu Dịch nói: Tùy theo cương mà hạ xuống, nhu động mà vui theo. Khổng Chú Thượng Thư: Trăm sông lấy biển làm tông. Dương Tử nói: Cuối cùng là đầu tiên, đầu tiên là cuối cùng, như liên hoàn không có đầu mối.

Sư khuyến khích đồ chúng rằng: Ta hoặc xuất, hoặc xử, hoặc nói hoặc nín đều dùng ý chỉ quyền thật giáo quán, vì ăn mặc mà phải nương tựa như vậy, các ông không nên biếng nhác.

Húc là khuyên gắng. Bậc Thượng Thư Phu Tử khuyến khích ư? Cụm từ xuất xứ nói nín đều dùng theo Chu Dịch, kia nói đạo của bậc quân tử trong bốn oai nghi không hề quên.

Giáo quán quyền thật: Là then chốt của một nhà vào đạo. Phục là mặc vào thân, vị là ăn cho đỡ đói, trượng là cầm trong tay, ỷ là thân dựa, dụ cho sáng tối đều thực hiện thọ dụng.

Lành thay! Nếu mặc áo nhẫn nhục, ở nhà từ bi, khéo dạy dỗ từng bước, không thể xứng đáng.

Dùng Pháp Hoa Tam Pháp này, khen ngợi hạnh lợi tha. Kinh nói: Vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai, nhà danh đức trùm khắp, áo danh đức che điều ác, không dính mắt vào danh tòa, đầy đủ ba thứ này để mở mang đạo Thánh, tức là chỗ y chỉ của thế gian. Luận Ngữ nói: Phu Tử khéo dạy người từng bước. Chú rằng: Tuân tuân là dáng vẻ từ từ, dụ là tiến.

Thích Thiêm Thập Bất Nhị Môn: Xưa nay đều truyền giảng, cho rằng văn khó. Hoặc nhiều chú thích, đều trình bày chỗ khác nhau, ai không tự nói cầm được châu linh xà, quơ viết đầy trời, đâu nghĩ đến một nhà giáo quán. Chỉ vì không biết chỗ khải phát, công xem lại tham. Đâu chỉ giải thích văn chưa đầy đủ, vì sao trao bạn đại cương, núi lở một góc vì dùng lòng bi tha thiết.

Hoặc chú thích nhiều, bởi chỉ có Kinh Khê về sau phụng Tiên châu chỉ cô sơn chứng được điều nghĩa này. Dẫn hai việc để sở trường

các nhà đều hoàn thiện. Khi xưa, lúc Tùy Hầu đi ra thấy Mục đồng đập đầu rắn bị thương, Hầu thương nó dùng thuốc xoa, chữa lành xong thả đi. Đêm khác thấy trong sân có ánh sáng, và thấy một con rắn ngậm hạt châu để dưới đất. Rắn tự nói mình vốn là rồng, biến hình dạo chơi bị Mục đồng đánh trọng thương, nhờ Ngài cứu thoát, cho nên nay đem ngọc đến tạ ơn. Hầu được châu đem dâng lên Sở vương, vua để trong điện phát sáng như ban ngày. Theo Tăng Truyện đời Lương, Pháp sư Đạo An thông thạo văn ký kinh, đức Ngài vang xa được kính trọng, bấy giờ, Tập Tạc Xỉ Phong Biện Thiên Thùy đến yết kiến rồi khen rằng: Tứ Hải Tập Tạc Xỉ Đạo An nói: Thích Đạo An nổi tiếng khắp nơi, bấy giờ mọi người đều khen thưởng đáp lại: Lễ Ký Thiện Cung nói: Thái Sơn suy đồi ư? Lương Mộc hư hoại ư? Thượng Thư Thái Thệ nói: Trăm họ đều thương nhớ như núi lỡ một góc, Nhị văn thán sự hưng vong của người, trong đây gần điêu tàn.

Muốn đưa ra những điều chánh để bỏ ta, nhưng ai theo để phân tích đúng văn này, bên cạnh vịn vào đây để nói lên chứng cứ. Thong thả thoải mái và nghiêm chỉnh trên đường rộng, quyền thật giáo môn, thời này cùng với người mê muội ở trong đó phán xét, tùy duyên lý khác là thuộc loại này. Thấy đạo đã vây mượn, thay với người mê, ở trong sự thấy này, thành lập chỉ yếu. Mạnh Tử ghi, Khổng Tử nói: Đời nay, bỏ ta thì còn ai? Lời phân tích, như kinh Lăng Nghiêm nói: Lột trần muôn tượng, che ra tinh minh. Viên là dẫn, trạo là hình dáng thong thả. Kha Thư nói: Đâu không phải giàu có dư giả ư? Trang Tử nói: Đầu bếp là Anh Văn Tuệ mổ mấy ngàn con trâu, nhưng dao vẫn mới toanh như mới mài. Rộng lớn mênh mông dạo chơi trong đó, đều là chốn dư thừa. Tùy duyên lý khác: Tạng thông thì giáo lý đều quyền, Viên thì giáo lý đều thật. Ba điều này dễ hiểu, chỉ khác giáo quyền lý thật, chứa nghĩa tùy duyên ý hơi khó hiểu. Tứ Minh có khả năng trình bày điều này, cho nên Thiên Trúc gọi là Quán đạo.

Liên đại cộng mê: Các sư ngoài núi xây dựng lời cú huyền chẳng thông, còn nói quán chân không quán vọng. Chỉ yếu quở trách nói: Có người giải thích ngay niệm hiện tại gọi là Chân tánh, e rằng không xứng với ý chỉ của văn.

Đến như văn cương cách chỉ quán Pháp Hoa. Ẩn quát nhầm chữ Tổng, đều lược bỏ ở đây, người học đời sau đủ sức để nhìn gần thấy xa chấm mút biết vị, không dễ gì nói ư? Thông chí thiên hạ, định được nghiệp của thiên hạ, dứt được nghi cho thiên hạ, thật là đạt được một hai muôn lời này.

Cương cách: Phi Hành nói: Cương là giềng mối, như viền ngoài lưới. Cách nghĩa là cách chính. Như đại thể của vạn vật. Kia dùng tám giáo, phán xét giải thích như cương cách. Giáo tùy duyên khác với cương mục, ở đây thì không phải như vậy, tùy theo văn mà dùng. Chữ Ẩn quát, Tuân Tử nói có hai: 1. Phủ Nhiên; 2. Cú Mộc.

Thuyết văn nói: Cơ lũ trì tơ giảo tức là lầm yếu chỉ văn này, là tổng hợp lý nghĩa này, nhìn gần thấy xa. Trung Dung nói: Đạo của Quân Tử, biết xa biết gần. Nhiễm Chỉ: Tả Truyện nói: Người nước Sở dâng con Ba ba cho Trịnh Linh Công. Tử Gia thấy Tử Công ăn chỉ và dùng đó bảo Tử Gia: Ngày khác ta cũng như vậy, phải nếm thử vị lạ. Đến khi vào Tể Phu làm con Ba ba, nhìn nhau cười. Công hỏi. Tử Gia bảo gọi vào ăn thì Tử Công không cho. Tử Công giận dữ chỉ vào đảnh, nếm thử rồi đi ra. Nay lấy chỉ yếu này làm đảnh. Như người tìm tòi thì gọi là nhiễm chỉ, từ đây đạt được mơ hồ về giáo quán. Không dễ gì bỏ để dùng lời kia, không dùng ý kia. Ý kia là chưa thông ý của thiên hạ, cũng dễ thông được. Nghiệp của thiên hạ chưa ổn định cũng dễ ổn định được. Nghi của thiên hạ chưa dứt cũng dễ dứt được. Trở về ba nghĩa này, là trở về với ý chỉ, thật là cùng lý tận tánh.

Thức cung tôn là bạn học, mọi người thấy không nói ta cũng phe phái chứ! Nếu chấp cứng vào lý này, không giữ tình kia, văn lý rõ ràng, ai che giấu được. Sám chủ kỵ nhất là nổi tiếng, xưa nay đều như vậy. Như bài tựa Tăng Hựu Hoằng Minh nói: Lại đem kiến thức cạn cợt để sớ giải duyên khởi Niết-bàn. Chương An tự ghi: Đảm đương sự ngăn ngại ở Dự Chương, cũng có người viết chữ Thượng. Như bài tựa của Quân Sơn Thiêm nói: Bình thường khi còn ở đời hai Sư là bạn học, đồng chí khí liền cành, thật là nan đệ nan huynh, cho nên ghi trong bia đá rằng: Thông khí ở Bảo Vân hằng ngày giảng giáo quán vượt hơn hai chỗ ghi Tri Lễ, Tôn Thức đều thuộc phái siêu xuất của Tử Câm. Thích Danh nói: Năm trăm nhà là một phái. Luận Ngữ của Khổng Tử chép: Ta nghe quân tử không phê phán, quân tử cũng có phe phái chăng? Sớ chép: Giúp đỡ nhau không phải phe phái. Khổng Tử trả lời với Trần Ty Bại rồi lui ra. Tư Bại lại nhóm họp đệ tử Vu Mã. Lại hỏi: Ta nghe quân tử không phe phái. Nay Khổng Tử nói: Chiêu Công, Tri Lễ tức là quân tử cũng có phe phái chăng? Giữ lập trước lý này, Tựa Hiếu Kinh nói: Đối với lý hoặc đảm đương được, thì đâu cần cầu người. Vĩ đại thay đã tạo được yếu chỉ. Văn lý đã đúng, thật không còn che giấu.

VĂN CÚNG TẾ ĐẠI SƯ PHÁP TRÍ TỨ MINH

Thiên Thánh ra đi đã sáu năm, nay là mùng một Đinh dậu tháng giêng năm Mậu Thìn, pháp đệ đồng môn Hàng Châu Thiên Trúc, Đại sư Từ Vân (Tuân Thức) kính sai học chúng đến dâng nến thơm, Linh Sơn dâng trà và Vân Trù sắm sửa trai phạn, ăn xong vị phẩm, cung tiến tôn linh Đại sư Pháp Trí Pháp Huynh chùa Diên Khánh ở Tứ Minh. Cúi mong, Linh thiên sinh đức tốt đến giúp pháp vương e sẽ dứt mối đạo, lúc nào cũng chấn hưng giềng mối suy đồi. Chương An đã đi, Kinh Khê cũng mất, ngài đản sinh nơi này làm thầy người tiếp nối hưng thạnh. Một nhà Đại giáo nối Tam Lương Tam này, tạ bạn kiến thức rộng, tài giỏi cam chịu lui về ở ẩn hơn bốn mươi năm, mở rộng giáo cương, mở cửa từ bi, ngồi nhà pháp không, mở rộng chúng ở, kính cẩn dùng hóa phương chính là vàng ngọc quý giá. Đào mận tỏa hương kỳ lạ, ong bướm vây quanh, kiến mối mến mộ. Vào nhà thăng đường, chúng tụ hội đông đúc, tụ hội để làm điều lành, có thể chia ra ngàn đèn, có thể phân hóa bốn phương, đến như xoay bút như rui mè, mở rộng cửa văn vẻ. Nghĩa nhiệm mầu của mười Bất nhị ta thấu đạt rõ ràng, ý chỉ sâu xa của mười sáu Diệu ta đạt được truyền trao cho đến phẩm Quán Âm phân biệt trống vàng rõ như xưa, hoặc mở mang chỗ u huyền, hoặc bổ túc thêm điều đã mất. Nghĩa từ trong ta lưu xuất, giải thích từ trong túi trí ta, trình bày văn chương của bậc tiên giác, thật là chỗ trông mong của người học sau. Than ôi! Thời gian đâu hẹn, bỗng chốc phải theo thường tình, thoáng chốc vô thường lại đến, nhìn lại nước sông tràn đầy, chợt gãy cầu lòng đau thương tràn ngập hai nỗi đau kinh ngạc như mộng, nỗi đau ấy kết thúc ở hai hàng cây, phải chăng người đời sắp mở tay chân, rồi đau khổ lại trói buộc nhiều. Chỉ có huynh cáo chung cùng vạn vật trái với sự bình thường, người kiết già về Tây, niệm Phật rất nhiều, chẳng bao lâu lặng lẽ, thẳng đến Tây phương. Như thế thì thiên nhãn nhìn xa, thần lực như chim liệng, chỉ mong đến cùng đệ dự trai phạn, xem văn này của đệ, than ôi! Đau thương thay! Thơ phải có người trau chuốt mới dễ đoán ra vàng thật. Chỉ có đệ và huynh đồng lòng, giống như anh em hòa vận cũng là kèn sáo hòa âm. Có pháp cùng luận bàn, có lỗi răn bảo nhau vừa tha vừa thiết. Tôi học rộng rất sâu có trước có sau, chỉ có trời là sâu, chợt gặp nhân hóa duyên từ đây cách biệt, cách trở như vượt núi, cách trở như bờ ngô, dấu vết bị ngăn trệ như mộng. Mộng cũng tìm như, ngày bay hết đến ở đông tiễn tình còn dứt ở Nam Kim. Than ôi! Than ôi! Nay thì đã rồi, đau đớn làm sao kham nỗi? Lý hợp liền xa Linh Thứu chốn xa núi rậm, vì Lão sợ xuân lạnh đường cản

trở bởi mưa dầm, các đệ bởi tuổi đã già, tuổi ép ngặt, tâm buông lung, đứng ngồi phải dựa ghế nương gậy, đứng nằm rên rỉ, cùng huynh tạm xa cách, kế thừa tiễn đưa đến tận rừng, chỉ hẹn ngày sinh chốn An Dưỡng, nguyện mãi thay nhau. Than ôi! Than ôi! Cúi xin hưởng cho.

THƠ TRUY ĐIỆU ĐẠI SƯ PHÁP TRÍ Ở TỨ MINH

Tôi và Đại sư Pháp Trí ở Tứ Minh làm bạn hơn bốn mươi năm, đến ngày ra đi không được khóc ở Lăng tẩm, vì đường xa năm, sáu trăm dặm. Mùa xuân mưa đá nhiều tuần, thân sáu mươi sáu tuổi, cho nên gậy giầy không thể đến được, nay mới làm mây câu ca vịnh. Trên trời không hai vầng nguyệt, ở nhân gian chỉ có một vị tăng. Người xem xét không nói tôi sâu sắc là đối với sở tri, non kém là đối với sở bất tri nhưng thấy giải và hạnh này có điều đặc biệt vượt hơn người. Gởi những lời cùng cực để thỏa chí những điều luôn giữ trong lòng. Những điều kỳ lạ ấy đâu phải một. Bộ gia giáo Tỳ-lăng Sư chưa ghi, nhưng chắc chắn ghi. Bốn Tam-muội những điều người khó thực hành, nhất định thực hành. Dù nắng mưa thay đổi, nhưng lưng không dính chiếu. Sáu mươi chín tuổi qua đời, nhưng Ngài chóng đốn ngộ mà hành đạo dạy bảo nhiều, không lúc nào ngừng nghĩ, môn đồ thỉnh an nghỉ, nhưng Ngài vẫn không chịu, đến khi ngồi kiết già thị tịch, về sau hỏa táng, xá-lợi nhiều vô số. Than ôi! Không biết gian nan, thực hành chỉ thấy gian nan. Hai bài thơ mỗi bài tám câu.

Ai an táng bạn tôi
Ai kế thừa Tỳ-lăng
Trời không hai vầng nguyệt
Nhân gian thừa một Tăng
Để văn thiền nhiều tập
Bệnh tòa giảng còn lên
Nay thờ ảnh rỗng rang
Khám lụa đèn lồng đêm.
Trên sông tâm đau thương
Chiều tà biến khắp lăng,
Anh là người tài giỏi
Tôi thay tăng cảm tạ
Lá bối cùng năm giảng
Hoa sen ngày khác lên
Pháp môn truyền đệ tử
Không chỉ trăm ngàn đèn.

Khen ngợi Tôn giả Pháp Trí Tứ Minh:

Đệ tử Tăng Giang đảnh lễ
Đường đường thầy ta
Pháp uyển anh tài
Sinh con Hoàng Tống
Thiên Thai một mình bước
Kinh Khê ra đi
Mậu Lãnh lại đến
Giáo môn bít lấp
Thầy ta khai thông
Nghĩa vang như sấm
Mê chấp xuân về
Họa hình không kịp
Văn vẻ khó định
Hình dung sáng rỡ
Ai không khâm phục.

Khen ngợi Chân dung Đại sư Pháp Trí Diên Khánh ở Minh châu đời Tống.

Tiết độ phán quan Triệu phụng lang thí đại lý Ty Trực Kiêm, coi xét Ngự sử vân kỳ ủy lạc.

Đạo nhờ công chấn
Hóa nhờ hành thí
Thức nhờ dẫn dắt
Hiểu nhờ khuôn phép
Người tin tín ngưỡng
Người học vâng theo
Xa nghe khuôn phép
Gần thì thấy hình
Ảnh tiếng hợp nhau
Thấy nghe đuổi nhau
Đức chừ sâu dày
Giáo chừ thấm đượm
Dạy thuận theo đời
Vẫn còn làm thầy.
Lưu truyền cháu con
Vẫn còn làm thầy.

Khen ngợi tượng vẽ Đại sư Pháp Trí thỉ tổ Diên Khánh.

Cối Kê Quân Vương Văn Tuệ Công Sử soạn.

Ngày xưa ta và Giác Vân Liên Công đi ngao du, nhân thu thập lời này để khen ngợi Đại sư Pháp Trí. Nhiều năm chưa ghi được, nay vì Diên Khánh hỏi Sư được điều này, Trung ngươn năm Nhâm Thìn, niên hiệu Càn Đạo, Chân Ẩn Trai ở Đông hồ tạo.

Một hội Linh Sơn
Trang nghiêm Thiên Thai
Sau mười ba cánh
Sinh bậc kỳ tài
Xướng đạo Tứ Minh
Giảng dạy khắp nơi
Nổi tiếng khắp biển,
Ầm ầm mây sóng
Chương thánh còn ngự
Trung Sử đảnh đến
Được ý chỉ Pháp
Tâm rỗng rộng lớn
Ban hiệu Pháp Trí
Về lâu đài sáng
Bồi bổ hậu học
Thảy đều kính ngưỡng
Hương lan cúc thoảng
Vốn một gốc rễ.

Than ôi! Là trụ đá pháp vũ, là Diêm mai giáo đảnh, đúng là ảnh này trải qua ngàn xưa không có trần ai.

KHEN NGỢI ĐẠI SƯ PHÁP TRÍ TỨ MINH

Giáo chủ đạo tràng Tứ Minh là Đại sư Pháp Trí, Tứ Diệp đời Hoàng Tống. Tiên Thánh ra đi sáu năm, nay là năm Giáp Tuất, niên hiệu Thiệu Hưng năm thứ một trăm hai mươi chín. Suối trăng hết si, đạo nhân (Hy Nhan) liền làm bài tán: Hành Thiên Thai khó hành, nhưng vì hai Sư ở Triết Giang, nhớ lại chưa ghi về Tỳ Lăng, nhưng vì pháp trăm đời. Do đó, giáo môn của ngài Trí Giả vẫn sáng ngời như Thục Khổng, đạo tràng Diên Khánh nhờ vào đây mà mở mang vang đội. Làm tiêu biểu cao ngất ở Ma Vân, đường đường là bậc bất thế. Khảo xét và khám phá tùy theo lớn nhỏ. Khen ngợi kính ngưỡng thì càng cứng càng cao vòi vọi cũng có Sư đạo trong chốn Thiên Thai. Như Kỷ Tử, Dự Chương ở núi Thái, biển cả có ngọc trai quý lớn, như môn hạ Trọng Ni có Mẫn Tử, Nhan Tử, nhà Ẩn Thủ Tây Tấn có Thái Sư Viễn Sư. Nếu chẳng phải

nhiều đời có nguyện lực từ tâm, thì đâu thể một sớm giáo hóa muôn loài thành tựu, đảnh lễ Tổ Trung Hưng Tứ Minh.

SỚ TRAI KỴ TỔ SƯ PHÁP TRÍ DIÊN KHÁNH, TRẦN THIÊN DỤ

Hữu phục dĩ, pháp lễ như như, vốn không ra vào, duyên đời dần dần có hội họp có chia lìa. Từ khi Trí Giả tịch ở Thiên Thai, đạo như sợi dây tơ treo để nhử đá. Đến khi sư Thông đến ở Dũng Thủy tiếng vang như trong hang ra. Lưa thưa sau thời Tượng pháp. Mờ mịt sau Kinh Khê. Nam Huy, Thai Lãnh, Đông Thiệu, Lệ Sư, tuy là bậc tác gia càng tinh vi, nhưng nếu còn ở đời thì cũng chẳng khác. Cung kính Đại sư Pháp Trí giáo chủ Trung Hưng sinh ra để trung hưng Phật pháp, thuở nhỏ đã thành tựu; giới sáng như ngọc châu, chung cả bộ luật Nam Sơn, biện luận ngã nghiêng sóng biển, phát huy tâm tông Hoành Nhạc, có thể nói nhân gian chỉ có một vị Tăng là bậc Đại sĩ trong thiên hạ. Nếu không như vậy thì năm thời tám giáo, ai là người Trung hưng, trăm cõi ngàn như ở đời đều mất hết. Cho nên Hoàng đế Chân Tông sai sứ càng thêm đặc biệt, Quốc sư Nhật Bản bảo đồ chúng đến thưa hỏi Phật pháp. Một đời Nho tông, cùng năm pháp tịch đều truyền ý cao thượng, trụ lại đời đến phương trượng khỏi thiêu thân, thế nên ngàn đồ chúng đến học pháp, thăng đường bốn mươi năm hướng dẫn về Bỉnh Bút, khiến chuyên tâm ba Quán. Tứ Minh sáng rỡ như mặt trời trên hư không, giống như sấm rền trong lòng đất, cò cây ngói gạch đều giảng nói chân thuyên, chim thú trùng cá đều hiểu giáo mầu. Tiếc thay ra đi biệt tăm, hóa thân vốn như vậy, có hội tụ thì phải chia lìa, tướng người đời là như vậy. Nhưng những ai được thấm nhuần sữa pháp, may mắn điều khiển được tông thừa, huống chi phàm tình tiếp nối, điều này mở rộng thông suốt, vì linh cốt của Đại sư còn nên dễ chiêm ngưỡng thần dung Đại sư. Vì sao ra đi không có nơi đến, dứt bặt tông tích, từ lâu nghĩ mất ở rừng hạt, chôn chặt nỗi đau buồn ở Lương Mộc. Ngày nay ngồi kiết già, bắt chước Thuần-đà cúng, truy tìm cúng tế tông miếu. Cúi xin, Đại sư không chỗ đến mà đến, vốn không ăn mà ăn, đã trông Linh Phù Đài Lãnh sáng mãi đô thành. Khiến kia ngăn thư, hoàn thành phụ giáo, đến nay Thiền học không còn gọi là truyền riêng, để lại kế sống muôn đời cho con cháu là người tính được chỗ sâu xa, ngõ hầu không quên giúp đạo tổ, Hiếu Tư kính ghi lời tựa.

SỚ HÚY KỴ ĐẠI SƯ PHÁP TRÍ TỨ MINH, TUYẾT KHÊ HY NHAN

Hữu phục dĩ, muốn thực hành đại đạo, phải nhờ bậc pháp khí và thời cơ. Văn này chưa mất, quả nhiên sinh mạng sư còn ở đời. Nhận mặt trời Phật đến Ngu Uyên. Ngăn chặn sóng dữ đến Đông Hải, giềng lưới ba Quỹ của Đài Lãnh, thổi trống Nhất thừa của ngọn Linh Thứu, đâu chỉ mới mẻ trăm đời, mà ngàn năm không cũ. Chẳng có bậc Đại sĩ thì ai Trung hưng. Cung kính Đại sư Pháp Trí giáo chủ Tứ Minh, toàn đức không thể gọi tên. Trai không mài giũa mà nhận sự ký thác của Phật, hướng dẫn giáo nguy hiểm. Cứu người sông lớn phải có thuyền muôn đấu. Chống đỡ lầu to phải có cây to mười ôm. Bốn mươi năm lưng không dính chiếu, đâu cần nhọc khổ hạnh ba diệu quán thân, dù nói quanh co, điểm chính là muốn diễn tả tận cùng huyền lý. Mở ra con đường Dương Mặc. Khai thông đạo lớn Phật tổ. Ném kim vào bát, phụ cấp lụa thấm hội tụ. Ngoài cửa đầy dép, có thể gia tử áo xanh đến. Chỉ có gió cao ở Tứ Minh, có làm sao đẹp ở hai sông, có thể nói, ban ngày trong sáng mây nổi khắp nơi, nhân gian chỉ có một vị tăng. Thầm nghĩ không có đức hổ thẹn, thì thiên hạ không có hai vầng trăng, ai không hổ thẹn. Những ai lầm ý Từ Phong, thanh lọc thân học như biển cả. Tuy không quên thêm ngựa ký, không hổ thẹn thêm vào chuột điêu. Bát-nhã Minh Châu là sở khinh nhưng dùng làm sở trọng. Hạt giống diệu Bồ-đề dễ nhổ, nhưng cây khó trồng. Đã thiếu công của nhiễm chỉ, nhọc đau lòng than. Nay thì lễ đến tiết dương xuân, đến sáng viên tịch. Phê bình thật Khánh Kiệt, vì trình bày cúng nhỏ bé. Nhìn thoáng qua, tuy không giấu sinh diệt. Sương móc đã tan, tự cảm nhận lo sợ cẩn thận. Cúi xin, lòng từ sâu xa không ngăn ngại, không lìa đương xứ mà hiện hình dung. Lợi sinh có nơi, ban đầu không động tướng, mà thi hành ứng diệu. Mưa thấm khắp đất khô, màu mỡ trên giường giải thoát. Truyền nghĩa như mây trời che biển Niết-bàn. Về sau một nhà giáo quán trăm đời con cháu, truyền bá đạo từ bi không ngăn ngại, giảng xướng ý chỉ truyền trì. Ba Đế, ba Quán nhà quý vào được cửa. Cố hương mười cảnh mười thừa biết đường về. Tâm ý bằng phẳng như lòng bàn tay, hàng phục chúng ma ngăn cản giống như gẫy cây khô, trở về mặt trời Phật nhưng chiếu sáng giờ sau. Kích động sóng say đồi xoay vần thời xưa, công thấm nhuần chín cõi, lợi ích khắp tứ sinh, xé rách lưới phiền não đồng lên thuyền giác ngộ, vượt sông sinh tử đều đến bờ giác ngộ, kính ghi lời sớ.

SỚ KỴ ĐẠI SƯ PHÁP TRÍ THỈ TỔ DIÊN KHÁNH

Lại kính vì: Song Lâm diệt đức âm dứt bặt, các Tổ qua rồi trái liễu nghĩa, huống chi lời công kích trong đó, mà người thầm chứng loạn ở bên ngoài, cho nên ý chỉ viên đốn sẽ ngộ được mầu nhiệm. Hàng tầm thường mê muội không biết chỗ ảnh hưởng, mình chẳng mong pháp truyền tâm cho mình, ai rửa sạch được nỗi đau danh tướng. Cúi mong Thỉ tổ Sơn môn Đại sư Pháp Trí chủ ghi Thiên Thai đệ tử Diệu Ngộ thay mặt nối pháp đời sau. Từ thuở nhỏ nhận kinh liền tụng, suy tư nghĩa thông suốt, có ý chí xuất gia và năm hai mươi tuổi thọ giới Cụ túc. Năm năm y chỉ và gồm cả Luật thừa, một tháng mở mang truyền bá rộng giáo quán, nghĩa là không phân biệt hay hiểu được pháp này, cho nên nói giải thoát nhưng không lìa văn này. Cốt để thực hành hữu tông xây dựng ngôn từ và chỉ yếu. Học cả nội điển ngoại điển, vốn trọng Dương Văn Công, luận bàn dứt dị đồng, chấp nhận với Tuyết Đậu Trùng hiển liền khiến cho Thánh chủ sửa lại thêm vào hiệu Quốc sư, truyền hỏi những điều nghi, và muốn thiêu thân, nhưng duyên nào lưng dính chiếu, thi hành đạo Thiên Thai đã thực hành, tu bốn Tam-muội, nhưng luôn nhớ văn của Tỳ-lăng chưa ghi, thầm nghĩ mười chín vị Tổ mà không hổ thẹn, vì sao sự suy nghĩ của người học là mình than với thiên hạ không thể là tông ta. An Thiền không trở lại khóc hết nước mắt Thanh Câm, để lại cuốn tập vẫn còn tín đồng với lời ca Bạch Vân, bèn nghĩ đến Từ Vân, thoáng chốc đến ngày húy kỵ, huống chi ân đức chia đều làm nên ta mà lo buồn trọn đời, đúng lúc Tứ Lân thọ phước, dám trình bày phơi cúng, đến chỗ sinh hành đạo ngày trước, ngõ hầu tìm được duyên xưa. Chúng ta đánh chuông phảng phất hương trần, nhầm tham dự Liên xã. Biết danh biết tự chưa trốn được ngày cuối cùng xem xét đếm bảo. Thảo sớ tìm kinh, mới vặn hỏi vào biển đếm cát. Nhọc chỉ bày một chút, thật giúp cho sự mở mang truyền bá. Cúi mong: Mắt tuệ mở rộng, pháp môn rộng phát. Muôn phẩm tự dung thông vào ba Quán. Ngàn như hiển bày nhiệm mầu ở một tâm. Dốc chí truyền bá, nhìn lại chẳng phải xoay bánh xe pháp lần thứ hai, giáo hóa hướng dẫn mãi, chắc chắn dứt hạt giống Phật sau cùng. Hiển bày tinh túy chân thật, rủ lòng chiếu giám. Chúng ta đảnh lễ chí thành quay về, kính cẩn dâng sớ.

TRÙNG TU LẠI BÀI MINH GHI Ở TƯỢNG TÔN GIẢ PHÁP TRÍ BÁ ĐÌNH THIỆN NGUYỆT

Mồng một tháng ấy vào năm Canh Thân ở Khánh Nguyên, Sơn môn cung kính tiếp nối tổ. Tỳ-kheo Thiện Nguyệt cung kính sửa lại

tượng thờ, liền mời thợ giỏi làm, kính cẩn xông hương gột rửa ghi lời minh. Tôi nhận đồ cất giữ và trung hưng Thỉ tổ Đại tông sư Tôn giả Pháp Trí. Cung kính, Tổ ta là thai linh con Phật hết lòng sống với Hoàng tông, nương năng lực bản nguyện, ý chí truyền rộng lớn. Liền nghĩ đến Sơn môn giáo quán một nhà, thoáng chốc gặp vận nguy nan, chẳng mấy chốc quét sạch. Thật là Tổ ta bẩm thọ thừa kế vẫn còn, truyền cội nguồn chánh, đến nay bốn phương biết có đạo Tứ Minh ta và đạo tràng này của ta truyền giảng liên tục, dường như mãi mãi không cùng đều do công trung hưng của Tổ ta là năng lực thệ nguyện. Dùng điều này phụng thờ di tượng, hằng ngày tôn sùng cúng thờ, thỉnh thoảng sửa sang lại. Khi ấy có Trạng Khê Tín Sĩ còn giữ lại linh cốt của Tổ ta ngày trước, từ lâu cất trong nhà. Chợt một hôm nằm mộng, không thấy hình dung để ở nhà riêng, do đó trở về chốn Tổ của ta thì các tượng đều ở trong đó, đúng vào ngày 23 tháng 11 niên hiệu Khánh Lịch năm thứ bảy đã được sửa sang lại vào năm Đinh Sửu thuộc niên hiệu Thiệu Hưng. Cũng vào ngày tháng này trải qua nhiều năm lại mặc vải gai vào. E chẳng phải tiên đức báo cho biết để làm khuôn mẫu cho đời sau. Do đó, lại sai thợ sơn phết thêm, còn lại mấy thần linh Tổ ta không bị mai một. Năng lực thệ nguyện càng thêm tinh khôi, mãi mãi trấn giữ ở núi này là những người có trước sau với nhau. Hằng ngày phụng thờ an lành, kính cẩn cùng với chúng trong núi đảnh lễ, kính ghi lời Minh:

Tổ ta dạo đi
Pháp thân tròn đủ
Không sinh không diệt
Chỉ bảo mới cũ
Ngay sự là chân
Không lìa đương xứ
Ta làm bài minh
An trú như vậy.

GHI LẠI HÀNH GIÁO CỦA TÔN GIẢ TỨ MINH

Tỳ-kheo chùa Bạch Liên Giáo ở Đài Châu, kính mến đồng chí hướng trình bày lại bản cũ để tiếp tục truyền bá, Mậu Thìn Bảo Khánh giải chế soạn xong kính đề: Loa Khê Chấn Tổ Tập

Mục lục:

Tỳ-kheo Nguyên Ngộ trụ trì viện Truyền giáo Thiên Thai soạn.

NGỘ VIỆT TIỀN TRUNG Ý VƯƠNG BAN CHẾ CHO PHÁP SƯ TỊNH QUANG, TAM ĐẠO

Chế Tăng Hy Tịch chùa Thiền Lâm được Đại sư Tử Huyền, ở tại bản tự vì nước nhà giảng Pháp Hoa kinh văn cú đầy đủ. Bởi danh đức tinh thâm, do dốc công siêng năng, khi xem lại rất hay cho nên trình bày, phải hiểu biết, không bao lâu sai ghi ý chỉ, ngày 13 chế tăng Hy Tịch, khanh từ lâu ở danh sơn thường xem Đại tạng, Quốc triều rất kham phục như chân giáo, trọng ý chí và người cao siêu. Nay trẫm ban hiệu cho sư y tía và mười xấp lụa, mười xấp tơ hãy đến lãnh, cho nên báo điều này cho biết, nên ghi nhớ, không bao lâu thư đến, ngày hai mươi chín.

Trình bày công việc và báo cho Hy Tịch. Ngày xưa trao ông giảng kinh Kim Quang Minh cho cõi Thiên, đầy đủ một hội và hiểu biết rõ ràng. Ông sớm quơ phất trần, giảng nói pháp âm như Sư tử, biết được tâm thấu được cội nguồn, xứng đáng với luật hổ nghi long, từ lâu mến

phục điều này, nhờ vâng lệnh mở mang, đã nghe giảng nói xong, thấy tinh tấn tu và ý giới lại trình bày đưa ra, rất xứng đáng. Nay ban cho ông sữa, thuốc, hai mươi xấp lụa, hai mươi đấu trà, đến đây nhận lãnh, sai khiển chỉ dụ này. Bất cụ trao ngày tháng chín.

BẢN TRIỀU BAN BỨC HOÀNH

Môn hạ Trung Thư Công Văn hai sông chuyển đến ty, hai sông chuyển đến tâu lên, y theo tập Sớ Trung Thư phân tích cai quản. Các châu quận ngụy ra lệnh Cung quán chùa viện chưa hề ban bức hoành. Như viện Truyền giáo ở huyện Thiên Thai thuộc Đài châu nên ban bức hoành cho viện Định Tuệ. Công văn vâng theo sắc lệnh như trước nên ra lệnh chuyển vận công văn về ty, ngay chỗ đến thường khám kỹ. Như bên trong có Tiết thừa thiên đã có ban bức hoành, lại không thực hành, đưa công văn xuống, y theo sắc lệnh công văn cũ. Công văn mồng ba tháng bảy niên hiệu Đại Trung Tường Phù năm đầu.

Hữu Giám Nghị Đại Phu Tham Tri Chính Sự Triều.

Binh Bộ Thị Lang Tham Tri Chánh Sự bằng.

Công Bộ Thượng Thư Bình Chương Sự Vương.

Bài Minh nói về việc xây dựng bia viện Truyền giáo.

Công Thần Trung Quả Hùng Dũng Kim Châu quản lý bên

Trong quan sát Sử Phán Hòa Châu Quân Châu Sự Quan

Lộc đại phu, đặc biệt xem xét đại phó Kiêm Ngự Sử Đại Phu, ở trên thành Quốc Bành, Quận Khai Quốc Công thực ấp sáu ngàn (6.000) hộ, thực thật phong sáu ngàn một trăm (6.100) hộ Tiền Biên soạn.

Bậc Thánh truyền văn lập giáo, nguyên nhân nêu ra giềng mối và chỉ bảo dấu vết, khiến cho đời sau đến với đạo Thánh hiền. Nếu bao gồm cả trời đất âm dương, tận cùng lành dữ đều tiêu diệt, không dễ gì tồn tại. Bắt đầu từ Phục Hy, Trọng Ni thuật điều này là muốn lợi ích cho thiên hạ. Vì ngày tháng tiếp nhau, rõ xưa biết nay, chánh vương đạo kỷ nhân luân, không chuộng xuân thu, nhưng Phu Tử từng qua điều này, Khâu Minh truyền điều này là dạy rõ cho muôn đời. Xin hỏi bậc Thánh truyền văn dạy giáo, tột cùng ở đây ư? Chỉ vì không biết nên truyền văn khen chê, không thể oán thân sinh diệt lẫn nhau. Nghiên cứu không thuật lại rộng lớn, không thể mở mang được diệu tánh bao gồm chân cơ để làm đường cầu cho người trời, vượt nguồn sâu sinh tử, chính là pháp của Đại hùng, không vĩ đại hay chăng? Đều là bậc Thánh chăng? Nếu âm thao ngọc Linh Thứu, truyền thật điển Long tạng, cách Thánh quá xa, truyền lại để dạy người học sau, cho nên mở rộng sóng cả hương

hái, tăng thêm đùm xe lớn lại không hưng thạnh giáo Thiên Thai ư? Cho nên Đại sư Trí Giả, Quốc sư Trần Tùy, pháp danh Trí Khải diễn bày ý chí một cành hoa, lập ra hoa tông tám trụ, dùng ánh sáng phá tối tăm, ánh mặt trời xua tan sương mù. Dùng tịnh lôi động, thần quy vỗ biển cả, mở rộng bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên hợp nhau năm vị đề, hồ, sữa, lạc. Truyền đèn Bát-nhã, mở rộng cửa Phương Đẳng. Gió to phá sóng, nhận chìm quân ma trong cửa Không hai. Núi lớn mây giăng, chánh pháp hưng thịnh ở vườn Ba thuyết, truyền thành diệu điển, mở mang chân phong của ta. Do đó, vua chúa, đại thần mời giảng rộng đơn khâu. Thành ấp, xóm làng say mê đạo tràng kim địa, thì sự giáo hóa của Trí Giả là lợi ích lớn cho người đời chăng? Không thể nói như vậy được. Viện Truyền giáo nay là nơi trụ trì của Tịnh Quang Đại sư Tịch Công. Sư pháp danh Hy Tịch, họ Hồ, người ở Vĩnh Gia, khi xưa là châu hiển Đức Sơ, Cư Dân Loa Khê Trương Ngan An đến thưa với sư:

- Chùa ở phía Đông nam, có khoảng đất trống rộng, hơn một dặm đêm đến thường có quỷ gào thét rên la, cũng có những tiếng chuông khánh và khảo tra đánh đập. Lại nằm mộng thấy thần rồng dạo chơi vùng đất này, cho nên không có ngu dân nào ở đó. Cúi xin sư vì tăng sự. Sư chấp nhận và đích thân đến xem khen cảnh trí non nước đẹp lạ thường, do đó nói với mọi người: Đây là đất già-lam, thường làm chốn truyền trao chân thừa, nghĩ đây là nơi thuyết giảng. Hơn nữa tông Thiên Thai lãnh nhận của ngài Long Thọ và Tín chủ kia mộng thấy Thần long, há chẳng phải điều này hay chăng? Nhưng tài thí chưa cúng, thì không thể hoàn thành chí nguyện này, nên phải nộp sớ xá và doanh trại vườn, môn nhân Pháp Hoa Nham Công và Tề Công thưa việc này lên Thiền sư Bổn sư. Thiền sư bàn luận điều này và được thí chủ cúng ba mươi vạn đồng để làm kinh phí buổi đầu. Sư nghe điều này rất vui, nhưng hơi ngại về công xây dựng và nói với Tề Công: Nay đã có doanh trại che mát cho học chúng tụng niệm, ý Sư không muốn bị gió mưa nên đời đến chỗ dưới cây gò cao, thân thể và ý ông gắng hoàn thành điều này. Tề Công đục núi ban nền, chở cây đến xây dựng được ba gian pháp đường mấy nhà trù, che tranh nhiều mãnh, rất đơn sơ rất hợp với ý sư, nhà hoàn thành vào tháng tám mùa thu năm Giáp Tý, niên hiệu Càn Đức, bèn thỉnh Sư đến ở. Sư lặng lẽ dẫn hai mươi đồ chúng đến, khi mọi người đều đến thì đã xếp hàng trên đỉnh núi gật đầu, mưa hoa tươi tung lên ghế báu. Sư thấy nhà cửa đơn sơ mộc mạc và ra sức hiệp tâm với An Bính kia, hết lòng vui mừng vô cùng. Sau này Đăng Ngự Môn ngày càng hưng thạnh, sợ người nhóm họp ở rừng hạc. Sư nghe điều này ngăn cản và nói chỉ

cần bốn người. Thiền sư Thiện Công Vân Cư truyền đăng mạnh mẽ ở đất này nhưng chưa mở rộng nội quy Hàm trượng, mới sớ vào nay Hán Nam Quốc Vương. Đại sư Trí Giả lên giai vị các địa, chỉ bày dấu vết bốn y đạt được môn Tổng trì, được biện tài vô ngại, thuật lại giáo pháp đầy đủ mấy trăm quyển, Đại sư Tịnh Quang Hy Tịch truyền bá và giảng dạy. Như nước phân chia bình, nhưng chỗ ở tinh xá nhà cửa không được khang trang, mong giúp đỡ về kinh tế, những thứ dụng cụ chính như quần áo để bảo đảm sức khỏe. Vua y theo lời và ra lệnh cho hai sư Ái Tử và Tương Hoa đến can tông thẩm định mỗi đều cho tiền lúa để giúp đỡ. Sư dùng ở thảo đường nhàn nhã an ổn và không cho phép ở lâu. Đến năm Đinh Mão thứ năm xây dựng mới xong, tổng cộng nhà giảng pháp, nhà sám hối, nhà chứa kinh đều the thể lệ nhà chùa, đều hoàn tất đầy đủ, ở giữa trong ngoài tổng cộng hơn một trăm ba mươi gian. Rừng suối tiếp nhau, vàng ngọc sáng đẹp. Đã đến bình tích một năm quên về, năm ấy Quốc vương ra lệnh cho sư giảng Pháp Hoa. Đến Phước can vương Tùy cung ý Thái phu nhân họ Ngô, tự cho là Thần rồng vui mừng đến nghe pháp, chim thú ưa ngậm hoa, Thuần-đà cúng dường. Bố-tát ở Tịch Nghiêm, ẩn dưới ghế cầm phất tử, hai bên cẩn thận, biển phước ruộng y, cứu giúp nhiều người. Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc năm thứ hai, Nguyên Soái Phủ Đô Giáp Vệ Vương quân thừa ích nội tri Khách Dư Quân Đức Huy cùng bàn luận với bản viện xây điện Phật Di-đà ra lệnh cúng tám mươi vạn đồng. Lại thỉnh sư giảng một hội kinh Kim Quang Minh và cúng trai tăng ba muôn người, hương hoa phướn lộng cúng Phật đầy đủ. Năm sau Đan Thỉ thường đến tham vấn, Kim Luân Đại thống giáo pháp càng hưng thạnh, càng chuyên về trang nghiêm, hình tượng làm chưa xong, mọi người đều mong muốn sự hưng thạnh này, bèn sai tăng Trùng Vân đến Kinh đô thỉnh Tương Sư. Tương sư do đó trình bày cho Quốc phu nhân họ Từ, Phủ Hán Nam Quốc Vương biệt giá Từ Quân Quý An cùng cúng hai mươi vạn tiền giao cho mang về. Lại Lý Tùng vệ quyên góp người trong quận tất cả tịnh tài ba mươi muôn đều đưa đến thành công. Do đó, Khổng Tước Đảnh Loa Tôn đến Trung Lệ, Phù Dung Quan Diệp dực giúp Dùng Đài. Hoàn vệ dùng đây làm oai hùng, người hầu lấy đây làm niềm vui. Miệng vàng ủ rủ thầm không nói, mắt xanh trong sáng thật không nháy. Tam bảo đầy đủ, trăm phước có thể lường. Nhưng nghe, diệu hạnh của Sư tu trong sáng, tâm từ dừng chân, chỉ mặc y đơn giản, nằm nghỉ một giường, đầu gậy quải bát, trong sân không dùng chìa khóa, luận bàn khuyên tiến lên năm mươi pháp tịch, không nói mà phải thông, vui với đạo khoan khoái, gác ba tầng không

phải cao xa. Nay tuổi đời sáu mươi tám, bốn mươi chín hạ lạp, tuy tuổi cao, nhưng giảng dạy không lười biếng, thật là bậc kỳ tài trong tăng sử. Than ôi! Giáo pháp Thiên Thai nói lại nghĩa không lời của Giác vương, bao gồm cả di chúc dặn dò, mới tạm phân tích vào cửa không, Thập địa vượt xa liền thành Thánh. Đâu chỉ hoa sen trong nước, trước tiên chỉ bày theo phương tiện, tự nhận được hồ đẹp trong mộng, liễu được thể không khác nhau, trình bày nghĩa này ai không tông phái. Nhưng Đại sư Thông giám là học chúng của Sư biết được thanh kiết, dùng sự tôn kính Phật của sư nói pháp trong cung từ thứ lớp đem những thành tích cầu mùa rét lạnh, thỉnh sư khắc rõ làm thời gian. Nhưng nghĩ, núi Thiên Thai có các bậc danh Nho kế thừa luận bàn Thánh giáo, nhưng không có tài để truyền rộng nên đóng mực thiêu trước. Nhưng suy nghĩ, câu kệ thành nhân, dám dùng lời dụ dỗ để khước từ, đã nguyện vào cả xanh tươi thấm đượm gốc lành, dùng đây tươi mãi, gió lay giúp xanh tốt, thổi ánh sáng trí tuệ không diệt, cẩn thận trai giới, soạn bài Minh:

Phục Hy xưa chừ trọng sai không hưng thạnh
Để trải qua chừ hào tượng làm sao tỏ
Tuyên phụ đi chừ Khâu Minh không xuất hiện
Lỗ Sử chừ biên đề dật này
Chân giáo rộng lớn chừ vượt sinh tử
Phạm âm dồi dào chừ đều quyền thật
Viên tịch Hạc thọ chừ bí mật ngọc kệ
Loa khê không luận bàn chừ có thành tía
Trồng tùng cao vút chừ đúng muôn tuổi
Đài sơn cao ngất tìm mấy ngọn
Siêng năng truyền giáo mở rừng báu
Vượn rét hạc quê đều niệm pháp
Tòa sư tử không lời mở mang diệu âm.

Ngày 10 tháng 11 năm Bính Tuất niên hiệu Ủng Hy năm thứ ba, bia hành nghiệp của Đại sư Tịnh Quang.

Triều phụng đại phu hành Thượng Thư hộ bộ tức là Trung Tri làm ra.

BAN TÚI THÊU CÁ VÀNG TÍA TIỀN SOẠN

Núi Thiên Nam kỳ đặc ở phía Đông Tây bắc. Núi này vừa cao vừa sâu người họ Thích tụ tập ở núi Thiên Thai. Thiên Thai nối liền với bốn ngàn muôn núi, lại rộng lớn sâu vắng, tưởng chừng không có người dừng chân. Khi xưa Trí Giả tôi ngồi ở núi này viết sách, nên được

gọi là Thiên Thai giáo. Trí Giả ẩn thân vui thích, người đến học giáo đạt được ý chỉ rất đông, dễ phát sinh điều siêu việt. Nghe sư có nhiều điều lạ. Sư họ Hồ, nhà vui vẻ cầu điều tốt lành, ba đời đều học sách Phật. Mẹ họ Trịnh, khi mang thai không ăn thịt, sống đến năm mươi sáu tuổi đùa giỡn với đàn trẻ ở trước cổng, thấy ba vị tăng đi ở xa, giữa đường gặp lũ trẻ, một người vỗ đầu sư nói: Đứa bé này có tướng kỳ lạ, là người thông suốt pháp môn của ta, đã bỏ ba nguyện còn ham danh tiếng, từ đây về sau đưa sách Phật, lễ bái tượng Phật, như người vô vi thờ tâm này. Năm hai mươi tuổi vào tu với tăng Tử An là họ Phù-đồ, siêng năng thông minh, được lễ làm đệ tử, An thấy là bậc pháp khí trao kinh cho, đó là kinh Pháp Hoa, một tháng sư đọc xong, đi đứng ngồi yên uy nghi thư thả như cổ Phật, mười chín tuổi xuất gia thọ giới Cụ túc, đến học luật với Luật sư Thanh, ba năm sau đều thông suốt ý chỉ. Lại đi về phía Nam Thiên Thai học thông giáo pháp của Trí Giả. Sư lãnh thọ sự sâu xa của hai ông, giỏi về Pháp Hoa đạt được môn không hai, đạt đến chỗ pháp tánh cùng vô minh tạo ra các pháp gọi là nhiễm. Vô minh và pháp tánh ứng khắp các duyên gọi là Tịnh. Nhờ ngộ được tâm Phật toát mồ hôi như mưa. Chưa được mấy tháng để lên tòa giảng pháp, hai Sư ngồi trong chúng nghe nét mặt không chút hổ thẹn. Mỗi khi vào trong đại tạng chọn một kinh, chưa từng nghiên cứu riêng về khoa sớ, nhưng giảng nói tự tại, tiêu tan như băng tan. Tìm đến sơn ý, Ngài dừng lại thì tất cả người ở Thiên Thai không thể đi được, bấy giờ phải thuận theo số đông. Dị Trung Ý Thúc Phụ Lãnh Đại Nguyên Soái khai phủ ở Triết Thủy, nghe điều này kiên quyết dừng lại nếu ông ta đến, thì trao hết sở cho Đại sư Tịnh Quang, ba lần nhường nhưng không nhận, mới xây đạo tràng Pháp Hoa, sáu thời thực hành đêm ngày không biếng nhác. Mùa thu năm Giáp Tý ở Loa Khê, thuyết giảng hướng dẫn như ở đạo tràng. Ngô Thúc Đại Nguyên Soái hằng ngày đến cúng thí. Năm Đinh Mão, lầu phía Đông chùa Khai Nguyên ở Thiên Thai, một đêm nằm mộng, như báo sườn núi bên lầu đến sáng sớm dời về sở ông ta, đêm nay núi lớn lỡ lầu ngã, một trăm người thoát được. Năm trước Ngô Việt từ lâu không mưa, nhưng Ngô Thúc lãnh trách nhiệm cầu mưa. Sư dẫn đồ chúng đến đầm lớn trầm bát cầu mưa, và thầm đọc chú, sau đó trong đầm nổi gió, thất vọng khi thấy vật nổi lên trong nước. Khi trở về chưa được nửa đường thì trời mưa lớn và cảnh tượng xung quanh không còn. Lại từng ngồi trong nhà nguy hiểm, có Đồng tử đến mặc áo người núi, thân hình gầy xấu, cầm giỏ tre trồng một cây tùng nhỏ trước nhà. Sư hỏi:

- Ông từ đâu đến?

- Ở đảnh hoa đến đây tặng tùng. Nói xong để giỏ xuống đất rồi biến mất.

Sư nói với chúng: Thần núi này, ta từng từ biệt ở đạo tràng, sau này khi xây dựng viện giáo ở Loa khê đúng như lời sấm trước. Đầu đường hiểm phía nam cầu đá Thiên Thai xuống đến muôn nhẫn đi về bên suối bốn sạ, nơi ấy nguy hiểm trơn trợt nhưng rất đẹp, hình dáng giống như cầu vòng, sư có lần qua đêm ở đó, ở trước có luồng ánh sáng, giống như bó đuốc tóe lửa đều không biết từ đâu đến? Sư lại thích sửa lại những tượng hư, thâu thập được nhiều vật xưa, nếu có thì rất phù hợp. Nhân vào niên hiệu Hàm Thông năm thứ sáu, Tượng Trung Thư lúc đó tức là văn phát nguyện của Tăng Hy giảo, nguyện sinh lại đời này, tuổi trẻ xuất gia, đứng hàng đầu trong chúng truyền Đại pháp, đó là thân trước của sư. Như chấp nhận việc Nguyên Độ. Khi xưa sư trụ chùa Dục Vương ở Tứ Minh, nằm mộng lên phương trên có tòa cao cờ báu. Đại Thự nói:

- Đó là đài Văn-thù, xung quanh đều có lan can bao quanh không vào được, ở trên có Bồ-tát, nắm tay nhau dẫn đi, lên một cách thản nhiên. Lại cảm thấy thân mình và thân Bồ-tát hợp chung thành một. Năm Quý mùi, vua ra lệnh cho Nội Thị Tỉnh Quan và Đài Thủ vào núi xây dựng tinh xá và thỉnh sư trao giới Bồ-tát, tự xưng là đệ tử. Sư cùng đài nhân trao giới, có những người bỏ nghề giết mổ cầm kinh luận, có người không ăn thịt, có người đến lúc chết không nói sát sinh, có người vào núi đi một bước lạy một bước chảy cả máu trán, có người đốt ngón tay cánh tay cúng Phật. Than ôi! Đại âm vừa cất lên, ứng ra ngàn hang, không đi mà tất cả đều đến ai có thể thông được Đại Tiểu ư? Ngày 04 tháng 11 mùa Đông năm Đinh Hợi bị bệnh, thần hồn không còn nhưng thân hình tươi tỉnh như còn sống. Môn đồ đưa khám vào phương trượng, đài nhân khóc lóc than thở. Năm năm sau cải táng thân thể không hư hoại, mùi hương thoang thoảng, điều này không thể giải thích được mà cho là kỳ lạ ư? Sư tên Hy Tịch tự là Thường Chiếu, trước kia là Thái Bình Hưng Quốc, nay là Thủ tọa Tả Nhai Chưởng Giáo môn Tây Kinh Sự Ninh Công truyền cho Cao tăng. Hình trạng và dấu vết Sư, nhân hậu nghiêm túc rất hay, thường muốn viết điều đặc biệt vì hay nghe khuyên bảo, mới biết được việc của Sư, thành tích được như vậy. Môn nhân Trọng Thôi trao thư vừa xong, nghiên cứu phân tích đúng và phù hợp với văn xưa, nhân hậu không giống người bình thường. Ba lần Thôi thỉnh lập bia thờ sư, nhưng đều bị từ chối thư không được. Lại lo điều tốt

mất đi thuật lại theo đường cũ, nên đảnh lễ kính viết lời minh:

Dạy giáo làm gương mẫu cho đồ chúng
Làm giáo chủ cho đồ chúng
Đồ chúng thấu suốt càng tỏ
Chỉ buông lung tự khinh mình.
Sáng thì hợp với Thánh
Đều dùng theo chân
Khinh lờn thì tội lỗi
Tội lỗi không hiểu được lỗi.
Vĩ đại thay Thầy ta
Thông suốt khế hợp Thánh
Ngồi Thiên Thai dạy người
Học đạt đến tánh xưa
Khi sống dấu vết đặc biệt
Khi chết thi thể lạ thường
Nam Hoa nghe điều này
Khiến đồ chúng đều siêng năng
Thầy trò nương vào ai
Khắc phục xong giữ gìn
Khâm phục mãi muôn đời
Không nên buông lung tạo tội.

GHI THÁP ĐÁ MỚI XÂY VIỆN TRUYỀN GIÁO CỦA VUA A DỤC

Đồ đệ Như Giảo soạn và ghi.

Hóa duyên Phật hết, hình thể ẩn mất chỉ còn tháp tượng, hoặc phong cốt nhiều lớp ngọc vàng nhung, ngọn cờ cao ngất, khiến cho nháy mắt đưa tay tướng phần thành diệu cơ. Có thượng nhân Thư Trừng, bên trong tu Thiền, bên ngoài làm phước được mấy năm. Hễ nói về phước lợi, biết chẳng phải không làm, một ngày nào đó đạt được lợi ích, luận bàn đến chỗ cao siêu bèn nói: Đặc biệt là không phải đều là tháp Thánh. Vững chắc lâu bền không hơn ngọc đá trong sáng. Mệnh trời và tôi đồng sức chứa nhóm điều lành lớn. Tôi nghe điều này, không dám khen ngợi. Do đó, cùng nhau quyên góp tăng tục được sáu muôn tiền và hàng hòa, bèn bảo người thợ đá chia thành bốn sở, không chở nhiều cây, có thể tạo thành vườn. Hai sở này cao năm tầm, xây ở sân viện, lần này dựng ở viện Sám Phổ Hiền chọn nơi đất thích hợp vật chất và hình dáng đều dự định làm theo vua A-dục. Khuôn đúc bằng các báu, chắc chắn không

rỉ chảy, thật là ngọn Linh Thứu luận bàn diệu kinh, cho nên không cần phục hồi lại xá-lợi của sư An, vì đã có toàn thân Như Lai, huống chi dùng thật tướng hành đạo, không khác vàng đá lớn nhỏ, kiếp hỏa tiêu thành không gió lam chấm đất, có thể hoại được ư? Tôi không cân nhắc về văn chương viết thẳng vào đây.

Ghi vào ngày mồng tám tháng tám Đại uyên hiến Đại Tống Khai Bảo năm thứ tám.

BÀI MINH TRÊN THÁP THỜ ĐẠI SƯ TỊNH QUANG

Môn nhân Trừng Tâm soạn.

Sư húy Hư Tịch, tự Thường Chiếu, họ Hồ, người ở Vĩnh Gia. Xuất gia tại chùa Khai Nguyên ở quận nhà, năm mười chín tuổi thọ giới Cụ túc. Học luật ở Cối Kê, nương ngài Quốc Thanh học giáo pháp Thiên Thai. Khi xưa ngài Trí Giả đến Sư lặng lẽ, đèn đèn tiếp nối khắp cả hoàn cầu. Từ Đường Võ Tông hủy hoại, lời nhiệm mầu từ đây tạm dừng, truyền trì hủy bỏ, nhưng hết lòng nghiễn ngẫm. Ở chỗ Tuyên Thông, ra khoa thi khảo văn, dạy người không mỏi mệt. Ở trong núi hơn bốn mươi năm, người học hơn hai trăm. Đặng Vương Tiền có hôm khâm phục đạo đức của Sư, ban y tía và hiệu cho Sư. Xây nhà cho Sư, cúng dường bốn thứ cần dùng để kéo dài thời gian. Nay thiên hạ quận phủ giúp đỡ sự giáo hóa hưng thạnh. Đệ tử được Sư truyền giới Bồ-tát nhiều đến mấy mươi vạn. Đức hạnh hành trạng của Sư được ghi vào Tăng sử. Ngày mồng bốn tháng mười một năm Đinh Hợi niên hiệu Ưng Hy, sư tịch trong thất, hưởng thọ sáu mươi chín tuổi, năm mươi tuổi hạ. Năm sau đổi thành ngày mười sáu cuối hạ năm Mậu Tý, niên hiệu Đoan Cung năm đầu xây tháp, chôn ở Đông nam chùa Quốc Thanh. Hơn hai mươi người đệ tử giỏi. Trường nói khiến cho kế thừa. Cơ cầu gọi là Giảo Như. Thật có thể gánh vác, dùng lễ để thờ, dùng lể để chôn. Nếu vậy thì đâu có gì hối tiếc. Tôi muốn thêm vào để truyền sáng cho đời sau, để thuần thục dấu vết xưa, nên viết bài Minh:

Tông viên đốn của ngài Trí Giả
Như vết chân của thầy
Là bậc vĩ đại gánh vác sự nghiệp
Người ôn hòa như ngọc
Siêng năng mở mang giáo pháp
Dạy người cặn kẽ
Biển pháp giương buồm
Chống trượng nơi nào

Tháp ở hang sâu
Pháp tử pháp tôn
Đèn sáng nối nhau

- Khen ngợi Pháp sư Tịnh Quang:

Môn hạ Trung thư Bình chượng sự Lý Thẩm.

Sư khải ở Từ Lăng đạo dùng để tôn bậc hiền, Sư nghiêm túc rõ ràng, siêng năng chu toàn. Hai đệ tử may mắn được hai Sư giảng dạy, thâm sâu tỏ tuệ. Hoa sen tâm kia, Tịnh Quang thầy ta tiếng thơm còn đây. Không nói không dạy mà đạt được điều này. Lại thân trang nghiêm trong tượng thất, ngày sau giáo hóa. Vách Thiên Thai không thay đổi, gió mát miên man.

- Khen ngợi Đại sư Tịnh Quang:

Tuyên đức Lang hành tả thập di quyền tri Thai châu Quân châu sự, Trịnh Nguyên Quy.

Như mây bất định, châu sáng hợp phố, ngọc bóng côn khâu. Thuận hóa lưu lại hình bóng, chỉ dạy không đạt được tánh, ngàn thu muôn xưa, chiêm ngưỡng càng nhiều.

Tả Nhai Tăng Lục Ứng Sử Quán ghi sửa lại Đại sư Thông Tuệ (Tán Minh) phục thừa. Nay kính lễ Đại sư Tịnh Quang. Phụ thêm một bài kệ:

Đưa ra chữ triện sám duyên bếp lò
Dạy đồ chúng ngôn ngữ cách khê thinh
Núi ngăn nước chảy hiện khó thấy
Dài rất cao gọi là thượng đỉnh.

Chân thân tại chùa Bảo Tháp ở Hàng châu, Đại sư Văn Đức Quang Nhân giảng kinh luận (Thường Thái) Phan Hòa Đô Tăng Lục Cao Sướng gởi Đại sư Tịnh Quang ở Loa Khê, cúi xin xem xét.

May thay được ngài Trí Giả trung hưng dạy lại, giảng Kim kinh cả ngày lẫn đêm. Lại bạn Nam Sơn chốn hành đạo, đủ một gian nhà đánh quỷ thần.

- Khen ngợi Pháp sư Tra Am.

Có trang nghiêm nhưng không lường được sự vụng về, đến giảng lời Phật, dấu vết gởi ở cấm cung. Tâm phục đức cao, thấy giống như hình tượng ở đây. Trình bày lời ca quê mùa nhưng than ôi không dám, cúi xin soi xét.

Nhớ khi xưa sương mù muôn dặm, đức như ánh sao sáng đài Nam tu chân tự gọi là Thần châu đến. Tăng mộ từ Nhật Bản đến, đạo dựng thành tựu to lớn mấy lần. Đèn tuệ tiếp nhau thành khói lạnh, lúc ấy

không nhờ sức giúp đỡ, kiếp trần mênh mang việc đáng thương.

- Khen ngợi Pháp sư Bá Đình.

Pháp sư Tịnh Quang thật là Tổ đời sau trung hưng giáo quán phần tháp giáp khe núi, để hoang vu trong chốn bùn đất bùn gai, nay trụ trì Nguyên Ngộ đắp lên cao ráo và làm thành đình để che lại làm lăng tẩm giữa phương trượng. Trải qua từ buổi đầu bỏ phế lại gặp gian nan chăng? Pháp sư để lại đức tiên đức còn khen, chẳng thể thông rộng lớn, kế thừa muôn trước không thể nói lời luống dối. Đặc biệt sai trụ trì pháp tôn lên chùa Linh Cảm Quan Âm Giáo ở Thiên Trúc (Thiện Nguyệt) chấp tay đảnh lễ.

Những dấu vết trong bản đồ có mở ra, tháp cao trung quang hiện ba đài, giáo truyền khắp nước tìm nguồn trao, tông phong nhuộm lam có từ xưa, giới sáng ngồn châu trong tận đáy. Nghiên cứu đạo tạo huyền luật khói bay, ngàn năm Loa Khê một trận ngăn, pháp môn được khen cũng chịu đau.

Ghi lại việc dời tháp của Loa Khê.

Chết mà chôn là thời xưa, cải táng là không phải thời xưa, những điều này tùy theo phương tiện làm được việc ư? Ngày xưa, Tiên chủ nói chôn là giấu kín. Chôn cũng là muốn cho người không thấy, áo chăn đều để trong quan quách đưa đi, tới những phần mộ rồi quàn tại đó. Cho nên, có chữ Táng.

Khi Tôn giả Loa Khê mất, môn đồ an táng nhục thân ở phía Đông nam chùa Quốc Thanh, thực hiện nghi lễ theo người đời. Bởi hơn hai trăm năm, năm tháng quá lâu, mực nước vỡ cho nên đường bị ngập, đường đi thấp xuống. Mục đảm nhận việc này, nhìn thấy dòng suối chảy, thấy được âm dương, và thấy vùng đất sau phương trượng, vào ngày mồng bốn tháng mười một năm Canh Dần, niên hiệu Thiệu Định cải táng xây tháp bằng đá. Khi lấy xương lên chôn nghe mùi thum thủm, vì không có người hiểu biết để sắp đặt điều này. Bấy giờ Tôn giả ở đó thấy thân này huyễn hóa, nên nay người chết gọi là vong. Tánh chân thật không đến không ở, vì sao làm nước hôi thúi? Lại đâu cần phải dời đổi. Tuy nhiên người học hết lòng tin, suy nghĩ tận cùng điều này thấy điêu tàn đáng thương. Nếu thấy được như vậy, mà cho rằng không như thế, thì không còn đâu ý nghĩa Tôn sư trọng đạo, nhưng ngược lại mạng mạch của Ngài không cùng. Nếu nghiên cứu từ đầu đến cuối sự truyền trao, thì nghi đầy đủ đức hạnh, ghi luôn những điều cầu cúng có cảm ứng, thì vẫn còn trong sử truyện. Khi xưa ngày rằm tháng giêng năm Tân Mão, niên hiệu Thiệu Định đời vua Thánh tông, Tỳ-kheo Nguyên

ngộ Pháp Tôn trụ trì kế thừa đảnh lễ ghi.

Loa Khê Chấn Tổ Tập.

BẢO VÂN CHẤN TỔ TẬP VÀ LỜI TỰA

Sa-môn Tông Hiểu Thạch phiếm Tứ Minh soạn.

Sở truyền không gì hơn đạo, sự mở mang truyền bá phải nhờ vào người. Không phải vì có người mà đạo được còn mãi, chẳng phải vì không có người mà mất, vì đạo vốn Như. Nhưng không có người mở mang truyền bá đạo thì đâu lợi ích đến sinh linh? Nhưng có người truyền bá thì nó bất diệt, đạo này được sáng tỏ, cũng như mặt trăng mặt trời chiếu sáng không cùng.

Pháp sư Nghĩa Thông ở Bảo Vân xuất thân từ dòng họ cao quý, mến đạo xuất gia. Buổi đầu Sư được truyền Hoa Nghiêm, Luận Khởi Tín, mọi người rất vui, đến khi lan tràn khắp Trung Quốc. Buổi đầu Sư yết kiến ngài Vân Cư khế ngộ được Nam Tông, lại nghĩ Thai Hành dạy Quán Kinh năm đời loạn ly, chỉ còn một đường. Sư đến thất Loa Khê Tịch Công, và mau chóng nhận được sự truyền thừa này. Sư học tất cả bậc danh tăm khắp nơi. Sau đó phát nguyện trở về bản quốc truyền giảng giáo pháp, do đây chống gậy chèo thuyền đến Tứ Minh gặp Quận Thủ Hoài Hải Đại Vương Tiền Công (Duy Trị) thưa hỏi tâm yếu và mời làm giới sư, từ đây tăng tục hướng về, sư ở lại giảng dạy. Hội Tào Sử Cố Công (Thừa Vi) sửa nhà thành chùa và bảo Sư khai sơn, nhóm họp các bậc long tượng giảng suốt hai mươi bốn năm. Về sau sư truyền pháp cho Pháp Trí Tri Công, đó là Tôn giả Tứ Minh. Pháp Trí làm chủ trì bốn mươi năm ở Diên Khánh, đạo này được truyền rộng ở đời. Ở đây không phải nói người được truyền mà nói đến ý chí hết lòng theo đuổi. Biên khắc di văn Tứ Minh, lại mong Tỵ tổ Bảo Vân và Tứ Minh là cha con bậc hiền tài, trong ngoài vận mạng đều giống nhau, trung hưng một nhà. Nếu đức nghiệp này không truyền lại cho đời, thì lời chỉ dạy mất tông nguyên, con cháu đời sau lấy đâu nghiên cứu. Do đó mới xem xét lại bia thì thật là biên chép đơn giản, biết được hình tượng thờ Sư và người sau kế thừa, tổng cộng hai mươi bài, xếp riêng vào một pho sách, tựa đề là Báo Chấn Sở Tập. Bởi thu thập ở Tổ đường viện này nên gọi là Chấn Tổ. Người xem văn này nên biết rằng Tổ ta để lại đức tốt không thể biết rõ thu thập điều nhiệm mầu của người mà bị loại bỏ. Tỳ-kheo (Tông Hiểu) Thanh Đán giữa mùa xuân năm Quý Hợi, niên hiệu Hy Thái kính ghi lời tựa.

Mục lục:

TẤU VĂN XIN BAN BỨC HOÀNH

Thần là tăng Diên Đức viện Truyền giáo ở Minh Châu, bên phải đã có Đan thành, Thượng can, Thiên thính, giảm số lượng thì phạm thượng, nuôi hết thì âu lo. Đích thân được Hòa thượng trao, truyền giáo pháp Thiên Thai, nay đã có vị tăng tên Nghi Thông ở viện này. Niên hiệu Khai Bảo năm đầu, được Phước Châu Tiền chuyển vận Sứ Cố Thừa Vi Kinh Hoài Hải Đại Vương thỉnh vào viện trụ trì để truyền giảng giáo pháp Thiên Thai cho nước nhà. Học chúng đến nghe hơn sáu mươi vị, nhà ở của viện một trăm gian, chung trong hai thời đều cúng dường đầy đủ. Tuy đi bộ lên đài sen để giảng giáo khen ngợi hoàng phong, hơn nữa Hoa xã trang nghiêm rực rỡ, chưa được ban bức hoành, cúi xin bệ hạ Hoàng để ứng theo vận trời an ủi, chấp hành theo lễ đến triều, muôn nước đều được ấm no vô tư. Bốn biển đều hát khúc ca có đạo. Thần được nhờ gặp đời Thánh, may thay được dư vào hàng chân tăng, dám từ xa đến trình lên triều đình, mong trên bệ hạ yêu thương ban cho, cúi xin xem xét, đặc biệt hạ sắc lệnh, chỉ huy ban xuống cho thần, ghi lại bạn đồ bức hoành viện này, mong thiên ân truyền trao. Chùa Phạm từ xa truyền đến, cốt để cho cửa Phật pháp sáng ngời, mãi mãi giáo hóa thành tựu hưng thạnh. Phạm vào thân cung, thì không thể nhìn trời gánh vác chuyện thánh cảm động đến, kính cẩn tâu lên vua trình bày rõ, cúi xin ban Thánh chỉ. Tháng 12 niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc năm thứ sáu. Thần Tăng là Diên Đức ở viện Truyền giáo thuộc Minh châu xin tấu trạng.

CÔNG VĂN THỈNH

Công văn môn hạ Trung Thư, tăng tên Diên Đức ở viện Truyền giáo thuộc Minh châu xin công văn đổi bản tin viện. Vâng theo sắc lệnh Minh châu phân tích, thấy trong điện nhà cửa hành lang, công đức tượng Phật ở trong số mục vị Tăng và bắt đầu niên đại. Theo tấu văn khẩn cấp, công văn y theo sắc lệnh. Công văn cũ là công văn ngày 24 tháng 12 niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc năm thứ sáu, Trung Thư Thị Lang kiêm Binh Bộ Thượng Thư Bình Chương Sự Sư, Tả Bộc Tạ Kiêm Môn Hạ Thị Lang Bình Chương Sự, Ty Đồ Kiêm Thị Trung.

Sắc hoàng: Công Văn Môn Hạ Trung Thư Minh Châu. Minh Châu tấu xin theo sắc lệnh phân tích đến viện Truyền giáo, thấy trong điện có trăm gian nhà, thờ bảy mươi tượng Phật, năm mươi tám vị Tăng chủ khách, bắt đầu xây dựng vào niên hiệu Khai Bảo năm đầu. Việc tấu văn, công văn vâng theo sắc lệnh, phải ban bảng chùa cho Thiền viện

Bảo Vân, công văn đến y theo sắc lệnh. Công văn cũ là công văn vào tháng tư niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc năm thứ năm, Xá nhân trung thư Tham tri chánh sự Quách Tư Gián Nghị Đại Phu Tham Tri Chánh Sự Đậu, Tạ bộc xạ kiêm Môn hạ thị lang Bình Chương Sự, Ty Đồ Kiêm Thị Trung, Quyền Tri Quân Châu Sự Triều Dị Tri, Thông phán Quân châu sự Chu Tần.

GIẤY MỜI CỦA SỨ

Giấy mời của Châu y theo sắc lệnh vàng ngày mồng năm tháng này sắc tấu hoài ở Minh châu, phân tích đến viện Truyền giáo, thấy ở trong điện một trăm gian nhà, thờ bảy mươi tượng Phật, tăng chủ khách năm mươi tám người, bắt đầu xây dựng vào niên hiệu Khai Bảo năm đầu, việc tấu văn vâng theo sắc lệnh công văn, phải ban bảng chùa cho Thiền viện Bảo Vân. Bên phải có giấy mời từ trước, Tăng chánh ty biết xong. Mọi việc phải có giấy mời bản viện y theo sắc lệnh chỉ huy, ngày 07 tháng 06 niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc năm thứ bảy. Ty Trương Mổ Thủ, Ty Pháp Quyền Lục Sự Tham Quân Sự Chúc, Thông Phán Quân Châu Sự Chu, Quyền Tri Quân Châu Sự Triều.

Mùa xuân năm Canh Tuất niên hiệu Kiến Viêm bị cháy, thiền viện quả một đêm không còn gì cả. Thánh triều ra lệnh khắc vàng vào đá, văn chữ bị vỡ nát còn sót lại trong nạn binh lửa, không thể thấy rõ, thường than thở không có cách nào phục hồi lại. Đến năm Kỷ Tỵ, niên hiệu Thiệu Hưng, cách năm Canh Tuất hai mươi năm, một hôm có vị Tăng Diêu Giang cầm bức tranh cũ ngày xưa. Trọng Mân vui mừng như được vật báu. Chao ôi! Chắc Sư Thông pháp Tổ tiên dạy pháp hội còn thấm nhuần chưa phai, khiến cho ngày hôm nay được may này, nếu không thì làm sao phù hợp phi thường như thế? Đến tháng giêng năm Mậu Tý năm sau lại phỏng theo bức vẽ khắc vào đá. Đại sư Chân Giáo Trọng Mân viết.

SỰ TÍCH VIỆN ĐỒ KINH KỶ Ở TỨ MINH

Viện Bảo Vân Giáo ở cách phía Tây nam huyện hai dặm. Xưa là viện Truyền giáo, được xây dựng vào niên hiệu Khai Bảo năm đầu cho đến niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc năm thứ bảy được đổi lại và ban bản chùa ngày nay. Bản Tào Sử Nguyện Thừa Huy sửa nhà thành chỗ cho Pháp sư Nghĩa Thông truyền giáo và xin đặt bảng hiệu là Bảo Vân, để nói lên sự an lành này.

Nghĩa Thông tự là Duy Viễn, vốn là dòng họ cao quý, từ Tam

vi đến làm vang dội ở Trung Quốc. Tri Lễ Tuân Thức Tử Cân là bậc Thượng Túc trong các môn nhân này. Trải qua hai mươi bốn năm, sau đó năm nghiêng luôn bên phải thị tịch, được trà-tỳ, đệ tử nhặt xương cốt chôn về phía mặt trời núi A-dục, xây tháp bằng đá. Có ghi đãi chế Vương Công Bá Tường viết ở sau và khắc vào đá.

TRUYỆN PHÁP SƯ TỊNH QUANG LOA KHÊ Ở ĐÀI CHÂU

Sư húy là Nghĩa Tịch, tự là Thường Chiếu, họ Hồ, người ở Vĩnh Gia thuộc Ôn châu. Khi mẹ mang thai không thích ăn thịt, mới sinh ra đã có mũ tía đội trên đầu, từ nhỏ đã từ giã cha mẹ, cầu pháp xuất tục, đến Lan-nhã Khai Nguyên xuất gia, được trao kinh Pháp Hoa một tháng đã đọc thông suốt, các bậc kỳ túc trong chùa đều khen là ít thấy. Sau đó cạo tóc thọ giới Cụ túc đến Cối Kê học tông Nam Sơn, thông hiểu Luật tạng, rồi đến núi Thiên Thai nghiên cứu Chỉ Quán, và hiểu một cách rất dễ, giống như Nam Hà vừa chiếu khắp. Trước đây giáo tích của Thiên thai Trí Giả, xa thì binh của An Lộc tàn phá, gần thì Hội Xương đốt hủy, chỉ còn sót lại những bản biên nửa chừng, gốc gãy cành tiêu. Người truyền không biết lấy đâu làm bằng chứng cho người học. Do đó, mỗi lần Sư nghĩ đến việc sưu tập, nhờ chọn Kim Hoa, trọng tạng xưa được sớ của Tịnh Danh thôi. Sau này Trung Ý Vương hỏi Quốc sư Đức Thiều về giáo tướng, sư chỉ truyền cho Tôn giả, do đây tâu lên vua, thỉnh Sư ra khỏi Kim môn, xây dựng nhà giảng khâm phục và cung kính làm chùa cho Sư ở, nay là viện Định Tuệ ở Loa Khê. Vua ra lệnh cho mười người sang Nhật Bản thỉnh tạng giáo Thiên Thai về, và ban hiệu cho Sư là Đại sư Tịnh Quang và truy thụy cho danh hàm cửu Tổ đều do công của Sư. Từ đó một nhà giáo thừa do Sư trùng hưng. Nhưng Thiệu Công Thích cùng họ với Sư nên hay giúp đỡ tông ta, lại ở bên Phật Long, nghi là thân sau. Vì Sư là người học của tông này mấy lần cầm nửa hạt châu làm gia bảo. Niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc năm thứ năm, từ núi vào chùa Châu Trì. Phía Đông chùa có một lầu gác, gác nằm gần núi lớn. Đêm đến Sư nằm mộng, cột chùa bị lún sâu xuống đất, ý nói có điều không tốt xảy ra, sư tự dời về phòng tăng bên phía Tây. Đêm ấy vào mùa xuân trời mưa đột ngột, núi lỡ lầu gác sụp đổ. Mọi người đều nói: Sư đã thấy trước chứng tỏ là đạt được thiên nhãn. Sau đó sư chịu đến Hoàng Nham đi thuyền dạo sông nước, phóng sinh, giảng kinh Kim Quang Minh trên dòng nước. Đến cửa biển chùa Linh Thạch, đó là đạo tràng chỗ ở của Trí Giả, nhà đó khuyên người sửa lại tượng, do đó, người có duyên với Sư rất nhiều. Bấy giờ vua ra lệnh cho Cao Phẩm

Vệ Thiệu Khâm vào núi xây chùa Thiệu Xương. Các quan cùng nhau thọ giới. Lại vào đầu niên hiệu Ưng Hy, huyện Vĩnh An sư thọ giới tại chùa Quang Minh, bỗng nhiên tượng Phật điện xưa bị đổ xuống, trong lòng Sư phát nguyện, tức là vào niên hiệu Hàm Thông năm thứ sáu đời Đường, tăng Hy Hiệu vì bảy người ở quê bố thí, trì giới và khuyên tạo tượng này. Nguyện xả báo thân làm người nam, đồng chân xuất gia, mặc áo vải thô truyền pháp lợi sinh, có người khi xem qua đều nói là thân trước của Ý Tịch. Đến tháng mười năm thứ tư sư bị bệnh, ngày bốn giữa mùa Đông sư dạy các môn nhân không được khóc và làm những việc cúng tế, nói xong sư nhắm mắt thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi, năm mươi tuổi hạ, đệ tử truyền pháp hơn một trăm vị, Tăng nước ngoài mười vị. Ngài thông suốt nghĩa thật là bậc cao minh, trong lặng kỳ lạ như hạt châu lóng lánh. Lúc này quan dân Thiên Thai những người từng được Sư truyền giới cùng nhau đón rước chân tướng Sư ở chùa Khai Nguyên và hết lòng thờ cúng, đều mặc tang phục khóc thương, sắc trời cũng biến thành ảm đạm. Thái Thú Trịnh Công Quy làm thơ truy điệu rỗng không. Ghi bài thơ ấy ngay phương trượng xây tháp. Sau này đồ chúng cải táng nơi khác khi mở tháp ra thấy dung mạo Sư tươi tỉnh như lúc còn sống, tóc ra dài hơn cả tấc. Hằng ngày Sư thường giảng kinh Pháp Hoa và Huyền Nghĩa hai mươi thiên, Chỉ Quán, Duy-ma, Quang Minh, Phạm Võng, Kim Cương Tỷ, Pháp Giới, Thiền Nguyên Thuyên, Vĩnh Gia Tập mỗi bộ mấy biến. Thuật lại nghĩa Bất Nhị Môn, Khoa tiết mấy quyển. Nhưng từ Trí Giả truyền pháp sáu đời về sau, Kinh Khê về sau hơn hai trăm năm, Tịch nhận sự di chiếu nên gánh vác sâu năng, huống chi vào mùa nóng giảng nói, không hề thấm chảy mồ hôi. Chẳng bao lâu được nghe điều này mà hiểu sâu về Phật thừa. Mỗi lần giảng, thì nấm vàng ứng ngọc, gọi Vũ hòa với Thương, còn hơn chín tuần bàn diệu, xa cách nhau thì làm thế nào? Lại từng ở chùa A-dục Tứ Minh nằm mộng thấy mình lên cõi nước Thanh lương. Phương trên có tòa báu trang nghiêm, đề là đài của Văn-thù. Bệ và đế cách với lan can, tìm đường vào không được. Sau đó thấy Bồ-tát Quán Âm từ trong nhà đi ra, tay dắt ngựa đi, cúi xuống tiếp nhau, khi ấy có cảm giác mình và ngài Quán Âm không hai, nhân đó liền tỉnh ngộ. Từ đây về sau ưa nói không cùng, hoặc có người nói rằng vào Trí Thừa Phổ Môn, trên hợp với Phật giác, chứng Vô thượng, dưới hợp với chúng sinh đều đồng thể. Khai mở cho chúng sinh, hòa thành một pháp. Người đạt được tâm này, chẳng phải Quán Âm thì là ai? Vĩ đại thay! Hành giải của Sư, như thế không phải khuôn phép cho đời hay sao?

GHI THÁP ĐÁ THỜ PHÁP SƯ THÔNG CÔNG BẢO VÂN MINH CHÂU ĐỜI TỐNG

Đại sư văn Tuệ Pháp Tôn ở Diên Khánh, Tông chánh soạn.

Pháp sư húy Nghĩa Thông, tự Duy Viễn, trong phần đức hạnh và hành nghiệp có ghi rõ hành trạng, người nước Bản Hải, họ Y, dòng quý tộc. Mẹ họ Thục, khi mang thai Sư có điềm lạ, do đó bỏ vào viện Quy Sơn. Sư Thích Tông và Quan Nhiễm có truyền Hoa Nghiêm Khởi Tín. Bà rất kính ngưỡng thỉnh lại, đợi lên khi lớn du phương Trung Quốc. Vào niên hiệu Hòa Phước đời Tấn, buổi đầu đến yết kiến Vân Cư khế ngộ, sau yết kiến sư Tịch Loa Khê liễu được tông Thiên Thai, hơn nữa gặp cội nguồn. Tóm lại, nổi tiếng khắp nơi. Cô nói: Học viên đốn cuối cùng thấu suốt được điều này. Tôi muốn dùng điều này để hướng dẫn những người chưa nghe, chắc chắn phát sinh nơi này mới bao gồm được. Đông hạ đạo do Tứ Minh, Thái sư Tiền Công Duy Trị hỏi tâm yếu, Tôn mời làm giới Sư. Kế thừa điều này đạo tục cầu xin ở lại. Sư nói: Chẳng phải tâm ban đầu. Công nói: Hoặc ni nói, hoặc Sứ giả nói, chẳng phải sức của đệ tử. Nếu nói lợi sinh thì đâu cần Khê lâm ư? Duyên ông đã hợp, từ chối chẳng phải ta, do đây ở lại. Hội Tao Sứ cố Thừa Huy sửa nhà thành nơi truyền đạo, lại xin để bản Bảo Vân để bày tỏ điềm lành này. Sau này mở mang giáo quán hơn hai năm. Tri Lễ Tuân Thức Tử Căng là bậc cao nhân, lại còn thăng đường đạt được pháp môn, không thể ghi hết được. Tất cả các tác phẩm của người đều bị thất lạc. Than ôi! Quân Tử nói: Đạo Thiên Thai đột nhiên được Sư ra sức trung hưng. Sư thọ sáu mươi hai tuổi. Ngày 18 tháng 10 năm Mậu Tý, niên hiệu Đoan Cung đổi thành Nguyên Long Tập. Sư bị bệnh, trải qua ba ngày Sư nằm nghiêng bên trái mà tịch. Trà-tỳ xong, các hiếu đồ thâu nhặt xương cốt, chôn ở phía Tây bắc chùa núi A-dục. Về sau trải qua bảy mươi bảy năm, vẫn còn ghềnh đá to hoang vu, đến đó nhiều lần mới thành một phần mộ vuông, càng thêm rạng rỡ nơi ấy. Bấy giờ, vào năm Giáp Thìn niên hiệu Ngũ Diệp Hoàng tông, năm sau Thiên vương lên ngôi đổi niên hiệu là Trị Bình năm đầu, pháp tôn Tông chánh ghi lại.

Pháp sư Hữu Thông ghi lại tháp đá ngày 21 tháng 10 năm Canh Thìn, niên hiệu Thiều Hưng, Trí Khiêm nối pháp trụ trì đã xây dựng lại. Thông Công từ Tam Vi đến, tiếng tăm vang khắp Trung Quốc, ở Bảo Vân hơn hai mươi bốn năm, đời thứ nhất. Như Pháp Trí Từ Vân là cao đệ. Giữa chừng giáo quán Thiên Thai bị mai một, nhưng nhờ năng lực sư trung hưng và hành nghiệp sự tích nên một thời được khắc vào đá nay không còn. Khiêm Công ra sức tìm tòi và đi hỏi, mới được ghi vào tháp

và khắc in. Lại khai hoang làm nhà, đắp tượng Sư ngồi, đến khi Ngô Việt Quốc vương khen ngợi đảnh tướng và khắc vào đá. Ngoài ra còn ghi tháp ở núi Ô Thạch, A-dục. Nhà nhà đều dùng bằng đá để lại cho người sau. Do đó, đạo của Thông sư càng thêm rực rỡ. Bấy giờ Khiêm đến đó mới hơn nửa năm, Bảo Vân từ sư Thông mới xây truyền được hai trăm năm, hơn một năm bị suy sụp. Khiêm thấy nhưng điều này than: Một bộ phận bị đổ phải sửa lại, cũng có thể nói không phụ ý Tiên sư gánh vác giao phó. Giữa niên hiệu Thiên Bảo, đời vua Thánh Tông, Tào Sử Cố Thừa Huy một lần nữa sửa nhà để làm chỗ ở cho Sư. Sau này Thôi Quan Trần Vân đưa vào bốn trăm ba mươi mẫu ruộng ở phía Tây đảo, nhiều năm không biết đến. Khiêm cũng đặp tượng hai ông để bày tỏ điều đó và mọi người càng biết về gốc của Sư. Khiêm đắc pháp với sư Minh Trí đời thứ năm chùa Diên Khánh, nguồn gốc của Sư cũng có từ đó. Tả Triều Tán Lang Chủ Quán Đài Châu Sùng Đạo Quán Vương Bá Tường kính ghi.

GHI VIỆC DỜI THÁP THỜ PHÁP SƯ THÔNG BẢO VÂN

Nguyệt đường ở núi Linh Ẩn Phủ Lâm An Đạo Xương soạn.

Khi Tôi ở Dục vương thường hỏi thăm Pháp sư Oai ở Bảo Vân, do đó nói: Pháp sư Thông là Tông chủ khai sáng giáo pháp Bảo Vân, tháp Ngài chôn ở núi này. Tôi thường hỏi những người cũ đều nói ở chùa Tây Ngung, liền đến đó tìm, thì tháp nằm trong bụi rậm gai gốc hoang vu. Lúc này có núi Ô Thạch, mọi người đều nói non nước phong cảnh nơi đây rất đẹp, những người giàu sang nhiều lần đến đây tìm. Tôi dùng đất thường trụ, chẳng phải riêng của tôi, nếu tôi lấy cho, thì chắc chắn chứa lấy nhân quả, nhân tình trong đó có người không vui, nhưng tôi chỉ giữ như buổi ban đầu. Khi ấy Tiên sư và Lão nhân Diệu Trạm ở phía Tây tháp, do đây thưa lại. Tiên sư nói: Pháp sư Thông là tông chủ Thiên Thai, lại người ở đất này đều muốn được linh cốt của Ngài. Nếu dời linh cốt của Thông Công chôn ở đất này, thì chẳng những khỏi xin đất mà họ đều lũ lượt kéo đến, sau đó linh cốt của Thông Công được chôn nơi này. Tôi liền nghe lời Tiên sư, chọn ngày cùng với Oai sư và Lão nhân Diệu Trạm nhóm họp nhiều người dời tháp sư. Đến khi lấy linh cốt, dùng nước thơm rửa, trong sáng như ánh mặt trời. Người đời đều cho rằng đây là vật cứng chắc, hoặc màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, thấm đượm như xương còn sống. Mọi người thấy đều vui mừng làm lễ kkhen ngợi. Thù thắng như thế chưa từng có trên đời. Sau này người trụ trì vua A-dục đời sư về đồ chúng của sư biết đây là vùng đất

tốt và muốn được phước này, nên đến đó chôn, chẳng bao lâu bị người dời đi, chỉ còn sừng sững ngôi tháp thờ sư Thông. Hiểu được điều này, người có tâm lành hay không thì hiệu quả báo ứng cũng thấy rõ ràng. Ngày 28 tháng 08 năm Mậu Dần, niên hiệu Thiệu Hưng năm hai mươi tám, Thượng nhân Nhược Quyền thăm tôi ở Lãnh Tuyền, đưa ra lời ghi tháp đá trùng tu thờ sư Thông và muốn nhờ tôi viết nhân duyên cải táng, cho nên trình bày điều này. Tỳ-kheo Nguyệt Đường ở núi Linh Ẩn Đạo Xương kính ghi.

GHI LẠI CHUYỆN XÁ LỢI CỦA PHÁP SƯ THÔNG Ở THẢO AM

Pháp sư Thông Bảo Vân người ở Tân La, Tứ Minh, đắc pháp với Loa Khê Thiên Thai, ngài thị tịch ở phía trái núi A-dục vương đã nhiều năm. Sau này nhân đổi cổng chùa, vùng đất này trở thành hoang vu, tháp cũng bị bỏ phế. Mùa Đông năm Đinh Mùi, niên hiệu Tuyên Hòa, Thiền sư Xương ở Tưởng sơn làm chủ Dục vương, đến tháp cốt ở núi Ô thạch, khi ấy đồ chúng hơn nửa ngàn người cùng tiễn đưa. Nay Thiền sư Tuyết Phong Dục, Pháp sư Oai Bảo Vân cũng tham dự. Xương của sư óng ánh trong suốt đáng yêu, chạm nhẹ nghe tiếng leng keng. Vâng Phong thầm nghĩ, nếu quả thật là xương người, thì ta không cản trở như vậy. Sau đó mặt trời lên thấy đúng là xương người, người đời đều cho rằng là bậc kiên cố. Hai ba người ngạc nhiên ầm ĩ, thì sau đó biến mất. Mấy mươi năm vẫn còn sáng rực rỡ, rì rào như ngọc khua, hoặc có người xin, cho đến có người đem đồ đựng đầy. Vào năm Tân Hợi niên hiệu Thiệu Hưng tôi chống gậy ở Quảng Lợi, những người học thiền phần nhiều đem lời này đến hỏi tôi, tôi vẫn còn nghi về điều này và đến Ô Thạch lễ tháp thờ Pháp sư, Lão tăng trong am nói với tôi hay nói về điều này. Quả nhiên lại nói: Lão tăng cũng có xin được hai viên và cầm trong lòng bàn tay, khắc vào để khai thị, tăng thêm bảy tám viên, tôi mới tin, vì lão tăng là người không nói dối. Nhưng Pháp sư sống đặc biệt, khi xưa Ngô Việt Quốc vương rất khâm phục, từng khen ngợi rằng: Lông mày trắng tướng lạ, trăng tròn đẹp lạ kỳ. Ngàn dặm đồng phong, chiêm ngưỡng hình tượng. Lại làm thơ rằng: Bình sinh nhờ mắt từ, nhìn về Nam than thở. Lúc ấy đạo Thiên Thai đã suy vi, nhờ Sư giữ gìn, trao cho Pháp trí Từ Vân, dùng đây hưng thạnh gia phong, đây gọi là mạng mạch của Thiên Thai.

GHI LẠI DI TÍCH BIÊN SOẠN CỦA PHÁP SƯ THÔNG

Thiên Thai chánh truyền chọn Thiền sư Kinh Khê làm tổ đời thứ chín. Nhưng người truyền từ đời Kinh Khê về sau cũng chưa dứt, tuy định tuệ song truyền, chưa thể cùng nhau gánh vác cửu tổ, nhưng cắt đứt ngọc khuê, bẻ gãy cành chiên-đàn thì đều là người hành đạo Thiên Thai. Nay Bảo Vân Thông Công thật kế thừa sau Kinh Khê, lại được Pháp Trí Từ Vân giáo hóa ở Triết Giang, đạo này liền được chấn hưng lại. Giải hạnh của Sư cao xa rộng lớn sức rất thông suốt. Theo lời ghi tháp đá, các tác phẩm của sư đều bị mất không truyền được, nhưng khảo sát về chương khí của Tứ Minh, thì có biên tập Quán Kinh, Sở Ký Quang Minh Huyền Tán Thích, pháp nghĩa còn lại thì Pháp Trí kế thừa, ghi trong Ký sao, bộ Tán Thích này vẫn còn nhưng không được truyền rộng. Đáng tiếc thay! Sư xây viện nhà đã hai trăm hai mươi hai năm, sau khi bị binh đao, di tích xưa đều bị vùi trong đất bụi. Tôi có hỏi các bậc kỳ túc, biết Sư chôn y trong tháp vẫn còn ở viện Hưng Pháp Cảnh Thanh, sư liền đến đó hỏi, quả nhiên đưa tôn tượng đến viện An sám. Điêu khắc bằng vải rất khéo, toàn thân đều bằng vàng, bên trong rỗng, hình vuông, cao năm thước. Quả báo này là vật xưa của Bảo Vân, không biết duyên nào lưu lại chùa kia. Muôn một, châu về hợp phố, đâu không phải là vì ngọn cờ truyền trì của Sơn gia.

KHEN NGỢI CHÂN DUNG PHÁP SƯ THÔNG CÔNG Ở BẢO VÂN

Ngộ Việt Quốc vương tiền dựng nên.

Sư không lìa ba cõi, Đại sư ta có lông trắng tướng lạ, trăng tròn rất đẹp. Giới châu sáng khắp, biển trí tuệ không bờ. Người trời phước tụ hội, chiêm ngưỡng hình ảnh Sư.

Pháp sư Bảo Vân lãnh thọ Thiên Trúc Tứ Minh, chính là Tỵ tổ trung hưng giáo quán, nhưng ngày xưa không đắp tượng Ngài, cũng không quên gốc ư? Và Tiền Vương làm bài tán phóng theo tượng khắc vào đá, để người chiếm lễ sẽ tưởng thấy được hình dung lúc ấy. Đầu mùa Đông năm Canh Thìn, niên hiệu Thiệu Hưng, Pháp Tôn Đại sư Viên Trừng trụ trì đời thứ sáu Trí Khiêm kính đề.

TẶNG THƠ CHO PHÁP SƯ THÔNG Ở BẢO VÂN TỨ MINH

Ngô Việt Quốc Vương Tiền dựng nên.

Góc biển lại chân trời, hình phân đạo không xa. Lặng trong đọc Viên giác, hương đốt đảnh ca sa giới hơn châu vô hạng, tâm như gương

không vết. Bình sinh nương mắt tuệ, nhìn về Nam than thở.

Bài thứ nhất:

Nhìn nhau mấy ngàn năm, thênh thang trái đạo tình, từ đây thành cách biệt. Nghi là cách phù sinh, được chỉ sâu thăm dò huyền tịch. Vô tâm tranh danh lợi, rõ ràng bằng đêm thu, bạn với ai đọc kinh nghe.

Bài thứ hai:

Tông Hiểu từng xem việc để lại giáo uyển ở Thảo Am, được những điều bình sinh nhờ mắt từ, nhìn về phương Nam than thở. Bởi khi xưa Ngô Việt Quốc Trung Ý Vương gởi tặng tác phẩm cho Pháp sư Thông ở Bảo Vân, tiếc thay không thấy được toàn bộ này, mỗi khi cần đến càng thấy tiếc. Một hôm hỏi những người xưa mà được nó, vui mừng không kềm chế được. Ngọc kinh theo châu không đáng để dụ, xong từng thầy người xưa không cho thế lực, địa vị là an nhàn, nhưng đạo nhãn chiếu nhau từ mé người trời. Người được như vậy, chắc chắn đồng với Phật phó chúc ở Linh Sơn. Dùng một sự trung liệt giúp đời, dùng một nguyện lực pháp rộng, dù khác nhau thế gian và xuất thế gian, nhưng vẫn lựa chọn để lại con cháu đời sau, đạt đến tận cùng, đạo của nó là vậy. Tông Hiểu may thay sinh muộn màng những được thấm nhuần bóng từ. Việc thạnh hạnh của Tổ tông có thể không truyền, thế nên cung kính tặng hai chương đăng các ngọc khuê, dùng nó bổ sung thêm vào núi này. Giữa thu năm Nhâm Tuất, niên hiệu Gia Thái, Tỳ-kheo Thạch Chi Tông Hiểu kính ghi.

TÁN TỨ TỔ SƯ Ở BẢO VÂN, MINH CHÂU

Cối Kê Quận Vương Văn Tuệ Công sử soạn.

THIÊN THAI TRÍ GIẢ

Bao Hy dễ họa, điềm tốt Thái cực, một âm một dương đã rơi vào dấu vết hình tướng. Cù-đàm nói pháp, thân tâm lặng lẽ. Ba Chỉ, ba Quán chợt rơi lại tin tức. Chí diệu trong đây, vắng bặt thâm sâu, mượn gì để nói. Vì sao giải thích những lời tầm thường? Hay thay! Ngài Trí Giả, bản chất vấn trác tuyệt. Bát Thái nhìn lại có người không biết. Nam Nhạc vừa thấy, liền biết duyên xưa. Ngộ được Đà-la-ni, chẳng phải từ nơi khác mà được. Vì sao nói Chỉ Quán mượn nhau lẫn lộn. Bởi dùng duyên từ, làm thành nom lưới. Như vin bị chết đuối, đâu hẹn được với người học sau. Tìm trên giấy mực, văn tự rườm rà, đạo càng thêm mai một. Tình nghĩa bát thần như xác ve mực bút. Không lìa đương xứ, một hội Linh sơn, bản nguyện của thầy, do đó bị tắc nghẹn.

Phải để lại hình dung đặc biệt, tất cả trăm quân tử, vượt qua được

khuôn thức này.

PHÁP SƯ THÔNG CÔNG Ở BẢO VÂN

Tông chỉ của Chỉ Quán, hưng thạnh vào đời Tùy, thời mạt pháp không đua tranh đã bị vùi lấp, Thông sư chấn hưng lại. Bờ sông Tam vi, buồm xuôi gió muôn dặm, bỏ thuyền theo sư, đạt được đạo rốt ráo, lời trở về có kỳ hạn. Đàn-việt của Tứ Minh. Họ Cố Thừa Huy sửa nhà thành chùa, lễ tạ cầu mong gọi là Bảo Vân. Chùa vàng nguy nga, sư dừng ở lại, học chúng theo đông, ngoài cửa đầy dép, tiếng chạy tận trời, Thiên Thai rơi vào đầu mối, tiếp nối hệ thống hưng suy. Có hai thần túc, chân sư con cháu. Pháp Trí Từ Vân, anh em thay phiên nhau hòa. Mọi người đều nói sư, chiêu tập bậc anh tài, trồng gốc vững chắc, chỉ có thân cây cành cây, hoa xòe năm cánh, dấu lạ nhưng đồng về một nguồn. Chỉ nay Thiền giáo đều đạt được, tiếp thọ mạng Phật, sư cũng dùng điều này.

TÔN GIẢ PHÁP TRÍ TỨ MINH

Hội Linh Sơn bậc Long tượng nhóm họp nhiều như mây. Xe dê, nai, trâu đồng về Nhất thừa. Rưới một trận mưa pháp thù thắng, thấm nhuần khắp chúng sinh mãi đến đời sau. Chỉ Quán hưng thạnh, mũi kiếm trí tuệ, đẩy lùi thành nghi ngờ. Ai kế thừa được? Chỉ có Tứ Minh giảng pháp hội Phật. Nguồn thầm lặng tiếng sấm to, Thiên Thai chánh thống, kế thừa ở đâu? Chương thánh ở điều ngự, khiến nhanh như sao. Hỏi ý chỉ Phật, được tinh anh này. Từng nhận ơn vua ban, Pháp Trí tên rộng lớn, đó là rạng danh trong họ Thích từ muôn xưa.

PHÁP SƯ TỪ MINH Ở THIÊN TRÚC

Sư khuôn phép anh tài, như hổ trong văn, như ngọc góc miệng. Đầu bút gấm thêu, vua quan kính phục. Quyến thuộc Thanh Quân ban hiệu Từ Vân. Thiên Trúc là nơi chốn, Pháp Trí là huynh, Thông Công là cha, một tông môn sum hợp đông đúc. Rồng bay phượng múa, nhiều công nhiều hạnh, biết mấy nắng mưa. Bốn chúng đón rước ở lại, như con ở với mẹ. Phạm Âm rực rỡ, biến khắp vũ trụ đều gọi là lễ văn, tất cả Ngài biên soạn, năng lực hạnh nguyện của Phổ Hiền, tay Phật xoa đầu an ủi, tận mé vị lai, làm chủ sám hối.

Đạo tràng Pháp Vân xưa dùng sự nông cạn vững chắc kế thừa hạn hẹp truyền cho Đại thừa tướng Ngụy Quốc Công may thay đến đó, ban đầu đến ra mắt Tổ sư còn để lại dấu vết. Khám Tổ bị gió mưa, hai

tượng Đại sĩ của Trí Giả và Bảo Vân đều bị hư hỏng trong đó. Công chỉ Bảo Vân, cố nói với Tông Oánh rằng: Hai Tôn giả Pháp Trí Từ Vân đạt được chẳng phải xuất phát từ thân lão này chăng? Đến này người trong nước thầy đạo tràng của Thông sư, bởi đều do hai đệ tử lập ra, có thể mở rộng nhà đắp họa tượng bốn vị Tổ sư làm cho chùa này mới thêm. Tông Oánh than có ý hổ thẹn với Hộ pháp Vương thần, liền đến Đông Vũ chấn hưng Tổ đường. Khi Tổ đường và tượng làm xong, đại chúng thỉnh Ngụy công làm bài tán. Công không kẹt vào tà kiến, không tư duy. Bài tán Tứ Tổ hoàn thành, lớn dùng thể cốt phát minh trí tuệ, cũng đủ dùng sự lợi ích quán thính khai mở bốn phương. Tông hiểu đã ghi yết bản để khắc vào đá cho lâu dài, bổ túc vào vách sách thiếu của Bảo Vân đề truyền tông ta vô tận. Tháng tư niên hiệu Thuần hy năm thứ tư, trụ trì giáo viện Bảo Vân truyền giáo quán Thiên Thai, Tông Oánh kính ghi.

KHEN NGỢI CHÂN DUNG GIÁO CHỦ BẢO VÂN THÔNG CÔNG

Trụ ở dã đường núi A-dục vương.

Tất cả cung kính đảnh lễ.

Mở cửa đại thiên, biết được mặt mũi hư không, chẳng dung chứa chánh chúc, tạm nhìn bên cạnh. Đúng lúc hoa Ưu-đàm nở, hương ngát muôn dặm như chiêm-bặc, dùng dây cắt đứt các dòng. Cuộn sóng lớn trong biển học, dùng mắt pháp thấu suốt, quay hai vầng nhật nguyệt, thấy được tánh pháp giới, vào cửa Loa Khê. Biết được điều này, gặp trâu trắng nhưng khó điều khiển, vàng rồng chảy nhưng dễ mê mờ. Mở cửa bí mật ba Quán, nắm được sự rộng hẹp của phàm thánh. Đỉnh núi Thông huyền vì sao cao ngất, biển cả gió mát rộng thênh thang.

Khen ngợi chân dung Pháp sư Thông Công Thỉ Tổ Bảo Vân.

Tỳ-kheo Am Trúc ở Hồ nam, Khả quan đảnh lễ.

Than ôi! Tất cả mọi người đều là quê hương. Mây lạnh tan tiếng sấm, cây khô mùa xuân đâm chồi, quyết định được nguyện lực, lại trở về quy mạng, thân sau của Thiên Thai.

SỚ KỲ PHÁP SƯ THÔNG KHAI SƠN BẢO VÂN

Đạo nhân Thảo Am.

Lại nữa, đạo không có xưa và nay, người học kế thừa tông, một giọt phân chia nhiều dòng, ngàn xe cùng vết, công huân chẳng lớn, trung hưng tự biết có cội nguồn, trao nhận phi thường. Chánh giáo mở mang truyền bá từ Thầy trò, trước tiên tiếp nối dòng chánh pháp trí, Từ

Vân phát sinh trong khoảng đó. Khâm phục kính ngưỡng đạo đức, hình dung như còn sống, cung kính, Đại Tôn giả Bảo Vân truyền trì giáo quán phái ở núi Thiên Thai, ánh lửa sáng đảnh Linh Thứu, chia thành ngọn đèn sáng bất tận, mưa pháp rơi chẳng thiếu phương nào, bủa thân hình khắp các nơi, giáo hóa tông tích như thần châu, chân từ ẩn thân chốn diệu đức, như huyễn ứng hình Tỳ-kheo. Lan tỏa hương thơm như nước vọt. Một nhà đạt được giáo sáng tỏa lại khắp cả Đô Giang. Hai Ngài mở mang sáng rỡ lông trắng tướng lạ. Đàn-na truyền bá ở già-lam. Ô Thạch phương khác tháp tranh nhau phân chia xá-lợi, chúng ta thì được gặp sự giáo hóa cao quý, được thấy tháp giống như hình dung, nhưng cùng nhau siêng năng, đồ chúng ta tăng thêm lo buồn. Nay thì Mạnh Đông giới hầu, ngày húy kỵ đến đây, lòng thành tạm đủ đối với quả cây không ít, trình bày chút ít với người xa. Phục nguyện xong, ta dâng cúng Tổ ta có sai không? Chỉ dạy dung nghi ta có đến không. Nương vào duyên mầu nhiệm này, cảm được khí trung hòa, thì khiến cho dần được an khang muôn vật thuần hòa mùa màng sung túc. Thượng vị đề hồ khắp nơi đều rót vào tâm. Trâu trắng xe lớn thì người tô thêm cốt lõi. Một nhà khiến vết xe bốn biển đồng tôn, tình và vô tình đều trở về bí tạng, nhưng tôi không đạt đến mặc tình làm lễ quy y, kính cẩn soạn sớ.

SỚ TRAI KỴ TÔN GIẢ BẢO VÂN TỔ SƯ HỒ NAM

Lại nữa, nguồn pháp từ lâu xa, chảy vào cõi nước nhiều như số giọt nước biển mặt trời trí tuệ mới lên, ánh sáng mây báu tô điểm thêm. Quần cơ phát sáng, ánh đạo này nghiêm trang đến giờ Thìn thị hiện nhập diệt, cung kính như còn sống, cúi mong, đại Pháp sư Tôn giả Bảo Vân trung hưng giáo quán, ứng thân ở Nhật Bản. Sơn gia theo lệnh đời nhìn tất cả mọi người đều đồng quê hương rộng lớn không ở bên ngoài. Xuất hiện hai cao đệ đều ở vị Thập địa, du hóa hơn một nhẫn, sớ phái chánh ở Loa Khê. Chân tông tản mác ở Tượng Phiến. Chúng ta kính mến cao xa, hướng về chốn mờ mịt. Ngọc phàm ngang dọc, đáng tiếc không cùng đương thời nghe chúng ni lễ bái, hổ thẹn ngày nay lạm dụng nhận con cháu. Sau này dựa vào bằng chứng tin sâu, quan sát phát triển lòng từ, cúi xin ánh vô sinh trí sáng mãi như xưa, thường trụ Diệu Hoa càng sáng đẹp đời sau, tất cả rỗng sáng đến mạt học, đồng đến viên thừa, kính cẩn đề sớ (xưa là Vân Phong không phải là cõi Thiền), giáo quán Thiên Thai rộng lớn, Thiền sư Đại Pháp Nhãn ở Thanh Lương cũng học giáo ở đó. Bấy giờ Bảo Vân Thông Công từng giảng ở nơi ấy, Tứ Minh, Từ Vân đều là Thánh chúng, thuyết này thấy trong bia đá ở

Vân Phong, còn Ngọc Phàm Phong nay là núi A-dục vương).

PHÁP SƯ TỨ MINH HỌC VỚI TÔN GIẢ BẢO VÂN

Pháp Trí tổ ta mở mang Đại giáo hưng thạnh. Năm hai mươi tuổi tham học với Pháp sư Bảo Vân, khi vào pháp hội mới ba ngày, Toa Nguyên nói với Sư: "Pháp giới sẵn có thứ lớp, ông phải nghiên cứu điều này".

- Thế nào là pháp giới?

- Tướng chung của pháp môn là viên dung không ngăn ngại.

- Đã viên dung không ngăn ngại, vì sao nói có thứ lớp?

Tọa Nguyên không đáp được. Sư ở được một tháng thì giảng Tâm Kinh, mọi người nghe đều kinh ngạc. Đến hai năm sau, người cha chợt nằm mộng, thấy Sư quỳ trước Thông Công, Thông cầm bình nước rót vào miệng Sư, từ đây gia phong giáo quán đều thấu suốt, thay Thông giảng kinh. Chỉ trong mấy năm, Thông Công tịch. Sư lại nằm mộng, thấy mình choàng tay qua đầu Thông nắm tay trái đi khắp vũ trụ và tự nói: "Hai giấc mộng là sơ biểu thọ học truyền bá, giấc mộng thứ hai là nắm vững được chủng trí". Sau này sư dời về Càn Phù ở, bốn năm sau có người thỉnh về Hồ Nam.

SÁM CHỦ TỪ VÂN HỌC VỚI TRỤ TRÌ BẢO VÂN

Pháp sư Từ Vân người Minh Hải ở Đài Châu, vào núi Đông Tịch tu, đến khi làm tăng, thì vào Quốc Thanh đứng trước tượng Phổ Hiền đốt ngón tay, nguyện học giáo quán Thiên Thai và từ từ vác va ly đến ở Bảo Vân, giữa đường chợt nằm mộng thấy có vị tăng tự nói: "Ta là Hòa thượng Văn-thù" và bảo Sư đến đảnh lễ Thông Công. Sư chợt tỉnh giấc và biết vị tăng trong mộng chính là Thông Công. Từ đó Sư kính phục và chịu học đạo, mãi đến khi Thông Công mất mới trở về Thiên Thai. Khi đổi niên hiệu là Thuần Hóa, lúc này Sư hai mươi tám tuổi, chúng thỉnh Sư đến ở Bảo Vân mười hai năm, sư giảng bốn bộ kinh lớn. Niên hiệu Hàm Bình thứ năm, sư về lại Đông sơn, cuối cùng Sư về Thiên trúc mở mang giáo pháp rộng lớn và ở ẩn trọn đời. Khi Sư ở Bảo Vân còn để lại bốn điều linh hiển:

- Khi sư đang giảng kinh ở Bảo Vân, một hôm chợt có người họ Thí mang thai lừa đến phủ phục dưới tòa, nghe pháp xong ra đi, mãi đến bốn mươi ngày sau sinh xong mới đến nghe. Quả thật là lừa nhưng có ý người, nên mới có khả năng nghe pháp, đây không phải điều lạ hay sao?

- Sư ở Bảo Vân có xây dựng hội Tịnh độ, soạn Thệ Sinh Tây Phương Ký, làm thơ Tam-muội niệm Phật, soạn văn thơ rằng: Niệm Phật Tam-muội bước lên diệu đạo của các Thánh đều trình bày sự nghiêm khắc của dòng pháp, đâu không do đây? Khi xưa ngài Tuệ Viễn giáo hóa tìm các bậc Hiền đều làm thơ Tam-muội niệm Phật, ngài Tuệ Viễn soạn lời tựa. Năm Bính Thân, niên hiệu Hoàng Tống, hội Tuân Thức trăm người khách cao thượng của Tứ Minh. Giữa hai mùa xuân và thu một ngày một đêm tụ hội ở giảng đường Bảo Vân, thường nghĩ đến giác hạnh vô lượng. Hán Ngụy kinh Nhâm Dần, đã bỏ Đông Sơn chọn Thiên Thai, đáng tiếc không nói lại, đến đời Tấn bậc hiền làm thơ, ghi đề trên đá để truyền lại cho đời sau.

- Sư ở Bảo Vân từ khi may mắn được bài tán sâu xa về Quán Âm và kêu thợ tạo tượng Đại bi bằng chiên-đàn. Tượng làm xong bị gãy một tay cầm nhành dương, sư hoảng sợ tự mình gắn vào, không để keo vào mà vẫn liên như cũ, liền soạn một trăm mười bốn bài văn phát nguyện, ghi sơ lược: Tháng tư năm Kỷ Hợi, niên hiệu Hàm Bình năm thứ hai, Sa-môn Tuân Thức ở Tứ Minh khắc tượng, sợ người sau không biết nên tự tay đề bài ký: "Khắc tướng mạo như mặt trăng thanh tịnh lặng lẽ, tu thanh tịnh phải nhờ hình tướng tài vật. Tượng dựng xong trong nhà Đại pháp, mời hơn một trăm vị tăng, thực hành kinh Pháp Hoa mà chứng được điều này".

Niên hiệu Hàm Bình năm thứ ba ở Tứ Minh bị hạn hán, người trong quận dùng phương pháp cầu mưa. Sư nguyện xin Tam-muội Quán Âm thầm hẹn, nếu ba ngày nữa không mưa, thì Sư tự thiêu, đúng như lời hẹn, quả nhiên trời mưa to. Quận Thú Tô cho điều lạ và rất kính phục Ngài, liền đề trên đá làm bài ký.

PHÁ SƯ MINH TRÍ TRỤ TRÌ CHÙA BẢO VÂN

Triều Thuyết làm bài ký về hành nghiệp của sư: Minh Trí người ở huyện Ngân, vào niên hiệu Nguyên Hựu trụ ở Diên Khánh. Một hôm Sư từ giã ra đi, dù cố giữ cũng không lưu lại được. Vả lại, sư còn nói: "Đợi tôi sáu mươi năm sau sẽ trở lại". Từ đây Sư ẩn học trong núi, chúng bèn kéo đến đông, trong hội thiếu tăng làm chức sự, lại không thể bỏ được, Thái Thủ đích thân thỉnh Sư ra ở Bảo Vân, đúng là đạo tràng Thông Công Tổ sư. Bấy giờ Bảo Vân bị sụp đổ không còn một cây cột. Sư muốn làm cái mới và đều nói: "Ngày trước sư nói làm hưng thạnh chỗ ở của Tổ ba đời, nay lại hưng thạnh thất tổ đời thứ tư này, ai nói Tượng pháp, Mạt pháp ư? Trước đó Sư nhặt được trong bụng thần

Già-lam một bài văn phát nguyện: Một trăm năm sau có Bồ-tát nhục thân trùng hưng ở đất này". Sư lại lui về cất am ở núi Bạch Vân bốn năm, ngày nào cũng giảng. Thái Thú lại bảo Sư đến ở Diên Khánh, sư từ chối không được, lúc này Sư đã sáu mươi tuổi, quả nhiên đúng với lời hứa trước.

Sử Thái sư thỉnh Giảng sư Oánh soạn sớ khi ở Bảo Vân. Lại nữa, khi xưa Bảo Vân có một đệ tử lớn. Như ngựa con xuất hiện ở bờ vực trũng. Huân tập chánh tri kiến ở Thiên Thai, như mộc lan xanh non hơn các loài cỏ tiêu, ngải cứu, đảm đương lặng lẽ đến tận mé đời sau. Biết A-sư khó truyền trao, cung duy, gần đây có lệnh giảng sư Oánh Công đã dùng tâm truyền, không bị trần lụy, mưa hoa trùm khắp, đích thân ra nấu ở lò vàng. Tóc hạc my sương, người học đạo nhờ vào năm cuối. Sớm hương tối lửa Cư sĩ chỉ thành tâm hoa phong, chúng đã quy y, cư sĩ không lui sụt, kính cẩn dâng sớ.

BÀY KÝ KHỐ SINH LỢI TỨC VIỆN BẢO VÂN

Tổ sư Từ Khê Lâm đến yết kiến Loa Khê đạt được rốt ráo đạo Thiên Thai, lại muốn sang Hành Hải, Thái Thú Tiền Công cố giữ lại, Sứ giả Cố Công cũng cúng nhà cho Sư làm chỗ truyền đạo, trao cho hạnh nghiệp, cho nên hai bậc Đại sĩ Pháp Trí, Từ Vân cũng từ đó ra. Nay những người trong nước ở Bảo Vân gọi là đạo tràng Thông sư. Khoảng giữa hưng phế kế thừa nhau không được rõ ràng. Trụ trì Oánh Công ngồi ở pháp tịch chưa được bao lâu, Thủ liễm khăn bát ước tính với mọi người được một trăm vạn đồng tiền, trong ngoài tăng tục lại được một trăm vạn đồng tiền. Thái sư Ngụy Quốc Sử Công quyên góp Quốc phu nhân trâm và bông tai, gom lại thành khố sinh thêm lợi ích để đủ một năm đất, cây, chuông trống để lại không cùng. Năm năm sau xây lại giảng đường, lấy một nửa tiền lời để trả công, thật là ý chí của người. Oánh Công tín thuần hậu ngay thẳng nhưng điều khiển chúng khoang dung độ lượng. Buổi đầu mới về Bảo Vân, có những người hay nói khoác lại đua nhau bàn luận nặng nhẹ, cho đến có những vị Tăng lại dựa vào uy quyền để làm nhạt đi ý chí, người có quyền hành thì làm giặc, mọi người chung quanh đều sợ hãi, nhưng Oánh Công vẫn tự nhiên. Thái sư Ngụy Công biết được sự thật này, đến đó thì mọi người đều vui vẻ khâm phục. Tôi có nghe khi xưa Đức Phật xả thân để cầu đạo, không còn một chút ngã chấp mới chấp được địa vị rỗng không của thân Phật. Ban đầu đến kiếp không, chứa nhóm nhiều tình trần, cho nên nói cây cỏ núi non thành đạo lợi sinh đã đưa đến thành tựu, ở đây há

có người trí có nghệ thuật cao đã đạt đến ư? Nay còn lại lò lửa cháy ở Bảo Vân vừa năm Giáp Tý thì thấy khí tượng trở lại như xưa. Tâm Oánh Công này và nguyện của người xưa đều đi trên một vết xe và không bao giờ quên. Đời sau vâng theo những điều cẩu thả, Oánh Công hổ thẹn không làm. Cứng như đá, mềm như đất, thì đây đều xây dựng được như vậy. Tôi không được thì không viết. Oánh Công kế thừa sư Nguyên Tuệ Đông Đường, Oánh Công gọi là Tông Oánh. Buổi sáng tháng bảy niên hiệu Thiệu Hy năm thứ ba, Tỳ-kheo Bảo Đàm ở Cam Châu ghi.

GHI LẠI LỜI XÂY DỰNG PHÁP ĐƯỜNG DIÊN KHÁNH

Kính vì, cung phạm làm xong, không vượt qua được Bảo Vân ở quê nhà, đến nay người trong nước biết có Khê Lâm, thật văn này phía Bắc Ký Châu vang dội ở Đấu Nam. Từ kiếp hỏa về sau, thì Thọ vương thành tựu trước, trải qua Quốc triều về sau thì người và vật rất hưng thạnh. Giống như đàn phải có người khảy điêu luyện thì mới phát ra âm thanh hay. Ở trốn chốn thảo mộc tòng lâm tuy gọi vô tình nhưng cũng ảnh hưởng. Một nhà nguy nga, xem quy mô rộng lớn nhiều đời. Cầu vồng cao tít, muốn lên ở Vân Hán. Ca-lăng trong suốt, biến khắp vũ trụ cung duy, Đại sư ở Bảo Vân thượng đường riêng một mình ngoài trấn lưu lại dấu vết để kinh nghiệm lâu năm. Tiếp theo bước long tượng, sớm tối kế thừa chuông phạm, thay nhau mới mẻ than ôi ai biết hai Chu Minh còn làm hầu, trống vuông vang ở chốn thoảng hương thơm, tăng tục kéo đến, cùng qua lại ở đàn hoa quý. Người nào đó vượt qua cảnh cao xa rộng lớn khí ấm chan hòa, đồng dạo cảnh vắng Liên xã, đây cũng là bạn thù thắng Linh Sơn, chúng ta được thấy cảnh giới tốt đẹp. Chịu sánh với hạng người thông minh, không chịu so tài với kẻ tiểu trí, liền trình khẩu hiệu.

Lại thấy gió Nam hòa vào điệu đàn thời vua Thuấn, bao nhiêu Long tượng đang gánh vác sai. Một nhà vượt lên trên mây xanh, muôn người đều xưng niệm Phật xưa. Ngồi an vui trên tòa Sư tử như đại định, tay huơ phất tử tận trùng huyền. Núi Vân non Ngân người sống mãi, đều là Lư Ta không tính năm.

ĐỀ TÊN NHÀ PHÁP VŨ

Vào năm Tân Hợi, niên hiệu Thiệu Khang, Giảng sư Oánh xây dựng đại pháp đường trong núi, xây dựng rộng các phương. Lúc ấy, Thiền sư Trúc Viện Đàm Công đến thăm viện này, do đó xin Sư đặt tên. Sư nói:

- Viện này để bảng là Pháp Vân, mây thì có khả năng mưa, mưa thì thấm nhuần muôn vật. Viện này là nơi Thai Tông trùng hưng phát khởi cội nguồn. Phật Tổ mưa pháp, mưa thấm nhuần chúng sinh chẳng phải một ngày, nên phải đặt giảng đường này tên là Pháp Vũ là rất thích hợp. Do đó, Tông Hiểu rất quý tên này, nhưng sơn môn chưa rảnh để dựng bảng, sợ để lâu bị mai một, và đặc biệt đưa ra điều này, kinh không nói chăng? Diệu ý này, như mây giăng khắp nơi mưa pháp cam lồ. Lại nói: mưa pháp Vô thượng, mưa thấm toàn thân ông. Lại nói: Hãy mưa pháp cam lồ vô thượng, tên Pháp Vũ (mưa pháp) xuất hiện rải rác trong các kinh điển Đại thừa. Nay Đâu-suất Thông Công tổ ta được sự hiểu biết cao xa, từ Tam vi đến được đạo pháp sáng ngời thanh tịnh, và tới khi truyền khắp đất này. Hai Tôn giả Tứ Minh, Thiên Trúc là bậc anh tài nuôi chí ấp ủ từ lâu, có khả năng gánh vác truyền tông này, đến nay truyền được hai trăm năm, đạo này vẫn còn. Đây chẳng phải mưa pháp thấm nhuần khắp chúng sinh sao? Khi xưa truyền vô vi từng khen ngợi tông môn trình bày với các bậc tôn túc: khắp nơi trong chốn Tòng lâm đều thấm nhuần, nhưng không lường được Lão Long nổi sấm, gió, nay ở Bảo Vân Thông Công cũng nói như vậy.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

THIÊN THAI TRUYỀN PHẬT TÂM ẤN KÝ

SỐ 1938

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1938

THIÊN THAI TRUYỀN PHẬT TÂM ẤN KÝ

Đại sư Hưng Giáo, Sa-môn
ở Hổ Khê thuộc Tông Giáo Thiên Thai Truyền
vào đời Nguyên hiệu là Hoài Tắc soạn.

Chỉ một chữ "đủ" càng hiển rõ tông này dùng tánh đầy đủ các điều lành. Các sư khác cũng biết đủ các duyên ác mà họ đều không lường được. Thì biết công tánh đầy đủ của tông này, công ở tánh ác. Nếu không tánh ác thì phải phá chín cõi tu ác để hiển bày tánh thiện cõi Phật. Đó là duyên theo lý mà dứt chín cõi, không phải điều ở đây nói. Nên Chỉ Quán nói về diệu quán của mười thừa, quán ở mười cảnh, ba chướng, bốn ma như ấm, v.v... Mỗi pháp đều thành viên diệu ba đế. Đây là thể cách phát tâm lập hạnh. Đâu có viên đốn nào hơn đây nữa? Sơ tâm tu quán thì trước phải từ trong tâm. Nên đối với ba khoa, trừ đi giới và nhập. Lại đối với năm ấm, trừ bốn ấm trước, chỉ giữ thức ấm làm cảnh được quán. Như bỏ trượng lấy thước, bỏ thước lấy tấc. Đó là tâm vô minh nói chung. Nếu theo chung để nói riêng thì là thức thứ sáu, như chặt cây gặp rễ, châm cứu bệnh gặp huyệt ngàn nhánh, trăm bệnh tự nhiên hết. Nếu không có nhập, sau đó trải qua một tâm khác như ấm nhập khác, cho đến chín cảnh đợi phát mới quán, chẳng phát thì chẳng quán, không gì chẳng đều như thế, mới hiển chín cõi ba đường tu ác. Ngay đó tức là pháp môn tánh ác. Tánh ác dung thông không pháp nào chẳng hướng về, hồn nhiên nhiếp được tánh thiện cõi Phật. Làm ác tức là tánh ác, làm ác không phá được gì, tánh ác không hiển bày. Đó là toàn ác là ác, nghĩa tức mới thành. Cho nên nhà này nói "tức" khác hẳn các sư. Vì không phải hai vật hợp nhau cũng không phải lưng và mặt trái ngược nhau. Phải ngay đương thể toàn là, mới gọi là Tức. Đâu cần dứt trừ phiền não sinh tử, mới hiển bày được Bồ-đề Niết-bàn của cõi

Phật. Lại phải rõ tánh thiện ác này. Trong các Đại thừa đặt tên khác nhau, Hoa Nghiêm nói: Theo duyên nhiễm tịnh, bèn chia ra mười pháp giới, mê thì mười cõi đều nhiễm, ngộ thì mười cõi đều tịnh. Mười pháp giới ly và hợp, đọc thì ba nhân đầy đủ, ba chữ là gọi chung chín cõi, là chính nhân của ác. Cõi Phật là chính nhân của thiện. Mười chữ là gọi riêng pháp giới, gọi chung là liễu nhân, mười pháp giới gọi chung bằng chữ cõi; gọi riêng là duyên nhân.

Kinh Pháp Hoa chép: Thật tướng các pháp không ngoài quyền và thật. Các pháp là đồng thể duyên nhân và liễu nhân thiện ác trong quyền. Thật tướng là đồng thể chính nhân thiện ác trong thật. Mười như của chín cõi là duyên nhân ác. Mười như của cõi Phật tức là duyên nhân thiện. Ba lần chuyển mà đọc thì liễu nhân và chính nhân chẳng thiếu.

Trong kinh Niết-bàn chép: Hai người xiển-đề và người thiện đều có tánh thiện, tánh ác, gọi là duyên nhân thiện, ác. Ba nhân đã diệu thì nói duyên phải đủ liễu - chính. Nói liễu tức có chính duyên, nói chánh tức có duyên liễu. Một có đủ ba, ba tức là một. Chớ nên chấp lời mà hại viên, vu báng ý thánh. Nếu vậy ba nhân của chín cõi: Tánh nhiễm là liễu nhân, tánh ác là duyên nhân, nhiễm và ác không hai là chính nhân ác. Đâu chỉ hạn cuộc mà tu. Ba nhân cõi Phật: Tánh thiện là duyên nhân, tánh tịnh là liễu nhân, tịnh và thiện không hai tức là Chánh nhân thiện. Tánh thiện ác này còn gọi là tánh tịnh tánh uế; hoặc gọi lý sáng lý tối; hoặc gọi là thể thường và vô thường song tịch. Như kinh Thỉnh Quán Âm, hoặc gọi riêng là độc hại, độc hại là tánh ác, đều là tên khác của một thể, tùy cơ lợi độn, rộng lược mà có khác. Lược thì mười cõi, rộng thì ba ngàn. Nên biết thiện ác không ngoài mười cõi, mười cõi tánh dung thông lẫn nhau, đủ thành trăm cõi. Mười như của cõi thành một ngàn như; giả danh một ngàn, năm ấm một ngàn, cõi nước một ngàn. Ba ngàn như thế hiện tiền ở trong một niệm tâm làm ác. Xưa nay đầy đủ, không tạo tác mà thành, không phải sinh ra lẫn nhau mà như thế, không phải hàm chứa lẫn nhau mà như thế. Một niệm không ở trước, ba ngàn không ở sau. Một niệm không ít, ba ngàn không nhiều. Phải biết tình có thể phá, còn pháp không thể phá. Chấp pháp thành bệnh cũng phải phá. Cho nên thiện - ác, tịnh - uế là pháp môn Lý thể. Thể vốn sáng sạch không dứt mảy may. Cho nên đoạn - chứng, mê - ngộ chỉ nói theo nhiễm tịnh. Người xưa không phân biệt pháp nhẫn, tình lý không phân, thuốc bệnh không phân biệt. Vừa nghe không - trung gọi là giá (ngăn che), một tướng chẳng lập, liền tạo ra đoạn diệt mà hiểu. Giả quán gọi là chiếu. Ba ngàn rõ ràng, quyết định là ba ngàn lập pháp.

Nếu Ba đế đều giả, thì làm sao lập pháp? Mê tình phải phá. Nên dùng tức không, tức giả, tức trung. Đạt một niệm tâm tu ác này tức là ba ngàn diệu cảnh. Làm ác đã tức là tánh ác, lý này đủ ba ngàn. Mà làm ác này liền là diệu sự ba ngàn. Nếu quán lý đủ thì đều phá, đều lập, đều là pháp giới. Tự nhiên nhiếp được sự dụng ba ngàn. Ba ngàn đều thật, từng tướng rõ ràng. Lý sự vốn dung thông, chẳng phải pháp đếm đầu, không thuộc về chỗ phá, đâu không phải chỗ hiển? Nên nói: Chư Phật chẳng dứt tánh ác, Xiển-đề chẳng dứt tánh thiện, điểm một ý này các trệ ngại dứt mất.

Hỏi: Xiển-đề và Phật dứt những thiện ác nào?

Đáp: Xiển-đề dứt thức thiện sạch, tu ác đầy đủ viên mãn. Chư Phật dứt tu ác sạch, tu điều lành đầy đủ, viên mãn.

Hỏi: Tu thiện làm ác đã là diệu sự, thuộc về chỗ hiển, sao gọi là chỗ phá?

Đáp: Tu thiện ác tức là tánh thiện ác, không có tu thiện ác để nói. Đó là nghĩa đoạn. Chư Phật dứt tu, ác hết, Xiển-đề dứt tu, thiện hết. Tu thiện ác đã tức là tánh thiện ác, tu thiện ác không hề dứt? Đó là nghĩa chẳng đoạn, đoạn và bất đoạn diệu ở chỗ này.

Hỏi: Xiển-đề không dứt tánh thiện thì tu thiện khỏi được, Chư Phật chẳng dứt tánh ác, có còn khởi làm ác chăng?

Đáp: Xiển-đề không đạt được tánh thiện, bị thiện làm nhiễm. Nên tu thiện khởi được, rộng trị các ác. Chư Phật có thể đạt ở ác, nên đối với ác được tự tại, ác không cón khởi. Rộng dùng các điều ác hóa độ chúng sinh, diệu dụng vô nhiễm nên gọi là pháp môn Ác.

Tuy không có tướng nhiễm ngại, mà có tánh đầy đủ. Phàm phu bạc địa chỉ có lý danh tự, mới nghe quán hạnh chưa hiển, nghiệm thể vẫn mê, sáu căn dường như phát. Sơ Trụ thấy từng phần, Diệu giác mới thành tựu quả; rốt ráo hiển sáng. Cho nên lý phải thân chứng thì tướng mới hiển rõ. Như tướng ẩn của Tào Công[1] , cởi áo mới thấy. Sự có thể so sánh mà biết, như tướng hiển của Tôn Lưu[2] rõ ràng trước mắt. Lại như toàn sóng là ướt, toàn ướt là sóng. Tướng sóng dễ biết, tánh ướt khó rõ. Sự lý như thế rõ ràng có ba dụng. Chỉ một sự lý, ba ngàn tức tánh không, liễu nhân là tánh giả, duyên nhân là tánh trung. Chính nhân ba đế nếu không có tánh đủ thì nghĩa Tức do đâu mà thành? Chẳng những ba ngàn tức ba đế mà còn ba đế là ba ngàn. Nên nói Trung đế là nhiếp chung tất cả pháp. Tục đế là lập tất cả pháp ba ngàn tức trung, lấy trung làm

1 Tào Công: Tào Tháo
2 Tôn: Tôn Quyền; Lưu: Lưu Bị

chính. Ngay nơi một mà ba, gọi là diệu cảnh sở quán sẵn có. Vì không - giả tức trung, cả ba đều thuộc tánh trung. Tức không - giả lại quy về hai tu. Ba ngàn tức không, lấy không làm chính gọi là toàn tánh khởi tu. Đó là trong nhân có thể quán diệu quán. Vì giả - trung đều không, cả ba đều thuộc về quán không. Tức giả, tức trung lại trở về dụng cảnh. Ba ngàn tức giả, lấy giả làm chính, gọi là đại dụng giải thoát trên quả. Vì không - trung tức giả, cả ba đều thuộc dụng, giả tức trung - không lại quy về cảnh quán. Chỉ một pháp ba này, mỗi thứ đối hai minh, nói về ba cảnh, ba quán, ba dụng, chẳng tức, chẳng lìa, chẳng ngang, chẳng dọc, tức già tức chiếu, hai nghĩa đồng thời mầu nhiệm sâu xa. Như ba điểm của chữ y, một mà chẳng lẫn lộn nhau, ba mà chẳng lìa nhau, gọi là Đại niết-bàn. Nay nói ba quán theo năng quán thì Sở quán tức là ba đế.

Nói Ba quán là:

- Vì tức "không" nên phá tình nhiễm chướng ngại. Một tướng chẳng lập, hiển ba ngàn này đồng một tánh. Tất cả là một mới có thể cùng ở. Một niệm chia ra mà càng thêm hợp. Như những hạt ngọc đều hướng về một hạt ngọc. Rốt ráo thanh tịnh chẳng đoạn, chẳng không.

- Vì tức "giả" nên đều có thâu nhiếp lẫn nhau, các tướng rõ ràng, hiển ba ngàn này chẳng mất tự thể, một tức tất cả, tuy là cùng trong một niệm nhưng tức đó mà càng phân chia. Như một hạt ngọc có bóng in vào những hạt ngọc, không thể nghĩ bàn, chẳng thể nhờ duyên giả.

- Vì tức "Trung" nên hiển bày ba ngàn này chẳng phải một, chẳng phải tất cả, chẳng chia chẳng hợp, song giá hai bên không có hai tướng, song chiếu hai đế, không - giả rõ ràng, đâu chỉ đồng với trung, không đủ các pháp!

Một không tất cả không, ba quán đều không, quán chung về không. Một giả tất cả giả, ba quán đều giả, quán chung về giả. Một trung tất cả trung, ba quán đều Trung, quán chung về trung. Thế thì trọn ngày phá tướng, các pháp đều thành. Suốt ngày lập pháp, mảy bụi đều hết. Trọn ngày dứt hết đối đãi, hai bên bừng bừng. Đó là tức phá tức lập, tức lập tức phá, chẳng phải phá chẳng phải lập, mà phá mà lập, cũng gọi là tức già tức chiếu, tức chiếu tức già; chẳng phải giá chẳng phải chiếu mà già mà chiếu. Nói theo thứ lớp mà hành thì ở trong cùng lúc. Như thế không lý nào chẳng lập, không tình nào chẳng phá. Há cùng với cái không của đoạn - vô, dựa vào cái giả của duyên, sinh ra cái trung của hai bên mà nói như nhau hay sao? Nên nói: Chỉ có Phật và Phật mới tham cứu hết được. Nhị thừa như lúa như mè, Bồ-tát như Hằng sa đều không thể biết chút phần của nghĩa này. Ba ngàn như thế thông y các bộ

chính ở trong Pháp Hoa. Vì do kinh xưa, một là có lỗi gồm chung, hai là có sơ sót cách lệch. Kinh này chẳng những thuần nhất không xen lẫn, lại có thể khai thô tức diệu. Đề gọi là Diệu pháp, chính là ở đây. Cho nên biết dùng pháp mầu bặt đối đãi này làm quán thể, mới thí dụ ánh sáng mặt trời không ở cùng với tối. Đây là cực thuyết cùng cực rốt ráo. Đó là chính truyền tâm ấn của Phật Tổ. Phật truyền đây cho Ca-diếp, Ca-diếp truyền đây cho A-nan, cho đến đời thứ hai mươi bốn truyền cho Tỳ-kheo Sư Tử. Ngài Sư Tử gặp nạn nên không truyền được nữa. Đó là miệng vàng Tổ thừa, đều là người thấy mà biết xuất phát từ Phó Pháp Truyện. Hoặc có trước thêm sáu Đức Phật, sau thêm bốn Tổ, nói kệ phó pháp, đưa cành hoa sen lên mỉm cười, xướng là truyền riêng ngoài giáo, kinh luận không có bằng cứ, người đều chẳng chịu. Đến khi Hán Minh Đế đêm mộng thấy Phật pháp truyền đến phương Đông, giữa đời Bắc Tề có sư Tuệ Văn nhân nghiên cứu kinh luận mà ngộ một tâm ba trí, từ Long Thọ trở lên tức Tổ thứ mười ba trong hai mươi bốn vị Tổ. Sư Tuệ Văn thì nghe mà biết, truyền đây cho Nam Nhạc, Nam Nhạc liền chứng Tam-muội Pháp Hoa được sáu căn thanh tịnh, truyền cho Thiên Thai. Thiên Thai Linh Nhạc thân thừa Đại Tô, diệu ngộ trì nhân tĩnh mà phát chứng, chẳng từ người khác, dùng diệu chỉ Pháp Hoa kết thành diệu quán Tam thiên dứt bặt đối đãi, truyền xuống Chương An; Chương An kiết tập Pháp tạng, truyền xuống Nhị Uy. Nhị Uy truyền cho Tả Khê, Tả Khê truyền cho Hình Khê, Hình Khê viết truyện ký rộng khắp, giúp cho đại nghĩa, sáng rỡ như mặt trời, lại suy trở xuống, người đều thấy mà biết, giáo quán một nhà trùm khắp bốn bể. Ban đầu thì An Sử tạo nạn, nhân giữa chừng gặp Hội Xương phế giáo, nhân sau đời Ngũ Đại binh lửa nổi lên khiến tạng giáo diệt mất, đến nỗi không còn truyền, Loa Khê mất dấu. Xưa nghe lưới bủa thiên hạ, Tiền vương sai sứ sang Cao-ly Nhật-bản, giáo quán được khôi phục nhưng không truyền đến vùng Giang Triết. Truyền đến Tứ Minh, Hình Khê, người chưa nhớ thì nhớ, người khó hành bốn Tam-muội đều thực hành, làm hưng thịnh đạo này như ánh sáng rực rỡ trên trời không thể che đậy. Đây cũng là người nghe mà biết. Nên Hàn lâm Lương Kính Chi bảo rằng dẹp hết trăm nhà, vượt quá các thuyết. Viên ngoại Liễu Tử Hậu bảo rằng cách Thánh đã xa, dị đoan đều nổi lên, chỉ có Đại sư Thiên Thai là được thuyết này. Há hai hiền giả khen suông mà a dua một cách cong vạy hay sao? Các tông đã không biết tánh cõ sẵn pháp ác. Nếu nói chín cõi chỉ nói tánh khởi. Dù có nói rằng Viên giáo lấy tánh đủ làm tông. Mà chỉ biết tánh có sẵn thiện, chẳng biết tánh có sẵn ác. Tuy nói phiền não tức Bồ-đề,

sinh tử tức Niết-bàn, chuột ăn chim luống suông, chỉ có lời, không có ý chỉ. Ắt phải lật bỏ chín cõi tu ác, chứng cõi Phật tánh thiện, cho đến chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật, ngay nơi tâm là Phật... là chỉ cho chân tâm thành Phật, không phải chỉ cho vọng tâm. Nên có người nói: ngay nơi tâm là Phật, là chân tâm hay vọng tâm? Đáp: Chân tâm. Lại có người nói: Tu chứng tức chẳng phải không, mà nhiễm ô chẳng thật có. Đây là nêu riêng pháp thân thanh tịnh, cho là tông truyền riêng ngoài giáo. Phân biệt rằng báo - hóa không phải chân Phật, cũng không phải người nói pháp. Nhưng công đức lớn dụng lớn thì toàn là của báo - hóa. Nếu hiểu thông báo - hóa thì rơi vào nhiễm ô. Duyên không phải hộ niệm thì không thể chóng thấy pháp thân, thì đều không ngoài nghĩa chỉ là Trung, vẫn chưa thể biết cõi Phật, chỉ trung tánh có đủ ba thân, đâu thể biết chín cõi ba thân? Nói theo thiện ác thì nghiêng về tánh thiện; nói theo mười cõi thì nghiêng về cõi Phật; nói theo chân vọng thì nghiêng về chân; nói theo chín thức thì nghiêng về tịnh thức Chân thường; nói theo bốn giáo thì nghiêng về Biệt giáo; nói theo mười cảnh ấm... thì thuộc cảnh Bồ-tát. Chưa lìa ba chướng bốn ma, sao gọi là tâm ấn viên đốn? Nên biết các Sư nói tức là chỉ chân tức chân, chẳng phải chỉ vọng tức chân. Cho nên nói Bồ-đề tức Bồ-đề, Niết-bàn tức Niết-bàn. Đã không phải tức ấm mà dạy, lại không có tướng tu phát, nghiêng về cõi Phật chân tâm một phá một lập. Nếu chẳng phải Biệt giáo duyên theo lý để dứt chín cõi thì suy với cái gì? Rồi lại chẳng rõ tánh ác là tên khác của Phật tánh, tâm phiền não và sắc sinh tử đều không có Phật tánh. Tâm phiền não không Phật tánh nên Tướng tông nói Nhị thừa định tánh; cực ác xiển-đề không thành Phật. Sắc sinh tử không có Phật tánh nên Tánh tông nói tường vách ngói gạch không thành Phật. Chỉ biết quả địa dung thông, chẳng rõ tâm người vốn có. Nếu thế chẳng những vô tình không tánh mà hữu tình cũng không. Làm sao phải theo tâm chân như mà nói duy tâm, thì thành Giá-na có Phật tánh, sắc chân thường. Nói duy sắc thì thành Tịch Quang có Phật tánh, đâu có liên quan gì đến tâm phiền não của hữu tình hay sắc sinh tử của vô tình? Đủ như trong Kim Ty nói, có người hỏi rằng: Nam Nhạc, Thiên Thai, khiến nương lý ba đế tu ba chỉ ba quán. Giáo nghĩa tuy là viên diệu, nhưng thứ lớp hướng vào môn hộ, cũng chỉ là chỗ tu bốn thiền tám định của cao tăng. Các hạnh tướng của thiền chỉ có pháp Đạt-ma truyền là chóng đồng Phật thể. Nay chỗ giải thích này vì sao lại trái nhau như thế? Đáp: Vì người khác thấy nhà này lập thức thứ sáu làm ấm cảnh bị quán bèn cho là chỗ nói của quyền giáo, quán thức thứ chín mới đồng Phật thể. Chỉ trích như thế rất sai

lầm. Trước tuy đã giải thích xong, nay lại bình luận thêm.

Nếu nói về cảnh chỉ trọng gần gũi và cốt yếu tức dùng tâm thức thứ sáu để làm cảnh quán. Biết ba thức mầu nhiệm mà chưa từng lìa một kiến một tư. Tuy chỉ một thức mà chưa từng không dùng ba thức làm quán; chưa từng không lấy ba thức làm cảnh. Nếu dùng thẳng tâm này duyên với lý thật tướng của cõi Phật, như dùng chỉ ngó sen mà treo núi, chỉ tăng thêm phân biệt, việc dứt niệm không do đâu mà thành. Vì sao? Thức thứ sáu này đã do kiến - tư huân khởi, làm sinh khởi ư thích, nhàm chán, tạo nhân thiện ác, tức là tu thể ác. Sự tu ác này tức là tánh ác, đó là quán pháp năng quán. Lại là pháp môn sở hiển. Nên Kinh Khê nói: Chợt đều chưa nghe tên tánh ác, đâu thể tin có hạnh của tánh đức, vì tu ác tức tánh ác nên ba quán mười thừa không hoặc nào thể phá được, không lý nào hiển được, mới gọi là diệu hạnh vô tác, cho đến trên quả hiện khắp sắc thân, hiện thân chín cõi, dạo chơi sáu đường. Toàn tánh ác khởi được gọi là không mưu mà ứng. Nếu cũng trái ác làm thiện, dứt ác chứng thiện, trong nhân hành thành quả có tạo tác. Tác ý thần thông đâu khác ngoại đạo. Như thế mà xưng là chóng đồng Phật thể là nhận mắt cá làm ngọc quý, chỉ gà núi cho là loan phụng. Tuy con nít ba thước (Tàu) cũng biết là sai. Nếu dùng tánh ác đối lại với tánh thiện, theo mười cõi thứ lớp mà nói thì sáu cõi là ác, Nhị thừa là thiện; tám cõi là ác, Bồ-tát là thiện; chín cõi là ác, Phật giới là thiện. Chín và một này chính là bờ mé của ác và cùng cực của thiện. Nên nay chỗ giải thích là dùng cực để nói về viên, tánh người đủ cả thiện ác. Nên như "quân tử bất khí", thiện ác đều có công năng thể dụng chẳng hai. Người Biệt giáo không có tánh ác nên như người thuần thiện không thể làm ác, bị vô minh lôi kéo mới có làm ác. Trích luận chép: Dâm dục tức là Đạo, si nhuế cũng giống như thế. Như vậy trong ba pháp có đủ tất cả Phật pháp, dâm dục si nhuế là làm ác. Đủ tất cả Phật pháp tức là tánh ác. Lại kinh nói: chắp tay, rải hoa, cúi đầu, chắp tay đều thành Phật đạo. Chắp tay, v.v... là tu thiện. Đều thành Phật đạo tức là tánh thiện. Phàm như thế đều khiến cho pháp giới hữu tình trở lại tự tánh sẵn có này mà thôi. Nên được làm kẻ sĩ ở đầm lầy, dưới núi rừng, chuyên tinh nghiên cứu Phật thừa, mở mang Thánh hóa; hoặc ở cửa thầy tận tâm chỉ bảo, thấy mà biết được; hoặc ở kinh sớ nghiên cứu tìm tòi, nghe mà biết được. Giữa thấy nghe, hai tâm chiếu nhau, lãnh hội được huyền chỉ, thầm khế nhập gọi là truyền. Tâm ta vốn có, không từ người khác được gọi là chẳng truyền. Tâm tuy vốn có mà nhờ chỉ dạy mới biết, đó là Truyền. Cái hay của chẳng truyền này như ấn ngay tâm, đó là Tâm

ấn. Biết điều này gọi là diệu giải, thực hành điều này gọi là Diệu hạnh, chứng điều này gọi là diệu quả, như thế thì sẽ xong việc. Chỗ luận như trên vẫn còn ở chỗ tự hành chứ chưa đến việc giáo hóa người khác. Vì sao? Trong phẩm Thí Dụ Ca-diếp, vừa nghe liền ngộ chẳng nhờ tu trì, lãnh nhận đầy đủ năm thời thí hóa, nên nói: Nói pháp y cứ theo đây nên ban bố khai mở tự tại, nhờ ơn Như Lai thuật thành thọ ký. Nên biết Ca-diếp truyền tâm ấn này chính là ở Pháp Hoa. Nghe thí dụ là diệu giải, ngộ nhập là diệu quả. Nên nói: Nay báu lớn của quốc vương tự nhiên đến. Ca-diếp đã vậy, người khác có thể so theo đấy. Miệng vàng đã vậy, nay sư cũng như thế. Bắc Tề vừa giở ra văn này sáng tỏ đại ngộ. Nam Nhạc chín tuần liền chứng. Thiên Thai mười bốn ngày mới được. Nên biết từ nghe mà suy nghĩ, suy nghĩ rồi tu mà chứng. Căn tánh khác nhau nên chứng có mau chậm. Nếu nói về giáo hóa người khác gọi là phó thác, cũng gọi là chúc lụy, vẫn có chung và riêng. Chung gồm bốn chúng, Biệt ở Ca-diếp, như khuyên trì, đọc tụng, chúc lụy, lưu thông, cho đến trong pháp sâu xa khác, chỉ dạy cho được lợi ích, vui mừng. Thanh văn thì đủ có tám ngàn, Bồ-tát thì vô lượng vô số. Riêng thì chỉ ở Ca-diếp, phó chúc chẳng hạn cuộc một chỗ. Nên trong Niết-bàn tuy không ở tại hội, mà muốn bốn chúng đều biết kính tin, nên nói: nay ta được chánh pháp Vô thượng, đem phó chúc Ma-ha Ca-diếp. Lại Phó Pháp Truyện nói: Hóa duyên sắp xong, sẽ diệt độ, bảo đại đệ tử Ma-ha Ca-diếp: Như nay ta sắp Bát niết-bàn, chúc lụy pháp sâu này cho ông thầy, về sau thầy nên kính thuận ý ta, tuyên bày lưu bố rộng khắp không để đoạn dứt. Như thế kinh có văn không độ hết. Do đó giao phó riêng cho Ca-diếp là có ba ý: 1. Duyên Như Lai hết, duyên Ca-diếp sẽ hưng thịnh. 2. Ca-diếp khổ hạnh, có thể làm cho Phật pháp trụ lâu. 3. Phụ với tiểu quả, giáo hóa dễ hành. Ví như Phật Tịnh Minh Đức phó chúc cho Bồ-tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến; khiến lưu bố rộng. Vì duyên không ở kia, cho nên phó thác ở đây, truyền tâm ấn Phật đâu chỉ riêng ở Ca-diếp, người khác đều không rõ hay sao? Người đời mê điều này, khi dối Thánh Hiền vọng sinh hý luận, chưa thể biết ý chỉ trao truyền tự hành và hóa tha này. Ô hô! Đó là một nhà, xưa nay bặt xướng chánh truyền của Phật Tổ. Nhưng khúc ca Bạch Tuyết Dương Xuân xướng quá cao, nên ít có người hòa theo. Hoài Tắc may mắn gặp được vận tốt chẳng kể mình thấp hèn, nương vào giấy mực để mở rộng thấy nghe, bắt chước theo Pháp Hoa như ruộng như làng, Niết-bàn như cây như đá; hoặc sinh ra hủy báng gần như mạnh độc; thì như thú qua sông, đâu dám nhìn cái đuôi bị thấm nước.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

GIÁO QUÁN CƯƠNG TÔNG

SỐ 1939

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1939

GIÁO QUÁN CƯƠNG TÔNG
(GIỀNG MỐI CỦA GIÁO QUÁN)

Vốn tên là Nhất Đại Thời Giáo Quyền thật Yếu Đồ. Vừa dài vừa rắc rối khó xem, nay thêm bốn giáo mỗi giáo mười thừa quán, đổi thành tên đề của sách này.

Sa-môn Trí Húc Ngẫu Ích ở Bắc Thiên Mục soạn lại.

Yếu chỉ của Phật Tổ chỉ là giáo quán mà thôi. Quán không phải giáo thì không chánh, giáo không phải quán thì chẳng truyền. Có giáo không quán thì mê, có quán không giáo thì nguy. Nhưng luận gồm thời giáo thì đại cương có tám. Nương giáo lập quán số cũng tạm đồng. Tám giáo là: 1. Đốn 2. Tiệm 3. Bí mật 4. Bất định, gọi là Hóa nghi tứ giáo, như phương thuốc ở đời. 5. Tam tạng 6. Thông 7. Biệt 8. Viên, gọi là Hóa pháp tứ giáo, như vị thuốc ở đời. Nên biết chỗ dùng đốn, v.v... đều không ngoài bốn vị Tạng v.v... Tạng lấy phân tích Không làm quán. Thông lấy Thể không làm quán. Biệt lấy thứ lớp làm quán. Viên lấy nhất tâm làm quán. Bốn quán mỗi quán dùng mười pháp thành cỗ xe có thể vận chuyển người đến đất Niết-bàn. Hai loại giáo quán Tạng và Thông, vận chuyển đến mé chân Niết-bàn. Hai loại giáo quán Biệt và Viên vận chuyển đến Trung đế Đại bát Niết-bàn. Ba giáo Tạng, Thông, Biệt đều gọi là Quyền, chỉ Viên giáo quán mới gọi là Chân thật. Theo trong Viên quán lại có ba loại: 1. Đốn 2. Tiệm 3. Bất định. Vì thật mà thi hành thì quyền bao gồm thật. Khai quyền hiển thật thì thật dung chứa quyền. Vì căn tánh chúng sinh khác nhau, đến nỗi khiến Như Lai khéo nói chẳng đồng, hãy y cứ một đời tạm phán định năm thời.

1- Thời Hoa Nghiêm: Chính nói Viên giáo, gồm nói Biệt giáo. Theo hóa nghi gọi là Đốn.

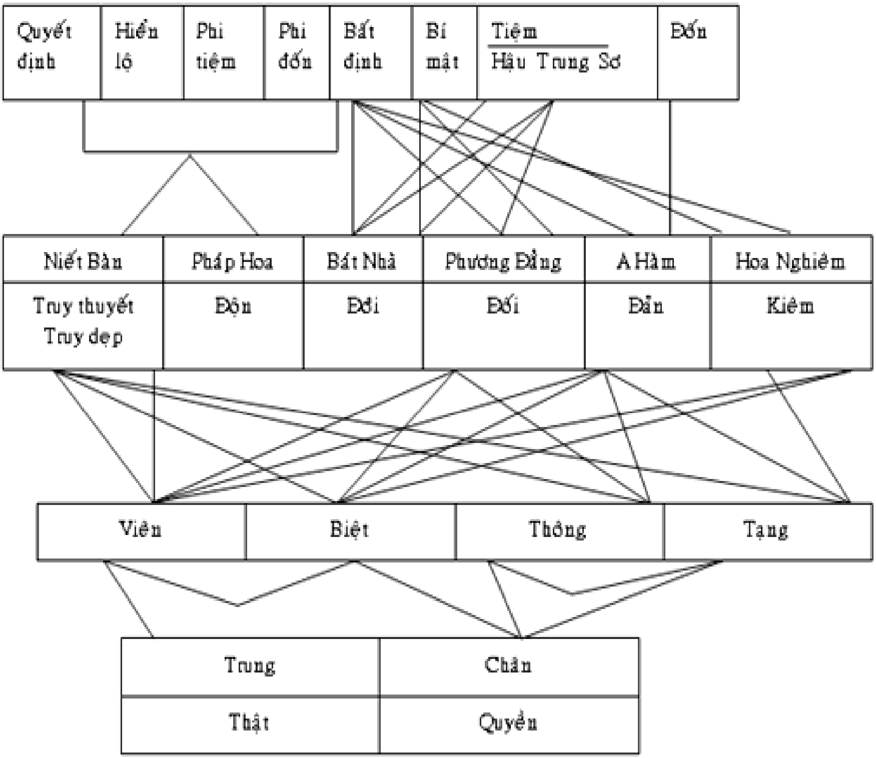
2- Thời A-hàm: Chỉ nói Ba tạng giáo, theo hóa nghi gọi là Tiệm sơ.

3- Thời Phương đẳng: Đối với Ba tạng giáo bán tự sinh diệt môn, thuyết Thông - Biệt - Viên giáo mãn tự bất sinh bất diệt môn. Theo hóa nghi gọi là Tiệm trung.

4- Thời Bát-nhã: Mang theo hai quyền lý của chung và riêng, còn chính là thuyết thật lý Viên giáo, theo hóa nghi gọi là Tiệm hậu.

5. Thời Pháp Hoa - Niết Bàn: Pháp Hoa khai quyền của Tam tạng, chung, riêng; chỉ hiển thật của Viên giáo. Thầm nói rõ sự đầu đuôi thuyết giáo của Như Lai, phát đủ sự rộng rãi và sâu xa của bổn - tích Như Lai. Theo giáo nghi gọi là hội Tiệm quy Đốn, còn gọi là phi Đốn phi Tiệm. Niết-bàn trọng vì người chưa nhập thật, rộng bàn thường trụ, lại vì căn độn đời mạt, xem trọng phò trợ Tam tạng, cho nên truy nói bốn giáo, truy dẹp bốn giáo. Theo hóa nghi cũng gọi là phi đốn phi tiệm. Mà hai loại hóa nghi Bí mật và Bất định có khắp ở bốn thời trước. Chỉ Pháp Hoa là hiển lộ, nên chẳng phải bí mật mà là quyết định, nên không phải bất định. Nhưng năm thời này có riêng có chung, nên phải dùng riêng định chung, nhiếp chung vào riêng mới khiến cho giáo quán đều gồm, không lẫn lộn. Nay trước chỉ bày bản đồ năm thời tám giáo. Kế nêu ra năm thời chung riêng để luận.

Bản đồ chung 5 thời 8 giáo quyền thật


Quyết định
Hiển lộ
Phi tiệm
Phi đốn
Bất định
Bí mật
Tiệm
Hậu Trung Sơ
Đốn
Niết Bàn
Truy thuyết
Truy dẹp
Pháp Hoa
Độn
Bát Nhã
Đới
Phương Đẳng
Đối
A Hàm
Đản
Hoa Nghiêm
Kiêm
Viên
Biệt
Thông
Tạng
Trung
Thật
Chân
Quyền

THÔNG BIỆT NGŨ THỜI LUẬN

(rất cần biết trước)

Pháp Hoa Huyền Nghĩa chép: Năm vị bán - mãn luận riêng, Riêng thì có giới hạn. Luận chung, chung ở đầu và cuối. Tôn giả Chương An nói: Có người nói rằng thời thứ hai, trong hai mươi năm thuyết Ba thừa Biệt giáo. Nếu vậy qua hai mươi năm, có người đáng được nghe Tứ đế, Mười hai nhân duyên, sáu độ, có thể không nói hay sao? Nếu nói thì Ba thừa không chỉ trong mười hai năm. Nếu không nói thì một đoạn phía sau, người cần nghe Phật lẽ nào không giáo hóa? Nhất định không có việc này. Kinh chép: Vì người Thanh văn nói Tứ đế, cho đến nói sáu độ, chẳng phải chỉ mười hai năm.Vì trong một đời, tùy người đáng nghe liền nói, như bốn A-hàm, năm bộ luật là vì Thanh văn mà nói, cho đến khi Phật nhập diệt, tức là việc này. Đâu được nói Tiểu thừa chỉ gồm trong mười hai năm. Có người nói: Thời thứ ba, trong ba mươi năm nói Không tông, Bát-nhã, Duy-ma, Tư-Ích. Nương vào văn kinh nào biết ba mươi năm? Luận Đại Trí Độ chép: "Tu-bồ-đề ở trong hội Pháp Hoa, nghe nói giở tay, cúi đầu được thành Phật. Cho nên nay hỏi nghĩa lui sụt." Như vậy, Đại phẩm và Pháp Hoa, trước sau đâu cố định.

Luận nói: Trí Giả, Chương An giải thích văn như thế. Nay người chẳng hề xem qua, còn tự loan bừa thuyết luống dối A-hàm mười hai, Phương đẳng tám, làm hại rất lớn. Nên trước nêu luận chung, kế là nêu luận riêng.

Nói về năm thời chung: Tự có một loại căn cơ lớn, tức ở đất này, thấy thân Phật Xá-na ở thế giới Hoa Tạng, cõi thường trụ bất diệt, thì Hoa Nghiêm chung mé sau. Chỉ cho Hoa Nghiêm có phẩm Nhập Pháp Giới cũng đoán không ở trong hai mươi mốt ngày. Lại có một loại căn cơ nhỏ, bắt đầu từ vườn Nai, kết thúc ở rừng Hạc, chỉ nghe A-hàm, Tỳ-ni đối pháp, thì Tam tạng chung ở mé trước đã rõ. Chương An bác bỏ như thế, người ngu sao còn chấp mê? Lại có một thứ căn cơ nhỏ, cần nghe chê trách hay khen ngợi mà sinh tâm hổ thẹn hay kính mến, Phật liền vì họ nói pháp môn Phương Đẳng, đâu hạn cuộc chỉ trong tám năm sau mười hai năm? Lại, như kinh Phương Đẳng Đà-la-ni, nói sau kinh Pháp Hoa thì Phương Đẳng cũng chung cả trước sau, đã rõ. Lại Ba thừa phải trải qua pháp sắc tâm thế và xuất thế, v.v... Mỗi pháp đều hội quy đạo Ma-ha-diễn, Phật liền vì đó mà nói Bát-nhã. Nên nói: Từ lúc mới đắc đạo cho đến nhập Niết-bàn, ở khoảng giữa thường nói Bát-nhã, thì Bát-nhã cũng chung cả trước sau. Lại có chúng sinh căn cơ thuần thục. Phật liền vì họ khai quyền hiển thật, khai tích hiển bổn. Quyết không

có việc lưu lại đợi bốn mươi năm sau. Nhưng Phật dùng thần lực khiến người căn cơ chưa thuần thục không nghe, nên Đại sư Trí Giả nói: Pháp Hoa theo bên hiển lộ, chẳng thấy bên bí mật trước mà luận, lý không chướng ngại. Lại như kinh chép: Xưa tôi theo Phật nghe pháp như thế; thấy các Bồ-tát được thọ ký thành Phật. Pháp như thế chẳng phải là pháp mầu hay sao? Lại kinh Phạm Võng chép: Nay ta đến thế giới này đã tám ngàn lần, ngồi tòa Kim cương Hoa Quang Vương v.v... há không phải cũng là khai tích hiển bổn ư? Lại có chúng sinh, đáng thấy Niết-bàn mà được độ, Phật liền thị hiện nhập Niết-bàn. Nên nói: Trong tám tướng, mỗi tướng lại đủ tám tướng không thể nghĩ lường. Lại kinh Đại bát Niết-bàn, truy từ các duyên vua A-xà-thế sám hối v.v..., đều không phải là việc trong một ngày một đêm.

- Kế, nói về Năm thời riêng: Là nói về một loại Thanh Văn quá ám độn, trải đủ năm phen rèn đúc, mới được nhập thật, chỗ nói Hoa Nghiêm chẳng thấy chẳng nghe toàn sống như sữa. (Trong tám hội trước của Hoa Nghiêm, hoàn toàn không có Thanh văn, nên nói không thấy không nghe. Đến hội thứ chín là phẩm Nhập Pháp Giới tại Kỳ Viên, mới có Thanh văn. Bấy giờ, đã chứng quả Thánh, vẫn ở cảnh giới Bồ-tát, như câm như điếc, nghiệm xem mà biết, lúc đó dù nghe Hoa Nghiêm cũng chẳng có ích gì. Nhưng các vị như Xá-lợi-phất v.v... do nghe Tạng giáo mới chứng quả Thánh, mới dự vào hội Nhập pháp giới. Cho nên biết phẩm Nhập Pháp Giới được đoán là không nói trước A-hàm, người lược bỏ không suy xét kỹ, vọng nói Hoa Nghiêm hạn cuộc trong hai mươi mốt ngày.

Kế đến là A-hàm, nghe pháp nhân duyên sinh diệt, chuyển phàm thành Thánh, như chuyển sữa thành lạc.

Kế đến nghe Phương Đẳng, chê bai, Thiên bài xích Tiểu, khen ngợi Đại, đề cao Viên; bèn hổ thẹn vì Tiểu, kính mến Đại. Tự buồn mình hạt giống bị hư, tuy nghe đủ bốn giáo, nhưng chỉ thầm được Thông ích (ích lợi của Thông giáo), như chuyển lạc thành bơ sống.

Kế là nghe Bát-nhã, hội tất cả pháp đều là Ma-ha-diễn, chuyển dạy Bồ-tát, lãnh biết tất cả bảo tạng Phật pháp, tuy kèm Thông - Biệt mà chính là giải thích Viên giáo, nhưng chỉ thầm được Biệt ích (ích lợi của Biệt giáo), như chuyển bơ sống thành bơ chín.

Kế là nghe Pháp Hoa, bỏ quyền bày thật, mới được ích lợi thực thụ của Viên giáo, như chuyển bơ chín thành đề hồ.

Nhưng chỉ năm thời riêng biệt này, cũng không câu nệ nhất định năm, tháng, ngày, giờ. Chỉ tùy pháp cần nghe, thì liền được nghe. Như

Lai nói pháp thần lực tự tại, một âm thanh mà hiểu khác nhau, đâu cho suy nghĩ. Lại người có căn tánh hơi lanh lợi, chẳng cần trải qua đủ năm vị. Hoặc chỉ qua bốn phen, ba phen, hai phen rèn luyện liền được nhập vào chân thật. Nếu người ở A-hàm, Phương đẳng, Bát-nhã ngộ nhập bất cứ một loại nào tức là thuộc về hai loại hóa nghi Bí mật và Bất định.

Lại có chúng sinh chưa nghe nổi kinh Pháp Hoa, hoặc tự rút lui, hay dời đến phương khác. Ở đây lại đợi đến khi xếp vào Niết-bàn, hoặc đợi Phật khác sau khi Phật Thích-ca nhập diệt. Việc chẳng phải nhất luật không đổi. Nếu quen thuộc văn câu huyền nghĩa của Pháp Hoa, thì các nghi vấn tự tan biến.

Thuyết hóa nghi tứ giáo.

Đốn có hai nghĩa:

1- Đốn giáo bộ: Là thuyết đốn cho người đại căn lúc mới thành đạo. Chỉ hạn cuộc ở Hoa Nghiêm (trong một đời, đại pháp nói thẳng giới ngoại, không chung với Ba thừa, như các kinh Phạm Võng, Viên Giác đều nên xếp vào bộ này. Đó là lấy riêng định chung, nhiếp chung vào riêng vậy).

2- Đốn giáo tướng là các nghĩa như lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác, tánh tu không hai, chúng sinh và Phật đồng một thể v.v... các kinh Phương đẳng, Bát-nhã đều có lý này.

Tiệm có hai nghĩa:

1- Tiệm giáo bộ: Chỉ hạn cuộc A-hàm là Tiệm Sơ (trong một đời, chỗ thuyết Tứ đế sinh diệt, mười hai duyên sinh và sáu độ, Ba thừa quyền pháp đều nên xếp vào bộ này). Phương đẳng là Tiệm Trung (trong một đời, các kinh quở Thiên, trách Tiểu, khen Đại, tán Viên và các kinh chẳng thuộc bốn thời kia đều nên xếp vào bộ này).

2- Tiệm giáo tướng là thứ lớp nhiều kiếp tu hành dứt hoặc chứng vị; thì Hoa Nghiêm cũng có. Pháp Hoa hội Tiệm quy Đốn, chẳng đồng với Hoa Nghiêm thuyết đầu tiên nên chẳng phải Đốn; chẳng đồng A-hàm, Phương đẳng, Bát-nhã cách và trải qua chưa dung thông, nên chẳng phải tiệm. Nhưng vẫn song chiếu hai tướng Đốn và Tiệm.

Bí mật cũng có hai nghĩa:

1- Bí mật giáo: Là trong bốn thời trước hoặc vì người kia nói Đốn, vì người này nói Tiệm v.v... kia đây không biết lẫn nhau, mỗi người tự được lợi ích. (Phật bỏ thẳng phương tiện, nói đạo vô thượng nên chẳng phải Bí mật).

2- Bí mật chú: Tất cả chương cú Đà-la-ni, tức trong năm thời giáo đều có.

Bất định, cũng có hai nghĩa:

1- Bất định giáo là trong bốn thời trước, hoặc vì người kia nói Đốn, vì người này nói Tiệm. Kia đây biết lẫn nhau, mỗi người được ích lợi riêng. Tức là người cần nghe đốn thì nghe đốn, cần nghe Tiệm thì nghe tiệm. (Phật quyết định nói Đại thừa, nên không phải giáo tướng bất định).

2- Bất định ích: là trong bốn thời trước, hoặc nghe Đốn giáo được tiệm ích, hoặc nghe tiệm giáo được đốn ích, tức là dùng đốn giúp tiệm, dùng tiệm giúp đốn. (hễ nghe một câu, một bài kệ Phật đều được thọ ký thành Phật, nên không phải bất định ích).

"Đốn giáo bộ" chỉ dùng hai loại hóa pháp là Viên và Biệt. "Tiệm giáo bộ" dùng đủ bốn loại hóa pháp, hiển bày bất định, đã khắp bốn thời, cũng lại dùng bốn loại hóa pháp. "Đốn giáo tướng" cuộc chỉ tại Viên. Thông thì ba giáo trước mỗi giáo cũng tự có nghĩa đốn. Như Thiện lai đắc A-la-hán, v.v... "Tiệm giáo tướng" hạn cuộc tại ba giáo Tạng, Thông, Biệt. Thông thì Viên giáo cũng có nghĩa tiệm, như quán hạnh, Tương Tợ, Phần Chứng, rốt ráo, v.v... "Bí mật giáo" không biết lẫn nhau nên không thể truyền. "Bí mật chú" theo bốn tất-đàn nên có thể truyền. "Bất định giáo", "Bất định ích" đều thuộc về bốn thời trước, nên không có bộ riêng để chỉ. Theo Hóa nghi giáo lại lập ba quán là đốn quán, tiệm quán và bất định quán. Vì Bí mật giáo đã không thể truyền nên không thể theo đó lập quán. Dù muốn lập quán cũng chỉ là ba pháp Đốn, Tiệm, Bất định đều bí mật. Nay ba quán này tên và giáo đồng mà ý chỉ rất khác. Vì sao? Đốn giáo chỉ cho kinh Hoa Nghiêm, nghĩa gồm cả Biệt. Đốn quán chỉ cho người theo Viên giáo; Sơ tâm liền quán thật tướng các pháp, như sự giải thích của Ma-ha Chỉ quán. Tiệm giáo chỉ cho A-hàm, Phương đẳng, Bát-nhã; nghĩa gồm cả bốn giáo, lại chưa khai hiển. Tiệm quán cũng chỉ cho người theo Viên giáo, sự hiểu đã viên mà hành phải theo thứ lớp, như sự giải thích của pháp môn Thích thiền ba-la-mật. Bất định giáo chỉ cho bốn thời trước, cũng gồm bốn giáo nhưng chưa hội họp. Bất định quán cũng chỉ cho người theo Viên giáo, sự hiểu đã viên trước, tùy ở hạnh nào, hoặc siêu vượt, hoặc thứ lớp đều được ngộ nhập. Như sự giải thích của Lục diệu pháp môn (Sách này ở nước Cao ly, ở Thần Châu thất truyền):

Hỏi: Nếu nói Viên - Đốn dùng Chỉ Quán là đủ, vì ý nào lại nói Tiệm và Bất định?

Đáp: Căn tánh mỗi người khác nhau, nếu chỉ nói đốn thì thâu cơ chẳng hết.

Hỏi: Đã gọi là Tiệm và Bất định, vì sao chỉ y cứ theo người Viên giáo?

Đáp: Người Viên giáo thọ pháp, không pháp nào chẳng Viên. Lại, chưa mở hiểu Viên giáo, chẳng nên nói về tu chứng. Dù khiến tu chứng, cũng chưa khỏi cách nhau như ngày với kiếp.

Thuyết hóa pháp tứ giáo.

Pháp một còn không có, làm sao có bốn. Như Lai dùng diệu trí lợi tha, vì chúng sinh bệnh mà bày thuốc. Bệnh tư hoặc nặng thì nói Tam tạng giáo, thấy bệnh tư hoặc nhẹ thì nói Thông giáo. Bệnh vô minh nặng thì nói Biệt giáo. Bệnh vô minh nhẹ thì nói Viên giáo.

I. Tam tạng giáo: Bốn A-hàm là kinh tạng, Tỳ-ni là luật tạng, A-tỳ-đàm là luận tạng. Giáo này nói về Tứ đế sinh diệt (khổ thì ba tướng sinh - dị - diệt đổi dời. Tập thì bốn tâm tham, sân, si đẳng phần lưu động. Đạo thì đối trị dễ đoạt. Diệt thì diệt có trở về không. Cũng nói về mười hai nhân duyên sinh diệt có thể suy nghĩ đến được (vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên già chết, lo buồn, khổ não. Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì già chết, lo buồn, khổ não diệt). Cũng nói về sự hạnh sáu độ (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ). Cũng cho rằng thật có hai đế (Thật pháp trừ nhập, giới, v.v... là tục. Thật có diệt nên là chân). Khai thị chúng sinh độn căn giới nội, khiến tu phân tích quán Không. (Quán sáu giới đất, nước, gió, lửa, không, thức chẳng có ngã và ngã sở). Ra khỏi sinh tử phần đoạn, chứng Niết-bàn Thiên chân. Chính là giáo hóa Nhị thừa, bên cạnh đó giáo hóa Bồ-tát. Cũng có thể theo giáo này tự nói về sáu tức.

- Lý tức: Thiên chân, các hạnh vô thường, là pháp sinh diệt, sinh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui. Nhân diệt hội chân, diệt chẳng phải chân đế. Diệt còn không phải chân, huống chi khổ, tập, đạo. Chân đế ở ngoài sự tướng nhân quả nên y diễn giáo mà phán định là thiên chân.

- Danh tự tức: Là học danh tự. Biết tất cả pháp từ nhân duyên sinh, không từ thời, phương, Phạm thiên, cực vi, bốn đại, v.v... sinh; cũng chẳng phải không có nhân duyên, tự nhiên mà sinh. Biết các pháp do nhân duyên sinh, đều là vô thường vô ngã.

- Quán hạnh tức: 1. Năm pháp quán dừng tâm, 2. Biệt tướng niệm,

3. Tổng tướng niệm, là vị ngoại phàm tư lương.

* Năm pháp quán dừng: 1/ Chúng sinh nặng về tham, thì quán bất tịnh. 2/ Chúng sinh nặng về sân, thì quán từ bi. 3/ Chúng sinh nặng về tán loạn, thì quán sổ tức. 4/ Chúng sinh nặng về ngu si, thì quán nhân duyên. 5/ Chúng sinh nặng về chướng, thì quán niệm Phật. Dùng năm pháp này làm phương tiện, để điều khiển tâm dừng lặng, khiến tu được niệm xứ, nên gọi là dừng tâm.

* Biệt tướng niệm: 1/ Quán thân bất tịnh. 2/ Quán thọ là khổ. 3/ Quán tâm vô thường. 4/ Quán pháp vô ngã, đối trị dựa vào bốn đảo do năm uẩn khởi.

* Tổng tướng niệm: Quán thân bất tịnh; thọ, tâm, pháp cũng đều bất tịnh. Quán thọ là khổ; tâm, pháp, thân cũng đều khổ. Quán tâm vô thường; pháp, thân, thọ cũng đều vô thường; quán pháp vô ngã, thân - thọ - tâm cũng đều vô ngã.

- Tương tự tức: Là vị nội phàm gia hạnh: 1/ Noãn, 2/ Đảnh, 3/ Nhẫn, 4/ Thế đệ nhất. Được gốc lành hữu lậu cõi Sắc, có thể nhập vào kiến đạo.

- Phần chứng tức: Vị Tam quả hữu học ở trước. 1/ Quả Tu-đà-hoàn, gọi là Dự lưu. Dùng tám nhẫn tám trí, chóng dứt kiến hoặc ba cõi, mới dự vào dòng Thánh, gọi là Kiến đạo vị. 2/ Quả Tư-đà-hàm, gọi là Nhất lai, dứt sáu phẩm kiến hoặc cõi dục; ba phẩm còn lại vẫn còn thấm nhuần một đời. 3/ Quả A-na-hàm, đó gọi là Bất hoàn, dứt sạch hoặc kiến tư cõi Dục, tiến lên dứt tư hoặc của tám địa trên, chẳng còn trở lại cõi dục. Hai quả này gọi là Tu đạo vị.

- Cứu cánh tức: Là vị Ba thừa Vô học: 1/ Quả A-la-hán thứ tư của Tiểu thừa, ở đây gồm ba nghĩa: Một là Sát tặc, hai là Ứng cúng, ba là Vô sinh. Dứt sạch hết kiến, tư ba cõi. Hạt trói buộc đã dứt mà quả trói buộc vẫn còn, gọi là Niết-bàn Hữu dư. Nếu thân tàn trí hết gọi là Niết-bàn vô dư. 2/ Quả Bích-chi-phật Trung Thừa: Người này căn tánh hơi bén nhạy, quán sát nghịch thuận mười hai nhân duyên, dứt hoặc kiến, tư đồng với A-la-hán. Lại dẹp tập khí, nên ở trên Thanh văn. 3/ Phật quả Đại thừa: Người này căn tánh rất bén nhạy, từ lúc mới phát tâm duyên theo cảnh Tứ đế, phát bốn thệ nguyện rộng lớn, gọi là Bồ-tát tu hành sáu độ. A-tăng-kỳ kiếp đầu tiên, sự hành tuy mạnh, lý quán còn yếu, hướng về Thanh văn, ở vị ngoại phàm. A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, hiểu về Tứ đế dần sáng tỏ, ở vị Noãn. A-tăng-kỳ kiếp thứ ba, hiểu về Tứ đế càng sáng, ở vị Đảnh, sáu độ đã mãn. Lại trụ một trăm kiếp, tu nhân tướng tốt, ở vị Hạ nhẫn. Kế nhập bổ xứ, sinh lên cõi trời Đâu-suất, cho

đến lúc vào thai, ra thai, xuất gia, hàng ma, ngồi yên bất động là ở vị Trung nhẫn. Kế là một sát-na nhập Thượng nhẫn, một sát-na tiếp theo nhập Thế đệ nhất, phát ba mươi bốn tâm vô lậu chân thật, chóng dứt kiến tư, chính tu tập vô dư, ngồi dưới gốc cây đại Bồ-đề, dùng cỏ làm tòa, thành ứng thân hạng thấp (như thân Thích-ca một trượng sáu, như thân Di-lặc mười sáu trượng v.v...) nhận lời thỉnh của Phạm Vương, ba lần xoay bánh xe pháp, độ ba căn tánh, duyên hết nhập diệt, cùng La-hán Bích-chi-phật rốt ráo đồng chứng pháp tánh thiên chân, không còn thân trí, y chánh nào thật có.

Giáo này đủ pháp ba thừa, Thanh văn quán Tứ đế, lấy Khổ đế làm cửa đầu tiên. Người lanh lợi nhất thì qua ba đời, độn căn nhất thì sáu mươi kiếp, chứng được tứ quả. Bích Chi quán mười hai nhân duyên, lấy Tập đế làm cửa đầu tiên. Người lanh lợi nhất thì bốn đời, chậm lụt nhất thì một trăm kiếp, chẳng lập phân quả. Ra đời gặp Phật gọi là Duyên giác, không gặp thời Phật gọi là Độc giác. Bồ-tát thệ nguyện rộng, thực hành sáu độ, lấy Đạo đế làm cửa đầu tiên, hàng phục lậu hoặc, lợi ích chúng sinh, phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đốn ngộ thành Phật. Nhưng ba người này, tu hành chứng quả tuy khác nhau mà đồng dứt kiến tư, đồng ra khỏi ba cõi, đồng chứng thiên chân, chỉ đi ba trăm do-tuần vào Hóa thành.

Mười pháp thành thừa:

1- Quán cảnh nhân duyên chánh, phá hai thứ điên đảo là tà nhân duyên và vô nhân duyên.

2- Phát tâm chân chánh: Chẳng cần danh lợi, chỉ cầu Niết-bàn (Nhị thừa chí muốn ra khỏi vòng khổ, Bồ-tát gồm thương xót tất cả chúng sinh).

3- Dắt dẫn tu chỉ quán: Năm pháp dừng tâm gọi là Chỉ, bốn niệm là quán.

4- Khắp hết kiến ái phiền não.

5- Biết đạo, diệt hoàn diệt, sáu độ là chung khổ tập trôi lăn, sáu tệ là bít.

6- Điều hòa ba mươi bảy phẩm, nhập ba môn giải thoát.

7- Nếu căn độn không vào được, nên tu đối trị sự thiền, v.v...

8- Chánh - trợ hợp hành hoặc có ít, nhiều. Phải biết thứ vị phàm thánh không xen lẫn.

9- An nhẫn các chướng trong ngoài.

10- Không ở chỗ dường như đạo mà sinh pháp ái. Đó là ý cốt yếu. Người lợi căn từng tiết được vào, người độn căn đủ mười pháp mới

ngộ.

II. Độn căn của Thông giáo chung cho Tạng giáo ở trước, lợi căn chung cho Biệt - Viên ở sau, nên gọi là chung. Ở đây không có bộ riêng. Nếu ở trong Phương đẳng, Bát-nhã có sự giải thích Ba thừa cùng hành, tức thuộc về giáo này, giải rõ Tứ đế vô sinh (Khổ không có tướng ép ngặt, Tập không có tướng hòa hợp, Đạo tướng chẳng hai, diệt tướng vô sinh) cũng giải rõ mười hai nhân duyên chẳng sinh diệt, có thể suy nghĩ (si như hư không, cho đến già chết như hư không. Vô minh như huyễn hóa, không thật có, cho đến già chết như huyễn hóa, không thật có), cũng giải rõ lý hành sáu độ (mỗi độ đều ba luân thể không), cũng giải thích rõ hai đế hữu - không huyễn hóa (huyễn có là tục, hữu tức không là chân), cũng giải rõ hai thứ nhị đế hàm Trung (1/ Huyễn hữu là tục, huyễn hữu tức không bất không, cộng chung là chân, là nhị đế chung bao hàm riêng, nên được Biệt giáo tiếp nhận. 2/ Huyễn hữu là tục. Huyễn hữu tức không bất không, tất cả pháp hướng về không bất không là chân, là nhị đế Thông bao hàm Viên nên được Viên giáo tiếp nhận); cũng giải thích rõ Ba đế Biệt nhập Thông (Hữu lậu là tục, Vô lậu là chân, Phi hữu lậu phi vô lậu là Trung); cũng giải thích rõ Ba đế Viên nhập Thông (Nhị đế đồng như ở trên. Điểm phi lậu phi vô lậu, đủ tất cả pháp thì khác với Trung ở trên) khai thị chúng sinh lợi căn giới nội khiến tu quán thể KHÔNG (ấm - giới - nhập đều như huyễn hóa, đương thể không thật có) ra khỏi sinh tử phần đoạn, chứng chân đế Niết-bàn. Việc chính là giáo hóa Bồ-tát, phụ là giáo hóa Nhị thừa. Cũng ở giáo này tự nói về sáu Tức:

- Lý tức: Là vô sinh. Các pháp không tự sinh, cũng không từ thứ khác sinh, không phải cộng sinh, cũng không phải vô nhân sinh. Cho nên biết vô sinh. (Bốn câu này suy xét kỹ thì ba giáo Thông - Biệt - Viên đều dùng làm công phu thực hành. Nếu người trước đã hiểu không chỉ là trung, tức thành cửa đầu tiên của Viên giáo. Người chưa nghe thể Trung đạo chỉ thành pháp môn Thông giáo). Hiểu khổ, không khổ mà có chân đế. Khổ còn tức chân, huống chi Tập - Diệt - Đạo.

- Danh tự tức: Là huyễn hóa. Biết tất cả pháp đương thể hoàn toàn không, chẳng phải diệt rồi mới không. Sinh tử - Niết-bàn đồng là trong cảnh mộng.

- Quán hạnh tức: Là 1/ Càn Tuệ địa, chưa có nước lý nên có tên gọi này, tức vị ngoại phàm của Ba thừa và năm pháp dừng tâm, ngang với tổng tướng, Biệt tướng niệm của Tạng giáo.

- Tương tự tức: Là 2/ Tánh địa tương tợ, được nước lý của pháp

tánh, hàng phục hoặc kiến tư, tức vị nội phàm của Ba thừa, bằng với Bốn gia hạnh của Tạng giáo (Tạng và Thông chỉ cho chân đế, là pháp tánh khác với Biệt - Viên).

- Phần chứng tức: Từ Bát nhân địa đến Bồ-tát địa có bảy giai vị. 3/ Bát nhân địa là nhập Tam-muội vô gián, tám nhẫn đầy đủ, thiếu một phần trí. 4/ Kiến địa là tám trí đầy đủ, chóng dứt kiến hoặc ba cõi, phát vô lậu chân thật, thấy lý chân đế, tức vị kiến đạo của Ba thừa, ngang với Tu-đà-hoàn của Ba thừa. 5/ Bạc địa là Ba thừa dứt sáu phẩm tư hoặc của cõi dục, phiền não dần mỏng, ngang với Tư-đà-hàm của Tạng giáo. 6/ Ly dục địa, Ba thừa dứt sạch Tư hoặc cõi dục, ngang với A-na-hàm của Tạng giáo. 7/ Dĩ Biện địa, Ba thừa dứt hết phiền não của ba cõi, như đốt cây thành tro, ngang với A-la-hán của Tạng giáo. Người Thanh văn thừa dừng ở đây. 8/ Bích-chi-phật địa, Trung thừa căn tánh lanh lợi, trừ cả tập khí như đốt cây thành tro, ngang với Bích-chi-phật của Tạng giáo. 9/ Bồ-tát địa, căn tánh Đại thừa, tối thắng tối lợi, dứt hết phiền não đồng với Nhị thừa, mà không trụ Niết-bàn, tu tập để nhuận sinh, đạo quán song lưu, du hí thần thông làm thành thục chúng sinh, thanh tịnh cõi nước Phật. Ở đây khác với Bồ-tát của Tạng giáo. Tạng giáo vì giáo hóa Nhị thừa, nên tạm nói Bồ-tát hàng phục lậu hoặc chứ chẳng dứt bỏ, chính bị giáo này phá, đâu có bình độc mà lấy đựng đề hồ.

- Cứu cánh tức: Phật địa thứ mười, nếu cơ duyên chín muồi, dùng một niệm tuệ tương ưng, dứt tập khí còn sót lại, ngồi dưới cây Bồ-đề bảy báu, lấy áo trời làm tòa, hiện ứng thân hơn kém (sinh thân phần đoạn cho nên kém, như núi Tu-di cho nên hơn) vì căn tánh ba thừa, xoay bánh xe pháp Tứ đế vô sinh, duyên hết thì nhập diệt. Chính tập đều dứt, như kiếp hỏa thiêu đốt tro than đều sạch, ngang với quả Phật của Tạng giáo.

Giáo này cũng đủ căn tánh ba thừa, đồng lấy Diệt đế làm cửa đầu tiên. Nhưng Nhị thừa độn căn, chỉ thấy "Không" mà chẳng thấy "Bất không", vẫn cùng Tạng giáo đồng quy về đoạn diệt, nên gọi là Thông tiền. Ba thừa lợi căn, chẳng những thấy "Không", còn thấy cả "Bất không". Bất không tức là Trung đạo, sẽ được Biệt - Viên đến tiếp, nên gọi là Thông hậu. Trung đạo lại chia làm hai. Một là đãn trung, chỉ có lý tánh, không đủ các pháp. Người thấy đãn trung được xếp vào Biệt giáo. Hai là Viên trung, lý này viên diệu đủ tất cả pháp. Người thấy Viên trung tiếp nhập Viên giáo, theo sự tiếp nhập này lại y cứ có ba vị.

1/ Thượng căn: Bát nhân kiến địa được tiếp.

2/ Trung căn: Bạc địa - Ly dục địa được tiếp.

3/ Hạ căn: Dĩ Biện địa - Bích-chi-phật được tiếp.

Theo ba vị được tiếp này, mỗi vị lại có hai nghĩa tiếp vị và thắng tấn. Nếu Tiếp vị tiếp thì hoặc đồng với Thập Hồi hướng của Biệt giáo, hoặc đồng với Thập Tín của Viên giáo. Nếu Thắng tấn tiếp thì hoặc lên Sơ địa của Biệt giáo, hoặc lên Sơ trụ của Viên giáo. Đã được tiếp rồi, thật là Bồ-tát Biệt giáo và Viên giáo. Ở trong giáo này, vẫn còn gọi là Bồ-tát địa thứ chín. Đến lúc cơ duyên chín muồi, thị hiện thành Phật, là Biệt địa Viên trụ, đến thị hiện thân lớn cao nhất trên thế gian. Chẳng phải do Thông giáo dạy đạo được thành Phật. Thông giáo vẫn không có nghĩa thành Phật thật, huống chi là Tạng giáo ư? Quả Phật của Tạng giáo cũng đều là chỗ hiện ứng thân kém cỏi của Biệt Địa Viên Trụ.

Mười pháp thành thừa:

1- Nói về cảnh quán, sáu đường ấm nhập, năng quán sở quán đều như huyễn hóa.

2- Nói về phát tâm, Nhị thừa Duyên giác tự hành, Bồ-tát thể huyễn nên gồm cả người, ban vui cứu khổ giống như bóng trong gương.

3- Chỉ quán an tâm như không.

4- Dùng tuệ huyễn hóa phá kiến - tư huyễn hóa.

5- Tuy biết KHỔ - TẬP trôi lăn sáu tệ v.v... đều như huyễn hóa mà cũng dùng ĐẠO - DIỆT huyễn hóa hoàn diệt sáu độ v.v...

6- Dùng tâm không thật có đắc tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

7- Thể theo pháp vô thường, khổ, không của Tam tạng giáo, như huyễn mà trị.

8- Biết Càn tuệ v.v... vị thứ như huyễn mà không lẫn lộn.

9- An nhẫn vị trí càn tuệ, dẹp các tướng trong ngoài mà nhập tánh địa.

10- Không dính mắc Tánh địa tương tợ pháp ái, mà nhập Bát Nhân kiến địa chứng chân, lợi độn phân biệt như trước đã nói.

III. Biệt giáo nói Giáo - lý, trí - đoạn, hạnh - vị, nhân - quả khác với hai giáo Thông và Tạng ở trước, khác với Viên giáo ở sau nên gọi là Biệt. (Giáo thì dành riêng cho Bồ-tát; Lý thì cách lịch ba đế; Trí thì ba trí thứ lớp; Đoạn thì ba hoặc trước sau; Hạnh thì năm hạnh khác nhau; Vị thì vị chẳng thâu nhau; Nhân thì một nhân phát xuất riêng, không tức hai bên; Quả thì một quả không dung các vị khác nhau). Giáo này giải thích Tứ đế vô lượng (Khổ có tướng vô lượng, vì mười pháp giới khác nhau. Tập có tướng vô lượng vì ngũ trụ phiền não khác nhau. Đạo có tướng vô lượng vì Hằng sa Phật pháp khác nhau. Diệt có tướng vô lượng vì các pháp ba-la-mật khác nhau), cũng giải thích mười hai nhân

duyên sinh diệt không thể nghĩ bàn (chi mạt vô minh là sinh nhân phần đoạn, căn bản vô minh là sinh nhân biến dịch), cũng giải thích sáu độ, mười độ không thể nghĩ bàn (trong Bát-nhã thứ sáu, lại mở bốn thứ quyền trí trí, phương tiện, nguyện lực, cộng thành mười độ. Trong mỗi độ nhiếp tất cả pháp, sinh tất cả pháp, thành tất cả pháp, nhiều như cát sông Hằng), cũng giải thích hai đế trong hiển (huyễn hữu, huyễn hữu tức Không, đều gọi là tục. Bất hữu, bất không là chân), cũng giải thích hai đế Viên nhập Biệt (huyễn hữu, huyễn hữu tức không, đều gọi là Tục, bất hữu, bất không; tất cả pháp thú hướng chẳng phải có chẳng phải không là chân), cũng giải thích ba đế Biệt (khai tục là hai đế, đối chân là Trung. Lý trung mà thôi), cũng giải thích ba đế Viên nhập Biệt (Nhị đế đồng như trên, điểm chân Trung đạo, đầy đủ Phật pháp) khai thị Bồ-tát độn căn giới ngoại, khiến tu thứ lớp Ba quán (trước KHÔNG, kế GIẢ, sau TRUNG) ra khỏi hai thứ sinh tử phần đoạn và biến dịch; chứng Niết-bàn vô trụ Trung đạo. Cũng ở giáo này tự nói về sáu tức.

- Lý tức: Là đãn trung. Chân như pháp tánh, tùy duyên bất biến. Ở trong sinh tử mà chẳng nhiễm, chứng Niết-bàn mà chẳng phải tịnh. Vượt khỏi hai bên, chẳng tức các pháp, nên y theo Viên giáo, phán định là "đãn trung".

- Danh tự tức: Là giải nghĩa. Kính tin chân như pháp tánh, ở phàm không bớt, ở Thánh không thêm. Chỉ vì khách trần che đậy mà không chứng đắc, trước phải nhờ duyên tu giúp pháp chân tu, mới có thể khắc chứng.

- Quán hạnh tức: Vị ngoại phàm Thập Tín: 1. Tín tâm, 2. Niệm tâm, 3. Tinh tấn tâm, 4. Tuệ tâm, 5. Định tâm, 6. Bất thối tâm, 7. Hồi hướng tâm, 8. Hộ pháp tâm, 9. Giới tâm, 10. Nguyện tâm.

Trước đã tín ngưỡng Trung đạo, dùng để quán nhân duyên sinh diệt, hàng phục phiền não Kiến - tư của ba cõi, nên gọi là Phục nhẫn. Ngang với Càn Tuệ Tánh Địa của Thông giáo.

- Tương tợ tức: Vị nội phàm ba mươi tâm là vị Tam hiền.

Thập trụ đầu tiên là:

1- Phát tâm trụ: dứt kiến hoặc ba cõi, ngang với Kiến địa của Thông giáo.

2- Trị địa trụ

3- Tu hành trụ

4- Sinh quý trụ

5- Phương tiện cụ túc trụ

6- Chánh tâm trụ.

7- Bất Thối trụ, dứt sạch tư hoặc ba cõi, ngang với Dĩ Biện địa của Thông giáo.

8- Đồng Chân trụ.

9- Pháp Vương Tử trụ.

10- Quán đảnh trụ: dứt hoặc trần sa giới nội, ngang với Phật địa của Thông giáo.

Thập trụ này gọi là "Tập chủng tánh" (Nghiên cứu tu tập tánh KHÔNG). Dùng pháp quán từ giả nhập KHÔNG, thấy chân đế, khai mở mắt tuệ thành Nhất thiết trí. Đi ba trăm do-tuần chứng vị Bất thối.

Kế đó là Thập Hạnh:

1- Hoan hỷ hạnh	2- Nhiêu ích hạnh
3- Vô sân hận hạnh	4- Vô tận hạnh
5- Ly si loạn hạnh	6- Thiện hiện hạnh
7- Vô Trước hạnh	8- Tôn Trọng hạnh
9- Thiện Pháp hạnh	10- Chân Thật hạnh.

Thập Hạnh này gọi là "Tánh chủng tánh" (Phân biệt giả tánh). Dùng quán từ KHÔNG vào GIẢ, học khắp bốn môn giáo, dứt hoặc trần sa giới ngoại, thấy tục đế, khai mở mắt pháp, thành "Đạo chủng trí".

Kế, là Thập Hồi Hướng:

1- Cứu hộ chúng sinh ly chúng sinh Tướng hồi hướng.

2- Bất hoại hồi hướng.

3- Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng.

4- Chí nhất thiết xứ hồi hướng.

5- Vô Tận công đức tạng hồi hướng.

6- Tùy thuận Bình đẳng thiện căn hồi hướng.

7- Tùy thuận đẳng quán nhất thiết Chúng sinh hồi hướng.

8- Chân như Tướng hồi hướng.

9- Vô phược giải thoát hồi hướng.

10- Pháp giới vô lượng hồi hướng.

Thập Hướng này gọi là "Đạo chủng tánh" (Trung đạo năng thông), tu tập quán TRUNG, hàng phục vô minh. Đi bốn trăm do tuần, ở cõi Phương Tiện Hữu Dư, chứng hạnh bất thối.

- Phần chứng tức Phật. Thập địa Thánh chủng tánh (chứng nhập Thánh địa) và Đẳng giác tánh (dưới Phật một bậc).

1- Sơ hoan hỷ địa: Vị kiến đạo, dùng quán Trung đạo thấy Đệ nhất Nghĩa đế, khai mở mắt Phật thành Nhất thiết Chủng trí. Đi năm trăm do-tuần, mới vào cõi Thật Báo Vô Chướng Ngại; mới đến đảo châu báu, chứng niệm bất thối, được đạo vô công dụng, tùy cơ duyên đáng

giáo hóa, có khả năng thành Phật ở một trăm cõi, tám tướng thành đạo, lợi ích chúng sinh.

2- Ly Cấu địa 3- Phát quang địa

4- Diệm Tuệ địa 5- Nan Thắng địa

6- Hiện tiền địa 7- Viễn hành địa

8- Bất động địa 9- Thiện Tuệ địa

10- Pháp Vân địa.

Mỗi địa dứt một phẩm vô minh, chứng một phần Trung đạo, lại phá một phẩm vô minh, nhập vị Đẳng giác, còn gọi là Kim Cương Tâm, cũng gọi là Nhất sinh Bổ xứ, cũng gọi là Hữu Thượng sĩ.

- Cứu cánh tức Phật: Diệu Giác tánh (diệu cùng, giác đủ) từ hậu tâm Kim Cương lại một phẩm vô minh. Nhập vị Diệu giác, ngồi tòa đại bảo hoa vương, dưới gốc cây Bồ-đề bằng bảy báu, trong thế giới Liên Hoa Tạng, hiện Báo thân viên mãn, (lượng đồng với trần sát, tướng tốt nhiều như cát bụi) vì Bồ-tát độn căn, xoay bánh xe pháp Tứ đế vô lượng.

Tên giáo này vì dành riêng cho pháp Bồ-tát, lấy Đạo đế của giới ngoại làm cửa đầu tiên (Đạo đế của Tạng và Thông, tức Tập của giới ngoại. Diệt đế của Tạng và Thông, tức Khổ của giới ngoại. Nên dùng Đạo đế giới ngoại để trị). Không còn Nhị thừa mà có thể tiếp thông. Ba thừa Thông giáo sau khi đã được tiếp đều gọi là Bồ-tát, chẳng còn gọi là Nhị thừa. Mười pháp thành thừa là:

1- Duyên cảnh Trung đạo đăng địa làm Sở quán, vượt ngoài có - không.

2- Chân chính phát tâm khắp vì pháp giới.

3- An tâm chỉ quán, định ái, tuệ sách.

4- Thứ lớp phá khắp ba hoặc.

5- Biết thứ lớp ba quán là thông, Kiến hoặc, tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc là bít. Truyền truyền xem xét thì bít khiến thông.

6- Điều hòa ba mươi đạo phẩm là đuốc báu đà-la-ni của Bồ-tát vào ba cửa giải thoát. Chứng trung vô lậu.

7- Dùng pháp môn Tạng và Thông ở trước, giúp cho khai thật tướng.

8- Khéo biết bảy vị khác nhau: Tín, Trụ, Hạnh, Hồi Hướng, Địa, Đẳng giác và Diệu giác, chẳng hề nói ta được vị Thánh tột cùng.

9- Lìa hai giặc nghịch, thuận, mạnh, yếu, thúc đẩy địa vị Tín thứ mười vào Thập Trụ.

10- Lìa tương tự pháp ái, thúc đẩy ba mươi tâm khiến vào Thập

địa.

IV. Viên Giáo: Là Viên diệu (Ba đế viên dung, không thể suy lượng), Viên dung (cả ba là một tướng tức không có khuyết giảm, Viên túc (thấy tròn vẹn sự lý một niệm đầy đủ), Viên đốn (thể không phải dần thành) nên gọi là Viên giáo, cái gọi là Viên phục (hàng phục trọn vẹn năm Trụ), Viên tín (viên thường chánh tín), Viên đoạn (một dứt tất cả dứt), Viên hạnh (một hạnh tất cả hạnh), Viên vị (một vị tất cả vị), Viên tự tại trang nghiêm (một tâm ba đế là sở trang nghiêm, một tâm ba quán là năng trang nghiêm), Viên kiến lập chúng sinh (cả bốn đều được lợi ích). Giáo này nói về Tứ đế vô tác (Ấm nhập đều như. Không có khổ để bỏ; vô minh, trần lao tức là Bồ-đề. Không có Tập để dứt, biên tà đều trung chính. Không có đạo để tu, sinh tử tức Niết-bàn. Không có diệt để chứng) cũng nói về mười hai nhân duyên bất sinh diệt không thể nghĩ bàn. (Vô minh, ái, thủ, phiền não tức Bồ-đề. Bồ-đề thông đạt không còn phiền não nữa, tức rốt ráo thanh tịnh, là Liễu nhân Phật tánh. Hành, hữu nghiệp tức giải thoát. Giải thoát tự tại là duyên nhân Phật tánh. Thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, sinh, già chết, khổ tức Pháp thân. Pháp thân không khổ không vui là an vui rộng lớn, bất sinh bất tử là thường, tức chính nhân Phật tánh. Nên Đại kinh chép: Mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh), cũng nói rõ sáu độ, mười độ xứng tánh (Thí là pháp giới. Tất cả pháp thú hướng thí. Sự thú hướng này không gì bằng), cũng nói về nhị đế không thể nghĩ bàn (huyễn hữu, huyễn hữu tức không đều là tục. Tất cả các pháp hướng về có, hướng về không, hướng về chẳng phải có chẳng phải không là chân. Chân tức là tục, tục tức là chân. Như châu như ý, châu dụ cho chân, dụng dụ cho tục. Tức châu là dụng, tức dụng là châu. Không hai mà hai, phân ra chân tục), cũng nói về Ba đế viên diệu (Chẳng những Trung đạo đầy đủ Phật pháp, mà chân - tục cũng vậy. Ba đế viên dung, một ba, ba một. Như chỉ quán nói). Khai thị Bồ-tát lợi căn giới ngoại, khiến tu một tâm ba quán (chiếu tánh thành tu, xứng tánh viên diệu. Chẳng dọc chẳng ngang, chẳng trước chẳng sau, cũng không cùng một lúc), vượt ngoài hai thứ sinh tử, viên chứng ba đức Niết-bàn. Chính theo giáo này mới nói về sáu tức. (Ba giáo trước tuy theo ngay mỗi giáo mà nói sáu tức nhưng đều chưa rốt ráo, vì cực quả của Tạng Thông chỉ đồng như tương tự tức Phật của giáo này. Diệu giác của Biệt giáo chỉ đồng với Phần chân tức Phật của giáo này. Lại theo những giáo kia, chỉ có sáu nghĩa chưa có nghĩa tức, vì chưa biết tâm, Phật và chúng sinh ba pháp không khác nhau. Nên đoạt mà nói. Cực quả của Tạng - Thông, Thập hồi hướng của Biệt đều

gọi là Lý tức. Vì chưa hiểu Viên - Trung. Đăng địa đồng với Viên, mới thành phần chứng).

1- Lý tức Phật : Lý tánh không thể nghĩ bàn, Như Lai tạng bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến. Hễ nêu bất cứ một pháp nào, không gì chẳng phải là pháp giới. Tâm - Phật - chúng sinh ba pháp không khác nhau. Ở phàm không bớt, ở Thánh chẳng thêm.

2- Danh tự tức Phật : Nghe hiểu, rõ biết một sắc một hương không gì chẳng phải Trung đạo. Lý đủ hai lớp sự, tạo, Tam thiên đồng ở trong một niệm. Như một niệm, tất cả các niệm cũng giống như thế. Như pháp tâm, tất cả pháp Phật và pháp chúng sinh cũng giống như thế.

3- Quán hạnh tức Phật : Vị ngũ phẩm ngoại phàm. (1) Tùy hỉ, (2) Đọc tụng, (3) Giảng nói, (4) Kiêm hành sáu độ, (5) Chánh hành sáu độ. Viên phục năm trụ phiền não, ngang với Thập Tín của Biệt giáo, lại rất cao siêu.

4- Tương tự tức Phật: Vị Thập Tín nội phàm. (Danh đồng với Thập Tín của Biệt giáo mà nghĩa thì khác xa). Sơ Tín nhậm vận, trước dứt kiến hoặc, chứng vị bất thối, ngang với Sơ Trụ của Biệt giáo, Kiến địa của Thông giáo, sơ quả của Tạng giáo. Từ tâm thứ hai đến tâm thứ bảy, nhậm vận dứt sạch kiến tư, ngang với Thất trụ của Biệt giáo, Dĩ biện của Thông giáo, Tứ quả của Tạng giáo, lại rất cao siêu. Nên Vĩnh Gia nói: Đồng trừ Tứ trụ, chỗ này thì bằng; nếu hàng phục vô minh thì Ba tạng kém hơn. Từ tâm thứ tám đến thứ mười, nhậm vận dứt hoặc trần sa của giới nội và giới ngoại. Đi bốn trăm do-tuần, chứng hành bất thối, ngang với Thập Hồi Hướng của Biệt giáo.

5- Phần chứng tức Phật: Là Thánh vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác (tên cũng đồng với Biệt giáo mà nghĩa khác xa).

Sơ Trụ dứt một phần vô minh, chứng một phần ba đức (Chính do lý tâm mà phát sinh, gọi là đức pháp thân. Liễu nhân do tuệ tâm phát sinh, gọi là đức Bát-nhã. Duyên nhân do thiện tâm phát sinh, gọi là đức giải thoát). Một tâm ba quán, hồn nhiên hiện tiền, đủ năm nhãn của Phật, thành tựu một tâm ba trí. Đi năm trăm do tuần, vừa đến đảo châu báu, mới ở Thật Báo Tịnh độ, cũng lại phần chứng Thường Tịch Quang Tịnh độ. Chứng niệm bất thối vô công dụng đạo, hiện thân ở một trăm cõi, tám tướng thành Phật; ngang với Sơ địa của Biệt giáo.

Từ Trụ thứ hai đến Trụ thứ mười, ngang với Thập địa của Biệt giáo.

Sơ Hạnh ngang với Đẳng giác của Biệt giáo. Nhị Hạnh ngang với

Diệu giác của Biệt giáo. Tam Hạnh trở lên đoạn trí đã có, người Biệt giáo không biết danh tự.

6- Cứu cánh tức Phật: Cực quả Diệu giác dứt bốn mươi hai phẩm vô minh sâu kín hết hẳn, rốt ráo lên đỉnh núi Niết-bàn, lấy hư không làm tòa, thành pháp thân thanh tịnh (mỗi tướng tốt bằng với pháp giới chân thật) ở phẩm thượng thượng tại Thường Tịch Quang Tịnh độ, cũng gọi phẩm thượng thượng ở Thật Báo Vô Chướng Ngại Tịnh độ, tánh tu bất nhị, lý sự bình đẳng.

Giáo này gọi là Phật pháp tối thượng, cũng gọi là pháp Vô phân biệt, lấy Diệt đế của giới ngoại làm cửa đầu tiên, đương thể tức Phật, mà hay tiếp Biệt, tiếp Thông. Tiếp Biệt là tiếp người Thập Trụ thượng căn, người Thập Hạnh Trung căn, người Thập Hồi hướng hạ căn được tiếp. Theo vị mà tiếp tức thành Thập Tín; thắng tấn tiếp tức lên Sơ Trụ. Tiếp Thông thì giống như trong Thông giáo đã nói. Nên nói: Biệt giáo tiếp Hiền, không tiếp Thánh. Thông giáo tiếp Thánh chẳng tiếp Hiền, vì Biệt nếu đăng địa thì gọi là Thánh, chứng đạo đồng Viên; không bàn về tiếp nữa. Bát nhân trở lên của Thông giáo được gọi là Thánh mới có thể nhận tiếp. Như hai bậc Hiền ở Càn Tuệ Tánh và Càn Tuệ Địa chỉ có thể gọi là chuyển nhập Biệt Viên, chưa được gọi là Tiếp.

Nếu Tạng giáo chưa nhập vị Thánh, cho nên có nghĩa chuyển nhập Thông - Biệt - Viên. Sau khi nhập vị Thánh rồi, bảo vệ quả không tiến tới trước thì trọng không có nghĩa tiếp, đợi đến Pháp Hoa mới được hội nhập vào Viên.

Mười pháp thành thừa là:

1- Quán cảnh không thể nghĩ bàn (xe này cao rộng).

2- Chân chính phát tâm Bồ-đề (lại ở trên xe có trưng bày cờ phướn, lọng báu).

3- Khéo léo an tâm chỉ quán (trong xe có đặt gối đỏ).

4- Dùng viên ba quán phá hết ba hoặc (xe nhanh như gió).

5- Khéo biết thông - bít (ngoài xe gối cũng lót lưng làm vách ngăn).

6- Điều hòa đạo phẩm vô tác, bảy khoa ba mươi bảy phần (có trâu trắng lớn béo mập sức mạnh, v.v...).

7- Dùng pháp môn sự tướng của Tạng - Thông - Biệt để giúp khai mở lý Viên (lại có nhiều tôi tớ theo hầu hạ canh gác).

8- Biết vị thứ để không sinh tâm tăng thượng mạn.

9- An nhẫn, sách tấn năm phẩm mà vào Thập Tín.

10- Lìa pháp ái, khích lệ Thập Tín khiến nhập Thập Trụ cho đến

Đẳng giác, Diệu giác (xe là xe báu, dạo khắp bốn phương, thẳng đến đạo tràng). Bậc thượng căn quán cảnh tức đối với cảnh đầy đủ mười pháp. Trung căn từ hai lần lượt đến sáu. Theo mỗi thứ được đủ mười pháp. Hạ căn phải dùng đủ mười. Lại nên biết, nói ba giáo trước vì để ngăn ngừa nghiêng lệch. Chỗ nhắm của ý văn chính là nhắm vào đây.

PHỤ CHUYỂN TIẾP ĐỒNG HỘI TÁ THUYẾT

*** Chuyển:**

- Bảy Hiền của Tạng giáo được chuyển nhập vào Thông - Biệt - Viên.

- Càn Tuệ Tánh và Càn Tuệ Địa của Thông giáo, được chuyển nhập vào Biệt - Viên.

- Thập Tín của Biệt giáo được chuyển nhập vào Viên, ba dạng trên đều không gọi là Tiếp, vì chỉ ở Sơ tâm, gót chân chưa cứng, nên chỉ gọi là chuyển.

*** Tiếp:**

- Bát nhân kiến địa, Bạc địa, Ly dục, Dĩ biện, Bích-chi-phật của Thông giáo được tiếp nhập vào Biệt - Viên.

- Trụ, Hạnh, Hồi hướng của Biệt giáo được tiếp nhập vào Viên.

Vì căn có lợi - độn nên tiếp có chậm - mau. Như đem đào lý tốt tiếp đào lý bình thường kia, nên gọi là Tiếp.

*** Đồng:**

- Thập Địa của Biệt giáo chứng đạo đồng viên không còn gọi là tiếp. Chỉ còn cái thô của giáo đạo. Vì đợi Pháp Hoa khai hội thành Diệu Giác.

- Sơ trụ của Biệt giáo, Kiến địa của Thông giáo, Sơ quả của Tạng giáo cũng được theo hoặc bị dứt bỏ gọi là Đồng.

*** Hội:**

- Khai bảy Hiền của Tạng, Càn Tuệ Tánh, Địa của Thông, Thập Tín của Biệt tức Ngũ phẩm của Viên.

- Khai Sơ quả của Tạng, Kiến địa của Thông, Sơ trụ của Biệt tức Sơ Tín của Viên.

- Khai bốn quả của Tạng, Dĩ biện của Thông, Thất Trụ của Biệt tức Thất Tín của Viên.

- Khai Thập Hồi hướng của Biệt, tức Thập tín của Viên.

- Khai Thập Địa của Biệt tức Thập Trụ của Viên (bắt đầu ở kinh Pháp Hoa).

*** Tá:**

- Muốn tiếp Thông nhập Biệt thì trước dùng Biệt để rõ Thông. Như nói Hoan hỷ địa dứt kiến hoặc; Viễn Hành địa dứt tư hoặc, v.v...

- Muốn bao gồm Biệt ở Thông, thì mượn Thông để nói Biệt. Như nói Tu-đà-hoàn hoặc trí, hoặc đoạn, là pháp nhẫn vô sinh của Bồ-tát, v.v...

- Muốn tiếp Biệt nhập Viên, trước mượn Viên để nói Biệt, như nói Sơ Trụ có khả năng hiện tám tướng, còn có khổ nhỏ nhiệm.

- Muốn bao gồm Viên ở Biệt, thì trước mượn biệt để rõ Viên, như nói ba Hiền mười Thánh trụ quả báo, v.v...

Hỏi: Chỉ y theo Viên giáo chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật, há chẳng thỏa thích thẳng tắt, đâu cần dây dưa như thế này làm gì?

Đáp: Lục Tổ Đại sư chẳng nói hay sao? Pháp pháp đều thông, pháp pháp đều đủ, mà không một pháp nào thật có, gọi là Tối thượng thừa.

Còn có một pháp chưa thông là bị pháp này cột, còn có một pháp chưa đủ là bị pháp này dẫn dắt. Đã bị cột bị dắt nên đối với pháp mầu không thể được, nhận lầm là dây dưa. Lâm Tế nói: Biết giữ cương tông, vốn không có pháp thật. Nếu ông muốn bỏ dây dưa mà riêng cầu pháp thật ư? Đại sư Vĩnh Minh nói: Bắt được chim là từ một mắt lưới, chẳng thể lấy một mắt này mà phế bỏ các mắt còn lại. Lấy được công là nhờ một nước cờ. Không thể lấy một nước cờ mà bỏ các nước cờ khác. Pháp và dụ đã rõ ràng, sao chẳng suy nghĩ?

Hỏi: Tạng và Thông giáo đồng giảng rõ Chân đế, vì sao Tạng lấy bốn quả làm rốt ráo, Thông thì lấy Phật địa làm rốt ráo?

Đáp: Tạng giáo là vì Nhị thừa, Thông giáo là vì Bồ-tát.

Hỏi: Cũng đều dứt hoặc kiến - tư, vì sao Tạng, Thông gọi là Thánh, và Biệt - Viên lại gọi là Hiền?

Đáp: Tạng và Thông nói chân, nên thấy chân thì được gọi là Thánh. Biệt và Viên nói Trung, nên thấy Trung thì được gọi là Thánh, thấy chân chỉ có thể gọi là Hiền.

Hỏi: Bốn Gia hạnh của Tạng tánh và địa của Thông, đã gọi là tương tợ, vì sao chỉ bằng quán hạnh của Biệt - Viên?

Đáp: Thánh vị của Tạng và Thông đã thành nội phàm của Biệt và Viên, thì nội phàm của Tạng và Thông chỉ thành ngoại phàm của Biệt và Viên, còn nghi gì nữa?

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

PHƯƠNG ĐẲNG TAM MUỘI HÀNH PHÁP

SỐ 1940

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1940

LỜI TỰA PHƯƠNG ĐẲNG TAM-MUỘI HÀNH PHÁP

Đời Tống, Sa-môn Tuân Thức soạn Lời Tựa.

Giáo quyển của Sơn môn từ cuối đời Đường phần nhiều truyền sang nước ngoài (Tây Trúc) hoặc có mục lục mà chưa thấy văn. Người học lo lắng vì xa cách sông biển. Về Phương Đẳng Tam-muội Hành pháp này thì vào đời Tống, niên hiệu Hàm Bình năm thứ sáu, do vị tăng Nhật-bản là Tịch Chiếu mang đến. Tuy từ Đông quốc đến nếu Tây Càn mới dịch thì tải phi tải ốc đều dâng đề hồ. Trộm nghĩ Phương Đẳng rất tôn quý, pháp cấm rất nghiêm mật. Nếu chẳng do pháp Thánh sự xuất xứ từ tâm thầy thì đâu chỉ vời lấy lời quở trách là vô ích hay cũng bị trách các tội khác. Ngài Nam Nhạc đã thực hành pháp này trong bảy năm, lý suốt mầu nhiệm, vị tịnh sáu căn, lời nói phù hợp với Phật trước, Đại sư hỏi han còn đó huống phát tổng trì để lại sách này đủ làm phép tắc. Thời nay hoặc đàn tràng rộng lớn hình tượng nguy nga. Hành pháp thì nửa nhậm ức năm, luật phạm thì hoàn toàn do tâm tượng. Nếu bảo giai tiết bảy chung thì càng vượt xa khoa Thượng thủ. Tuy nói tượng nhiều không diệu cần phải hợp tiện biểu pháp, vừa sợ chưa dứt nghiệp cũ lại thêm lo mới, mà nhiễm y thêm cấu, bởi rất đáng thương, vậy hành pháp này có sáu thiên, mà hai thiên sau chẳng chép. Người tu hành đầy đủ Bách Lục Chỉ Quán thọ giới đủ nêu ở kinh này mà chỉ rõ Thiên mục giúp cho biết pháp có đầu cuối.

SỐ 1940

PHƯƠNG ĐẲNG TAM-MUỘI HÀNH PHÁP

Đại sư Trí Giả Đời Tùy giảng, đệ tử là Quán Đảnh ghi lại.

Sách này gồm có sáu thiên:
1. Phương Đẳng Bí Pháp Đủ Sáu Duyên
2. Phương Đẳng Bí Pháp Biết Già Chướng
3. Phương Đẳng Bí Pháp Cấm Pháp
4. Phương Đẳng Bí Pháp Nội Luật Yếu Quyết
5. Phương Đẳng Bí Pháp Tu Hành
6. Phương Đẳng Bí Pháp Thọ Giới.

I. ĐỦ SÁU DUYÊN: (1/ Pháp duyên; 2/ Thiện tri thức ; 3/ Phương tiện trước; 4/ Biện y; 5/ Hành pháp; 6/ Cúng dường).

1/ Pháp duyên: Theo kinh có chung có riêng. Pháp chung: như cuối quyển một, bảy chúng chung làm: Bảy ngày yếu tâm hành pháp, tụng ba bài chú. Kinh nói bấy giờ, Thượng Thủ bảo Hằng-già rằng: Nếu người thiện nam thiện nữ nào muốn nghe, thì ông phải hiện thân trước người ấy ở trong mộng. Nếu người ấy thấy thân ông, thì phải dạy thực hành thật pháp như thế. Nếu khi muốn làm thì phải bảy ngày trường trai, mỗi ngày ba thời tắm gội mặc áo sạch đẹp, ngồi trước hình tượng Phật làm lọng năm mầu, vào ngày rằm tháng tám mà thực hành pháp này. Nếu chúng sinh phạm năm tội nghịch, thân bị bệnh (cùi hủi) mà không hết thì không có việc đó. Nếu Bồ-tát hai mươi bốn giới, mười giới sa-di, giới Thức-xoa-ma-na, Sa-di ni, giới Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, các giới như thế nếu phạm mỗi giới thì phải một lòng sám hối, nếu chẳng sinh lại, thì không có việc ấy, trừ chẳng dốc lòng, đó gọi là pháp tướng chung.

Nói pháp tướng riêng, như đầu quyển bảy, bảy chúng hành pháp giai tiết đều khác, tụng chú cũng khác. Như kinh chép: Nếu có Tỳ-kheo phá hủy bộn giới trọng cấm mà tâm nhớ nghĩ chú Đà-la-ni này, thỉnh một Tỳ-kheo làm người chứng minh sám hối. Như kinh tụng chú một ngàn bốn trăm biến xong là một sám hối, trải qua tám mươi bảy ngày,

sám hối xong, thì các giới căn ấy nếu chẳng sinh lại thì không có việc ấy. Nếu thấy Tỳ-kheo ni hủy tám trọng cấm, nếu muốn diệt tội tám trọng cấm, thì thỉnh một Tỳ-kheo làm người chứng minh sám hối, tu hành chín mươi bảy ngày tụng bốn mươi chín biến chú là một sám hối, theo thầy tu hành, nếu các nghiệp ác ấy chẳng trừ hết thì không có việc đó. Nếu có Bồ-tát thọ tám trọng cấm sau đó hủy đức, mà tụng sáu trăm biến chú là một sám hối. Khi sám hối phải thỉnh một Tỳ-kheo, đối trước vị đó mà kể rõ tội lỗi, trải qua sáu mươi bảy ngày. Ở trong mộng tưởng như trên đã nói. Nếu Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kém cỏi cũng thỉnh một Tỳ-kheo, tụng bốn mươi biến chú, là một sám hối. Như thế thứ lớp bốn mươi bảy ngày xong như đã nói trên. Trong mộng được hai việc, phải biết là Sa-di, Sa-di ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di ấy trụ giới thanh tịnh, đó gọi là pháp Hành Tướng riêng.

Hỏi: Cuối quyển một nói Thượng Thủ bảy ngày yếu tâm chung cho bảy chúng, mười điều ác, năm tội nghịch đều được tiêu trừ. Vì sao đầu quyển bốn đều là pháp Biệt hành. Ngày có dài ngắn, tụng chú cũng khác? Đáp: Ngài Văn-thù đại bi hỏi Đức Thế tôn khi Phật đã diệt độ rồi, nếu có Tỳ-kheo phạm bốn tội trọng, Tỳ-kheo ni phạm tám tội nặng cho đến giới Bồ-tát. Lại Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà phạm trọng cấm, các tội như thế làm sao diệt hết. Phật nói: vì ông hỏi nên ta sẽ nói, nếu ông chẳng hỏi ta chẳng bao giờ nói. Nay đã nói sám pháp đều khác, số ngày khác nhau, cho nên biết Thượng Thủ bảy ngày yếu tâm chẳng thể khiến người phạm lỗi nặng tu hành thật pháp này. Vì sao? Vì hiện đời nghiệp chướng đã phạm quá nặng, nếu chẳng thêm công hạnh thì không do đâu mà diệt tội. Cho nên Đức Thế tôn thương xót Văn-thù đặt câu hỏi, ở đời ác trược mà cứu bảy chúng tội khổ địa ngục nên lập ra Biệt tướng sám hối.

- Pháp sám hối tám mươi bảy ngày (chỉ có Đại Tỳ-kheo thực hành pháp này)

Chú rằng: Ly bà ly bà đế Cầu ha câu ha đế Đà la ly đế Ni a la đế Tỳ ma ly đế Tá ha.

Sám bốn trọng tội đọc mười ngàn bốn trăm biến là một sám hối.

- Pháp sám hối chín mươi bảy ngày (chỉ có Đại Tỳ-kheo-ni sám hối tám giới cấm)

Chú rằng: A bệ ly bà kỳ la đế La đế bà ma la đế La đế Tá ha.

(Sám tám trọng cấm tụng chú hai mươi chín biến là một sám hối).

- Pháp sám hối sáu mươi bảy ngày (chỉ có người thọ giới Bồ-tát

thực hành pháp này)

Chú rằng: Bà la lệ Cầu na la lệ Kỳ na la lệ Già na lệ A lệ na lệ A đế na đế A đế na lệ A đế na lệ tá ha.

(Sám tám giới trọng cấm tụng chú sáu trăm biến là một sám hối).

- Pháp sám hối chín mươi bảy ngày (đây chỉ cho Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thực hành pháp này. Thức-xoa tuy chẳng nói nhưng cũng phải thực hành).

Chú rằng: Luật dà la đế Mộ dà la đế A đế ma la đế Đô dà la đế Bà la đế bà tòa la yết đế Tòa la yết đế Đậu la xa yết đế Tỳ xa yết đế Ly bà yết đế Bà la lệ a lệ Tỳ la a lệ tá ha.

(Phạm giới trọng cấm tụng chú này bốn trăm biến là một sám hối). Như trên sám hối đều thỉnh một Tỳ-kheo hiểu rõ luật nghi trong ngoài. Phải tự kể rõ tội, đối trước hình tượng để nghe cho rõ. Cảnh giới chỗ cầu như văn kinh nói. Pháp đạo tràng, y phục đạo cụ tắm gội sạch sẽ, một bề y bảy ngày hành pháp chẳng cầu mộng thấy vương tướng, chẳng hạn số người nhiều ít, vào đạo tràng cũng không nhất định, đủ sức thì làm. Nếu có người tu tự xét văn kinh, ở đây lược bỏ chẳng chép.

- Pháp sám hối chín mươi bảy ngày yếu tâm Thượng thủ.

Chú rằng: Nam-mô Quật quật điệt tả Đới đề dị cần Na dà đa di sa ha Đa điệt tha Bổ kỳ ẩm bà Uất bà đa tỳ da Bổ kỳ lẫm bà Liệt phá la A nậu đa la tha Phục đắc cứu tri Bổ lẫm kỳ bà sa ha.

Nam mô Ma ha Phù đà tỳ Nam-mô Ma ha ly ba Phù đà ha Nam-mô Hoa tụ Đà la ni Tỳ xá xà trất thâu Đô dà lâm Đản tra lâm Cùng dà lâm Đà dà cấm A lệ Na lệ Na la lệ sa ha.

(Chú này chẳng được dùng để trị bệnh và mong cầu).

2/ Thiện tri thức duyên. Có ba thứ: Một là thiện tri thức Ngoại hộ, tức là gánh vác việc chúng, cung cấp chỗ cần, lại giúp đỡ người tu thêm các việc lành, cũng như mẹ hiền nuôi con thơ, chớ để người tu nghĩ ngợi; Hai là thiện tri thức Đồng hành, tức là người hành đạo đồng đi một đường, khuyến phát lẫn nhau, lìa các ngã nhân. Nếu thấy người đồng hành có tình niệm sinh lỗi, liền phải khởi tâm thương xót, đúng pháp mà dẫn dắt, như người bị lửa đốt đầu đốt áo, cứu khiến mau tắt lửa, nếu chưa tắt thì chẳng an. Cũng như tự thân mình bị độc hại, không có niệm gì khác, chỉ làm lợi ích an lạc người tu, giúp thêm lớn pháp thân, khuyên gắng tu tiến, khéo hòa vui không tranh cãi, như nước hợp với sữa, như đồng một thuyền, được mất cùng đi. Người tu cũng như vậy, khuyên phát chưa nghe, đồng được cam lộ, ngồi thuyền phương tiện đến biển

Tát-bà-nhã; Ba là thiện tri thức Giáo thọ, nghĩa là hành đạo lâu ngày thân làm rõ ràng, chỗ ấn hơn người, hiểu tướng luật trong ngoài, biết giá chướng, biết thông bít, được mời làm chủ đạo tràng, đón tới đưa đi, ngày ba thời lễ bái, trăm vị ăn uống cúng dường. Phải nghĩ người này như thầy thuốc vua, nghĩ mình như bị bệnh ghẻ nhọt, phải nghĩ người này là trời người, nghĩ mình như ở ba đường ác. Phải nghĩ người này là cầu bến, nghĩ mình như người bị té, xuống nước, phải nghĩ người này như đường chánh, nghĩ mình như kẻ lạc đường. Phải nghĩ người này như người sinh nước An Lạc, nghĩ mình như kẻ bị lao tù. Vì sinh tâm kính trọng nên khiến tất cả tội chướng đạo đều diệt. Nếu không như người trên chỉ khiến giới căn thanh tịnh, phao nổi cứu nhau, tuy chẳng thể nói lời biện rõ, nói rộng pháp tướng thì cũng được làm người kế thiện tri thức.

3/ Duyên phương tiện trước: Bảy ngày hành đạo, tụng chú lanh lợi, chí thành lễ sám. Thỉnh mười hai Mộng Vương cầu xin thấy hình tướng. Nếu cảm thấy mỗi tướng, mới được thực hành sám pháp như thế. Kinh nói: Nếu có nam nữ ở trong mộng tu thần thông bay đi được, có phướn lọng thêu vẽ theo sau người này, người thấy như thế liền gọi là Tổ-trà-la. Nếu có nam nữ ở trong mộng thấy hình tượng tháp miếu xá-lợi có đại chúng tăng nhóm họp, người thấy như thế tức là Càn Trì-la. Nếu có nam nữ ở trong mộng thấy Quốc vương Đại thần mặc áo sạch đẹp cỡi ngựa trắng, người thấy như thế tức là Mầu-trì. Nếu có nam nữ ở trong mộng ngồi trên lạc đà như núi cao, người thấy như thế tức là Đa-lâm-la. Nếu có Tỳ-kheo cầu pháp này, ở trong mộng thấy ngồi trên tòa cao đọc tụng Bát-nhã, người thấy như thế tức là Ba-lâm-la. Nếu có Tỳ-kheo ở trong mộng đến dưới gốc cây, trên giới đàn mà thọ giới Cụ túc, người thấy như thế tức là Đàn-lâm-la. Nếu có Tỳ-kheo ở trong mộng ngồi trước hình tượng Phật thỉnh chúng tăng bày các đồ cúng dường, người thấy như thế tức là thiền Đa-lâm-la. Nếu có Tỳ-kheo ở trong mộng thấy có một cây hoa trái xinh tươi, ở dưới gốc cây mà nhập thiền Tam-muội, người thấy như thế tức là Cùng-già-lâm-la.

(Bốn tướng trên là tướng xuất gia Tỳ-kheo).

Nếu có vị vua ở trong mộng đeo mang dao kiếm đi khắp bốn phương. Người thấy như thế tức là Ca-lâm-la. Nếu có Đại thần ở trong mộng thấy có những người dùng các bình nước tắm gội thân, thoa các thứ hương thơm, mặc áo sạch đẹp, người thấy như thế tức là Cùng-già-lâm-la. Nếu có phu nhân ở trong mộng thấy ngồi dê trắng đi xuống chỗ nước sâu, ở trong nước ấy có các con rắn độc, người thấy như thế tức là Ba-lâm-la.

(Đây là tướng vua quan, Đại thần và vợ vua, phu nhân) người thấy như thế thì có khả năng nói hành pháp bảy ngày.

4/ Nói về bốn duyên: Người tại gia, xuất gia đều phải chuẩn bị đủ ba thứ y phục, đều phải mới sạch. Nếu không có áo mới thì phải giặt cho sạch dùng hương (nấu nước thơm) mà xông ướp. Cũng có thể dùng áo vải làm thượng phục. Nếu ba y chẳng đầy đủ, phải thỉnh một Tỳ-kheo làm pháp sám hối xả đọa, đúng như pháp thọ trì ba y sáu vật, cho đến tội Đột-cát-la, đều phải phát lồ thì làm thành tựu, như ba thứ tịnh y trên: Một là tối thượng tịnh để mặc vào đạo tràng; hai là y kế tịnh, để mặc từ chỗ tắm mà đến chỗ đạo tràng; ba là y mặc ngồi đứng hàng ngày. Hỏi: Ba y của người tại gia là áo tục hay y xuất gia? Đáp: Kinh nói một là y xuất gia. Y này chỉ để mặc khi vào đạo tràng là theo pháp thức của Chư Phật ba đời. Tuy mặc y phục xuất gia nhưng không cạo tóc, cũng phải đủ nhành dương tháo đậu, bình nước, bát ăn, tọa cụ như Tỳ-kheo. Khi sắp đến đạo tràng, hai áo kia là áo tục, cách dùng đồng như pháp trước. Lại phải có ba đôi giày da mềm mại, lại phải làm mới hai nhà xí, cho khác với cũ.

5/ Hành pháp duyên:

Ngày rằm tháng tám hãy vào đạo tràng, số người tu nhiều nhất khoảng mười người trở lại, nếu hơn thì trái pháp. Nếu người tu nhiều thì phải làm đạo tràng khác. Phải làm đàn hình tròn ngang dọc khoảng một trượng sáu thước, dùng bùn thơm thoa đất. Đặt một tọa trên cao, thỉnh hai mươi bốn tượng để trên tòa, đều cao một thước (40 cm), treo hai mươi bốn phướn lọng, một cái gương xưa để trấn đạo tràng, làm một lọng tròn năm màu treo trên đàn. Người tu có làm giường (nệm) thấp năm tấc ngồi quay mặt về Phật, nệm chiếu đều phải mới sạch, đẹp nhất là trang trí đạo tràng, đốt hương rải hoa đúng pháp mà cúng dường, hằng gày ngày quét dọn, dùng các hương trầm, các loại thơm nhất, quý nhất. Và để một chậu nước thơm để tẩy uế khi vào tịnh. Cởi bỏ áo cũ, giày cũ để bên ngoài, chỉ mặc áo mới sạch vào tịnh đạo tràng, không được lẫn lộn.

6/ Cúng dường duyên: Tùy khả năng mà bày biện các thứ ăn uống, tất cả đồ đựng phải rửa sạch bằng nước thơm. Nếu trong núi không có chỗ thì phải cúng dường ngày thứ nhất, sau bảy ngày thì mãn một kỳ cúng dường. Ngày giải đạo tràng thì thỉnh chúng tăng chẳng giới hạn nhiều ít, tùy khả năng mà làm không ngại. Nếu có thể lập rộng hai ruộng phước Bi Kính thì càng lợi ích. Nếu có thí chủ mỗi ngày cúng dường nên phải lập riêng tùy chỗ cúng dường.

II. BIẾT GIÁ CHƯƠNG: Có bốn cách điều hòa thích hợp (một là tắm gội, hai là ăn uống, ba là hành đạo, bốn là ngồi thiền).

1) Tắm gội điều thích: Ba thời hành pháp mà điều, mùa thu hạ thì nóng, việc tắm gội không ngại. Xuân đông lạnh thì phải khéo điều hòa cho thích hợp. Nếu người tu thân gầy mà vọc nước nhiều sẽ bị bệnh kiết lỵ, bỏ bê việc hành đạo. Nếu điều hòa thích hợp được thì không bị bệnh hoạn, chẳng ngại phế bỏ hành đạo. Nếu lên nhà xí (đi vệ sinh) mặc áo bất tịnh thì phải lấy nước tro thơm nóng mà giặt ba lần. Khi tắm phải dùng tay xoa nhẹ khiến sạch. Nhà tắm phải thất đúng pháp. Nếu có sức làm thì phải tạo bốn gian nhà đẹp liền nhau, mỗi gian kín đáo, bên trong đều khác, đặt một cửa nhỏ thông nhau. Trang nghiêm một gian để làm đạo tràng, gian kế thoa đất bùn thơm để làm tịnh thất, để y phục thượng tịnh ở đó và tro lửa cúng dường. Gian kế cũng thoa bùn thơm để nước thơm và lò lửa. Một gian cuối để làm nhà tắm và để y phục thường. Khi người tu muốn vào đạo tràng trước phải ở nhà tắm, tắm gội sạch sẽ, dùng ván sạch lót chân mình trần vào tắm, vào rồi đóng cửa, lấy nước thơm xối lên mình, hương thơm xông mình đủ rồi, sau rồi mới lên tịnh thất, vào rồi lại đóng cửa, mới mặc y phục để vào đạo tràng mà vào. Nếu muốn ra đạo tràng, trước phải vào tịnh thất cởi y phục ra, mình trần vào nhà tắm mặc y phục thường vào rồi mới ra, phải thường như thế. Nếu người tu muốn hành đạo, cấp thời không làm được nhà như trên thì phải ở trong một nhà gần đạo tràng, thông với đạo tràng. Nếu không lo được thì phải dùng chiếu sạch, màn sạch mà ngăn che làm nhà cũng thông với đạo tràng, kết tịnh đều dùng bùn thơm mà thoa phết như đạo tràng không khác. Rồi đặt y phục thượng tịnh và y phục thường, hai thứ y này tuy đồng một nhà nhưng phải khác chỗ, chớ khiến chạm vào nhau. Lại trong nhà tắm để một đôi giày sạch, tắm rửa rồi thoa nước thơm xong, đều phải dùng nhành dương làm sạch miệng, mang giày sạch mình trần, kế vào tịnh thất mới mặc y thượng tịnh như đã nói. Tuy chẳng bằng cách trước nhưng hộ tịnh cũng được hành đạo. Nếu chẳng hộ tịnh như thế thì không đúng pháp, uổng làm vô ích, lại vời lấy tội. Cho nên người tu phải cố gắng mà hộ tịnh, mỗi ngày ba thời tắm gội chẳng được thiếu.

2) Ăn uống điều hòa thích hợp: Người tu phải ăn để sống mà tiến đạo. Nếu quá no thì thân gấp, trăm mạch chẳng thông lại rất buồn ngủ. Nếu đói quá thì tâm thấp thơm chẳng thể quán hạnh, thân yếu chẳng thể hành đạo. Nếu điều hòa thích hợp chẳng no quá đói quá thì thân sẽ dễ hành đạo. Kinh nói: có mạng sống phải có ăn, có thân mới có đạo. Y

mạng sống sắc báo mà được tuệ mạng pháp thân. Nếu thân chẳng thích ăn thì không nên ăn, nếu ép ăn thì bệnh phát về đêm. Nếu biết tánh lạnh, tánh nóng, thứ này làm phát bệnh thì không nên ăn thứ này, hổ thì nên ăn. Nếu điều hòa thích hợp được hành pháp thì bảy ngày được thành, nếu trước trong bụng bị bệnh thì phải giữ hành pháp, cố gắng ăn thức ăn hạt, bánh lạt thì hết bệnh trừ các bệnh khác, chớ để cho vì ăn mà bị bệnh hoạn làm ngại.

3) Hành đạo điều hòa thích hợp: đi đường phải nhờ chân mà tiến bước, phải khéo giữ gìn. Có thể dùng giày bố giày da, phải rộng rãi và mềm mại chớ để cọ sát mà phòng ghẻ. Nếu đi quá gấp chân sẽ đau mỏi, nếu đi quá chậm thì pháp không thành. Nếu trước quá gấp sau sinh bệnh. Cho nên khi mới hành đạo thì ba ngày đầu đi từ từ dần dần điều hòa thích hợp, nếu đã nhanh rồi thì không ngại. Nếu mùa lạnh đi mau gió thổi lạnh phần dưới thì bụng sình mà bị kiết lỵ, phải ngồi cho phần dưới ấm lại mà trị cho hết. Người tu phải khéo biết đối trị để làm lợi ích. Nếu đối trị buồn ngủ thì phải đi, nếu đi tán động thì ngồi để đối trị.

4) Ngồi thiền điều hòa thích hợp: Ngồi bán già ngay thẳng, để chân trái lên chân phải, tay trái để trên tay phải, kéo y gần thân đối rún, mở miệng thở ba hơi ra hết uế khí, mở miệng nhả hơi nóng, ngậm miệng nuốt khí lạnh. Sau đó ngậm miệng răng vừa khít nhau, nhắm mắt vừa đủ không thấy ánh sáng, sau mới ngó ngang mà dùng yếu ngôn để trụ, làm cho thân chẳng chậm chẳng gấp, ấy là tướng điều hòa thân, phải điều hòa hơi thở khiến chẳng rít chẳng trơn. Nếu thở ra vào có tiếng và chẳng êm thì là tướng trơn, nếu kết trệ chẳng thông thì là tướng rít. Nếu theo hơi thở liền nhau nhè nhẹ, khắp các lỗ chân lông mà ra thì bổ dưỡng bốn đại dễ được thiền định. Tóm lại có thể tự tại lắng nghe mà chẳng nghe tiếng, ấy là sự điều hòa hơi thở. Phải điều tâm làm cho chẳng phù chẳng trầm. Nếu giác quán phan duyên tức là tướng phù, nếu không hề ghi nhớ gì tức là tướng trầm, phù thì có thể dùng chỉ mà nhiếp tâm tánh, biết tán hoàn cảnh đồng. Trầm thì có thể dùng quyết định mà khởi, khiến niệm lự rõ ràng. Không có năng quán sở quán, pháp tánh bình đẳng, chẳng cấu chẳng tịnh, tức là thật tánh. Nhưng thật tánh này chẳng bị hai mươi lăm hữu sinh tử làm cấu, cũng chẳng bị muôn điều lành làm tịnh, ấy thì cấu tịnh đều mất, chẳng cấu chẳng tịnh cũng như hư không, gọi là rốt ráo thanh tịnh, cũng gọi là tâm tánh chân như, tâm tánh pháp giới là cội nguồn của Chư Phật, là thật tế của tất cả chúng sinh. Chánh quán liễu đạt không hỏi hiện tiền, đó gọi là tư duy nhất thật của Chư Phật.

III. LÀ CẤM PHÁP: (một là bảy ngày yếu tâm và tụng chú; hai là thỉnh sư truyền giới và phát lồ; ba là thấy nghiệp tướng thiện ác và Pháp Vương tử, không được nói với ai).

1. Bảy ngày yếu tâm và tụng chú: Khắp phụng thỉnh ba Tôn ở trong đạo tràng, có bảy ngày là một hạn kỳ, không làm giới pháp sinh khởi, lại chẳng làm các việc khác, giữa chừng chẳng bỏ, một là trái yếu tâm trước làm pháp cấm chẳng thành thì khiến thiện tâm có đứt quãng chẳng nối tiếp; hai là hành pháp chẳng thành. Ở sau nếu có hành đạo thì lại có sự chướng ngại khởi lên. Người tu phải cẩn thận.

- Pháp hành đạo có ba, là thượng trung hạ, bởi người tu có mạnh yếu chẳng bằng nhau nên hành đạo có chậm mau: Một là thượng phẩm hành thì có hai mươi mốt lượt; Hai là trung phẩm hành thì có mười sáu lượt; Ba là hạ phẩm hành thì có mười hai lượt. Một lượt có một trăm hai mươi vòng, tụng chú một trăm hai mươi biến là một lượt, dùng tiếng tù-và làm ghi nhớ, nếu bắt đầu bằng tiếng tù-và thì kết thúc cũng có tiếng tù-và này. Hành đạo và tụng chú bắt đầu một lượt và chấm dứt một lượt, chẳng được dư một bước thiếu một chữ, chẳng được thiếu một bước dư một chữ, phải thường làm và chú có số nhất định. Nếu chỉ số hành đạo thì pháp cũng chẳng thành. Nếu chỉ số chú làm biến thì pháp cũng chẳng thành, làm hư pháp cấm. Nếu người hành đạo cùng làm cùng tụng thì rất tốt. Trong đó, nếu mau chậm chẳng đều thì cấm pháp chẳng thành. Nếu mọi người đều lần chuỗi tự đếm số thì rất tốt, có thể điều hòa khiến mau chậm đều nhau, thông dong cùng làm một trăm hai mươi biến chẳng cao chẳng thấp chẳng chậm chẳng mau. Tụng chú khiến tự tai nghe rõ ràng không lầm lộn. Chỉ khiến dụng tâm làm chánh thì thực hành pháp thành tựu, chẳng được sinh tạp niệm xen hở, chậm cũng không ngại. Chỉ lấy hai mươi mốt lượt làm thượng (kế là mười sáu và mười hai).

2. Phụng thỉnh sám hối chủ, thọ giới phát lồ: Thỉnh một Tỳ-kheo biết luật trong ngoài làm người nhận sám hối. Nếu khi truyền giới Sư sắp đến thì đại chúng ở trước tượng Phật thọ hai mươi bốn giới trọng, người tu phải khởi tâm ân trọng như khát nghĩ uống, như đói nghĩ ăn, như chết nghĩ thoát. Nếu sinh tâm này thì sẽ phát sinh tịnh giới Phương Đẳng, giới pháp vô tác mặc tình thường trụ, tự hẹn tâm mình hành pháp bảy ngày. Khi thọ giới này thì tâm chí cao xa cho đến Bồ-đề, thọ trì giới này đều phải phát tâm rốt ráo không lui sụt. Nếu người muốn làm pháp này, thì phải biết chân giả chẳng đi đôi, không cần là bạn đạo, đều phải gọi ba lần cùng làm pháp này, phát Đại tinh tấn mạnh mẽ chẳng sợ sệt.

Lập Đại Chí, có sức nhẫn lớn, có thể cùng làm. Từ nay phát tâm đến diệu Bồ-đề, tu học pháp này, nếu chẳng thể phát tâm hoằng thệ, chỉ là thiện nhỏ tùy thời, thì chẳng thể vào tương ưng với thật pháp này. Nếu ở trước ba Tôn trong đạo tràng không được nằm dài, chống gậy, kéo dắt các loài thú, chẳng được cười giỡn ngủ nghỉ vì đều làm cho tác pháp chẳng thành. Chỉ trừ chủ đạo tràng nói pháp khuyến thiện. Người phát lồ phải đem hết các điều nhớ về phạm tội mà phát lồ, y theo phán tướng này mà biết tội đã diệt hết chưa. Cho nên kinh nói: Sám hối có hai thứ: Một là chân thật sám hối, hai là dối trá sám hối, nghĩa là chẳng phát lồ mà che giấu các tội. Tội chuyển càng sâu thì pháp cấm chẳng thành, như muốn nhuộm y chẳng giặt sạch bụi, tuy thêm nhiều nước sắc vẫn dư, như muốn trị ghẻ nhọt mà không nặn phá, trọn ôm bệnh như người đào gốc cây, đổ nhiều cứt đái thì trọn năm xinh tươi. Sám hối như thế thì tội chẳng bao giờ hết.

3. Thấy tướng nghiệp thiện ác và mười Pháp Vương tử, v.v... chẳng được nói với người khác. Chỉ được nói với thầy để quyết nghi. Người tu tuy quá khứ và đời này đã gây ra các hạnh nhưng chẳng ngoài hai nghiệp chung riêng. Một, là hiện nghiệp tướng chung; hai, là hiện nghiệp tướng riêng. Tướng nghiệp chung là chẳng ngoài hai nghiệp thiện ác. Nếu trước nay chẳng hành đạo, giác quán che lấp mắt tâm, nghiệp thiện ác đầu chẳng hiện. Kinh nói tất cả chúng sinh như người giầu đui mù, tuy có các pháp báu mà chẳng thấy. Người tu chẳng thể vì quá khứ tập nhân khó biết, nếu công phu hành đạo thành tựu thì người tu tội cấu đều trừ hết, tâm được thanh tịnh, thiện ác đều hiện. Dụ như nước gương lắng trong các hình cảnh đều hiện ra. Một là nếu nghiệp ác hiện ra thì chẳng ngoài bốn ân, đó là quá khứ, đời này đã phụ ân sư tăng, cha mẹ, quốc vương và tín thí, tướng tiền của hiện ra hoặc tướng năm tội nghịch hiện ra, đó là giết cha mẹ, giết Hòa-thượng, A-xà-lê, làm thân Phật chảy máu, giết A-la-hán, phá tăng chuyển pháp luân, thì hiện đời bị cùi hủi. Nếu dốc lòng sám hối nghiệp chuyển bệnh trừ, tướng ấy hiện ra, hoặc xâm phạm của Tam bảo và kinh tri sự, tướng dùng tài vật của Tam bảo hiện ra. Hoặc làm ruộng Tam bảo mà chẳng trả thuế, hoặc dùng sức của Tịnh nhân và sức trâu xe của Tam bảo, hoặc trộm cắp cây trái của Tam bảo. Khi các tướng như thế hiện ra, Thầy tự phân biệt, văn không ghi hết. Hỏi rằng: Dùng vật của Tam bảo, chẳng thuộc về nhóm hoa vì sao hiện ra. Đáp: Kinh tuy chẳng nói, nhưng do tâm hành đạo thanh tịnh nên hiện ra. Nếu người tu thấy tướng ấy biết là thiếu nợ của Tam bảo. Nên hồi tâm hướng về Tam bảo mà sám hối xin bồi thường. Nếu nhiều ít tướng

chẳng hiện ra tức là tội đã diệt. Nếu tuy ít mà tướng còn hiện, là biết người tu ở quá khứ và đời này đã thiếu nợ Tam bảo quá nhiều chẳng thể đền bồi đủ. Cho nên kinh Cứu Tật nói: Lấy vật của Phật phải đền bồi gấp mười lần, lấy của pháp phải đền bồi bảy lần, lấy của tăng phải đền bồi năm lần, nếu nhiều năm chẳng thể nhớ, thì người tu đời này không có y báo, lại rộng cầu xin thì ngại hành đạo, lại làm não hại tín thí. Lúc ấy người tu phải biết chuyển tâm từ đời này đến hết đời Bồ-đề, phải xin Tam bảo khoan dung, thề sẽ chẳng phụ, nguyện không chướng đạo, cho đến thành tựu pháp thân, cùng lúc báo đền. Lại nữa, nếu vì Tam bảo trồng được mười ngàn cây trái thì diệt tất cả tội. Nếu vì Tam bảo trồng mà tâm này hẹp hòi, thì người sau lấy ăn sẽ bị tội lớn. Nếu khi trồng mà nguyện khắp tất cả chúng sinh ai ăn đều phát tâm Bồ-đề, người sau ăn thì được công đức lớn. Lại nữa, nếu giáo hóa được một ngàn người phát tâm Bồ-đề thì tất cả các tội đều tiêu diệt. Nếu giáo hóa được một trăm người tà kiến thì cũng được diệt tội. Nếu chỉ giáo hóa được một nhất-xiển-đề phát tâm Bồ-đề thì tất cả các tội đều tiêu diệt; Hai là tướng thiện hiện ra. Thiện có hai thứ: Một là tán thiện, hai là định thiện. Nếu tán thiện, phần nhiều là người tu ở quá khứ và đời này tập báo hai nghiệp. Nếu người trong lúc hành đạo và khi ngồi thấy giải thích giới luật thiện tụ khinh trọng, tức là nghiệp tập báo ở quá khứ hiện ra. Nếu trong định mà niệm niệm muốn thanh tịnh, giữ gìn giới cấm, suy nghĩ tội lỗi, sinh tâm sợ hãi tự biết nặng nhẹ, đổi xưa tu mới phát lồ sám hối, tức là tập nghiệp hiện ra. Hoặc thấy đời này nghiệp báo bố thí hiện ra, trong tâm niệm niệm muốn làm bố thí, đây ra tập nghiệp hiện ra. Hoặc thấy cúng dường Tam bảo, cha mẹ, sư tăng, lập hội cúng trai, xây chùa dựng tháp đều là tướng tập nghiệp hiện ra. Hoặc thấy giảng nói Nghĩa kinh Đại Tiểu Thừa, người học đọc tụng, đây là tập nghiệp hiện ra. Hoặc ý muốn nghe tập Đại Tiểu thừa, suy nghĩ nghĩa lý hỏi đáp vô cùng tận. Đây là quá khứ đời này nghe học văn tư tu nghiệp tướng hiện ra. Nếu tướng định thiện hiện, hoặc người tu ở quá khứ và đời này tạo thiền sám hối, hoặc tu A-na-ban-na. cõi Dục tán tâm được phát vị đáo địa cõi Dục, căn bản sơ thiền định, tướng nghiệp thiện hiện ra, hoặc căn bản tịnh thiện đặc thắng thông minh, nghiệp tướng định tập, định thiện ở quá khứ hiện ra. Hoặc ý muốn tu A-na-ban-na, tự nhiên dứt đạo điều thích, thân tâm nhẹ nhàng điều hòa khoan khoái. Đây là tập định thiện nghiệp tướng đời này hiện ra. Hoặc thấy thây chết bừa bãi, hoặc thấy xương người của thân mình và thân người, đều là xương người, các xương cốt gá vào nhau, chỉ thấy máu mủ sâu bọ bất tịnh, không có nhân

ngã, chán ghét thế gian. Đây là tập định thiện nghiệp tướng quá khứ hiện ra. Hoặc trong tâm niệm niệm muốn hệ tâm tu chín tướng, tám Bối xả, v.v... các quán phá được tham dục, niệm niệm tiếp nối, chán ghét thế gian, tất cả đều xả. An tâm tu đạo không có các niệm khác. Đây là tướng thiện nghiệp tu định đời này hiện ra. Hai môn cam lộ này phá được lợi sử hạ địa chúng sinh, giác quán tâm bệnh độn sử tham dục tâm bệnh đã trừ, Tam-muội hiện tiền, tuệ giải khai phát. Đây là định thiện thế gian, xuất thế gian trong ba tạng, hai nghiệp tập báo tướng hiện ra. Nếu người tu quá khứ đời nay đã từng học Bồ-tát tạng, nay nhờ sám hối nên định tuệ thiện nghiệp thế gian và xuất thế gian đều hiện ra. Hoặc vì đối trị giác quán thì tùy chỉ phần mà thuộc về. Hoặc ý niệm niệm tự muốn chỉ tâm một duyên, nhân tu định quá khứ đời nay nên công đức thiện nghiệp khai phát tướng hiện. Hoặc vì đối trị hôn trầm, tùy phần quán sát khởi ám tâm. Hoặc ý niệm niệm tụ muốn tùy quán, quán tâm rõ ràng là tập tuệ công đức nghiệp lành quá khứ đời này hiện ra. Hoặc hiện tại đối trị ái kiến hai hoặc chỉ quán, nên gọi là Câu phần. Hỏi: Vì sao trước chỉ không quán, kế quán không chỉ, vì Câu phần nên chỉ quán biến sáng? Đáp rằng: Vì trị nghiêng nặng về kiến ái. Nay vì trị hai bệnh kiến ái cho nên đều nói: Hai phần đồng loại là chỉ quán điều thích cùng làm phương tiện, dứt tâm ngoại thô phương tiện tu quán ấy thì chỉ làm phương tiện. Nếu muốn tu chỉ, trước phải dùng quán phá tâm tối tăm, liễu đạt tâm tánh rõ ràng, phương tiện an tâm tâm tánh. Ấy thì quán làm chỉ phương tiện, nên gọi là hai phần đồng loại. Đây là Bồ-tát Tạng Thế Gian Định Thiện, hai nghiệp tập báo tướng hiện ra. Nếu người tu do đây điều tâm định lực đã mạnh, phiền não đã yếu mỏng, thì phát được tất cả thiền. Tất cả thiền có ba thứ: Một là Hiện pháp lạc trụ thiền; hai là xuất sinh Tam-muội thiền; ba là lợi ích chúng sinh thiền, tức nhiếp chân đế Tam-muội, xuất sinh Tam-muội thiền, tức là nhiếp Chân đế Tam-muội. Được ba đế Tam-muội này gọi là Tam-muội Vương. Tất cả Tam-muội đều vào trong ấy, đủ hai mươi lăm Tam-muội, cũng gọi là Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội, đầy đủ một trăm lẻ tám Tam-muội, thấy được Phật tánh trụ Đại Niết-bàn, đây là nghiệp định thiện xuất thế gian của Bồ-tát khai phát.

Ba là nếu ở trong bảy ngày đạo tràng, nếu thấy chủ bảy ngày đạo tràng và thấy mười Pháp Vương tử, hễ thấy bất cứ một Vương tử nào đều chẳng được nói với người khác liền bị tội chướng đạo, đui mù si mê các bệnh. Từ trên đến đây pháp tướng đều chẳng được nói vì làm hoại pháp cấm, chỉ trừ thầy quyết nghi.

Hỏi: Vì sao có tướng biết được, có tướng chẳng thể biết? Đáp: Tướng có hai thứ: một là tiêu tướng, hai là hiện tướng. Nếu là quá khứ cách đời quên mất phần nhiều là tiêu tướng hiện, vừa khiến biết thì chẳng thể biết. Nếu là tướng hiện tại phần nhiều là hiện tướng thì sự gần, người tu cũng thấy liền biết. Nếu chẳng biết thì thầy sẽ phân tích. Nếu mê đắm mà sám hối thì liền hết.

IV. NỘI LUẬT YẾU QUYẾT có hai ý: (Một là nói tướng diệt và chẳng diệt của năm thiên giới; hai là nói tướng diệt và chẳng diệt của nghiệp mười điều ác mười điều thiện).

Là nói nghiệp thiện thiện ác hiện ra: Người tu hệ tâm suy nghĩ thật pháp của Chư Phật. Dốc lòng siêng năng gia thêm công đức có các thứ nghiệp thiện ác hiện ra.

1. Là tướng diệt, không diệt do phạm năm thiên giới: Nếu nghiệp tướng hiện. Nếu người tu ở trong mộng và khi đi ngồi, nếu thấy không đầu, không tay, không chân, hoặc thấy không áo, ở hầm sâu, và các phá khí khác, phải biết là tướng Phạm thiên giới đầu. Nếu người tu ở trong mộng và khi đi khi ngồi nếu thấy người không tai mũi thân thể, thiếu phá, các căn chẳng đủ và các uết khí, hoặc thấy nam nữ nặng về dục, sinh tâm nhiễm ô chung tướng ôm giữ. Phải biết là Phạm thiên giới thứ hai tướng hiện. Nếu người tu ở trong mộng và lúc đi ngồi, nếu thầy hình dung tiều tụy, mặc áo dơ bẩn và ngồi trên xe hư sợ bị té Xa-nặc. Thấy rồi u sầu. Hoặc thấy thân thể không áo, rách rưới bẩn thỉu, phải biết là hiện tướng Phạm thiên giới thứ ba. Nếu người tu ở trong mộng, hoặc khi đi ngồi, nếu thấy bát bể, bát không, quần áo đen đúa, hoặc thấy uống rượu ăn phi thời, lại bày chậu rửa. Phải biết là phạm mười sự giới tướng trong thiên thứ ba. Nếu người ở trong mộng và khi đi ngồi, hoặc thấy có cảnh giới mịt mờ chẳng sáng sủa, tâm chẳng vui, thân nặng nề, việc làm chẳng được tư vị (hiếm thú), phải biết đó là phạm giới Đề-xá-ni của thiên thứ tư và phương tiện trước sau, tướng phá giới sáu tụ bảy tụ hiện ra. Tướng thiện hiện là nếu thấy tướng ác hiện rồi dốc lòng sám hối, tội phá giới diệt rồi thì tướng thiện liền hiện ra. Hễ muốn tu đạo thọ pháp thì trước phải giữ tịnh giới, nếu giới thanh tịnh thì pháp mới thường trụ, tuy tướng nặng nhẹ đều hiện ra trước. Nếu người tu ở trong mộng và khi đi ngồi nếu thấy đầu đội nón báu, thân đeo chuỗi anh lạc, thân tướng mầu nhiệm. Phải biết tức là người tu sám hối thiên thứ nhất tướng giới tịnh hiện. Nếu người tu ở trong mộng và khi đi ngồi nếu thấy tóc báu ở trên đầu người tu, hoặc thấy người đẹp đẽ các căn đầy đủ, phải biết là tướng sám hối tịnh giới thiên thứ hai hiện ra. Nếu người tu ở trong

mộng và khi đi ngồi nếu thấy mặc áo mỏng trơn láng, hoặc thấy người tu nghiêm chỉnh, cầm y bát oai nghi thanh tịnh. Phải biết là tướng sám hối tịnh giới thiên thứ ba hiện ra. Nếu người tu ở trong mộng và khi đi ngồi nếu thấy đồ đựng lành lặn sạch đẹp, sắc áo tăng sự hòa hợp, hoặc thấy thanh tịnh cúng cơm Phật và Tăng thì phải biết người tu sám hối thiên thứ ba, chín mươi sự giới tịnh hiện tướng. Nếu người tu ở trong mộng và khi đi ngồi nếu tự biết thân mềm mại cử động nhẹ nhàng, đối với chỗ học tâm sinh vui mừng, phải biết là tướng sám hối tịnh giới thiên thứ tư hiện ra và phương tiện trước sau. Thứ sáu, thứ bảy tướng giới thanh tịnh hiện ra lược nêu ngoài năm thiên, một thiên tướng thiện ác, trong đó tử tế tư, chẳng phải hạnh chứng khẩu quyết, há văn chép được hay sao?

2. Nói nghiệp mười điều thiện, mười điều ác diệt và chẳng diệt: Người tu nghiệp tướng tuy nhiều nhưng không ngoài mười điều ác, mười điều thiện. Người tu nhờ sứ sám hối đều hiện ra trước. Về mười nghiệp ác, nếu người tu ở trong mộng và khi đi ngồi mà thấy cảnh giới thô ác như mọi người cầm dao gây tàn hại nhau, hoặc thấy người, súc sinh đến đòi mạng, hoặc thấy giữa đường tức giận chửi mắng, hoặc thấy người nhiều bệnh chết yểu, phải biết nghiệp tướng sát sinh hiện ra. Nếu người tu ở trong mộng, hoặc thấy cặn rượu dơ bẩn, quần áo diêm dúa, hoặc thấy tạp y báu vật ở dưới chân, hoặc thấy kho đụn bị phá hoại, hoặc thấy thân mình ở chỗ hoang vu sợ hãi, hoặc ở trong hang núi đen, hoặc thấy có người nghèo hèn đến hoặc thấy thiếu nợ người khác, phải biết đó là tướng nghiệp trộm cắp hiện ra. Nếu người tu ở trong mộng và khi đi ngồi nếu thấy ngọn núi lớn mầu xanh sụp đổ, cắt đứt đường đi, hoặc thấy nước lớn mênh mông, hoặc thấy cảnh nhiễm vào lòng, ngăn dứt chẳng được thông, hoặc thấy đối cảnh liền khởi tâm nhiễm, hoặc thấy quyến thuộc làm việc phi pháp. Phải biết đó là tướng dâm dục hiện ra. Nếu người tu hành ở trong mộng và khi đi ngồi nếu thấy sự thô ác, cùng nhau chê bai, hoặc bị người khác lừa gạt, quên mất đường chánh, tuy tự có lý oan ức chẳng trình bày được, phải biết tướng nghiệp nói dối hiện ra. Nếu người tu ở trong mộng và khi đi ngồi nếu thấy hai núi chướng ngại, tin tức chẳng thông, hoặc thấy bạn thân lìa cách, quyến thuộc chẳng hòa, phải biết là tướng hai lưỡi hiện ra. Nếu người tu ở trong mộng và khi đi ngồi mà nghe tiếng dữ gầm thét, tâm sợ sệt chẳng an, hoặc thấy có người mắng chửi, ngươi dối gạt mình, nay mình trả báo ngươi. Hoặc thấy có người tranh đấu (đánh nhau). Phải biết đó là tướng nói hung ác hiện ra. Nếu người tu ở trong mộng và khi đi ngồi nếu thấy nhả ra cặn rượu, hoặc thấy từ miệng phát ra lời rít rấm chẳng nói được,

nếu có tiếng lời cũng không rõ ràng, nói với mọi người, mọi người đều chẳng tin nhận. Phải biết đó là tướng nghiệp thêu dệt hiện ra. Nếu người tu ở trong mộng và khi đi ngồi mà thấy sấm dậy cũng như gió bảo dữ dội, hoặc thấy người nặng về dục, tham đắm quả báo, hoặc thấy cảnh giới năm trần lăng xăng hiện ra, hoặc thấy thân mình bị trói buộc chẳng thể thoát ra, phải biết là tướng tham dục hiện ra. Nếu người tu ở trong mộng và khi đi ngồi mà thấy núi bảy báu bị mây che khuất, biến thành đất đá, tâm rất sợ hãi, hoặc thấy có người huơ tay đánh tát mà nổi giận, hoặc thấy người đến phá rối, hoặc thấy có người đến kéo dắt đi, năn nỉ chẳng buông, hoặc thấy rắn độc đầy đất, phun nọc độc vào mọi người, phải biết đó là tướng sân nhuế hiện ra. Nếu người tu ở trong mộng và khi đi ngồi nếu thấy cát đá dính làm dơ người đi, hoặc thấy cảnh phía trước như mây che tối, người tu tâm bị mịt mờ chẳng biết chỗ đến, hoặc thấy voi đen chặn đường, hoặc thấy người biên địa chẳng tin Tam bảo, tâm ôm ấp dua nịnh do dự, hoặc thấy bỏ giới hoàn tục phải biết đó là tướng tà kiến hiện ra. Đây là nói lược mười việc thô là tướng mười nghiệp ác hiện ra. Nếu người tu thấy những việc ác như thế mà dốc lòng sám hối thì mười nghiệp ác diệt hết. Bấy giờ, tướng thiện tự hiện, nếu người tu thấy mầu đen biến thành mầu trắng, mầu vàng, chúng sinh thấy tướng thì vui mừng kính yêu không chán, phải biết đó là sám hối nghiệp sát sinh hết mà tướng hiện ra. Nếu thấy cây báu hoa trái đầy đủ, hoặc thấy tiền của mọi người tặng biếu nhau. Phải biết đó là sám hối nghiệp trộm cắp hết mà tướng hiện ra. Nếu thấy hoa sen đầy khắp cõi Diêm-phù-đề, hoặc thấy mọi người đều từ hoa sen hóa sinh, hoặc thấy trước người mà nói pháp trong sạch rõ ràng thì phải biết là sám hối nghiệp dâm đã hết, tướng hiện ra như thế. Nếu thấy có người bày thành bảy báu, trong thành nhân dân bày nhà cửa đẹp đẽ, tâm rất vui mừng quay mặt về các phương cũng thấy, phải biết đó là sám hối nghiệp nói dối đã hết mà tướng hiện như thế. Nếu người tu thấy mọi người nhóm họp nói pháp hòa hợp, tụ hội vui vẻ. Phải biết đó là sám hối nghiệp hai lưỡi đã hết mà tướng hiện ra như thế. Nếu thấy đường lớn sạch đẹp, người đi xa trở về từ tâm thăm hỏi như cha như mẹ. Hoặc nghe tiếng khen ngợi Tam bảo, phải biết là nghiệp mắng chửi đã hết mà tướng hiện như thế. Nếu người tu thấy thiện tri thức thật khuyên tinh tấn, nói chân pháp yếu, sinh tâm tin ưa như nói tu hành, phải biết là nghiệp thêu dệt đã hết mà tướng hiện như thế. Nếu người tu thấy thân bị khổ não lớn chợt tự cảnh ngộ đều là chấp có thân tâm là gốc các khổ, xương gân giả dối có các thứ giòi trùng, tự thấy thân mình như địa ngục lớn, tất cả lửa

cháy thiêu đốt hết sạch, phải biết đó là nghiệp tham dục đã hết mà tướng hiện như thế. Nếu người tu thấy tất cả chúng sinh tiều tụy biến thành đẹp đẽ cùng nhìn ngắm nhau. Trong mặt trời hiện tất cả sáng suốt, hoặc thấy cây khô lại xinh tươi, phải biết là nghiệp sân nhuế hết mà tướng hiện như thế. Nếu người tu thấy bảo châu như ý mưa xuống tất cả báu, chúng sinh lượm dùng vô tận. Hoặc thấy Tỳ-kheo cầm ôm y bát mà sinh tâm ưa thích. Hoặc thấy Tỳ-kheo vì nói thắng pháp gọi cùng vào Tam-muội, phải biết đó là nghiệp tà kiến hết mà tướng hiện ra như thế. Bởi người tu sám hối công thành tiêu tướng mười điều thiện hiện ra vô lượng, huống chi trong đó hiện tướng trăm ngàn muôn thứ không thể kể hết. Hỏi: Tướng mạo vô lượng, người tu hành đều khác, được pháp cũng khác đâu chỉ một loại? Đáp: Trước nói lược bày, người tu khiến biết hàn đạo mà có cảnh giới này, nói thẳng tướng phạm bảy chi một giới trong năm thiên, hoặc vì duyên tham mà khởi lên, hoặc cõi duyên sân mà khởi, hoặc duyên si mà khởi, ba lần bảy, hai mươi mốt tướng phạm có hai mươi mốt tướng trì, cũng hai mươi mốt khi mới thọ giới, trước từ ngục A-tỳ lên đến thân Phật, khắp Tam thiên Đại thiên thế giới hữu tình vô tình, đều phát giới vô tác. Y cứ một giới nói trì phạm nhiều thứ, cho đến Đại Tiểu thừa chẳng thể nói, chẳng thể kể vô biên số như hạt bụi, tướng trì phạm cũng vô biên. Hoặc tiêu tướng, hoặc hiện tướng, văn chẳng chép hết. Nếu người tu làm lâu hoặc dạy người khác làm, như phương pháp trên, mỗi pháp đều thành tựu tụ tha đã sáng, đều hợp với kinh. Phật chẳng nói dối. Chỉ trừ chẳng dốc lòng và đều không đủ, chẳng có gì khác, pháp cứu cấp này nhất định diệt tội, tăng thọ, tăng phước. Nếu không biết như thế và kẻ mới học Tam-muội, người tu cưỡng ép tâm, ở đây như trong kinh nói là bị pháp ngăn đạo, như đọc chú bất thiện mà bắt rắn độc mười thiện mười ác và pháp chướng đạo cũng chẳng thể kể. Khi ấy người tu tự dùng sức trí mà châm chước, hoặc vì quyết nghi khác, chẳng thấy một tương ưng sinh tà kiến, vì sao? Vì các tướng khác nhau, ẩn hiển nặng nhẹ có tâm khác. Nếu sáng rõ như gương sạch thì xấu tốt tự hiện. Hỏi: Các pháp thật tướng không có tướng thiện ác, vì sao thực hành thật pháp của Chư Phật mà có tướng hiện. Đáp: thật tướng các pháp không có tướng, hay bày tướng thế gian. Người tu hành đạo chẳng nghĩ có tướng, chẳng nghĩ không tướng, chỉ quán thật tánh của tâm. Tâm tịnh thì tất cả pháp tịnh, tâm hết thì tất cả pháp hết. Chỉ có tâm tâm tăng thượng công thành thì tướng hiện. Dụ như chậu nước để trong nhà kín, tuy không có tâm phân biệt mà các tướng tụ hiện. Hỏi: Khi tướng hiện thì thật giả khó biết, làm sao biết được để lấy

bỏ? Đáp: Thật giả thật khó biết, hoặc có tri thức tốt tự quyết định cho. Tuy nhiên người tu bốn nghi tất cả tướng chẳng được lấy, chẳng được bỏ. Nếu niệm tướng quán trừ thì thấy được Bát-nhã. Nếu lấy như người lấy hư không, nếu bỏ như người bỏ hư không, bình đẳng pháp giới cũng giống như thế. Trong phần tu hành nói rộng như điều giáo, ở đây chẳng thể ghi hết.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 170

PHÁP HOA
TAM MUỘI SÁM NGHI

SỐ 1941

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1941

LỜI TỰA PHÁP HOA TAM-MUỘI SÁM NGHI KHÁM ĐỊNH NGUYÊN BẢN

Sa-môn Tuân Thức truyền Thiên Thai Giáo Quán ở chùa Thiên trúc.

Thánh giáo truyền đến từ lâu xa, câu văn có nhiều nhầm lẫn là do người truyền mê mờ, nếu chẳng xem xét chỗ đồng khác, nói bày đắc thất thì càng lâu năm càng mất chân vị. Về Pháp Hoa Tam-muội Nghi này là do Đại sư Thiên Thai ở chùa Ngõa Quan soạn. Bởi Chỉ Quán Tam-muội thứ ba chỗ Biệt hành tức là văn ấy. Nếu khi làm sở tông để dắt dẫn kẻ hậu học phá chướng hoại ma để vào cảnh giới Phật, thì cùng Văn-thù, Phổ Hiền đồng đi xe báu đi dạo mười phương thì thật chỉ ở đây mà dần lên. Chỉ sợ hơi khác chương xưa mà bỏ mất tinh yếu. Chỉ mười khoa Hành quỹ lý quán làm chủ. Nếu lầm một pháp thì chín pháp kia luống bày. Nói ở ngồi thiền quán pháp có thêm thành năm câu thì nay đều nêu rõ. Văn chép: Làm nhân cho tâm cho nên có tâm, chẳng làm nhân cho tâm nên có tâm, vừa là do tâm vừa chẳng do tâm mà có tâm, chẳng phải do tâm, chẳng phải chẳng do tâm mà có tâm, chẳng phải chẳng phải do tâm, chẳng phải chẳng phải chẳng do tâm mà có tâm. Lại Sơn soạn ước cú pháp nhiều nhất chỉ đến bốn, chưa biết câu thứ năm xuất xứ từ văn nào. Lại phải xem xét kỹ thì câu thứ năm là y theo cảnh nhập vào, làm sao dùng quán. Phụ Hành chép: Văn biệt hành đó chỉ suy từ bốn câu. Cho nên trong văn này rộng tu tượng quán để rộng ở đó, huống tượng quán đó cũng là lịch sự, mà môn Chánh quán hoàn toàn là bốn câu nay, há phải nghi lầm Đại thể ấy ư? Mà lại vội dẫn văn kinh để ở cuối quyển, lại lạm chú sơ sài lầm ở nội thiên, có lỗi nghiền nát chi li, chớ nên nêu ra. Cho nên nay xem xét thẳng bản gốc khắc bản để lưu hành, giữ nguyên văn trước cho đời nay và đời sau. Người cầu Tam-muội muốn truyền văn này, xin giữ nguyên bài tựa này để dễ phân biệt.

SỐ 1941

PHÁP HOA TAM-MUỘI SÁM NGHI

Sa-môn Trí Khải ở chùa Ngõa Quan đời Tùy soạn.

I. NÓI HAI MƯƠI MỐT NGÀY KHUYÊN TU SÁM PHÁP PHÁP HOA

Sau khi Như Lai diệt độ khoảng năm trăm năm ở đời ác trược, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di người tụng kinh Đại thừa, người muốn tu hạnh Đại thừa, muốn phát tâm Đại thừa, hoặc muốn thấy sắc thân Bồ-tát Phổ Hiền, hoặc muốn thấy Phật Thích-ca Mâu-ni, Tháp Phật Đa Bảo, phân thân Chư Phật và Chư Phật mười phương, hoặc muốn được sáu căn tu tập, vào cảnh giới Phật, thông đạt vô ngại. Muốn được nghe các điều mà Chư Phật mười phương nói, trong một niệm đều có thể thọ trì thông suốt không quên, mà giải thích giảng nói không chướng ngại. Có người muốn làm bạn thân với Văn-thù-sư-lợi, Phổ Hiền và các Đại Bồ-tát, hoặc muốn hiện khắp sắc thân, trong một niệm chẳng khởi diệt định, đến khắp tất cả cõi Phật mười phương để cúng dường tất cả Chư Phật. Hoặc muốn được trong một niệm đến khắp tất cả cõi Phật mười phương hiện các thứ thân, hiện các thứ thần biến, phát ra ánh sáng rực rỡ nói pháp độ thoát tất cả chúng sinh vào Nhất thừa không thể nghì bàn. Hoặc muốn được bốn ma, thanh tịnh tất cả phiền não, diệt tất cả tội chướng đạo, hiện thân vào chánh vị Bồ-tát, đủ tất cả công đức tự tại của Chư Phật thì trước phải ở chỗ yên vắng hai mươi mốt ngày nhất tâm tinh tấn nhập vào Tam-muội Pháp Hoa. Nếu có người hiện thân phạm năm tội nghịch, bốn tội trọng và các pháp Tỳ-kheo mà muốn được thanh tịnh đầy đủ luật nghi Sa-môn, được các thứ công đức cao quý như đã nói trên, cũng trong hai mươi mốt ngày phải nhất tâm tinh tấn tu Tam-muội Pháp Hoa, vì sao? Vì kinh Pháp Hoa này là kho bí mật của các Như Lai, cao quý nhất trong các kinh, hành đạo đại thừa không hề trở ngại. Như hạt ngọc quý trong búi tóc của vua Chuyển Luân không cho người bừa bãi. Nếu ai được thì tùy ý mong cầu các thứ châu báu thảy đều đầy đủ. Tam-muội Pháp Hoa cũng giống như thế, đem đến cho tất cả chúng sinh

châu báu Phật pháp. Cho nên người tu hạnh Bồ-tát không được tiếc thân mạng tận đời vị lai mà tu hành kinh này huống chi là hai mươi mốt ngày ư? Hỏi: Phật đạo lâu xa tu hai mươi mốt ngày thì có ích gì. Đáp: Có ba lợi ích ở sau sẽ nói.

II. NÓI VỀ PHƯƠNG TIỆN TRƯỚC CỦA HÀNH PHÁP HAI MƯƠI MỐT NGÀY:

(Dạy người mới tu là pháp này. Dạy người tu lâu thì phải y theo phẩm An Lạc Hạnh).

Tất cả thực hành pháp sám hối đều phải dùng phương tiện trước. Vì sao? Vì nếu trước chẳng trang nghiêm thanh tịnh thân tâm sau đó vào đạo tràng thì đạo tâm chẳng phát, làm chẳng đúng pháp mà không được cảm ứng. Cho nên trước khi chánh sám trong bảy ngày trước phải điều phục tâm mình, dứt hết các duyên sự, cúng dường Tam bảo, trang nghiêm đạo tràng, mặc y phục sạch đẹp, nhất tâm buộc niệm. Tự nhớ thân này từ đời quá khứ đến nay đã gây ra các nghiệp ác nên sinh tâm hổ thẹn hết lòng lễ Phật sám hối, hành đạo, tụng kinh, ngồi thiền quán hạnh, phát nguyện chuyên tinh, vì khiến chánh hạnh Tam-muội thân tâm thanh tịnh không chướng ngại, điều tâm mong cầu đều được kết quả. (Cũng tụng các văn sám hối ở sau cho thông suốt).

III. NÓI PHƯƠNG PHÁP VÀO ĐẠO TRÀNG NHẤT TÂM TINH TẤN TU HÀNH HAI MƯƠI MỐT NGÀY:

Người mới tu, khi muốn vào đạo tràng phải tự an tâm mình: Con từ hôm nay cho đến hết hai mươi mốt ngày, trong thời gian đó theo đúng lời Phật dạy một lòng tinh tấn. Vì sao? Vì nếu tâm khác niệm liền lẫn lộn các phiền não gọi là chẳng thanh tịnh. Tâm chẳng thanh tịnh thì đâu được tương ưng với Tam-muội chánh đạo. Cho nên phải tự răn nhắc tâm mình không tiếc thân mạng, nhất tâm tinh tấn đủ hai mươi mốt ngày. Hỏi: Tâm chúng sinh thường theo sự lạ duyên khác, làm sao có thể nhất tâm tinh tấn? Đáp: Có hai thứ tu nhất tâm: Một là đối với sự mà tu nhất tâm, hai là đối với lý mà tu nhất tâm. Một là trong sự tu nhất tâm, là như người tu khi mới vào đạo tràng liền nghĩ rằng: nay con trong hai mươi mốt ngày, hoặc khi lễ Phật phải nhất tâm lễ Phật, chẳng có duyên khác. Cho đến khi sám hối, hành đạo, tụng kinh, ngồi thiền, v.v... đều nhất tâm, đối với hành pháp không phân tán. Như thế trải qua hai mươi mốt ngày. Ấy gọi là đối với sự mà tu nhất tâm tinh tấn; Hai là đối với lý tu nhất tâm tinh tấn, là người tu khi mới vào đạo tràng phải nghĩ rằng: Con

từ hôm nay cho đến hai mươi mốt ngày, trong thời gian ấy, nếu có các việc làm thường tự biết rõ, tâm có làm việc gì thì tâm tánh chẳng hai. Vì sao? Vì như khi lễ Phật thì tâm tánh chẳng sinh chẳng diệt, như thế khi quán thì thấy tất cả tâm đều là một tâm, vì tâm tánh từ xưa đến nay đều luôn một tướng. Người tu hãy quán như thế, ngược lại với nguồn tâm, tâm tâm nối tiếp liên tục, trọn hai mươi mốt ngày chẳng được tướng tâm. Đó gọi là đối với lý mà tu nhất tâm tinh tấn.

IV. NÓI VỀ PHƯƠNG PHÁP VÀO ĐẠO CHÁNH TU HÀNH:

Người mới tu khi vào đạo tràng phải có đủ mười pháp: Một là trang nghiêm thanh tịnh đạo tràng; hai là thanh tịnh thân mình; ba là ba nghiệp cúng dường; bốn là kính thỉnh Tam bảo; năm là khen ngợi Tam bảo; sáu là lễ Phật; bảy là sám hối; tám là hành đạo đi nhiễu; chín là tụng kinh Pháp Hoa; mười là suy nghĩ cảnh giới nhất thật. Người tu trong hai mươi mốt ngày, đêm ngày sáu thời, khi vào đạo tràng trong lúc đầu đều phải tu đủ mười pháp này. Về sau, trong mỗi sáu thời thì lược bỏ bớt pháp thỉnh Phật, còn chín pháp kia thì đều làm đủ không khác.

1. Người tu trang nghiêm thanh tịnh đạo tràng:

Phải ở chỗ yên lặng, chọn riêng một ngôi thất để làm đạo tràng có tường rào ngăn cách riêng một nơi. Trong đạo tràng, bày một tòa cao, đặt trên đó một bộ kinh Pháp Hoa, không cần để hình tượng xá-lợi hoặc các kinh khác. Chỉ để một bộ kinh Pháp Hoa mà treo phướn lọng và bày các đồ cúng dường. Ngày vào đạo tràng, buổi sáng sớm phải quét sạch đất, nước thơm tưới rải, bùn thơm trét đất, đốt các thứ đèn dầu thơm, rải các thứ hoa và đốt các hương thơm quý cúng dường Tam bảo. Tùy khả năng mình mà làm các thứ, hết lòng hết ý khiến thật trang nghiêm thanh tịnh. Vì sao? Vì người tu trong tâm kính trọng Tam bảo, vượt ngoài ba cõi khiến muốn thỉnh cúng dường, há lại xem thường? Nếu chẳng nhổ mình ra khỏi tiền của để cúng dường Đại thừa thì chẳng bao giờ mời thỉnh được các Hiền thánh cảm ứng, mà tội nặng chẳng hết, thì Tam-muội do đâu mà phát.

2. Người tu thanh tịnh thân mình:

Khi mới vào đạo tràng phải dùng nước thơm tắm gội, mặc y phục mới sạch, như Đại y và các y mới nhuộm, nếu không có thì phải lấy y áo tốt nhất của mình để làm y áo vào đạo tràng. Sau đó, khi ra khỏi đạo tràng, hoặc đến nơi bất tịnh (đi vệ sinh, v.v...) thì phải cởi tịnh y ra, mà mặc có cũ. Việc làm xong rồi thì phải tắm gội sạch sẽ mới mặc tịnh y vào đạo tràng hành đạo.

3. Người tu ba nghiệp cúng dường:

(Đến trước pháp tòa trải ni-sư-đàn chánh thân quán tưởng thương xót các chúng sinh đều muốn độ thoát, lại khởi tâm cung kính quán tưởng Tam bảo đầy khắp hư không, rải hoa đốt hương thơm quý, miệng đọc lớn rằng):

Tất cả cung kính nhất tâm đảnh lễ mười phương Thường Trụ Phật (một lạy).

- Nhất tâm kính lễ mười phương Thường Trụ Pháp (một lạy)
- Nhất tâm kính lễ mười phương Thường Trụ Tăng (một lạy).

Quì xuống dâng hương, đọc lớn:

- Nay con dâng hoa này đúng như pháp cúng dường, nguyện mây hương hoa này trùm khắp cõi mười phương, cúng dường Phật và kinh pháp, cùng chúng Bồ-tát Thanh văn Duyên giác và tất cả thiên tiên, thọ dụng làm Phật sự (tưởng hương hoa thành hương quý hoa đẹp cùng khắp mười phương, cúng dường Chư Phật và Thánh chúng, tưởng trước Chư Phật đều có thân mình quì lạy cúng dường và tưởng các chúng sinh đều phát tâm Bồ-đề cúng dường). Đọc lớn: Cúng dường đã xong, tất cả đều cung kính.

4. Người tu thỉnh Tam bảo. (Người tu chí thành đọc lớn):

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật.
- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô quá khứ Đa Bảo Thế Tôn.
- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Thích-ca Mâu-ni mười phương phân thân Chư Phật.
- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô tất cả Chư Phật trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa.
- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô mười phương tất cả Thường Trụ Phật.
- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.
- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô mười phương tất cả Thường Trụ Pháp.
- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Ma-ha-tát.
- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Di-lặc Bồ-tát Ma-ha-tát.
- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Dược Vương Bồ-tát, Dược Thượng Bồ-tát Ma-ha-tát.
- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, Vô Tận Ý Bồ-tát Ma-ha-tát.

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Diệu Âm Bồ-tát, Hoa Đức Bồ-tát Ma-ha-tát.

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Thường Tinh Tấn Bồ-tát, Đắc Đại Thế Bồ-tát Ma-ha-tát.

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Đại Nhạo Thuyết Bồ-tát, Trí Tích Bồ-tát Ma-ha-tát.

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Tú Vương Hoa Bồ-tát, Dũng Thí Bồ-tát, Trì Địa Bồ-tát Ma-ha-tát.

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Hạ Phương Thượng Hạnh Đẳng Vô Biên A-tăng-kỳ Bồ-tát Ma-ha-tát.

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Phổ Hiền Bồ-tát và tất cả các Đại Bồ-tát Ma-ha-tát trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Xá-lợi-phất và tất cả chúng Đại Thanh văn trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô mười phương tất cả Thường Trụ Tăng.

- Nhất tâm phụng thỉnh - Tất cả Trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, Nhân, Phi nhân, tất cả minh không và quyến thuộc trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

- Cúi mong Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật Thế tôn, Đa Bảo Như Lai, phân thân Chư Phật, đại từ đại bi nhận con kính thỉnh đều đến đạo tràng.

- Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Di-lặc, các Bồ-tát Thượng Hạnh ở phương dưới.

- Bồ-tát Phổ Hiền và tất cả các Đại Bồ-tát Ma-ha-tát trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa đại từ đại bi nhận con kính thỉnh đều đến đạo tràng.

- Xá-lợi-phất, v.v... tất cả các Đại Thanh văn đều từ bi nhận con kính thỉnh đều đến đạo tràng.

- Tất cả mười phương Tam bảo thương xót che chở nhận con kính thỉnh đều đến đạo tràng.

- Tất cả tám bộ trời rồng, v.v... đều thương xót nhận con kính thỉnh đều đến đạo tràng.

Các Thánh chúng ấy nguyện đều chứng minh, hôm nay con muốn vì tất cả chúng sinh trong sáu đường ở mười phương mà tu hạnh Đại thừa vô thượng Bồ-đề, phá tất cả tội nặng chướng đạo nguyện được Tam-muội Pháp Hoa, hiện khắp sắc thân, trong một niệm cúng dường tất cả Tam bảo mười phương. Trong một niệm độ khắp tất cả chúng sinh

trong sáu đường ở khắp mười phương. Khiến vào Nhất Thừa Bình Đẳng Đại Tuệ. Trong hai mươi mốt ngày nhất tâm thù thắng tu hành như kinh nói. Nguyện tất cả Chư Phật Bồ-tát, Phổ Hiền Đại sư, bổn nguyện lực nhận con sám hối. Khiến việc làm của con quyết định phá các tội chướng. Pháp môn hiện tiền như kinh đã nói.

5. Khen ngợi Tam bảo

- Đốt hương rải hoa, khen ngợi rằng:

Dung nhan rất mầu nhiệm
Ánh sáng soi mười phương
Con đã cúng dường xong
Nay lại đích thân thấy
Thánh Chủ vua trong trời
Tiếng Ca-lăng-tần-già
Thương xót các chúng sinh
Nay chúng con kính lễ.

Nguyện đem công đức khen Phật này tu hành hạnh Đại thừa vô thượng gốc lành, dâng phước cõi trên tám bộ trời rồng Đại Phạm Thiên Vương trời ba mươi ba, Diêm-la năm đường, sáu Trai tám Vương, Quỷ Vương làm bệnh và các quyến thuộc, các thổ thần kỳ trong Tăng-già-lam ủng hộ chánh pháp. Lại vì Quốc vương đế chủ, muôn dân trong cõi nước, sư tăng, cha mẹ, thiện ác tri thức, đàn-việt tạo chùa tín thí mười phương, rộng đến pháp giới chúng sinh. Nguyện nhờ gốc lành này, bình đẳng huân tu hai thứ trang nghiêm công đức trí tuệ, đồng hội vô sinh, thành Đạo chủng trí.

6. Lễ Phật (Người tu tự biết thân tâm vắng lặng, không có tướng lễ. Thân này dầu như huyễn chẳng thật nhưng đều ở trước Chư Phật mà kính lễ).

- Nhất tâm kính lễ Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

- Nhất tâm kính lễ Quá Khứ Đa Bảo Phật.

- Nhất tâm kính lễ mười phương phân thân Phật Thích-ca Mâu-ni.

- Nhất tâm kính lễ Phật Thiện Đức ở phương Đông tất cả Chư Phật trong pháp giới phương Đông.

- Nhất tâm kính lễ Phật Vô Ưu Đức, ở phương Đông Nam tất cả Chư Phật trong pháp giới ở phương Đông Nam.

- Nhất tâm kính lễ Phật Vô Lượng Minh, ở phương Tây, tất cả Chư Phật trong pháp giới ở phương Tây.

- Nhất tâm kính lễ Phật Hoa Đức, ở phương Tây Bắc, tất cả Chư

Phật trong pháp giới ở phương Tây Bắc.

- Nhất tâm kính lễ Phật Tướng Đức, ở phương Bắc, tất cả Chư Phật trong pháp giới ở phương Bắc.

- Nhất tâm kính lễ Phật ở Tam Thừa Hạnh, phương Đông Bắc tất cả Chư Phật trong pháp giới ở phương Đông Bắc.

- Nhất tâm kính lễ Phật Quảng Chúng Đức, ở phương trên, tất cả Chư Phật trong pháp giới ở phương trên.

- Nhất tâm kính lễ Phật Minh Đức, ở phương dưới, tất cả Chư Phật trong pháp giới ở phương dưới.

- Nhất tâm kính lễ Chư Phật ba đời từ xưa đến nay, bảy Phật Thế tôn, ngàn Phật Hiền kiếp.

- Nhất tâm kính lễ, hai vạn ức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, Phật Đại Thông Trí Thắng, mười sáu Vương tử Phật v.v... tất cả Chư Phật quá khứ trong kinh Pháp Hoa.

- Nhất tâm kính lễ Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương v.v... tất cả Chư Phật hiện tại trong kinh Pháp Hoa.

- Nhất tâm kính lễ Phật Hoa Quang, Phật Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng v.v... tất cả Chư Phật vị lai trong kinh Pháp Hoa.

- Nhất tâm kính lễ mười phương xá-lợi, tôn tượng, chi-đề pháp mầu, toàn thân Tháp báu Đa Bảo Như Lai.

- Nhất tâm kính lễ Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, mười phương tất cả tôn kinh, mười hai bộ Chân Tịnh Pháp Bảo.

- Nhất tâm kính lễ Đại Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi, Đại Bồ-tát Di-lặc.

- Nhất tâm kính lễ Đại Bồ-tát Dược Vương, Đại Bồ-tát Dược Thượng.

- Nhất tâm kính lễ Đại Bồ-tát Quan Thế Âm, Đại Bồ-tát Vô Tận Ý.

- Nhất tâm kính lễ Đại Bồ-tát Diệu Âm, Đại Bồ-tát Hoa Đức.

- Nhất tâm kính lễ Đại Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Đại Bồ-tát Đắc Đại Thế.

- Nhất tâm kính lễ Đại Bồ-tát Đại Nhạo Thuyết, Đại Bồ-tát Trí Tích.

- Nhất tâm kính lễ Đại Bồ-tát Tú Vương Hoa, Đại Bồ-tát Trì Địa, Đại Bồ-tát Dõng Thí.

- Nhất tâm kính lễ vô biên A-tăng-kỳ Đại Bồ-tát như Thượng Hạnh v.v... ở phương dưới kinh Pháp Hoa.

- Nhất tâm kính lễ trong kinh Pháp Hoa Xá-lợi-phất v.v... tất cả

các chúng Đại Thanh văn.

- Nhất tâm kính lễ mười phương tất cả chư tôn Đại Quyền Bồ-tát, và Thanh văn Duyên giác đắc đạo Hiền thánh tăng.

- Nhất tâm kính lễ Đại Bồ-tát Phổ Hiền (ba lần đọc tên Bồ-tát này, là Pháp Hoa Sám Hối Chủ, người tu phải quì trước Bồ-tát này mà phát lồ sám hối và phát nguyện v.v...)

- Khắp vì bốn ân ba hữu và chúng sinh trong pháp giới, đều nguyện dứt trừ ba chướng, quy mạng sám hối.

7. Sám hối sáu căn và khuyến thỉnh tùy hỷ, hồi hướng phát nguyện.

a. Trước sám hối về mắt:

Dốc lòng sám hối, con Tỳ-kheo pháp danh... cùng tất cả pháp giới chúng sinh tứ vô lượng kiếp đến nay, mắt con do tham đắm các sắc, vì mê đắm các sắc nên tham ái các trần, vì tham ái các trần nên chịu thân nam nữ, đời đời sinh ra nơi nào cũng mê đắm các sắc. Sắc làm hư mắt con, làm tôi mọi cho ân ái, cho nên sắc khiến con trải qua ba cõi, vì tệ này khiến con mù đui không thấy, mắt bất thiện làm hại con rất nhiều. Chư Phật mười phương thường còn chẳng mất, con do mắt trược ác ngăn che nên chẳng thấy. Nay tụng kinh điển Đại thừa Phương Đẳng, hướng về Bồ-tát Phổ Hiền và tất cả Thế tôn, đốt hương dâng hoa, nói tội lỗi của mắt chẳng dám che giấu. Xin Chư Phật, Bồ-tát dùng nước pháp mắt tuệ rửa trừ cho. Do nhân duyên ấy khiến con cùng tất cả chúng sinh tất cả tội nặng do mắt gây ra đều được thanh tịnh.

b) Sám hối về tai:

Dốc lòng sám hối, con Tỳ-kheo pháp danh là cùng tất cả chúng sinh trong pháp giới từ nhiều kiếp đến nay, tai do đuổi theo tiếng ngoài. Khi nghe tiếng hay thì tâm sinh mê đắm; nghe tiếng dở thì khởi một trăm lẻ tám giặc hại phiền não. Như tai ác bị báo sự ác, thường nghe tiếng ác, sinh các duyên ác, vì nghe điên đảo nên phải đọa vào đường ác, biên địa, tà kiến chẳng nghe chánh pháp, nơi nơi mê đắm không hề tạm dừng. Vì tội của tai này khiến thần thức con phải nhọc nhằn đọa vào ba đường, Chư Phật mười phương thường nói pháp. Con bị tai ác trược che nên không nghe. Nay mới biết rõ tụng trì kho báu công đức Đại thừa, hướng về Bồ-tát Phổ Hiền và tất cả Thế tôn, đốt hương dâng hoa, nói tội lỗi của tai chẳng dám che giấu, vì nhân duyên ấn khiến con và chúng sinh trong pháp giới tất cả tội nặng của lỗ tai gây ra đều được thanh tịnh.

c) Sám hối về mũi:

Dốc lòng sám hối, con là Tỳ-kheo pháp danh... cùng tất cả chúng sinh trong pháp giới, từ vô lượng kiếp đến nay dùng mũi này ngửi các mùi thơm hoặc mùi thân nam nữ, mùi đồ ăn uống và các thứ mùi thơm, mê đắm chẳng biết, làm động các kiết sử và các giặc phiền não đang ngủ mà khởi vô lượng tội nghiệp thân này tăng trưởng. Vì tham mùi hương nên các thức phân biệt nơi nào cũng đắm nhiễm, mà rơi vào sinh tử chịu các khổ báo. Chư Phật mười phương diệu hương công đức đầy khắp pháp giới, con bị mũi ác trược che chướng nên chẳng nghe. Nay tụng diệu điển Đại thừa thanh tịnh, hướng về Bồ-tát Phổ Hiền và tất cả Thế tôn, đốt hương dâng hoa, nói tội của mũi chẳng dám che giấu vì nhân duyên ấy mà khiến con cùng tất cả chúng sinh, tất cả tội nặng của mũi gây ra đều được thanh tịnh.

d) Sám hối về lưỡi:

Dốc lòng sám hối, con là Tỳ-kheo pháp danh, v.v... cùng tất cả chúng sinh trong pháp giới từ vô số kiếp đến nay, lưỡi đã gây ra các nghiệp ác bất thiện, vì tham các mùi vị mà giết hại các chúng sinh. Phá các giới cấm buông lung chơi bời, vô lượng tội nghiệp do lưỡi gây ra. Lại vì lưỡi mà sinh khởi lỗi của miệng, như nói dối, nói hung ác, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, chê bai Tam bảo, khen ngợi tà kiến, như lửa thâm củi. Lưỡi gây tội ác vô lượng vô biên. Vì nhân duyên đó nên phải đọa vào đường ác, trăm kiếp ngàn kiếp không có ngày ra. Pháp vị Chư Phật đầy khắp pháp giới, vì tội của lưỡi nên chẳng biết rõ. Nay tụng Bí Tạng Đại thừa của Chư Phật, hướng về Bồ-tát Phổ Hiền và tất cả Thế tôn, đốt hương dâng hoa, nói tội lỗi của lưỡi chẳng dám che giấu. Vì nhân duyên ấy khiến con cùng chúng sinh trong pháp giới tất cả tội nặng của lưỡi gây ra đều được thanh tịnh.

e) Sám hối về thân:

Dốc lòng sám hối, con là Tỳ-kheo pháp danh... cùng tất cả chúng sinh trong pháp giới từ lâu xa đến nay, thân bất thiện mê đắm các chạm xúc. Đó là thân nam nữ mềm mại trơn láng, các thú chạm xúc như thế điên đảo chẳng biết, phiền não hừng hẫy tạo ra thân nghiệp, khởi ba bất thiện là sát đạo dâm, cùng các chúng sinh kết oán thù lớn, tạo nghịch phá giới cho đến đốt phá chùa tháp, xài đồ vật của Tam bảo không biết hổ thẹn, các tội như thế vô lượng vô biên từ thân nghiệp khởi lên nói không thể hết. Tội cấu nhân duyên ở đời vị lai phải đọa địa ngục, lửa dữ hừng hẫy đốt cháy thân con, vô lượng ức kiếp phải chịu khổ não dữ dội, Chư Phật mười phương thường phát ra ánh sáng trong sạch chiếu đến thân con, thân con tội nặng che chướng nên chẳng biết, chỉ biết

tham đắm các chạm xúc thô xấu, hiện chịu các khổ. Sau sẽ chịu các khổ địa ngục ngạ quỉ súc sinh. Các khổ như thế, chết ở trong đó, chẳng biết chẳng hay. Ngày nay hổ thẹn tụng trì chân thật pháp tạng Đại thừa, hướng về Bồ-tát Phổ Hiền và tất cả Thế tôn đốt hương dâng hoa, nói tội lỗi của thân không hề che giấu. Vì nhân duyên ấy khiến con cùng tất cả chúng sinh trong pháp giới tất cả tội nặng của thân đều được thanh tịnh.

f. Sám hối về ý:

Dốc lòng sám hối, con là Tỳ-kheo pháp danh... cùng tất cả chúng sinh trong pháp giới, từ vô thỉ đến nay ý bất thiện tham đắm các pháp, điên đảo ngu si chẳng hiểu, tùy cảnh được duyên mà khởi tham sân si, tà niệm như thế sinh ra tất cả tạp nghiệp. Nói về mười điều ác, năm tội nghịch cũng như khỉ vượn, cũng như keo nhựa, chỗ nào cũng tham đắm, đến khắp tất cả sáu căn, sáu căn nghiệp này nhánh lá hoa quả đều đầy khắp ba cõi hai mươi lăm hữu, tất cả chỗ sinh, cũng sinh ra vô minh già chết, mười hai khổ, tám tà tám nạn đều trải qua, vô lượng vô biên báo ác bất thiện từ ý sinh ra. Như thế ý căn tức là cội gốc tất cả sinh tử, nguồn gốc các khổ như trong kinh nói: Thích-ca Mâu-ni gọi là Tỳ-lô-giá-na cùng khắp tất cả chỗ. Phải biết tất cả các pháp đều là Phật pháp, vì vọng tưởng phân biệt nên chịu các nhiệt não. Cho nên trong Bồ-đề mà thấy chẳng thanh tịnh, ở trong giải thoát mà khởi cột trói. Nay mới giác ngộ, vô cùng hổ thẹn, vô cùng sợ hãi, tụng trì Đại thừa tu hành đúng như lời dạy. Hướng về Bồ-tát Phổ Hiền và tất cả Thế tôn, đốt hương dâng hoa nói tội lỗi của ý, phát lồ sám hối chẳng dám giấu giếm. Vì nhân duyên ấy khiến con và chúng sinh trong pháp giới, tất cả tội nặng của ý căn cho đến sáu căn khởi lên tất cả nghiệp ác, đã khởi, đang khởi và sẽ khởi ở vị lai rửa sạch sám hối, khiến rốt ráo thanh tịnh.

- Nói về khuyến thỉnh, con là Tỳ-kheo pháp danh... dốc lòng khuyến thỉnh vô lượng Phật trong pháp giới ở mười phương, cúi mong ở lâu trên đời xoay bánh xe pháp, hàm linh có tình thức trở về bản tịnh, sau Như Lai trở về thường trụ.

- Nói về tùy hỷ. Con là Tỳ-kheo pháp danh... dốc lòng tùy hỷ công đức của Chư Phật và Bồ-tát, phàm phu tịnh loạn có tướng thiện, tất cả nghiệp lậu và vô lậu, Tỳ-kheo các con đều tùy hỷ.

- Nói về hồi hướng, con là Tỳ-kheo pháp danh... dốc lòng hồi hướng tất cả thiện ba nghiệp đã tu, cúng dường Hằng sa Phật ở mười phương, hư không pháp giới hết đời vị lai, nguyện hồi hướng phước này cầu Phật đạo.

- Nói về phát nguyện: Con là Tỳ-kheo pháp danh... dốc lòng chí tâm phát nguyện, nguyện khi qua đời thần thức không tán loạn, chánh niệm vãng sinh về An dưỡng mà thờ kính Di-đà, gặp Thánh chúng tu hành mười địa, cao quý Thường vui.

8. Nói về hành đạo: Thành kính đọc lớn:

Nam-mô mười phương Phật
Nam-mô mười phương Pháp
Nam-mô mười phương Tăng
Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật
Nam-mô Đa Bảo Phật
Nam-mô phân thân của Phật Thích-ca Mâu-ni
Nam-mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh
Nam-mô Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát
Nam mô Phổ Hiền Bồ-tát.

- Tự quy y Phật, cầu cho chúng sinh, hiểu rõ đại đạo, phát tâm vô thượng.

- Tự quy y Pháp, cầu cho chúng sinh, vào sâu kinh tạng, trí tuệ như biển.

- Tự quy y Tăng, cầu cho chúng sinh, quản lý đại chúng, tất cả vô ngại. Kính lễ Thánh Chúng.

9. Lại nói về tụng kinh. Người tu đối với việc hành đạo, trước xưng niệm danh hiệu Chư Phật, Bồ-tát xong rồi thì nhất tâm chánh niệm tụng kinh Pháp Hoa. Chỉ có hai cách tụng: Tụng đầy đủ và tụng không đầy đủ: 1/ Tụng đầy đủ: Cách tu trước đã tụng một bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa thuộc lòng khiến vào đạo tràng, có thể từ thứ nhất mà tụng một, hai phẩm có thể đến một quyển. Hành đạo sắp xong liền ngưng tụng kinh, như trước mà xưng niệm danh hiệu Chư Phật và Bồ-tát, ba tự quy y xong thì trở về ngồi chỗ cũ. Nếu ý chưa muốn ngồi thiền thì lại ngồi thẳng mà tụng kinh, cũng được ít nhiều tùy tâm thêm bớt. Chỉ bốn thời ngồi thiền là không được toàn bỏ. Sự phải ngồi lâu, nếu người chẳng quen ngồi, chỉ muốn tụng kinh sám hối, thì phải ở trong đi ngồi mà tụng kinh, lâu mệt mỏi thì có thể tạm buộc niệm. Nghỉ ngơi xong lại tụng kinh cũng chẳng trái với hành pháp, nên nói chẳng nhập vào Tam-muội, chỉ tụng trì nên thấy sắc thượng diệu; hai là người tụng không đủ. Nói về người tu chưa hề tụng kinh Pháp Hoa, nay vì hành trì Tam-muội, thì phải tụng phẩm An lạc hạnh cho thật thuộc lòng. Khi đi nhiều thì tụng phẩm này một biến hoặc hai, ba biến, tùy ý nhiều ít, nếu tụng cả các phẩm khác của Pháp Hoa cũng được, nhưng chẳng được tụng các kinh khác. Tụng

kinh phải cho câu văn rõ ràng như đối trước văn chẳng khác, chẳng được sai sót, kế phải tịnh tâm hiểu tánh âm thanh như tiếng vang trong hang trống. Tuy chẳng được tiếng mà tâm rõ ràng chiếu sáng các câu nghĩa, lời lẽ rõ ràng. Vận tiếng pháp này đầy khắp pháp giới để cúng dường Tam bảo thí khắp chúng sinh, khiến vào cảnh giới nhất thật Đại thừa.

10. Nói về ngồi thiền, thật tướng chánh quán:

Người tu hành đạo tụng kinh xong, phải ở chỗ cũ vào giường dây (đệm ngồi) y phục tề chỉnh ngồi ngay thẳng, nhắm mắt ngậm miệng điều hòa hơi thở, buông lỏng thân tâm mỗi mỗi như trong phương tiện trước khi ngồi thiền đã nói. Sau mới buộc niệm chánh quán phá hoại tội nghiệp. Thế nào là chánh quán, như pháp Bồ-tát chẳng dứt kiết sử, chẳng trụ biển sử, quán tướng không, như thật của tất cả pháp, đó gọi là chánh quán. Thế nào là quán tất cả pháp không? Là người tu phải quán chắc một niệm vọng tâm hiện tại tùy cảnh mà duyên, như tâm này là do tâm mà có tâm hay chẳng phải do tâm, chẳng phải chẳng do tâm mà có tâm, là ở ba đời hay ở trong ngoài và khoảng giữa có dấu chân nào ở nơi chốn nào. Như thế trong các thứ nhân duyên mà tìm tâm thì rốt ráo chẳng thật có, tâm như mộng huyễn chẳng thật, trống vắng như hư không, không tên không tướng, không thể phân biệt. Khi đó người tu còn chẳng thấy tâm là sinh tử, làm sao thấy tâm là Niết-bàn. Đã chẳng thật có sở quán, cũng chẳng còn năng quán, chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng đắm chẳng dính, tất cả niệm tướng chẳng khởi, tâm luôn trống vắng, cũng chẳng trụ ở trống vắng, dứt đường nói năng chẳng thể giảng nói tuy chẳng được tâm, chẳng phải tướng tâm, mà hiểu rõ thông suốt tất cả tâm chẳng phải tâm, tất cả đều như huyễn hóa. Đó gọi là quán tâm không tâm, pháp chẳng trụ pháp. Các pháp giải thoát Diệt đế vắng lặng. Thực hành sám hối như thế gọi là đại sám hối, gọi là trang nghiêm sám hối, gọi là vô tội tướng sám hối, gọi là phá hoại tâm thức sám hối. Tu sám hối này tâm như nước chảy, chẳng trụ vào pháp. Đó là sao? Vì vọng tưởng điên đảo tạo ra tội phước các pháp đều từ tâm khởi, lìa tâm thì không có tội phước và tất cả pháp. Nếu quán tâm không tâm thì tội phước không có chủ, biết tội phước tánh không thì tất cả các pháp đều không. Khi quán như thế thì phá được tất cả sinh tử điên đảo. Ba độc vọng tưởng là nghiệp ác cực nặng, cũng không có chỗ phá, thân tâm thanh tịnh, trong niệm niệm soi rõ các pháp, chẳng nhận chẳng chấp dính ấm giới vi tế. Vì nhân duyên đó mà được tương ưng với năng lực Tam-muội, liền thấy Phổ Hiền và Chư Phật mười phương xoa đầu nói

pháp, tất cả pháp môn đều trong một niệm tâm, chẳng phải một, chẳng phải khác, không có chướng ngại. Ví như hạt ngọc báu như ý, đầy đủ tất cả châu báu. Như thế tánh báu chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Người tu khéo quán tâm tánh cũng như hư không. Ở trong tịnh tâm rốt ráo thấy tất cả pháp môn thông suốt vô ngại cũng giống như thế. Đó gọi là người tu quán tâm thật tướng sám hối, sáu căn chẳng dứt năm dục, được thanh tịnh các căn, thấy chướng ngoài sự. Nói rộng như trong kinh Pháp Hoa và Kinh Phổ Hiền Quán. Lại nữa, người tu mới vào đạo tràng trong một lúc phải tu đủ mười pháp. Như thế trong sáu thời đều cùng pháp ấy, chỉ trừ triệu thỉnh Tam bảo, trong hai mươi mốt ngày tu đủ chín pháp, khi thực hành mỗi pháp đều tu quán này. Trong sáu thời, mỗi thời chẳng được đối với sự lý có thiếu. Đó gọi là trong hai mươi mốt ngày nhất tâm tinh tấn. Lại nữa, người tu trong hai mươi mốt ngày khi tu sám hối, hoặc đi hoặc ngồi, hoặc đứng hay ra vào, đại tiểu tiện, quét sân, tắm giặt, làm các cử động, nhìn ngó cúi ngước, đều phải tâm tâm nhớ nghĩ Tam bảo, quán tâm tánh không, chẳng được dù trong sát-na nhớ nghĩ việc đời năm dục, sinh tâm tà niệm và nói năng luận bàn với người ngoài, buông lung ngủ nghỉ, cười giỡn nhìn sắc nghe tiếng, đắm trước các trần cảnh, khởi bất thiện vô ký phiền não tạp niệm, trái với bốn hạnh An lạc đã nói. Nếu tâm tâm tiếp nối như thế chẳng lìa thật tướng, chẳng tiếc thân mạng, vì tất cả chúng sinh làm pháp sám hối. Đó gọi là trong hai mươi mốt ngày chân thật nhất tâm tinh tấn tu hành.

V. LƯỢC NÓI TƯỚNG TU CHỨNG:

Nếu người tu trong hai mươi mốt ngày nhất tâm tinh tấn như thế, khi tu Tam-muội trong hai mươi mốt ngày thời gian hoặc đã mãn hai mươi mốt ngày thì có ba thứ người tu chứng tướng khác nhau, nay lược phân biệt: Một là chứng tướng của người hạ căn, hai là chứng tướng của người trung căn, ba là chứng tướng của người thượng căn. 1/ Thế nào là chứng tướng của người hạ căn? Nói trong thời gian hai mươi mốt ngày hoặc đã xong rồi thì được giới căn thanh tịnh. Vì sao biết được? Tựu trung cũng có ba phẩm: Một là Hạ phẩm, nếu được các thứ điều lạ và mộng lành, hoặc biết các căn sáng sạch, bốn đại nhẹ nhàng, nhan sắc tươi tấn, thân có khí lực, oai đức vòi vọi đạo tâm phát mạnh. Đó gọi là Hạ phẩm biết giới căn dần dần có tướng thanh tịnh; Hai là Trung phẩm giới căn tướng tịnh, là trong hai mươi mốt ngày hoặc mãn hai mươi mốt ngày trong lúc hành đạo hoặc trong khi ngồi thiền bỗng thấy các điềm lạ như hoa có ánh sáng, mùi hương lạ và các tiếng khen ngợi

các thứ như trong kinh Phạm Võng, trong giới Bồ-tát đã nói. Thấy các thứ điềm lạ xong thì thân tâm vui mừng được pháp Hỷ lạc. Không có các tướng ác. Đó gọi là Trung phẩm biết giới căn có tướng thanh tịnh; Ba là Thượng phẩm giới căn tướng tịnh, trong hai mươi mốt ngày hoặc mãn hai mươi mốt ngày, trong lúc hành đạo và ngồi thiền, tuy chẳng chứng các thứ pháp môn mà thân tâm an vui vắng lặng, ở trong tịnh tâm tự thấy tướng thân giới thanh tịnh, tức thấy thân mặc pháp phục thanh tịnh, oai nghi khoan thai, thân tướng đoan nghiêm, ở trong chúng thanh tịnh tự thấy tướng thiện nghiệp rất rõ ràng sáng tỏ, ba thiện giới tướng thứ lớp hiện ra. Tín tâm khai phát, tâm được pháp hỷ, an ổn vui sướng không chút sợ hãi, ở trong tâm định thấy các tướng nghiệp lành như thế. Đó gọi là thượng phẩm giới căn tướng tịnh. Do tướng mạo ba phẩm mà nghiệm biết giới căn dần được thanh tịnh. Tướng ấy rất nhiều chẳng thể hết nói. Nếu tội nặng khó diệt mà dụng tâm siêng năng sám hối chẳng thôi. Hoặc khi thấy các tướng tội tức như không đầu tay và tế hầm sâu, nước đục, lửa dữ, hôi thúi, các cảnh giới ác. Thấy rồi tâm sinh sợ sệt, phải rất hết lòng sám hối, sám hối chẳng thôi thì sau cũng được giới căn thanh tịnh. Thế nào là tướng tu chứng của người Trung căn. Đó là được định căn thanh tịnh, trong đó cũng có ba phẩm: Một là Hạ phẩm, nếu khi người tu ngồi thiền bỗng biết thân tâm lặng yên, phát sinh các thiền định, đó là Dục giới trụ và Vị đáo địa định, thân tâm vắng lặng. Trong thân các xúc thứ lớp phát sinh, giác quán rõ ràng, hỷ lạc nhất tâm mặc nhiên tịch tịnh. Hoặc duyên với chúng sinh chứng từ bi hỷ xả, hoặc lại duyên với tướng tốt của Phật. Thiện tâm khai phát, nhập vào các Tam-muội. Các thứ định như thế v.v... Đó gọi là tướng Hạ phẩm định căn thanh tịnh; Hai là Trung phẩm biết định căn thanh tịnh. Có các người tu khi ngồi thiền thân tâm an định, biết hơi thở ra vào dài ngắn nhỏ nhiệm, khắp lỗ chân lông hơi thở ra vào vô ngại. Do đó thấy rõ ràng ba mươi sáu vật của thân, phát các vui sướng vào các thứ thiền định. Hoặc thấy trong ngoài thân các thứ bất tịnh, xương trắng ngổn ngang, hoặc thấy xương trắng sáng sạch rõ ràng mà chán lìa thế gian. Do đó phát các thiền định, thân tâm vui sướng vắng lặng chánh thọ. Hoặc duyên các pháp mà sinh từ bi hỷ xả. Hoặc duyên các thứ công đức trí tuệ mầu nhiệm của Chư Phật mà sinh ra Tam-muội. Các thứ định như thế khai phát, đó gọi là tướng Trung phẩm định căn thanh tịnh; Ba là Thượng phẩm tướng định căn thanh tịnh. Người tu khi ngồi thiền thân tâm an tịnh. Tâm duyên với ấm nhập giới thế gian, liền biết vô thường, khổ, không, thân thọ tâm pháp đều chẳng thật, mười hai nhân duyên hư

giả không có chủ, tất cả các pháp chẳng sinh chẳng diệt, giống như hư không, thân tâm vắng lặng, không, tương ưng với vô tướng vô nguyện mà sinh các thứ thiền định sâu, vui sướng mầu nhiệm, vắng lặng vô vi. Chán lìa thế gian, thương xót tất cả. Không còn che giấu và các pháp ác. Đó gọi là tướng Thượng phẩm định căn thanh tịnh. Thế nào là biết tướng tu chứng thượng căn? Đó là tuệ căn thanh tịnh. Trong đó cũng có ba phẩm: Một là tướng Hạ phẩm tuệ căn tịnh, nếu trong hai mươi mốt ngày, hoặc mãn hai mươi mốt ngày nếu trong lúc đi ngồi hoặc nhập các thiền định bỗng biết thân tâm như mây như bóng, mộng huyễn chẳng thật, do đó biết trong tâm phát trí tuệ sáng suốt, biết rõ các pháp, phương tiện khéo nói không có chướng ngại, thông suốt mười hai bộ kinh, tùy nghĩa giải thích hỏi đáp vô ngại, nói pháp vô tận. Đó gọi là tướng Hạ phẩm tuệ căn tịnh; Hai là tướng Trung phẩm tuệ căn tịnh. Đó là người tu khi ngồi tụng niệm thân tâm vắng lặng giống như hư không, vào các tịch định. Ở trong chánh tuệ tận mặt thấy Bồ-tát Phổ Hiền cỡi voi trắng sáu ngà cùng vô lượng chúng Bồ-tát vây quanh vì tất cả chúng sinh vui mừng thấy thân hiện ra trước người ấy. Người ấy vì thấy Bồ-tát Phổ Hiền liền được Tam-muội và Đà-la-ni, Pháp Âm Phương Tiện Đà-la-ni. Đà-la-ni tức là Đại trí tuệ, vì được Đại trí tuệ nên Chư Phật nói ra một lần, nghe qua đều không quên mà thông suốt vô ngại. Đối với trong một câu thông suốt tất cả nghĩa, nói vô cùng tận, như gió trong hư không. Được các thứ môn trí tuệ như thế, đó gọi là tướng Trung phẩm tuệ căn tịnh; ba là tướng Thượng phẩm tuệ căn tịnh. Người tu khi ngồi tụng niệm, thân tâm rỗng rang thanh tịnh, vào thiền định sâu. Biết tuệ rõ ràng, tâm chẳng lay động. Ở trong thiền định được thấy Bồ-tát Phổ Hiền, Thích-ca, Đa Bảo thân Thế tôn và Phật mười phương, được Đại Đà-la-ni vô ngại, được sáu căn thanh tịnh, hiện khắp sắc thân, khai tri kiến Phật, vào vị Bồ-tát, nói rộng như trong Kinh Phổ Hiền Quán, đó gọi là tướng Thượng phẩm tuệ căn tịnh.

Đây là nói lược tướng được chứng của ba căn người tu khác nhau chẳng đồng. Trong ba tướng chánh ấy hoặc có việc ma tương tợ. Nếu chứng pháp này phải khéo phân biệt, chẳng được liền sinh đẳng tâm. Cho nên nếu người tu muốn được công đức lợi ích rộng lớn này thì trong hai mươi mốt ngày phải nhất tâm tinh tấn tu phương pháp trước. Nếu hai mươi mốt ngày không được thì lại phải gia công thêm, bỏ ngang chớ nên lười biếng. Nếu tội nặng chướng đạo dần hết, mà các pháp môn Tam-muội sâu xa chưa hiện ra, muốn thường thực hành Tam-muội chưa hẳn đều nương vào mười pháp trên, chỉ nên lấy ý nói trong phẩm

An Lạc Hạnh mà nhất tâm tu tập thì liền tự được sáu căn thanh tịnh, thấy Chư Phật mười phương được khắp hiện sắc thân, khai tri kiến Phật, vào vị Bồ-tát. Phải biết hai mươi mốt ngày kỳ hạn làm như trên nói trong sáu thời. Người tu là Bồ-tát mới học chưa thể vào Tam-muội sâu, trước phải dùng sự pháp mà điều phục tâm mình, phá tội nặng chướng đạo. Do đây thân tâm thanh tịnh được pháp hỷ vị. Nếu muốn nhất tâm thường tịch vào Tam-muội sâu thì phải bỏ chỗ làm trước, y thẳng vào An Lạc Hạnh, thường ưa thích ngồi thiền, quán tướng không, như thật của tất cả pháp, chẳng khởi các lỗi trong ngoài, đại bi thương xót tất cả chúng sinh, tâm không xen hở, tức là tu Tam-muội. Nếu y theo pháp trước thì sự phiền không ngại. Cho nên người tu đã được ý này thì phải tự lấy trí lực mà thêm bớt, chẳng thể chỉ dùng một hạn kỳ như đã nói. Người mới học chưa khéo léo, thì nên y vào văn này dùng phương pháp trước mà tu Tam-muội.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

PHÁP HOA TAM MUỘI HÀNH SỰ VẬN TƯỞNG BỔ TRỢ NGHI

SỐ 1942

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1942

PHÁP HOA TAM-MUỘI HÀNH SỰ VẬN TƯỞNG BỔ TRỢ NGHI

Sa-môn Trạm Nhiên ở chùa Quốc Thanh đời Đường soạn.

Về pháp lễ sám, ở thế gian tùy đồng bắt chước nhau nhưng sự nghi vận tưởng phần nhiều chẳng chu toàn, hoặc đọc sơ sám văn nửa chừng chẳng thông suốt, hoặc suy năng lực trước chống lại lý quán, một là không bắt chước phong cách tinh tấn, thiếu đầu mối nhập môn. Cho nên nói siêng tu khổ hạnh chẳng phải là nhân Niết-bàn. Nhưng chỉ lễ niệm quĩ nghi thì văn đều rõ, lấy tán tâm nặng nề thì tưởng vận khó thành. Tôi do Thiên Thai lại có bổ chú rõ ràng. Toát lẫn khu chung khiến tùy lời làm niệm, tùy niệm thành tưởng, mỗi pháp ngó nhìn như thấy trước mắt, nhiều thời khắc chẳng dối, sự pháp thành tựu. Y bản văn chung phải trải mười pháp mà kết yếu sự lý.

1/ Trang nghiêm thanh tịnh đạo tràng (nếu không có nhà riêng thì có thể ở chung nhưng phải dẹp trống tất cả đồ đạc).

2/ Trang nghiêm thanh tịnh thân (dùng áo mới sạch, nếu không có thì dùng áo tốt nhất hiện có).

3/ Ba nghiệp cúng dường (tưởng thân mình và Chư Phật vốn không có năng sở).

4/ Vận hương (tưởng hương hoa này cùng khắp mười phương cúng dường Chư Phật) kế thỉnh Phật và các Bồ-tát.

5/ Khen Phật (tưởng đứng trước Tam bảo mà khen ngợi)

6/ Lễ Phật (tưởng năng lễ, sở lễ tánh vắng lặng) Phật Đa Bảo phân thân. Chư Phật Đông phương, Chư Phật ba đời, xá-lợi, hình tượng v.v... Diệu Pháp, các Bồ-tát, Xá-lợi-phất, v.v..., Bồ-tát Phổ Hiền. Khắp

thực hành bảy sám hối, phải vận mười tâm nghịch thuận. Kế là sám hối sáu căn. Rồi khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng, phát nguyện, hành đạo, ba tự quy y.

- Văn ngồi thiền tóm tắt, phải như mười pháp chỉ quán thành thừa, thực hành Pháp Hoa sám vào lúc hoàng hôn và năm canh thời gian gấp rút thì lược theo văn sau: Con pháp danh là... cùng chúng sinh trong pháp giới từ vô thỉ đến nay, bị vô minh che lấp, điên đảo mê lầm. Mà do sáu căn ba nghiệp bất thiện, tạo ra mười điều ác, bốn tội trọng, năm tội nghịch cho đến mười trọng, bốn mươi tám khinh. Vô lượng vô biên nói không hết được. Chư Phật mười phương thường ở thế gian, pháp âm chẳng dứt. Hương mầu cùng khắp, pháp vị đầy hư không, phát ra ánh sáng thanh tịnh chiếu soi xúc chạm tất cả, thường trụ diệu lý đầy khắp hư không. Con từ vô thỉ đến nay, sáu căn mê mờ, ba nghiệp đen tối, chẳng thấy chẳng nghe, chẳng hay chẳng biết. Do nhân duyên ấy mà trôi giạt mãi trong sinh tử, trải các đường ác, trăm ngàn muôn kiếp không bao giờ có ngày thoát ra. Kinh nói: Như Lai Thích-ca tên Tỳ-lô-giá-na ở khắp tất cả chỗ. Cho nên phải biết tất cả các pháp đều là Phật pháp, mà con chẳng biết, lại theo dòng vô minh. Cho nên ở trong Bồ-đề mà thấy chẳng thanh tịnh, ở trong giải thoát mà thấy trói buộc. Nay mới giác ngộ, nay mối hối cải, mà rất hổ thẹn, rất sợ sệt. Tụng trì Đại thừa, ba nghiệp cúng dường, hướng về Bồ-tát Phổ Hiền, và tất cả Thế tôn, đốt hương dâng hoa phát lồ sám hối. Sáu căn việc làm đều dứt hết, tiếp nối chẳng tạo nữa, vì nhân duyên ấy, nay con cùng pháp giới chúng sinh, ba nghiệp sáu căn, gây ra từ vô thỉ, hoặc đang làm, tự làm, dạy người khác làm, hoặc thấy nghe mà vui theo, hoặc nhớ hoặc chẳng nhớ, hoặc biết hoặc chẳng biết, hoặc nghi hoặc chẳng nghi, hoặc che giấu hoặc phát lồ, v.v... nguyện tất cả đều thanh tịnh.

(Sám hối rồi thì quy mạng lễ Tam bảo) - Hết.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

LƯỢC PHÁP HOA TAM MUỘI BỔ TRỢ NGHI

SỐ 1943

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1943

LƯỢC PHÁP HOA TAM-MUỘI BỔ TRỢ NGHI - VÀ LỜI TỰA

(Sám pháp này theo sự mà quán tưởng đều là văn của Tam-muội Pháp Hoa Bổ Trợ Nghi. Bổ Trợ Nghi trên chỉ nêu ý vận tưởng thêm mà thôi không chép sự tướng).

1. Vận hương hoa. Tưởng rằng: Nguyện hương hoa này đầy khắp mười phương, thành các thứ hương thơm, hoa quý, âm nhạc và thức ăn trời, y báu trời. Tưởng mỗi hạt bụi biến thành nhiều hạt bụi, trong mỗi hạt bụi biến ra tất cả pháp mầu nhiệm cúng dường mười phương pháp giới Tam bảo. Tưởng thân mình đều đầy khắp pháp giới ở trước các Tam bảo mà lễ bái, cúng dường. Tưởng tất cả chúng sinh đều phát tâm Bồ-đề, cùng làm Phật sự và đồng chứng trí Phật Vô sinh.

2. Thỉnh Phật (tưởng ba nghiệp tánh của ta như hư không. Phật Thích-ca và Chư Phật, Chư Bồ-tát cũng như thế).

3. Thỉnh pháp (pháp tánh như hư không chẳng thể thấy, thường trụ pháp bảo khó nghĩ bàn, nay con ba nghiệp đúng như pháp thỉnh).

4. Lễ Phật (tưởng năng lễ, sở lễ tánh vắng lặng, đường cảm ứng giao nhau khó nghĩ bàn. Nay con trước Phật như Đế châu, tất cả Chư Phật ảnh hiện trong châu ấy). Các Phật Bồ-tát khác cùng đồng tưởng như vậy.

5. Lề pháp (tưởng chân không pháp tánh như hư không. Thường trụ pháp bảo khó nghĩ bàn, ảnh thân con hiện trước pháp Bảo đều quy mạng lễ).

6. Khắp vì tất cả chúng sinh sám hối, vận thuận nghịch mười tâm.

- Hết -

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

NGHI THỨC LỄ KINH PHÁP HOA

SỐ 1944

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1944

NGHI THỨC LỄ KINH PHÁP HOA

- Nhất thừa đảnh lễ mười phương pháp giới Thường Trụ Tam Bảo (lạy xong đốt hương dâng hoa quỳ xuống đọc lớn).

Nguyện mây hương hoa này, cùng khắp cõi mười phương, cúng dường tất cả Phật. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, chúng Thanh văn Bồ-tát, thọ dụng làm Phật sự.

Kính lạy mười phương Phật
Viên mãn tối thượng thừa
Mở hai môn bản tích
Pháp dụ nói chân bí
Khắp khiến các quyền tiểu
Đều chứng Phật Bồ-đề
Nay con thề quy y
Nguyệt vượt biển sinh tử.

- Nhất tâm đảnh lễ Phật Bổn sư Thích-ca Mâu-ni.
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Đa Bảo ở quá khứ.
- Nhất tâm đảnh lễ phân thân Phật Thích-ca Mâu-ni ở mười phương.
- Nhất tâm đảnh lễ mười phương ba đời Chư Phật trong kinh Pháp Hoa.
- Nhất tâm đảnh lễ kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Diệu Tự Pháp Bảo.
- Nhất tâm đảnh lễ mười phương ba đời tất cả Bồ-tát chúng Thanh văn, Duyên giác đắc đạo Thánh hiền tăng trong kinh Pháp Hoa.
- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Phổ Hiền.
- Dốc lòng sám hối. Con pháp danh là... cùng tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay, quên mất chân tâm trôi giạt sinh tử, sáu căn tội chướng

vô lượng vô biên. Tất cả điều nguyện chẳng được hiện tiền. Nay con kính lễ kinh Diệu Pháp Liên Hoa, do gốc lành căn này mà phát lồ tội ác, quá khứ hiện tại vị lai, ba nghiệp tạo ra vô biên tội nặng, đều được tiêu hết, thân tâm thanh tịnh, hoặc chướng trừ sạch. Phước trí trang nghiêm, tịnh nhân thêm lớn. Hạnh nguyện tự tha mau được viên thành. Nguyện các Như Lai thường ở nói pháp, có bao nhiêu công đức khởi tâm tùy hỷ, hồi hướng Bồ-đề, chứng quả thường lạc. Lúc qua đời chánh niệm hiện tiền, thấy mặt Di-đà và các Thánh chúng. Trong một sát-na sinh trong hoa sen, nguyện khắp chúng sinh đều thành Phật đạo.

- Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng, Nam mô Thích-ca Mâu-ni Phật, Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Nam-mô Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Nam-mô Phổ Hiền Bồ-tát, và ba Tự quy y, v.v...

- Hết -

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

KIM QUANG MINH SÁM PHÁP BỔ TRỢ NGHI

SỐ 1945

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1945

KIM QUANG MINH SÁM PHÁP BỔ TRỢ NGHI

Sa-môn Tuân Thức ở núi thuộc Thiên Thai đời Tống soạn.

I. DUYÊN KHỞI:

Hỏi rằng: Sự nghi đã chép Bách Lục, quán kể lại chỉ văn khác, do đó hai đường làm sao giúp đỡ nhau? Đáp: Sự quán nghi đã lấy từ kinh xưa. Sám Sự y cứ lời Bách Lục, chuẩn cũng không lập riêng. Trong khoảng hạnh dụng về việc trì hồi chẳng khỏi bốn số lại tán sái một pháp. Kinh chép: dùng các thứ ngon quý cúng dường ta, tán sái các phương. Bấy giờ phải tụng chương cú như thế, tìm một văn này khó hiểu có bốn: Một là thiếu nói rõ dâng ăn uống cúng thí thiên nữ; hai là thiếu phân tán sái thí riêng các thần; ba là thiếu nói chỗ tán thực; bốn là thời tiết tụng chú vẫn chưa thứ lớp. Theo Tịnh Sư mới dịch thì chỉ thiếu điều thứ ba là nói chỗ Tán thực, còn các thứ kia rất dễ hiểu. Bản dịch mới nói: cũng dùng hương hoa và các thứ ăn uống cúng dường tượng ta. Lại quăng ném thức ăn ở các phương mà thí cho các thần v.v... Lời tụng chú cũng lại nêu riêng, trước khiến lễ Phật, sau liền tụng chú mà thỉnh mời, chẳng nói tán sái khi tụng xem văn mới dịch này bổ thêm nghi thức cũ. Nếu thế Bách Lục khiến bày riêng một mâm thức ăn để phân tán các phương. Ở đây cùng kinh mới rất hợp nhau. Sao nói cũng không lập riêng? Đáp: Mới đầu tuy dường như phân ra, sau đến tán sái, lại y văn kinh liền phân tụng chú, lại thành khó hiểu. Vì sao? Vì chú vốn mời gọi Thiên nữ, chỉ có thể gồm ở đồ đảng. Nếu khiến ở chỗ tán thực mà tụng, thì thành chỉ mời đồ đảng thuộc hạ, dẫu nói tụng đồng thời thì lại thiếu nói chỗ nơi. Nếu trong đạo tràng mà tán khắp thức ăn thì rất bất tiện,

còn nếu tán ở chỗ khác đồng thời tụng chú thì không thể được, huống chi thời tiết tụng chú cũng không phải như thế, trước phải trì chú chung triệu thỉnh chủ bạn khiến đến đạo tràng. Sau dâng thức ăn phải khác chỗ, lại ngày nay hành sự phân nhiều đều đem pháp này y cứ đồng với Pháp Hoa, Phương Đẳng. Ngày đầu trở về sau bỏ thỉnh Tam bảo. Ngay đó mà tụng chú rất thiếu thứ lớp. Lại Bách Lục chẳng nêu năm hối. Người sau lạm dụng, nay đều bổ trợ không uổng phí.

II. TIẾP VĂN KHAI CHƯƠNG ĐỂ ĐỊNH THUYÊN THỨ LỚP:

Bách Lục sự Nghi tuy văn rất ước lược. Tìm kỹ ý sẽ mở thành mười khoa, chỉ thiếu năm hối, thế nào là mười: Một là trang nghiêm tịnh thất; hai là thanh tịnh ba nghiệp; ba là hương hoa cúng dường; bốn là triệu thỉnh trì chú; năm là khen ngợi thuật ý; sáu là xưng dòng họ dâng cúng; bảy là lễ kính Tam bảo; tám là tu hành năm hối; chín là đi nhiễu Tự quy y; mười là xướng tụng kính lễ. Cùng Bách Lục khai hợp thuyên thứ, lược dị đối tìm sẽ rõ. Chỉ có năm hối, nay y vào diệt nghiệp chướng của phẩm An Lạc. Chỉ nói thuật lập ý sám, lược bỏ không có khen ngợi. Nay y theo hành pháp khác, dùng kinh mới Tứ vương khen mà an. Phương Đẳng, Pháp Hoa đều có ngồi thiền. Văn này chỉ khiến xướng tụng tin có thêm ý chẳng dám dời đổi. Nếu thế chẳng an năm hối cũng có ý ư? Ở đây chẳng phải lệ chỉ là văn lược. Hoặc nói chuyên tụng đến phẩm sám hối liền là Hối. Cũng không thể thế. Hợp bộ Diệt Chướng phẩm mỗi mỗi trước khi sám hối đều phải đủ kinh nghi, sau mới phát lồ nên biết riêng an.

III. NÓI RIÊNG HAI PHÁP LỄ THỈNH VÀ SÁI TÁN:

Phải biết pháp này đồng thỉnh Quan Âm để thỉnh làm hạnh, bảy ngày sáu thời phải thường lễ thỉnh. Bách Lục Phương Đẳng Nghi và Pháp Hoa Tam-muội đều kết luận rằng: Sau sáu thời lược bỏ thỉnh Phật, còn chín pháp kia đều làm không khác. Chỉ thỉnh Quan Âm và Văn Kim Quang Minh. Lại tìm kinh mới Đại Biện Kinh Lao Tấn Chỉ, v.v... các nghi chú pháp, đều chỉ dùng triệu thỉnh làm môn, huống chi phẩm Thiên Nữ chép: Vì ta mỗi ngày ba thời xưng niệm danh hiệu Tam bảo. Lời Phật đón mời trời Đại Cát Tường. Cho đến tụng trì thần chú khi triệu thỉnh ta, ta nghe thần chú triệu thỉnh, liền đến chỗ ấy. Ba ngày đã thế ba đêm y cứ biết, huống chi văn sau nói: Sau đó xé trưa tụng trì chú trước, mong ta đến nghĩa thỉnh rõ ràng. Thường thường Quan Âm Hạnh

Nghi không ai biết, cũng muốn bỏ thỉnh. Ở đây đều chẳng biết nguyên do. Nay ở đây chỉ tóm lược văn thỉnh của Bách Lục đều là năm vị chỉ là khai hợp. Cho nên không phải lược bỏ nguyên do hợp ấy. Vì buổi sáng lo việc ăn uống dễ và quá ngọ lúc khác rộng thỉnh cũng phải không còn. Thỉnh Quán Âm không có điều này chẳng nên vội lược. Hai là nói sái tán, là lý phải đặt ngoài đạo tràng trên đất sạch, hoặc làm một đàn nhỏ, nước thơm rải khắp khiến vật đều nghiêm khiết thân đứng trong đó mà hoạt động bốn tán thực hết làm độ. Hỏi: Điều này xuất xứ từ văn nào? Đáp: hai kinh Bách Lục đều chẳng nói. Đây là dùng ý tài vụ mục đích là sinh thiện, chắc cũng không lỗi. Đợi thấy văn khác, y theo đó mà thay đổi thói quen cũng không muộn.

IV. LƯỢC NÓI NĂNG THỈNH VÀ SỞ CẦU LÌA LỖI:

Theo thỉnh Quán Âm có ba nghĩa: Một là vì mình mà thỉnh; hai là vì người mà thỉnh; ba là vì Hộ chánh pháp mà thỉnh. Phẩm này theo ý ở chỗ Hộ pháp tức Thiên Vương Hộ Kinh. Thứ ba dùng phước giúp thỉnh nói, cho đến người nghe, luận chung cũng phải đủ ba. Kinh nói: Phải vì thân mình và các chúng sinh, tức mình và người. Rộng khiến truyền khắp Diệu kinh điển ấy tức là Hộ pháp, đều là văn của phẩm này. Lại Bản mới nói: Ông truyền bá kinh ấy mình người đều lợi ích. Đây là nói văn ấy vì mình thỉnh lại có ba: Một là đón thỉnh, hai là cầu thỉnh, ba là nguyện thỉnh. Ở đây phối ba nghiệp thành cơ. Phẩm nói: Tắm gội thân thể mà lễ bái cúng dường là thân nghiệp đón thỉnh. Tụng chú thỉnh mời ta, tức là khẩu nghiệp cầu thỉnh. Chí thành phát nguyện, tức là ý nghiệp nguyện thỉnh. Vì người khác và Hộ pháp ba nghiệp cũng thế. Đón thỉnh lại có ba: Một là nêu tâm ước hạnh chứng mà thỉnh. Nêu tâm tức là thành ý mong cầu, chuyên thành thì cảm v.v... Bản mới nói: Thật lời mời thỉnh, phát chỗ nguyện cầu. Y cứ hạnh là tuy chẳng nêu tâm nhưng ba nghiệp người ấy thuần tịnh, Đại thánh tự nhiên sẽ ứng. Phẩm chép: Ta phải trọn đời, thân chẳng lìa xa người ấy. Chứng thỉnh là phẩm Quỉ Thần nói: Nếu vào kinh ấy tức vào pháp tánh, tức ở trong kinh Kim Quang Minh ấy mà được thấy ta Thích-ca Mâu-ni. Đón mời đã thế, cầu nguyện cũng thế, có ba nghiệp này, chúng sinh mười cõi, hai nghiêm chưa mãn. Vì người khác hộ pháp đều phải chí thành mà thỉnh; hai là nói sở cầu lìa lỗi. Hỏi: Bách Lục nói: Kim Quang Minh Sám Pháp chỉ phải thành ý hối tội, sao lại có cầu? Đáp: Lý ấy thật như thế, chỉ vì thực hành pháp sự xuất xứ từ phẩm này, dùng cát tường làm chủ, cho nên ý phẩm lại là phước ấy giúp nói nghe. Văn trong phẩm phần nhiều nói tài bảo, ít nói sám hối.

Chỉ có Bản Mới chép: Cúng dường Chư Phật tự nêu bày các tội, hồi hướng phát nguyện, nhưng phẩm lại nói thêm nhiều tài vật. Do có đó mà phần nhiều đều dua nịnh, muốn tránh khỏi lỗi này nên bày việc cầu mời. Nay chia làm hai ý: Một là chỉ tịnh tâm chuyên sám hối, không mưu đồ gì khác chuyên y theo sự lý, nhất tâm tinh tấn, hoặc chấp tướng, hoặc quán không. Ý mong diệt tội ở đây không cần nói; Hai là nếu vì hộ pháp và thỉnh nói nhân duyên nêu tâm mong cầu. Người tu chỉ biết rõ lỗi ấy. Lại có hai ý: Một là y cứ ba thỉnh nói về chỗ khởi lỗi, tức là hạnh chứng hai thỉnh sẽ không có dối trá, dối trá nịnh nọt thì không phải tự hành chẳng thành cảm. Nếu chỉ nêu tâm làm pháp, thì sự có thật giả, lỗi sẽ sinh ra; Hai là chánh ước nêu tâm chọn lỗi. Lại có hai: Một là lược y cứ ba nghĩa hiển chánh; hai là trái đây nêu lỗi nói chánh; ba là một cơ ước năng thỉnh nghĩa là thật, muốn thông kinh hoặc thỉnh, hoặc nói, hoặc nghe, tùy chỗ thiếu pháp mà bị bít lấp này. Nêu tâm chỉ sự bảy ngày cần cầu. Muốn nhờ trời giúp chắc chắn phải đi xa thỉnh, thật nói thì phải liễu, nghe phải cần các lỗi khác mới cảm; hai là y cứ Thánh năng ứng, tức là Đại thiên Cát Tường. Tâm trời chẳng dối quả có nói thật. Tuy chẳng mưu đồ mà ứng, mảy may chẳng lạm. Chân cơ một gõ, Diệu ứng liền thông; ba là ý ước cùng tiền của, ý Nhuận chỗ ấy mà chí thỉnh, làm đầy chỗ thiếu mà nói lợi ích, giúp đó nghe lâu. Kinh nói: Là người nói pháp, ta sẽ cung cấp để tâm an trụ, ngày đêm vui vẻ, chánh niệm suy nghĩ phân biệt nghĩa sâu. Thỉnh và nghe y theo đây rất dễ biết. Cho nên không phải hạng người tầm thường ngu tối, ăn no suốt ngày không hề dụng tâm, là trời cho tiền của. Kế nêu lỗi là trái trước rất dễ biết. Lại còn lược nói, vả người xuất gia còn chẳng nên cầu sự giới thiền thế gian và trí tuệ Nhị thừa, há lại cho toàn không giúp đạo chỉ để nuôi thân. Hành nghi dua nịnh, trộm quy tài lợi, nếu chất chứa nhiều tự phạm nghiêm khoa, bất tịnh tám tài vời khổ ba ác. Cúng dường đã không phước, ứng lập bày rốt tự không. Vì muốn cảm trời sợ ứng không có ngày; hai là trời giúp kẻ có đức, chớ chẳng giúp kẻ vô đạo. Chứa tiền của mà hủy giới thì trời bỏ người trách, uổng muốn mong cầu càng gần càng xa. Còn nay Đại quỷ quét dấu chân, đâu được trời theo hộ vệ thân. Trước không thân chỉ có đức là giúp mình, đâu lần lựa thấp hèn mà nói trọn đời chẳng xa người ấy? Ba thời đã trái ý trời thì tiền của có làm gì. Ý vì thông kinh chẳng duyên giúp mạng, còn khiến bỏ chứa nhóm, há khiến cho tham. Lại Sa-môn nhiễm pháp còn quở trách thì chứa tiền của có ai khen. Đời có kẻ chẳng thông suốt, uổng việc mong cầu. Lưới trời tuy thưa mà không lọt. Hỏi: Xem chỗ nói ở trên sợ chẳng hoàn toàn như

thế. Vì sao? Vì tình người tự cách, lý trời vốn thông. Bồ-tát từ bi gọi là vô duyên, Đại sĩ bố thí vốn là cứu khắp. Giặc niệm danh hiệu Phật còn được đầu vàng, tăng thờ thiên linh đâu tiếc ngọc bạch. Đáp: Ông hỏi sâu mà chẳng đạt ví như pháp nước, quan làm lỗi bị giáng chức cướp lộc, lại trách vua là Thiên tử nhân từ chẳng nên nghiêng lệch, phải chuộng ân thấm cày cỏ, tuệ thí kẻ nghèo hèn. Vì sao đối với quan mà tiếc tước lộc. Xem chỗ trách này là quan trí ư? Kinh nói một câu năng trì cho đến đầu đề dùng tiền của để hộ, thì ở đây gồm người tục và hiển công trì tụng là phân. Công thương sĩ nông cầu tài, vua quan trưởng giả giúp nước nhà giàu mạnh, còn khiến nghe kinh ấy yêu cầu đồng làm. Phẩm Địa Thần chép: Người ưa bố thí tâm thường bền chắc, tin sâu nhân quả, chứa nhóm mà cho khắp. Thường nghe phong cách kẻ liêm sĩ luôn biết đủ, tiết lượng. Kinh nói khuôn phép Đạo nhân xưa chưa thấy tích tham. Kẻ tục chí lẫn lộn phàm phu mà người theo về, trời hộ vệ.

V. CHUNG BÀY CHỖ NƯƠNG SỰ LÝ QUÁN TUỆ:

Nay Văn Chánh Y Bách Lục và hai kinh Mới Cũ, phụ thêm văn Tam-muội Pháp Hoa để làm thành mười khoa sự nghi. Chỉ trước chánh tu lược bỏ không có phương tiện. Nói rộng ở chỉ quán và các sám pháp. Người muyốn tu hành phải tìm sám hối phẩm sớ, trước phải hiểu chắc chỗ sám hối, mỗi việc biết rõ. Hoặc tôn dung đạo cụ trải sự quán tuệ, phải tìm văn sám hối của Chỉ Quán Phương Đẳng. Nếu mười khoa sự nghi trước sau mỗi pháp quán tưởng thì phải tìm văn Pháp Hoa Bổ Trợ Nghi, tụng cho thuộc làu, khiến vận niệm trệ ngại. Nếu kinh chú, tên Phật năm hối, v.v... các văn, đều dự bị tụng đủ cho thuộc làu. Chẳng ở trong đạo tràng cũng tự đọc văn. Lại phải tìm sớ biết rõ cách làm, thủ tướng, vô sinh ba thứ sám pháp hoặc chung hoặc riêng, sự lý tiếp cấp đối chương, tướng thứ lớp cạn sâu chẳng được không biết, cẩn thận chớ xem thường. Lại dặn dò người hậu học, hễ muốn viết chép đều phải trước sau viết đủ, đối xét rõ ràng chớ để lầm lẫn. Phần nhiều thấy các sám văn như Pháp Hoa, Quán Âm, v.v... bị cắt bớt trước sau và văn quán tuệ, chỉ chép Phật vị văn sám hối riêng, đều là Lễ Văn, thật rất đáng buồn. Nếu chẳng thể thì thà đừng viết, tránh được tội bỏ bớt toàn văn hành pháp, một việc chẳng đủ liền thiếu hành tướng, phải rất kiêng dè.

VI. BỔ TRỢ MƯỜI KHOA SỰ NGHI CHÁNH TU:

1. Phương pháp trang nghiêm thanh tịnh đạo tràng:

Nếu tự chỗ ở của mình hoặc ở A-lan-nhã thì riêng chọn một nhà để làm đạo tràng, bày tòa tụng kinh, làm sao cho tràng ngăn cách với bên ngoài. Trong đạo tràng bày tượng Phật Thích-ca, trước tượng để kinh Kim Quang Minh, ở bên trái Phật để tòa trời Công đức, theo kinh mới phải vẽ tượng trời Cát Tường. Nếu đạo tràng rộng thì ở bên phải để tòa Đại Biện Tứ Thiên Vương. Theo chú pháp Tỳ-sa-môn thì ở bên trái Phật, vẽ tượng trời Cát Tường, ở bên phải Phật thường để tượng trời Đa Văn. Nay ở trong đạo tràng chật cũng phải để Tòa trời Đa Văn làm thiện. Vì thiên nữ ở Thắng viên ấy, và tiêu biểu quyền thật cũng treo phướn lọng, đặt các tòa đồ cúng dường nghiêm tốt. Quét sạch đất rải nước thơm và thoa trét bùn thơm. Đốt các đèn dầu thơm. Ở các tòa rải các thứ hoa thơm đẹp và đốt các hương thơm danh tiếng để cúng dường Tam bảo. Làm đủ sức mình làm được, hết lòng hết ý mà khiến trang nghiêm thanh tịnh hết mức. Vì sao? Vì người tu trong tâm kính trọng Tam bảo vượt hơn ba cõi. Nay muốn phụng thỉnh cúng dường chẳng lẽ lại coi thường. Nếu mình chẳng thoát ra khỏi tiền của để cúng dường Đại thừa thì chẳng bao giờ mời gọi Hiền thánh cảm ứng được, tội nặng chẳng hết thì thiện căn do đâu mà được sinh.

2. Phương pháp thanh tịnh ba nghiệp

Người tu từ ngày đầu đến hết một kỳ hạn, hằng ngày dùng nước thơm tắm gội. Nếu đi vệ sinh, việc xong phải tắm. Dẫu một ngày đều chẳng đến chỗ dơ cũng phải tắm một lần. Mặc áo mới sạch, nếu là đại y, thì các đồ mới nhuộm, nếu không có đồ mới thì dùng y tốt nhất của mình giặt sạch nhiều lần để làm y vào đạo tràng. Ra vào cởi mặc có thể biết ý. Người tu suốt bảy ngày không nói chuyện tạp và tiếp xúc hỏi đáp với tất cả mọi người. Khi nào thật cần thiết lắm thì nói ngay vào việc, chẳng được lợi dụng việc đó mà nói qua các việc khác. Người tu trọn bảy ngày chuyên giữ một tâm nghĩ đến pháp phải tu, chẳng được sát-na nghĩ việc đời. Phải rất kín đáo chớ để cho manh động. Như ba nghiệp trên nếu khi ăn uống hoặc tiêu tiểu, đều phải một tâm giữ lỗi chớ nên lợi dụng việc đó mà khéo dài, phải làm đúng việc.

3. Phương pháp hương hoa cúng dường (người tu khi vào đạo tràng đến trước pháp tòa trải Ni-sư-đàn, trước khởi niệm từ bi độ thoát tất cả chúng sinh. Kế khởi tâm ân trọng tưởng Tam bảo đầy khắp hư không hiện ra ở đạo tràng, tưởng thân mình ở trước các Tam bảo kính lễ, và đọc lớn rằng:)

(Tâm theo thân miệng chí thành lễ không ý phân tán. Tưởng năng lễ sở lễ tánh đều vắng lặng, tưởng tất cả chúng sinh cùng lễ, lễ một lạy

xong quì xuống tay cầm hương hoa đọc lớn).

- Tất cả chúng đều quì xuống nghiêm cầm hương hoa đúng pháp cúng dường: Nguyện mây hương hoa này trùm khắp mười phương cúng dường tất cả Phật, tôn pháp các Bồ-tát, chúng Thanh văn Duyên giác và tất cả trời tiên thọ dụng làm Phật sự.

4. Pháp triệu thỉnh tụng chú:

(Quì thẳng, tay dâng hương hoa một lòng triệu thỉnh Tam bảo và các trời cùng đến đạo tràng, đọc lớn rằng:)

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật. Đông phương A-súc bốn Phật Thế Tôn, Phật Bảo Hoa Lưu Ly Bảo Thắng v.v... và tất cả Chư Phật mười phương ba đời trong kinh Kim Quang Minh.

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam mô Đại Thừa Kim Quang Minh Hải, mười hai bộ kinh.

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam mô Tín Tướng Bồ-tát, Kim Quang Minh Bồ-tát Kim Tạng Bồ-tát Thường Bi pháp trên trong kinh Kim Quang Minh và tất cả Bồ-tát và Thanh văn, Duyên giác, Hiền Thánh Tăng mười phương ba đời.

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Đại Phạm Tôn Thiên, trời ba mươi ba, Hộ Thế Tứ Vương Kim Cương Mật Tích, Tán Chỉ Đại Tướng, Đại Biện Thiên Thần, Ha-Lê-Đế-Nẩm Quỉ Tử Mẫu, năm trăm quyến thuộc tất cả đều là Đại Bồ-tát, và tất cả Linh Miếu Danh Sơn sông lớn trong nước này, Địa phận châu nào thuộc trong quỉ thần, các thần thủ hộ chánh pháp trong chỗ ở và già-lam cùng tất cả Thách chúng.

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô trời Đại Công Đức Đệ nhất oai đức thành tựu các việc.

(Thỉnh Bồ-tát này ba lần và quì xuống đọc chú rằng).

Nam-mô Phật-đà, Nam mô Đạt-ma, Nam mô Tăng-già. Nam-mô Thất Lợi (lị) Ma Ha Đề Tỷ Da Đát Nể Dã Tha Ba Lợi Phú Lầu Na giá Lợi Tam Mạn Đà Đạt Xá Ni. Ma Ha Tỳ Ha La Dà Đế Tam Mạn Đà Tỳ Ni Dà Đế Ma-ha Ca Lợi Dã Ba Nể Ba. La ba nễ Tát lợi phược lật tha Tam mạn đà tu bát lê đế Phú lệ na a dạ na đạt ma đế Ma ha tỳ cổ tất đế Ma ha di lặc đế Lâu kê tăng-kỳ-đế hê đế xỉ Tăng kỳ hế đế tam mạn đà A tha tăng nậu bà la ni.

5. Phương pháp khen ngợi thuật ý (tưởng Tam bảo và các trời đều đến đạo tràng như ở trước mắt, quì xuống đọc lời khen ngợi rằng).

Mặt Phật giống như trăng tròn sạch
Như ngàn mặt trời phát ánh sáng

Mắt sạch và rộng như hoa sen
Răng trắng đều khít như kha tuyết.
Đức Phật vô biên như biển lớn
Vô số diệu báu chứa trong đó
Nước đức trí tuệ thường luôn đầy
Trăm ngàn thắng định đều đầy đủ.
Tướng luân dưới chân đều nghiêm sức
Bánh xe ngàn căm đều bằng nhau
Tay chân màng lưới khắp trang nghiêm
Như ngỗng đầu đàn tướng đầy đủ.
Thân Phật sáng rỡ như núi vàng
Thanh tịnh đặc biệt không ai sánh
Cũng như Diệu cao công đức đầy
Nên con kính lễ Phật Sơn Vương.
Tướng tốt như không, chẳng thể lường
Hơn ngàn mặt trời phát ánh sáng
Đều như Diễm huyễn tư nghì
Nên con đảnh lễ tâm không mê đắm.

6. Pháp khen ngợi Tam bảo và tán sái:

(Tán sái gọi chung là phụng cúng. Nếu gọi Tán sái thì là chỉ thí cho các thần, người tu dốc lòng đọc rằng:)

Nam-mô Phật Bảo Hoa Lưu Ly

Nam-mô Kinh Kim Quang Minh

Nam mô trời đại công đức Đệ Nhất Oai Đức thành tựu các

- Nay con ở đạo tràng bày các thứ cúng dường, đốt các đèn dầu, đốt các hương thơm, dâng các thức ăn uống tịnh khiết đúng pháp cung kính cúng dường Chư Phật Thế tôn, kinh điển Đại thừa Bồ-tát Hiền thánh tất cả Tam bảo. Lại riêng bày hương hoa thức ăn uống hiến cúng Công Đức Đại Thiên Đại Biện Tứ Vương, Phạm Thích, tám bộ trời rồng các chúng. Lại đem thức ăn thí cho các thần ở các phương. Cúi mong Tam bảo, trời tiên thương xót con và các chúng sinh thọ nhận cúng dường này. Nhờ năng lực Kim Quang Minh và oai thần Chư Phật trong một niệm hiển hiện tất cả cõi Phật ở mười phương, như mây giăng khắp, như mưa đầy khắp, rộng làm Phật sự, huân khắp chúng sinh, phát tâm Bồ-đề đồng viên chủng trí.

(Đem thức ăn ra ngoài đạo tràng rải khắp bốn phương, đọc lớn rằng)

- Nay con y giáo cúng dường Đại thừa Tam bảo và các vị Đại

thiên cát tường, đem các thứ ăn uống này tán sái các phương thí khắp các thần. Nguyện các thần minh oai quyền tự tại. Một niệm khắp tập hội đều thọ pháp thực, đầy đủ không thiếu thân sức mạnh giữ gìn bền chắc, biết điều con cầu mong. Nguyện cùng hồi hướng phước lợi này thấm nhuần khắp loài hàm linh, quả báo tự nhiên, thường hưởng vui sướng.

(Rải thức ăn bốn phương, tưởng các quỉ thần đều đến ăn, giờ đọc bài chú trên, hoặc chỉ một câu Nam mô Thất rị Ma ha đề tỷ da).

7. Pháp lễ kỉnh Tam bảo:

(Tán sái rồi vào đạo tràng dốc lòng kính lễ. Tưởng năng lễ, sở lễ tánh vắng lặng v.v...

- Nhất tâm đảnh lễ Phật Bổn sư Thích-ca Mâu-ni.
- Nhất tâm đảnh lễ Phật A-súc ở phương Đông.
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Bảo Tướng ở phương Nam.
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây.
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Vi Diệu Thinh ở phương Bắc.
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Bảo Hoa Lưu Ly.
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Bảo Thắng.
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Vô Cấu Xí Bảo Quang Minh Vương Tướng.
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Kim Diệm Quang Minh.
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Kim Bách Quang Minh Chiếu Tạng.
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Kim Sơn Bảo Cái
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Kim Hoa Diệm Quang Tướng
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Đại Cự
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Bảo Tướng
- Nhất tâm đảnh lễ Tận Kinh Kim Quang Minh và tất cả Chư Phật mười phương ba đời.
- Nhất tâm đảnh lễ Đại thừa Kim Quang Minh Hải, mười hai bộ kinh.
- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Tam Tướng
- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Kim Quang Minh
- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Kim Tạng
- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Thường Bi
- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Pháp Thượng
- Nhất tâm đảnh lễ tất cả Bồ-tát mười phương ba đời trong kinh Kim Quang Minh.
- Nhất tâm đảnh lễ Xá-lợi-phất và tất cả Thanh văn Duyên giác

Hiền Thánh Tăng .

8. Pháp tu hành năm hối (dốc lòng sám hối, đọc lớn:)

- Khắp vì tất cả chúng sinh đều nguyện trừ hết ba chướng và quy mạng sám hối (đối trước Phật mười phương đốt hương và chí thành đọc to).

- Con pháp danh là... quy mạng đảnh lễ tất cả Chư Phật. Hiện tại ở mười phương người đã được đạo, xoay bánh xe đại pháp, dẫn dắt tất cả, vì khiến cho chúng sinh, được thanh tịnh, được an vui nên các Thế tôn ấy dùng tuệ chân thật, dùng nhãn chân thật, chứng minh chân thật, bình đẳng chân thật, đều thấy đều biết nghiệp thiện ác của tất cả chúng sinh. Com từ vô thỉ theo dòng sinh tử cùng tất cả chúng sinh đã gây ra nghiệp chướng, bị tham sân si trói cột. Khi chưa biết Phật, chưa biết Pháp, chưa biết Tăng, không biết thiện ác, do thân miệng ý gây ra vô lượng tội. Vì tâm ác làm thân Phật chảy máu, chê bai chánh Pháp, phá hòa hợp tăng, giết A-la-hán, giết hại cha mẹ, mười pháp bất thiện, tự làm hoặc xúi dục người khác làm, hoặc thấy làm vui theo, đối các chúng sinh sinh ra hủy báng, đấu tranh, dối trá, lấy giả làm thật, thức ăn uống bất tịnh đem cho chúng sinh. Sinh tử sáu đường có cha mẹ cùng nhau xúc não. Vật của tháp, vật của tăng, vật của bốn phương tăng trộm cướp, tha hồ dùng riêng, pháp luật chứ Phật chẳng chịu giữ gìn, sư trưởng chỉ dạy chẳng hề nghe theo, lại ưa mắng chửi người ba thừa khiến họ lui sụt. Thấy có người hơn mình liền sinh tâm ganh ghét. Pháp thí, tài thí mà sinh chướng ngại, vô minh che lấp, tà kiến mê tâm khiến điều ác thêm nhiều. Ở chỗ Chư Phật mà khởi lời ác. Pháp nói chẳng phải pháp, phi phải nói là pháp. Các tội như thế bằng như Chư Phật, tuệ nhãn chân thật, thấy biết chân thật. Xin đối sám hối chẳng dám che giấu. Nguyện con đời này có các nghiệp chướng đều được tiêu trừ, có các ác báo vị lai chẳng phải lãnh chịu. Cũng như các Đại Bồ-tát quá khứ tu hạnh Bồ-đề. Có các nghiệp chướng thảy đều sám hối. Nghiệp chướng của con nay cũng sám hối các tội đã làm xin nguyện tiêu trừ, điều ác chưa khởi chẳng dám gây ra nữa.

- Pháp tu khuyến thỉnh:

(Sám hối rồi quy mạng đảnh lễ Tam bảo, lại đọc lớn rằng).

- Con pháp danh là... quy mạng đảnh lễ tất cả Chư Phật Thế Tôn mười phương. Khi mới thành Chánh giác chưa xoay bánh xe pháp, muốn bỏ Ứng thân mà vào Niết-bàn. Nay con đều đảnh lễ các Thế tôn ấy, khuyến thỉnh xoay bánh xe pháp, thỉnh trụ lâu ở đời, độ thoát an vui tất cả chúng sinh.

- Pháp tu tùy hỷ:

(Công đức tùy hỷ rất lớn, dâng hương hoa, đọc lớn rằng:)

- Con pháp danh là... quy mạng đảnh lễ tất cả Chư Phật, Thế Tôn mười phương. Nay con tùy hỷ tất cả chúng sinh về ba nghiệp đã tu thí giới tuệ tâm. Nhị thừa, Bồ-tát, Hiền thánh, có các gốc lành Chư Phật mười phương Diệu Chứng Bồ-đề pháp thí tất cả. Có bao nhiêu công đức con đều chí thành tùy hỷ khen ngợi.

- Pháp tu hồi hướng:

(Công đức hồi hướng rất lớn, dâng hoa hương đọc lớn rằng:)

Con pháp danh là... quy mạng đảnh lễ tất cả Chư Phật, Thế Tôn, mười phương, xin chứng biết cho con từ vô thỉ đến nay, tất cả các gốc lành thí - giới - thiền - tuệ ba nghiệp đã tu, cho đến sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ nhiếp lấy hiện tiền, hồi thí pháp giới tất cả chúng sinh đồng chứng Bồ-đề bằng như Chư Phật.

- Pháp tu phát nguyện:

(Công đức phát nguyện rất lớn, dâng hương hoa đọc lớn rằng:)

Con pháp danh là... quy mạng đảnh lễ tất cả Chư Phật, Thế Tôn mười phương, xin chứng biết cho con hiện tiền chân thành phát nguyện, nguyện tám bộ, các trời thêm lớn oai thần, thường đến che chở con và cõi nước này, gió hòa mưa thuận, ngũ cốc trúng mùa. Thánh Đế Nhân Vương từ bi vô biên, các quan viên thường tôn vinh, muôn dân đều giàu sang an vui. Phật pháp, đàn-việt, cha mẹ, sư tăng, cùng các oan thân pháp giới hàm thức đều sinh chánh tín, phát tâm Bồ-đề. Sáu độ đều tu, hai nghiêm đều đủ, lại nguyện các bậc Thánh thầm chê chở chúng con thường gặp Đại thừa và thiện tri thức, khai mở cho con Phật tuệ nguyện hạnh hiện tiền mà gánh vác lưu thông Phật pháp ba đời, dạy dỗ tất cả, đốt đèn vô tận, khắp hội chúng sinh đồng về bí tạng.

9. Pháp đi nhiễu và tự quy y:

(Tưởng Chư Phật tụ hội ở pháp tòa, mình đi nhiễu quanh, vừa đi vừa niệm lớn, tưởng thân tâm tánh vắng lặng, dở chân hạ chân đều không...)

- Nam-mô Phật, Nam mô Pháp, Nam-mô Tăng, Nam-mô Phật Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni, Nam-mô Phật bốn phương bốn, Nam-mô Phật Bảo Hoa Lưu Ly, Nam-mô Kinh Đại Thừa Kim Quang Minh, Nam-mô Bồ-tát Tín Tướng, Nam-mô Bồ-tát Kim Quang Minh, Nam-mô Bồ-tát Kim Tạng, Nam-mô Bồ-tát Thường Bi, Nam-mô Bồ-tát Pháp Thượng, Nam-mô Đại Công Đức Thiên Đệ Nhất Oai Đức Thành Tựu các việc.

- Tự quy y Phật, cầu cho chúng sinh, hiểu rõ đại đạo, phát tâm vô

thượng.

- Tự quy y Pháp, cầu cho chúng sinh, vào sâu kinh tạng, trí tuệ như biển.

- Tự quy y Tăng, cầu cho chúng sinh, quản lý đại chúng, tất cả vô ngại.

10. Pháp tụng kinh Kim Quang Minh:

Người tu trên đã đảnh lễ và đi nhiễu xong, phải đến tòa riêng mà tụng kinh ấy. Bách Lục chỉ khiến xướng tụng, chẳng nói ngồi thiền, hơi khác với các pháp kia. Phải như Pháp Hoa có tướng An Lạc Hạnh, chẳng nhập Tam-muội mà chỉ tụng trì thì cũng thấy sắc thân thượng diệu. Nghi Tam-muội nói: nếu người vốn chẳng quen ngồi, chỉ muốn tụng kinh sám hối, trong lúc ngồi lâu tụng văn kinh mỏi mệt thì tạm nghỉ, nghỉ xong lại tụng cũng chẳng trái hành pháp. Đó thì vừa ngồi vừa tụng hai thứ không trái nhau. Nay tụng mà chẳng cho ngồi, cũng trong kinh Kim Quang Minh nói được thấy ta, Thích-ca Mâu-ni. Hỏi: Có được ngồi hay không? Đáp: Cũng không ngại gì. Phẩm nói: Khiến tâm an trụ chánh niệm suy nghĩ, suy nghĩ nghĩa sâu kinh ấy mà được ngồi. Nghĩa ấy đã rõ, chỉ y Bách Lục phải khi tụng kinh thì nhất tâm chánh niệm cho câu văn rõ ràng, tiếng tụng rõ không nhanh không chậm, buộc duyên vào câu văn, như đối văn mà tụng không khác (trên là đọc thuộc lòng), chẳng được sai lầm. Kế phải hiểu âm thanh tánh không, như tiếng vang trong hang trống. Tuy biết vắng lặng mà tâm thường chiếu, biết các câu lời nghĩa lý rõ ràng, vận (tưởng) pháp âm này cùng khắp pháp giới, cúng dường Tam bảo, huân khắp chúng sinh khiến đồng vào biển pháp tánh của Kim Quang Minh. Chỉ tụng kinh là theo Nghi Pháp Hoa. Có hai thứ người, một là tụng đầy đủ, hai là tụng không đầy đủ. 1/ Tụng đầy đủ là người tu trước đã từng tụng một bộ kinh; 2/ Tụng chẳng đầy đủ, là người xưa vốn chưa từng tụng. Nay muốn tu hành pháp chỉ khiến tụng một phẩm An Lạc Hạnh cho thật thuộc làu. Nay cũng giống như thế, phải tụng phẩm Không thật thuộc. Khi thực hành pháp sám hối thì chỉ tụng phẩm ấy. Nếu lễ Phật xong thì tụng phẩm ấy không cầu số biến, tùy ý mà tụng. Hỏi: Pháp Hoa tụng phẩm An Lạc Hạnh, Tam-muội thực hành tương ưng với phẩm, nay cũng phải tụng Công Đức Thiên Hành Pháp bổn phẩm, mà nay lại tụng phẩm Không là sao? Đáp: Pháp Hoa cũng chưa hẳn thế. Cho nên Tam-muội Nghi nói: Nếu gồm tụng các phẩm khác cũng được. Chỉ chẳng được tụng các kinh sách khác mà thôi. Nay tụng phẩm Không cũng chẳng trái. Chỉ chánh lấy ý mà luận, chẳng lẽ người tu trên chẳng sám hối diệt ác, khen ngợi cúng dường lễ kính

sinh thiện đều dùng không dẫn dắt mà thành hay sao? Kinh nói: Nhất thiết chủng trí mà làm cội gốc, chẳng phải chỉ khiến ngồi thiền quán tuệ, cho nên tụng phẩm này thì quán rất tiện, phải nên nghĩ kỹ. Mười khoa đã xong.

- Hết -

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG SÁM NGHI

SỐ 1946

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1946

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG SÁM NGHI

Sa-môn Tri Lễ ở Tứ Minh Thiên Thai Giáo Quán biên tập.

- Tất cả cung kính.

- Nhất tâm đảnh lễ mười phương thường trụ Tam bảo (một lạy, quì dâng hương bạch).

- Nguyện mây hương hoa này, trùm khắp cõi mười phương, cúng dường tất cả Phật, tôn pháp các Bồ-tát, chúng Thanh văn Duyên giác, và tất cả trời tiên, thọ dụng làm Phật sự. Cúng dường xong tất cả đều cung kính. (Các câu sau đều ba thỉnh một lạy).

- Nhất tâm phụng thỉnh: Nam-mô Phật Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni, Phương Đông A-súc bốn Phật Thế Tôn. Phật Bảo Hoa, Lưu Ly, Bảo Thắng v.v... và tất cả Chư Phật mười phương ba đời trong kinh Kim Quang Minh.

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam mô Đại Thừa Kim Quang Minh Hải, mười hai bộ kinh.

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô Bồ-tát Tín Tướng, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, Bồ-tát Kim Quang Minh, Bồ-tát Kim Tạng, Bồ-tát Thường Bi, Bồ-tát Pháp Thượng trong kinh Kim Quang Minh và Bồ-tát Thanh văn Duyên giác Hiền Thánh Tăng mười phương ba đời (sau đây tăng không lạy nữa).

- Nhất tâm phụng thỉnh: Nam-mô Đại Phạm Tôn Thiên, trời ba mươi ba, Bốn Thiên Vương Hộ Thế, Kim Cương Mật Tích Tán Chỉ Đại Tướng, Đại Biện Thiên Thần, trời Ma-lợi-chi, Thiên Thần Vi-đà, Thần đất Kiên Lao, Thần cây Bồ-đề, Ha-lê-đế-nẩm Quỉ Tử Mẫu v.v... năm

trăm quyến thuộc. Tất cả đều là Đại Bồ-tát và tất cả linh miếu sông lớn núi to trong nước này, các quỉ thần trong châu địa này, các thần thủ hộ chánh pháp trong trụ xứ, già-lam này và tất cả Thánh chúng.

- Nhất tâm phụng thỉnh Nam-mô trời Đại Công Đức Đệ Nhất Oai Đức Thành Tựu các việc.

- Nam mô Thất rị (lợi) mô-ha thiên nữ Đát điệt tha bát rị bổ luật noa chiết lệ Tam mạn đa Đạt đạt thiết ni Mô ha tỳ Ha ha yết đế Tam mạn đa Tỳ đàm mạt ni Mô ha ca rị dã Bát đạt để sắc sa bát ni Tát bà át tha bà đờn ni Tô bát đạt để bổ lệ A na nã Đạt ma đa Ma ha tỳ cu tiết đế Mô ha mê đốt lỗ Ổ ba tăng hý lễ Mô ha hiệt rị sử tô tân cận Rị hý lễ Tam nạn đa át tha. A nô ba đạt ni sa ha (Tụng bảy biến một lạy, lại đọc lớn)

Mặt Phật tròn sáng cũng như trăng
Như ngàn mặt trời cùng chiếu sáng
Mắt Phật dài rộng như hoa sen
Răng trắng đều khít như ngọc kha.
Đức Phật vô biên như biển lớn
Vô hạn bạc mầu ở trong đó
Nước đức trí tuệ trấn thường đầy
Trăm ngàn thắng định đều đầy đủ.
Bánh xe dưới chân đều nghiêm sức,
Có một ngàn căm đều bằng nhau
Màng thịt tay chân khắp trang nghiêm
Như ngỗng đầu đàn tướng đầy đủ.
Thân phận sáng rỡ như núi vàng
Thanh tịnh đặc biệt không ai sánh
Cũng như Diệu cao công đức đầy
Nên con kính lạy Phật Sơn Vương.
Tướng tốt như không, chẳng thể lường
Hơn ngàn mặt trời phát ánh sáng
Đều như Diệm huyễn chẳng nghĩ bàn
Nên con kính lạy tâm không đắm.

(Lại cùng chúng đọc lớn ba lần:)

- Nam-mô Phật Bảo Hoa Lưu Ly, Nam-mô Kinh Đại Thừa Kim Quang Minh, Nam-mô trời đại công đức Đệ Nhất Oai Đức Thành Tựu các việc.

- Nay con ở đạo tràng đặt bày cúng dường, đốt các thứ đèn, đốt các thứ hương thơm, dâng các thức ăn, sạch quý đúng pháp, cung kính

dâng lên Chư Phật Thế tôn, kinh điển Đại thừa, Bồ-tát Hiền thánh tất cả Tam bảo. Lại sắm đủ hương hoa, thức ăn dâng lên công đức Đại thiên đại biện, Tứ vương Phạm Thích, tám bộ trời rồng, Thánh chúng. Lại ném rải thức ăn ở các phương thí cho quỉ thần. Cúi mong Tam bảo trời tiên thương xót con và các chúng sinh, thọ nhận cúng dường này, dùng năng lực Kim Quang Minh (ánh sáng vàng) oai thần của Chư Phật ở trong một niệm hiện tất cả cõi Phật mười phương. Như mây giăng khắp, như mưa tưới khắp. Rộng làm Phật sự, khắp huân chúng sinh, phát tâm Bồ-đề, đồng viên chủng trí.

- Nay con y giáo cúng dường Đại thừa Tam bảo và trời Đại Cát Tường, tán sái các thức ăn uống này khắp các phương bố thí các thần. Nguyện các Thần minh oai quyền tự tại, niệm tập hợp đều thọ nhận pháp thực, đầy đủ không thiếu, thân có sức mạnh, thủ hộ bền chắc, biết chỗ con mong cầu. Nguyện ngay đây hồi hướng phước lợi nhuần khắp hàm linh, quả báo tự nhiên thường được niềm vui lớn lao.

(Rải thức ăn bốn phương tưởng các quỉ thần đến ăn. Bấy giờ đọc bài chú trên hoặc chỉ đọc câu Nam-mô Thất rị Ma ha Thiên Nữ xong trở về đạo tràng lễ Phật).

- Nhất tâm đảnh lễ Nam-mô Phật Thích-ca Mâu-ni
- Nhất tâm đảnh lễ Phật A-súc ở phương Đông
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Bảo Tướng ở phương Nam
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Vi Diệu Thánh ở phương Bắc
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Bảo Hoa Lưu Ly
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Bảo Thắng
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Vô Cấu Xí Bảo Quang Minh Vương Tướng.
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Kim Diệm Quang Minh
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Kim Bách Quang Minh Chiếu Tạng
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Kim Sơn Bảo Cái
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Kim Hoa Diệm Quang Tướng
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Đại Cư
- Nhất tâm đảnh lễ Phật Bảo Tướng
- Nhất tâm đảnh lễ tất cả Phật mười phương ba đời trong kinh Kim Quang Minh.
- Nhất tâm đảnh lễ Đại Thừa Kim Quang Minh Hải, mười hai bộ kinh.
- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Tín Tướng

- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Quán Thế Âm
- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Đại Thế Chí
- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Kim Quang Minh
- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Kim Tạng
- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Thường Bi
- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Pháp Thượng
- Nhất tâm đảnh lễ tất cả Đại Bồ-tát mười phương ba đời trong kinh Kim Quang Minh.
- Nhất tâm đảnh lễ Xá-lợi-phất, v.v... Thanh văn Duyên giác Hiền Thánh Tăng...
- Khắp vì tất cả chúng sinh trong pháp giới đều nguyện dứt trừ ba chướng, quy mạng sám hối.
- Con là Tỳ-kheo pháp danh... quy mạng đảnh lễ tất cả Chư Phật hiện tại mười phương đã được A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề, xoay bánh xe pháp mầu nhiệm, cầm bánh xe pháp soi chiếu, mưa mưa pháp lớn, đánh trống pháp lớn, thổi loa pháp lớn, dựng cờ pháp lớn, cầm đuốc pháp lớn, vì muốn lợi ích an vui cho các chúng sinh, thường làm pháp thí dạy dỗ quần mê, khiến được đại quả mà chứng thường lạc. Như thế Chư Phật Thế tôn thường dùng thân ngữ ý. Con cúi đầu quy thành dốc lòng kính lễ. Các Đức Thế tôn ấy dùng tuệ chân thật, dùng nhãn chân thật, chứng minh chân thật, bình đẳng chân thật, đều thấy đều biết các nghiệp thiện ác của tất cả chúng sinh. Con từ sinh tử vô thỉ đến nay, theo dòng ác chuyển cùng các chúng sinh gây ra tội nghiệp chướng, bị tham, sân, si trói cột khi chưa biết Phật, chưa biết pháp, chưa biết tăng chưa biết thiện ác, do thân miệng ý gây ra tội Vô gián, tâm ác làm thân Phật chảy máu, chê bai chánh pháp, phá hoà hợp tăng, giết A-la-hán, giết cha hại mẹ, thân ba ngữ bốn, ý ba thứ hạnh, gây ra mười nghiệp ác, tự làm, xúi dục người khác làm, hoặc thấy làm vui theo. Đối với người thiện mà chê bai, cân lường đong thiếu lấy giả làm thật, ăn uống bất tịnh thí cho tất cả. Ở trong sáu đường đối với cha mẹ đều làm não hại. Hoặc trộm cướp vật của chùa tháp, vật của bốn phương tăng, của hiện tiền tăng, lấy dùng thoải mái. Pháp luật Thế tôn chẳng vâng giữ, sư trưởng dạy bảo chẳng nghe theo. Thấy người làm hạnh Thanh văn, Độc giác, Đại thừa thì mắng chửi khiến họ lui sụt. Thấy có người hơn mình thì ganh ghét. Pháp thí, tài thí thường mến tiếc, bị vô minh che lấp, tà kiến mê tâm, chẳng tu nhân lành khiến điều ác thêm lớn. Đối với Chư Phật mà chê bai, pháp nói chẳng phải pháp, chẳng phải pháp nói là pháp. Các tội như thế Phật cùng tuệ chân thật và nhãn chân thật, chứng

minh chân thật, bình đẳng chân thật, đều biết đều thấy. Nay con quy mạng đối trước Chư Phật đều phát lộ chẳng dám giấu giếm. Tôi chưa làm đều chẳng làm, tội đã làm đều xin sám hối. Nghiệp chướng đã gây sẽ đọa vào địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, A-tu-la và tám nạn. Nguyện con đời này có bao nhiêu nghiệp chướng đều được tiêu trừ, có ác báo đời sau đều không lãnh chịu. Cũng như quá khứ các Đại Bồ-tát tu hạnh Bồ-đề, có bao nhiêu nghiệp chướng đều sám hối. Nghiệp chướng của con nay cũng sám hối, đều phát lồ chẳng dám che giấu. Tội đã làm nguyện dứt trừ hết, điều ác ở vị lai lại chẳng dám gây. Cũng như các Bồ-tát tu hạnh Bồ-đề ở vị lai, có bao nhiêu nghiệp chướng đã sám hối xong, nghiệp chướng của con nay cũng sám hối, đều phát lồ chẳng dám che giấu. Tội đã làm nguyện đều tiêu trừ. Các điều ác vị lai chẳng dám làm nữa. Cũng như hiện tại các Đại Bồ-tát ở mười phương thế giới tu hạnh Bồ-đề, có bao nhiêu nghiệp chướng thảy đều sám hối. Nghiệp chướng của con nay cũng sám hối, đều phát lồ chẳng dám che giấu. Tội đã làm nguyện đều tiêu trừ, các điều ác vị lai chẳng dám gây ra nữa.

- Con là Tỳ-kheo pháp danh... quy mạng đảnh lễ tất cả Chư Phật mười phương thành tựu. Khi mới thành Chánh giác chưa xoay bánh xe pháp, muốn bỏ ứng thân mà nhập Niết-bàn, con đều đảnh lễ các Thế tôn ấy, khuyến thỉnh xoay bánh xe pháp ở lâu trên đời, độ thoát an vui tất cả chúng sinh.

- Con là Tỳ-kheo pháp danh... quy mạng đảnh lễ tất cả Chư Phật Thế tôn mười phương. Nay con tùy hỷ tất cả chúng sinh ba nghiệp đã tu thí, giới, tâm, tuệ. Nhị thừa, Bồ-tát, Hiền thánh có các gốc lành, Chư Phật mười phương chứng Diệu pháp Bồ-đề, tất cả công đức làm được con đều chí thành tùy hỷ khen ngợi.

- Con là Tỳ-kheo pháp danh... quy mạng đảnh lễ tất cả Chư Phật Thế tôn mười phương, xin chứng biết cho con từ vô thỉ đến nay, tu tất cả các điều thiện, thí giới, thiện tuệ ba nghiệp đã, cho đến sám hối khuyến thỉnh, tùy hỷ nhiếp lấy hiện tiền hồi thí cho tất cả chúng sinh trong pháp giới đồng chứng Bồ-đề, đồng như Chư Phật.

- Con là Tỳ-kheo pháp danh... quy mạng đảnh lễ tất cả Chư Phật, Thế Tôn mười phương, chứng con hiện tiền kính thành cầu xin tám bộ trời rồng thên lớn oai thần, thường đến che chở đất nước con, gió hòa mưa thuận, cây trái trúng mùa, Thánh đế, Nhân vương lòng từ bi không bờ mé, các quan quyến thuộc thường giữ sự tôn vinh, muôn dân đều giàu có vui sướng. Phật pháp đàn-việt, cha mẹ, sư tăng oan thân nhiều đời, pháp giới hàm linh đều sinh chánh tín, phát tâm Bồ-đề. Sáu Độ đều tu,

hai nghiêm đều đủ. Lại nguyện các bậc Thánh ngầm che chở chúng con thường gặp Đại thừa và thiện tri thức, khai mở Phật tuệ cho con, hạnh nguyện hiện tiền, gánh vác lưu thông Phật pháp ba đời khuyên dạy tất cả, đốt đèn vô tận, hội họp khắp chúng sinh đồng về Bí tạng.

(Phát nguyện xong quy mạng lễ Tam bảo)

- Nam-mô Phật, Nam-mô Pháp, Nam-mô Tăng, Nam-mô Phật Bổn sư Thích-ca Mâu-ni, Nam-mô bốn phương bốn Phật, Nam-mô Phật Bảo Hoa Lưu Ly, Nam-mô Kinh Đại Thừa Kim Quang Minh, Nam-mô Bồ-tát Tín Tướng, Nam-mô Bồ-tát Kim Quang Minh, Nam-mô Bồ-tát Kim Tạng, Nam-mô Bồ-tát Thường Bi, Nam-mô Bồ-tát Pháp Thượng, Nam-mô Trời Đại công đức Đệ Nhất Oai Đức thành tựu các việc.

- Tự quy y Phật, cầu cho chúng sinh, hiểu rõ đại đạo, phát tâm vô thượng.

- Tự quy y Pháp, cầu cho chúng sinh, vào sâu kinh tạng, trí tuệ như biển

- Tự quy y Tăng, cầu cho chúng sinh, quản lý đại chúng, tất cả vô ngại. Kính lễ Thánh chúng.

- Hết -

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

VĂN LỄ TÁN THÍCH CA NHƯ LAI NIẾT BÀN

SỐ 1947

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1947

LỜI TỰA VĂN LỄ TÁN THÍCH-CA NHƯ LAI NIẾT-BÀN

Sa-môn Tuyết Khê Nhân Nhạc đời Tống soạn.

Nhà Nho có nỗi lo trọn đời, đó là ngày kỵ giỗ của ông bà đã đi xa. Chẳng lẽ Thích Tử chúng ta không có ư? Người thì nghĩ ơn cù lao sinh ta, mình thì nhớ cha từ bi độ ta. Đức ấy khác xa mà hiếu thì đồng. Hãy xem kẻ thế tục xuất gia có hình tướng Sa-môn, mang họ Thích-ca rất nhiều người đến ngày Phật Niết-bàn mà chẳng thể lập bày lễ cúng, tôi rất thương tâm. Tôi có đọc phần sau kinh Niết-bàn, Như Lai diệt độ rồi thì Phạm Thích, thiên chúng, họ Đại quy đều dùng kệ tụng buồn than. Lại luật Tăng-kỳ chép: Khiến ngày Niết-bàn phải khen ngợi Đức của Phật. Do đó, truy tìm hóa tích viết lời ngợi khen, gồm mười bốn chương, mỗi chương có tám câu. Chương đầu khen ngợi Phật, chương kế khen ngợi pháp, ba chương sau khen ngợi tăng. Các phương quĩ ấy cũng đủ hạnh dụng, mong mỏi chúng ta vào ngày rằm tháng hai âm lịch sửa sang kinh tượng, thiết lễ cúng dường, lớn tiếng kể đức để bày tỏ lòng thành thương tiếc. Xưa Cô Sơn Trung Dung Tử có bài khen tám đức Niết-bàn, bởi bắt chước theo Bạch y Quán Âm Lễ của Truyền Huy mà soạn ra, vì rất khác lạ với âm vận của Ngô Thục nên vùng Giang Triết phần nhiều không dùng. Nay Pháp sư Thiên-trúc soạn lời văn khen ngài Trí Giả chẳng khác lạ lắm và chỉ cốt sinh thiện. Người biết ta không dùng Thinh sắc mà cầu Phật, tà đạo nhún mình ư?

VĂN LỄ TÁN THÍCH-CA NHƯ LAI NIẾT-BÀN

(Khi vào đạo tràng phải lễ khắp Tam bảo ba lạy, đốt hương quì thẳng, người đứng đầu đọc to rằng:)

- Kính vì bậc Năng nhân ra đời, Tịch Mặc chứng chân, ở địa vị tôn quý trong ngàn cõi, vỗ về bốn loài sinh làm con. Hình theo vật hiện, vốn đồng là thân không tướng. Giáo từ cơ hưng, bác bỏ đạo lạ không lời, nhờ bánh xe pháp mà chuyên chở. Hóa tích càng hưng thịnh, bán tự mới bàn. Thí dụ như dạy trẻ không mỏi mệt. Trăm vàng sau gởi cũng hết lòng chuộc mạng. Khắp khiến đám phiền não, an trụ kho Như Lai. Bốn tâm đầy đủ, ba đức trở về. Đó là chẳng khiến một người được diệt độ riêng, đều dùng sự diệt độ của Như Lai mà diệt độ. Cho nên vào Niết-bàn chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta ở rừng Hạc đã xa mất duyên trước, đời tượng pháp vâng lời di huấn. Nay gặp ngày giữa xuân nghĩ mãi Nghi thức Bắc Thủ, rau dưa tương muối, bày lễ cúng dâng, thơ kệ ca ngâm để tỏ lòng thành thương tiếc. Cúi mong hồng ân soi xét. (Tất cả chí thành kính thỉnh:)

- Nhất tâm phụng thỉnh Niết-bàn giáo chủ, Kham Nhẫn (Ta-bà) Thế Tôn Thích-ca Văn Phật, cúi mong giáng lâm đạo tràng, nhận con cúng dường.

- Nhất tâm phụng thỉnh các Thánh hiền Bồ-tát chúng tăng trong hội Niết-bàn, cúi mong giáng lâm đạo tràng, nhận con cúng dường.

- Nhất tâm phụng thỉnh các bậc Thánh hiền, Duyên giác chúng tăng trong hội Niết-bàn, cúi mong giáng lâm đạo tràng, nhận con cúng dường.

- Nhất tâm phụng thỉnh các bậc Thánh hiền Thanh văn chúng tăng trong hội Niết-bàn, cúi mong giáng lâm đạo tràng, nhận con cúng dường.

Thương xót thế gian vua thầy thuốc
Thân và trí tuệ đều vắng lặng
Trong pháp vô ngã có chân ngã
Nên con kính lễ Vô thượng tôn.

- Nhất tâm đảnh lễ Niết-bàn giáo chủ, Kham Nhẫn (Ta-bà) Thế

tôn thân Phật Thích-ca khi hiện âm Thinh ánh sáng nhóm chúng.

Sông tốt cây bền ngày mới sinh
Tiếng tiên linh diệu khắp mười phương
Mời gọi chúng sinh hỏi rồi nghi,
Thỉnh mời Đại giác về nguyên tịch
Thế giới Bảo Nghiêm như cõi Vui
Thân người huyết hiện giống như hoa
Trời cúng mây đến, chỉ im lặng
Cùng lúc cúi đầu ôm sầu não
Cho nên con nhất tâm quy mạng đảnh lễ.

- Nhất tâm đảnh lễ Niết-bàn giáo chủ, Kham Nhẫn Thế tôn, thân Phật Thích-ca khi thọ cơm Thuần-đà.

Như Lai chứng lâu thể Giá-na
Quyền hiện nghi lâm chung, ứng cúng
Cùng với thân biến hóa đầu lông
Thọ nhận thức ăn họ Từ Hoa
Sáu trần tuy nói là vô tướng
Năm quả sẽ kết kẻ hữu duyên
Nay con kính dâng xôi nếp mới
Nguyện chứng chân thường, diệu nghĩa đồng
Cho nên con nhất tâm quy mạng đảnh lễ.

- Nhất tâm đảnh lễ Niết-bàn giáo chủ, Kham Nhẫn Thế tôn, thân Phật Thích-ca khi ngồi giường báu thị hiện bệnh.

Dặn dò Văn-thù thành chánh pháp
Bỗng nhiên lưng đau bày chúng sinh
Co tay nằm nghiêng giống trẻ nhỏ,
Không nhìn không nói như người bệnh
Trịnh trọng lắng nghe Ca-diếp hỏi
Thong dong vẫn đợi Thế Vương đến
Lại khởi đuốc sáng chiếu Đại thiên
Các khổ dẫy đầy đều tiêu hết.
Cho nên con nhất tâm quy mạng đảnh lễ.

- Nhất tâm đảnh lễ Niết-bàn giáo chủ Kham Nhẫn Thế tôn, thân Phật Thích-ca khi nhập Tam-muội Nguyệt Ái.

Đại Bi thương xót A-xà-thế
Thuận theo Kỳ-bà phát tâm lành
Tòa Sư tử lại chiếu sáng Nguyệt Ái
Mặc y bỗng biết thân lành bệnh

Quy Phật mới biết tà đạo lầm
Nghe kinh mới hiểu nghịch duyên không
Trong bụi y lan có chiên-đàn
Lạ thay lấy dụ vô căn tín.
Cho nên con nhất tâm quy mạng đảnh lễ.

- Nhất tâm đảnh lễ Niết-bàn giáo chủ Kham Nhẫn Thế tôn thân Phật Thích-ca khi quán Tịch Định thế gian.

Ứng vật đã từng mở Bí tạng
Về nguồn kế lại gần Trung tiêu
Lại phát ánh sáng gọi Niết-bàn
Đạo khắp thiền định đều siêu việt
Chủng trí đều quán sát thật tướng
Hữu tình đâu khỏi thấy vô thường
Củi hết thì lửa kia phải tắt
Bấy giờ A-nan tâm mê loạn
Cho nên con nhất tâm quy mạng đảnh lễ.

- Nhất tâm đảnh lễ Niết-bàn giáo chủ Kham Nhẫn Thế tôn thân Phật Thích-ca khi nhập bốn thiền diệt độ.

Lại vào bốn thiền mà nghỉ ngơi
Lại ở Tam-muội thị hiện mất
Song lâm đổi trắng, che Kim quan
Đất bằng như sấm rền sa giới
Thích phạm buồn thương bày kệ tụng
Tà ma đều hết lo chiến tranh
Ánh từ Tuệ Nhật nay hết chiếu
Đêm tối vô minh khi nào sáng.
Cho nên con nhất tâm quy mạng đảnh lễ.

- Nhất tâm đảnh lễ Niết-bàn giáo chủ, Kham Nhẫn Thế tôn, thân Phật Thích-ca khi nhập Kim quang bạch điệp.

Người dân hỏi nhau cách trà-tỳ
Thiên đế thân truyền lời chúc lụy
Giúp thuận luân vương sự hóa nghi
Khiến sinh Phạm chúng phước vô cương
Lụa mịn ngàn lớp bao Thánh thể
Quan báu bảy lớp nhiễm thành tiên
Lại dùng suối thơm mà tươi rót
Đều thấy thân Diệu nghiêm chẳng hoại.
Cho nên con nhất tâm quy mạng đảnh lễ.

- Nhất tâm đảnh lễ Niết-bàn giáo chủ Kham Nhẫn Thế tôn thân Phật Thích-ca khi hiện thân cho Ẩm Quang (Ca-diếp) thấy.

Tôn giả Ẩm Quang ở Linh Thứu
Xuất định biết Phật đã quy chân
Xa hướng Câu-thi mau dời gót
Chính gặp lúc trà-tỳ sắp xong,
Trong cữu liền hiện thân sắc vàng
Lạy xong chân liền rút vào trong
Cuối cùng tùy theo tâm kính mến
Ấy là tướng từ bi bình đẳng.
Cho nên con nhất tâm quy mạng đảnh lễ.

- Nhất tâm đảnh lễ Niết-bàn giáo chủ Kham Nhẫn Thế tôn, thân Phật Thích-ca khi đưa vào lầu thơm hỏa hóa.

Chữ vạn ở ngực tuôn lửa Thánh
Chúng trên lầu thơm thấy chân thân
Tướng ngọc vẻ vàng hết chẳng còn
Bông sương lụa trắng lại như cũ
Xá-lợi sáng chói chia các nước
Tháp cao hiển rõ chỉ trời người
Chúng con hổ thẹn sinh Tượng pháp
Không khen di hóa lúc đồng thời.
Cho nên con nhất tâm quy mạng đảnh lễ.

- Nhất tâm đảnh lễ Niết-bàn Hội Thượng nói tạng pháp môn Tu-đa-la.

Trước vì Thuần-đà bày nghĩa mầu
Sau vì Tu-bạt nói vi ngôn
Cố giúp Tỳ-nại phá quyền nghi
Giúp cho Xiển-đề sinh thật tín
Uống lấy đề hồ vị quý nhất
Bên bờ Bột hải dắt chúng sinh,
Con nguyện nghe đem hết hậu thân
Làm tròn mãn tự luôn tu học
Cho nên con nhất tâm quy mạng đảnh lễ.

- Nhất tâm đảnh lễ Thánh hiền chúng Bồ-tát nhóm họp trong hội Niết-bàn.

Mong cầu đạo Bồ-đề Vô thượng
Khắp nhóm nhân Bồ-tát như bụi
Chẳng ở ba cõi hiện các tâm

Đều thấy chúng sinh như con một
Dẫn đạo Đại thừa khiến tiến đến
Dắt dẫn yếu đuối khiến đến nơi
Trong người tự tại như loài rồng
Nhân lúc thấy lợi khó nghĩ bàn.
Cho nên con nhất tâm quy mạng đảnh lễ.

- Nhất tâm đảnh lễ Thánh hiền chúng, Duyên giác nhóm họp trong hội Niết-bàn.

Nhân duyên vào sâu cảnh luân hồi
Quán chiếu dạo khắp giải thoát môn
Phước trí từng trải tu nhiều kiếp
Thần thông sinh khởi vô lượng dụng
Đã bỏ xe Nai đi đường tắt
Chẳng đồng Tê giác giữ Cô phong
Đến hội Ta-la rừng Song thọ
Giống như ảnh gương, tùy hình hiện.
Cho nên con nhất tâm quy mạng đảnh lễ.

- Nhất tâm đảnh lễ Thánh hiền chúng Thanh văn nhóm họp trong hội Niết-bàn.

Điều phục các căn đều vắng lặng
Thọ trì Di giáo đều lưu thông
Đã ở nhà mục khỏi bị cháy
Chẳng đến ao xuân lượm ngói đá
Bốn quả kham là đệ tử Phật
Ba tu đều được gặp kinh Vương
Thường rốt ráo đồng với vô thường
Ấy gọi người trang nghiêm Song thọ.
Cho nên con nhất tâm quy mạng đảnh lễ.

(Lễ xong quì xuống dâng hương phát lồ sám hối rằng:)

- Dốc lòng sám hối: Con và tất cả chúng sinh trong pháp giới ở mười phương, nghĩ rằng tự tâm vốn thanh tịnh, có tánh chủng trí diệu dụng, ngàn như chưa nhìn, vốn dứt phàm thánh. Sáu vọng thành nhân nên trôi lăn sinh tử. Do đó mày châu chóng mất, màng mắt đè nặng. Chẳng gặp thuốc gương sáng, chẳng gặp trị kim bài, vì sao vốn trồng nhân luân sinh vào loài người, gặp pháp Phật Thích-ca, dự vào số Tỳ-kheo tăng, chỉ vì luật nghi không cẩn thận mà đạo phẩm khó thành. Nói Nhất Thừa Liễu Nghĩa chưa mở thật tuệ chế ra bảy tụ phòng lỗi, cảnh cáo sâu kẻ thường phạm, chứa bất tịnh để nuôi thân, thuận vô minh làm

hạnh. Túi nổi có thiếu, thật lo chết chìm biển sâu. Nhà đẹp không còn, đâu thọ ban nhập môn. Nay thì quán xa vượt bùn, đích thân sám hối, đã phát lộ tội căn, nay trừ sạch nghiệp chướng. Phật từ che khắp, pháp lực ngầm thông, cho nên vì con quy y mà dũ lòng hộ niệm.

- Sám hối đã xong dốc lòng quy mạng Tam bảo.
- Dốc lòng khuyến thỉnh

Chư Phật mười phương đồng Thường tịch
Đều vì chúng sinh xuất thế gian
Đã thành đạo quả, đã hàng ma
Khuyên xoay pháp luân độ chúng sinh.
Ưu-đàm nhụy nở thật khó thấy
Hùng âm sư tử đâu dễ nghe
Cho đến tùy cơ mà hiện diệt
Thỉnh đấng hồng từ dài kiếp thọ.

Khuyến thỉnh xong, dốc lòng quy mạng Tam bảo.

- Dốc lòng tùy hỷ

Viên thông rồi bèn khai phương tiện
Năm diễn không lỗi hội Nhất thừa
Khứ lai hiện tại có tu hành
Thân ngữ ý nghiệp đều tùy hỷ
Lá gọi là vàng, nhân cũng đốt
Nhóm cát làm tháp, đạo cũng thành
Tất cả từng sinh tâm ganh giận
Nên đây hối lỗi đều ngợi khen

Tùy hỷ xong, dốc lòng quy mạng Tam bảo.

- Dốc lòng hồi hướng

Các phước nghiệp ngày nào và nay
Đều dùng không tuệ để dung thông
Việc làm đều thành nhân bốn đức
Chẳng vì lại cầu quả ba cõi
Các loài nếu chẳng đồng giải thoát
Tâm con chẳng hề chứng Bồ-đề
Muôn dòng nước đều về biển lớn
Cũng như hồi hướng không khác nhau.

Hồi hướng xong, dốc lòng quy mạng Tam bảo.

- Dốc lòng phát nguyện

Thệ hướng thân này tu Bát-nhã
Thường quán Phật ta trụ Nê-hoàn

Chẳng lìa nhân duyên mà khởi tâm
Liền thấy trong không vô thể tướng
Bắt chước Tuyết Sơn viết gỗ đá
Hoặc ở ruộng làng đặt nôm bẫy
Nguyện khắp cũng như Diệu Cát Tường
Đồng thời hiểu rõ tánh Như Lai

Phát nguyện xong, dốc lòng quy mạng Tam bảo.

(Đi nhiễu bên phải đạo tràng và đọc kinh Di Giáo, niệm danh hiệu Phật xong rồi lui ra).

- Hết -

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

VĂN CÚNG GIỖ ĐẠI SƯ THIÊN THAI TRÍ GIẢ

SỐ 1948

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1948

LỜI TỰA LỄ TÁN CÚNG GIỖ ĐẠI SƯ THIÊN THAI TRÍ GIẢ

Đại sư Từ Vân Tuân Thức ở chùa Thiên Trúc, đời Tống soạn.

Tôi thấy các nơi Truyền Sơn Môn Giáo Tích, hoặc ngày cúng giỗ Đại sư thường chỉ cúng trai mà thiếu nghi thức cúng lễ. Nay tôi soạn một số bài kệ để tỏ bày lòng kính mến. Phàm bên trong tâm tịch chiếu công thành nhập vị, bên ngoài thì thần thông nói pháp để ứng với các duyên. Sinh hóa trước sau gồm mười hai bài kệ, dùng để thống nhất Trí Định. Ở Biệt Truyện có một ít bài không theo thứ lớp, vì ý thứ lớp theo một cây to. Hai bài kệ đầu là Tam-muội Hàng Ma, bài kế là nói Pháp Hoa, kế đó là nói Chỉ Quán, Tịnh Danh, Niết-bàn, Phóng Sinh, Thí Giới thì đều theo thứ lớp. Sau khi tịch rồi có linh cảm một kệ thì khó nói hết. Thân ở phương khác thỉnh hộ Di giáo, đến năm hối thì gồm mười bảy bài kệ. Người xem chớ chê vì lời gần lý hiến nhưng cũng đủ để lòng thành nhớ lại thời xưa. Hoặc khi dùng để đọc lên thì phải rất trịnh trọng sẽ cảm lời thỉnh mời mà thầm phù hộ giáo môn. Đặt tên là: Trí Giả Trai Kỵ Lễ Tán Văn (Văn Cúng Giỗ Đại Sư Thiên Thai Trí Giả).

VĂN CÚNG GIỖ ĐẠI SƯ THIÊN THAI TRÍ GIẢ

(Tăng chúng ba lạy quì xuống, đốt hương dâng hoa. Người đứng đầu chúng đọc lớn:)

- Kính lạy Thiên Thai giáo chủ Phật Lũng Thiền sư. Thần soi Bát-nhã, vô biên ánh sáng đến giải thoát chớ hết tiếng ngợi khen mà đáp lời tiếng vang hang trống. Sao nghi cơ gõ chân từ ứng đến chẳng sai. Thầm nghĩ, chân như thanh tịnh vốn không đầu mối, sắc tượng, pháp giới đều dùng, bèn có việc đến đi hiện thân muôn loài, biến dấu ngàn vị. Ai biết chứng diệu vị cao, chỉ kính ao sâu hoa lớn. Chức tướng lạ hai vua Nghêu Thuấn, làm Tôn sư ở đời Trần Tùy. Nói pháp viên dung, hàng ma tự tại. Trí Định vòi vọi như thế, từ bi sâu rộng mênh mông khó lường. Kinh nói: Mặc áo Như Lai, vào nhà Như Lai, ngồi chỗ Như Lai ngồi, đi chỗ Như Lai đi, dùng tay Như Lai mà xoa, vai, Như Lai gánh vác nên dùng cúng dường Như Lai để cúng dường, công đức chẳng thể khen lường, khen ngợi thật khó cùng tận. Nay cung kính nhớ về rừng Hạc, dám nói lúa thóc chẳng hết, xin dâng cúng tinh thành, kính mong soi xét.

- Nhất tâm kính thỉnh Trí Giả Đại sư giáo chủ Thiên Thai, cúi mong giáng lâm đạo tràng thọ nhận con cúng dường.

- Nhất tâm kính thỉnh Thiên Thai Cao Tổ Vô Úy Luận Sư Tôn giả Long Thọ.

- Nhất tâm kính thỉnh Thiên Thai Tông Giáo Đệ Nhị Tổ Sư Tôn giả Bắc Tề.

- Nhất tâm kính thỉnh Thiên Thai Thích Từ Đệ Tam Tổ Sư Tôn giả Nam Nhạc.

- Nhất tâm kính thỉnh Thiên Thai kiết tập Giáo tạng đệ Ngũ Tổ Sư Tôn giả Chương An.

- Nhất tâm kính thỉnh Thiên Thai Giáo Quán Đệ Lục Tổ Sư Tôn giả Pháp Hoa.

- Nhất tâm kính thỉnh Thiên Thai Giáo Quán Đệ Thất Tổ Sư Tôn giả Thiên Cung.

- Nhất tâm phụng thỉnh Thiên Thai Giáo Quán Đệ Bát Tổ Tôn giả Sư Tả Khê.

- Nhất tâm phụng thỉnh Thiên Thai Ký Chủ Đệ Cửu Tổ Sư Tôn giả Kinh Khê.

Thỉnh xong, khen ngợi đọc sớ rằng:

- Pháp giới viên dung, tượng không chỗ tượng, chân như thanh tịnh, hóa không chỗ hóa. Tuy tượng không chỗ tượng mà không chỗ nào chẳng tượng, hóa không chỗ hóa, mà không chỗ nào chẳng hóa. Rõ ràng hiện tướng hai vua hùng, hùng làm thầy hai nước. Hóa duyên tạ lời Nam Nhạc, Đạo Dự trọng giá Đông Lâm.

- Nhất tâm đảnh lễ Thiên Thai Trí Giả trong núi Đại Tô tu Tam-muội Pháp Hoa (một lạy xong, khen rằng:)

Tâm khắp pháp giới các tâm lặng
Như nhật nương không, chẳng trụ không
Ba ngàn tướng báu, liền tròn sáng
Tám muôn trần lao đều chân tịnh
Linh sơn diệu hội thấy rõ ràng
Tháp báu toàn thân trông rỡ rỡ
Nếu chẳng gặp được sư Nam Nhạc
Nào ai biết được tướng thiền sâu.
Cho nên con nhất tâm quy mạng đảnh lễ (một lạy).

- Nhất tâm đảnh lễ Thiên Thai Trí Giả trên ngọn Hoa đảnh hàng phục các Thiên ma.

Cô thiền phiến đá tâm thường tịnh
Ủng lạnh mây sâu đêm chưa khuya
Bỗng nhiên ngàn sấm động mặt đất
Lén nhìn trăm quái từ trời đến
Mới biết quỷ thần vừa tan mất
Lại làm cha mẹ lại buộc ràng
Cứng mềm tiêu ma công tịch chiếu
Thần tăng xuất hiện bèn khen ngợi.

- Nhất tâm đảnh lễ Thiên Thai Trí Giả ở Tinh Xá Ngõa Quan Khai Diệu Nghĩa Pháp Hoa.

Linh Thứu cực khen kinh mầu nhiệm
Hơn bốn mươi năm kín chẳng nói
Gia nghiệp gặp trao cho đích tử
Ngọc quý chẳng phải tùy công được
Quyền thật cao siêu chỉ Phật biết
Bản tích rộng sâu Bổ xứ nghi
Lúc ấy Trí giả đích thân nghe

Ngõa quan phân rất rõ ràng.

- Nhất tâm đảnh lễ Thiên Thai Trí Giả ở gác báu Ngọc Tuyền nói Ma-ha Chỉ Quán.

Chín tuần mưa từ mở hạnh tròn
Mười pháp cùng nói lập diệu thừa
Xe báu cao rộng, vật trang nghiêm
Trâu trắng mập khỏe đi bệ vệ
An ngự bốn duyên đi đường tắt
Qua được mười cảnh đến ao mát
Ngồi xe lừa trống đầy thế giới
Cúi lạy Thiên Thai thề nương cậy.

Nhất tâm đảnh lễ: Thiên Thai Trí Giả giảng Nhân Vương Bát-nhã tại điện Thái Cực.

Trăm tòa như sao vây Bắc cực
Bốn y như trăng mọc biển Đông
Tám biện mênh mông yên muôn nước
Hai không bát ngát tiêu ngàn tai
Ngón ngọc tranh kêu khắp điện vàng
Hương trâu lại phát thú lư đằng
Cúi lạy vòi vọi thân năm nhẫn
Kham tiêu muôn xe lễ ân cần.

- Nhất tâm đảnh lễ Thiên Thai Trí Giả ở Phật Lũng Đạo Thọ giải Tịnh danh thiền giảng.

Hành đạo rừng sương đường thơm sạch
Tâm mờ trăng cây đá phòng lạnh
Minh tịnh công phu chỉ tự biết
Cảnh giới sâu kín người nào đến
Cầm bút hoặc nhân vua Tùy sai
Khi Khai kinh cảm Phạm tăng đến
Chúng con lúc ấy tiếc chẳng gặp
Quy mạng Thiên Thai Thiền Trí Hải.

- Nhất tâm đảnh lễ Thiên Thai Trí Giả ở bờ biển Linh Thạnh khai Niết-bàn muôn câu.

Biển núi một điểm trong ánh Thu
Gác vàng tầng cao trong chướng xạnh
Muôn câu viên khai cửa giải thoát
Ngàn đồ đệ giữ nhà từ bi
Án kinh giữa đêm trăng bên sông

Tiếng chuông lạnh thấu nhà bên sông
Ba đức giúp khắp ba quán sáng
Không ai cùng ngồi uống đề hồ.

- Nhất tâm đảnh lễ Thiên Thai Trí Giả giảng kinh Kim Quang Minh ở Ao phóng sinh.

Thuyên vuông trôi nổi trên sông xanh,
Lời pháp lao lao tâm sóng biếc
Hai bờ hương thoảng, già dạo quê
Giữa dòng nhảy vọt lân vàng nhảy
Khoe khoang trong ngục từng đến nạn
Trên nhà tu thiền mở thù ân
Mà nay y xưa nhiều
Mắt từ nên thương xót phương khác.

- Nhất tâm đảnh lễ Thiên Thai Trí Giả hiện Song Lâm thiện tịch ở Thạch Thành Kim sát.

Hóa duyên lửa tắt củi cơ hết
Ngồi thẳng mịt mờ trước tượng đá
Các con gào khóc lại chẳng về
Chúng sinh đui mù ai dẫn dắt
Sông sao thảm đạm thiếu sóng vàng
Hang mây vù vù hạc đậu cây
Trăm thuốc mầu nhiệm gởi Chương An
Còn tiếc không người trao thiền tuệ.

- Nhất tâm đảnh lễ toàn thân Thiên Thai Trí Giả ở Linh tháp do Vua phong dưới cây ở Phật Lũng.

Kiết già rất giống dạng an thiền
Đóng tháp cũng đồng che định phòng
Đầu hôm ánh sáng thấu rừng xa
Có lúc búng tay nghe viện sâu
Hàng năm ban chiếu lìa cửa cung
Mỗi tháng hoa vua mở cửa đá
Cúi cùng khai phong mất thân xưa
Chẳng biết trước kia đi phương nào.

- Nhất tâm đảnh lễ Thiên Thai Trí Giả khắp sinh trong cõi Phật ở mười phương thế giới.

Từ tâm thiên nhãn nên thấy xa
Hơn sáu mươi châu xưa kết duyên
Đã đem hạt giống gieo ruộng tốt

Phải vì nẩy mầm làm mưa rào
Cha đi dối trao thuốc thân sau
Thân lìa không, buộc châu lúc say
Thần châu Phật Lũng xin lại đi
Mau khiến chúng sinh mở Phật tuệ.

- Nhất tâm đảnh lễ Thiên Thai Cao Tổ Vô Úy Luận sư Tôn giả Long Thọ.

- Nhất tâm đảnh lễ Thiên Thai Tông giáo Đệ nhị Tổ sư Tôn giả Bắc Tề.

- Nhất tâm đảnh lễ Thiên Thai Thích Từ Đệ tam Tổ sư Tôn giả Nam Nhạc.

- Nhất tâm đảnh lễ Thiên Thai Kết tập giáo tạng Đệ ngũ Tổ sư Tôn giả Chương An.

- Nhất tâm đảnh lễ Thiên Thai Giáo quán Đệ lục Tổ sư Tôn giả Pháp Hoa.

- Nhất tâm đảnh lễ Thiên Thai Giáo quán Đệ nhất Tổ sư Tôn giả Thiên Cung.

- Nhất tâm đảnh lễ Thiên Thai Giáo quán Đệ bát Tổ sư Tôn giả Tả Khê.

- Nhất tâm đảnh lễ Thiên Thai Ký chủ Đệ cửu Tổ sư Tôn giả Kinh Khê.

Quì xuống đốt hương, dâng hoa, đối trước Tam bảo sám hối:

- Dốc lòng sám hối. Con và mười phương tất cả chúng sinh giải thoát, từ vô minh vô thỉ đến nay thuận có thức có lưu kiết sử, động thân miệng ý, tùy tham sân si, tạo tội bảy giá năm nghịch, phạm giới mười trong bốn ba-la-di, chê bai ba thừa chánh giáo, chửi rủa năm hạng Pháp sư, làm tội bốn tà, năm tà không biết hổ thẹn, chỉ ba đường như dạo vườn, đủ tám khổ làm trang nghiêm, đời đời sinh vào nhà tà kiến, kiếp kiếp không gặp Phật ra đời. Duyên gì ngày nay được làm thân người, bắt chước núi Tuyết xuất gia gặp Thiên thai Di giáo. Chỉ tiếc mây mờ che lấp đã lâu, chỗ thấy bị ràng buộc, như ngàn pháp môn quyền thật, lạm gọi nhiễm chỉ mười pháp thành thừa Diệu quán, chưa một lần trải tâm, cá ở ao không có, chẳng hiểu kết lưới về nhà. Vượn si chưa cột trong rừng năm trần, mặc tình chạy nhảy. Nai khát gặp nắng gắt, trong ao sáu dục chạy càn. Cho nên khiến thâu vây pháp tòa, tâm quanh trần duyên. Tám âm rung chuyển lôi đình, bốn biện dối bày sắc sửa, lại thêm chê bai Thánh điển, coi thường giáo văn. Đâu nghĩ pháp Phật toàn thân, há nghĩ Tuyết sơn nửa kệ, hiện tại vời ngu ám, vị lai báo tà

si. Tội chê người khinh pháp, chướng ngàn non muôn kiếp. Tội ác như thế vô lượng vô biên. Đối trước Tam bảo kể bày, hướng về bốn y phát lộ, dứt niệm tiếp nối, bỏ tâm giấu che. Nguyện khắp nhờ ánh sáng sám hối các tội, đều thanh tịnh như hư không, sám hối rồi nhất tâm quy mạng lễ khắp.

- Dốc lòng khuyến thỉnh:

Một niệm một thời đều khuyến thỉnh
Biển cõi mười phương kiếp Như Lai
Khắp vì chúng sinh xoay pháp luân
Chớ vội Niết-bàn, vào vắng lặng
Ba thừa Hiền thánh, các tri thức
Tất cả từ bi trụ thế gian
Chỉ làm lợi lạc duyên chúng sinh
Con đều thân tâm lễ khuyến thỉnh

Khuyến thỉnh xong, nhất tâm quy mạng lễ khắp.

- Dốc lòng tùy hỷ:

Hư không pháp giới nhiều như bụi
Chư Phật từ mới phát đạo tâm
Tu hành nhiều kiếp được Bồ-đề
Cho đến Niết-bàn chia xá-lợi
Ba thừa Hiền thánh nghiệp vô sinh
Mười thiện phàm phu nhân hữu lậu
Cho đến cúi đầu gốc lành nhỏ
Con đều đội đầu mà tùy hỷ.

Tùy hỷ xong, nhất tâm quy mạng lễ khắp.

- Dốc lòng hồi hướng:

Từ xưa cho đến lúc tùy hỷ
Ba nghiệp tu hành các gốc lành
Hồi nhập hư không trong thật tế
Cùng đồng lợi lạc cõi chúng sinh
Phước trí đã tu đều hòa hợp
Thành tựu thân cõi đều trang nghiêm
Cuối cùng, đạo tràng nhiều như bụi
Cùng khắp chúng sinh thành Chánh giác.

Hồi hướng xong, nhất tâm quy mạng khắp lễ.

- Dốc lòng phát nguyện:

Nguyện con thường học theo Chư Phật
Tu hành nhiều kiếp như nước biển

Chẻ xương viết kinh như Diệu Cao
Vì pháp quên thân khắp sa giới
Tuyên dương giáo viên thường Chư Phật
Mở bày chúng sinh môn giải thoát
Tuy nhiên rốt ráo Phật Bồ-đề
Chẳng bỏ Hạnh Bồ-tát Phổ Hiền.
- Con nguyện trọn đời không niệm khác
Diệu Giáo Thiên Thai thường luôn theo
Thinh hương mênh mông, bỏ tình xa,
Danh lợi dẫy đầy thôi chí đoạt
Mở cuốn mấy nghiên mây đâu lạnh
Tâm mờ đòi ẩn tuyết đầy phòng
Các Tổ truyền hoằng thệ biển sâu
Nguyện luôn thầm giúp khiến khai ngộ.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

THỈNH QUAN ÂM BỒ TÁT TIÊU PHỤC ĐỘC HẠI ĐÀ LA NI TAM MUỘI NGHI

SỐ 1949

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1949

THỈNH QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT TIÊU PHỤC ĐỘC HẠI ĐÀ-LA-NI TAM-MUỘI NGHI

(ĐỒNG VỚI KIM QUANG MINH TỐI THẮNG SÁM NGHI)

Sa-môn Tuân Thức ở Đông Sơn đời Tống
ban đầu soạn tập ở Quốc Thanh
thuộc Thiên Thai, sau sửa tại Lan-nhã
núi Đại Lôi ở Tứ Minh.

I. NÓI VỀ DUYÊN KHỞI:

Văn này sửa lại gồm bốn nhân duyên: Một là vì ở Quốc Thanh ngày mới nhóm hợp, chính dùng ở Linh Hư tự tu, đã ước hẹn để được thành tựu. Trong đó sự lý câu văn rất lộn xộn nhầm lẫn. Rộng lược chưa đầy đủ, một lần xem qua khó hiểu, y vào Bách Lục có tên là Thỉnh Quan Âm Sám pháp. Nay sửa lại theo bản hiện có khiến dùng tên kinh khác với các văn và bản sửa; Hai là vì Quốc Thanh biên tập có nhiều lời nhuận sắc đều bỏ hết, đều dùng lời của các kinh sớ Chỉ Quán đã có chỗ trích dẫn chứng cứ khiến người sau thêm lớn chánh tín; Ba là các việc gần đây được Quốc Thanh tập hợp thì người học muộn lựa bỏ văn sau sám nguyện lại thêm bốn văn hối của Pháp Hoa Sám vào, đồng thời nêu âm tiếng Phạm. Lại thấy một bản lược bỏ các nghi và các văn quán tuệ, viết ngay Phật vị cùng sám nguyện mà thôi đề tên là Quan Âm Lễ Văn. Lại một bản phải là người lớn tuổi viết ra, có nhiều hàng lạc mất, hoặc nghi chú sơ sài, giữa các hàng có ghi chú riêng. Ý muốn thương xót riêng những người này, tốt mà chẳng học, lại vội bỏ đi, bỏ môn cam lộ tội chẳng phải nhỏ. Nay dùng bản sửa lại để tránh các lỗi; Bốn là lấy

hết các văn quán tuệ đặt ở sau việc, khiến vận niệm đầy đủ, không để cho người tu luống phí thì giờ. Phải biết thứ sám hối Đại thừa dùng Lý quán làm chủ. Chỉ Quán nói: Gốc quán tuệ chẳng thể thiếu. Phụ Hành giải thích rằng: Nếu không có quán tuệ thì thành khổ hạnh vô ích. Thiền Ba-la-mật nói: Tất cả kinh Đại thừa nói pháp Sám hối đều dùng quán này làm chủ. Nếu bỏ quán này thì chẳng được gọi là Sám Đại thừa Phương đẳng. Bổ Trợ Nghi chép: Phàm pháp lễ sám tuy ở thế gian đồng dạy sự nghi, vận tưởng nhiều chẳng chu toàn, hoặc đọc sơ qua văn sám hối hết phân nửa chẳng rành, hoặc cố sức chống lại lý quán một, không dạy phong cách tinh tấn, thiếu đầu mối nhập môn. Cho nên nói siêng tu khổ hạnh không phải là nhân Niết-bàn. Tổ ta là Thầy thuốc lớn nói thật ở đây. Bốn ý trên làm bốn tất-đàn kể rõ nhân duyên đã xong.

II. NÓI VỀ CHÁNH Ý:

Thỉnh Quán Âm Sớ, theo người xưa y cứ mười ý mà nói phương pháp: Một là trang nghiêm thanh tịnh đạo tràng, hai là đảnh lễ, ba là dâng hương hoa, bốn là buộc niệm đếm hơi thở, năm là có cành dương nước sạch, sáu là thỉnh Tam bảo, bảy là tụng chú, tám là phát lộ sám hối, chín là lễ bái, mười là ngồi thiền. Sớ chỉ giải thích kinh mà không nói rõ phương pháp, cho nên chỉ nêu theo xưa mà thôi. Bách Lục có nói về sự nghi, ý hơi khác với kinh xưa: Năm là có cảnh dương, sáu mới thỉnh Thánh. Bách Lục Y kinh sau thỉnh mới tới cành dương. Người xưa nói mười là ngồi thiền thì Bách Lục nói là tụng kinh, đem số thứ tư đếm hơi thở làm thiền. Xưa ngồi thiền thì trùng lặp mà thiếu đọc tụng kinh. Nên nay số tuy là mười nhưng y theo Bách Lục làm chuẩn. Mười ý này đều có đủ sự lý, đều cảm ứng chung, đủ khắp ba nghiệp, đều tịnh ba chướng, cùng hội ba đức. Yếu đạo giải thoát vì sao lại thản nhiên. Cho nên theo sự tức nay mười khoa hành sự, theo lý chỉ một. Một thuận trung đạo chánh quán Đà-la-ni, hai trải sự quán tu, sự lý này phải nhờ ba nghiệp. Ba nghiệp thành thì cơ lý đều ứng, ứng tức nghiệp tịnh, nghiệp tịnh tức chướng trừ, chướng trừ tức hội đức, hội đức thì không sự lý, cũng không cảm ứng. Tất cả vắng lặng, ai luận mười ý. Hỏi: Trang nghiêm, thanh tịnh đạo tràng mới bày biện được, thông đủ lý sự phải như thế. Vì sao lại luận cảm ứng cho đến hội đức? Đáp: Mười ý y cứ riêng, đều khác phương tiện chánh tu. Nay y cứ nói chung, đã tính đủ sự lý, sao lại nghi ngờ cảm ứng? Huống chi nói thỉnh Thánh thì đều y cứ ba nghĩa: Một là nêu tâm, hai là hạnh, ba là chứng. Lại bày biện đạo tràng dụng loại thì nêu tâm định cầu việc gì. Ba nghiệp làm tịnh phi thời còn cảm huống

chi là đạo tràng ư? Trải sự quán lý nghĩa đồng với chứng. Ba thỉnh đủ ý, chẳng lẽ lại không ứng. Đạo tràng còn thế, chín thứ kia có thể biết. Lại vì dẫn kinh chứng chung mười ý, cảm ứng đều đồng. Kinh nói nay ông phải gieo năm vóc sát đất đốt hương dâng hoa, buộc niệm đếm hơi thở, vì chúng sinh nên phải thỉnh Đức Phật ấy và hai vị Bồ-tát. Khi nói lời ấy thì Phật và Bồ-tát đều đến cõi nước này. Đây chính là Mâu-ni vừa chỉ bày cách thỉnh đều chưa tu hành. Chỉ nói khi nói lời ấy thì Phật sớm giáng xuống, tự chẳng phải sức ba thỉnh mà được như thế. Sát đất chứng hai phen đảnh lễ, các thứ kia là chứng thỉnh ba ý. Lại người trong nước tạn mặt trao cho cành dương nước tịnh. Đây là chứng đạo tràng và ý thứ sáu. Ba chú đều nói hiện tiền thấy Phật, chứng ý tụng chú là văn chỗ nào cũng phá chướng thấy Phật, chứng ý phát lồ, được nghe kinh này mà thọ trì đọc tụng, tức vượt qua vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp tội sinh tử là chứng ý xướng tụng. Mười ý đầy đủ, cảm ứng rõ ràng. Người tu suy nghĩ trước sau mười ý đã nhọc, ba nghiệp chớ để cho uổng phí. Thường sinh tâm thương xót, nhiếp tâm cúi đầu, đây cũng có hai ý, đầu minh chứng cảm ứng, các thứ kia có thể lệ theo mà biết. Vì sao nói người phẩm bày việc ở đạo tràng tạp nhạp thì đồng với việc tục, lại vời thêm tội, diệt chướng sẽ khó? Ở đây như Phụ Hành Ký có quở trách, còn việc chánh tu, tâm phải thông rộng xa, lý sự rõ ràng, nếu mình chưa thấu suốt thì phải hỏi người hiểu. Sách nói tụ dụng, là nhỏ chớ hỏi chớ dùng. Mười ý này sẽ nói rõ.

1. Trang nghiêm đạo tràng:

Bách Lục nói phải trang hoàng đạo tràng, bùn thơm thoa đất, treo các phướn lọng, bày tượng Phật ngó về hướng Nam, riêng tượng Quan Âm ngó về hướng Đông. Chỉ Quán chép: Ở chỗ sạch hoặc đạo tràng thỉnh tượng Di-đà, Quán Âm, Thế Chí, đặt ở hướng Tây. Bày cành dương nước sạch. Nếu đi tiểu tiện phải lấy tro (xà bông thơm) thoa thân, tắm gội sạch sẽ, mặc áo mới sạch. Bách Lục chép: Nếu đất ẩm thấp phải đặt sàn thấp, hàng ngày ra sức cúng dường. Nếu chẳng thể làm đủ thì ngày đầu tiên chẳng thể chung cúng dường. Phụ Hành chép: Tuy thân miệng tinh thành nhưng phải nhờ phước giúp, mỗi ngày càng mạnh hơn lên. Sợ sức chẳng kịp ngay từ ngày đầu, thì trước khóa phải lo tiền của khéo phải hao hụt. Bách Lục xét kinh Đại Bi thì phải hai mươi mốt ngày, bảo kinh này là bốn mươi chín ngày, đều phải dùng trai làm đầu.

2. Pháp làm lễ:

Bách Lục chép: Đều cầm lư hương (đốt ba cây hương) cũng được, nhất tâm nhất ý hướng về phía Tây, năm vóc sát đất, hiểu rõ tiếng

xướng đọc Phụ Hành nói: theo lý thì năm vóc sát đất là một đầu và hai cùi chỏ, hai đầu gối phải sát đất, tưởng lạy dưới chân Phật như hiện ra trước mắt. Sớ nói Đại Thánh thường muốn cứu độ, người không bệnh, ghẻ độc chẳng thể vào, khiến ba nghiệp làm căn cơ.

- Nhất tâm đảnh lễ Đức Thế tôn Bổn sư Thích-ca Mâu-ni
- Nhất tâm đảnh lễ Thế tôn Vô Lượng Thọ ở phương Tây
- Nhất tâm đảnh lễ bảy Phật Thế tôn ở quá khứ
- Nhất tâm đảnh lễ tất cả Chư Phật Thế tôn ở mười phương
- Nhất tâm đảnh lễ Tiêu phục độc hại Đà-la-ni, phá ác nghiệp chướng Đà-la-ni, sáu chữ chương cú Đà-la-ni.
- Nhất tâm đảnh lễ tất cả tôn pháp ở mười phương
- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Quán Thế Âm
- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Đại Thế Chí
- Nhất tâm đảnh lễ tất cả Đại Bồ-tát ở mười phương
- Nhất tâm đảnh lễ Xá-lợi-phất và Thanh văn, Duyên giác, Hiền Thánh Tăng.

3. Đốt hương rải hoa:

Chỉ Quán chép: Đốt vận niệm ba nghiệp cúng dường. Phụ Hành nói: Ba nghiệp cúng dường là thân quì lạy, miệng đọc, ý vận tưởng. Bách Lục chép: Lễ xong thì đốt hương rải hoa, nói rằng: Tất cả chúng con đều quì, kính dâng hương hoa, đúng như pháp cúng dường mà cúng dường pháp giới Tam bảo ở mười phương, Nguyện mây hương hoa này, cùng khắp cõi mười phương, cúng dường tất cả Phật, tôn pháp các Bồ-tát, vô lượng chúng Thanh văn, duyên khởi đài ánh sáng chiếu khắp vô biên cõi, vô biên các cõi Phật, thọ dụng làm Phật sự, huân khắp các chúng sinh, đều phát tâm Bồ-đề.

4. Buộc niệm đếm hơi thở:

Bách Lục chép: Phải ngồi kiết già, quay mặt về hướng Tây, buộc niệm đếm hơi thở khiến tâm chẳng tán loạn, không có hơi hen suyễn, vì chúng sinh trải qua khoảng mười niệm. Sớ nói mười hơi thở là một niệm, một trăm hơi thở là mười niệm. Thiền Ba-la-mật nói: Mới đến giường thiền khiến ngồi an ổn. Nếu ngồi bán già thì để chân trái lên đùi phải, kéo lại sát thân, để cho ngón chân cùng đùi phải trái bằng nhau. Nếu ngồi toàn già thì để chân trái lên đùi phải, rồi chân phải để trên đùi trái, cả hai chân kéo sát vào thân, lòng tay trái đặt trên lòng bàn tay phải. Ngồi thẳng tâm an, khiến mũi và rún đối nhau, mặt ngó thẳng về trước, ngậm miệng môi răng vừa khít, lưỡi hướng lên nóc Vọng, mắt nhắm vừa không nhìn thấy ánh sáng. Về hơi thở, thở có tiếng gọi là

gió, ngưng trệ gọi là suyển, chẳng kết gọi là kết, chẳng có tiếng, chẳng có kết trệ, chẳng thô, chẳng rít, chẳng trơn, thở ra vào rất nhẹ, dường như còn dường như mất, giúp thần an ổn gọi là Tức (hơi thở). Giữ hơi không tán loạn, không gấp không trệ thì hơi thở liền định. Bách Lục chép: Thành mười niệm rồi kế là (tưởng) Phật mười phương. Sắc thân bảy Đức Phật Thế Tôn, thật tướng diệu thân cũng như hư không và phải thương xót tất cả chúng sinh. Khi thực hành niệm này như thiền nhất thượng, vận niệm lâu rồi thì khoan thai từ từ xuất định.

5. Triệu thỉnh:

Sớ chép: Thỉnh có ba nghĩa: Một là tự thỉnh (tự mình), hai là tha thỉnh (vì người khác), ba là hộ chánh pháp thỉnh. Tự thỉnh như tư na, vì người khác như nguyệt cái, hộ pháp như bài kệ bảy chữ:

Tử thỉnh là giới nhiếp thiện pháp,
Vị tha là giới nhiếp chúng sinh,
Hộ pháp là giới nhiếp chánh pháp.

Đắc ý, ba chỉ là một, muốn cho tự thân giới, định, tuệ sáng sạch tức là nhiếp thiện pháp. Vì mình lợi tha tức là nhiếp chúng sinh. Ba pháp Tâm - Phật - chúng sinh không khác nhau. Nay người theo hạnh bàng chánh, hoặc tự làm chánh, các thứ kia làm bàng (phụ). Cho đến hộ pháp cũng thế. Tự thỉnh lại có ba là diên thỉnh, kỳ thỉnh và nguyện thỉnh. Vị tha và hộ pháp cũng có ba thứ này. Diên tức là co duỗi, cúi ngước, nghĩa là thân nghiệp đón mời, như năm vóc gieo sát đất. Kỳ tức phát ra tiếng cầu thỉnh, ấy là khẩu nghiệp, như bốn hàng kệ. Nguyện tức là tâm yêu cầu, tức hệ niệm. Nhưng riêng (biệt) đối, tuy thế mà chung thì lại đủ. Ba nghiệp hợp thành phải ở đắc ý. Nay nghĩa phải ở mời thỉnh. Bách Lục chép: Nhờ một người sắp đặt hương lửa, đều phải quì mà triệu thỉnh. Phụ Hành chép: Có nghi cùng quì, ba chỗ chí thành, khom mình chấp tay mắt nhìn tượng Phật. Người đời gần đây bướng bỉnh, không chịu quì, kiêu mạn chưa dẹp biển nghiệp khó cạn, còn trọng thân nhơ, làm sao mong được đạo lớn, nhìn đây mà răn dè cốt ở chí thành tôn kính. Thỉnh rằng:

Nhất tâm kính thỉnh: Nam-mô Thế tôn Bổn sư Thích-ca Mâu-ni

Các bản sám pháp khác sau câu kính thỉnh thì nói kệ khen Phật, nhưng sám này không có văn khen. Nay theo kinh Tam thỉnh Quán Âm chép một số kệ nêu ra đây:

Đại bi đại danh xưng,
Cát Tường an vui người
Thường nói câu tốt lành

Cứu giúp người quá khổ
Nếu chúng sinh nghe danh
Lìa khổ được giải thoát
Cũng dạo chơi địa ngục
Đại bi thay chịu khổ
Hoặc ở trong súc sinh
Hóa làm thân súc sinh
Dạy dùng trí tuệ lớn,
Khiến phát tâm vô thượng
Hoặc ở A-tu-la
Dịu dàng điều phục tâm
Khiến trừ thói kiêu mạn
Mau đến bờ vô vi
Hiện thân làm ngạ quỉ
Tay ban sữa thơm ngon,
Người đói khát bức ngặt
Khiến đều được no đủ
Tâm đại từ đại bi,
Dạo chơi trong năm đường
Thường dùng tuệ khéo tu
Phương tiện quý vô thượng
Dạy khắp tất cả chúng
Khiến lìa khổ sinh tử
Thường được chỗ an vui
Mau đến bờ Niết-bàn.

6. Có cành dương nước sạch:

Kinh nói: Bấy giờ, người trong thành Tỳ-xá-ly có cành dương nước sạch trao cho Bồ-tát Quán Thế Âm. Chỉ Quán chép: Bày cành dương, v.v... mà không nói trao cho. Nay theo kinh khiến người tu quì dâng lên. Xướng rằng:

Nay con đã đủ
Cành dương, nước sạch
Cúi mong đại bi
Thương xót nhiếp thọ.

7. Tụng ba chú:

Người tu trước phải biết chú nghĩa là gì. Sớ chép: Chú là chú nguyện như con tò vò bắt sâu (về nuôi thành tò vò), cũng gọi là chú thuật, pháp thuật này cùng mười thứ người các thứ có tương ưng với độc

hại đều ngầm tiêu hết. (Mười thứ người phần đoạn có tám: một là người chịu khổ, hai là người tu điều thiện thế gian, ba là người tu Thanh văn, bốn là người tu Viên giác, năm là người tu sáu độ, sáu là tu đạo, bảy là người tu biệt, tám là người tu Viên. Biến dịch có hai: Một là người biệt ba mươi tâm, hai là người Viên Sơ trụ trở lên đều có khổ nghiệp ái kiến độc hại).

Lại nói chú này lấy Thật tướng chánh quán làm thể, chẳng phải không, chẳng phải có, ngăn hai biên nghiệp ác, giữ Trung đạo chánh thiện đầy đủ ba đức, chẳng dọc chẳng ngang, bí yếu Chư Phật chẳng thể nghĩ bàn. Lại nói: Linh trí tịch chiếu pháp thân làm thể, cảm ứng làm tông, cứu ách nhổ khổ làm dụng, trải bốn giáo mười pháp giới tiêu trừ ba chướng. Phải biết chú này thần dụng rộng xa. Chỉ Quán chép: Tiêu phục độc hại Đà-la-ni phá được báo chướng. Người Tỳ-xá-ly bình phục như xưa, Đà-la-ni phá ác nghiệp phá được nghiệp chướng, người phá phạm hạnh rửa sạch nhơ bẩn khiến được thanh tịnh. Sáu chữ chương cú Đà-la-ni phá được phiền não chướng, thanh tịnh được gốc ba độc, thành Phật đạo không nghi ngờ. Sở dùng chú phá phiền não, sáu chữ phá báo, đều có kinh làm chướng. Bởi ba chú đều phá được ba chướng, cùng nói đều được. Đã lược biết đại khái phải tự trù tính, đối với mười thứ người mà đầu tâm vào vị nào, muốn được chướng nào, muốn được việc gì. Lại tiêu chướng phải từ nặng mà đối trị. Nếu tội nặng diệt thì tội nhẹ sẽ diệt theo, quyết khởi tinh tấn chẳng được tự nghi ngờ. Chư Phật ba đời chân thật pháp ấn đâu có dối trá. Sắp muốn tụng chú thì trước phải quì gối chắp tay nhất tâm nhất ý. Ba lần niệm danh hiệu Tam bảo và danh hiệu Quán Thế Âm.

- Nam-mô Phật, Nam-mô Pháp, Nam-mô Tăng, Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát Ma-ha-tát Đại Từ Đại Danh Xưng Cứu Hộ Khổ Ách (đọc ba lần). Lại xướng rằng:

Nguyện cứu con khổ ách
Đại bi che tất cả
Khắp phát ánh sáng sạch
Xua tan các tối tăm
Vì cứu khổ độc hại
Phiền não và các bệnh
Đều đến chỗ của con
Cho con an vui lớn,
Nay con cúi đầu lễ
Nghe tên cứu khổ ách

Nay con tự quy y
Cha từ bi thế gian
Cúi mong chắc chắn đến
Con cứu ba khổ độc
Cho con vui đời nay
Và cả Niết-bàn lớn.

Bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn, thần chú như thế nhất định tốt lành. Chính là ấn Đà-la-ni đại từ đại bi của Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai ở mười phương. Người nghe chú này thì các khổ dứt hết, thường được an vui, xa lìa tám nạn, được định niệm Phật, hiện tiền thấy Phật. Nay con sẽ nói thần chú cứu hộ chúng sinh của mười phương Chư Phật.

Đa da tha Ô hô nị Mô hô nị Đấu bà nị Đam bà nị
A trà lị Bàn trà lị Thủ bì đế Bát bát tra ra ra
Bà tư nị Đa diệt tha Y lê Mị lê Đề thủ lê
Ca bà lê Khư đề đoan kỳ Chiên đà lê Ma đăng kỳ
Lặc xoa Lặc xoa Tát bà Tát đỏa Tát bà bà Da bệ Ta ha
Đa trà tha Dà đế dà đế Nị dà đế Tu lưu tỳ Tu lưu tỳ
Lặc xoa Lặc xoa Tát bà Tát đỏa Tát bà bà Da bệ Ta ha. (đọc ba biến hoặc bảy biến).

Bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn, như thần chú này do vô lượng Chư Phật mười phương ba đời đã nói. Người tụng trì chú này thường được Chư Phật, các Đại Bồ-tát luôn hộ trì, tránh được các sợ hãi về dao gậy, độc hại và không bị các tật bệnh. Nói thế xong thì người Tỳ-xá-ly bình phục như cũ.

Kế tụng Đà-la-ni phá ác nghiệp chướng.

Bấy giờ, Đức Thế tôn thương xót chúng sinh che chở tất cả, lại thỉnh Bồ-tát Quán Thế Âm nói chú Tiêu Phục Độc Hại. Khi ấy, Bồ-tát Quán Thế Âm Đại Bi huân tâm, nhờ thần lực của Phật mà nói chú đà-la-ni Phá Ác Nghiệp Tiêu Phục Độc Hại.

Nam-mô Phật-đà, Nam-mô Đạt-ma, Nam mô Tăng-già. Nam mô Quán Thế Âm Bồ-đề Tát-đỏa Ma-ha-tát-đỏa đại từ đại bi, cúi mong thương xót chúng con mà cứu hộ khổ não, cũng cứu tất cả chúng sinh sợ hãi khiến được che chở.

Đát điệt tha Đà hô nị Mô hô nị Đấu bà nị Đam bà nị A bà hy Mô hô chỉ Phân trà lê Bàn trà lê Thâu tỳ đế Ban (bát) trà ra Bà tư nị Hưu lầu Hưu lô Phân trà rị Đâu lâu Đâu lâu Ban (bát) trà lê Chu lâu Chu lâu Nị ban trà lê Đậu phú Đậu phú Ban trà ra Bà tư nị Thẩn tê Nhĩ tê Nị nhĩ tê Tát bà A bà da yết đa Tát bà hằng bà Ta đà dà A bà da ti Ly đà Bế

điện Ta ha.

Tất cả sợ hãi, tất cả độc hại, tất cả ác quỉ, cọp sói sư tử, khi nghe chú này miệng liền đóng kín, chẳng thể làm hại. Người phá phạm hạnh gây ra mười nghiệp ác, khi nghe chú này, thì trừ sạch nhơ bẩn lại được thanh tịnh. Nếu có nghiệp chướng ác trược bất thiện, xưng danh Bồ-tát Quán Thế Âm và trì tụng chú này liền phá nghiệp chướng, hiện tiền thấy Phật.

Kế tụng lục tự chương cú Đà-la-ni: Nam-mô Phật, Nam-mô Pháp, Nam-mô Tăng, Nam-mô Phật Thích-ca Mâu-ni, Nam-mô Đại Bồ-tát Quán Thế Âm, nay con trì Đại Cát Tường Lục Tự Chương Cú cứu Khổ Thần Chú.

Đa điệt tha An đà lị Bát (ban) đà lị Chỉ do lị Đàn đà lị Thiên đà lị Để da bà đà Da dư bà đà Phả la nị kì Tỳ chất thư Nan đa lị Bà dà lị A lư nhĩ Bạt cưu lị Mô cưu lệ Đâu tỳ lệ Ta ha.

Khi Đức Thế tôn nói thần chú ấy xong, bảo A-nan rằng: Nếu có người thiện nam, thiện nữ nào và bốn bộ đệ tử được nghe danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm cùng đọc trì thọ tụng Lục Tự Chương Cú, nếu đi đến chỗ hoang vắng quên mất đường đi mà tụng trì chú này, thì Bồ-tát Quán Thế Âm Đại Bi huân tâm hóa thành người tượng, bày chỉ đường đi giúp cho được an ổn, cho đến được thiện lợi lớn tiêu phục độc hại, đời nay đời sau việc không tốt đẹp thảy đều dứt hết. Trì giới tinh tấn, niệm định tổng trì đều đầy đủ.

8. Giải bày sám hối:

Đọc chú xong phải nghĩ nhớ tội khởi lên mà rất sợ hãi, không có nghiệp ác nào chẳng vời lấy quả báo đau khổ. Thiền Môn nói: Người tu suy nghĩ nếu giới chẳng thanh tịnh thì phải sám hối. Cho nên kinh chép: Trong Phật pháp có hai hạng người mạnh mẽ: Một là tánh chẳng làm ác, hai là làm ác rồi mà biết sửa đổi. Nay gây ra lỗi lầm mà biết ăn năn sửa đổi hối gọi là người mạnh mẽ. Sám là sám tạ Tam bảo và tất cả chúng sinh. Hối là hổ thẹn đau buồn sửa đổi. Nay con nếu tội này được diệt hết thì sau này thà mất mạng nhất định không phạm nữa. Như Tỳ-kheo bạch Phật rằng: Con thà ôm lửa cháy đỏ chứ chẳng bao giờ dám phạm tịnh giới (những lời sau đây lấy từ Tam-muội Pháp Hoa). Lại nhớ các điều đã gây ra từ vô thỉ đến nay nghiệp tánh tuy không nhưng quả báo chẳng mất. Nhân duyên điên đảo khởi các tội trọng, khóc lóc thở than miệng nói lời sám hối.

Khắp vì chúng sinh trong pháp giới đều nguyện dứt trừ ba chướng quy mạng sám hối. Dốc lòng sám hối: con Tỳ-kheo pháp danh là cúi

đầu quy mạng Tam bảo mười phương ba đời, Phật Bổn sư Thích-ca Mâu-ni. Trên phụng thỉnh Chư Phật Thánh hiền, Bồ-tát Đại Bi Quán Thế Âm, thương xót che chở nhận con kính thỉnh, hiển hiện đạo tràng nhận con sám hối. Con là Tỳ-kheo tên... vì tất cả chúng sinh đắm chìm trong cõi khổ mà phát tâm Bồ-đề, hành đạo Bồ-tát. Chỉ vì ba nghiệp sáu căn mà có các tội ba chướng nặng nề, hạnh nguyện Bồ-tát chẳng được hiện tiền, chẳng thể lợi mình lợi người, mà tự trách mình. Ngày nay kính thỉnh Chư Phật Hiền thánh, Đại Bồ-tát Đại Bi Quán Thế Âm, sám hối quá khứ đời này và tất cả ba nghiệp, sáu căn, ba chướng, ba độc đời vị lai từ khi có thân đến nay trôi giạt sáu đường nơi nơi thọ thân, không có mắt tuệ. Ngoài gần người ác, mở cửa buông lung tạo nghiệp sinh tử thân nhánh hoa lá đầy khắp ba cõi, cả hai mươi lăm hữu đều có thọ sinh, luân hồi mãi mãi nối nhau không cùng. Bỗng được thân người mà phạm các giới trọng. Tất cả các phạm thiên tụ khinh trọng, phần nhiều đều có hủy phạm trái nghịch diệu giới thanh tịnh của Chư Phật mười phương ba đời. Nếu chẳng sám hối phải đọa trong đại địa ngục A-tỳ, hoặc súc sinh, ngạ quỉ, hay A-tu-la, làm người làm trời mà chịu vô lượng khổ, luân hồi sáu đường không ngày thoát ra. Ngày nay trang nghiêm thanh tịnh đạo tràng thành tâm sám hối chẳng dám che giấu. Cúi mong Tôn giả Đại Bồ-tát Quán Thế Âm hiển hiện đạo tràng phát ra ánh sáng cao quý, chiếu soi chạm vào thân tâm khiến được thanh tịnh, mỗi giới căn lại được như xưa, làm hưng thạnh Tam bảo, khởi tâm hộ pháp, khởi tâm hộ giới, khởi tâm bốn nhiếp, khởi tâm từ nhẫn, tâm như kim cương. Nguyện chẳng phạm lại tôi đã phạm, cùng chúng sinh trong đều đồng sám hối. Hết đời vị lai thường được tu tập hạnh nguyện Bồ-đề. Đời đời thường ở cõi nước thanh tịnh của Phật, ba chướng dứt trừ, hết hẳn ba đường ác, lìa hẳn các khổ, thành đạo vô thượng. Hư không dầu hết nhưng nguyện con không cùng, pháp giới có hạn nhưng nguyện tâm vô biên, đều nhập hết vào biển tánh nguyện của Như Lai.

9. Lễ bái: Bách Lục chép: Nhất tâm đảnh lễ Tam bảo đã thỉnh ở trên. Lễ xong, đúng như pháp mà hành đạo, đi nhiều ba vòng, hoặc bảy vòng. Khi đó miệng đọc lớn:

Nam-mô Phật, Nam-mô Pháp, Nam-mô Tăng, Nam-mô Phật Bổn sư Thích-ca Mâu-ni, Nam-mô Phật Vô Lượng Thọ, Nam-mô bảy Phật Quá khứ, Nam-mô Chư Phật mười phương, Nam-mô Bồ-tát Quán Thế Âm, Nam-mô Bồ-tát Đại Thế Chí, Nam-mô tất cả Đại Bồ-tát mười phương.

- Tự quy y Phật, cầu cho chúng sinh, hiểu rõ đại đạo, phát tâm vô

thượng.

- Tự quy y Phật, cầu cho chúng sinh, vào sâu kinh Tạng, trí tuệ như biển.

- Tự quy y Phật, cầu cho chúng sinh, quản lý đại chúng tất cả vô ngại kính lễ Thánh chúng.

10. Tụng kinh. Bách Lục chép: Khiến một người lên tòa cao xướng tụng kinh thỉnh Quán Âm. Bách Lục chép: Trước giờ ngọ và đầu hôm bày phương pháp trên. Còn khi ngồi thiền, lễ Phật thì theo thường pháp. Đó là khuôn phép một ngày một đêm. Đến ngày thứ hai, cho đến ngày thứ bốn mươi chín cũng giống như thế. Phụ Hành chép: Các thứ kia gọi là bốn thời phải y theo thường nghi chẳng thể bỏ. Chánh ý đã hết.

III. KHUYẾN TU:

Chỉ Quán hỏi rằng: Ba thứ Tam-muội trên đều có khuyến tu, sao riêng ở đây không có? Đáp: Sáu tệ phi đạo là đạo giải thoát, nếu lại khuyên tu thì mất ý chỉ càng xa. Nay sao riêng trái chỉ quán mà lập khuyến tu. Nhưng tùy ý mình phàm ước bốn pháp huân tu thì có hại gì khuyến thiện. Ý chỉ không khuyên kia là ở lời đáp. Nay chỉ theo phương pháp y kinh. Trong kinh Phật tự khuyến tu, đâu quan hệ đến tình người. Kinh nói: Đà-la-ni gọi là Quán đảnh chương cú, vô thượng phạm hạnh nhất định là hiển công đức tốt lành. Chúng sinh nghe rồi thì có thiện lợi lớn, phải nên tụng thầm. Một kinh đủ bày Đại Bi Thí Vô Úy, là Niệm Phật Công Đức Bảo Tràng. Muốn được hiện đời thấy Quán Thế Âm, muốn thấy sắc tượng Thích-ca không ai sánh bằng, muốn trên đầu sợi lông mà thấy vô số Phật, muốn trong hiện đời thấy tám mươi ức Chư Phật đều đến trao tay, là được Đại Bi Vô Úy Công Đức. Cho đến hiện thân phát Vô Vong Toàn Đà-la-ni, tất cả nguyện lành đều được thành tựu sinh trước Phật sau Phật đều rất khổ (sinh sau sinh trước Phật, lớn lên khổ riêng). Như thế gọi là khéo khiến thọ trì chú này, diệt hết ba chướng. Người Tỳ-xá-ly sáu căn bệnh nặng liền được bình phục. Đói kém nạn vua, thú dữ, cướp bóc, gông cùm tù ngục, La-sát thuốc độc, dao kiếm sinh nạn, bốn trăm lẻ bốn bệnh một lúc chẳng khởi. Người phá phạm hạnh, gây mười nghiệp ác. Khi nghe chú này thì trừ sạch nhơ bẩn, lại được thanh tịnh, nghiệp duyên quá khứ, hiện gây ra các điều ác, nghiệp ác hạnh ác, bất thiện ác tụ, các ác nghiệp cực nặng Tỳ-kheo Tư-na xưa ác hạnh sát sinh vô lượng đều được vắng lặng, dứt trừ ba độc căn, thành Phật đạo không nghi ngờ. Lửa lớn từ bốn mặt tiến đến thiêu đốt mình. Long Vương mưa xuống. Nếu lửa đốt cháy thân mình

từng phần đau đớn, tụng chú này ba lần liền tiêu mất hết, chẳng bị trói buộc bởi sợ sệt về tham dục sân nhuế ngu si, thí như lửa dữ thổi mây nặng bay đi liền được tiêu phục các khổ. Mất nước mất vợ, oán ghét gặp nhau, ba đường tám nạn đều được giải thoát khen ngợi vô tận. Lại kệ rằng: Tất cả người ác ác khẩu, trái nghịch chú này khởi các đường bất thiện, hiện thân bị cùi hủi máu mủ dầm dề, sau bị đọa địa ngục đêm dài chịu khổ. Cho nên phải từ tâm bảo hộ thọ trì đọc tụng Quán đảnh cú thì địa ngục thanh tịnh như hoa sen, ngạ quỉ nghiền nát, không có tám nạn. Hoa sen hóa sinh làm cha mẹ tâm tịnh dịu dàng không nhơ bẩn. Than ôi! Chư Phật Từ Âm như vậy, khen ngợi thành thật chẳng dối. Nguyện lại khen lại nghĩ suy mạnh mẽ, phát đạo ý. Rất ít báo lớn, cần phải mỗi mỗi y cứ người mười thứ hạnh, cho đến Đẳng giác, sinh thiện diệt ác, làm sáng lực dụng của kinh, rộng như kinh nói. Lược khuyên tu đã xong, như trên là ba phần của kinh. Có bài kệ rằng:

Biển đại bi mười phương
Phật pháp Hiền thánh tăng
Quán Thế Âm giúp đời
Năng bố thí vô úy
Con nhóm câu tốt lành
Lợi ích người sơ tâm
Cúi mong ngài che chở
Ở chỗ thường lưu hành.

Thỉnh Quán Thế Âm Bồ-tát Tiêu Phục Độc Hại Đà-la-ni Tam-muội Nghi

- Hết -

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

THIÊN THỦ THIÊN NHÃN ĐẠI BI TÂM CHÚ HÀNH PHÁP

SỐ 1950

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1950

THIÊN THỦ NHÃN ĐẠI BI TÂM CHÚ HÀNH PHÁP

Sa-môn Tri Lễ ở Tứ Minh soạn biên tập.

Đại Đà-la-ni này từ nhỏ tôi đã đọc thuộc lòng nhưng không biết cách trì. Sau học Thiên Thai giáo quán tìm ra văn kinh ấy. Quán Tuệ Sự Nghi đủ để hành dụng, nên lược nêu ra khuôn phép có thể tự thực hành. Song chỗ ngài Trí Giả lập ra hành nghi (cách hành trì) gồm có bốn thứ: Một là thường ngồi, tức là Tam-muội Nhất Hạnh trong kinh Văn-thù Vấn; hai là thường đi, tức Tam-muội Phật Lập trong Kinh Bát-Chu; ba là thường đi nửa ngồi, tức là hai kinh Phương Đẳng và Pháp Hoa nói về hai Tam-muội Đản Trì và Phổ Hiền; bốn là không phải đi không phải ngồi, tức là y theo hành pháp của các kinh và trải qua thiện ác vô ký tu quán, gọi chung là Tam-muội Tùy Tự Ý. Nếu y cứ theo kinh này chẳng dạy chuyên ngồi chỉ đi và tướng phân nửa (nửa ngồi nửa đi) cũng chẳng nhậm theo ba tánh ở trong giác sát mà khiến hai mươi mốt ngày y pháp tụng trì, bởi tùy tự ý, y theo pháp kinh hành. Nay ở kinh này nêu ra mười ý: Một là trang nghiêm đạo tràng, hai là tịnh ba nghiệp, ba là kiết giới, bốn là tu cúng dường, năm là thỉnh Tam bảo, các trời, sáu là khen ngợi bày tỏ chí thành, bảy là đảnh lễ, tám là phát nguyện trì chú, chín là sám hối, mười là tu quán hạnh. Nhưng vẫn dùng Tam-muội Pháp Hoa giúp cho quán tưởng, chú thích sự nghi dưới đây, giúp người tu khỏi xét văn khác.

1. Trang nghiêm đạo tràng: Kinh nói: Ở trong tịnh thất treo phướn đốt đèn, hương hoa, thức ăn để cúng dường. Bách Lục Thỉnh Quán Âm Nghi chép: Phải nghiêm sức đạo tràng, hương thơm thoa đất, treo các

phướn lọng, bày các tướng Phật ngó về hướng Nam, riêng tượng Quan Âm thì ngó về Đông. Nay phải đặt tượng Thiên Thủ Nhãn Quan Âm hoặc bốn mươi tay, nếu không có tượng này thì chỉ dùng tượng sáu tay hoặc bốn tay, hoặc chỉ là tượng Quán Âm thôi. Cũng không cần tượng Thích-ca, Thế Chí. Số người tu chỉ mười vị trở xuống, phải trải chiếu ngó về hướng Tây. Nếu đất thấp ướt thì đặt giường thấp, hằng ngày ra sức cúng dường. Nếu chẳng làm được thì ngày mồng một chẳng thể không thực hành. Phụ hành nói tuy tâm miệng tinh thành nhưng phải dùng phước để trợ giúp. Hằng ngày thực hành càng tăng thêm. Sợ năng lực chẳng kịp nên cho từ ngày mồng một. Khóa trước đã lo tiền của để tỏ bày hết lòng. Kinh nói: Nếu các chúng sinh hiện đời cầu nguyện, trong hai mươi mốt ngày tịnh trì trai giới, tụng Đà-la-ni này sẽ có kết quả điều nguyện. Y cứ vào pháp tu này phải hai mươi mốt ngày làm một kỳ hạn không thể giảm ít hơn. Theo Tam-muội Pháp Hoa trước khi chánh tu phải ở mười bảy ngày làm pháp phương tiện, khiến sự nghi lý quán đều tinh thục, nhưng vẫn cầu che chở không bị chướng ngại.

2. Tịnh ba nghiệp. Kinh nói: Người tụng thần chú này phát tâm Đại Bồ-đề thề độ tất cả chúng sinh, thân giữ trai giới, ở trong tịnh thất, tắm gội thanh tịnh, mặc y phục sạch, định tâm một chỗ, chẳng có duyên khác. Tam-muội Pháp Hoa chép: Mới vào đạo tràng phải dùng nước thơm tắm gội, mặc áo sạch đẹp, hoặc đại y và các y phục mới nhuộm. Nếu không có áo mới thì phải lấy áo tốt nhất coi là áo vào đạo tràng. Sau nếu ra khỏi đạo tràng đến chỗ bất tịnh thì phải cởi tịnh y ra mà mặc áo bất tịnh. Làm xong thì phải tắm gội và mặc tịnh y (áo sạch) mà vào đạo tràng hành pháp (như trên là văn Tam-muội Pháp Hoa). Dẫu suốt ngày chẳng đến chỗ uế, cũng phải tắm gội một lần, hết một kỳ chuyên chú không nói tạp và tất cả các tiếp xúc thăm viếng v.v... trọn một kỳ y kinh vận tưởng chẳng được sát-na (chốc lát) nghĩ chuyện đời. Nếu đi vệ sinh, ăn uống, cũng phải giữ gìn, chớ để tan mất. Việc xong liền vào đạo tràng chẳng được mượn việc mà kéo dài chậm trễ. Đại yếu thân luận khai giá, khẩu luận nói nín, ý luận chỉ quán. Người tu phải nương thầy lành mà học hỏi, biết việc nào làm được, chớ nên làm càn.

3. Kiết giới. Người tu phải lập ngày đầu tiên chưa kính lễ phải ở chỗ tu hành mà kiết giới đúng pháp. Kinh chép: Về phép kiết giới, phải đọc chú hai mươi mốt biến, dùng dao vạch đất làm ranh giới, hoặc lấy nước sạch mà đọc chú hai mươi biến ra bốn phương làm ranh giới, hoặc dùng hạt cải trắng đọc chú hai mươi mốt biến ném ra bốn phương làm ranh giới. Hoặc tưởng chỗ đến làm ranh giới hoặc lấy tro sạch đọc chú

hai mươi mốt biến làm ranh giới, hoặc đọc chú vào chỉ năm màu hai mươi mốt biến mà giăng bốn bên làm ranh giới, đều được. Nếu thọ trì đúng pháp. Kinh tự Trang Khắc Quả chép: Trong ranh giới đều được đi tự do.

4. Tu cúng dường. Người tu y pháp kiết giới rồi, liền đến trước tượng Thiên Nhãn, trước đứng trên đồ trải, phải nhớ nghĩ tất cả Tam bảo và chúng sinh trong pháp giới không hai không khác với thân tâm ta. Chư Phật đã ngộ, chúng sinh còn mê ta là chúng sinh trái với mê chương, nên lễ thờ Tam bảo. Nghĩ thế rồi thì miệng đọc lớn:

- Tất cả cung kính nhất tâm đảnh lễ mười phương Thường Trụ Tam bảo (lễ một lạy xong đốt hương rải hoa. Người đứng đầu đọc lớn).

- Tất cả chúng đều quì thẳng nghiêm trang dâng hương hoa đúng pháp cúng dường. Nguyện mây hương hoa này, cùng khắp cõi mười phương. Mỗi cõi Phật có vô lượng hương trang nghiêm, đầy đủ đạo Bồ-tát, thành tựu hương Như Lai.

(Đến đây tưởng rằng hương hoa của mình cùng khắp mười phương thành đài ánh sáng mầu nhiệm. Các âm nhạc trời và hương báu trời, thức ăn trời, áo báu trời là pháp trần chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả đều trang nghiêm khắp đến mười phương ở trước Tam bảo. Ở trước Tam bảo mười phương đều có thân mình cúng dường).

- Cúng dường xong, tất cả đều cung kính.

5. Thỉnh Tam bảo, các trời, đọc lớn rằng:

- Nhất tâm kính thỉnh; Nam-mô Thế tôn Bổn sư Thích-ca Mâu-ni.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Thế tôn A-di-đà ở thế giới Cực Lạc phương Tây.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Thế tôn Thiên Quang Vương Tịnh Trụ ở vô lượng ức kiếp trong quá khứ.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô chín mươi chín ức Khắc-già-sa Chư Phật, Thế tôn ở quá khứ.

- Nhất tâm phụng thỉnh, Nam-mô tất cả Chư Phật Thế tôn ở mười phương.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô ngàn Phật ở kiếp Hiền, tất cả Chư Phật, Thế tôn trong ba đời.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đại Đà-la-ni Thần Diệu Chương Cú.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Quan Âm Sở Thuyết Chư Đà-la-ni Mười Phương Tam Thế Nhất Thiết Tôn Pháp.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Từ Đại Bi Quan Thế Âm Tự Tại Đại Bồ-tát.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Đại Bồ-tát Đại Thế Chí.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Đại Bồ-tát Tổng Trì Vương.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Đại Bồ-tát Nhật Quang, Đại Bồ-tát Nguyệt Quang.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Đại Bồ-tát Bảo Vương, Đại Bồ-tát Dược Vương, Đại Bồ-tát Dược Thượng.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Đại Bồ-tát Hoa Nghiêm, Đại Bồ-tát Trang Nghiêm, Đại Bồ-tát Bảo Tạng.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Đại Bồ-tát Đức Tạng, Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng, Đại Bồ-tát Hư Không Tạng.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Đại Bồ-tát Di-lặc, Đại Bồ-tát Phổ Hiền, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô tất cả Đại Bồ-tát ba đời ở khắp mười phương.

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam mô Ma-ha Ca-diếp, Vô Lượng Vô Số Đại Thanh Văn tăng.

- Nhất tâm kính thỉnh, Thiện Tra Phạm Ma-cù-bà-già Thiên Tử, Tứ Vương Hộ Thế, tám Bộ Đồng Mục Thiên Nữ, Thần Hư Không, thần sông biển, thần sông suối, thần hồ ao, thần cỏ thuốc rừng cây, thần nhà cửa, thần sông, thần lửa, thần gió, thần đất, thần núi, thần đất, thần cung điện, v.v... và trời rồng Quỉ Thần Thủ Hộ Trì Chú và các quyến thuộc.

- Cúi mong Bổn sư Thích-ca, cha lành Di-đà, Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như Lai mười phương ba đời tất cả Chư Phật, chẳng dời bản tế bình đẳng từ huân giáng hiện đạo tràng chứng minh con hành pháp.

- Tâm Đại bi viên mãn rộng lớn vô ngại, tổng trì bí yếu hiển hiện đạo tràng, nhận con cúng dường.

- Đại Bồ-tát Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm, nhờ năng lực bản nguyện hiện ra trước con. Thần chú gia trì mau tiêu ba chướng. Bồ-tát Đại Thế Chí, Tổng Trì Vương, v.v... các Đại Bồ-tát, Ma-ha Ca-diếp các Đại Thanh văn đồng vận từ bi đồng thời giáng hiện.

- Phạm Thích Tứ Vương, Chư Thiên, tám bộ tùy con thỉnh đến giữ gìn đạo tràng, ủng hộ trì chú, dứt các tốt lành, hiện bày tốt lành, khiến con tu không trái bản nguyện.

6. Khen ngợi tỏ lòng thành:

Nam mô Như Lai ở quá khứ Chánh Pháp Minh, hiện tiền Bồ-tát Quán Thế Âm, thành diệu công đức, đủ đại từ bi, ở một thân tâm hiện

ngàn tay mắt, soi thấy pháp giới hộ trì chúng sinh khiến phát đạo tâm rộng lớn, dạy trì thần chú viên mãn, lìa hẳn đường ác, được sinh trước Phật, tội nặng Vô gián, bệnh dữ buộc thân chẳng thể cứu giúp, đều khiến tiêu trừ. Tam-muội biện tài hiện đời cầu nguyện, đều khiến toại quả, quyết định vô ngại, khiến cho mau được Ba thừa, mau lên Phật địa. Năng lực oai thần khen chẳng thể cùng. Cho nên nay con nhất tâm quy mạng đảnh lễ bày tỏ lòng thành khẩn. Tùy theo trí lực mà nói như thật. Nhưng việc mong cầu chẳng thể thêm lớn sinh tử. Tâm đã vận thì phải lợi ích chúng sinh. Chỉ ở chuyên cần mới có cảm thông, cẩn thận chớ nên xem thường.

7. Làm lễ:

- Nhất tâm đảnh lễ Đức Thế Tôn Bổn sư Thích-ca Mâu-ni.

(Như trong thỉnh Tam bảo các vị trước đều phải gieo năm thể sát đất, chí thành kính lễ, đúng như danh sách đã nêu trên ở mục thứ năm, mỗi vị một lễ, hoặc ba lễ).

8. Phát nguyện trì chú. Kinh chép: Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, đồng nam (bé trai) đồng nữ (bé gái) muốn trì tụng, thì đối với các chúng sinh khởi tâm từ bi, trước phải từ ta phát nguyện như thế. Nguyện này rộng sâu gồm có quyền thật, nếu không phải Thiên Thai giáo quán thì không thể đến bến bờ. Nay y vào một nhà lược nêu tiêu chỉ, giúp người trì tụng tâm có chỗ về. Nguyện có hai phần: mười nguyện trước là nói pháp thành tựu, một thiện vãng sinh, sáu nguyện sau là nói pháp trừ diệt một bề phá ác. Nhưng y chuẩn theo nghe chú thì được lợi ích bốn quả mười địa. Bộ ở Phương Đẳng hiển bày. Nguyện này họp bị Bồ-tát bốn giáo lại gồm hai giáo Nhị thừa. Cũng có pháp duyên từ bi, tùy đời mà làm lợi ích chúng sinh. Nay người tu đã hiển viên Đốn chỉ quán Tam-muội giác ý, lập nguyện khởi hạnh phải thuận ý Pháp Hoa. Cho nên Kinh Khê nói: Dẫn các văn rải rác gồm thành văn thể một đời, chánh ý chỉ ở đề hồ. Mười sáu nguyện phải y cứ khai hiển nghĩa viên mà giải thích. Mười nguyện trước đều đọc Nam-mô Đại Bi Quan Thế Âm. Nam-mô dịch là quy mạng, cũng có nghĩa là độ con, cũng là tin theo đại bi, vì Bồ-tát này tâm cứu khổ rất nặng, gọi là người có đủ đại bi, người thí vô úy, vì Bi thể này viên tức năng cho vui. Quan Thế Âm đủ như trong Biệt Hành Sớ có giải thích. Bởi thương xót rất sâu cho nên dạy chúng sinh cầu ta độ thoát, quy tâm thuận ta mà lập thệ nguyện, vì khiến ta cơ cảm. Nhưng phải hiểu rõ Đại Bi Quán Âm tức là bản tánh của ta, nay muốn trở về gốc nên y cứ gốc mà lập nguyện. Lại nguyện này tức lực dụng của bản tánh. Mã Minh nói: Từ tâm mình khởi

tin, lại tin vào tâm mình. Kinh này nói phải từ ta phát nguyện như thế, nay dùng hai nghĩa mà giải thích mười nguyện này. Trước y cứ các kinh, bốn thệ nguyện rộng lớn mà giải thích, kế y cứ mười thừa của các nhà đời nay mà giải thích phàm bốn hoằng thì y bốn đế mà khởi - Bốn đế: hai thứ trình bày nhân quả khổ thế gian, hai thứ bày nhân quả vui xuất thế, cho nên y theo đó lập bốn thệ. Y khổ đế mà lập rằng: Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ, y Tập đế mà lập rằng: Phiền não vô số thệ nguyện dứt. Y Đạo đế mà lập rằng: Pháp môn vô tận thệ nguyện học. Y Diệt đế mà lập rằng: Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Chỉ mười nguyện này cứu nhân khổ thế gian trước, cho nên thứ lớp hơi khác với bốn thệ mà đều hai, hai thành nhau vì biết pháp là do Nhãn trí độ chúng sinh, phải dùng thoàn thuyền tiện sẽ vượt biển đạo, mà lên ở nhà trên núi để nương thân. Hai thứ đầu y Tập đế mà lập, trước nguyện biết tất cả pháp trần lao (phiền não) đều tức là pháp giới. Kế nguyện được mắt tuệ viên tịnh vì nếu không có tuệ này thì không thể biết. Ba, bốn là y theo Khổ đế mà lập, trước nguyện độ tất cả chúng đắm chìm. Kế nguyện sớm được thể nội (hiểu rõ) phương tiện. Nếu không có phương tiện thì độ chúng sinh chẳng khắp. Năm, sáu, bảy, tám là y Đạo đế mà lập. Đạo tuy muôn hạnh nhưng chẳng ngoài ba học. Nay trước cầu thật tuệ, Bát-nhã tức tuệ học, kế nguyện tuệ thành mà vượt biển khổ hai sinh tử, kế cầu xuất thế thượng thượng giới định, sau nguyện hai học công thành mà vào ba đức. Ba học của Niết-bàn là thuộc Đạo đế, vượt khổ chứng diệt là hiện chung của Đạo đế. Chín, mười là y theo diệt độ mà lập. Trước cầu pháp vô vi để chứa trong tâm thì hoặc diệt hành dứt, sau nguyện thầm ở pháp tánh, phục lại tịnh thân cũ thì rốt ráo thường tịch. Trăm ngàn nguyện cũng chẳng ngoài bốn hoằng, huống chi là mười nguyện này? Lại nguyện chẳng y đế thì gọi là cuồng nguyện, cũng chẳng ngoài bốn. Nay vì Quan Âm Trí Xảo Bi Thâm nên mở bốn làm mười, thì khiến người tu nêu tâm lập hạnh, từ đầu đến cuối thảy đều hiển rõ, nhưng vẫn phải hiểu rõ tướng thủy chung, thể tánh dung tức. Cho nên ngài Kinh Khê nói: Sơ tâm khắp nhiếp, quán hoặc pháp giới, tức hoặc thành trí, tức sinh thành diệt gọi là viên bốn thệ. Lại hiểu rõ hai thệ trước là tánh đức cứu khổ, hai thệ sau là tánh đức ban vui. Tánh khổ vui đâu cần phải cứu ban, tức thệ vô tác; hai là y cứ mười thừa của các nhà ngày nay mà giải thích. Thánh ý bao hàm nhiều, có hai cách giải thích, tìm kinh đầu đuôi lấy sau nghiệm trước biết nguyện ấy thành là pháp mười thừa. Vì sao? Vì trước khi nói chú thì khiến phát mười nguyện. Nói chú xong rồi liền bày tướng chú, có chín câu đều là chú,

thể thành mười pháp cùng mười thừa của các nhà ngày nay, lại không khác nhau. Sau ở trong quán hạnh sẽ nói. Mười thừa: Một là quán cảnh không thể nghĩ bàn; hai là phát tâm Bồ-đề; ba là khéo an chỉ quán; bốn là phá pháp khắp; năm là biết thông bít; sáu là điều thích đạo phẩm; bảy là đối trị giúp khai; tám là biết thứ vị; chín là an nhẫn; mười là lìa thuận đạo pháp ái. Mười nguyện đối với đây chỉ một chỗ trước sau. Đó là y cảnh phát tâm, đây thì y cảnh tu quán, đều có ý ấy. Một là nguyện biết tất cả pháp hiền cảnh không thể nghĩ bàn, chẳng phải một niệm ba ngàn há gồm thâu tất cả; hai là nguyện mắt trí tuệ viên chỉ quán thành nhãn trí của Phật, không có nhãn trí này thì không hiển bày diệu cảnh; ba là nguyện độ tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề phần mãn, vô duyên cho cứu, Sơ trụ trở lên mới hiện tiền; bốn là nguyện khéo phương tiện thành phá khắp. Đã phá ba hoặc rồi mới được nhậm vận cho cứu phá khắp, tức độ sinh thanh tịnh. Bồ-tát phá hoặc là vì độ sinh; năm là nguyện thuyền Bát-nhã. Biết thông bít như nước có thuyền, tức bít hay thông; sáu là nguyện vượt biển khổ, là thành đạo phẩm, nếu không có đạo phẩm vô tác thì không vượt được hai sinh tử; bảy là nguyện giới định đạo để thành trợ đạo, dùng tâm vô tác mà tu sự giới định, vì có công năng trị ác; Tám là nguyện lên núi Niết-bàn, là biết thứ vị. Núi phải từ thấp lên cao, tuy quán tức lý đạo chẳng có thứ lớp; chín là nguyện ở nhà vô vi là thành hạnh an nhẫn. Xá gọi là xả chúng, mau chứng vô vi. Đây làm chẳng chuyên thì sơ phẩm thượng địa cũng thế. Được trời rồng cung kính chẳng lấy làm mừng tức là lệ ấy. Mười là nguyện đồng thân pháp tánh là lìa pháp ái. Chẳng trệ giống giải hợp thân chân thật. Cho nên y theo văn hai. Hai thành nhau, là chiếu cảnh do chỉ quán, cho cứu do phá hoặc, trước biết Thông bít mới tu đạo phẩm. Không có công đối trị làm sao có thứ vị. Nếu chẳng an nhẫn thì không có giống ái để lìa. Pháp quán này tu ở danh tự, thành ở năm phẩm, tợ phát ở sáu căn, chân phát ở phần chứng, rốt ráo ở Diệu giác. Nay lập nguyện, là nguyện tu mà được, môn thành tức thế gian. Hoặc ở một quán, hoặc trải tâm khác, liền vào Tợ chân cho đến Đẳng Diệu. Lại phải biết mười pháp này, tuy nói tu chứng cho đến nhân quả mà hiện tiền một niệm vốn tự viên thành tựu, toàn tánh khởi tu, ngay nơi nhân thành quả. Nay lập mười nguyện nêu tâm ở đây. Lại phải biết mười pháp này. Tuy là Trí Giả đời tượng pháp tuyên dương, mà đều là ý chỉ tiệm đốn của các kinh, vì lìa mười thứ này lại không có pháp tu chứng khác. Xe lớn Pháp Hoa rất đáng so sánh. Sáu nguyện sau một bề phá ác. Trong đó, ba nguyện trước là phá địa ngục, hai là phá riêng hai thứ

đạo hỏa, thứ ba là phá tất cả địa ngục. Ba nguyện sau là phá các đường khác. Phải biết sáu nguyện đều vì tất-đàn đối trị mà lập. Cho nên địa ngục gọi là dẹp bỏ khô cạn, ngạ quỉ gọi là ăn no đủ, Tu-la gọi là điều phục, súc sinh gọi là trí tuệ. Như sáu Quán Âm đối phá sáu đường. Chỉ có trời từ tiện nghi dùng thiện mà ép, người thì gồm vào lý tư duy mạnh, còn bốn đường kia đều từ đối trị vì ác nhiều. Đều nêu "ta": tuy là người tu tự xưng nhưng đều là có tánh ngã chân thường, một niệm mười ngàn pháp. Trong mười nguyện trước, mỗi chữ Ta đều như thế. Nếu là lời bất định, tùy đường mà đối trị. Đều nói hướng là dạy đối, là nghĩa đối trị họp rõ, tức dùng ngã tánh bốn đường làm năng đối trị, ba chướng bốn thú làm Sở đối trị. Đều nói tự, là ba chướng vốn không do vô minh mà có. Trị dùng viên pháp, xưng bản hư dung, lại chẳng chướng ngại, nên nói tự dẹp bỏ. Nhưng năng trị có tự tha, sở trị có ba chướng, người tự trị thì có sự hành lý quán để tự, tha thì nói về thần thông cảm ứng. Vì sao? Vì nếu tự khởi phiền não bốn đường, gây ra nghiệp ác bốn đường, khi chịu khổ bốn thú mà xưng danh tụng chú để đối lại, nguyện ba chướng này tự dẹp bỏ, v.v... thì đây là sự hành để trị. Nếu tự dùng mười thừa quán tuệ đối với bốn đường hoặc hoặc, hoặc nghiệp, hoặc báo thì nguyện được quán thành chướng diệt, tức dẹp bỏ, v.v... thì đây là lý quán mà tự. Nếu tự quán hạnh thành năng phá ba chướng, hiển bày ngã tánh được tự tại hoàn toàn. Thấy tất cả chúng sinh bị bốn thú ba chướng làm khổ thì dùng tợ giải lực mà đối, tức là thần thông tự tha. Dùng phần mãn lực mà đối lại, tức là cảm ứng tự tha. Cho nên một nói nếu ta đến núi đao thì núi đao tự sụp đổ. Nghĩa ấy rất sâu xa không thể nói đủ. Nguyên là chỗ về Quán Âm làm chướng ba đường, thần chú và ngã thể là pháp giới, cũng gọi là Trung đạo. Nêu một mà gồm hết, pháp pháp dứt bặt đối. Vì cương mê nên tạm chia ra cảm ứng, cho nên nói Nam mô vì dịch là mê nên nghĩa lập đối trị, nên nói Ta hướng. Nay thuận viên pháp mà lập các nguyện trên gọi là thệ vô tác, công đức ấy rất lớn. Hỏi: Người viên giải viên tu thì được lợi ích có thể như thế, còn người không hiểu đây thì tu nào có ích gì. Đáp: Pháp thể vốn như thế. Bậc Thánh xứng bổn mà bày tu này. Nếu chưa hiểu trọn vẹn thì chỉ được cơ thành, mặc tình được lợi ích. Nếu hiểu được thì công đức chẳng thể nói. Như châu ma-ni, người ngu mà được thì không phải hoàn toàn vô ích, chỉ đổi một chiếc áo, một bữa ăn mà thôi. Nếu người biết, thì mười sự tu trị, bốn châu mưa báu. Cho nên kinh chép: Nếu có tuệ quán phương tiện, thì quả vị mười địa sẽ được chẳng khó. Cho nên người tu phải gần gũi thầy lành mà học viên giải này lập nguyện ở tâm miệng như một, thì ba chướng

liền tiêu, pháp thân mau chứng.

Nam-mô Đại bi Quan Thế Âm
Nguyện con mau biết tất cả pháp.
Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm được mắt trí tuệ.
Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau độ tất cả chúng.
Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm
Nguyện con sớm được phương tiện khéo.
Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau được thuyền Bát-nhã.
Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau được đạo giới định.
Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau lên núi Niết-bàn.
Nam-mô Đại bi Quán Thế Âm
Nguyện con mau gặp nhà vô vi.
Nam-mô Đại bi Quan Thế Âm
Nguyện con sớm đồng thân pháp tánh.

Nếu con nhìn núi đao
Núi đao tự sụp đổ
Con nhìn lửa, nước sôi
Lửa, nước tự tiêu diệt.
Nếu con nhìn địa ngục
Địa ngục tự khô cạn
Nếu con nhìn ngạ quỉ
Ngạ quỉ được no đủ.
Nếu con nhìn Tu-la
Tu-la từ điều phục
Nếu con nhìn súc sinh
Tự được trí tuệ lớn.

Kinh nói phát nguyện ấy rồi dốc lòng xưng niệm danh hiệu ta, cũng phải chuyên niệm Bổn sư ta là Đức Như Lai A-di-đà. Sau đó phải tụng Đà-la-ni này.

Nam-mô Bồ-tát Quán Thế Âm, Nam-mô Phật A-di-đà.

Bồ-tát Quán Thế Âm bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn, nếu các chúng sinh tụng trì Thần Chú Đại Bi mà còn đọa vào ba đường ác, thì con thề không thành Chánh Giác. Ai trì tụng Thần Chú Đại Bi nếu

chẳng sinh về các cõi nước Phật, thì con thề không thành Chánh Giác. Ai tụng trì Thần chú Đại Bi, nếu chẳng được vô lượng Tam-muội biện tài, thì con thề không thành Chánh Giác. Ai tụng trì Thần Chú trong hiện đời tất cả sự mong cầu nếu chẳng toại ý thì chẳng được gọi là Tâm Đại Bi Đà-la-ni. Cho đến nói lời ấy rồi ở trước chúng hội chắp tay chánh trụ các chúng sinh mà khởi tâm đại bi, vui mừng mỉm cười liền nói Tâm Vô Ngại Đại Bi viên mãn rộng lớn như thế, chương cú thần diệu của Đại Đà-la-ni.

Đà-la-ni rằng:

Nam mô hát ra đát ra đa ra dạ đa 1-. Nam mô A rị da 2 - Bà lô yết đế thước bát ra da 3 - Bồ-đề Tát đa bà đa 4 - Tát đa bà đa 5 - Ma ha Ca lô ni ca da 6 - án 7 - tát bàn ra phạt duệ 8 - Số đát na đát tả 9 - Nam mô tất cát lợi (lị) đỏa y mông a lợi da 10 - Bà lô cát đế thất Phật ra lăng đà bà 11 - Nam mô na ra cẩn trì 12 - Hê rị ma ha bàn đa sa mế 13 - Tát bà a tha đậu dụ bằng 14 - A thệ dựng 15 - Tát bà tát đa na ma bà dà 16 - ma phạt đặc đậu 17 - Đát điệt tha 18 - Án a bà lô hê 19 - Lô ca đế 20 - Ca la đế 21 - Di hệ rị 22 - Ma ha Bồ-đề Tát-đỏa 23 - Tát bà tát bà 24 - Ma la ma la 25 - Ma hê ma hê rị đà dựng 26 - Cu lô cu lô yết mông 27 - Độ lô độ lô phạt xà da đế 28 - Ma ha phạt xà da đế 29 - Đà la đà la 30 - Địa lợi (lị) ni 31 - Thất phật ra da 32 - Giá ra giá ra 33 - Mạ ma phạt ma la 34 - Mục đế lệ 35 - Y hê y hê 36 - Thất na thất na 37 - A ra sâm Phật la xá lị 38 - Phạt sa phạt sâm 39 - Phật ra xá da 40 - Hô lô hô lô ma ra 41 - Hô lô hô lô hê lị 42 - Ta la ta la 43 - Tất lị tất lị 44 - Tô lô tô lô 45 - Bồ đề dạ bồ đề dạ 46 - Bồ đà dạ bồ đà dạ 47 - Di đế lị dạ 48 -Na ra cẩn trì 49 - Địa rị sắc ni na 50 - Ba dạ ma na 51 - Ta bà ha 52 - Tất đà dạ 53 - Ta bà ha 54 - Ma ha tất đà dạ 55 - Ta bà ha 56 - Tất đà dụ nghệ 57 - Thất bàn la da 58 - Ta bà ha 59 - Na ra cẩn trì 60 - Ta bà ha 61 - Ma la na la 62 - Ta bà ha 63 - Tất la Tăng a mục khê da 64 - Ta ba ha 65 - Ta bà ma ha a tất đà dạ 66 - Ta ba ha 67 - Giả cát la a tất đà dạ 68 - Ta bà ha - Ba đà na yết tất đa dạ 70 - Ta ba ha 71 - Na la cẩn trì bàn da la da 72 - Ta ba ha 73 - Ma bà li thắng yết la dạ 74 - Ta ba ha 75 - Nam mô yết ra đát na đa ra dạ da 76 - Nam mô a rị da 77 - Bà lô cát đế 78 - Thước bàn ra dạ 79 - Ta ba ha 80 - Án tất điện đô 81 - Mạn đa la 82 - Bạt đà da 83 - Sa bà ha 84.

Bồ-tát Quán Thế Âm nói chú này xong, mặt đất rung chuyển sáu cánh động, trời rải hoa báu rực rỡ trên xuống như mưa. Chư Phật mười phương đều vui mừng. Ma trời, ngoại đạo sợ hãi rợn ốc, tất cả chúng hội đều được chứng quả. Hoặc được quả Tu-đà-hoàn, hoặc được quả

Tư-đà-hàm, hoặc được quả A-na-hàm, hoặc được quả A-la-hán, hoặc được Sơ địa, Nhị, Tam, Tứ địa cho đến Thập địa. Vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề.

9. Sám hối. Người tu tụng chú xong, phải nghĩ tất cả duyên chướng đều do nhân đời trước, đời đời theo nhau làm oán, làm thân, làm chướng, làm não. Nếu chẳng sám hối thì làm sao được giải thoát, đạo pháp chẳng thành. Cho nên phải bày tỏ, ai cầu Tam bảo diệt trừ cho con. Kinh nói: Vì tất cả chúng sinh, sám hối tội nghiệp đời trước, cũng tự sám tạ các thứ ác nghiệp trong vô lượng kiếp - Pháp Hoa Tam-muội nói: Nghiệp tánh tuy không, quả báo chẳng mất, nhân duyên điên đảo khởi các tội nặng, khóc lóc buồn thương, miệng nói sám hối.

Khắp vì bốn ân ba hữu, chúng sinh trong pháp giới đều nguyện dứt trừ ba chướng, quy mạng sám hối. Dốc lòng sám hối. Con là Tỳ-kheo pháp sinh... cùng tất cả chúng sinh trong pháp giới, hiện tiền một tâm vốn có ngàn pháp, đều có thần lực và trí sáng, trên đồng với tâm Phật, dưới đồng với xá thức vô thỉ ám độn, làm chướng tịnh minh này, gặp việc thì mê tối, cất tâm thì trói buộc mê đắm. Trong pháp bình đẳng mà khởi tưởng mình người, ái kiến làm gốc, thân miệng làm duyên, ở trong các hữu không tội nào chẳng tạo, mười tội ác, năm tội nghịch, chê pháp chê người, phá giới phá trai, phá hoại chùa tháp, ăn cắp vặt của tăng làm nhiễm ô phạm hạnh thanh tịnh, xâm tổn của thường trụ ăn uống tiền của, ngàn Phật ra đời chẳng cho sám hối. Các tội như thế vô lượng vô biên, bỏ thân mạng này đọa vào ba đường, bị đủ muôn chỗ. Lại trong hiện đời các não nấu đốt, hoặc bệnh dữ trói buộc, duyên khác ép bức, chướng ngăn đạo pháp, chẳng được huân tu. Nay gặp được Thần Chú Đại Bi Viên mau được diệt trừ các tội chướng như thế. Cho nên ngày nay tụng trì, quy hướng Bồ-tát Quan Thế Âm và các Đại sư mười phương, phát tâm Bồ-đề, tu hạnh chân ngôn, cùng các chúng sinh phát lồ các tội, cầu xin sám hối, rốt ráo tiêu trừ. Cúi mong Đại Bồ-tát Đại Bi Quan Thế Âm ngàn tay che chở, ngàn mắt chiếu soi, khiến chúng con, chướng duyên trong ngoài vắng lặng, hạnh nguyện mình người viên thành, mở gốc biến tri, chế phục các ma ngoại đạo, ba nghiệp tinh tấn tu nhân Tịnh độ, đến khi bỏ thân này không còn con đường nào khác, chắc chắn được sinh về thế giới Cực lạc của Phật A-di-đà, gần gũi cúng dường Đại Bi Quán Âm, đủ các tổng trì, rộng độ chúng sinh, đều ra khỏi vòng khổ, đồng đến đất trí. Sám hối phát nguyện rồi, quy mạng lễ Tam bảo (lễ một lạy hoặc ba lạy).

Kế đến phải đúng pháp mà đi nhiễu, hoặc ba vòng, hoặc bảy

vòng.

Kế miệng xướng rằng:

- Nam-mô Thập Phương Phật
- Nam-mô Thập Phương Pháp
- Nam-mô Thập Phương Tăng
- Nam-mô Phật Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni
- Nam mô Phật A-di-đà
- Nam mô Phật Vô Lượng Thiên Quang Vương Tịnh Trụ.
- Nam mô Đà-la-ni Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đại.
- Nam mô Bồ-tát Thiên Thủ Thiên Nhãn Quan Thế Âm
- Nam mô Bồ-tát Đại Thế Chí
- Nam mô Bồ-tát Tổng Trì Vương.

(Niệm các câu trên hoặc ba biến hoặc bảy biến).

- Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sinh, hiểu rõ đại đạo, phát tâm vô thượng.
- Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sinh, vào sâu kinh tạng, trí tuệ như biển.
- Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sinh, quản lý đại chúng, tất cả vô ngại kính lễ Thánh Chúng.

10. Quán hạnh:

Người tu đã lễ sám rồi phải ra khỏi đạo tràng. Ở riêng một chỗ, ngồi trên giường dây, y kinh tu quán. Kinh nói chú này kết ích vừa xong. Đại Phạm Thiên Vương thỉnh rằng: Cúi mong Đại sĩ vì con nói tướng trạng Đà-la-ni. Bồ-tát Quán Thế Âm nói: Tâm đại từ bi là tâm bình đẳng, tâm vô vi là tâm vô nhiễm, tâm không quán là tâm cung kính, tâm thấp kém là tâm không tạp loạn, là tâm Vô thượng Bồ-đề. Phải biết các tâm như thế tức là tướng mạo của Đà-la-ni. Các thầy y theo đây mà tu hành. Nay vội giải thích ý này. Văn kinh nói chín tâm tức là y cảnh phát tâm Bồ-đề, v.v... chín pháp thừa. Vì thần chú trước là lý cảnh, hỏi thông bày lời dùng mật đàm càng bày thâm bí. Cho nên bậc thượng căn chỉ nghe một lần liền được vào chứng, hoặc vị Tứ quả, hoặc lên Thập địa, nội ngoại phàm vị, gọi chung là Phát tâm. Ấy là Đại Phạm nhìn thấy người thượng căn nghe cảnh được ngộ. Bèn vì người trung hạ mà thỉnh chín thừa kia. Cho nên nói tướng mạo lý cảnh như thế xe, tướng mạo như cụ độ. Hỏi: Đã xứng pháp xứng cơ, cho nên Quán Âm khen rằng: Ông làm phương tiện lợi ích tất cả chúng sinh nên mới hỏi câu này. Cho nên biết ý đầy đủ của thể chú cho đến chín tâm mười thừa. Lại kinh

này thường khiến người tu đối với các chúng sinh khởi tâm đại từ bi. Nếu không y theo lý há quên ái kiến. Cho nên trước lý cảnh tức gốc từ bi, sau là ba tâm thành pháp bi, phải biết kinh này chánh nói hạnh bi. Lại phải biết bộ ở Phương Đẳng, mười pháp này chung cho bốn giáo, mà rộng lớn viên mãn vô ngại đại bi. Hai giáo Tạng Thông rộng lớn ư? Biệt tuy có lý tu ở lúc sau, Viên giáo sơ tâm đều dùng thể này. Nay nói quán tâm chỉ nương vào viên diệu. Nhưng có hai thứ tức là y cứ hạnh và nương gá sự. Một là y cứ hạnh, tức là ở ngay một niệm mà quán mười giới, trăm giới diệu pháp ngàn như, tuy tức một niệm mà ngàn pháp rõ ràng. Toàn thể tức không, đương xứ tức giả, nhưng không phải hai bên, lại tức song chiếu chẳng thể dùng một nhiều mà nói, vì sao lấy có không mà nghĩ suy? Hoặc biên hoặc trung đều chẳng nhất định. Cho nên, mật ngữ mà hiển bày liễu thuyên, đều chẳng thể dùng thức mà biết, chẳng thể dùng lời mà nói. Ấy vì tâm mình quán cảnh không thể nghĩ bàn. Đã biết tâm mình nếu là lại nghĩ tất cả chúng sinh, niệm niệm như thế. Sẵn có chín giới tức là cõi Phật, nhưng đều đủ các thứ nhân quả, tức một khổ tất cả khổ, ta cùng chúng sinh dẫu tham sân si động thân miệng ý theo nghiệp chịu báo muôn kiếp ngàn đời; cho nên đối với mình người, rất sinh thương xót khởi tâm đại bi, thề cứu khổ ấy. Sẵn có cõi Phật tức là chín cõi nhưng đều đủ mười thứ nhân quả. Tức một vui tất cả vui. Ta và chúng sinh vì tâm phàm tiểu cầu thân trời người và quả Nhị thừa, được ít mà cho là đủ, giúp chung sinh vui mừng là khó. Cho nên ở mình người ái niệm xót thương, thân khởi từ tâm thề cho vui ấy. Đây chính là cứu tất cả khổ cho vui rốt ráo, nên gọi là tâm đại từ bi. Từ bi tuy khắp mà tán động còn nhiều, nên phải dùng chỉ quán chẳng hai mà an pháp tánh, khiến tịch chiếu đều dung, gọi là tâm bình đẳng. Nếu lý chưa hiển là do ba hoặc che lấp, phải quán hoặc này vốn không. Pháp tánh vốn tịnh, không thể phá lập, gọi là tâm vô vi. Nếu mê đắm đây mà quán thì ở thông khởi bít. Biết thông bít này gọi là tâm vô nhiễm. Các pháp tuy không, mà chứng do quán đạo, nếu quán chẳng điều hòa thích hợp thì phẩm thứ chẳng sinh. Đạo phẩm sinh nhau thành tâm không quán. Tệ giúp cho lý hoặc, chẳng hiển chân như. Sự độ giúp mở thấy chúng sinh bằng Phật, gọi là tâm cung kính. Bỗng dứt tâm thô gọi là đến sâu. Nếu biết viên vị Thượng mạn có thể khư gọi là tâm thấp kém. Danh lợi quyến thuộc ba thuật lìa xa, Tam-muội có thể thành gọi là tâm không tạp loạn, thực hành chín việc trên vượt chướng trong ngoài nếu khởi pháp ái thì chẳng được trước. Lìa được ái này mới lên phần quả, gọi là tâm Vô thượng Bồ-đề. Bậc thượng căn quán cảnh tức vào Sơ trụ, hoặc

nội ngoại phàm trung căn thì từ hai đến bảy, hạ căn thì dùng hết; Hai là thác sự, Quán Âm một thân có ngàn tay ngàn mắt, tay có năng lực cứu vớt, mắt có dụng chiếu sáng, tức là ngàn thần thông trí tuệ. Một thân đủ mười ngàn tay mắt, ngàn tay mắt chẳng lìa một thân, bèn biểu thị một niệm tức ngàn thông tuệ, mười thứ thông tuệ chẳng lìa một niệm. Pháp xứng rộng lớn viên mãn lại nói Vô ngại đại bi không phải một niệm ngàn pháp sao gọi tên này, đã mật thuyết, người làm sao hiểu được. Bèn hiện tướng này để làm biểu thị, không phải quán pháp một nhà làm sao có thể giải thích hết pháp danh thân tướng. Ở bộ ấy hiểu được tuy khác. Nay người tu được ý Pháp Hoa, đối với danh tướng này thì không hề khác. Huống chi ở đạo tràng chỉ thấy tướng này, chẳng biểu quán pháp làm sao cùng nhau dụng tâm. Cho nên hai thứ quán môn phải nương nhau mà tiến, hoặc đi đứng trì tụng, hoặc ngồi mà tư duy, quán không thể nghĩ bàn, chính nên tạm bỏ. Đó gọi là y pháp thọ trì. Cho nên trước lập mười nguyện, nay bày mười thừa. Tức pháp sở nguyện đã khiến y theo đây mà tu hành, tức là tướng tu của sơ tâm. Văn sau nói: Có quán tuệ phương tiện, là quả vị mười địa được chẳng khó, tức phần mãn chứng tướng, quán thành giống phát. Y theo lệ trước sau ý ấy sẽ rõ. Nếu chưa hiểu rõ giáo quán một nhà, thì phải gần gũi thầy lành hỏi học giải hạnh mới biết chánh tà. Cho nên phương tiện năm duyên thì bốn duyên có thể thiếu, nhưng duyên thiện tri thức phải đầy đủ. Nếu ở chỗ lạ không có thầy để nương thì phải tự tìm chỉ quán nhưng phải phụ hành, quyết thông quán đạo mới tu được. Cẩn thận chờ theo thầy, tâm tự lập khuôn phép. Lại phải biết nói như trên. Đây là ở thể chú sâu lấy kinh tông để thành quán hạnh. Nếu nói về lực dụng của kinh này thì người nào chẳng nhiếp, điều thiện nào chẳng gồm thâu. Cho nên cầu người Thanh văn đều được chứng quả, cầu việc thế gian đều theo tâm mà lược bày công đức bốn mươi tay. Muốn được giàu sang, muốn cầu quan chức, muốn trừ bệnh dữ của thân, cầu thầy bạn lành, muốn sinh Tịnh độ muốn lên các cõi trời, đều được toại nguyện. Cho đến, kinh nói người trì chú hoặc gió hoặc nước thấm ướt thân thì chẳng bị thú dữ làm hại, thường sinh trước Phật. Nếu người tu chưa thể tu quán, chỉ tin sâu dứt các tâm nghi ngờ, y văn mà tụng trì thì hiện đời và đời sau lìa khổ được thoát. Cho nên Pháp Hoa sám có lập tướng An lạc. Hạnh Tam-muội Bất Nhập, vì chỉ trì tụng cũng thấy được sắc thượng diệu. Cho nên biết sơ tâm nhập môn có nhiều thứ. Khi diệu ngộ thì lý phải hai xả. Cúi mong hoặc sĩ, hoặc thứ, hoặc tục, hoặc tăng đối với Tổng trì này mà sinh lòng tin quyết định, khởi tâm tinh tấn, đối với tướng và vô tướng mà ra sức

cố tu thì hiện đời chướng não đều trừ, vãng sinh Tịnh độ chẳng lầm, nói rộng lợi ích chép đủ trong các văn.

Thiên Thủ Nhãn Đại Bi Tâm Chú Hành Pháp.

- Hết -

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

XÍ THẠNH QUANG ĐẠO TRÀNG NIỆM TỤNG NGHI

SỐ 1951

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1951

LỜI TỰA
XÍ THẠNH QUANG ĐẠO TRÀNG
NIỆM TỤNG NGHI THẬP DI

Sa-môn Linh Giám ở Vân Gian đời Tống soạn

Pháp sư Tôn giả Từ Vân người Thiên Trúc đời Tống, vì hành từ quang giáo, thị tịch tại đạo tràng Thiên-trúc ở Tiền Đường, đệ tử là Linh Giám dùng pháp hóa đạo của Pháp sư ở đương thời là Tam-muội hành pháp thí cho đến đời sau để mở rộng bốn thứ Tam-muội để vào văn này. Hành pháp đều thạnh nhưng chẳng thể chẳng diệt. Do đó nhặt lượm các văn rơi rớt để biên tập lại. Riêng có Xí Thạnh Quang Đạo Tràng Niệm Tụng Nghi thì chưa lưu hành rộng khắp, bèn góp nhặt các văn mà sửa sang cho đầy đủ trước sau. Vì bản cũ có năm chương, nay thêm thành bảy khoa (tức thêm phương pháp và thích nghi). Bày phương pháp thì dùng lịnh ở kinh này, khiến người tu tạo có nơi y cứ. Còn thích nghi thì Hoa Phạm đều ra công, đạo tục đều gồm Nghi Phạm ở chốn Đàn tràng. Nay Tam Tạng dịch kinh Đại Khanh đương triều Đề tự hành thế đều chẳng rõ ràng, còn các thứ khác thì duyên tập văn xưa nhưng chẳng quên kinh này.

XÍ THẠNH QUANG ĐẠO TRÀNG TỤNG NIỆM NGHI

Sa-môn Tuân Thức Truyền Thiên Thai Giáo Quán ở chùa Thiên Trúc đời Tống soạn.

Pháp Nghi lập ra thì phải làm chủ. Nếu nói lý có chỗ về, thì đâu phải tranh luận, trừ người truyền là kẻ không ra gì để hồ sát nhân. Chân Ngôn Xí Thạnh Quang Đại Oai Đức, là do Đại thánh (Phật) thương xót từ bi riêng bày thần phương, tuy lời có hơi khác nhưng trì niệm thì công sâu khó lường. Người chuyên tâm tạm tụng lập kiến có công phu, há là ở lời nói chi chép.

Thứ nhất lập đàn tràng cúng dường có ba ý: Một là bày chỗ thanh tịnh. Văn kinh chỉ nói ở chỗ thanh tịnh mà chẳng chỉ rõ phương nào, lại nói trong nước, trong nhà, hoặc nơi hoang vắng. Nếu ở chỗ vắng không ồn náo mà tìm riêng đất sạch, hoặc ở tại nhà khi tai nạn xảy ra, kẻ nghèo hèn thì nhà chỉ hơn một tầm, hoặc ở phương trượng, ở gần nhà hàng xóm bốn bên, hoặc ở xa như chùa chiền thì cũng phải tìm đất sạch. Nếu không có thì cũng phải ngồi chịu tai ương ư? Lý mà suy thì quyết định chẳng phải như thế. Nay chia làm hai ý, nếu người nghèo thì chỉ chỗ ở chọn một nơi tốt nhất, hoặc ở nơi đất sạch mà lập đạo tràng. Nếu vua chúa, Đại thần và người giàu sang thì chọn nơi cao ráo, tránh ồn ào, xa chỗ nhơ uế, hoặc nói chỗ không có nhà cửa và không uế nhiễm. Nếu nhà điện mới xây cất thì tốt nhất. Nếu Bí-sô ở tinh xá thì cũng phải biết chọn một nơi làm đạo tràng tụng chú.

Hai là pháp lập đạo tràng. Nếu vua chúa, Đại thần hay người thường thì cũng phải chuẩn bị nhà trống, quét tước sạch sẽ, phun rải nước thơm, tùy rộng hẹp mà đặt đạo tràng. Ở trên đàn thơm bày tượng Thích-ca, các tượng Văn-thù, Phổ Hiền, Quan Âm cũng đặt theo. Ở bốn phương để tượng Thiên Vương Hộ Thế. Ở trong đàn trước Phật để tượng Minh Vương Phẫn Nộ. Các tượng khác thì vây quanh bốn vách. Nêu các sao và trời Tịnh Cư v.v... cúng dường, giữ ý vừa phải.

Ba là cúng dường. Trong các phướn lọng thêu vẽ mới, dâng cúng hoa quả hương thơm và thức ăn các thứ ngon quý để bày tỏ lòng thành.

Nếu người thật nghèo thiếu thì tùy theo khả năng cúng dường, không nên luyến tiếc và lừa dối Thánh Hiền.

Thứ hai là phương pháp. Kinh chép: nay ta nói thời quá khứ có Đức Như Lai Ta-la Vương đã nói Đà-la-ni Xí Thạnh Quang Đại Oai Đức để trừ các tai nạn. Nếu có vị vua và các Đại thần nói ở trong cõi nước hoặc bị năm sao ép bức, La-hầu, sao chổi các sao yêu quái chiếu vào cung bổn mạng, hoặc các sao vào đế tòa, khi ở trong cõi nước, ở trong nhà, nơi hoang vắng mà ép bức, hoặc lui, hoặc vào làm các chướng nạn, thì chỉ ở chỗ thanh tịnh mà lập đạo tràng, niệm Đà-la-ni một trăm lẻ tám biến, hoặc một ngàn biến, hoặc một ngày, hai ba ngày cho đến bảy ngày, y pháp trang sức đàn tràng, dốc lòng thọ trì đọc tụng, thì tất cả tai nạn đều tiêu tan chẳng thể làm hại. Cho đến nói rằng: Nếu có Bí-sô, Bí-sô-ni, người nam hay nữ thọ trì đọc tụng Đà-la-ni này thì thành tựu tám muôn thứ tốt lành, trừ diệt tám muôn thứ chẳng tốt lành. Căn cứ vào văn kinh có đủ bốn nghĩa: Một là tiêu ba chướng; hai là tiêu thắng pháp; ba là nói về lực dụng; bốn là hiển Đà-la-ni. Kinh nói: Tất cả tai nạn đều tiêu diệt. Tất cả lời nói bao gồm ba chướng mà nghiệp chướng kinh có nói rõ ràng, nhưng do phiền não cho nên có nghiệp, nghiệp sẽ vời lấy quả báo. Lại nội thân ngoại báo tai nạn các việc là báo chướng. Chuyên nói nội tâm là phiền não chướng. Nếu khởi tâm quyết định động phát thân miệng thì sẽ lôi kéo quả báo đến, ấy là nghiệp chướng. Nếu thế sao xấu, sao tai họa khác đều chẳng quan tâm, vì sao lại là nghiệp chướng? Đáp: Đây chính là tướng ngoài biểu thị nghiệp sắp khởi, là tướng nghiệp trách báo nghiệp chướng cảm báo, cho nên tướng ấy hiện tiền nghiệp chướng ngoài hiện bày quả báo chẳng lâu, nếu không có phương pháp thì lấy gì mà cầu tai ương tiêu trừ. Do đó thứ hai có phương pháp làm cho tiêu. Nếu một ngày, hai ngày ba ngày cho đến bảy ngày tụng chú Đà-la-ni này một trăm lẻ tám biến biểu thị phá một trăm lẻ tám phiền não, thành tựu một trăm lẻ tám Tam-muội, hoặc tụng mười ngàn biến để thành tựu mười ngàn pháp môn. Cho nên y cứ ba nghiệp trì chú, làm phương pháp ba đức. Dùng sự biểu lý, chỉ ở chỗ thanh tịnh mà lập đàn tràng. Thân phải tắm gội cho thanh tịnh, là dùng ngoài nói trong biểu thị làm pháp thân. Niệm Đà-la-ni này. Muốn biết trí ở lời nói biểu thị cho Bát-nhã, dốc lòng thọ trì, vì tín lực nhận niệm lực cho nên trì, nghĩ là giải thoát. Nếu tác pháp thành thì điều xấu sẽ diệt, điều lành sẽ sinh.

Cho nên thứ ba là nói về lực dụng. Thân người vốn bất tịnh, hoa sen vốn mọc trong bùn. Nay gần thì làm nhân phép tắc cho ba nghiệp, xa thì thành diệu nghĩa ba đức. Thân nghiệp thành năng nhương báo

chướng, khẩu nghiệp thành năng nhương phiền não chướng. Dốc lòng năng nhương nghiệp chướng, ba nghiệp đã tiêu tức thành ba đức.

Cho nên thứ tư là hiển bày Đà-la-ni. Thể của ba chướng đã chuyển lý số thành ba đức, Báo chướng chuyển thành đức pháp thân, phiền não chướng chuyển thành Đức Bát-nhã, nghiệp chướng chuyển thành Đức giải thoát. Như ba pháp này tức Đà-la-ni, ba đức diệu thể chẳng phải không mà không, Tuệ Quang Xí Thạnh, không phải tịch mà tịch, có oai đức lớn. Ngăn ác chín giới, giữ điều thiện của cõi Phật, già trì chẳng hai, nêu một đủ ba, nói ba tức một. Nếu chẳng phải ba đức bí chú, vì sao có thể thành tựu được tám muôn thứ tốt lành trừ diệt được tám muôn thứ chẳng tốt lành. Lược bày như thế, trình rõ hành tướng, như trong Ma-ha Chỉ Quán có nói rõ.

Thứ ba là chọn chung thanh tịnh. Kinh chép: Nếu có cõi nước chẳng yên, tai nạn tranh nhau khởi lên thì thỉnh chúng thanh tịnh chọn chúng, có hai: Một là cựu hạnh thanh tịnh; hai là nhập đạo tràng thanh tịnh. Một là cựu hạnh tức là người xuất gia đã tinh chuyên giới luật, định tuệ đều tu, điểm khắp bảy chi, không hề có một lỗi. Đại Tập Khai có Hối tịnh, còn gọi là Ô đạo. Đời gần đây ba học khó đủ, bốn nghi lễ suy đồi, chỉ lấy tăng tùy phần như pháp chẳng phạm giới trọng từng không hề phát lồ, đàn-việt kính tin cũng được thanh tịnh. Sợ chọn chúng qua thanh tịnh thì đời này ít có người dẫn đường tốt. Nếu trần ai quá lỗi ba nghiệp tỏ bày và vì tham cúng dường là dối nói thanh tịnh. Ngài Nam Sơn nói: Người trước giống người, chỗ vắng như quỉ, trời rồng không thích thấy, quỉ mị cười chê, người như thế làm sao có thể trì chú cầu hết tai ương. Lại làm sao có thể khiến thâu lại ánh sáng, yêu quái diệt bóng; hai là nhập đạo tràng hạnh thanh tịnh, chúng cựu hạnh tịnh khiết đáng làm ruộng phước, còn nhập đạo tràng thì càng thêm nghiêm túc. Trước phải tắm gội, mặc y phục mới sạch, đủ các oai nghi khiến người đến học hỏi cung kính. Mỗi ngày tắm gội ăn uống súc miệng, chớ nên nói cười, đùa giỡn với thí chủ thấy nhà cửa đạo tràng chưa đủ thì dự trù, tín thí mừng giận nhiều ít, phi thời đòi hỏi ăn uống vô độ, ăn uống ngon dở chớ khởi tâm ưa ghét, chớ biếng nhác ngủ nhiều, cẩn thận chớ ho khạc, nói cười ồn ào chuyện thế tục. Phải để ý chớ để người chê bai, nếu là Quốc vương, Đại thần thì phải rất chí thành, nghiêm túc ba nghiệp. Nên biết.

Thứ tư là pháp tụng chú, tụng chú phải trải xem bộ tụng niệm, các văn lập khuôn phép khác nhau, nay lấy đại ý mà lược bày. Hoặc lễ Phật trước và lễ sau khi tụng chú, mỗi lần tụng phải đủ một trăm lẻ tám

biến. Y cứ vào văn này thì phải cố gắng tụng không được bỏ dở. Như phép dùi lửa nếu bỏ dở thì lửa không phát. Lại như tò vò bắt sâu cho con ăn, tiếng tiếng không dứt, chú thành mới thôi. Nay cũng giống như thế. Nếu một lần cất tiếng chú chưa đủ một trăm lẻ tám biến thì công chú chẳng thành, việc làm luống không, sẽ có chướng nạn. Nếu nạn nước lửa xảy ra quá gấp thì phải nghĩ rằng ta đọc chú pháp chưa dứt ắt sẽ tiếp tục. Cho đến tâm liên tục không dứt. Giữa chừng chẳng được tiếp người nói chuyện. Khi có người đến thì phải nghĩ rằng: Ta phải liên tục tụng đủ số chú. Trừ việc gấp này, các việc khác thì không khai. Nếu có khai sẽ bị chướng nạn phải rất cẩn thận. Chẳng được vừa đi vừa làm mà tụng, và khi chánh tụng mà phải nói chuyện với người thì phải tụng đủ số rồi mới nói, mới làm. Phải ở trong giới hoặc quì, hoặc ngồi mà tụng, chẳng được ra khỏi giới. Lại ở trong đàn hoặc một ngày hai ngày v.v... cho đến bảy ngày chẳng được trong thời gian búng ngón tay mà thiếu tiếng người tụng chú. Chỉ trừ khi lễ Phật và ăn uống. Phần nhiều thấy thời tăng chẳng biết mà xúc phạm rồi mặc tình nói cười, buông tuồng ăn uống vô độ, mặc tình ăn trái cây, uống thuốc men và ăn đồ cúng dường Tam bảo, quỉ thần, đi đứng ngồi nằm đều tụng chú bất chấp trong giới ngoài giới, tai mắt không cấm sắc thanh, thân tâm không giữ tiết độ, chẳng phải chỉ tự sinh chướng đạo mà còn khiến cho thí chủ lại bị tai ương, nếu chưa hiện ứng thì cũng hoàn toàn vô ích. Luống tiêu của tín thí, chẳng sợ địa ngục. Than ôi khổ thay. Hãy nghĩ thiện mà dứt ác. Lời chẳng tại đọc, ý lỗi ở hành trì. Đời gần đây có nhiều nạn cải cách, người biết việc nên suy nghĩ kỹ.

Thứ năm là ba nghiệp cúng dường. Lễ thỉnh bày ý có bảy phần: Một là ba nghiệp cúng dường; hai là kính thỉnh Tam bảo; ba là khen ngợi Tam bảo; bốn là làm pháp trì chú; năm là lễ Phật; sáu là sám hối; bảy là hành đạo. Đi nhiễu quanh khi sắp vào đạo tràng, trước nhờ một người trì chú kiết giới hộ trì, vì sợ có lưu nạn, kiết giới xong rồi mới làm pháp.

1. Pháp lành giả tu ba nghiệp cúng dường. Đọc lớn:

- Tất cả cung kính, tin lễ Thường Trú Tam Bảo.

- Nghiêm dâng hương hoa đúng như pháp cúng dường. Nguyện hương hoa này Chư Phật thọ dụng, đầy khắp trước tất cả Phật, Pháp, Tăng trước các trời tiên và cung trời trăng sao, làm đài Quang minh, làm nhiều Phật sự. Cúng dường xong rồi tất cả kinh tín.

2. Người tu triệu thỉnh Tam bảo (Tất cả quì xuống tay cầm lò hương chuyên tưởng mời vào đạo tràng chứng minh trì chú, ánh sáng

chiếu đến đâu tai ương đều diệt hết). Người đứng đầu đọc lớn:

- Nhất tâm kính thỉnh Tổng Trì Giáo Chủ Phật Thích-ca Mâu-ni.
- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Phật Ta-la Vương thời quá khứ.
- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô bảy Phật Quá Khứ, Di-lặc vị lai, ngàn Phật hiền kiếp, tất cả Chư Phật mười phương ba đời.
- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Đà-la-ni Tạng Nhất Thiết Mật Ngôn Thanh Tịnh Pháp Bảo.
- Nhất tâm phụng thỉnh, Nam-mô Minh Vương Phẫn Nộ, Đại Bồ-tát Kim Cang Thủ.
- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Đại Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi, Đại Bồ-tát Phổ Hiền, Đại Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Bồ-tát Đại Thế Chí.
- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Đại Bồ-tát Tổng Trì Vương, Đại Bồ-tát Kim Cương Tạng và tất cả Đại Bồ-tát mười phương.
- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Thanh văn, Duyên giác, tất cả Hiền Thánh Tăng.
- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô trời Phạm Thích, các trời Tịnh Cư, Hộ Thế Tứ Trần tất cả Thiên Chúng.

(Các vị sau chỉ chúng thế tục làm lễ, Tỳ-kheo thì đứng).

- Nhất tâm kính thỉnh, Nam-mô Du Không Thiên Chúng Cửu Chấp Đại thiên, hai mươi tám sao, mười hai cung thần tất cả thánh chúng.
- Nhất tâm kính thỉnh, chủ vua Diêm-la mười tám ngục, chủ thiện phạt ác, tất cả linh kỳ, các quỉ vương làm bệnh, làm thuốc, làm tai ương, tất cả Thánh chúng.
- Nhất tâm kính thỉnh, các Thần thủ hộ chánh pháp ở chỗ này, ở già-lam này.
- Nhất tâm kính thỉnh, Năm Thánh Vương Tử Linh Đàn Xã Miếu ở một ấp cảnh này, và tất cả Thánh chúng như thần Thành Hoàng, v.v...
- Nhất tâm kính thỉnh, thí chủ trong nhà, Hộ Trạch Long Thần và các Thủ Hộ Thần phương ngung cấm kỵ phòng vụ khổ điếm, các cung túc Ngươn Thần lớn nhỏ trong nhà, và tất cả các thần trừ tai chú phước, v.v...

Trên chúng con kính thỉnh: Tất cả Tam bảo Thích-ca Mâu-ni, Phật Ta-la Vương, cúi mong chẳng bỏ đại từ đại bi thống lãnh các quyến thuộc đến chỗ chúng con, nhận chúng con cúng dường và các tinh diệu, tất cả linh kỳ đều nương Oai Quang Tam Bảo đến nhóm họp. Chúng con ở chỗ này làm Đại Cát Tường, tụng trì thần chú, cúi mong ủng hộ khiến không lưu nạn, khiến các hữu tình được vô lượng phước.

Như thế pháp triệu thỉnh này chỉ dùng khi mới vào, các thời khác

thì lược bỏ. Phải hết sức thành khẩn kính mong giáng lâm.

3. Pháp khen ngợi Tam bảo. Khi thỉnh Tam bảo xong thì quì xuống tay cầm lò hương chí thành miệng đọc lớn rằng:

Như Lai diệu sắc thân
Thế gian không ai bằng
Cao quý không nghĩ bàn
Cho nên con kính lễ
Như Lai sắc vô tận
Trí tuệ cũng như thế
Tất cả pháp thường trú
Cho nên con quy y

4. Y pháp trì chú:

Nam-mô Phật, Nam-mô Pháp, Nam-mô Tăng, Nam-mô Phật Thích-ca Mâu-ni, Nam-mô Phật Ta-la Vương ở quá khứ.

Nay con sẽ tụng chú do Phật Ta-la Vương nói ra Xí Thạnh Quang Đại Oai Đức Đà-la-ni rằng:

Nẳng mồ tam mãn đa.1 - Mẫu mặc nẩm. 2 - A bát la để hạ đa xá. 4 - Ta nẳng nẩm. 5 - Đát nhĩ dã tha. 6 - Án khư khư. 7 - Khư tư khư tư. 8 - Hồng hồng. 9 - Nhập phược ra. 10 - Nhập phược ra. 11 - Bát ra nhập phược ra. 12 - Bát ra nhập phược ra. 13 - Để sắc tra. 14 - Để sắc tra. 15 - Sắc trí rị16 - Sắc trí rị. 17 - Ta bát tra. 18 - Ta bát tra. 19 - Phiến để ca. 20 - Thất rị duệ. 21 - Ta phược hạ.

Đà-la-ni này do tất cả Như Lai đồng nói, nếu có Bí-sô, Bí-sô-ni, người nam, người nữ nào thọ trì đọc tụng Đà-la-ni này, thì sẽ thành tựu tám muôn thứ tốt đẹp, trừ diệt tám muôn thứ chẳng tốt đẹp. Cúng dường tất cả, bốn chúng nghe lời Phật nói đều rất vui mừng.

5. Lễ Phật: Người tu đã có ý trì chú, phải nhất tâm chánh thân, oai nghi thứ lớp. Lễ pháp thân Chư Phật cũng như hư không. Ứng vật mà hiện hình như ở trước mắt mỗi mỗi đều như thế. Người tu tự biết thân tâm mình vắng lặng, ảnh hiện trước mỗi Đức Phật, pháp giới đều có thân này đầu trán đảnh lễ, khiến cho thí chủ cũng lạy theo trang nghiêm không mất oai nghi.

- Nhất tâm đảnh lễ Phật Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni, Chư Phật khắp pháp giới.

- Nhất tâm đảnh lễ Phật Ta-La Vương ở quá khứ, Chư Phật khắp pháp giới.

- Nhất tâm đảnh lễ Phật Tỳ-bà-thi ở quá khứ, Chư Phật khắp pháp giới.

- Nhất tâm đảnh lễ Phật Thi-Khí ở quá khứ, Chư Phật khắp pháp giới.

- Nhất tâm đảnh lễ Phật Tỳ-Thủ-Thi ở quá khứ, Chư Phật khắp pháp giới.

- Nhất tâm đảnh lễ Phật Ca-câu-thôn, Chư Phật khắp pháp giới.

- Nhất tâm đảnh lễ Phật Ca-na-hàm Mâu-ni, Chư Phật khắp pháp giới.

- Nhất tâm đảnh lễ Phật Ca-diếp, Chư Phật khắp pháp giới.

- Nhất tâm đảnh lễ Phật Di-lặc, Chư Phật khắp pháp giới.

- Nhất tâm đảnh lễ Chư Phật mười phương ba đời, ngàn Phật hiền kiếp, Chư Phật khắp pháp giới.

- Nhất tâm đảnh lễ, xá-lợi, hình tượng Chi, Tháp báu Chi-đề của Chư Phật mười phương.

- Nhất tâm đảnh lễ Tổng Trì Pháp Tạng Đại Oai Đức Thần Chú Nhất Thiết Tôn Kính Thanh Tịnh Diệu Pháp.

- Nhất tâm đảnh lễ Minh Vương Phẫn Nộ, Đại Bồ-tát Kim Cương Thủ.

- Nhất tâm đảnh lễ Bồ-tát Tổng Trì Vương, Đại Bồ-tát Kim Cương.

- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Bồ-tát Đại Thế Chí.

- Nhất tâm đảnh lễ tất cả các Đại Bồ-tát ở mười phương.

- Nhất tâm đảnh lễ Thanh văn, Duyên giác, Đắc Đạo Hiền Thánh tăng.

Khắp vì Phạm Thích, Tứ Vương, Du Không thiên và tất cả chúng sinh đều nguyện tiêu trừ ba chướng mà quy mạng sám hối.

6. Sám hối: Người tu đã lễ Phật xong liền ở trước pháp tòa chánh thân oai nghi, đốt hương rải hoa, tướng Tam bảo đầy khắp hư không như ở trước mặt, một tâm một ý cùng khắp chúng sinh, vô cùng hổ thẹn phát lồ, vô lượng kiếp đến nay cho đến đời này, cùng tất cả chúng sinh, ba nghiệp tạo ra các nghiệp ác, dứt tâm tiếp nối từ ngày nay cho đến hết đời vị lai không bao giờ còn tạo ra tất cả nghiệp ác. Vì sao? Vì nghiệp tánh tuy không mà quả báo chẳng mất. Người rõ Không còn chẳng làm lành huống chi gây tội, nếu tạo tội không ngừng thì đó là nhân duyên điên đảo, thì chịu vọng quả. Cho nên người tu phải biết không mà rất hổ thẹn phát lồ sám hối.

- Dốc lòng sám hối, con là Tỳ-kheo pháp danh... quy mạng đảnh lễ tất cả Thường Trụ Tam bảo mười phương, Phật Thích-ca Mâu-ni, Phật

Ta-la Vương, Đại Bồ-tát, Mạn-thù-thất-lợi, Minh Vương Phẫn Nộ, Đại Bồ-tát Kim Cương Thủ, v.v... nguyện khởi thương xót hiện tiền chứng minh cho con cùng tất cả chúng sinh trong pháp giới, tâm tánh bình đẳng, oai đức rạng rỡ, đầy đủ Tổng trì đồng chỗ chứng của Phật, thanh tịnh Niết-bàn, an lạc tối thượng. Con từ vô thỉ đến nay mê lầm chẳng biết trôi theo vô minh, ở trong sinh tử chịu các nóng bức, vì thân miệng ý gây ra các nghiệp ác, mười bất thiện, năm tội nghịch, bảy giá, phá luật nghi Phật, làm hao tổn của Thường Trụ, chê pháp chê người, bác không nhân quả. Tội chướng vô lượng vô biên như thế, phải đọa địa ngục A-tỳ và các địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, chịu thân đường ác trăm kiếp nghìn kiếp không có ngày ra. Vì nghiệp ác nên hiện chiêu cảm tai ương, năm sao ép bức, Bổn mạng cung tú (sao Bổn mạng) và các tinh vị La hầu sao chổi, yêu quái sao xấu gây các chướng nạn, hoặc hiện thân bệnh tật, phép vua xử tội, các nạn lửa nước, cướp giật trôi nổi, kẻ thù mưu hại và các việc ác, bị bùa chú thư ếm, tất cả bất tường. Nay vâng lời Bổn sư Thích-ca dạy con tụng trì oai đức thần chú, như thế tai nạn thảy đều tiêu trừ, tất cả cát tường đều được thành tựu. Cúi mong Thế tôn, các Đại Bồ-tát nhận con sám hối đầy mãn tất cả mong cầu cho con, khiến con huân tu trang nghiêm phước tuệ, mở mang Phật pháp, khai hóa chúng sinh, Tam bảo sáng tỏ, đèn pháp tiếp nối, các trời các sao tăng thêm oai quyền, mưa gió đúng mùa, giữ gìn cõi nước. Thánh quân Thánh hóa, Thần tể trung hiền, nhân dân đều được phước thọ, mười phương tín thí, cha mẹ sư tăng, chúng sinh trong pháp giới tất cả hàm thức, ba chướng tiêu trừ, đồng thành Phật đạo.

Vì thí chủ phải tụng văn này, dốc lòng sám hối. Con là đệ tử tại gia pháp danh... cúi đầu quy mạng Tam bảo mười phương ba đời, Phật Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni, Phật Ta-la Vương, bảy Phật Thế tôn. Cúi mong đại từ đại bi nhận con sám hối. Con cùng tất cả chúng sinh trong pháp giới từ vô thỉ mê vọng theo tham sân si gây ra các nghiệp ác. Do nghiệp ác mà theo ba đường, chịu các khổ báo. Tội hết được ra lại làm thân người, thói xấu khó bỏ, vẫn còn báo nhẹ. Cho đến đời này lại tạo, sát sinh trộm cướp ăn thịt uống rượu, lừa dối vô đạo, kiếm tiền trái lý. Vì các nhân duyên ấy, ác báo vị lai hiện cảm tai ương, việc ác bao vây. Hoặc năm sao bức ép, La hầu Kế đô sao chổi yêu quái trấn giữ túc cung, tai nạn đều khởi các thứ xâm lấn, kẻ thù gia đời trước tranh nhau mưu hại. Các việc ác ngang trái miệng lưỡi ếm bùa thư chú thuốc độc việc quan bắt bớ gông cùm giam nhốt chịu các khổ sở. Các nạn lửa nước giặc cướp phá hoại tiền của nhà cửa, quyến thuộc chia lìa, đấu tranh tàn

hại lẫn nhau. Như thế các thứ báo ác, do tâm sinh ra, xấu hổ quở trách. Ngày nay nghiêm tịnh đạo tràng, quy mạng Tam Bảo, Chư Phật Hiền Thánh, cúi mong cùng đến nhận con sám hối, phát lồ các tội chẳng hề giấu giếm. Đốt hương dâng hoa, tụng trì thần chú. Làm pháp trừ chướng nạn cầu sự tốt lành. Tất cả sao ác tai, bàng lâm chánh chiếu, kẻ thù thư ếm, các thứ chẳng tốt lành, đều được tiêu trừ không còn xâm hại. Lại nguyện mười phương Tam bảo Bồ-tát trời Tiên, Oai Đức Chú Vương gia trì che chở, biến họa thành phước, đều được tốt đẹp, giàu có tiền của, đầy đủ quyến thuộc, tất cả mong cầu đều được tùy tâm, ăn uống dồi dào, tuổi thọ lâu dài, sáu thân hòa hợp, vượn ruộng mầu mỡ, lớn nhỏ đồng tâm thờ kính Tam bảo, tin sâu nhân quả không dám làm quấy, đọc tụng Đại thừa nguyện cầu báo tịnh, đời đời thường ở nhà Phật, nhận các thân đều thực hành hạnh Bồ-tát. Lại nguyện Hoàng đế Thánh chủ, nhân từ rộng lớn, nuôi dạy chúng dân, mưa thuận gió hòa, ngoài an trong tĩnh, các quan Châu huyện thường được ân sủng càng thêm trong sạch. Trong làng xã dân chúng đều yên ổn, sao chổi và các sao xấu chẳng gây tai họa. Cùng tất cả hư không pháp giới sáu đường bốn loài ở đạo tràng này có bao nhiêu phước đều xin hồi hướng, đồng thành Phật đạo.

7. Pháp hành đạo. Đi nhiễu Tam bảo, cùng đọc lớn rằng:

Nam-mô Phật, Nam-mô Pháp, Nam-mô Tăng, Nam-mô Phật Thích-ca Mâu-ni, Nam-mô Phật Ta-La Vương ở quá khứ. Nam-mô bảy Phật quá khứ, Nam-mô Chư Phật mười phương, Nam-mô Chư Phật mười phương, Nam-mô Đà-la-ni Xí Thạnh Quang, Nam-mô Bồ-tát Tổng Trì Vương, Nam-mô Bồ-tát Kim Cương Thủ, Nam-mô Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi, Nam-mô Bồ-tát Phổ Hiền, Nam-mô Bồ-tát Quán Thế Âm, Nam-mô Bồ-tát Đại Thế Chí, Nam-mô tất cả Đại Bồ-tát mười phương.

- Tự quy y Phật xin nguyện chúng sinh, hiểu rõ đại đạo, phát tâm vô thượng.

- Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sinh, vào sâu kinh tạng, trí tuệ như biển.

- Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sinh, quản lý đại chúng, tất cả vô ngại.

Sáu là giải thích nghi - Nghi rằng tác pháp của kinh này chỉ lấy trì chú làm chính. Gần đây, Pháp sư Cô Sơn trong thỉnh Quán Âm ký chẳng cho Phạm tụng, cho nên khiến tiếng Hoa chẳng theo Phạm tụng. Có Phạm tụng thì chê tiếng Hoa kia, nghi đã ở tâm, công sao thành tựu? Giải thích rằng: Hoa Phạm mưa còn thay đổi hợp thời, y vào Pháp Hoa trì tụng công lực chẳng khác, nếu có nghiêng hoẳng sợ ngại thông luận,

không có Phạm học đâu chỉ dạy theo tiếng Hoa, nếu chỉ y cứ vào tiếng Hoa không cho Phạm tụng (tụng tiếng Phạm) thì lệ hai hợp, ba hợp, vì không dùng nên không dịch. Kinh Khê nói: Phải biết Tây Trúc có ba hợp thanh. Như phiên dịch lưu loại thì đều có đủ âm và chữ, dịch tôi nghe như vầy v.v... là các hiển giáo năng thuyên (các lời có ý nghĩa). Nếu dịch chữ mà không dịch âm như Đà-la-ni, hoặc câu mất chỗ dẫn, hoặc có lời nói gấp, đây đều là người dịch chỉ bày thế tiếng của xứ này. Cho nên Tăng Truyền mười khoa dịch là Đầu. Trí Giả biết mà không nhọc công mê lầm. Có người nói: Biến tai thành phước, thuyết Báo Ứng là xuất phát từ sách Phật, Nho giáo thì tin theo Thiên mạng, sao lại có việc cầu khỏi tai ương. Giải thích rằng: Thượng Thư Kim Đằng Lịch Đại Sở Bảo đã gặp có tai biến bèn mở ra pháp ấy mà cầu hết tai ương. Lại nói: Làm lành thì giáng xuống trăm điều tốt, làm điều chẳng lành thì giáng xuống trăm tai ương. Chu Dịch nói: Một lời lành thì ngoài ngàn dặm theo, một lời chẳng lành thì ngoài ngàn dặm trái, huống chi như thế ư? Như Tống Cảnh nói: Một lời lành sao huỳnh hoặc ba lần dời, đặt ở phương sách sáng như mặt trời. Có người thấy làm pháp trì chú liền dẫn lời Trọng Ni nói: Ta cầu nguyện đã lâu, vả lại Trọng Ni là bậc Thánh, bậc Thánh không nói quá huống chi là nói suông. Học trò của Trọng Ni đều là đệ tử thì đồng với thống nhiếp, không lỗi há khỏi lạm vào lỗi Thánh. Lại Tử Hạ lúc chết bèn nói: Trời ơi, tôi vô tội. Bạn bảo ông ở trên sông, người nghi ông như Phu Tử mà tội một. Đích thân thờ Thánh sư mà còn mê lầm. Đám tuẩn danh chấp chặt thiên kiến, tuy nói bài Phật mà thật là phá Nho. Có người nói: Pháp này chỉ vì quốc chủ Đại thần, tất cả thứ dân và các quyến thuộc trừ các tai nạn, được những việc tốt đẹp. Người xuất gia thấy thân như sống gởi. Tiểu thừa là vô thường, khổ, không, niệm niệm sinh diệt. Đại thừa thì tâm an thật tướng, tạo cảnh tức trung, thì tai nào để tiêu, phước nào để cầu? Nay nói chẳng đúng. Kinh nói: Nếu có Bí-sô, Bí-sô-ni, người nam, người nữ nào thọ trì đọc tụng Đà-la-ni này thì thành tựu được tám muôn thứ tốt lành, trừ diệt tám muôn thứ chẳng tốt lành. Y cứ vào Văn kinh sao cách đạo tục. Bậc Thánh dùng lời Bí mật mà nói pháp mầu nhiệm, phàm phu chẳng biết được, huống chi là người tu ba thừa dẫn dắt tu hành. Nếu gặp phạm mạng và các tai nạn làm chướng đạo pháp chẳng thể huân tu, kẻ ngu chống cự chẳng vâng theo pháp cao quý. Đời có bọn cẩu danh theo tà chống chánh, như kinh đã nói miệng tuy nói không mà làm ở có, thấy có tai biến thì nói là phước. Lại chẳng tìm kỹ ý kinh liền nói sự tục há chẳng phải thiên chấp? Lại sinh thiện diệt ác các kinh đều đồng, sao

chẳng phải đây mà là đó ư? Như trong Kim Quang Minh các sao xấu tai dị khiến phải nghe kinh ấy, kinh thỉnh Quan Âm sinh thân. Bậc Thập Địa chưa khỏi nạn sư tử cọp sói, cần phải xưng danh trì chú, ở Thánh còn thế huống là ở phàm làm sao bỏ. Nếu là trong có thật đức thì ngoài phải nhờ huân tu. Nhân duyên chướng đạo do đó vắng lặng, cho nên kinh nói công đức không ai bằng, là do đây.

7. Khuyên nhắc đàn-việt: Tu phước tuệ mà bỏ đạo Bồ-đề thì thật khó mà thật dễ, được thì dễ mà mất thì khó. Như khéo khuấy thì được đề hồ, nếu chẳng khéo thì nước tương cũng chẳng được. Ở đây cũng như thế, người dụng tâm thì một hoa một hương cũng bằng hư không, một kệ một câu quả diệt đạo thành. Còn người không khéo thì quả gần trời người còn mất, huống chi thắng nhân Bồ-tát. Sa-môn được gọi là mắt của thế gian, thế gian mù thì phải dắt dẫn. Nếu chẳng như thế thì chẳng phải Sa-môn. Như Lai di chúc khiến người không tiếc tài và pháp thí đã vâng lời Thánh, nên có lời khuyên này. Gần đây thấy có nhiều đàn-việt rất có tín tâm mời tăng về nhà, thiết trai tụng kinh cầu phước tuệ, thế lực tốn tiền mà không đúng nghi tắc, kính nhờn chẳng phân, đúng sai nào khác, hoặc dựa theo người giàu có, hoặc buông lung kiêu mạn, lại nói cơm áo nuôi tăng, mời gọi đạo tràng liền nói ân nghĩa, a dua mất nhân cách, quở trách rõ ràng. Phô bày chiếu pháp. liền chạy theo người, khiến môn tăng không biết sợ mất chỗ nương. Việc khổ trước vì khỏi nhọc thí chủ, nếu có phép tắc đâu dám vội nói. Đàn-việt chẳng hỏi môn tăng chẳng nói. Dầu lầm lạc từ đây tỏ bày, chẳng quét sảnh đường liền trái chiếu pháp, chưa dứt rượu thịt, vội thỉnh Thánh hiền. Cho đến rước tượng, đón tôn, rất chẳng tránh tòa, quay gót chí kính. Sách Nho bảo là ở vị quá cao sẽ xu hướng, huống chi Tam bảo, Đại sư Kinh Khê nói: Hễ lập đạo tràng, trước phải trang nghiêm thành tịnh sau mới thỉnh tượng. Người đời nói cầu đạo diệt chướng, khi đặt đạo tràng khiến trẻ nít giỡn hớt, hoặc trần truồng bảo đem tượng đến, lấy tượng đi, thây thế thật đáng buồn. Lại nói: Tuy bày đạo tràng mà coi thường tôn tượng, lại gây thêm tội thì diệt chướng sẽ khó. Lại kinh nói: Phật diệt độ rồi cúng dường tôn tượng thì cũng như Phật còn tại thế không khác, vì sao người đời xem tượng đồng với gỗ đất, đón tiếp một cách vô lễ. Người lấy làm lạ hỏi vì sao không có phước báo nên nghĩ qua. Lại Đại sư Thạch Bích nói: Đoạn điện trai diên chẳng bằng lễ tích. Thành thật thay lời nói, ai chịu tạm nghe. Uổng phí tiền của mà thật không phước báo. Cho nên khiến thế gian người nghèo thì nhiều mà kẻ giàu thì ít là do đó. Nay xem người đàn-việt thường gần kẻ biết thưa hỏi Phật pháp, sâu xa phước tuệ

làm sao tu hành, bỏ hết kiêu căng cúi đầu rạp mình mà kính làm thầy, hễ lập chiếu pháp (pháp tòa) thì trước phải đúng phép tắc, trang hoàng giảng đường sạch sẽ, trai giới thân tâm, hương quý hoa đẹp các thức ăn ngon chuẩn bị cúng dâng, đón rước hết lòng, hầu hạ chúng tăng, chính thanh tưởng mười phương Tam bảo Thánh chúng đón vào nhà mình mà kính cẩn sợ sệt, như tớ thờ chủ lớn, như Bà-la-môn thờ lửa. Y theo pháp thức sợ chẳng được lòng thầy, chớ sợ cực nhọc mà mọi sự cúng dường đều được vừa ý. Việc này ngàn điều chẳng thể nói hết. Nay lược nêu năm việc có thể hành trì: Một là muốn lập bày pháp hội thì trong nhà lớn nhỏ đều phải đồng tâm dứt bỏ rượu thịt và ngũ vị tân. Thí chủ mỗi ngày theo tăng lễ Phật phát lồ sám hối; Hai là phải trai tăng, hầu hạ kỹ lưỡng, chẳng được ngồi trên tăng xưng là chủ nhân mặc tình cười nói; Ba là trước Phật cúng dường bồi dưỡng cho tăng. Phàm thánh đẳng tâm, sự sự tinh tế; Bốn là đem hết ra cúng thí Phật và tăng, không được bày dở xấu, giấu ngon tốt, mà đời đời bị quả báo chẳng vừa ý; Năm là đạo tràng chậm gấp chẳng được sai khiến tăng. Đây là ruộng phước lại làm tôi tớ thì đâu được. Tôi nói điều này người trí biết rõ. Có người ngu làm đàn-việt e khó vâng lời. Môn tăng ngu muội thấy có lời khuyên chúng, sợ là thô lậu mà chẳng làm theo. Tôi biết văn này sẽ bị đốt bỏ.

Nguyện mười phương Tam bảo và người trí thức hết sức giữ gìn.

- Hết -

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT NHƯ Ý LUÂN CHÚ KHÓA PHÁP

SỐ 1952

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1952

QUÁN TỰ TẠI BỒ-TÁT NHƯ Ý LUÂN CHÚ KHÓA PHÁP VÀ LỜI TỰA.

Tổ Trí Giả đời Tùy nói: Ma-ha Chỉ Quán y cứ vào bốn Tam-muội, trình bày các pháp kinh hành, người đọc tuy đông, nhưng người tu không có bao nhiêu. Vì sao? Vì người căn cạn, pháp vị mỏng. Theo sư nhọc nhằn ở danh tướng, thờ Phật biếng nhác ở giúp huân. Cho nên mười quán thành thừa, năm hối giúp đạo cẩn thận giữ gìn lời nói suông. Tôi thiết tha lúc rảnh rang giảng tập, mong cầu lợi ích khóa niệm. Nhân xem kinh tạng phát hiện Như Ý Luân Chú gồm bốn bản. Xem rõ văn thật từ một bản ra, nhưng dịch thì khác. Chương cú đã đơn giản, khuôn phép lại ước. Ngăn ác có thể hết ba chướng, giữ thiện có thể đủ hai nghiêm. Trước pháp sư Thiên Trúc húy là Tuân Thức thường xem kinh này, biệt yếu lợi vật rất thích bản dịch của Nghĩa Tịnh, lời chú rất dễ tụng bèn khắc bản ra tặng cho bốn chúng. Nhưng bản dịch lại quá lược, nói về pháp thức chỉ nói nhiếp tâm miệng tụng, đến sự nghi quán tưởng thì không hề chỉ rõ. Trong lúc thọ trì ý có thiếu, như nay vội nhặt lượm các văn mà giúp đỡ. Từ đầu đến cuối gồm bảy khoa: Một là pháp thức, hai là quán tưởng, ba là lễ tán, bốn là trì tụng, năm là sám nguyện, sáu là chứng nghiệm, bảy là giải thích nghi. Ở đây, đầu tiên nói theo kinh này khiến suối nguồn không bỏ riêng. Cho nên trước chế, quý chỗ nối theo nghiệp trước, biết tội ở tôi còn đợi phân tích.

1. Về pháp thức: Kinh chép: Nếu có người thiện nam, thiện nữ, Bí-sô, Bí-sô ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca. Người phát tâm mong cầu báo đời này, phải nhất tâm thọ trì chú này. Khi muốn thọ trì bất luận trời trăng, các sao, lành dữ đều khác, tu hành trai giới, cũng chẳng cần

tắm gội và mặc áo mới sạch, mà chỉ nhiếp tâm miệng tụng không lười biếng, thì trăm ngàn việc mong ước đều thành. Lại không biết thế lực của chú bằng với Như Ý Chu Vương này. Cho đến hằng ngày tụng một trăm lẻ tám biến, liền thấy Bồ-tát Quán Tự Tại, v.v... Bản dịch của Ngài Thật-xoa số ấy cũng đồng. Cho đến bảy ngày bảy đêm tiếp tục tụng trì. Bản dịch của ngài Chân-na nói rằng: Từ nửa khuya cho đến bình minh trì tụng một ngàn lẻ tám (1.008) biến, cho đến mỗi ngày nửa đêm tụng ba ngàn (3.000) biến. Bản dịch của ngài Lưu-Chí nói mỗi ngày vào canh năm tụng một ngàn tám mươi (1.080) biến. Lại nói sáu thời phân biệt một ngàn lẻ tám mươi (1.080) biến, nối nhau mãi chẳng thôi, mỗi chữ tụng đủ ba lạc-xoa (tiếng Phạm là lạc-xoa, Hán dịch cá số mười vạn). Lại nói: Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tụng một trăm lẻ tám biến. Như người nam tụng một trăm lẻ sáu biến, người nữ tụng một trăm lẻ ba biến, nếu bé trai thì tụng một trăm biến, nếu bé gái thì tụng chín mươi biến. Đây gọi là khóa pháp. Tất cả mọi sự tốt lành đều được thành tựu.

2. Thức nghi: tiếng Tây Phạm từ Thiên-trúc truyền sang khác với tiếng Hán dịch ra, cho nên ba Tạng sư tông vốn khác nhau, ở đây chỉ cho Thánh tài, khó thể lấy tình mà lường được. Nên chánh dùng bản dịch của ngài Nghĩa Tịnh. Xin dùng một trăm lẻ tám biến để làm chuẩn. Vì sao? Vì biểu thị phá một trăm lẻ tám phiền não và thành tựu một trăm lẻ tám Tam-muội. Lại, ngài Nghĩa Tịnh nói: Nếu thông một biến thì các việc như trên đều toại ý. Lại ngài Bảo Tư Duy dịch rằng: Khi thọ trì chẳng nên quá khổ nhọc, chỉ cần tụng chân thành. Theo lời này nếu chẳng đủ một trăm lẻ tám biến tùy số giảm ít thì cũng không có lỗi. Các bản nói thời gian tụng khác nhau, do người có ưa thích khác nhau. Nay bảo nếu y theo bảy ngày bảy đêm mà tụng thì phải sáu thời, mỗi thời có riêng một trăm lẻ tám biến. Như kinh Đại Bi trong hạn hai mươi mốt ngày, Thỉnh Quan Âm trong hạn bốn mươi chín ngày. Nếu y mỗi ngày từ canh năm đến sáng mà tụng thì đây là thường khóa, không ở trong số đó. Nếu nói chẳng phải thế thì làm sao đủ được ba lạc-xoa, há trong bảy ngàn mà có số lớn như thế (ba mươi ngàn (30.000)). Lại nếu chẳng kịp canh năm bình minh, thì cũng tự tùy ý, vì sau đêm là sáng, buổi sáng tâm người sảng khoái cho nên nói riêng: Bản dịch của ngài Nghĩa Tịnh do đó thích thời rất rộng. Xét bản dịch của ngài Lưu-Chí thì ngày đêm phải ở trong tịnh thất ngồi kiết già xoay mặt về phía Đông, tưởng Bồ-tát Quán Tự Tại hiện ở trước mắt mà tụng, niệm không tán loạn, đốt trầm hương vận tâm cúng dường cung kính lễ bái. Tùy tâm bày hương hoa cúng dường không dứt. Nên biết trước khi tụng chú phải ở trong

tịnh thất nhiếp tâm quán tưởng. Kế vào đạo tràng đảnh lễ cúng dường. Phải để hình tưởng quay về hướng Tây, cũng chẳng làm đàn, phải bày giường ngồi chia bậc, bậc trên để pháp bảo tức là Đà-la-ni, bên trái kinh để tượng Phật Thích-ca, bên phải để tượng Phật Di-đà, bậc giữa đặt tượng Quán Tự Tại, hai bên hoặc để hoa đèn. Bậc dưới bày đồ cúng. Nếu không bày biện như trên thì chỉ tùy thường thức đạo tràng, hoặc chỉ giữ lại tượng Bồ-tát tùy khả năng cúng dường. Tuy nói chẳng cần tắm gội mặc áo mới sạch, nêu trong bảy ngày riêng tu thì càng lợi ích. Bản dịch của ngài Giác Hỷ nói: Nếu muốn Thánh Quán Tự Tại hiện thân người nguyện, thì phải tắm gội sạch sẽ thoa hương thơm, mặc áo sạch. Kinh ấy nói rộng về cúng dường, triệu thỉnh, rước mời đều có thần chú. Các bản khác thì thiếu, nay cũng chẳng thực hành.

3. Quán tưởng: chúng sinh từ vô thỉ chỉ vì mê mờ tán loạn, chướng ở minh tịnh, cho nên trần lao bên ngoài sai khiến, đạo tuệ bên trong đen tối, tám khổ bức não chẳng dừng, tướng hai nghiêm tiều tụy không gì nắm giữ, do đó nhiều kiếp lạc loài trôi nổi, mà không tự tỉnh, ấy đầu do tâm gây ra. Bậc Thánh thương xót dùng lời sâu kín nói pháp mầu nhiệm, dạy khiến thọ trì. Trước vì vui ở thế gian, kế lại vì Như Lai tánh. Chăm chú như tò vò bắt sâu làm tổ, miệng tụng mà gia tâm quán tưởng thì cũng chẳng lâu. Bản dịch Lưu-Chí nói: Nếu chân thật thành tựu Thắng Pháp Đà-la-ni này thì ở tất cả chỗ nêu ăn hay chẳng ăn, nếu tịnh hay bất tịnh, nhất tâm quán tưởng Thánh Quán Tự Tại có tướng tốt tròn đầy như mặt trời mới mọc, ánh sáng chói lòa, rồi tụng chú Đà-la-ni này không có vọng niệm, luôn trì tụng không bỏ dở, không phạm một lỗi nhỏ, thì được Bồ-tát hiện thân sắc vàng, trừ chướng cấu thần lực che chở, tâm có mong cầu gì đều được đầy đủ. Bản dịch Chân Na nói: Khi tụng niệm phải nhớ nghĩ Bồ-tát Quán Thế Âm cầu làm chỗ nương cậy. Cho nên tâm niệm tương ưng, tụng niệm song vận (tụng và tưởng việc cùng làm) mà thọ trì hết mức. Nhưng tâm mới đầu còn tán loạn khó nhiếp. Cho nên ở trong tịnh thất ngồi kiết già, trước quán tưởng bậc Thánh. Văn kinh đã tóm lược nay giúp hiển sáng. Vả lại, Bồ-tát vốn đã chứng Diệu giác (thành Phật) hiệu là Chánh Pháp Minh, tích ở Bổ xứ hiệu là Quán Tự Tại. Tích Bản tuy khác nhưng đều tùy thể chân như mà khởi dụng ứng hóa. Thể ấy như gương, dụng ấy như hình ảnh. Cho nên chân chẳng tự ứng, mà ứng là do cơ. Cũng như gương chẳng ở hình ảnh, hình ảnh là do thân. Lại cơ có hơn kém, ứng có lớn nhỏ. Ứng lớn thì thân cao tám mươi muôn ức na-do-tha do-tuần. Ứng nhỏ thì ở tất cả chỗ thân đều đồng với chúng sinh ở đó, (ứng lớn) như ở Cực Lạc, còn ứng nhỏ

thì đi khắp các cõi uế. Mà kinh nói Bồ-tát ấy ở núi Bổ-đát-la, tức là chỉ chỗ tới lui ở cõi này. Nay thì lập tâm tu quán, tâm tường kém yếu phải quán ứng nhỏ. Tướng nó như thế nào? Theo bản dịch của Lưu-Chi nói vẽ tượng Quán Tự Tại, nay vẽ hoa sen nở bày ba mươi hai cánh, ở trên hoa đài vẽ Bồ-tát Như Ý Luân Thánh Quán Tự Tại ngồi kiết già quay mặt về hướng Tây, nhan sắc vui vẻ thân tướng sắc vàng, đầu đội mão báu, có hóa Phật. Tay trái Bồ-tát cầm hoa sen nở. Trên đài ấy vẽ bảo châu Như ý, tay phải làm tướng nói pháp y phục trời đẹp đẽ, đeo vòng ngọc châu bảy báu anh lạc các thứ trang nghiêm, thân phát ra ánh sáng. Người tu nương theo Thánh tướng này hệ niệm quán sát. Phải biết tướng này từ tâm tưởng sinh. Như hoa đốm vốn không thật có. Tướng này và tâm vốn là Thể diệu tịnh minh của Quán Âm. Không hoa tức là giả, vốn không tức không, diệu thể tức trung, ba đế viên dung, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng thể nghĩ bàn. Không phải chỉ có tướng Thánh như thế, hay cũng nói pháp đều như thế. Bởi chúng sinh tánh đủ các pháp, cho nên tùy duyên mà phát sinh. Bồ-tát tu chứng các pháp, cho nên có khả năng Phổ môn thị hiện. Các pháp tuy khác, hư không là đồng. Nếu chỉ khác chẳng phải đồng thì mất lý cảm ứng. Nếu chỉ đồng chẳng phải khác thì mất sự cảm ứng. Mất lý thì như băng lạnh và than nóng chẳng thể hợp. Mất ở sự thì như tiếng vang trong hang sâu chẳng thể gọi mời. Sự lý đã đủ thì cảm ứng liền thành. Lại phải biết pháp ba đế tức là Minh chú nghĩa nói ra (nghĩa Minh quán nói ra), nên Nghĩa Tịnh dịch là Đà-la-ni Vô Chướng Ngại Quán Tự Tại Liên Hoa Như Ý Bảo Luân Vương. Nói Vô Chướng Ngại tức là Bồ-tát đủ trí ba đế, không ngại ba hoặc. Quán Tự Tại nhờ dùng trí này quán chúng sinh mà được tự tại. Đây là vì người hay nói khiến chú được nói như thế. Liên Hoa là sinh mà có thật, dụ cho đức pháp thân xưa nay đầy đủ. Như ý là châu. Kinh nói: Mưa châu báu đẹp cũng như cây Như ý. Bảo châu như ý, dụ cho đức giải thoát, năng sinh ra các pháp. Bảo luân là có năng lực phá dẹp, dụ cho Đức Bát-nhã có công năng phá các pháp. Lại hoa sen mọc từ nước mà lìa nhiễm, thanh tịnh, dụ cho Bát-nhã. Nhụy hoa sen thơm ngát dụ cho chân giải thoát. Thể hoa vốn tròn dụ cho pháp thân, sắc hoa tươi đẹp dụ cho Bát-nhã. Luân thể là báu như pháp thân, dụng nó quay tròn như giải thoát. Vì ba thứ này đều có ba nghĩa, dụ cho ba đức. Nêu một đủ ba, nói ba tức một. Do nói nghĩa này mà gồm nhiếp các pháp vượt hơn tất cả, nên gọi là Vương (vua). Ngăn điều ác ở chín cõi, khéo giữ giới Phật, nên gọi là Đà-la-ni lại dịch là Thần chú Bí Mật Tạng. Nếu chẳng phải pháp ba đức ba đế làm sao được tên gọi này. Bồ-tát tự

hành chỉ ở không trung, hóa tha từ giả phó vật chúng sinh ở giả thọ quá, hóa rốt cũng chỉ không trung. Cho nên Luận Khởi Tín chép: Nếu lìa nghiệp thức thì không thấy tướng, vì pháp thân Chư Phật không thật có, sắc tướng kia đây lần lượt thấy nhau. Lược phân biệt như thế, nếu muốn biết rõ hành tướng thì phải tìm Ngọc Tuyền Chỉ Quán.

4. Lễ tán:

- Tất cả cung kính nhất tâm đảnh lễ mười phương thường trụ ba quán, lễ xong quì cầm lò đốt hương (cầm ba cây hương nói): nay con đúng pháp nghiêm dâng hoa hương cúng dường Chư Phật, Thế tôn trong mười phương vô biên pháp giới, mười hai bộ kinh, ba thừa Thánh chúng (dâng hương hoa tưởng khắp rồi nói) cúng dường đã xong, tất cả cung kính (đứng dậy lễ một lạy rồi khen rằng):

Trong Như Lai tạng
Có chân pháp bảo
Tùy tánh chúng sinh
Cảm thì liền thông
Đại bi đại sĩ
Thánh Quán Tự Tại
Nói ra minh chú
Tên Như Ý Luân
Khiến cho dứt trừ
Vô lượng khổ ách
Cũng thành tựu được
Tất cả mong cầu
Cho nên Thích-ca
Hết lời khen ngợi
Các Đà-la-ni
Đều là vô vi.

- Nhất tâm đảnh lễ Thế Tôn Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni.
- Nhất tâm đảnh lễ Thế Tôn A-di-đà ở thế giới Cực Lạc.
- Nhất tâm đảnh lễ Đà-la-ni Vô Chướng Ngại Tự Tại Liên Hoa Như Ý Bảo Luân vương.
- Nhất tâm đảnh lễ pháp giới mười phương, mười hai bộ kinh.
- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Quán Tự Tại.
- Nhất tâm đảnh lễ Đại Bồ-tát Đại Thế Chí.
- Nhất tâm đảnh lễ Viên Mãn Ý Nguyện Minh Vương các Đại Bồ-tát.
- Nhất tâm đảnh lễ ba thừa Thánh chúng khắp pháp giới mười

phương.

5. Trì tụng:

Kinh nói: Bồ-tát Quán Tự Tại bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn, nay con có Minh Chú Đại Đà-la-ni, gọi là Vô Chướng Ngại Quán Tự Tại Liên Hoa Như Ý Bảo Luân Vương ít có bậc nhất, đối với tất cả sự mong cầu tùy tâm lợi ích đều được thành tựu. Thế Tôn Đại Từ nghe con nói: Con sẽ nương oai lực Phật thí cho chúng sinh, cho đến Thế tôn khen ngợi Bồ-tát rằng: Đúng thế đúng thế! Các ông hãy thương xót các loài hữu tình, ta sẽ che chở cho ông. Bồ-tát đã được Phật hứa dùng bi nguyện bảo bọc, liền ở trước Phật mà nói chú rằng:

Nam mô Phật-đà-da, Nam mô Đạt-mạ-da, Nam mô Quán Tự Tại Bồ-tát Ma-ha-tát Cụ Đại Bi Tâm Giả. Đát-điệt-tha. Án, Chước-yết-la (ra) phạt-để, Chấn-đa-mạt-ni Mạc Ha bát chứng mê rô rô rô rô (?) để-sắt-sả (?) A (?) lợi (rị) Sa-dã (?) Phát-sa-ha. Án Bát (?) (?) Chấn-đa Mạt-ni (?) (?) Hồng. Án, Bạt (?) Đà-bát-đàn Mế hồng.

Bấy giờ, Bồ-tát Quán Tự Tại nói Đà-la-ni rồi, mặt đất rung chuyển sáu cách, trời rồng, Dược-xoa, Càn-thát-bà có các cung điện đều xoay quanh mê hoặc, chỗ nương nhờ bị tất cả ác ma làm chướng ngại, tự thấy cung điện mình đều bốc cháy, đều sợ hãi. Cho đến các chúng sinh chịu khổ địa ngục đều thoát khổ mà sinh lên cõi trời.

6. Sám nguyện:

Khắp vì bốn ân ba hữu chúng sinh trong pháp giới, đều nguyện dứt trừ ba chướng quy mạng sám hối, dốc lòng quý mạng mười phương Thường Trụ Tam bảo, Phật Thích-ca Mâu-ni, Phật A-di-đà, Thánh Quán Tự Tại đầy đủ đại bi, nguyện thương xót chứng minh. Con vì tất cả chúng sinh trong pháp giới từ vô thỉ tâm tánh như báu Ma-ni, tự thể thanh tịnh, thần dụng vốn như thế. Vì các Như Lai đồng một Bí tạng. Vì vọng tưởng xáo động mà huyễn có luân hồi, ở trong sinh tử chịu các nóng bức. Đó là do quá khứ, hiện tại gây ra các nghiệp bốn tội trọng, năm tội nghịch, mười điều ác phải đọa vào ngục A-tỳ. Vì nghiệp ác nên hiện đời bị tất cả bệnh tật tai ách trói buộc. Rộng như kinh nói các nhân duyên ác. Nay vâng lời dạy của Đại Bi Thánh Quán Tự Tại con tụng trì Như Ý Bảo Luân khiến diệt trừ các tội chướng như thế trăm ngàn sự ước nguyện đều thành. Cúi mong Bồ-tát nhận con sám hối, theo chỗ mong cầu của con mà cho ma-ni, mưa các châu báu thế và xuất thế, các phước nghiệp tư lương đều tùy tâm được đầy đủ. Cho đến chết rồi chẳng đi vào bào thai, hoa sen hóa sinh ở thế giới Cực Lạc, thấy Phật A-di-đà, Bồ-tát Quán Tự Tại sắc thân chân thật, nghe Pháp Âm mầu, chứng tánh viên

thông. Sau sẽ Phổ môn thị hiện lợi ích hữu tình, hết các trần lao, đồng thành chủng trí.

Nam-mô mười phương Phật

Nam-mô mười phương Pháp

Nam-mô mười phương Tăng

Nam-mô Phật Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni

Nam-mô Phật A-di-đà

Nam-mô Đà-la-ni Như Ý Luân

Nam-mô Bồ-tát Quan Thế Âm

Nam-mô Bồ-tát Đại Thế Chí

Nam mô Viên Mãn Nguyện tất cả Đại Bồ-tát (hoặc ba biến hoặc bảy biến).

- Hết –

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

Ý NGHĨA CỦA TÂM BỒ ĐỀ

SỐ 1953

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1953

Ý NGHĨA CỦA TÂM BỒ-ĐỀ

Tâm Bồ-đề là gốc thành Phật, là tướng để phát khởi, có nói đầy đủ trong các kinh. Đại sự nhân duyên chẳng gì hơn việc này. Muốn chánh tu giác, chẳng thể không biết. Tùy chỗ thấy nghe, nói lược về tướng này.

Ý nghĩa của tâm Bồ-đề chia ra năm môn:

I. GIẢI THÍCH Ý NGHĨA TÊN GỌI.
II. BIẾT THỂ TÁNH.
III. NÓI VỀ MỘT KHÁC.
IV. NÓI VỀ TƯỚNG TRẠNG.
V. NÓI VỀ HẠNH NGUYỆN.

I. GIẢI THÍCH Ý NGHĨA TÊN GỌI:

Tiếng Phạm là Bồ-đề, Hán dịch là Giác. Chúng sinh mê lầm gọi là bất giác, nay gặp bạn lành, khai mở vô minh, tâm tỉnh ngộ trừ mê lấp, cầu giác ngộ gọi là tâm Bồ-đề. Tâm khởi cầu Bồ-đề gọi là tâm Bồ-đề, thuộc về Y chủ thích.

Nếu ngộ gọi là giác, mê là bất giác. Ví như người mê, nương theo phương hướng nên mê là chúng sinh, nương giác nên mê, nếu lìa giác thì không có bất giác, vẫn là nói theo đây. Bồ-đề và tâm không được là hai. Bồ-đề và tâm là Tương vi thích.

II. GIẢI THÍCH THỂ TÁNH

Như nghĩa đã nói.

III. NÓI VỀ MỘT KHÁC

Tâm và Bồ-đề tánh không hai. Do không hai, nên chẳng thể phân biệt. Đây là môn lý thể không khác nhau. Nên kinh Hoa Nghiêm nói rằng: Như tâm, Phật cũng vậy, chúng sinh cũng như Phật. Tâm Phật và chúng sinh, ba pháp không khác nhau.

Kinh Hư Không Tạng, quyển tư cũng nói: Thế Tôn thường giảng nói pháp vô tận, hữu tình và hư không, tâm Bồ-đề, Phật pháp. Nếu theo đó tiến tu khởi hạnh nguyện môn, tức là phát khởi vọng tâm cầu Bồ-đề nên gọi là tâm Bồ-đề.

Nên luận Khởi Tín chép: làm sao huân tập? khởi tịnh pháp không dứt, nghĩa là vì có pháp chân như, huân tập vô minh. Vì năng lực huân tập nhân duyên nên khiến vọng tâm nhàm chán sinh tử, cầu vui Niết-bàn. Do vọng tâm có nhân duyên chán cầu, tức là huân tập chân như.

Tự tin tánh mình, biết tâm vọng động không cảnh giới trước, tu pháp xa lìa. Vì như thật biết không cảnh giới trước tu pháp xa lìa, dùng như thật biết không cảnh giới trước, các thứ phương tiện, khởi hạnh thuận theo, không chấp không nhớ, cho đến có năng lực huân tập lâu xa thì vô minh sẽ diệt. Vì vô minh diệt nên tâm không khởi, tâm không khởi nên cảnh giới diệt theo. Vì nhân duyên diệt, nên tướng tâm dứt hết, gọi là được Niết-bàn, thành nghiệp tự nhiên v.v... Đây là bỏ vọng thành chân.

Phát khởi vọng tâm, cầu khởi chân giác, tức chân vọng khác nhau, mà thật lìa chân không có vọng, thể của vọng tức chân, vì bất giác tức bổn giác, thì chẳng phải khác.

IV. NÓI VỀ TƯỚNG TRẠNG

Tướng trạng Bồ-đề có hai: Nói về tướng hạnh vị và biện tướng công dụng.

A. Tướng hạnh vị là:

1. Tam Tạng Trường Nhĩ nói: Ban đầu Tập chủng tánh, phát tâm có ba thứ: Phát giả tưởng, phát khinh tưởng và phát tín tưởng

a. Phát giả tưởng. Do ba thứ năng lực:

- Năng lực bạn lành: Thiện tri thức.
- Năng lực hành trì: Thọ luật nghi.
- Năng lực của pháp: Có hai nhân chung và riêng, chung là tánh nội huân của Như Lai tàng, riêng là năm căn: như Tín, v.v...

Do ba năng lực này, giả khởi tưởng cầu Bồ-đề.

b. Phát khinh tưởng:

Lần lượt tu tập tự lợi, lợi tha, ví như sợi lông nhẹ, không chỗ nương tựa, gọi là phát khinh tưởng.

c. Phát tín tưởng:

Sau tu dần dần, lóng sạch tín tâm, được vào Thập Trụ, gọi là phát Tín tưởng.

2. Luận Khởi Tín chép: Phát tâm có ba: Tín thành tựu phát tâm, giải thoát phát tâm và chứng phát tâm.

a. Tín thành tựu phát tâm:

Chúng sinh bất định tụ, có huân tập năng lực gốc lành, tin nghiệp quả báo, sinh khởi mười điều lành, chán khổ sinh tử, muốn cầu vô thượng Bồ-đề, cho đến nói: Trải qua muôn kiếp, thành tựu tín tâm, Chư Phật, Bồ-tát dạy khiến cho phát tâm, hoặc do đại bi làm cho tự phát tâm, hoặc pháp chân chánh sắp diệt, vì nhân duyên hộ pháp có thể tự phát tâm, được vào Thập Trụ. Đây là đồng với Tín tưởng phát tâm ở trước.

Kinh bổn nghiệp chép: Bồ-tát Tín Tưởng này, trong mười ngàn kiếp, thực hành mười giới pháp, sẽ vào tâm Thập Tín, vào địa vị Sơ Trụ, tức là Phát Tâm trụ.

Kinh Nhân Vương chép: Tập chủng tánh có mười Tín, đã vượt tất cả thiện địa của Nhị thừa.

Luận Khởi Tín lại nói: Phát các thứ tâm nào?

Nói lược có ba:

- Trực tâm: Chánh nhớ nghĩ pháp chân như.
- Thâm tâm: Ưa chứa nhóm tất cả hạnh lành.
- Tâm Đại bi: Muốn nhổ tất cả gốc khổ của chúng sinh.

Cho đến nói: Bồ-tát phát tâm này, sẽ được thấy chút phần pháp thân. Do thấy pháp thân, theo năng lực nguyện kia, làm hiện tám thứ lợi ích chúng sinh...

b. Giải hạnh phát tâm.

Nên biết càng cao siêu hơn, Vì Bồ-tát này từ chánh tín đến nay gần trọn A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất, đối với pháp chân như, hiểu sâu hiện tiền, chỗ tu lìa tướng, v.v...

c. Chứng phát tâm.

Từ tịnh tâm Địa cho đến Bồ-tát Cứu Cánh Địa, chứng cảnh giới nào, gọi là chân như, cho đến nói rằng: Lại tướng phát tâm của Bồ-tát này, có ba tướng sâu kín.

- Chân tâm: Không phân biệt tên gọi.
- Phương tiện tâm: Tự nhiên đi khắp vì lợi ích chúng sinh.
- Nghiệp thức tâm: Sinh diệt nhỏ nhiệm.

B. Nói về tướng công dụng:

Kinh Duy-ma chép: Người muốn được thân Phật, dứt tất cả bệnh của chúng sinh, nên phát tâm A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề.

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm 78 chép: Tâm Bồ-đề giống như hạt giống vì sinh ra tất cả các Phật pháp. Tâm Bồ-đề giống như thửa ruộng tốt vì làm lớn pháp bạch tịnh của chúng sinh. Tâm Bồ-đề giống như mặt đất vì giữ gìn tất cả thế gian. Tâm Bồ-đề giống như nước sạch, vì rửa được tất cả phiền não dơ bẩn. Tâm Bồ-đề giống như gió lớn vì thổi khắp thế gian không chướng ngại. Tâm Bồ-đề giống như lửa mạnh vì thiêu đốt tất cả củi kiến chấp. Tâm Bồ-đề giống như mặt trời thanh tịnh, vì chiếu khắp tất cả thế gian. Tâm Bồ-đề giống như trăng tròn vì các pháp bạch tịnh đều tròn đầy. Tâm Bồ-đề giống như đèn sáng vì đèn phát ra các thứ ánh sáng trong sạch. Tâm Bồ-đề giống như mắt trong vì thấy hết tất cả chỗ an nguy. Tâm Bồ-đề giống như đường lớn vì khiến khắp được vào thành đại trí. Tâm Bồ-đề giống như chánh tế, khiến kia được lìa các tà pháp. Cho đến nói: này người thiện nam! Nếu có người phát tâm A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề, thì đã phát sinh vô lượng công đức, có công năng gồm thâu, giữ gìn tất cả trí đạo. Người thiện nam! Ví như có người được thuốc vô úy, lìa năm thứ lo sợ, năm thứ gồm: Lửa không thể cháy, độc không thể trúng, dao không làm thương tổn, nước không thể trôi, khói không thể hun xông. Đại Bồ-tát cũng giống như thế, được thuốc tâm Bồ-đề nhất thiết trí, tâm giải thoát: lửa tham không thiêu, độc sân không trúng, dao mê lầm không thương tổn, vào nước "hữu" không trôi, các mây mù giác quán không xông hại được.

Này người thiện nam! Ví như có người được thuốc giải thoát, không bao giờ gặp nạn bất ngờ. Đại Bồ-tát cũng giống như thế, được thuốc tâm Bồ-đề, trí giải thoát, lìa hẳn tất cả tai nạn sinh tử bất ngờ.

Này người thiện nam, thí như có người cầm thuốc ma-ha-ứng-già, trùng độc nghe hơi liền tránh xa, Đại Bồ-tát cũng giống như thế, cầm thuốc Ma-ha-ứng-già tâm Bồ-đề, các thứ trùng độc, tất cả phiền não, nghe hơi thảy đều lánh xa.

V. NÓI VỀ HẠNH NGUYỆN

Kinh Hiển Dương chép: Người thế tục phát tâm, đối trước người trí, phát nguyện rộng lớn. Cho đến nói: Con từ ngày nay, phát tâm vô thượng Bồ-đề, vì muốn làm lợi ích tất cả loài hữu tình. Từ nay về sau, hễ con tu sáu Ba-la-mật, đều vì chứng được vô thượng Bồ-đề. Nay con cùng các vị Bồ-tát lớn, hòa hợp xuất gia, nguyện Ngài chứng biết con

là Bồ-tát.

Tỳ-lô-giá-na Sớ chép rằng: Phát tâm Bồ-đề là sinh thệ nguyện vững chắc. Một lòng cầu trí nhất thiết trí, sẽ rộng độ chúng sinh trong khắp pháp giới. Tâm này giống như cờ xí, dẫn đầu các hạnh, giống như hạt giống, là gốc của muôn đức. Nếu không phát tâm này, cũng như chưa gá vào ca-la-la thì thai tạng đại bi làm sao được nuôi lớn? Lại nói, mặt trời dụ tâm Bồ-đề vốn thanh tịnh, tức tự thể Ty-lô-giá-na. Mặt trăng dụ cho hạnh Bồ-đề, mười lăm ngày sáng trăng, các hạnh tròn đầy, dụ cho thành Bồ-đề, mười lăm ngày tối trăng, các hạnh đều dừng, dụ cho Bát Niết-bàn. trong khoảng thời gian lên, xuống, dụ cho các phương tiện khéo léo.

Kinh phát tâm Bồ-đề chép: Nếu Bồ-tát gần gũi thiện tri thức, cúng dường Chư Phật, tu tập gốc lành, chí cầu pháp thắng diệu, tâm thường mầm mỏng, gặp khổ năng nhẫn, từ bi thuần hậu, thâm tâm bình đẳng, ưa thích Đại thừa, cầu trí tuệ Phật. Nếu người có đầy đủ mười phương tiện như thế, thì sẽ phát tâm vô thượng Bồ-đề. Lại có bốn duyên hay phát tâm này: Tư duy Chư Phật, quán lỗi lầm hoạn nạn của thân, thương xót chúng sinh va cầu quả tối thắng.

1. Tư duy chư Phật. Chư Phật ba đời lúc mới phát tâm, có tánh phiền não, cũng như chúng ta ngày nay, Phát trí tuệ rộng lớn sáng suốt, bỏ vỏ vô minh, lập ra thắng tâm, chứa nhóm khổ hạnh, qua biển sinh tử, bỏ thân mạng tài sản, cầu nhất thiết trí, nay đều thành tựu. Nếu Bồ-đề này là pháp đáng được, ta cũng nên được, vì thế phát tâm Bồ-đề.

2. Quán lỗi lầm của thân.

Tự quán thân ta, chín lỗ thường chảy ra chất bất tịnh, xú uế, nên sinh tâm nhàm chán xa lìa.

Lại quán bốn đại, năm ấm, đều tạo ra vô lượng nghiệp ác, đầy đủ tham, sân, si, vô lượng phiền não, như bóng như bọt, niệm niệm vô thường, cầu xả bỏ nên phát tâm Bồ-đề.

3. Thương xót chúng sinh.

Thấy các chúng sinh, vô minh trói buộc, các khổ buộc ràng, chứa nhóm nghiệp bất thiện, chịu khổ dữ dội, xa lìa chánh pháp, tin nhận tà đạo, chìm trong sông phiền não, không cầu giải thoát, lại gây ra các điều ác, nên thương xót họ mà phát tâm Bồ-đề.

4. Cầu quả tối thắng.

Thấy các Như Lai, tướng tốt trang nghiêm, có giới, định, tuệ, tri kiến thanh tịnh, mười lực vô úy, ba niệm đại bi, đầy đủ nhất thiết trí, thương xót chúng sinh, thường trụ pháp thân, thanh tịnh vô nhiễm, nên

vì tu tập mà phát tâm Bồ-đề. Lại nói: Người phát tâm Bồ-đề, trước nên kiên cố phát chánh nguyện, là bốn nguyện rộng lớn v.v..., lập chí vững chắc, lập lời thệ quan trọng, thường tu chánh hạnh như sáu Ba-la-mật v.v... Nên trong kinh Phật Sát này nói Hư Không Vương lập thệ rằng: Đối trước đại chúng, ta phát tâm Bồ-đề, thệ độ các chúng sinh, đều lìa khỏi các khổ. Nguyện từ nay về sau, nếu ta có tâm nhiễm ô, sân nhuế ganh ghét và ngã mạn, tham ái là đối gạt Chư Phật mười phương và hiện tại. Cho đến nói: Do lời thành thật này, mặt đất rung chuyển sáu cách, nếu ta không có lời thật, bốn đại dời đổi lẫn nhau, v.v...

Lại kinh phát Bồ-đề Tâm chép: Lập thệ quyết định, nên giữ gìn năm việc:

- Làm cho tâm kia vững chắc.
- Chế phục được phiền não.
- Ngăn chận được buông lung.
- Phá được năm cái.
- Siêng tu sáu hạnh Ba-la-mật, v.v...

Nếu đầy đủ thệ nguyện như thế, bền chắc mạnh mẽ tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, từ bi, hỷ xả, không lui sụt, thì gọi là chân phát tâm Bồ-đề. Kinh Duy-Ma nói: Phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tức là xuất gia, tức là Tỳ-kheo.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

BIA NÓI VỀ CĂN BẢN PHẬT PHÁP

SỐ 1954

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1954

BIA NÓI VỀ CĂN BẢN PHẬT PHÁP

Đại Mạn-Noa-la

A-Xà-Lê Tam tạng Trí Tuệ ở chùa Đại Hưng Thiện soạn.

Căn bản Phật học là Bạc-già-phạm-đại-Tỳ-lô-giá-na, là chỗ nương của Chư Phật.

Pháp căn bản là chân ngôn Đà-la-ni, là chỗ nương của các pháp.

Tất cả Thánh hiền viên mãn quả Như Lai, pháp giới mười phương, hải hội như bụi cát đều nương theo pháp thân mầu nhiệm Tỳ-lô-giá-na, hiện thân tự tha thọ dụng và thân biến hóa. Giáo lý được giảng nói đều tùy theo căn tánh, có ba tạng Đại Tiểu, mỗi thừa chứng giới, định, tuệ và pháp uẩn, xứ, giới, duyên, Thánh đế, thực... (năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, mười hai nhân duyên, bốn Thánh đế) Nghĩa là Tố-đát-lãm-tỉ-thích-già, Hán dịch là Khế kinh tạng. Vi-nại-da-tỉ-thích-già, Hán dịch là Điều phục tạng, A-tỳ-đạt-ma-tỷ-thích-già, Hán dịch là Đối Pháp tạng, tức là tạng khế kinh, luật, luận nên gọi là ba tạng.

Môn chân ngôn Đà-la-ni, một chữ đều nhiếp tất cả giáo lý hạnh quả của Tam tạng. Nếu hiểu một môn Đà-la-ni tức ba tạng Đà-la-ni Hán dịch tổng trì, là giữ tất cả các pháp ác không cho sinh, giữ tất cả pháp lành không để dứt, trừ dẹp tất cả pháp tạp nhiễm, chứng được pháp giới thanh tịnh..., truyền bá giáo pháp.

Nói Tổng tạng trì là đối với nghĩa một chữ, ngộ vô lượng trăm ngàn diệu nghĩa sâu xa, tu hành nói pháp nghịch thuận tự tại. Nói Tam-ma-địa tổng trì là do Đà-la-ni này, Tam-ma-địa hiện tiền ngộ vô lượng trăm ngàn môn Tam-ma-địa. Cho nên, Bồ-tát thường thị hiện thọ sinh trong sáu đường, không bị phiền não, tùy phiền não phá hỏng, chứng đại thần thông, thành tựu lợi lạc vô biên hữu tình.

Nói Văn tự tổng trì là do Đà-la-ni này, thành tựu trong một chữ, chỗ nghe, chỗ tụng vô lượng, kinh điển không bao giờ quên mất.

Nên biết, Đà-la-ni giữ gìn công đức Phật pháp của ba thân: Pháp tánh, pháp trụ, pháp giới; giũ gìn tất cả các pháp, các đức Như Lai ba đời đều y theo môn này mà thành Chánh giác. Nếu người thích tu hành, nên từ Du-già, a-xà-lê phát tâm vô thượng đại Bồ-đề, thọ giới Tam-ma-da, vào Đại-mạn-noa-la được quán đảnh, rồi mới truyền trao tu hành, nhận năm trí quán đảnh Đại Tỳ-lô-giá-na của tất cả Như Lai, nối tiếp địa vị A-xà-lê mói được truyền dạy.

Quán đảnh là nghĩa vâng mệnh nhận địa vị, nhận danh hiệu trí thể Kim cương của Phật, từ đây về sau, nhận được pháp không thể nghĩ bàn rộng lốn, sâu xa, vượt qua người nhị thừa, gọi là đại Kim cương tát-đỏa.

A-xà-lê là nối tiếp Phật, truyền pháp, hành việc Như Lai. Tu giới luật là Phật thân mật, trì chân ngôn là Phật ngữ mật, nương chánh trí là Phật tâm mật, thực hành độ môn ba mật cho hữu tình, thành quả vị ba thân vô thượng, chỉ dạy chỗ quay về.

Cúi đầu đảnh lễ Thế Tôn đại từ bi giảng nói pháp môn vô giáo, ấy là ứng khắp thân mọi loài, đại khái tám mươi bốn ngàn nhiếp chung trong ba tạng này. Người chưa vào chánh pháp, khiến vào chánh pháp, nên nói tu-đa-la tạng. Người vào chánh pháp khiến thọ trì chỗ học, nên nói Vi-nại-da-tạng, người đã thọ trì chỗ học, khiến thông đạt tánh tướng chân thật của các pháp nên nói A-tỳ-đạt-ma tạng. Đã theo căn tánh, nên có ba tạng Đại, Tiểu thừa, mỗi thừa đều nói ba học: Giới, định, tuệ. Nương kinh tin hiểu, tu hành tương ưng, chứng thành quả kia. Tiểu tức là bốn quả, ba giác. Đại tức là Địa tiền Thập địa, đều là Phật nói, hoặc chỉ cho Phật tâm. Lại có ba tạng tối thượng thừa, cũng gọi là Phật thừa. Khai mở tròn đầy quán đảnh vượt lên Đẳng giác, Diệu giác.

Tương ưng ba mật bốn ấn, mau chứng quả Phật ba thân. Chỉ quy chép:

Một thừa, ba tạng.
Cội nguồn cội Phật pháp.
Đại giác chỉ bày.
Quán đảnh truyền nhau.
Vào được giác ngộ.
Ba nghiệp sạch bền.
Thọ các giới Phật.
Tu thiền Như Lai.

Chân ngôn tuệ giải.
Tri kiến vô biên.
Rõ ràng sáng tỏ.
Châu tròn trằng đầy.
Rộng khắp vô tận.
Lợi lạc tùy duyên.

Giáo này có mười muôn ngã tha quán đảnh truyền thọ, cho đến ba mật của tất cả Như Lai, nội chứng đồng thể gia trì, mỗi mỗi tu hành, từ thầy truyền trao, phát nhất tâm là tâm Chư Phật, tu nhất hạnh là hạnh Chư Phật, ngộ nhất pháp, tổng trì các pháp xong, các pháp cùng nương một lần giảng nói, một chữ sinh vô lượng chữ, nhập vào một chữ. Thể của chữ vốn không, thật tánh vô cùng, giữ gìn cõi hữu tình, nơi ở chân thật của Phật pháp, hội thánh vô biên, lớp lớp lẫn nhau, hoặc thu hoặc dạy, châu tròn trong suốt, tâm cảnh chiếu sáng, quả Bồ-đề đầy đủ, thành việc vô trụ, chân thường không dứt.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

HIỂN MẬT VIÊN THÔNG THÀNH PHẬT TÂM YẾU TẬP

SỐ 1955
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1955

LỜI TỰA
HIỂN MẬT VIÊN THÔNG THÀNH PHẬT TÂM YẾU TẬP

Xưa, Đức Như Lai là bậc tôn quý xuất thế trong đời, đem đạo pháp giáo hoá mọi người; mở rộng pháp Đại thừa, dắt dẫn quần mê, mở bày muôn pháp, phương pháp tuy nhiều, tuỳ lúc mà nói, nhưng mục đích vẫn là làm thế nào để vào được biển tròn đầy, cho nên chỗ trở về chỉ là Nhất thừa (Phật thừa). Song, Hiển Giáo Mật tông đều gồm thâu cả tánh tướng. Nghĩa lý Hiển giáo chia làm năm thời, tóm lại gọi là Tô-đát-làm (kinh). Mật bộ bao gồm ba tạng, gọi riêng là Đà-Ra-Ni (thần chú). Người học Hiển giáo cho là: không Hữu, Thiền luật trái nhau, mà không xét tận đến viên lý rốt ráo, còn người học Mật bộ, lấy đàn, Ấn chữ, Tiếng làm phép tắc, nhưng chưa biết chỗ thần tông sâu kín, vội cho Hiển giáo Mật tông mâu thuẫn nhau, Tánh tông tướng tông lỗ tròn cán vuông khó ăn khớp nhau, vì thế sinh tâm chống trái, chê bai, huỷ báng. Tóm lại chỉ chấp nghiêng một khía cạnh nào đó, mờ mịt tánh viên thông. Nếu không phải là bậc chí trí, làm sao dung hội được các đầu mối khác nhau, sự nghiệp có thành tựu, người mới mở mang được đạo. Nay vì pháp sư Hiển Mật viên Thông, trong thời bấy giờ, người đời suy tôn Ngài là bậc anh ngộ, thiên tính của ngài quá thông minh. Khi còn nhỏ tuổi. Ngài lễ lạy các bậc danh sư cầu học. Trải qua mười lăm năm học hỏi rất tinh tường, nào là tham thiền hỏi đạo, học rộng nghe nhiều, về mặt nội điển Ngài tinh thông các tông trong năm giáo. Về ngoại điển, Ngài thấu suốt các vấn đề sâu kín của trăm họ, ái ố không xen lẫn, lợi danh chẳng màng đến. Đã thế Ngài còn nhàm chán chốn đô thành, lánh

mình nơi hang núi.

Trải qua năm, tháng khổ hạnh tận tụy đem hết chí lục nghiên cùng chỗ thâm huyền của Đại tạng, thâu nắm các yếu lý tinh ba thuộc lòng trong tâm ý. Giải phẩu tất cả nghĩa lý rất rõ ràng như chỉ tay trong lòng bàn tay. Ngài xem khắp giáo lý Đại Tiểu thừa không ngoài hai đường: Hiển và mật, cũng cùng một mục đích là chứng Thánh vị, nhập vào được Diệu đạo chân như.

Xét văn thể thì có khác, nhưng đó cũng chỉ là sự vuông tròn hơn kém của mâm bát, còn chỗ trở về chánh lý thì đồng nhau. Như các đồ đạc để trong nhà đều gồm thâu cả không hữu. Thế mà người học lại vọng sinh khác nhau, mờ mịt không biết chỗ dung thông. Do đó thâu góp thành tập sách tâm yếu này, văn thành một quyển, lý tận muôn đường. Hội bốn giáo đều quy về viên tông, thâu Năm mật bộ gồm thành một bộ. Hoà bơ sữa thành đề hồ. Thâu góp tinh ba, mây ráng thành cam lộ vị. Thật là chỗ hội yếu của Chư Phật, đáng là kim chỉ nam cho người đời sau. Khiến ai xem vào đây như gặp được hạt ngọc Như ý, điều mong cầu đều toại nguyện. Mong mỏi các người nương theo đây mà thực hành như ăn trái thiện kiến, chẳng có bệnh gì không lành. Giác cái học này nghĩ hổ thẹn sự học hỏi còn sơ sài, lời văn không hoa lệ. Nhân một ngày rảnh rang, tôi được đến thăm thầy tôi, đích thân được nghe lời dạy dỗ, thoạt nhiên tôi mở mang được kiến thức hẹp hòi. Thầy dặn dò tôi: nên truyền lại cho người đời. Tôi vội soạn ra quyển văn này, vẫn hổ thẹn với khả năng diễn đạt lý mầu, nhưng cũng lấy làm lời nói đầu.

HIỂN MẬT VIÊN THÔNG THÀNH PHẬT TÂM YẾU TẬP

Đạo Chân ở chùa Kim Hà núi Ngũ Đài soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Một đời giáo hoá của Đức Như Lai, lời văn rộng rãi, giáo lý sâu xa, Hiển Mật đều gồm thâu tất cả.

Hiển: là các thừa kinh, luật, luận.

Mật: là các bộ Đà-Ra-Ni (Thần chú).

Từ khi ngài Ma-đằng truyền đạo vào đời Hán, ba tạng lần lần lan khắp xứ Trung Hoa. Ngài Vô Uý truyền đạo vào đời Đường, Ngũ Mật ở Trung Hoa mới bắt đầu hưng thịnh, chín phái đồng quy ngưỡng, bảy chúng đều vâng hành; lời nói pháp không thị phi, con người phân chia đường tu chứng, trải qua nhiều năm bị phai mờ sự hiểu lầm không phải ít. Hoặc có người học tập Hiển giáo, khinh chê Mật bộ, hoặc có kẻ chuyên Mật ngôn, mờ mịt lý thú của Hiển giáo, hoặc chăm học danh tướng, chưa biết được ngõ vào đạo; hoặc học chữ, tiếng ít biết quy tắc trì minh, giúp cho quán sâu xa, biến thành danh ngôn. Hiển Mật thần tông trở thành âm vận.

Nay tôi không so chút tài mọn, quyết nương vào hai tông: Hiển và Mật để lược bày tâm yếu thành Phật. Ngõ hầu hy vọng tương lai mọi người được viên thông, nên nương vào giáo lý lược bày bốn môn:

1. Hiển Giáo Tâm yếu.
2. Mật Giáo Tâm yếu.
3. Hiển Mật Song Biện.
4. May mắn gặp gỡ pháp môn vô giá này, hết lòng vui mừng.

(Trong bốn đoạn dưới đây, vì tránh văn nghĩa phiền phức, hoặc ám dụng Thánh giáo, hoặc dẫn nghĩa văn kinh, người xem nên biết) Đầu tiên nói về Hiển Giáo tâm yếu, ngài Hiền Thủ, ngài Thanh Lương đều chia sự giáo hoá một đời của Đức Phật ra làm năm thời:

I. HIỂN GIÁO TÂM YẾU:

1. Tiểu thừa giáo

A-hàm v.v... gồm có sáu trăm quyển kinh, Bà-sa v.v... hơn sáu trăm quyển luận.

Nói tất cả các pháp từ nhân duyên sinh, chỉ rõ ba cõi không an cũng như nhà lửa, thấu rõ chân lý nhân không, tu hành tự lợi, sung sướng được chứng quả Tiểu thừa.

2. Đại thừa Thỉ giáo: có hai.

a) Pháp Tướng Tông: gồm có kinh Thâm Mật, kinh Phật Địa, v.v... có đến cả mười bộ kinh. Du-già, Duy Thức, v.v... có đến hàng trăm quyển luận, nói tất cả các pháp đều Duy thức, hiểu rõ chân lý Nhị Không; tu sáu độ muôn hạnh thẳng đến Phật quả đại thừa. Trong đó, phần nhiều nói về Pháp Tướng mà thôi.

b) Vô Tướng Tông: gồm có Bát-nhã v.v... hơn một ngàn quyển kinh. Trung Luận, Bách Môn Luận, v.v... các bổn luận văn đó nói tất cả các pháp xưa nay là không. Vô thỉ mê tình vọng nhận là có. Muốn chứng đạo Bồ-đề lấy đó làm sở đắc, để tu tập muôn hạnh. Trong đây phần nhiều nói nghĩa Không, Vô tướng, hai tông này đều là sơ môn của Đại thừa, nên gọi là Thỉ, nghĩa là ban đầu.

3. Nhất thừa Chung giáo: Pháp Hoa, Niết-bàn, v.v... hơn bốn mươi bộ kinh. Bảo Tánh, Phật Tánh, v.v... hơn mười bộ luận nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Từ xưa đến nay sáng suốt không mờ, tỏ rõ thường biết, nhưng vì vô thỉ mê vọng, điên đảo, không tự giác ngộ. Muốn chứng quả Phật, trước phải tỏ ngộ Phật tánh của chính mình sẵn có, sau mới đem tánh ấy tu tập: vốn có vô Lượng Diệu hạnh. Ở đây hoàn toàn nói về Pháp tánh, là tận lý của giáo pháp. Đại thừa, nên gọi là Chung, chung nghĩa là hết.

4. Nhất thừa Đốn giáo: Gồm có kinh Lăng-già, Tư-ích, Ngài Đạt-ma đã truyền Thiền tông, nói tất cả vọng tưởng vốn không, chân tâm vốn tịnh, vốn không có phiền não, vốn là Bồ-đề, chỉ nói chân tánh, không nương cấp bực mà thành Phật, nên gọi là Đốn.

5. Bất Tư Nghì thừa Viên giáo: Chỉ có kinh Hoa Nghiêm, Luận Thập Địa, hoàn toàn nói: Pháp Giới Tỳ-lô, biển hạnh Phổ Hiền. Trong đó đều có hoặc Sự, hoặc Lý, hoặc Nhân, hoặc Quả. Một mà đầy đủ tất cả, lớp lớp vô tận. Bao gồm các pháp, không một pháp nào không thu nhiếp. Xứng tánh tự tại, không chướng không ngại, xa hẳn các thuyết nghiêng lệch, nên gọi là Viên. Năm thời giáo này, trước là hẹp hòi, là quyền dụ, sau cùng là sâu mầu, là chân thật. Nếu dùng Viên giáo mà so

sánh, bốn thời giáo trước đều tạm quyền mà nói ra.

(Nay nói theo lý tương đối, thì bốn thời trước là Quyền, Viên giáo là Thật. Nếu định chấp Viên giáo là thật, thì sẽ thiếu khuyết bốn thời trước, như thế không phải là người thông suốt Viên giáo đầy đủ. Nếu năm thời giáo đều truyền bá, thì Thiên Viên cùng khen ngợi, hiệp được mọi căn cơ mới đầy đủ. Như trong Viên giáo dưới đây, đều bao gồm đầy đủ các giáo lý pháp môn trước, cho nên không tách riêng ra mà nói). Nay nương theo Viên giáo tu hành, lược chia làm hai phần: Ban đầu ngộ pháp giới Tỳ-lô, sau tu biển hạnh Phổ Hiền. Ban đầu ngộ pháp giới Tỳ-lô nghĩa là trong kinh Hoa Nghiêm nói: Nhất chân vô chướng ngại pháp giới, hoặc là nhất tâm ở trong đó đầy đủ ba thế gian:

1. Khí Thế Gian: là nói tất cả cõi nước.
2. Chúng sinh Thế Gian: nói tất cả hữu tình.
3. Trí Chánh Giác Thế Gian: nói tất cả bậc Thánh.

- Bốn pháp giới:

1. Sự Pháp giới
2. Lý Pháp giới
3. Sự Lý Vô Ngại Pháp giới
4. Sự Sự Vô Ngại Pháp giới

Tất cả các pháp nhiễm tịnh, không có một pháp nào nằm ngoài pháp giới này. Đây là chân tâm căn bản của tất cả phàm phu, cũng là chân tâm căn bản của bậc thánh.

- Nói rộng Chân tâm có hai:

1) Đồng giáo chân tâm.
2) Biệt giáo chân tâm.

- Đồng Giáo lại có hai:

1) Chung Giáo chân tâm.
2) Đốn Giáo chân tâm.

Trước hết về Chung giáo chân tâm:

Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: "Phải biết hư không sinh ra trong tâm ông, cũng như một đám mây điểm giữa bầu trời xanh, huống chi là các thế giới ở trong hư không ư ?" (Chân tâm của ta, cũng như bầu trời trong xanh, hư không mười phương cũng như một đám mây, thì biết chan tâm rất rộng lớn, hư không rất nhỏ. Hư không so với chân tâm cũng còn rất nhỏ, huống chi các thế giới ở trong hư không). Lại nói rằng: "Hư không sinh ra đại giác, cũng như bọt nước sinh trong biển lớn, vi trần cõi nước hữu lậu, đều nương hư không mà sinh". Đại giác là tên khác của chân tâm, chân tâm rất rộng lớn, cũng như biển lớn. Hư không rất nhỏ

in tuồng một hòn bọt nước. Huống chi các cõi nước, đều nương hư không mà sinh. Nếu so với chân tâm, tức là nhỏ trong cái nhỏ.

Lại nữa, chân tâm cùng khắp và tròn đầy, bao gồm cả mười phương. Quán sát tại thân cha mẹ sinh ra, giống như trong hư không mười phương kia mà thổi một hạt bụi, thoạt còn thoạt mất. Lại nói: (Không biết sắc thân cho đến núi sông đất đai, hư không đều là vật ở trong chân tâm Diệu minh). Lại nói: "Tất cả các vật có trong thế gian đều là chân tâm Bồ-đề Diệu minh" (Đã nói: Tức là chân tâm Bồ-đề Diệu minh, thì không phải các pháp thế gian ở trong chân tâm có tự thể riêng. Tức biết tất cả pháp giới, hư không, mặt đất, hữu tình, vô tình, toàn là một vị chân tâm Diệu minh, vắng lặng thanh tịnh, không thêm, không bớt. Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến giờ, mê mất chân tâm; vọng nhận bốn đại làm thân, duyên tự làm tâm. Thí như trăm nghìn biển lớn trong lặng không nhận, chỉ nhận một hòn bọt nhỏ. Nếu rõ thân bốn đại, tâm duyên lự, duyên sinh vô tánh, toàn là nước biển.

Gần đây có kẻ Nho sinh ít xem kinh Phật, nghe nói chân tâm rất rộng lớn, mờ mịt chưa tin.

Tôi xin nói thêm rằng: Đây chính là Đức Như Lai dạy: Chỉ có tự tâm mê muội, điên đảo không thấy, đâu thể tin là không có. Như sách Trang Tử ở thế tục còn nói rằng: Ở biển Bắc có con cá, tên là Côn, cá Côn lớn không biết bao nhiêu nghìn dặm; hoá thành con chim gọi là chim Bàng, lưng loại chim này dài không biết bao nhiêu nghìn dặm. Lúc giận, nó bay lên và dang cánh che phủ như mây trời. Bay đến biển Nam, bèn đập nước tung lên ba nghìn dặm, nổi sóng gió động đến chín ngàn dặm. Liệt Tử nói rằng: Đời đâu biết có con vật như thế đó? Ông Đại Võ đi đường nhìn thấy, ông Bá Ích biết mà đặt tên, ông Di Kiên để ý. Không nên mắt mình không thấy vật đó, rồi không tin là có. Sách thế tục còn nói: Có tướng vật kỳ lạ, huống chi Đức Như Lai đã nói Vô tướng chân tâm ư ?

Luận Bảo Tánh chép: Người ở trong vỏ trứng làm sao thấy suốt được vũ trụ bao la? Câu nói đó thật đúng!

Sau đây là nói về Đốn Giáo chân tâm, nghĩa là tâm dứt bặt đối đãi đầy đủ thanh tịnh, trong đó không dung nạp một cái gì khác, tất cả vọng tưởng xưa nay là không, chân tâm dứt bặt đối đãi, xưa nay thanh tịnh. Kinh Hoa nghiêm chép: "Pháp tánh vốn vắng lặng, không chấp cũng không kiến; tánh không tức là Phật, không thể nghĩ lường được". Luận Khởi Tín chép: "Tất cả các pháp từ vô thỉ đến nay, lìa tướng nói năng, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng; không có thay

đổi, không thể phá hoại; chỉ là nhất tâm nên gọi là chân như". Về phần Chung giáo ở trước, tuỳ theo mê muội của chúng sinh, nói có sắc thân, núi sông, hư không mặt đất, các pháp thế gian, khiến các chúng sinh đổi vọng về chân. Rõ thấu sắc thân, núi sông hư không, đất đai các pháp thế gian, toàn là một vị chân tâm Diệu minh.

Nay trong Đốn giáo, vốn không có sắc thân, núi sông, hư không, các pháp thế gian như mặt đất, v.v... Vốn là một vị chân tâm dứt bặt đối đãi. Cho nên Ngài Thanh Lương nói: "Tóm lại, không nói pháp tướng, chỉ nói rõ chân tánh, tức biết rõ trùm khắp pháp giới, vốn là một vị dứt bặt đối đãi chân tâm, vắng lặng thanh tịnh, không sinh diệt, thêm bớt". Muốn hiểu rõ sự trùm khắp của pháp giới, thí dụ nó giống như một viên ngọc tròn sáng, tỏ rõ, thanh tịnh, không hình không ảnh, không trong không ngoài. Ngài Thanh Lương nói: "Thể tịch chiếu diệu độc lập, vật ngã như một".

Ngài Đạt-ma nói: "Pháp của ta lấy tâm truyền tâm, không lập văn tự!" tức là truyền tâm này. Ngài Tào Khê nói: "Gương sáng vốn thanh tịnh, cần gì phải lau chùi bụi trần?" cũng là tâm này. Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay, không rõ tâm này, vọng thấy các tướng cũng như mắt bị nhặm, thoạt thấy hoa đốm giữa hư không. Kinh Viên Giác chép: "Vọng nhận bốn đại làm tự thân tướng. Bóng dáng của sáu trần làm tự tâm tướng". Cũng như con mắt bệnh kia thấy hoa đốm giữa hư không. "Nếu rõ chân tâm, vốn không có các tướng, như trong hư không vốn không có các hoa đốm. Kinh Viên Giác chép: "Như Lai nhân địa tu Viên giác. Biết được không có hoa đốm thì không còn trôi lăn, cũng không có thân tâm chịu sinh tử, không tạo tác cho nên là không, vì bản tánh là không" Nay trong Đốn giáo dụ như không có hoa đốm rất là thiết yếu. Ngày nay, người xuất gia học Thiền rất rộng, nhưng đến khi nghe khai thị tâm này, phần nhiều không nhập thần được. như ông Diệp ưa thích loài rồng, nhưng lúc có con rồng thật hiện trước mặt, ông ta ngạc nhiên không đoái hoài đến. Nếu chưa ngộ tâm này, không gọi là bậc chân thiền định. Như vậy muốn tu hạnh tham thiền, thì trước phải tỏ ngộ nhất tâm này.

Biệt giáo chân tâm: Nhất chân vô chướng ngại đại pháp giới tâm, bao hàm ba thế gian, đầy đủ bốn pháp giới, bao gồm cả đây, cả kia, không có chướng ngại. Tức biết pháp giới bao la, trùm chưa mười phương, toàn là nhất chân đại pháp giới tâm. Ở trong nhất chân đại pháp giới này đã có: Phàm, Thánh, hoặc lý, hoặc sự. Tuỳ theo đó nêu một pháp, cũng toàn là đại pháp giới tâm.

Kinh Hoa Nghiêm chép: "Thế giới Hoa Tạng đã có trần; trong mỗi trần thấy pháp giới, lại một trần đã là một pháp giới tâm, trong một trần đại pháp giới này, lại nêu một trần cũng toàn là đại pháp giới tâm. Hoặc thời gian, hoặc không gian, lớp lớp nêu lên, lớp lớp đều là đại pháp giới tâm". Cho nên Ngài Thanh Lương trong Hoa Nghiêm Thập địa phẩm sớ đã nói: "Đế Võng vô tận nhất tâm". Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay mê vọng, không biết vô tận pháp giới là tự thân tâm. Ở trong đó vốn đầy đủ sắc tâm công đức vô tận, tức cùng với Tỳ-lô-giá-na, thân tâm bình đẳng, bỏ mất thân tâm Phật, vô chướng, vô ngại của chính mình, điên đảo chấp làm chúng sinh tạp nhiễm. Thí như Kim Luân Thánh Vương cai trị cả bốn thiên hạ, thân trí đầy đủ, giàu vui không ai sánh bằng. Thoạt nhiên ngủ mê, mộng thấy làm con kiến, ở trong mộng chỉ cho mình là kiến, không biết mình là Luân Vương.

(Pháp giới Vô tận của Phật, đời khó thấu được, nay chỉ dụ nghĩa: Mê chân, chấp vọng, người trí phải biết).

Vậy muốn cầu thành tựu quả Phật rốt ráo cần phải ngộ pháp giới Tỳ-lô, nếu chưa ngộ pháp giới này, dù trải qua nhiều kiếp tu tập muôn hạnh, cũng uổng công nhọc xác, không được gọi là Bồ-tát chân thật, cũng không thể sinh trong nhà của Đức Như Lai. Kinh Hoa Nghiêm chép: "Không rõ được tự tâm, làm sao biết Thánh đạo, trí huệ bị điên đảo, do đó thêm lớn tất cả việc ác. Ngài Thanh Lương nói: "Không nương sự ngộ này, việc làm không chân chánh, sự tu hành của mình sẽ ràng buộc thành nghiệp". Vô tận pháp giới nhất tâm này, người ít hay biết, biết cũng ít tin, tin cũng ít hiểu, hiểu cũng khó đạt đến cảnh giới đó. Cho nên Bồ-tát nhiều kiếp không tin, không hiểu. Thượng thủ Thanh văn như đui, đui điếc. Nếu là người có túc căn viên mãn nên chú ý ở đây, ai dốc lòng tri ngộ, đương nhiên ngày nay sẽ sinh vào nhà Phật.

Sợ người khó tin, tôi xin kể câu chuyện trong Pháp Uyển Châu Lâm: "Có nhà ảo thuật, đi đường thấy người gánh một gánh, trên có cái lồng có thể chứa được con người, bèn bảo người gánh rằng: Tôi đi bộ mệt quá, muốn chun vô lồng của ông để nghỉ chân, mong ông vui lòng cho tôi được chui vào. Người gánh bèn nghĩ cho đó là kẻ khùng, bèn hỏi: Ông thử vào xem. Người kia bèn nhảy vô lồng một cách nhẹ nhàng, tuy lồng chẳng lớn mấy mà nhà ảo thuật cũng không phải nhỏ. Người gánh đi mãi, vẫn không nặng nhọc. Đi được vài mươi dặm đường, ông ta đặt gánh bên gốc cây mà ăn uống, bèn mời người ảo thuật cùng ăn. Người ảo thuật nói rằng: "Tôi cũng có đầy đủ thức ăn. Người gánh

nhìn vào lồng thấy các vật dụng chứa đầy đồ ăn uống, bèn mời nhà ảo thuật cùng ăn. Nhà ảo thuật bảo người gánh rằng: Tôi muốn ăn chung với vợ tôi. Nói xong y hả miệng nhả ra một người con gái dung mạo đẹp đẽ và hai người cùng nhau ăn uống. Ăn xong, người chồng ngủ, còn cô vợ bảo người gánh rằng: Tôi có một người tình muốn đến dùng bữa với tôi. Khi chồng tôi thức dậy, ông chớ nên nói lại việc này. Cô gái liền há miệng nhả ra một người tình rồi cùng nhau ăn uống. Cả ba người đều ở trong lồng vẫn không thấy chật hẹp. Lát sau, nhà ảo thuật cựa mình sắp thức dậy, anh người tình bảo người gánh: chào ông tôi đi! Cô gái liền bỏ người tình vào miệng và đồ ăn uống cũng cất hết vào mồm. Rồi lúc nhà ảo thuật thức giấc cũng đêm vợ bỏ vào miệng!" Đó là truyện tiểu thuyết của thế gian, lớp lớp dung nhau như thế, mà không bị chướng ngại, huống chi là cảnh giới Tỳ-lô là pháp giới vô chướng ngại ư ?

Vậy phải suy xét cho chín chắn mà tin, suy nghĩ để thấu hiểu. Chớ nên cao suy cảnh Thánh, luống dối một đời không lợi ích.

Tu biển Hạnh Phổ Hiền: Đã ngộ được pháp giới vô chướng ngại vốn tự tâm ta, trong đó vốn đầy đủ mười thế giới Hoa Tạng vi trần số tướng tốt, Đế võng, vô tận thần thông công đức. Cùng Chư Phật mười phương không khác nhau; ngặt vì vô thỉ, vọng tình chấp chặt, tập dĩ tánh thành, cuối cùng khó cắt đứt. Để khiến cho thần thông công đức của chính mình không thể thọ dụng một cách tự tại. Cho nên phải xứng với pháp giới Tỳ-lô của chính mình, tu tập biển Hạnh Phổ Hiền sẵn có, làm cho vô tận công dụng mau được hiện tiền.

Kinh Hoa Nghiêm chép: "Tu pháp này ít nhọc công lực, mau chứng Bồ-đề. Tuy biển Hạnh Phổ Hiền rộng lớn bao la không bờ bến". (Tất cả hạnh môn trong Tạng giáo đã nói đều là hạnh Phổ Hiền trong Hoa Nghiêm, chỉ ứng căn cơ thấp kém mà quyền chỉ, nên nêu ra đây một ít mà thôi)

Nay nói Pháp Quán Hạnh, lược có năm môn:

1) Quán các Pháp như mộng huyễn.

2) Quán chân như bặt tướng.

3) Quán Sự, Lý vô ngại.

4) Quán Đế Võng vô tận.

5) Quán pháp giới vô chướng ngại.

Trước hết:

1) Quán các pháp như mộng huyễn: (Tức đương sự pháp giới quán) nghĩa là thường quán các pháp nhiễm, tất cả đều không thật, đều như mộng huyễn, kinh Hoa Nghiêm chép: "Cũng như trong chiêm

bao, thấy các hình tướng khác nhau; thế gian cũng như vậy, như mộng không khác". Lại nói "Độ thoát tất cả chúng sinh phải biết các pháp đều như huyễn; chúng sinh không khác huyễn, hết huyễn không còn chúng sinh". Và kinh Kim Cương có dạy: "Tất cả các pháp hữu vi như chiêm bao, bọt nổi, như sương mù, điện chớp, thường quán xét như vậy". Ngài Tăng Triệu nói: "là hư, là vọng, ba cõi không thật; là mộng, là huyễn, sáu đường không có vật". Tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay, chấp tất cả pháp cho là có thật, khiến khởi hoặc tạo nghiệp, tuần hoàn trong sáu đường. Toàn thể không thật, đều như mộng huyễn, thì ái ố tự nhiên tiêu diệt, lòng bi, trí tự nhiên thêm sáng suốt. Quán mộng huyễn, trong Viên Giác Sớ gọi là: "Khởi huyễn tiêu trần quán". Trong Thiên Thai gọi là Giả quán, cũng còn gọi là: "Phương tiện tuỳ duyên chỉ". Rõ ràng soi chiếu, gọi là Quán, vắng lặng không loạn động gọi là Chỉ. Tức là trong quán có chỉ, trong chỉ có quán mới là chỉ quán song vận, các phép chỉ quán khác nương theo đây mà nói. Hoặc có người tuy tin hiểu Viên giáo mà phiền não nặng nề, không thể tu tập quán mộng huyễn được, nên tu quán bất tịnh. Nghĩa là quán sát thân này có năm thứ không sạch.

a) Hạt giống không sinh: Nghĩa là tinh cha, huyết mẹ, hai chất trắng đỏ hoà hợp mà thành. Luận Trí Độ chép: "Thân là hạt giống không sạch, không phải các vật nhiệm mầu, quý báu, không do chất trong sạch sinh ra, mà sinh ra từ nơi dơ uế".

b) Chỗ ở không sạch: Là ở trong bụng mẹ, dưới sinh tạng, trên thục tạng chảy ra chất không sạch, ô uế đầy dẫy, mà lại ở ngay trong đó. Lại như Hải Sơn nói: Đồ không sạch mà đem làm áo trang sức, còn thứ ô uế thì lấy làm vật ăn uống".

c) Tự thể không sạch: Gồm có ba mươi sáu vật hoà hợp với nhau không sạch. Nói ba mươi sáu là, bên ngoài có mười hai phần: Tóc lông móng răng, mồ hôi, đại tiểu, ghèn, mũi, đàm, dãi, nước miếng. Lại có mười hai phần: Da, da ngoài, huyết, nhục, mỡ, đầu, óc, màng mỏng, xương, tuỷ, gân, mạch. Bên trong có mười hai: Tim, gan, mật, phổi, lá lách, thận, ruột, dạ dày, sinh tạng, tục tạng, đàm đỏ, đàm trắng, tức là từ đầu đến chân đều không sạch. Ngài Vĩnh Gia dạy: "Cái đãy đầy phân dơ là chỗ chứa tụ máu mủ; chảy ra những chất không sạch, là chỗ ở của vi trùng, giòi giun, quán cá ươn, hầm tiêu cũng không dơ bằng".

d) Tự tướng không sạch: Là chín lỗ thường chảy ra các chất dơ nhớp. Chín lỗ: là hai lỗ tai xuất ra chất dơ; hai mắt chảy ghèn và nước; hai lỗ mũi chảy ra nước mũi, miệng chảy ra đàm dãi; đường đại tiện ra phân dơ; tiểu tiện chảy ra nước khai. Luận Trí Độ chép: "Các vật không

sạch chứa đầy trong thân, thường chảy ra các thứ không sạch như cái đãy rách đựng vật dơ”.

c) Cứu cánh không sạch: Nghĩa là khi thân chết đi, sình to, hôi thối, máu mủ nứt rã, không ai dám đến gần. Ngài Thiên Thai nói rằng: “Từ chân đến đầu, từ đầu đến chân, tuần tự quán sát, chỉ thấy sình lớn, nứt rã, trong đường đại, tiểu tiện giòi trùng theo máu mủ bò ra, thúi hơn con chó chết”. Kinh Tâm Địa Quán dạy: “Nên quán sát tự thân mình hôi thúi, không trong sạch cũng như chó chết”. Kinh Kim Quang Minh chép: “Ta từ lâu hầu hạ thân hôi thúi này, máu mủ chảy ra không thể yêu mến được. tuy thường cung cấp nuôi dưỡng, nó vẫn ôm lòng oán hại. Cuối cùng bỏ ta, chẳng hề biết ơn. Quán sát tự thân mình xong, lại quán sát thân kẻ khác, hoặc nam hay nữ, đã có thân thì có đủ năm món bất tịnh”. Cho nên luận Khởi Tín chép: “Nên quán tất cả các thân có trong thế gian đều là bất tịnh”. Các món dơ uế không có một thứ gì đáng thương. Đã quán sát đều là bất tịnh, tâm tham ái tự nhiên không khởi. Kinh A-hàm nói rằng: “Xưa có một vị Quốc vương đắm mê sắc dục không nhàm chán, có vị Tỳ-kheo dùng một bài kệ can ngăn rằng:

Mắt là một cái hang chứa ghèn lệ.
Mũi là cái đãy dơ chứa mũi, dãi.
Miệng là đồ đựng đàm dãi.
Bụng là kho chứa phẩn tiểu”.

Chỉ có vua không có mắt tuệ, bị sắc dục làm mờ mịt, bần đạo thấy gớm, cho nên xuất gia tu đạo tràng”. Ngài Thiên Thai dạy rằng: “Tuy quán sát bất tịnh mà thành tựu đại sự. Như thây chết trên mặt biển, nương nơi đó mà vào bờ.

Hoặc quán bộ xương trắng: Trước hết quán tưởng thân mình da thịt nát rã, chỉ thấy xương trắng lần lần từ hẹp đến rộng. Tưởng cái đầu da thịt rã rời, chỉ thấy xương trắng cho đến toàn thân đều là bộ xương trắng. Đã quán thân mình là bộ xương trắng rõ ràng hiển hiện, rồi lại quán người khác rã rời cũng như vậy. Lần lượt quán đến một cái phòng, một ngôi chùa, một thành luỹ, một quốc gia. Cho đến khắp đất đai, lấy biển làm biên giới, sẽ thấy đầy những bộ xương trắng. Muốn cho quán tâm thêm lớn, lại quán lần lượt từ rộng đến hẹp. Quán một quốc gia là một bộ xương, lần lần sẽ thấy một thành, một chùa, một phòng, một bộ xương đầy đủ. Rồi quán bộ xương đó cho tới lúc chỉ thấy một chút xương trắng ở giữa hai đầu chân mày. Thấy giữa hai đầu chân mày rồi chuyên chú một chỗ vắng lặng mà an trụ, như vậy tu tập cho đến khi đắc định. Quán này thành tựu thì tất cả tham ái tự nhiên tiêu mất.

Hoặc quán Sổ tức: Nên từ cạn đến sâu, lần lượt tiến tu, trước hết phải tự mình đều hoà hơi thở, không rít, không nghẹt. Nhất tâm chuyên chú đếm hơi thở ra vào. Trước hết đếm hơi hít vào, sau đếm hơi thở ra, từ một đến mười, xong rồi đếm lại như thế mãi, tâm tưởng đặt ở nơi đếm, đừng cho tán loạn. Nếu thấy, không cần cố sức mà đếm dễ dàng từ một đến mười trong hơi thở, lúc đó lại nhất tâm theo hơi thở ra vào. Khi hít vào, tâm cũng theo hơi mà vào, từ mũi đến cổ họng, từ cổ họng đến tim, đến rún, đến đơn điền, bắp dế, ống chân, cho đến bàn chân, ngón chân, khi hơi thở ra, tâm cũng theo hơi thở ra. Hơi thở ra xa ngoài thân cho đến một gang, một tầm. Nhất tâm theo dõi hơi thở ra vào; nếu thấy tâm và hơi thở nương nhau dễ dàng, bây giờ nên buộc niệm, đình chỉ ở giữa hai đầu chân mày, hoặc ở chót mũi, dừng tâm tại đó, quán hơi thở an trụ nơi thân, như sợi chỉ xỏ hạt châu, hoặc lạnh hoặc ấm, hoặc thêm hoặc bớt. Nếu thấy thân vắng lặng, vui sướng, an ổn, rồi lại quán sát hơi thở nhẹ nhàng, nhỏ nhiệm. Lại quán tâm thức sát-na không trụ, tu tập như vậy, cảm giác biết hơi thở ra vào khắp lỗ chân lông. Mắt tâm mở sáng, thấy sáng suốt trong thân ba mươi sáu vật và các giòi bọ, lúc bấy giờ đã đắc định; rồi lại chăm tu các hạnh môn khác. Ở đây, vì sợ phiền phức nên tạm chấm dứt.

Như trong kinh nói: Quán hơi thở ra vào là bước đầu vào đạo của Chư Phật ba đời.

Hoặc quán ngã không: Nên phải để ý suy tìm, thân này xưa nay vốn không có ta (vô ngã).

Chỉ là sắc tâm, hai pháp hoà hợp mà thành. Sắc có bốn loại: đất nước, gió, lửa. Nghĩa là cấu sắc, lông, tóc, móng, răng, da, thịt, gân, cốt, tuỷ, não, đều là đất; Mũi, đàm dãi, máu mủ, nước miếng, nước bọt, tinh khí, đại tiểu tiện đều là nước; Hơi nóng là lửa; Sự động chuyển "hô hấp" là gió. Tâm có bốn loại: thọ, tưởng, hành, thức. Thọ nghĩa là lãnh nạp; giữ lấy hình tượng, bóng dáng, đó là Tưởng; tạo tác là Hành, rõ biết, phân biệt là Thức.

Trong tám loại này, cái nào là Ta? Nếu đều là ta thì có tám cái ta. Hơn nữa, trong thân thể đã có ba trăm sáu mươi đoạn xương, mỗi đoạn đều riêng. Da, lông, gân, thịt, gan, tim, phổi, thận, mỗi thứ không giống nhau. Thấy không phải là nghe, vui không phải là giận, đã có nhiều vật như thế, không biết nhất định lấy cái nào để làm ta. Nếu đều là ta cả, thì có cả trăm ngàn cái ta. Trong một thân sinh nhiều phần đoạn. Xa lìa nó, sẽ không có pháp riêng, tìm tòi kỹ lưỡng cái ta, cũng không thấy đâu cả. Đã biết thân này là do các duyên giả hợp với nhau. Xưa nay không

có Ta. Hành giả ngày đêm thường tu pháp quán rất nhiệm mầu này. Vì tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay chấp thân này là ta; do đó mà quý trọng nó, tham cầu danh lợi, muốn đem vinh quang lợi ích cái Ta. Tức giận cảnh nghịch vì sợ nó xâm phạm đến ta. Tâm tình ngu si, đã so sánh một cách trái lý. Nay đã thường quán thân này: xưa nay không thật có Ta, tức ba độc tự dứt, ba độc dứt rồi, thì ba cõi tự xa lìa.

Hoặc Quán Pháp không: Phải quán xét hai pháp sắc tâm của thân này. Sắc có đất, nước, lửa, gió. Tâm có: Thọ, tưởng, hành, thức. Đối với tám pháp này, quán mỗi pháp đều do duyên sinh, không có tự tánh. Thể của tám pháp là không, Sơ tâm của hành giả nên tu quán môn này. Tuỳ theo tâm ta ưa thích hoặc một, hoặc hai cho đến năm pháp quán đều được tu tập. Tâm quán pháp môn chỉ quý ở sự tu luyện, luyện mới có giá trị, nói suông chẳng lợi ích chi.

2) Chân Như bặt Tướng quán: (Tức đương lý pháp giới quán) trong an tâm lại có ba môn:

a) Thường quán toàn thể pháp giới, chỉ là một vị thanh tịnh chân như. Vốn không có sự tướng khác nhau. Trí năng quán này cũng là một vị chân như. Kinh Hoa Nghiêm chép: "Tất cả các pháp Vô sinh, tất cả các pháp vô diệt. Nếu hiểu như vậy, các Phật thường hiện tiền". Thất Tổ Thiền Sư lại nói rằng: "Niệm vô niệm, tức là niệm chân như". Lục Tổ giải thích vô niệm rằng: "Không, là không có các tướng, niệm là niệm chân như", đây mới tưởng niệm các pháp toàn là chân như. Nhưng tưởng niệm vốn là tướng của vô tưởng niệm; cho nên Luận Khởi Tín chép: "Tuy niệm nhưng không có cái năng niệm để niệm". (Sở tưởng chân như ở đây tức là chân tâm bặt đãi trong Đốn giáo đã nói ở trước. Hạnh môn này thường tưởng tất cả các pháp, chỉ là một vị thanh tịnh chân như, vốn không sinh diệt. Đó gọi là tam muội chân như, cũng gọi là Tam-muội Nhất hạnh, hay là Tam-muội Vô sinh).

b) Nếu khi niệm khởi chỉ khởi tâm giác, cho nên Thất Tổ nói rằng: "Khi niệm khởi liền biết, biết thì liền không; tu hạnh diệu môn chỉ có ở đây; tức là tâm giác này, gọi là quán. Ở đây tuy cũng khởi tâm giác, nhưng vốn không có tướng khởi giác". (Hạnh môn này, trong tất cả thời, nếu khởi tâm niệm, chỉ khởi tâm giác. Đây chính là tu hạnh yếu môn nhiệm mầu).

c) Xét tâm là sai, động niệm liền trái, chỉ để tâm mà không gửi gắm vào, lý huyền diệu này sẽ tự lãnh hội. Cho nên kinh Hoa Nghiêm chép: "Pháp tánh vốn vắng lặng, không chấp cũng không kiến. Tánh không tức là Phật, chẳng thể suy lường được". Người xưa nói rằng: "Thật

tướng xa lìa nói là suy nghĩ; chân như vượt lên thấy và nghe. Đây là chỗ an tâm; học sự khác sẽ uổng công, v.v...” Ở đây y cứ theo bổn tánh tự chiếu, chứ không khởi sinh tuệ giải mới mẻ nào. Cho nên kinh Viên Giác chép: “Chỉ cần các Bồ-tát và chúng sinh mạt thế bất cứ lúc nào cũng không vọng niệm; đối với các vọng tâm cũng không dứt bỏ. An trụ trong cảnh vọng tưởng, không thêm rõ biết. Đối với không liễu tri, không phân biệt chân thật”. Ngài Hiền Thủ lại dạy rằng: “Nếu khởi tâm làm phàm, làm Thánh không phải là chân hạnh; không làm tất cả hạnh, hạnh tâm không nương gá vào đâu cả, đó gọi là Đại hạnh”. Môn này lấy bổn tánh tự chiếu, gọi là quán “Hạnh, môn này trong tất cả thời, tâm vô sở ký đó gọi là chân tu. Tuy tu đủ muôn hạnh, đối với muôn hạnh, tâm vô sở ký, v.v...” Thiền tông ở Trung Hoa bảy đời Tổ Sư, tâm yếu được truyền có ba môn; mà nhiếp hết tất cả, không để sót gì.

1) Môn Kiến Tánh: Trước phải liễu ngộ chân tâm dứt bặt đối đãi. Tất cả vọng tưởng vốn không, Chân tâm vốn tịnh; tức tâm là Phật. Không nhờ ngoại cầu, tức là Đốn giáo Nhất tâm nói ở trên.

2) Môn An Tâm: Như ba môn tưởng niệm chân như đã nói ở trên.

3) Môn Phát Hạnh: phải tu sáu độ muôn hạnh của Bồ-tát, đủ ba môn tức là chánh thiền; thiếu đi một môn sẽ trở thành thiên kiến. Ngài Đạt-ma nói rằng: “Pháp của ta, dùng tâm truyền tâm, không lập văn tự. Tâm này là bổn giác thanh tịnh của tất cả chúng sinh, cũng gọi là Phật tánh. Muốn cầu Phật đạo thì phải ngộ tâm này, tức là Môn Kiến Tánh”. Lại nói rằng: “Do đó an tâm, gọi là quán vách, khiến cho đạo nhân tu tập, tâm an trụ chân lý. Vắng lặng vô vi, ví như tường vách, không khởi phân biệt tức là môn an tâm”. Lại nói rằng: “Như vậy phát hạnh, có bốn hạnh”.

a) Hạnh Báo Oán: Nghĩa là người tu hành lúc gặp sự khổ sở phải tự nghĩ rằng: Ta từ xưa, trải qua bao số kiếp, bỏ gốc theo ngọn, trôi nổi trong các đường, khởi lên nhiều oán ghét, gây ra nhiều điều sai lầm, nguy hại. Nay tuy không phạm, nhưng vì nghiệp ác, túc oán đã chín muồi, chẳng phải trời hay người đem lại, cam tâm chịu đựng mà không oán trách. Kinh dạy rằng: “Gặp khổ không buồn. Vì sao ? Vì đã hiểu thấu!”

b) Hạnh Tuỳ Duyên: Nghĩa là đạo nhân tu hành nếu được các việc quả báo cao quý vinh dự, phải tự nghĩ rằng: Tất cả pháp đều từ duyên sinh. Vì quá khứ ta tu nhân đã cảm vời nay mới được. Duyên hết rồi, lại hoàn không; có gì phải vui mừng. Được mất tuỳ duyên, tâm không thêm

bớt, gió vui không động; gió giận không sinh.

c) Hạnh Vô Sở Cầu: Đời người mê dại, chỗ nào cũng tham đắm gọi là tìm cầu. Người trí khi ngộ chân lý, thấy ba cõi, chín cõi cũng như nhà lửa. Có thân đều phải khổ, đâu được an vui, ở trong ba cõi, không còn chỗ mong vui. Kinh dạy rằng: "Có cầu đều khổ, không cầu mới vui".

d) Hạnh Xứng Pháp: Nghĩa là tánh tịnh chân lý gọi là Pháp, mà tánh này vốn không bỏn sẻn, cùng tất cả muôn điều ác khác. Nên xứng với lý tánh mà tu bố thí, v.v... Tất cả muôn điều thiện, riêng bốn hạnh này tức là môn phát hạnh. Thiền sư Thảo Đường, trong Viên Giác kinh Sớ cũng có ba môn, đều giống như vậy.

1) Trước hết phải ngộ tánh Viên giác: Nghĩa là nhất vị thanh tịnh chân tâm.

2) Phát tâm Bồ-đề: Nghĩa là đại bi, đại trí, đại nguyện.

3) Sau rồi tu hạnh Bồ-tát: Nghĩa là sáu độ muôn hạnh các pháp.

Ba môn này rất thiết yếu cho người học Thiền, nếu không viên tu ba môn, thì không do đâu để xa lìa các tà kiến. Từ xưa đến nay Ngữ Lục của các nhà Thiền tông, đa số chỉ ứng theo thời, theo căn cơ. Hoặc chỉ nói thấy tánh, hoặc chỉ nói an tâm, hay chỉ nói phát hạnh. Lại như trong chỗ an tâm, phát hạnh, lại mỗi thức có nhiều đường lối, hoặc chỉ rõ một đường lối, v.v... Nay các môn này, nếu tâm thông đạt; thì sau đó hậu xem đến Thiền giáo khác mới biết được quy chỉ.

3. Quán Sự Lý Vô Ngại: (Tức là đương sự vô ngại pháp giới quán). Nghĩa là thường quán tất cả các pháp nhiễm tịnh duyên sinh vô tánh, toàn là chân lý. Chân lý là tất cả các pháp nhiễm tịnh. Như quán sóng, toàn là tánh ướt, tánh ướt toàn là sóng. Cho nên Luận Khởi Tín chép: Tuy nghĩ các pháp tự tánh vô sinh, nhưng lại nghĩ đến nhân duyên hoà hợp. Các nghiệp, thiện ác, quả báo, khổ vui, không mất, không hoại (Lý bất ngại sự, như tánh ướt tuy có một, nhưng không chướng ngại cho việc sinh ra nhiều sóng). Tuy nhớ nghĩ nhân duyên thiện ác, nghiệp báo mà cũng liền nghĩ đến tánh của nó không có. (Sự bất ngại Lý, như sóng mòi tuy nhiều, nhưng không ngại toàn thể là tánh ướt).

Nếu tu tập: Ba pháp quán giả, không, Trung. Nghĩa là tưởng tất cả các pháp duyên sinh không có tự tánh, thể của nó là không, tức là không quán. Như quán các hình tượng trong gương, hoàn toàn không có thật thể. Nếu tưởng tất cả các pháp, tuy có mà không thật, đều như chiêm bao huyễn hoá, tức là Giả quán. Như quán những hình bóng trong gương, có mà không thật. Nếu tưởng tất cả các pháp, hoàn toàn là một

vi chân tâm diệu minh, như trước Chung giáo đã nói rõ. Chân tâm rộng lớn ấy, tức là Trung quán. Như quán gương sáng. Ba phép quán này, hoặc là riêng tu một môn, hay là tiệm thứ đều tu, hoặc là một thời đồng tu, tuỳ ý lấy hay bỏ như đồ dùng.

4) Quán Đế Võng Vô tận: (Tức là sự sự vô ngại quán). Trong đây lược bày có năm môn:

1) Môn lễ kính.

2) Môn cúng dường.

3) Môn sám hối.

4) Môn phát nguyện.

5) Môn trì tụng.

1) Môn lễ kính: Nghĩa là tưởng hư không cùng khắp pháp giới: Trần trần sát sát trước đế võng vô tận Tam Bảo, có mỗi Đế võng vô tận tự thân mình. Mỗi thân mình đều lễ lạy Đế võng. Tam bảo vô tận. Trước mỗi ngôi Tam Bảo có Đế võng Tam Bảo tự thân lễ bái. Lại tưởng một môn này, tận đời vị lai, không thôi nghỉ, niệm niệm nối nhau, không xen hở, thân ngữ, ý nghiệp không có nhàm mỏi (Hoặc trong lúc ngồi quán tưởng; hoặc sớm chiều lễ Phật, khi tu tập nhiếp niệm. Nhập quán môn này công đức vô tận). (Ngài Thanh Lương nói rằng: không nhập pháp quán này, tự mình mệt nhọc uổng công. Hoặc thuần nhập được môn này, thì tưởng khắp pháp giới toàn là Tỳ-lô Phật, hoặc Chuẩn-đề, v.v... trước mỗi tôn tượng, tưởng một thân mình lễ Phật, tu tập cho đến thuần thục, lần lần thêm lớn cho đến một trăm, một nghìn tôn vị Phật cho đến vô tận. Mấy pháp cũng y theo môn này mà tu tập).

2) Môn cúng dường: Tưởng tận hư không khắp pháp giới trần sát Đế võng trước vô tận Tam Bảo, có mỗi Đế võng có vô tận thân mình. Mỗi một thân sinh ra Đế võng vô tận đồ cúng dường đầy đủ, các sự cúng dường Đế võng vô tận Tam Bảo. Trước một ngôi Tam bảo, có Đế võng vô tận thân cúng dường. Lại tưởng một môn này khắp hết đời vị lai không ngơi nghỉ. Niệm niệm nối nhau, không xen hở. Thân, ngữ, ý, nghiệp không nhàm mỏi. (Hoặc trong khi ngồi tưởng cúng dường trước Phật, hoặc đốt hương dâng hoa, luyện tập nhập pháp quán này. Nếu không có hương hoa, chỉ chấp tay nhập quán môn này, công đức cũng phát sinh vô tận).

3) Môn Sám Hối: Tưởng tận hư không khắp pháp giới, trần trần sát Đế võng vô tận trước Tam Bảo, có Đế võng vô tận thân. Mỗi mỗi thân đều đêm hết lòng chí thành sám hối Đế võng vô tận tội chướng. Nghĩa là từ hồi nào đến thân ngày nay, đã gây năm tội nghịch, mười

điều ác, các phiền não sở tri chướng. Mỗi thân, sám hối Đế võng vô tận tội chướng. Mỗi tội chướng, có Đế võng vô tận thân sám hối. Tưởng chung một môn này tất cả đời vị lai không bao giờ ngơi nghỉ. Mỗi niệm nối nhau không nhàm xen hở. Thân, ngữ, ý nghiệp nối nhau không nhàm mỏi (Hoặc trong khi ngồi tưởng sám hối, trước Phật sám hối, nên tu tập quán môn này).

4) Môn phát nguyện: Tưởng tận hư không khắp pháp giới, trần trần sát sát Đế võng vô tận, trước Tam Bảo có Đế võng vô tận thân. Mỗi thân phát Đế võng vô tận nguyện. Nghĩa là: Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thề nguyện dứt, Phật pháp vô biên thề nguyện học, vô biên phước trí thệ nguyện tập, vô thượng bồ-đề thệ nguyện thành. Đem tất cả tự tâm đã an vui với thệ nguyện mà phát chung. Tưởng chung mỗi môn này tận đời vị lai tế không ngơi nghỉ. Mỗi niệm nối nhau không xen hở. Thân, ngữ ý nghiệp không nhàm mỏi. (Trong lúc ngồi niệm luyện trước Phật, thì phát nguyện tu tập pháp quán tưởng này).

5) Môn trì tụng: Tưởng tận hư không khắp pháp giới, trần trần sát sát Đế võng vô tận trước Tam Bảo, có các Đế võng vô tận thân. Mỗi thân trì các Đế võng vô tận chân ngôn giáo pháp danh hiệu Chư Phật, Bồ-tát. Mỗi chân ngôn giáo pháp, danh hiệu Chư Phật, Bồ-tát có Đế võng vô tận thân trì tụng. Tưởng chung một môn này, tận đời vị lai không ngơi nghỉ. Mỗi niệm nối nhau không xen hở. Thân ngữ, ý nghiệp không nhàm mỏi (Hoặc khi trì tụng kinh v.v... trước quán tưởng pháp môn này rồi, sau đó trì tụng rất nhiệm mầu. Năm pháp môn đã thực hành rồi, còn các hạnh khác, y theo đây mà tu tập).

Nếu tu tập Tương túc quán, có bốn câu:

1) Một tức là một: Nghĩa là quán một sợi lông có một cái tai. Một cái tai, đồng thời là một sợi lông.

2) Tất cả tức là một.

3) Một là tất cả: Hai câu này nên hợp lại mà quán. Nghĩa là khi quán tất cả trần, tức là một Đức Phật. Một Đức Phật đồng thời tức là tất cả trần.

4) Tất cả tức là tất cả: Nghĩa là khi quán tất cả người, tức là tất cả Phật, tất cả Phật đồng thời tức là tất cả người, trong mỗi câu tất cả các pháp lệ theo đây mà quán.

Nếu tu tập Tương nhập quán cũng có bốn câu:

1) Một nhiếp một, đem nhập một: Nghĩa là quán một người, nhiếp một Đức Phật, đem nhập vào một vị Bồ-tát. Như cái gương phía Đông

nhiếp cái gương phía Nam, đem nhập vào cái gương phía Tây.

2) Một nhiếp tất cả, đem nhập một: Nghĩa là quán một cái hoa nhiếp tất cả sông, đem nhập vào một hòn núi.

3) Tất cả nhiếp một, đem nhập tất cả: Nghĩa là quán tất cả trần nhiếp một Đức Phật, đem nhập vào một sợi lông.

4) Tất cả nhiếp tất cả, đem nhập vào tất cả: Nghĩa là quán tất cả cây nhiếp tất cả thần, đem nhập vào trong tất cả biển. Trong mỗi câu, tất cả các pháp lệ theo đây mà quán tưởng. Hai phép quán: Tương tức, tương nhập này, tuỳ theo mỗi câu mà quán tưởng, lại có quán chung, quán riêng, nhiều pháp môn. Sợ rườm rà nên không trình bày hết, chỉ chuyên tâm tu luyện, tự nhiên hiểu thấu.

Cho nên ngài Bùi Công ở trong bài tựa Pháp Giới quán có nói rằng: "Chỉ khiến cho người học không rõ cảnh trong tự tâm, tâm tuệ đã sáng tỏ rồi, tự thấy nghĩa vô tận. Đừng đem giáo nghĩa Viên Thông chia chẻ vụn vặt từng đoạn. Nếu đồng thời tu tập đầy đủ tương ưng quán, nghĩa là hễ quán bất cứ một pháp nào, đồng thời đầy đủ các pháp trong pháp giới. Các huyền môn kia lệ theo đây mà hiểu. Nếu muốn tu tập Viên tông ba chỉ quán, chính như thân một người rõ ba đế: Nhân thân giả tướng mà có, đó gọi là Tục đế. Nhân thân duyên sinh vô tánh, sắc thể của nó hoàn toàn không gọi là Chân đế. Nhân thân giả tướng không có tự tánh riêng, thể của nó hoàn toàn tịch chiếu chân lý, gọi là Trung đạo đế. Nhưng ba đế này thể dụng vô ngại, không hữu dung nhau. Ngay nơi một là ba, tức ba là một. Pháp vốn như thị, y như ba đế này hành giả quán sát thành Ba quán ba chỉ. Nghĩa là tâm hành giả quán thân người là giả tướng, lìa được chấp thật có gọi là: Phương tiện tuỳ duyên chỉ. Lại quán thân người sắc thể hoàn toàn không, gọi là không quán. Tức quán tâm nghi này rõ được sắc không, lìa được các chấp sắc thể thật có, gọi là: Thể chân chỉ. Lại quán thân người này hoàn toàn là Trung đạo thật tánh, gọi là Trung đạo quán. Tức là quán tâm này xa lìa được chấp có tướng, và lìa được chấp thể không, gọi là: Viễn ly nhị biên phân biệt chỉ.

Quán tâm như vậy, trong một niệm thấy cả ba đế, nghĩa là lập ba quán, xa lìa được ba món chấp, nghĩa là lập ba chỉ. Ba quán ba chỉ là nhất tâm. Tức một thường là sáu, tức sáu thường là một. Đem nhất tâm này khế đồng sở quán ba đế, cảnh vô ngại của thể và dụng, của không và hữu. Tâm cảnh thường dung, lại thường rõ ràng. Đã quán một thân người mà thành ba quán ba chỉ: quán tất cả đều như vậy. Hỏi rằng: Nói về đại hạnh tóm lại chỉ là vô niệm; vì sao lấy Đế võng tương tức

quán, v.v... khiến cho người khởi lên tưởng niệm vô tận, há không mệt mỏi thân tâm ư ? xin trả lời: Nếu thấy đây là một ly niệm để ngoại cầu vô niệm, là còn chưa được chân vô niệm. Chân vô niệm là niệm vốn không, làm thế nào để được cái niệm và vô niệm không chướng ngại nhau? Nếu được toàn thể viên hạnh trong vô tận hạnh? Lời hỏi này là ý phát xuất ra trong Hoa Nghiêm Kinh Đại Sớ. Nếu không tu tập các quán Đế võng tương tức, thì không thể chứng trọn được Phật quả vô ngại. Nay có người tiểu căn nghe pháp môn này liền thêm phiền loạn, hoàn toàn không thèm để ý. Người xưa nói rằng: Con ếch ngồi đáy giếng không thể biết biển lớn, núi Thái không thể đựng trong đãy được.

5) Quán Vô Chướng Ngại Pháp Giới.

(Tức tương tức pháp giới sở y tổng pháp giới quán). Nghĩa là thường quán sát tất cả các pháp nhiễm tịnh. Thể của nó hoàn toàn vô chướng ngại pháp giới tâm. Trí năng quán này cũng tưởng toàn là pháp giới tâm. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Biết tất cả các pháp, là tâm tự tánh. Thành tựu tuệ thân, không do tha ngộ”. Lại Ngài Thanh Lương nói rằng: “Nếu biết súc vật đều là tâm, mới rõ được tâm tánh. Nay trong pháp giới vô chướng ngại này, vốn đủ ba thế gian, bốn pháp giới. Tất cả các pháp nhiễm tịnh, không có một pháp giới nào ra ngoài pháp này, mà pháp giới này đầy đủ cái này, cái kia, xen nhau vô chướng ngại. Thời biết căn căn, trần trần hoàn toàn là pháp giới vô chướng ngại. Nếu trong bốn oai nghi, thường quán căn căn, trần trần đều là pháp giới lớp lớp vô tận, thì tu được cảnh giới Phổ Nhãn. Quán này là căn bản của tất cả phép quán Tam-muội. Nếu thường tu tập tất cả Tam-muội thì quán môn tự nhiên hiện tiền”. Như đã nói nhiều quán môn, hoặc ưa thích tổng tu, hoặc tu một, hai phép, tuỳ tâm đều được, chỉ chuyên cần tu luyện, một đời chưa được, ba đời chắc chắn hoàn thành. Lại nữa, hành giả phải khởi lên tư tưởng, tưởng được hiện tiền, thường hiện không ẩn mới là Hoa Nghiêm Viên giáo chân Hạnh; Thanh Lương Sớ Chú: Sự sự vô ngại trong mười huyền môn gồm có sáu câu. Năm câu trước là khởi tưởng tu luyện, luyện được hiện tiền rồi, lại không tưởng luyện, tuy không tưởng luyện mà thường hiện không ẩn, mới thành đệ lục hành cứu, pháp Giới Quán chép: “Suy tư thật sâu xa, khiến nó hiện ra trước mắt, tròn sáng hiển hiện, xứng hạnh cảnh giới”. Thiền sư Khê Sơn giải thích rằng: “Suy tư khiến nó hiện ra chân giải. Đã hiện ra liền dừng suy tưởng. Tuy không suy tưởng mà cũng thường hiện ra, không giấu kín mới là thật hạnh”.

Thiền Sư Nhất Hạnh nói rằng: “Trước phải khởi tưởng, tưởng

được hiện tiền, sau đó dùng Bát-nhã không mà trừ sạch nó. Tức thành đại dụng không nghĩ bàn; liền đốn nhập quả Phật. Nếu trong khởi tâm quán đó, lầm lãnh hội ý Bát-nhã, dẫu cho có nhập không cũng mất đạo lý viên đốn, đối với Viên tông hành giả tu luyện tha thiết thì tự nhiên lời nói biến mất, dứt bặt suy nghĩ, phân minh rõ ràng mới là hạnh chân hạnh. Nếu được như vậy trong bốn oai nghi thường thấy những cảnh giới không thể nghĩ bàn. Người muốn tu đạo, nên lưu tâm việc này, xưa nay như vậy, chỉ vì mê muội không thấy đó thôi".

Người tu tâm hoặc có cảnh mộng thiện ác, hoặc gặp các thứ ma chướng hiện ra các cảnh giới khác: Trái thuận, hay nghe các thứ tiếng thiện ác, hoặc các loài trùng kiến bò chạy trên thân, hoặc thân tâm không an, thường lo lắng. Hoặc khi nhập quán tưởng có các thứ tướng hiện, không đồng với bổn quán tương ưng, v.v... Điều cần phải quán đó như chiêm bao, mộng huyễn, tất cả đều không có thật. Hoặc quán tất cả là tự chân tâm của mình. Luận Khởi Tín dạy rằng: "Nên chớ nghĩ duy tâm, cảnh giới liền diệt, không thể làm hại mình được".

Từ trên đến đây đã nói xong phần Hiển Giáo Tâm Yếu.

II. KẾ ĐẾN NÓI MẬT GIÁO TÂM YẾU:

Gồm có các bộ như: Thần Biến Sớ Sao, Mạn-trà-la Sớ Sao, đều do Đà-ra-ni giáo là Mật Viên. Hiển giáo Viên tông về phần trước, nói sự tu hành cốt yếu trước phải ngộ pháp giới Tỳ-lô. Sau đó y ngộ, tu biển Hạnh Phổ Hiền, lìa được sinh tử, chứng được mười thân Phật quả vô ngại. Như người bệnh được thuốc tốt, cần phải biết phân lượng, phép tắc bào chế, trộn chung mà uống, mới được lành bệnh, thân an.

Nay thần chú Mật Viên, tất cả chúng sinh cho đến nhân vị Bồ-tát, tuy không hiểu được, chỉ tụng cũng được Pháp giới Tỳ-lô, biển Hạnh Phổ Hiền. Được lìa sinh tử, thành tựu mười thân Phật quả vô ngại, như người bệnh gặp được món thuốc hay, tuy không biết phân lượng phép tắc hoà hợp; chỉ cần uống thuốc thì tự nhiên trừ bệnh thân an. Cho nên kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: "Mật chú của Chư Phật là phép bí mật, chỉ có Phật và Phật tự biết mà thôi; các vị Thánh không thể không đạt. Chỉ tụng trì là diệt được lỗi lớn, mau lên Thánh vị". Lại nói rằng: "Thần chú là Mật ấn của Chư Phật; Phật, Phật truyền nhau, người khác không thể thấu hiểu". Bát-nhã sớ của Hiền Thủ chép: "Chú là pháp bí mật của Chư Phật, người không thể hiểu được". Chỉ tụng trì không cần phải gượng giải thích. Còn Niết Bàn sớ của Tuệ Viễn chép: "Chân ngôn chưa chắc là chuyên ngữ của người Thiên-trúc. Phiên dịch lại không hiểu, vì vậy

nên không phiên dịch giải thích!". Trong Thiên Thai Chỉ Quán chép: "Bậc Thượng Thánh mới nói được cả hai pháp Hiển Mật, người phàm chỉ truyền bá Hiển giáo, không thể truyền bá Mật giáo. Các Sư từ xưa đều nói: "Đà-Ra-Ni, nhân vị Thánh Hiền, không thể hiểu giải, chỉ nên kính tin mà thọ trì, diệt được tội chướng, thành tựu phước đức".

Hỏi: Vì sao Mật chú của Chư Phật không thể giải thích cho người khác hiểu?

Đáp: Thần chú là Viên mãn, không phải phiến diện, giải thích sẽ làm cho chú mất; bởi vậy nên không giải thích cho người khác rõ được. Mật nghĩa nằm trong đó, cần phải suy nghĩ. Trong Pháp Hoa Sao chép: "Về bí pháp của Chư Phật, không hiểu nghĩa ấy được, cho nên nói là Mật ngôn". Kinh Bát-nhã chép: "Tổng trì như thuốc thần, cũng như cam lồ của trời trị lành các bệnh sai lầm, uống vào thì thường an vui".

Lại trong kinh Lý Thú, đức Như Lai có nói năm tạng:

Kinh tạng: Như sữa bò.

Luật tạng: Như váng sữa.

Luận tạng: Như sữa sống.

Bát-nhã tạng: Như sữa chín.

Đà-Ra-Ni tạng: Như đề hồ.

(Đề hồ là vị đã lọc, nó ngon nhất trong các món ăn từ sữa, trị được các bệnh, khiến các hữu tình thân tâm an vui. Ở Tây Thiên-trúc thường dùng đề hồ để trị các bệnh).

Đà-Ra-Ni trong các kinh, luật là tối thắng bậc nhất, trừ được các tội giúp cho các chúng sinh giải thoát sinh tử, mau chứng Niết-bàn, pháp thân an vui. Lý Thú Kinh Sớ chép: (Tánh Đức Lực Đại, mật chú công cường, giải hạnh tuy kém, giải thoát thì mau). Các Đại Sư như: Hiền Thủ, v.v... chỉ cho kinh Hoa Nghiêm là Viên, các giáo đều không phải. Nay lại cho Đà-Ra-Ni là Viên giáo, vậy không trái với Hiền Thủ và các Đại Sư khác hay sao?

Đáp: Viên tông có hai:

1) Hiển Viên.

2) Mật Viên.

Hiền Thủ chỉ y cứ Hiển giáo xếp Hoa Nghiêm vào Viên. Nay có Thần Biến Sớ Sao, Mạn-trà-la Sớ Sao, cho rằng giống như các thứ Hiển Viên, Mật giáo cũng là Viên tông. Hiển Mật đã khác mà các sự không trái. Y theo Mật viên tu luyện cũng chia làm hai:

1) Nghi quỹ trì tụng.

2) Nghiệm thành hành tướng

Trước hết nói về Nghi Quỹ Trì Tụng:

Chân ngôn hành giả, mỗi ngày muốn y pháp trì tụng, trước phải ngồi Kim Cương chính toạ: (gác chân bên phải lên chân bên trái, hoặc tuỳ ý ngồi sao cũng được). Tay kiết ấn Đại Tam-muội (ngửa hai tay ra, tay phải để lên tay trái, hai đầu ngón cái giáp lại nhau để ngang dưới rún, ấn này diệt trừ tất cả cuồng loạn vọng niệm, tư duy tạp nhiễm). Thân tâm lắng tịnh, nhập định Tam-muội pháp giới. Tưởng: tự thân trên đỉnh đầu ta có một chữ Phạm Lam.

Chữ này biến ra ánh sáng rực rỡ, như hạt ngọc sáng, như trăng rằm tròn sáng. Tưởng chữ này xong, lại dùng tay trái kiến ấn: Kim Cương Quyền ấn: (để ngón tay trong lòng bàn tay bấm vào đốt vô danh, chỉ giáp lòng bàn tay, rồi nắm chặt như cầm cú, ấn này trừ chướng nhiễm trong ngoài, thành tựu tất cả công đức). Tay mặt cầm chuỗi ghi số, miệng tụng: Tịnh pháp giới chân ngôn: Hai mươi mốt, hoặc một trăm lẻ tám biến chân ngôn: Án lam; hoặc chỉ trì Lam hay Lãm, chữ Phạm là:

Án: (?) Lam: (?)

Chữ Lam tịnh pháp này, hoặc tưởng, hoặc tụng, thường khiến cho ba nghiệp đều được thanh tịnh; tất cả tội chướng đều được tiêu trừ. Lại thành tựu tất cả việc cao quý; ở chỗ nào cũng được thanh tịnh. Y phục bất tịnh khiến thành tịnh y. Thân không tắm gội vẫn được sạch sẽ; nếu dùng nước làm cho sạch, không gọi là chân tịnh. Nếu dùng chữ Lam tịnh pháp giới này để tịnh, thì gọi là bình rốt ráo thanh tịnh. Như một hạt linh đơn điểm vào sắt thành vàng ròng. Một chữ chân ngôn biến nhiễm thành tịnh kệ rằng:

Chữ ra mầu trắng tươi, chấm không để trang nghiêm. Chữ Phạm Ra: I, điểm vào chỗ không trên, tức thành chữ Lam tự I.

Như hạt ngọc quý trên nhục kế, đặt ở đỉnh đầu; Chân ngôn đồng pháp giới; vô lượng các tội trừ. Tất cả chỗ xúc uế, nên gia trì chữ này. Nếu thật duyên ngoài không đầy đủ, không có nước để tắm gội, thiếu y mới sạch, thì chỉ dùng chữ Lam để làm sạch. Nếu người có duyên ngoài đầy đủ, thì trước dùng nước xong, mặc y mới thanh tịnh, lại dùng chữ Lam tịnh nữa, tức là trong ngoài đều thanh tịnh. (Như các Chân ngôn Nghi quỹ nói).

Rồi tiếp tục tụng chú: Hộ thân chân ngôn hai mươi mốt hay một trăm lẻ tám biến. Chân ngôn, chữ Phạm Án Xỉ Lâm; Nếu tụng chú này, diệt được năm tội nghịch, mười điều ác, tất cả tội nghiệp, có công năng dứt trừ tất cả bệnh, tai chướng, ác mộng tà mị, quỷ thần và các việc không tốt. Thành tựu các việc cao quý, khiến tất cả mọi sự mong cầu

đều được viên mãn. Chú này là tâm của Chư Phật, nếu người duyên tâm tụng một biến thì che chở được đồng bạn. Tụng ba biến thường che chở được mọi người trong thành. Cho đến bảy biến thì che chở được người trong bốn thiên hạ.

(Rộng như kinh Văn-thù Căn Bản Nhất Tự Chú nói).

Kế đến tụng một trăm lẻ tám biến Lục Tự Đại Minh chân ngôn: Án Ma Ni Bát Di Hồng. Án Ma NI Bát Minh Hồng hay Án Ma Ni Bát Nạp Minh Hồng, tiếng Phạm là:

Án (?) Ma (?) Ni (?)

Bát (?) Di (?) Hồng (?)

Nếu tụng chú này ngay chỗ ở có vô lượng Chư Phật, Bồ-tát, tám bộ trời rồng nhóm hội, đầy đủ vô lượng pháp môn Tam-muội. Ai tụng trì, thì bảy đời dòng họ đều được giải thoát, các sán lãi trong bụng, sẽ được Bồ-tát vị. Người đó hằng ngày được đầy đủ công đức của sáu pháp Ba-la-mật. Được biện tài trí tuệ thanh tịnh vô tận. Hơi ra trong miệng chạm đến người nào, người đó nhờ sự tiếp xúc mà xa lìa các sân độc, sẽ được Bồ-tát vị. Nếu như: Người trong bốn thiên hạ, đều được địa vị Bồ-tát Thất Địa. Các Bồ-tát đó có bao nhiêu công đức, sánh với công đức tụng một biến chú Lục tự, cả hai đều bình đẳng không khác nhau. Chú này là sự vi diệu của bổn tâm của Bồ-tát Quán Thế Âm. Nếu có người chép lại sáu chữ Đại Minh này, sánh với sự viết, chép tám muôn bốn ngàn pháp tạng, cũng bằng công đức đó, không khác. Nếu dùng vàng báu tạo tượng Như Lai, số như bụi cát, không bằng công đức viết một trong sáu chữ này. Nếu người nào đã được sáu chữ Đại Minh này, thì họ không còn bị đắm nhiễm tham, sân, si. Nếu đeo thần chú này trong mình cũng hết nhiễm tham, sân, si. Người trì tụng mang sáu chữ này, tất cả loài hữu tình được chân tay người đó chạm đến, mắt người đó ngó đến, đều mau đắc Bồ-tát vị, không còn chịu các khổ sinh tử nữa. Khi nói xong Lục Tự Đại Minh này, có bảy mươi Thất-Cu-Chi Phật đồng thời xuất hiện và đồng thanh nói: "Chú Chuẩn-Đề". Cho nên biết Lục Tự Đại Minh và chân ngôn Chuẩn-Đề nương lẫn nhau (Rộng như kinh Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương nói). Sau đó kiết ấn Chuẩn-đề ở tim.

Chân ngôn Chuẩn-đề và nhất tự luân chú, một thời đồng tụng một trăm lẻ tám biến xong rồi, xả ấn lên trên đỉnh đầu. (Hoặc không muốn tụng Đại Luân Chú, chỉ trì chân ngôn Chuẩn-đề cũng được).

Cách bắt ấn Chuẩn-đề:

Dùng ngón áp út và ngón tay út bên mặt và bên trái xỏ lộn với nhau cùng trong lòng bàn tay, dựng hai ngón tay giữa thẳng lên, rồi co

hai ngón tay trỏ mà vịn vào lóng đầu của hai ngón tay giữa; còn ngón tay cái thì đè lên lóng giữa ngón tay áp út bên mặt, để ngang ngực, dốc lòng tụng chú Chuẩn-đề và Đại Luân Nhất Tự, nếu muốn triệu thỉnh, đưa qua đưa lại hai đầu ngón tay trỏ. Khi kiết ấn, tụng chú, muốn đếm số cho nhớ, ở nơi tay chia lóng chỉ trên mà đếm. Hoặc trên tay của tượng Bồ-tát Chuẩn-đề, hoặc quán tâm ghi số, hoặc mười niệm ghi số. Hoặc kiết ấn tụng được một nghìn tám chục biến thì rất tốt (1.080), hay hơn một trăm lẻ tám biến. Hoặc chỉ tay bên trái kiết ấn Kim cương quyền, tay bên phải cầm chuỗi trì số cũng được, nếu sợ lộn, chỉ cần tán trì cũng có kết quả.

Chân ngôn Thất-Cu-Chi Phật Mẫu Đại Chuẩn-đề Đà-Ra-Ni như sau: Nam-mô tát đa nẫm, tam miệu tam Bồ-đề cu chi nẫm, đát thiệt tha. Án chiết lệ chủ Lệ Chuẩn-đề Ta Bà Ha, Bộ Lâm.

Phạn tự: Nam (?) Mô (?) Tát (?)
Đa: (?) Nẫm (?) Tam (?) Miệu (?)
Tam: (?) Bồ (?) Đề (?) Cu (?)
Chi: (?) Nẫm (?) Đát (?) Điệt (?)
Tha: (?) Án (?) Chiết (?) Lệ (?)
Chủ: (?) Lệ (?) Chuẩn (?) Đề (?)
Ta bà: (?) Ha (?) Bộ Lâm (?)

Phật dạy: Thần chú này có công năng diệt trừ mười điều ác, năm tội nghịch tất cả tội chướng, thành tựu tất cả trăm pháp công đức. Trì chú này dù ở tại gia hay xuất gia, bất luận kẻ tịnh người uế; chỉ dốc lòng trì tụng khiến cho chúng sinh đời sống ngắn ngủi, sẽ tăng thọ vô lượng, Ca-Ma-La-tật là bệnh nan y còn trị lành, huống chi các bệnh khác; nếu không tiêu diệt thì không có việc ấy. Nếu có ai tụng đủ bốn mươi chín ngày thì Bồ-tát Chuẩn-đề sẽ khiến hai vị Thánh thường theo người đó, kẻ nào có tâm niệm thiện ác, mỗi việc đều báo hiệu hai bên tai người đó đầy đủ. Nếu có người vô phước vô tướng cầu làm quan không toại ý, nghèo cùng khốn khổ, bức ngặt; thường tụng chú này sẽ khiến hiện đời được phước báo như Luân Vương, cầu xin quan vị quyết được xứng toại. (Trong Thiền Tông, Truyền Đăng Lục có dẫn tích người xưa) "Cu-Chi chỉ niệm Tam Hành Chú, mà được nổi tiếng hơn người". Nếu cầu trí tuệ được đại trí tuệ; cầu con trai con gái lại được con trai con gái, hễ có mong cầu chi, đều được xứng lòng toại ý, giống như ngọc Như ý; tất cả tuỳ tâm mình muốn. Hơn nữa, tụng chú này thường khiến cho các vua chúa, đại thần và bốn chúng đều sinh tâm kính yêu, thảy đều vui mừng. Người tụng chú này, xuống nước không chết chìm, nạn lửa không thể

đốt, thuốc độc, kẻ thù, quân trận, cường tặc và ác thú, các loài quỷ mị đều không thể hại. Nếu muốn thỉnh Phạm vương, Đế-thích, Tứ Thiên Vương, Diêm-la, Thiên Tử, v.v... Chỉ tụng chú này thỉnh quyết đến, không dám trước sau chậm trễ. Hoặc có sai khiến gì được như ý muốn. Thần chú này có thế lực lớn đối với Châu Thiện Bộ ở phía Nam. Dời núi Tu-di; khô nước biển lớn; chú vào cây khô sẽ phát sinh hoa quả. Huống chi là người năng y pháp trì tụng, sẽ chuyển được nhục thân, được đại thần túc, sinh về cõi trời Đâu-suất. Nếu cầu sống lâu và các thuốc tiên, chỉ y pháp tụng chú, sẽ được thấy Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Kim Cương Thủ trao cho thuốc hay thần tiên, lấy đó mà ăn, sẽ thành tiên đạo. Được sống lâu bằng với mặt trời, mặt trăng, chứng Bồ-tát vị. Nếu y theo pháp tụng mãn một trăm vạn biến liền được đến Tịnh Độ mười phương, hầu hạ các vị Phật, nghe khắp pháp mầu, chứng được quả Bồ-đề.

Nếu muốn thành tựa Đàn pháp: ở đây không đồng với các chân ngôn khác, cần phải rộng tu cúng dường, chỗ kiến lập đạo tràng phải cuốc đất hương nê: (Bột hương trộn đất nhão để thoa đắp đạo tràng). Ở đây chỉ dùng một cái kính tròn mới chưa dùng (làm kính đàn) để trước tượng Phật, tối ngày Rằm; mặt hướng về phương Đông, ngồi trước kính đàn tuỳ khả năng trang nghiêm; các món cúng dường đầy đủ. Xông hương an tức, nước tịnh thuỷ, sau đó kiết ấn để ngang ngực. Chú vào kính đàn một trăm lẻ tám biến Chuẩn-đề, xong lấy bao vải bỏ Kính đàn vào, đi đâu cũng đem theo để tuỳ thân. Mỗi khi muốn tụng niệm, chỉ lấy Kính đàn ra để trước mặt, kiết ấn tụng chú. Nếu không thể tụng niệm hằng ngày, chỉ cần vào mười ngày trai, đối kính trì tụng cũng được.

Ngoài mười ngày trai, không trì tụng trước Kính đàn cũng được (Trong Mật tạng, Kính đàn này là yếu diệu, nhiếp chung tất cả các Đàn pháp. Nếu không có kính đàn, chỉ tưởng một kính đàn trước mặt mà trì tụng. Kinh Tịnh Chư Ác Thú và nhiều kinh khác, cũng phần nhiều có nói. Tưởng thành đàn pháp, trì tụng là hơn hết, hoặc không tưởng được Đàn pháp chỉ nên chuyên tâm trì chú. Vào mười ngày trai: Một, Tám, mười bốn, mười lăm, mười tám, hai mươi ba, hai mươi bốn, hai mươi tám, hai mươi chín và ba mươi). Chú Chuẩn-đề này các Đức Phật và Bồ-tát đều đồng nói. Độc Bộ Biệt Hành, nhiếp chung hai mươi lăm bộ Chân Ngôn Đàn Pháp. Chuẩn-đề bổn Phạm văn nói có mười bài kệ. Bồ-tát Long Thọ nói bài kệ khen ngợi rằng:

"Chuẩn-đề Công đức nhóm"
Tâm vắng lặng thường tụng

Tất cả các nạn lớn
Không thể xâm hại người
Trên trời và cõi người
Thọ phước ngang bằng Phật
Gặp châu Như ý này
Đắc định chứng Bồ-đề.

(Rộng như trong kinh Chuẩn-đề và Trì Minh Tạng Long Thọ Nghi, chép: Chuẩn-đề cũng có chỗ gọi Chuẩn-Nê hay Tôn-Na, v.v... Chỉ là âm Phạm bất đồng mà thôi).

Chú Đại Luân Nhất Tự: Tức là Bộ Lâm, cũng gọi là Nhất Tự Tâm Chú trong đời mạt pháp. Đối với thời mạt pháp, khi chánh pháp sắp diệt, chú này có thế lực lớn. Có công năng cứu giúp thế gian, làm lợi ích lớn, hộ trì pháp tạng của Như Lai, hàng phục tất cả tám bộ chúng, bẻ gãy tất cả các ác chú trong thế gian. Đây là đảnh của các Đức Phật, là tâm của Bồ-tát Văn-thù, ban thí vô uý cho tất cả chúng sinh và ban sự vui sướng cho họ. Hễ có tu trì thì sẽ tuỳ ý đắc quả, giống như ngọc Như Ý có công năng làm mãn nguyện tất cả. Nếu tụng chú này, nhìn thẳng bốn phương, các quỷ thần ác cách xa năm trăm trạm đều chạy tản lạc. Các sao xấu và các Thiên ma không dám đến gần. Nếu trì tụng các chân ngôn khác sợ không thành tựu. Nên dùng chú này chung với chân ngôn khác đồng thời trì tụng, nhất định sẽ kết quả. Nếu không thành tựu và hiệu nghiệm thì đầu của các vị thần hộ chú kia sẽ bị vỡ ra làm bảy phần. Cho nên chú này thường giúp sức cho các chân ngôn mau có kết quả. Hoặc trì riêng chú này cũng được. (Rộng như kinh Văn-thù Nghi; kinh Mạt Pháp Trung Nhất Tự Tâm chú nói).

Từ trước đến giờ lần lượt trì tụng đến chú Chuẩn-đề, nếu không kiết được ấn Chuẩn-đề, thì lấy tay trái kiết ấn Kim Cương quyền, tay mặt cầm chuỗi mà trì tụng. Hoặc không theo sau, trước tụng chân ngôn tịnh pháp giới lần lượt thọ trì, chỉ trì thần chú Chuẩn-đề, hoặc căn độn không thể thọ trì đầy đủ chú ấy; chỉ từ chữ Án trở xuống mà trì, nên chữ án là lời quy kính. Từ chữ Án, v.v... là chánh thần chú. Mỗi khi trì tụng rồi, liền dùng tay mặt kiết ấn Kim Cương; miệng tụng Hồng Hồng Chân ngôn liên tiếp mà ấn vào năm chỗ:

1) Ấn vào trán.
2) Ấn vào vai trái.
3) Ấn vào vai phải.
4) Ấn ở ngực.
5) Ấn vào cổ họng.

Ấn xong, xả ấn trên đỉnh đầu.

Trừ được tất cả ma chướng, thành tựu tất cả việc tốt. Hoặc trước khi trì tụng, kiết ấn trước năm chỗ rồi trì tụng. Lại nữa, tuỳ theo chỗ ở, muốn bài trừ Thần Quỷ, kiết Kim Cương giới, chỉ tụng chân ngôn Chuẩn-đề, gia trì chú vào nước thơm hai mươi mốt biến, rồi rải vào tám phương trên, dưới liền thành tịnh trừ kiết giới. Lại khi chánh trì tụng, y cứ theo kinh Cu-Chi Đà-Ra-Ni, kinh Kim Cương Đảnh, kinh Ngũ Tự Đà-Ra-Ni kinh, v.v... Trong các bản kinh đó có nói, theo căn cơ ưa muốn, cũng có nhiều thứ.

1) Du-già Trì: Chỉ tưởng có chữ hiện trong tâm nguyệt luân. Nghĩa là tưởng tự tâm mình như một mặt trăng tròn vắng lặng, thanh tịnh, trong ngoài rõ ràng, lấy Phạm như chữ Án:

(?), Án trong tâm nguyệt luân; lấy Chiếc

Lệ Chủ Lệ Chuẩn

Đề Ta Bà Ha

Tự theo trước xoay về phía phải, lần lượt hiện khắp theo một vòng trong (đọc cao giọng xong rồi trở lại từ đầu).

2) Xuất Nhập Tức Trì: Nghĩa là trong hơi thở ra vào, tưởng có chân ngôn chữ Phạm. Hơi thở ra theo chữ ra, hơi hít vào theo chữ vào. Từng chữ sáng rõ như xâu chuỗi ngọc sáng không được xen hở (Hoặc khi thở hơi ra tưởng tượng trong tự tâm như mặt trăng tròn sáng. Chín chữ Phạm, xoay vần đều có ánh sáng năm mầu. Từ trong miệng mình lưu nhập vào miệng Bồ-tát Chuẩn-đề, xoay quanh bên phải, an bố trong tâm nguyệt luân của Bồ-tát Chuẩn-đề. Nếu khi hít vào tưởng chữ trong tâm nguyệt luân của Bồ-tát Chuẩn-đề. Từng chữ nối kết tròn liền nhau, chữ cũng xoay vần đều có ánh sáng năm mầu, từ miệng của Bồ-tát Chuẩn-đề tuôn ra, lưu nhập vào miệng mình, xoay vần bên mặt, an bố trong tâm nguyệt luân. Xong rồi trở lại từ đầu, rất là nhiệm mầu).

3) Kim Cương Trì: Môi, răng không động, lưỡi không đến nóc vọng, chỉ động đậy nhẹ trong miệng.

4) Vi Thinh Trì: Chỉ khiến cho tai mình tự nghe, không chậm, không mau, từng chữ mà xưng niệm rõ ràng

5) Cao Thinh Trì: Khiến kẻ khác nghe được diệt tội, lại có hai cách trì tụng:

1) Vô số trì tụng: Nghĩa là không trì chuỗi định số, thường trì luôn không xen hở.

2) Hữu số trì tụng: Nghĩa là lần chuỗi trì tụng mỗi ngày phải hạn định bao nhiêu, không được thiếu sót.

(Nếu lần chuỗi trì tụng, thì công đức đạt được, như các kinh rộng khen ngợi. Như kinh Sổ Châu Công Đức chép: Nếu có người tay cầm chuỗi, tuy không niệm Phật và Đà-ra-ni, người ấy cũng được phước vô lượng. Và trong kinh Kim Cương Niệm Châu có bài kệ rằng: "Nếu để trên đỉnh đầu thì diệt tội Vô gián, đeo trên cổ diệt được bốn trọng nghiệp, trì nắm trên tay sẽ trừ các tội, giúp cho hành giả mau thanh tịnh". Lại Nhất Tự Đảnh Luân Nghi có nói: "Nếu dùng chân ngôn chữ Lam gia trì sổ châu bảy biến, khi hành trì một biến thành nghìn biến, nếu lần chuỗi đến hột mẫu châu, phải trở lại không được vượt qua mẫu châu). Mỗi ngày y pháp trì tụng, phải phân định thời hạn. Nếu một thời, thì buổi sớm mai. Hai thời thì thêm buổi hoàng hôn. Nếu trì ba thời thì thêm buổi chánh ngọ. (Nếu công việc bận rộn, không cần phải chia thời, lúc nào trì cũng được).

Nếu hạng thượng căn trì tụng, thì phải Ba mật tương ưng.

1) Thân mật: Kiết ấn.

2) Ngữ mật: Tụng chú.

3) Ý mật: Hoặc tưởng chân ngôn chữ Phạm, hoặc duyên nghe theo tiếng trì tụng.

Hoặc tưởng tượng Bồ-tát Chuẩn-đề, hoặc tưởng trong tay Bồ-tát cầm các vật như chày, bình, hoa, quả, v.v... Cho nên Thần Biến Kinh sớ chép: nếu dùng Ba mật làm môn tu hành, thì không cần tu trải qua nhiều kiếp số tu đủ các hạnh, chỉ ở đời này đầy đủ các Ba-la-mật rồi. Lại nữa, khi đang trì tụng chưa đủ một trăm lẻ tám biến, không được nói chuyện với ai. Còn nếu muốn nói chuyện thì phải tưởng trên lưỡi mình có chữ Lam phạm: dù cho nói chuyện cũng không bị xen hở.

Hỏi: Chỉ trì tụng Nhất đạo chân ngôn sẽ thành tựu hay phải rộng trì nhiều bổn chân ngôn mới được thành tựu công đức?

Đáp: Có hai môn:

1) Tuỳ căn cơ ưa muốn: Căn cơ có nhiều sự ưa muốn khác nhau. Hoặc ưa trì ba, năm, mười đạo cho đến một trăm đạo, v.v... Trong đó tuỳ căn cơ ưa muốn khác nhau, đều được trì tụng.

2) Muốn mau chóng thành tựu: Muốn cầu tất cả công đức mau được thành tựu, nên chuyên trì tụng Nhất đạo chân ngôn cho thành thì tất cả chân ngôn công đức đều thành tựu.

Cho nên kinh Văn-thù Nghi Quỹ chép: Nếu muốn tất cả công đức thành tựu, không được dùng chân ngôn mà khởi tư tưởng như trên, tuy có số đạo chân ngôn, nhưng đó là thứ lớp trì tụng với chân ngôn Chuẩn-đề.

Hỏi: Đã chuyên tụng một thần chú mau được thành tựu, vì sao lại

bày vẽ chân ngôn Chuẩn-đề cho người trì tụng?

Đáp:1- Vì chân ngôn Chuẩn-đề bao gồm tất cả các chân ngôn, và chứa đựng tất cả các Thần chú. Các chú không bao gồm được Chuẩn-đề như biển lớn chứa được nước trăm sông, chứ trăm sông không thể chứa hết được biển lớn. (Chuẩn-đề bao gồm các chú, sau đây sẽ rõ).

2- Vì Chuẩn-đề Đàn pháp người dễ làm thành tựu. Chỉ lấy một cái kính mới chưa từng dùng, ấy là Đàn pháp, không đồng như các chú, phải kiến lập Đàn pháp, cần phải lựa chọn nơi thanh tịnh, hương nê bôi trên đất, rộng tạo các tượng Phật, các món cúng dường đầy đủ mới thành tựu. (Người có tài vật, tạo nhiều các tượng Phật, các món cúng dường đầy đủ, ở trước tượng Phật, an trí kính đàn, đối trước trì tụng lại càng nhiệm mầu).

Vì Chuẩn-đề không cần lựa tính cách nhiễm tịnh để trì tụng, bất luận tại gia, xuất gia đã lỡ uống rượu, ăn thịt, có vợ con, v.v... đều trì tụng được, không giống như các Thần chú khác cần yếu phải trì giới mới tụng tập được. (Nay vì những kẻ thế tục đeo mang vợ con, uống rượu, ăn thịt, ấy là thường nghiệp của họ. Tuy gặp vị tăng dạy bảo, nhưng tập tánh khó mà sửa đổi. Nếu không dùng Đại chú pháp bất tư nghì này cứu thoát, thì những kẻ như vậy biết ngày nào ra khỏi sinh tử. Còn những ai, trai giới thanh tịnh y pháp trì tụng, thì đó là thù thắng nhiệm mầu hơn hết. Trong kinh Chuẩn-đề nói huống chi là trai giới đầy đủ, y theo pháp đầy đủ để trì tụng, không chuyển, không thân, vãng đến Tứ thiền, sẽ được đại Thần túc ấy).

Sở dĩ thế nên dạy nhiều về chân ngôn Chuẩn-đề, khiến người trì tụng. Nếu muốn trì các chân ngôn khác, tuỳ tâm đều được, đừng định chấp một bên nào. (Tuy nhiên tụng hai chú, trước hết phải khởi tâm viên tín: Ngũ bộ Thần chú, đều là pháp môn thành Phật. Nếu thiếu tin một bộ, thì trở thành huỷ báng Phật pháp). Lại nữa hành giả chân ngôn, mỗi ngày đối trước kính đàn, như ban đầu trì tụng; hoặc chỉ y như trước tiên, tưởng trên đầu mình có chữ phạm Lam, tròn sáng như hạt ngọc quý, sau đó mới trì khoá. Lại theo kinh Đại Thừa Quán Tưởng Mạn-Noa-La, kinh Trì Minh Tạng Thành Tựu Nghi Quỹ, kinh Tôn Thắng Phật Đảnh Tu Du-già pháp và nhiều kinh khác đến mấy mươi bộ, trong đó nói: Hoặc tưởng trên đỉnh đầu mình có chữ Lam biến thành vầng lửa hình tam giác; đốt hết thân hình từ đỉnh tới chân; khắp pháp giới chỉ thấy thanh tịnh, dù có năm tội vô gián mà dùng chữ này đốt thân, cũng đều trừ diệt hết. Tiếp đó, nên tưởng chữ Phạm A: sinh thành tự thân. (Chữ A tức là thể; tức là vô tướng pháp giới, từ vô tướng đó sinh thành

thân hành giả). Lại tưởng chữ Ám; mang kết trong thập tự đảnh môn (Nghĩa chữ Ám; tức là thể, nước ánh sáng của Chư Phật mười phương để rưới lên đỉnh đầu Phật tử. Đây là bí mật quán đảnh pháp môn, sau đó trì tụng. Hoặc tưởng tự tâm như mặt trăng tròn sáng, thanh tịnh, mặt trăng ấy có một chữ Phạn Án.

(Trong nhân vị của Đức Như Lai, nhiều năm tu hành không đắc đạo Bồ-đề, sau tu tập pháp quán này, đầu hôm liền thành chánh giác. Chữ Án chứa đựng đủ vô lượng pháp môn. Là mẹ của tất chân ngôn. Tất cả các đức Như Lai, đều nhờ quán tưởng chữ này mà được thành Phật). Hoặc trong tâm Nguyệt luân tưởng một chữ A: (Chữ A này là thân Phật Tỳ-lô, cũng là pháp giới, cũng là tâm Bồ-đề, nếu người tưởng niệm thì phát sinh được vô lượng công đức). Hoặc tưởng trong tâm Nguyệt luân một chữ Hồng: (Chữ Hồng nhiếp chung Kim cương bộ, tất cả chân ngôn, là chủ thân Kim cương bộ, cũng là ba môn giải thoát. Nếu thường tưởng niệm, thì diệt trừ tất cả tội chướng, thành tựu các công đức). Hoặc trên lưỡi tưởng chữ Lam: hay chữ Hồng, tưởng rồi sẽ tụng trì. Hoặc tưởng trên cổ mình hiện ra hoa sen lớn, trên hoa xuất hiện chữ A, lại tưởng chữ A biến thành mặt trăng tròn. Tưởng mặt trăng đó biến thành chữ Hồng: chữ Hồng biến ra năm chày Kim cương, lại tưởng cái chày này dời lên trên lưỡi, gọi là lưỡi Kim cương, sau đó trì tụng. (Kế đó, hai tay cũng tưởng chữ A; chữ A biến thành nguyệt luân, nguyệt luân biến thành chữ Hồng, Chữ Hồng biến thành mầu trắng năm chày Kim cương mới gọi là tay Kim cương, sau đó kiết tất cả ấn). Hoặc tưởng ra chín chữ Thánh Phạm Chuẩn-đề, mỗi chữ có các thứ ánh sáng An trong tự thân phần: nghĩa là tưởng chữ, Án: an trên đỉnh đầu; chữ Chiết, an nơi hai mắt, chữ Lệ: an ở cổ, chữ Chủ: an nơi tâm, Chữ Lệ: an ở hai vai, chữ Chuẩn: an ở rún; chữ Đề: an ở hai bắp vế; chữ Ta-bà: an ở hai cổ chân và chữ Ha: an ở hai bàn chân. Tưởng An bố khắp nơi rồi, sau đó trì tụng (Kinh Trì Minh Tạng Nghi Quỹ chép: Nếu người nào muốn thành tựu pháp Bồ-tát Chuẩn-đề, thì trước quán tự luân căn bổn vi diệu của Bồ-tát Chuẩn-đề, trên thân mình mỗi chữ ở vào một chỗ rõ rệt, thân đời trước người đó có tất cả tội nghiệp, thì cũng được trừ diệt. Hễ có mong cầu gì quyết định thành tựu, phép An bố chín chữ, trong kinh tạng có nhiều chỗ nói).

Quán tưởng chữ Phạm đã có công đức rộng như trong các kinh Đà-Ra-Ni nói: "Trên đây về quán môn chữ Phạm, trong bốn oai nghi thường tư duy đến, rất đỗi nhiệm mầu". Trong các kinh, tưởng chữ chân ngôn đều là thứ Phạm, chứ không phải chữ Hán. Cho nên Nhất Tự Đảnh Luân Vương Nghi Quỹ chép: "Cái gọi là quán các chữ, chính là

chữ Phạm, không phải chữ ở các địa phương mà có năng lực đại thần dụng". Hoặc có người không thể tưởng được chữ Phạn. Chỉ nên chuyên tâm trì tụng, cũng đủ tất cả Tam-muội. Cho nên, Đại Bi Tâm Kinh nói rằng: "Đà-Ra-Ni là Thiền định tạng; trăm nghìn Tam-muội thường hiện tiền".

Nếu người tha thiết trì tụng, hoặc gặp các thứ ma chướng, hoặc bổng nhiên sợ hãi, hoặc lưỡi khó trì tụng, hoặc thân không an, hoặc ngủ nhiều, giận nhiều, hoặc thấy các tướng lạ, hoặc nghi ngờ các thần chú không muốn trì tụng, v.v... Muốn đối trị các đều đó, thì nên quán tưởng chữ Phạm: Ra, hoặc quán chữ Lam: hay quán chữ A: v.v... Chỉ tuỳ theo đó quán tưởng một chữ, cảnh giới kia tự nhiên tiêu diệt. Nếu tâm sinh ra nhiều phân biệt, nên quán chữ Phạm Sái: tức thánh vô phân biệt. Nếu có tâm mê đắm nhiều, nên quán tưởng chữ Hàm, tức pháp nhân duyên vốn không. (Trên đây là nói theo một mặt, nếu nói thật thì chỉ bất cứ một chữ nào đều có công dụng của nó, nghĩa là một chữ thật đủ tất cả chữ, là công dụng của tất cả Chư Phật, Bồ-tát).

Hỏi: Vì sao chữ Phạn đều có thần dụng không thể nghĩ bàn như vậy?

Đáp: Nghĩa là mỗi chữ tức thể là thân tâm của Chư Phật, Bồ-tát, tức thể là pháp giới lìa tướng. Lại tức thể là giáo, lý, hạnh và quả, cho nên có thần dụng không thể nghĩ bàn. Chữ Phạm: ở phương Tây vốn có sẵn trong pháp nhĩ. Khi thế giới mới thành, Phạm vương truyền nói, đồng như chữ ở xứ này, do Thương Hiệt chế ra).

Hỏi: Nếu vậy, chữ Phạm ở phương Tây, đều có Thần dụng không thể nghĩ bàn, vì sao chỉ nói chữ trong chân ngôn?

Đáp: Nghĩa là chữ trong chân ngôn là pháp nhĩ của Chư Phật, được năng lực không thể nghĩ bàn che chở. Pháp tánh như vậy, có thần dụng riêng. Như ngôn ngữ ở đây chỉ là một, chỉ những câu như "cấp cấp như luật lịnh", v.v... Chú hoả không thiêu được, chú thuỷ không làm chìm, cho nên ngữ chú có công dụng riêng, chẳng phải tất cả ngôn ngữ khác đều có công dụng như vậy. Chữ ở phương Tây cũng thế, v.v... chữ tuy là một mà là chữ trong chân ngôn, mới có thần dụng riêng. Chẳng phải tất cả chữ đều có thần dụng như vậy.

Hỏi: Ở trên nói đối đàn, kiết ấn, tụng chú, v.v... đâu không phải hữu tướng ư ?

Đáp: Pháp giới vô chướng ngại của Viên tông về mặt thể, vốn có vô tận pháp môn. Pháp môn vô tướng của Thiền tông chỉ là một trong vô tận môn. Nay Mật tông, Đàn pháp, thủ ấn, chân ngôn, tức thể lại là

pháp giới vô chướng ngại. (Như Hoa Nghiêm kinh Sớ Sao, trong Thập huyền môn, nương sự hiển pháp môn, nói thế giới Kim sắc, tức là bổn tánh, là trí Bát-nhã vô phân biệt, v.v... Nay có người nói rằng: Trì chú, kiết ấn, đối đàn là trệ ngại tướng, đây chỉ nói theo Thiền tông tức là ly tướng bên ngoài, cầu vô tướng. Tổ sư chỉ vì ngoại đạo mà kiến giải, chứ không phải ý Phật giáo. Lại trong kinh Lăng-nghiêm Sớ chép: Trì tụng Thần chú trừ được các điều ác, nhóm tập các điều thiện. Kẻ ngu muội không biết ý chỉ này; thấy người trì chú thường sinh tâm huỷ báng, cho đó không phải là kẻ tu hành. Chưa có một Đức Phật nào, không do thần chú mà được thành đạo để độ chúng sinh, xin xét kỹ lại để sửa đổi lỗi này.

Hỏi: Trên kia dẫn chứng các Đại sư, các Ngài đều nói rằng: “Chú là pháp bí mật của Chư Phật, người bình thường không thể hiểu được, vì trên kia lại giải chữ A, là thân Phật Tỳ-lô, chữ Hồng là Ba môn giải thoát, v.v...

Đáp: Cứ theo Bát-nhã kinh sớ của Hiền Thủ, và Thần Biến sớ, các Mật Tạng Đà-Ra-Ni kinh Ý, thì có hai môn:

1) Bát-nhã Thuyết Môn: Chú là mật pháp của Chư Phật, Chư Phật truyền nhau, người khác chẳng thông hiểu, chỉ nên trì tụng không cần gượng giải thích.

2) Cưỡng Thuyết Môn: Như trong chân ngôn, hễ nêu bất cứ một chữ nào, hoặc tác nhân, hoặc tác pháp, bao trùm cả không gian và thời gian, tự tại giải thoát. Tóm lại, Vô tận pháp môn ở trong một chữ đều giải thích hết, mới là chữ nghĩa của Đà-Ra-Ni. Đem lời nói này, dù cho các Đức Phật mười phương trải qua Hằng sa kiếp, cùng nhau nói nghĩa một chữ trong chân ngôn cũng không thể hết được, người khác nói còn khó, huống chi là kham thọ. Cho nên đem một phần trong một chữ, hoặc tác nhân, hoặc tác pháp, mà giải thích, như trước chữ A, là thân Phật Tỳ-lô, chữ Hồng là ba môn giải thoát, v.v... Tức là gượng nói nghĩa của một phần thôi. Còn các chỗ khác có giải thích chân ngôn, tự nghĩa, cú nghĩa, đều là gượng thuyết giải thích một phần nhỏ nghĩa. (Nếu trong một chữ chân ngôn, hoặc chia ra ba nghĩa, mười nghĩa hay một trăm nghĩa, v.v... để giải thích, gọi là nghĩa một mặt). Trên nói: Chỉ có Phật mới biết, chứ không giải thích chung cho người khác. Đó là nói theo môn bất khả thuyết của Mật giáo bổn tôn. (Môn bất khả thuyết này tức là nói về quả ly ngôn của Hiển giáo viên tôn, cưỡng thuyết môn đây tức là nói đến nhân của Hiển giáo Viên tông).

Hỏi rằng: Hoặc có chúng sinh, muốn dứt trừ các thứ tai chướng,

hoặc muốn thêm lớn phước tuệ, hoặc muốn cầu quả Thánh, v.v... là chỉ y Nghi Quỹ như trước trì tụng hay có phương pháp nào khác chăng?

Đáp rằng: Chỉ y theo Nghi Quỹ ở trước trì tụng, hễ có mong cầu gì thì nhất định thành tựu. Hoặc có muốn tuỳ việc mong cầu, mỗi pháp làm khác nhau. Nay lược bày pháp thức sau đây. Theo trong kinh Thiên Thủ Nhiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ-tát Tu Hành Nghi Quỹ, kinh Thất Cu-chi Đại Minh Đà-Ra-Ni, Thần Biến Sớ và các chân Ngôn Nghi Quỹ, v.v... thì có năm thứ Đàn pháp là:

1) Pháp Tức Tai.

2) Pháp Tăng Ích.

3) Pháp Kinh Ái.

4) Pháp Hàng Phục.

5) Pháp Xuất Thế Gian.

1) Pháp Tức Tai: (Vì để dứt trừ nghiệp ác, tội trọng phiền não chướng, v.v... Các món tai nạn, quan sự, khẩu thiệt, quỷ mị dựa nhập, sao xấu ép ngặt, v.v...), hành giả hướng về phương Bắc, tréo chân ngồi thẳng; tượng Chuẩn-đề xoay về hướng Nam, đối trước tượng Ngài mà an trí kính đàn (cái kiếng tròn), (Lại tưởng một Đàn tròn mầu trắng, trong cái đàn ấy tưởng khắp chữ Phạ: hoặc chữ Vãm Tôn tượng cúng dường đầy đủ, và tự thân hành giả điều tưởng ở trong đàn tròn; hoặc trước tượng chỉ vẽ một đàn tròn cũng được. Quán tưởng Bồ-tát Chuẩn-đề mầu trắng, hiến cũng hoa quả, ẩm thực và y phục trên thân đều là mầu trắng, đồ hương dùng bạch đàn, thiêu hương dùng trầm thuỷ, thấp đèn dầu Tô du; vì tương ưng từ tâm. Lúc đầu hôm ngày mồng một mỗi tháng bắt đầu khởi việc, đến ngày mồng tám là mãn, mỗi ngày ba thời tắm gội, ba thời thay áo, đến ngày mãn hoặc đoạn thực (không ăn), hoặc ăn ba thứ bạch thực, nghĩa là sữa, gạo hay cháo. Người không đủ sức cúng dường tôn tượng đầy đủ y phục chỉ vận tâm tưởng cũng được, sau này cứ y theo đây, mà biết). Nếu khi tụng niệm, lần lượt trì tụng như trước, đến Chuẩn Đề chú tụng một trăm lẻ tám biến, rồi sau chỉ từ chữ: Án mà tụng. Diệu chân ngôn: Án Chiết Lệ Chủ Lệ Chuẩn Đề, che chở cho người pháp danh... và trừ tai nạn Ta Bà Ha. Nếu tự cầu cho mình, trên chữ Ta Bà Ha xưng pháp danh mình và việc cầu xin. Nếu vì người khác, cũng xưng rõ tên, họ, sự, việc, v.v...

2) Pháp Tăng Ích: Vì cầu thêm sự vinh quang, kéo dài tuổi thọ, cầu phước đức thông minh, quyến thuộc thế lực, tiền tài phong thạnh, lúa nếp thành thục, cầu phục tàng bảo chân, thuốc tiên, năm thần thông, v.v... Hành giả hướng về phương Đông ngồi kiết già, tượng hướng về

phương Tây; trước tượng Chuẩn-đề an trí kính đàn, (Lại tưởng một hình đàn vuông, mầu vàng, trong đàn ấy có khắc chữ A, hoặc tưởng chữ Ám. Tôn tượng cúng dường đầy đủ. Tự thân hành giả đều tưởng ở trong cái đàn vuông, hoặc ở trước tượng vẽ một hình đàn vuông cũng được). Quán tưởng Bồ-tát Chuẩn-đề mầu vàng, hiến cúng hoa quả ẩm thực, và y phục tự thân, v.v... đều có mầu vàng. Đồ hương dụng, bạch đàn gia chút uất kim thiêu bạch đàn hương, thắp đèn ma du (dầu mè), dùng tâm vui mừng được tương ưng. Theo tháng ngày mồng chín, khi mặt trời mới mọc, khởi đầu hành trì cho đến ngày rằm là mãn. Mỗi ngày như trước, ba thời tắm gội thay áo. Đến ngày mãn cứ như trước đoạn thực và ba thứ bạch thực; niệm tụng như trước.

Diệu Chân Ngôn: Án Chiết Lệ Chuẩn Lệ Chuẩn-đề, che chở cho người pháp danh... sở cầu như ý. Ta Bà Ha (Xưng tên và sự việc như bài trước đã nói).

3) Pháp Kính Ái: (Vì cầu tất cả Thánh Hiền che chở, tám bộ trời rồng vui mừng, cầu biện tài nói pháp, tiếng nói hoà nhã, người nghe vui mừng, và cầu tất cả mọi người ái kính, bạn hữu trí thức gần gũi, kẻ thù hoà thuận, v.v...). Hành giả xoay mặt về phương Tây, ngồi theo cách Thiền toạ, tượng xoay mặt về hướng Đông, trước tượng Chuẩn-đề an trí kính đàn. (Lại tưởng một đàn hình bán nguyệt mầu đỏ, trong đàn hình bán nguyệt ấy, tưởng khắp chữ: Hạ hoặc chữ Hàm, tôn tượng cúng dường đầy đủ, và tự thân hành giả điều tưởng trong đàn hình bán nguyệt ấy. Hoặc trước tượng chỉ vẽ một đàn hình bán nguyệt cũng được). Quán tưởng Bồ-tát Chuẩn-đề mầu đỏ, thân mặc áo sa lụa, hiến cúng hoa quả, ẩm thực và tự thân y phục, thảy đều mầu đỏ. Đồ hương dụng uất-kim, thiêu hương dùng đinh hương. Hương Tô hạp hoà với mật để thiêu đốt. Thắp đèn dầu trái cây, đem thân tâm hỷ nộ tương ưng. Từ ngày mười sáu, gần sáng là khởi đầu; đến ngày hai mươi ba là mãn, mỗi ngày tắm gội, đoạn thực niệm tụng, thực hành như pháp trước.

Diệu Chân Ngôn: Án Chiết Lệ Chuẩn Lệ Chuẩn Đề khiến tất cả mọi người yêu kính... pháp danh... Ta Bà Ha. (Xưng tên họ, tuỳ theo việc mong cầu, như trước đã trình bày).

4) Pháp Hàng Phục: Để hàng phục tất cả ác độc, quỷ thần và rồng dữ tổn hại tất cả hữu tình, và đều phục tất cả người ác, không trung với đất nước, sinh tâm phản đạo, diệt Tam Bảo, huỷ chân ngôn, hoặc gây chướng ngại. Đối với tất cả người ác như vậy, người trì chú vận tâm đại từ bi, thực hành phép này.

(Nếu vì ích kỷ mà cầu, hoặc có tâm oán cừu mà cầu, mà thực

hành phép này, theo các kinh đã nói, quyết định phải vời lấy tai hoạ, suốt đời si mê, học giả nên biết!)

Hành giả xoay mặt về phương Nam, dùng phép ngồi tôn cư (Ngồi chồm hổm, bàn chân trái áp qua bàn chân phải. Mặt tượng hướng về phương Bắc. Ở trước tượng Chuẩn-đề, an trí kinh đàn. (Lại tưởng một cái Đàn tam giác mầu xanh ở trong Đàn tam giác, tưởng khắp chữ Ra: hay chữ Lam, tôn tượng cúng dường đầy đủ, và tự thân hành giả, điều tưởng ở trong đàn tam giác, hoặc ở trước tượng chỉ vẽ một cái Đàn tam giác cũng được). Chuẩn-đề mầu xanh, hay mầu đen, mặc áo đen xanh tự thân y phục cũng đều mầu xanh. Hiến cúng hoa mầu xanh, hoa thối, hoa không thơm và hoa Mạn-đà-la, v.v... ẩm thực dùng thạch lựu làm nước nhựa nhuộm thành mầu đen, hay mầu xanh, hương xoa dùng cây bá. Át già dùng phân trâu. Lấy hoa mầu đen và giới tử Bá mộc làm hương xoa v.v... Mỗi thứ lấy một ít để vào nước Át-già; đốt hương an tức. Thắp đèn dầu hạt cải, dùng tâm phẫn nộ tương ưng. Từ ngày hai mươi bốn, vào lúc giờ ngọ hoặc nửa đêm bắt đầu hành pháp, cho đến ngày cuối tháng thì mãn, mỗi ngày tắm gội, đoạn thực, niệm tụng pháp, thực hành như trước.

Diệu Chân Ngôn: Hồng, Chiết Lệ Chủ Lệ Chuẩn-đề, Hồng Phấn Tra (Phấn Tra viết chữ Phạn).

(Nếu các người tâm ác không an, hoặc sắp chết, phải khuyên gấp người ấy phát thiện lành. Nếu người ấy biết hối lỗi, tự trách dứt hẳn tâm ác, thì nên vì họ làm phép Tức Tai, niệm tụng, người kia liền khỏi tai nạn. Trên đây là bốn pháp thành tựu. Nếu muốn được thành công trong bốn pháp này; thì phải dự tu trì chân ngôn Chuẩn-đề trước là năm mươi vạn, bảy mươi vạn, hay một trăm vạn biến. Đã thực hành rồi mới làm bốn pháp, thành tựu được, tuỳ sự ưa muốn, dù làm một pháp cũng sẽ thành. Thấy ở thời nay, hoặc Thích, hoặc Nho vì lợi, vì danh, mãn năm suốt ngày xu hướng tham lam, dụng hết thân tâm cũng chưa vừa bụng. Khi vô thường đến lại sinh vào chốn thấp hèn. Sao chép: vâng Thánh ngôn của Chư Phật, tụng Thần chú bí mật, trên đối với Pháp Tăng Ích lần lượt thực hành, việc sở cầu quyết định toại tâm, tất cả nghiệp chướng đều tiêu diệt, vô thường có đến thì được sinh về nơi tốt đẹp. Hiện tại, vị lai, đều được lợi lạc, há chẳng phải là điều tốt hay sao? Có được lợi lớn ấy, cho nên Phật mới dạy).

5) Xuất Thế Gian Đàn Pháp: Vì muốn mau đủ hai món tư lương: Phước đức và trí tuệ. Đốn viên mười món Ba-la-mật, siêu việt ba vô số kiếp, khắc kỳ trong đời này quả Thánh hiện tiền. Hành giả ở tại núi

non, hang cốc sâu thẳm vắng lặng, già-lam thanh tịnh. Đem hết tâm Đại Bi, thường ưa làm lợi lạc cho vô biên hữu tình, đồng với Bồ-tát Chuẩn-đề Vương. Nương nhờ nguyện lực Đại Bi giúp đỡ của các Phật, Bồ-tát. Hạn định bốn tháng bốn ngày trong một kỳ, dứt bặt không tiếp khách, dứt bặt nói năng. Tam Mật tương ưng tâm không xen hở; kẻ hành giả mặt hướng về phương Đông. (Các phương khác cũng được, nhưng hướng Đông là tốt hơn hết, hoặc ngồi toàn già, bán già, hay tuỳ ý ngồi đều được). Mặt tượng hướng về Tây, ở trước tượng Chuẩn-đề an trí kính đàn.

(Trên đảnh hành giả tưởng chữ Lam: biến thành vòng lửa đỏ, đốt hết tự thân hữu lậu. Lại tưởng trên một hoa sen lớn có chữ A: sinh thành trí thân vô lậu, lại tưởng chữ Ám: quán đảnh rồi. Lại tưởng chữ Lam biến thành lửa lớn đốt cháy thế giới hữu vi này đồng như kiếp hoả, cháy sạch không còn gì, chỉ có vắng lặng. Lại tưởng tượng lập nên Đàn vô vi. Phía dưới phương dưới khắp tưởng chữ khiếm: nhiều mầu để làm không luân. Ở trên không luân tưởng chữ Hàm, mầu đen, biến thành phong luân. Trên Phong luân tưởng chữ Lam mầu đỏ, biến thành Hoả luân. Trên Hoả luân tưởng khắp chữ Vạm mầu trắng biến thành Thuỷ luân. Trên Thuỷ luân (nước) tưởng khắp chữ A mầu vàng, biến ra đất kim cương. Trên đất kim cương tưởng khắp có hoa sen lớn. Trên mỗi hoa sen đều có Bồ-tát Chuẩn-đề, vô lượng Thánh Chúng vi nhiễu (xoay quanh) trước mỗi đức Chuẩn-đề, đều có tự thân của hành giả (chính mình mỗi thân có hiện ra hoa quả, ẩm thực, cờ phướn, v.v... đầy đủ các món cúng dường, đều đối trước kính đàn Chuẩn-đề. Ba mật tương ưng. Nếu hành giả không có tượng Chuẩn-đề và hoa quả ẩm thực cúng dường đầy đủ, chỉ dùng quán tưởng này, cũng được thành tựu tốt đẹp) Nhất tâm quán tưởng Bồ-tát Chuẩn-đề, đầy đủ vô tận tướng tốt sáng chói, trong tâm nguyệt luân của Bồ-tát, tưởng có Cửu Thánh Phạm tự Đàn (chín chữ chú Chuẩn-đề). Hành giả tưởng trong tâm nguyệt luân của mình cũng có chín chữ Phạm đàn, còn ở tại thân mình, tưởng khắp chín chữ Thánh Phạm (Tâm Nguyệt luân và tự thân phần tưởng đủ các chữ, như trước đã nói). Các thứ hiến cúng hoa quả, ẩm thực, hương đèn, đuốc nến, v.v... Trong ba pháp: dứt tai ương, tăng ích, kính ái đã nói rõ sắc vật đều dùng được. Y phục của hành giả phải mới, sạch mới được vào Đàn pháp (tu). Tóm lại thì loại áo vàng là tốt nhất. Hành giả không cần phải lao hình, khổ nhọc sợ tâm thần tán loạn; đối với bốn oai nghi. Đi, đứng, nằm, ngồi đều được Ba mật tu tập, 1) Thân kiết ấn, 2) Miệng đọc chú, 3) Tâm duyên chữ Phạm). Chỗ thấy nghe, hay biết chỉ quán

chữ A ở pháp giới nhất chân thanh tịnh, thường tu quán hạnh này. Lần lượt nghi quỹ trì tụng như đã nói trên, đến Chuẩn-đề chân ngôn. Từ đầu vô số, vô ký chuyên tinh niệm tụng. Phải sách tấn thân tâm, chớ nên biếng nhác, lúc sắp thành tựu, sẽ có khởi lên các thứ chướng ngại, nên làm phép: tức tai, hàng phục, v.v... Tuỳ theo căn tánh khác nhau của hành giả, khoảng thời gian này quyết chứng được Tam-muội hiện tiền. Tức ở trong định thấy có vô số Phật hội, nghe được pháp mầu nhiệm, chứng được địa vị Bồ-tát Thập Địa. (Một là pháp này, chỉ cầu xuất thế gian, nếu muốn thành tựu pháp này, trước hết phải trì tụng chân ngôn Chuẩn-đề được năm trăm vạn, bảy trăm vạn, hoặc một ngàn vạn biến, rồi mới thực hành pháp này, chắc chắc có linh nghiệm).

CÁC HÀNH TƯỚNG THÀNH TỰU LINH NGHIỆM

Kinh Chuẩn-Đề Đà-Ra-Ni, kinh Kim Cương Đảnh, kinh Tô-tất-địa, v.v... Cộng lại hơn mười bổn kinh đều nói chân ngôn, hành giả dụng công trì tụng. Hoặc mộng thấy Chư Phật, Bồ-tát, Thánh Tăng, Thiên Nữ. Hoặc mộng thấy tự thân bay lên hư không một cách tự tại; hoặc vượt qua biển lớn, hoặc trôi nổi trên sông Giang Hà, hay lên lầu gác, hoặc bay lên cây cao, hoặc trèo lên núi trắng, hoặc cỡi sư tử, ngựa, voi trắng, hoặc thấy hoa quả tốt đẹp. Hoặc mộng thấy mặc áo vàng, áo trắng Sa-môn. Hoặc nuốt vật trắng nhả vật đen. Hoặc ngậm nuốt, mặt trời, mặt trăng, v.v... tức là tướng trạng tội lỗi từ vô thỉ tiêu diệt.

Hoặc đang lúc trì tụng thấy các thứ ánh sáng; hoặc thấy khắp trong hư không có các hoa kỳ lạ, đặc biệt. Hoặc thấy các Đức Phật, Bồ-tát, Thánh Tăng, trời Tiên, v.v... Hoặc thấy Tịnh Độ của Chư Phật, hoặc thấy tự mình đến các cõi Phật và cúng dường. Hoặc tạm thời gian trải qua nhiều kiếp. Hoặc thấy đèn sáng cao một thước, hai thước, cho đến một trượng. Hoặc trong hư không chẳng có lửa mà tự nhiên có khói. Hoặc thấy tượng Phật, phướn lọng tự xao động; hoặc nghe các âm thanh hay ho của Chư Phật, Bồ-tát.

Hoặc tự biết thân mình nguy nga, vòi vọi cao lớn. Hay răng rụng lại mọc, tóc trắng lại đen, hoặc thân thể trắng nhuận, không sinh rận rệp, hoặc tham, sân, si tự nhiên dứt mất. Hoặc tổng trì không quên, một chữ giảng nói nhiều nghĩa. Hoặc trí tuệ đốn sinh, tự nhiên thông hiểu tất cả kinh, luật, luận. Hoặc tất cả pháp môn Tam-muội tự nhiên hiện tiền. Hoặc phước đức đốn cao, bốn chúng đều quy ngưỡng, v.v... (văn kinh trên đây đã nói: Nay có những vị Tăng, Nho sĩ, mới tham học thiền lý, vừa thấy các tướng ấy cho là yêu dị. Đây chẳng những huỷ báng giáo

tối thượng thừa, mà cũng là đắc tội tà kiến, xả tướng, thủ tánh, lại không biết tướng kia, xưa nay là tánh).

Nếu gặp việc như trên, chỉ là phước tuệ thêm lớn, tướng trạng gần thành tựu, chớ sinh tâm nghi ngờ, chớ khởi niệm lấy bỏ.

Nên quán những cảnh giới đã gặp, đều là chữ A hoặc chữ Lam v.v... Hoặc tưởng đều như mộng huyễn, hay đều là pháp giới nhất tâm, nếu được ứng nghiệm như vậy thì phải phát tu, sách tấn ba nghiệp, gia công trì tụng, không được khoe khoang nói những cảnh giới thấy trong Thần chú để dối gạt người. Chỉ có người đồng đạo, không vì danh lợi kính khen, thì mới được nói.

Sự thành tựu có chín phẩm:

1) Hạ Phẩm có ba:

a) Hạ phẩm thành tựu: nhiếp phục tất cả bốn chúng, hễ có năng cầu, đều dùng được tâm, tất cả trời rồng thường đến thăm hỏi, lại hàng phục tất cả trùng thú và quỉ mị, v.v...

b) Trung phẩm thành tựu: Có công năng sai sử tất cả tám bộ trời rồng, khai mở tất cả những kho báu giấu kín, hoặc cần vào cung Tu la, cung rồng liền được vào đó, đi ở tuỳ tâm.

c) Thượng phẩm thành tựu: Liền được đạo Tiên, nương hư không bay đi bay lại. Trên trời xuống đất đều được tự tại. Thế gian, xuất thế gian chẳng việc gì mà không đạt đến.

2) Trung phẩm có ba:

a) Hạ phẩm thành tựu: được làm vua trong các Tiên Chú, thọ vô số tuổi, phước đức trí tuệ ba cõi không thể sánh bằng.

b) Trung phẩm thành tựu: được thần thông qua lại các thế giới, làm vua Chuyển luân, sống lâu một kiếp.

c) Thượng phẩm thành tựu: Hiện chứng từ Bồ-tát Sơ địa trở lên.

3) Thượng phẩm có ba:

a) Hạ phẩm thành tựu: Được đến địa vị Bồ-tát đệ Ngũ địa trở lên.

b) Trung phẩm thành tựu: Được đến Bồ-tát đệ Bát địa trở lên.

c) Thượng phẩm thành tựu: ba mật biến thành ba thân, ngay trong đời này được chứng quả Vô thượng Bồ-đề. Đây là chín phẩm thành tựu của người trì chú. Nếu cầu thẳng đến thành Phật thì chẳng cần cầu thành tựu ba hạ phẩm. Còn theo Thần Biến Sớ thì có năm phẩm thành tựu:

1) Đến Tín vị.

2) Đến Sơ Địa.

3) Đến Tứ Địa.

4) Đến Bát Địa.

5) Đến thành Phật.

Đó là thuộc về kinh này, nay y theo các kinh cho nên nói chín phẩm, nghĩa là Chân ngôn Chuẩn-đề, bao gồm tất cả các bộ Thần chú.

Hỏi: Vì sao biết được Chuẩn-đề gồm các bộ Thần chú ?

Đáp: Nghĩa là trong một tạng kinh, Thần chú không ngoài hai mươi lăm bộ:

1) Phật bộ: Là các chú của Phật.

2) Liên Hoa bộ: Là các chú của Bồ-tát.

3) Kim Cương bộ: Là các chú của Thần Kim cương.

4) Bảo bộ: Là chú của các vị trời.

5) Yết-ma bộ: Là chú của các Quỷ thần.

Năm bộ này mỗi bộ gồm có năm bộ nhỏ, thành ra hai mươi lăm bộ. Nay Chuẩn-đề tổng nhiếp chung hai mươi lăm bộ, cho nên kinh Chuẩn-đề chép: Chỉ có một bộ mà nhiếp hai mươi lăm bộ. Lại nói rằng: Nếu muốn triệu thỉnh hai mươi lăm bộ như ma trời, v.v... chuyên tụng chú này, hễ thỉnh vị nào thì vị đó chắc chắn đến. Lại nói rằng: Ngũ bộ Kim Cương, Bốn vị Thiên Vương, đồng kết Tổng trì Tam-muội giới. Kinh Đại Giáo Vương có nói: Thất-Cu-Chi Như Lai, ba thân khen nói: Bồ-tát Chuẩn-đề chân ngôn năng độ tất cả Hiền Thánh. Nếu người trì tụng, tất cả điều mong cầu đều được thành tựu, không bao lâu chứng được đại quả Chuẩn-đề, cho nên biết chân ngôn Chuẩn-đề đứng đầu trong Mật tạng, là mẹ của các chân ngôn, là vua của các Thần chú.

Chân ngôn Chuẩn-đề nhiếp hết hai mươi lăm bộ chân ngôn, hoặc dùng hình tượng ấn pháp chữ phạm, v.v... mỗi mỗi khác nhau. Nay Chuẩn-đề kính đàn nhiếp chung tất cả các Đàn pháp này. Cho nên kinh Chuẩn-đề nói rằng: Nhiếp chung hai mươi lăm bộ. Đại Mạn-trà-la: Tiếng Phạm Mạn-Trà-La nghĩa là Đàn. Cho nên biết kính đàn rất tối tôn tối thượng, diệt được tất cả ma chướng, sinh ra tất cả công đức, mắt thấy, thân đeo đều được lợi lạc. Cho nên người xưa nói rằng: Đàn là sinh, sinh ra vô tận công đức. Đàn là tập, là chỗ vô biên Thánh Hiền nhóm hội. Như Ngọc Phương Chư hứng ánh sáng mặt trăng, liền có nước tướm ra. Đem kính (hội tụ) hứng ánh mặt trời, liền sinh ra lửa. Đá từ thạch dẫn hút kim loại. Hổ phách lượm hạt cải, các công dụng thật khó suy lường, huống chi là Đàn pháp không thể nghĩ bàn của Chư Phật! Nay có người ít nghe thấy, mê mờ không hiểu Mật giáo, thấy dùng kính đàn lại sinh huỷ báng. Nhưng các Đức Như Lai ba đời,

không hề có vị Phật nào không theo Đàn pháp mà thành Phật đạo, để hoá độ chúng sinh. Mong những ai nghe thấy rộng rãi, hãy mau sửa đổi sự sai lầm đó.

Mật Giáo Tâm Yếu đến đây là hết.

Hiển Mật Viên Thông Thành Phật Tâm Yếu Quyển Thượng Hết.

■

HIỂN MẬT VIÊN THÔNG THÀNH PHẬT TÂM YẾU TẬP

Sa-môn, Đạo Chân ở chùa Kim Hà núi Ngũ Đài biên tập

QUYỂN HẠ

III- HIỂN MẬT SONG BIỆN: (Giải thích hai pháp Hiển giáo và Mật giáo)

Nếu nương theo hai tông Hiển, Mật tu tập, thì đó là bậc thượng thượng căn, nghĩa là tâm tạo pháp giới, Đế võng các thứ quán, miệng tụng sáu chữ Chuẩn-đề, các Thần chú, ở đây có hai hạng người:

1- Người đã tu lâu, Hiển Mật đều tu.

2- Người mới tu tập, trước tu Hiển giáo Phổ Hiền quán, rồi mới Ba mật gia trì; hoặc dùng Ba mật rồi, sau mới tu quán, hai thứ đều được.

Tôi dù tài mọn, tâm còn Hiển Mật song tu. Cho nên Nhân Vương Bát-nhã Đà-Ra-Ni Thích và Nhân Vương Nghi Quỹ đều cho rằng: "Nếu không tu môn Ba mật, không y theo hạnh nguyện Phổ Hiền mà được thành Phật là không có việc đó!" Lại, Hoa Nghiêm kinh Tự Luân Nghi Quỹ chép: "Muốn đốn nhập Nhất thừa, phải tu tập quán Pháp thân Tỳ-Lô-Giá-Na; trước phải phát khởi hạnh nguyện Phổ Hiền. Lại dùng ba mật gia trì thân tâm thì sẽ ngộ nhập được biển trí tuệ rộng lớn của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi; là biết Bậc thượng căn phải Hiển Mật song tu, Bậc trung căn tuỳ tâm ưa thích; hoặc Hiển hoặc Mật, chia tu một môn đều được. Nhưng Hiển viên Hoa Nghiêm, các Phật đều khen ngợi. Bồ-tát đều vâng hành. Tây Thiên, Đông Hạ, Thượng Trí, Thượng Hiền, đều quy tâm; là đại giáo rộng hành, nhiều người thấy nghe, chẳng nhờ sự tán dương. Mật Viên Thần chú là đảnh của Chư Phật, là tâm của Bồ-tát. Công năng rộng lớn, lợi lạc vô biên; vì thời lưu ít biết, nay lược nói cũng chia làm hai:

A- Nói về Mật chú công đức sâu rộng.

B- Hỏi đáp Mật chú, Pháp khí hơn kém, v.v...

A. Trước Hết nói về Mật Chú Công Đức Sâu Rộng: Lược y

theo Thánh giáo, có chia ra mười môn. Rộng lớn thì vô lượng. (Vì nhiều người không biết Mật giáo là cao quý sâu xa, cho nên dùng mười môn để khen ngợi, để cảnh tỉnh những ai chưa nghe; nếu thật một mặt bỏ Hiển, khen Mật, cũng chẳng phải người Thông hiểu; kinh Hoa Nghiêm nói: Thọ một pháp mà thôi thì bị ma ám ảnh; khuyên trì những người hậu học. Hoặc hiển, hoặc Mật, hoặc Tánh, hoặc Tướng. Thực hành thì giữ lấy một môn, tin thì phải viên thông vô ngại. Chớ đồng thì kẻ mù rờ voi, đệ tử rửa chân! Tôi có bài kệ rằng:

Đại Thánh thân nói năm thời giáo.
Ngàn môn muôn hộ nhập thiên chân.
Quán khắp thọ một giáo mà thôi.
Đều là kẻ chẳng ra gì thôi.

Lại nữa, Chuẩn-đề thọ nhiếp hai mươi lăm bộ; tức biết mười môn sau đây đều nói về công đức của Đà-ra-ni Chuẩn-đề).

1) Môn hộ trì quốc an lạc nhân dân
2) Môn năng diệt tội chướng, viễn ly quỷ thần
3) Môn trừ thân tâm bệnh, tăng trưởng phước tuệ
4) Môn phàm sở cầu sự giai bất tư nghì
5) Môn lợi lạc hữu tình cứu thoát u linh
6) Môn Chư Phật Mẫu giáo hạnh bổn nguyện
7) Môn tứ chúng dị tu Kim Cương thủ hộ
8) Môn linh phàm đồng Phật Như Lai, quy mạng
9) Môn cụ tự tha lực hiện hành Bồ-đề
10) Môn Chư Phật Như Lai thượng nãi cầu học.

1) Đầu tiên là hộ trì Quốc vương, an vui người dân:

Nghĩa là kinh tạng bí Mật Đà-Ra-Ni đều nói rằng: “Đà-Ra-Ni có công năng hộ trì Quốc vương, làm nhân dân an lành”. Cho nên kinh Bảo Tạng Đà-Ra-Ni nói: “Trong tất cả cõi nước, nơi nào có Đà-Ra-Ni lưu hành khiến Nhân vương thường được ủng hộ sự chánh hoá của Quốc vương. Có những kẻ như vương tử, Phi hậu, Tể tướng, Phụ thần, các quan tướng đều được ủng hộ; khiến được an vui, trong nước có oán địch mưu kế trong ngoài, gian trá, bệnh dịch, đói khát, nắng hạn, lụt lội, thú dữ, ròng đọc, tất cả việc dồi dào như vậy, đều đoạn dứt hết. Lại khiến tiền tài, lúa thóc, dồi dào, kho lẫm đầy dẫy, hoa trái tốt tươi, người dân an vui”. Kinh Bảo Tạng Đà-Ra-Ni chép: Đà-Ra-Ni lưu hành chỗ nào thì sẽ ủng hộ các Quốc vương, Vương tử, Phi hậu, Công chúa, trăm quan, phụ tướng khiến cho các tai nạn tiêu diệt, sở nguyện viên thành, Thiên

thần che chở, không để ma quỷ đến nhiễu não, và trong nước lại được mười quả báo tốt:

1) Trong nước không có tha bệnh, oán tặc xâm nhiễu.

2) Trong nước không có các sao biến quái mà xảy ra tai nạn.

3) Trong nước không có ác quỷ thần gây ra các tật dịch, Thiện thần che chở, muôn dân an vui.

4) Trong nước không có các gió lửa, sương muối mưa đá, các nạn.

5) Trong nước không có kẻ thù rình tìm dịp làm hại.

6) Người trong nước không bị ác ma bức bách.

7) Người trong nước không bị chết ngang trái

8) Trong nước năm món thóc lúa đầy đủ, trái ngon quả ngọt, v.v...

9) Trong nước, rồng nhập làm cảnh, mưa gió thuận thời, không có nắng hạn, bão lụt.

10) Trong nước người không bị các thú dữ như: cọp, beo, sói các thú dữ làm tổn hại.

Lại kinh Thất Thần kinh chú chép: Đà-Ra-Ni, nếu nhựt nguyệt vận lành không đều, có thể khiến cho đi vận hành đúng quỹ đạo. Lúa gạo mất mùa, thì khiến được mùa. Đại thần mưu phản, ác tâm tự diệt. Tật dịch đao binh, thảy đều tiêu tán. Lại rằng: Các Nhân vương muốn được hiện đời an vui, lìa các hoạn nạn. Các vị quốc vương kia nên siêng năng đọc tụng Đà Ra Ni. Cũng phải khuyên Hậu phi, thể nữ và các Vương tử, v.v... siêng năng tu tập. Lại kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chư Đà-Ra-Ni chép: Vì sao chỉ nói hộ trì Quốc vương? Nghĩa là quốc chủ an vui thì muôn dân mới an vui, vì vậy nên nói hộ trì quốc chủ. Kinh Diệp y Quán Tự Tại Bồ-tát chép: Đà-Ra-Ni vì tất cả hữu tình năng trừ, tai hoạ, tật bệnh, đói kém, giặc cướp binh đao, nắng hạn không đều, các sao thất độ, cũng hay thêm lớn phước đức, cõi nước giàu mạnh, người dân an vui, vua chúa, nam nữ đều được sống lâu. Trong kinh Tô-Bà-Hô Đồng tử chép: Lìa ngoài chân ngôn không có pháp nào ban vui cho chúng sinh được. Rộng như trong kinh Chư Đà-Ra-Ni chép: Xưa có Liêu quốc Thiên Hậu Hoàng Đế, chánh pháp truyền khắp, Phật tuệ lưu thông, kiên trì Mật chú đều được thần công, liền được lúa mùa, bắp nếp đầy kho, ngôi báu vững bền, người dân an vui lâu dài, chính là nhờ sự linh nghiệm của Đà-Ra-Ni.

2) Diệt trừ tội chướng, xa lìa quỷ thần.

Kinh Bồ-Đề Trường Trang Nghiêm Đà-Ra-Ni, kinh Tối Thắng Tổng Trì, kinh Lầu Các Đà-Ra-Ni, v.v... Hơn hai mươi bản kinh đều nói viết, chép Đà Ra Ni để trong tượng Phật, tháp, trong bản xử, hoặc viết trên cờ phướn, trên điện đường, viết trên giấy lụa, vải, tre, hoặc trên vỏ cây hoa, vách tường, bảng mộc, có chúng sinh được xem thấy, hoặc tay rờ đến, hoặc bóng ngã qua, hoặc cát bụi trên chữ chân ngôn, gió thổi vào thân. Hoặc viết chép, đeo trên đầu, trên thân, trong áo, hoặc viết trên cờ phướn, nếu gió thổi động phướn kia chỉ chỗ chúng sinh. Hoặc chép trên chuông, trống, linh, mõ, loa, bạt, v.v... tiếng trên các vật ấy phát ra, nghe được tiếng ấy. Trên đây đã nói: Các chúng sinh dù bị năm tội Vô gián, là nghiệp mà Chư Phật cho rằng không sám hối được, cũng đều diệt hết. Đời sau sinh về các cõi nước Phật, huống chi thân tụng trì ư ? Cho nên người xưa nói "Năm tội Vô gián rất nặng, niệm chú liền tiêu vong. Mười nghiệp ác là rộng lớn, vừa nghe liền tiêu mất. Trong Tuỳ Cầu Tụng có nói kinh:

"Dầu phạm Ba-la mười tội ác
Giết A-la-hán và tôn thân
Năm nghịch căn bổn, bảy vô già
Ứng niệm tuỳ tiếng liền tiêu diệt
Chân ngôn Thánh lực công vô lượng
Nên con khen ngợi tán chẳng nghĩ bàn.

Lại, tất cả các kinh Đà-Ra-Ni như Mạt Pháp Trung Nhất Tự chú đều nói: "Người Trì chú ở bốn phương hướng, trong vòng năm trăm dặm, các sao xấu, quỷ thần, thiên ma, v.v... tất cả chạy tản lạc mà đi. Vị nào có phát tâm lành thủ hộ thì không đi. Nếu kẻ nào cố ý làm chướng ngại mà ở lại phá, liền bị các Hộ Pháp đập bể đầu ra trăm miếng, thân tâm dập nát. Nhờ thế nên hành giả không bị các ma chướng và được đến Bồ-đề.

Hỏi: Có người nói sự trì chú gây ra ma chướng, nay sao lại nói lìa được ma chướng?

Đáp: Đây là lời bàn nói của xóm làng chứ Thánh giáo chẳng có văn này.

Nay các kinh Mật bộ đều nói: Đà-Ra-Ni có công năng xa lìa ma chướng, ở đây chớ nên luận bàn. Như Hiển giáo trong kinh Pháp Hoa sợ có kẻ giảng tụng, tu tập kinh Pháp Hoa có khởi các ma chướng. Cho nên nói phẩm Đà Ra Ni khiến trừ ác ma. Kinh ấy chép:

"Nếu chẳng thuận chú ta,
Não loạn người nói pháp

Đầu bị vỡ bảy phần,
Như nhánh cây A-lê”.

Lại Luận Thích-Ma-Ha-Diễn: “Dạy người ngồi thiền phải tụng chú để trừ ma”. Lại trong Chỉ Quán có nói: “Nếu các ma chướng làm não loạn sự ngồi thiền, hành giả nên tụng Đại thừa Phương Đẳng và các chú trị ma nói trong kinh giáo. Nếu khi xuất định, cũng nên tụng chú”.

Trong kinh Kim Quang Minh chép: Bồ-tát Thập Địa còn dùng thần chú để hộ trì, huống chi là phàm phu? Cho nên kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: “Nếu không trì chú mà ngồi đạo tràng, khiến cho thân tâm kia xa lìa các việc ma, thì đó không bao giờ có việc đó”.

Lại nói: “Chúng sinh đời mạt thế, muốn tu Tam-muội, sợ đồng với tà ma, nên khuyến khích trì Thần chú của ta (Phật). Nếu chưa năng tụng, chép ở thiền đường hay đeo trong mình, thì tất cả các ma chướng không dám động đến”. Các văn như vậy, Tạng giáo rất nhiều, hiện thấy người đời bị quỷ thần não hại. Kẻ trì chú còn trừ cho họ được, huống chi tự thân mình lẽ nào ma quỷ dám làm hại ư!

3) Trừ bệnh thân tâm, thêm lớn phước tuệ:

Kinh Thánh Lục Tự Đà-Ra-Ni, kinh Phổ Hiền Đà-Ra-Ni, kinh Văn Thù Nhất Tự Chú, v.v... hơn mười lăm bổn kinh, đều nói môn hạnh Đà-Ra-Ni, trừ được các thứ bệnh khổ của thân tâm. Nói thân bệnh nghĩa là tất cả các thứ bệnh: bệnh nóng, bệnh nóng, bệnh lạnh, bệnh phong, bệnh sốt rét, bệnh mắt, bệnh tai, bệnh mũi, bệnh lưỡi, bệnh miệng, bệnh răng, bệnh môi, bệnh lưỡi, bệnh mặt, bệnh đầu, bệnh kinh, bệnh hung, bệnh hiếp, bệnh phúc, bệnh thủ, bệnh bối, bệnh yêu, bệnh tất, bệnh cước, bệnh tỵ, bệnh ly, bệnh đàm, bệnh khí, bệnh lâm, bệnh đinh, bệnh thủng, bệnh ban, bệnh giới, bệnh bào, bệnh lại, bệnh tiển, bệnh dượng, bệnh sang, bệnh cuồng, bệnh điên giản, bệnh quỷ mị, chỉ nêu ra các bệnh quan trọng yếu. Hoặc bốn đại làm các thứ bệnh, hoặc năm tạng làm các thứ bệnh, hoặc quỷ thần gây ra các bệnh, hoặc bệnh do túc nghiệp gây ra. Các bệnh như vậy, năng lực không thể nghĩ bàn của thần chú có thể trừ lành. Cho nên kinh Trì Cú Thần Chú, kinh Đại Bi Tâm Đà-Ra-Ni đều nói rằng: Đà-Ra-Ni khiến cho cây khô trở lại sinh hoa trái, huống chi là các bệnh hữu tình mà không trừ được hay sao!

Hỏi: Chân ngôn hành giả chấp nhận việc gia trì quỷ thần để trị lành bệnh kẻ khác phải không?

Đáp: Kinh Diệu Tý Đồng Tử, kinh Tô-tất-địa, v.v... đều nói rằng: Nếu cầu thượng phẩm đại thành tựu, không được dùng chân ngôn gia

trì quỷ thần cấm các trùng rắn để làm lành bệnh người khác. Làm việc đó thì ngăn ngại việc lớn, người học nên y theo lời Phật, coi chừng dè dặt. Nếu thật lòng đại bi sâu rộng, có tâm Bồ-tát thì không ngăn ngại việc đó. Cho nên kinh Quyên Sách chép: Trừ quỷ thần bệnh (bệnh tà) phải tu ba nghiệp thanh tịnh, có tâm từ bi, các vị Bồ-tát mới làm được việc đó.

Lại tất cả bệnh tham, sân, si tự nhiên tiêu diệt, cho nên kinh Bạch Tán Cái Đà-Ra-Ni chép: “Nếu có túc tập tham tâm không được trừ diệt, thì phải một lòng tụng Thần chú của Ta (Phật), như nàng Ma-đăng-già đã cùng A-nan nhiều kiếp ân ái, đem chú lực của ta, làm cho tâm ái dứt hẳn, trở thành A-la-hán”. Còn cô dâm nữ kia chẳng có tâm tu hành, khi thần chú thấm vào cũng mau chứng bậc Vô học, huống chi bản tâm cầu đạo Bồ-đề ư! Lại kinh Đại Bi nói: “Dốc lòng xưng niệm Đà-Ra-Ni, lửa dâm dục tắt, tà tâm dứt trừ”. Lại như Ý Luân và tất cả các kinh Đà-Ra-Ni nói: “Hành nhân chân ngôn hiện làm cho thêm lớn tất cả phước tuệ, phàm lời đã nói ra, người đều tin nhận, chỗ dụng y vật, tài bảo, tất cả khởi ý tùy tâm. Trong vòng năm trăm do-tuần, người trời, quỷ thần đều đến quy ngưỡng. Lại tự nhiên thông hiểu tất cả: kinh, luật, luận và các sách vở của thế gian. Hoặc nhớ tất cả không quên điều gì, mỗi ngày nhớ đến hàng nghìn bài tụng”. Cho nên kinh Đại Phật Đảnh chép: “Nếu đọc hoặc tụng Đà-Ra-Ni ấy, dù các chúng sinh này, tự thân mình không làm phước nghiệp, mười phương Như Lai đã có công đức thì sẽ ban cho người này”.

Lại nói: Nếu trì thần chú, không sinh nghi ngờ hối hận, mà người thiện nam đó, do các bậc cha mẹ sinh ra mà tâm không được thông, thì Chư Phật mười phương đều nói dối. Lại nói rằng: “Chưa tinh tấn, khiến được tinh tấn. Vô trí tuệ sẽ được trí tuệ, v.v... Như chất thuốc dược nhỉ ở thế gian còn hay khiến người trừ bỏ ngủ nghỉ tăng trưởng tinh thần, huống chi Thần chú lại không sinh trí tuệ! Lại kinh Bất Không Quyến Sách Thần Chú Tâm chép: Nếu có bốn chúng thọ trì trai giới. Chuyên tâm trì tụng thần chú bảy biến, chẳng xen tạp ngữ khác, phải biết người này hiện đời chắc chắn giữ được hai mươi món lợi tốt đẹp, hai mươi món lợi đó là:

1) Thân không bị bệnh tật, được an ổn vui sướng.

2) Do nghiệp lực đời trước, tuy có sinh bệnh, nhưng trị mau lành

3) Thân thể mềm mại, da thịt sạch sẽ trắng đẹp, mặt mày sáng sủa.

4) Được mọi người thương yêu kính trọng.

5) Thầm hộ các căn.

6) Được nhiều tiền của quý báu, tuỳ ý thọ dụng.

7) Đã có tài bảo, thì vua, giặc, nước, lửa không thể xâm tổn.

8) Sự nghiệp đã làm ra, đều thành tựu tốt.

9) Đã có các món trồng tỉa, không sợ rồng dữ, sương muối, bão lụt tiêu huỷ.

10) Nếu có lúa thóc tai hoạ xâm phạm, nên tụng thần chú che chở vào tro, hoặc nước bảy biến, rồi rưới xuống ruộng khắp tám phương đã kiết giới, trên dưới bấy giờ các tai họa liền được diệt trừ.

11) Không bị những sự bạo ác của quỷ thần, La-sát đến hớp đoạt tinh khí.

12) Tất cả hữu tình nghe thấy vui mừng, thường tôn trọng, không nhàm chán.

13) Không hề sợ sệt tất cả oán cừu.

14) Dù có oán cừu, cũng mau tiêu diệt

15) Người và các kẻ phi nhân không thể xâm hại.

16) Yếm mị, trù rủa, thuốc độc, yếm chú, chẳng dính vào thân.

17) Phiền não, triền cấu không thể hiện hành.

18) Đao độc nước lửa không thể làm thương hại.

19) Các vị trời, thiện thần thường theo che chở.

20) Đời đời không xa rời từ, bi, hỉ, xả, trong kinh Thập Nhất Diện Quán Thế Âm Thần Chú có nói: Nếu có các tịnh tín, thiện nam, tín nữ thường trì tụng thần chú, hiện đời sẽ được mười lợi ích cao quý, mười lợi ích đó là:

1) Thân thường vô bệnh.

2) Thường được Chư Phật mười phương che chở.

3) Tài bảo, y thực, thọ dụng vô tận.

4) Hàng phục được kẻ oán địch mà không lo sợ.

5) Khiến các bậc tôn quý cung kính, tin lời.

6) Cổ độc, quỷ mị, không thể trúng thương

7) Tất cả dao, gậy không thể làm tổn hoại.

8) Nước không thể nhận chìm

9) Lửa không đốt được.

10) Không bị chết ngang trái.

4- Tất cả việc mong cầu đều không thể nghĩ bàn:

Kinh Quán Tự Tại Nghi Quỹ, kinh Văn-thù-sư-lợi Nghi Quỹ, cùng các kinh Nhất Tự Đảnh Luân, v.v... hơn mười bổn kinh đều nói chân

ngôn hạnh nhân, khi cầu thành tựu thì dùng bốn vật:

1) Cung, tên, rựa, búa, câu, luân (bánh xe pháp luân) xử cảnh (cái kính) hoặc xâu chuỗi, bình bát, ca sa, tất cả các vật dụng của chư tăng.

2) Hùng hoàng, thư hoàng, cũng như các món thuốc khác.

3) Lấy đất trên bờ sông hoà làm bùn dẻo rồi nắn hình sư tử, voi, ngựa, trâu tức là loài đi, chạy, hoặc gà, ngỗng, chim công, sí điểu v.v... là loài bay, cùng các hình thú khác.

4) Hoặc đắp, vẽ, điêu khắc tất cả các hình tượng Phật Bồ-tát, Minh Vương; tuỳ tâm ưa muốn, chia ra làm một việc, y pháp thành rồi mà đem để trong Đàn; đúng như pháp tụng chú, khi thấy được ánh lửa xẹt ra; hoặc tay cầm, hoặc xoa thân, hoặc cỡi lên, cùng giúp bạn tri thức bay lên hư không. Hoặc có người thấy thành tựu, hay thấy các người khác được thành tựu; tất cả đều được bay trên hư không, dạo chơi khắp thế giới, cúng dường Chư Phật, Bồ-tát, đều sống lâu một kiếp, chứng được Sơ địa, trăm pháp minh môn. Nếu khi thấy xẹt khói ra, thì làm y như trước sẽ được làm vua cõi Tiên, sống lâu muôn tuổi.

Nếu khí nóng phát ra thì được tất cả trời, người yêu kính; mong cầu việc gì đều như ý; đây là tướng thành tựu của ba phẩm: Thượng, trung, hạ.

(Nếu có lửa sáng phát ra, đó là thượng phẩm; khói phát ra: là trung phẩm; hơi nóng phát ra là hạ phẩm). Lại nói rằng: Nếu vầng ánh sáng lửa hiện ra, thì được tất cả các Thần thường đến ủng hộ, các chúng tám Bộ thường cung kính.

Dùng tất cả Thần chú đều được tối thắng, linh nghiệm. Nếu tướng khói hiện ra, đi, ở chỗ nào đều không chướng nạn, sở cầu toại tâm. Nếu khí nóng hiện ra. Được tất cả người và quỷ thần đồng tâm yêu kính).

Phương Tây có một người được thành tựu thượng phẩm, dẫn năm trăm người bay lên hư không. Như ở xứ này (nước Tàu) có ông Hoài Nam Vương luyện chú nấu thuốc, gà, chó, đến liếm vạc đều bay lên hư không. Cho nên mọi người nói rằng: Hoài Nam thành đạo, chó sủa trong mây. Vương kiều đắc Tiên, kiếm bay trên trời. Năng của thuốc lực còn vậy, huống chi Thần chú của Phật không thể nghĩ bàn ư! Thần Biến Sớ chép: Người nay cầm Tiên phương, chưa từng hoà hiệp uống dùng; lại huỷ báng rằng: ban ngày bay lên hư không cho là luống dối, toàn là chuyện không tưởng, lại các kinh Đà-Ra-Ni như Đại Giáo Vương, v.v... chép: “Hoặc khiến tìm người Long Nữ làm vợ, hàng Dược-Xoa làm tôi tớ; cầm lụa vào cung Tu-la, chú vào thây chết khiến khai mở những của báu dưới đất. Hoặc nói thành nơi Thánh dược; hoặc nói tìm đến các

tài bảo, v.v... trong Hiển giáo, việc này ít nghe. Cho nên Tiên đức nói: “Ngoài Ba thừa ra, có pháp trì minh riêng”.

Hỏi rằng: Bổn ý của Chư Phật là khiến dứt tất cả tham, sân, vì sao khiến người khởi lòng tham cầu thế sự?

Đáp: Chư Phật có phương tiện độ sinh không thể nghĩ bàn. Nghĩa là cõ những chúng sinh không chịu cầu thẳng tới đạo Bồ-đề, vả lại, tuỳ tâm ưa muốn, khiến trì chú cầu. Do năng lực thần chú, không thể nghĩ bàn, việc mong cầu được toại lòng, tất cả tội nghiệp được tiêu diệt, tự nhiên vượt phàm lập thánh. Như đứa trẻ bị bệnh, không chịu uống thuốc, thầy thuốc có trí, thoa thuốc vào vú mẹ. Đứa trẻ kia nút vào vú không ngờ đã uống được thuốc hay, trừ được bệnh khổ. Cho nên kinh Quyến Tác Tâm Chú có nói: Nếu có chúng sinh dù đem dua mị để cầu giàu sang, danh lợi, nếu được nghe chú này thì các chúng sinh đó đời đời kiếp kiếp thành tựu, được hưởng phước tụ, trí tuệ. Thần Biến sớ nói cảnh giới chân ngôn, Bồ-tát Thập Địa còn cho chẳng phải cảnh giới của các Ngài, huống chi là người trong cõi sinh tử ư! (Có người nói rằng: Đà-Ra-Ni phần nhiều khiến người có sư mong cầu, ngược lại gây tổn hại cho chúng sinh; đây là lìa ngoại cầu, lấy vô cầu giống như đoạn kiến ngoại đạo. Nay Phật nói: Suốt ngày cầu đó mà không thấy tướng cầu, là chân vô cầu, chẳng đồng ở cây, đã hoàn toàn không còn mong cầu. Cho nên Quán Âm Sao chép: Tuy niệm niệm cầu, nhưng không có tướng năng cầu và sở cầu. Huống chi các Phật Đại từ, Đại bi đâu có cố ý làm tổn hại chúng sinh)

5- Lợi lạc hữu tình cứu thoát u linh:

Kinh Đại Bảo Lầu các, kinh Đại Bi Tâm và kinh Mâu-lê Chú v.v... hơn mười lăm bổn kinh đều nói: Nếu có chúng sinh được thấy thân người trì chú, hoặc nghe âm thanh lời nói, hoặc đi qua trong bóng của họ, thì được diệt hết tội mười điều ác, năm tội nghịch, đời sau được sinh về các cõi Phật. Lại người trì chú, chỗ mắt họ thấy, chỗ thân họ chạm xúc, tất cả loài hữu tình cũng được diệt tất cả tội, đời sau sinh về các cõi Phật. Những người trì chú khi đi đường có gió thổi, hơi gió này chạm vào hành giả rồi cuốn đi, hoặc thân, tắm gội dưới sông, nước cuốn đi những gì kỳ cọ, hoặc khi trời mưa, ngửa mặt lên hư không tụng chú, những hạt nước mưa trên hư không cũng thấm nhuần linh lực, hoặc trên đỉnh núi tụng chú, chỗ nào tầm mắt phóng tới tất cả sự kiện trên đầu ảnh hưởng đến các chúng sinh như sau: mọi tội lỗi đều tiêu diệt, đời sau được sinh về cõi Tịnh của Chư Phật, hoá sinh trong hoa sen. Như

thế gian chỗ nào có thuốc độc, đi qua dưới gió, khi gió chạm vào liền bị tổn thương, còn có công lực khó lường, huống chi thần chú không thể nghĩ bàn ư! Lại kinh Quyên Tác nói: "Nếu nghe Đà-Ra-Ni mà sinh huỷ báng, cũng vẫn được lợi ích. Như người có tâm ác đi vào trong rừng long não, chiên đàn rồi chặt, bẻ, giậm đạp, làm cho gãy ngã tất cả, chính thân thể kẻ phá hoại đó cũng dính được mùi thơm kia. Cho nên trong kinh Phật Đảnh có chép: "Thần thông thắng hoá, khó thể nghĩ bàn, môn Đà-Ra-Ni thật là bậc nhất". Lại trong kinh Vô Cấu Tịnh Quang, kinh Bất Không Quyến Tác, kinh Phật Đảnh Tôn Thắng, kinh Tuỳ Cầu, v.v... nói: "Nếu vong nhân đã gây nhiều nghiệp ác, khi chết bị đoạ vào ba đường, hành giả chân ngôn liền xưng tên tuổi, dòng họ của vong linh rồi chuyên tâm tụng chú. Lúc bấy giờ vong ấy sẽ được lìa đường ác và sinh lên cõi trời.

Lại lấy chân ngôn chú vào nơi đất cát, hoặc hoa sen rải trên mộ, trên thi hài của vong nhân, liền được sinh về các cõi Tịnh của Chư Phật. Ngoài ra các y vật, thân phần cốt nhục của vong nhân mà được bóng người trì chú chói vào, cũng được sinh về các cõi nước Phật. Lại chép Đà-Ra-Ni rồi đặt trên hài cốt của vong nhân, vong đó liền sinh lên cõi trời. Cho nên bậc Tiên Triết nói rằng: "Bụi rơi bóng chói, Thần dạo cõi trời, rải đất, rưới nước, thức lìa đường ác".

Hỏi: Vong nhân tạo nghiệp đã thành, bị đoạ vào ba đường vì sao hành giả chân ngôn hoặc xưng tên họ vong nhân, hoặc chú nguyện vào cát, đất để trên mộ, trên thi hài mà lại giúp cho vong nhân đó thoát khỏi đường ác khổ, còn được vui sướng ở cõi Phật ư! Chẳng những kẻ tục sĩ có tâm nghi ngờ, mà chính các vị xuất gia cũng khó tin.

Đáp: người trí nhờ thí dụ mà được hiểu. Nay xin nêu ra thí dụ này: "Như cấm chú của người đời; cấm lửa không cháy, cấm dao không đứt, cấm rắn không mổ, còn biến có độc thành ra hết độc, huống chi thần chú của đức Như Lai, không thể đổi khổ được vui hay sao"! Lại như sách Liệt Tử có nói: "Sư văn khéo khải đàn cầm, chính nhằm mùa Xuân mà gảy dây Thương để đàn khúc Nam, gió mát thổi đến cây cỏ thành trái. (Dây thương âm kim, thuộc mùa thu, khúc Nam là khúc tháng tám, nhờ đây mà được khí Thu, cỏ cây ra trái). Chánh mùa Thu mà gảy cây Giác, đánh khúc Giáp Chung, có gió mát trở lại, cây cỏ được sum suê. (Giác âm Mộc thuộc mùa xuân, khúc Giáp chung thuộc tháng hai, sinh ra được xuân khí, cây cỏ đơm hoa). Đương mùa hạ mà gảy dây Vũ để đánh khúc Hoàng Chung, sương tuyết rơi nhiều, sông suối đông lạnh, đóng cứng. (Vũ âm Thuỷ, thuộc về mùa Đông, khúc Hoàng Chung thuộc tháng mười

một, nên băng tuyết đóng cứng). Mùa Đông mà gảy dây Chuỷ, đánh khúc Nhuy Tân mặt trời chiếu sáng rực rỡ, băng cứng tan chảy (Chuỷ âm Hoả thuộc mùa Hạ, khúc Duy Tân thuộc tháng năm nên được hạ khí, băng cứng bị tiêu tan). Đây là nghệ thuật gảy đàn của thế gian còn biến mùa Thu thành Xuân, mùa Đông thành Hạ, huống chi Thần chú của Đức Như Lai, không thể nghĩ bàn, và Thần chú nhiệm mầu lẽ nào lại không biến đổi con đường ác khổ, để được an vui ở cõi Phật hay sao!!!

Ngài Trang Tử nói: Ngoài Sáu hiệp, bậc Thánh xét đến nhưng không luận bàn. Kinh Hoa Nghiêm chép: Lượng trí công đức đầy đủ của Bồ-tát Thập Địa, thì Bồ-tát Cửu Địa không hay biết, huống chi đức Như Lai là vua trong các Thánh; tất cả tâm ấn bí mật, đâu có thể dùng vọng tình của phàm phu mà muốn so lường đó ư! Kia như con cá nằm đáy giếng làm sao biết sự sâu rộng ở biển Đông; chỉ nên tin chắc, kinh Quán Thế Âm Bồ-tát Bí Mật Tạng Thần Chú chép: Nếu có người trì chú, hễ làm việc gì cũng được thành tựu; chỉ cần phải tin sâu, không được sinh nghi. Người trì chú đã có công năng lợi lạc hữu tình, cứu thoát u linh. Như kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ-tát Đại Bi Tâm Đà-Ra-Ni nói: Người nào trì chú sẽ không bị mười lăm thứ chết đau đớn:

1) Không làm cho người bị chết vì đói khát, khốn khổ.
2) Không bị chết vì cột trói, đánh đập
3) Không bị kẻ thù, cừu đối mà chết.
4) Không bị quân trận đánh giết nhau mà chết
5) Không bị chết vì cọp, beo làm hại
6) Không bị chết vì rắn, rít độc cắn
7) Không bị chết vì nước trôi lửa cháy
8) Không bị chết vì trúng thuốc độc
9) Không bị trùng độc hại chết
10) Không bị cuồng loạn, thất niệm mà chết
11) Không bị chết vì núi, cây bờ gộp sập đè
12) Không bị người ác yếm đối mà chết
13) Không chết vì tà thần, ác quỷ rình hại
14) Không bị ác bệnh triền miên mà chết
15) Không bị phi phần tự hại mà chết.

Lại kinh Bất Không Quyên Tác Thần Chú Tâm chép: Người tụng chú lúc qua đời được tám thứ lợi ích cao quý:

1) Khi sắp qua đời, thấy Bồ-tát Quán Tự Tại hiện ra tướng Tỳ kheo đến trước mặt an ủi.
2) Qua đời được an ổn, không bị các việc đau khổ.

3) Lúc sắp qua đời, mắt không trợn lớn, miệng không hả méo, tay buông thong thả, chân duỗi ngay ngắn, không tiết ra phân dơ, nước tiểu, không bị trụt, rớt xuống đất.

4) Lúc sắp qua đời, an trụ nhớ chánh niệm, ý không loạn tưởng.

5) Lúc chết không úp mặt

6) Khi sắp chết được biện tài vô tận

7) Khi xả mạng rồi, tuỳ nguyện sinh về các cõi Tịnh của Chư Phật.

8) Thường không xa rời bạn lành.

Kinh Thập Nhất Diện Quán Thế Âm Thần Chú chép: Người tụng chú được bốn công đức.

1) Khi qua đời được thấy Chư Phật

2) Qua đời không bị đoạ vào đường ác

3) Không do hiểm nạn, tai ách mà chết

4) Được sinh về thế giới Cực Lạc

6) Môn chư Phật Mẫu giáo hạnh bổn nguyện:

Nghĩa là tất cả Chư Phật đều từ Đà-Ra-Ni sinh ra. Kinh Lầu Các chép: Chân ngôn là mẹ của Chư Phật, thành hạt giống Phật, nếu không có chân ngôn thì không thành Chánh giác. Tất cả Ba Tạng giáo điển đều do Đà-Ra-Ni phát xuất. Cho nên trong kinh Tối Thượng Đại Thừa Bảo Vương nói có bốn thừa:

1) Thừa thinh văn

2) Thừa duyên Giác

3) Đại thừa Phương Quảng.

4) Thừa Tối Thượng Kim Cương, đó là Đà-Ra-Ni tạng. Tất cả pháp đều từ Kim Cương lưu xuất. Thần Biến Sao nói: Nghìn dòng, muôn phái khởi từ núi Tích Thạch, ở Côn Lôn. Mười hai phần kinh phát xuất từ Tạng Tổng trì bí mật, lại muôn hạnh cũng do Đà-Ra-Ni mà ra. Nghĩa là trong chân ngôn, mỗi chữ toàn là pháp giới Vô tướng. Muôn hạnh đều từ pháp giới mà ra. Cho nên kinh Trì Minh Tạng Nghi Quỹ chép: “Chữ Án, là từ pháp giới vô tướng mà ra”.

Thần Biến Sớ chép: pháp giới Vô tướng toàn là chân ngôn, chân ngôn toàn là pháp giới vô tướng, vả lại chân ngôn cũng gọi là Tam tạng, có trì chú ấy đều là Tam tạng. Nghĩa là trong chân ngôn mỗi chữ đều gồm cả Giới, Định, tuệ, đủ muôn hạnh không ngoài sáu độ. Sáu độ không lìa Ba học. Đã nói chân ngôn gọi là Ba tạng, tức biết chân ngôn bao gồm muôn hạnh. Chân ngôn là hạnh chung, các pháp môn khác là

chi lưu của các hạnh môn.

Hỏi: Trên dẫn kinh nói rằng: Đà-Ra-Ni là Thiền định tạng trăm nghìn Tam-muội thường hiện tiền. Nay nói lại: Chân ngôn bao gồm Ba tạng, tức biết chân ngôn gồm chứa đủ tất cả môn thiền định. Vì sao Thiền giả ngày nay không cho trì chú ư ?

Đáp: Trong các truyện ký Thiên-trúc và Trung Hoa, xưa nay các Thiền đức đều vâng làm các điều lành, huống chi thần chú là Vô tướng định môn tâm ấn của Phật ư !

Trong Bạch Tán Cái Đà Ra Ni có bài tụng rằng: khai vô tướng môn viên tịch tông, tự tự quán chiếu kim cương định. Lại nói: “Du-già diệu chỉ truyền tâm ấn, Ma-ha-diễn hạnh tổng trì môn”. Như Bồ-tát Long Thọ, trong Truyền Đăng Lục, ở Tây Thiên Tổ thứ mười bốn Thiền tông, chép lược ra kinh Tạng Trì Minh, mở rộng thần chú Chuẩn-đề, thiền sư Nhất Hạnh là Thánh chân ở xứ Trung Hoa còn tán thuật thần biến chân ngôn, Thiền sư Trí Giả được Túc mạng thông, rộng bày nghi quỹ trì chú. Thiền sư Khế Phù có người hỏi pháp Tối Thượng thừa. Ngài liền dạy tụng Mật ngôn; xưa các Thiền sư đâu không cho trì chú ư ?

Lại như Thiền tông có nói: Tất cả các pháp đều là chân như, trì tụng chân ngôn đâu không phải là chân như ? Nay có Thiền sư hoặc Giảng sư thấy truyền bá mật chú, sợ mất lợi mình, tâm sinh ganh ghét. Vậy xin quý vị hiện tại cũng như vị lai ngăn ngừa ác báo. Cho nên trong kinh Phật Đảnh Vô Cấu Quang Minh Đà-Ra-Ni có nói: Xưa có Bà-la-môn Vô Cấu nói thần chú bí mật cho người nghe.

Có Trưởng giả Quang Minh, trước kia có nhiều người quy ngưỡng, sợ mất lợi mình mà sinh tâm ác, tâm ác hưng khởi, ông liền bị bệnh lác hủi, chịu khổ não dữ dội, cho đến khi chết đoạ vào địa ngục vô gián chịu khổ một kiếp, lại đoạ vào địa ngục chịu khổ một kiếp nữa, mới được sinh làm người, mà không có hai mắt. Vì nhờ duyên lực kiếp trước, trở lại gặp Bà-la-môn Vô Cấu đang làm vị Tỳ-kheo nói mật chú vừa nghe liền sinh vui mừng rồi nhờ năng lực chú kia, lúc chết sinh lên cõi trời, v.v... Như trên đã nói: Huỷ báng tuy có lợi ích nhưng sự lợi ích đó xa vời lắm, và huỷ báng đều có tội như ông Trưởng giả Quang Minh kia. Vì mật chú là tâm ấn của Chư Phật có vô lượng vị Minh vương, các trời, rồng, Thần đều đến che chở, nên khiến người huỷ báng hiện đời phần nhiều bị bệnh lác hủi, mong kẻ thời lưu phải dè dặt.

7) Môn Bốn chúng dễ tu kim cương thủ hộ:

Tất cả bốn chúng chỉ cần hiểu lời nói đi, đứng, nằm, ngồi trong

bốn oai nghi, được dễ dàng tụng tập. Lại chỉ miệng tụng, được gọi là chân hạnh. Trừ được phiền não an vui pháp thân không nhờ thông suốt giáo điển, như người bệnh được uống thuốc, uống vào liền dứt bệnh, thân an không cần phải hiểu rộng sách thuốc. Cho nên kinh Bát-nhã nói: Tổng trì cũng như thuốc hay, cũng như cam lộ cõi trời, trị lành các bệnh hoặc, uống thuốc thường an vui. Phật Đảnh Đà-Ra-Ni Sớ nói: Trai giới không bẩm thọ mà được đầy đủ, quả chứng không xa mà có thể được. Tiêu hết nạn, đạt lợi ích. Tự tu hành lại hoá độ những người khác, bởi nhân của người, bởi quả của người, chẳng có việc gì không do điều này mà hiển rõ. Lại Mạn-trà-la Sớ nói: Ai niệm thần chú của Đức Như Lai; tâm tâm thầm hợp tâm của Như Lai; đọc Mật ngôn của Bồ-tát, mỗi nguyện phù hợp với nguyện của Bồ-tát, sinh tử nào không lánh xa. Niết bàn nào mà không chứng đắc. Nếu y các tông khác tu hành, thì phải biết rộng giáo lý của Phật, tỏ ngộ được chân tâm, sau mới tu hành, mới là chánh hạnh. Nếu chưa ngộ mà tu, thì không phải chánh hạnh.

Như người bệnh ở đời, phải biết rộng sách thuốc, hiểu rõ dược tánh, mới trị được bệnh, tức khó được trong muôn một. Nên biết thần chú hạnh môn tóm lược công đức sâu xa, khắp dẫn dắt bảy chúng mau đến Bồ-đề, rất là quan trọng. Cho nên Tam Tạng Nghĩa Tịnh nói rằng: “Lên trời cỡi rồng, sai sử trăm thần, phương pháp lợi sinh chỉ cần Thần chú giúp đỡ. Hỏi: Nếu theo Hiển giáo sinh lòng tin, nương theo lòng tin phát sinh sự hiểu biết, nương sự hiểu biết, phát khởi hạnh tu hành, tu hành đắc quả. Nay Mật tông thần chú không cần sinh hiểu biết, chỉ cần tụng liền được đạo quả. Đã vượt qua quy tắc thông thường, khó mà sinh lòng tin? Đáp rằng: Như người bệnh trong thế gian không hiểu phương thuốc, gặp được thuốc thần diệu mà uống, liền được thân tâm an ổn. Nếu đã không hiểu dược tánh, vì sao trừ bệnh thân an? Thuốc đời còn vậy, huống chi thần chú không thể nghĩ bàn của Đức Như Lai, và giáo pháp của Đức Như Lai không thể một lý mà suy. Đã nói Hiển, Mật có khác không thể giải theo một mặt. Khởi Tín Sao chép: Ép chặt trụ đàn mà lên dây, toàn là ngu, ôm cây đợi thỏ, chẳng phải người trí. Chỉ nên tin mà tu trì sẽ mau đắc quả. Nếu chẳng sinh lòng tin, thì luống uổng công chẳng ích gì. Kinh Đại Bi Tâm chép: Tụng trì thần chú thì tất cả mọi sự mong cầu đều được kết quả toại nguyện. Chỉ trừ đối với thần chú sinh lòng nghi.

Lại nói rằng: Nếu có người sinh nghi không tin, đó là trong trăm muôn kiếp thường ở trong đường ác, không nghe được Tam Bảo. Lại các kinh nói: hành giả đối với chân ngôn trong bốn oai nghi, có vô lượng

tám bộ chúng trời rồng, kim cương thiện thần thường theo che chở. Cho nên kinh Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà-Ra-Ni nói tụng trì Đà-Ra-Ni là Vô uý tạng, trời rồng, thiện thần thường theo che chở, lại nói rằng: Nếu đúng như pháp tụng chú, thì có tất cả Thiện Thần, Long Vương Kim Cương mật tích thường theo che chở không xa lìa người trì chú, như giữ gìn hai tròng mắt, như giữ mạng mình. Lại người trì chú: Hoặc ở núi non, đồng vắng, ngủ riêng một mình, các thiện thần sẽ thay nhau ngủ nghỉ để bảo vệ trừ sạch tai chướng. Nếu ở rừng sâu, núi thẳm, quên mất đường đi, các thiện thần, long vương hoá thành thiện nhân chỉ đường về. Nếu gặp giặc đánh, bị cướp giựt, trốn qua nước khác, thì Thiện thần, Long Vương sẽ dắt dẫn về chỗ cũ. Nếu ở nơi núi rừng, đồng vắng nước, lửa ít có, Long Vương ủng hộ hoá ra nước, lửa. Cho nên kia có bài tụng rằng. “Trời rồng chúng Thánh đồng che chở, trăm nghìn Tam-muội đốn huân tu”. Lại trong kinh đại Phật Đảnh Đà-la-ni chép: Nếu có chúng sinh trong tâm tán loạn, miệng vẫn tụng thần chú, thường được tám muôn bốn ngàn na-do-tha, Hằng hà sa cu-chi Bồ-tát Kim Cương Tạng Vương chủng tộc, mỗi vị đều có các kim cương chúng làm quyến thuộc, ngày đêm thường theo che chở người này. Dù có ma vương rình tìm cách hại người kia, cũng không thể được. Các tiểu quỷ thần lánh xa kẻ thiện nhân này ngoài mười do tuần. Nếu quyến thuộc của ma muốn rình tìm đến xâm nhiễu thiện nhân, các chúng kim cương lấy chày đập nát đầu, nhỏ như hạt bụi. Hằng khiến người này làm việc đúng như nguyện. Cho nên lời tụng kia nói: Tám mươi bốn ngàn kim cương chúng: Đi, đứng, nằm, ngồi đều theo che chở (hành giả).

Mật bộ các kinh nói rộng hộ trì cho người tụng chú; muốn biết rõ, xin xem trong Tạng giáo.

8) Môn khiến cho phàm đồng với Phật, Như Lai quy mạng:

Hành giả Chân ngôn, trì tụng thần chú, khi khoá số đã mãn ba nghiệp thân, miệng, ý ra làm các việc thiện ác, đều thành pháp môn công đức vô lậu. Cho nên Bạch Tán Cái Tụng chép: Tụng xong một muôn tám ngàn biến, biến biến nhập vào định vô tướng. Tên thành Kiên Cố Kim Cương Tràng, tự tại được gọi là Phật trong loài người. Dù cho mắng chửi, chẳng lấy làm lỗi, các vị trời vẫn nghe tiếng thành ra Phạm âm. Kinh Đại Bi Tâm Đà-Ra-Ni chép: Tụng trì Đà-Ra-Ni ấy, miệng nói ra lời gì hoặc thiện hay ác tất cả trời rồng nghe đều là pháp âm thanh tịnh. Lại có bài kệ rằng:

Thí như thuốc linh đơn

Điểm sắc thành vàng báu
Tụng trì Đà-Ra-Ni
Biến phàm thành Thánh Hiền.

Lại Thần Biến Sớ chép: hành giả Chân ngôn khiến cho ba nghiệp giống như ba nghiệp của Bổn tôn. Lại hành giả trì chú, được quy mạng, cho nên được Chư Phật quy mạng. Cho nên Phật Đảnh Kệ rằng: thế giới mười phương các đức Như Lai hộ niệm, cho nên che chở.

9) Môn đầy đủ tha lực, tự lực, hiện thành Bồ-đề:

Trong Hiển giáo hai môn có tứ lực và tha lực, Luận Thập Trụ, Niệm Phật cảnh v.v... nói:

1) Môn tự lực: Nghĩa là tu sáu độ tất cả muôn hạnh gọi là hành đạo khó, như người đi bộ xa nghìn dặm thì phải đến chậm.

2) Môn tha lực: Các pháp môn niệm Phật gọi là đạo dễ hành. Như người đi đường sông xuôi thuyền thuận gió thì được đến mau.

Nay trong chân ngôn bí mật thần chú đầy đủ hai lực tự và tha. Trong kinh Đại Thừa Bảo Vương v.v... và các kinh nói: Hành giả Chân ngôn hằng ngày được đầy đủ Ba-la-mật, viên mãn công đức. Lại Phật Đảnh Tụng chép: không trì trai mà gọi là trì trai, không trì giới mà gọi là trì giới, Tăng phá hai trăm năm mươi giới, Tỳ-kheo-ni phạm tám Ba-la, khi nghe Phật đảnh Đà-Ra-Ni liền được đầy đủ giới Thanh văn. Và trong Phật Đảnh Sớ có nói: Hạnh môn Bồ-tát tuỳ hành thời đủ, nay không hành mà tự đủ, là nhờ năng lực của thần chú có đầy đủ muôn hạnh; lời nói này không sai.

Trong Môn Chân Ngôn Tự Lực: Mỗi chữ đều là toàn thân của Chư Phật. Kinh Mạt Pháp Trung Nhất Tự Chú nói: sau khi diệt độ, ta biến thân thành chú này, v.v... tức là môn tha lực. Lại có các kinh nói: hành giả Chân ngôn hiện đời năng thành Vô thượng Bồ-đề. Cho nên kinh Lầu Các chép: Ta từ vô lượng cu chi trăm ngàn kiếp, tuy hành khổ hạnh mà không được Bồ-đề, nhờ vừa nghe Đà-Ra-Ni, thì tăng thêm hạnh tương ưng, liền thành Chánh Giác. Lại Ngũ Tự Đà-Ra-Ni tụng rằng: Chư Phật sức bổn thệ, hiện thành các việc Thánh. Nghĩa là: Chỉ ngồi niệm một lần, liền thành tới Chánh Giác. Lại tựa Đà-Ra-Ni nói rằng: Nếu học chưa trong tâm, tức là ba nghiệp của phàm phu sẽ biến thành chỗ chứa công đức, chỉ trong đời này liền được Bồ-đề, không cần lao nhọc, tiến tu nhiều kiếp. Lại Thần Biến sớ chép: Xét Đà-Ra-Ni thành thừa không thể nghĩ bàn, thành Phật thần thông. Nghĩa là nương các môn thành Phật, như cỡi dê ngựa, đi nghìn dặm đường qua thời gian rất lâu mới

đến. Nương môn Đà-Ra-Ni thành Phật, như cỡi thần thông đi nghìn dặm đường, móng ý liền đến nơi. Chỗ đến tuy không khác, chỗ nương pháp có chậm, mau. Lại các môn thành Phật như mài vàng đá lấy ngọc Như ý, tu theo chân ngôn thành Phật như sức thần thông lấy ngọc Như ý. Lại còn nói rằng: Các vị Bồ-tát vì cầu Bồ-đề, tuy tu các khổ hạnh khó làm, như sự cứu lửa cháy đầu. Trải qua vô lượng kiếp còn không được thành tựu như vậy. Hành giả Chân ngôn nếu tu không thiếu pháp tắc thì chỉ trong đời này sẽ được thành công, chứng được Bồ-đề. Cho nên, Thần Biến Sao chép: Đốn siêu các địa vị, là ví dụ nhờ các thần thông, mau xa lìa phiền não ràng buộc, là vì nhờ chú thuật, và trong kinh Đại Giáo Vương nói: Nếu không y bí mật khoá tụng tu hành, thì sẽ không thành công trọn vẹn ở cõi vô thượng Bồ-đề.

10) Môn Chư Phật Như Lai còn cầu học:

Như kinh Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương chép: Các Phật cũng cầu Thần chú, huống chi phàm phu không trì tụng sao? Cho nên các kinh kia nói: Trong một lỗ chân lông của Bồ-tát Quán Thế Âm có vô lượng Chư Phật và Bồ-tát. Bồ-tát Phổ Hiền vào trong một lỗ chân lông của Quan Âm, trải qua mười hai năm mà chẳng biết chừng đỗi. Lại nói rằng: Bồ-tát Quán Thế Âm có sáu chữ Đại Minh Đà-Ra-Ni, tất cả Như Lai đều không biết chỗ sở đắc kia. Nhân vị Bồ-tát làm thế nào mà biết được, đến nỗi nói: Phật trên hoa sen đã thành Phật rồi, mới trải qua vâng thờ các Phật, để cầu sáu chữ Đại Minh này, v.v...

Hỏi: Phật có tất cả trí, đâu không biết Đà-Ra-Ni ư ?

Đáp: Có ba nghĩa:

1) Tiêu biểu Đà Ra Ni là cao quý sâu xa, khiến tôn trọng, như trên đã nói: Phật không biết mà tự cầu.

2) Phật trong Quyền giáo: Như A-la-hán hay Bích-chi-phật, Phật trong Quyền giáo không thể biết được Viên tông mật chú. Như Tiểu thừa cực quả không biết được pháp sâu xa của Đại thừa.

3) Mật tông Thần chú: Tức thể, lại là viên viên quả hải cho nên Phật không đắc được, Như Thích Đại Thừa Luận chép: Viên viên quả hải Phật cũng không đắc được. Nay Lục Tự Đại Minh và Thần chú Chuẩn-đề tức thể lại là Viên viên quả hải. (Nay mật bộ tất cả Thần chú là pháp sở thuyên trong Hiển giáo, thật mà luận thì chứa đủ năng thuyên trong Hiển giáo. Nay Lục Tự và Chuẩn-đề chính là quả hải trong Hiển giáo).

Hỏi: kinh Bảo Vương chỉ nói Lục Tự Đại Minh, Phật không biết được, vì sao nay nói Chuẩn-đề mà Phật cũng không biết được?

Đáp: Kinh Bảo Vương ấy chép: Lục Tự Đại Minh rồi, lại liền nói Chuẩn-đề, nên biết Chuẩn-đề đồng với quả hải. Lại Phật chỉ biết Phật nói chân ngôn trong Ngũ bộ: Phật bộ gồm thâu tất cả. Nay Chuẩn-đề ở riêng ngoài Ngũ bộ, nếu chẳng phải viên viên quả hải, đó là pháp gì ?

Lại hỏi: Luận rằng chân ngôn chỉ là ngôn giáo năng thuyên tức lấy tiếng danh, câu văn làm thể, vì sao được là viên viên quả hỏi?

Đáp: Nếu hỏi câu này tức là chưa biết tông chỉ của Mật giáo. Nay bí mật Thần chú trong Mật giáo là pháp sở thuyên. Như trên đã nói, tất cả lời nói, văn tự thuộc về lời năng thuyên, phần nhiều lấy thinh, danh, cú văn làm thể, hoặc lấy Duy thức làm thể. Trong Chung Giáo nói: Lấy vô tánh chân như làm thể. Trong Đốn giáo lấy chân như dứt bặt đối đãi làm thể, trong Viên giáo nói hoặc lấy Thập huyền làm thể, hoặc Tam-muội Hải ấn làm thể. Kia trong ngôn ngữ năng thuyên, trong Hiển giáo còn như vậy, tức là chân như dứt bặt đối đãi thập huyền môn, huống là Mật tông thần chú, chính là Nhất chân pháp giới trong hiển viên ư! Lại Thích Ma-ha-diễn Luận, y cứ giáo năng thuyên trong môn sinh diệt. Hội tướng quy tánh, lấy chân như làm thể, hoặc lấy Nhất tâm làm thể. Trong môn chân như, lấy chân như tuyệt đãi làm thể. Lại Luận Thập Thâm Huyền Lý, Luận Bất Động Bổn Nguyên, trong hai Bổn luận kia, lấy gì làm thể, lấy lý suy gạn, thì biết nó lấy bất nhị quả hải làm thể. Lời nói năng của nó còn như thế, tức cũng là biển quả không hai, huống chi Lục Tự Đại Minh, Thần chú Chuẩn-đề, nghĩa pháp sở thuyên trong hai bổn luận kia ư! Lại từ xưa các Ngài đều cho rằng: Bí mật thần chú là Chư Phật tâm ấn, chỉ có Phật mới biết được chẳng phải nhân vị có thể hiểu. Lại nay, kinh Bảo Vương nói: Phật cũng không biết Thần chú, nếu chẳng phải Viên viên quả hải đó thì còn là gì nữa? Mong các người học rộng lòng mà thể nhận, chớ vọng tình tự chấp!

Hỏi: Vì sao Chư Phật không được biển quả Viên viên?

Đáp: Biển quả viên viên là pháp bổn tánh thành tựu, tiêu biểu chẳng phải Chư Phật tu nhân dứt chướng mà được, lại tiêu biểu ra ngoài nhân quả. Cho nên nói Chư Phật không được mà tự cầu. Cứ thật mà luận, các Phật đều biết được, cho nên ngài Hiền Thủ nói: Tánh đức biển quả, tức là cảnh giới thập Phật.

Hỏi: Lục Tự Đại Minh và thần chú Chuẩn-đề đã là viên viên biển quả, tức là cảnh giới thập Phật vì sao phàm phu trì tụng được?

Đáp: Nay trong Mật giáo nói: nhờ năng lực chân ngôn không thể nghĩ bàn khiến ba nghiệp phàm phu đồng ba nghiệp của Như Lai mà được trì tụng. Lại Thần chú Mật tông, nếu y cứ vào chỗ hiểu biết, tức

chỉ là cảnh giới của Chư Phật, nay nhân vị phàm phu tuy chẳng hiểu biết, chỉ nên trì tụng tự nhiên diệt chướng thành đức, vượt phàm lên Thánh, riêng một nghĩa này người tục nghe nói mà phát sợ. Lý vượt thường tình, người đã ít nghe, kẻ phàm phu lại khó tin. Những bậc bác học thương trí, xét kỹ nơi đây mà rõ. Ba nghĩa trên đây tuỳ theo lấy hay bỏ.

Mười môn từ trước đến đây bày Mật bộ, nương vào kinh điển, chẳng phải kẻ hạ ngu này biết được mật chỉ, cho nên Thần Biến Sớ Sao chép: Chỉ có tay Kim Cương mới sờ được chỗ kín đáo, mắt hoa sen mới nhìn suốt được nơi thâm sâu nhiệm mầu kia.

B. Hỏi, Đáp Mật Chú Pháp Khí Hơn Kém:

Hỏi: Mười môn như trên trình bày hết trong chân ngôn Viên giáo, là tất cả chân ngôn có hơn kém của Ngũ giáo, mỗi chân ngôn không đồng hay tất cả chân ngôn không hơn kém đều là Viên giáo?

Đáp: Theo Thần Biến Sớ có hai môn:

1) Tuỳ tha ý môn: Tất cả chân ngôn có hơn kém, các bộ không đồng. Lại Ngài Thanh Lương Sớ Chú, ngoài ba tạng, kinh, luật, luận lập thêm một Tạp tạng bao gồm Đà-Ra-Ni làm thành bốn tạng. Một trong ba thừa đều có bốn tạng, làm thành mười hai tạng. Trong Ba thừa đều có Đà-Ra-Ni Ngũ giáo, sau đây mỗi mỗi cũng có Mật chú, như chú trong kinh A-hàm tức là Tiểu giáo. Các chú trong kinh Bát-nhã tức là Thỉ giáo. Chú trong kinh Kim Quang Minh tức là Chung Giáo, chú trong Lăng-già tức là Đốn giáo. Chân ngôn Lục Tự Đại minh và thần chú Chuẩn-đề trong kinh Đại thừa Trang Nghiêm Bảo Vương tức là Viên giáo. (Trong mười môn trước đây đã dẫn chứng kinh Đà-ra-ni, phần nhiều là Viên giáo)

Tiếng Phạm là Đà-ra-ni, Hán dịch Tổng Trì, là lấy bốn pháp Giáo, Lý, Hạnh, Quả làm thể. Trong ngũ giáo Đà-Ra-Ni, mỗi giáo gồm nhiếp các giáo, trong đó là Giáo, Lý, Hạnh, Quả.

(Sự hơn kém của năm giáo, nay nêu lên thí dụ này giúp người mới học được biết).

1) Tiểu giáo như sắt.

2) Thỉ giáo như đồng.

3) Chung giáo như bạc

4) Đốn giáo như vàng

5) Viên giáo như ngọc Như ý.

2) Môn tuỳ tự ý: Tất cả chân ngôn lại không hơn kém đều là Tỳ-

lô-giá-na Đại Bất Tư Nghì Bí Mật Tâm Ấn. (Trong một đời giáo pháp, cho đến chân ngôn do quỷ thần nói đều là Như Lai Tỳ-lô-giá-na, muốn pháp môn có lợi ích khắp chúng sinh. Quý ngài đã biến ra các loại quỷ thần mà nói chân ngôn được, chứ không phải mười loại quỷ thần mà nói chân ngôn được, các loại khác cũng vậy). Lại Hiền Thủ, Thanh Lương dùng nghĩa phán giáo trong mật kinh gồm có nhiều giáo. Tức là biết chân ngôn trong tất cả kinh đều là Viên giáo.

Tất cả chân ngôn lại là Tổng Trì, năng gồm nhiếp vô tận Giáo, Lý, Hạnh, Quả. Thật mà nói: Dùng tất cả hai môn mơi phù hợp với tâm Phật nhiệm mầu. Cho nên Thần Biến Sớ chép: hành giả Chân ngôn có khả năng đối với sai biệt, giải nghĩa vô sai biệt, đối với vô sai biệt giải nghĩa sai biệt. Nên biết đó là, người khéo đạt tướng Chân ngôn.

Hỏi: Trên nói Mật bộ là bao la rộng rãi, thâm sâu, khó suy, khó nghĩ, chẳng hay pháp này hợp với căn khí nào?

Đáp: căn khí thích hợp có hai:

1) Môn tuỳ tha ý: Chân ngôn đã có Năm giáo khác nhau, căn khí cũng có năm món khác nhau, Đà-ra-ni trong Năm giáo. Các giáo lý trong đó gồm có ba căn: Thượng, Trung, Hạ, trong kinh Mạn-trà-la Sớ cũng có nói, Đà-ra-ni thông suốt đầy đủ các căn hơn kém.

2) Môn tuỳ tự ý: Tất cả Đà-Ra-Ni đều hợp với viên căn không thể nghĩ bàn. Cho nên Phật Đảnh Tụng chép: Thần thông thắng hoá không thể nghĩ bàn, Đà-Ra-Ni là môn bậc nhất, nay có người chưa hề khen ngợi Mật giáo, mà phần nhiều cho rằng tạng Đà-Ra-Ni chỉ hợp với hạ căn. Đây là lời nói rất sai lầm. Nhưng trong các kinh Đà-Ra-Ni hoặc gọi Tối Thượng Thừa, hoặc gọi Vô Thượng Thừa, hoặc gọi Kim Cương Thừa, hoặc gọi Bất Tư Nghì Thừa, đâu phải là chỉ hợp với hạ căn? Cho nên Ngài Thanh Lương nói rằng: Lấy cạn làm sâu có hợp lý không? Lấy sâu làm cạn có phải lỗi báng pháp không? Mong người học nên lưu tâm, không nên cố chấp cái nghe trước mà sinh ra khinh chê. Ngũ giáo ở Thiên-trúc (Ấn-độ) và Trung Hoa Hiển Mật cả hai đều rõ mới là người thông hiểu. Từ trước đến đây Hiển Mật đều giảng dạy xong.

VUI MỪNG GẶP ĐƯỢC LỜI TRƯỚC THUẬT NÀY

Một đời Thánh giáo của đức Như Lai không ngoài hai môn Hiển Mật. (Nhân Vương Kinh Sao chép: Tất cả giáo pháp của Đức Phật, không ngoài hai tông Hiển và Mật).

Trong Hiển giáo, tuy Năm giáo khác nhau mà một kinh Hoa Nghiêm rất tối tôn, tối diệu, là tuỷ của Chư Phật, là tim của Bồ-tát,

đầy đủ cả ba tạng, bao gồm cả Năm giáo (bổn Phạm có mười vạn bài kệ, ở đây đã dịch ra, tám mươi quyển, sáu mươi quyển hoặc bốn mươi quyển, v.v... Tùy căn nghĩa rộng rãi bao la, trong đó rất cốt yếu, chỉ riêng một quyển văn kinh, phẩm phổ Hiền Hạnh Nguyện là then chốt của Hoa Nghiêm, bộ máy của việc tu hành, đáng khen ngợi và tôn sùng, các dòng đạo ở Ấn-độ đều y theo đây mà tu hành).

Trong Mật bộ, tuy năm bộ có khác mà một chú Chuẩn-đề rất linh diệu và thù thắng, chú là mẹ của Chư Phật, là mạng của Bồ-tát, bao gồm đủ ba mật, bao gồm cả năm bộ (bản Phạm có mười bài kệ, xứ này đã phiên dịch có các bản của các Sư, tuy nghĩa thức khác nhau chút ít, nhưng trong đó có phần rất cương yếu thì bản dịch của Tam Tạng Thiện Vô Uý đời Đường là lãnh tụ của các đàn, là thuốc bổ của bảy chúng, đáng để truyền thừa và tôn kính. Các bậc cao đức ở Tây Thiên, Đông Độ đều nương vào đây mà trì tụng).

Nay hai tông này chỉ ghi ra đây những pháp linh diệu mà Ngài đã truyền nói. Sau thời kỳ Phật nhập diệt, người đời bây giờ không nghe không biết (không nghe Hiển viên, không biết Mật viên). Cách bảy trăm năm sau đến khi Ngài Long Thọ ra đời mở mang truyền bá cả hai tông Hiển Viên, và Mật viên, rồi đem lưu hành trong thế gian. Nay trong đời Mạt pháp, được gặp Quốc vương Thiên Hựu Hoàng Đế Bồ-tát, trong cả nước như được thuốc bổ lưu thông (tức là hai giáo Hiển Mật).

Tôi là một vị tăng tài mọn, may mắn gặp được lòng cảm động vui mừng; ôm hoài bão trọn đời, cũng như người bệnh gặp được linh đơn, thuốc mầu, kẻ nấu bếp được gặp Bảo châu như ý, lòng rất vui mừng hớn hở, bèn sáng tác ra bài thơ ngâm ca tụng rằng:

Bao năm hân hạnh, dứt quên sầu,
Gặp hai Hiển Mật toại lòng mong.
Thần công năm bộ đáng nên nhờ.
Mười huyền diệu quán, quán không thôi.
Âm cao giọng thấp Chân ngôn chuyển.
Thân được đến đi chơi Hoa Tạng
Chúng sinh pháp giới việc vui mừng
Chỉ nghi vì bởi tại lòng ta.

Hiển Mật Viên Thông Thành Phật Tâm Yếu Quyển Hạ.
- Hết -

CHUẨN ĐỀ SÁM PHÁP

Kinh dạy: Trước khi vào Đạo tràng, nên lễ Phật, sám hối, tuỳ hỷ, khuyến thỉnh, phát nguyện.

Nên thọ Giới Bồ-đề Tâm, năm pháp này là khuôn phép sáu thời hành đạo của các vị Bồ-tát.

Đầu tiên vào Đạo tràng quỳ gối, chấp tay niệm chú dâng hương.

Đọc Chân Ngôn Tịnh Pháp Giới: Ám Lam (7 biến).

Chân Ngôn Tịnh Khẩu Nghiệp.

Tu Rị, Tu Rị, Ma Ha Tu Rị, Tu Tu Rị Ta Bà Ha (3 lần)

Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn:

Án Ta Phạ Bà Phạ Thuật Đà Ta Phạ Đạt Mạ Ta Phạ, Bà Phạ, Thuật Độ Hám. (3 lần).

Án, Nga Nga Nẵng Tam Bà Phạ Phiệt Nhựt Ra Hộc (3 lần)

Đọc bài nguyện hương:

Nguyện hương hoa vân này,
Trùm khắp cõi mười phương.
Mỗi mỗi cõi Chư Phật
Vô lượng hương trang nghiêm
Đầy đủ đạo Bồ-tát
Thành tựu hương Như Lai.

Chân ngôn Phổ lễ:

Án Phạ Nhựt Ra Vật, (7 lần).

Đảnh Lễ:

Nhất tâm Đảnh Lễ Thế tôn A-súc.

Nhất tâm Đảnh Lễ Thế tôn Bảo Sinh.

Nhất tâm Đảnh Lễ Thế tôn Quán Tự Tại Vương.

Nhất tâm Đảnh Lễ Thế tôn A-di-đà ở thế giới Cực Lạc.

Nhất tâm Đảnh Lễ Chư Phật, Thế tôn trong Pháp Giới mười phương.

Nhất tâm Đảnh Lễ Đại Chuẩn Đề, Đà Ra Ni do Thất-Cu-Chi Phật Mẫu nói.

Nhất tâm Đảnh Lễ Tu-đa-la Tạng Nhất thế Đà Ra Ni môn ở thế giới mười phương.

Nhất tâm Đảnh Lễ Thất-Cu-Chi Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Bồ-tát trong cung điện Tỳ-lô-giá-na.

Nhất tâm Đảnh Lễ Đại Bồ-tát Quán Tự Tại.

Nhất tâm Đảnh Lễ Đại Bồ-tát Di-lặc.

Nhất tâm Đảnh Lễ Đại Bồ-tát Hư Không Tạng
Nhất tâm Đảnh Lễ Đại Bồ-tát Phổ Hiền
Nhất tâm Đảnh Lễ Đại Bồ-tát Kim Cương Thủ
Nhất tâm Đảnh Lễ Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi
Nhất tâm Đảnh Lễ Đại Bồ-tát Trừ Cái Chướng
Nhất tâm Đảnh Lễ Đại Bồ-tát Địa Tạng Vương
Nhất tâm Đảnh Lễ Đại Bồ-tát Vô Năng Thắng
Nhất tâm Đảnh Lễ Đại Bồ-tát Đại Thế Chí

Nhất tâm Đảnh Lễ tất cả Đại Bồ-tát trong các thế giới ở mười phương.

Nhất tâm Đảnh Lễ Ma-ha Ca-diếp Tôn Giả, các Đại Thanh Văn Tăng.

Nhất tâm Đảnh Lễ tất cả Hiền Thánh Tăng Ba thừa trong các thế giới ở mười phương.

Sám Hối:

Ngã đệ tử... dốc lòng sám hối
Đại Thánh Chuẩn Đề Tôn
Tất cả Hiền Thánh chúng
Kim thân như tiền thân
Các nghiệp ác đã gây
Các tội đều sám hối (ba lễ).

Khuyến thỉnh:

Ngã đệ tử... dốc lòng khuyến thỉnh
Tất cả Phật mười phương
Hiện tại thành đạo giả
Ngã thỉnh xoay pháp luân
An vui các chúng sinh
Tất cả Phật mười phương
Nếu muốn nhập Niết-bàn
Nay con đều mặt lễ
Khuyến thỉnh ở đời lâu (ba lần).

Tùy hỷ:

Ngã đệ tử... dốc lòng tùy hỷ
Các Như Lai ba đời
Bồ-tát Thanh Văn chúng
Người tu tập ba thừa
Cho đến loại phàm phu
Tất cả các phước lành

Thí, giới, thiền định, tuệ
Nhẫn nhục và tinh tấn
Nay con đều tùy hỷ (ba lễ).

Phát nguyện:

Ngã đệ tử... dốc lòng phát nguyện
Nguyện các chúng sinh thảy
Đều phát tâm Bồ-đề.
Dứt hẳn các phiền não
Sẽ chứng Nhất thế trí
Lại nguyện nay con tu
Hạnh bí mật Chuẩn-đề
Các sở cầu Tất-địa,
Tùy tâm mau thành tựu (ba lễ)

Hồi hướng:

Ngã đệ tử... dốc lòng hồi hướng
Phước sở tu của tôi
Cùng với hạnh chân ngôn
Hồi hướng các hữu tình
Cộng thành đạo vô thượng
Lại dùng nay sở tu
Lễ bái và sám hối.
Khuyến thỉnh và tùy hỷ
Phát nguyện hồi hướng thiện
Đều thí cho chúng sinh
Dứt hẳn khổ ba đường
Đồng đến đạo Bồ-đề,
Biển pháp giới chân như (ba lễ).

Chân Ngôn Diệt Tội của bảy Đức Phật (ba lễ).

Ly bà ly bà đế cầu ha cầu ha đế, đà ra ni đế, ni ha ra đế, tỳ ly nễ đế, ma ha già đế, chân lăng càn đế ta bà ha.

VÀO ĐẠO TRÀNG TRÌ CHÚ CHUẨN-ĐỀ, CÁCH NGỒI KIM CƯƠNG TỌA

(Nghĩa là lấy gác bàn chân mặt lên trên vế chân trái, hoặc tùy ý ngồi cũng được).

Hai Tay Kiết Ấn Tam-muội: (Nghĩa là lấy bàn tay mặt duỗi ngay ra, để ngửa lên bàn tay trái, rồi hai ngón tay cái giáp móng với nhau). Để ngang dưới rún, thân cho ngay thẳng, tâm cho an tịnh. Rồi tưởng trên

đỉnh đầu mình có một chữ Lam: rất tròn sáng như ngọc quý, hay như mặt trăng rằm. Khi tưởng như vậy rồi xả ấn Tam-muội lên trên Đảnh, tay trái kiết ấn Kim Cương quyền (Nghĩa là lấy ngón tay cái bấm vào ngón áp út ở giáp bàn tay rồi bốn ngón tay kia nắm chặt lại hình như tay cầm), rồi tay mặt lần chuỗi mà tụng như sau đây.

1) Chú Tịnh Pháp giới: Án lam (108 lần).

2) Chú Hộ thân: Án Xỉ Lâm (108 lần).

3) Chú Lục Tự Tại Minh: Án Ma Ni Bát Di Hồng (108 lần).

Khi tụng xong chú nói trên, thì xả ấn Kim cương quyền trên đảnh, rồi quỳ xuống tụng bài kệ chú Chuẩn-đề:

Chuẩn-đề công đức nhóm
Tâm vắng lặng thường tụng
Tất cả các đại nạn
Không xâm hại người này
Thiên thượng và nhân gian
Thọ phước bằng như Phật
Ngộ châu này như ý
Được phước không ai bằng.

Nam Mô Thất-Cu-Chi Phật Mẫu Đại Chuẩn-đề Vương Đại Bồ-tát (ba lần rồi lạy).

Lúc lạy xong, ngồi kiết già và kiết ấn Chuẩn-đề, lấy ngón áp út và ngón út bên mặt cùng bên trái xỏ lộn với nhau vào trong hai lòng bàn tay, dựng hai ngón tay giữa thẳng lên, rồi co hai ngón tay trỏ vào, vịn vào lóng đầu của hai ngón tay giữa, còn hai ngón tay cái thì đè trên lóng giữa của ngón tay áp út bên mặt, rồi để ấn ấy ngang ngực, dốc lòng tụng một trăm lẽ tám biến chú Chuẩn-đề và chú Đại Luân Nhất tự như vầy: Nam-mô Tát Đa Nẫm Tam Miệu Tam Bồ-Đề Đà Cu Chi Nẫm, Đát Thiệt Tha. Án Chiết Lệ Chủ Lệ Chuẩn Đề Ta Bà Ha Bộ Lâm. (tụng 108 lần) muốn trì tụng nữa thì tùy lòng. Nên tụng từ chữ Án trở xuống "Án Chiết Lệ Chủ Lệ Chuẩn Đề Ta Bà Ha Bộ Lâm". Tụng ký số làm chừng như trên, hoặc trì nhiều hơn cũng tốt, khi niệm đủ rồi muốn nghỉ thì xả ấn lên trên đảnh, kế dùng tay mặt kiết ấn Kim cương quyền mà ấn theo thứ lớp năm chỗ sau đây:

1) Trên đảnh.

2) Vai bên trái.

3) Vai bên mặt.

4) Ngang ngực.

5) Cổ họng.

Trong lúc tay ấn vào năm chỗ ấy, thì miệng đọc thần chú: "Hồng Hồng", cho liên tục, chừng nào đủ năm chỗ rồi, thôi tụng xả ấn lên đảnh đầu, và tụng:

Nay tôi trì tụng Đại Chuẩn-đề
Liền phát nguyện Bồ-đề rộng lớn.
Nguyện con định huệ mau tròn sáng
Nguyện con công đức đều thành tựu
Nguyện ngã phước tốt khắp trang nghiêm
Nguyện cùng chúng sinh thành Phật đạo
Các nghiệp ác xưa con đã gây
Đều do tham, sân, si vô thỉ
Tùng thân, ngữ, ý mà sinh ra
Nay con đều sám hối tất cả
Thân Phật A-di-đà sắc vàng
Tướng tốt sáng rực chẳng ai bằng
Lông trắng mềm mại năm Tu-di,
Mắt xanh trong suốt bốn biển lớn,
Trong ánh hóa Phật vô số ức
Chúng hóa Bồ-tát cũng vô biên
Bốn mươi tám nguyện độ chúng sinh
Chín phẩm hàm linh lên bờ kia.

Nam-mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.

Nam-mô A-Di-Đà Phật (108 lần)
Nam-mô Quan Thế Âm Bồ-Tát (10 lần)
Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-Tát (10 lần)
Nam-mô Chuẩn-đề Vương Bồ-Tát (10 lần)
Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-Tát (10 lần)

Nguyện khi con sắp sửa qua đời
Trừ hết tất cả chướng ngại
Tận mặt thấy Phật A-di-đà
Liền được vãng sinh nước Cực Lạc
Tự Quy Y Phật
Xin nguyện chúng sinh
Hiểu rõ đại đạo
Phát tâm vô thượng
Tự Quy Y Pháp
Xin nguyện chúng sinh

Vào sâu kinh tạng
Trí tuệ như biển
Tự Quy Y Tăng
Xin nguyện chúng sinh
Quản lý đại chúng
Tất cả vô ngại
Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả.
Chúng con và chúng sinh
Đều cộng thành Phật đạo.

CÁCH DÙNG KÍNH ĐÀN

(Mua cái kính (kiến) tròn mới chưa dùng soi mặt, đường kính độ bảy phân tây).

Đem kính tròn xông trầm. Đến 10 giờ đêm tối ngày rằm, trước tượng Chuẩn-đề, xoay mặt về hướng Đông, tượng ngó về hướng Tây. Hành giả ngó về hướng Đông, cúng dường hoa hương trang nghiêm, xông hương an tức và tịnh thủy. Kiết ấn Chuẩn-đề, trì chú một trăm lẻ tám biến vào kính đàn (tức là thanh tựu Đàn pháp). Mỗi khi tụng niệm, để kính trước mặt, tụng xong bỏ kính vào trong đãy vải cất, khi đi đâu đem theo để hộ thân.

Phương pháp an bố chín chữ Thánh Phạm Chuẩn-đề:

Hành giả trước khi trì chú, hoặc sau khi trì. An bố khắp thân phần, được vô lượng phước đức.

Hoặc mỗi khi ngồi thiền, quán tưởng chín chữ an khắp thân thể, rất là nhiệm mầu: Án Chiết Lệ Chủ Lệ Chuẩn Đề Ta Bà Ha.

Án: An ký trên đảnh,
Ánh sáng như mặt trăng,
Phóng ra vô lượng sáng
Trừ diệt tất cả chướng
Chiết: An ký nơi đôi mắt
Mầu sáng như nhật nguyệt
Chiếu phá mọi tối tăm
Phát sinh trí tuệ minh.
Lệ: An ký nơi cổ
Màu sáng xanh lưu ly

Hiển bày các sắc tướng
Đầy đủ trí Như Lai
Chủ: An ký ở tim
Mầu trong trắng như tơ
Khiến tâm được thanh tịnh
Mau đến đạo Bồ-đề
Lệ: An ký hai vai
Mầu sáng như vàng ròng
Người quán tưởng chữ này
Thường mặc giáp tinh tấn
Chuẩn: An ký ở tại rún
Màu sắc vàng trắng đẹp
Chóng lên diệu đạo tràng
Không thối tâm Bồ-đề.
Đề: An ở hai bắp vế
Mầu sáng vàng hơi lợt
Mau chứng đạo Bồ-đề
Được ngồi tòa Kim Cương
Ta Bà: An ở hai bắp chân
Sắc mầu đỏ rực rỡ
Nếu thường quán chữ này
Mau xoay được Pháp Luân
Ha: An ở hai bàn chân
Ánh sáng như trăng tròn
Hành giả quán chữ này
Mau đến đạo viên tịch.

VÀO NHÀ MỚI

Khi cất nhà mới, đến ngày nhập trạch thì lấy một cái chén mới (Lâu nay chưa dùng) đựng nước trong, lấy giữa dòng nước trong lúc nửa đêm, rồi tay trái kiết ấn Bảo Thủ: (là lấy ngón giữa và ngón áp út, co lại bấm vào lòng bàn tay, mà giơ ngón cái, ngón trỏ và ngón út thẳng lên) rồi bưng chén nước, còn tay mặt thì kiết ấn cát tường. (Nghĩa là lấy ngón tay cái co lại bấm vào đầu ngón áp út và giơ ngón trỏ, ngón giữa và ngón út lên rồi vẽ chữ Lam: vào chén nước, sau đó tụng hai mươi mốt biến Chuẩn-đề có nghi dưới đây), rồi đứng giữa nhà, lấy tay nhúng

nước đó mà rải cả tám phương, trên, dưới. Sau lại dùng son viết chín chữ Phạm của Chú Chuẩn-đề như vầy vào giấy vàng. Án Chiết Lệ Chủ Lệ Chuẩn Đề Ta Ba Ha:

Rồi đem dán trên các cửa và dốc lòng cầu nguyện Phật để tụng chú ấy suốt ba đêm, thì nhà ở được yên ổn, không có quỷ quái nhiễu loạn mà lại được sự tốt đẹp. Nhà đương ở mà sinh yêu quái thì cũng làm như trên.

Trị Quỷ Mị Làm đau ốm.

Bị quỷ mị làm đau ốm, thì lấy cành dương liễu hay nhánh thạch lựu, mắt nhìn vào nhánh cây, miệng chăm tụng chú Chuẩn-đề một trăm lẻ tám biến rồi lấy nhành cây ấy mà đập, phủi trên mình người đau thì liền lành bệnh.

Nếu người bệnh ở xa, cũng làm phương pháp ấy; gia trì trong nhánh cây một trăm lẻ tám biến, rồi đem về phủi trên mình người bệnh.

Trẻ em bị bệnh hay khóc đêm.

Mua chỉ năm mầu về, nhờ một bé gái nhỏ se lại, rồi mình cầm chỉ ấy tụng một biến chú Chuẩn-đề rồi gút lại một gút, cứ tụng và gút luôn cho đủ hai mươi mốt gút, rồi lấy chỉ đeo vào mình đứa nhỏ, bệnh sẽ lành ngay. Nếu trong thân người các chi tiết bị đau nhức, nên gia trì thần chú vào tay hai mươi mốt biến mà xoa vào chỗ đau, cũng được lành bệnh. (Muốn trị bệnh theo pháp này, phải là người trì chú tu hành trong thời gian lâu dài mới có hiệu nghiệm).

(Còn người mới tụng Phạm âm chưa thuần, tâm không chuyên nhất, không hiệu nghiệm mà đắc tội nặng. Khi nào tự chữa cho mình lành bệnh, rồi mới trị cho người).

Người bệnh nặng:

Niệm chú Chuẩn-đề trong chỉ năm mầu, cứ niệm mỗi câu gút một gút, cho đủ số một trăm lẻ tám gút đeo trên cổ người bệnh thì được lành bệnh. Nếu người ở xa, nên vẽ hình người bệnh, rồi nhìn vào hình, xưng tên một lần, trì chú một biến, cho đến khi đủ một trăm lẻ tám lần, rồi mới lấy chỉ đó đeo vào hình người, thì bệnh cũng lành. Lúc đi đường, vào rừng đi tàu, thuyền, phải nên nhớ tụng chú Chuẩn-đề để hộ thân và tránh khỏi tai nạn.

CHÂN NGÔN TỲ LÔ GIÁ NA PHẬT ĐẠI QUÁN ĐẢNH QUANG

Kinh Bất không Quyên Tác Thần Biến chép: Nếu các chúng sinh gây ra đủ mười điều ác, năm tội nghịch bốn tội trọng, tội số như cát bụi, đầy khắp thế giới. Khi chết bị đọa vào các đường ác. Gia trì chân ngôn này vào đất cát thật sạch cho đủ một trăm lẻ tám biến, rồi rải trên thi hài người chết, hoặc trên mồ mả họ, người chết kia nếu ở địa ngục, ngạ quỷ, tu la, súc sinh v.v... Nhờ oai lực gia trì của chân ngôn, nhờ năng lực thần thông của chú lực, bấy giờ liền được ánh sáng của Chư Phật rọi vào thân và trừ được các quả báo, bỏ thân khổ sở, vãng sinh về cõi Cực Lạc Tây Phương, hoa sen hóa sinh, thẳng đến thành Phật không còn bị đọa lạc.

Chân Ngôn Án: A: Mộ
Già: Vĩ Lô Tả
Nẵng Ma Hạ Mẫu
Nại Ra: Mạ Ni Bát
Nạp mạ: Nhập phạ: Ra:
Bát ra: Mạt: Đa: Dã:
Hồng:

PHƯƠNG PHÁP RẢI CÁT

Lấy cát ở giữa lòng sông đem về phơi khô, trộn vào ít châu sa, thần sa, để trong chén sạch. Tay kiết ấn Bảo Thủ bưng chén cát, còn tay mặt kiết ấn Cát Tường. Mắt ngõ vào chén cát, miệng tụng thần chú Tỳ-lô một trăm lẻ tám biến làm chừng, gia trì trong ba đêm, rồi rải cát ấy trên môg mả hay thi hài người chết trùng, hay chết bất đắc kỳ tử, mà vong nhân không siêu được, làm phương pháp này liền được siêu sinh, hoặc viết thần chú này trên vải, giấy vàng rồi đắp trên thi hài người chết, vong họ sẽ nhờ chú lực mà được siêu sinh về cõi Phật.

Đại Bảo Quảng Bát Lầu Các Thiện Trụ Bí Mật
Đà-Ra-Ni
Nẵng: Mồ: Tát: Phạ:
Đát: Tha: Nghiệt: Đa:
Nẵm: Án: Vĩ: Bổ:
Lã: Nghiệt: Bệ: Mạ:
Nĩ: Bát ra: Bệ: Đát:

Tha: Đa: Nễ: Nại:
Xả: Nỉnh: Ma: Nĩ:
Ma: Nĩ: Tô: Bát ra:
Bệ: Vĩ: Ma: Lê: Ta:
Nghiệt: Ra: Nghiễm: Tỷ:
Lệ: Hồng: Hồng:
Nhập phạ: Lã: Nhập phạ:
Lã: Một: Đà: Vĩ:
Lô: Chỉ: Đế: Hủng:
Hế dạ: Địa: Sắc sỉ:
Đa: nghiệt: Bệ:
Ta phạ: Ha:

Thần chú này viết chữ Phạn trên chuông, trên bản, trống, trên cờ phướn, trên vách tường. Viết trên giấy, vải đeo trong mình, viết trên áo mặc vào thân. Hoặc đọc hay tụng cho các chúng hữu tình, nghe tiếng nghe danh, liền được tiêu trừ bao tội chướng, ngủ thức được yên ổn thân tâm, không loạn động. Các chúng sinh, mắt thấy, tai nghe, thân chạm xúc đều được tiêu tội thêm phước. Ai thường thọ trì đọc tụng thì thân hiện tại không bị các bệnh khổ, khi qua đời được sinh về các cõi Phật.

PHỤ THÍCH :
LINH NGHIỆM MỘNG TỐT CỦA NGƯỜI TRÌ CHÚ CHUẨN ĐỀ

Tụng mười muôn biến hay hai mươi muôn biến thì trong mộng thấy Phật, Bồ-tát, liền nhổ ra vật đen (vật đen tiêu biểu cho nghiệp ác, mửa ra là tướng tội diệt phước sinh, cho nên tự thấy trong miệng mửa ra vật đen hay cơm đen). Mộng thấy các vị trời, Đường, Tự, Xá, (Nhà, Chùa, Tịnh xá rộng lớn) hoặc lên núi cao, hoặc thấy ở trên cây cao (không bị tội nghiệp hệ lụy, cho nên được thăng lên, đây là nhân lành được thành tựu, nên thấy cõi trời, Tự, Xá). Hoặc thấy ở trong ao lớn tắm gội (Là diệt trừ tội cấu được thân thanh tịnh). Hoặc mộng thấy thân bay lên hư không (không bị tội nghiệp ràng buộc, cho nên thân bay lên nhẹ nhàng) hoặc thấy cùng các Thiên nữ an vui sung sướng. (Được sức giữ gìn gốc lành tương ưng, nên cùng thấy vui sướng). Hoặc thấy nói pháp (Được thị giáo lợi hỉ). Hoặc thấy râu tóc rơi rụng (Râu tóc rơi rụng là pháp tây quốc ngoại đạo, râu tóc rơi rụng đều tiêu biểu dứt trừ cội gốc

phiền não). Hoặc nói rằng thấy thân mình cạo bỏ râu tóc). Hoặc thấy ăn sữa cơm, uống nước cam lồ (Thấy ăn sữa cơm là thành tựu được phước lành của thế gian, uống nước cam lộ là được pháp vị xuất thế). Hoặc vượt qua sông, suối, biển lớn (được ra khỏi biển khổ). Hoặc leo ngồi trên tòa sư tử (được tòa Pháp Vương). Hoặc thấy cây Bồ-đề (Là thấy tướng đạo). Hoặc cỡi thuyền (Là nương thuyền bát nhã, là được tướng đến bờ giải thoát. Kinh Tô-Tất-Địa chép: Hoặc thấy cỡi sư tử, cỡi trâu trắng, nai trắng, ngỗng trắng, v.v... đều là tướng Tất-địa thành tựu) Hoặc thấy Sa-môn (Được lìa thế nhiễm mà ra khỏi ba cõi). Hoặc thấy cư sĩ mặc áo trắng, áo vàng che đầu (Vàng là tiêu biểu cho chánh, trắng là tiêu biểu cho tịnh, tức là lấy chánh pháp bạch tịnh mà che chở). Hoặc thấy mặt trời, mặt trăng (tiêu biểu cho phá phiền não vô minh ám). Hoặc thấy các đồng nam, đồng nữ (không bị phiền não tham dục làm ô nhiễm). Hoặc thấy trên cây có nhũ quả (Nhũ là trắng, trắng là nghiệp thiện, nghĩa là được thiện nghiệp quả báo thế gian, xuất thế gian). Hoặc thấy người hắc trượng phu trong miệng tuôn ra lửa hừng hẫy, đấu chiến với họ được thắng (Nghĩa là cộng chiến với phiền não ma mà được thắng). Hoặc thấy ác mã, trâu nước muốn đến húc người trì tụng thần chú. Người trì chú hoặc đánh, hoặc nạt nộ, sợ mà bỏ chạy (Nghĩa là đối với si ma phiền não, mà được thắng). Hoặc ăn sữa, cháo, cơm bơ (Là được thành tựu thượng vị phước thiện). Hoặc thấy Hoa Tô-Ma-Na (Hoa ở đây nói là hoa xứng ý, mầu vàng trắng mà rất thơm, cây cao ba, bốn thước rũ xuống che như tàng lọng. Nghĩa là tiêu biểu thiện pháp sở cầu quyết được xứng ý. Hoặc thấy có mùi thơm, bạch hoa hương tiêu biểu cho hương của năm phần pháp thân. Nghĩa là được năm phần thiện nghiệp). Hoặc thấy quốc vương (Nghĩa là được đại nhân hộ niệm được thắng nghiệp tôn quí).

Nếu không thấy những cảnh giới như vậy thì phải biết người đó đời trước đã gây ra năm tội vô gián, nên càng phải trì tụng mãn bảy mươi muôn biến, chín mươi muôn biến, trăm muôn biến, liền thấy những cảnh giới như trên, nên biết đó là tội đã diệt, liền thành hạnh tiên. Những cảnh giới mộng tốt như trên, đều là tướng chứng nghiệp thành tựu của hành giả.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 170

MẬT CHÚ VIÊN NHÂN VÃNG SINH TẬP

SỐ 1956

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1956

LỜI TỰA MẬT CHÚ VIÊN NHÂN VÃNG SINH TẬP

Trộm nghĩ Tổng trì không có văn, vượt Trùng Huyền ở Hóa biểu, Bí thuyên mà có tượng, bày đại dụng ở trong vực, ấy là vì Phật chứng ly ngôn, mở rộng chiếu viên cảnh (gương sáng) vô tư mà dạy truyện Mật ngữ. Trình công thần ắt linh hiệu, một chữ bao la, gồm lý mầu ngàn môn, nhiều lời sâu kín gồm chỉ quy năm bộ, các Đức vương về chúng sinh kính ngưỡng. Trì thì thông tâm ở niệm, tụng thì diệt lụy đời này, cao quý thay! Thoát dòng huyễn ba cõi, cứu đường hiểm bảy lớp đưa Liên xã lên Tịnh phương, quét mây mù cho sa giới. Nắm ba kỳ ở khoảnh khắc, năm trí ắt bày, viên sáu độ ở sát-na, mười thân chóng đủ. Ấy công đức lớn tròn. Cao vòi vọi chẳng thể được mà nghĩ bàn, dùng bí này mà điển phương giáo khác thì núi Diệu cao làm bằng các cúi bày, linh diệu mà chiếu khắp. Tông thọ tội lụy xưa đánh chuông bị trói lâu trong bệnh tật, thuốc thang rảnh rang giác hùng là chỗ nương. Lại cầu khấn đấng chân từ mà sám hối lỗi xưa. Làm muôn điều thiện mà rửa sạch khâm linh. Cẩn thận sao lục Thần nghiệm Bí chú, các kinh soạn thành một tập, đề tên là Mật Chú Viên Nhân Vãng Sinh, nhưng muốn sự rộng truyền thông, lợi gồm u hiển. Nên khiến các Cao tăng Tây Vức, các Chân Lữ Đông Hạ khảo sát kỹ ba lần hai sách Hoa Phạm, khác bản in ra, lưu thông làm phép tắc bất hủ.

Đại hạ, năm Canh Dần niên hiệu Thiên Khánh năm thứ bảy, tiết đầu thu (tháng 7) ngày rằm.

Trung Thư Tướng Hạ, Tông Thọ Kính ghi Lời tựa.

MẬT CHÚ VIÊN NHÂN VÃNG SINH TẬP

- Cam Tuyền, núi Sư Tử, chùa Dụ Sinh,
Thừa Chỉ Sa-môn Trí Quảng biên tập.
- Bắc Ngũ Đài Sơn, chùa Đại Thanh Lương,
Đề Điểm Sa-môn Tuệ Chân biên tập.
- Nam Sơn. Thiền sư Sùng Pháp,
Sa-môn Kim Cương Tràng dịch định.

Quy mạng Đại Trí Hải Tỳ-lô-giá-na Phật.

NGHI THỨC TRÌ TỤNG THẦN CHÚ

Muốn tụng trì thần chú thì Đà-la-ni, trước phải quy y Tam bảo, phát tâm Đại Bồ-đề, rồi mới y pháp trì niệm chân ngôn. Nay y năm chữ pháp Đà-la-ni, niệm tụng thần chú, có bốn thứ:

Một là, Tam-ma-địa niệm. Nghĩa là quán Minh chú được niệm từ miệng Thế tôn phát ra ánh sáng mà vào miệng mình xoay vòng sang bên phải rồi bày ở trong tâm Nguyệt luân (vầng trăng tâm) như châu thanh thủy bày trên gương sáng, tâm y theo niệm này.

Hai là, ý niệm, nghĩa là nương tâm trăng trước mà quán các chữ chú, trong miệng phát ra tiếng chẳng cao thấp, chẳng nhanh chậm, như thế mà niệm. Chỗ phát ra tiếng thế như chuông (giọng chuông).

Ba là, Kim Cương niệm, nghĩa là y vào quán chữ trước mà ngậm môi răng, khiến lưỡi động nhẹ mà niệm.

Bốn là, Hàng ma niệm, tức là trong dùng bi tâm làm gốc, ngoài hiện dáng giận dữ, oai vệ trợn mắt mà hét nạt.

Bốn thứ như thế tuy có khác nhau mà chẳng lìa một niệm là không hai.

Lại có hai thứ:

Một là vô số trì niệm, nghĩa là chẳng lần chuỗi, chẳng định thời gian, đi đứng ngồi nằm thường trì niệm.

Hai là số trì niệm, nghĩa là tay lần chuỗi đếm số, có thời gian hạn định, hoặc trăm hoặc ngàn tùy chỗ phải niệm.

Nếu người trì niệm thần chú Bí mật thì phải y kinh Thần Y mà thọ trì. Nhưng phải tìm người biết tiếng Phạm, chỉ rõ chữ câu chẳng sai lầm. Mỗi việc rõ ràng rồi chuyên chí trì niệm. Ở bốn cách niệm trước chọn

bất cứ một thứ y pháp nào niệm tụng không đứt quãng, thì thắng quả mong cầu sẽ được thành tựu.

1. Chú Kim Cang Đại Luân Minh Vương:

Nại ma si đắc linh dã Cát nẩm tát lãnh mạt Đát đạt át đát nẩm. Án (úm) mịch la Tinh mịch la tinh ma ha Sao ngật la (ra) Mạt tắc linh Mạt tắc la Tát đát tát đát Tát la đế Tát la đế đắc la. Anh Ma nhĩ đá Tây nại a ngật linh Đắc lãm Dưỡng Tây đắc la Anh mịt nại ma nhĩ Tam mạt sao nhĩ Đắc la minh Dưỡng tá (sa) ha.

2. Pháp niệm tụng của A-súc Như Lai:

Nhờ tụng chân ngôn này
Như lại vào luận đàn
Thật niệm phá Tam-muội
Bồ-tát và Thanh văn
Miệng thân hai luật nghi
Bốn trọng, năm Vô gián
Các tội chướng nặng ấy
Thảy đều được thanh tịnh.

Lại Cam lộ Quân-trà-lợi Bồ-tát Niệm Tụng Nghi chép: Kế là kết Ấn Kim cương Luân Bồ-tát, tụng Mật ngôn mà vào Mạn-trà-la, thì được ba đời không chướng ngại, ba thứ lợi ích của Bồ-tát. Do vào Mạn-trà-la, nên thân tâm đủ mười vi trần sát thế giới, vi trần sô Tam-ma-da. Không làm giới cấm, hoặc do co duỗi, cúi ngước, phát ra tiếng nhã khí khởi tâm động niệm, bỏ quên tâm Bồ-đề, lui mất gốc lành, thì dùng ấn này khế hợp Mật ngôn phương tiện cao siêu. Tụng trì tác ý thì trừ được các tội lỗi trái phạm. Tam-ma-da như cũ, lại càng sáng rực, vì làm tịnh thân, miệng, ý, nên thành vào tất cả Mạn-trà-la, được quán đảnh Tam-ma-da.

(Tướng của ấn này là hai tay tréo nhau, thẳng hai ngón trỏ vào nhau, dùng hai ngón giữa đè trên lưng ngón trỏ ở mắt đầu, các đầu đều chống vào nhau, hai ngói cái duỗi thẳng. Khi kết ấn này tâm niệm mật ngữ, nếu chưa vào đàn thì chẳng cho làm pháp. Vì chân ngôn này tức làm pháp vào đàn, chẳng thành trộm pháp)

3. Chú tịnh pháp giới: Án lam:

Du-già Liên Hoa Bộ Niệm Tụng Pháp chép: Nếu gặp chỗ nhơ uế phải quán trên đầu, có pháp giới sinh ra chữ, phát ra ánh sáng mầu đỏ, đó là chữ Lam. Đối với thức đều từ chữ này, liền chẳng thành tựu chạm uế. Ở tất cả hương hoa cúng dường đều gia chữ này phát ra ánh sáng trắng thì không chạm uế. Vật cúng dường đều ở khắp pháp giới.

4. Kinh Hộ thần của Văn-thù: An xỉ lam:

Kinh Văn Thù Căn Bản Nhất Tự Đà-la-ni chép: Nếu tụng chú này có thể tiêu trừ tất cả tại chướng, tất cả ác mộng, tất cả oán thù, có công năng thể diệt hết tất cả năm tội nghịch, mười điều ác, đều trừ hết tất cả chú pháp tà ác. Cũng có thể làm nên tất cả việc lành. Các thứ trong chú là tâm chư Phật, có thể khiến cho tất cả ước nguyện đều được đầy đủ. Nếu phát đại tâm mà tụng một biến, thì sẽ giữ gìn (bảo vệ) được thân mình.

Nếu tụng hai biến thì giữ gìn (bảo vệ) được đồng bạn.

Nếu tụng ba biến thì giữ gìn (bảo vệ) được người trong một nhà.

Nếu tụng bốn biến thì giữ gìn (bảo vệ) được người trong một ngôi thành.

Nếu tụng năm biến thì giữ gìn (bảo vệ) được người trong một nước.

Nếu tụng sáu biến thì giữ gìn (bảo vệ) được người trong một thiên hạ.

Nếu tụng bảy biến thì giữ gìn (bảo vệ) được người trong bốn thiên hạ.

5. Chú Nhất Tự Luân Vương: Án bộ lâm

Kinh Mạt Pháp Trung Nhất Tự Tâm Chú chép:

Phật bảo các Phật tử:

Các vị hãy lắng nghe
Nay ta nói chú này
Đầy đủ các công đức
Ở đời ác vị lai
Khi pháp ta sắp diệt
Thì lúc đó hãy quên
Bảo vệ Mạt pháp ta
Hay trừ ác thế gian
Các quỉ thần độc hại
Và người, ma, các trời
Tất cả các chú pháp
Nếu nghe tên chú này
Thảy đều tự dẹp bỏ
Sau khi ta diệt độ,
Phân chia xá-lợi xong,
Phải giấu các tướng tốt
Biến thân làm chú này.

Phật có hai thứ thân
Chân thân và hóa thân
Nếu hay cúng dường đó
Thì phước đức chẳng khác
Chú này cũng như thế
Tất cả các trời, người
Sinh ra tâm ít có
Thọ trì và cúng dường
Các công đức nhận được
Như thân ta không khác
Chú này vua công đức
Nay ta chỉ nói lược.

6. Chú ba chữ tổng trì: Án Á Hồng

Kinh Du-già Đại Giáo Chủ chép: Chữ Án là Như Lai Đại Biến Chiếu. Chữ Á là Như Lai Vô Lượng Thọ. Chữ Hồng là Như Lai A-súc. Thành Phật Nghi Quĩ chép:

Nhờ tụng chữ Án này,
Và oai lực gia trì
Dẫu quán tưởng chẳng thành
Trong Hải Hội Chư Phật
Các cúng dường Vân Hải
Chân ngôn đủ thành tựu
Do thành đế Chư Phật
Nên Pháp Nhĩ được thành
Do vừa tụng chữ Á
Dẹp hết các tội chướng
Được các duyệt ý lạc
Đồng với tất cả Phật
Vượt hơn các chúng ma
Chẳng thể làm chướng ngại
Đáng nhận các thế gian
Các cúng dường rộng lớn
Do chữ hồng gia trì
Cọp sói các độc trùng
Người tâm ác, phi nhân
Đều không thể làm hại
Như Lai mới thành Phật
Ở dưới cây Bồ-đề.

Dùng mật ấn ngôn này
Dẹp bỏ các chúng ma.

7. Chú Thất-Cu-Chi Phật Mậu Tâm Đại Chuẩn-đề: Nại ma tát bất đát nẩm Tát diệt lam mạc nại Quang để nẩm Đát niết đạt Án tạt linh túc Linh tôn ninh Sa ha.

Kinh Chuẩn Đề Đà-la-ni chép: Phật nói chú này diệt trừ tất cả tội chướng mười điều ác, năm tội nghịch, thành tựu tất cả công đức Bạch Pháp. Người trì chú này bất luận tại gia hay xuất gia uống rượu ăn thịt có vợ con, v.v... chẳng cần tịnh uế, chỉ y theo pháp ta thì đều thành tựu. Dốc lòng trì tụng thì sẽ khiến cho các chúng sinh yểu mạng được sống lâu và diệt trừ vô lượng bệnh khổ. Bệnh Ca-ma-la còn lành được, huống chi các bệnh khác mà chẳng lành, thì không có việc đó. Nếu tụng chú này một trăm lẻ tám biến. Như thế không dứt suốt bốn mươi chín ngày, mỗi khi có tai biến thiện ác cát tường nào, thì Bồ-tát Chuẩn-đề khiến hai vị Thánh luôn theo người ấy. Nếu có nghĩ tâm thiện ác nào thì sẽ báo đủ bên tai. Lại tụng chú này khiến cho Quốc vương, Đại thần, Trưởng giả, Bà-la-môn, v.v... sinh tâm yêu kính, khi gặp thì rất vui mừng, tùy theo ước nguyện đều được thành tựu. Nếu có người không phước, không tướng, cầu quan chẳng dời, bị nghèo khổ ép bức thường tụng chú này thì khiến cho hiện đời được phước Luân vương, có cầu quan vị sẽ được toại ý. Nếu thường trì tụng chú này thì nước chẳng thể nhận chìm lửa chẳng thể đốt cháy, thuốc độc, đao binh, kẻ thù bệnh khổ đều chẳng hại được. Lại nếu y pháp tụng đủ một trăm vạn biến, thì được sinh về Tịnh độ mười phương, thờ phụng Chư Phật, được nghe Pháp mầu mau chứng Bồ-đề.

8. Đại Phật Đảnh Bạch Tán Cái Tâm Chú:

Nại ma Sí đản đạt Tu ác đát Dã a la ha Đính tát diệt Tam mạt nại tiết đát đạt. Án A nại linh mịch chiết ninh Mịch la (ra) mạt tất la (ra). Cấm linh mạt nại mạt Cấm nhĩ mạt tấc la Bát-nễ Hồng năng long Sa la.

Kinh Vạn Hạnh Thủ-lăng-nghiêm chép: Phật bảo A-nan: Phật Đảnh chương cú ấy sinh ra tất cả Chư Phật mười phương. Như Lai mười phương nhờ tâm chú này mà được thành Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác. Như Lai mười phương dùng tâm chú này hàng phục các ma, chế trừ các ngoại đạo. Như Lai mười phương nương tâm chú này mà ngồi hoa sen báu ở vi cõi trần, xoay bánh xe đại pháp, xoa đầu Tỳ-kheo, cứu độ các khổ, đó là địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh, mà điếc câm ngọng, năm khổ các nạn đồng thời giải thoát, các nạn giặc cướp binh đao, vua

chúa ngục tù, đói khát nghèo khổ trong một niệm liền tiêu tan. Nếu ta nói công đức chú ấy từ sáng đến chiều, tiếng tiếng liền nhau, ở khoảng giữa câu chữ cũng chẳng trùng lấp trải hằng sa kiếp cũng chẳng thể hết. Nếu các chúng sinh dùng giấy trắng lụa bạch điệp viết chép chú này để trong túi thơm. Người này tâm tối chưa thể tụng nhớ hoặc đẹp chú trong mình, hoặc để trong nhà, thì phải biết người ấy trọn đời không bị tất cả độc làm hại. Này A-nan, nếu sau khi Phật diệt độ rồi mà chúng sinh đời mạt pháp tự mình tụng, hoặc dạy người khác tụng, thì nước chẳng thể nhận chìm, lửa chẳng thể đốt cháy. Khí độc lớn nhỏ vào miệng người này đều thành vị cam lồ. Tất cả sao ác, quỉ thần, người độc đều chẳng khởi ác. Phải biết chú ấy thường có tám muôn bốn ngàn na-do-tha hằng hà sa cu-chi Bồ-tát Kim Cương Tạng Vương, mỗi vị đều có các chúng Kim Cương làm quyến thuộc, ngày đêm theo hầu. Nếu có chúng sinh tâm bị tán loạn, chẳng phải Tam-ma-địa tâm nhớ miệng trì, thì Kim Cương Vương ấy thường theo các người thiện nam ấy, huống chi tâm Bồ-đề quyết định. Các Kim Cương Tạng Vương này ấm tinh tâm mau phát thần thức kia. Người ấy đúng lúc tâm hay ghi nhớ tám mươi bốn ngàn hằng hà sa kiếp hiểu biết cùng khắp, không có nghi hoặc, kiếp kiếp chẳng sinh làm người nghèo cùng hạ tiện ở chỗ chẳng vui. Các chúng sinh này dẫu tự thân chẳng làm nghiệp phước phước, các Đức. Như Lai mười phương có các công đức đều cho người này. Do đó mà được hằng sa hằng sa A-tăng-kỳ không thể nói không thể nói kiếp thường với sinh một chỗ Chư Phật, vô lượng công đức như chùm trái ác-xoa, đồng chỗ huân tu, không bao giờ phân tán. Thế nên khiến cho người phá giới giới căn thanh tịnh. Người chưa được giới thì khiến cho được giới, người chưa tinh tấn thì khiến cho tinh tấn, người không có trí tuệ thì khiến được trí tuệ, người chẳng thanh tịnh thì mau được thanh tịnh, người chẳng trì giới thì tự thành trai giới. Người Thiện nam ấy khi trì chú này nếu có phạm giới cấm khi chưa thọ. Sau khi trì chú thì các tội phá giới vô gián nặng nhẹ cùng lúc tiêu hết. Nếu có lỡ ăn thịt uống rượu, ăn năm thứ rau cay, các thứ bất tịnh thì tất cả Chư Phật, Bồ-tát, thần tiên, quỉ thần chẳng cho là tội. Nếu chẳng làm đàn chẳng vào đạo tràng, cũng chẳng hành đạo mà tụng trì chú này thì đồng với công đức vào đàn hành đạo. Nếu tạo tội nặng năm nghịch Vô gián và phạm bốn khí, tám khí của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni mà tụng chú này thì nghiệp nặng như thế cũng như gió mạnh thổi tan đống cát, thảy đều diệt trừ, không còn mảy may. Nếu có chúng sinh từ vô lượng kiếp đến nay có bao nhiêu tội chướng nặng nhẹ, từ đời trước đến nay chưa kịp sám hối, nếu tụng

đọc, viết chép chú này đeo giữ trên thân, để trong nhà cửa, vườn tược, thì các nghiệp dữ chứa góp kia sẽ tan nhanh như tuyết gặp nước sôi. Chẳng bao lâu đều được ngộ Vô Sinh nhẫn. Nếu có người nữ chưa sinh con, muốn cầu có thai thì dốc lòng nhớ nghĩ hoặc đeo chú trên thân thì liền sinh con trai con gái trí tuệ. Người cầu sống lâu liền được sống lâu. Chết rồi sẽ tùy nguyện mà vãng sinh về cõi Phật mười phương. Nếu các cõi nước bị các tai ương mất mùa ôn dịch đao binh giặc cướp mà viết thần chú này để trên bổn cửa thành, hoặc thờ trên tháp cao khiến người trong nước đón rước lễ bái, cung kính cúng dường thì tất cả tai ách đều tiêu hết, mưa thuận gió hòa, lúa thóc trúng mùa, an vui hiện ra, tai chướng chẳng khởi. Nếu sao dữ xuất hiện các thứ tai ách lạ mà đất có chú này thì đều tiêu hết, bao quanh mười hai do-tuần các tai ác chẳng thể vào. Cho nên Như Lai nói chú này, các ông và các người tu hành ở đời vị lai, đối với chú này tâm chẳng sinh nghi ngờ hối hận, người thiện nam ấy với thân của cha mẹ sinh không được tâm thông thì Chư Phật mười phương phạm tội nói dối.

9. Đại bảo lầu các căn bản chú:

Nại ma tát linh mạt đát đạt át đát nẩm Án mịch bố lạt át linh mang Ma nhĩ bất lả mạng đát đạt Át đát Nhĩ nại linh chiết nhĩ Ma nhĩ ma nhĩ Tu bất la linh Mịch ma linh tát Át la át mịch linh hồng hồng Toát lạt toát lạt mạt nại diệt oát lãng kê đính Ngộ hiệt nịch thật đề đát át linh mạng sa la.

Kinh Thiện Trụ Đà-la-ni chép: Nếu có chúng sinh nghe Đà-la-ni này mà thọ trì đọc tụng tu tập nhớ nghĩ cầu đại thành tựu cho đến nghe tên hoặc tay chạm, hoặc đeo trong mình, hoặc mắt nhìn thấy hay viết quyển kinh, hoặc viết trên lụa trắng, hoặc viết trên vách. Tất cả chúng sinh nếu ai thấy, thì năm tội nghịch, bốn tội trọng, chê bai chánh pháp, chê bai bậc Thánh, săn bắt làm nem chả, mù điếc câm ngọng lưng gù cùi hủi, nghèo hèn lưới ma, tà kiến sao dữ làm hại, các người như thế cho đến bốn loài chúng sinh nghe tên Đà-la-ni này thì quyết định chứng được Vô thượng Bồ-đề. Nếu trong sách trong ao (viết trong áo) hoặc để trên cột cờ và bia bản cho đến nghe tiếng chạm tay, bóng của thân chuyển động chạm vào người khác thì quyết định chẳng lui sụt Vô Thượng Bồ-đề. Hay ở hiện đời được các công đức, xa lìa các tội, ở các thế gian đều được yêu kính, ở tất cả chỗ đều được cúng dường, tất cả Quốc vương, Vương tử, Tể quan, hậu cung cùng các quyến thuộc đều được vui vẻ lìa các nghèo hèn, chẳng bị đời khổ, các nạn thuốc độc, dao gậy, nước lửa, các thú dữ, v.v... đều chẳng thể làm hại, lìa các sợ sệt,

không bị tất cả bệnh. Khi chết tâm không tán động. Tất cả Chư Phật hiện (ra) an ủi, ngủ yên thức yên, cho đến trong mộng thấy trăm ngàn cõi Phật và thấy Chư Phật, Bồ-tát vây quanh, tất cả các ma chẳng thể làm chướng ngại, tất cả kẻ oán thú chẳng được dịp làm hại, thêm lớn gốc lành, được vô lượng phước, huống chi là trì tụng lâu dài thì phước chẳng thể tính lường. Lại chẳng chờ ngày giờ, chẳng hạn trai giới, thường vào buổi sáng tụng một trăm lẻ tám biến thì mạng căn đều được thành tựu. Đại Bảo Lầu Các Tâm chú: Án ma nhĩ mạt tắc linh hồng.

Nếu tâm chú này tụng mười muôn biến, thì liền thấy tất cả Như Lai. Tụng hai mươi muôn biến thì được thấy tất cả cõi Phật. Nếu tụng ba mươi muôn biến thì được thành tựu tất cả Mạn-trà-la. Tất cả pháp chân ngôn đều được thành tựu. Cho đến nếu tụng một trăm muôn biến thì được tất cả Như Lai Quán Đảnh Phật Địa, cùng tất cả Như Lai đồng hội hợp. Nếu gây ra năm tội nghịch, hoặc chê bai bậc Thánh, chê bai chánh pháp, phải vào địa ngục A-tỳ, mà tụng chú này một ngàn biến thì tội nghiệp đã tạo thảy đều tiêu hết, được vị bất thối, ngộ túc mạng trí, được sáu căn thanh tịnh, gồm được các thứ sự nghiệp thế gian tùy ý thành tựu.

- Đại Bảo Lầu Các Tùy Tâm Chú: Án ma nhĩ nại lý (xị) Hồng Phát.

Nếu tụng tùy tâm chú này đủ một muôn biến, thì chỗ có thần quỉ làm chướng ngại thảy đều xoa chân lễ bái bạch rằng: Xin trì minh giả (xin người trì minh) cứu hộ con! Chớ giết chết con! Khiến con được quyết định biết rõ đều thành tựu. Cho đến tụng mười muôn biến thì được thấy tất cả Như Lai. Các Như Lai ấy đều bảo: Này người thiện nam, ông muốn đến các cõi Phật đều được tùy ý, không có chướng ngại, và được các pháp thế gian, xuất thế gian, tâm mong cầu gì đều được thành tựu.

- Công Đức Sơn Đà-la-ni Chú:

Nại ma, Mạc nại dã Nại na nại Linh ma dã Nại ma san át dã Tây ninh Hô lỗ lỗ (rô rô) Tây nại lỗ Cát lặc bát Cát lặc bát Tây nại linh Bố lỗ linh Sa ha.

Kinh Đại Tập chép: Nếu người tụng chú này một biến thì như lễ kinh Phật Danh bốn mươi lăm ngàn bốn trăm (45.400) lạy, lại như tụng Đại Tạng Kinh sáu mươi lăm ngàn bốn trăm (65.400) biến. Tạo tội quá mười cõi nước, vào Đại địa ngục A-tỳ, chịu các tội khổ, hết kiếp lại sinh. Niệm chú này một biến tội ấy đều được tiêu diệt mà không vào địa ngục. Khi chết rồi thì quyết định vãng sinh thế giới Tây phương,

được thượng phẩm thượng sinh, thấy Phật A-di-đà.

- Chú Bất Động Như Lai Tịnh Trừ Nghiệp Chướng:

Nại ma la nại đắc la dã Án cát cát nhĩ cát cát nễ, sao tạt nễ, sao tạt nễ Đát nhĩ đắc Đát nễ đắc la Tát nhĩ đắc la Tát nhĩ đắc la Đế la nại bất la Đế la nại bất la Tát linh mạt Cát linh ma bát la bát la Nhĩ minh Sa ha.

Kinh Bạt Tế Khổ Nạn Đà-la-ni chép: Nếu có người thiện nam người thiện nữ nào chí thành lễ kính Bất Động Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, thọ trì chú này. Từ trước đã gây ra năm nghiệp Vô gián, bốn tội trọng, mười điều ác chê bai Thánh hiền, chê bai chánh pháp, các tội ấy đều tiêu hết. Khi qua đời thì Phật Bất Động cùng các Bồ-tát đều hiện ra khen ngợi, an ủi khiến họ vui mừng. Lại bảo rằng: Ta đến rước ngươi, hãy theo ta về cõi Phật. Người ấy khi chết rồi thì chắc chắn vãng sinh về cõi Phật thanh tịnh của Bất Động Như Lai.

- Chú Thích-ca Mâu-ni Diệt Ác Thú Vương Căn Bản:

Án nại ma Mạt át cán Đính Tát linh mạt Ninh linh át Đế bát lý thương nại nhĩ nhĩ la sao dã Đát đạt Át đát dã A la ha đính Tát điệt Tam mạc nại Dã đát niết đạt Án thương nại nhĩ Thương nại nhĩ Tát linh mạt bát lang Mịt thương nại nhĩ Thục ninh mịch thục ninh Tát linh mạt Cát linh ma a cán la nại Mịch thục minh cô lỗ Sa ha.

Kinh Bạt Tế Khổ Nạn Đà-la-ni chép: Nếu có người thiện nam người thiện nữ nào chí thành lễ kính Như Lai Diệt Ác Thú Vương mà thọ trì chú này thì mười bốn ngàn (14.000) kiếp thường nhớ túc mạng, sinh ở chỗ nào đều được thân trượng phu đầy đủ các căn, tin sâu nhân quả, khéo biết kỹ thuật, hiểu rõ các luận, ưa bố thí chán bỏ các dục, chẳng gây ra nghiệp ác, lìa các nguy ách sợ hãi, có tuệ chánh niệm, mọi người đều yêu trọng, thường gần các bạn lành, thường nghe chánh pháp, tâm cầu Bồ-đề không hề tạm bỏ, dùng các công đức mà tự trang nghiêm, đủ luật nghi thiện, sợ các nghiệp ác, thường không thiếu thốn, điều nhu lạc tịnh. Ở trong trời người thường được vui sướng, mau chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ-đề, chẳng hề lui sụt đối với mười Đáo bỉ ngạn, thường nguyện lợi lạc tất cả hữu tình, các chỗ tu hành không phải tự lợi. Sinh ở chỗ nào thường được thấy Phật, giữ gìn chánh pháp dự vào bậc Thánh hiền.

- Chú Phật Đảnh Vô Cấu Tịnh Quang:

Mạt đát đạt Át đát ngật linh Nại dã át linh mạng Toát lại nại linh ma Nại đổ Ái linh mạng Sam ha la A dư san thương Nại dã bát Bang tát linh mạt Đát đạt Át đát tát mãn đa thật nhĩ Chiết mịch ma lạt Mịch

thục ninh Sa la.

Kinh Phật Đảnh Phóng Quang Nhất Thiết Như Lai Tâm Đà-la-ni chép: Đà-la-ni này là do chín mươi chín trăm ngàn cu-chi na-do-tha khắc-già-sa (Hằng hà sa) Như Lai đồng nói. Nếu có chúng sinh thấy nghe tùy hỷ, thì dù có tất cả tội nghiệp ba đời, phải đọa địa ngục, đường ác cho đến bàng sinh thì đều tiêu trừ hết. Nếu viết chú này để thờ trong tháp thì như chín mươi chín trăm ngàn cu-chi na-do-tha Khắc-già-sa, v.v... Như Lai, toàn thân xá-lợi mỗi Đức Như Lai để trong tháp đó không khác. Nếu có tháp này mà sinh tâm cung kính thì có bao nhiêu nghiệp chết yểu ở quá khứ đều được tiêu tan, lại thêm sống lâu, được các trời che chở. Người này khi chết bỏ thân này rồi liền được vãng sinh về thế giới An Lạc. Nếu tụng một biến thì đồng ở chỗ, Khắc-già-sa Như Lai mà gieo trồng gốc lành, được phước báo lớn, năm nghiệp Vô gián đều tiêu tan hết. Cho đến địa ngục, Bàng sinh cõi Diêm-ma-la, tất cả tội chướng đều được giải thoát, lại được sống lâu. Chết rồi liền sinh về thế giới An Lạc. Cho đến nếu có người chuyên chú tụng niệm thì bệnh ghẻ lâu ngày đều được lành, ý cầu đều được. Nếu có người nghe tiếng tụng niệm, có các tội chướng đều được giải thoát. Tiếng tụng niệm ấy chạm vào bàng sinh và các mối mọt sâu kiến tất cả nghiệp đạo đều được giải thoát. Nếu ở gò mả đào lấy hài cột, đọc chú vào cát hai mươi mốt biến mà rải vào xương, nếu thần thức người ấy đọa vào địa ngục thì đều được giải thoát mà sinh lên cõi trời Thiện Thệ. Nếu tụng trăm ngàn biến, khi chết bị vua Diêm-ma khiến cột dây vào cổ lôi vào cõi Diệm-ma-la, thì trong cõi ấy tất cả địa ngục đều bị phá tan mà lại sợ hãi, liền khiến trở về mà được giải thoát. Nghĩa là người tu là Sứ giả của Pháp Vương, trụ đạo Tĩnh lự không có nghi ngờ, muốn sinh về thế giới An Lạc thì tùy nguyện vãng sinh.

- Chú Phật Đảnh Tôn Thắng: Tôn Thắng Tổng Trì chú Tôn Thắng Tâm của kinh này: Án một long Sa ha.

Kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni chép: Chú này phá tan tất cả khổ địa ngục, cõi vua Diêm-ma (ngạ quỉ) và Bàng sinh mà trở về đường lành. Chú này có thần lực rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn. Nếu có người nghe qua tai, thì các nghiệp ác tạo ra từ đời trước đều tiêu diệt, sẽ được thân thanh tịnh tốt đẹp, tùy chỗ sinh về cõi Phật, sinh về chỗ các vị trời đều nhớ nghĩ chẳng quên. Nếu người trong phút chốc nhớ niệm chú này thì được tăng thêm tuổi thọ. Thân miệng ý thanh tịnh, cũng không có đau khổ, tùy theo phước lợi được an ổn, cũng khiến thấy được tất cả Như Lai. Tất cả thiên thần thường theo hộ vệ, được người yêu kính, ác

chướng tiêu trừ, tất cả Bồ-tát đồng che chở. Các Tịnh độ Phật và các cung trời, tất cả hạnh nguyện Bồ-tát sâu xa tùy ý đến được đều không chướng ngại. Bỏ thân này rồi liền được vãng sinh về các cõi Phật, có các thứ mầu nhiệm.

- Lục Tự Đại Minh Tâm Chú của Quán Tự Tại Bồ-tát: Án Ma nhĩ bát nẳng minh hồng.

Kinh Trang Nghiêm Bảo Vương chép: Sáu chữ Đại minh này là Bổn tâm mầu nhiệm của Bồ-tát Quán Tự Tại. Nếu người trì tụng chú này. Khi trì tụng có chín mươi Khắc-già hà số Như Lai, vi trần Bồ-tát nhóm họp. Trời rồng, Dược-xoa, Thần Hư Không, v.v... cùng đến hộ vệ. Chủng tộc bảy đời đều được giải thoát, các sán lãi trong bụng đều được vị Bồ-tát Bất Thối. Lại nếu y pháp niệm tụng thì người ấy được biện tài vô tận, thanh tịnh trí tụ và đại từ bi, hằng ngày được sáu Ba-la-mật viên mãn công đức. Trong miệng người ấy phát ra hơi thở chạm vào thân ai thì người ấy khởi tâm từ bi, lìa các sân độc, sẽ được Bồ-tát Bất Thối, mau chứng A-nậu Bồ-đề. Nếu đội chú này mà trì thì đồng với thân Kim cương của Như Lai, tay chạm vào thân ai thì người ấy hữu tình được thấy đều mau được vị Bồ-tát, mà chẳng bao giờ còn chịu sinh già bệnh chết và khổ ái biệt ly. Lại như nam nữ đầy khắp bốn đại châu, tất cả đều được địa vị Bồ-tát Thất Địa. Bồ-tát ấy có bao nhiêu công đức thì công đức không khác với người tụng một biến chú này. Nếu ai viết chép sáu chữ Đại Minh Đà-la-ni này thì giống như công đức viết chép tám mươi bốn ngàn (84.000) pháp tạng không khác. Nếu ai dùng vàng ngọc cõi trời tạo tác hình tượng Như Lai nhiều như số cát bụi thì chẳng bằng công đức viết chép một chữ trong sáu chữ này. Nếu ai có được sáu chữ Đại Minh này thì các độc tham sân si chẳng đắm nhiễm. Nếu ai mang chú ấy trong mình thì người ấy cũng không đắm nhiễm bệnh tham sân si.

- Ngũ Tự Tâm Chú của Văn-thù Bồ-tát: A Ra (la) bát sao nại

Kinh Kim Cương Đảnh Ngũ Tự Chân Ngôn Thắng Tướng chép: Nếu ai vừa tụng một biến thì như đã tụng tám mươi bốn ngàn (84.000) mười hai tạng kinh Vi-đà. Nếu tụng hai biến thì Văn-thù, Phổ Hiền liền theo che chở, Hộ Pháp Thiện thần ở trước người ấy. Lại người thiện nam nhẫn nhục nào trì tụng chân ngôn này, vừa tụng một biến liền vào tất cả pháp bình đẳng của Như Lai, tất cả văn tự cũng đều bình đẳng, mau được thành tựu Ma-ha Bát-nhã. Lại nếu tụng một biến thì sẽ trừ hết tất cả khổ nạn cho người tụng. Nếu tụng hai biến thì trừ hết tội nặng sinh tử trong ức kiếp. Nếu tụng ba biến thì Tam-muội hiện tiền, nếu tụng bốn biến thì tổng trì chẳng quên, nếu tụng năm biến thì mau thành

Vô thượng Bồ-đề. Nếu ai nhất tâm riêng ở chỗ vắng (Viết chữ Phạm) năm chữ Luân Đàn, y pháp tụng niệm suốt một tháng, thì Bồ-tát Văn-thù liền hiện thân, hoặc ở trên hư không giảng nói pháp yếu. Lúc đó, người tụng được trí Túc mạng, biện tài vô ngại, thần túc tự tại, thắng nguyện thành tựu, phước trí đầy đủ, sẽ mau chứng pháp thân Như Lai. Chỉ cần tâm tin nhận trải mười sáu đời quyết thành Chánh giác.

- Cam Lồ Chú của Quán Tự Tại Bồ-tát:

Nại ma ra nại Đắc ra Dã dã Nại ma a Linh duệ Oát lãng kê Đính Thuyết Ra dã Ma đế tát đốt Dã ma ha tát đốt Dã ma ha Cát lỗ nhĩ cát Dã đát niết đạt Án ninh Nhĩ ninh nhĩ cát ninh nhĩ Cát ninh nhĩ Sa ha.

Kinh Quan Âm Đà-la-ni chép: Nếu ai tụng chú này, ở quá khứ và hiện tại có bao nhiêu tội về bốn tội trọng năm tội nghịch, nhất xiển-đề, chê bai kinh Phương Đẳng thì đều tiêu hết không còn. Thân tâm nhẹ nhàng, trí tuệ thông suốt, hoặc thân hoặc ngữ đều làm lợi lạc tất cả chúng sinh. Nếu có chúng sinh nào gây ra tất cả các tội về vô gián (địa ngục), nếu được gặp người trì chú này có ảnh tạm chiếu vào thân, bỗng được cùng nói hoặc nghe tiếng nói thì tội chướng người ấy đều tiêu hết. Lại nếu ai muốn lợi ích tất cả hữu tình, mỗi khi trời mưa, khởi tâm đại bi ngước mặt lên hư không tụng chân ngôn này hai mươi mốt biến, thì giọt mưa thấm vào tất cả hữu tình cũng diệt hết tất cả nghiệp ác tội nặng mà đều được lợi lạc.

- Chú của Phật Dược Sư Lưu Ly Quang

Nại ma mạt át cán đính Mạng chiết tinh ngộ lỗ mạng ninh Linh tuệ Bất ra Mạt ra Sao dã Đát đạt Át đát dã A ra ha đính Tát diệt tam mạc nại Dã đát niết đạt Án Linh chiết tinh mạng Chiết tinh ma ha Mạng đính tinh mạng chiết tinh ra Sao tát mẫu át đính Sa ha.

Kinh Dược Sư Thất Phật Công Đức chép: Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai chứng được Bồ-đề là nhờ năng lực bản nguyện quán các hữu tình gặp các bệnh khổ ốm gầy, sốt rét, khô khan, huỳnh nhiệt (bệnh gan), hoặc bị trúng ma mị giữa đường hoặc bị chết yểu, chết ngang, muốn cho các bệnh khổ ấy tiêu trừ, điều mong cầu được đầy đủ trong ánh sáng giảng nói Đà-la-ni này. Nếu thấy có người thiện nam tử thiện nữ nào bị bệnh khổ, thì phải một lòng vì người bệnh mà tắm gội, súc miệng sạch sẽ, hoặc thức ăn, hoặc thuộc, hoặc nước không vi trùng mà đọc chú một trăm lẻ tám biến rồi cho người ấy ăn, uống thì bệnh khổ đều sẽ tiêu trừ. Nếu có điều mong cầu, dốc lòng niệm tụng thì đều được như ý suốt năm không bệnh. Khi chết rồi thì sinh về thế giới ấy mà được không lui sụt cho đến Bồ-đề.

- Chú Căn Bản của Phật A-di-đà:

Nại ma Ra nại đắc ra Dã dã Nại ma a Linh duệ A di đát Mạt dã đát đạt Át đát Dã a ra ha Đính tát diệt tam mạc nại dã Đát niết đạt Án a mật lật Đính a mật lật Đa nạp mạt vĩnh A mật lật Đát tam mạt vĩnh A mật lật đát át linh mạng A mật lật Đát tây ninh A mật lật Đát đính tinh A mật lật Đát mịch hối lân đính A mật lật Đát mịch ngật lân Đát át Di nhĩ A mật lật Đát át Át nại Kê linh đế Cát linh A mật lật Đát nộn nổ mịch Si oát linh Tát linh mạt Linh đạt Tát Nại nhĩ Tát linh mạt Cát Linh ma Ngật linh Chiết Ngật chiết Dưỡng Cát linh Sa ha.

Đức Vô Lượng Thọ Như Lai Niệm Tụng Nghi chép: Đà-la-ni này vừa tụng một biến thì diệt hết tội mười điều ác, bốn tội trọng. Nếu Bí-sô, Bí-sô-ni phạm tội căn bản mà tụng bảy biến xong thì liền lại được giới phẩm thanh tịnh. Tụng đủ mười ngàn (10.000) biến thì chẳng quên tâm Bồ-đề Tam-ma-địa, tâm Bồ-đề hiển hiện trong thân, sáng sạch tròn đầy cũng như ánh trăng thanh tịnh. Khi qua đời liền thấy Đức Như Lai Vô Lượng Thọ cùng vô lượng cu-chi Bồ-tát chúng hội vây quanh. Đến đón người tụng, an ủi thân tâm, sinh về thế giới Cực Lạc, thượng phẩm thượng sinh, chứng vị Bồ-tát.

- Tâm Chú của A-di-đà Phật:

Án a mật lật Đát Đính tinh Hạt ra hồng.

Tụng đủ một trăm ngàn (100.000) biến thì được thấy A-di-đà Phật.

- Nhất Tự Chú của A-di-đà Phật: Hột rị

Đại Lạc Kim Cương Tam-muội Kinh Bát-nhã Lý Thú giải thích rằng: bốn chữ Hột Rị Vũ Cụ thành một chân ngôn. Hạ tự môn nghĩa là nhân tất cả pháp chẳng thật có. Tự môn ra (la) nghĩa là tất cả pháp lìa trần, trần là năm trần, cũng gọi là năng thủ sở thủ hai thứ chấp trước y tự môn là tự tại, chẳng thật có nghĩa hai điểm chữ ác gọi là Niết-bàn. Do giác ngộ các pháp vốn bất sinh, nên hai thứ chấp trước đều xa lìa, mà chứng được pháp giới thanh tịnh. Chữ Hột Rị cũng nói nghĩa hổ thẹn, nếu có hổ thẹn thì chẳng có tất cả bất thiện, đủ tất cả pháp lành vô lậu. Cho nên Liên Hoa Bộ cũng gọi là Pháp Bộ. Do chữ này gia trì nên ở thế giới Cực Lạc nước chim cây rừng đều giảng nói tiếng pháp, như trong kinh đã rộng nói. Nếu người trì một chữ chân ngôn này thì trừ được các tai họa bệnh tật. Chết rồi được sinh về cõi nước An lạc, được thượng phẩm thượng sinh. Người cũng tu quán tự tại tâm chân ngôn thì sẽ giúp người tu Du-già của các bộ khác.

- Vô Lượng Thọ Như Lai một trăm lẻ tám Dảnh Đà-la-ni :

Nại ma Mạt át oát đính A bát rị di đát Dư linh Yết nại Tu di di thật da Đát đính tá ra Sao Dã Đát đạt Át đát Dã A ra ha đính Tát diệt tam mạt nại dã Đát niết đạt Án Tát linh mạt Xan si cát ra Bát rị thục nại Nại linh ma đính Át at nại Tát mẫu át đính Sa mạt oát Mịch nhiệt ninh Ma ha Nại dã Bát ri oát linh Sa ha.

Kinh Quyết Định Quang Minh Vương Như Lai chép: Nếu có chúng sinh thấy và nghe danh hiệu Đà-la-ni này mà dốc lòng viết chép, thọ trì, đọc tụng, cúng dường, lễ bái, người sống yểu thì thêm tuổi thọ đủ một trăm tuổi. Nếu có người tự viết chép hoặc dạy người khác viết chép thì sau không đọa địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh trong cõi Diêm-la nghiệp đạo minh quan, không bao giờ thọ ác báo trong các đường ác. Nếu viết chép chú này thì giống như viết chép tám mươi bốn ngàn (84.000) pháp tạng, cũng như đồng tạo lập, sửa chữa tám mươi bốn ngàn (84.000) tháp báu. Nếu có năm nghiệp địa ngục vô gián thì nhờ năng lực công đức ấy nghiệp chướng kia đều được tiêu trừ. Khi chết rồi thì chín mươi chín cu-chi Phật hiện ra trước mặt đón rước người ấy, vãng sinh về cõi nước Phật ấy. Lại viết chép chú này ở đương lai chẳng bao giờ làm thân nữ, Bốn vị thiên vương ngầm hộ vệ. Nếu nghe chú này thì không bao giờ làm thân chim bay, bốn chân hay nhiều chân, mau thành Vô thượng Bồ-đề. Khi ấy, Đức Thế tôn nói Già-đà rằng:

Nếu vào trong tinh thất Đại bi
Tai vừa nghe Đà-la-ni này
Nếu như sáu độ chưa viên mãn
Người ấy mau chứng Thầy trời người.

- Chú Tâm Phá Địa Ngục của Như la Trí Cự:

Nại ma A thật đát Thạch để nẩm Tát diệt tam mạc nại quang để nẩm Án yết nại Oát mạt tây Nịch rị Nịch rị hồng.

Kinh Biệt Hành chép: Nếu tụng một biến chú này thì địa ngục Vô gián nát ra như bụi. Chúng sinh chịu khổ trong đó đều sinh về thế giới Cực Lạc. Nếu viết chữ Phạm chú này trên chuông trống chuông mõ mà đánh gõ lên (hoặc bản gỗ đánh gõ lên), mà các chúng sinh được nghe tiếng ấy, thì dù có tội mười điều ác, năm tội nghịch, v.v... cũng đều tiêu tan mà chẳng đọa vào đường ác.

- Đại Quán Đảnh Quang Chú của Tỳ-lô-giá-na Phật:

Án ma át muội lãng sao nại ma ha mẫu năng ra ma nhĩ bát năng ma toát lạt bất ra oát linh đát dã hồng.

Kinh Bất Không Quyên Tác chép: Nếu có ai đúng pháp thọ trì đọc tụng đủ một ngàn muôn biến thì được bảy mộng lành lớn, vào Đại hội

Mạn-noa-la, nếu ở quá khứ có tất cả mười tội ác, năm tội nghịch, bốn tội trọng thì đều tiêu hết. Nếu nghe chú này, hai, ba, bảy biển qua tai thì liền được dứt trừ hết tất cả tội chướng. Nếu các chúng sinh tạo đủ mười tội ác, năm tội nghịch, bốn tội trọng số như cát bụi, đầy khắp thế giới này, khi chết rồi đọa vào các đường ác, dùng chân ngôn này mà gia trì vào cát đất một trăm lẻ tám biến. Tán vong là đem rải trên hài cốt hoặc rải trên mộ, trên tháp thì người chết ấy nếu ở trong địa ngục, ngạ quỉ, tu-la, bàng sinh, v.v... dùng chân ngôn này làm năng lực gia trì, đúng lúc liền được ánh sáng đến thân thì trừ các tội báo, thân xả bỏ các khổ mà vãng sinh về cõi Cực lạc Tây phương, hoa sen hóa sinh, thẳng đến thành Phật, chẳng còn đọa lạc. Lại có chúng sinh nhiều năm nhiều tháng bệnh tật khổ sở muôn mối. Người bệnh ấy đời trước có nghiệp báo, dùng chân ngôn này ở trước người bệnh một, hai, ba ngày, mỗi ngày lớn tiếng tụng chân ngôn này một ngàn đến tám ngàn biến thì được trừ hết bệnh chướng nghiệp xưa. Nếu bị quỷ khuấy phá thần thức mê loạn, mất tiếng chẳng nói, mà gia trì chân ngôn này vào tay một trăm lẻ tám biến, dùng tay này xoa lên đầu mặt, xoa lên tim lên trán, gia trì một ngàn không trăm tám mươi (1.080) biến thì bệnh liền hết. Nếu bị các quỉ thần vọng lượng làm bệnh, mà gia trì vào chỉ năm mầu cột gút một trăm lẻ tám gút, rồi cột vào eo, vào cánh tay, vào cổ và gia trì vào áo thì sẽ hết bệnh.

- Bách Tự Chú của Kim Cương Tát-đỏa:

Án Mạt tắt ra Tát đốt Tát ma dã Ma ninh Bát lạt dã Mạt tắt ra Tát đốt Đắc vĩnh Na Bát đế Thật đạt Năng linh Năng minh mạt oát Tu đa thương minh mạt oát Tu ba thương minh mạt oát A Ra ngật Đa minh mạt oát Tát linh mạt Tây Minh bất ra dã sao Tát linh mạt Cát linh ma Tu sao minh tức đát Thật vị dưỡng Cô lô hồng Ha ha ha ha Hòa mạt át Hoàn tát linh mạt Đát đạt Át đát Mạt tắc ra Ma minh muộn sao Mạt tắc rị Mạt oát Ma ha Tát ma dã Tát đốt Á.

Chú này cầu nguyện bổ khuyết công đức vô lượng rải rác ở các kinh. Lại danh cú tùy tông hồi chuyển, người tụng nên biết.

- Chú Thập Nhị Nhân Duyên:

Án Anh nại linh ma Hình các Bất ra mạt oát Hình các đính thiện Đát đạt Át đa hiệt mạt nại đát Đính thiện sao Dưỡng nhĩ Lang nại Ánh hoán Oát nịch Ma ha Thật ra Ma nại anh Sa ha.

Câu chú này y theo kinh phiên dịch tức tụng rằng:

Các pháp từ duyên khởi
Như Lai nói là nhân

Pháp ấy nhân duyên trùm
Là Đại Sa-môn nói.

Nếu tạo tượng Phật để xá-lợi như hạt cải hoặc viết chép pháp tụng để trong đó thì như ta hiện thân chẳng khác, nếu tu các công đức thì tụng chú này để khánh thành.

- Chú của Ma-lợi-chi Thiên Mẫu:

Đát niết đạt Án Bả đính ngật thích mã tư Ba ra ngật thích mã tu Minh đính da mã tu Nhĩ ra mã tu Á lập cả mã tu Mã rị cả mã tu Minh ma mã tu Mạt nại mã tu Cổ lổ ma mã tu Tinh ba ra mã tu Mã họp chấp ba ra mã tu Ám nại nại nạp mã tư Tiễn yết.

- Chú cầu mưa: Vì thật lực của Phật nên các Đại Long vương mau đến cõi Diêm-phù-đề này, theo chỗ cầu mưa lớn liền trút xuống mà nói chú rằng:

Chỉ ra chỉ ra Chí rị chí rĩ Túc linh túc linh. Vì thật lực của Phật nên gọi các Long vương ở cõi Diêm-phù-đề cầu mưa, ở trong cõi nước mà mưa lốn trút xuống, bèn nói chú rằng:

Bát ra Bát ra Tỳ rị Tỳ rị Phất rị Phất rị Đát niết đạt phát Ra phát Ra Tứ rị Tứ rị Tô lỗ tô lỗ (tố rô tố rô) Á cả nẩm Chỉ phát chỉ phát Thạch tỳ Thạch tỳ thu phất thu phất.

- Chú dứt mưa: Án Tát linh mạt Ma mà họp ra ma đế Ngật linh đế Hồng.

Ai nguyện ủng hộ như thần chú này, hoặc tụng ba biến, bảy biến, hai mươi mốt biến.

- Chú dứt mưa đá: Án Tát linh Oát hại rị ma.

- Tâm chú: Án Mã họp đát lạt hạt dã Ma nhĩ ra sao nại.

Tát ma dã Tát linh oát Hồng phát đát.

Thần chú này hoặc tụng ba biến, bảy biến, hai mươi mốt biến.

- Sổ Châu Công Đức Pháp (công đức lần chuỗi).

Sổ châu là thuật lạ ghi vào tâm (khiến tâm nhớ) là kẻ sơ cơ chứa nhóm công đức. Người trì thì thành đức, người đeo thì diệt cấu, quả thế, xuất thế đều do đây. Cho nên nay y kinh lược bày tướng ấy.

Theo kinh Kim Cương Đảnh Du-già Niệm Châu chép:

Châu biểu thị thắng quả Bồ-đề
Ở khoảng giữa dứt là dứt lậu
Dây xỏ chuỗi biểu thị Quán Âm
Châu lớn biểu thị Vô Lượng Thọ
Cẩn thận chớ phạm tội vượt pháp
Đều do hạt chuỗi chứa công đức

Xa cừ niệm châu phước gấp bội
Hạt bằng Mộc hoạn phước gấp hai
Dùng sắt làm hạt phước gấp ba
Thục đồng làm hạt phước gấp bốn
Thủy tinh chân châu và các báu
Các hạt chuỗi này phước gấp trăm
Gấp ngàn công đức hạt Đế-thích
Hạt châu Kim Cương cu-chi phước
Niệm châu hạt sen ngàn cu-chi
Hạt châu Bồ-đề vô số phước
Phật bộ niệm tụng hạt Bồ-đề
Kim Cương Bộ Pháp: hạt kim cương
Bảo Bộ Niệm Tụng dùng các báu
Châu Liên Hoa Bộ dùng hạt sen,
Trong Yết-ma Bộ làm hạt chuỗi
Các châu xen kẽ xỏ vào nhau
Niệm châu phân biệt có bốn thứ
Thượng phẩm, tối thắng và trung, hạ
Ngàn không trăm tám mươi là thượng
Một trăm lẻ tám là tối thắng
Năm mươi bốn hạt ấy là trung
Hai mươi bảy hạt ấy là hạ
Hai tay giữ châu ở trên tim
Lắng lự lìa niệm tâm chuyên chú
Bổn tôn Du-già tâm một cảnh
Đều được thành tựu pháp lý sự
Nếu để trên đầu, mang trong mình
Hoặc đeo ở cổ, hoặc ở tay
Thay việc luận nói bằng niệm tụng
Dùng niệm tụng này tịnh ba nghiệp
Do để trên đầu tịnh Vô gián
Do đeo ở cổ tịnh bốn trọng
Đeo ở trên tay trừ các tội
Khiến cho người tu mau thanh tịnh
Nếu tu chân ngôn Đà-la-ni
Niệm danh hiệu các Như Lai, Bồ-tát
Sẽ được vô lượng thắng công đức
Thắng nguyện chỗ cầu đều thành tựu.